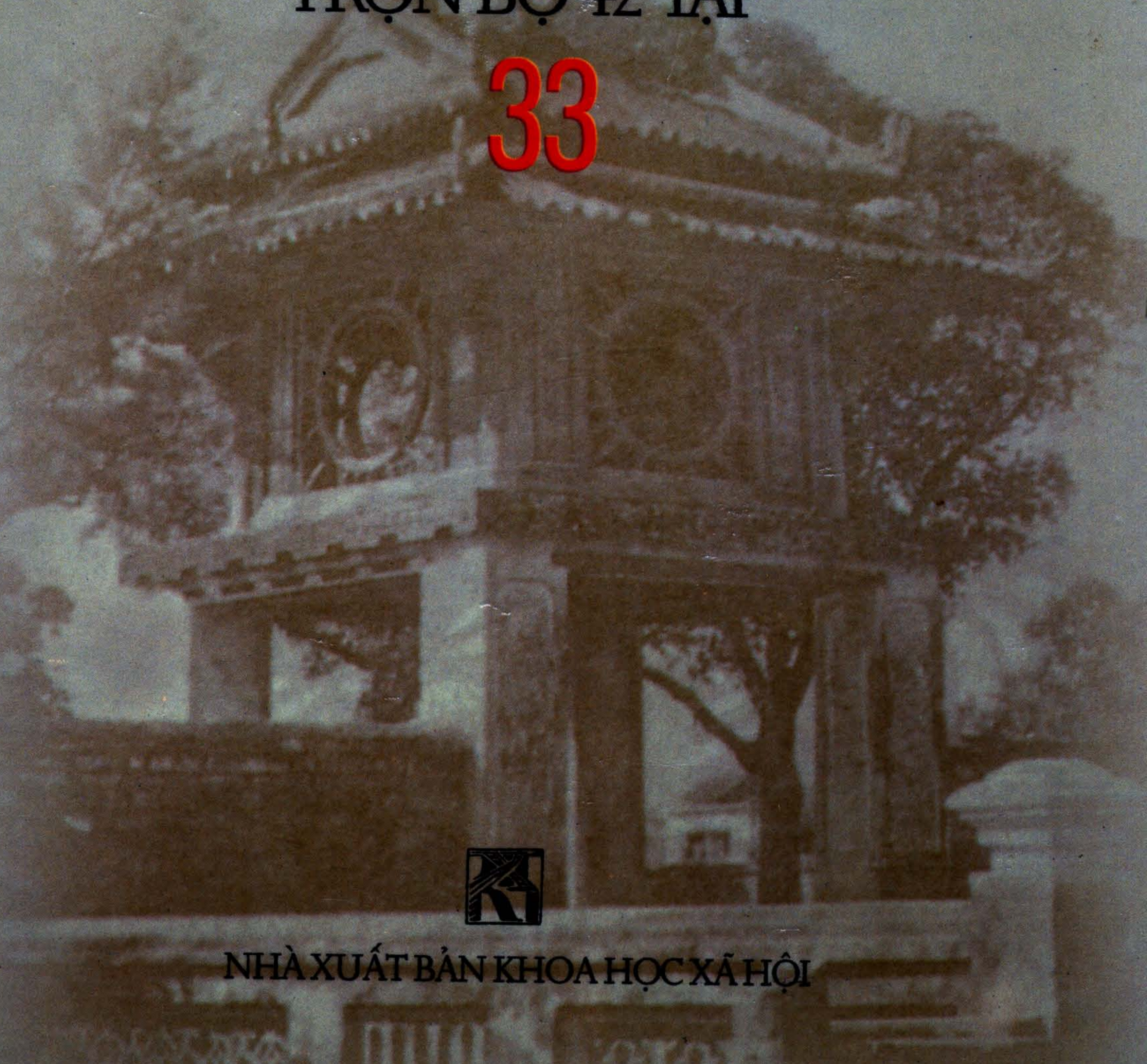
TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

33



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TẬP 33

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 33

Chủ biên: NGUYỄN ĐĂNG MẠNH
Sưu tầm, biên soạn:
NGUYỄN ĐĂNG MẠNH - HOÀNG DUNG
TRẦN HỮU TÁ

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

PHẦN THỨ NHẤT [+]

(+) Tập 33 lần in thứ nhất mang số tập là 30B. Thời điểm ấy do có những khó khăn về tài chính và giấy in nên đa phần các tác phẩm chọn tuyển trong tập chỉ là *trích* hoặc tóm tắt. Lần in thứ hai này, chúng tôi bổ sung để một số tác phẩm trọn vẹn, nguyên bản. Việc bổ sung do *Nguyễn Cừ* – thư ký Hội đồng chịu trách nhiệm.

NGUYÊN HỒNG
(1918 - 1982)

Nguyên Hồng tên thật là Nguyễn Nguyên Hồng, sinh ngày 5-11-1918 trong một gia đình tiểu tư sản theo đạo Thiên Chúa tại thành phố Nam Định. Khi Nguyên Hồng ra đời, gia đình sa sút nhanh chóng và rơi vào tầng lớp dân nghèo thành thị. Nguyên Hồng mồ côi cha năm 12 tuổi. Học hết bậc tiểu học, ông phải xoay xở tự kiếm sống. Năm 1935, ông cùng mẹ rời Nam Định đi Hải Phòng, sinh hoạt chật vật ở những xóm ngoại ô của thành phố (Ngõ Cấm, xóm chùa Đông Khê), giữa thợ thuyền, dân nghèo. Đây là quê hương thứ hai của nhà văn có ảnh hưởng sâu sắc tới tác phẩm của ông.

Nguyên Hồng là nhà văn thành công ngay từ những tác phẩm đầu tay, với *Bỉ vỏ* (1937), *Những ngày thơ ấu* (1938) và một số truyện ngắn đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* từ năm 1936, ông đã gây được tiếng vang và tự vạch được cho mình con đường đi riêng.

Tuổi thanh niên của Nguyên Hồng may mắn gặp được phong trào Mặt trận Dân chủ (1936 - 1939). Ông hăng hái tham gia phong trào, hoạt động trong Đoàn Thanh niên Dân chủ, viết bài cho các báo của Đoàn như *Thế giới, Người mới* (Hà Nội). *Mới, Đông phương* (Sài Gòn). Vốn ham học, thời kỳ này ông say mê đọc sách báo mácxít. Tư tưởng cách mạng đã ảnh hưởng rõ rệt tới một số truyện ký của ông ra đời khoảng 1938 - 1939 (*Trung thu – Tiểu thuyết thứ bảy*, 1938; *Người đàn bà Tàu, Những giọt sữa, Những mầm sống – Mới*, 1939, v.v....).

Tháng 9 - 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, thời kỳ Mặt trận Dân chủ chấm dứt, cách mạng bị khủng bố, đàn áp, Nguyên Hồng bị bắt, bị xử tù tại Hải Phòng. Năm 1940, ông bị đưa đi trại tập trung Bắc Mê (Hà Giang), cho đến cuối năm 1941. Năm 1942, ở trại giam về, ông bị quản thúc tại Nam Định và Hải Phòng. Thời gian này, ông vẫn liên lạc với tổ chức cách mạng. Từ 1943, ông hoạt động trong những nhóm Văn hóa cứu quốc ở Hải Phòng, Hà Nội. Những tác phẩm của ông ra đời từ 1942 đến 1945 như *Cuộc sống* (1942), *Hai dòng sữa* (1943), *Hơi thở tàn* (1943), *Ngọn lửa*, *Buổi chiều xám* (1945) tiếp tục thể hiện – một cách kín đáo hơn – nhiệt tình của ông hướng về lý tưởng cách mạng.

Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Nguyên Hồng hoạt động trong Hội Văn hóa cứu quốc, Hội Văn nghệ Việt Nam, Ban biên tập Tạp chí *Văn nghệ*, Ban phụ trách Trường Văn nghệ nhân dân. Ông gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1948. Thời kỳ này, ông sáng tác ít.

Hòa bình lập lại trên miền Bắc (1954), ông tham gia Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, thường phụ trách Trường bồi dưỡng nhà văn trẻ. Từ năm 1963 ông làm Chủ tịch Hội Văn nghệ Hải Phòng. Thời kỳ này, Nguyên Hồng sáng tác nhiều, cả văn xuôi và thơ (*Trời xanh, Sông núi quê hương*). Ông cũng chú ý viết những hồi ký văn học (*Sức của ngòi bút, Bước đường viết văn, Một tuổi thơ văn...*) để truyền những kinh nghiệm về nghề nghiệp cho các bạn viết văn trẻ. Ông vừa hoàn thành bộ tiểu thuyết lớn *Cửa biển* (1976) và đang viết dở bộ tiểu thuyết lịch sử *Núi rừng Yên Thế*. Ông mất ngày 2-5-1982 tại Yên Thế (Bắc Giang).

Nguyên Hồng là nhà văn có sức sáng tạo dồi dào. Ông có vốn sống phong phú, đặc biệt là về tầng lớp thợ thuyền, dân nghèo thành thị thuộc loại cùng khổ nhất ngày trước. Tác phẩm của ông bao giờ cũng thấm nhuần một tinh thần nhân đạo chủ nghĩa sôi nổi, mãnh liệt. Do tiếp thụ nhiều ảnh hưởng trực tiếp của phong trào vô sản, tác phẩm của Nguyên Hồng là cái gạch nối độc đáo giữa văn học hiện thực phê phán và văn học cách mạng Việt Nam thời kỳ 1930-1945.

Những tác phẩm tuyển sau đây đã được nhà văn xem lại lúc sinh thời và sửa chữa đôi chút (chủ yếu về văn).

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN CỦA NGUYÊN HỒNG

TRƯỚC CÁCH MẠNG

1. Tiểu thuyết:

– *Bỉ vỏ* (Đời nay, Hà Nội, 1938; Văn nghệ, Hà Nội, 1957; Văn học, Hà Nội, 1971).

– *Qua những màn tối* (Phổ thông bán nguyệt san, số 116-117, Hà Nội, 1942).

– *Đàn chim non* (đăng Tiểu thuyết thứ bảy, từ số 422 đến số 436, Hà Nội, 1943).

– *Hơi thở tàn* (Thời đại, Hà Nội, 1943; sáu chương đầu đã in dưới nhan đề *Ngoài kia*, Kiến thiết, Hà Nội, 1942).

– *Quán Nải* (Tân dân, Hà Nội, 1943).

2. Truyện ngắn, hồi ký, bút ký:

– *Bảy Hựu* (Tân dân, Hà Nội, 1940).

– *Những ngày thơ ấu* (Đời nay, Hà Nội, 1940; Văn nghệ, Hà Nội, 1957; Văn học, Hà Nội, 1963).

– *Cuộc sống* (Tân dân, Hà Nội, 1942).

– *Hai dòng sữa* (Hàn Mặc, Hà Nội, 1944).

– *Vực thẳm* (Quang Hoa, Hà Nội, 1944).

– *Miếng bánh* (Đời nay, Hà Nội, 1945).

– *Ngọn lửa* (Mới, Hà Nội, 1945; sau in vào tập *Giọt máu,* Văn nghệ, Hà Nội, 1957).

Trước Cách mạng Tháng Tám, Nguyên Hồng còn có nhiều truyện ngắn, bút ký, phóng sự ngắn chưa in thành sách, đăng trên các báo *Tiểu thuyết thứ bảy, Ngày nay, Tiên phong,* v.v... từ năm 1936 đến năm 1945.

SAU CÁCH MẠNG:

1. Tiểu thuyết:

– *Cửa biển* (gồm bốn tập: *Sóng gầm,* Văn học, Hà Nội, 1961; *Cơn bão đã đến,* Văn học, Hà Nội, 1967; *Thời kỳ đen tối,* Văn học, Hà Nội, 1973; *Khi đứa con ra đời,* Văn học, Hà Nội, 1976).

2. Truyện ngắn, hồi ký, bút ký:

– *Địa ngục và lò lửa* (Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam, Hà Nội, 1946; Văn nghệ, Hà Nội, 1957; Văn học, Hà Nội, 1961).

– *Đất nước yêu dấu* (Hội Văn nghệ Việt Nam, 1949; Văn nghệ, Hà Nội, 1955).

– *Đêm giải phóng* (Hội Văn nghệ Việt Nam, 1951; Văn nghệ, Hà Nội, 1955).

– *Giữ thóc* (Văn nghệ, Hà Nội, 1955).

– *Sức sống của ngòi bút* (Văn học, Hà Nội, 1964).

– *Bước đường viết văn* (Văn học, Hà Nội, 1971).

– *Một tuổi thơ văn* (Kim Đồng, Hà Nội, 1973).

– *Những nhân vật ấy đã sống với tôi* (Tác phẩm mới, Hà Nội, 1978).

3. Thơ:

– *Trời xanh* (Văn học, Hà Nội, 1960).

– *Sông núi quê hương* (Lao động, Hà Nội, 1973).

LINH HỒN
(Truyện ngắn)

Kính tặng người đàn bà khốn nạn yên lặng ngậm tủi trong chốn lao tù tối tăm.

Cái năm ấy đã qua lâu rồi. Một buổi chiều mùa đông, sắc trời vàng úa, non hai trăm tù lục đục kéo về dưới cổng đề lao. Cánh cửa sắt to quét hắc ín từ từ mở rộng. Như một đàn ngỗng bị lùa vào chuồng, tất cả tội nhân đi làm "cỏ vê" chen chúc nhau cười nói ồn ào, dù tốp lính khố xanh đi coi quát tháo, đánh mắng ầm ĩ.

Ở chốn lao lung, ngày lại ngày nối tiếp nhau dài đằng đẵng, ủ ê buồn tẻ, vậy vui được lúc nào là quên sự khổ não được lúc ấy. Huống chi gần hết một mùa đông rét mướt, buổi chiều hôm nay mới quang đãng, sáng sủa.

Nhưng chị Hai mươi hai âu sầu lắm. Vẻ rầu rĩ trên khuôn mặt nàng hiện rất rõ rệt trước người tù đàn bà được cử làm Cai để khám xét các tù đàn bà.

Chợt tiếng "cụ Su-vay-dăng" dõng dạc truyền:

– Này chị Cai, đến lượt con Hai mươi hai chị phải khám xét thật kỹ đấy nhé. Chị bắt nó giang hai cánh tay, chị nắn cả vành khăn lẫn gấu áo nó cho tôi.

Nói thế, nhưng "cụ" cũng chẳng để cho chị Cai khám, mà "cụ" thân khám lấy, tuy "cụ" biết chắc chắn ngoài bộ quần áo và cái nón lá rách mướp, Hai mươi hai chẳng dám mang một cái gì khác vào trong tù.

Như trăm nghìn lần khác, cái roi tre cật của "cụ" đã lại đi làm cái việc tò mò là lật áo, lật yếm, lật khăn... tức thì một giọng cười thỏa mãn cất lên, tiếp đến những tiếng cười nịnh nọt khác trong khi Hai mươi hai chết cay chết đắng trong lòng, cúi đầu, rớt nước mắt, tủi thân cho thân phận yếu hèn.

Ngước đầu nhìn một tội nhân mới vào khép nép trước mặt mình, anh Năm Béo, Cai tù, cất một nụ cười dài. Anh khẽ giơ ngón tay trỏ vẫy một cái: nhanh như chớp, hai tội nhân ở đàng cuối "san" chạy lại.

Rất gọn gàng và rất êm thấm, một yêu [1] kéo hai cánh tay người tù mới vào quặt ra sau lưng, một yêu cởi cúc lột áo.

"So quéo" [2] này ngơ ngác không hiểu ra sao, nhưng chợt nom qua một hàng chừng vài chục thùng nước cống xếp trước mặt thì biết ngay.

Cắn răng không dám hé nửa lời, "so quéo" thân cởi nốt cái áo cánh trắng, dâng cho anh Cai, và yên lặng khoác bộ áo rách rưới, hôi hám mà Năm Béo quăng xuống nền nhà.

Đồng thời trong buồng tù, một người tù đàn bà cũng yên lặng để hai "bỉ yêu" [3] làm cái việc trên kia, rồi khoác vào chiếc thân thể gầy còm bộ quần áo rách rưới, hôi hám của chị Cai quẳng cho.

Và bây giờ, ở nhà giấy đối diện với nhà pha, "cụ Su-vay-dăng" một tay tỳ trên cửa sổ, một tay xóc xách chùm chìa khóa, thản nhiên ngửng đầu trông lên trời mà nghĩ ngợi.

Cái khuôn mặt ấy lại hiển hiện trước mắt Cai Năm – cái khuôn mặt dịu dàng long lanh, đôi mắt lờ đờ, u ẩn không biết bao nhiêu tình tứ.

Năm Béo mím môi, nắm chặt bàn tay trái đấm thật mạnh vào lòng bàn tay phải. Cử chỉ đó tỏ rằng tâm trí Cai Năm bị một sự ao ước, thèm muốn kích thích đến cực điểm. Sắc đẹp thùy mị của Hai mươi hai trong cảnh tù tội bó buộc, kham khổ đã hoàn toàn huyễn hoặc Năm, khiến Năm say mê, khiến Năm sôi nổi, không sao nén được lửa dục tình. Hắn chau mày tự nhủ:

– Thế này mới xong xuôi!

Dứt lời, anh ngước mắt nhìn cái bọc vải nặng trĩu vừa quần áo, vừa tiền nong, đeo lủng lẳng ở góc tường. Với tiền bạc, Năm quyết dùng để mua lấy những phút khoái lạc mà xưa nay cái người tù nào có diễm phúc, có oai quyền, mới được hưởng trong tù.

*

* *

1. *Yêu*: Kẻ cắp lâu năm, can án nhiều lần.
2. *So quéo*: thằng ngù ngờ, đần độn, kẻ không thuộc về phái ăn cắp.
3. *Bỉ yêu*: đàn bà ăn cắp lâu năm, can án nhiều lần.

Còn non nửa tháng nữa, Hai mươi hai tới kỳ sinh nở: nàng được phép thôi đi làm "cỏ vê" nghỉ ở nhà. Nàng âu sầu ngồi tựa lưng vào tường đá, thành kính ngắm ảnh Chúa đeo trước ngực.

Chúa vẻ mặt rầu rĩ, chan chứa những nét yên lặng chua xót hình như cũng lờ đờ nhìn lại nàng – một người đàn bà yếu đuối. Luồng nhỡn tuyến vô hình mà thấm thía, mà dịu dàng ấy soi sâu vào tâm hồn nàng, rung chuyển cả tâm hồn nàng, giúp nàng một sức mạnh để can đảm hứng chịu các nỗi đau đớn ở đời!

Thong thả, Hai mươi hai nâng cây "thập ác" nhỏ bằng đồng gần sát mặt mình vừa lầm rầm khấn:

– Chúa thương xót chúng tôi!

– Chúa cứu chữa chúng tôi!

– Chúa nhận lời chúng tôi!

Nàng chỉ còn có thể trông cậy vào quyền phép của đấng cao siêu phù hộ nàng cho qua khỏi nỗi gieo neo, cho nàng tới kỳ sinh nở ở nơi tù ngục được mẹ tròn con vuông, cho anh Tín, chồng nàng được khỏe mạnh mà làm lụng nuôi mẹ, nuôi con.

Mẹ, chồng, con, Hai mươi hai chỉ nghĩ đến ba người ấy thôi, còn cái sắc đẹp thùy mị và cái hạnh phúc của mình, nàng không hề nghĩ tới. Nhất là cái sắc đẹp đáng yêu của nàng, nàng cho nó quá thường: muốn làm đẹp lòng chồng, muốn được con cái yêu dấu, người đàn bà phải có một sắc đẹp thiêng liêng là sự trong suốt của tâm hồn.

Chợt Hai mươi hai ngạc nhiên ngẩng nhìn chị Cai Cao mời trầu mình, xưa nay "chị" có mời ai ăn trầu bao giờ đâu. Tủm tỉm cười nụ, Cai Cao dịu dàng nói:

– Kìa, cầm lấy mà ăn!

– Cám ơn bà, cháu không biết ăn.

Với một giọng lẳng lơ, chị Cai mắng yêu nàng:

– Còn vẽ trò! Của anh Cai Năm đấy! Miếng trầu nên vợ nên chồng đấy!

Biết ngay cái dã tâm Cai Cao, Hai mươi hai quay mặt đi.

– Ơ kìa!... Ơ kìa!... Sao lại thế? Đến bước này còn giữ giá làm nộm với ai?

– Không! Không! Bà ơi!

– Thì cứ trông gói quần áo và tiền bạc đây.

– Không! Cháu không thiết đâu!

– Không thiết chứ?

– Vâng.

– Vậy thế Hai mươi hai không biết thế nào là sung sướng, thế nào là khổ sở ư?

Câu hỏi ấy làm Hai mươi hai chạnh lòng. Nàng yên lặng nhớ đến quãng đời qua. Thuở còn bé dại thì mồ côi cả cha lẫn mẹ, phải đi chăn trâu chăn bò; lớn lên tuy được làm con nuôi một bà Lý trong làng, song hai mùa cấy hái vất vả chẳng ngơi tay; đến năm kia được anh Tín thương yêu xin bà Lý cho ra ở riêng thì nàng lại phải mò cua bắt ốc đỡ vực chồng... Rồi đến ngày nay, nhà đoan hai lần khám thấy rượu lậu trong nhà, nàng đi chịu tám tháng tù thay chồng giữa lúc nàng bụng mang dạ chửa. Bằng ấy năm, hai mươi năm ở một nơi đồng chua nước mặn, sống lần hồi trong cảnh lầm than, Hai mươi hai có hưởng được lấy một ngày nhàn rỗi sung sướng?... Vì nàng khổ sở quá quen đi rồi, nên cũng chẳng biết khổ sở nữa.

Những linh hồn chịu quen sự cực nhục, đày đọa như thế đều có một chí phấn đấu, một lòng hy sinh vô bờ bến.

Lạnh lùng, Hai mươi hai buông một tiếng thở dài. Nàng như muốn nhờ ngọn gió rét đưa cái thanh âm não nùng ấy đến tận tai chồng để tỏ hết nỗi lòng.

Thấy Hai mươi hai tư lự, Cai Cao cho nàng cũng như các gái khác dù ưng thuận mười mươi, nhưng vẫn làm ra vẻ thẹn thùng, vậy cứ khuyên ráo riết thế nào chả xiêu được bụng.

– Chị hiểu rồi chứ? Thử nghĩ xem cô Thuận ngày nào cũng quà bánh thức ăn thừa mứa, khi hết hạn tù về lại được một thúng đầy quần áo, mà chị còn xuân thế này lại không thiết thì có lạ không?

Hai mươi hai quá thẹn, nổi giận quên cả Cao là Cai, gạt bắn tay chị đi. Đoạn nàng trỗi dậy, chạy lại đằng cuối sân. Cực lòng, nàng ngồi xệp xuống đất, gục đầu vào tường, bưng mặt thút thít khóc.

Hai mươi hai đau đớn vô cùng, chắc thế nào cũng sinh nở trong này mà quanh mình rặt những sự không may, rồi ra có được trọn vẹn không? Chặc lưỡi, Hai mươi hai dằn tiếng:

– Chết thì chết! Không khi nào chịu nhơ nhuốc ấy.

Đương khi hồi hộp lo ngại, tiếng chim kêu chiêm chiếp đổ hồi làm Hai mươi hai giật mình. Nàng ngẩng đầu lên xem: trên mái đề lao mốc thếch, một con sẻ mái xòe cánh hết sức đuổi con sẻ đực theo dõi bên mình. Nàng vội quay mặt ra rặng xoan để tránh nhìn cảnh hắc ám ấy thì lại thấy ngay ở đầu tường hai con bồ câu đực đang tranh nhau nhảy lên con mái vừa cất tiếng gù gù.

Những liên cảm khủng khiếp, ghê sợ làm tê dại tâm trí Hai mươi hai. Nàng bối rối như người hấp hối mơ màng thấy thần chết lấp ló trên đầu.

Đôi mắt quầng đen, Hai mươi hai lại chan hòa rơi lệ, vừa lúc con bồ câu đực to đã "chinh phục" được con chim cái.

Bấy giờ, Hai mươi hai nhận thấy tất cả mọi nỗi yếu hèn lạnh lẽo của tấm thân vừa yếu đuối vừa nghèo nàn trong nơi tù ngục, không ai che chở. Nghẹn ngào, nàng đưa tay vuốt ngực:

– Rồi ta cũng đến thế thôi!

Một buổi sáng mùa đông ảm đạm, buồn rầu, tuy khô ráo. Tất cả các tội nhân đã thành án đều đi làm và "cụ Su-vay-dăng" cũng bận ra Sở Cẩm trình sổ sách vắng. Năm Béo càng được thể dữ, hoạch lạc kẻ này, phân phát công việc cho kẻ kia. Dưới cặp mắt sắc sảo, dưới những ngọn roi mây quấn dây thép của Năm, hàng trăm người chưa thành án nem nép sợ hãi cúi đầu làm những việc mà dù họ nghèo khổ cũng chưa phải mó tay đến bao giờ.

Bỗng chốc, Năm quay đầu nhìn về phía buồng giam đàn bà nét mặt chau lại, ra dáng nghĩ ngợi. Chị Cai Cao ở đâu chạy tới, vội vàng ghé tận tai Năm thầm thì:

– Có mau lên không?

Dứt lời cả hai đều rảo bước... Cánh cửa buồng đàn bà khép dập lại... Một tiếng rú nghẹn ngào vang lên.

Hai mươi hai thoáng thấy bóng Cai Năm, mặt nàng tái mét, không còn một hột máu. Nàng chực la lên, nhưng chưa kịp mở miệng, đã bị Năm bóp chặt cổ, dằn ngửa xuống sàn gỗ. Nàng hết sức kháng cự nhưng hai bàn tay Năm cứng như sắt.

Nàng khóc.

Rồi nàng giương đôi mắt đầy lệ nhìn Năm và ú ớ van lơn:

– Xin buông tha tôi ra! Khổ tôi lắm! Tôi bụng mang dạ chửa!

– Anh Năm đừng ngại nhé. Tôi gác rất cẩn thận rồi đấy!

Nghe thấy tiếng Cai Cao khàn khàn, Hai mươi hai càng khủng khiếp, song nàng dãy dụa bao nhiêu, dạ con trong bụng lay chuyển bấy nhiêu, nàng thêm đau đớn, đau đớn vô cùng. Biết có hết sức chống cự cũng không sao thoát khỏi nanh vuốt con thú dữ ấy, nàng đành nhắm mắt, cắn răng...

Hình ảnh Tín rầu rĩ bỗng hiện rất rõ ràng trong tâm tưởng Hai mươi hai. Rùng mình, Hai mươi hai vội hơi hé mắt, chua xót lờ đờ nhìn xuống mẫu ảnh đức Chúa Giê-su treo ở trước ngực, trong thâm tâm nàng như muốn thì thầm phân trần sự bị ức hiếp quá tàn bạo và sự trong sạch của linh hồn mình.

Rồi đôi mắt long lanh lại nhắm nghiền.

Cách non một tuần lễ sau, trong khoảng đêm khuya im lặng, tại đề lao, trong lúc Hai mươi hai mê mệt nằm bên cái thai còn nguyên rau long ra trên vũng máu tím bầm như sắc mặt nàng, thì ở nhà quê anh Tín co ro ngồi cất vó bên bờ ngòi. Anh vẩn vơ trong gian nhà siêu vẹo, tờ mờ nổi bóng dưới ánh trăng lạnh lẽo mùa đông, rồi anh mơ màng thấy ngày xuân vui tươi sắp tới đây, trên tay anh thiêm thiếp ngủ đứa con trai đầu lòng mà vợ anh khỏe mạnh hết hạn tù sẽ bế về.

Anh hồi hộp chờ mong...

Tiểu thuyết thứ bảy,
số 125, ngày 17-10-1936.

BỈ VỎ

(Tiểu thuyết)

Bỉ vỏ (tiếng lóng của bọn lưu manh chỉ người đàn bà ăn cắp) là tiểu thuyết đầu tay của Nguyên Hồng, viết từ 1936, trích đăng trên báo *Ngày nay* năm 1937 nhân dịp được tặng giải nhất trong một kỳ thi tiểu thuyết của Tự Lực văn đoàn, xuất bản thành sách năm 1938. Sau Cách mạng Tháng Tám, tác phẩm được tái bản hai lần và đã được dịch và giới thiệu ở nước ngoài.

Nhân vật chính của tiểu thuyết là Tám Bính, một cô gái quê xinh đẹp trong trắng, trung hậu, nhưng nhẹ dạ. Cô bị Tham Chung quyến rũ, đến khi có mang thì bị hắn bỏ. Sau khi sinh nở, phần vì không chịu nổi tai tiếng, phần vì con đã bị cha mẹ bán đi, Bính liền bỏ nhà trốn ra Hải Phòng, hy vọng tìm được Tham Chung và kiếm ăn lần hồi để sau này quay về chuộc lại con. Ở Hải Phòng, cô gái quê ngây thơ bị một gã nhà giầu lừa vào nhà hãm hiếp và bị vợ hắn vu cho là gái làm tiền. Cô bị đội xếp đẩy vào nhà lục xì và nhà chứa. Không chịu nổi cuộc sống nhơ nhớp, Bính toan tự tử, nhưng cô được Năm Sài Gòn, một tên trùm lưu manh thương yêu và "xé giấy" cho. Thoát khỏi nhà chứa, Bính lại sa vào một tình cảnh không kém phần đau đớn và nhơ nhuốc: cuộc sống của bọn trộm cướp. Sự trói buộc lần này lại chính là do lòng thủy chung của Tám Bính: cô không thể bỏ Năm Sài Gòn, người đã cứu sống cô và thật sự yêu thương cô. Bính dần dần trở thành một "bỉ vỏ". Do Ba Bay đặt chuyện, Năm Sài Gòn ngờ Bính phụ bạc, nhân Bính để "sổng" một món tiền lớn, bèn đuổi Bính đi. Bính về Nam Định lấy lẽ một mật thám để có tiền chuộc tội cho bố bị bắt bị vạ thuốc phiện lậu. Tên mật thám này tình cờ lại bắt được Năm Sài Gòn. Thương Năm, Bính giải thoát cho Năm và cùng hắn lại trở về cuộc sống lưu manh. Hai vợ chồng xoay ra cướp giật trên xe lửa và tàu thủy. Sau vụ Năm Sài Gòn giết Ba Bay, bị cảnh sát lùng bắt ráo riết, hai vợ chồng trốn đi Thái Bình và ẩn náu ở vùng bến Tân Đệ. Trên một chuyến tàu thủy, Năm Sài Gòn thấy một đứa bé đeo vòng vàng, bèn ôm nó nhảy xuống sông rồi bơi về nhà. Tám Bính nhận ra đứa bé chính là con mình đã bị chết ngạt trong tay Năm. Giữa cảnh éo le và đau đớn ấy, mật thám ập đến bắt cả hai vợ chồng.

PHẦN THỨ NHẤT

I

Bữa cơm chiều nay khác hẳn mọi ngày, buồn bã và uể oải lắm.

Bính ngồi sát bức vách lâu ngày đã nứt nẻ loang lổ, cầm bát cơm đầy nhưng chẳng buồn ăn và thằng Cun, cái Cút, hai đứa em nhỏ của Bính bị sợ lây, lấm lét nhìn đĩa đậu phụ om tương vàng ánh mỡ, thèm quá mà không dám gắp. Những tiếng ho khàn khàn của bố chúng và cặp mắt toét nhoèn cau có của mẹ chúng luôn luôn lườm Bính, làm chúng càng r... hãi. Chúng càng thêm thương Bính, một người chị hay t... các em những ngày các em bị đánh mắng, bị hắt hủi, bị ... quá nô đùa và cãi cọ với trẻ con hàng xóm, nhất là những ... ng thiếu, không còn biết tính toán ra sao, không còn biết chạy vạy ở đâu.

Rồi chúng ngạc nhiên hơn thấy Bính đã gần nửa tháng nay buồn bã, ít ăn, ít nói. Tại sao? Vì duyên cớ gì? Những khối óc ngây thơ ấy cố nghĩ mãi không ra.

Nồi tư cơm mới hết non nửa; sự cảm động lo lắng làm khô cả miệng hai đứa trẻ; chúng há hốc mồm, mặt đờ đẫn, trông vừa buồn cười vừa thương hại.

– Kìa chúng mày ngồi nhìn nhau đấy à?

Bác lái Thìn cất giọng khàn khàn nói đoạn đưa cặp mắt gườm gườm nhìn Bính. Thấy vậy Bính vội vàng và mau cho hết bát cơm; hai đứa trẻ cũng lập cập ăn. Rồi một phút sau, cả ba đều đứng dậy. Thằng Cun tót ngay ra cổng, cõng cái Cút lên lưng, lẩm bẩm một mình:

– Bố ác ghê! Chửi mắng chị Bính suốt ngày, chắc lại sắp đánh chị ấy đấy!

Nó cười, khen cho mình mau trí khôn, biết trước mà chuồn khỏi nhà chứ không thể nào cũng bị đòn lây như chiều qua. Lúc ấy, Bính cắp rổ bát ra bờ sông ở ngay sau nhà để rửa. Mặt sông lặng lẽ, sương lam mịt mùng. Cái lạnh man mác của chiều thu gần tàn Bính cảm thấy rõ rệt lắm. Nhưng, Bính muốn ở mãi đây dù bị mưa rét cũng

cam tâm. Vì hễ động thấy mặt Bính, bố mẹ Bính không mắng mỏ thì chì bỉu, day dứt, đay nghiến Bính chỉ vì sự lầm lỡ đó.

Bính yên lặng nhìn trời, sông một màu xám ngắt, lòng tê tái và buồn bã. Bỗng có tiếng gọi Bính xáo xác. Rùng mình, Bính nâng vội rổ bát, cắp ngang lưng lủi thủi về nhà.

Gần đến cái cổng bằng tre bất khum chằng chịt những dây bìm điểm hoa tím, Bính còn ngoái cổ trông. Chua xót, Bính thở dài.

Len lét Bính đi qua chỗ bố nằm rồi vào buồng mình. Buồng tối đen. Cây đèn hoa kỳ vặn nhỏ đặt trên trạn bát ở cuối buồng, mẹ Bính đã tắt đi ngay lúc Bính bước chân xuống bếp. Lau lau vội tay vào vạt áo rách, Bính rón rén đến bên cái chõng tre, Bính vừa lật chiếc tã vải lên, đàn muỗi bay ran ra như ri, náo động cả gian nhà. Bính cúi xuống bế con, khẽ khẽ kêu:

– Giời! Muỗi đói đốt chết con tôi còn gì!

Đứa bé thức giấc khóc oa oa. Tiếng khóc càng to, Bính thêm sợ sệt. Bính vội vàng vạch vú cho nó bú, không có hàng xóm biết thì bố mẹ Bính sẽ lại không để Bính yên thân đâu. Muỗi bay mỗi phút một nhiều, tạt vầm vập vào mặt Bính. Những tiếng vo vo trong cái im lặng mờ tối của gian buồng hôi hám không mấy khi có nổi ánh sáng mặt trời, càng làm Bính bối rối. Bính thấy mình như một người tù nặng, bị bó buộc mãi mãi nếu đứa con nhỏ này còn trong tay.

– Con ơi!

Bính ôm ghì lấy đứa con vào ngực, nức nở trong bóng tối. Bính lại thầm thì khóc. Không thể sao ngồi yên được, Bính đi đi lại lại, và đã ba hôm nay giọng khàn mất rồi, Bính lại phải rung rung cánh tay để ru con. Thật Bính có ngờ đâu và cũng không bao giờ dám nghĩ tới nông nỗi này. Lòng người Bính cứ tưởng như lời người nói. Còn sự phụ bạc Bính đinh ninh một hạng người ăn học như thế không thể nào có được! Nhưng đến nay Bính mới rõ cái bề ngoài che đậy sự khốn nạn độc ác thì đã muộn lắm rồi. Chắc Bính phải đau khổ mãi mãi vì sự lừa dối đó thôi.

Bính như không đủ sức nhấc nổi chân nữa, bèn ngồi xệp xuống chõng, dựa lưng vào bức vách, đầu ngả về một bên, mỏi mệt nhìn bóng tối. Phút chốc trong tâm tưởng Bính lại hiện ra những hình ảnh không bao xa.

Mới cách đây gần một năm, nhưng tại nhiều sự khác thường đã

xảy ra, nên ngày giờ dài và thấm thía thêm. Dạo ấy Bính thường gánh gạo lên chợ huyện bán, lần nào Bính cũng bắt gặp một người vận quần áo tây, chải chuốt ngắm trông Bính. Có khi Bính còn nghe thấy tiếng gọi vồn vã, tiếng chòng ghẹo dịu dàng. Nếu đi một mình, Bính chẳng thẹn mấy, song vì có các bạn gái cười đùa chế giễu thêm vào khiến Bính hổ thẹn vô cùng.

Và trong sự hổ thẹn ấy Bính dần dần thấy băn khoăn vẩn vơ. Bính đã phải nghĩ đến người đàn ông sang trọng và trai trẻ nọ. Lâu nay trai làng vẫn ghẹo đùa Bính. Họ đã không được Bính để ý mà thỉnh thoảng còn bị Bính nói nhẹ cho nữa. Cái thứ vóc người cục mịch, quần áo nâu mồ hôi rách vá kia Bính thấy thế nào ấy. Đối với cái thân hình thanh tú đầu tóc bóng mượt thơm tho kia, cả cái tên "quan tham đạc điền" nghe cũng khác lạ sao. Nó hứa với Bính bao nhiêu sự sung sướng hãnh diện chứ đâu như những cái tên "nhiêu", "khán", "trương" của những ngôi thứ tầm thường nhỏ mọn ở thôn quê.

Dần dần Bính yêu người ấy mà Bính thấy có thể gửi gắm cả đời mình. Bính để người ấy gần gũi Bính luôn. Rồi một ngày kia, phải, một ngày thầm vụng, Bính buông phó cả thân thể cho y.

Bính vùng đứng ngay dậy, nghiến chặt hai hàm răng, rít lên. Ước vọng của Bính đã nhào đổ hết. Người tình sang trọng và trẻ trai nọ đã bỏ Bính đi không một lời an ủi. Y đã bỏ Bính lại với một cái kết quả mà sự thảm khốc chưa bao giờ Bính thấy đến như thế, cũng như chưa bao giờ Bính lại tưởng mình sẽ phải chịu đựng như thế. Cả người Bính rung chuyển. Hai cánh tay rời rạc mỏi rã, Bính đặt đứa con xuống chõng, lấy vạt áo xua xua muỗi. Không chịu nằm, đứa bé lại khóc thét lên. Lập tức, từ ngoài cửa liếp lại đưa vào những tiếng rít mắng:

– Con đĩ voi giày kia, mày lại để bố mày khóc rồi. Có mau bắt nó nín đi không!

Tiếp đến một giọng lanh lảnh cố nói nho nhỏ:

– Đấy, con gái nhớn ông đấy! Đã sung sướng mát lòng mát ruột cho tôi chưa! Thật là bôi gio chát trấu vào mặt tôi.

Bính rớt nước mắt, phải vội chùi đi, bế con lên, nhè nhẹ đặt vú vào miệng thằng bé. Cánh tay Bính lại rung rung với những tiếng hát nhỏ và khàn đặc. Câu hát càng đẫm nước mắt nọ của những người đàn bà nhẹ dạ đã hát mà trước kia khi nghe hát Bính ghê sợ

lắm, không ngờ ngày nay lại chính Bính lại chịu cái cảnh âm thầm đau đớn trong câu hát ấy:

Chót đa mang thì phải đèo bòng
Chót bế lên bụng phải bồng lấy con.

Đứa bé vẫn khóc. Tiếng rít lanh lảnh lại cất nhỏ lên:

– Con quỷ cái kia, bố trẻ mày không nín tắp thì mày nhét giẻ vào mồm nó cho tao.

– Phải đấy! Hay là vái giời rồi bóp mũi nó đem chôn quách nó đi cho rứt nợ.

Bính rởn cả người, kinh hãi quá sức. Bố mẹ Bính đối với Bính thật cạn tàu ráo máng và đến mức độ ác hơn là thú dữ. Bính thật hết hy vọng nuôi con cho đến khi khôn lớn ở cái nhà này cũng như Bính đã hết hy vọng được gặp mặt bố đứa trẻ xấu số nọ lần thứ hai vậy.

Gian buồng chật hẹp tối tăm thêm. Không khí càng đè nén vì những tiếng nghẹn ngào. Và Bính chưa hết buồn sợ, những hình ảnh khác đã đến, khiến Bính càng bối rối.

Dạo ấy Bính còn bé, độ lên chín hay lên mười, Bính theo người lớn ra đình xem làng ngả vạ một ả đi hoang.

Một ngày tháng năm, đường đá, sân gạch bỏng rẫy chân, thế mà chị Minh, người bị làng phạt vạ, phải quỳ ở giữa sân đình, nón không có, bế đứa con mới được mười ngày, cũng đỏ hon hỏn như con Bính giờ, giữa trời nắng chang chang.

Bính nhớ kỹ lắm: chị Minh mặt mày tái mét, đẫm mồ hôi, răng thì cắn chặt. Mõ làng đứng gần chị Minh, sau cái án thư bày la liệt những giấy má, bút mực, tay cầm cặp roi mây sơn đỏ bịt đồng, ra bộ nghênh ngang vô cùng. Thỉnh thoảng y hất hàm nhìn chị Minh rồi đột nhiên lấy đầu roi, lật áo che mặt đứa bé lên cho mọi người xem giống ai trong làng.

Đàn bà, đàn ông, con gái, trẻ con lại đổ xô cả đến cái lan can bằng gạch xây ven sân, nghển cổ nom. Một người trong bọn lớn tiếng nói:

– Cứ cái mũi kia thì nó giống khán Thư tây lai đấy.

Em gái khán Thư thấy anh mình vốn có tính trai lơ bị họ bêu riếu, liền đáp ngay:

– Này chị nhiêu Khuôn xem kỹ lại nó có giống khán Thư không hay là giống ông Ba Nhòm nhà ta đấy!

Ba Nhòm là ông nội nhiêu Khuôn ngày xưa tằng tịu với một người đàn bà góa bị em chồng họ bắt quả tang, phải quỳ lạy người em nọ rồi cởi truồng về nhà.

Thế là hai người lại om sòm lên và đám đông lại được mẻ cười đùa ầm ĩ, tròng ghẹo nhau, móc máy những cái mắt, cái tai, cái môi, nét mặt phảng phất giống đứa bé mà ghép lẫn nhau là bố nó.

Chị Minh chỉ càng cúi gằm mặt xuống. Bọn hương lý chức dịch ngồi chiếu trong đình lại quát vọng ra:

– Mõ! Các cụ truyền bay bắt nó ngẩng đầu lên chứ!

Mãi khi chè chén no nê xong, một người trong bọn mới khệnh khạng nhè mồm gọi bố chị Minh ra mà phán rằng:

– Thôi bây giờ con bác Nhiêu đã chót dại mà xưa nay bác là người tử tế, ăn chịu đóng góp với làng đầy đủ, vậy làng thương tình phạt bác ba đồng bạc, hai trăm cau tươi, tám chai rượu, lập tức tối hôm nay bác phải thân đưa đến nhà tôi.

Phó hội sẵn có hiềm khích với bác Nhiêu, thấy tiên chỉ xử vậy, bèn vung tay lên nói:

– Trình cụ, cụ ngả có bằng ấy thật là nhẹ quá. Tôi xin hội đồng phạt thêm ba đồng nữa và một nửa lợn vì có cái khoản gia pháp bất nghiêm nữa kia.

Lại một hồi bàn tán xôn xao, sau cùng Chánh hội kiêm thứ chỉ ra trước cái bàn ngoài sân, bệ vệ bảo bố con chị Minh:

– Làng ta tự cổ đến giờ có ai dám bậy bạ như nhà các người, bỗng ngày nay bị phạm lây một sự xấu xa, thành thử danh giá làng thua kém các làng bên, vậy tội của bố con chị không phải là không to, nhưng làng thương tình mà phạt từng này thôi: sáu đồng bạc, hai trăm cau tươi và tám chai rượu.

Không thấy nói đến nửa lợn, nhất là con lợn này đã đẫy niên, em Phó hội đương nhằm mua rẻ để thịt bán. Phó hội hậm hực mãi mới thôi. Phải! Mấy khi được món "bở" như thế để các ông chia tay nhau nhấm nháp cho sướng miệng, còn sống chết mặc ai. Giấy tờ đóng sẵn dấu Lý trưởng và có cả chữ ký của hội đồng kỳ mục kia chỉ dùng để dọa nạt sự ngu đần khiếp nhược của bố con chị Minh, và cả mấy trăm dân làng dốt nát.

Xong cái cảnh ê chề ấy, sáng hôm sau Bính lại được xem một cảnh buồn cười và thê thảm hơn.

Không biết ai xui bẩy bác Nhiêu để tỏ rằng nhà bác không nuông con đâu, mà bác nỡ nhẫn tâm cạo trọc đầu chị Minh, bôi vôi trắng hếu, úp rế lên, rồi rong chị đi khắp làng.

Một ông già bà lão đã nhảy lên mà khen bác và có một bà cụ già nói rằng:

– Hình phạt đó chưa lấy gì làm đáng tội lắm, chưa đúng y như lề lối xưa. Cứ theo tục lệ trước kia của các cụ thì chị Minh còn phải lột trần truồng, đeo mo cau vào mặt.

Luôn hai ngày bị hành hạ, chị Minh đã có lần định thắt cổ chết, nhưng nhờ mấy chị em bạn nghèo hàng xóm giằng giữ lại và khuyên giải nên chị lại cắn răng chịu đựng. Người chị võ hẳn đi, đứa con cũng đen rạc vì bêu nắng với mẹ. Như mọi khi, hễ nhắc tới cảnh "gọt gáy bôi vôi" trên kia, Bính không sao không ngạc nhiên và nhịn được cười, và muốn tấn tuồng lạ lùng đại loại kiểu ấy diễn lại luôn luôn. Nhưng nay... Bính gai hết cả da thịt và tâm trí. Bính đau đớn cho Minh và e ngại cho mình không biết có đủ sức chịu đựng những nỗi bêu riếu nhục nhã như kia không. Chẳng cần suy nghĩ, Bính dằn giọng nhủ thầm: nếu lâm phải bước này Bính đành bỏ mẹ cha, bỏ hai em, bế con đi tha phương cầu thực cho xong.

Cái ý định liều lĩnh đó vụt sáng lên với một tia hy vọng. Bính sẽ gặp Chung, bố đứa trẻ. Chung sẽ nghĩ lại tìm cách nuôi nấng mẹ con Bính, rồi vợ chồng con cái về ăn ở với nhau.

Thốt nhiên ở gian ngoài đèn vặn to lên. Cánh cửa liếp sịch mở. Bính vội nhổm người nhìn qua kẽ vách. Phó lý Thưởng và vợ y bước vào.

Bính cuống lên muốn chạy trốn. Cảnh ngả vạ đã đến. Song chạy lối nào? Thông từ buồng Bính ra gian nhà ngoài kia chỉ có mỗi một lối đi thì vợ chồng phó lý và bố mẹ Bính đã ngồi ngay đấy, một Bính còn chả ra lọt huống hồ lại đèo thêm con, Bính cố dằn lòng, áp mặt vào bức vách nghe ngóng.

– Này nhà ông lái, bà lái! Tôi thu xếp xong rồi đấy, nhà ông bà có ưng như thế không? – Vợ phó lý nói,

Bố Bính yên lặng một lát, đoạn gãi tai trả lời:

– Bẩm ông bà nghĩ như thế thì vợ chồng con được đội ơn vô cùng.

Phó lý liền dõng dạc nói một thôi dài:

– Nhà ông bà phải biết, tại vợ chồng tôi thương nhà ông bà hiền lành, ngoan đạo lại sắp được Cha xứ cất lên làm Trương giáo để trông coi dạy bảo phần hồn cho trẻ mỏ trong họ. Vậy mà chẳng may nhà ông bà phải đứa con gái bỗng đâm ra hư đốn như thế nên tôi gỡ giúp tai tiếng cho, chứ tôi hòng gì mà nhờ đứa bé ấy.

Vợ phó lý ngắt nhời:

– Ối giời, nòi nào theo giống nấy, nó lại bắt chước bố nó chứ gì? Ông ạ, tôi không nuôi đâu, ông có muốn nuôi thì mướn vú về mà nuôi.

Phó lý bèn đưa mắt cho vợ bảo im. Không phải là y rộng lòng nhân đạo chẳng tưởng đến sự bội bạc sau này của đứa bé đâu. Không! Y làm việc này là vì có một người em giai buôn bán giàu có lắm ở trên Hà Nội cũng hiếm hoi như y. Người nọ thường nhắn phó lý xem ở quê có nhà nào túng đói thì mua cho y một đứa con giai, càng trứng nước càng hay. Mấy hôm nay, chợp được cơ hội Bính đã đẻ và đẻ con giai và nhà đương lo lắng khốn đốn không biết thu xếp ra sao, phó lý đã lên tỉnh lấy thêm của em năm chục đồng bạc nữa bảo phải mua ngay đứa bé không Bính cho bà xờ mất.

Thấy phó lý cũng là người làng và họ hàng giàu có lại không phải là người đi đạo nên bố mẹ Bính càng yên tâm.

Muốn lấy lòng bà phó, bố Bính ngọt ngào thưa một câu bâng quơ:

– Thưa vâng, ông bà ăn ở phúc đức thương người như thế con chắc ông bà còn là giàu sang vinh hiển.

Phó lý mỉm cười vuốt râu, hất hàm hỏi bố Bính:

– Vậy tôi giúp ông bà mười đồng ông bà bằng lòng chứ?

Mẹ Bính nhăn mặt:

– Thằng bé kháu khỉnh lắm, mặt mày sáng sủa, chân tay bụ bẫm xin trả cho hai mươi đồng để nhà cháu lo lót với mấy cụ trong làng.

Bố Bính gãi tai tiếp lời:

– Thật vợ chồng cháu cảm cái ơn ông bà phó lắm chứ không dám nài xin hơn thiệt gì đâu.

Phó lý cười không đáp, nhìn hỏi ý kiến vợ. Vợ phó lý ngẩng trông xà nhà, vuốt hai ngón tay quệt quýt trầu rồi lúng búng nói:

– Thôi tôi giúp thêm nhà ông bà ba đồng nữa là mười ba đồng, có thuận thì tối mai bế thằng bé sang nhà tôi mà nhận tiền.

Bính càng nín thở, lắng tai nghe. Bính như đứt từng khúc ruột. Giời! Cái ác tâm của bố mẹ Bính.

Luôn mười hôm ròng giữ gìn giam cầm Bính trong gian buồng này không cho Bính bế con ra khỏi nửa bước, bố mẹ Bính trước hết sợ hàng xóm thóc mách, sau sợ Bính bế con đi. Nhưng thôi, từ ngày mai trở đi, sau khi dứt đi khỏi đứa bé và được hàng chục bạc bố mẹ Bính sẽ vừa hết cả lo sợ ngả vạ vừa được món tiền mừng chân Trưởng giáo và ăn tiêu, sự tính toán ấy thật khôn khéo quá chừng!

Bính lại ôm chặt lấy con, thương xót cho thân phận nó bị dằn hắt và kèo nhèo mặc cả như một con trâu, con lợn. Bính ghê sợ cho bố mẹ Bính và vợ chồng nhà phó lý kia đang tay quyết cắt đứt tình yêu thương của mẹ con Bính như một khúc dồi, một miếng phèo vậy. Dù sao Bính cũng không thể cưỡng lại được. Bính đến phải nuốt nước mắt trao con cho bố mẹ bán đi thì mới tránh thoát những hình phạt quái ác không biết của ai, từ đời nào đã đặt ra để trừng trị những đàn bà đẻ hoang, và Bính mới mong được yên thân với cha mẹ.

Bính mím môi lại cúi gằm mặt nức nở, kéo dài thêm những ý nghĩ: "Phải! Bính phải cắn răng mà cho con đi khỏi lúc khốn khó này. Rồi chờ năm ba bữa nửa tháng, Bính thừa cơ trốn đi hoặc Hải Phòng hoặc Nam Định, chịu khó làm ăn buôn bán, dành dụm một món tiền. Ba bốn năm qua... Chuyện cũ đã nhạt dấu vết, Bính sẽ trở về làng chuộc con, rồi có thể thì nói với cha mẹ và hai em lên tỉnh làm ăn, bỏ hẳn cái nơi quê hương ác nghiệt kia bao đời nay làm ăn đầu tắt mặt tối mà không cất mặt mở mày lên được".

Bính tê mê nâng đứa con lên tận mặt, rít miệng vào má nó, vào trán nó, rồi Bính nhìn ngước lên như để phân trần với bóng tối nỗi đau đớn trong lòng. Sau đó Bính đăm đắm trông con thiêm thiếp ngủ. Dưới ánh đèn lù mù ở bên ngoài qua kẽ liếp lọt vào, da dẻ nó hồng hào biến thành xanh trong xanh bóng; mớ tóc đen láy, lơ phơ trở nên hung hung mốc mác khô cứng. Vệt chàm dài hơi giống hình con thạch sùng bò từ một bên trán đến mang tai xám ngắt hẳn đi như một vệt máu. Và cái vết lẹm trên mi mắt cũng ở bên phải thấy thương như một nốt dao chém vậy.

Hai hàng nước mắt Bính đã lại ròng ròng trên má, lã chã đầm đìa xuống cả mặt đứa bé.

II

Hải Phòng.

Lần này là lần đầu tiên Bính bước chân đến một tỉnh ồn ào đông đúc, khác hẳn chốn quê mùa vắng vẻ.

Bính trốn đi, sau đêm ấy đến nay đã được bốn hôm. Bốn hôm dài quá chừng! Bao nỗi đau buồn luôn luôn nhắc Bính nhớ tới con thơ.

Bây giờ Bính mới hơi quen, quen cái ánh sáng chói lọi của những ngọn đèn điện, Bính không còn giật mình mỗi khi còi ô tô thét lên. Các cách đi đứng ăn nói của người hàng phố đối với Bính không đáng ngờ vực, sợ hãi quá như trước nữa. Bính bớt rụt rè, nhìn thẳng vào những tủ hàng đồ vật bày la liệt rực rỡ làm Bính hoa cả mắt. Lắm thứ Bính không thể nhận ra là thứ gì tuy Bính vẫn thường thấy, nay chỉ khác cái vỏ bọc ngoài bằng giấy bóng màu hay thủy tinh. Bính đờ người nghĩ mãi trước tá mùi soa lụa gấp trong tờ giấy bóng, trông như những bông hoa ép khô. Miếng xà phòng bồ dục để trên chiếc hộp giấy cực kỳ đẹp đẽ, khéo léo, Bính cho là thứ bánh quý lắm mà sau này nếu Bính có tiền thì thế nào cũng phải mua ăn. Bính vừa ngắm những bông hoa giả cắm trong lọ pha lê trong vắt, Bính vừa tấm tắc khen thầm người nào có tài gìn giữ được mãi vẻ tươi tốt của đóa hoa đã nở tung như vậy.

Trong cái phút giây ấy, Bính đặt mình vào một giấc mộng sáng sủa như gian hàng. Bính đang tê mê ngắm nghía, bỗng giật mình vì thấy gương mặt mình hốc hác xanh xao nổi bật trong mảnh gương treo giữa tủ hàng. Bính vội lấy tấm gương để soi gần cho rõ thì tay đập choang ngay phải mặt kính. Một người đàn ông trẻ tuổi đứng bên kêu lên và nhìn Bính:

– Ơ kia cô này!

Nhưng khi thấy vẻ mặt lo sợ đờ đẫn của Bính, người ấy đưa mắt một cái rồi phá lên cười. Bính bẽn lẽn rảo bước ra ngay chỗ khác. Bính rẽ quặt về phía tay trái, theo lối xuống Sáu Kho.

Bấy giờ trăng thu vừa mới hé ra khỏi dải mây chì tỏa xuống những chòm cây một làn ánh sáng như hơi sương phảng phất. Đường xá vắng vẻ ít người qua lại. Hai bên hè lả lướt những cây xoan lăn tăn lá, rào rào trước gió lạnh thổi từng cơn dài. Bính chợt nghĩ tới

ngày mai, tới một sự sống ở một nơi xa lạ và hiện Bính không còn một đồng một chữ dính túi.

Món tiền sáu hào chắt bóp ngót nửa năm trời đã dùng để trả tiền ăn, tiền tàu từ Nam ra Phòng mất bốn hào. Còn hai hào thì vừa vặn ăn uống trong hai hôm nay. Bính hoang mang, cúi gằm mặt trông dải đường nhựa lấp lánh bóng trăng, nhấc từng bước một.

Bính đi như thế không cần biết rồi sẽ đi tới đâu, miễn cho qua một đêm. Lúc này Bính bỗng hồi hộp, bối rối lạ thường. Những bụm cọ đen thẫm, ù ù lộng gió ở vườn hoa sông Lấp gợi trong trí Bính bao nhiêu hình dung quái gở. Bính tưởng con đường Bính đi tối tăm hoang vắng như cảnh một bãi tha ma. Những cành xoan xao động lá những cành tre lả ngọn bên những ngôi mộ trơ vơ mới đắp. Những tàu lá cọ to sùm suề giống những mớ tóc người điên hay thắt cổ.

Bính bật kêu khe khẽ:

– Biết làm sao đêm nay?!!

Bính lại thấy đêm lạnh và dài lắm, một thân gái quê mùa đi bỡ ngỡ lang thang ở giữa cái tỉnh lắm kẻ lừa lọc, nham hiểm này, gặp những sự không may là thường. Nếu Bính không khéo gìn giữ, biết đâu đêm nay chẳng sẽ là cái đêm bắt đầu một cuộc đời khốn nạn nhơ nhuốc khác mà dù cực nhục chừng nào, Bính cũng phải cắn răng chịu, chứ không thể quay về nhà được. Bính thở dài. Mấy hôm nay tai tiếng chắc đã đồn đi khắp làng trên làng ngoài. Thế nào họ chẳng bảo lại vì mê giai, theo giai mà bỏ nhà đi. Cái tiếng theo giai đó là một sự nhơ nhuốc không sự nhơ nhuốc nào bằng. Vì người ta hiểu rằng: giai là một đứa xỏ xiên chỉ phá hoại trinh tiết người đàn bà, còn kẻ theo nó phải là một con đĩ thõa vô cùng. Họ chỉ diếc móc Bính như thế còn là khá đấy. Không may cho Bính, nếu gặp phải một kẻ không ưa Bính thì Bính sẽ còn bị buộc hàng ức, vạn tội xấu xa, quá sức tưởng tượng của hạng người nhân hậu.

Bính đã đi qua Sáu Kho. Hôm nay các tàu chạy hết. Trên sông chỉ còn thấp thoáng mấy ánh lửa leo lét, chập chờn của dăm chiếc thuyền con đỗ đằng xa.

Thốt nhiên Bính dừng bước, trong một phút Bính tưởng như là bến Sòi quê Bính. Bính ngẩng đầu bỡ ngỡ nhìn, lắng tai nghe: Tiếng đọc kinh đâu đây nhẹ nhàng vang trước gió lạnh, réo rắt và thấm thía. Những giọng đều đều và ngâm nga thoáng nhắc trong tâm trí

Bính hai mắt lờ đờ rầu rĩ, hai cánh tay rã rời giang trên cây thánh giá của đức Chúa Giê-su khi hấp hối. Sự hồi tưởng ấy làm Bính cảm thấy rõ rệt bố mẹ mình là giả dối. Bính ghê sợ cho sự "nguyện ngắm" hàng ngày chỉ dùng che mắt thế gian. Phải, chỉ che mắt thế gian thôi! Nay đi xưng tội, mai đi chịu lễ, sáng sớm nào cũng có mặt ở nhà thờ, đêm nào cũng thức tới mười một, mười hai giờ để đọc kinh, hỏi để làm gì?

Thì cũng như trăm nghìn gia đình chỉ ngoan đạo bề ngoài, gia đình Bính bao năm được người làng khen là êm ấm đáng làm mẫu mực nhưng thực chẳng có lấy một chút gì yên vui, thuận hòa, đạo đức bên trong.

Cha mẹ Bính cắn rứt nhau luôn vì thiếu thốn; chửi mắng hành hạ Bính luôn vì Bính không như ai giảo hoạt, tinh ranh trong sự cạnh tranh khách đi đò và buôn bán mua rẻ bán đắt tôm cá của các thuyền chài lưới quen thuộc. Hơn nữa, Bính không biết mưu tính các cách gian lận với những khách gửi hàng để lo cho mình có cái bộ cánh mà nhà không sao sắm sửa được vì ruộng đất cày cấy không có, ngoài mảnh vườn chỉ được cái rau ăn còn đều trông vào con đò thì phải sinh sống rất khôn ngoan xoay giở đủ mặt, những điều này đã làm Bính suy nghĩ và đau lòng.

Bính buồn bã lắc đầu rồi giơ tay làm "dấu" đoạn thầm thì câu kinh:

Lạy cha chúng tôi ở trên giời xin cha cho chúng tôi hàng ngày dùng đủ và tha nợ cho chúng tôi như chúng tôi đã tha kẻ có nợ chúng tôi.

... Thì Chúa sẽ ban ơn cho tôi giữ đạo nên ở đời này cho ngày sau được lên nước thiên đàng vui vẻ đời đời...

Gió sông càng ù ù, sương mù mịt. Bính đọc hết năm chục kinh, làm "dấu" đoạn khép chặt tà áo vào người rồi rảo bước. Chợt có tiếng người gọi:

– Cô kia đi đâu?

Bính không dám quay lại trả lời cứ lùi lũi đi nép vào rặng cây bên đường. Một chiếc xe tay đâm xô lại, chắn lấy lối đi, tiếp đến những tiếng cười ran:

– "Săn" kỳ được "mẻng" ấy cho tao.

Bính tránh hẳn sang bên kia, gằm mặt xuống xốc lại cái đãy vải đeo sau lưng. Một người đàn ông vận quần áo lót kẻ sòng sọc rất chải

chuốt và tóc bóng lộn, ngồi trên xe nom trõ mặt vào mặt Bính, Bính quay mặt ra chỗ khác. Người ấy kéo vạt áo Bính, ngọt ngào hỏi:

– Cô định tìm ai ở đây?

Bính hoảng hốt chực chạy. Nhưng chung quanh Bính năm chiếc xe tay đã vây kín, Bính kêu lên:

– Ô kìa!

Tên ngồi xe nhại lại, cười sặc sụa. Dáng điệu ngây thơ của Bính bảo rõ với bọn này rằng Bính là một gái quê mới ra tỉnh lần đầu và là một gái quê xinh đẹp hẳn hoi. Thật vậy, dưới ánh đèn điện, mắt Bính lấp lánh chớp luôn, đôi má mũm mĩm ửng hồng, chúng trông ngon lành quá.

Một gã kéo xe nhưng tóc mai cũng xén nhọn và để dài như thằng ngồi xe, mặc áo trắng là cổ bẻ và ngoài khoác áo tây vàng toan giằng lấy khăn vuông Bính song hai gã khác ngồi trên xe ngăn lại không cho, rồi gã vận quần áo lót kẻ sòng sọc mượn cớ nhảy xuống bíu lấy vai Bính, Bính kêu thất thanh. Thừa cơ hai cái xe chạy đi đón khách dưới thuyền lên. Bính liền lẩn nhanh ra chỗ khác. Đám xe rãn cả, tản mỗi nơi một chiếc. Còn Bính, Bính đi ngược lên phố vì Bính nhận thấy nếu cứ lang thang, bơ vơ ở những chỗ đường vắng thì thế nào cũng còn bị chòng ghẹo.

Được một quãng có nhà cửa thì lại đến quãng vườn hoang. Những bụm cây lù mù trước những ngọn đèn điện bóng lờ mờ hiện ra trước mắt Bính làm trống ngực Bính lại đập thình thình. Chợt Bính lạnh toát cả người, quay đầu nhìn về đằng sau: một bóng người đương rảo gót như đuổi Bính. Bính đi nhanh hơn. Người theo sau cũng bước gấp, phút chốc hắn đi sát cạnh Bính và khẽ nói:

– Cô! Cô chậm bước chứ để tôi ngỏ câu chuyện này.

Nhời nói êm đềm khiến Bính bớt sợ. Bính đưa mắt nhìn thì đó là người ngồi trên xe ban nãy nhưng đã thay quần áo khác. Bính im lặng nhìn bộ y phục lạ lùng của hắn: cái áo dạ tím bó chẹt lấy lưng, hai ống quần lướt thướt như bằng lụa thì buông chùng quá gót, cái mũ dạ mới lạ làm sao, lóng lánh một chiếc tên mạ kền như dấu hiệu của lính. Bính chợt nhớ đến cái hạng công tử cũng kiểu ăn mặc như thế này vào những ngày hội đầu năm ở vùng quê Bính bọn chúng thường kéo về chớt nhả gái làng, Bính vội quay đi.

Hắn chẳng còn do dự, nắm ngay cánh tay Bính, cặp mắt sáng lên khác thường:

– Cô đi đâu bây giờ? Đi một mình mà không buồn à?

Bính đáp giọng run run:

– Ông buông cháu ra, cháu van ông!

– Rõ khéo vẽ, ông cháu gì?

– Cháu van ông!

– Van mình chứ ly.

Bính thót người lại hết sức giằng tay ra, nhưng hắn đã bá lấy cổ Bính, hôn vào má Bính đánh chụt một cái.

Đường vắng vẻ quá, gió thổi lào xào trong những bụm cọ lù mù, vành trăng lại bị mây đen che đi.

Hắn bế xốc Bính lên, mặc Bính giãy giụa the thé van lơn, chạy vào trong vườn. Bính phải kêu thét lên, nhưng gió thổi mạnh đánh bạt cả tiếng Bính đi.

Trong chớp mắt hắn dằn Bính xuống vệ cỏ.

Bính kêu rít lên ôm chặt bụng, hai đùi khép chặt, cố nằm sấp bụng xuống mặt cỏ ướt đẫm. Hắn vội luồn tay qua người Bính cố lật ngửa Bính lên, Bính cũng hết sức chống chọi, song mỗi lúc chân tay mệt mỏi nhừ, giọng khản đặc lại. Bính cố ngước mắt trông chung quanh và ngoài đường thì không thấy một bóng người, Bính che mặt nghiến chặt hai hàm răng nghẹn ngào ấp úng:

– Giê-su cứu chữa con!

Hắn sằng sặc cười, nhại lại, đoạn áp mặt hắn vào mặt Bính mà hôn mà cắn và thở những hơi thở hồng hộc như một con trâu, con chó lên cơn, mắt đã đục ngầu và bọt rãi đã sủi.

Bỗng một đoàn xe đạp xăm xăm từ đằng xa tới, đèn xe kéo dài những vệt sáng rung động trên đường nhựa, có một ngọn soi chõ vào vườn như tìm tòi. Bính vội gào to:

– Các ông ơi. Cứu tôi với! Cứu tôi với.

Chẳng để Bính kêu thêm, hắn hốt hoảng buông Bính ra rồi chạy thẳng, Bính choáng váng mừng rỡ, nhặt mau cái đẫy vải lăn trên bãi cỏ chạy ra đường. Gió thổi mạnh. Mấy người ngồi xe đạp chẳng nghe thấy gì song họ đều ngẩng đầu tò mò trông khi Bính từ trong vườn xô ra. Bính cố giữ tự nhiên, lẳng lặng rảo bước một lát tới đầu phố. Trống ngực Bính vẫn đập rộn. Cảnh vật vẫn u ám! Bính len lét đến trước một cái hiên rộng, ngồi thở. Đồng hồ ở trong nhà vẳng lên

mười một tiếng. Đường sá càng vắng tanh, vắng ngắt. Bính rùng mình. Đêm nay đối với Bính mới dài và cực nhục làm sao? Còn ê chề cay đắng hơn cả một năm lam lũ! Bính nép người bên góc tường, gục mặt vào bàn tay, tê tái những cảm xúc đau xót sôi nổi trong lòng, Bính càng mỏi mệt, ròng rã một ngày, Bính đi không mấy lúc nghỉ chân. Đã thế lại vừa phải chống cự với thằng đểu kia nên hai đầu gối Bính mỏi dừ, bụng cồn cào ngâm ngẩm đau. Gió đêm như ru, Bính chợp mắt thiu thiu ngủ. Bỗng không biết từ đâu đưa tới tiếng trẻ con khóc oe oe giống tiếng mèo gào vang động cả trời khuya.

Bính mở choàng mắt, chợt nhớ đến đứa con thơ chưa đầy tháng, tại cha mẹ Bính cay nghiệt, tại cái tục lệ quái ác mà Bính phải xa nó, xa nó không biết bao giờ lại được ôm nó trong lòng.

Bính vừa cất tiếng khóc rưng rức thì tiếng khóc kia nín bặt, Bính vụt nghĩ đến đứa bé kia khóc thế nào chả có người vỗ về ru cho bú, còn con Bính thân phận con nuôi con mày, giá đêm khát sữa, thì dù có được chiều chuộng mấy chăng nữa cũng khó mà được bú đêm. Ấy là không kể đến người nuôi dỗ mãi không nín thì thế nào chả phát nó năm bảy chiếc phát cho bõ cái bực tức bị thức giấc.

Những sự tưởng tượng ấy rung động cả toàn thân Bính, Bính phải vội lắc đầu xua đuổi hình ảnh của đứa con ưỡn người há hốc miệng, hiện ra trước mắt Bính, Bính phải nén chặt ngực cho đỡ tức một tay Bính cầm bầu vú rắn đanh mà vắt sữa đi vì vú cương lên nhức nhối quá chừng. Bầu sữa đầy dòng dòng tia xuống nền gạch phủ đất đen, theo liền với những giọt nước mắt chan hòa.

III

Bính vẫn tin lời nói của Chung nên sáng nay Bính quả quyết đánh bạo đến đường Cát Dài để hỏi tin tức Chung.

Sự ước mong được gặp mặt chồng, Bính có biết đâu chỉ là ảo vọng đáng dập tắt hẳn trong lòng với cả tình yêu thương nồng nàn con người bội bạc kia. Nhưng những lúc Bính oán giận Chung chỉ là lúc Bính quá khổ sở điêu đứng vì sự thực quanh mình, rồi sau một vài phút, khi tưởng đến biết đâu vì một lẽ gì đấy Chung không kịp bày tỏ nên mới bỏ Bính đi.

Bính ngẫm nghĩ, rụt rè một lúc lâu, sau cùng gọi cửa một nhà nọ.

Cánh cửa hé mở, có tiếng người vẳng ra:

– Ai đấy? Cứ vào tự nhiên.

Bính còn đương khép nép thì một người đàn ông trẻ tuổi súng sính trong bộ quần áo ngủ ở trong nhà bước ra. Bính giật mình, vội chào và hỏi người ấy:

– Thưa ông, đây có ai là ông Tham Chung làm Sở đạc điền không?

Người trẻ tuổi đưa mắt nhìn Bính một lượt từ đầu đến chân: cặp mắt lờ đờ nhưng long lanh, cặp mày không tỉa, chiếc khăn vuông mạng mấy miếng nhỏ, tấm áo tứ thân, cái quần cạp hồng thắt lưng xanh và một dáng điệu sợ sệt e thẹn, vạch rõ ra trước mắt người ấy tất cả mọi cái dại dột của cô gái quê hiền hậu ra tỉnh lần đầu. Hắn tủm tỉm cười:

– Cô hỏi có việc gì đấy?

Bính run run đáp:

– Thưa ông, cháu có việc trong nhà ra tìm ạ.

Bính chưa nói xong, hắn đã vồn vã mời Bính vào nhà, kéo ghế giục Bính ngồi. Tức thì một quang cảnh lộng lẫy bày ra trước mắt Bính. Nào tủ chè, sập gụ; nào tranh ảnh treo la liệt; nào chậu hoa, đôn sứ; nào hoành phi câu đối. Bính khấp khởi mừng, bụng bảo dạ:

– Đúng như lời Chung dặn mình. Vậy, thật là nhà Chung đây?

Rồi Bính len lét trông xung quanh, tay vẫn xách đẫy quần áo, băn khoăn mong người trai trẻ trả lời. Bấy giờ bao nhiêu vẻ đẹp hiền hậu nổi cả lên gương mặt Bính đờ đẫn, lấm tấm vài giọt mồ hôi trán dính lấy những sợi tóc như tơ. Người trẻ tuổi càng đăm đăm nhìn. Bính phát ngượng nhưng cố nén hồi hộp thong thả hỏi:

– Thưa ông làm ơn bảo cháu, đây có phải là nhà ông Chung?

Người kia đưa mắt liếc Bính một cái rất tình tứ:

– Phải!

Bính luống cuống nhắc:

– Phải ạ?

– Tôi đã bảo phải thì phải mà. Nhưng cô hỏi ông Chung có việc gì, phải bảo qua tôi, tôi mới gọi ông ta tiếp chuyện cô được.

Bính sung sướng tưởng đến vỡ mất trái tim, bật kêu lên:

– Thế mà tôi...

Bính định nói: "Thế mà tôi nỡ vội giận Chung", nhưng vì ngượng, Bính phải bỏ dở câu. Thấy cái thái độ lạ lùng ấy, người trẻ tuổi chau mày hỏi:

– Thế mà tôi... làm sao hở cô?

Bính quên cả lễ phép, thở hắt mạnh ra một cái, lắc đầu rồi đáp:

– Tý nữa tôi...

Đến tiếng "tôi" Bính lại ngừng, hai khóe mắt ứa nước. Bính phải cố nén sự nghẹn ngào, nói tiếp:

– Tôi quyết không nghĩ gì đến nữa thì thật là tội nghiệp!

Người trẻ tuổi chống cằm ngồi nghe. Sự ngây thơ của Bính bỗng trở nên kỳ dị và u uẩn và tình tứ. Người ấy rót nước chè nóng mời Bính uống, đoạn nghiêm trang nhìn vào mắt Bính nói:

– Ông Chung của tôi chắc hẳn là tình nhân của cô?

Bính đỏ mặt, cúi đầu không đáp. Người trẻ tuổi nhắc lại câu hỏi ban nãy:

– Vậy cô tìm ông Chung làm gì? Phải bảo qua tôi mới được.

Bính hơi luống cuống cúi mặt rồi run run đáp:

– Vâng thôi thì cháu xin nói thật: ông Chung là nhà cháu.

– Cô là vợ ông Chung? Vợ ông Tham Chung?

– Thưa ông vậy ông chắc là người họ của nhà cháu?

Người ấy lắc đầu, tủm tỉm cười:

– Là bạn thân thôi.

Người trẻ tuổi định nói nữa, Bính đã tiếp lời:

– Là bạn thân của nhà cháu thì cháu mới dám nói các sự thể sau đây...

Bính mân mê chén nước mời vừa thong thả kể vì sao Bính biết Chung, vì sao Bính phải bỏ nhà đi. Bính đã chất phác, giọng nói đầy nước mắt của Bính càng làm sự chất phác đầy đủ hơn và sắc mặt Bính thêm linh động với những giọt lệ long lanh.

Người trẻ tuổi sung sướng lạ thường, hắn cố tạo một giọng nói thật thân thiết, hiền từ mà nhủ Bính:

– Thôi cô đừng lo, để tới 12 giờ trưa tôi sẽ dẫn cô lại nhà bác Chung tôi.

Hắn tươi cười đón lấy câu cám ơn rất cảm động của Bính, xong quay đầu gọi:

– Nhỏ!

– Dạ?

Một đứa bé quần áo cũng chải chuốt ở trong nhà chạy ra. Chợt thấy Bính đứng trước mặt chủ thì nó lấm lét cười, như biết trước một cảnh ngộ nghĩnh gì sắp xảy ra. Người trẻ tuổi vội đưa mắt. Nó liền khoanh tay khúm núm thưa:

– Cậu bảo gì con?

Người trẻ tuổi nghiêng mình móc cái ví ở túi quần lấy một tờ giấy bạc một đồng dúi vào tay thằng bé và thầm dặn nó.

Được một lúc thằng bé bưng về một khay những thức ăn khói bay nghi ngút. Nó chưa kịp đặt các món ăn lên bàn, người trẻ tuổi đã lau một cái thìa và đôi đũa bằng tờ giấy bản con hai tay để trước mắt Bính, mời cầm:

– Cô ăn sáng với tôi. Ăn rồi cùng đi. Hôm qua tôi phải thức khuya để kiểm tra mấy công việc sổ sách nên đói sớm. Cô ăn đi với tôi cho vui...

Bính ngần ngại. Tuy từ hôm qua đến nay Bính chưa có một hột cơm nào vào bụng, đói như cào, mà không dám cầm đũa. Mãi khi người trẻ tuổi đưa đũa và thìa vào tận tay Bính và y ăn trước, vừa ăn vừa giục Bính, Bính mới rụt rè đón lấy bát cháo.

Bính lập cập mãi mới dám múc ăn, Bính mới húp có một thìa đầu đã thấy ấm ran cả ruột, đến thìa thứ hai thì dạ dày Bính đang cồn cào dịu hẳn đi, Bính tự nhủ:

– Ông này thật tử tế quá!

Bính chưa ăn hết bát cháo, người trẻ tuổi vội sẻ "mẩn thắn" sang bát Bính và tất cả sá síu, tim, gan, trứng gà, Bính luống cuống không biết nói sao, má đỏ ửng lên, mắt đờ đẫn, nhìn người trẻ tuổi. Hắn tình tứ nhìn lại. Bính cúi mặt xuống. Hắn mỉm cười.

Đồng hồ treo trên tường ngân nga như một khúc đàn rồi buông chín tiếng, gieo sâu vào không khí phảng phất mùi nước hoa nhài một âm thanh náo nức. Người trẻ tuổi còn ép Bính ăn thêm mấy chiếc bánh ngọt mới gọi thằng nhỏ lên dọn bàn và mời Bính lên trên gác rửa mặt. Bính bâng khuâng theo người ấy, trống ngực Bính đập mạnh hơn. Bính

không thể nào ngăn giữ sự lo lắng, nghi ngại. Chợt người ấy tới đầu cầu thang, thì dừng lại nhìn Bính, Bính khép nép nói:

– Thưa ông, cháu... cháu... ông làm ơn dẫn cháu.

Người trẻ tuổi cười:

– Làm quái gì cái đó! Thôi cô lại rửa tay đi, chứ không nước nguội hết.

Người trẻ tuổi chỉ cái chậu thau bằng sứ để trước tấm gương to, rút chiếc khăn mặt bông trắng tinh vắt lên vai Bính, vuốt má Bính, Bính giật mình, vội lùi người lại, kêu khe khẽ:

– Ông!... Ông!...

– Anh chứ!

Bính tái mét mặt nghĩ ngay đến cái đêm ghê gớm vừa qua. Bính run không được:

– Thưa ông sao lại thế?

– Mắt hắn sáng lên khác thường, hắn nghiêng đầu ngắm khuôn mặt Bính nhợt nhạt dưới nếp khăn vuông, Bính lập cập lùi dần về phía cầu thang. Thấy cửa đã khóa trái Bính nghẹn ngào:

– Cháu van ông làm ơn dẫn cháu lại với nhà cháu.

Hắn cười tít mắt, vỗ ngực đáp:

– Tôi là "nhà cháu" đây, còn phải đi tìm đâu cho tốn công?

– Không! Cháu van ông... ông thương cháu.

Hắn cười sặc sụa át cả tiếng sụt sùi của Bính. Hắn rút ví tiền, đếm năm đồng đưa vào tay Bính:

– Đây ông làm ơn cho cháu.

Nói đoạn hắn bá lấy vai Bính, hôn mãi vào cặp má trở nên xám ngắt, Bính toan kêu to lên. Hắn bịt ngay lấy miệng Bính:

– Cô kêu ai bây giờ? Biết đều thì im nghe tôi...

Hắn đã ôm xốc Bính vào lòng, bế đặt lên giường tây gần đấy. Cửa màn tụt ngay xuống. Hắn liền cưỡi lên người, ngực ép ngực, má ép má, cặp mắt sáng quắc chiếu lên cặp mắt long lanh.

Bính mềm nhũn cả người. Cặp vú cương sữa tưởng sắp vỡ bung.

Bính rùng mình, Bính định nói, định van thì cổ ứ lại.

Bính xanh mắt lên trong gian buồng âm u giữa buổi trưa mùa thu

trong sáng, và ú ớ nói những tiếng nhỏ nhỏ trong cổ họng như một người bị cơn mê bóp nghẹt:

– Giê-su ma... Con chết mất! Lạy Chúa con. Không!... Không!...

... Bỗng ngoài cửa đập thình. Bính chưa kịp ngồi dậy thì cánh cửa đã bị đạp tung. Một người đàn bà nhảy xổ vào túm ngay đầu Bính. Người trẻ tuổi cuống quít vớ vội cái áo chạy mất. Bính mặt cắt không còn hột máu, kêu thất thanh:

– Ông! Ông bỏ tôi à?

Bao nhiêu ghen tức điên cuồng ngùn ngụt bốc lên, người đàn bà, mặt đỏ bừng, dúi luôn đầu Bính vào nách rít lên:

– Này bỏ tôi à!... Này bỏ tôi à!... Này bỏ tôi à!

Mỗi một tiếng rít lại theo một tiếng gần nghe ghê hết cả da thịt. Người đàn bà nghiến răng,quắc mắt, rút guốc phang Bính chẳng từ mặt mũi, Bính giằng không ra. Người đàn bà to béo khỏe hơn nhiều! Cực chẳng đã Bính hết van lơn lại khóc lóc. Nhưng người nọ cứ tru tréo ầm ĩ, xỉa xói vào mặt Bính, vừa rủa sả...

Ván gác dận sầm sầm, Bính khản đặc nói không thành tiếng, Bính khủng khiếp đau xót vô cùng.

Hàng phố kéo đến xem thoáng chốc đã đông nghịt cả nhà dưới. Mấy người đàn bà quen vợ gã trẻ tuổi rẽ đám đông lên gác. Theo sau họ, hai người đội xếp, một người tây và một người ta.

Người đàn bà nọ vẫn gầm thét, đánh đập Bính. Người đội xếp Ta vội chạy lại giằng lấy guốc. Người đội xếp tây kéo Bính dậy. Nhưng Bính mình mẩy đau dừ, rã rời, quằn quại như con sâu rau bị xéo. Dưới mớ tóc tả tơi, mặt Bính sưng vù, đổ đom đóm, ràn rụa nước mắt.

Thấy có đội xếp đến can thiệp, mụ vợ người trẻ tuổi bèn quấn vội mớ tóc rối sấn đến trước người đội xếp tây, xoi xói chỉ mặt Bính nói:

– Thưa ông con này là hạng đĩ lậu ghê gớm lắm, bao nhiêu "a dăng" cũng phải lòng nó hết. Giờ nó lại quyến rũ đến chồng con. Nó dám ban ngày ban mặt dẫn xác đến nhà con ngủ với chồng con. Bao nhiêu tiền lương của chồng con, nó bòn rút hết, nó... nó...

Người đội xếp tây xua tay ra hiệu đừng nói nữa và bảo người đội xếp ta đỡ Bính dậy, Bính cố gắng kéo lê người lại gần giường nhặt lại khăn vuông đội, mặt chỉ gằm xuống.

Bính càng gạt, nước mắt càng đầm đìa; Bính tưởng đến đứt ruột mất. Mấy bà đứng xem đã không tỏ chút thương hại, một người còn mắng như tát nước vào mặt Bính:

– Thôi, đồ đĩ trăm thằng, nghìn thằng, đồ voi giày ngựa xé, xéo đi, xéo ngay đi, chẳng các mẹ mày ngượng mặt lắm rồi.

Trẻ con cũng thi nhau cười vang lên và chế nhạo Bính.

Vợ người trẻ tuổi thưa Bính là một gái chuyên mãi dâm không có "giấy", nên khi lên đến "bóp" chính, viên cẩm truyền giữ Bính lại để chờ thứ sáu tới, thì đưa Bính sang nhà thương khám xét để rồi bộ phận "đội con gái" quyết định.

IV

Bính co ro ngồi ở góc tường chờ viên cẩm đòi hỏi.

Mấy người cảnh sát ngồi gần đấy bàn tán xì xào. Một trong bọn nhìn chõ vào mặt Bính, nói:

– Trông người ngoan thế này ai ngờ lại đi "ăn xu"...

Bính đưa mắt ai oán nhìn người ấy. Một người trẻ nhất chạy lại, nâng ngược cằm Bính lên hỏi:

– Ai dạy cái liếc vừa rồi đấy? Liếc tình quá! Chắc hẳn là "miếng" của "sừ" Lân đây?

Người khơi mào chuyện liền phát mạnh người trẻ tuổi, lườm nói:

– Có đẹp bằng tiên tôi cũng chẳng thèm. Báu gì cái hạng gái này.

Người trẻ tuổi nửa cợt nửa thật, vuốt má Bính, ngoảnh nói với mọi người:

– Thôi các ông ấy đều chê cô, vậy tôi nhận với ông cẩm cô là người nhà tôi, rồi cô về nhà tôi nhé?

Một loạt cười ran lên. Bính gục đầu vào lòng. Những tê tái cực nhục lại đến xé tim Bính.

Bỗng cánh cửa kẹt mở. Cả bọn cảnh sát đứng phắt dậy, phưỡn ngực, hếch miệng, giơ tay chào. Viên cẩm ngồi xuống ghế, châm thuốc lá hút rồi hất hàm ra lệnh cho Bính lại.

Bính khúm núm run rẩy, chắp tay đứng trước bàn giấy không dám ngẩng mặt lên, vì sợ gặp phải cặp mắt hóm hỉnh nhưng nghiêm

nghị nọ chăm chú nhìn viên cẩm nhả nốt làn thuốc lá, chậm rãi hỏi Bính bằng tiếng ta:

– Mày đã kiếm tiền mấy năm rồi?

Bính tái mét mặt mãi mới dám cất tiếng thưa:

– Lạy quan lớn thương xét cho con, con chẳng biết kiếm tiền là cái gì hết.

Viên cẩm mỉm cười:

– Tốt!

– Lạy quan lớn.

– Làm đĩ, tốt!

Bính run rẩy:

– Quả con oan, con bị bắt oan.

Viên cẩm vẫn giữ nụ cười dưới núm ria, gật gù hỏi Bính:

– Không làm đĩ thật chứ? Không làm đĩ mà lại có bệnh kín à?

Bính bàng hoàng kinh sợ quá chừng. Sự bực tức như kết thành khối đưa lên cổ Bính. Bính tái mét mặt chực nói thì viên cẩm đã rút ra một tờ giấy ghép ở cái cặp trên bàn rành rọt cắt nghĩa cho Bính nghe:

– Quan đốc tờ chứng nhận thị Bính không còn... Đến đây ông ngừng lại, quay đầu hỏi người đội xếp ngồi phía tay trái:

– Virginité là gì?

– Bẩm, là trinh tiết.

Y liền "à" lên một tiếng và gật cái đầu: À! À! Trinh... trinh tiết, và có bệnh lậu!

Bính luống cuống, chết lặng người đi, Bính hiểu rõ vì ai Bính có bệnh rồi. Chỉ thằng trẻ tuổi đổ cho Bính cái bệnh ghê ghiếp xấu xa ấy. Và cái giấy chứng chỉ không biết của ông đốc tờ nào kia thật giết Bính một cách đau đớn hơn gươm giáo. Bính nức nở, viện hết tình, hết lẽ cãi chữa, song viên cẩm chỉ lắc đầu. Y còn lạ gì cách khéo nói và những điệu bộ của gái giang hồ. Y đăm đăm nhìn Bính khóc lóc thảm thiết.

Nét mặt Bính ngây dại rầu rĩ làm y phải lắc đầu tự nhủ: "Sao xã hội bây giờ lại lắm gái đi kiếm tiền còn trẻ thế này? Mà hết thảy khi bị bắt đều có những giọt nước mắt và những điệu bộ rất cảm động, những ngôi sao màn ảnh chắc đâu đã tự nhiên bằng!"

Y trầm ngâm một lúc rồi cất tiếng:

– Mày ở đâu? Bảo để quan lớn cho nằm chữa ở nhà thương rồi khỏi thì theo người giải về quê.

Bính lạnh toát cả người. Bính tưởng đến bao nhiêu cay đắng nhục nhã sắp sửa giày vò Bính nếu Bính bị giải về cái làng cay nghiệt quái ác lạ thường kia.

Đeo một cái tiếng theo giai, Bính như đã chết đi nửa phần. Nay lại thêm cái tiếng đĩ thõa thối thây dày da thì Bính thật không đủ sức chịu đựng được. Bính đến chỉ còn cách tự vẫn thôi. Vậy thà nhịn đói mặc rét héo hắt chết dần chết mòn ở tỉnh còn hơn về quê hương nương nhờ bố mẹ, rồi lại chịu thêm bao nỗi đời đoạn khắc.

Bính hoa mắt lên, liền thưa:

– Bẩm con không biết quê quán đâu cả.

Viên cẩm biến nét mặt, nhại Bính với một giọng mỉa mai:

– Bẩm con không biết quê quán đâu cả?

Bính tưởng y hỏi lại mình liền chân thật đáp:

– Vâng ạ.

Viên cẩm cười ồ:

– Thế thì con là đĩ trăm phần trăm rồi còn khóc lóc màu mè gì nữa.

Y vừa dứt tiếng, một người đàn bà đẩy cửa bước vào, Bính ngẩng đầu nhìn: chính là vợ thằng trẻ tuổi.

Người ấy nhanh miệng chào:

– Lạy quan lớn ạ.

Viên cẩm gật đầu, tươi cười hỏi luôn:

– Chị chắc chắn con này làm đĩ chứ?

– Bẩm quan lớn chắc chắn lắm ạ. Chính mắt con trông thấy nó đi với hàng trăm người.

– Có một trăm người thôi ư ? Ít quá!

Y vừa nói vừa cười, những nụ cười dưới bộ ria mép rậm và đen càng thêm tai quái.

Bính uất ức long mắt lên bảo vợ tên trẻ tuổi:

– Chị nói dựng đứng thế mà không sợ chết tươi à?

Mụ nọ sấn đến bên Bính, lấy ngón tay dí vào trán Bính:

– Gớm đồ gái đĩ già mồm. Bà thèm đặt điều cho cái hạng mày bán trôn nuôi miệng để làm gì?

Nói đoạn mụ nói với viên cẩm rằng mụ có mấy người làm chứng biết tỏ tường gốc tích của Bính, vậy xin ông cho phép chị ra gọi. Viên cẩm y lời. Một lúc sau vợ thằng trẻ tuổi dẫn đến một người đàn bà trạc ngoài ba mươi, nước da ngăm đen, mắt sắc như nước và người khô như con mắm. Mụ ấy chào viên cẩm xong, đứng lùi ra một bên. Viên cẩm gọi lại hỏi:

– Chị biết con này làm gì? Xưa nay ở đâu?

Mụ đáp luôn rất trơn tru:

– Bẩm quan lớn trước kia nó ở Hà Nội bán rau ở chợ Đồng Xuân, hơn hai năm nay nó xuống Hải Phòng, con tưởng nó buôn bán tử tế, ai ngờ lại xoay đi "ăn xu". Nhiều lần con bắt gặp nó đi với nhiều người. Nó mượn tiếng buôn bán bòn rút thiên hạ cũng lắm tiền. Nhất là chồng người này mất cho nó có tới bạc trăm và nghe đâu còn bị nó đổ bệnh cho nữa.

Bính nghe mà cổ nghẹn ứ, Bính chỉ muốn chạy đến tát vào cái mồm cong cớn ấy mấy cái, nhưng thấy vẻ mặt đáng sợ của người tây nọ, Bính phải cố nén đứng im.

Chờ người đàn bà làm chứng khai xong, viên cẩm bèn hỏi vợ thằng trẻ tuổi:

– Bây giờ chị định thưa con này về tội gì?

Mụ nọ vênh váo nhìn Bính rồi nói:

– Thưa quan lớn nó làm đĩ mặt dạn mặt dày nên con không muốn lôi thôi với nó. Con chỉ ước ao quan lớn bỏ nó vào nhà "thổ" trước hết là nó được miếng ăn mà không khó nhọc, như thế hợp với ý nó, sau cho nó khỏi đi ngang về tắt, đỡ hại cho chồng con chúng con. Viên cẩm vui vẻ hất hàm cho hai mụ nọ lui ra, rồi truyền một người đội xếp ta dẫn Bính sang Sở Liêm phóng để lấy căn cước.

Bính bàng hoàng theo người đội xếp ra ngoài. Gạt thầm nước mắt, Bính xót xa trông các kẻ qua lại rộn rịp và những ô tô bóng loáng vùn vụt chạy dưới rặng xoan phấp phới những ánh vàng tươi của trời thu trong ấm. Cùng lúc ấy, vợ thằng trẻ tuổi và mụ làm chứng phởn phơ nhảy lên xe.

Xe đã chạy xa, cả hai còn ngoái cổ lại nhìn Bính lùi lũi đi, cười bảo nhau:

– Giờ hồn cho con nào mon men trêu vào chồng con các bà.

V

Hai hôm nay mưa phùn không ngớt, mây trời cứ xám ngắt, nên phố Hạ Lý càng vắng càng buồn.

Những chõng và những ghế của sáu, bảy hàng nước ở vỉa hè xếp đống cả lại, nhường chỗ cho tụi trẻ con bán "phá xa", bán bánh ế, cho những phu xe nghiện ngập nhỡ tầm thuê xe và mấy gã chuyên nghề "ma cô" và bảo vệ con em của các nhà chứa tụ họp, giở "bất", "đố mười" ra sát phạt nhau. Tụi khách ở các "siệng" lên và nghỉ việc ở Sáu Kho về cũng cờ bạc. Nhưng không bệ rạc quá như bọn trên kia, bọn y tụm năm tụm ba trong những hàng vừa bán cà phê, phở, bánh trái, vừa bán cá mặn, mắm, muối, gạo, củi, vừa có cả thợ may, thầy lang, thầy tướng số.

Lớn bé đều chúi mũi vào những quân bài đỏ, những mẩu gỗ bóng nhẫy, và vẻ mặt đều bừng bừng. Khác hẳn, những kẻ qua đường bước rất gấp, nhăn mặt nhổ bọt luôn. Vì gió rét thổi mạnh tạt vào mũi họ những mùi tanh tởm của rác bẩn chất thành đống ở các khoảng đất hoang, ở các cống rãnh ứ bùn trộn lẫn với mùi hôi hám của suốt hai dãy nhà chật hẹp nhớp nháp đưa ra mà dân phố đã quen rồi. Hơn nữa, vì họ sợ cái sinh hoạt tối tăm ở phố "mãi dâm" này.

Bính nhân lúc vắng khách, vào buồng riêng nằm cho đỡ mệt.

Đã hai tháng, sau khi ở nhà "lục xì" ra. Bính được mụ Tài-sế-cấu nhận đem về nuôi. Mụ đã có bảy con em, Bính là thứ tám, người ta gọi Bính là Tám Bính. Cái tên kép không thể nào không có được của gái giang hồ.

Mới có hai tháng thôi, mà Bính coi dài bằng hai năm. Các nỗi đau trong lòng Bính mỗi ngày một nhiều. Người Bính mỗi ngày một héo hắt, ốm yếu thêm. Bính không thể tiếp khách được nữa.

Khốn nạn! Khách có ra hồn khách. Người nhiều tiền thì đã đi cô đầu gái nhảy nên chỉ còn rặt những lưu manh thất nghiệp bê tha, rửng mỡ hay may mắn lắm, ông "bồi", ông bếp, bác "tài", bác "ét" là vào chốn này.

Được vài ba hào của họ thật mướt mồ hôi trán. Có khi xong xuôi đâu đấy, họ còn kéo dài giờ ra bằng những câu chuyện đểu cáng xen vào những cái cấu véo cháy cả đùi non. Họ hành đủ thứ cho đáng món tiền mà họ vất vả và đủ cách mánh lới, xoay giở mới kiếm được. Và họ lấy làm sướng mắt trước sự rã rời nhục nhã của người nhận tiền mà họ cho rằng chẳng còn biết những gì nữa.

Trong bọn con em của mụ Tài-sế-cấu, Tám Bính thường được họ thưởng thêm vài hào vì Bính đẹp, ngoan ngoãn, lẳng lặng hàng giờ như súc gỗ dưới những thân thể nặng gần bằng súc gỗ, chịu đựng mọi sự vày vò, hành hạ.

Nghĩ đến đấy, Tám Bính rùng mình, đưa cặp mắt ám khói trông gian buồng chật hẹp, ngăn cách buồng bên bằng những ván gỗ ghép liền đã mục nát và nhơ nhớp những vệt quết trầu như máu đọng, có một chiếc mành sơn trắng chằng chịt mạng nhện ở lối ra vào, và một ngọn đèn vách lù mù vì thông phong chẳng bao giờ trong sáng ở góc tường.

Gian buồng tối tăm đó với tấm phản thấp lè tè sực mùi gỗ mọt và mùi chăn gối, màn chiếu hôi hám ấy sẽ ám ảnh mãi mãi đời các gái giang hồ. Và tất cả những đồ vật không hề thay đổi dù cũ nát chừng nào trong những gian buồng nọ như có một sức mạnh lôi giữ người làm đĩ không cho trở về sự sống sáng sủa nữa. Nó làm u ám tâm trí người ta, và, khi cái tươi sáng bình tĩnh của tinh thần đã mất thì người ta còn đâu ý muốn vượt mình lên?

Bính đau xót úp mặt xuống cái gối bông vuông. Gương mặt Bính trong bóng tối lẫn với màn vải hoen ố mồ hôi vàng. Bính thở lừ khừ. Phải, Bính mệt và ốm lắm rồi.

Dưới cái làn không khí bao giờ cũng nặng nề khí đất ẩm ướt và chăn chiếu bẩn thỉu, không yếu đau là một sự lạ chưa từng thấy. Huống chi Bính lại lấy ngày làm đêm, đêm làm ngày, và ăn uống kham khổ hết sức, bữa nào không vài miếng đậu phụ om, đĩa rau muống luộc thì lại cá vụn kho, dưa muối xổi, cà giầm tương, hỏi còn sức nào để chiều theo lòng ham muốn vô chừng của khách mua vui.

Mãi đến hôm kia, sau sáu mươi đêm ròng rã ít khi chợp mắt, Bính chẳng còn thể ăn uống gì được, người lúc nào cũng hâm hấp như sốt và gầy rộc hẳn đi. Thấy Bính thế bất đắc dĩ mụ Tài-sế-cấu phải cho Bính nghỉ ngơi dăm ba buổi.

Song đêm qua, Bính còn phải thức đến ba giờ đêm để tiếp chuyện một ông cai xe cho ông khỏi phật lòng vì xưa nay ông vẫn lui tới nhà này và có tiếng là "sộp" hơn cả.

... Bính tê mê chua xót rồi chợp mắt thiu thiu ngủ. Tâm trí Bính lạc vào một cảnh mộng rất khủng khiếp. Một hôm Bính ho ra máu, cách ít lâu, thuốc thang không có, Bính kiệt quá rồi chết. Bính cũng nằm trong gian buồng này, dưới ánh sáng ngọn đèn vách lù mù và cái không khí hôi hám này, cũng gối đầu trên cái gối vàng mồ hôi, và cũng không ai ngồi bên mình hết. Mụ Tài-sế-cấu bỏ Bính đi, không đả động gì đến việc ma chay. Mỗi ngày thây một rữa ra, mãi khi bốc hơi thối và nhung nhúc ròi bọ, hàng xóm mới biết. Người ta vội thuê vài người phu chợ đùm Bính trong chiếc chăn cũ rồi đem đi chôn.

Tấm áo quan bằng gỗ mỏng đu đi đu lại, cọ vào chiếc thừng treo lủng lẳng ở đầu đòn ống làm thành những tiếng kẽo kẹt thay cho tiếng khóc viếng.

Bấy giờ bố mẹ đang tíu tít đong bán ở nhà quê. Hai em Bính và đứa con thơ thản nhiên không hay biết. Còn người chồng bội bạc kia thì đương vui thú với ai ai chẳng bợn nghĩ tới người vợ đọa đày.

Cái chết của Bính thật giống hệt cái chết của hạng người ăn mày khốn cùng không thân thích chết đường chết chợ.

Bỗng, qua khe ván, gió rét lùa vào buồng, đánh tan giấc mộng. Bính mở choàng mắt ướt đầm. Bính trở lại với sự hiện tại. Nhưng nó chẳng kém vẻ thảm khốc, trái lại càng làm Bính đau đớn ghê sợ hơn. Bính cực lòng khóc nức nở, Bính chán nản vô cùng, Bính hết hy vọng, hết cả mọi hy vọng.

Sực nhớ đến chai dấm mua ban sáng để chế với nước mắm chấm rau dền, Bính bưng mặt, ngẫm nghĩ, đoạn lắc đầu nức nở khóc vừa mon men lại đằng mặt hòm gần cuối giường lục tìm cóng thuốc phiện hôm qua người cai xe hút bỏ lại trên bàn đèn.

Chợt mành mành vén lên. Hai Liên bước vào cười gọi Bính:

– Chị Tám Bính làm gì đấy? Buồn định tìm thuốc để hút phải không. Tốt! Em tiêm cho nhé!

Bính hốt hoảng quay lại hất phải chụp đèn, phao dầu lạc đổ vũng cả mặt hòm. Hai Liên vội trèo lên giường, kéo Bính vào lòng hỏi:

– Kìa sao mà mặt chị nhợt nhạt thế kia?

Bính rũ người ra không đáp. Hai Liên hỏi dồn:

– Hay chị cảm đấy? Chết! Thế mà không gọi, định vớ vẩn tìm cái gì ở bàn đèn ấy?

Bính càng nức nở rồi bật nói lên:

– Em chỉ muốn chết thôi!

– Chị muốn chết à?!

Bính mím môi lại nhìn Liên, nức mãi lên. Hai Liên ái ngại, ngắm nét mặt buồn rầu xanh xám của Tám Bính và cái thân hình gầy rạc đi, ngực lép, chân tay khẳng khiu, thì nghĩ ra ngay được nguyên nhân. Đồng thời cả một quãng đoạn trường chua xót mà Liên đã trải qua hiện ra rất rõ trong trí nhớ Liên. Hai Liên chạnh lòng nhẹ vuốt mái tóc Bính:

– Em thương chị quá!

Bính thổn thức:

– Em biết lắm! Trong nhà này chỉ có chị là thương em còn ai cũng ghen ghét em, xúi giục mụ Tài-sế-cấu bắt em ngày đêm tiếp khách. Họ coi em như một kẻ đã cướp mất miếng ăn, manh áo, sự sung sướng của họ, mà nào em có thế và có bao giờ muốn thế đâu?!

Dứt lời Bính gục chằm mặt xuống đùi Hai Liên, nước mắt nóng đẫm cả một mảng quần Hai Liên. Hai Liên nắm chặt lấy tay Bính, ủ vào ngực khẽ nói:

– Đàn bà với nhau đấy!

Bính nuốt ừng ực sự nghẹn ngào:

– Mà sao cùng trong cảnh khổ lại như chỉ chực ăn thịt lẫn nhau?

Hai Liên lắc đầu, giọng nói lại cao hơn:

– Thôi! Chị nghĩ đến những điều ấy làm gì cho nẫu ruột! Đừng buồn nữa chị ạ. Chị mà tự tử chỉ thiệt thân thôi. Bố mẹ, anh em ai biết đấy là đâu! Mồ mả mình ai thăm viếng? Chị nên gắng gượng ăn uống cho lại người rồi năm bảy tháng, một năm quen dần đi, cái cảnh bán trôn nuôi miệng này sẽ không đến nỗi khó chịu lắm đâu.

Bính xanh mắt:

– Quen được cơ à, chị?

Hai Liên cười nhạt:

– Hẳn chứ lại, nếu không sao có người ở đời.

Dứt câu ấy, Hai Liên thẫn thờ nâng cằm Bính lên:

– Vậy em đố chị năm nay em bao nhiêu tuổi và đã ở đây bao nhiêu lâu?

– Chị ngoài ba mươi là cùng, còn cái ở đây bao nhiêu lâu thì em xin chịu!

Hai Liên lại mỉm cười:

– Bà chị tôi muốn tôi già như thế ư? Tôi hơn chị có bốn tuổi mà chị năm nay hai mươi phải không?

Hai Liên mặc Bính trừng trừng nhìn mình thong thả nói tiếp:

– Đấy chị xem, em khổ biết chừng nào, có lẽ hơn chị nhiều lắm, nhưng em vẫn cố gắng chịu. Mới có ba năm thôi, em sa vào chốn này mà em già hẳn đi. Trước kia em cũng đã có phen định tự tử vì nhục nhã quá, song khi nghĩ đời mình, cái nghề này có gì là xấu, mình cũng phải vã mồ hôi rơi nước mắt để kiếm miếng ăn cơ mà.

Hai Liên ngừng lại một giây, chấm những giọt nước mắt ứa ra ròng ròng xuống gò má:

– Vả lại thiên hạ còn chán vạn người cơ cực điêu đứng hơn ta, mà họ vẫn mong có ngày mở mày mở mặt: ta được như thế này cũng chưa đến nỗi nào vậy, ta không được hủy cái thân ta đi.

Hai Liên muốn nói nữa thì Bính hổn hển ngắt lời:

– Nhưng cứ ở đây cho đến ngày trọn đời sao?

Hai Liên ái ngại, cau mày ngẫm nghĩ một lát rồi bảo Bính:

– Chị muốn rời bỏ chốn này lắm phải không? Thôi được, chị chịu khó nấn ná ít lâu nữa để em thuốc thang cho, khi nào khỏe mạnh em sẽ đánh mối giúp chị một người có thể xé giấy [1] lấy chị, hoặc em sẽ giúp chị số tiền để tự xé giấy mà ra khỏi cái nơi sầu khổ nhục nhã này.

Bính ứa nước mắt, run rẩy hỏi Hai Liên:

– Nhưng sao chị không xé giấy cho chị?

Hai Liên cười nhạt đáp:

– Em không cần, ở đây quen rồi.

---

1. Tờ giấy này có tên tuổi quê quán, và cả hình ảnh, cả điểm chỉ của người làm đĩ, giấy có hai bản sao, một ở Sở Cẩm chính, một ở tay chủ chứa. Ai muốn lấy người đàn bà đó phải đưa tiền cho chủ chứa để họ rút bản sao trong tay họ, và dẫn lên cẩm rút bản sao ở Sở Cẩm ra.

– Chị thích ở đây?

– Phải, chị ạ!

Bính ngạc nhiên hết sức, không hiểu Liên có thực tình giúp mình hay chỉ nói lấy lòng trong chốc lát. Vì có đời nào một người đàn bà lại chịu mãi được cái cảnh bán trôn nuôi miệng này.

Ý nghĩ ngờ vực ấy lộ hẳn trên nét mặt Bính, Liên cảm thấy ngay liền bảo Bính:

– Em không lừa dối chị đâu tuy em thường "khấu bộp" mọi người để lấy tiền. Chị tính một người hiền lành nhu mì, lại cũng là đàn bà chung một số phận khốn nạn với em, em làm thế sao đang tâm!

Bính vội hỏi:

– Nhưng tiền nào mà chị sẵn thế? Và chị không muốn xa lánh nơi này để lấy chồng rồi sinh nở mà nhờ chồng con sao?

Nỗi đau đớn cay đắng bất tuyệt vì câu hỏi chất phác ấy phút chốc bừng cả lên trong lòng Hai Liên. Liên bùi ngùi trông Bính, đôi mắt càng long lanh:

– Em chỉ nhờ thiên hạ thôi.

– Mãi được ư?

– Hẳn chứ, cho đến khi hai tay buông xuôi!

Bính toan hỏi, Hai Liên đã nói luôn:

– Em chẳng cần gì con cái cả vì như em còn hòng gì sinh nở được nữa. Còn chồng hễ ai có tiền bước vào nhà này là chồng. Em chỉ yêu tiền, yêu người có tiền thôi! Em sống là sống, được ngày nào hay ngày nấy, đâu như chị đã có một đứa con trai tuy chị phải xa nó và chị lại còn có thể sinh nở, còn có thể có cái sung sướng với cảnh sum họp bầu bạn chồng con.

Hai Liên và Tám Bính đều im lặng, mỗi người một cảm giác tê mê và đau xót.

Hai Liên tuyệt vọng, nhìn thấy tất cả mọi thứ trống trải cằn cỗi của đời mình. Trái lại, Tám Bính lại hy vọng. May ra Bính sẽ thoát cảnh này và trở về với con làm ăn sum họp. Bàn tay Bính nóng ran lên giữa bàn tay Hai Liên giá ngắt, run bần bật. Bính ngây ngất trong lòng. Hai mắt Bính chói rực dưới cặp mắt Hai Liên lờ đờ như theo tìm một ngày tươi sáng đã qua.

VI

Tối nay các tay "anh chị" họp đủ mặt ở nhà Năm Sài Gòn.

Người mặc quần lĩnh, áo nhiễu tây trắng cổ bẻ, đi săng đan bốn quai, là Tư-lập-lơ, chùm chạy vỏ [1] trong chợ Sắt. Anh chàng béo nục, bụng hở trễ ra, gương mặt vàng ệch, hai cánh tóc vắt qua vành tai và tóc mai dài chấm cằm gọi là để theo một mốt "phi lô dốp" là Sáu gáo đồng, cầm đầu các kẻ chuyên môn dắt díu những "cơm thầy cơm cô" ở vườn hoa Đưa người. Anh chàng gầy, lông mày lưỡi mác, môi đỏ chót ngồi bên Tư-lập-lơ là Ba Bay mà khắp tỉnh Hải Phòng không một sòng bạc nào không kiềng mặt bởi cái đức tính liều thục mạng và mở bát bửa.

Còn hai anh đang lim dim mắt và thỉnh thoảng lại ngáp dài là Chín Hiếc và Mười Khai cùng một nghề nghiệp với Tư-lập-lơ. Hai chàng nghiện oặt này đứng cai quản các cánh ăn cắp suốt dọc bến tàu, suốt phố Khách, phố Đầu Cầu và những phố đông đúc khác.

Hà Nội thủ đô xứ Bắc Kỳ, một thành phố đầy rẫy sự ăn chơi xa xỉ, đã tạo ra một số gái mãi dâm nhà nghề không thể đếm xiết, thì Hải Phòng, một hải cảng sầm uất bực nhất của Đông Dương, một thành phố công nghiệp mở mang, với hơn ba mươi nghìn dân lao động bần cùng ở các tỉnh dồn về, cũng có một đặc điểm là sản xuất được một số "anh chị" gian ác, liều lĩnh không biết là bao nhiêu.

Cùng Năm Sài Gòn, năm tướng trên kia làm đại biểu cho tụi "anh chị" càng ngày càng nhiều, càng hung tợn của đất đồng chua nước mặn nọ.

Nhả xong khói thuốc phiện, Tư-lập-lơ nhìn thẳng lên trần nhà, nghĩ tới phiên chợ ngày mai thế nào chả có vài món tiền mà các *tiểu yêu* của hắn sẽ *hiếc* [2] hay *khai* [3] được. Gối đầu lên đùi hắn, Năm Sài Gòn lơ mơ nhìn khoảng không. Chàng này lúc nào cũng thế, nét mặt không bao giờ mất vẻ điềm tĩnh tự nhiên. Cứ trông lốt dao chém sâu

---

1. *Chạy vỏ*: ăn cắp. Tiếng chạy vỏ dùng để chỉ chung những ăn cắp đường, ăn cắp chợ. Còn kẻ ăn cắp trên tàu thủy, tàu hỏa hay ô tô là *chạy dọc*. Những kẻ chuyên môn "chạy dọc" thường là những tay sắc sảo "anh chị" của làng *chạy vỏ*.

2. *Hiếc*: lần lưng móc túi.

3. *Khai*: cắt túi xẻo đẫy.

lõm từ trán xuống mang tai người ta cũng đủ hiểu rõ Năm không còn sợ hãi những cái người ta kinh khiếp.

Sáu gáo đồng tiêm xong điếu thuốc, nâng giọc tẩu dí vào tận miệng Năm Sài Gòn mời đi mời lại. Nhưng Năm không buồn nhấp môi. Hình như bữa nay Năm chán thuốc phiện mà mơ tưởng một sự say sưa nào khác lạ hơn. Ba Bay liền đón lấy, xin phép Năm. Hắn rụt hẳn cổ lại, hai vai gầy so lên quá mang tai, lấy gân cổ kéo một hơi dài vo... vo... vo...

Tiếng vo... vo... đều đều vang trong ba gian nhà lá rộng rãi và cao ráo, có cả tủ đứng, sập quang dầu, giá gương, đỉnh đồng và tranh tầu. Nó khác hẳn những gian nhà lụp sụp ẩm nhớp mái thì dột nát, phải che đậy bằng chiếu, bằng vải bao, bức vách thì lở vữa, ám khói đầy mạng nhện, giường phản thì thấp hẹp bề bộn quần áo chăn chiếu, hôi hám rách rưới, những gian nhà cùng ở xóm này của những gia đình làm ăn vất vả, túng thiếu, họ là những thợ thuyền, phu phen buôn thúng bán mẹt và thất nghiệp không thể nào mon men lên trên phố đành phải chui rúc ở cái vùng chợ Con, muỗi, bọ và ao đầm ngập rác này.

Đợi Ba Bay hút xong, Chín Hiếc giục Sáu gáo đồng tiêm cho hắn một điếu to để hắn lấy hơi hiến anh em một chuyện rất lý thú. Chuyện thuật sau đây:

"Tối hôm kia, hồi mười giờ, một tiểu yêu của Chín về báo với hắn có một người đàn bà ở tàu chạy Hồng Gai lên, bế một đứa con nhỏ tuổi. Hai mẹ con chị này sang lắm: mẹ vận quần lĩnh, áo nhiễu tây nâu, con mặc quần lụa hồng áo gấm lam, đeo vòng khánh vàng và khóa xích bạc. Nó hết sức theo dõi nhưng không làm sao đến gần được vì *bỉ* [1] này *hắc* [2] lắm. Nó còn khoe với hắn cái *thắt đớm* [3] của chị ta phồng lên một nấc chắc chắn là nấc bạc giấy. Lúc bấy giờ người đàn bà đương lò mò tìm nhà quen ở đường Lạc Viên.

Hắn tức tốc đi luôn, một lúc thì đuổi kịp người đàn bà. Sương đã xuống, trời tối mờ. Hắn không rõ mặt người ấy. Mãi sau nhờ ánh đèn điện đằng xa, hắn mới nhận thấy đôi mắt rất sắc trên gương mặt trái xoan lóng lánh đôi hoa tai vàng. Đường thật là vắng vẻ. Một

1. *Bỉ*: đàn bà con gái.
2. *Hắc*: cẩn thận khôn ngoan.
3. *Thắt đớm*: thắt lưng.

chiếc xe tay đi khỏi thì không còn một bóng người khác. Chín Hiếc vội rút dao ra nhảy xổ lại bóp cổ dìm người đàn bà xuống đường. Thằng tiểu yêu theo sau bế ngay đứa bé chạy ra lối ao than. Người đàn bà không kịp kêu lên một tiếng. Chín đã cắt đứt ruột tượng. Sờ lên hoa tai, hắn không tháo mà nghiến răng dứt nốt.

Hắn lẩn gói bạc vào túi áo trong đoạn lần khắp người đàn bà. Nhưng không thấy tiền nong gì nữa, hắn bèn rút thắt lưng, trói nghiến chân tay người ấy lại và lấy mùi soa nhét đầy miệng. Trong chớp mắt Chín đã đặt người ấy còng queo trong khu vườn hoang bên đường. Hắn nói đến đây cả bọn nhao nhao lên hỏi:

– Có *tễ bướu* [1] không?

– Bao nhiêu *thạnh*. [2]

Chín Hiếc so vai cười nhếch một cái rồi móc ở túi ra 12 tờ giấy bạc một đồng và 10 tờ giấy 5 đồng. Hắn đưa mắt trông một lượt, thong thả nói:

– Trước hết tôi biếu anh Năm *trách chợm*, [3] còn mỗi anh *kẹo thạnh*. [4]

Năm Sài Gòn cười nhạt:

– Thôi tôi không cần tiêu lắm, còn chú đương túng thì cứ giữ *trách chợm* này mà tiêu.

Chín Hiếc trầm ngâm, mắt hắn vừa thoáng gặp cặp mắt long sòng sọc của Năm.

Hắn vội nói:

– Anh không cần nhưng em muốn anh cứ cầm lấy và đây em đưa thêm *chợm gập* [5] nữa để anh xe pháo.

Tư-lập-lơ lấm lét chờ Năm nhận nhời mới hất hàm hỏi Chín:

– Thế *khánh vọt* [6] với *khong bẹt* [7] đâu?

Chín Hiếc vội cười đáp:

– Ấy tôi suýt quên thằng vỏ lỏi [8] bế đứa bé ra ao than chực

---

1. *Tễ bướu*: nhiều tiền.
2. *Thạnh*: đồng.
3. *Trách chợm*: một chục.
4. *Kẹo thạnh*: 5 đồng.
5. *Chợm gập*: 15 đồng.
6. *Vọt*: vàng.
7. *Khong bẹt*: khóa vòng bạc.
8. *Vỏ lỏi*: ăn cắp còn nhỏ tuổi.

tháo khánh và vòng, xích thì có bốn *so quéo* [1] ở trong ấy ra tay bắt nó, nó hoảng hốt vội vứt đứa bé xuống một cái hố rồi chạy mất. Một lúc sau tôi và nó đến thì người đã đến xem đông kín cả đường. Lại thấy cả bóng *cớm chùng* và *cớm tẩy* [2] tôi phải bấm nó rồi cả hai *ngũ đị* [3] thẳng.

Ba Bay liền nhíu đôi mày lưỡi mác nhè nhè hỏi Hiếc:

– Bỉ ấy có *te* [4] không?

– *Te* thì mày làm gì?

– Rõ phí của.

Cả bọn cười vang lên. Năm Sài Gòn cũng cười, nhưng nụ cười ở trên cặp môi xám và dày của hắn có một ý nghĩa khác. Hắn khen thầm Chín Hiếc ra đời chơi kém hắn hàng mười năm mà đã can trường rồi đấy... Khói thuốc phiện chập chờn bay, Năm Sài Gòn mơ màng theo làn khói nhẹ nhàng và thơm lừng cuộn lên nóc nhà rồi tản rộng ra. Qua một cái màn mong manh vương vấn trước mắt, Năm thấy rung động như có người thật trong những bức tranh nền đỏ cảnh nước Tầu loạn lạc về đời Tam quốc và đời Đường, treo trên vách quét vôi trắng kẻ chữ xanh hẳn hoi.

Những tấm hình đàn bà trần truồng treo hai bên tủ cũng nổi rõ thêm. Cả hai lưỡi dao gài ở đầu giường tây buông màn, diềm nhiễu óng ánh cũng sáng loáng lên. Năm vơ vẩn nghĩ đến cái tuổi ba mươi hai của mình, cái cảnh đời không vợ con, không anh em, cha mẹ. Năm nghĩ tới sự sống du đãng hết ngày ấy sang tháng khác.

Mới ba mươi hai tuổi mà án tích Năm kê chật một tờ giấy trong Sở Liêm phóng. Non hai phần ba đời Năm đã bị cảnh tù tội cướp mất. Năm đã đi đày Côn Lôn 7 năm, ở Khám Lớn Sài Gòn, ở Hỏa Lò Hà Nội 2 năm... Năm còn từng làm cai trại [5] trong đề lao Hải Phòng, Nam Định, Hải Dương, Thái Bình , hơn 4 năm. Cuộc đời Năm trải

---

1. *So quéo*: *so:* thẳng; *quéo*: không thuộc về cánh ăn cắp. Tiếng *quéo* còn dùng để chỉ những kẻ ngù ngờ đần độn.

2. *Cớm chùng, cớm tẩy: cớm*: tiếng chỉ chung mật thám và đội xếp. *Cớm chùng:* mật thám. *Cớm cộc*: đội xếp. Mật thám tây, đội xếp tây: *Cớm tẩy*.

3. *Ngũ đị*: chạy trốn.

4. *Te*: đẹp.

5. *Cai trại*: người tù quỷ quyệt sừng sẹo cất lên trông coi những tội nhân khác. Nơi nào có cai trại thì là nơi đày đọa làm khổ tội nhân hết sức.

qua những phen nguy hiểm đã dày dạn như những lốt dao chém trên mặt, trên lưng và khắp hai cánh tay Năm.

Giá người khác thì bị chết từ bao giờ, nhưng hình như số mệnh muốn Năm sống mãi sự sống gian ác, tàn bạo này nên cho Năm một sức khỏe lạ thường, thêm một sự gan góc ít ai bì kịp.

Tất cả đều phiện phò say sưa. Tiếng gãi đùi sồn sột. Tiếng gẩy ghét móng tay kêu tanh tách. Thuốc phiện và bữa rượu ban chiều đương như lửa hun đốt trong người bọn Năm Sài Gòn.

Chín Hiếc khơi mào lè nhè bảo Mười Khai thu xếp cất bàn đèn để còn sang Hạ Lý "quấy" một đêm.

Sáu cái xe đã kề tận cửa, sáu tấm xác thịt ngứa ngáy nằm duỗi dài trên xe. Thoáng chốc xóm chợ Con – sào huyệt của dân "chạy vỏ" và "anh chị" – lúc nhúc dưới ánh sáng đèn điện vàng mờ bị trại lính khố xanh che khuất. Xe qua phố Đầu Cầu, qua phố Ba Ty, khỏi cầu Hạ Lý thì dừng lại.

Tức thì ở trong nhà mụ Tài-sế-cấu đổ xô ra một lũ gái, vú vê và quần áo phong phanh, rồi trai nào gái ấy nhún nhảy đi vào.

Thật đủ thứ tiếng ồn ào: tiếng cười chen tiếng nói, tiếng hát lẫn tiếng bông đùa, pha thêm tiếng xuýt xoa, chửi rủa và tiếng khóc mà người khóc mắt ráo hoảnh. Hai Liên bá vai Năm Sài Gòn dìu hắn vào buồng Tám Bính. Y chẹn cửa ngoài xong ôm ngay Chín Hiếc đẩy vào buồng mình. Sáu cánh cửa sập lại cùng một loạt. Người ta bắt đầu thấy những giọng rền rĩ.

Tám Bính nghỉ đã nửa tháng nhưng vẫn còn mệt. Vì có lời Hai Liên dặn hễ Năm Sài Gòn đến thì nên liệu cách tiếp đãi, chuyện trò đằm thắm, nếu hắn vừa lòng thì trong túi có bao nhiêu hắn cũng dốc ra hết. Và Hai Liên còn bảo kín Bính rằng, Năm Sài Gòn phải lòng Bính đấy.

Tám Bính ngồi dựa lưng vào tấm ván ngăn buồng bên, tay đặt trên ngực Năm, Năm nắm lấy tay Bính vuốt ve, có lúc đưa lên miệng hôn rất âu yếm.

Gối đầu trên đùi Tám Bính, Năm Sài Gòn đăm đăm ngắm nghía nhận thấy vẻ mặt Bính vẫn buồn bã và hốc hác, Năm bèn gạn hỏi:

– Bính vẫn còn ốm chứ?

Tám Bính không đáp, chỉ lắc đầu thở dài rồi cúi xuống lờ đờ nhìn Năm.

– Vậy mụ Tài không cho Bính tiền lấy thuốc sao?

Bính yên lặng một lúc nữa mới đáp:

– Anh trông đây này, đã ba tháng nay em vẫn chỉ có cái quần trắng của chị Hai cho, vẫn cái áo cánh mạng vai cũng lại của chị ấy cho nốt, đến manh quần tấm áo mặc cho sạch sẽ tươm tất có thể mới đắt khách, mụ còn tiếc rỏ máu mắt không chịu cho vay tiền may, vậy anh tính em trông hòng gì xin được tiền thuốc tiền men.

– Thế tiền Bính tiếp khách, Bính để làm gì?

Bính như không cất được tiếng lên:

– Nào em có bao giờ để dành được! Vả lại có tiền đâu mà để dành. Tiếp khách xong, họ vừa bước chân ra khỏi buồng, mụ đã nắn ngay túi em khám xét, bóp nặn, chỉ để cho tối nào nhiều lắm mới được một hào. Mụ bảo những nào dạo này nhà ế khách, ăn uống lại tốn hơn, nào em là gái mới nhận về phải lễ hàng chục cho cẩm đội con gái, nên mụ vay nợ chưa biết đến bao giờ mới giả được. Vì thế lắm khi nhà hết trầu cau, chị Hai Liên lại phải đưa tiền để em mua cho em và cả u già ăn.

Đến đây, Bính phải cố cầm nước mắt, nói tiếp:

– Cơ cực hơn đến tiền đi *phiên*[1] không có cũng lại phải để chị Hai Liên ứng cho.

– Sao Bính lại chịu khổ đến thế hở? – Năm Sài Gòn cau mày hỏi.

Tám Bính vẫn dễ dàng:

– Nhưng mà nào có ai thương em đâu. Trong nhà này, trừ chị Hai, còn chị Ba nhớn, Ba con, chị Tư Thìn, chị Năm Thìn, chị Sáu Huyền, chị Bảy Thanh... hết thảy đều ghen ghét, tức tối, chăm chăm rình xem ai cho em đồng nào là hót ngay với mụ Tài, tức thì mụ lại tra hỏi khám xét, lại bóp nặn cho ra tiền mới thôi. Thỉnh thoảng em có than thân và chị Hai có bênh em thì mụ lại nhắc đến khi em ở *Líp phăng xe* [2] rồi mụ lại kể ơn kể huệ, lại kêu ca "nào nhà ăn uống tốn kém, nào khách khứa ế ẩm", nên em lại chỉ đành cắn răng mà chịu.

Năm cau mày thêm:

– Sao Bính không trốn đi hay ra ngoài kiếm tiền thêm để tiêu. Tội gì mà chịu khổ ải như thế?

---

1. Tiền đi khám bệnh mỗi tuần lễ hai kỳ, người đi nộp lấy.
2. *Dispensaire*: nơi giữ và chữa bệnh cho các gái mãi dâm.

Bính nghẹn ngào nói:

– Em ra khỏi nhà một bước chả được, nữa là trốn đi. Mụ Tài để ý tới em luôn và giao hẳn em cho các chị ấy coi giữ. Mà em có lúc nào rỗi đâu để ra ngoài kiếm thêm? Gái mới, tiếp nguyên khách ở nhà cũng đủ nhược người, huống chi còn khách khứa riêng thì đến... vào săng mất.

Bính nức nở, quay hẳn mặt đi, tránh nhìn ngọn đèn dầu lù mù trong gian buồng âm u mà mỗi lúc Bính để ý tới thì lại thấy nó như là ma quỷ cứ giữ diệt Bính lại với cái đời làm đĩ càng ngày càng nhơ nhớp không thể đoạn tuyệt được.

Dưới hai vai run rẩy của Bính, Năm Sài Gòn bỗng thấy tâm trí lạnh và mềm hẳn đi. Năm càng đăm đăm nhìn cái gương mặt xanh xao buồn thảm của Bính, trong lòng Năm càng rào rạt. Thật là một sự lạ, một sự kỳ diệu trong cái đời du thực của Năm là còn biết thương, nhất là còn biết yêu! Phải! Năm Sài Gòn có thương yêu ai bao giờ đâu vì hắn không được một ai thương yêu tới. Bố mẹ hắn chết ngay khi hắn mới lọt lòng. Hắn không có anh em thân thích nào hết. Bé đi làm con mày con nuôi hết cửa này đến cửa khác. Lớn lên một chút thì trốn đi ăn đi ở. Rồi lang thang đầu đường cuối chợ, rửa bát, bổ củi, gánh nước, đội than, chẳng làm ở đâu lâu cả vì công việc thất thường, tính nết lại ngang ngạnh, ham chơi... Sự sống cô độc và bê tha ấy đã biến đổi rất mau sớm tâm hồn Năm nên khô khan tàn ác.

Năm nắm chặt bàn tay Bính, áp nữa vào ngực mình. Thoáng phút giây, chợt nghĩ đến đời mình trơ trọi. Năm cảm thấy cần phải có gia đình, cần phải lấy Bính, người đàn bà đã làm êm đẹp nỗi mắt Năm xưa nay không biết cái êm đẹp là thế nào và làm Năm phải yêu dấu.

Năm hồi hộp không thể giữ được, bật tiếng hỏi:

– Tôi không có cha mẹ, anh em thân thích nào cả, vậy Bính có thuận tôi nói với mụ Tài cưới Bính không?

Bính chẳng còn do dự, chẳng cần suy xét Năm là hạng người gì, đời làm vợ Năm rồi sẽ ra sao, chớp chớp mắt, đáp:

– Em thì rắp tâm lắm, nhưng còn anh chả biết có thực bụng với em không?

– Sao lại không thực! Mà em thực bằng lòng chứ?

Bính không đáp bằng tiếng nói mà chỉ càng siết chặt lấy tay Năm rồi thần mặt ra nhìn Năm.

Chợt ngọn đèn lù mù nhảy lên nhảy xuống, ngoi lên một tý ánh sáng vàng đục rồi vụt tắt. Gian buồng thêm lạnh lẽo, âm u, không khí càng nặng nề đè nén. Cảnh giấc mơ khủng khiếp hôm xưa lờ mờ bỗng lại hiện ra giữa khoảng tối tăm: một người đàn bà trơ trọi ở nơi bán trôn nuôi miệng... một xác chết thối rữa trên chiếc giường mọt gẫy... một cỗ áo quan mỏng mảnh đu đi đu lại dưới chiếc đòn gánh chạy cót két ra một bãi tha ma. Bính rùng mình vội bưng lấy mặt, nghẹn ngào, lay người Năm:

– Anh Năm!... anh có thực bụng với em không?

VII

Tám Bính ra khỏi nhà mụ Tài-sế-cấu đã được một tuần lễ. Được thuốc thang và ăn uống tẩm bổ, Bính tưởng chừng bệnh tình mỗi ngày một bớt đi. Nhưng quái lạ, Bính càng ngày càng yếu và mệt mỏi, tuy tâm trí tỉnh táo hơn trước nhiều. Thì ra sự vui sướng chỉ có thể chữa cho tinh thần Bính khỏi buồn rầu, đau đớn thôi, còn cái thân thể rã rời kia đã bao nhiêu đêm liên miên dùng làm "đồ chơi" cho mọi hạng người, còn cần phải tĩnh dưỡng và chữa thuốc lâu nữa mới mong lành mạnh được.

Năm Sài Gòn băn khoăn lắm. Năm biết vợ thế nên không để vợ mó tay vào một việc gì. Hai bữa cơm Năm trông nom rất tươm tất. Năm thuê hẳn một người vú già để còn chăm Bính khi Năm đi vắng, Bính mừng thầm gặp được một người chồng chẳng đẹp mắt nào, nhưng biết thương yêu vợ thế là quý.

Một buổi trưa mùa xuân, mưa phùn rào rạt tạt vào búi găng quây lấy góc vườn, Bính hơi nghển cổ cũng trông thấy rõ cả một cảnh vật ướt át trong mưa bụi. Cách dậu găng độ vài bước, một khu vườn nhỏ cỏ mọc đầy, lao xao mỗi lần gió thổi giạt trên mặt cỏ xanh um vài đống rác nổi ụn lên. Quanh đó, mấy con gà giò tranh nhau bới. Có con cố gắng nhảy lên phía trên nhưng vì đuối sức ngã nhào đi, nằm tênh hênh, lộ hẳn hai bên lườn vàng nẫn thịt.

Chợt nghĩ đến một đêm khuya đón khách vừa đói vừa mệt cách đây chừng hai tháng, Hai Liên đem ở cao lâu về cho mình một bát cháo gà nóng, mà Bính ăn chưa bao giờ thấy ngon đến như thế, Bính lên tiếng gọi người vú già.

Một người đàn bà thấp bé, quần áo lôi thôi ở dưới bếp chạy lên:

– Cô gọi gì con?

– U có biết nấu cháo gà không? Biết, nhà có con gà mới mua đấy, u đun nước làm thịt nấu cho tôi bát cháo.

Người vú già đờ mắt ra, rồi như tìm thấy một điều gì quan trọng, y thấp giọng nói:

– Thưa cô, cô không ăn được.

– Tại sao?

– Cụ lang dặn phải kiêng ạ!

Bính gắt:

– U biết tôi ốm thế nào mà bảo cụ lang bắt tôi phải kiêng?

Vú già lặng ngắt cố tìm một tiếng thanh thú để chỉ cái bệnh của Bính đương ở thời kỳ nặng nhất, nhưng nghĩ mãi không ra. Vú ấp úng:

– Bệnh bệnh... tôi chỉ biết cụ lang bảo cô phải kiêng thôi...

Bính toan gắt lên hỏi thì vẻ mặt lo lắng một cách khờ khạo của người vú già làm Bính nhận ra ngay cái rụt rè kia. Bính thở dài, rồi run run bảo vú xuống bếp sắc thuốc. Chờ y đi khỏi, Bính cúi mặt xuống gối khóc nức nở.

Cái bệnh tàn hại mà thằng trẻ tuổi khốn nạn đổ cho Bính tưởng đã dứt nọc ngay sau hai tháng Bính nằm chữa ở nhà thương, ngờ đâu vẫn còn dây dưa đến tận bây giờ! Nó làm Bính biết bao ê chề đau đớn. Bính muốn gượng dậy để đi đi lại lại cho khuây khỏa, song cửa mình vẫn còn sưng lên, hai ống chân mỏi nhừ vì xương đầu gối như sắp bong ra. Đến bữa Bính trông thức ăn ngon lành rõ muốn ăn nhưng khi vừa nhai khỏi miệng, hơi chua lợ đã đưa ngay lên đầy cổ, nôn không được. Chắc bệnh Bính càng ngày càng nặng lắm.

Bính đau xót, chán nản... Bính lại thương nhớ đến con thơ. Và nghĩ đến Hai Liên tuyệt vọng vì không thể sinh nở được nên đành ở cho đến ngày trọn đời nơi nhơ nhớp, Bính lại càng tê tái vì nỗi mẹ con phải lìa bỏ nhau mà Bính thấy dù sao cảnh Bính, cảnh bệnh tật khổ não ghê khiếp thế nào, cũng không thấm với cảnh đen tối mênh mông của một người đàn bà không thể nào có cái hạnh phúc được làm mẹ.

Vì, dù nghèo khổ đến như bác Gái bờ đê ở làng Bính mà có đứa

con để ôm ấp, bế ẵm thì nỗi trơ trọi cơ cực sẽ bớt đi nhiều. Suốt ngày mò cua bắt ốc, làm thuê cấy mướn đầu tắt mặt tối, rồi về chui rúc dưới một túp lều giữa cánh đồng, bác Gái bờ đê không bao giờ lộ vẻ buồn rầu trên gương mặt đen xạm. Như người khác cùng tuổi 23, 24 ấy mà gặp phải cảnh góa bụa, sống lần hồi, đói rét họ đã kêu ca, oán trách số phận, nhưng đây bác Gái bờ đê vui vẻ như thường. Cứ trông khi bác ta giơ đứa con nhỏ lên quá đầu, rồi ôm ghì nó vào ngực, rồi hôn hít nó, rồi cắn véo và mắng yêu nó, thì Bính thấy trên đời như chỉ có mình hai mẹ con bác ta. Giờ Bính cũng chỉ ao ước được như bác Gái thôi, và trên đời này cũng chỉ cái hạnh phúc là có thể xóa hẳn những kỷ niệm tàn bạo mà "tham" Chung, thằng trẻ tuổi, con mụ đàn bà đanh đá, Sở Cẩm, nhà Lục xì, mụ Tài-sế-cấu, những ngày đằng đẵng rã rượi ngủ không ngủ được, đêm đến, hôm đắt cũng như ế, cứ phải thức đến hai ba giờ để tiếp khách... bao nhiêu xót xa ê chề đã khắc từng ly từng tí trong trí nhớ Bính. Tất cả những ngày tối tăm kia sẽ mất hết dấu vết trước sự sáng láng tốt tươi của một cảnh đời mẹ con sum họp vui vẻ.

Một luồng gió lạnh tung chiếc màn che cửa ùa vào nhà. Bính rùng mình, lờ đờ nhìn khu vườn một giờ một mờ mịt trong những lớp mưa xám ngắt. Bính vẫn không sao quên được bệnh tình trầm trọng và cái chết như đang lảng vảng ở đâu đây.

Năm Sài Gòn bỗng đẩy cánh cửa bước vào, Năm vội đến bên giường Bính;

– Thế nào, người mình đã dễ chịu nhiều chưa?

Bính lắc đầu:

– Em vẫn mệt lắm!

Năm chau mày:

– Sao lại thế? Ông lang bốc thuốc thế nào?

– Có lẽ em chết mất.

Năm gạt ngay đi:

– Mình chỉ nghĩ vẩn vơ thôi! Thế nào rồi cũng phải khỏi. Thứ thuốc nào hay mà đắt bao nhiêu anh cũng mua cho, hoặc có ông lang nào giỏi mà xa đến đâu anh cũng mời. Mình cứ vững lòng ở anh.

Bính âu yếm nhìn Năm lúc lâu vừa nắm lấy tay Năm. Sau đó Bính giục Năm ăn cơm kẻo muộn.

Vú già bưng mâm lên, đặt ở giữa giường. Năm Sài Gòn liền đỡ Bính ngồi dựa lưng vào chiếc chăn bông để sát mặt tường.

Năm xới cơm cho Bính trước, đoạn chỉ từng đĩa thức ăn:

– Đây là thịt nạc làm ruốc, đây giò lụa chả thìa của hàng bác Cao trên chợ Sắt, đĩa xá xíu này là xá xíu anh mới mua ở hiệu Mỹ Hương phố Hàng Cháo về. Canh thịt thì nhà nấu với hoa hiên.

Năm chan canh cho Bính xong liền húp hai thìa gật đầu:

– Ngọt quá! U già đã ở cho khách cao lâu có khác! Kìa mình ăn đi, có chịu ăn mới chóng khỏe chứ!

Năm gắp cho Bính từng miếng một, khoanh giò, miếng thịt nào trước khi bỏ vào bát Bính, Năm cũng giơ lên xem. Còn Bính bát cơm xẻ đi xẻ lại mãi mà không hết. Vừa cơm nước xong, một ông lang đi xe đến. Năm thân ra mở cửa và đón ông vào tận giường Bính.

PHẦN THỨ HAI

I

Một trưa dân "chạy vỏ" tụ họp ở nhà Năm Sài Gòn.

Vẫn ngọn đèn dầu lạc búp măng sáng trong giữa cái khay Nhật Bản viền chỉ vàng, vẫn chiếc giọc tẩu dài hơn một thước ta bịt bạc và chiếc tẩu đầu hổ ngậm nửa quả cam lên nước mun đen bóng, nhưng trên giường và ở các ghế chung quanh, ta thấy thêm nhiều nhân vật mới lạ.

Chín Hiếc, Mười Khai dắt theo một người hom hem mắt sếch, luôn nhấp nháp tên gọi là Tư nhấp nháy. Sau lưng Tư-lập-lơ, ba anh vốn chuyên môn *khai,* [1] *mõi* [2] ở chợ Đồng Xuân Hà Nội mà Tư mới chiêu tập xuống Cảng để thêm vây cánh hoành hành khắp chợ Sắt, chợ Con và chợ Lạc Viên. Ba gã này đều mảnh khảnh, mắt nhìn đều nhanh như chớp, lông mày đều rậm, đuôi nhọn và sếch, cũng quần đen chùng rộng ống, áo cánh trắng cổ bẻ, và cái tên kép cũng chỉ khác nhau chữ đầu thôi: Hai Con, Ba Con, Tư Con.

1. *Khai*: cắt, xẻo.
2. *Mõi*: móc, rút.

Còn anh chàng Ba Bay lúc nào cũng "đi" có một mình vì không có ai dù là dân *anh chị* dám đánh đu với hắn. Đời thuở nào trong túi không xu nhỏ nhưng hễ *hồ lỳ*[1] cất mồm *thừa*[2] hàng bạc trăm, Ba Bay ta cũng thò tay mở bát liền. Được thì lấy, thua thì hắn thủng thẳng rút dao giắt ở bên đùi ra gạt nợ. Đã lắm phen gặp phải *hồ lỳ* và con bạc sừng sẹo, hai bên xô xát nhau, nhưng rút cục cái liều thục mạng của Ba vẫn chiếm phần thắng. Người cuối cùng trong bọn là một gã trẻ tuổi ngồi ở góc tường gần Sáu gáo đồng, đương nghển cổ trừng trừng nhìn vào mặt Năm Sài Gòn. Ý chừng hắn thèm cái hân hạnh được mặt đầy những nốt dao chém và cái đời "anh chị" độc nhất của Năm hay sao nên mắt hắn cứ long lên. Hắn mới cắt máu ăn thề dạo tháng trước, và nhận cái danh hiệu "Ba trâu lăn" của anh em tặng.

Bỗng tất cả im lặng. Chín Hiếc đương chực kéo một hơi thuốc lào cũng phải buông xe điếu xuống chiếu nghe Tư-lập-lơ nói:

– Anh em ơi! Nguy đến nơi rồi!

Năm Sài Gòn mỉm cười:

– Nguy ra sao?

Giọng nói khinh thường ấy không đủ dẹp được sự lo lắng của Tư-lập-lơ, hắn thong thả bảo Năm:

– Anh không lo, nhưng chúng tôi lo, bây giờ *cớm* [3] nó *trõm* [4] ghê lắm.

Ba trâu lăn, Ba Bay nhao nhao lên hỏi:

– Trõm ai, trõm ai?

Tư-lập-lơ lắc đầu trách Chín Hiếc:

– Chỉ tại mày thôi, trêu ngay vào cái của *hóc búa* ấy rồi để khó khăn cho anh em.

Chín Hiếc chực cãi, Tư-lập-lơ đã nói át đi:

– Người đàn bà mất tiền ấy là vợ một *cớm chùng* [5] ở Hồng Gai mới đổi về đây, không biết "tiểu yêu" của mày làm ăn ra sao để đến

1. *Hồ lỳ*: người tính toán tiền ở chiếu bạc.
2. *Thừa*: gọi khách đánh.
3. *Cớm*: mật thám, đội xếp.
4. *Trõm*: rình mò truy nã.
5. *Cớm chùng*: mật thám.

– Hả! Hả quá! Phụ mẫu ạ!

– Ít quá! Bắt nó ăn ít quá. *Thâm bo*[1] cũng còn là nhẹ tội.

Một gã đứng phắt lên:

– Vì còn thiếu vài chai rượu "bia" nữa.

Lại một dịp cười ran lên với những tiếng đập bàn, đập chiếu làm rung chuyển cả nhà. Chợt Tám Bính đẩy cửa bước vào. Năm Sài Gòn liền hất hàm giới thiệu với mọi người:

– Nhà tôi đấy các chú ạ!

Ba trâu lăn trố mắt nhìn. Hắn cố nhớ xem đã gặp Bính lần nào chưa mà trông Bính quen quá.

– Chị trước ở nhà mụ Tài-sế-cấu phải không anh Năm?

Năm Sài Gòn cười, gật đầu. Ba trâu lăn hỏi luôn:

– Anh cưới về đã bao lâu mà chị đã bưng trống thế kia?

Năm sung sướng:

– *Bét dịt* [2] rồi.

Thấy hàng chục cặp mắt tinh quái nhìn trõ vào mặt mình, hai má Bính nóng lên, Bính vội đi vào buồng.

Tuy ngả lưng xuống giường, nhưng Bính vẫn lắng tai nghe bên ngoài chuyện trò và bàn tán.

Ba Con nắm tay Chín Hiếc hỏi:

– Vậy làm khó dễ cho anh em vì cả anh vào trong đề lao, anh nghĩ sao bây giờ?

Chín Hiếc quắc mắt lườm:

– Anh lôi thôi quá! "Cớm" canh gác riết thế này mình cứ "làm tiền" mới can trường chứ. Tôi thật lấy làm lạ: lúc chia năm chia bảy, chẳng ai trách tôi, mà ngày nay xảy ra cơ sự này, các anh lại trút cả lên đầu tôi thì còn giời đất nào nữa!

Ba trâu lăn về hùa với Chín:

– Bất quá chúng ta chỉ "chơi" độ dăm tháng cho đỡ nhọc xác, vậy càng hay. Có một tý thế mà cũng rối beng cả lên, chả trông anh Năm, nước đến chân vẫn cứ như thường.

---

1. *Thâm bo*: ba bát.
2. *Bét dịt*: tám tháng.

Một người đáp:

– Anh Năm khác!... Chúng mình khác!...

Ba trâu lăn cười mũi:

– Anh Năm khác, các anh khác, vì các anh bị bắt, sợ chết chứ gì!

Tức thì Ba Bay phanh ngực nói to:

– Như tôi đây gầy còm thế này cũng có thể chịu nổi vài nhát dao chém, vài trận đòn "săng tan", vài tháng tù, huống chi các anh béo khỏe như vâm ấy mà sợ thì lạ thật!

Tư-lập-lơ hừ một tiếng:

– Mình để cho người ta chém tức là mình kém, mình chém người rồi ngồi tù mới giỏi chứ, và mình sả cả "cớm" mới can trường hơn. Nội bọn ta đây, tôi dám hỏi rằng ai là tay chơi, ai can trường quyết bênh vực anh em mà thí cho "cớm" vài nhát nào?

Năm Sài Gòn nóng sôi người lên, nghiến răng, nắm chặt bàn tay đập mạnh một cái xuống giường, làm rung chuyển cả chân niễng:

– Chú muốn thịt ai?

– Đội "cớm" Minh, "cớm chùng" Hiếu, và các thằng xếp Bảy mề đay anh lạ gì còn phải hỏi (?!).

Năm đã đỏ tía mắt lên, vùng dậy rút lưỡi dao sáng loáng cài trên đình màn xuống, xăm xăm chực đi. Bính chạy xổ ra, run cầm cập, ôm chặt lấy Năm, ríu lưỡi kêu:

– Đừng hung tợn thế!... Em van mình! Đừng hung tợn thế!... Em van mình! Em van mình!...

Năm gỡ tay Bính, mắt sáng quắc, long lên, miệng sùi bọt mép:

– Mặc tôi! Mặc tôi!

– Em lạy mình đấy! Thương em chứ!

Năm toan gạt Bính ra bên nhưng Bính nằm lăn ra đất và giữ lấy ống quần Năm khóc nức nở. Năm vội cúi xuống, ẵm bổng Bính đặt lên giường, thì Bính vòng hai tay qua nách, túm chặt lấy áo Năm:

– Em lạy mình! Đừng hung tợn thế! Em van mình! Mình thương em! Giời ơi!

Mấy giọt nước mắt của Bính qua lần lụa mỏng thấm vào da thịt Năm Sài Gòn. Một cảm giác ghê lạ chuyển khắp người Năm khi bụng Bính ép vào lưng Năm. Hắn ngoái cổ trông lại. Mắt long lanh vừa

gặp mắt Bính chan hòa, Năm Sài Gòn cực chẳng đã thở hồng hộc ngồi xuống giường:

– Ừ, thì mình cứ buông tôi ra.

– Để mình đi à?

– Không, tôi không đi đâu, mình đừng sợ.

Năm vừa ngừng nói, Ba trâu lăn tiến đến giằng lấy dao:

– Thôi anh Năm ở nhà cho tôi mượn con *đoàn* [1] này để tôi thay anh sả chúng nó.

Hơn mười con mắt sáng ngời đổ dồn vào Ba. Riêng Tám Bính kinh ngạc.

... Đêm khuya rồi, Bính muốn chợp mắt ngủ, song không được. Tâm trí Bính cứ phải liên miên nghĩ tới những sự xảy ra ban ngày mà Bính thấy có thể lại làm tan nát cả đời Bính và đẩy Bính vào một quãng đời lại khốn nạn vô cùng. Khắp xóm chợ Con đều im lặng trong khoảng đêm thu sao thưa. Thỉnh thoảng vài tiếng rao hàng uể oải của người bán bánh cuốn nóng phào lên rồi khi tiếng rao im lìm, không khí lại vắng vẻ nặng nề hơn.

Bính đưa mắt trông ra ngoài đường. Dưới cột đèn ở trước nhà Bính, một người xe gác càng xe lên bệ xi măng, dựa lưng vào hòm xe ngủ li bì. Cách đấy vài bước, một người ăn mày nằm co quắp trên chiếc chiếu rách mướp. Bính chỉ nhận ra là một người, không rõ là đàn ông hay đàn bà, và cái đống thịt ấy đương ngủ say hay còn trằn trọc trong bóng tối của những nỗi đói rét khổ sở. Cách đấy không xa, trên mặt đường lù lù những đống rác bẩn. Mấy con chuột rúc rích kéo nhau đến sục sạo tìm thức ăn.

Bính rợn cả người. Không khi nào vùng quê Bính lại có một cảnh vật thê thảm như thế! Cũng vắng lặng, cũng tối tăm, nhưng cái vắng lặng tối tăm khoáng đãng khác hẳn cái vắng lặng lù mù bẩn thỉu này. Bính liền so sánh cảnh ở nhà mụ Tài ván gỗ ám khói, ánh đèn lù mù, phản mọt, chiếu giải không bao giờ khô ráo ngay ngắn, gối vàng mồ hôi với cảnh anh phu xe ngồi rũ rượi, người ăn mày co rúm ở xó hè ri rỉ tiếng muỗi và đống rác cao ngất này, Bính thấy đều tanh tởm, nhơ nhớp như nhau. Thì ra từ khi đi khỏi chốn quê hương đồng ruộng bát ngát đến giờ chẳng lúc nào Bính không ghê sợ vì

1. *Đoàn*: dao to, (dao nhỏ: *Bút*).

cảnh vật chung quanh mình. Bất giác Bính quay nhìn Năm Sài Gòn nằm ngủ bên cạnh. Nhờ ánh đèn vặn to, Bính nhận rõ nét mặt Năm, Năm đen nháy, cầm bạnh, xạm râu, hai mắt sếch, mé trên mắt bên phải vẹt hẳn một nửa lông mày dưới vết dao chém sâu hõm. Trên má Năm, trên trán Năm, mấy cái sẹo nữa chằng chịt như những vết rạn của chiếc vại sành. Cứ khuôn mặt ấy mà người khác đoán thì Năm sẽ mất hết tính người.

Bính lắc đầu, thở dài... Bính ngạc nhiên cho cách đối đãi lạ lùng của Năm đã săn sóc Bính từ miếng cơm, từng hớp thuốc, suốt mấy tháng ròng Bính nằm liệt giường liệt chiếu. Nhất là mấy tháng nay Bính có mang, Năm càng nâng nhấc chiều chuộng, Năm mời hết thầy lang nọ đến thầy lang kia, tốn kém đã nhiều mà cứ luôn luôn hỏi Bính: "Mình nghe trong người thế nào? Ăn uống có biết ngon không?".

Trước kia Bính đinh ninh rằng Bính chỉ là một người chịu ơn Năm thôi, nhưng bây giờ Bính mới rõ Bính hoàn toàn là vợ Năm, yêu thương Năm thấm thía. Tuy thế Bính vẫn lo sợ cho sự sống của Năm.

Nhất là mấy hôm nay sự thực càng mở to mắt Bính ra: Năm càng không phải là một người có thể Bính khuyên nhủ dần dần trở về làm ăn lương thiện. Năm đứng đầu hẳn những du côn anh chị nhất.

Năm làm cả trùm ăn cắp. Năm là một hạng người mà hết thảy mọi người tử tế xa lánh, ghê sợ.

Bính đau xót quá! Lúc Bính kiếm được miếng ăn thì thân thể bị giày vò. Lúc gặp bước an nhàn thì lương tâm bị cắn rứt vì mình sung sướng mà người khác thiệt thòi, khổ sở. Nhưng Bính có thể bỏ nhà mụ Tài-sế-cấu theo Năm, chứ bỏ Năm để tìm cảnh vui tươi khác, Bính thật không sao có can đảm. Tấm lòng tốt chan chứa yêu thương của Năm sẽ giữ nàng ở với Năm cho tới ngày trọn đời.

Bính nghẹn ngào quay mặt đi, không dám nhìn Năm nữa. Bính bối rối và tưởng đến sau khi sinh nở mẹ tròn con vuông, đứa bé một ngày một khôn lớn, cả hai mẹ con vẫn đều được nuôi nấng bởi những của phi nghĩa mà người bị thiệt hại nguyền rủa thâu đêm suốt sáng kẻ chiếm đoạt, Bính càng choáng váng. Bính cúi chằm xuống gối. Trong tâm trí Bính lại hiện ra nhiều hình ảnh quái gở. Gió thổi ào ào bỗng vẳng lên những tiếng kêu ca oán trách, rủa sả. Bính vội lắc

đầu xua đuổi. Nhưng những tiếng kêu rên rõ ràng hơn, day dứt từng miếng thịt Bính ra.

– Giê-su! Lạy Chúa con!...

Cánh cửa ngoài sịch động, Bính hoảng hốt thêm, tưởng có ai sắp đến bắt mình. Bính run rẩy vội nắm lấy tay Năm, chực lay gọi thì Năm đã cất tiếng cười, cười sặc sụa, cười đổ hồi. Hắn đương mơ màng vùng vẫy trong giấc mơ đỏ rực, hai tay hoa hai lưỡi dao nhọn đẫm máu người.

II

Mấy hôm nay vắng mặt Năm Sài Gòn ở nhà, Bính không biết chồng đi đâu, ở đâu để đi tìm, và Bính cũng không ngờ chồng đã bị bắt đương ủ rũ trong đề lao Hải Phòng.

Tin Năm Sài Gòn *nhỡ*[1] làm nôn nao cả dân "chạy" Hải Phòng như cái tin Ba trâu lăn chém sả vai một người mật thám và vụ cướp đường cách đây tám tháng vẫn chưa tìm ra thủ phạm.

Ở trong một ngõ hẻm trước "vườn hoa Đưa người" mấy đứa trẻ xúm lại chung quanh Chín Hiếc. Một thằng đội chiếc mũ dạ bẹp dúm hếch lên tận đỉnh đầu và một thằng đương xóc xách mấy đồng xu trong túi quần thâm cạp trắng nhăn nhở xoa xoa cầm Chín Hiếc hỏi:

– Anh Chín! Ai bắt anh Năm đấy?

Chín nghiêm mặt không đáp. Hắn đương phải nghĩ những cách đối phó với các "cớm" thì một thằng bé ít tuổi nhất mặc bộ quần áo bằng vải nội hoa kẻ dòng dọc đen và xanh, ghé ngay miệng vào tai Chín:

– Hừ! Làm phách ghê! Ai bắt anh Năm, và Ba trâu lăn trốn ở đâu, phải nói mau, không đây chỉ nghiến một cái thì tai "đi tây" béng nào.

Chín Hiếc hất bắn nó đi: "Nhờn với chúng mày đấy! Ông lại bớp cho mỗi đứa một cái bây giờ!".

Chín nói đoạn, Mười Khai dẫn Ba Bay, Tư-lập-lơ, Ba Con, Hai Con và Tư Con đến giục chàng cùng lại nhà Năm để báo tin cho Tám Bính biết. Chín Hiếc ngần ngại bảo mọi người:

---

1. *Nhỡ*: bị tù.

– Ý tôi muốn chúng ta đừng lại vì chắc bây giờ "cớm chùng" đương "trõm" riết nhà Năm, nếu lại thế nào cũng lôi thôi.

Tư-lập-lơ cười:

– Thế thì mày tệ lắm, tao chắc mày sợ chị Năm *khấu bó*[1] tiền nong nên mày gàn chúng tao chứ gì?

Ba Bay tiếp lời:

– Mà Chín ạ, mày nói thế không sợ còn có lúc gặp anh Năm sao? Tao bảo thật, nếu khi anh ấy ra, có đứa nào "đẩy cây" anh ấy câu chuyện này thì mày sẽ hết làm anh, hết sống cũng nên. Vả lại anh ấy đối đãi với anh em như bát nước đầy, thằng nào *đét*[2] thì lại nhà anh ấy *mồ chạc*[3] hàng tháng, thằng nào tù anh ấy mua quà bánh và cả *ken nếp*[4] cậy cục gửi vào, tao thiết tưởng nếu không vì mày anh ấy chẳng việc gì cả. Ăn ở như mày thật quá *ma bùn*.

Một lúc sau, cả bọn cùng kéo nhau xuống chợ Con. Bính đương nằm rũ trên giường, chợt thấy cửa mở vội chạy ra, suýt nữa xô phải Ba Bay:

– Kìa chú Ba! Kìa các chú!

– Chào chị!

Bính chực xách ấm ra hàng lấy nước uống nhưng Ba Bay ngăn lại:

– Thôi chị mặc chúng tôi, và chị ngồi xuống ghế đây, tôi cho chị biết cái tin này.

– Chị ạ, anh Năm bị nhỡ rồi.

Bính tái mặt, ríu lưỡi nhắc:

– Nhà tôi bị... tù?

– Vâng! Từ hôm kia kia!

Bính run không được, phải bíu lấy cột giường mới đứng vững.

– Chị đừng lo, chả chóng thì chầy, anh ấy sẽ ra.

– Nhưng nhà tôi bị bắt về việc gì cơ?

Ba Bay đưa mắt nhìn Chín Hiếc rồi trả lời:

– Anh bị bắt tình nghi về vụ Ao than...

---

1. *Khấu bó*: nhờ vả.
2. *Đét*: không ăn cắp được, túng bấn.
3. *Mồ chạc*: ăn nhờ.
4. *Ken nếp*: thuốc phiện.

– Nhưng không việc gì đâu chị ạ.

– Chết tôi rồi!

– Không, chị cứ vững tâm. Anh không lấy tiền, không đâm người, và đàn em nó nhận hết, dự thẩm xét xong thế nào cũng thả ra.

Tư-lập-lơ tiếp lời Ba Bay:

– Chị cứ yên tâm. Anh chỉ bị giam vài tháng là cùng.

Bính nức nở, dứt xé hết vạt áo, Tư-lập-lơ cau mày:

– Không lâu đâu, như một giấc ngủ thôi. Chị đừng lo lắng quá! Chúng tôi không bao giờ để chị thiếu thốn đâu. Chúng tôi cắt nhau thu tiền *bồi* [1] cho chị như khi anh Năm ở nhà vậy.

Hắn lấy ra ba tờ giấy bạc một đồng đưa vào tay Bính, hất hàm hỏi Mười Khai:

– Còn tiền *bồi* của mày đâu?

Mười Khai nhanh nhẹn đặt trên bàn hai đồng bạc hào.

Bính ngạc nhiên, ngước mắt hỏi Tư-lập-lơ và Mười Khai:

– Tiền này của nhà tôi gửi cho tôi?

Tư-lập-lơ cười đáp:

– Chị thật thà quá! Đấy là tiền tôi bắt những *vỏ lỏi*[2] nộp khi chúng làm được tiền đấy.

Bính còn ngờ ngợ nhưng chợt hiểu ra nghĩa những tiếng trên kia bèn vội vàng đưa giả:

– Không, cám ơn anh em, tôi không túng đâu, anh em cầm lấy mà tiêu.

Dứt lời Bính lại bưng mặt khóc. Mọi người bấm nhau đứng dậy về. Còn món tiền năm đồng Tư-lập-lơ xếp cẩn thận để trên giường, và, khi gần ra khỏi cửa, Tư còn ngoái lại dặn với Bính đến thứ tư này Tư sẽ mượn người làm giấy xin phép cho Bính đưa quà bánh vào thăm Năm.

Chúng đi khỏi, tuy biết cửa mở toang, nhưng Bính chẳng cần đứng dậy khép lại, Bính nằm rũ trên giường choáng váng nghĩ đến những sự nguy khốn sẽ còn xảy ra cho Năm và cho mình. Chỉ vài ba tháng nữa thôi. Bính sẽ đẻ mà Năm vẫn bị giam cầm, lúc đó Bính biết xử trí ra sao? Và bây giờ Bính biết chạy chọt kêu cầu ai để gỡ

1. *Tiền bồi*: tiền của bọn ăn cắp trích nộp đàn anh.

2. *Vỏ lỏi*: ăn cắp bé con.

nạn cho Năm? Bính không thể nương nhờ tụi bạn của chồng được. Tiền của chúng, Bính ghê rợn như lưỡi gươm sắc vấy máu, Bính không bao giờ dám nhìn, không bao giờ dám cầm.

Tâm trí nàng đã tơi bời như mớ bông trước cơn gió lốc, Bính chợt nhớ tới tình cảnh sinh đẻ ở quê hương cách đây mới hơn một năm.

Trong một đêm cuối tháng tối mịt. Bính phải vịn vai mẹ, theo một con đường hẹp quanh co ven ruộng ngập nước. Bụng dưới Bính đau quặn tựa hồ bị ai cầm lấy ruột soắn chặt. Chân tay Bính rã rời. Mắt hoa lên. Tai ù hẳn đi. Đầu nặng trĩu. Bính đành ngồi xệp xuống bờ cỏ ướt, ngất đi. Đến lúc tỉnh dậy, đưa mắt nhìn chung quanh thì Bính không thể nhận ra đây là nhà nào trong làng. Trời như một cửa hang sâu thẳm. Gian buồng Bính nằm không có lấy một vệt sáng đèn.

Mẹ Bính ngồi bên lẩm bẩm những câu nói nhỏ, với một người lạ mặt. Hình như hai bên hơi nặng tiếng với nhau, mặc cả với nhau, Bính còn nhớ rõ:

– Nếu những ba đồng thì tôi bỏ "nó" lại cho bà. Người kia cười nhạt:

– Càng hay, tôi chỉ đem "nó" trình làng bà sẽ biết.

– Tôi thách đấy.

– Không thế thì chả cần thách tôi cũng trình làng.

Trong bóng tối lạnh lẽo và khó thở, Bính như thấy cặp mắt long lên của nhà mụ đỡ đưa nhìn mẹ Bính và Bính. Rồi vài phút sau, tiếng khóc oe oe ở nhà dưới đưa lên, Bính sực nhớ mình đã đẻ. Bính muốn xem mặt con mà không dám. Hàng giờ sau mẹ Bính mới bế đứa bé ném phịch vào lòng Bính vừa thúc giục:

– Bế bố mày về đi thôi.

Câu nói đay nghiến ấy không đủ lấn được nỗi vui mừng của Bính. Bính đặt tay lên cái mẩu thịt thây lẩy ở giữa hai bắp đùi đứa bé kêu khẽ:

– Ồ con giai!

Mẹ Bính nghiến răng:

– Thôi con đĩ! Con giai hay con gái, bố mẹ mày cũng chỉ là phải chịu cái nợ. Chỉ bêu riếu cho bà!

Chẳng để Bính uống kịp hụm nước cho đỡ khát, mẹ Bính lôi Bính dậy, kéo ra ngoài sân.

Nhưng lần này Bính đi quãng đường khác, quanh theo rặng tre cao vút rào rào gần bờ sông. Bính ôm chặt con vào ngực, bước từng bước. Hai chân Bính chỉ chực khuỵu xuống, người Bính rét run không được. Bính phải cắn chặt răng lại. Mẹ Bính hậm hực đi kèm bên, thỉnh thoảng lại gờm gờm trông vào mặt con Bính làm Bính sởn cả thịt. Tới khi sắp đến nhà, mẹ Bính ghé tận tai Bính dằn từng tiếng nói:

– Thôi con đã giả xong cái nghĩa với "mẹ", lo liệu cho "mẹ" được mẹ tròn con vuông. Giờ "mẹ" phải giữ cho bố trẻ "mẹ" bé bé cái mồm không có lại trách "con" đấy.

Nghĩ tới đây Bính thở dài:

– Lần này ta lại đẻ nhưng rồi có được ôm con nuôi không?

Bính gượng ngồi dậy, chực với ấm nước rít uống thì thấy ngay ba tờ giấy bạc và hai đồng bạc hào trên bàn. Bính lắc đầu: – Chết thì chết, cũng không động đến những tiền này.

Như mê man, Bính vùng bước xuống đất, kiễng chân hạ những quần áo trên mắc xem có cái nào còn mới không. Thấy toàn là bằng vải đã cũ. Bính lại trèo lên giường mở tung nắp hòm lục tìm. Một chiếc thắt lưng lụa, một cặp áo the, một chiếc quần nái mới tinh, Bính vuốt thắt lưng thật phẳng, rũ sạch bột long não ở các nếp cặp áo the đi, và lấy bàn tay là bốn năm lượt hai ống quần nái. Đoạn Bính thừ người ra, lờ đờ nhìn.

Ánh nắng vàng tươi và trong suốt của một ngày thu ấm đương lùa vào đầy nhà. Mắt Bính vụt như hoa lên với bao nhiêu hình ảnh hiển hiện. Dưới bóng cụm chuối xanh phấp phới, gần con đường nhỏ lượn giữa thửa ruộng dưới trời lơ biếc ở đằng xa, Bính thấy từ từ nổi lên một bóng dáng nhẹ nhõm, da dẻ hồng hào, tươi cười, hớn hở, và một chiếc đòn gánh dẻo dang nhún nhảy nhịp cùng những bước thoăn thoắt, những cánh tay mềm mại vung tà áo nâu ra trước gió. Đó là hình ảnh của Bính, người con gái chất phác chỉ biết có đua đòi các chị em đi các chợ xa gần, cái hình ảnh tươi thắm cách đây không bao xa...

Một tia hy vọng bỗng thoáng chiếu vào tâm trí Bính như làn chớp vụt xé vùng trời mờ tối. Bằng sự lần hồi buôn bán tần tảo ở các chợ xa rồi đây Bính sẽ nuôi được đứa con sắp đẻ, sẽ nuôi Năm để Năm khỏi làm điều gian ác, dần dà Bính trở về quê chuộc đứa con đầu lòng đày ải kia, và giúp đỡ cha mẹ gây dựng cho hai em.

Bính thẫn thờ. Nắng chói vào mặt Bính mà Bính không biết.

III

Bính bày hàng bên một gốc xoan. Ở bờ hè hãy còn nắng, nhưng người mua đã vắng. Chợ Vườn hoa sông Lấp chỉ còn vài hàng quà bánh, rau đậu, gạo muối, cá thịt...

Bính gọi một người đàn bà quét chợ bảo đem cho một liễn nước máy. Bính nhúng ướt vuông khăn tay con và té nước ra để rửa mặt. Sáng nay Bính dậy sớm quá, vội sẩy gạo rồi đi chợ ngay chẳng kịp lau qua mặt mũi. Một bạn hàng riễu Bính:

– Bận rộn đến thế nào mà bây giờ phải chải chuốt vội như thế?

Bính ngẩng đầu cười không nói gì, Bính vén những sợi tóc dính bết ở má và trán lên, nắn lại khăn vấn, khăn vuông. Gương mặt Bính sáng hẳn lên, ửng hồng, lông mi đen và cong thêm.

Người bạn hàng nọ vừa ngừng tiếng cười, một người đàn bà khác quài tay vuốt lưng Bính:

– Phải đấy, gọn ghẽ và tươi như hoa thế này mời ai mà chả đắt nhời!

Bính lặng không đáp vì chợt nhận ra có một bà cụ già đương chăm chú nhìn mình. Bính đăm đăm nhìn lại rồi chạy đến, rụt rè hỏi:

– Thưa cụ, cụ là người bến Sòi ở Nam Định ta phải không?

Bà cụ ngờ ngợ gật đầu:

– Phải, mà cô là cô Bính con ông lái Thìn?

Bính mừng rỡ, mời bà cụ lại hàng mình, nhường cái ghế con cho bà cụ ngồi và gọi hàng trầu nước đến. Bà cụ đón lấy miếng trầu, móm mém nhai và hỏi Bính:

– Cô ra ngoài này bao lâu rồi nhỉ?

– Thưa cụ được một năm.

– Buôn bán có khá không?

– Cũng kiếm được đồng rau đồng mắm ạ.

Bính dần gợi chuyện nhà và trong làng. Bà cụ kể cho Bính nghe đủ mọi điều. Ngay hôm Bính đi, khắp thôn khắp xóm ai cũng đặt điều đặt tiếng cho nàng. Khán Tốt em con nhà chú phó lý Thưởng, hỏi Bính không được, dám xưng xưng nói với các cụ và cha xứ rằng

Bính chửa hoang đẻ xong sợ làng ngả vạ nên vứt đứa bé rồi trốn đi. Chính khán Tốt trông thấy Bính đem con ra sông bỏ rồi đáp đò đêm ông lái Chuyên lên Nam Định.

Cụ quệt vô: ăn kèm thêm mấy sợi thuốc lào, hỏi Bính:

– Vậy có thật thế không cô?

Bính lặng giây phút rồi ngập ngừng:

– Thôi thì có Chúa cả, con biết nói sao!

– Ừ tôi đã biết mà, cô xưa nay vẫn là người ngoan đạo, cha xứ cũng phải nhận thế, chắc chả dám làm sự quái gở chước mốc ấy đâu. Nhưng sao cô lại bỏ nhà đi?

Bính bối rối hết sức, cố gắng mãi mới nên nhời:

– Cụ còn lạ gì trong làng buôn bán khó khăn nên con theo người bà con họ ngoại ra đây làm ăn vì tiếng thế ngoài này còn dễ dãi, con đi một buổi chợ không phải phiên chính cũng còn kiếm được vài ba hào.

– Được vài ba hào cơ?

Thấy bà cụ mở to mắt nhìn mình, Bính càng dịu lời:

– Vâng. Ấy là con chả có dấn vốn nhiều như người ta.

– Thế thì ngoài tỉnh vẫn còn sung sướng lắm. Ở quê ta dạo này làm ăn càng vất vả, cả ngày lấm mặt lấm mũi chắc đã được dăm xu chưa. À này cô Bính bao giờ cô về với ông bà để ông bà lo liệu cho chứ.

Bính sầm nét mặt, xót thương cho thân phận. Có cha mẹ mà cha mẹ dửng dưng không thèm nhìn nhận, thật chẳng còn chút tình nghĩa. Bính ứa nước mắt nhưng cố trấn tĩnh, tìm câu trả lời:

– Thưa cụ, thầy mẹ con vẫn gửi thư giục con về đấy, song con ở đây đã quen, buôn bán có đồng ra đồng vào nên con trù tính kiếm được cái vốn sang năm hay bao giờ qua được cái lúc khó khăn rồi con hãy về.

– Phải đấy! Cô ở đây là hơn. Dạo này lão thư ký Vân anh khán Tốt lên làm lý trưởng, nó hay kiếm chuyện lắm. Cô mà về, thế nào nó cũng làm rắc rối. Mấy lại ông cụ bà cụ dạo tháng năm năm nay đong nhiều thóc lắm, đến bốn chục thùng ấy, gặp kỳ gạo kém này cụ đem ra bán lại lãi không một đi ba ấy à, mát mặt rồi, cô đừng lo!

Bà cụ lại khoe bố mẹ Bính mới tậu thêm hai sào vườn và nuôi thêm được đôi lợn, cái đò cũ đã bán đi lấy tiền mua nhiêu, ông bà giờ ở nhà làm xay xáo.

Bính tê mê ngồi nghe. Bính thấy bao nhiêu sự vui sướng hả hê của bố mẹ. Với món tiền bán con Bính bố mẹ Bính còn làm ăn sinh sôi nảy nở, trong khi Bính càng ngày càng héo hắt trong lòng.

– Thưa cụ, hai em con được cho ăn đi học đấy chứ?

Bà cụ sửng sốt:

– Đâu nào? Ai bảo cô vậy? Lạ thật. Thằng Cun thì ông bà cho ông lý Xuân nuôi để cắt cỏ chăn trâu tập làm ruộng, vụ mùa năm nay thì ông bà cấy rẽ ruộng nhà phó Thưởng đấy. Còn cái Cút nghe đâu tháng trước chết về bệnh tả. Thế cô chưa biết tin hay sao?

Bính thở dài:

– Khổ thật! Thế mà hôm con gặp bác Ỏn ở cuối xóm, bác ấy lại bảo con như thế đấy.

Bà cụ an ủi Bính, kể nốt:

– Mà dạo ấy trong làng chết nhiều người lắm, giàu có như ông phó Thưởng cũng lăn cổ chết sau cơn đau bụng đi ngoài.

Nói xong cụ trầm ngâm như đương nhìn thấy một hình ảnh gì ở trước mắt, cụ thấp giọng:

– Ý bề trên định thật khó mà chống lại được cô nhỉ.

Bính đã lo lắng, vội hỏi bà cụ:

– Còn bà phó Thưởng thế nào?

– Bà Thưởng ấy à? Bà ta không ở làng nữa cô ạ. Bà ta sang Lào ở với người em ruột làm gì bên ấy giàu có lắm mà người này cũng lại phải cái tội hiếm hoi.

Bính luống cuống:

– Cả mấy đứa con riêng bà ấy cũng sang chứ?

– Phải! Tất cả mấy mẹ con. Tôi chắc chuyến này bà ta đi không về làng nữa. Ruộng vườn bán cả lại cho lý Vân.

Bính tái mặt đi, sự đau đớn lại ran lên trong lòng Bính dần dần như kết thành khối, vít chặt lấy cổ họng.

Thế là hy vọng về quê chuộc con, nuôi con, săn sóc em, Bính chẳng còn dám mơ tưởng tới. Cái làng gần bến Sòi kia Bính cũng khó mà trở lại. Chưa nhắc đến tên nó, Bính đã bao nhiêu cay đắng, huống chi lại về trước những dấu vết buồn thảm của các kỷ niệm xưa.

Bà cụ ngồi nói chuyện đã lâu mà tàu về Nam sắp chạy, cụ tần

ngần chào Bính để ra tàu. Bính vội đếm năm hào, buộc kỹ lưỡng, khẩn khoản nhờ cụ đưa cho thằng Cun và dặn nó chớ bép xép nói với ai rằng Bính ở ngoài này, độ giờ sang năm Bính sẽ về chơi.

Bính thờ thẫn nom theo bà cụ cho tới khi bà mất hút giữa đám người đi lại bụi mù thì Bính gục mặt vào lòng, giụi giụi mắt vào cánh tay áo. Đến bây giờ nước mắt Bính mới ứa ra, thoáng chốc đầm đìa cả lần vải nâu non đã bạc. Bính xót xa, cố gợi hình ảnh đứa con bé trong tâm trí, trong cái khuôn mặt trứng nước và cái vệt chàm giống hình con thạch sùng bò và vết lẹm trên mí mắt đã lờ mờ càng mờ mịt thêm. Hơn năm trời ròng rã Bính phải xa con, đã làm nhòa hết mọi nét mọi vẻ của đứa bé. Và sau đây, cả tấm tình âu yếm người mẹ xấu số của đứa con khốn nạn chẳng biết mặt bố đẻ là ai kia cũng không còn gì nữa.

Bính nức lên một tiếng, lặng đi.

Một người bạn đến lay người Bính, thấy mắt Bính đỏ hoe, người ấy ái ngại:

– Kìa mợ làm sao thế?

Bính không đáp, nước mắt càng ràn rụa. Người ấy chép miệng:

– Mợ lại buồn vì cảnh chồng con chứ gì? Thôi, tội gì buồn bã cho ốm thân, cứ vui vẻ mà buôn bán mợ ạ.

– À mà bác giai nhà ta làm gì mà mợ sắp ở cữ cũng phải đi chợ thế?

Bính ngập ngừng toan không trả lời, song thấy vẻ mặt hiền lành của người bạn hàng, Bính chấm nước mắt nói:

– Nhà cháu chả may bị bắt giam đã hơn một tháng nên cháu mới đi chợ.

– Làm sao thế?

– Khổ quá! Tự nhiên nhà cháu bỏ nhà đi bẵng mấy hôm, mãi có người báo tin cháu mới biết rằng bị bắt tình nghi về cái vụ chém người gì ấy...

– Bác ở đâu? Tên bác giai là gì thế?

Bính sượng sùng:

– Nhà cháu ở chợ Con... nhà cháu là Năm...

– Năm! Có phải Năm Sài Gòn không? Mợ mới lấy hay lấy đã lâu? Lấy làm lẽ à?

Bính nghẹn ngào không đáp.

Người bạn hàng chăm chú nhìn Bính rồi lắc đầu:

– Tôi ái ngại cho người nhẹ nhàng phúc hậu như mợ mà gặp phải. Nhưng... thôi cũng tại duyên tại kiếp cả, ở đời ai tránh khỏi số giời?!

Bính tê tái nghe. Bính hiểu hết cả ý thương hại và ghê sợ trong câu nói ngập ngừng nọ. Bính cúi hẳn đầu. Hai hàng nước mắt ròng xuống thềm xi măng ướt át. Người đàn bà im lặng một lúc như dò la ý tứ, sau ngọt ngào hỏi Bính:

– Tôi hỏi thật cái này, mợ đừng giận nhé, nếu bác ấy bị dăm bảy năm tù và mợ sinh nở mẹ tròn con vuông, liệu mợ có ở vậy nuôi con cho đến lúc bác ấy ra không?

Bính mím môi lại, càng nghẹn cả người:

– Bà bảo chả ở vậy nuôi con chờ chồng thì cháu làm gì?

Người bạn hàng cười:

– Tôi chịu mợ là người thủy chung nhất đời bây giờ đấy. Như người ta có chút nhan sắc, lại biết buôn bán mà lâm phải bước này họ đã bỏ thẳng tay đi lấy một người chồng khác tử tế để nương tựa trông cậy mãi mãi chứ chẳng tội gì?

– Vâng, thưa bà cháu còn biết hơn nữa, thế mà cháu cứ phải gắn bó, thật là chua xót cho cháu. Nhưng dù sao cháu cũng phải cắn răng chịu, vì chả ra gì vợ chồng ăn ở với nhau đã sắp có con, nếu bỏ chồng thì lúc này còn mặt mũi nào?

Người đàn bà về hàng mình, tâm trí nao nao. Còn Bính chạy lại đằng cuối chợ mua bánh kẹo và cân giò để chiều mai cùng Tư-lập-lơ vào đề lao thăm Năm Sài Gòn.

Thu xếp thúng mủng tính tiền nong xong, Bính gồng quang gánh không về nhà.

Nắng đã xế bóng. Giời của một buổi chiều mùa đông ấm áp, rực rỡ. Giời cao và sáng, mây trắng như bông như tuyết trôi về một phía xa.

Trên bờ hè, dưới rặng xoan lao xao phấp phới, phu phen thợ thuyền đã về tấm. Những chiếc mũ dạ lấm láp hắt ánh nắng và bụi. Những nón lá vàng rực lên. Những lồng ngực bóng nhẫy phơi ra giữa những tà áo vải thô nhuộm xanh. Những ống quần láng cộc nổi gọn trên những bắp chân tròn trĩnh bám đầy mạt than và cát lấm tấm

như vụn bạc. Những bao gạo lấm láp quấn đằng trước theo nhịp chân hắt ra những làn bụi nhảy múa. Giữa đám người cười nói và chuyện trò ầm ĩ, tiếng guốc nện vang trong tiếng nô đùa hồn nhiên giữa những hình thể nhuộm sắc trời chiều tươi sáng ấy, Bính đi thong thả ở mé đường. Bính thẫn thờ trông con đường giải nhựa trắng xóa, mỗi lần gió thổi mạnh lại lầm cát bụi, và chua xót nghĩ đến sự khốn nạn của đời mình.

Bính bỗng ngẩn mặt ra và không còn sức nhấc nổi bước: Hai cánh cổng sắt cao và dày sơn chạt hắc ín của đề lao Hải Phòng lù lù hiện ra trước mặt Bính, Bính thấy ngực mình lạnh dợi hẳn đi và choáng váng cả mặt.

– Anh Năm! Mình ơi! Mình ơi!...

Dừng lại, Bính lặng nhìn, không muốn dứt đi.

IV

Bính nghẹn ngào, sự vui mừng sôi nổi làm mặt Bính bừng bừng. Hình như Bính sắp cuống lên vì sung sướng.

Ở tòa án ra, Năm Sài Gòn báo tin cho Bính chắc chắn Năm được tha bổng nhưng Năm còn phải về đề lao lấy quần áo ký kho và bóc số tù.

Bính qua lại không biết bao nhiêu lượt và không một giây nào rời nhìn hai cánh cửa sắt đen kịt đóng chặt.

Còi xe hỏa đã rít vang. Chuyến Hà Nội - Hải Phòng 10 giờ đã về, Bính càng bồn chồn, sau cùng không thể nén được, Bính chạy sang, ghé mắt vào cái lỗ bằng đồng xu trên cánh cửa đề lao vừa thở vừa hỏi người lính gác:

– Thưa ông, Năm... Năm Sài Gòn sắp ra chưa?

Một giọng ồ ồ quát:

– Của nỡm nào đấy? Ai biết Năm Sài Gòn, Sáu Hà Nội nào mà hỏi. Có xéo ngay... không xếp nó lại "xạc" người ta bây giờ.

Bính năn nỉ:

– Cháu van ông, ông làm ơn xem giúp cháu những người vừa đi tòa về được trắng án đã sắp ra chưa?

Người lính càng hoảng sợ "tây" bắt được mình nói chuyện với người ngoài, liền mắng tát thêm vào mặt Bính:

– Cái mả mẹ chị, có cút ngay đi không. Người ta đã bảo không biết mà còn léo nhéo mãi.

Bính tím mặt lại, phải về chỗ cũ dưới gốc bàng trên hè, đứng chờ. Cánh cửa chợt hé mở, Năm Sài Gòn chưa kịp bước xuống đường, Bính đã vội chạy đến nắm chặt lấy tay:

– Anh Năm! Anh Năm! Mình ơi!

Rồi Bính ứa nước mắt khóc khiến Năm phì cười:

– Mình trẻ con quá, chùi ngay nước mắt đi!

Chẳng để ý đến chung quanh nhìn mình chằm chặp, Bính cứ luống cuống, xoắn xuýt bên Năm. Ngay một lúc Bính muốn nói hết những sự xảy ra trong ba tháng phải xa cách Năm, song nhời nọ chen nhời kia không thành câu gì cả. Năm ái ngại:

– Thì mình nói chậm chứ, nào có ai cướp mất nhời đâu!

Bính vẫn cứ hổn hển hỏi chuyện Năm những tình cảnh Năm ở trong đề lao và kể sự tình của mình ở bên ngoài. Những khi phải ngừng nói thì Bính lại nhìn vào Năm. Chợt Năm Sài Gòn hỏi Bính:

– Mình đẻ thế nào?

Bính lặng một lúc mới cất được tiếng:

– Con chết rồi!

– Con chết rồi?

– Mà con giai mình ạ.

– Thằng "lỏi" à?

– Phải, thế có đau đớn không?

Năm bứt rứt một cách lạ thường, lặng đi một lúc rồi lắc đầu:

– Thôi! Chẳng may chết con này thì rồi đẻ con khác mình đừng buồn phiền quá.

Bính lại thấy tâm trí tối tăm rời rã. Bính thẫn thờ đi bên Năm không nói nữa.

Về đến nhà Bính gieo mình xuống giường, còn Năm ngồi cạnh Bính, cau mày đưa mắt trông bốn phía nhà:

– Ô kìa! Cái diềm màn đỏ đâu rồi?

– Tôi cất nó trong ngăn kéo ấy.

– Hai cái móc bằng sừng và hai cái dây tua lụa mình cũng cất đi ư?

– Phải.

Thấy cách bày biện trong nhà hoàn toàn thay đổi: bàn rửa mặt kê ở cuối giường đã dịch lại tận góc nhà, cái gương soi to và hộp xà phòng thơm cũng không có đấy, bộ ghế mây mới mua Bính để chiếc ở gần cửa xuống bếp, chiếc gần cửa ra vào, Năm sẵng tiếng:

– Sao đồ đạc lại thế này? Và lạ quá những khung ảnh, những tranh Tầu mình vứt xó nào cả rồi?

Bính chưa kịp trả lời, Năm hỏi luôn:

– Và thúng mủng quang gánh ở đâu mình tha lôi về bừa bộn chật cả nhà thế này?

Bính ngồi dậy:

– Tôi đi buôn bán thì đừng có thúng mủng à, còn đồ đạc tôi thu gọn vào để lấy chỗ xếp gạo nước.

– Nhưng những tranh treo trên tường có bận rộn gì mà mình cũng tháo cả đi?

– Chả cất đi thì mình bảo để làm gì? Tôi vui sướng lắm sao mà ngắm tranh ảnh? Chồng bị tù, con chết, nghĩ chừng nào chết ruột từng ấy.

Năm ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

– Thế chúng nó không thu tiền "bồi" cho mình à?

– Không! Tôi không dính líu với họ một đồng nào vì tôi có thể chợ búa nuôi thân cơ mà.

– Mình chịu khó nhọc được ư?

– Sao lại không? Mình hỏi lạ quá!

Chờ Năm uống chén nước. Bính nhìn Năm và hỏi rất dịu dàng:

– Em rắp tâm chờ anh ra để nói với mình xoay cho em ít tiền làm vốn buôn bán vợ chồng nuôi nhau, vậy mình có bằng lòng không?

– Chết! Tôi lại để mình nuôi thì thà đâm đầu xuống sông cho rảnh kiếp.

– Không, em muốn mình đừng như thế nữa, khổ bao nhiêu em cũng vui lòng chịu cơ mà.

Năm xua tay:

– Anh không ưng thế. Thúng mủng này xem có ai xin thì cho quách đi, anh chẳng thích mình buôn bán gì hết.

– Ơ kìa!

Năm trợn mắt:

– Anh nói mình phải nghe.

Bính thở dài. Bính biết không thể can ngăn được Năm vì Năm cứng lòng quá. Một người tàn bạo ngoại hai mươi năm sống về nghề ăn cắp, bạn bè với toàn hạng du đãng, Bính đến hết trông mong kéo lại con đường sáng sủa. Bính buồn rầu ngước mắt nhìn Năm.

Năm lạnh lùng đứng dậy lôi cái bồ ở xó nhà ra, lấy những tranh ảnh phủi sạch bụi bậm rồi treo lên tường. Ảnh một người đàn bà trần truồng tắm ở bên hồ treo giữa hai bức tranh "Tam Anh chiến Lã Bố" và "Bàng Đức đại chiến Quan Công". Một đôi tranh truyện Thủy Hử hồi Võ Tòng đánh hổ và hồi đánh Chúc gia trang ở hai bên cửa ra vào. Còn bức ảnh Năm Sài Gòn chụp bán thân, mình trần với một đôi rồng trổ vòng lấy ngực, treo chính giữa.

Thấy Năm sắp sửa đến chỗ thúng mủng của mình. Bính vội xếp đưa xuống bếp. Năm liền cười:

– Phải đấy, đem thổi tuốt đi cho rảnh chuyện.

Một lúc sau, khi Bính trở lên nhà, Năm hỏi:

– Bây giờ mình coi có đẹp mắt không?

Bính phải vâng và tươi nét mặt cho vừa lòng Năm. Rồi khi Bính toan đi làm cơm chiều Năm ngăn lại hỏi:

– Mình còn đồng nào không?

– Còn hai đồng thôi. Nhưng mình muốn tiêu gì để em vay thêm.

Năm khen "tốt lắm" giục Bính thay quần áo, chải chuốt xong, hai vợ chồng gọi xe kéo sang phố Hàng Cháo.

Chợt thấy Tư-lập-lơ đằng đầu phố Khách. Năm đập chân xuống sàn xe bảo đỗ lại và che tay gọi, Tư-lập-lơ cuống quýt chạy lại vỗ vai Năm:

– Anh "phóng" bao giờ thế?

– Ban trưa Tư ạ.

– Anh định đi đâu bây giờ?

Năm Sài Gòn trỏ một hiệu cao lâu hỏi Tư:

– Vào đấy chứ còn đi đâu. Chú có đói thì vào "mổ" cho vui.

Tư đưa mắt nhìn bên kia đường rồi kéo tay Năm vào một hàng trước cửa hàng Năm định vào ăn.

Ngồi xuống ghế đâu đấy, Năm gọi lấy hai đĩa mì và một bát vằn thắn. Trong khi chờ đầu bếp làm. Tư bảo khẽ Năm:

– Anh Năm! *So quéo* đương *mổ ở hậu đởm tẻ bướu* lắm đấy [1]

Năm mỉm cười:

– Chú *hiếc* được rồi à?

– Chưa! *Cá* nó để *ở dấm thượng* áo ba-đờ-suy khó *mõi* lắm! [2]

Năm hơi chau mày:

– Sao chú biết *tẽ bướu*?

– Tiểu yêu nó báo với tôi chính *so* này vừa mới nhận được *khươm chợm thạnh* [3] của người cai hàng cá và tôi đương *trõm* thì gặp anh.

Hầu sáng bưng thức ăn đặt trên bàn người kia và bàn Năm, Bính chưa biết xẻ đĩa nào. Tư liền bảo nàng:

– Chị thích ăn thứ nào thì xẻ thứ ấy, chúng tôi còn uống rượu cơ. Mà chị đừng *nhé* [4] sang bàn bên kia nó *sừng* [5] thì hỏng bét.

Bính gật đầu xẻ mì vào bát Năm trước rồi đến bát mình. Bính chực và, Năm giơ tay ngăn, rót nửa chén rượu ép Bính uống. Hết hai cút, Tư-lập-lơ bảo lấy thêm nửa chai mà lần này Năm rót cho Bính một chén thật đầy. Bính chối từ thế nào, Năm cũng không nghe, sau cùng Bính đỏ mặt, nhăn cả mặt mũi tợp một hơi gần hết.

Trước cái dáng điệu ngộ nghĩnh ấy, Năm và Tư phá lên cười, Bính cũng cười theo.

Rượu nồng bắt đầu rạo rực khắp người Bính. Trước Bính còn e thẹn, sau Bính bừng bừng cả mặt, trong người đê mê, bứt dứt, chưa bao giờ như thế.

Bính long lanh nhìn Năm, Năm cũng say sưa nhìn lại. Chợt Bính đưa mắt trông người có ví tiền và cười nụ với Tư-lập-lơ. Bính không còn chút trạnh nghĩ gì đến người nọ như ban nãy thoạt nghe Tư nói thì tưởng ngay tới sự đau đớn khi người ta bị thiệt hại và run sợ vì

---

1. Thằng khờ đương ăn ở sau lưng nhiều tiền lắm đấy.
2. Chưa. Ví tiền nó để ở túi trên áo ba-đờ-suy khó móc lắm.
3. 90 đồng.
4. *Nhé*: nhìn.
5. *Sừng*: giật mình biết. Còn tiếng *sừng tươi:* biết ngay; *sừng mòng:* hơi biết.

cái việc làm xấu xa của mình, Bính hồi hộp ngồi chờ xem cái kết quả rủi ít may nhiều của công việc chồng và bạn chồng.

Thốt nhiên Tư cười bảo Bính:

– Kìa chị, thế này mà chị dám khoe một mình nhà chị có thôi.

Hắn vừa nói vừa kéo Bính đến chỗ người có ví tiền ngồi, trỏ một bức tranh treo trên tường:

– Đấy, cũng chim, cũng hổ, cũng cây cổ thụ, cũng là "anh hùng tương ngộ" như của nhà chị chứ gì?

Năm Sài Gòn chạy lại hỏi:

– Đâu nào? Nhấc ra cho tôi xem một tí nào.

Nhanh như cắt, Tư-lập-lơ đứng lùi về đằng sau chừa lối cho Năm bước vào. Cái áo ba-đờ-suy vắt trên ghế bị Tư che lấp đi... Tinh mắt đến đâu người kia cũng không thể nom thấy ngón tay trỏ và ngón tay giữa của Năm thoắt thò vào cái túi áo ấy. Chỉ trong chớp mắt xa êm như không, chiếc ví tiền dày cộp đã chuyền sang tay trái Năm rồi nằm gọn trong túi... Bính.

Người kia vẫn cúi đầu đưa thìa cháo lên ăn.

Cả ba về chỗ cũ, Tư bấm Năm:

– *Chuồn*! [1]

Năm nhếch mép:

– *Diễn sưa* [2] đã, vội gì.

Trống ngực đập mạnh, Bính khẽ trách chồng:

– "Sưa" với "sửa" gì nữa!

Dứt lời, Bính bàng hoàng bước vội ra cửa trước, mặc Năm còn nán lại mua thêm gói thuốc lá thơm. Trời đã tối hẳn, qua những quãng trống ở rặng xoan tây, Bính thấy lờ mờ nhung nhúc những bóng người trên đường bên kia sông Lấp. Một lúc lâu, đèn điện đã bật lên nhưng cái ánh sáng vàng đục chẳng đủ sức vén lên màn bóng tối phủ lấy cảnh vật nhộn nhịp, ồn ào nọ.

---

1. *Chuồn*: chạy đi nơi khác.
2. *Diễn sưa*: uống rượu say.

V

Thằng Sẹo so vai, cong bàn tay phải, ngón tay cái để vào lỗ mũi, phì phì nói:

– Tao lạy mày cả nón thôi!

– Mày vẫn không tin à?

– Có giời tin được!

Thằng Minh văng tục, nói:

– Chị Tám Bính là bà mày hay sao mà mày phải bênh chầm chập lấy?

Sẹo cười mũi:

– Ừ thì bà tao, đã chết ai chưa? Và tao bênh bà tao thì đã làm sao?

– Giời ơi! Rõ ràng chúng tao nom thấy chị ấy "làm tiền", chúng tao nói thật mày cũng không tin!

Dứt lời Minh hăm hở chạy đến gốc xoan gần đấy, lôi tay một thằng bé bằng chạc nó, nhưng quần áo rách rưới hơn, tóc cứng đen nháy cụp xuống che kín cả gáy và tai:

– Này Hiếu, hôm kia mày trông thấy những gì mày nói cho thằng Sẹo nghe, chứ ông không hơi đâu cãi với nó cho tổn thọ.

Hiếu liền nhe bộ răng đầy bựa, hóm hỉnh cười:

– "Bỉ" Bính "hắc" lắm!

Thằng Sẹo méo miệng nhìn. Hiếu vỗ vai nó nói:

– Mày cứ ngồi xuống hè đây rồi tao nói cho mà nghe.

Sẹo ngồi xệp trên vỉa hè, hai cánh tay choàng lấy Minh và Hiếu, chăm chú nghe Hiếu nói:

– Ngày hôm kia, Hiếu và Minh đương phất phơ ngoài phố, chợt thấy một người đàn bà xách một bị nặng ở một cửa hàng vải bước ra. Chắc chắn cái bị nọ đựng ít ra cũng bạc chục nếu toàn tiền chinh, còn toàn hào hay *xanh căng* [1] thì món tiền nhiều không thể tính xiết được. Chúng vội bấm nhau, cả hai đứa cùng theo sau người đàn bà. Nhưng, khi tới vườn hoa Đưa người, chúng gặp ngay Năm Sài Gòn và

1. *Xanh căng*: đồng tiền trị giá năm xu.

Tám Bính từ nhà Hải tây đi lại. Không biết cặp mắt Năm tinh đến chừng nào mà thoáng liếc qua cái bị đậy kín, Năm đã ra hiệu bảo chúng phải "chuồn".

Minh bực tức ngắt lời:

– Sẹo! Mày tính thế có ức nhau không?

Sẹo cau mày, gật đầu, rồi giục Hiếu kể nốt.

Chúng nó bất đắc dĩ phải rẽ sang vườn hoa song vẫn để ý xem Năm Sài Gòn "làm tiền". Thốt nhiên người đàn bà dừng bước, Tám Bính sán đến bên, Năm Sài Gòn khẩn khoản đổi cái giấy bạc hai chục các tám xu. Người đàn bà đặt ngay bị xuống đất.

Sẹo nhịn không được cười phá lên:

– Thế thì *mẻ béng* [1] còn gì!

Minh đáp:

– Phải bàn!

Hiếu chêm một câu:

– Mà Tám Bính *siên* [2] mới thần tình chứ.

Vừa nói Hiếu vừa bắt chước những cử chỉ của Bính ngồi bên cái bị tiền. Mắt nó cũng đưa nhìn sáng loáng, mồm nó cũng hỏi những câu hỏi không đâu, hai ngón tay cũng nhẹ nhẹ đưa vào cái mũ phớt bóp bẹp giả làm bị tiền. Nó lại còn làm ra vẻ mặt bình tĩnh để nhắc lại vẻ mặt Tám Bính khi chuyền nhanh như chớp những cọc hào sang lòng Năm. Hiếu chuyên môn ăn cắp, nên các cử chỉ của Bính nó diễn lại một cách khéo léo tự nhiên vô cùng làm Sẹo phải tròn mắt kêu lên:

– Tám Bính *dựa nhẩu* [3] đến thế cơ à?

Minh hất hàm cười:

– Ấy chết! Bà mày có biết *làm tiền* tí nào đâu.

Mất hết cả ngờ vực, thằng Sẹo gật gù:

– Khoái đấy! Thích đấy!

Nó rất sung sướng được thấy một người đàn bà thùy mị như thế sa ngã. Nó coi như là sự an ủi cho cái số phận khốn nạn của nó. Nó vui vẻ cất tiếng:

1. *Mẻ béng*: mất ngay.
2. *Siên:* lấy đi.
3. *Dựa nhẩu*: lấy nhanh.

– Chúng mày nhỉ "bỉ" ấy dễ lắm, tốt lắm, thế nào những lúc *đét* [1] chúng ta chả *trách phõ* [2] được tí đỉnh.

Thằng Minh nhiều tuổi hơn Sẹo, thấy nó cả tin như thế vội bĩu môi:

– Đấy mày xem, Tám Bính lại như chị Tư Khuyên dạo trước thôi!

Sẹo ngơ ngác:

– Tư Khuyên nào?

Minh không đáp. Nó chua chát nhớ tới năm nó 12 tuổi cách đây đã bốn năm, và những ngày mùa đông rét mướt, buồn bã. Hai hôm ròng nó không có lấy một hột cơm vào bụng. Cái đói đã hùa với cái rét mà nghiến rứt nó, làm nó mờ cả mắt, rã rời cả chân tay. Những tia mưa phùn cứ nhè mặt nó tới tấp sỉa vào. Đã thế chiếc áo cánh mướp của nó, mỗi lần gió bấc thổi, lại tốc lên, đón lấy cái lạnh tê buốt. Nó dựa lưng vào một góc tường, lờ ngờ trông những kẻ qua lại ngoài đường để tìm một người bộ hành nhiều tiền và vô ý.

Nhưng nó thất vọng. Ai ai cũng co ro, hai tay thủ túi cho dẫu túi không. Xe nào cũng buông mui kín mít dù trong xe không có một người.

Chợt, một xe nhà đỗ gần chỗ nó ngồi.

Hai người đàn bà trong xe bước xuống, để lại trên đệm xe một gói đồ to xụ. Hai bà chủ vừa đi khỏi, anh xe tót vào ngay hàng nước. Một lúc lâu rồi anh xe vẫn sòng sọc hút hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác, trong khi ngoài đường vẫn vắng lạnh dưới những lớp mưa rào rạt.

Thằng Minh vội hết sức rón rén vòng đến sau xe. Anh xe vừa hất hàm nhìn lên khói thuốc tỏa, nó bê liền gói đồ, lủi dần vào ngõ gần đấy.

Nhưng nó lại thất vọng, và lần này sự thất vọng và tủi cực lên không biết tới mực nào. Nước mắt nó chảy ra giàn giụa, nó chỉ còn sức thở nấc lên mấy tiếng rồi lịm hẳn đi. Chị Tư Khuyên không hiểu ở đâu lại xin khéo ngay nó cái gói kia, cướp trốc tay nó cái gói đựng bao nhiêu no nê ấm áp. Nó ừng ực nhìn chị giở từng thứ một, nào áo len, nào mũ nồi, nào bánh tây, nào thịt quay, nào sữa.

Đến bây giờ Minh vẫn còn đau, tức vì phải chịu lép vế vợ một người đàn anh. Nó nghĩ lại mà lặng cả người. Thấy thế, thằng Sẹo vội vỗ vai nó:

---

1. *Đét*: túng thiếu.
2. *Trách phõ*: xin nhờ vả.

– Kìa sao mày đương vui lại thừ người ra thế?

Nó cười nhạt, đứng dậy lùi lũi lại ghế vườn hoa. Nó bâng khuâng nhớ nốt cái buổi khốn cùng ở trong cái ngõ hẻm kia. Nó đói quá, lả đi, mê mệt, nằm rũ trên thềm gạch xây cạnh chuồng tiêu. Nó đã muốn nguyền rủa "chị" Tư, song cổ họng khô khan không sao cất tiếng được. May mà sáng hôm sau thằng Hiếu ăn cắp được đôi giầy ta mới bán được hai hào rưỡi, mua phơ cho nó ăn, chứ không nó đến chết đói mất. Và may hơn, cuối tháng ấy vợ Tư Khuyên chết, Tư Khuyên bị kết án đi đày, dân "chạy" mất trùm, tiền "bồi" không ai thu.

Thật là những ngày không thể nào quên được. Ở Hải Phòng từ "yêu tạ" đến "vỏ lỏi" đều phởn phơ sung túc tha hồ tung hoành. Nhưng từ khi Năm Sài Gòn ở Sài Gòn về, Tư-lập-lơ và Chín Hiếc trên Hà Nội xuống, các cánh chạy lại nép mình dưới một oai quyền cho ai sống được sống, bắt ai chết phải chết, bảo tù phải ngồi tù của Năm Sài Gòn.

Thằng Minh chán ngán. Nó lo ngại từ nay trở đi lại càng bị ức hiếp:

– Tám Bính! Tám Bính!

Nó nhắc tên đó hai ba lượt. Nó ghê rợn tưởng đến sự kiêu căng tàn ác của một người đàn bà thành *yêu tạ*. Nó sơn sởn gáy tưởng chừng đương bị hai bàn tay cứng như sắt của Năm Sài Gòn bóp chặt vì đã chót tiêu món tiền ăn cắp được.

Một ước vọng bỗng nảy ra trong tâm trí Minh:

– Một ngày kia Minh trở nên anh chị, cũng năm bảy lần tù, tay Minh cũng từng phen đẫm máu,chẳng phải máu các kẻ tầm thường đâu, mà của bọn anh chị, của bọn *cớm* để có tên tuổi trong những *phích* [1] ở nhà Đo.

Cả ngực Minh sẽ trổ lằn lên những rồng xanh đủ các kiểu uốn khúc, vì thế người ta gọi Minh là "anh" Minh rồng, và vợ Minh là "chị" Minh rồng. Vợ Minh cũng là một "bỉ vỏ", song tinh nhanh sắc sảo hơn cả vợ Tư Khuyên, xinh xắn hơn cả Tám Bính, biết mọi cách trưng bảnh cái *anh chị* của chồng mình.

Minh khoan khoái quá đứng ngay dậy rảo bước đi, Minh mím chặt môi, nắm chặt tay, đấm thinh không tự nhủ:

---

1. *Phích:* (fiche) tờ giấy kê tên tuổi, quê quán, án tích của tội nhân và có cả hình ảnh điểm chỉ và các dấu vết riêng ở nhà Đo.

– Đã biết mặt Minh rồng chưa?

Nhưng, mặt tủ kính bỗng thoáng chiếu bóng Minh: một đứa trẻ thấp bé, bẩn thỉu, áo tây vàng dài quá đầu gối, tay áo đã xắn lên hai nấc mà vẫn còn chùm kín bàn tay, quần cháo lòng rách mướp, mũ dạ đội là thứ mũ "sọt rác", mũ "tầu phở".

Minh tủi thẹn vô cùng. Nó nghiến răng rít lên:

– Phải chơi. Đi *đọ* thì đi. [1]

VI

– Thế nào, chú Tư-lập-lơ, lão hàng lợn ấy mất tiền với chú chứ?

– Thôi em van chị, chị cứ trêu em mãi!

– Ơ kia! Tôi đâu dám trêu chú, và này chú cho tôi tiêu chung với nào?

Tư-lập-lơ đưa mắt trách Tám Bính, vừa bảo Năm Sài Gòn:

– Chị ấy bây giờ ghê gớm lắm anh ạ, chẳng kém anh tý nào. Chưa bao giờ tôi thấy một "bỉ vỏ" nào *sừng kền* [2] như thế.

Tư uống nốt chén chè nói tiếp:

– Tôi nghĩ vừa bực vừa phục chị ấy. Anh tính lão hàng lợn buông tay nhận 15 đồng ở hàng thịt ra, chỉ sểnh mắt tôi độ một phút đồng hồ đã tru tréo ầm lên mất tiền rồi. Tôi đi lùng khắp chợ, tra xem đứa nào "hiếc" thì "tiểu yêu" đều bảo chị. Gớm quá! Hóa ra lúc chị ấy chuyện hươu chuyện vượn với lão đó trong hàng nước là lúc chị đưa *so khọm* [3] vào "xiếc".

Bính cười to:

– Im đi, chính chú lấy mà còn cứ vờ...

Tư bực nhưng vẫn phải cười:

– Thôi em lạy chị rồi, biết chị lắm rồi!

Tư mải cãi quên cả hút thuốc phiện. Năm giục hắn:

---

1. *Đi đọ*: đi đày. Thường tòa án hay kết án đi đày không thời hạn những kẻ cấp nhiều lần can án.

2. *Sừng kền*: cái sừng bằng kền.

3. *So khọm*: thằng già.

– Nhà tôi nó trêu chú đấy, chú đừng cãi cho mỏi miệng *trô* [1] mau đi còn sang Hạ Lý "quấy" chứ?

Bính phát mạnh vào lưng Năm, nũng nịu nói:

– Có thì chết với tôi!

Năm hất hàm:

– Tôi cứ đi thì mình làm gì tôi nào?

Tám Bính dỗi, bảo Tư-lập-lơ:

– Đấy, chú cứ rủ nhà tôi đi, tôi máy "cớm" bắt chú cho mà xem.

– Càng hay chị ạ, dạo này tôi *đét* quá, được vào tù ngồi ăn không phải lo còn gì sướng bằng.

– Chú thách chứ?

– Thách đấy.

Tư-lập-lơ chực nói nữa. Ba Bay đã gí đầu dọc tẩu vào miệng. Tư vội đón lấy, so hẳn vai lên kéo một hơi thật dài.

Điếu thuốc cháy xèo xèo trên chiếc chụp đèn thủy tinh ám khói vang lên những tiếng vo vo đều đều như tiếng sáo diều, rải trong cái không khí tờ mờ một hương thơm phảng phất, cái hương thơm đầy những đê mê mà kẻ nghiện muốn lúc nào cũng âm ỷ trong phủ tạng, trong tâm hồn.

Những cặp mắt sắc của Năm Sài Gòn, Tư-lập-lơ và Ba Bay bắt đầu lờ đờ giống khói thuốc phiện mơ hồ. Ngọn đèn dầu lạc hơi rung tự nhiên sáng ngời lên. Qua những tia sáng huyên náo ấy, cả ba đều thấy hiển hiện bao hình ảnh lạ lùng chập chờn như cảnh thần tiên vậy.

Ba Bay tưởng tượng ra một ngày kia, tình cờ hắn gặp một người đàn bà rất xinh, rất lẳng. Chỉ sau vài phút chuyện trò, người đàn bà nọ liền lả lơi cười với hắn, Ba Bay thấy thế liền ôm lấy ngay. Hắn vuốt ve, hắn hôn hít. Nhìn bầu vú hạt cau phập phồng dưới chiếc áo cánh lụa, hắn rạo rực như bị cắn rứt. Rồi hết giờ ấy sang giờ khác hai cái xác thịt bừng bừng không rời nhau một giây đồng hồ.

Bỗng, buông xong những tiếng cười khanh khách, người đàn bà bỏ chiếc khăn vuông ra. Tức thì, trước ánh đèn – vẫn ánh đèn dầu lạc lung linh – một khuôn mặt hiển hiện rõ ràng, da hồng hồng, mắt lóng lánh quầng thâm, môi mỏng không cần tô son nhưng nổi bật

1. *Trô*: hút.

đường cong ướt, hai hàm răng cắn chỉ thở những hơi thở nhẹ và thơm. Kỳ dị! Chính là khuôn mặt Tám Bính người đàn bà đã mê đắm Năm Sài Gòn, người đàn bà bấy lâu Ba Bay mơ ước khát khao.

Khói thuốc phiện vẫn mơ màng.

Cũng như Ba Bay, Tư-lập-lơ mơ nhìn bằng đôi mắt không đắm đuối, say sưa.

Phút chốc, gian nhà lá nhỏ, xóm chợ Con lúc nhúc những người cùng khốn của thành phố Hải Phòng "tứ chiếng" biến thành một tòa nhà nguy nga, có hồ rộng, có vườn cây, một tỉnh rất khoáng đãng ở đây, Tư-lập-lơ có ô tô chạy khách, có sà lan chở hàng thuê sống một đời rất nhàn hạ sung sướng.

Ai dám tin Tư-lập-lớ có ước mong ấy?

Khói thuốc phiện vẫn mơ màng. Cũng như Ba Bay và Tư-lập-lơ, Năm Sài Gòn nhìn đắm đuối say sưa.

Năm thấy đời mình lại thay đổi. Năm thôi làm trùm *chạy vỏ*, nắm một oai quyền to tát nhiều lợi và nguy hiểm hơn. Các sòng bạc lớn nhất, nhiều khách sang nhất ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định và ở mấy tỉnh miền thượng du xứ Bắc Kỳ đều đứng tên Năm. Đứng tên Năm đây không phải là Năm khai tên tuổi lấy môn bài làm ăn và Năm luồn lọt mấy nhà tai mắt để mưu sự làm ăn của mình. Không, Năm không chịu quy lụy ai hết. Năm xếp đặt cách làm ăn rất khéo léo với những tay chân vây cánh và tai mắt đặc biệt của Năm. Năm quyết chống lại với mọi sức mạnh của pháp luật mà sống một đời như đế vương.

Bấy giờ Tám Bính chỉ có việc ăn xong thì ngồi xếp bằng trên sập khảm mà nhận tiền *hồ* ở các sòng dồn lại. Còn Năm Sài Gòn chỉ dong ô tô nay Sầm Sơn, mai Tam Đảo, kia Huế, kia Sài Gòn, Hồng Kông, Thượng Hải, tiêu tiền như rác cho tiếng tăm lừng lẫy.

Khói thuốc phiện từ từ tan rồi tắt mất. Trên lò than tầu đỏ rực hắt lên mặt vách quét vôi xanh nhạt, làn ánh sáng chập chờn hồng hồng, ấm nước bỗng sôi réo rồi trào bọt xuống hỏa lò cháy xèo xèo. Bính giật mình nhấc nắp ấm ra khẽ gọi:

– Ba quan ơ! Có quan nào dậy để tôi pha nước uống không? À mà có lẽ ngủ say cả rồi đấy.

Không thấy ai đáp, Bính xách ấm nước rồi rót vào bình tích. Rót xong, Bính lay người Năm:

– Mình ơi có hút nữa không? Không thì thu xếp lại chứ, khuya lắm rồi!

Năm chỉ ừ ào, Bính quay sang kéo Tư-lập-lơ và Ba Bay:

– Hai chú ngủ lại đây hay về nhà?

Cả hai mở choàng mắt, Tư vội nói:

– Về nhà! Về nhà!

– Tôi gọi xe nhá?

Tư ngáp dài. Tám Bính nhắc:

– Tôi gọi xe có bằng lòng không?

Tư lắc đầu:

– Đừng chị ạ.

– Thế từ chợ Con về chùa Đỏ, chú cuốc bộ được à?

– Chứ sao! Chị tính chả cuốc bộ thì làm thế nào? Một trinh mẹ không có, nhảy lên xe đi nó lột áo à?

– Thôi đi đừng "pha", chú mà lại *dét* thế ư?

Tư thở dài nói:

– Thật đấy, dạo này em *dét* quá! Ấy hôm nọ có món lão già là bở nhất thì chị tiêu hộ ngay mất.

Tám Bính nhìn nét mặt Tư rầu rĩ, Bính ngẫm nghĩ một lúc rồi trườn người móc cái ví ở túi áo Năm, lấy ba đồng bạc đưa cho Tư:

– Đấy chú cầm tạm mà tiêu.

Tư sượng sùng cầm lấy. Ba Bay vội nguýt Tư:

– Mày tồi quá! Lấy của chị ấy làm gì?

Tám Bính bảo Ba:

– Có là bao chú Ba, chú Tư chú ấy có túng thì tôi mới đưa, vậy việc gì phải giữ kẽ.

Bính tưởng lầm, Ba Bay trách Tư không phải vì tiền tài đâu mà vì hắn ghen với Tư còn trai trẻ sáng sủa hơn hắn hắn.

Ba Bay tấm tức, chờ Bính sắp sửa đóng cửa, cười nhạt chào Bính:

– Thôi chị Tư à chị Năm đi ngủ nhé.

Bính thản nhiên chào lại, gài cửa xong quay vào nhà.

Sáng hôm sau, dọn cơm nước xong, Bính gọi Năm dậy. Không đợi vợ đánh thức, Năm kéo tay Bính:

– Mình ngồi xuống đây tôi hỏi cái này.

– Thì hẵng ra ăn kẻo canh nguội hết. Bữa nay canh cải nấu giò ngon lắm.

Năm gật đầu, dìu Bính ngồi xuống bên mình:

– Khoan đã, mình lấy ba đồng bạc trong ví anh đấy chứ?

– Ừ, mà làm sao?

– Để sắm gì đấy?

Bính vui vẻ thuật lại cho Năm nghe khi Bính hỏi Tư-lập-lơ có đi xe về nhà không thì hắn lắc túi, buồn bã. Bính đưa cho hắn ba đồng, hắn còn dùng dằng mãi sau mới dám nhận. Bính nói hết câu, Năm cau mày hỏi:

– Dạo tôi *nhỡ* Tư-lập-lơ có năng đi lại đây không?

– Có mình ạ. Mà nó tử tế hơn hết. Khi mình vừa bị bắt, nó đến ngay nhà báo tin, và không đợi em hỏi, nó đưa luôn tiền cho em bảo là tiền "bồi", em không bằng lòng trả lại nó, nó tưởng chê ít liền giục Mười Khai đưa thêm nữa. Rồi hôm nó thấy em gánh gạo ra chợ Vườn hoa bán, nó níu gánh em lại, nhưng em nhất định không nghe. Suốt ba tháng không ngày nào nó không cho trẻ con đem lại hàng em quà bánh và thức ăn, em không thể nào từ chối phải nhận để nó bằng lòng.

Năm Sài Gòn lắng tai nghe xong gật đầu nói:

– Ừ anh biết Tư nó khá lắm, vả lại dạo ấy dễ làm tiền, tiêu hơn thế cũng chẳng bõ bèn gì.

Năm nói xong, nét mặt trở nên buồn bã khác thường. Bính ngạc nhiên băn khoăn không hiểu tại sao mấy hôm nay Năm hay ngủ li bì, kém ăn kém hút. Hay là vì Năm thấy sự nguy hiểm gì sắp đến, nên lo âu như thế. Bính dịu dàng:

– Này mình, sao mình buồn thế! Hay mình giận em về sự cho tiền Tư đấy?

Năm lắc đầu đăm đăm nhìn Bính:

– Không phải. Tư tử tế, mình giúp nó là phải, anh nào có để tâm đến điều ấy. Anh...

Năm ngừng lại toan bỏ dở nhưng sau một phút im lặng thấy cần phải than thở với Bính, tuy biết thế sẽ làm Bính nao núng và là một điều hèn nhục cho mình. Năm nắm chặt lấy tay Bính áp lên ngực nói tiếp:

– Anh buồn chỉ vì mấy tháng nay *cớm* săn anh riết quá, anh không đi đâu được mà để em đi thì anh thương hại, phấp phổng cho em lắm.

– Không mình đừng ĩo!

Năm vẫn dằn giọng nói:

– Chẳng những thế, mình làm có được là bao, khi năm đồng, khi bảy đồng, số tiền đó trước kia anh chỉ trả tiền xe chơi mát mấy tối cũng thiếu.

Bính hích đùi vào người Năm:

– Anh nói *phách* lạ!

– Thật đấy, mà nào có lâu la gì, mới năm ngoái thôi.

Bính căn vặn hỏi sao Năm biết *cớm* săn riết và *trõm* hắn ở những đâu thì Năm bảo:

– Mình cứ luôn luôn lên chợ Sắt xem, mình sẽ thấy một người có hai cái nốt ruồi ở mé mắt bên phải, lúc mặc áo the, lúc quần là ống sớ, áo vải tây vàng, lảng vảng khắp chợ. Đấy là "so" Chuyên. Ở bến tàu Nam, bến tàu Quang Yên có "so" Phụng, cái thằng có hai răng vàng và "cớm cộc" Thiều lác thay đổi nhau canh gác. Sáu Kho có "cớm chùng" Tùy Cò hương; còn ở Đầu Cầu, phố Khách, phố Ba Ty chả lúc nào vắng bọn thằng Vinh rỗ hay thằng Miện mũi đỏ đạp xe.

Nói đến đây Năm thở dài:

– Đấy mình xem cơ màu này anh "đi" thì trôi sao được, huống chi anh lại có *bùng* [1] mới đáng lo.

Tám Bính siết chặt lấy tay Năm:

– Thì nào em có bảo mình "đi", mình nằm nhà mặc em xoay.

Năm Sài Gòn âu yếm nhìn Bính:

– Khó lắm! Có đứa mách "cớm" và "cớm" để ý tới em rồi đấy.

Tám Bính vênh vênh mặt nũng nịu:

– Khi nào *cớm* mó được đến người em.

Năm Sài Gòn lườm yêu Bính:

– Mình chỉ kiêu ngạo thôi, tài giỏi sành sỏi như Tư-lập-lơ còn "cáy" không dám làm tiền nữa là mình thứ vị gì.

---

1. *Bùng*: án biệt xứ. Thường thường ở Bắc Kỳ người có án biệt xứ không được lai vãng tới năm thành phố này: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hải Dương và Hà Đông.

– Nhưng em...

– Em là "bỉ" chứ gì?

Tám Bính ngả người trên lòng Năm, Năm nằm yên nhìn Bính. Một sự sung sướng nhẹ nhàng không hiểu tự đâu thoáng qua tâm trí Năm, Năm liền quàng tay qua Bính, kéo mặt Bính sát tận mặt mình, thều thào:

– Em gái nhỏ tôi *te* [1] quá.

VII

Có những câu hát riêng dân *chạy vỏ* nghe hiểu thôi. Những câu hát ấy chỉ thấy cất lên trong những khi gió mưa buồn bã mà một trinh không dính túi, hay sắp lâm vào bước gian nan, cảnh tù tội.

Không biết ai đã đặt ra những câu hát ấy, và ai đã dùng cái giọng lẳng lơ, bổng không ra bổng, chìm không ra chìm, lờ lờ và từ từ như dòng nước xanh rêu nhờn nhụa chảy vào một vũng tối – cái giọng nôm na gọi là giọng nhà thổ ế – để bây giờ nó thành một câu hát ở cửa miệng từ trẻ con đến người lớn, trong cái xã hội ăn cắp tối tăm kia.

Trong bọn trẻ ăn cắp dù là những đứa xấu xí ngu độn tới bực nào cũng cảm thấy, cũng hiểu biết thấy hết mọi ý nghĩa ai oán trong câu hát ấy. Thế rồi khi tưởng tới cái đời đầu đường xó chợ, cái tuổi trứng nước đã bị xa cha mẹ hay bồ côi vơ vất của mình, chúng sẽ rớt nước mắt than thân bằng những câu hát ấy với cái giọng không được thành thuộc lắm nhưng nghe thật thấm thía vô cùng.

Còn các *yêu tạ* cằn cỗi tới tột bực, lấy quê hương và gia đình là đề lao, anh em thân thích là tụi đồng nghệ quỷ quyệt gian ác, sự vui vẻ ấm cúng cả trong những ngày tù bó buộc, mỗi khi chán nản túng thiếu, mỗi khi cảm thấy bao nhiêu cái điêu linh bấp bênh, có ăn ngày nay không dám chắc ngày mai, thì mới chịu mở cặp mắt mỏi mệt nhìn quãng tương lai trơ trọi đầy tuyệt vọng. Nhưng đã bao lâu lười biếng, giai gái, thuốc sái quen thân đi, sức lực sút yếu đuối lắm. Vậy bỏ nghề "chạy vỏ" bọn chúng không thể làm được một nghề gì khác vừa ý, vừa sức hơn, bọn chúng đành bíu chặt lấy nghề chạy vỏ, tuy

1. *Te*: đẹp.

biết chắc rằng một ngày rất gần kia cái kết quả thảm khốc của nghề sẽ đến kết liễu đời mình: đi đày.

Rồi vì cảm động, rồi vì thổn thức, bọn chúng cũng dùng cái giọng đục lờ lờ hát những câu hát ấy để than thân.

... Năm Sài Gòn đứng bên cửa sổ, thẫn thờ nhìn những làn mây trắng phớt, mềm mại lúc tản rộng ra, lúc cuốn dồn lại trên trời thu trăng sáng.

Năm chợt bật cất tiếng hát lên:

Anh đây công tử không "vòm" [1]
Ngày mai "kện rập" [2] *biết "mòm"* [3] *vào đâu?*

Dư âm tiếng "đâu" vang hẳn lên mấy giây rồi im lìm, rồi chìm mất giữa khoảng đêm khuya, vừa lúc gió lạnh rào rào qua bụi găng đằng cuối vườn.

Trông Năm Sài Gòn bấy giờ như pho tượng núp trong bóng tối của ngôi chùa hoang. Dưới ánh trăng xanh, nước da Năm rám nắng tái đi như chì, những vệt sẹo dài và sâu càng sâu thêm. Năm vung tay thở hắt mạnh ra một cái rồi cau mày nhìn ngoài đường không một bóng người.

Đã mười hai giờ mà chưa thấy hút Tám Bính về! Năm bứt rứt, e ngại không hiểu Tư-lập-lơ có xoay giúp cho vợ chồng mình được lấy vài chục bạc không? Và Tám Bính có tránh thoát khỏi những cặp mắt ranh mãnh của "cớm chùng" không? Tiếng gió vang mỗi lúc một to. Cảnh vật càng yên vắng. Tâm trí Năm càng thêm rời rã. Năm lại vươn vai ngáp dài, rồi nhíu mắt trông một làn mây trắng lẩn dần dưới góc trời đen xám xa xa và lại vẳng cất tiếng lên:

Không "vòm" không "sộp" không "ve"
"Niễng mũn" [4] *không có ai mê nổi gì?*

Bỗng Năm giật mình ngoái cổ trông lại: Bính tươi cười vỗ vai Năm "òa" một tiếng gọi. Năm luống cuống:

– Thế nào mình?

Bính hớn hở đáp:

---

1. *Vòm*: nhà.
2. *Kện rập*: hết gạo.
3. *Mòm*: (chính là mồm): ăn.
4. *Niễng mũn*: một trinh nhỏ.

– Được rồi, hơn hai chục anh ạ!

– Của ai thế?

Bính sán ngay đến bên Năm nhìn Năm cười, Năm tát nhẹ má Bính:

– Lại của *so* nào rồi! Mà mình làm hay Tư?

– Em đứng "cản", Tư "khai."

– Ở đâu?

– Của một *bỉ* bên đò Bính sang mua vải ở phố Khách ra.

Dứt lời, Bính đếm đúng hai mươi tờ giấy bạc một đồng mới tinh và thơm phức đưa vào tay Năm. Năm liền nắm chặt cả lấy, long lanh nhìn thẳng vào mặt Bính bừng bừng ngây ngất. Hồi lâu hắn cúi xuống thì thầm bên tai Bính những tiếng khàn khàn:

– Mình khá lắm! Khá lắm! Đáng mặt "chị" Tám lắm!

Bính những nở nang cả gan ruột, Bính im lặng một lúc rồi hỏi Năm:

– Ừ khá lắm! Nhưng mà này ban nãy mình hát câu gì não ruột thế?

Năm tần ngần:

– Anh có hát đâu!

Bính nâng cằm Năm lên:

– Rõ ràng giọng hát của mình mà mình còn dối em ư.

Năm không đáp, nét mặt thờ thẫn hơn, Bính lay vai Năm:

– Kìa sao mình cứ buồn thế?

– Tại...

– Tại làm sao?

– Thấy mình đi lâu quá thì anh lo ngại và buồn chứ sao!

Bính xoắn chặt má Năm và kéo căng ra:

– Mình lạ lắm! Việc gì mà sợ mà buồn? Em đã bảo "cớm" có tài thánh cũng không động được đến người em. Ngay như ban nãy, khi chia tiền ở nhà Tư-lập-lơ, em biết có một chú đạp xe theo rình em. Mặc kệ, em cứ thong thả đi, nhưng đến gần vườn hoa Đưa người em rảo bước rẽ ngay vào ngõ Nghè, tạt qua ngõ Trần Xuân Lịch, rồi ngược lên phố Đầu Cầu, đi vòng về chợ Con. Thế là chú em hết "trõm".

– Vậy mình về gần nhà có gặp "so" nào không?

– Không, em về lối sau nên chẳng gặp ai hết.

Năm Sài Gòn hơi tươi nét mặt, vuốt lưng Bính:

– Mình thật hơn anh nhiều.

Nũng nịu, Bính hất tay Năm đi:

– Thôi đi em không cần mình khen đâu. Đây này bát sắt, đĩa sắt, gày kia hội đấy, mình xóc cái, mình cất đi rồi đi ngủ cho béo mắt.

Năm Sài Gòn thấy vợ vui vẻ thì mừng thầm, tin đó là cái điềm may của canh bạc nay mai.

*

* *

– Lại sấp hai!

Không bảo nhau mà khi Năm Sài Gòn vừa mở bát mọi người cùng reo lên. Họ reo ầm ĩ xong lại bàn tán ồn ào như lúc chợ vỡ. Chiếu bạc của Năm Sài Gòn giải được "vía" hay sao mà một phần người đi xem hội Đình Chiến ở trước nhà Hát tây kéo nhau đến, xúm đông xúm đỏ, vòng trong vòng ngoài, người đứng cũng lắm, khách máu mê không tiền chầu rìa cũng nhiều. Mặt nào cũng kín những xu, hào và cả giấy bạc nữa. Họ mê mệt, họ khao khát, họ giận dữ vì cái canh bạc lạ lùng này. Đời thuở nào "bạc" "đi" thông luôn mười cái sấp hai, hai cái ngửa tư, một cái sấp bốn bao giờ?

Hai cái túi áo tây vàng của Tư ngồi làm hồ lỳ đã chật ních. Hắn phải giải chiếc khăn mặt bông để đựng tiền. Sự sung sướng khoái trá trong lòng hắn bốc lên ngùn ngụt, mặt hắn đỏ bừng. Còn mọi người đều vã mồ hôi, họ trông đổ dồn vào Năm mỗi khi Năm tươi tỉnh duỗi thẳng hai cánh tay rung rung chiếc bát úp trên đĩa sắt.

Tiếng tiền kêu sang sảng làm cho mọi người càng hồi hộp, trống ngực ai cũng đập thình thình. Nhất là người lính thủy đứng bên Tám Bính thở mới mạnh làm sao. Anh ta đã thua nhiều quá!

– Có bao giờ cờ bạc cò con từng hào một mà "sạt" tới mấy chục đồng.

Anh đâm cáu, vứt cả giấy năm đồng xuống chiếu bạc, anh cố đào thấy "lẻ" thấy sấp một mới nghe.

– Lại sấp hai!

– Lại sấp hai!

– Sấp bốn!

– Giời đất, lạ quá!...

– Lại sấp hai!

– Mười tám cái chẵn!

Năm Sài Gòn khoan khoái, hai tai nóng cháy, hai tay rung bát càng dẻo:

– Lại sấp hai!

Mười chín cái chẵn!

Tiếng reo vừa dứt, mấy tiếng xì xào thoáng qua tai Tám Bính:

– Hay tiền thửa?

– Đĩa hai lòng? Bát đặc?

Đứng ngoài để *trõm*, thấy có kẻ bảo chồng mình bạc *giảo*.[1] Tám Bính hậm hực cúi vội xuống:

– Này bác cái, cho tôi xem tiền nào.

Bính ném tung cái đĩa ra chiếu như ném vào mặt người hóc hách không đúng nọ, rồi Bính lật đi lật lại bốn đồng trinh trên cái đĩa sắt mỏng cho ai ai cũng rõ. Mọi người mất hết ngờ vực, Tám Bính cười mũi:

– Những *so quéo* đã không tiền lại chỉ hay tán láo thôi!

Tiếng tiền lại reo đổ hồi, lanh lảnh và ròn rã hơn.

Năm Sài Gòn vừa đặt đĩa xuống, người lính thủy đã ném theo tờ giấy bạc một đồng nhìn Năm nói:

– Còn mỗi một đồng đây, bác cái tính sao thì tính.

Năm Sài Gòn cười không đáp, nhấc bổng cái bát ra. Tiếng reo hò ầm lên:

– Sâ!... â, ấp... một!

Người lính lắc đầu nhăn mặt, cười:

– Gớm thật! Tôi "khát nước" mất vừa đúng 39 đồng, đến giờ mới được một tay lẻ. Thôi cứ để hai đồng ấy ở mặt sấp một cho tôi.

Mọi người càng mải miết xem canh bạc gay go to nhất Hội tây năm nay. Có kẻ bàn tán, có kẻ nguyền rủa, có kẻ tức tối, và có kẻ khấn thầm cho người lính thủy được, vì nét mặt Năm đáng ghét, đáng sợ lắm.

– Lại sấp một!

– Lại sấp một!

---

1. *Bạc giảo*: bạc gian.

– Lẻ: lại sấp ba!

Hai đồng thành bốn. Bốn đồng thành tám. Tám đồng thành mười sáu. Tư-lập-lơ run run xỉa 16 tờ bạc giấy. Chờ Tư xỉa tiền xong, Năm Sài Gòn đưa mắt nhìn Tám Bính đứng bên người lính thủy.

Người lính cho mấy đồng giấy vào ví còn lại để mặt lẻ.

– Sấp ba, lại lẻ!

Tư-lập-lơ tái mặt, Năm lắc đầu. Bính khẽ nói:

– Thật lạ lùng!

Mọi người cười nói ầm ĩ, tỏ ra sung sướng hộ người lính thủy. Có kẻ lại phỉnh thêm:

– Ông cứ đặt cả hai mươi bốn đồng ở mặt lẻ, tôi chắc ông thế nào cũng được, vì vận ông đương "tấy" lắm.

Người lính không đáp, cười rộ – tiếng cười ấy cất hết mọi vẻ bực *tức trên nét mặt lầm lầm từ nãy đến giờ.* Gấp 14 đồng cho vào ví rồi đút lên túi áo trên, đoạn hắn bảo Năm:

– Bác cái ạ, 10 đồng này bác đánh sang chẵn cho tôi. Tiếng này phi ngửa tư thì sấp bốn.

Năm Sài Gòn vã mồ hôi trán, đón lấy. Tư-lập-lơ vun gọn tiền mặt nào vào mặt nấy rồi đưa mắt nhìn Tám Bính. Hai cặp mắt long lên khác thường này cùng thúc giục Bính *mõi* cái ví đầy bạc kia. Nhưng... người Bính tự nhiên run bần bật. Bính có vẻ hoảng sợ. Thấy thế Năm Sài Gòn vội hắng giọng:

– Kìa mau *mõi* đi! Các ngài thêm mỗi mặt một tý chút nữa đi.

Năm dằn mạnh tiếng *mõi* cố ý để vợ nghe rõ, giúp vợ thêm can đảm để tránh một sự ghê rợn sẽ xảy ra nếu tiếng bạc chót này Năm lại thua.

Thì quái lạ! Tám Bính cứ run lẩy bẩy. Có lẽ ngoài cái lần đầu tiên, cách đây hai năm, Bính thò bàn tay lấy tiền của người ta thì không còn một lần nào Bính bối rối như lần này cả. Dù người lính vô tình không biết Bính đứng bên mà Bính không sao đưa được ngón tay móc cái ví bỏ mấp mé trong túi áo trên kia. Hễ Bính chực nhấc tay lên thì người Bính lại càng run, trống ngực lại càng đập mạnh, hình như đâu đấy có mấy người mật thám cầm xích lăm lăm và người lính kia cũng giả vờ chờ Bính động tới túi là chộp ngay.

Tám Bính vừa bị lo sợ, vừa như bị thôi miên bởi bốn đồng tiền đen, trắng nó hút chặt lấy mắt Bính.

Chỉ trong khoảnh khắc mà Bính cảm thấy bao nhiêu cái ghê gớm sẽ làm tan nát đời Bính nếu tiếng bạc chót này Năm lại thua.

Sao lúc này đối với Bính món tiền lạ lùng thế? Bính tiếc món tiền được rồi lại thua đi một cách chua xót khác thường.

Tám Bính lại mím chặt môi, dùng hết nghị lực, rón rén thò tay lên cái túi đựng ví tiền. Nhưng Bính lại vội rụt tay ra... mắt Bính hoa lên... Bính càng run vì... người lính có vẻ *sửng mòng*.[1] Bỗng Tám Bính rú lên và mọi người cùng kêu lên:

– Sâ... â... ấp... bố... ô... ốn...!

– Ha ha sấp bốn...

Mười đồng thành hai mươi đồng. Năm Sài Gòn và Tư-lập-lơ đưa mắt trông nhau, dốc túi đến giam đủ hai mươi đồng.

Người lính thủy cúi xuống nhặt tiền: cái ví vẫn nguyên trên túi áo.

Năm đỏ tía mặt lại, cổ họng nghẹn ứ như bị bóp chặt. Năm toan cướp sấn cái ví đầy bạc kia thì người lính đã nhảy tót lên chiếc xe đạp dựa ở vỉa hè, phóng thẳng một mạch để lại sự ồn ào như vỡ chợ với đám đông nhớn nhác, trông theo.

VIII

Thôi chị còn khóc gì nữa! Thế là chị giết tôi!

– Mình, sao mình lạ thế!

– Lạ cái gì? Lạ là tôi không còn nhiều tiền như trước, và tình nghĩa của chị đối với tôi ngày nay cạn tầu ráo máng phải không?

Năm Sài Gòn chấm nốt câu hằn học bằng một cái đập xuống bàn.

– Thế là hết!

Tám Bính ngồi ở góc giường gục mặt vào lòng nức nở. Trước sự rã rượi ấy, Năm Sài Gòn càng gai mắt, càng bực tức. Hắn nắm chặt hai bàn tay đấm thinh không, vừa nghiến răng nói:

– Chị ác quá! Nếu chị không bằng lòng tôi, muốn bỏ đi lấy người khác thì cứ nói phăng ngay với tôi việc gì chị lại lừa dối tôi, giết tôi

1. *Sửng mòng*: hơi biết, chột dạ.

một cách từ từ độc ác như thế? Giời ơi, cái *cá* ngon làm vậy, thằng *vỏ lỏi* nó còn *mõi* [1] được huống chi chị đã thập thành!

Năm Sài Gòn nói xong, vò đầu vò tai:

– Tôi vẫn biết, biết lắm, chị Tám Bính ạ, chị có nhan sắc, chị khôn ngoan thì chị còn thiết gì một thằng chồng khốn nạn như tôi. Chả có thế trước kia, nay chị đòi đi buôn bán, mai chị đòi đi buôn bán, kiếm lãi nuôi thân. Chị thâm hiểm vô cùng, chị ghét cay ghét đắng cái quân *chạy* xấu xa này, chị ghét ngon ghét ngọt cái thằng Năm Sài Gòn này, bị mọi người ghê sợ, nguyền rủa, nhưng chị không hé răng nói qua nửa nhời. Sao chị mặt sứa gan lim thế?

Năm Sài Gòn nói xong lại gầm hét. Tối hôm qua Bính để "xổng" món tiền, đối với hắn là một chứng cớ chắc chắn rằng Tám Bính phụ chồng mà nhời Ba Bay là thật. Năm Sài Gòn không còn ngờ vực gì nữa. Hắn hoàn toàn tin Bính phải lòng Tư-lập-lơ, và yêu thương Tư-lập-lơ nồng nàn lắm, nên mới vượt cả mọi sự dị nghị cưu mang Tư, giúp đỡ Tư nhiều lần, giữa lúc chồng mình cũng cùng túng.

Năm Sài Gòn cười nhạt:

– Thế mà xoen xoét thủy chung hết bụng hết dạ với nhau đấy!

Cực chẳng đã Tám Bính phải đáp:

– Phải tôi không thương yêu anh, tôi là người tệ bạc, mà tôi đã ăn ở với anh non ba năm trời, tại số kiếp chứ không đã vài ba mặt con.

Câu nói ấy vừa lọt vào tai, Năm Sài Gòn rùng cả mình, hắn kinh tởm cho sự hèn hạ của hạng gái bán trôn nuôi miệng: còn tiền, còn bạc, còn chồng...

– Thôi tôi van chị. Tại mấy năm trước đây tôi *trúng bướu* [2] luôn, tôi không nghiện hút, không sao bỏ ra một lúc hàng tiền trăm xé giấy cho chị, rồi rước chị về phục dịch thuốc thang quá mẹ đẻ, chứ đâu tôi xác xơ như ngày nay, ai ai cũng khinh bỉ được.

Tám Bính tê dại ngồi nghe. Phút chốc cả một thời quá vãng nặng nề, ê chề lại từ từ hiện ra trước mắt Bính, lờ mờ âm u với cái ánh đèn nhơ nhớp ở nhà mụ Tài-sế-cấu. Lòng Bính càng ran lên những xót xa cay đắng, những quyến luyến Năm, yêu thương Năm.

---

1. Cái ví tiền dễ lấy như vậy, thằng ăn cắp nhãi con nó còn móc được.
2. *Trúng bướu*: ăn cắp được nhiều tiền.

– Kìa chị nghĩ gì thế? Chị Tám Bính? A bà Tám Bính, chắc bà đương nguyền đương rủa tôi đấy ư?

Ngước cặp mắt đầm đìa. Tám Bính nghẹn ngào nhìn Năm Sài Gòn ngồi chênh vênh trên góc bàn kê gần đấy. Bính lại chực muốn phân trần thì Năm lại rít lên:

– Chị Tám Bính ơi! Chị lại khóc rồi! Nước mắt của các chị bây giờ làm tôi khiếp sợ lắm! Các chị chỉ dùng để che đậy những gươm trăm giáo mớ của mình thôi. Trước kia tôi hớ hênh ngu ngốc, say mê điên cuồng lên vì chị ở nhà mụ Tài-sế-cấu để chị lừa tôi, nhưng bây giờ chị lừa lần nữa sao được, cái thằng Năm Sài Gòn này không bao giờ thèm dùng nước mắt để lừa dối người?

Năm Sài Gòn nghiến răng dằn từng lời một. Mỗi một lời của Năm càng như một mũi kim sắc thâu qua lòng Bính, Bính đau đớn quá chừng, gạt nước mắt, cố cất tiếng ngắt lời Năm:

– Anh Năm sao anh nghĩ thế? Có đời nào tôi phụ anh! Làm hại anh! Chẳng qua thấy anh thua nhiều tiền quá, mà số tiền đó cả vợ lẫn chồng đều khó nhọc, gian nan mới kiếm được, nên tôi lo buồn bối rối, anh đã không biết cho tôi lại còn day nghiến tôi phải lòng giai như thế còn giời đất nào nữa?

Tức thì Năm Sài Gòn đỏ bừng mặt, gầm vang nhà:

– Giời nào? Đất nào? Chả có giời đất nào hết! Bây giờ chỉ có tiền thôi, đẹp giai thôi, hai thứ ấy, giời đất cũng không đáng sợ, đáng trọng bằng.

Dứt lời Năm Sài Gòn nhảy phắt xuống bàn, chắp hai tay sau lưng, đi đi lại lại chung quanh nhà. Tám Bính chỉ ngồi rũ rượi khóc.

Không khí nặng nề và khó thở như ở một lò than đương cháy rực bỗng ai dội nước lên. Năm Sài Gòn luôn luôn vùng tay thở hắt ra thật mạnh, như muốn trút hết mọi sự nung nấu trong người, thì càng thấy tâm trí ngùn ngụt. Đưa mắt trông hai gian nhà thu hẹp lại với những đồ vật lổng chổng Năm Sài Gòn lại càng nhận thấy rõ sự cùng quẫn xác xơ của mình.

Cái bàn rửa mặt đánh si bóng đã bán đi rồi thay bằng cái ghế đẩu cao lênh khênh trên có một chiếc chậu bong sơn xám xì. Cái tủ áo Năm cũng bán đi, quần áo thì treo lên mấy con bướm gỗ. Đến cả tranh ảnh cũng đâu gần hết. Tấm hình Năm Sài Gòn chụp nửa người phóng đại thì lắp trong chiếc khung vuông gỗ tạp, vừa bụi vừa mốc.

Những ngày oanh liệt đã tan nát không còn chút gì vớt vát, nhớ tới Năm Sài Gòn những đau đớn ngao ngán, thất vọng. Năm lợm giọng, ghê tởm cho sự giáo lý của vợ. Năm nhổ bọt bảo Tám Bính:

– Thôi chị ạ, công tôi gắn bó với chị chỉ là công cốc. Nhưng tôi cũng đành rầu lòng chịu cái cảnh trơ trọi mà vui lòng để chị đi lấy người khác, vì còn dây dưa với chị không khéo một ngày kia tôi lại đi đày một lần nữa mất. Vì chị mà phải đeo số đỏ, săn cọp ở Hà Giang hay câu cá ở Côn Lôn, anh em họ sẽ ỉa vào mặt tôi, và lúc ấy tôi cũng sẽ chẳng để chị yên nào. Vậy chi bằng ngay hôm nay chị cút đường chị, tôi xéo đường tôi, chị buôn bán hay lấy vua quan tôi cũng mặc, tôi ăn cắp, tôi giết người rồi lên ngồi máy chém tôi cũng chẳng cần chị thăm nom.

Năm Sài Gòn chỉ cái hòm đằng cuối giường:

– Như thế chị xem có thức gì của chị trong đó thì lấy hết đi, đem hết đi đi ngay cho.

Bính tái mặt, run rẩy:

– Anh quyết tâm bỏ tôi?

– Phải, tôi phải bỏ chị, vì chị muốn bỏ tôi!

– Giời ơi!

Năm nhại:

– Tiền ơi!

Nước mắt Bính chan hòa. Năm uất ức càng thét lên. Bỗng Năm Sài Gòn lầm lầm nét mặt, trườn người kéo cái hòm đằng sau lưng Bính xuống nền nhà. Hắn lục tung các xống áo, vừa vứt từng cái một lên mặt bàn, vừa kể vanh vách những kỷ niệm có liên lạc tới những thứ ấy. Nào cái áo nhiễu tây màu cà phê sữa, Năm may ngày mới lấy nhau; nào chiếc quần nái mới và cặp áo the một phen đã nằm ở hiệu cầm đồ dạo Bính có mang đứa con trai đẻ sẩy; nào đôi dép Nhật Bản và đôi bít tất phin hồng mua ngày hăm chín tháng chạp năm xưa.

Bính đương tê tái thì Năm Sài Gòn dồn tất cả quần áo ấy vào một cái thúng to, đậy vỉ buồm lại, rồi quăng đánh phịch ra tận cửa, đoạn mím môi giơ tay trỏ:

– Thôi chị đi đi. Một giây ở nhà tôi cũng không được.

Bính choáng người, cuống quít:

– Mình ơi! Anh Năm ơi!

– Đi ngay!

– Em van mình mà!

– Bước ngay!

Giọng Năm rắn như đanh như thép, mắt Năm quắc lên long sòng sọc những căm hờn. Bính run rẩy, tối tăm cả mặt mày. Bính lả ra, giơ tay chới với bíu lấy thành giường. Năm liền nắm lấy cổ tay kéo Bính sềnh sệch xuống thềm nhà:

– Có xéo hay không? Đồ chó đểu nào!...

Tám Bính cố chùn người lại, nắm giật lấy tà áo Năm, Năm đã hoa mắt hất bắn Bính đi...

Sự tủi cực của Bính đã đến cực điểm. Sắc mặt đương tái mét đỏ bừng lên, Bính nghiến răng, thoáng đưa mắt ướt đầm nhìn Năm.

PHẦN THỨ BA

I

Tám Bính về tỉnh Nam Định đây đã được hai tuần lễ. Trong hai tuần lễ ấy không ngày nào Bính không buồn rầu lo nghĩ. Tình thương yêu Năm Sài Gòn vẫn bao trùm tâm trí và cái không khí mát mẻ, êm dịu của những chiều thu sáng tươi càng làm cho Bính trước nhiều sự vui sướng của người đời, càng thấy thấm thía vì sự cô độc của Năm.

Bính ngồi trên bờ đê, trông dòng sông Nam Định nao nao chảy khác hẳn quãng sông từ đầu cầu xe hỏa đến Sáu Kho ngoài Hải Phòng, lúc nào cũng li bì vẩn đục. Xa xa bên kia sông, mấy nóc nhà tranh xam xám nổi lên giữa lớp tre xanh đặc phút chốc gợi sống lại trong lòng Bính bao nhiêu hình ảnh khi xưa ở quê hương. Bính lại rơm rớm nước mắt. Bính lại thấy hiện ra nào cha mẹ nàng hớn hở, nào thằng Cun gầy võ vàng, nào đứa con khốn nạn lủi thủi bên một người mẹ hờ và nó không biết còn sống hay chết.

Bỗng một câu hỏi vẳng lên trong thâm tâm Bính:

– "Vậy Bính nhất định không về quê và cũng không trở lại với Năm ư!".

Bính thần mặt ra rồi mím môi lắc đầu "không! Nhất định không!".

Đã nửa tháng nay, Bính lại trở về với cuộc sinh hoạt của những người gồng thuê gánh mướn. Trước mắt Bính, cái cảnh đời tay làm hàm nhai, dù vất vả lam lũ, lại sáng lên, rực rỡ một cách khác thường.

Chợt một làn gió rào qua mặt sông, đem theo hương thơm man mát của cả một vườn hoa huệ đâu đây. Cái hương thơm khiến Bính bâng khuâng, ngẩn ngơ, nhớ lại buổi chiều qua.

Dưới chân một bàn thờ bày trên bệ gạch xây sâu vào bức tường dày. Bính quỳ gối trước ánh đèn lưu li xanh biếc nhòa với ánh nắng gần tàn lọc qua lần cửa kính tím phớt. Bính thì thầm đọc bản kinh "ăn năn tội" mà ông cố đạo già dặn Bính phải đem hết tâm trí mà suy ngẫm. Sau bản kinh sám hối. Bính đọc đến kinh: "Lạy Nữ vương" – người đàn bà mà Bính thấy đáng kính, đáng trọng hơn ai, bao nhiêu câu ca tụng sau đây cũng không đủ tả những tốt lành của người:

... Mẹ nhân lành làm cho chúng tôi được sống, được vui... Chúng tôi ở nơi khóc lóc, than thở kêu khẩn bà thương... Hỡi ơi! Bà là chúa bầu chúng tôi, xin ghé mắt thương xem chúng tôi đến sau khỏi đày...

Ôi! Khoan thay! Nhân thay! Dịu thay! Thánh Maria lọn đời đồng trinh...

Bấy giờ chẳng những Bính cảm động về nguyện ngắm, Bính lại còn tê mê vì lời răn bảo của ông cố đạo già ngọng nghịu khuyên Bính nhiều lắm, khiến Bính ứa nước mắt quả quyết hứa với ông rằng:

– Lạy cha, con xin vâng lời cha, con xin ăn năn dốc lòng chừa mọi tội lỗi...

Bính vừa nói xong ông liền nhủ Bính:

– Đấy con xem, bây giờ có phải phần hồn và phần xác con nhẹ hẳn đi không? Con không còn áy náy buồn phiền như trước kia con đầm đìa, dơ dáy tội lỗi vì con đã mất sự sạch của linh hồn, con đã mất ơn Đức Chúa Lời. Vậy con nên biết rằng, muốn được bình an trong đời, muốn được cha mẹ con yêu thương, muốn gặp con con, con phải giữ linh hồn cho trong sạch, con quý nó hơn phần xác con, con giữ nó trong sạch mãi mãi để đón rước sự thương giúp của Chúa.

Nói đoạn ông giơ tay làm phép "giải tội" và chúc sự lành cho Bính, xong ông bảo Bính đọc năm chục kinh để đền tội.

Trong bấy nhiêu lời ông cố đạo khuyên răn Bính nhận thấy rất nhiều tiếng "trong sạch", "sạch sẽ". Vậy ý nghĩa cốt yếu của một đời tốt đẹp chỉ do sự trong sạch thôi ư?

Bính lờ đờ trông lần nữa dòng sông tỏa sương và cảnh đồng ruộng bên kia xa, rồi chậm bước theo con đường gần Sở Lục lộ về nhà trọ.

Thốt nhiên những tiếng reo cười rú lên và hai cánh tay choàng lấy người Bính làm Bính giật mình ngoái cổ nhìn. Bính cũng kêu lên:

– Chị Hai Liên!

Hai Liên chăm chú nhìn Tám Bính từ đầu xuống chân:

– Chị đương ở Phòng sao lại về đây? Anh Năm Sài Gòn bây giờ thế nào?

Bính ngập ngừng đáp:

– Em về có việc chị ạ.

Hai Liên thấy nét mặt Bính sa sầm, liền nắm tay Bính ân cần hỏi:

– Việc gì thế? Kìa sao chị buồn thế?

Bính thần mặt ra một lúc rồi thở dài đáp:

– Năm bỏ em rồi!

– Sao lại bỏ chị ư! Chị dối em!

– Thật đấy!

Hai Liên liền kéo Bính vào hàng nước ở vệ đường, Bính ngồi xuống nghe xong, Hai Liên càng quấn quít:

– Tại sao Năm Sài Gòn lại bỏ chị. Em thấy lúc nào Năm cũng chiều chuộng chị lắm cơ mà.

Bính buồn rầu kể cho Hai Liên nghe, không biết có đứa nào bịa đặt ton hót với Năm rằng nàng phải lòng giai, lại nhân tối Năm thua bạc, Năm giận dữ quẳng xống áo nhất định đuổi Bính đi và Năm cũng đi biệt theo, không biết đi đâu.

Hai Liên ái ngại:

– Tội nghiệp! Ai ngờ Năm Sài Gòn lại xử với chị tàn tệ đến thế!

– Vâng, em biết thế là người ta tuyệt đường nhân nghĩa với em nên em phải rầu lòng bỏ người ta.

Hai Liên cười nhìn Bính:

– Chị định bỏ hắn thật chứ?

Tám Bính không đáp ngay, ứa nước mắt, yên lặng hồi lâu rồi nghẹn ngào:

– Vâng!

Hai Liên lắc đầu, lấy mùi xoa chùi hộ nước mắt, vừa vuốt tóc mai Bính, an ủi:

– Thôi chị ạ, người chồng này tệ bạc ta bỏ đi lấy người chồng khác tử tế, tội gì buồn bã cho ốm thân.

Bính thở dài. Hai Liên nói tiếp:

– Mà chị định đi đâu? Làm gì bây giờ?

Tám Bính hồi hộp nghĩ đến tình cảnh sắp sửa dấn thân vào. Bước chân ra khỏi nhà Năm, Bính chỉ có hai đồng ba bạc, thì đã tiêu mất ngót hai đồng. Vậy sau khi chi phí hết 4, 5 hào còn lại kia, Bính sẽ xoay giở ra sao? Bán quần áo đi chăng? Không thể được! Thúng quần áo mới, vì khí khái Bính không thèm lấy. Nhân thân nhất thiết, Bính chỉ còn hai bộ đã rung rúc để thay đổi. Vả lại đi lơ vơ thế này mà lại bán quần áo cũ ai người dám mua? Luôn mười hôm Bính đã xin đi đội than, gánh gạch và đẩy xe cát ở mấy sở nọ thì chỉ được làm buổi đực, buổi cái. Còn muốn đi làm ở những nhà máy Rượu, máy Sợi thì phải có hàng bạc trăm lễ cho đốc công. Nhưng cứ như cảnh công việc khó khăn bây giờ thì không thể trông mong xin đi làm ở đâu được. Hay "làm tiền"? Bính rùng mình bảo Hai Liên:

– Cơ mầu này em đành buôn tấm mía, múi bòng lần hồi cho qua ngày thôi chị ạ!

– Ai lại làm thế, vất vả bệ rạc quá! Lãi lời phỏng là bao! Và ở đây bọn vé chợ và đội xếp nó soát, nó phạt nặng lắm không bán được đâu!

Chợt nhớ ra bữa cơm chiều. Hai Liên đứng dậy nắm tay Bính nói:

– Thôi chị ạ, đừng về nhà trọ nữa, lên xe lại đằng em kẻo tối rồi...

Bính ngần ngại. Hai Liên nói luôn:

– Em chưa ăn cơm, vậy chị lại nhà em ăn một thể cho vui.

Bính còn dùng dằng, Hai Liên đã gọi xe, dìu Bính lên, đoạn bảo anh xe kéo vào Sở Mật thám.

Bính giật mình ngước lên vội hỏi Hai Liên:

– Kìa sao lại vào sở Mật thám?

Giọng Bính hơi run run và nét mặt biến sắc khiến Hai Liên phì cười:

– Khỉ ạ! Làm như người ta dẫn mình cho mật thám bắt không bằng. À cũng tại em quên không nói cho chị biết em đã có chồng mà chồng em là "cớm" nên em có nhà ở Sở Mật thám chị ạ!

Bính thẹn:

– Em sao dám ngờ chị! Chị lấy người ấy được bao lâu?

– Từ sau cái ngày chị em ta đi ăn chả nem ở Xuân Lai ấy mà.

– Một năm rồi cơ?

– Phải.

– Có cháu nào chứ? À quên! Xin lỗi chị.

Dứt lời hai người cùng nhìn nhau, cùng chua xót nhớ tới cái thời kỳ nhục nhã, lúc nắm tay nhau than thở trong một gian buồng chật hẹp tối mờ. Hai Liên chép miệng bảo Tám Bính:

– Đấy chị xem có chồng mà không có con thì có khổ không? Vì thế em ăn sung mặc sướng đến đâu vẫn tưởng khổ sở quá người ăn mày chị ạ, vì dù họ cùng cực đói khát chừng nào nữa song có đứa con để ôm ấp vỗ về cũng khuây khỏa sung sướng.

– Thôi số kiếp ông trên đầu định thế, mình đành chịu vậy! Mỗi người một dịp cầu lận đận, đời này hồ dễ mấy ai sung sướng vẹn toàn?

Rồi Bính thuật cho Liên nghe Bính đã thuốc thang rất tốn kém nhưng đến ngày Năm Sài Gòn bị tù, Bính lại ốm và bụng mang dạ chửa, đến kỳ sinh nở thì con chưa ra khỏi bụng mẹ đã chết. Kể đoạn Bính cúi mặt xuống, chớp chớp mắt:

– Như thế thà đừng sinh nở lại hóa hay. Cứ cái nông nỗi mẹ nhìn con, con không biết nhìn mẹ, hoặc mẹ con chia rẽ thì còn đau đớn hơn.

Xe dừng lại, cả hai bước xuống, qua một dãy nhà nhỏ đến gian nhà rộng cách dãy kia bằng cái sân vuông giồng bắp cải và rau.

Hai Liên đẩy cửa vào trước, kéo ghế bảo Tám Bính ngồi. Thấy khách lạ vào, người vú già liền vặn to ngọn đèn cây trên mặt tủ chè, nhấc đặt xuống bàn.

Gian nhà đương mờ mờ sáng rực lên với bao nhiêu đồ đạc. Giữa nhà kê một chiếc bàn tròn có bốn chiếc ghế mây xung quanh. Sau bàn, một tủ chè bằng gỗ gụ đánh bóng lộng. Trong tủ lấp lánh một hàng chai rượu mùi, hai bộ ấm chén Nhật Bản và mấy chồng bát đĩa cổ. Đối diện bộ phản mà vú già bày mâm cơm, một cái giường tây gỗ lát giải đệm và buông màn. Phía tay trái, ở chính giữa kê một chiếc tủ đứng, hai cái giá gỗ bày hai chậu đinh lăng, kèm hai bên. Trên mặt tường mấy khung tranh ảnh treo không có hàng lối, những cách treo tự nhiên ấy trước mắt Bính lạ và đẹp lắm.

Cách bày biện trong gian nhà này tỏ ra chồng Hai Liên là một người đứng đắn khá giả, và hạnh phúc gia đình của Hai Liên có thể lâu dài.

Bính mải trông quên cả ăn, đờ người cầm bát không đưa lên miệng và. Thấy thế Hai Liên giằng lấy bát xới cơm, giục Bính gắp thức ăn. Bính đón lấy bát cười bảo Hai Liên:

– Chị yên trí lắm rồi nhỉ?

Hai Liên đưa mắt cho Bính:

– Thôi đi.

Bính cười nói luôn:

– Thật đấy mà!

Hai Liên càng dịu nhời:

– Vậy thì chị ở với em cho vui đừng đi đâu nữa nhé!

– Nhưng còn anh ấy thì sao?

Hai Liên hơi vênh mặt:

– Cái hạng này đối với người ngoài nhất là cánh *chạy* thấy thì có vẻ hắc lắm, thế mà đối với vợ thì lại một phép, vậy chị nói đến làm gì. Ngay khi tôi mới về tôi bảo sao nghe vậy, đố dám trái lời, mà đây chỉ là làm lẽ thôi đấy!

Tám Bính lườm Hai Liên:

– Gớm! Chị chỉ được cái đáo để thôi!

– Còn phải bàn!

Chợt có tiếng người ở gian bên nói vọng sang:

– Này bà, ông ấy nhắn tôi dặn bà tối nay cứ ngủ kỹ một mình, ông ấy đến "tua" "gác nhà giấy" đấy.

Hai Liên đầy một miệng cơm, lúng búng trả lời:

– Vâng! Cám ơn ông, và ông làm ơn cho tôi nhắn lại tối nay tôi ngủ hai mình kia nhé.

– Kìa, sao lại hai mình! Bà hay pha quá!

Hai Liên cười đáp:

– Thì tôi dặn ông sao, ông cứ nói thế mà.

Dứt lời, Hai Liên bấm Tám Bính, ghé vào tai Bính nói thầm:

– Thằng cha này có vợ nhưng vợ ở tận Hà Đông, ít khi xuống chơi, nó lẳng giai lắm mà *sộp kê*[1] lắm, lại đi đạo nữa đấy.

Bính ẩy Hai Liên một cái.

– Em chả thiết đâu!

Hai Liên cười phá lên, cố ý cho người bên kia nghe thấy:

– Mấy ai đã cõng được ngay ai mà vội chối đây đẩy nào!

Tám Bính vội bưng lấy miệng Hai Liên xuýt xoa:

– Thôi! Tôi đi ngay bây giờ đây.

Cơm nước xong, Hai Liên mở tủ lấy một cặp áo nhiễu tây màu và chiếc quần lĩnh, đến bên Tám Bính nói:

– Đây chị mặc thử xem có vừa không. Cặp áo cà phê sữa và mỡ gà này em mới may để đi hội đấy. Vừa thì phải, vì chị cũng mảnh dẻ như em.

Bính ngượng nghịu. Hai Liên một mực ép Bính phải mặc ướm! Bính ngần ngại đón lấy. Bính vận đến đâu khít đến đấy, Hai Liên thấy thế cười bảo:

– Khéo quá! Và này gương, lược, phấn sáp kia, chị tha hồ trang điểm, mau chóng lên để đi xem hát kẻo tám giờ rồi.

Phần thẹn, phần cảm động vì lòng tử tế thành thực của Hai Liên, nên sau khi rửa mặt, má Bính đỏ ửng lên, Hai Liên tấm tắc khen:

– Quái! Chị bao giờ cũng trẻ đẹp như bao giờ, mà em thì một ngày một già, một xấu đi.

Bính không đáp ngao ngán cúi đầu nhìn đôi dép Nhật Bản, tê tái với những ý nghĩ xót xa cho sự đẹp đẽ xinh tươi từ trước đến giờ đã chẳng làm cho mình sung sướng, lại còn gây nên bao nhiêu bước long đong.

II

Thấy Bính vẫn còn ngần ngại, Hai Liên vuốt lưng Bính nói:

– Chỉ còn cách ấy thôi, nếu chị không thuận, em cũng đến bó tay, vì không còn cách nào giúp chị được. Suốt buổi sáng nay em hỏi mọi nơi, mọi chỗ nhưng họ đều chối bai bải. Bảy, tám chục bạc bây giờ em mới biết là nó to.

---

1. *Sộp kê*: nhiều tiền.

Bính thừ người ra một lúc rồi buồn rầu bảo Hai Liên:

– Em khổ quá! Em khổ quá!

Đoạn, Bính quay hỏi thằng Cun đứng bên cạnh bà cụ mà năm kia Bính gặp ở Hải Phòng:

– Bốn hôm thôi à?

Thằng Cun gật đầu:

– Họ chỉ cho khất có bốn hôm thôi, nếu không chạy đủ tiền nộp phạt họ sẽ giải thầy lên tỉnh, tống lao.

Bính cảm động nhìn thằng Cun nói, Bính thấy nó vẫn còn thương Bính vô cùng. Chiều hôm qua, ở giữa chợ đông đúc, chợt gặp Bính, nó liền ôm choàng ngay lấy, khóc như mưa gió. Bính đương sung sướng được gặp gỡ em thấy em khôn lớn, thì nỗi lo lắng lại bừng bừng trong tâm trí Bính, Bính bảo Cun:

– Này Cun! Ban sáng tao rối ruột quá, nghe câu được câu chăng, vậy mày kể lại lần nữa cho tao rõ hơn.

Thằng Cun vân vê tà áo, kể ngành ngọn cái tai nạn đã xảy ra.

Hôm kia, lúc nó đang lúi húi thổi cơm ở dưới bếp, một người đàn ông vận quần áo vàng, cầm cái xiên sắt xồng xộc chạy đến thộp lấy ngực nó, khám xét nó, rồi dẫn lên nhà trên. Nó không còn hồn còn vía nào. Bố mẹ nó cũng run bây bẩy, mặt cắt không còn hột máu trước cặp mắt ma quái xanh tựa mắt mèo của người Tây đoan đứng chắn lối ra vào. Một lúc sau trong bếp nhao nhao lên những tiếng cười. Người mặc quần áo vàng ban nãy và hai người ăn vận giống thế đi lên trên nhà, giơ trước mặt bố mẹ nó hỏi cái gì đây? Giời ơi cái ấy là nửa cút thuốc phiện tìm thấy trong đống rơm sau bếp.

Tức khắc họ giải bố mẹ nó lên huyện. Hôm sau Lý trưởng rong bố mẹ nó về bắt khai tất cả đồ vật, ruộng vườn. Bố mẹ nó liền nhắn bà cụ già ngày năm kia gặp Bính, nhờ dẫn nó đi tìm Bính chạy cho tiền nộp phạt, bằng không sẽ phải ít ra cũng một năm tù còn nhà cửa đất cát sẽ bị mất hết.

Bính bị sôi máu lên, hỏi dồn:

– Thế chỗ thuốc phiện là của Thầy mẹ hay là của ai. Có phải của người ta đi đò đến bến thuê tiền giữ cho người ta phải không?

Bà cụ ngồi bên thằng Cun vội đáp:

– Cô còn lạ gì, ông bà làm cái gì chứ với những của quốc cấm ấy thì có gan bằng cái mẹt cũng chẳng dám. Chẳng qua vài năm nay thấy ông bà làm ăn tấn tới có đồng ra đồng vào, người nọ vay, người kia mượn, rồi nghề đời trâu buộc ghét trâu ăn, kỳ dịch trong làng họ hỏi không được họ bỏ thuốc phiện báo đoan để làm hại cho bõ tức đấy thôi.

Bính chán nản.

– Nhưng mà đoan cứ thấy thuốc phiện ở nhà mình là họ phạt chứ xét gì đến những sự rắc rối thù hằn kia.

Chuyện một hồi lâu nữa, mọi người đi ngủ.

Đồng hồ treo trên tường điểm mười hai tiếng. Đêm khuya rồi, Bính suốt ngày chạy vạy, mệt nhọc, cố nhắm mắt ngủ, nhưng hai mi mắt cứ khô cứng đi, tâm trí càng sôi nổi không biết bao nhiêu lo buồn. Lúc nguy biến này Bính không xoay được trăm bạc chạy cho bố mẹ, để bố mẹ bị tù tội, mất hết nhà cửa vườn đất thì đời Bính còn là khổ, còn là nhiều tai tiếng. Bố mẹ Bính sẽ oán giận Bính mãi mãi, sẽ hờn dỗi suốt đời vì đinh ninh con mình dư dật nhưng tiếc cha, tiếc mẹ. Cái cảnh lao tù nhục nhã kia, cái cảnh không nhà không cửa, không một tấc đất cày cuốc nuôi thân kia thế nào chả lôi kéo cha mẹ Bính vào cảnh đói rét. Rồi cả thằng Cun cũng vì Bính mà khổ sở, cơ cực vô cùng. Nó sẽ là cái đích để cho cha mẹ Bính xỉa xói băm vằm những khi giận dữ.

Ngày hôm sau... Ngày hôm sau nữa... Thế là cái thời hạn nộp phạt chỉ còn có ngày hôm nay thôi.

Nhưng Bính đã bớt lo. Tuy vậy sự chua xót chiều qua khi Bính liều nhận trăm bạc, món tiền của người mật thám bạn với chồng Hai Liên bỏ ra cưới Bính cũng về làm lẽ, vẫn dồn dập trong lòng Bính. Nhất là lúc này Bính lại càng hồi hộp. Tập bạc giấy đã gói kỹ lưỡng với hai tờ nhật trình, và lượt dây gai chẳng đã thắt bốn năm nút, Bính chỉ còn chờ người học trò thảo xong lá thư là gói lại làm một gói trao tay bà cụ cầm về cho cha mẹ.

Cả nhà đều yên lặng.

Ngoài tiếng ngòi bút mới chạy soàn soạt trên tờ giấy người ta chỉ thấy những tiếng thở. Bỗng người học trò lên tiếng:

– Đây nghe xem thế này có được không?

Bính thở ra một cái mạnh:

– Vâng cậu làm ơn đọc to lên cho.

Lá thư dài non bốn trang giấy, với những ý kiến của Bính lời lẽ văn hoa của người học trò kia tả ra rất thống thiết:

Lạy thầy mẹ, con là Bính gửi vài hàng chữ về kính chúc thầy mẹ khỏe mạnh, và cúi xin thầy mẹ vui lòng chịu mọi sự khốn khó của Chúa bày đặt để thử thách lòng các con chiên trung tín.

Con đau đớn biết bao, lòng con như sắp tan nát, khi con được tin thầy mẹ và thằng Cun mừng rỡ tìm thấy con.

Lạy thầy mẹ, còn sự thể trong hơn ba năm con bỏ nhà xa thầy mẹ lên tỉnh, con không dám nói đến vì nói đến chỉ làm thầy mẹ thêm tủi thẹn mà thôi. Một người bơ vơ như con sống trong hơn ba năm ấy thật là nhơ nhuốc, bởi thế con không dám viết thư về nhà.

Nhưng Chúa thế nào cũng ngoảnh mặt lại, và thế nào cũng có một ngày Chúa cất gánh nặng trên vai con đi.

Người chồng hư hỏng của con coi như là chết rồi. Con định về Nam Định thu xếp làm ăn buôn bán chờ dịp may mắn khá giả sẽ trở lại quê nhà thăm thầy mẹ và em. Ngờ đâu.

Lạy Chúa! Con nói thế, nếu thầy mẹ không tin đã có Chúa trên đầu soi xét cho. Quả thật con khốn khó vô cùng: và nghĩ tới thầy mẹ ruột lại đau hơn cắt.

Trăm bạc bây giờ to quá! Con suy nghĩ đến nát cả tâm trí nhưng không thể tìm được một phương kế gì ra tiền. Con đã tưởng đến phải chịu nhìn thầy mẹ bị tù tội nhục nhã, gia đình tan nát.

Nhưng thôi, lạy Chúa! Lạy thầy mẹ! Xin Chúa và thầy mẹ tha thứ cho con. Trong lúc khó khăn ngặt nghèo này chỉ còn có cách ấy: con đành nhắm mắt liều lấy làm lẽ một người có đào, có vợ, có con, như thế thật trái với điều răn buộc của hội thánh truyền. Đau đớn cho con!.

Nghe hết đoạn đó, Tám Bính bủn rủn cả chân tay, nước mắt chảy ròng ròng.

Bính không chờ người học trò đọc hết lá thư, vội giằng lấy, xé vụn ra. Hai Liên trừng mắt nhìn toan hỏi thì Bính kéo vội thằng Cun và bà cụ già lại nức nở nói:

– Thôi cụ, xin cụ làm ơn đưa gói tiền này về cho thầy mẹ con. Cụ đi ô tô về ngay. Cả Cun mày cũng về ngay.

Nói đến đây, nước mắt Bính càng tràn ra, cổ họng Bính nghẹn ứ lại. Thằng Cun ngây người nhìn chị không chớp mắt.

III

– Này mợ, nước sôi rồi đấy, pha chè đi. A còn chục miếng đường tây mợ đem ra mà uống.

Bính đương vá chỗ vai áo, nghe thấy chồng bảo pha chè nhưng cứ làm lơ đi, mãi lúc rút xong mũi kim cuối cùng, và trên hỏa lò ấm nước sôi reo lên, bọt nước trào dập gần tắt hết lửa, Bính mới chạy đến tủ chè với lấy lọ chè và lọ đường.

Bính rót nước sôi vào ấm, chờ một lúc rồi rót ra hai chén đầy. Hương chè mạn ướp sen ngát cả gian nhà hồng hồng ánh lửa của lò than bắt đầu cháy rực.

Bính nhả bã miếng trầu, chiêu ngụm nước chè rồi hỏi chồng:

– Này cậu, cái người ở xà lim số tám mà cậu dặn tôi bảo tù cỏ vê đưa cơm ban chiều là ai vậy?

Người chồng cười nói:

– "Nốt" tốt của tôi đấy!

– Thế nghĩa là gì?

Người chồng vẫn rung đùi khề khà. Bính cau mặt phát vào đùi hắn, dỗi:

– Ai thế bảo cho tôi biết, không có tôi và chị Hai đi xem hát bây giờ.

Hắn phải nói ngay:

– Làm gì mà nóng thế! Để người ta còn nhấp giọng nào.

Hắn ngừng lại, uống hết chén nước, rồi khề khà thuật lại cái sự gặp gỡ may mắn đã làm hắn khoan khoái cho Bính nghe:

– Tối hôm kia tôi và mấy thằng *doóc* [1] ra Tân Đệ khám thẻ xong thì gần mười giờ. Tôi đã đạp xe về đến nửa đường thế nào lại rớ ngay được bốn người không thẻ mà một trong bọn đó có án biệt xứ mới thích chứ.

Bính lắng tai nghe, hắn nói tiếp:

– Và thằng này chính là thằng mà Sở Mật thám ngoài Hải Phòng đương tầm nã riết, song vẫn lẩn tránh được.

---

1. *Doóc*: phụ mật thám.

Bính băn khoăn, vội hỏi:

– Tội gì thế?

Người chồng gật gù đáp:

– Đủ mọi tội, ăn cắp, giết người và...

– Vượt ngục à?

– Không, nhưng nó cũng đã năm, sáu lần tù và đã đi Côn Lôn.

Bính nóng ruột:

– Tên là gì?

– Nó lắm tên lắm. Những Ba, Bốn, Năm, Sáu gì ấy. Nhưng tên chính là Nguyễn Chí Thiện. Để ngày mai tôi chờ ông phó trên Hà Nội về, tôi lên trình, lúc đó lục "phích" ra xem thì rõ tung tích nó.

Bính bồn chồn, đắn đo hỏi chồng:

– Liệu nó có việc gì không?

Hắn ta cười nhiều hơn, đắc ý lắm:

– Mình ạ, thế nào thằng ấy cũng bị giao trả tòa án Hải Phòng rồi lại bị đi đày thôi. Còn tôi thế nào chả được tư "nốt" tốt lên Hà Nội và cuối năm nay mười phần chắc chín là được lên ngạch.

Bính càng hồi hộp. Cái tên Nguyễn Chí Thiện biết đâu không phải là cái tên giả còn cái tên Năm mà chồng Bính lưỡng lự có thể là một nửa cái tên Năm Sài Gòn cũng nên. Bính bứt rứt nhưng phải cố nén sự cảm động, hỏi một cách vẩn vơ:

– Trông mặt mũi nó có ghê gớm không mà nó tù nhiều thế?

– Không! Thằng này nghiệt oặt, gầy gò. Tôi chỉ còn nhớ mặt nó có một cái sẹo to trên trán và rất nhiều sẹo ở má, ở cằm.

Bính hơi thất sắc:

– Cả trán, má, cằm cũng có sẹo, chắc nó bị chém nhiều lắm?

– Đúng thế, chứ còn chắc với chả chắc gì! Ấy là nó còn quấn phu la che đi nhiều dấu dao nữa, nhưng nhìn đến cặp mắt nó thì lại thấy dữ hơn. Thôi mợ nó quạt màn đi ngủ, khuya rồi. Vừa nói hắn vừa chỉ ra ngoài trời đã lặng, sương đã xuống mịt mùng.

Mười một giờ...

Mười hai giờ...

Gần hai giờ thì ánh trăng hơi chếch chếch về phía Tây, chiếu qua

khung cửa kéo một vệt sáng dài lên bức tường trắng đục của gian xà lim vắng vẻ.

Năm... Năm Sài Gòn bó gối nhìn ánh trăng mờ lạnh báo trước những sự tra tấn khủng khiếp sắp đến và Năm lại vào một nơi mà Năm hết hy vọng trở lại cuộc đời phóng khoáng.

– Côn Lôn chăng?

– Hà Giang chăng?

– Lai Châu, Sơn La chăng?

Năm Sài Gòn rùng mình, tự hỏi rồi tự trả lời:

– Có thể!

Trong người Năm bỗng nóng bừng lên. Năm thấy lần này sự giam cầm khổ sở hơn hết mọi lần. Năm vội đứng dậy, vươn vai thở hắt ra một cái thật mạnh, đóng lại cúc áo đoạn đi đi lại lại trên sàn xi măng để tránh và quen những ý tưởng tối tăm ghê sợ. Song những bước ngắn ngủi quanh quẩn chỉ càng làm cho hai ống chân Năm rã rời, trí não Năm rối beng, và khung ngực lép kẹp thêm chói tức dưới làn không khí lạnh lẽo nặng nề.

Xà lim của Sở Mật thám Nam Định mãi bây giờ mới khiến Năm rùng rợn. Những chấn song sắt to bằng cổ tay, những bức tường dày quét hắc ín đen sì, những cùm sắt chắc nịch của xà lim A, xà lim B, và xà lim Lô cốt trong Hỏa Lò Hà Nội cũng không đáng khiếp bằng những bức tường xi măng nhẵn bóng của xà lim Mật thám Nam Định này in ánh trăng xanh trong xanh bóng.

Năm Sài Gòn chặc lưỡi, ngồi xệp xuống sàn lạnh hơn ướp nước đá, dựa lưng vào góc tường. Tâm trí Năm còn mệt lả hơn xác thịt, Năm chỉ còn đủ sức giương đôi mắt lờ đờ mà nhìn bóng trăng trên tường, mặc những hình ảnh quá vãng nổi lên giữa cái tâm tưởng u ám của mình.

Năm mồ côi cha mẹ... Năm không có ai dạy dỗ... Năm lang thang chẳng bao giờ được có công ăn việc làm chắc chắn. Năm ăn cắp... Năm bị tù... bị tù... bị tù... bị tù... rồi bị đi đày... Năm được gọi là anh chị... Năm lấy Tám Bính...

Rồi đến ngày nay vì ốm nghiện ngập, vì tình thế khó khăn. Năm phải rời Hải Phòng về Nam thì lại bị bắt.

Bằng ấy hình ảnh, bằng ấy nỗi niềm rất nhanh chóng và rất rõ ràng, liên tiếp nhau, thi nhau làm tê tái cả lòng Năm, Năm mím môi lại, khoanh tay ra sau gáy, ngả đầu thở dài.

Hơn ba giờ...

Bóng trăng chỉ còn dài bằng cái thước kẻ trên tường xám ngắt, nhắc Năm đêm khuya lắm, gian xà lim sắp tối như mực.

Chợt từ đáy trời im lặng vẳng lên, chắc ở gác canh trong đề lao gần đấy, những tiếng kiểng rè rè. Năm buồn bã với gáo nước uống một hơi gần hết, rồi cất giọng nhẹ nhẹ hát nối theo cái thanh âm rền rĩ đương dần tắt kia:

Anh đây công tử không "vòm"
Ngày mai "kện rập" biết "mòm" vào đâu.

... Tám Bính chập chờn ngủ bỗng thức giấc, lắng tai nghe. Tiếng hát bằng cái giọng ngao ngán khi xưa từng bào xé ruột gan Bính trong những giờ vắng vẻ chán nản ở nhà chứa ấy, cái giọng đục lờ lờ, thê thảm, riêng biệt của hạng gái bán trôn nuôi miệng và hạng giai "du côn" anh chị "chạy vỏ" ấy, nghe rợn người như một giọng hấp hối, quằn quại đau thương và tuyệt vọng.

Tám Bính ngồi nhỏm dậy. Tiếng hát im lìm. Bính để hết tinh thần mới thấy chút dư thanh phảng phất trong tiếng gió khuya ù ù. Bính bước vội xuống giường, không kịp xỏ dép, mở nhẹ cửa sổ, ngơ ngác trông. Trong màn sương bàng bạc hoàn toàn chìm trong giấc ngủ say sưa, không một bóng người.

Nhưng... trong khoảnh khắc tiếng hát lại cất lên. Cái giọng buồn thảm ấy rõ ràng và vang lên, tỏa hẳn ra xa, lạnh lùng hoang vắng...

Đích thực Năm Sài Gòn rồi. Bính nức nở, gục đầu bên cửa sổ, nước mắt ròng ròng long lanh, Bính chạnh tưởng đến bao nhiêu sự điêu linh bấp bênh, có ăn ngày nay không dám chắc ngày mai và sự tối tăm nhơ nhuốc của đời Năm, một tên "chạy vỏ" "anh chị" đến kỳ mạt lộ, Bính cảm thấy mình tệ bạc và Năm Sài Gòn vì một cơn giận dữ ghen tức ruồng rẫy Bính thì không đáng trách tý nào. Bính cảm thấy một năm nay, mình êm ấm sung sướng còn Năm thì cùng cực khổ sở. Rồi Bính rùng mình quay mặt đi, không dám trông bầu trời u ám sau những mảng mây đen nhờ và một cảnh xa xôi đày ải các kẻ đi đày thoáng hiện ra trước những giọt nước mắt rưng rưng...

... Cánh cửa sắt nặng chịch của xà lim vừa hé mở, khóa không kịp đóng lại, hai bóng đen đã cắm đầu chạy mỗi lúc một nhỏ dần, rồi biến mất trên con đường xa tắp.

IV

Cái toa cuối cùng của đoàn xe lửa chạy vào bóng một rặng tre lù mù, và Tám Bính vừa buông xong tiếng kêu, Năm Sài Gòn đã bế xốc Bính lên chạy vùn vụt, lẩn lút trên con đường ngoằn ngoèo bên bờ ruộng. Vành trăng xanh nhợt giải xuống cảnh vật chung quanh ga Đặng Xá, đường Hà Nội – Nam Định, một làn ánh sáng lạnh lùng làm gương mặt Tám Bính càng tái mét. Máu ở bàn tay Bính rỏ ròng ròng xuống vệ cỏ mỗi lúc một nhiều nhưng Bính mê man không biết đau đớn gì hết.

Năm Sài Gòn thở không ra hơi, một tay cắp Bính ngang lưng, một tay cố gắng xách cái va li nặng trĩu. Gió rét qua ruộng lúa vang đến tai Năm những tiếng vu vu như có lẫn những lời nguyền rủa của người mất va li và cả hành khách trên tàu.

Năm Sài Gòn mệt vã mồ hôi nhưng nét mặt vẫn lầm lầm không thay đổi.

Độ nửa giờ sau Năm rẽ quặt vào một lối nhỏ hơn, hai bên lởm chởm những đám dứa dại um tùm, thỉnh thoảng sát vào nhau soàn soạt. Rồi Năm dừng bước trước một gian nhà lá, cạnh gốc đa cổ thụ. Cánh cửa liếp thoáng mở, Năm chui tọt vào. Mấy tiếng kêu mừng rỡ, khe khẽ:

– Anh Năm!

Nhưng tiếng ấy đổi giọng liền:

– Kìa chị Tám!

Năm Sài Gòn thở hồng hộc không đáp, buông vội cái va li xuống đất, rồi nhẹ đặt Tám Bính trên cái phản xép ở góc nhà. Đoạn, Năm nằm vật ra giường bên cạnh. Hai Sơn luống cuống vặn to ngọn đèn hoa kỳ giơ soi, hắn kêu lên:

– Chết... anh Năm ơi! Chị Tám sao thế này?!

Bây giờ Tám Bính hơi tỉnh, đã biết đau, nhăn mặt rền tiếng:

– Anh Năm! Anh Năm!

Dứt lời, Bính lờ đờ hé mắt nhưng, chỉ thoáng cái lại nhắm nghiền, chân duỗi căng ra với một sự buốt chói vô cùng ran khắp cảm giác. Hai Sơn dựt dựt vội đám lông cu ly và khua lấy ít mạng nhện, xé khăn mặt quấn chặt bàn tay Bính với hai vị thuốc cấp cứu kia.

Bính tỉnh hẳn, nằm thẳng, răng cắn chặt môi, cố im lặng để Hai Sơn dịt chỗ đau. Nhưng mạng nhện và lông cu ly thấm máu, ướt sũng, cứ chực rơi buột đi. Hai Sơn bối rối:

– Anh Năm ơi! Nguy quá!

Bính rên rỉ khẽ gọi:

– Anh Năm! Anh Năm đâu rồi?

Năm nhọc đứt ruột nhưng cùng vùng dậy, chạy đến nâng cánh tay Bính cho Hai Sơn buộc thuốc. Lần này cả lượt vải ngoài cùng đầm đìa máu. Năm Sài Gòn vội đánh diêm đốt quyển lịch tầu, lấy tàn đắp vào chỗ đau. Bính xót xa nghiến răng nâng cánh tay lên, nức nở:

– Đến chết mất thôi! Giời ơi!

Bính ngước mắt ai oán trông Năm ngồi phía trên. Toàn thân Năm bỗng rung chuyển. Từ từ ở khóe mắt Năm nước mắt cũng chảy ra, long lanh.

Năm khóc nhưng không có tiếng. Môi Năm càng mím chặt. Những giọt nước mắt nóng ấy theo nhau rớt đúng xuống bàn tay đương nhức nhói. Bính lạnh dợt hẳn đi. Sự đau đớn của Bính như biến mất với cả những gian nguy vừa qua.

Gần đến ga Đặng Xá, trên chuyến xe chạy suốt Hà Nội – Vinh, Bính vừa nhấc chiếc va li của một người khách ra ngoài đầu toa, thì Năm Sài Gòn ở đâu, chạy lại giằng lấy. Cùng lúc hai bóng người mật thám to béo vụt tới. Năm Sài Gòn liền nắm tay Bính, cả hai lao người xuống đường...

Thế rồi Bính tối tăm mặt mũi mê man cho đến khi Năm đặt Bính trên tấm phản đây.

Tám Bính rùng mình, tay phải bóp chặt cánh tay trái, nhăn hết cả nét mặt, Năm liền vỗ vỗ người Bính:

– Mình ơi! Mình cố cắn răng mà chịu đau, sáng sớm mai anh đón ngay ông lang cho.

Bính rít tiếng:

– Chớ không nhức buốt lắm mình ạ.

Năm Sài Gòn cũng nhăn mặt:

– Thôi mình cố chịu vậy! Nếu phải gánh nặng thì anh ghé vai đỡ hộ ngay cho mình chứ không đời nào để mình như thế đâu!...

Nói xong Năm đưa tay vuốt trán Bính, gạt những sợi tóc dán trên mi mắt ra vành tai, rồi đờ người nhìn Bính như một pho tượng đồng.

Dưới cặp mắt đắm đuối tê tái của Năm, trước im lặng đanh lại của Năm, Bính dần thiêm thiếp.

Hơn hai giờ sau, mảng trời ngoài cánh đồng đằng cuối sân giữa hai gốc gạo xù xì, cành lá xòa ra hàng mấy thửa ruộng, bắt đầu mờ mờ sáng. Năm Sài Gòn ngước đầu trông, ngần ngại dặn Tám Bính:

– Thôi mình chịu khó nằm một mình ở nhà để anh đi đón thầy lang. Còn anh Hai Sơn thì đáp chuyến tàu Hà Nội sáu giờ kẻo lỡ việc.

Bính gật đầu, nhưng chợt nghĩ ra, Bính liền gọi giật Năm lại:

– Thôi mình ạ! Đừng đi nữa.

Năm cau mày im lặng.

Bính nói luôn:

– Em đành chịu đau, chứ mời thầy lang thì nguy hiểm lắm.

– Sao vậy?

– Hai vốn có tính bép xép, kháo chuyện, vậy nhỡ lộ đến tai "cớm" mình ở chỗ này thì khốn.

Năm vỡ nhẽ vỗ vai Bính:

– Mình nghĩ phải đấy, nhưng để mình đau thế kia đang tâm sao?

Bính cười nhạt, ngắt lời:

– Đã bảo em chịu được.

Năm chặc lưỡi:

– Chà! Cứ để anh đón thầy lang cho mình, nhỡ "lộ" thì anh nhận hết là cùng...

Bính lắc đầu:

– Em van mình! Nghe em!

Dứt lời Tám Bính nương nhẹ nhẹ cánh tay trái lên đưa mắt nhìn bàn tay bị kẹp xe dập nát cụt mất quá nửa, nhức chói trong một lượt tàn giấy bản và hai lượt vải mỏng.

Bính thở dài. Năm chạnh lòng, vuốt suốt lưng vợ:

– Đấy mình lại đau lắm phải không. Thôi anh đi mời ông lang ngay đây.

Bính mắt long lanh:

– Không! Đã bảo em không đau đớn gì hết mà!

– Nhưng sao mặt mình cứ càng tái ngắt thế kia?

Tám Bính nhìn Năm giây lát mới nói:

– Em chỉ buồn... buồn vì túng thiếu thôi. Non năm nay đi "dọc" gặp nhiều phen gian nan quá. Giá trước kia...

Đến đây, Bính rơm rớm nước mắt. Năm nao nao, chờ Bính nói tiếp:

– ... Sau khi ở Sở Mật thám Nam Định ra, mình nghe em, vợ chồng đưa nhau lên Cao Bằng, Lạng Sơn, hay ra Uông Bí, Hồng Gai tìm cách làm ăn sinh sống thì làm gì nên nỗi khổ sở gian nan như ngày nay.

Năm dằn tiếng:

– Khổ quá! Anh không muốn mình nhắc tới chuyện ấy đâu. Nghe nó chướng tai lắm. Vậy anh xin mình từ rầy trở đi còn muốn làm bạn với anh giờ nào, ngày nào thì phải theo anh mới được.

Bính nức nở:

– Cho đến chết chắc?

– Đến gì thì đến! Vả lại đi "dọc" có nguy hiểm gì lắm mà mình lo lắng khiếp sợ. Mình không biết ư, nghề gì, việc gì, có gieo neo khó khăn mà ta theo đuổi làm được mới thích chứ. Anh đã đứt kẽ lưỡi dặn mình, mình vẫn quên không nhảy nghiêng người về đằng trước, một là tránh gió tạt, hai là lấy thăng bằng, để đến ngày nay xảy ra cơ sự này, anh nghĩ vừa thương lại vừa giận mình.

Biết mình nhỡ miệng, Năm nắm tay Bính dịu ngay nhời:

– Giận mình thì ít, thương mình thì nhiều...

Bính vô cùng buồn bã. Ý Bính muốn hỏi Năm: "Sao anh không theo đuổi một nghề khó nhọc nguy hiểm khác nhưng chân chính có phải hơn không?". Nhưng Bính không thể và không dám nói ra nhời. Bất giác Bính ngẩng đầu lên lờ đờ nhìn Năm, thở dài một tiếng nhẹ:

– Đáng tiếc!

Năm bỡ ngỡ:

– Cái gì, đáng tiếc?

Tám Bính thẫn thờ lắc đầu:

– Thật đáng tiếc!

V

Một buổi chiều gần tàn, nắng vàng nhạt, chân trời lặng lẽ mờ mờ sương.

Tám Bính đứng ở đầu toa hành khách hạng tư, trông cảnh vật bên đường thấp thoáng chập chờn trong ánh nắng và khói sương. Giời tối dần rồi mưa bụi. Gió rào qua những mặt ruộng mênh mông đen sẫm, tạt qua mặt Bính những hạt mưa lấm tấm, Bính né lùi người vào bên cửa lối ra vào, đưa mắt nhìn suốt một lượt:

– Phải cứ ngủ cho rõ say vào.

Dứt lời, Bính cười. Bính vui sướng thấy dạo này đổi sang đường tàu Hải Phòng – Hà Nội vợ chồng Bính *trúng* được luôn, và những thủ đoạn đưa đón của Bính, công việc êm như ru, "hàng" "trôi" không vấp váp. Thấy thế, Năm Sài Gòn chặc lưỡi bảo Hai Sơn:

– Về đi dọc đường này nếu không có Tám Bính tôi đến bó tay mất!

Năm phải phục thầm Tám Bính những khi Bính bình tĩnh suy tính rất chóng trong các cơn nguy hiểm. Năm thật không ngờ từ ngày Tám Bính bị kẹp mất một bàn tay, Bính lại trở nên một *bỉ vỏ* xuất sắc, gan trường lạ thường.

... Như ngày tháng năm mới rồi, Tám Bính không nhanh mắt, không mau trí khôn thì Năm Sài Gòn vừa bị bắt, vừa bị đòn đau trên một chuyến xe lửa rất đông.

Người ta còn nhớ đến ga Cẩm Giàng có một bọn lái lợn hơn mười người say rượu bét nhè, chen nhau lên tàu. Những hầu bao xóc xách tiếng hào cạnh thắt lưng làm Năm đương buồn vì tối qua thua xóc đĩa trần trụi, tỉnh hẳn người, tươi ngay nét mặt.

Một lúc lâu, Năm giở dao sắp sửa cắt túi một người chuyện huyên thuyên bên cạnh hắn thì Bính ngăn lại, bảo khẽ:

– Việc gì phải vội thế, hẵng *trõm* xem *so* nào *tễ bướu* nhất hãy *khai* [1] nào.

Nói đoạn Bính bấm Năm Sài Gòn:

---

1 Hẵng rình xem thằng nào nhiều tiền nhất hãy cắt nào.

– *Nhé* đằng *hậu đớm*[1] anh Năm!

Năm đưa mắt nhìn theo một ông cụ già nhất trong tụi ấy, thắt lưng lụa hồ thủy, mặc áo cánh lụa nâu, ý chừng là trùm phường lái lợn này, đương xốc hầu bao đếm tiền.

Năm tờ giấy bạc một đồng, hai tờ giấy năm đồng, non hai chục hào ván... những giấy bạc mới, những bạc hào sủng soảng như nhảy múa trước mặt Năm, Năm cười:

– Ừ nhỉ, tý nữa!

Tám Bính cười đáp lại, hai tay vẫn ủ trong một cái đẫy vải, lảng ra chỗ khác. Nhưng chẳng phải Tám Bính không có *khách hàng* đâu, mắt Bính tuy trông ra ngoài, song Bính cứ lùi dần đến bên anh lái trẻ tuổi nhất và ăn mặc cũng bảnh bao hơn hết. Anh này ít nói, ít cười, khư khư giữ một bọc tiền trong lòng. Tuy thế anh cũng lẳng lơ lắm, luôn luôn đưa mắt liếc Bính. Mỗi lần Bính đều trả lại một nụ cười rất kín đáo.

Lúc đó ông lái già vẫn say bự, vẫn chuyện trò huyên thuyên, còn Năm Sài Gòn đã ngồi sát cạnh ông.

Bổng Năm rút lưỡi dao, nhẹ đưa cắt túi tiền của ông già. Tức thì người trẻ tuổi đĩ thõa nọ đứng vội lên, vớ đòn ống giơ thẳng cánh nhằm đầu Năm giáng xuống.

Bính xanh mắt, lao nhanh người chắn ngay bước người trẻ tuổi, nhổ toẹt quết trầu và kêu:

– Chết, phang cả vào mặt tôi bây giờ. Làm sao thế này?

Người trẻ tuổi bực tức kêu lên:

– Ô kìa!

Tiếng "kìa" chưa buông xong, đánh vút cái, Năm Sài Gòn đã cầm túi tiền chạy ra cửa toa rồi lao xuống đường.

– Thế là cô để kẻ cắp xẻo túi tiền của ông tôi thoát rồi!

Bính trừng mắt:

– Đâu kẻ cắp đâu? Và nó chạy đâu?

Người trẻ tuổi đỏ mặt:

– Thôi không thèm nói với cô nữa. Khéo mèo!

---

1. Nhìn đằng sau lưng.

Bính ra dáng bẽn lẽn, lùi lũi về chỗ ngồi. Một lúc sau, cả tàu bớt nhao nhao bàn tán về chuyện ông lái già mất hai chục bạc. Tám Bính đã thoắt xuống ga Đình Dù với cái đẫy tiền của anh chàng nọ, và để lại trong trí nhớ anh một bài học về sự đứng đắn trên đường trường đáng giá cũng non hai mươi đồng.

... Trời tối âm u, gió càng rít mạnh, mưa thêm mau và nặng hạt. Vùng quê mênh mông dần chìm hẳn trong sương mờ mịt. Một bóng người từ đầu toa đằng kia đi tới, Bính ngẩng đầu khẽ gọi:

– Anh Năm!

Năm thầm nói:

– Một *so sì*.

Dứt lời Năm quay lại lấm lét nhìn.

Bính hỏi dồn:

– *So sì* nào?

– *So sì trưng tẩy* đằng *hậu đớm* mình *tễ bướu* lắm. [1]

– Sao anh không *loại tươi*. [2]

– *So hắc* lắm! Cá nó *diếm ở dắm thượng* [3] áo ba-đờ-suy cơ.

– Thì phải *khai* [4] chứ sao.

– Không thể được, anh đến gần nó, nó cứ lảng đi, mà một *bỉ đượi*[5] đến bên nó, nó đứng yên vậy mình ạ...

Tám Bính ngắt lời:

– Em hiểu rồi.

Năm đi sang toa khác. Tám Bính rón rén đi vào chỗ ngồi, khi qua mặt một người đàn ông vận âu phục, Bính đưa mắt nhìn. Ánh đèn điện trong toa không sáng lắm, vẻ lẳng lơ của Bính đẹp dịu thêm. Người đàn ông phừng phừng cả mặt. Hắn đứng dậy xốc cổ áo ba-đờ-suy, kéo phu-la lên quá mang tai, theo nhanh Bính.

Đến đầu toa, Tám Bính đứng lại, tỳ tay lên lan can thẩn thơ trông. Hắn liền nhẹ vỗ vai Bính:

---

1. Thằng người ta diện tây ở sau mình nhiều tiền lắm.
2. *Loại tươi*: lấy ngay.
3. Ví nó giấu ở túi trên áo ba-đờ-suy cơ.
4. *Khai:* xẻo, cắt, rạch.
5. *Bỉ đượi*: con đĩ.

– Cô! À em! Mưa rét thế này buồn lắm nhỉ.

Bính mỉm cười nhích nhích người đi không đáp. "Làm tiền nhưng ra cái vẻ "bò lạc" đấy. Hắn tự nhủ. Rồi bằng một giọng êm ái nhưng sổ sàng hắn nói:

– Còn vẽ sự! Đứng hẳn lại đây với tôi rồi nói chuyện có phải vui không?

Vừa nói hắn vừa vuốt lưng Bính tấm tắc khen:

– Chà! Xinh tệ! Đáng yêu tệ!

Bính gạt tay hắn:

– Này, trẻ con vừa chứ!

... Trước còn thưa, dần thêm đậm đà rồi đằm thắm. Và Tám Bính càng chuyện trò, cười cợt khi thấy hắn cởi phanh áo ba-đờ-suy ra định choàng lấy người Bính cùng lúc Năm Sài Gòn nhẹ bước tiến đến. Nhưng, vẫn như không hay biết, hắn chỉ càng mê mệt, nhìn ngắm đôi má ửng hồng của Bính. Tay phải hắn ôm choàng lấy Bính, tay trái bíu lấy cánh cửa tàu để một bên áo khoác trễ hẳn xuống.

Năm Sài Gòn liền đưa lưỡi dao sáng loáng nhẹ rạch cái túi đựng ví tiền.

Nhưng đầu Năm vừa che khuất ánh đèn vệt một bóng tối trên mặt Tám Bính, hắn vùng quay lại túm ngay được đầu Năm.

"Lộ tẩy".

Bính liền nhảy đại xuống đường. Năm nổi xung thuận tay lộn mũi dao đưa luôn vào nách hắn.

Một tiếng kêu rú lên!

Nhanh như cắt, Năm rút ví tiền rồi lao mình ra ngoài tàu.

VI

Hơn hai tháng nay trên những chuyến xe lửa chạy Hà-Nội, Hải Phòng lại mất hút vợ chồng Tám Bính.

Những lời kêu ca nguyền rủa tuy đã bớt đi nhiều song mỗi khi xe chạy tới ga Cẩm Giàng, Đình Dù, Cổ Bi hành khách còn ngơm ngớp lo ngại. Họ bảo nhau kẻ nào có tiền, có hành lý thì phải cẩn thận giữ lấy, nếu rời tay ra, là các thứ đó không có cánh nhưng sẽ bay ngay.

Rồi người nọ khoác lác với người kia, bịa đặt ra lắm chuyện lạ lùng mà vai chủ động họ chỉ biết là một con vợ mảnh khảnh xinh tươi và một thằng chồng xấu xí cực kỳ hung tợn. Những chuyện ấy đã đến tai Sở Mật thám Hải Phòng và Hà Nội. Nhân có nhiều người khai trình tiền và hành lý bị cướp trốc tay, nên trên Hà Nội phái hẳn mấy "a dăng" chuyên dò xét, lùng bắt cho kỳ được hai tên bợm nọ.

Nhưng thấy *bóng cớm chùng săn* mình ráo riết, Năm Sài Gòn và Tám Bính liền nghỉ làm tiền ở đường bộ, đổi sang đường thủy.

Chẳng những vợ chồng Năm Sài Gòn, cả Tư-lập-lơ, Ba Bay, Chín Hiếc cũng đổi nghề, vì ở Hải Phòng ba gã này cũng bị Sở Mật thám tầm nã riết.

Thôi thì tàu nào tàu ấy nhộn hẳn lên, chẳng mấy khi vắng tiếng kêu ca của hành khách. Mại bản đã tốn công phu ngăn ngừa tụi Năm Sài Gòn song không có hiệu quả gì hết, vì tụi "quít" tàu thông lưng với cánh đi *dọc* nên chỉ khám xét lấy lệ thôi.

Nhất là tàu An Xương, hễ động nói đến nó, những người đi chuyến Hải Phòng - Nam Định ngày hai mươi ba tháng chạp cùng bọn thủy thủ đều nhớ ngay ông cụ già kèm nhèm bị mất cắp, lếch thếch ôm một đứa bé vừa đi vừa mếu máo. Chuyến tàu ấy, boong trên boong dưới đông nghịt hành khách và hàng hóa. Tiếng cười nói ồn ào và tiếng máy chạy ầm ầm huyên náo như cái chợ to về ngày hội.

Đêm khuya rồi hành khách vẫn còn chuyện trò ran ran. Họ nói những chuyện không đâu, từ đời Tam hoàng, Ngũ đế, những chuyện bịa đặt, yêu ma, thần quỷ để cho qua một đêm đằng đẵng. Có lắm cụ già nghễnh ngãng, câu được câu chăng, cũng cố lắng tai nghe và nhiều người đàn bà cho con bú mê chuyện quá quên cả con nằm trong lòng đã ngủ mà không kéo yếm xuống. Có lắm cô gái lơ đãng ngả hẳn cặp đùi lên người nằm bên.

Cùng lúc ấy, đằng cuối tàu, hơn mười người quây tròn lấy cái bàn đèn bày gọn trên chiếc chiếu hẹp. Họ gối đầu lên đùi nhau như những cặp tình nhân âu yếm. Khói thuốc làm họ không quản gì quần lành áo rách, hay già trẻ, hay đạo mạo, bốp chốp, mà chỉ biết có ngọn đèn thon thon thỉnh thoảng hơi rung rung trong chiếc chụp bằng vỏ chai cắt ngắn, và điếu thuốc thơm tho phân phát sao cho đáng với số tiền từng người bỏ ra mua.

Một người đàn ông đứng tuổi nằm đối diện ngọn đèn, kéo xong điếu sái nhất thì ì ạch nhỏm dậy, tự rót nước uống vừa cất giọng nhè nhè nói:

– Cụ phó Tống ngủ rồi à? Cho ra vài câu Bao Công kỳ án hay Võ Tòng sát tẩu đi chứ?

Ông thợ cạo già nằm bên kia lim dim mắt đáp:

– Mới có mười điếu hơi đâu mà chuyện trò!

Một người khác vội hỏi:

– Vậy thì bao nhiêu bố già mới đủ?

– Ít thôi, mươi mười lăm điếu nữa...

Năm Sài Gòn đưa mắt nhìn cóng thuốc, cười tự nhủ:

– Dễ thường cụ định hút hết phần mọi người chắc. Hơi gì mà quý thế!

Nhưng ông cụ thợ cạo già chỉ kéo thêm hai điếu nữa rồi không đợi ai giục cụ cũng tươi tỉnh, kể cái án Quách Hòe mà cụ khoe là cái án ly kỳ nhất trong thế gian này cho mọi người nghe. Tuy giọng ông cụ phều phào nhưng ông cụ nhớ dai và nói rất có duyên. Đến đoạn nào quan trọng, cụ nói rất thong thả và chêm vào những câu hỏi hóm hỉnh:

– Tôi đố các ngài Bao Công sẽ xử ra sao? Ai người tài đảm dám nhận lấy việc ấy? Cái cảnh quỷ khóc, thần sầu kia có làm chuyển được Quách Họe không?

Chẳng những người hút cả những người chung quanh cũng chăm chú nghe. Mấy ông lão già ngồi gần đấy gật gù thi nhau tán tụng cái tài của đấng minh quan nọ, và vạch những án mà các quan ngày nay khép oan cho người làng mình, người họ mình.

Ông cụ phó cạo già được họ khen nở nang cả khúc ruột, gật gù:

– Đấy các ngài xem, các quan án bây giờ thuần công minh như thế đấy!

Một cụ già ôm đứa bé con trong lòng, ngồi sau lưng Năm Sài Gòn thấy lời mai mỉa của người nói chuyện hợp với cảnh ngộ mình liền xen nhời:

– Phải! Giờ thì lắm quan công minh lắm. Công minh đến nỗi nhiều kẻ, nhà không có mà ở, bát không có mà ăn, vợ lìa chồng, bố bỏ con, nhưng chẳng dám hé răng kêu nửa nhời, vì kêu vào đâu? Ai nghe cho?

Cụ này dằn dọc nói, vẻ mặt buồn rầu vô cùng, nhác nom qua ông cụ phó cạo già ái ngại hỏi:

– Cụ nói thế chắc hẳn nhà cụ có người bị bắt bớ oan uổng chứ gì?

Cụ già ôm thằng nhỏ gật đầu, thở ra một cái đáp:

– Phải cụ ạ! Tôi mất cả cơ nghiệp, tốn kém tới bạc nghìn, rút cục vẫn phải chịu bao nhiêu sự oan ức, đau đớn thế mới chua xót chứ!

Hai tiếng bạc nghìn lọt ngay vào tai Năm Sài Gòn. Năm quay ngay lưng nhìn cụ già. Hắn thoáng nhận ra cái áo nhiễu lót và cái vòng bạc của thằng bé nằm trong lòng cụ, nó bảo nhỏ với Năm rằng: "Cụ là một kẻ giầu ngầm đấy". Năm liền mời ông cụ xơi nước, hút thuốc, và ngỏ ý muốn biết người nhà ông cụ bị oan uổng ra sao. Cụ già chối từ không hút thuốc chỉ xin một chén nước. Uống xong ông cụ thuật ngành ngọn các nông nỗi của mình cho Năm Sài Gòn cùng mấy người nằm bên bàn đèn nghe.

Nguyên cụ có một người con trai năm nay hai mươi tám tuổi, mới lấy vợ, đứa bé cụ bế đây là con người ấy. Hồi bảy, tám năm trước, vì làm ăn ở nhà quê vất vả mà chẳng đủ nuôi thân, con cụ phải bỏ làng ra ngoài Uông Bí làm phu.

Trong bốn, năm năm con cụ dành được ít tiền, hắn bèn cưới vợ, thôi làm phu, xoay ra buôn bán. Vợ chồng bảo nhau làm ăn dành dụm trong hai năm tậu được một gian nhà và mở to thêm cửa hàng. Ngờ đâu, tháng tám vừa rồi, một hiệu tây buôn ở Hải Phòng trình Sở Mật thám bị mất trộm hơn hai trăm thước lụa và hai hòm bít tất. Người ta bắt ngay được đứa ăn trộm! Khi tra hỏi nó, nó khai gửi nhà con trai cụ. Người ta khám xét nhà con cụ rất kỹ nhưng chỉ thấy vài chục bít tất cùng một kiểu với thứ mất đi. Con cụ nhất định chối cãi. Thằng ăn trộm kia nghe đâu chủ nó cũng làm mật thám và không hiểu vì lẽ gì cứ một mực nhận con cụ là đồng đảng và khai rằng xưa nay lấy được đồ vật gì cũng gửi con cụ bán hộ.

Cụ được tin ấy ra ngay Uông Bí thăm con. Tới nơi thì con đã bị giải đi Hải Phòng tống lao. Cụ và con dâu nhặt nhạnh thu xếp được đồng nào đều chạy thầy kiện, lễ lạt quan nọ, quan kia cả. Song công việc một ngày một kéo dài mãi ra, hơn bốn tháng rồi mà con cụ chưa được giấy gọi đăng đường. Rồi phần vì uất ức lo lắng, phần vì cảnh tù tội khổ sở đầy đọa, con cụ ho ra máu chết ở trong đề lao. Đương khi bối rối ấy, người con dâu lại đâm ra vẩn vơ, ốm yếu cũng chết nốt, để lại cho cụ đứa bé chưa đầy ba tuổi này.

Nói đến đây nước mắt cụ tràn trề, cụ nghiến răng nguyền rủa cái đứa gian ác gieo tai, gieo vạ cho cụ và oán trách ông trời độc địa nỡ lòng phá tan gia đình cụ, giữa cái tuổi già gần đất xa giời này.

Nghe cụ già kể lể than thân, ai cũng tỏ ý thương hại cho cụ. Một người hỏi: "Thế người con dâu chết đi, còn đồng nào để cho cháu không?".

Cụ chấm nước mắt đáp:

– Có vài chục bạc thôi, mà trước kia cửa hàng đáng giá tiền nghìn đấy.

Một người khác vội an ủi:

– Thôi cụ đừng phiền nữa, vui vẻ chăm lấy đứa bé lớn lên thế nào nó chả giả nghĩa cho bố mẹ nó.

Lời nói làm cụ càng ứa nước mắt. Rồi cụ ôm lại cháu và quấn chăn cho nó. Cánh tay cụ nhấc lên để lộ một bọc vải nằm gọn trên đầu gối.

Năm Sài Gòn liếc mắt nhìn, tưởng tượng ngay ra món tiền và những thức quý giá mà vì e ngại ông cụ không muốn nói thật. Hắn mừng rơn, thỉnh thoảng thân rót nước mời cụ già uống. Ông cụ bế cháu ngồi dưới chân Năm, vừa uống nước vừa tấm tắc khen Năm:

– Ông tử tế quá! Cho tôi uống chè tầu đến no chắc?

Năm Sài Gòn cười:

– Có gì đâu! Cụ cứ tự nhiên chuyện trò xơi nước. Với chúng tôi chỉ lấy thế làm làm vui thôi.

Nghe Năm nói, ông cụ càng gật gù, mặc Năm vuốt ve đùa bỡn với đứa cháu bé ngồi trong lòng. Năm trước còn xoa má nó, xoa lưng nó, dần dần khắp người nó, rồi đến cái bọc kia.

Sáng hôm sau khi tàu đỗ bến Nam Định người ta thấy ông cụ già rũ rượi thở không ra hơi, lếch thếch ôm đứa cháu bé chạy khắp mọi chỗ trong tàu. Người ta đón hỏi cụ thì cụ tái mặt trả lời một câu ngắn ngủi:

– "Nó" mất rồi!

Không ai hiểu "nó" là cái gì. Nhưng nếu người ta là Tám Bính và hỏi Năm Sài Gòn thì ta sẽ biết rõ nó là cái bọc có hai đôi hoa tai, bốn chiếc vòng xuyến và một nghìn hột vàng gói với bốn chục bạc và một lá thư của người mẹ chết để lại dặn dò ông cụ bố chồng cố dẹp nỗi buồn mà chăm nom lấy cháu bé... Ông cụ nên tự nuôi nấng lấy

cháu thì hơn và phải tiêu pha dè dặt, kẻo ông thì đã bảy tám mươi tuổi già, cháu thì trứng nước, họ hàng lại không có, nếu hết tiền khi cháu hãy còn thơ ấu thì ông biết trông cậy vào ai.

VII

Năm Sài Gòn cầm cốc rượu đặt trước mặt Bính, gắp miếng cánh gà rán bỏ vào bát Bính, rồi cùng bọn Tư-lập-lơ cười phá lên. Tiếng cười của mấy người phút chốc bị tiếng pháo ran ở ngoài phố át đi. Năm nói thật to nhưng Bính và bọn Tư-lập-lơ chỉ loáng thoáng nghe thấy:

– Họ đương ăn mừng tết đấy! Chúng ta... à... mình... à... chú... Tư... chú Chín... chú Hai *riễn* [1] cho thật *sưa* [2] vào... để... à để... mừng năm mới... mau nào.

Khói pháo và hương hoa cúc từ ngoài vườn tràn vào nhà làm Bính càng tưng bừng. Bính nâng cao cốc rượu mai quế lộ cười nói:

– Thế thì mình và chú Tư cùng uống nào!

Dứt lời, Bính hơi ngả đầu, chun mũi lại, lim dim mắt, tợp một hớp thật to. Men rượu bốc lên thấm cả khuôn mặt trái xoan và long lanh cặp mắt. Đôi hoa tai Năm kéo lại cho Bính, óng ánh ẩn hiện dưới mái tóc đen mượt, càng tăng thêm những nét tươi sáng. Ấy là với món tiền bán số vàng lấy được của ông cụ già. Năm Sài Gòn chỉ sắm cho Bính ít quần áo, còn thì Năm đánh bạc thua hết, chứ nếu Bính đòi may mặc và trang điểm như người khác thì tết năm nay chắc Bính còn trẻ đẹp hơn.

Năm Sài Gòn nồng nàn nhìn vợ, nhẹ nhẹ vuốt má Bính:

– Này chú Tư, chú xem vợ một "so chạy" có kém gì vợ một ông hoàng không!

Tám Bính hất tay Năm đi, lườm rất yêu:

– Hoàng gì! Hoàng tháng năm ấy à!

Năm vẫn lả lơi, vuốt ve:

– Thôi làm bộ vừa chứ! Thử ngẫm dạo nào làm vợ *so cớm* với ngày nay làm vợ thằng Năm Sài Gòn thì bao giờ hơn!

---

1. *Riễn*: rượu.
2. *Sưa:* say.

Tư-lập-lơ cười ngất:

– Bao giờ làm chị Năm chả sướng hơn. Vì có bao nhiêu tiêu bấy nhiêu, chừng nào cũng vừa, chừng nào cũng ít, không tính toán bần tiện. Nhất là Năm là dân *chạy vỏ*, một dân không yêu thì thôi, chứ đã yêu ai thì đến thân mình cũng chẳng quản và chẳng bao giờ chịu giương mắt ếch nhìn người tình bỏ đi gắn bó với người khác những khi mình ba đào cùng khổ, kém sắc thua tài.

Bính tê mê ngồi nghe. Sự vui sướng đương nhóm lên trong lòng Bính phút chốc tan hẳn. Một ý nghĩ buồn tiếc thương nhớ và bao hình ảnh quê nhà, cha mẹ, chị em, chúng bạn thoáng qua tâm trí Bính như cơn gió lạnh. Bính thẫn thờ đưa mắt trông những ánh nắng thoi thóp còn lấp lánh trên khóm đào lá lăn tăn đằng góc vườn, tưởng tới bao nhiêu sự bấp bênh và cuộc đời cứ một ngày một âm u heo hắt, khó mà còn hy vọng thay đổi được.

Tiếng pháo ròn rã lại tới tấp ran lên khắp một vùng. Dãy phố trong khói pháo thơm thêm mịt mù đầm ấm êm đềm.

Bính mải nghĩ, tay vẫn giữ lấy chén rượu không người ngây ra. Năm Sài Gòn vỗ vai, cười:

– Kìa! Đưa anh rót rượu rồi uống nữa đi chứ.

Tám Bính giật mình, Hai Sơn nháy Năm:

– Chị ấy vờ say để anh bế vào giường đặt đấy.

Năm gật gù nhăn nhở ghé tai Bính nói thầm nhưng cũng để cho mọi người nghe rõ:

– Ai lại thế? Phải uống hết chai rượu kia rồi muốn gì thì muốn mình nhỉ?

Bính chớp chớp mắt cúi đầu trông xuống chén rượu cạn. Năm tưởng Bính vì sung sướng nên bẽn lẽn, bèn xoa lưng Bính:

– À anh hẳng xếp cái chuyện ấy đi mình nhé. Vậy chúng ta rót rượu thêm uống đi, vui đi, kẻo ít lâu nữa tết hết, xuân hết, chúng ta có muốn cũng chẳng làm sao có được cái ngày thư thả ấm cúng này mà ăn uống say sưa.

Chín Hiếc gật gật, nói theo:

– Phải đấy! Anh Năm nói phải đấy. Chỉ đến mùng mười hay mười rằm chúng mình lại xuôi ngược, nay Nam Định, mai Hải Phòng, ngày kia Hà Nội, lo cuống vó vì *làm tiền* vì *cớm* vì *Hỏa Lò*. Vậy được những lúc rỗi rãi này tội gì ta không nốc rượu cho túy lúy càn khôn.

Chín Hiếc ngừng lại, gọi Tám Bính:

– Kìa chị Tám ngồi thừ người nghĩ gì đó? Không ăn uống, chúng tôi ăn uống xong kéo anh ấy đi chơi lại kêu.

Bính gượng tươi nét mặt:

– Vậng thì các chú cứ ăn uống đi, cứ chuyện đi, tôi xuống bếp đây để hâm qua nồi cà ry, lấy thêm cái đùi gà, không thức nhắm còn ít quá.

– Phải, phải lắm, mau lên mình ạ...

Tám Bính vội vàng xuống bếp, Bính vừa bước khỏi ngưỡng cửa, nước mắt đã ứa ra, chan hòa. Qua những giọt nước mắt đầm đìa, Bính thấy hiện vụt ra một cảnh mịt mù, buồn tẻ trong lớp tre xanh rì ở đằng tít xa... làng Sòi! Làng Sòi!

... Sáu năm đã qua... lâu biết bao... dài biết bao! Mà biết đến bao giờ Bính mới có được một cuộc đời trong sạch êm đềm như cuộc đời của mọi người trong buổi đầu xuân?

Khó lắm. Nếu Năm Sài Gòn vẫn sống và vẫn yêu thương Bính. Nếu đứa con Bính vẫn biệt tăm tức. Nếu cha mẹ Bính vẫn cùng làng nước, đinh ninh Bính là một sự xấu xa gớm ghiếc cần phải xa lánh.

Hơn nữa, nếu Bính còn lấy tình thương yêu của Năm để an ủi mình những lúc bối rối chán nản vì những kỷ niệm thảm khốc... vì sự lừa dối của "tham Chung"... bán con... vợ thằng trẻ tuổi độc ác và thằng khốn nạn nọ, sở Cẩm, nhà Lục xì, mụ Tài-sế-cấu... cứ đến vây bọc tối tăm cả tâm trí Bính.

Hơn nữa nếu Bính càng yêu thương Năm Sài Gòn, càng thắt chặt lại với Năm và phải theo Năm mãi mãi.

Ánh chiều vàng đã xanh nhạt rồi dần lẫn với sắc lam nhuộm màn sương.

Cánh đồng bên sông chạy dài theo chân đê biến thành một biển khói hương rung động. Những cụm tre lơ thơ chỉ còn là những bóng lờ mờ, nhìn đằng xa thấy giống hệt những đám lông chim phất phới tan tác...

Tám Bính lạnh tê cả tâm trí. Mệt mỏi, Bính dựa lưng vào bức vách, lim dim mắt, thẫn thờ nhìn bóng tối tràn ngập mọi nơi mọi chốn.

Tiếng pháo lại tới tấp vang khắp một vùng, Tám Bính giật mình. Ở nhà trên, loáng thoáng tiếng Năm đương lè nhè hò rượu và gọi lấy thức nhắm thêm. Vội vàng Bính chạy vào bếp, chất thêm củi, đặt

chảo mỡ lên, rồi cúi rạp xuống thổi cho ngọn lửa bén tới lượt mạt cưa rắc chung quanh bếp.

VIII

Tàu An Xương rời bến Nam Định từ hồi mười giờ sáng...

Tuy nhằm vào ngày 16 tháng giêng, có nhiều nơi mở hội hè đình đám, nhưng hành khách vẫn vắng tanh. Ngoài vài chục người ở boong trên, chỉ còn thấy lẻ tẻ sáu, bảy người đàn bà buôn chuyến trầu vỏ mệt mỏi nằm bên những lồ hàng xếp gần buồng máy đằng cuối boong dưới.

Tàu chạy thẳng một mạch tới bến Quý Cao mới đỗ lại mươi phút để ăn hàng rồi lại chạy. Đến bến Ninh Giang thì trời vừa sập tối. Quá Ninh Giang một quãng ngắn thì trời tối mịt mùng.

Sương và gió rét chùm kín cả dòng sông, cả cảnh vật bên sông. Tiếng máy chạy sình sịch cũng chẳng đủ làm gợn được sự hoang lặng. Ngọn đèn đỏ bên mạn trái tàu giữa lượt kính dày càng mờ, thấp thoáng chiếu những tia sáng ủ rũ lên rặng tre xanh thẫm mỗi khi tàu đè con nước, hoặc tránh những bãi, chạy gần bờ. Những lúc ấy, người thủy thủ đâm con sào xuống sông rồi lại uể oải rút lên để đo mực nước, vừa đọc những câu tiếng Tầu bằng một giọng ê a...

Tám Bính ngáp và bấm Năm Sài Gòn:

– Đi ngủ thôi *so* ấy *hắc* lắm!

Năm Sài Gòn đưa mắt trông về đằng lái, chau mày đáp:

– Nó *hắc* nhưng nó lắm tiền.

– Chắc chắn?

– Sao lại không? Bạc trăm đấy.

– Thế cơ à?

– Phải, tôi nom thấy rành rành nó nhận tiền gạo ở bến Ninh Giang lên khi tôi xuống bến ấy mua thuốc phiện.

Nhưng Bính vẫn ra vẻ ngần ngại, Năm Sài Gòn cau mặt:

– Thôi mình đi ngủ trước vậy.

Dứt lời Năm quay lại đằng lái, chỗ một người vận âu phục đương hút thuốc lá.

Xa xa vành trăng nhợt nhạt mới hé lên. Trước ánh lửa lấp lánh của mẩu thuốc lá, dù người vận âu phục tinh mắt đến đâu cũng không

nhận được mặt Năm. Vả lại người ấy không để ý gì đến Năm hết, nhưng vẫn để ý cái ví tiền nằm trong túi quần.

Năm Sài Gòn cũng rút thuốc lá, sát cạnh người ấy xin diêm. Năm thử xem bàn tay hắn có rời túi không vì Năm biết chắc diêm ở túi ấy. Người nọ không chỉ đưa mẩu thuốc lá cho Năm – đưa tay bằng tay trái – rồi khi Năm châm lửa xong, hắn liền cầm lấy, kéo thêm một hơi dài, đoạn giơ thẳng cánh vứt xuống sông.

Cái cử chỉ tuy thường nhưng với người vận âu phục lặng lẽ này, Năm thấy ngụ một sự riễu cợt hết sức kiêu căng.

Năm bực dọc, gằn tiếng:

– Hay *so quéo sửng mòng*? [1]

Năm cười gằn, tự trả lời luôn:

– Đời nào mình lại *trộ* mình đây.

Rồi Năm chắp tay sau lưng, đi đi lại lại, liếc nhìn.

Vô ích! Người đó càng trầm ngâm, bàn tay phải càng ấn sâu trong túi quần như bị buộc chặt lại với cái ví.

Chợt Năm nhẹ dừng bước, nghiêng đầu lắng tai nghe người vận âu phục nói một mình:

– Sắp đến bến Cung đây.

Từng tiếng một lọt vào tai Năm, khiến Năm càng nóng ruột, Năm hậm hực nhìn đằng xa tờ mờ sáng, trong dạ bồn chồn, Năm ước gì tàu xô phải bãi chậm lại vài ngày để món *hàng* của Năm không thoát được lên bờ.

Non một giờ sau tàu đến bến Cung, rồi quá bến Cung đến Kiến An, rồi quá Kiến An, và chỉ còn đợi mở cầu là áp bến Hải Phòng. Lúc ấy đằng đông sáng rực hẳn lên mà Năm Sài Gòn vẫn mải miết theo dõi.

Bỗng trống ngực Năm đập rộn lên vì sung sướng: miệng túi quần người ấy há hốc để lộ mép ví tiền bằng da đen, và cánh tay phải hắn đương quay tròn chiếc mũ dạ.

Năm Sài Gòn tiến bước ngay. Nhưng tự dưng ruột gan Năm đau xoắn lại. Năm phải ngồi xệp xuống chiếu không sao bước gắng được nữa. Giữa lúc đó Ba Bay hút xong, lễ mễ bê bàn đèn ở đằng cuối tàu đi lại, trông thấy Năm ngồi xuýt xoa, liền vội hỏi:

---

1. Hay thằng này chợt biết.

– Anh Năm sao thế?

Năm dằn tiếng:

– Không hiểu tôi ăn phải cái gì độc nên từ tối đến giờ lại ngâm ngẩm đau và giờ thì tôi đau bụng quá, chú mau xuống boong dưới báo nhà tôi lên cho tôi dặn cái này.

Ba Bay gật đầu, người vận âu phục lần bực thang xuống boong. Năm trỗi ngay dậy, toan nối gót. Cũng như lần trước, Năm lại phải ngồi sụp xuống chiếu – sự đau đớn đột nhiên nọ chói tức một cách khác thường.

Giây phút sau Tám Bính đem dầu lên xoa khắp người Năm, Năm dìu dịu bèn bấm Tám Bính, cả hai lần xuống, vừa lúc tàu sắp sửa áp bến.

Nhưng quái lạ, khi Năm Sài Gòn sờ đến cái túi của người kia thì thấy ví tiền không còn đấy nữa, Năm đảo mắt trông cả túi áo trên, hai túi áo dưới. Năm như sờ cả ba túi: túi không chỉ là túi không.

Vậy ví biến đi đâu mà người vận âu phục vẫn điềm tĩnh thản nhiên?

Năm Sài Gòn uất lên tới cực điểm. Năm nghiến răng gầm khẽ trong mồm. Bọt mép Năm xùi ra, hai mắt long sòng sọc như nảy lửa.

IX

Ba hôm sau, lúc Năm Sài Gòn đương bông lơn với một cô hàng mía, Tám Bính ở đâu chạy lại, nắm cánh tay Năm kéo đến hàng nước gần đấy.

Năm toan hỏi, Bính trỏ một đứa bé đang đọc nhật trình. Năm Sài Gòn hiểu ý, đến bên nghe. Đó là một bài lai cảo như sau: *Tên tôi là Trần Thiệu Phú ở số 8, phố Khách, Hải Phòng. Hôm mười tám tháng giêng ta, tôi đi tàu An Xương từ Ninh Giang ra Hải Phòng, có đánh rơi cái ví trong đựng một thẻ tùy thân, một giấy căn cước và ít giấy má quan hệ. Ngài nào bắt được xin quá bộ đưa lại nhà tôi, hoặc ai biết ai bắt được xin viết thư bảo tôi, tôi sẽ hậu tạ.*

Năm Sài Gòn hầm hầm ngay mặt làm Bính phải đứng ngay cạnh để đề phòng. Sau đó, Tám Bính vội lôi Năm ra chỗ khác, vừa đi vừa nắm chặt cánh tay Năm. Qua phố Hàng Cháo, qua cầu Ca Dông, vợ chồng Năm rẽ sang con đường cạnh nhà thương về lối An Dương.

Trời sập tối. Gió lạnh cất lên. Rặng xoan reo ào ào bên đường. Hơi men đã bớt rạo rực trong người Năm, Năm nguôi nguôi cơn giận,

bắt đầu thấy rét, vội kéo cổ áo dạ chùm kín lấy gáy, đánh diêm châm thuốc lá hút, đoạn bảo Tám Bính:

– Đấy mình xem tôi đoán có sai đâu.

Không đợi giả lời Năm nói luôn:

– Cái *cá* ấy bị *mõi* [1] mất chứ không phải rơi mất.

Bính ngờ vực:

– Nhưng ai *mõi*?

Năm Sài Gòn dừng bước, cười khanh khách:

– Biết được thằng nào còn nói gì?!!...

Để chồng im im, Tám Bính mới hỏi:

– Này mình, sao người có ví không khai ví bị *mõi* và nói đến món tiền trong ví?

– Thế thằng cha ấy mới khôn ngoan...

Tám Bính ngắt nhời:

– Ngu chứ ly!

– Có mình ngu thì chớ! Nó khai đánh rơi và không nói đến số tiền cốt để dử kẻ nào ham tiền chuộc, đem cái ví lại nhà nó, lúc ấy không những nó dò xét được kẻ lấy, mà món tiền mất đi chả bao lâu cũng sẽ tìm thấy. Mình không xem đấy như báo đăng câu: *Ai biết ai bắt được xin viết thư chỉ bảo tôi, tôi sẽ hậu tạ* là nó ranh mãnh lắm.

Nghe Năm Sài Gòn cắt nghĩa, Tám Bính nhận rõ ngay, Bính thấy dù sao Năm cũng sành sỏi hơn mình nhiều, và khi cảm thấy thế Bính căm hờn hơn Năm.

– Mình ạ! Kẻ hớt tay trên mình gớm thật!

Năm Sài Gòn cười gằn nối nhời Bính:

– Vậy phải xỉa cho nó vài nhát nếu biết nó là ai!...

Tám Bính vội dịu ngay giọng:

– Ấy chết, tôi van mình.

Năm không nói nữa, im lặng bên cạnh Tám Bính. Điếu thuốc lá đã cháy hết, hắn đưa ngón tay cái lên miệng cắn. Hắn cố nhớ xem chuyến tàu ấy ngoài Ba Bay còn có dân "chạy" nào không. Hắn hồi tưởng cái

1. Cái ví tiền ấy bị móc mất.

lúc đau bụng xong, hắn cố gượng dậy, mon men đến gần người âu phục thì thấy cả ba bốn túi đều nhẹ thênh. Cái ví biến mất rồi.

Nghĩ đến đấy Năm tự nhủ:

– Hay ta *soạng* vội quá, rõ sờ tay vào túi có ví mà nhầm là túi không, để thằng nọ lên bờ mất với một *vỏ* nào đấy chăng?

Năm lắc đầu:

– Không thể thế được! Hơn hai mươi năm trời cái bàn tay này nó thiêng lắm, có thể nào lú lẫn đến như thế được. Mấy lại còn mắt ta, cặp mắt thiên lý nhãn này, cũng không khi nào nhầm lẫn nốt. Vậy chỉ...

Năm Sài Gòn liền ngắt ý nghĩ bằng một câu hỏi đột nhiên:

– Này mình hôm ấy chỉ có Ba Bay ở lại hút thôi nhỉ?

Bính ngẫm nghĩ một lát rồi quả quyết đáp:

– Phải.

– Đúng chứ?

– Đúng, tôi nhớ rất đúng mình ạ.

Năm Sài Gòn liền thở dội một cái đoạn gằn tiếng nói:

– Gớ... ớ gớm... thật. Ba... a Ba Bay gớm thật!

Tức thì cái hình ảnh Ba Bay khi phiện phò say sưa xong, ngất nghểu ấn từng tập bạc giấy vào túi ở sòng Lý Thanh ra, hiện lên rất rõ ràng trong trí tưởng Năm khiến Năm càng tin thật Ba đã đỡ nhẹ cái ví bạc kia, chứ không bỗng dưng Ba làm gì có lắm tiền mà thua nhiều tiếng bạc canh đêm trước to thế? Bảo của Ba được để dành còn lại thì thật vô lý hết sức, đối với hắn túi có bao nhiêu hắn cũng dốc ra hết để ngốn và phiện phò.

Chợt Năm ngẩng đầu lên, nheo mắt nhìn hút một bóng người thất thểu trên đường về lối bến đò Niệm. Năm nghển lên nghiêng nghé rồi hét lên một tiếng, cắm cổ chạy. Bính nhận ra ngay Ba Bay bèn vội chạy theo.

Thoáng cái Năm đuổi kịp Ba, Ba chưa kịp quay đầu lại nhìn đã bị Năm bóp chặt cổ vật xuống đường. Ba Bay ú ớ muốn kêu song không sao cất tiếng lên được vì hai bàn tay sắt của Năm khóa khít họng.

Biết đã vỡ chuyện, Ba hết sức giãy giụa khư khư giữ túi tiền. Năm nóng mặt nghiến răng thoi luôn ba bốn chiếc trúng mạng mỡ

Ba. Ba phải dùng tận lực đấm trả vào mặt Năm. Năm hoa cả mắt vẫn không chịu buông tay. Dưới đầu gối Năm, Ba Bay thở không ra hơi, xương ngực Ba như sắp gẫy hết mất. Nhìn mắt Năm long sòng sọc. Ba Bay rởn cả da thịt, cảm thấy hết mọi sự ghê gớm sắp xảy ra.

Nhưng, Ba nhất định giữ chặt ví tiền. Còn Tám Bính run cầm cập xanh mắt nhìn chồng và bạn chồng vật lộn.

Mấy phen Năm mím môi thích mạnh khuỳnh tay xuống cổ Ba, luồn tay xuống lưng Ba, cố lật sấp Ba để rút cái ví tiền gài trong túi dưới nách áo nhưng Năm đều bị Ba co đầu gối thúc vào chỗ hiểm, Năm Sài Gòn đã sôi máu, rút lưỡi dao giắt ở bắp đùi ra giơ thẳng cánh, dằn tiếng nói:

– Có đưa mau không?

Ba Bay lắc đầu. Năm Sài Gòn nghiến răng nói một lần nữa.

Cánh tay Năm rung rung. Lưỡi dao nhọn lấp lánh dưới trăng mờ.

Tám Bính hốt hoảng chạy xô đến định gỡ hộ cho Ba thì Năm liền hất bắn vợ đi. Ba Bay thừa cơ toan giật lấy dao, Năm đã đâm thẳng xuống ngực hắn, chẳng để hắn kịp cất một tiếng van lơn xin nhượng bộ.

Máu tươi vọt lên, Năm Sài Gòn nghiêng đầu tránh, rồi bồi thêm một nhát trúng cổ họng Ba.

Ba trợn ngược mắt. Sau hai tiếng ằng ặc, hắn giẫy lên một cái đoạn nằm thẳng rẵng, cái ví tiền đến giờ mới rơi ra ngoài. Năm rút mùi xoa lau máu đẫm bàn tay, đoạn nhặt ví tiền nhét vào túi và khẽ gọi Bính:

– Ba "củ" rồi mình ơi!

Bính chạy lại, cuống quít lay người Ba. Thấy Ba cứng đờ, máu ở ngực, ở cổ họng cứ tuôn ra, Bính ríu lưỡi nói:

– Thế này thì chết cả mất!

Nghe Bính nói không lên tiếng, Năm cười rộ lên, rồi lạnh lùng xốc Ba Bay lên vai, chạy lùi lũi về phía bờ ruộng tận đằng xa.

Mảnh trăng vừa nhô ra khỏi đám mây xám, trút xuống cảnh vật một làn ánh sáng xanh trong xanh bóng lẫn với sắc xanh đặc của ruộng lúa rì rào.

Tám Bính chỉ chực khuỵu xuống, Bính hoa mắt trông thấp thoáng trong sương xác Ba Bay rũ trên vai Năm, Bính rợn cả người,

sực nhớ tới bức tranh vẽ một người tội lỗi lúc chết bị ma quỷ lôi kéo đi. Bức tranh này treo trên tường ở buồng ông cố đạo già giải tội cho Bính dạo năm xưa.

Phút chốc cái vắng lặng êm đềm của đêm xuân trở nên lạnh lẽo, ghê gớm lạ thường, Bính thấy nó báo trước cho Bính rồi đây, những sự khủng khiếp thế nào cũng đến với Bính không thể nào tránh được.

X

Non một năm trời rồi mà án mạng Ba Bay chưa ra manh mối. Rồi vì không ai thưa và Ba Bay vốn là kẻ côn đồ nên Sở Mật thám cũng chẳng chịu dò xét.

Nhưng cái chết của Ba vẫn mãi mãi làm cho dân làng Vẻn, xóm chợ Con, vùng An Dương bàn tán những lúc họ lê la chuyện về sự giời có mắt hay không. Xưa nay vốn họ ghét sẵn Ba Bay, ghét ngon, ghét ngọt, thành thử khi thấy Ba Bay chết, họ mừng như mở cờ trong bụng. Chính một tay hắn đã làm hại bao nhiêu người làm ăn đầu tắt mặt tối, gồng thuê gánh mướn phải tan nát cửa nhà khi bị hắn lừa lọc bằng các ngón cờ gian bạc lận.

Bởi thế tuy Ba Bay đã chết, họ vẫn cứ xoi mói những sự xấu xa của Ba. Nhưng nào chỉ có thế thôi, họ còn nói cạnh nói khóe những kẻ gian ác bè đảng với Ba. Lắm phen nghe thấy, Tám Bính chết cay chết đắng trong lòng mà phải cắn răng không dám hé nửa nhời.

Ngày lại ngày, Bính buồn bã quá. Cái chết khủng khiếp kết liễu đời Ba Bay thường ám ảnh tâm trí Bính. Lắm đêm ròng rã Bính không thể nào chợp mắt ngủ được, trông đâu Bính cũng thấy xác Ba Bay rũ trên vai Năm dưới bóng trăng nhợt nhạt.

Có ngày Bính bỏ cả ăn, Năm hỏi tại sao Bính chỉ nói lảng ra chuyện khác. Trái lại Năm Sài Gòn vẫn cứ như thường, hôm nào không đi xóc đĩa thì lại hút thuốc phiện. Nhìn gương mặt Năm không những không thấy lộ một vẻ gì băn khoăn lại còn sắt siu khô khan thêm.

Bên sự thản nhiên ấy, lòng Bính càng tơi bời, Bính đinh ninh thế nào Bính và chồng cũng bị lộ và chịu tội không biết nặng đến thế nào. Hơn nữa, Bính có cảm giác thật như Bính bị tù tội và chỉ còn chờ ngày đi đày hay lên máy chém nhắm mắt chờ chết. Càng

ngày Bính càng rạc người đi. Năm thấy vậy đã phải kêu lên và cố ép Bính uống thuốc và tẩm bổ ăn uống.

Một buổi chiều kia. Một buổi chiều mùa đông, các chòm cây trên rặng đồi tận ven trời xa còn lưu luyến giữ lại những ánh nắng vàng đã úa. Nền trời xanh nhờ thật là bao la, thật là hoang vắng. Không một bóng chim bay ngang, không một âm vang nào ngoài tiếng gió buồn tê tái của chiều gần tàn hẳn tỏa ra khắp vùng quê với một sự lạnh lùng hoang vắng mênh mông.

Tám Bính tỳ tay vào lan can đằng cuối tàu nhìn cánh đồng đang từ từ lùi vào màn sương.

Bỗng dưng trong giây lát, tâm trí Bính như sáng lên, tươi lên, nhẹ nhàng khác thường. Bính thấy như gió lạnh đã trút sạch mọi sự rối loạn tối tăm trong người Bính, Bính thấy như đương sống một cuộc đời êm đềm trong sạch ở đâu đây. Thẫn thờ Bính tự nhủ:

– Giá lúc nào mình cũng được như lúc này có phải sung sướng không?!

Nhưng khi Bính vừa đưa mảnh gương ra soi thấy mặt mày võ vàng hẳn đi thì Bính lắc đầu:

– Mà ta sung sướng để làm gì? Con cái chả có, và chẳng còn bao giờ trông mong có được, cha mẹ thì tận tình, vậy chỉ thêm tủi thân thôi. Vả lại biết bao người khổ sở vì ta vậy, ta cũng phải khổ sở mới can chứ?

Rồi Bính rợn người cúi trông bàn tay trái bị xe kẹp dạo xưa, năm ngón tay cụt gần hết, mà ghê sợ cho cái dấu vết mãi mãi xấu xa đời mình.

Bính lắc đầu toan nhắm mắt lại để tránh những hình ảnh tối tăm lại hiện ra thì Năm Sài Gòn ở đằng mũi tàu đi tới, khít hai hàm răng bảo Bính:

– *Cớm* đấy!

– Thế à?

– Nó định *tốm* [1] chúng ta!

– *So* nào vậy?

– *So* Mặt ngựa và *so* Vinh.

Bính giữ vẻ thản nhiên:

– Vậy đến bến Ninh Giang thì *chuồn*.

---

1. *Tốm*: bắt.

Năm Sài Gòn đưa mắt gườm gườm nhìn xung quanh, vội đáp:

– *Chuồn tươi* [1] mình ạ!

Vừa dứt tiếng Năm đã lao mình xuống sông, cùng lúc hai người đàn ông chạy đến bên Bính dậm chân nói:

– Thế nó trốn thoát rồi!

Hành khách đổ xô lại, lố nhố trông ra dòng nước đen kịt cuốn Năm đi. Trống ngực Bính dồn dập, Bính lo ngại cho tính mệnh chồng, nhưng Bính phải cố trấn tĩnh để trả lời câu hỏi của người có cái khuôn mặt dài, mũi gồ và huếch giống mặt ngựa kia:

– Cô quen thằng kia phải không?

– Không! Tôi không quen biết gì hết!

Người ấy trừng trừng nhìn Bính.

– Rõ tôi vừa thấy cô nói gì với nó mà.

Tám Bính cười nhạt:

– Tôi là đàn bà con gái không quen thuộc với họ thì làm gì có chuyện mà nói.

Người đàn ông đứng cạnh Mặt ngựa gườm gườm nhìn Bính. Bính cũng lườm trả, đoạn nguây nguẩy đi xuống boong dưới.

Tàu vừa cập bến Ninh Giang, Bính thót ngay lên bờ. Qua khỏi phố bờ sông, Bính ngoảnh cổ nhìn, không thấy bóng hai người mật thám theo mới hơi yên tâm.

– Hú vía!

Bính nói thầm chực vào một nhà hàng cơm để trọ thì Năm Sài Gòn ở đâu đến vẫy gọi Bính. Năm đã thay bộ quần áo khác và khoác một cái áo tơi đi mưa.

– Kìa mình! Có việc gì không?

Năm Sài gòn lắc đầu:

– Không! Và mình còn bao nhiêu tiền?

– Năm hào thôi!

– *Kẹo hựu* [2] thôi à?

– Nói dối mình làm gì!

1. *Chuồn tươi:* trốn chạy.

2. *Kẹo hựu:* năm hào.

Năm Sài Gòn nhăn mặt:

– Thế thì chúng mình đến phải cuốc bộ về Thái Bình mất! Mà đi ngay bây giờ.

– Sao thế?

Năm Sài Gòn trông quanh quẩn:

– *Cáy* [1] ghê, anh lại thấy hai *so cớm* khác.

Năm vừa nói vừa hất hàm về phía một hàng cơm đằng xa. Bính cau mày bảo Năm:

– Chúng săn riết quá mình nhỉ?

Bính bồn chồn lo ngại, hay Sở Mật thám đã dò xét biết vợ chồng Bính là thủ phạm vụ án mạng Ba Bay? Bính run run bảo Năm:

– Thì "chuồn" ngay thôi!

Dứt lời, hai người rẽ quặt ra con đường nhỏ ven ruộng. Đã hơn tám giờ tối. Nhằm vào ngày cuối tháng không trăng, cảnh vật tối mịt. Thỉnh thoảng một con đom đóm ở bụi tre đen sì bay vụt ra, chập chờn vờn lên nền trời những vệt sáng ngắn, càng làm cho cái lạnh lẽo vắng vẻ của đêm tối khủng khiếp hơn.

Bính thở dồn, trống ngực Bính đập tưởng đến đứt mãi. Hình như Năm nghe thấy, hắn bèn nắm tay vợ khẽ hỏi:

– Mình sợ lắm phải không?

Bính lắc đầu và hỏi lại:

– Sắp đến nghĩa địa làng Thủy Vân đấy mình nhỉ?

Năm cười, hất hàm về bên trái, Bính trông theo thì chính là nơi Bính hỏi. Trong màn sương mịt mùng những mô đất và những đám dứa dại gai góc, lù mù đương thiêm thiếp giữa những tiếng dế âm ỷ.

Hai người đi được chừng bốn cây số thì mưa bắt đầu lấm tấm rồi dần dần nặng hột, thấm ướt hết cả lần áo ngoài. Bính run run, thở dài. Năm liền cởi áo tơi đưa cho vợ nhưng Bính không l hoác, dồn bước.

Tâm trí Bính lại buồn rượi. Tuy có Năm đi bên, Bính vẫn tưởng như thui thủi một thân một mình, và con đường vắng vẻ mà Bính đương đi đây không phải về Vĩnh Bảo, về Thái Bình mà đến một nơi toàn những sự nguy hiểm, sầu thảm.

---

1. *Cáy*: sợ.

Tám Bính lại bị hình ảnh Ba Bay dọa nạt, Bính lại tưởng ra hắn mình mẩy đẫm máu, tóc rũ rượi lơ lửng, trước mặt Bính. Hắn không cười không nói, nhưng quái lạ một thứ tiếng gì giống hệt hắn cứ thì thầm vào tai Bính rằng đời Năm, đời Bính, đời hết thảy cánh "chạy vỏ" đều sẽ chịu những hình phạt còn khủng khiếp hơn nữa. Bính không thấy trên nét mặt Ba một vẻ gì giận hờn, oán trách vợ chồng Bính hết. Hình như cái chết của hắn đã ghi sẵn trong một quyển sổ đền tội công bằng vậy.

Tám Bính và Năm Sài Gòn qua Thủy Vân được một quãng xa. Mưa vẫn không ngớt. Gió thổi mỗi lúc một rét buốt hơn. Dưới bầu trời đen kịt, hai người khó phân biệt con đường lầy lội với ruộng bùn ngập nước.

Chợt, đằng xa, một ánh đèn le lói nổi bật hẳn lên trong khoảng mờ mịt. Tám Bính bấm tay Năm:

– Đến đấy thế nào chúng mình cũng phải nghỉ. Chẳng biết mình có nhọc không, em thì mỏi rời cả hai chân và lại ngâm ngẩm đau bụng.

Năm Sài Gòn đương ngẫm nghĩ, không trả lời. Năm thì thầm: "Giá hai thằng mật thám ta gặp lần thứ hai có để ý tới ta cũng không thể nào theo được, vì ta đã làm chúng nó lạc đường ngay từ bến Ninh Giang. Vậy có thể ngủ đêm nay nhưng sáng mai phải dậy để về ngã ba Đọ rồi về Thái Bình cho kịp chuyến xe ô tô mười giờ chạy Nam Định. Thế thì hai thằng chứ hàng chục thằng mật thám cũng chẳng sợ". Thấy Năm trầm ngâm, Tám Bính hỏi lại:

– Có được không mình?

Năm Sài Gòn vui vẻ đáp:

– Được lắm!... Được lắm!...

Độ mười phút sau Bính nhận ra cái ánh đèn le lói ban nãy ở trong một nhà tranh làm giữa hai gốc nhãn um tùm. Bính vội buông tay Năm, chạy đến đập cửa. Có tiếng người đưa ra:

– Ai hỏi gì đấy?

– Tôi đây.

– Ai? Ai mua gì đấy?!

Cánh liếp hé mở, một khuôn mặt đàn bà dưới nếp khăn vuông hiện ra, Bính liền khẩn khoản:

– Thưa bà! Vợ chồng tôi có người nhà ốm nặng phải về gấp Thái Bình nhưng vì trời đổ mưa và tối quá. Vậy bà làm ơn cho chúng tôi trọ nhờ một đêm để sáng mai chúng tôi đi sớm.

Bính chưa hết câu, có tiếng đàn ông ở trong nhà nói ra:

– Vâng, mời ông bà vào nhà. Bu mày chống liếp mau lên chứ, kẻo bà chờ lâu mưa ướt hết.

Đóng lại gióng liếp cửa xong đâu đấy, người đàn bà nhanh nhẩu mời vợ chồng Năm ngồi xuống giường, còn người đàn ông ẵm con đứng dậy vặn to ngọn đèn cây trên mặt chiếc hòm chân, vừa giục người đàn bà:

– Kìa bu mày rót nước để ông bà xơi.

Bính đón nhời:

– Vâng, ông bà cứ để chúng cháu tự nhiên.

Rồi Bính thân rót nước ra chén. Hương chè tầu thơm ngát, thoảng lên làm Bính ngạc nhiên, đoán rằng vợ chồng nhà này có công việc gì nên mới pha chè sẵn như thế. Người đàn ông ẵm con ngồi gần đấy hiểu ý Bính bèn thong thả nói:

– Chả giấu gì ông bà, hôm nay nhà cháu có giỗ, định pha chè mời bà con trong họ uống rồi đọc kinh, nhưng vì mưa mà nhà cháu ở mãi ngoài đường đê này nên không ai ra...

Người vợ tiếp nhời:

– Vậy gặp ông bà nghỉ đây thật may có duyên với vợ chồng nhà cháu quá!

Khi ấy người chồng đưa mắt nhìn vợ như hỏi có nên đọc kinh ngay hay là để gần đi ngủ. Người vợ tần ngần. Thấy vậy Tám Bính vội nói:

– Thưa ông bà thế thì hay quá, ông bà thắp nến lên cho chúng *tôi thông công* [1] với.

Người đàn bà niềm nở:

– Vậy ông và bà cũng đi đạo à?

Bính bẽn lẽn:

– Vâng nhà tôi mới theo đạo, còn tôi là bổn đạo gốc.

Người chồng vội vàng:

– Vậy để ông sang giường bên kia nghỉ, còn bà với chúng tôi lần hạt năm chục và ngắm mười bốn đàng Thánh giá [2] vậy.

---

1. *Thông công:* cùng đọc kinh.

2. *Lần hạt năm chục:* là vừa đọc 50 kinh vừa lần 50 hạt trong tràng hạt. *Ngắm mười bốn đàng Thánh giá:* là đọc 14 đoạn thuật những cuộc Chúa Giê-su chịu các hình phạt nặng nhất là hình phạt phải đội mũ gai vác cây thập tự nặng đi rong đường để tới chỗ chịu đóng đanh chết. Khi ngắm những đoạn này còn phải đọc nhiều kinh khác nữa.

Người chồng nói xong, người vợ liền đánh diêm châm nến rồi rót nước mời Bính sắp sửa nguyện kinh.

Đã hơn năm năm, Bính ít nhắc đến các kinh đó, nhưng thuở nhỏ Bính học thuộc lòng và ngày ngày đọc luôn miệng nên nay Bính vẫn đọc trơn tru và giọng vẫn êm ái lắm.

Nhìn tượng Đức Mẹ bày giữa hai cành huệ giấy trắng cắm trong đôi lọ bằng đất nhuộm phẩm và những tia sáng lung lay của bốn ngọn nến, Bính thấy mình lùi dần về quãng đời thơ trẻ.

Bàn thờ nhà Bính cũng bày trên miếng gỗ hình bán nguyệt, đường kính độ hơn một thước, đóng ghép vào cột nhà. Cũng mấy cành huệ trắng, cũng chiếc lọ sành nhuộm phẩm, cũng tượng Đức Thánh Nữ trọn đời đồng trinh vẻ mặt trang nghiêm mà hiền từ, nhưng nhà Bính còn thêm một khung ảnh hình Trái tim mà hiện giờ Bính còn nhớ từng nét một. Chúa Giê-su mặt rầu rĩ, mắt lờ đờ, một tay chỉ vào ngực. Giữa ngực phanh ra một trái tim rỉ máu hàng chục lưỡi gươm sáng xuyên qua.

Đã tới ngắm thứ tám, chỗ Đức chúa Giê-su đứng lại an ủi dân thành Giê-duy-da-lem giữa khi chính mình không được một ai ngỏ một câu ái ngại mà lại còn bị xỉ vả, lại còn phải vác cây "thập ác" nặng nề, thì Bính không sao cầm được nước mắt.

Bính chấm xong giọt nọ thì giọt kia đã tràn ra ngay, trong chốc lát mắt Bính mờ hẳn đi. Cảnh vật chung quanh Bính bỗng tối sầm lại, duy có bốn ngọn nến bên cạnh tượng Đức Mẹ là rực rỡ lạ thường, thành một vòng ánh sáng như một vầng mặt trời lúc rạng đông.

Hai vợ chồng nhà nọ chăm chú nguyện ngắm không để ý đến Bính. Sự hòa hợp ấy khiến Bính thêm thổn thức, nước mắt Bính càng tràn ra, cổ họng Bính như sắp tắc, Bính không thể thốt lên một tiếng nữa. Bính đau đớn, Bính tủi thẹn, Bính tê tái.

Đọc hết bản kinh, Bính chấm sạch nước mắt rồi mà vẫn còn muốn khóc. Bấy giờ người chồng đã tắt bớt hai ngọn nến đi và người vợ bưng một mâm cháo gà hơi bay ngào ngạt ở dưới bếp lên. Người đàn ông lại giường đánh thức Năm dậy. Cả hai ân cần mời vợ chồng Năm ăn. Năm đương đói, nhận nhời liền, Bính tuy buồn bã không muốn ăn nhưng nể lời cũng phải cầm thìa. Thằng lớn ngủ ở giường trong thấy tiếng bát đĩa liền ngỏm dậy. Nó bưng hẳn cái bát to nhất và ngồi ăn bên cạnh Năm. Vợ chồng nhà nọ vừa ăn vừa chuyện trò

vui vẻ lắm. Thấy Bính hỏi các cách làm ăn buôn bán thì người vợ nhanh miệng nói luôn:

– Chúng cháu chả giấu gì ông bà, vợ chồng cháu và hai cháu bé đây chỉ trông vào cái hàng nước thôi. Như người khác thì không đủ tiêu, nhưng vợ chồng cháu dè xẻn cần kiệm cùng là chăm cầu xin Chúa nên cũng đủ ăn.

– Thế mỗi ngày bà kiếm được bao nhiêu?

– Ngày một hào, phiên chợ hay ngày mùa thì vài ba hào là cùng.

– Có thế thôi mà nhà đủ ăn?

Người đàn bà cười:

– Bà tính bây giờ khó khăn, kiếm được cho các cháu không phải bữa nào nhịn ấy là có ơn Chúa thương lắm đấy. Vả lại nhà cháu nuôi thêm vài con lợn, giồng thêm vài sào rau, đỡ cặp thêm với cháu, chứ cả như cháu buôn bán thì túng bấn đấy.

Lâu nay Bính tiêu tiền chục đã quen tay, không vất vả, nên Bính quên bẵng cái khó khăn eo hẹp của sự làm ăn ở chốn thôn quê. Bính quên cả ngày còn con gái Bính đi chợ xa gánh vã mướt mồ hôi mà chỉ được dăm xu, hay có phiên gạo ế thì chỉ được nắm tấm, nắm cám không thôi.

Bỗng thằng bé ẵm trong lòng người đàn ông khóc oe oe, người vợ chìa tay đón ngay lấy nó vừa cười vừa nói nựng: "Úi nao ơi! Con tôi đói quá. Tội nghiệp! Có cháo gà ngon đấy nhưng chưa có răng thì ăn thịt làm sao: thằng anh nó lại ăn hết thôi".

Rồi người mẹ vạch yếm cho con bú! Thằng bé ngậm núm vú bú ụt à ụt ịt như con lợn con. Trước mặt người đàn bà, Bính mủi lòng đưa mắt nhìn. Năm Sài Gòn ăn bát cháo xong ngồi dựa lưng vào bức vách mơ màng với khói thuốc lá. Bính chua xót nhớ tới đứa con nho bán đi năm xưa và đứa con đẻ sẩy, và càng xót xa đau đớn hơn khi người đàn bà cúi hôn xuống cặp má phúng phính xinh xắn của đứa bé và người đàn ông thì nồng nàn nhìn vợ ẵm con.

Bính thấy vợ chồng người nọ thật sung sướng hơn ai, còn mình khổ sở không biết chừng nào đến đời nào.

Một lúc lâu, người đàn bà tươi cười bảo vợ chồng Năm:

– Đã khuya rồi, xin rước ông đi ngủ với nhà cháu còn bà thì nằm giường trong buồng nghỉ cho đỡ mệt.

Người đàn ông nói tiếp:

– Thật may mắn, nhà cháu vừa mua được cặp chiếu đậu, lại vừa mới giặt chiều qua.

Bính cám ơn, đoạn đến bên cạnh giường kê gần cửa sổ Bính nằm chợp ngủ đi. Chợt tiếng gà gáy trong mấy xóm rải rác đằng xa vẳng lên. Bính đương mơ màng tỉnh ngay giấc. Rồi thì Bính không sao ngủ được nữa, khi tiếng gà gáy im bặt, những nhịp thở đều đều không biết của người vợ hay người chồng, hay đứa con thơ ở giường ngoài buồng đưa lại, như rót vào tai Bính. Giữa khoảng đêm mưa gió ào ào, hơi thở ngon lành kia lại gợi lên trong lòng Bính ngùn ngụt sự thèm thuồng khao khát một cuộc đời trong sạch êm đềm dù nghèo nàn.

Nhưng Bính đau tủi biết bao thấy rằng cái ước mong đó không thể nào có được, Bính chỉ có thể gặp cái đêm như đêm nay, một đêm trong cái đời nguy nan điêu đứng dừng bước trong một gia đình ấm cúng nào đấy, để mà tiếc, mà khát khao và xót xa thôi.

XI

Tám Bính về Nam Định thuê một gian nhà gần bến Tân Đệ được nửa tháng nay.

Sáng nay Bính lại dậy thật sớm ra cửa ngong ngóng Năm. Đã hai chuyến tàu rồi, mỗi chuyến ba ngày, mà Năm vẫn chưa về.

Ngoài đường, đàn sẻ líu tíu càng làm cho Bính bồn chồn nóng ruột. Trước mắt Bính nắng vàng rực rỡ phấp phới trông ủ dột như những tia sáng hấp hối của chiều tàn vậy.

Ăn cơm xong, Bính lại chờ...

Rồi chiều... rồi tối...

Lúc ấy tàu Nam Hải nhân con nước lên lần ra khỏi bãi, kéo một hồi còi dài đoạn mở thêm tốc lực máy chạy.

Hành khách nhao nhao lên vì mừng rỡ. Một phần đông người về Nam Định xem hội Phủ Giầy thấy tàu xô phải bãi đã tưởng đến nhỡ mất. Năm Sài Gòn cũng mừng lắm, trước hết vì Năm mới thoát khỏi tay một người mật thám tốn công phu dò hỏi, lùng bắt Năm ở ngoài Hải Phòng, sau vì một món hàng vừa lọt vào mắt Năm.

Ngồi gần đấy, đằng cuối boong một người đàn bà đứng tuổi ăn vận không sang trọng lắm, nhưng đứa bé ngồi trong lòng thì dễ thương quá. Chiếc khánh vàng lủng lẳng dưới chiếc vòng cổ bằng vàng, những vòng chân vòng tay của nó toàn bằng vàng làm Năm hoa cả mắt. Các thứ ấy sẽ cho Năm bao nhiêu sự tiêu pha sung sướng. Bán bọc đồ vàng sẽ lấy được kia Năm đến sòng xóc đĩa đánh *gấp thiếc* mà trúng luôn mười "tay", lúc đó trên thế gian này chắc vua chơi cũng kém Năm.

Nhưng người đàn bà ấy cẩn thận lắm. Năm Sài Gòn cố làm ra vẻ tự nhiên hiền từ, song không thể nào gần được đứa bé. Năm đã phải giật mình vì câu nói: "*Để hở thế này thì chó nó đớp mất còn gì!*" Khi người đàn bà đó cầm chân thằng bé kéo ra, kéo vào, vừa cười ròn rã.

Chắc đứa bé được nâng niu, tẩm bổ cực kỳ sung sướng nên nước da nó mới trắng hồng, chân tay mới bụ bẫm đến như thế. Đem ví với trứng gà hay với bột nặn thì trứng gà và bột nặn cũng còn kém. Thảo nào nó chừng lên năm lên sáu rồi, đang tuổi chạy nhảy, nhưng người đàn bà cứ quấn quít lấy nó, chẳng rời nó một giây.

Tàu chạy quá Suôi, Hới đã lâu, thấm thoắt đến gần Tân Đệ thì chiếc kim đồng hồ trong buồng máy chỉ đúng mười giờ.

Mười giờ... cảnh vật trên sông càng tối mịt mù.

Bỗng người đàn bà bế con xuống boong dưới, lò dò ra cửa tàu, ngần ngại trông về Nam Định sáng tỏa một vùng trời, lẩm bẩm nói một mình: "Lâu quá trời đất ạ"!

Năm Sài Gòn nhẹ như cái bóng nối gót luôn. Người đàn bà vừa quay mình lại, chưa kịp nhìn Năm, Năm đã thúc mạnh cùi tay vào mạng mỡ người ấy.

Một tiếng kêu rú lên. Năm Sài Gòn đạp thêm người ấy cái nữa, giằng lấy đứa bé xong lao mình xuống sông. Người đàn bà kêu thất thanh. Hành khách xô lại. Họ ngơ ngác trông hút theo khoảng sông rộng mờ mịt hai bóng người nhấp nhô trên đợt sóng mỗi lúc một xa, rồi biến mất.

Người đàn bà kêu khóc thảm thiết, vật vã mình mẩy. Mọi người đều bàn tán ầm ỹ cả tàu. Riêng có một người vận âu phục đứng cạnh mẹ đứa bé độ vài sải tay là không nói nửa nhời. Y tựa lưng cạnh sườn tàu, cau mày lẳng lặng.

Trước còn một hình ảnh mờ mờ hiện trong trí tưởng y sau cả một thân thể béo lùn với khuôn mặt sắt siu rám nắng chằng chịt những vết sẹo dao chém hiện ra rõ trước mắt y.

Y mín môi, nắm chặt bàn tay phải đấm mạnh vào lòng bàn tay trái, dằn tiếng nói một mình

– Lại... i... i Năm Sài Gòn!...

Bấy giờ Năm Sài Gòn mải miết bơi, nên không thể nào kịp tháo các vòng chân vòng tay đứa bé. Năm đã phải nghiến răng cố dứt cái vòng cổ để về giấu trước đi một chỗ, nhưng ngón tay chuối mắn của Năm vừa ấn mạnh xuống cổ thằng bé thì nó càng giẫy đạp khiến Năm suýt phải buông nó ra mất.

Mấy phen Năm và nó chìm nghỉm rồi lại nhô lên. Năm thở không ra hơi, cánh tay phải mỏi rã rời, thân thể bắt đầu nặng trĩu. Đã thế gió mạnh ở đâu bỗng nổi lên, thổi bạt Năm ra tận giữa sông. Giá là món hàng thường thì Năm đến bỏ đi để qua cơn cheo leo vật lộn với sông nước này.

Đứa bé ngạt hơi không giẫy đạp nữa và không biết gì nữa. Năm Sài Gòn gạt những tóc rủ xuống mặt rồi hết sức bơi... Một lúc sau Năm nhoai được vào bờ liền vội xốc đứa bé lên vai, cắm đầu chạy. Nhà Năm còn cách đấy một quãng ngắn thôi. Thoáng chốc, Năm đẩy cửa bước vào, Bính đương nằm, ngồi nhỏm dậy:

– Kìa mình!

Năm Sài Gòn đặt đứa bé xuống giường xong ôm ngực ngồi thở, quần áo ướt như chuột lột. Tám Bính biến sắc mặt hỏi Năm:

– Mình làm sao thế! Đứa bé nào đây?

Năm lập cập nói:

– "Hàng" đấy! Mình.

Tám Bính nhìn đứa bé, tròng mắt như muốn bật ra vì thấy có một cái gì khác lạ quá. Còn Năm kéo khăn lau qua mặt xong Năm chạy lại sờ ngực nó, Bính toan hỏi, Năm đã kêu lên:

– Mà mình ơi! Nó chết rồi này!

Tám Bính vặn to đèn soi mặt nó: gương mặt nó xám nhợt! Bính nhẹ vuốt má nó, da thịt nó giá ngắt. Bính gạt mớ tóc hung hung đẫm nước của nó lên thì Bính càng rởn người. Nổi bật dưới ánh đèn, một vệt chàm dài hình con thạch thùng kéo từ trán đến mang tai bên phải đứa bé, và một cái lẹm nhỏ trên mắt cũng bên phải đập mạnh vào mắt Bính. Bính choáng váng, cố hết sức tĩnh trí thêm nữa. Bính run run, đưa tay đặt nhẹ lên ngực đứa bé. Bính không thấy trống

ngực nó đập nữa! Bính hoảng hốt ghé áp tai vào mỏ ác nó, Bính thấy nó chỉ còn là cái xác chết lạnh như đồng...

Bính tái mét mặt lại, đầu gối quy dần dần, đưa cặp mắt xám ngắt nhìn Năm, nghẹn ngào:

– Thôi anh giết chết con tôi rồi!...

Cánh cửa bỗng mở toang. Hai người đội xếp Ta chạy vào, bước theo hai người mật thám: một người ban nãy bắt hụt Năm trên tàu và một người béo trắng vận quần áo dài, còn thêm một cẩm Tây nữa.

Năm Sài Gòn giật mình, chực chạy trốn. Nhưng cả nhà có mỗi một lối ra thì bị viên cẩm đứng chắn với khẩu súng lục lăm lăm bấm cò. Năm choáng đầu lên, định rút dao để đâm, nhưng nhanh hơn, hai người đội xếp đã nhảy xô lại ôm ghì lấy Năm.

Người mật thám béo trắng vận quần áo dài cũng xô đến lôi Tám Bính dậy, đập mạnh tay Bính vào cái vòng sắt và trừng nhìn Bính, nghiến răng nói:

– Gớm thật!... Con này gớm thật.

Bính cúi đầu run rẩy. Người ấy lại dằn tiếng:

– Chuyến này rồi tao được xem đời mày... Và mày được biết tao!...

Chính là người mật thám lấy Bính làm lẽ, cách đây ba năm đã đưa ngót trăm đồng để Bính nộp phạt cho bố mẹ. Tuy đã ba năm, nhưng Bính vẫn còn nhớ rõ... Bính nhớ rõ và càng nhớ rõ bao nhiêu, trí tưởng Bính càng như rỉ máu ra bấy nhiêu. Rùng mình, Bính quay mặt nhanh về phía đứa con. Mắt Bính hoa lên, Bính giật phắt cái xích sắt trong tay người chồng mật thám, rồi chạy đến ôm chầm lấy đứa bé, khóc nức nở.

Năm Sài Gòn bỡ ngỡ không hiểu ra sao. Người mật thám nọ xô ngay lại, lôi Bính dậy, quấn nốt hai tay Bính thêm mấy vòng xích sắt nữa, đoạn kéo ra cửa.

Tám Bính tê mê như người mất hồn, lờ đờ ngoái cổ nhìn với đứa con béo tốt nằm rũ trên chiếu.

Thoáng phút giây Bính thấy hết cả mọi sự tuyệt vọng tối tăm từ nay trở đi không lúc nào không xâu xé tâm can Bính, và Bính sẽ sống một đời khốn nạn dài vô cùng tận.

Tám Bính đưa mắt ướt đầm đìa trông Năm lắc đầu:

– Thế là hết!

Xóm Cấm Hải Phòng
1935 – 1936

SÔNG MÁU

(Truyện ngắn)

Chị Năng đặt con xuống giường, đứng dậy mở cửa liếp. Người đàn bà bước vào trước đã nhanh miệng vồn vã chào. Người đàn ông theo sau còn bận tháo cúc áo tơi và xoay tròn cái ô để giũ những giọt nước mưa.

Ngọn đèn hoa kỳ vặn to lên. Hai người khách đã ngồi xuống một cái ghế dài sau lưng có cái khay con đựng hai chén chè tươi bốc khói ở giữa một án thư cũ kỹ.

Người đàn ông băn khăn nhìn thẳng vào mặt vợ giục giã. Người đàn bà hiểu ý khẽ đáp:

– Thì mình hãy gượm một chút nào, để người ta còn quấn xong cho con người ta cái tã chứ.

Khi lau chùi cho thằng bé sạch sẽ xong, chị Cu Năng đến trước mặt hai người khách xoa tay nói:

– Ông, bà xơi nước kẻo nguội.

Chiều ý chị Cu, người đàn bà uống cạn chén nước chè, rồi bắt vào chuyện ngay:

– Chị Cu, chị "đi" cho vợ chồng tôi nhé? "Đi" ngay bây giờ.

Chị Năng đưa mắt nhìn vẻ mặt chăm chú của hai vợ chồng nhà này trong khi chờ mình trả lời. Chị nhích đến gần hơn một chút, khẽ hỏi:

– Có nhiều hàng không?

– Sáu bồ thôi, toàn đồ sứ Tầu và bát đĩa Móng Cái.

Chị giật mình:

– Cũng bằng lần trước!

– Phải, bằng lần trước, nhưng chị đừng sợ.

Người đàn ông xen lời:

– Không may cho chúng tôi và anh chị nên mới sinh ra như thế, chứ chả nhẽ chỉ vì một chút mà anh ấy chết. Vậy, chị đi cho chúng tôi đêm nay, đầu xuôi đuôi lọt, chúng tôi chẳng để chị thiệt nào.

Chị Năng đã lại cảm động, rơm rớm nước mắt:

– Vâng, tôi cũng biết chỉ vì sự không may!

Đến đây, chị ngừng lại, quay nhìn bốn đứa bé quần áo rách rưới nằm ngổn ngang trên phản gỗ thấp lè tè kê dưới một cái khám thờ. Trong khám tối om, lấp lánh ba nén nhang lạnh lẽo và một ngọn đèn hoa kỳ vặn nhỏ bằng hạt đỗ xanh. Cảnh tiều tụy thê thảm đó làm dội lên trong lòng chị tất cả những cảm giác đau đớn, chua xót. Chị sụt sịt chùi mũi và nước mắt.

Giá không có hai người khách này, chị lại ôm lấy thằng con út mà khóc rồi. Chị khóc hàng mấy giờ cũng được, vì lâu chừng nào càng như nhẹ lòng chừng nấy.

Người đàn bà đã hơi sốt ruột. Y phải đứng dậy kéo chị Năng ngồi xuống ghế, vuốt mái tóc chị đẫm nước lên:

– Thôi chị ạ, khóc thế cũng đủ rồi. Và có "đi" cho tôi thì nhận lời ngay đi kẻo nhỡ việc tôi mất!

Chị Năng cúi đầu suy nghĩ. Người đàn ông bực dọc. Hắn xẵng tiếng:

– Còn phải đắn đo gì nữa. Bằng ấy hàng từ Quảng Yên về đây, vừa đi vừa về chỉ một đêm, mà đêm nay lại mưa to gió lớn và tối trời, thật là tiện lợi đủ đàng.

Chờ chàng nói xong, người đàn bà ngọt ngào dỗ chị Năng:

– Xưa nay anh chị vẫn thường đi cho chúng tôi; chúng tôi khá, anh chị cũng được mát mặt. Thôi, chị nhận lời đi.

Chị Năng xiêu xiêu lòng và chắc dạ vì thấy trời tối, mưa to và gió lớn.

Một cái đò nhỏ mở rộng cánh buồm đón lấy sức gió mạnh vượt chiều nước mà đi thì còn gì nhanh chóng hơn? Và, trong làn mưa dày giữa khoảng sông rộng tối mờ, ai còn để ý tới chiếc đò ấy, thế nào họ chả nhầm với đò chở khách ở Uông Bí về?

Hơn nữa, chị tưởng tới khi cầm nắm bạc giấy về nhà, gọi hàng mấy chủ nợ ghê gớm, đanh đá đến mà trang trải cho thoát khỏi sự nhục nhã bị họ réo rắt, đào bới xới rễ.

– Vâng, thì tôi "đi" cho ông bà. Nhưng nhận hàng ở đâu?

– Bãi Vạn Xú.

– Vạn Xú hay Phạm Xú?

– Vạn Xú gần đèn đỏ số mười ấy mà.

– Tôi biết rồi.

Hai vợ chồng người nọ trở ra. Chị Năng chít lại khăn vuông, mặc thêm cái áo dài nâu. Chị đến phản gỗ, trườn người, vỗ lưng một đứa con trai.

– Cu Năng! Dậy, dậy ngay, mẹ bảo.

Thằng bé ngái ngủ càu nhàu:

– Làm gì mà gọi nhắng lên thế?

– Kìa dậy, dậy đi mẹ bảo.

Nó vẫn còn lải nhải gắt gỏng. Chị Năng phải bước qua ba đứa kia, dựng đứng thằng Năng lên. Đến bây giờ nó mới giụi mắt. Chị kéo nó xuống đất.

– Cu, con đừng ngủ nữa, thức trông em cho mẹ.

Thằng bé ngơ ngác:

– Thế mẹ đi đâu?

Chị, giọng ngần ngại:

– "Đi" hàng chứ còn đi đâu.

Nó trợn mắt:

– Mẹ lại đi hàng, lại đi cho vợ chồng Tiến Lợi?

– Ừ mà, thế con thức trông em cho mẹ nhé.

– Nhưng nhỡ nó lên cơn sốt thì sao?

– Không, em nó khỏi hẳn rồi, từ hôm qua kia.

– Nhưng nó khát sữa!

– Đã có bột đây, con chỉ việc quấy lỏng và cho thêm ít đường tây mẹ đã gói sẵn để trên án thư.

– Nhưng...

Thằng bé buông xong tiếng "nhưng" thì níu luôn vạt áo mẹ run run nói tiếp:

– ... Con sợ lắm!

– Quái con! Chỉ vẽ thôi! Sợ gì nào? Thôi, trèo lên giường đi để cho người ta còn đi chứ.

Nó vẫn giữ riệt lấy tà áo, và giọng nó càng thảm thiết:

– Không, mẹ đừng đi, con sợ lắm. Nhà vắng mẹ thế nào thầy cũng lại về.

Vừa nói, nó vừa nhớn nhác trông chung quanh. Hình như nó đương thấy chờn vờn trong bóng tối một thân hình nhẹ nhõm trong cái áo trắng chùng chấm gót, rộng thênh thang, lơ lửng trên mặt đất.

Thằng cu Năng xanh mắt lại, hết sức túm riệt lấy áo mẹ, giạng hai chân, ngửa đầu ra đằng sau, khóc nức nở:

– Không! Nghe tiếng mèo kêu, thầy sẽ về! Con sợ lắm!

Giọng thằng Cu đầy nước mắt, thê thảm quá! Chị lạnh cả người. Chị cảm thấy chỉ đứng gắng thêm với con vài phút nữa, chị sẽ chẳng còn đủ can đảm rời bỏ nó ra khỏi gian nhà lúp xúp này.

Chị phải mím môi lại, giơ tay phát mạnh vào lưng nó:

– Thì đây, đừng vòi tao nữa, cầm lấy buộc trinh "Bảo Đại" này để sáng mai dậy sớm mà đánh đáo. Chịu khó ngồi chờ chị Tâm tan tầm máy tơ về thì gọi chị ấy sang ngủ với.

Dứt lời, chị chạy hối ra ngoài, đóng sập cửa lại...

... Cánh buồm mở rộng ra, hơi nhích về bên trái, đón sức gió đưa đò chạy băng băng trên dòng nước chảy xuôi. Qua lớp mưa và làn sương dày đặc, cái đò ấy chỉ còn là một vệt mờ, thoáng hiện rồi thoáng mất.

Bây giờ, đã phải khoác một cái áo tơi bằng lá đụp một lần cói chiếu và vài bao gạo mà chị Năng vẫn rét run không được. Chị khép chặt đùi lại, hai bàn chân kẹp lấy núm gỗ đầu bánh lái, còn một tay chị vừa ủ vào ngực vừa giữ dây buồm.

Không đầy nửa giờ, quay đầu nhìn lại, chị không còn thấy ánh sáng đèn thành phố Hải Phòng tỏa lên nữa. Trước mắt chị, dòng sông càng xanh thẳm dưới trời đêm.

Gió vẫn gào thét... sóng càng ầm ầm xô đẩy vào bờ... tiếng sét luôn luôn rung động sông núi sau những làn chớp nhoáng vụt xé mấy từng mây.

Đâu đâu cũng náo động! Đâu đâu cũng mịt mùng! Đâu đâu cũng lăm le những cái khủng khiếp gieo tai vạ cho tất cả nhân loại chen chúc nhau để kiếm sống. Tạo vật đã phô bày tất cả những sức mạnh hằn học, giận dữ vô lương trong khoảng đêm đông tối tăm này.

Quá làng Vạn Thủy được một quãng, chị Năng bắt đầu thấy sợ.

Cái đò mảnh dẻ của chị trên lớp sóng cuồn cuộn trắng xóa chồm lên chồm xuống, thi chạy với hết luồng gió này đến luồng gió khác. Chị phải hết sức giữ chặt bánh lái. Vì hễ để nhích quá về bên trái

hay bên phải vài gang tay thì đò sẽ đâm ngang dòng nước. Cánh buồm không kịp xoay chiều, tức khắc vặn mình đi.

Rắc! Đương thuận chiều, gió bỗng trái ngược thì dù khỏe chừng nào cột buồm cũng gãy. Thế là hết! Hết mong đò điều khiển theo ý muốn của mình.

Những mảnh gỗ khéo chắp nối bưng bít ấy như con thú dữ ốm yếu bỗng vụt sổng chuồng, chỉ đủ lực vùng vẫy trong giây phút rồi lại đến ép mình theo sóng gió. Đò sẽ tan tành và... chìm đắm.

Chị vuốt nước mưa hắt đầy mặt. Chị thở dốc luôn mấy cái. Hai khóe mắt chị đã hơi rớm lệ. Chị buồn rầu và đau đớn nhớ đến một sức ủng hộ, thúc giục chị đấu tranh trong bao nhiêu phen bão táp trên sông biển: Anh Năng.

Anh Năng!... Một thân thể cao lớn, vạm vỡ, đầu húi kiểu móng lừa, lộ một vầng trán rộng và cao, đầy vẻ ngang tàng. Hai mắt anh xếch, lúc nào cũng lấp lánh những tia sáng chói lọi như của mặt trời buổi Bình minh mùa hạ. Cằm anh rộng và vuông, nhẵn nhụi hơi nhếch về phía trước, tiêu biểu cho cái tính xô bồ nhưng chân thật và liều lĩnh. Cánh tay anh đầy những bắp thịt cứng như sắt. Lồng ngực anh thây lẩy hai cái vú nẫn thịt, và, hai bắp đùi anh phía dưới thon thon, phía trên mở rộng trông giống như bộ đùi của con ngựa thi sung sức.

Anh Năng! Một tâm hồn cương quyết rèn đúc thuần bởi những nhát búa chắc chắn của đau khổ và lầm than, một tâm hồn hồn nhiên, trong sáng giữa đời sống tranh cướp này.

Nhưng anh Năng đã chết rồi!

Và chẳng còn nữa cái sức ủng hộ, thúc giục chị Năng trên con đò cũ kỹ mảnh dẻ chiến đấu với bao nhiêu đêm bão táp, bao nhiêu bận gian nan khi đi hàng lậu thuế?

Trong một đêm cuối mùa thu, một đêm cũng tối tăm như đêm nay, đời sống của anh Năng đã đoạn tuyệt.

Cách đây hơn ba tháng, nhưng dù mấy mươi năm sau, hay cho đến ngày trọn đời, hình ảnh cái đêm thê thảm chứng kiến cái chết thê thảm của người chồng ấy mờ nhạt sao được trong trí nhớ chị.

Trên cái đò cũng cũ kỹ, anh Năng mắt sáng ngời quắc lên nhìn một chấm đen vùn vụt đuổi theo đò mình. Anh không hề nao núng, đứng thẳng người lên, tay trái vòng ôm lấy cột buồm, tay phải kéo giữ dây buồm.

– Mẹ Cu kìa, sà lúp của Đoan đuổi đến nơi rồi.

Chị Năng ở trong khoang chui ra. Gió mạnh hắt từng lớp mưa vào mặt chị; da mặt chị càng xám ngắt hơn, giọng run run:

– Tính sao bây giờ mình?

Anh Cu cất tiếng cười:

– Mẹ nó sợ đến thế cơ à?

– Chứ sao! Nhiều lần thoát rồi, lần này tóm được thì mình rũ tù.

Anh Cu vuốt ngược mái tóc cứng, ngắn lên luôn mấy lần, làm những giọt nước đọng bay xuống mặt vù vù, anh vẫn giữ giọng cười ngạo mạn:

– Mẹ nó nói lạ! Đi với tôi bốn, năm năm nay thế mà chẳng biết tý gì. Mẹ nó tính xem bao nhiêu lần bị đoan đuổi bắt rồi? Thế có lần nào bị tù không?

Một làn chớp vụt sáng lên, trong cảnh vật đen tối thoáng hiện một gương mặt rắn rỏi đanh thép và, thoáng phút giây, chị đứng dậy nhìn chồng bằng một cặp mắt sợ hãi, lấp lánh:

– Nhưng lần này tôi e ngại...

–?...?...!...

– Sóng gió to lắm!

Anh Năng hất hàm cười, nhưng, giọng nghiêm nghị khác thường:

– Mình trẻ con!

Câu trách cương quyết khiến chị đờ người ra. Chị không hiểu bỗng nhiên sao chị lại thốt lên những câu hỏi trên kia làm ngăn trở cả lòng hăng hái của chồng! Hình như tâm linh chị đã báo trước cho chị biết rõ một sự gì, một sự nguy hiểm khôn lường.

Nhìn những tảng mây đen kịt rầm rộ chen chúc nhau, xô đẩy nhau trên vòm trời thỉnh thoảng lòa chớp sáng... nhìn dòng sông xanh biếc cuồng nộ tung lên những lớp sóng trắng xóa... và thấy gió mạnh gào thét như muốn cuốn đi mọi vật để dìm xuống đáy nước, chị Năng rợn cả người.

Cái chấm đen đã hiện rõ rệt! Rõ rệt chiếc sà lúp nhỏ đang rẽ sóng vùn vụt theo đò.

Trong người chị càng nóng ran lên, trái tim chị đập mạnh. Chị không muốn trốn, mà để chồng trốn, cứ lỳ ở trên đò này dù bị lính

Đoan khóa tay rồi bị tù giam cũng cam tâm. Vì... lạ quá! Chị cảm thấy lần này có trốn cũng không sao thoát, mà có lẽ... Trời ơi! Ghê gớm quá! Có lẽ một trong hai người sẽ chết!

Dòng sông chảy xiết, sóng trắng xóa bổ vây cả mặt nước réo vang trời, gió luôn thay chiều, sức đâu mà ngoi lặn trong mấy mươi phút rồi mới bơi vào bờ.

– Thôi mình ạ, tôi e ngại.

Đến tiếng "ngại", chị ngừng và ngẩng đầu sợ hãi nhìn gương mặt anh Cu càng đanh thép dưới vầng trán bóng nước ngang tàng. Anh Cu vẫn điềm nhiên như không:

– Mình lạ quá! Còn đợi đến bao giờ mới trốn đi?

Nói đoạn, anh kéo giật vợ lại, lột áo dài ra. Chị Cu dùng dằng chực gỡ tay chồng. Anh Cu liền quắc mắt lên, chiếu vào mắt vợ:

– Mẹ Cu phải nghe tôi! Cuộn áo lại! Trốn đi! Mau!

Cực quá, chị Năng rơm rớm nước mắt, và khóc nức lên:

– Chết mất!

Anh Năng cười gằn:

– Mình sợ chết à?

Chị lắc một cái, vòng khăn buột ra, tóc bay lả tả:

– Không, tôi sợ cho mình.

– Này sợ cho mình.

Dứt lời, anh Cu ẩy luôn vợ xuống sông.

Đò vẫn vùn vụt theo chiều gió, đi nhẹ như mũi tên. Cái sà lúp mở hết tốc lực, đuổi đã gần đến.

Cách nhau chừng cây số nữa... Anh Năng đã vững dạ... Rồi... Chỉ còn non một cây số nữa... Anh lái đò chuyên môn chở hàng lậu thuế càng mừng hơn: anh đã chắc chắn rằng tụi lính Đoan chỉ để ý đến đò của anh mà không ngờ tới một người, một người đàn bà trong đó đã thoát lên bờ ngay chỗ thuyền máy họ đã vượt qua.

Bao nhiêu phen như thế rồi! Anh Cu Năng cười ha hả.

– Nhưng kìa! Cũng trốn đi chứ, trốn đi chứ còn đợi đến bao giờ hở anh Cu?

Anh chàng ngược ngạo nọ vẫn cười ha hả. Anh đợi cho sà lúp đến gần hơn một tý nữa để cho vợ đủ thời giờ lẩn vào con đường

nào bên bờ đó rồi anh mới trốn. Dòng sông này, với sức cuồng nộ này có thấm thía gì. Anh quả quyết tin ở sức mạnh của hai cánh tay, hai bắp chân và ở cái tài vô địch bơi lặn của anh có thể ngoi dưới nước hàng giờ.

Nhanh như cắt, anh lộn vào trong khoang, xách một gói nặng những chén, bát, đĩa quý giá đã buộc sẵn. Lần nào chở hàng lậu, anh cũng sắp trước như thế: lọt qua được Sáu Kho thì những đồ đạc kia vẫn thuộc về chủ nó, cầm bằng bị đoan đuổi bắt thì là cái của đền thêm vào cái công vợ chồng anh trốn tránh.

Ngoắt nhìn thuyền mấy lần nữa, anh Năng nhẹ nhàng văng mình xuống sông.

Tờ mờ sáng mai, chị Năng đã về đến nhà. Chị nóng lòng trông mong chồng. Bảy giờ, tám giờ, chín giờ..., mười giờ trưa rồi mà anh cũng chưa về. Rồi, tối hôm ấy, sáng hôm sau, hôm sau nữa anh vẫn biệt tăm.

Chiều hôm thứ tư, chị Năng đương ẵm con ra cửa mớm cơm cho nó thì có hai người bạn chồng về báo tin: "Anh Năng chết rồi!"

*

* *

Gió càng nổi cơn thịnh nộ, gào thét vang lừng giúp sức cho không biết bao nhiêu lớp sóng trắng xóa tung vào mạn đò. Chị Năng hoảng sợ. Và, chị hoảng sợ khi thấy từ trong một quãng tối đâu đây dần dần rõ rệt hiện ra trước mặt chị một hình thù to lớn, trần truồng nằm trong bãi sú, mắt trắng dã mở trừng trừng, chân phải gập lại co gần sát bụng, tay phải ôm chặt bộ quần áo cánh và một bọc ấm, chén, bát, đĩa quý giá.

Chị Năng đau đớn, chua xót và kinh hãi, chị gục mặt vào lòng nức nở:

– Luyện! Anh Luyện ơi!

Lại từng thác nước mưa đổ xuống, lại những chớp sáng vụt xé các mảng trời nặng nề, lại những tiếng sét lay chuyển vũ trụ, lại những luồng gió kêu gào thê thảm.

Bỗng chị Năng vùng đứng dậy, xanh mắt nhìn lên. Qua màng lệ mỏng, chị thấy dòng sông chảy băng băng đương từ màu xanh biếc biến

sang màu đỏ lờ đờ, màu máu của bao nhiêu kẻ thiệt mệnh mà trừ anh Cu, còn hết thảy có lẽ muôn muôn năm bị quên hẳn trong đáy nước.

Chị lại rợn cả người, và, bên tai chị rõ ràng có tiếng anh Năng thì thầm:

– Phải về thôi! Bỏ hẳn nghề này thôi!

Rắc một cái, cánh buồm xoay hẳn chiều, bánh lái lệch hẳn về một bên, mũi thuyền quay lại từ từ...

Tiểu thuyết thứ bảy,

số 180, ngày 6 – 11 – 1937.

ĐÂY BÓNG TỐI

(Truyện ngắn)

Hình ảnh Mũn mãi in sâu trong trí nhớ Nhân, vào các thớ trái tim Nhân, và như đã biến với chất máu lỏng lưu thông khắp thân thể Nhân để giữ lấy chút tàn lực của phần xác suy nhược, chút khí ấm áp còn thoi thóp của linh hồn dạn dày.

Vì, nếu số kiếp Nhân chỉ có thể cho đến ngày trọn đời như số kiếp một con ngựa già, vươn cổ, xoải chân, bụng đói lép kẹp hóp lại, đem hết sức bình sinh kéo từng đoàn xe chồng chất những cái nặng nề ghê gớm của thiếu thốn, đói rét, đau ốm và khổ ải trên một con đường..., hãy trông kìa... con đường quanh co, cát bụi lầm than.

Mũn là một người đàn bà, một người bạn chịu mọi sự cùng khổ đau đớn với Nhân trong mười ba năm, phải đúng mười ba năm ở những nơi nhớp nháp, kinh tởm riêng biệt cho những người cùng khổ.

Hơn Nhân, Mũn còn chịu đựng nhiều sự ức hiếp bất công của xã hội để kiếm miếng ăn và Mũn vẫn vui vẻ, vẫn không hề cất một tiếng than vãn. Những kẻ yếu đuối, sẵn có một lòng thương và yêu rất giản dị, rất chân thật nhưng thấm thía và bền vững vô cùng.

Nhân vẫn nhớ kỹ, một buổi chiều đã lâu lắm rồi, dạo Nhân còn để nước mũi xanh luôn luôn thò lò xuống tận miệng, chạy ra phố mua thức ăn.

Mua xong, gần đến nhà, thì trời ơi..., cái quần xắn móng lợn của Nhân tụt. Một tay cầm bát tương đầy, một tay bát dưa cao có ngọn, Nhân lúng túng không biết đặt xuống đường để xắn quần lại. Nhân cứ đứng nguyên thế, mặt đỏ bừng nhớn nhác trông mọi người.

Mà mọi người từ ông già cho tới bà lão, đến người lớn trẻ con đều ôm bụng nhìn cái mảnh vải đen đủi cáu ghét đụp hàng trăm miếng làm thành một đống lù lù che kín cả hai bàn chân Nhân mà há hốc miệng cười. Họ cười thỏa thuê! Họ cười vui sướng! Tiếng cười giòn giã như không bao giờ ngớt, lấp cả tiếng nghẹn ngào bé nhỏ từ ngực đưa lên họng Nhân.

Một phút, hai phút, năm phút rồi mà cả đám người ấy vẫn cứ cười, và, Nhân vẫn hai tay hai bát thức ăn, nhớn nhác trông vừa rung rung bộ

đùi ghẻ kềnh càng, lốm đốm dưới lớp phẩm xanh cho ruồi khỏi bâu.

Sau cùng, Nhân thấy lạnh ở hai khóe mắt. Bất giác Nhân cúi mặt xuống: hai giọt lệ đều đặn lặng lẽ rỏ trên mặt đường trắng bụi.

Thì một thân hình cũng đen đủi gầy còm; cũng chỉ một manh quần rách rưới như là manh quần Nhân che đậy đến bên Nhân. Con bé ấy run bần bật, lấm lét trông mọi người như sợ bị đánh đập ngăn cản. Nó kéo vội quần Nhân lên, và không có thắt lưng, nó chẳng biết xắn cạp thế nào, đành hai tay giữ hai bên cạp. Rồi cũng như Nhân, nó đờ người ra nhìn.

Trước hai gương mặt đỏ bừng và cặp mắt ngây thơ dại dột, đám người già trẻ lớn bé càng cười to. Tiếng cười dồn dập và nóng rát như một làn hơi nóng ở miệng lò than đỏ rực thổi qua mặt Nhân và con bé.

Nhân và con bé rùng mình.

Chợt đứa con gái bẩn thỉu se sẽ nói:

– Thôi, đi đi Nhân.

Nói đoạn, nó quay ra đằng sau giữ lấp cạp quần cho Nhân thong thả bước từng bước một. Cái cảnh ngộ nghĩnh này lại nhắc trong trí tưởng đám người nọ cảnh dẫn rượu trong các cuộc đình đám.

Thế rồi họ lại cười, ôm bụng cười, tiếng cười lan rộng theo Nhân đến mãi tận nhà.

*

* *

Hồi đó, Nhân đâu có thể hiểu rộng ra rằng con bé xanh xao xác xơ kia, bằng sự giúp đỡ đầy dẫy tình thương xót Nhân, đã cười lên tận cả mặt đám người mọi rợ nọ, Nhân chỉ cảm thấy rằng Mũn, đứa con gái ấy là tốt.

Vì thế, ngay hôm ấy Nhân chẳng còn dám bén mảng đến những chỗ trẻ con nhà giàu chơi bời bày cỗ bàn, đình chùa nữa. Nhân tìm Mũn, rủ Mũn về góc vườn nhà chơi riêng.

Chẳng một thức ăn gì Nhân không để dành cho Mũn. Thậm chí, những buổi ế chợ, thím Nhân phải đưa bún chả về nhà ăn trừ bữa thì Nhân tìm đủ mọi cách để giấu chả và bún đi. Một bữa, không thể bỏ túi được, không thể giả vờ ra ngoài được, Nhân đành lừa sáu bảy

miếng chả lại bát cuối cùng. Rồi đến lần và cuối cùng Nhân ấn đầy cả vào mồm, nhai vờ vờ, nói xin vô phép. Vừa ra khỏi cửa, Nhân ù té chạy đi tìm Mũn.

Mũn mồ côi cha mẹ, phải đi dắt thuê cho một bà lão ăn mày, chẳng bao giờ được miếng ăn ngon, nên khi chìa tay đón lấy những miếng thịt lẫn lộn cơm và nước dãi, thì Mũn ngây người ra nhìn Nhân có vẻ cảm động lắm.

Mũn không ăn một mình, bắt Nhân lại bụi cây gần đấy, xé tơi thịt ra đựng đầy bàn tay ép Nhân cùng ăn chung.

Dù đã ăn no phưỡn bụng ra rồi, Nhân vẫn còn thấy ngon miệng.

Nhân tiếc không có thể có thêm hàng nồi cơm nữa để cùng Mũn ăn. Và bây giờ, trong tâm trí ngây thơ của Nhân, như có một sự mong ước Mũn cứ mãi mãi là một người bạn không lúc nào rời bỏ Nhân để sau những lúc cơ cực nhục nhã, hai kẻ yếu đuối trơ trọi ấy lại yên lặng an ủi nhau bằng những bữa ăn ngon lành như thế.

*

* *

Nhưng sóng gió của cuộc đời đã đến chia rẽ hai đứa nhỏ. Mũn đi một ngả. Nhân đi một ngả. Hai con chim non giương hai đôi cánh chưa đủ lông chống đỡ những sức mạnh lôi cuốn không ngừng của bao nhiêu sự rủi ro bất trắc sao được?

Nhân bỏ Hà Đông ra Hà Nội. Trong tám năm lầm than lam lũ, tay làm chẳng đủ hàm nhai, Nhân sống một cuộc sống hết sức khổ sở vì cô độc, vì thiếu thốn quá. Cứ xem chỗ Nhân ở nay Bạch Mai, mai dốc Yên Phụ, ngày kia bãi Nhà Dầu, ít lâu nữa nhập với dân Bãi cát, thì đủ hiểu đời Nhân chẳng được phẳng lặng một chút nào. Lại còn bao phen, không có tiền thuê một chỗ nằm, Nhân đành phải ngả lưng vạ vật ở những bờ hè, xó cửa hay ở dưới gầm cầu, hay ở bãi bờ sông.

Những đêm đông rét mướt, những ngày dài mưa gió, gối đầu lên bọc quần áo rách mướp, Nhân hằng nhớ đến Mũn.

Rồi những lúc trông vầng trời nặng nề phủ kín mây đen, hay qua lớp mưa trắng xóa, chập chờn cảnh sông hồ, đồng ruộng, đường sá mịt mù xa thẳm, Nhân lại thấy lành lạnh trước ở ngực rồi dần dần lan khắp cả thân thể. Tim Nhân bây giờ như đập yếu đi. Nhân bùi ngùi

nghĩ ngay đến sự cùng khổ, đói rét, đau đớn, không bao giờ ngớt giày vò Nhân và những kẻ khác, những kẻ yếu đuối khác. Những kẻ đã ốm lả! Những kẻ khản cổ vì kêu gào. Những kẻ yên lặng chờ cái chết kéo đi.

Sao trong số những người đó lại không có Mũn? Mũn, tội nghiệp!... Người bạn gái gầy còm ốm yếu của Nhân.

May thay! Sự tình cờ dun dủi, một buổi sáng Nhân gặp Mũn ở ga Đầu Cầu Đuống. Nhân đờ người ra hồi lâu mới dám lên tiếng gọi, vì Mũn trông lạ hẳn đi.

Thân thể nàng trông mảnh dẻ, nhưng chắc chắn. Nước da ngăm ngăm đen nhưng gương mặt đầy đặn, phúc hậu. Nhất là chiếc quần nái mới, chiếc áo the mịn đổi vai, đôi vòng khuyên vàng lấp lánh dưới nếp khăn vuông đen mượt làm Nhân ngạc nhiên hơn.

Mũn phát đạt, sang trọng đến thế kia ư?

Nghĩ thế, Nhân mừng rỡ cho nàng và hơi tủi thẹn cho mình. Nhân cúi nhìn hai ống quần nâu lấm láp xắn lên tận háng dưới manh áo rách xoạc và cụt tay, Nhân còn đương phân vân chưa biết trò chuyện ra sao, Mũn đã ôn tồn hỏi:

– Anh Nhân! Em nom anh lạ quá.

Nhân cười thành thật:

– Chuyện! Tôi là phu phen khuân vác vất vả mà.

Nhìn sâu vào mắt Mũn, Nhân nói tiếp:

– Trông Mũn cũng khác trước nhiều!

Mũn đưa mắt lặng lẽ nhìn Nhân, chép miệng:

– Anh tính, tám năm rồi còn gì!

Nhân, giọng bỗng nhỏ đi:

– Những tám năm! Chóng quá?

Rồi cả hai cùng cúi mặt xuống. Chắc như Nhân, nàng đã nhớ lại cái thời kỳ còn thơ ấu. Nhân và nàng hồn nhiên nô đùa trong những vườn hoang, xó chợ, dưới mái hiên hay trong các cống khô cạn. Hương hoa thiên lý, sắc hoa dâm bụt, mùi vừng rang bùi đậm trộn cơm lẫn ngô khoai và mùi bún chả lướt qua mũi Nhân, lướt qua mắt Nhân cái hương sắc quen của thời thơ ngây đã êm đềm qua trong cảnh khốn cùng.

Một lần nữa, hai người lặng lẽ nhìn nhau, bốn mắt hình như ướt

át. Nhân bùi ngùi chực nắm lấy tay Mũn và tự nhiên trống ngực Nhân đập mạnh quá và thân thể bứt rứt lạ lùng.

– Mũn đã có chồng rồi?

Buột miệng thốt lên câu ấy, lòng Nhân càng náo nức hơn. Thì Mũn đã mỉm cười đáp:

– Phải, em đã có chồng.

Ngừng lại giây phút, Mũn khẽ đưa mắt nhìn nét mặt Nhân đen sạm bỗng đỏ bừng rồi xám ngắt. Nàng nói tiếp:

– Mà là người ở Hà Đông.

Nhân sửng sốt:

– Người Hà Đông? Ai đấy?

Mũn mỉm cười. Nàng ngập ngừng:

– Tên là...

Giọng run run Nhân hỏi:

– Mũn nói đi, đừng giấu tôi mà!

Tiếng còi xe hỏa thét lên. Chuyến tàu Bắc Ninh – Hà Nội mười một giờ đã về. Mũn ái ngại bảo Nhân:

– Chắc anh chưa ăn cơm, thì hẵng vào hàng cơm bên kia đường ăn với em một thể rồi em nói chuyện chồng con cho mà nghe.

Không để nàng nói nốt, Nhân ngắt lời:

– Mũn đã có con?

Mũn chỉ hơi gật đầu, rồi giục Nhân sang hàng cơm. Nàng đi trước, Nhân đi sau, hai cái bóng in song song trên mặt đường nhựa bốc hơi nóng gay gắt với hàng trăm cái bóng lúc nhúc khác của những phu phen thuyền thợ nhốn nháo ở các ngả dồn về.

*
* *

Thì ra Mũn chưa lấy ai, tuy năm ấy Mũn đã 23, 24 rồi. Nàng hơn Nhân gần ba tuổi. Mà chính Nhân mới là người xứng đáng là chồng Mũn, để cho Mũn trao xương gửi thịt suốt một đời.

Trong sáu năm, hai vợ chồng ấy sinh ba đứa con: hai trai, một gái. Nhân đi làm khuân vác ở bến tàu thủy, bến ô tô. Còn Mũn vẫn giữ cái

nghề nấu bánh bột lọc, bánh củ cải đội đi rong phố bán như khi cách biệt Nhân, lần hồi nơi người mẹ nuôi đã chết rồi ở Bắc Ninh.

Kể như Nhân thì tay làm chẳng đủ nuôi miệng, nhưng nhờ có Mũn cần kiệm buôn bán và tiêu pha dè sẻn từng đồng, nên gia đình không đến nỗi thiếu thốn quá. Trong cảnh nghèo nàn, hai người vui vẻ với cái hạnh phúc bé nhỏ nhưng quý báu của đời họ.

Tuy một đôi khi vợ chồng xích mích nhau hoặc vì kẻ chiều con quá, hoặc vì người trót nặng lời. Nhưng sự giận hờn lại thoảng qua, rồi đời họ lại như mặt hồ một khi gió tắt thì trở nên phẳng lặng dưới trời cao sáng.

Đàn con một ngày một lớn, sự ăn uống, may mặc càng tốn kém. Muốn kiếm thêm lãi, Mũn phải đi thêm buổi chợ nữa, và làm nhiều bánh hơn. Mọi khi Mũn làm hàng đến mười giờ tối thì nay Mũn phải thức quá nửa đêm.

Bao phen, nhất là về những đêm hè oi ả, tuy nồng nực bức bối, mà phố xá đã im lặng, vắng vẻ cả rồi, Nhân ẵm con ngủ, chợt thức giấc, vẫn còn nghe tiếng đũa cả siết rì rì trong chảo bánh và tiếng lửa reo vù vù, thì Nhân cực lòng quá! Nhân toan ngăn không cho Mũn đi bán hai chiều hàng, nhưng nghĩ đến mấy bận sinh nở vừa qua, Mũn đau yếu mà không có tiền dành dụm, phải lột chiếc quần nái, rồi chiếc áo the đổi vai, rồi tháo vòng khuyên, còn chiếc thắt lưng sồi se và chiếc áo cánh lụa cũng phải cởi ra nốt để bán lấy tiền uống thuốc và mua gạo, Nhân đành vuốt ngực rồi nằm xuống.

Nhân cũng muốn hết sức làm việc để vợ con no ấm nhưng không thể được thì biết làm sao?! Vả lại, Mũn vẫn thường ngọt ngào an ủi Nhân:

– Thôi mình ạ, cảnh ngộ eo hẹp bắt buộc phải thế, mình cũng đừng nên phiền muộn làm gì. Miễn tôi buôn bán vất vả nhưng chẳng phải như ai bị mẹ chồng hành hạ, mẹ chồng vùi dập, chị em chồng đay nghiến là được rồi. Nghèo túng ta lần hồi, tiện ai người nấy xoay xở.

Và, muốn cho Nhân vui lòng hơn, Mũn vẫy đàn con lại vừa vuốt lưng Nhân vừa dịu dàng nói:

– Mà mình trông ba đứa con nhỏ hay vòi vĩnh, hay quấy khóc kia kìa; chăm nom chúng nó thật bận bịu vô cùng thế mà mình lại còn phải trông coi cả cơm nước cho cả nhà thì sự vất vả nắng nôi của tôi đã thấm thía gì!

Mũn khéo nói quá khiến Nhân phì cười.

Cuối năm thứ tám, Mũn sinh một đứa con trai. Mũn chỉ nghỉ vài

ba ngày rồi lại phải làm bánh đi bán. Cùng một ngày đó, Nhân bắt đầu đau mắt.

Bệnh đau mắt lạ lùng quá! Không đầy năm hôm đã làm hai mắt Nhân đỏ ngầu, sưng mọng lên, không sao mở ra được.

Mũn phải mượn một người vú già để trông nom trẻ và cơm nước. Nhưng nào Mũn đã yên lòng, cứ cách một giờ lại tạt về nhà đắp thuốc, rỏ thuốc cho Nhân.

Hơn hai tháng, tốn không biết bao nhiêu tiền thuốc thang mà bệnh tình Nhân vẫn không thấy đỡ. Trong nhà có đồ vật gì đáng giá, Mũn cầm bán hết. Nàng chạy vay chỗ này, giật chỗ khác, nhận làm cả bánh cho vài hàng cơm sang trọng.

Sau cùng, không thể ở nhà được, Nhân phải xin vào điều trị tại nhà thương chữa mắt...

Thì một buổi chiều, Nhân chỉ có thể nhớ được là một buổi chiều, không rõ quang đãng hay u ám, tươi đẹp hay buồn rầu, Nhân mở được mắt ra...

Trời ơi! Nhân sướng quá! Nhân gọi ngay Mũn và đàn con lại, giương to mắt nhìn... Nhưng!... Nhưng!... Nhưng Nhân chỉ thấy trước mắt là một màng đen tối. Nhân ngờ vực, giụi mạnh mắt. Nhưng... vẫn cái màng đen kịt ấy bịt lấy mắt Nhân.

– Tôi mù rồi! Tôi mù rồi! Mình ơi!

Rồi không thể nén được chua xót, Nhân ôm ngực, ngã gục xuống giường, Nhân thiếp đi trong tiếng vợ con khóc như ri.

Sao lại có thể như thế được? Sao lại có thể khốn nạn đau đớn cho hai người ấy như thế được? Sao hai người ấy đã cùng khổ mà lại còn phải chịu đựng nhiều sự cay đắng làm vậy?

Sao chỉ trút lên đầu những kẻ hiền lành chịu khổ như vợ chồng Nhân những đọa đầy khổ ải? Mà sao cái hạnh phúc bé nhỏ như gây dựng trên từng vũng mồ hôi, vũng nước mắt của vợ chồng Nhân lại chóng bị phá tan đi?

Nhân mù rồi! Nhân mù rồi!

Nhưng từ ngày Nhân mù, gia đình Nhân không kém vẻ thuận hòa ấm cúng, mà còn vui vẻ êm đềm hơn. Mũn vẫn đi hai chiều bánh và nhận làm cho nhiều hàng cơm. Và, muốn làm cho chồng yên lòng, quên sự buồn bã, Mũn cho thằng bé lớn nhất đi học tới khi viết thông Quốc ngữ. Rồi Mũn sai nó đi các nhà mua bánh quen mượn

truyện và báo chí về đọc cho chồng nghe. Nàng không ăn cơm trưa ở chợ nữa, dù xa dù gần, nắng hay mưa, cứ đến tầm thợ thuyền về là nàng đã có mặt ở nhà, ăn uống với chồng con.

Mũn vui vẻ quá! Sau bữa cơm chiều nàng thôi bế ru con thì lại gọi các đứa lớn đến cả giường Nhân, bày đủ mọi trò cho chúng nô đùa.

Dần dần Nhân quên hẳn sự đau đớn đui mù. Lòng hy sinh của Mũn, sự thương mến của đàn con ríu rít đã làm mất hẳn những tư tưởng hắc ám thường thì thầm xúi giục Nhân tìm cách chết đi để Mũn nhẹ một gánh nặng trên vai. Không những thế, trong tình thương yêu ấy, Nhân còn cảm thấy đời vui vẻ, Nhân ham thích sống, sống để làm chồng một người đàn bà yếu đuối nhưng can đảm, để làm cha một bầy con lúc nào cũng nhởn nhơ vui cười.

Song, ít lâu sau, Nhân thấy vì sự yên vui trong gia đình mà Mũn phải chịu nhiều sự ức hiếp khổ sở quá. Nàng như là một tấm lá chắn đỡ lấy trăm nghìn mũi tên sắc nhọn để che chở cho chồng con được vẹn toàn.

Vì thỉnh thoảng Nhân nghe lỏm được những mẩu chuyện của Mũn và người vú già thì thầm trong những đêm khuya.

– Hôm nay nó lại dán nặng vé hay sao mà mợ ăn qua quýt vài hột cơm như thế?

– Mợ nhỉ, nó ức mợ thật, nấu thêm vài cân bánh chực trốn vé nó bắt được, nó tha phạt mợ nhưng lại lấy chỗ bánh ấy đi và "đào" thêm dăm xu nữa thì cũng quá tội!

– Thôi mợ ốm thế thì hẵng nghỉ nhà vài buổi, vay gạo hàng xóm, rồi bớt ăn trả dần cũng được mà.

– Hay mợ để con đội đi bán, chứ nó đuổi, xô xe đạp dập cả chân mợ, sướt cả mày mặt, mợ đi chợ sao được?

– Mà mợ ạ, nước chanh, nước đá, kem, sê cấu, kẹo, bánh nó tranh hết khách mợ thì mợ xoay hàng khác. Chứ thứ bánh bột lọc và củ cải này chỉ có thể bán cho những nhà giàu sành ăn thôi. Mà đã giàu, đã sành ăn, chắc chúng trả sát giá, không khéo mình lỗ vốn mất.

Nhưng từng ấy sự ức hiếp, vất vả cũng chưa đủ hành hạ Mũn. Giữa một buổi trưa mùa hè, một bọn người kéo đầy vào nhà Nhân báo tin: "Vợ Nhân chết".

Nhân giật nảy mình, mặt xám lại:

– Vợ tôi chết?!

Thì người ta cho biết duyên do:

– Tàu đã súp lê lần thứ ba, đã kéo neo, gần chạy rồi mà Mũn còn tranh nhau bán bánh. Người bán cao lâu ở tàu thấy thế bèn đẩy Mũn ra ngoài. Giữa lúc đó một bọn soát vé chợ đương hò hét gọi những người bán hàng khác. Mũn dùng dằng, không muốn lên bờ. Người bán hàng ở tàu cáu tiết, cầm cả mâm bánh liệng xuống phà. Mũn phải vội nhảy theo, trượt chân, nàng ngã nhào xuống sông. Nước chảy mạnh, người ta cố công tìm vớt mà chưa thấy xác.

Chỉ nghe đến đấy thì tai Nhân ù hẳn đi, đầu Nhân choáng váng, Nhân chẳng còn biết họ nói, họ làm những cái gì.

Mũn chết! Thế là hết! Đời cha con Nhân thế là hết chỗ nương tựa... hết cả mọi sự yên vui, mọi ánh sáng, mọi hơi sưởi ấm!

*
* *

Ngày nay, bố con Nhân không sao còn có gian nhà lá lụp xụp ở giữa bãi Nhà Dầu mà chui ra rúc vào nữa. Cái gia đình không sao còn cái ngày quây quần trên chiếc phản gỗ rộng mà vui cười bên tiếng quấy bột rì rì lẫn tiếng than củi nổ lép bép và tiếng nói nựng con ngộ nghĩnh của người đàn bà nữa.

Đồ đạc đã bị chủ bán cả rồi vì thiếu tiền nhà. Sự sum họp êm đềm đã tan tành hết vì Mũn chết, vì năm cha con kẻ khốn cùng này không sao kiếm đủ miếng ăn.

Những đêm đông rét mướt cũng như những đêm hè oi nồng, bố con Nhân chỉ có thể lê la nay xó chợ này, mai xó chợ khác, hết ở dưới những mái hiên trong các phố vắng vẻ thì lại nằm vạ vật ở gầm cầu, bãi cát, bờ sông.

Hai thằng con lớn của Nhân từ tờ mờ sáng đến quá nửa đêm, rạc cẳng xách hòm lạc rang đi bán rong phố. Còn Nhân, Nhân dắt hai đứa nhỏ cũng đi rong phố, nhưng... ăn mày.

Tuy đã phải làm cái nghề cùng mạt này mà Nhân vẫn còn phải lo lắng. Nhân e sợ một ngày kia, không còn đủ sức cất tiếng kêu rên van lơn thiên hạ trên con đường đã chứng kiến bao nhiêu thây chết dưới những nanh vuốt của thiếu thốn, của khổ sở... của đọa đày...

Tuần báo Mới, số 10,
ngày 7-9-1939.

NHỮNG NGÀY THƠ ẤU

(Hồi ký – trích)

Những ngày thơ ấu là một tập hồi ký của Nguyên Hồng, viết năm 1938 (đăng trên báo *Ngày nay*, từ số 133 đến số 140 (22-10-1938 đến 10-12-1938). Nhà Đời nay xuất bản lần đầu năm 1940.

Nội dung tác phẩm là những kỷ niệm đầy xúc cảm của nhà văn về thời thơ ấu. Có những kỷ niệm êm đềm những khi được sống trong tình mẹ, hay được thỏa sức phiêu lưu bằng tưởng tượng tới những chân trời kỳ ảo... Nhưng chủ yếu là những kỷ niệm đau buồn của một đứa trẻ sinh ra và lớn lên trong một gia đình bất hòa, phá sản và trụy lạc. Gia đình này khi còn sung túc đã không có hạnh phúc. Đứa con ra đời do một "tình yêu" gượng ép. Người bố làm ăn thất bại phẫn chí, trả thù số phận bằng thuốc phiện. Gia đình sa sút và sụp đổ nhanh chóng. Rồi bố chết, mẹ phải xa con để ngược xuôi tần tảo. Đứa trẻ mồ côi cha, thiếu tình mẹ, bơ vơ đói rách lêu lổng trong sự lườm nguýt, đay nghiến của họ hàng, và thái độ dửng dưng một cách tàn nhẫn của xã hội.

Bên cạnh nhân vật đứa trẻ, một hình tượng khác cũng nổi lên đậm nét: người mẹ trẻ hiền từ, cần cù, nhẫn nại, nạn nhân của những tập tục phong kiến vô lý và độc ác đã đày đọa một tâm hồn khao khát hạnh phúc chân thật trong một cuộc đời âm thầm tủi nhục.

Tác phẩm gồm chín chương. Chúng tôi chọn in năm chương: Chương I (*Tiếng kèn*), Chương III (*Trụy lạc*), Chương IV (*Trong lòng mẹ*), Chương V (*Đêm nô en*), Chương VI (*Trong đêm đông*).

I. TIẾNG KÈN

... Thầy tôi làm cai ngục. Mẹ tôi là con một nhà buôn bán rau đậu, trầu cau lần hồi ở các chợ và trên đường sông Nam Định – Hải Phòng. Tuổi thầy tôi hơn ba mươi, gấp đôi tuổi mẹ tôi. Hai thân tôi lấy nhau không phải vì quen biết nhau lâu mà thương yêu nhau. Chỉ vì hai bên cha mẹ, một bên hiếm hoi muộn cháu và có của; một bên sợ nguy hiểm giữ con gái đẹp đến thì ở trong nhà và muốn cho người con ấy có chỗ nương tựa chắc chắn, được cả một dòng họ trọng đãi nếu mắn con.

Tôi đẻ ra đã được bao nhiêu người nhà những tội nhân có máu mặt đến mừng, biết bao nhiêu kẻ nhờ vả ông bà tôi lại thăm nom. Đồ vàng bạc, các thứ lụa là, gạo thơm, gà béo, trứng mới, cá biển tươi... từng tráp, từng thúng, từng bu đã chậtních cả tủ áo và chạn thức ăn. Vú bõ trong nhà đã hả hê có số tốt được hầu hạ một cửa "quyền quý". Sau này, mỗi lần nhắc tới ngày sinh vui vẻ của tôi, trong cái giọng nói hổn hển thỉnh thoảng lại ngắt quãng với những tiếng ho khan của bà nội tôi, tôi thấy có nhiều sự cảm động lắm. Cảm động vì nhớ tiếc, vì đau xót.

Thầy mẹ tôi lấy nhau không phải vì thương yêu nhau, sự trái ngược cay đắng đó tôi đã hiểu biết rõ rệt và thấm thía ngay từ năm tôi lên bảy lên tám, ở vào cái tuổi mà tính tò mò rất dễ bị kích thích và trí ngây thơ trong suốt đã ghi giữ một hình ảnh gì, một nỗi niềm nào thì ghi giữ mãi mãi.

Những buổi chiều vàng lặng lẽ, lạnh lẽo của mùa đông, những buổi chiều mà bụi mưa như có một thứ tiếng van lơn thầm thì trong hơi gió vu vu, lửa lò than rực rỡ vờn lên chân tường những ánh hồng lấp lánh hay rủ rê tâm trí người ta vào những cõi buồn nhớ, là những buổi chiều làm tê tái mẹ tôi hơn hết. Tuy mẹ tôi có tôi ngồi trong lòng cười nô với mấy con búp bê, tuy trước mặt mẹ tôi có cả một mâm cơm thức ăn tỏa mùi thơm ngon lành trong hơi cơm tám xoan bùi ngọt, tuy mẹ tôi vẫn tươi cười và luôn luôn thưa gửi dịu dàng với thầy tôi và bà tôi.

Lúc bấy giờ, trong đầu óc mẹ tôi quằn quại những hình ảnh gì, những ý nghĩ gì, thầy tôi đoán biết sao được. Vẻ mặt xinh tươi kia, giọng cười nói nhẹ nhàng kia, sự thùy mị kính cẩn kia, sao có thể là của một người đàn bà mà tâm tư hằng giá buốt vì những phiền muộn, những đau đớn cay chua nhất, tối tăm nhất? Hay thầy tôi cũng như

mẹ tôi, cả hai đều thản nhiên và lặng lẽ để che giấu cả một lòng đau đớn? Có lẽ đúng! Vì thầy tôi, nếu là một người vô ý thức hay là một kẻ xốc nổi, chỉ biết có sắc đẹp và sự chiều chuộng của mẹ tôi, thì đã chẳng yên lặng nhìn tôi, miệng hơi nhếch về một bên, khi tôi níu lấy vai, lay lay hỏi:

– Cậu ơi! Em Quế con không phải là con cậu mà là con cai H. phải không?

Cùng lúc nghe câu hỏi ấy, mắt mẹ tôi bỗng sáng lên, gò má hơi ửng hồng. Mẹ tôi nhìn nhanh thầy tôi rồi hoặc quay mặt nhìn đi chỗ khác, hoặc cúi xuống thẫn thờ nhìn tôi. Trời! Thốt lên câu hỏi dại dột kia, nếu tôi là con một người cha độc ác hay ghen, phát uất ức, và một người mẹ bỗng hổ thẹn, sợ hãi vì có kẻ mớm lời cho con mình để phá hoại sự thanh khiết của đời mình, đời phải chung thủy của một người làm vợ, thì cảnh tình giữa cha tôi và mẹ tôi lúc bấy giờ sẽ ra sao?

Nhưng không, thầy mẹ tôi chỉ lặng lẽ nhìn nhau và tôi cũng vẫn được nâng niu vỗ về trên hai đầu gối mẹ tôi ấm áp.

*

* *

Quế, em gái tôi, là con người khác: Cai H. Sự ngờ vực trong đầu óc tôi thoát ra với câu hỏi trên kia không bao giờ được trả lời cả.

Đem hỏi thầy tôi, thầy tôi im lặng. Ôm ấp trong lòng mẹ tôi, được mẹ tôi vuốt ve là tôi nhắc đến câu hỏi ấy. Cũng như thầy tôi, mẹ tôi không đáp. Nhưng hai con mắt sáng ngời trên nước da mịn màng như trứng gà bóc ấy khác hẳn cặp mắt sâu tối của thầy tôi. Và, những lúc ấy, mẹ tôi hay áp má lên lùm tóc tôi, hai ngón tay nhẹ nhẹ tuốt từng sợi một.

Không chịu thắc mắc, tôi còn hỏi cả hai cô tôi, hai anh họ tôi, bà tôi và những người hàng xóm.

Cô tôi, hai anh họ tôi không trả lời còn có lý, chứ bà nội tôi và những người ở gần nhà tôi thấy tôi hỏi lắm thì hoặc làm lơ đi, hoặc gắt lên thì thật vô lý quá chừng. Chính mấy người này đã gieo cái ý nghĩ vẩn vơ ngờ vực vào tâm trí tôi. Đã một lần bà tôi vẫy tôi lại, ôm tôi vào lòng xoa đầu hỏi:

– Ai đẻ mày?

Nhìn những miếng bánh kẹo thơm phức trong giấy bóng xanh đỏ ở tay bà tôi, tôi nũng nịu đáp:

– Bà đẻ con.

Bà tôi lừ mắt, tát vào má tôi:

– Bố mày, chỉ được cái hóm thôi. Không phải!

– Vậy con là con cậu, bà nhỉ?

Bà lườm tôi một cái dài, lại hỏi:

– Cậu làm gì?

– Cậu làm ông xếp đề lao.

Bà tôi vẫn một giọng ngọt ngào:

– Còn cái Quế là con ai?

Tôi đã hơi cáu vì thèm ăn lắm mà chưa được miếng nào, tôi ngoẹo đầu ngoẹo cổ, phụng phịu:

– Con không biết!

Bà tôi lại tát nhẹ vào má tôi:

– Láo nào! Bố mày! Nói đi rồi bà cho.

Nhưng tôi dại gì chậm nói để chậm ăn, tôi liền kéo tay bà tôi cầm bánh thấp xuống tý nữa:

– Em Quế cũng là con cậu.

Tôi đã thất vọng. Bà tôi hừ mạnh một tiếng, đổi nét mặt:

– Không phải!

Tôi gắt lên:

– Chả con cậu thì là con ai? Không cho thì thôi!

Dứt lời, tôi gỡ tay bà tôi, chực chạy đi chỗ khác. Bà tôi phải bóc ngay phong bánh, bẻ cho tôi một nửa rồi cặp chặt tôi vào hai đầu gối:

– Bà bảo không phải là không phải mà.

Tôi không cắn bánh vội, cau mặt nhìn bà tôi:

– Thế nó không phải là con cậu con, sao nó lại được ăn sữa bò, lại có vú bế?

Tôi lý luận như thế vì tôi cho rằng được vú em chăm bẵm và ăn sữa bò là một vinh hạnh, một sự biệt đãi. Tôi có biết đâu rằng bà tôi chẳng muốn mẹ tôi bận bịu vì em gái tôi, để tôi được quyền hưởng sự

nuôi nấng chăm bẵm của mẹ tôi. Bà tôi lại xoa đầu tôi và cười. Nụ cười làm rung động cặp môi rạn nứt chảy xệ ấy, tôi vẫn chẳng thấy gì là vui vẻ. Và nụ cười vừa tắt, bà tôi lặng ngay nét mặt nói:

– Không phải! Cái Quế nó là con thằng cai H.

Tôi mở to mắt, lay mạnh vai bà tôi:

– Bà nói dối để không cho con nốt chỗ bánh kia. Nó cũng là con cậu.

Cặp mày lơ phơ trên đôi mắt nâu càng chau lại, nhưng giọng nói bà tôi lại trở lại nhẹ nhàng, ngọt ngào:

– Không! Bà bảo thật mày đấy, nó không phải là con cậu mày mà là con thằng...

Bà tôi ngừng lại, đăm đăm nhìn vào mặt tôi:

– Mày có biết thằng cai H. không?

Tôi lắc đầu. Bà tôi nghiêm nét mặt:

– Cái thằng buổi chiều nào cũng dẫn lính sang để lao và thổi kèn ấy mà.

Tôi reo lên:

– Thế thì con biết rồi!

Nhưng tôi chẳng cần hiểu biết rõ rệt hơn đứa em gái thật là con thầy tôi hay là con ai cũng được, thấy bà tôi hớ hênh, tôi liền giật phăng cả gói bánh và mấy chiếc kẹo, chạy tót ra đường...

... Và một lần, dưới gốc xoan tây, trước một cái bếp bằng những hòn gạch vỡ và đốt bằng những cành xoan và lá vàng khô, tôi được ẵm trong lòng một người đàn bà vẫn đong gạo và vay tiền của mẹ tôi. Trước thì tôi mải chơi với một con mèo nhỏ vờn quấn dưới chân tôi nên tôi không để ý đến chuyện trò của người đàn bà ấy với một người đàn bà khác, nhiều tuổi hơn, yếm trắng, thắt lưng xanh, cũng là vợ một người cai lính khố xanh, và cặp mắt vẻ mày cũng sắc sảo lắm. Khi con mèo bị tôi nắm đuôi chặt quá chóe lên một tiếng cào tôi rồi chạy đi chỗ khác, tôi mới bắt đầu chú ý nghe. Người đàn bà ôm tôi cười nói toe toét. Người kia lại còn lắm miệng hơn. Nhiều lúc cả hai cùng nhìn tôi, mắt ánh lên rồi cười rũ rượi.

Tôi không ngạc nhiên lâu mà liền căm tức. Cái căm tức dội lên nghẹn ngào. Nhưng tôi phải yên lặng. Không biết một sức gì đã giữ riết lấy tôi không cho tôi chồm lên, không cho tôi vằng vào mặt họ mà đấm đá, mà chửi rủa. Hai người đàn bà này chê bai bới móc mọi người hàng xóm chán rồi lại quay về chuyện nhà tôi. Nào thầy tôi nghiệt ngã, thâm hiểm lắm. Trái lại, mẹ tôi vừa trai lơ, vừa dễ dãi,

và gần như đần độn nữa ấy, chẳng biết gì cả. Còn bà tôi thì đủ các tính ác, tính xấu, những cái ác, cái xấu của những người đàn bà từ thuở lọt lòng đã phải sống với những thành kiến, những lề thói tối tăm cay nghiệt, rồi phải coi học thức như là một sự quái gở, tự do *như là tội lỗi*, và *thích thú sự áp chế, hành hạ nếu mình được dịp* và có quyền áp chế, hành hạ kẻ khác.

Sau cùng, giọng nói của người đàn bà nhiều tuổi có cặp mắt sắc sảo bỗng nhỏ đi. Y trỏ một người trắng trẻo, không phải bồng súng, đương chắp tay sau lưng đi lại ở cổng đề lao, thì thầm với người đàn bà ôm tôi bỏm bẻm nhai trầu:

– Con bé em thằng này là con hắn ta đấy!

*

* *

Buổi chiều nào cũng vậy, dù nóng nực hay mưa rét, tốp lính khố xanh ấy cũng phải qua nhà tôi. Vừa đúng hai chục người: mùa hạ, quần áo vải vàng, mùa đông, quần áo dạ tím. Họ đi chân không, quấn xà cạp, đội nón chóp đồng. Ba người hàng đầu đeo ở cánh tay áo một chiếc lon màu hoa lý to hơn chiếc đũa. Cùng hàng với ba người này, ở bên trái, cách chừng một bước là một người tầm thước, gương mặt trắng hồng, mắt sáng, sống mũi hơi cao, hai hàm răng trắng phau. Y ăn vận gọn ghẽ hơn cả. Tay y đeo hai lon vàng đính thêm một đường chỉ đỏ thêu to. Chân y đi giày vải đen, bít tất bao giờ cũng trắng như mới. Không phải bồng súng, y ung dung cầm một chiếc kèn đồng có tua đỏ mỗi lần hoa nhanh lên lại tỏa ra một làn ánh sáng vàng diệp dưới ánh nắng rực rỡ của chiều hè.

Cứ khi nào tốp lính đi đến gần nhà tôi ở xế cổng đề lao thì tiếng kèn vang lên, vui vẻ quá, hùng tráng quá. Át cả tiếng vỏ lưỡi lê đập phanh phách vào đùi và những bước chân xoàn xoạt, tiếng kèn mỗi giây một rướn cao, một vang to, rung động cả làn không khí êm ả của một góc trời. Rồi nương tiếng gió lao xao trong những chòm cây phấp phới, âm thanh nao nức, dồn dập của tiếng kèn càng cuốn lên cao, tràn ra xa, rất xa, đến những vùng xa sáng tươi nào đó. Càng về sau, tiếng kèn càng niềm nở, ân cần như những lời thúc giục thống thiết rồi đổ hồi trong giây khắc, đoạn im bặt.

Một lúc lâu sau, một tốp lính khác ở cổng đề lao đi ra, vẫn người thổi kèn ấy.

Lần này, tiếng nhanh hơn trước, nhịp với bước chân vội của tốp người nhọc mệt và đói ngấu mong ngóng sự nghỉ ngơi, no say... Hãy bước đi, hãy bước đi, như làn lá nhỏ bay theo gió... Tiếng kèn vồn vã vẫn rõ ràng, trong sáng, và, bầu trời mở rộng vẫn rung vang. Sau tốp lính, một lũ đàn bà, trẻ con long tong chạy theo, trên lưng, những đứa bé ngổm lên ngổm xuống như cưỡi ngựa.

Quá nhà tôi một quãng ngắn, tiếng kèn lại dần dần rướn cao lên. Đến khi tốp lính và lũ đàn bà trẻ con bị những lớp găng dày và một góc vườn um tùm và một hàng cây che khuất, thì tiếng kèn tắt hẳn. Gió chiều bỗng rít dài lên, nền mây rung mạnh khi âm vang của tiếng kèn không còn một gợn sóng.

Đương nắm tay tôi, tự nhiên mẹ tôi buông mạnh ra, bước xô xuống thềm gạch, ra đường. Tôi ngạc nhiên, níu chặt lấy vạt áo mẹ tôi, cuống quýt:

– Mợ ơi! Chờ con với. Mợ ơi!...

*

* *

Bao nhiêu buổi chiều như thế? Đã mấy trăm buổi chiều như thế? Tôi không thể ghi rõ là bao nhiêu mà chỉ nhớ rằng mẹ tôi đã không biết bao nhiêu lần dắt tôi ra sân trước, đón những tốp lính kia đi qua với tiếng kèn rộn rã tưng bừng để rồi một lúc lâu sau chậm chạp dắt tôi trở vào. Mẹ tôi đã đứng trong tươi sáng và ấm áp ở ngoài trời hay trong gió lạnh, mưa bay ở dưới mái hiên, và bao nhiêu buổi chiều êm ả đã qua, óc non nớt của tôi ghi làm sao được không lầm, không sót những con số nhất định? Nhưng trong hồn tôi thì mãi mãi rõ ràng thấm nét hình ảnh những con mắt của mẹ tôi sáng lên nhìn người thổi kèn và hai gò má mẹ tôi ửng hồng khi cặp mắt long lanh của người đàn ông nọ chiếu tới. Và cho tới ngày trọn đời, tôi không thể sao quên được cái cảm giác lạ lạ do một bàn tay nhỏ nhắn run run bỗng từ đầu tuột xuống vai tôi, và một màng lạnh lạnh mong manh vương qua một cặp mắt lờ đờ nhìn vào mắt tôi chợt làm ngực tôi lạnh dợi đi... Rồi đến một giọng van lơn khi

tôi níu lấy áo mẹ tôi kéo vào nhà lúc không còn bóng dáng và tiếng kèn của tốp lính nữa:

– Đừng quấn mãi lấy chân mợ mà!... Thôi!... Con đi trước đi, mợ xin theo con...

... Rồi một buổi chiều, tôi cũng không thể nhớ rõ là một buổi chiều rực rỡ hay âm u, mẹ tôi không dắt tôi ra sân nữa. Và từ buổi chiều ấy trở đi, chỉ có mình tôi lon ton chạy ra đón xem tốp lính đi qua với một người thổi kèn khác. Lắm lúc thấy tiếng kèn vui quá, tôi chạy vào nhà, nắm tay mẹ tôi, hết sức kéo dậy. Nhưng mẹ tôi hoặc gỡ tay tôi ra rồi quay mặt vào tường hoặc tiện thể kéo ngả người tôi vào lòng mà ôm lấy tôi. Bên tai tôi, tiếng ngực mẹ tôi đập mạnh lạ thường, và từng mảng ngực phập phồng nóng ran lên đó truyền sang da thịt tôi những cảm giác ấm áp giữ tôi lại rất lâu trong cánh tay mẹ tôi.

Lúc bấy giờ mắt tôi như mờ đi vì hơi thở nóng sực của mẹ tôi và tôi càng bâng khuâng trong đôi mắt thẫn thờ như muốn khóc của mẹ tôi.

*

* *

Em Quế chính là con "cậu" tôi. Anh họ tôi, các cô tôi, cả bà tôi và những người hàng xóm dần dần bảo tôi như thế sau ngày người cai kèn kia đổi đi nơi khác không biết là đóng ở đâu, và mẹ tôi càng kính cẩn hầu hạ bà tôi, càng chiều chuộng thầy tôi và chăm nom anh em tôi. Nhưng cũng từ ngày ấy, tôi càng ít thấy hai thân tôi trò chuyện vui vẻ với nhau trừ khi ở trước mặt bà tôi hay những người nào thân thiết nhất.

Tới năm em gái tôi khôn lớn cũng thế, thầy mẹ tôi không bao giờ nhìn thẳng vào nhau mà hỏi gọi nhau, cười nói với nhau. Trong con mắt, giọng nói và nụ cười của hai thân tôi bao giờ cũng đượm vẻ trầm lặng, chua chát, hờn tủi. Sự đau đớn âm thầm ấy theo dõi mãi mãi thầy tôi và mẹ tôi với cái kỷ niệm sâu xa của mấy đêm kia – Tôi tin chắc mấy đêm thôi – Hai con người đã phải gắng gượng ăn nằm với nhau, và để khỏi tủi lòng hai đứa con có phúc lọt vào một cửa giàu có và hiếm hoi, hai người càng cố phải gần gũi nhau trong một sự êm ấm giả dối vô cùng.

III. TRỤY LẠC

Trừ chiếc tủ chè bằng gỗ gụ, tuy không đẹp nhưng chắc chắn, nhà tôi không còn một đồ đạc gì đáng tiền nữa. Tủ áo, trường kỷ, án thư, sập sơn lần lượt bán đi. Cả những đồ đồng và đồ sứ: chậu, mâm, độc bình, bát đĩa. Sự túng bấn còn cướp nốt một số đồ vật quý nhất của nhà tôi: Cái đồng hồ quả lắc.

Tôi không rõ trước ngày đẻ tôi bao nhiêu năm, nhà tôi đã sắm cái đồng hồ treo ấy. Chỉ biết hộp gỗ đã đen bóng, mặt sơn trắng trở nên vàng khè, lắm nét chữ mất đi cụt ngủn, quả lắc dù lau chùi và đánh thuốc thế nào cũng chỉ khỏi xam xám. Người anh họ tôi đã nhiều lần vác nó đi chữa, nhưng giờ giấc chỉ đều được vài tuần rồi ngày một chậm, sau cùng máy lại liệt, tuy các chốt các đanh ốc và bánh xe vẫn nhẫy dầu.

Đáng lẽ cái đồng hồ ấy bán đi từ bao giờ. Chỉ vì mỗi lần người mua đến, bà tôi lại chép miệng thở dài, thấy thế thầy tôi lại phải thôi.

Đôi mắt nâu của bà tôi lờ đờ nhìn cái đồng hồ treo ở đầu giường mình – Cái đồ vật mà khi ông tôi còn sống sau những trận cờ bạc thua cháy và say rượu trở về đánh chửi bà tôi cũng đã mấy lần đem đi cầm, bán ấy, – tỏ rằng lúc bấy giờ cõi lòng già đã lại thắt lại thêm vì nhiều nỗi cơ cực. Cả tôi cũng phải buồn rầu. Tôi không biết chép miệng, tôi không biết thở dài, không có những giọt nước long lanh khóe mắt, nhưng vẻ ngơ ngác của tôi cũng đủ chứng tỏ rằng tôi cũng cùng một cảm tưởng với bà tôi. Lần nào cũng vậy, khi người mua đến khuân đồ đi, tôi lại thần người ra hồi lâu, rồi vơ vẩn tìm một vật gì để thay vào. Và tôi đã ghen cuồng lên chỉ muốn cướp lấy, muốn đập phá, khi thấy các đồ đạc nọ được người mua mang về lau chùi bóng bẩy trông như mới.

Theo liền với sự nghiện ngập mỗi ngày một nặng và sự ốm yếu rã rượi của thầy tôi, sự buôn bán của mẹ tôi cũng mỗi ngày kém mãi.

Trên những vòng kê ở chợ, không còn những thúng táo tây khoe màu đỏ thắm hay vàng tươi, những rổ đào Vân Nam rực rỡ trọng màu hoàng yến và lá trắc bạch diệp xanh đậm, những lồng cam Hoa Kỳ mọng nước óng ả, những bắp cải nõn nà, và những mớ cà rốt, xúp lơ, đậu Hòa Lan, cần, hẹ tươi ngon bày từng đống cao chấm bụng... Hoa

tai và nhẫn vàng, mẹ tôi tháo bán đi lúc nào không rõ. Cái thúng thanh con trước kia, hễ tan chợ là đầy xu hào, nay chỉ hằng ngày loáng thoáng mấy đồng hào con và tiền trinh. Lắm bận, chờ mẹ tôi quay đi chỗ khác, tôi lẻn đến khẽ nhấc vỉ buồm lên, định ăn cắp tiền đi đánh đáo và ăn quà, thì chỉ thấy thúng không.

Bao nhiêu năm qua, nhưng tôi không thể quên được những buổi chiều hè ấy. Hơn ba giờ, chợ vẫn còn nhiều hàng đông người mua bán, mẹ tôi đã cắp thúng lủi thủi về. Trên bờ hè, dưới những chòm xoan tây lấp loáng hoa đỏ, mẹ tôi mặt rầu rầu. Qua những lớp người dồn dập, huyên náo, trông mẹ tôi sao mà mệt mỏi, buồn thảm? Tâm trí mẹ tôi lúc đó chắc đã hoàn toàn tê buốt vì những ý nghĩ thấm thía về sự trụy lạc không phương cứu chữa của gia đình, sự trụy lạc tất nhiên, kết quả của những ép uổng, cố gắng, nhẫn nhục, buồn nản và hy sinh.

Một người cha và một người mẹ tính tình khác nhau, không hiểu biết, không yêu nhau và gần như khinh miệt nhau, mà phải gần gũi nhau trước hai đứa con nhỏ nhởn nhơ ăn chơi và một người mẹ già đã ngoài tám mươi tuổi, chỉ còn mỗi cái mê say được sống với những giọt khí huyết của mình nảy nở, và sau đây về chầu Chúa thì được chịu đủ các phép của lề lối Hội thánh, và được hưởng đủ mọi sự đóng góp của hàng giáp, của nhà thờ. Những đêm lạnh và dài để mà thao thức lo toan, bàn tán, vun đắp cho nhà, cho cửa, cho tuổi già, cho con cái là những đêm một người thiếp đi trong khói thuốc phiện, một người thì âm thầm trằn trọc. Người thứ hai câm lặng chua xót, thấy sự sống trong tình thương yêu vẫn còn lạnh lẽo, thiếu thốn, và cả hai đều thấm thía thấy rằng sẽ dần chết, chết vì chán ghét đau đớn...

*

*   *

Thầy tôi đã phải ngày ngày lấy tiền của mẹ tôi để mua thuốc phiện. Ngày một đồng cân thuốc ba hào, tôi biết lắm, chẳng đủ cho thầy tôi hút nào. Trước kia thầy tôi chỉ hút năm hôm hay sẻn lắm được sáu hôm là hết một lạng thuốc nhưng giờ thầy tôi chỉ hút có nửa bữa. Từ chín giờ sáng đến nửa đêm, thầy tôi chỉ ra khỏi buồng lúc hai bữa cơm. Nhiều khi, ở trong màn giường ngoài nhà, lần xong một tràng hạt và đọc hàng trăm kinh rồi mà vẫn còn thấy những tiếng vo vo kéo dài, bà tôi đã khẽ ho và lên tiếng hỏi thầy tôi:

– Cậu thằng Hồng vẫn còn thức đấy ư?

– Không! Thưa mẹ con sắp xong rồi mà...

"Sắp xong rồi mà!" Bà tôi láy lại câu nói của thầy tôi đoạn thở dài. Sự giận dữ của bà tôi đã tới cực điểm nên bà tôi mới hỏi thầy tôi như thế, từ ngày thầy tôi luôn luôn ho ra máu, thấy mẹ tôi phải lo toan cáng đáng cả mọi sự ăn uống trong nhà. Và, hỏi câu ấy, bà tôi còn có một dụng ý nhắc nhở một cách khéo léo cho thầy tôi biết rằng:

– Vợ mày nó đã coi thường tao lắm đấy! Liệu mà tìm cách chừa bỏ thuốc sái đi thôi.

Không! Mẹ tôi đâu dám thế! Đời sống của mẹ tôi bao giờ cũng chỉ là cái bóng ngấn của bức tường dày, mãi mãi thuần phục ở dưới chân để rồi sẽ tan xuống đất nếu ánh sáng soi tắt. Và, người đàn bà hiền lành dễ cảm động ấy, có khi nào lại bợn những vết kiêu căng, thù hằn? Mẹ tôi đã chẳng thờ thẫn nhìn trộm thầy tôi khi thầy tôi ngồi ôm ngực ho từng trận rồi rũ rượi nhổ, mẹ tôi cúi xuống thở dài ư? Và, trong đôi mắt lờ đờ của mẹ tôi, đã chẳng nhiều lần long lanh như khóc.

... Một hôm, mẹ tôi dắt em Quế tôi lên Hà Nội, bảo đi thăm mấy nhà chị em và nhân tiện vay họ tiền để một phần trả nợ, một phần làm vốn dọn hàng. Trước khi đó, mẹ tôi đong trữ mấy ngày gạo và để đủ tiền thuốc cho thầy tôi hút một tuần lễ. Mẹ tôi cũng không quên giúi cho tôi một hào xu để ăn quà dần.

Sáng hôm cắp thúng ra tàu, mẹ tôi đứng ngoài cửa buồng xin phép thầy tôi và cúi đầu chờ thầy tôi trả lời. Nhưng thầy tôi làm thinh hồi lâu mới đáp. Giọng nói vẫn thản nhiên như của một người xa lạ.

Hơn một tuần lễ rồi mà mẹ tôi và em gái tôi cũng chưa thấy về. Nhiều khi ra bến tàu đón, chờ những chuyến tàu đến sau cùng, khách lên hết, quýt tàu rửa boong rồi, tôi mới chịu thôi. Lại trở về một mình, tôi càng ngao ngán bực dọc. Tiền mẹ tôi cho tôi đã hết ngay hôm sau. Nhằm vụ nghỉ hè, tôi một mình lêu lổng ở ngoài đường, nhìn hàng bánh trái nhan nhản, tôi khổ sở vô cùng. Chẳng biết xin ai, và không thể xin ai trong nhà ngoài mẹ tôi, đã có bận, tôi toan ăn bớt tiền mua thuốc phiện của thầy tôi. Nhưng nghĩ đến ngọn roi song vun vút lấy máu đít ra, tôi lại thôi.

Nhưng nhịn quà lâu còn có thể chịu được, chứ nhịn đánh đáo luôn mấy hôm, tôi bồn chồn, chân tay ngứa ngáy không thể ngồi yên

được. Tôi đã phát khóc lên vì tụi trẻ con chơi bời xúm năm tụm ba, cười đùa, cãi cọ, chửi bới ở trước cửa nhà tôi.

Một buổi trưa, thầy tôi đưa tôi hào tám mua nửa đồng cân thuốc. Chẳng cần nghĩ ngợi thêm, tôi quặt ra ngã tư đường, không đến hiệu bán vội, nhập với bọn trẻ nọ, đánh dăm ván đáo đã. Những trẻ trong đám đáo này toàn là những trẻ cầu bơ cầu bất, bán kẹo, bán báo, hoặc làm nghề ăn cắp. Chúng nhiều thời giờ tập luyện và không ngày nào không có những ván đáo sát phạt nhau, nên chúng *cả lỗ* [1], *dọi tí* [2], *câu díu* [3] thật là tuyệt diệu. Hơn nữa, chúng lại còn có đức tính bình tĩnh cả đến lúc còn mỗi xu cuối cùng và lượt đánh gần hết. Nhưng tôi không thua. Bao nhiêu năm tháng được mẹ cho đồng nào ăn quà sáng, tôi chỉ đến trường sớm đem "nướng" cho các đám đáo, tôi cũng trở nên một tay đáo kỳ khôi rồi. Từ chỗ ngộc nghệch chỉ dám chơi với những bọn cà mèng, tôi tiến hẳn tới mức chơi toàn với những bọn giỏi nhất và tôi cũng là một "tài tử" nhiều mánh lới.

Gần tụi trẻ con, có một đám đáo của những người lớn làm phu gạo và thợ cạo. Họ không chầu trinh mà chầu xu đồng, và, mỗi người mỗi ván những ba xu. Tôi liền bỏ đám đáo trẻ con nọ, nhập bàn đáo ăn thua của người lớn kia. Tôi tính toán: "Tuy họ dài tay, tuy họ dọi mạnh, nhưng "cả lỗ" và "dọi tí" không mềm, không trúng thì cũng vứt tiền đi. Nhất là họ lại có nhiều tiền, đánh dù thua hết tiền cũng sòng phẳng, không phá bĩnh, không *u lò* [4] như những trẻ kia.

Hôm nay sao tôi "đỏ" thế? Đánh chắc tay thế? Có một lúc mà mười tám xu vốn của tôi đã lên tới bốn mươi xu. Chơi đã lâu và sợ đánh cố vài ván nữa nhỡ thua hụt đi, tôi bèn ăn non. Tôi đã khôn ngoan mua thêm năm xu thuốc nữa và nghĩ sẵn một câu trả lời rất tự nhiên để phòng thầy tôi vặn hỏi tôi về cái tội chậm trễ.

Sáng hôm sau, tôi dậy sớm. Rửa qua mặt mũi, tôi tếch ngay ra đầu đường đánh đáo. Tôi lại được dăm xu thôi. Món tiền đó tuy ít, nhưng đối với tụi trẻ cùng mạt thì cũng đã khá to. Một bữa cơm, một chầu phở no đấy. Chẳng những là tay giỏi mà còn phải liều, phải gan mới nuốt được của chúng những đồng xu kia buộc bằng mấy nút giải

---

1. *Cả lỗ*: Lấy đồng xu cái thả trúng vào cái lỗ khoét làm đích trên mặt đất.
2. *Dọi tí*: Lấy đồng xu cái đánh trúng vào đồng tiền ở gần vạch chỉ.
3. *Câu díu*: Ném những đồng tiền dính làm hai hay làm ba lại với nhau, tốt nhất chỉ hai đồng dính thôi.
4. *U lò*: Cướp chạy.

rút và lẩn kỹ vào cạp quần. Chiều hôm ấy, tôi lại được; lần này những ba hào, gấp đôi ngày hôm qua, và tôi được một cách rất dễ, rất mau chóng. Tụi thua tôi là tụi trẻ con nhà giàu, chơi giấu cha mẹ ở một xó tường kín đáo, như trước kia tôi chơi giấu thầy mẹ tôi.

Mấy hôm ròng, ăn cơm xong, tôi tót ra đường ngay, đi lùng hết đám đáo này đến đám đáo khác. Thua cũng có, được cũng có. Phần nhiều thua về tụi trẻ con cùng mạt, và được của tụi người lớn và trẻ con nhà giàu. Kinh nghiệm còn dạy tôi thêm: "Muốn kiếm được nhiều tiền ăn quà và đi xem chớp bóng thì phải đến những phố nhiều nhà tây hay hiệu to tìm những bọn trẻ con thừa tiền nọ rủ đánh, hay đến những chỗ gần chợ, bến tàu, bến ô tô nhập vào các đám đáo của những phu gạo, những tay "ét", những phó cạo dửng mỡ lúc nghỉ việc".

Từ ngày thấy mình có một biệt tài và nhận ra sự lợi hại trên kia, tôi bắt đầu đi lang thang khắp thành phố với một đồng xu vừa rõ chữ, hơn một hào vốn và với một lòng ham muốn ngùn ngụt được nhiều tiền để ăn tiêu.

Ngày nào tôi cũng kiếm được một vài hào. Lấy thế làm sung sướng, tự do và vẻ vang vô cùng.

*

* *

... Một buổi chiều mưa gió, ngồi xổm ở trên giường trong buồng, hai đùi ấp lấy ngực và đầu gối đỡ lấy cằm, thầy tôi gọi tôi, ngọt ngào:

– Hồng, lại đây cậu bảo.

Thầy tôi ít khi gọi tên tôi một cách nhẹ nhàng như thế, nên bây giờ không những tôi không sung sướng mà lại còn hồi hộp lo sợ. Mặt tôi tái mét, chân bước rất chậm, men men đến gần giường thầy tôi. Thầy tôi nhếch mép cười, vẫy tôi một lần nữa:

– Không! Cậu không đánh con đâu, cậu hỏi thôi.

Tôi đến bên thầy tôi, trống ngực đập mạnh không thể tưởng tượng được, chân tay tôi bắt đầu run bắn lên và nước mắt bắt đầu rơm rớm. Thầy tôi vẫn thản nhiên, một tay quàng lên vai tôi, một tay nắm túi tôi:

– Con có tiền, phải không?

Cái bàn đèn im ắng và sạch sẽ kéo vào tận góc giường nhắc tôi

nghĩ ngay đến bữa hút buổi chiều mà giờ đã quá bốn giờ, tôi vẫn chưa phải đi mua thuốc. Và tôi liền nhớ tới chiều hôm kia thầy tôi cũng không hút rồi, ngày hôm qua nhờ có bà tôi không biết bán chác gì được vài hào mới có tiền đưa tôi mua một đồng cân thuốc. Thì chỗ thuốc này chỉ vừa đủ cho bữa hôm qua và sáng ngày nay nếu "bao" đến sái tư, sái năm.

Những nỗi lo sợ của tôi phút chốc tiêu tan hết, thay vào những uất ức căm giận. Tôi nghẹn ngào gần tắc cả mọi lời. Vì tôi cảm thấy rõ rệt thầy tôi không hút thuốc, thấy tôi có tiền, thế nào thầy tôi chả lấy tiền của tôi. Mà nào năm xu, một hào cho cam. Dây rút quần tôi buộc hơn chục đồng kền năm xu: một món tiền khá to mà tôi phải bê tha lăn lộn ở các đầu đường xó chợ, hết phố này sang phố khác, mánh lới, liều lĩnh, mới kiếm được.

Lòng căm hờn của tôi sôi lên khi tưởng đến món tiền đó biến thành những điếu thuốc cháy xèo xèo rút nhanh và cái nhĩ tẩu nhỏ tí trước cặp mắt sâu lờ đờ của thầy tôi. Tôi ứa nước mắt, quay mặt đi, đáp lời thầy tôi chỏng lỏn:

– Con không có.

Thầy tôi lại nhếch mép cười, nụ cười chẳng làm sáng thêm chút nào cái gương mặt xám và bì bì như đá mài ấy.

– Thật không chứ?

Nói đoạn thầy tôi lần vào cạp quần tôi. Tôi co rúm người lại, kêu thất thanh:

– Cậu bỏ con ra, con lạy cậu. Thật con không có mà.

Thầy tôi trừng mắt quát:

– Im!

Và kéo người tôi lại.

Tôi chực gỡ tay thầy tôi, nhưng thấy hai lòng trắng mắt của thầy tôi như sắp bật ra ngoài và những hơi thở nóng hổi ở miệng thầy tôi cố mím lại mà không được cứ hắt vào mặt tôi, tôi đành phải đứng yên. Thầy tôi lần ra sau lưng tôi rồi thọc vào trong túi quần để tìm cọc tiền giấu đi.

Không còn một chút tình trong lòng tôi lúc bấy giờ.

Thầy tôi lại lần ra đằng trước, mặt tôi càng tím lại, cổ họng càng nghẹn ứ... Rồi tôi bật thét lên một tiếng khi bàn tay thầy tôi vừa

chạm vào mẩu dây buộc cọc tiền bỏ lòng thòng trong quần. Phựt... mẩu dây bị dựt đứt. Một cảm giác thắt ruột tôi lại. Tôi nghiến răng nắm chặt lấy cạp quần và cọc tiền, giậm thình thịch xuống nền nhà. Thầy tôi càng nghiêm nét mặt, hất ngược cằm tôi lên.

– Hồng! Mấy hôm nay ăn cơm xong, mày đi những đâu?

Tôi chỉ khóc mà không dám thưa. Nhưng trong đầu óc tôi, rành rọt một câu trả lời: "Tôi không có tiền ăn quà, tôi phải đánh đáo chứ còn đi đâu!" Thầy tôi vẫn quắc mắt nhìn tôi:

– Ai cho phép mày đi đánh đáo hở Hồng? Ai cho phép mày đi chơi với những trẻ ăn mày ăn nhặt? Nằm xuống đây... Mau! Không thì chết... Hồng!

– Con lạy cậu! Cậu tha cho con... Con trót dại.

Thầy tôi cười:

– Hừ! Trót dại thì cũng nằm xuống đây.

Chiếc roi mây nhanh như chớp, rút ở trên đình màn xuống.

– Con lạy cậu... Cậu tha cho con... Lần sau con không dám thế. Con mà thế nữa cậu đánh chết con.

Môi thầy tôi càng mím chặt, hai lỗ mũi càng phập phồng phì phì. Tất cả thớ thịt của người tôi run bắn lên. Những cảm giác đau đớn của từng miếng thịt vặt ra dưới những ngọn roi mà tôi tưởng tượng dần đánh át cả những ý luyến tiếc cọc tiền đi. Tôi mếu máo nói với thầy tôi:

– Con lạy cậu... Đây con có bao nhiêu tiền con xin đưa cả cho cậu, vậy cậu tha cho con... Con lạy cậu... Cậu tha cho con...

Tôi vừa dứt lời, ngọn roi mây đưa vút về đằng trước:

– Thì cứ ra nằm ngoài giường kia mau! Mau lên!

Chưa buông xong câu nói, mắt thầy tôi đã nhòa đi. Từ vầng trán xám ngắt vã ra từng giọt mồ hôi to. Nét mặt thầy tôi càng tối sầm.

– Mau!...

Thầy tôi lại quát. Nhưng lần này tiếng quát không rõ và ngân dài như trước. Nó đánh phào một cái như tiếng nút chai bị dựt trượt mà người dựt đã phải dùng tận lực.

... Rồi thầy tôi chỉ ngồi rũ ra, không đánh tôi. Và cọc tiền của tôi vẫn y nguyên. Tôi mừng rỡ, ngạc nhiên và khó hiểu hết sức. Từ hôm

đó thầy tôi hễ nói với tôi là một điều con, hai điều con, giọng ngọt ngào quyến luyến một cách lạ. Và thầy tôi luôn luôn nhìn tôi, đôi mắt vẫn mỏi mệt lờ đờ, thỉnh thoảng lại còn cười với tôi, nhưng nụ cười chóng tàn quá trên cặp môi nhợt nhạt.

Giọng nói ấy, con mắt nhìn ấy, những nụ cười tuy đầy vẻ yêu thương tôi, nhưng đã làm tôi nhiều khi rờn rợn. Nhất là những lúc thầy tôi bó gối trong căn buồng tối mờ và khó thở, trừ một miếng kính bằng cái bảng con treo ở trên trần để lấy ánh sáng còn không có một cửa sổ nào...

IV. TRONG LÒNG MẸ

Tôi đã bỏ cái khăn tang bằng vải màn ở trên đầu đi rồi. Không phải đoạn tang thầy tôi mà vì tôi mới mua được cái mũ trắng và quấn băng đen.

Gần đến giỗ đầu thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hóa vẫn chưa về. Trong đó nghe đâu mẹ tôi đi bán bóng đèn và những phiên chợ chính còn bán cả vàng hương nữa. Tôi nói "nghe đâu" vì tôi thấy người ta bắn tin rằng mẹ và em tôi xoay ra sống bằng cách đó.

Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên, cười hỏi:

– Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mợ mày không?

Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương yêu ấp ủ từng phen làm tôi rớt nước mắt, tôi toan trả lời có. Nhưng nhận ra ý nghĩ cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp. Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý reo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực. Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến... Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.

Tôi cũng cười và đáp lại cô tôi:

– Không, cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về.

Cô tôi hỏi luôn, giọng vẫn ngọt:

– Sao lại không vào? Mợ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu?

Rồi hai mắt long lanh của cô tôi chằm chặp đưa nhìn tôi. Tôi lại im lặng, cúi đầu xuống đất: lòng tôi càng thắt lại, khóe mắt tôi đã cay cay. Cô tôi liền vỗ vai tôi cười mà nói rằng:

– Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào mà bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và thăm em bé chứ.

Nước mắt tôi đã ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hòa đầm đìa ở cằm và ở cổ. Hai tiếng "em bé" mà cô tôi ngân dài ra cho thật ngọt, thật rõ, quả nhiên đã xoắn chặt lấy tâm can tôi như ý cô tôi muốn. Nhưng không phải vì thấy mẹ tôi chưa đoạn tang thầy tôi mà đã chửa đẻ với người khác mà tôi có những cảm giác đau đớn ấy. Chỉ vì tôi thương mẹ tôi và căm tức sao mẹ tôi lại vì sợ hãi những thành kiến tàn ác mà xa lìa anh em tôi, để sinh nở một cách giấu giếm trốn tránh như một kẻ giết người lúng túng với con dao vấy máu của nó. Tôi cười dài trong tiếng khóc, hỏi cô tôi:

– Sao cô biết mợ con có con?

Cô tôi vẫn cứ tươi cười kể các chuyện cho tôi nghe. Có một bà họ nội xa vào trong ấy cân gạo về bán. Bà ta một hôm đi chợ qua thấy mẹ ngồi cho con bú ở một bên rổ bóng đèn. Mẹ tôi ăn vận rách rưới, mặt mày xanh bủng, người gầy rạc đi, thấy thế bà ta thương tình, toan gọi hỏi xem sao thì mẹ tôi vội quay đi, lấy nón che...

Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng. Giá những cổ tục đã đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kỳ nát vụn mới thôi.

Cô tôi bỗng đổi giọng, lại vỗ vai tôi, nhìn vào mặt tôi, nghiêm nghị:

– Vậy mày hỏi cô Thông – tên người đàn bà họ nội xa kia – chỗ ở của mợ mày, rồi đánh giấy cho mợ mày, bảo dù sao cũng phải về. Trước sau cũng một lần xấu, chả nhẽ bán xới mãi được sao?

Tỏ sự ngậm ngùi thương xót thầy tôi, cô tôi chập chừng nói tiếp:

– Mấy lại rằm tháng tám này là giỗ đầu cậu mày, mợ mày về dù sao cũng đỡ tủi cho cậu mày, và mày cũng còn phải có họ có hàng, người ta hỏi đến chứ?

Nhưng đến ngày giỗ đầu thầy tôi, tôi không viết thư gọi, mẹ tôi cũng về. Mẹ tôi về một mình đem về rất nhiều quà bánh cho tôi và em Quế tôi. Chiều hôm đó, tan buổi học ở trường ra, tôi chợt thoáng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo giống giống mẹ tôi. Tôi liền đuổi theo, gọi bối rối:

– Mợ ơi! Mợ ơi! Mợ ơi!...

Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi, chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái nhầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.

Xe chạy chậm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo:

– Con nín đi! Mợ đã về với các con rồi mà.

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bây giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còm cõi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi nói. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong, và nước da mịn làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.

Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng. Từ ngã tư đầu trường học về đến nhà, tôi không còn nhớ mẹ tôi đã hỏi tôi và tôi đã trả lời mẹ tôi những câu gì. Trong những phút rạo rực ấy, cái câu nói của cô tôi lại nhắc lại:

– "Mày dại quá! Vào Thanh Hóa đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và bế em bé chứ".

Nhưng bên tai ù ù của tôi, câu nói ấy bị chìm ngay đi, tôi không mảy may nghĩ ngợi gì nữa...

V. ĐÊM NÔ EN

Sang đầu tháng chín, mẹ tôi lại vào Thanh Hóa. Khi mẹ tôi đi, em Quế tôi và tôi cũng quyến luyến, nhưng không nghĩ gì cả. Tại anh em tôi đều vui thích vì lời dặn dò của mẹ tôi:

– Chúng con cứ ở nhà với bà và cô để mợ đi buôn bán kiếm đồng nuôi chúng con và đến Tết về may mặc cho chúng con.

Nâng niu cái hy vọng được quần áo đẹp và nhiều tiền ăn quà trong đầu óc, tôi vui vẻ đi học, em Quế tôi ríu rít đem cỗ chuyền theo chị em đi chơi.

Thấm thoát tới mùa đông.

Nhắc đến mùa đông, tôi có cảm tưởng những mùa đông thuở xưa rét mướt buồn tẻ hơn những mùa đông mới đây và hiện nay. Vì những ngày mưa phùn dài lạ lùng với những cảnh vắng vẻ, lạnh lẽo như không bao giờ hết. Phố tôi ở là phố Hàng Sũ, chỉ tấp nập những dạo tháng tư, tháng năm tới tháng bảy, tháng tám. Bắt đầu sang một, chạp và giêng, hai thì đường xá thưa hẳn người đi lại. Vắng những tiếng cưa gỗ xè xè và đục đẽo lách cách, sự sinh hoạt như ngừng trệ hẳn.

Tôi hãy còn những cảm giác tê lạnh khi hồi nhớ lại cái nền mây sẫm lởm chởm như ruộng màu mới cày vỡ và thứ hơi mờ mờ như khói do các cây cỏ ủng nát trong lạnh lẽo phả ra.

Món tiền mẹ tôi cho vừa tiêu hết là tôi mong ngóng mẹ tôi về. Càng mong ngày Tết đến, thời gian qua càng chậm, tựa hồ như không chịu chuyển gì cả. Nhưng khi sắp nghỉ lễ Nôen, nghĩa là chỉ còn hơn một tháng nữa sẽ hết năm, mà mẹ tôi vẫn còn ở Thanh Hóa thì tôi lại cầu sao từ 23 đến 25 chạp tây ngày giờ chậm bao nhiêu hay bấy nhiêu. Vì tôi thấy tâm linh báo trước gần nhất đến 29 hay 30 Tết, mẹ tôi cố chạy chợ cho được đồng gạo, đồng thịt cá cho nhà, tấm áo manh quần cho con cái, nghĩa là cho cái Tết được đầy đủ, thì mẹ tôi có về mới về. Như thế tôi còn mong gì được hưởng những vui sướng về đêm Nôen như mấy năm xưa?

Luôn hai ngày nghỉ học, tôi chỉ ở nhà một lúc ăn cơm, còn thì lang thang hết phố này sang phố khác, thấy đám đáo hay đám chẵn lẻ nào cũng sà vào. Nhìn những đồng trinh "câu díu" san sát trên vạch chỉ ở mặt đất, nhìn những đồng xu hào thành đống ở hai mặt

chẵn lẻ, tôi càng nóng rực cả người lên. Gần những kẻ được bạc, tôi bứt rứt khó chịu quá. Trẻ con cũng như người lớn sao họ tươi tỉnh thế kia? Sao họ vui vẻ thế kia? Mặt mày ai cũng đỏ bừng, mắt lấp lánh, tiếng cười hể hả sang sảng, tỏ rằng họ đã sung sướng đến cực điểm.

Hơn hai năm trước đây, những ngày hè oi ả chang chang, tôi đã chẳng tràn trề khoái lạc trong sự bê tha ấy sao? Mặc người quen thuộc chê bai khinh bỉ, nào bố nghiện để con lêu lổng, nào đánh đáo để kiếm gạo và thuốc phiện, nào mồ mả đã đến ngày lụn bại... Mặc! Tôi đã thản nhiên sống lang thang với các trẻ và các cảnh đầu đường xó chợ kia. Chính nhờ những đồng tiền kiếm được trong những ngày rạc rài ấy, tôi đã làm sáng nổi hai con mắt mệt mỏi, ốm yếu của thầy tôi và làm nở trên cặp môi nhợt nhạt của thầy tôi những nụ cười. Những tia sáng của hai con mắt ấy, những nụ cười của cặp môi ấy, đến khi tôi lớn, nghĩ tới, tôi mới thấy thấm thía. Cha tôi đã biết mình không còn thể sống được bao nhiêu lâu với hai đứa con nhỏ dại kia thế nào cũng hư hỏng bởi thiếu sự chăm nom, dạy dỗ, và sống thế chỉ là kéo dài sự đau khổ với người vợ cũng chết dần trong cảnh miễn cưỡng của tình yêu thương.

Đã đến đêm hai mươi bốn tháng chạp tây rồi. Em gái tôi vẫn nhởn nhơ chơi đùa. Nó hí hửng săn đón tụi bạn học cũ để hỏi tiền chúng ăn quà chịu của nó và mua thêm ít hoa quả như bưởi, khế, hột sắn để sáng mai ra cổng trường bà xờ ngay bên cạnh nhà bán tranh với tụi hàng quà. Cô tôi đánh chắn vắng. Bà tôi ở nhà nhưng không thèm hỏi gọi đến tôi.

Mười giờ hơn, tôi lẳng lặng ra đi, vận áo chùng thâm, đầu trần, chân không.

Trên đỉnh gác chuông nhà thờ, những ngọn đèn mắc thành hình ngôi sao năm cánh đã bật sáng. Hơi sương bàng bạc trước ánh đèn điện sáng ngời bị dồn cao lên và tan ra xa, sau đấy một mảng trời trông như tấm màn nhung xanh phớt sắp sửa vén lên. Rồi những bóng điện mắc song song từ đỉnh gác chuông xuống tới thềm đá cũng bật sáng nốt, làm thành một cây ánh sáng chói lọi. Dân đi đạo ở các "họ" quanh tỉnh đã dồn cả lại trước nhà thờ. Tốp năm tốp bảy ngồi kín cả cái sân đá xây cao bảy bậc, rộng đến nỗi các trẻ con chạy cũng phải cuồng chân. Đằng trước nhà thờ, không biết bao nhiêu hàng quà bánh và ăn mày, họ ngồi đầy ở trước và ở hai bên nhà thờ và hè bên kia đường.

Mặc có bộ quần áo chúc bâu mỏng và chiếc áo chùng thâm đã toạc vai, tôi thấy khí lạnh thấm vào da thịt càng tê buốt, và mỗi lần gió đông như ngọn roi quất nhanh qua mặt, tưởng như hai gò má bị một lưỡi dao sắc cứa dài. Đi lại mãi, hơn mười vòng chung quanh nhà thờ, và rồi len lỏi bao nhiêu lượt vào các đám đông, hai ống chân tôi đã mỏi rời.

Tiếng chuông bỗng nổi dậy. Rồi cả bầu trời rung chuyển lên bởi những vang động dồn dập đổ hồi. Cửa nhà thờ đã mở rộng. Một vòm chói lòa ánh sáng đèn nến và ánh ngời của thủy tinh, của pha lê và của vàng son tỏa ra. Tây đầm đi vào trước. Cả bầu đoàn, vú bế, vú dắt, chị hai, chị khâu, bé con cầm áo choàng và làn mây đựng đầy bánh kẹo hoa quả, ríu rít theo sau. Tất cả nghênh ngang đi ở giữa lối nhà thờ rộng thênh thang với những hàng ghế trên cùng lót nhung cả ở chỗ quỳ chân. Rồi đến những chức sắc, những quyền quý giàu có trong bốn "họ" khệnh khạng, bệ vệ, hớn hở.

Khi nhà thờ nóng rực lên vì các lớp quần áo lấp lánh và mùi phấn sáp, nước hoa ngào ngạt, khi các thứ đàn sáo nhịp với chiếc đàn to bằng cả một gian nhà và hàng trăm đồng nhi và con gái thơ kinh cùng cất tiếng lên để đón tiếp sự thanh bình, vinh hiển của những lớp người sang trọng vào trước, thì tụi bõ nhà thờ mới buông tay ngăn cản. Tức thì một làn sóng người rách rưới lếch thếch tràn vào, không phải bằng lối cửa chính mà chen chúc xô đẩy nhau ở các cửa bên mãi sau mới hé mở. Cảnh tượng huyên náo hỗn độn như của những dân bị lụt chen lấn nhau để lấy một chỗ đứng trước nhà tế bần.

Vượt nhanh khỏi mấy bậc thềm đá, tôi cố gắng lách mình qua một chặng người để có thể nhìn thấy bàn thờ nhưng không sao được. Đã đến thế, mỗi lần tôi rúc đầu lách mình vào các đám đông hôi hám ở ngoài cùng ấy thì lại bị một người trong bọn đẩy xuống nếu không phải một cái cốc lỗ đầu. Dần dần tôi mất cả cái hứng thú xem cử lễ. Dần dần tôi thấy sự lạnh lẽo thấm thía hơn. Dần dần tôi cảm thấy một cách cay chua bên sự trơ trọi hèn hạ của tôi, một đứa trẻ côi cút cùng khổ, có bao nhiêu người vui sướng, say sưa, chỉ chạm đến tôi, họ cũng không dám.

Tiếng đàn sáo ca hát rướn lên, dồn dập tưng bừng. Nhưng tôi đã bước khỏi bậc cuối cùng của cái sân đá cũng kín người, – những người nhà quê đến chậm. Tôi lủi thủi đi ngược lên phía trên rồi

ngoặt ra con đường trung tâm của thành phố, có khu vườn cây, vườn hoa và những chuồng chim mọi ngày tôi thường thơ thẩn ở đây và đi qua đây.

Tôi không về nhà.

*
* *

Màn sương đã lan rộng. Cảnh vật mơ hồ và êm đềm như ở trong một biển khơi khói chập chờn mông mênh. Những vừng cây ở hai bên đường xanh thẫm lại, ẩm ướt nặng nề. Trời dần lạnh. Mỗi lần gió vút qua mặt tôi, tôi thấy có những bụi nước hắt vào da thịt. Cứ gì phải dầm lội trong mưa bão mới có những cảm xúc lạnh lẽo mãnh liệt. Như tôi trong đêm nay chỉ đi trong vắng lặng và nhớ thương người mẹ hiền từ cũng đủ rạo rực và đau đớn đến tê dại.

Gió càng mạnh. Khí lạnh đêm khuya càng thấm. Những mảnh lá chạy xào xạc trên mặt đường, chạy cả vào lòng tôi cùng với những âm thanh mơ hồ như của tiếng chim rủ rỉ ở đâu đây. Ánh điện dần phơn phớt xám. Soi sáng cho cảnh vật vắng lặng chìm đắm lúc bấy giờ là hơi sương bàng bạc, hơi sương sữa một đêm trăng nặng mây. Trong lòng tôi, tiếng lá lao xao như không bao giờ tắt. Giá buốt quá. Trong lòng tôi xác lá vụn mãi ra, nhiều bao nhiêu lại biến nhanh đi bấy nhiêu. Tôi đi, mê man, với hình ảnh một đám ma tẻ lạnh không kèn không trống.

Chính ngày rằm tháng tám, giữa lúc trẻ con hàng phố hoan hỉ trước bàn cỗ trông trăng, em Quế tôi và tôi lôi thôi trong bộ quần áo sổ gấu, lẽo đẽo theo sau một cỗ đòn cũ mang cái áo quan thầy tôi có hơn chục người khiêng cũng ở cổng nhà thờ đi ra. Đám ma đi, đi rất thong thả, qua đầu phố nào cũng được mọi người chăm chú nhìn vì trong người đưa đám chỉ thấy có hai đứa bé khóc. Em Quế tôi và tôi suýt soát nhau, chỉ sướt mướt hờ "Cậu ơi! Cậu ơi!... Hư hư cậu ơi!!..." Tiếng khóc ngộ nghĩnh nức nở thốt ra làm nhiều người quay mặt đi cười. Người chị gái thầy tôi luôn luôn phải lùi bước lại, ghé tai bảo chúng tôi:

– Đừng hờ là cậu, hờ là cha cơ...

Nhưng chỉ được vài câu rồi vì quen miệng, anh em tôi lại:

– Cậu ơi! Hư hư cậu ơi là cậu ơi!...

Bao nhiêu năm tháng, tiếng "cậu" đã bắt đầu cho bao nhiêu câu gọi bỗng chốc thay đổi sao được? Khóc bằng "cậu" lúc đó tôi thấy mới thật là khóc. Khóc bằng "cậu", tôi còn thấy thêm như tôi được gần thêm con người thân yêu nhất của chúng tôi và chúng tôi phải cố níu giữ lấy với cái "tên" duy nhất kia.

– Cậu ơi là cậu ơi!...

VI. TRONG ĐÊM ĐÔNG

Mặt sau cái bìa lịch đã kín chữ rồi! Mỗi lần đau tủi, căm hờn, tôi đều biên vào mặt bìa vài dòng thật nhỏ, viết bằng một thứ chữ riêng chỉ mình tôi đọc hiểu thôi, tóm tắt ngày tháng và những sự việc, những nỗi niềm, những ý nghĩ của tôi:

Ngày 12-11-1931. – Cô C. chắt nước ở liễn cháo gà đã vữa vào cái bát con. Cô ấy gọi cho mình ăn. Ai thèm ăn? Dù đã đói lả! Cô ấy quý đầy tớ hơn mình mà.

Ngày 14-11-1931. – Phải nhớ cái tát và câu rủa xả này cho đến chết: "Hồng ơi! Bố mày nó chết đi, nhưng còn có mẹ mày nó dạy mày. Cầm bằng mẹ mày đánh đĩ theo trai, bỏ mày lêu lổng thì đã có chúng tao".

Mẹ ơi! Con khổ quá mẹ ơi! Sao mẹ đi đâu thế? Mãi không về! Người ta đánh con vì con dám cướp lại đồ chơi của con mà con người ta giằng lấy. Người ta lại còn chửi con, chửi cả mẹ nữa. Mẹ xa con, mẹ có biết không?

Ngày 20-11-1931. – Giá ai cho tôi một xu nhỉ? Chỉ một xu thôi! Để tôi mua xôi hay bánh khúc. Trời rét thế này, đi học một mình, vừa đi vừa cắn ngon xiết bao! Không! Không có ai cho tôi cả. Vì người ta có phải là mẹ tôi đâu!

Ngày 26-11-1931. – Nó khóc mà mình phải chửi có ức không? Ai trêu ghẹo cô ấy mà cô ấy nỡ lòng réo tên cái mẹ mình lên mà chửi?: "– Cái giống nhà tao không có ai thâm hiểm đâu. Chỉ có mày thôi. Mày là cái giống con cái L. mẹ mày. Quyển truyện đáng giá bạc trăm hay sao mà mày dằn ngửa con tao ra mà cướp lấy?".

Ngày 29-11-1931. – Thế mà cũng đọc kinh! Cũng xưng tội. Cũng hàng ngày chịu lễ. Chúa nào dạy có thức gì là dấm dúi cho cháu

ngoại? Nó ăn đến bỏ thừa mứa cũng còn cố ép cho nó ăn. Thôi cũng chỉ tại đồng tiền. Giá mẹ tôi hàng tháng gửi tiền về thì tôi chả đến nỗi đâu!

Ngày 1-12-1931. – Cậu ơi! Sống khôn chết thiêng cậu có biết cho con không? Mà con cầu xin cậu lẽ nào cậu lại không nhận lời con? Cậu phù hộ cho con được lấy một hào thôi. Con đói lắm cậu ạ! Trời lại mưa rét quá.

Ngày 4-12-1931. – Con cháu họ nó là gì mà không sai? Một trinh vừa muối vừa tương cũng đến mình vác bát đi mua. Đi học về đói mờ cả mắt, sắp cất bát cơm và mà phải đặt xuống, nghĩ mà rơi nước mắt.

Mẹ ơi! Sao mẹ đi lâu thế? Mãi chẳng thấy mẹ về?

Có một lần bà tôi lạy van hết chỗ này đến chỗ khác mới cầm cái áo the mới độc nhất còn lại để mặc đi lễ được một đồng bạc thì trả ngay tiền quà cho đứa con gái con cô tôi hết sáu hào, và, còn mua thêm cho hai gắp chả và bún nữa. Lúc ấy cơm nước đã sẵn sàng. Nhưng tôi vừa mới cất lời hỏi xin, chưa dám nói là xin gì thì bị hất ngay tay đi. Tôi vừa khóc vừa ghi vào bìa lịch.

Ngày 13-12-1931. – Cậu ơi! Cái D. nó là cháu cậu đấy. Nó sướt da một chút thì bà cũng đủ đứt ruột ra.

Người chị gái thầy tôi là cô C. Hồi thầy tôi còn sống, không bao giờ cô C. dám bén mảng đến nhà tôi. Cô bị thầy tôi cấm cửa. Duyên cô ta giàu có. Cô có cả một cửa hàng đóng đồ gỗ, trong nhà lúc nào cũng hàng mười người thợ. Tủ, sập, bàn ghế, khung ảnh, cửa hàng có đủ các kiểu lạ của bên Tây, bên Tầu, Nhật Bản, lần nào đi bày Hội chợ cũng được bằng khen. Nhà cô không còn một chỗ nào hở, những đồ sứ, tranh ảnh và hoa lá. Và người cô lúc nào cũng đầy vàng. Hột vàng quấn đầy cổ lại còn kéo trễ xuống ba vòng trước ngực. Đôi hoa tai to như cái khóa. Ngón tay trông to một cách đáng sợ vì những chiếc nhẫn nạm các kiểu mặt ngọc thạch xanh đỏ.

Cô C. không có con. Cô sợ lúc chết thì tôi ăn thừa tự bèn độn bụng to lên rồi giả vờ ốm nghén. Năm ấy cô hơn bốn mươi tuổi và đã kêu chửa không biết lần thứ bao nhiêu. Chờ đủ ngày tháng, cô C. bắt đứa con riêng chồng mới đẻ về, nhận là con mình. Thằng bé này xa mẹ nó, khóc quá sinh sài, người róc đi như con nhái bén. Lớn lên nó vẫn gầy còm và trông rất buồn cười vì hai mắt đầy lòng trắng, mở thao láo dưới mí mắt mọng những gân xanh. Tôi và em Quế tôi gọi

nói là thằng Chẫu con. Hôm cô C. bênh đứa con ấy, vác củi tạ phang tôi lết chân đi không được nữa; tôi ghi sau đây:

Ngày 13-12-1931. – Đây có thèm tranh gia tài với thằng Chẫu con đâu mà định đánh chết đây.

Tôi còn biên nhiều lắm. Và mảnh sau bìa cũng đã hết chỗ rồi. Thôi nghe kể lại mấy đoạn trên kia, các bạn cũng đủ thấy mau chóng và rõ rệt quãng đời thơ ấu của tôi ra sao khi thầy tôi mất, mẹ tôi bỏ anh em tôi đi tha hương cầu thực. Và rút bớt những mẩu nhật ký ngộ nghĩnh kia đi, tôi còn sớm được dẫn các bạn cùng tôi đi vào những cảnh thấm thía bởi những giấc mơ mong manh của những đêm kỳ thú của tôi.

*

* *

Nhà tôi không ở phố Hàng Sũ nữa, dọn ra phố Bến Gỗ ở chung với nhà cô C. Cô C. cũng bán nhà không dọn hàng gì nữa, chỉ ngồi ăn và chắn cạ.

Vì ở nhờ nên chúng tôi, bà nội tôi, cô G. em gái thầy tôi, đứa con gái cô G. và anh em tôi, bị nhét xuống bếp. Một gian nhà rộng chừng hơn hai manh chiếu lại còn phải chừa một khoảng làm bếp chung cho ba gia đình gần hai chục người. Cạnh nhà là một cái lối vừa là đường đi lên nhà trên, vừa là chỗ rửa bát và rãnh thoát nước. Diện tích còn lại vừa đủ kê một cái giường con, một cái bàn, một cái hòm sát với nhau không hở một phân, và dưới gầm giường không bao giờ được ai chui vào quét cả vì chồng chất các thứ củi đóm và rổ rá. Mặt bàn đầy những ấm chén, cơi trầu và các đồ dùng của bà tôi. Trên chiếc hòm chậtních quần áo của cô tôi, xếp thêm hai, ba chiếc thúng đựng các thứ giẻ rách. Các thứ giẻ rách ấy là quần áo của anh em tôi và sách vở.

Không thể nằm và cũng không được nằm chen vào cái giường đã thừa người kia nó chỉ chực đổ sụp lên những nồi niêu bát đĩa ở bên dưới, tôi phải nằm ở cạnh phản gỗ nhỉnh hơn chiếc ghế dài kê sát với giường ngay rìa lối đi lại. Chính trên cánh phản này, tôi đã thao thức trong bao nhiêu đêm vắng lặng mà ngoài trời mưa phùn và sương đặc dệt thành màn trùm lên cảnh vật, và tiếng gió vu vu một giờ một thổi sâu vào lòng người.

Chiếc chăn tôi đắp là cái đệm trước kia thầy tôi vẫn dùng để lót chỗ nằm hút thuốc phiện. Nó vừa ngắn, hẹp lại vừa mỏng. Tôi đã đem phơi nhiều lần nhưng nó vẫn thoang thoảng cái mùi khen khét của dầu lạc, khói thuốc lào và hơi người chung chạ. Không thể đắp trùm lên mặt, tôi phải lồng nó vào chiếc chăn đơn bằng vải nâu của cô G. tôi thải cho. Tôi còn phải đắp thêm một chiếc chiếu và nằm co dúm người lại, đầu gối chạm cằm, áp lấy ngực, cuộn đè cái mép chăn không cho thò một mẩu nào ra ngoài, để giữ lấy hơi ấm. Từ chập tối đến nửa đêm, tôi còn chợp mắt ngủ được, nhưng từ lúc gà gáy đổ hồi cho tới sáng, tôi không thể nào nằm yên được với cái rét. Tôi nằm nghiêng chán lại nằm sấp. Khi ngực đau chói lên vì nằm sấp, tôi lại nằm ngửa, co đầu gối lên, ôm chặt lấy. Lúc đó tôi cảm thấy khắp người tôi, từ ngoài da vào trong ruột, từ ngón chân đến vành tai, đều buốt rức. Có bận tôi phải nằm duỗi dài, bắp đùi căng thẳng, cánh tay khoanh lại trên ngực, cố thiếp đi trong cái mệt nhọc vì vận dụng đến hết cả gân sức và não cân nọ. Nhưng chỉ được vài phút, khí lạnh luồn qua chăn và như có cục nước đá xoa trên bụng tôi, thì tôi phải cựa quậy, lại phải giở mình.

Bên ngoài, gió vẫn thỉnh thoảng rít lên. Đồng thời một loạt tiếng rào rào ướt át nổi dậy rồi biến mất trong hoang vắng. Những âm thanh lạnh lẽo ấy càng gợi ra trong trí tưởng tôi những lùm cây cối xay mềm, lả xô cuốn nhau để thoát khỏi mặt cỏ lùng bùng và những khóm cải hoa, thìa là tơi bời vì đã vùng vẫy để cũng như cố vượt ra khỏi khoảng vườn chật hẹp, gai góc và ứ bùn cống rãnh kia. Trằn trọc suốt mấy giờ, tôi rời rã hết cả cơ thể và tâm trí. Sau cùng, tôi thật thiếp đi, cái vắng lạnh của đêm khuya đã đưa tâm hồn tôi đến những cảnh mộng xa xôi.

Biết bao nhiêu cảm giác, bao nhiêu ý tưởng đằm thắm và say sưa đã rung động và mơn man cõi lòng tôi. Tâm tư tôi không còn lởn vởn những sự phẫn uất ghen hờn, nên những cái gì là tốt đẹp của một trẻ nhỏ đều được hoàn toàn nảy nở trong những giấc mơ tươi sáng và quen quen ấy. Tôi gọi là những giấc mơ "quen quen" vì những cảnh vật mộng tưởng kia không xa lạ, cầu kỳ một chút nào. Chỉ là những cảnh vật đã diễn ra lúc ban ngày, một hôm gần đây, hay một tuần lễ đã qua lâu rồi, hay một năm đã xa, dạo tôi lên bảy, lên tám tuổi.

... Một đêm kia, tôi thấy em Quế tôi và tôi vịn vai nhau leo từng bậc thang để lên một cái gác nhỏ hẹp của ngôi nhà ít cửa sổ, không

có trần và lan can bằng gỗ ở phố Hàng Cau kia mà thầy tôi đã bán đi lấy tiền ăn hút. Em gái tôi bê một cái rổ con đựng bỏng cốm, khoai lang, lạc rang và bánh khảo. Tôi, tôi bê một rổ to đầy những vỏ hến, hộp thuốc phiện, ống sữa bò hạng nhỏ, dao, thớt con và những đôi đũa bằng những que tăm.

Thưa các bạn, đó là hai đứa trẻ sắp sống một đời phiêu lưu giữa rừng sâu núi thẳm theo sự tưởng tượng ngây ngô của chúng. Rừng đây là mấy chậu cảnh của thầy tôi bày ở cái sàn gác rộng hơn manh chiếu, chỗ độc nhất lấy không khí và ánh sáng xuống cho khu dưới nhà. Cái cù lao nhiều thú dữ chưa từng có chân người đặt tới là cái xó gác chật hẹp chất những bồ bịch và chăn chiếu cũ. Còn cái hang trong lòng một dãy núi cao gần chấm mây xanh và bao quát hàng mấy trăm cây số là chỗ trống ở giữa một cái giường và bức tường.

Đồ ăn thức đựng của em Quế tôi xếp có thứ tự vào những rổ con treo trên cái chân niễng giả làm cành cây. Vì không cất cẩn thận như thế, nhỡ ra lúc vắng nhà, đi săn bắn, đánh cá hay đi tìm kiếm các kho vàng ngọc châu báu, hùm beo đến phá phách hủy hoại đi, thì hai nhà phiêu lưu kia biết lấy gì mà ăn uống để có sức vật lộn với những mưa bão gió tuyết và cầm thú hung ác.

Chúng tôi ăn rất dè sẻn. Hằng tháng – vài phút là một tháng – mới làm thịt một con lợn. Lợn là củ khoai lang cắm bốn cái tăm, chỗ múp là thủ, những khoanh to sau là bụng và đùi. Cố nhiên bốn cái chân giò phải vứt đi! Còn gà vịt chim cá là những hột lạc và bỏng cốm. Chúng tôi đun nấu trong những ống bơ sữa bò mỗi ngày vài con. Thức ăn xúc ra những vỏ hến, chấm với bánh khảo bóp vụn giả làm muối, làm đường.

Tôi lớn phải chống chọi nhiều với các ác thú, phải săn bắn lặn lội gian nguy vất vả thì được ăn nhiều hơn. Nhưng ở giữa chốn rừng núi hoang vu kia, là đàn ông, tôi phải biết hy sinh cho người bạn gái trôi giạt với mình. Như thế, mỗi khi em tôi ngoan ngoãn sẻ thêm cho tôi ít xôi hay đỗ lạc, tôi lại vuốt ve nó, ngọt ngào nói rằng:

– Em ăn đi, anh no rồi. Anh khỏe, anh ăn ít cũng được. Còn em yếu đuối em phải ăn nhiều thì mới có sức cùng anh đánh nhau với thú dữ chứ.

Những ngày mưa gió.

Ngoài trời, từng thác nước mưa đổ xuống.

Gió réo vang.

Thỉnh thoảng một làn chớp vụt xé tầng máy đen sẫm.

Chúng tôi càng xuýt xoa: "Cứ mưa đi! Mưa to nữa đi!!!".

Tôi chạy xuống dưới nhà, xúc một ít than hồng ở bếp đương làm cơm bán cho khách hàng, lấy trấu rấm vào chiếc hộp bánh bích quy, đưa lên gác sưởi. Anh em tôi cùng hơ tay trên lửa đỏ, xuýt xoa như rét buốt lắm. Em Quế tôi nũng nịu nói với tôi những câu hết sức ngộ nghĩnh. Sau cùng nó ngả đầu vào vai tôi rồi giả vờ ngủ.

Thức ăn đã hết. Bữa thuốc của thầy tôi cũng vừa xong. Chúng tôi phải thu xếp đồ chơi lại, xuống dưới nhà để thầy tôi ngủ.

Thế là tạm ngừng một mẩu đời phiêu lưu của hai nhà mạo hiểm tý hon. Giấc mơ nhẹ nhàng và man mác như khói thổi cơm chiều lặng xuống, quyến ánh nắng thu vàng tiêu tan, để lại trong lòng tôi tới mãi lúc sáng rõ, có khi đến ngày hôm sau, những êm ái vô cùng. Sống trở lại những quãng đời ngây thơ mà mọi người mọi vật đối với tôi đều là những nguồn cảm rất phong phú, tôi càng bâng khuâng nhớ tiếc.

... Và một đêm, bị bà tôi mắng nhiếc tàn tệ, tôi uất ức thầm thì khóc tới một hai giờ. Rồi nhọc quá, tôi ngủ thiếp đi lúc nào không rõ. Thoát khỏi những sự đau tủi giày vò tâm hồn tôi lại trở nên thư thái, đi vào một cảnh mộng rất tươi sáng.

Đó là một buổi tối tôi đi học thêm ở nhà một bạn học, trên con đường vắng về nhà. Dưới ánh trăng bàng bạc bỗng hiện ra một bóng người mảnh dẻ, nhẹ bước trên bóng những cành lá xoan tây mờ mờ xao động suốt dải đường nhựa lấp loáng. Tôi vội chạy theo, nhưng không kêu gọi. Bóng người liền quay lại. Tôi thoáng thấy hai con mắt long lanh trên gương mặt trắng mát chiếu lên nhìn tôi. Trước chiều gió, những sợi tóc bay xõa ra như tơ, phấp phới dưới vành trăng ngọc. Tôi vội nắm lấy hai cánh tay ẻo lả của người con gái nhỏ tuổi ấy giơ ra đón tôi như trao cho tôi, muốn đưa đi chạy nhảy, múa hát hay nô đùa thế nào thì muốn. Bao nhiêu phút giờ không rõ, tôi và cô bé có một da thịt ấm áp và những tiếng nói âu yếm thơm tho kia đầu tựa vào vai nhau, im lặng trong con mắt nhìn thẫn thờ như xót

thương, như san xẻ, chia đắp cho nhau. Không biết trong lòng cô bé đó có những cảm tưởng gì đương nảy nở. Riêng tôi, tôi thấy hồi hộp, ngực lạnh hẳn đi.

Tôi chẳng còn nghĩ đến cảnh đời đày đọa của tôi nữa. Lắm phen tôi muốn khẽ cất một tiếng nói bên tai cô, nhưng vừa trông qua vẻ mặt dịu hiền với đôi mắt lặng lẽ và những sợi tóc nhẹ nhàng phấp phới kia, tôi lại run sợ, ngồi im. Dần dần, tôi thiu thiu ngủ trong đôi mắt và hơi thở của cô bé mảnh dẻ. Trên bờ hè, ở chỗ chúng tôi ngồi, những vụn lá xoan vàng luôn luôn bay lên, tản mạn ra các nơi. Đồng thời lại có những vụn lá khác như bụi của vành trăng trong biếc loang loáng rơi xuống, rắc cả lên mái tóc chúng tôi và bay cả vào lòng chúng tôi.

Thu – Tên cô bé mảnh dẻ dịu dàng đã sống với tôi những giây phút êm đềm trong giấc mơ – là một cô học trò bằng trạc tôi. Hằng ngày, Thu cùng với tôi đi về một đường. Trường học Thu cách trường học tôi chưa đầy một trăm thước, cách nhau có một bờ hè, một đầu đường và một hàng cây. Muốn tránh sự lôi thôi xảy ra cho bọn trò nhỏ (bao giờ gây lỗi cũng là bọn con trai), bà đốc trường Thu bao giờ cũng để học trò mình về sau. Nhưng tôi cứ lùi lại để gặp Thu, hoặc đứng dưới mái hiên ở đầu đường chờ Thu đi qua.

Mới mười ba tuổi, đối với người con gái nhỏ bé ấy, tôi không hề có ý nghĩ gì vẩn đục cả. Tôi chờ đợi Thu, ngóng trông Thu như thế chỉ vì nhớ tiếc một buổi sáng.

Buổi sáng hôm ấy, dưới những bụi mưa phấp phới, tôi quàng tay qua vai một người mà tôi yên trí là thằng bạn của tôi, rồi đờ mặt ra xem các trò vui như nhảy bị, bịt mắt bắt dê, đi xe đạp buông tay cúi lấy đồ thưởng, của một ngày hội đình chiến. Một lúc lâu sau, cái cảm giác trơn và lạnh của một làn tóc gợn lên da tay tôi làm tôi giật mình. Tôi liền cúi nhìn mặt người mà tôi khoác vai.

Trời! Không phải là cái thằng mắt lác, đen như củ súng, cùng tôi đá bóng cả ngày, người cũng bẩn như trâu đằm ấy, mà là một người con gái thấp hơn tôi một chút, tóc màu gụ, nổi những đợt sóng mượt trên cái lưng thon, mắt nâu trong sáng, hai vành mi, mềm mại đen nhánh, môi tươi thắm.

Rồi bóng dáng người em gái nhỏ tuổi cứ theo dõi mãi tâm trí tôi. Tôi không lúc nào quên được bàn tay gầy nhỏ của cô nhẹ nhấc

tay tôi lên và hai mắt nâu trong đưa nhìn tôi rất nhanh, ngạc nhiên, bàng hoàng, luống cuống. Luôn mấy tháng, những lúc cơ cực, đau đớn, hễ tôi cất tiếng khóc là tôi nghĩ ngay đến Thu, cô học trò bé nhỏ, xinh tươi dịu hiền quá, mà tôi mơ ước được quen, được cùng đèn, được ngồi cùng bàn viết, nhất là được kể tất cả mọi chuyện của tôi cho cô nghe và chỉ cần được đôi mắt lặng lẽ của cô nhìn tôi và nghe tôi nói thôi. Và, trong khi tôi khóc, trước cặp mắt tôi càng mờ lệ, thì những tà áo nhiễu tây nâu, làn sóng tóc màu hạt dẻ óng chuốt, nhất là đôi mắt và ánh trăng cùng bóng cây và vụn lá vàng bay, càng lung linh phấp phới.

Những ngày thơ ấu – Hồi ký

Nhà xuất bản Đời nay, 1940.

HAI NHÀ NGHỀ

(Truyện ngắn)

Tặng LÊ THANH XUÂN

Đã lâu lắm, Nhân không làm cái nghề nhào lộn ấy để kiếm cơm ăn. Nhưng, mỗi khi nghe thấy tiếng thanh la inh ỏi, tiếng phèng phèng khua ran, hay những điệu kèn đu đủ rè rè, Nhân lại thấy hồi hộp náo nức. Một cái gì mềm yếu lại đến rung động trong thâm tâm Nhân, và một sự chua xót lại làm tê dại cả lòng Nhân. Nhân thế nào cũng phải xa bọn trẻ làm trò kia.

Những ai đã từng nếm những vị ngọt bùi cay đắng của một nghề nào, hẳn có những phút giây bùi ngùi như Nhân, sau khi bỏ nghề ấy, bỏ hẳn nghề ấy. Nhất là kỷ niệm ấy lại của cái tuổi thơ ấu, dù êm đềm tươi sáng, hay thê thảm tối tăm, bao giờ cũng chan chứa cảm tình.

Một ngày xuân đã qua, một ngày xuân sáng ấm, đã khắc sâu vào tâm khảm Nhân một kỷ niệm không thể mờ nhạt được.

Hồi ấy bọn trẻ con cặn bã đã đặt cho Nhân cái tên kép: Nhân Đen. Vì hết năm ấy sang năm khác, lang thang trong nắng, mưa, gió, bụi, Nhân có một nước da đen nhẫy như nước gỗ lim của những bàn học cũ. Chúng lại còn gọi Nhân là Nhân đu đủ vì Nhân kiếm tiền của thiên hạ rất dễ dàng bằng những cái kèn "La Mát", "Mác-xây-e" hay "Ma-đờ-lông" thổi với ba ống đu đủ.

Trước kia, đi theo Nhân có một thằng bé kém Nhân ba tuổi. Nó không biết thổi kèn và ca những bài ca cải lương mà bây giờ nhiều người đã thấy chướng tai vô cùng, nhưng nhào lộn rất giỏi. Nhân gặp nó ở một chợ nhà quê vùng Hà Đông, dắt thuê cho một ông già ăn mày mù. Thấy nó kháu khỉnh, mắt sáng, môi đỏ mọng cười luôn, tóc hung hung mà xoăn, lại tinh nhanh, chỉ xem Nhân nhào lộn vài lần là nó bắt chước uốn cầu vồng và đi bằng tay được mấy bước, Nhân bèn rủ nó bỏ cái nghề ăn mày mà theo Nhân làm xiếc.

Cùng nhau lang thang nay đây mai đó được hơn một năm thì nó bỏ Nhân, vì nó biết làm nhiều trò và có thể kiếm tiền một mình, còn

Nhân thì ốm yếu luôn, nhào lộn, thổi kèn và ca hát ít. Mấy hôm đầu, Nhân khóc quên cả ăn. Luôn ba tháng, Nhân buồn rầu và nhớ nó như có anh hay em chết, ở dọc đường khi tha hương cầu thực. Nó bỏ ông già nọ vì sống với ông khổ sở và bệ rạc bêu riếu quá, nhưng làm bạn với Nhân, được Nhân thương mến, có cái gì cũng chia sẻ cho, mà nó đánh rơi ngay Nhân khi Nhân cùng quẫn thì còn sự bội bạc nào khốn nạn hơn?

Tuy một phen bị phản bội, Nhân vẫn cố tìm một đứa bé kháu khỉnh và tinh nhanh khác để truyền hết các môn múa lộn và thổi kèn. Nhưng, hơn hai năm, Nhân chẳng gặp đứa nào hết. Sang năm thứ ba, Nhân càng ốm yếu, rồi sang năm thứ tư, Nhân bắt đầu đi sâu vào một quãng đời cùng cực.

Tiếng hát của Nhân đã khàn khàn. Tiếng kèn không vang to và ngân dài ra như trước. Nhân đi bằng tay chỉ được bốn năm thước, nhiều lúc trên dây thép Nhân phải bỏ dở trò vì thấy đầu óc nóng rực lên, mắt nảy đom đóm.

Nghề làm xiếc của Nhân đến thời kỳ cùng mạt rồi!

*

*   *

Nhân bỏ Hải Dương về Hải Phòng giữa lúc người đời đương vui cùng xuân mới. Rời cái tỉnh nhỏ lèo tèo vài phố vắng đến một thành phố sầm uất, Nhân hy vọng sẽ kiếm được món tiền kha khá đủ cho Nhân chuộc lại bọc quần áo gán cho mụ hàng cơm và cắt mấy chén thuốc.

Xe lửa qua khỏi cầu Phú Lương lại bắt đầu phóng rất nhanh, đến các quãng đường vòng, tưởng như xe sắp chồm ra ngoài đường sắt.

Ánh nắng vàng tươi đã hửng khắp bầu trời không gợn một vết mây đen, rồi tràn ngập mênh mông khắp vùng quê yên lặng trong những màng nước mong manh. Khi mặt trời lên cao và gió lồng lộng tung cát lên thì đâu đâu cũng vang động. Từ cánh đồng bao la luôn luôn rướn cao lên và cúi rạp xuống những ngọn lúa xanh rờn, từ những chòm cây, những lũy tre lấp lánh đều ngun ngút sinh khí, đều kêu gọi lòng ham sống của con người.

Mê mải nhìn những cánh chim nhịp nhàng bay về phía trời ửng hồng, Nhân phút chốc mất hết những sự chán nản, buồn phiền.

Nhân hân hoan cảm thấy nếu mình còn sống thì thế nào cũng gặp những ngày sung sướng. Lòng Nhân nhẹ lãng và êm ấm, Nhân không còn nghĩ đến những cảnh vừa qua. Nhân nằm liệt trong những quán trọ bẩn thỉu, đã không được một ai săn sóc lại còn bị hắt hủi, xua đuổi. Tâm trí Nhân cũng giũ hết cả mọi sự căm hờn, phẫn uất.

Xuống ga Hải Phòng, đeo túi vải trên lưng, Nhân đi đến Ngã Sáu, rẽ xuống phố Tám Gian. Thấy không có mấy đám bạc và nhiều trẻ con, Nhân quặt ra phố Cầu Đất. Phố này có bót cảnh sát, các đám bạc cùng mạt không thể họp được. Nhân phải lên phố Khách. Đến vườn hoa Đưa người thì Nhân dừng lại. Nhân đặt cái túi vải xuống thềm gạch. Nhân tháo miếng vải vàng trước kia lợp mui xe đeo ở sau lưng ra. Nhân quăng nốt cái mũ dạ tàng dúm dó lên cái túi đỏ. Sau cùng, Nhân mặc một cái "may ô" đỏ ròng rọc đen và cái quần cộc láng thâm cạp trắng, đoạn lấy ở túi vải ra cái kèn bằng hai ống đu đủ, gióng nhỏ và dài cắm vào đầu gióng ngắn và to.

Nhân phồng má lên thổi một bài kèn.

Cũng như lần trước, trăm nghìn lần trước, điệu kèn nhà binh lúc thắng trận kia đã kéo đến chung quanh Nhân rất đông người. Nhân hởi dạ, ngẩng mặt lên trời dùng hết hơi thổi một đoạn cuối.

Sao hôm nay điệu kèn vang to thế? Hay bởi dạ dày Nhân rỗng quá nên Nhân nhiều hơi chăng?...

Điệu kèn bỗng ngừng, dưới ánh mặt trời đã chói lọi gay gắt, Nhân Đen từ từ đưa ngang cánh tay khẳng khiu gạt mồ hôi trán. Một giọt rớt xuống mắt, xót quá, Nhân phải dùi dụi một hồi lâu bằng mảnh khăn bông giắt ở cạp quần. Rồi Nhân nhấc miếng vải vàng trải ra giữa thềm gạch.

Bắt đầu từ phút này, Nhân Đen mới được người ta chú ý một cách sốt sắng.

Chung quanh Nhân có tới hàng mấy trăm người. Nhiều nhất là trẻ con, đến các nhà phu phen ế việc, những người đi ở vờ vịt ra máy lấy nước và vài bọn đàn bà nhà quê bỡ ngỡ ra tỉnh. Nếu không có mấy người quần chùng áo dài và mấy người lính vừa uống rượu ở hàng ra thì tốp khán giả nọ sẽ làm Nhân Đen dù kiên tâm tới mực nào cũng phải nản lòng. Với những người xem cũng túng thiếu, cũng bệ rạc như mình thì Nhân có còn trông hòng gì?

Nhân Đen đi ngược bằng tay ba bốn lần chung quanh hè, lại đến

trồng cây chuối và nhào lộn trên mặt đất.

Nhân như không phải là người bằng xương mà toàn bằng gân bằng thịt. Lưng Nhân lại uốn cong như lưng tôm, hai chân Nhân lộn ngược về đằng sau quặp lấy cổ, cánh tay Nhân như rắn vờn trên mặt đất.

Bao nhiêu tiếng vỗ tay, tiếng reo hò không ngớt. Trong phút ấy, từ người lớn đến trẻ con tưởng chừng như đã lạc vào được một rạp xiếc nào. Họ không ngờ bỗng dưng lại được những sự khoái chí đến chừng ấy. Trời! Một cuộc vui hiếm có làm sáng lên cả một quãng ngày đói khó của một đời hèn hạ kéo dài.

Những trẻ con ăn mày, những trẻ bán hàng rong ế ẩm thích chí quá nhảy như choi choi. Những người phu khuân vác mồ hôi chảy đẫm trên lưng da bóng nhẫy, và những người lính sặc hơi rượu gật gù: "Được, được. Giỏi!" Những người đàn bà quê mùa cả thẹn không dám cười to thì đờ mặt ra nhìn.

Nhưng, Nhân Đen đã thở bằng tai sau hai trò nhào lộn trên hai sợi dây thép. Nhảy xuống đất rồi mà Nhân còn quay tròn đi một vòng vì mắt Nhân bắt đầu tia ra những đốm sáng, và hình như trong đầu Nhân, óc dào dạt đập vào thành sọ.

Nhân phải nhắm nghiền mắt lại đứng lặng đi. Nhân vội rút khăn tay lau má thấm mồ hôi trán, đoạn, Nhân vươn vai thở hắt mạnh ra mấy cái. Bao nhiêu sự nhọc mệt bỗng biến hết. Thân thể và tâm trí Nhân lại trở nên nhẹ nhàng tươi tỉnh.

Đời sống cấm ngặt Nhân không được một giây nào chán nản và ủy mị, phải luôn luôn hoạt động và hớn hở như là ánh nắng tưng bừng nô giỡn trên cây cỏ đầy nhựa mạnh của trời xuân.

Không ngờ, Nhân sắp sửa xin tiền, đám khán giả càng khen và thúc giục:

– Làm nữa đi! Làm nữa đi!

– Làm nữa đi, kìa người xem càng ngày càng kéo đến đông kìa

– Thế nào cũng được nhiều tiền đấy!

Nhân cười không đáp. Nhân trật cái mũ nồi đội lệch trên đầu ra. Nhân thong thả đi lại chỗ những người vừa nói, lễ phép:

– Vâng, nhà nghề xin làm nữa, nhưng xin các chư ông chư bà hãy thưởng cho ít nhiều để nhà nghề phấn khởi làm nhiều trò lạ về sau

Nét mặt tươi tỉnh của những người nọ phút biến đi. Có người lắc

trồng cây chuối và nhào lộn trên mặt đất.

Nhân như không phải là người bằng xương mà toàn bằng gân bằng thịt. Lưng Nhân lại uốn cong như lưng tôm, hai chân Nhân lộn ngược về đằng sau quặp lấy cổ, cánh tay Nhân như rắn vờn trên mặt đất.

Bao nhiêu tiếng vỗ tay, tiếng reo hò không ngớt. Trong phút ấy, từ người lớn đến trẻ con tưởng chừng như đã lạc vào được một rạp xiếc nào. Họ không ngờ bỗng dưng lại được những sự khoái chí đến chừng ấy. Trời! Một cuộc vui hiếm có làm sáng lên cả một quãng ngày đói khó của một đời hèn hạ kéo dài.

Những trẻ con ăn mày, những trẻ bán hàng rong ế ẩm thích chí quá nhảy như choi choi. Những người phu khuân vác mồ hôi chảy đẫm trên lưng da bóng nhẫy, và những người lính sặc hơi rượu gật gù: "Được, được. Giỏi!" Những người đàn bà quê mùa cả thẹn không dám cười to thì đờ mặt ra nhìn.

Nhưng, Nhân Đen đã thở bằng tai sau hai trò nhào lộn trên hai sợi dây thép. Nhảy xuống đất rồi mà Nhân còn quay tròn đi một vòng vì mắt Nhân bắt đầu tia ra những đốm sáng, và hình như trong đầu Nhân, óc dào dạt đập vào thành sọ.

Nhân phải nhắm nghiền mắt lại đứng lặng đi. Nhân vội rút khăn tay lau má thấm mồ hôi trán, đoạn, Nhân vươn vai thở hắt mạnh ra mấy cái. Bao nhiêu sự nhọc mệt bỗng biến hết. Thân thể và tâm trí Nhân lại trở nên nhẹ nhàng tươi tỉnh.

Đời sống cấm ngặt Nhân không được một giây nào chán nản và ủy mị, phải luôn luôn hoạt động và hơn hở như là ánh nắng tưng bừng nô giỡn trên cây cỏ đầy nhựa mạnh của trời xuân.

Không ngờ, Nhân sắp sửa xin tiền, đám khán giả càng khen và thúc giục:

– Làm nữa đi! Làm nữa đi!

– Làm nữa đi, kìa người xem càng ngày càng kéo đến đông kìa

– Thế nào cũng được nhiều tiền đấy!

Nhân cười không đáp. Nhân trật cái mũ nồi đội lệch trên đầu ra. Nhân thong thả đi lại chỗ những người vừa nói, lễ phép:

– Vâng, nhà nghề xin làm nữa, nhưng xin các chư ông chư bà hãy thưởng cho ít nhiều để nhà nghề phấn khởi làm nhiều trò lạ về sau

Nét mặt tươi tỉnh của những người nọ phút biến đi. Có người lắc

đầu một cái rồi ngoảnh mặt đi, lùi về đằng sau. Nếu là đứa trẻ ăn mày thì Nhân sẽ kèo nhèo, nhưng đây chả ra gì Nhân cũng là một nhà nghề, một kẻ đem tài năng mình ra phô diễn để kiếm tiền, nên Nhân chỉ đưa mắt nhìn rồi chìa mũ xin mấy người lính.

Sự làm thinh và vẻ luống cuống của người khách "loại" sang này cũng làm Nhân chán ngán. Nhân phải đến xin người khác. Tuy ăn vận bảnh bao, nhưng người này cũng lắc đầu như mấy người trước. Và đến người thứ mười... thứ mười mấy, đều lẳng lặng rồi bỏ đi ra hẳn chỗ khác.

Rồi những phu phen, những đàn bà nhà quê cũng lảng dần. Còn lại mấy chục đứa trẻ suýt soát tuổi Nhân giương những con mắt thao láo ra nhìn.

Ngay bấy giờ, những tiếng nhạc kêu xoang xoảng từ đầu phố tới. Nhân ngẩng đầu lên trông: một thằng bé tóc húi kiểu móng lừa dựng ngược, quần áo vải xanh thô, giày đen đế kếp vừa đi vừa tung đôi dao sáng loáng, vừa lắc một chuỗi nhạc đồng. Kêu gọi người xem, anh nhà nghề này hát những tiếng hát rất lạ:

– Sế cô pa lý sềnh ế ề ê... Sể cổ pả lý sềnh ế ề ề ê... ế ề.

Lũ trẻ bỏ ngay Nhân, chạy xúm đến chung quanh thằng bé nọ. Bọn đàn bà và phu phen lại kéo đến liền. Phút chốc trên thềm hè còn trơ mỗi mình Nhân mà đằng đầu phố lại đông nghịt những người.

Thằng bé múa dao hởi dạ, tung thêm một con dao nữa và ráng sức ném nhanh hơn, vừa lắc mạnh chuỗi nhạc. Cái giọng nhè nhè của nó cố rướn cao lên:

– Ế ề ê... ế ề ê.. sế cô pa lý sềnh ế ề ê... sể cổ pả lý sềnh ế ề ê... ể ề ề...

Hơn cả lần xem Nhân nhào lộn trên dây thép, tốp người xem, vẫn tốp khán giả của Nhân, vỗ tay reo hò.

Thằng bé múa dao bỗng dừng tay. Nó rút ra một cái khăn mặt bông cũng giắt ở cạp quần ra lau mồ hôi trán và tháo cái bình nước đeo ở sau lưng tu một hơi dài. Mặt nó đỏ bừng đã dìu dịu. Nó cởi cái áo cụt tay ném phắt xuống đất, mắc xích sắt vào một đôi dao, đoạn chọ chẹ nói:

– Các ông các pà tứng lôi ra, tứng lôi ra...

Dứt lời, nó cầm chắc hai lưỡi dao có chuôi nối dây xích, hất một lưỡi dao khác. Lưỡi dao này vừa rơi xuống, thằng be không bắt bằng tay mà lấy một chuôi dao trong tay hất hẳn chuôi dao kia lên. Đồng thời, một lưỡi dao sáng loáng khác vọt lên theo. Nguy hiểm hơn, không dùng chuôi dao, nó dùng đoạn dây xích căng thẳng mà hất cả hai con dao cho tung lên và lộn mũi xuống.

Nó tung rất nhanh, mắt nó lấp lánh, loang loáng, vầng trán bóng dô ra cũng nhịp theo.

Trò nhào lộn của Nhân trên dây thép đã nguy hiểm, nhưng đem so sánh với trò múa dao của anh nhà nghề người Tầu này còn thua kém xa.

Nếu không cứng tay, nếu không tinh mắt, nếu chỉ nghĩ lảng ra một giây thì hai mũi dao sắc nhọn và mỏng kia sẽ cắm sâu hoặc trên đầu hoặc giữa mặt. Những tia máu sẽ vọt lên.

Tiếng nhạc đồng càng xoang xoảng, tiếng hát kỳ lạ cất cao lên và dồn dập để kêu gọi và thúc giục những ai chậm đến xem. Hai lưỡi dao tung lên rơi xuống chỉ còn là những dòng sáng tới tấp.

Nhân quên hẳn mình đương cần phải kiếm tiền nuôi miệng bữa chiều nay và những bữa ngày mai. Nhân thẫn thờ trông anh bạn giang hồ không quen biết mình trổ tài năng.

Bỗng tràng nhạc đồng rung lên một hồi thật dài rồi ngừng tiếng. Phập! Bốn lưỡi dao chập cả lại vào bàn tay phải. Thằng bé múa dao quỳ một gối xuống đất, nó cúi đầu chào tất cả mọi người. Cánh tay phải nó duỗi thẳng ra, bốn mũi dao đỡ lấy một cái giỏ mây xinh xắn. Nó yên lặng chờ những xu, hào.

Không thể nói nhanh tới chừng nào, những cảm giác chua cay và đau đớn ran lên khắp người Nhân. Nhân không thể cầm lòng nhìn thằng bé dạn dày ở đất khách quê người và lang thang bơ vơ kia quỳ lâu thêm một phút nữa để chìa giỏ xin tiền những người xem kia chỉ có thể xem không và ngượng nghịu rút lui. Chỉ thêm một phút nữa, con tim trơ trọi của Nhân sẽ vỡ tan... Nước mắt đã giàn ra. Nhân chạy vội lại, đỡ thằng bé múa dao kia dậy: Nhân muốn nói với nó một câu gì nhưng cổ họng đã nghẹn ứ mất rồi...

Báo Ngày nay, số 122, ngày 7-8-1938.

TRĂNG THU

(Truyện ngắn)

– Huân! Con đã về!...

Huân nắm lấy cánh tay run của mẹ, rồi từ từ cúi đầu trước hai miếng kính tròn loang loáng những tia sáng dưới làn tóc bạc phơ. Anh nói khẽ:

– Thưa mẹ vâng, mẹ ở nhà vẫn khỏe mạnh?

Bà cụ mỉm cười:

– Mẹ ngủ nhiều hơn trước. Nhưng mẹ chỉ lo cho con thôi...

Ngừng lại giây phút, bà cụ lờ đờ nhìn Huân rồi thong thả nói tiếp:

– Con về qua nhà rồi lại đi ngay?

Huân vẫn ấp tay mẹ trong hai bàn tay to và dày. Anh mừng thầm lần về này không gấp rút quá, sự vui sướng của mẹ có thì giờ nảy nở và lan rộng! Anh nói cho mẹ biết công việc của anh không bận rộn như trước, và nhờ được vài người bạn làm giúp, anh có thể nghỉ ít buổi. Đoạn anh kéo mẹ cùng ngồi xuống cánh phản đặt tay mẹ lên đùi, tươi cười hỏi chuyện về gia đình và làng mạc.

Trong làn nhỡn quang hiền hậu, ấm áp của Huân, bà cụ thấy lòng rạo rực. Hơi người Huân làm bà say sưa như hương vị đậm đà của trầu vàng, cau đậu ướp hoa ngâu. Dưới ánh đèn vách vừa đủ soi chiếu gian nhà tranh sạch sẽ, bóng hai mẹ con hợp làm một, in lên từ nền nhà, qua bậu cửa ra tới ngoài sân mát lạnh sương khuya và ánh trăng sáng biếc.

Hơn năm nay, giờ lại mới được ngồi bên Huân, nhìn nước da ngăm ngăm đen của Huân và hàm răng trắng muốt, mớ tóc lồng bồng, bà cụ hồi hộp không biết nói gì. Và bà không muốn Huân nói nhiều, vì không nỡ để Huân thêm nhọc mệt. Như mọi lần, mẹ Huân cho Huân uống nước xong rồi giục Huân lên thay quần áo lau mình, đi ngủ sớm để lấy lại sức.

*

*   *

Huân bỗng thức giấc. Anh bị đánh thức bởi một hồi chuông nhẹ nhàng vang động rồi đến những tiếng mõ đổ dồn.

Ba giờ sáng rồi, thường lệ mẹ Huân dậy tụng kinh. Bà cụ ngồi xếp bằng trên cánh phản ở giữa nhà. Trước mặt bà, một quyển kinh mở rộng trên giá gỗ mun. Ánh đèn hoa kỳ thỉnh thoảng lung lay trên những dòng chữ nét đậm và to. Chiếc mõ gỗ xinh xắn để bên một cái kiểng con, vừa tầm tay.

Trong và nhẹ, những câu kinh vang lên rất lâu, rất êm, đắm đuối, thấm thía. Khói hương trên bàn thờ lấp lánh mấy chấm đỏ và lờ mờ ánh đèn lưu ly tán rộng ra. Làn không khí ướp thêm một lớp hương thơm ngan ngát.

Huân nghển cổ trông ra ngoài màn. Bà mẹ anh ngồi yên như một pho tượng. Chỉ có bàn tay phải đều đều và chậm chạp nhấc lên hạ xuống. Trong thân thể ấy, các chỉ máu như ngừng chạy, vì mùi ngát dịu của nhang Tầu và đĩa hoa tươi mới hái còn đọng sương đã truyền vào các cơ thể những nguồn sinh khí dồi dào thanh khiết.

Bà cụ không phải nhìn vào sách nữa. Sau cặp kính trắng, đôi mắt bà bắt đầu lờ đờ rồi lim dim, chìm vào một thế giới xa xôi vô hình. Giọng tụng kinh ngân nga trong sáng quá, tươi mát quá! Một lòng tin tưởng lâng lâng đã tràn ra, cảm thấy rõ rệt trong tiếng người và tiếng mõ.

Ý nghĩ ấy lại bừng dậy trong tâm trí Huân. Nhưng Huân vội dập tắt ngay. Vì với người mẹ cao quý hồn hậu như thế, Huân không dám.

Tôn giáo đối với Huân, một người đã chịu bao nhiêu sự đày đọa đau đớn, đã mất đi một phần đời quý báu trong các nhà lao, vì giác ngộ quyền lợi của mình, vì tranh đấu cho đời sống sáng sủa của bao kẻ khác, rõ ràng là những sự ủy mị, vùi dập lòng hăng hái. Nhưng mẹ Huân, một người mẹ lộng lẫy trong mớ tóc bạc phơ của cái tuổi bảy mươi, đọc những câu kinh tha thiết ấy, Huân không thấy lẩm lẩn một chút nào. Đó chỉ là một sự tin tưởng say đắm, một lòng yêu thương vô cùng – sự tin tưởng và lòng yêu thương con.

Mẹ Huân già lắm, đâu có thể theo Huân từng bước, chống đỡ cho Huân dưới cánh tay gầy yếu! Nên Huân vui lòng để mẹ tư an ủi với lòng tin ở một sức mạnh huyền bí che chở cho Huân.

Trăng đã lơ lửng trên một cành tre ở đầu vườn. Lá tre rụng xào xạc. Ánh trăng xao xuyến. Mấy cụm hồng bạch long lanh sương đón

lấy làn bụi nước mong manh ở vành trăng rắc xuống, mát lạnh và thơm ngát. Dưới gốc hồng, những lùm cỏ tóc tiên mềm mại như mớ len bạc. Và trên nền mây sáng biếc, những chòm cau phất phơ như những chổi bện bằng lông hạc.

Bao nhiêu năm nay, Huân mới được ngắm cảnh trăng khuya trong vườn. Huân thấy lòng lâng lâng. Có gió mát hiu hiu.

*

* *

Huân đã phải từ giã mẹ để ra tỉnh. Mẹ Huân im lặng nghe con nói đến câu cuối cùng rồi mới thong thả dặn dò:

– Việc gì con cũng phải thận trọng. Mẹ lo cho con lắm!

Huân mỉm cười, cúi đầu vâng rồi chụp mũ lên.

Đường làng khúc khuỷu và nhỏ hẹp, êm mát như bóng râm của những hàng rào tre giao cành nhau. Gần tới đình, Huân rẽ sang một con chạch đắp ven ruộng rồi vượt lên đường cái.

Cảnh vật mở rộng ra. Mắt Huân mát rượi vì những màu xanh của da trời, của ruộng lúa, của nước hồ ao và cỏ cây. Những hy vọng dịu dàng tràn ngập cả lòng.

Càng về chiều, màu xanh càng biếc, giòn và lạnh như sắc biếc của pha lê. Gió mát nhịp nhàng đem theo những hương thơm lâng lâng. Trong tiếng gió đều đều, nổi bật tiếng sáo diều vi vu. Đồng quê đã lên tiếng gọi êm ái, vồn vã.

Huân tự hỏi nếu đời sống của dân quê được sáng sủa, dịu dàng như cảnh vật mùa thu này, và tự trả lời bằng kết quả sẽ có của công việc mình.

Không còn một ai làm lụng ở ngoài ruộng nữa. Đường cái ít người đi. Tiếng gót giày của Huân nện mạnh vang lên. Huân khoan khoái thấy bước mình đi bao giờ cũng chắc chắn, mạnh mẽ. Sự thực hiển nhiên đã chứng nhận.

Huân cầm mũ ở tay, lắc mạnh đầu cho tóc bồng thêm. Anh muốn chân tóc nào cũng được tiếp xúc với sự mát mẻ của chiều tàn, và tất cả những sợi mềm mại ấy, xõa rộng ra, lộng bay trong gió.

Mặt trời đã chìm hẳn sau dãy núi tím sẫm ở xa xa. Màu xanh

càng giòn trong, càng sáng biếc. Trong sự yên lặng mênh mang. rộn ràng một sự đợi chờ.

Bóng mờ loãng dần, loãng dần. Sương chiều mong manh quá như mất hẳn. Một thứ ánh sáng trong suốt chảy mênh mang. Rồi gió bỗng nổi mạnh. Tiếng sáo diều lanh lảnh như tiếng đồng. Cây cỏ lao xao. Âm thanh gợn lên da thịt người ta những cảm giác tê mê.

Huân phải đứng lại. Anh lặng nhìn vầng trăng vừa mới vượt khỏi hai ngọn tre mềm lá giao nhau. Mây trắng xốp gần trăng tản mỏng ra. Da trời biếc sáng ngời một thứ ánh ngọc. Mặt nước lấp loáng.

Giác quan Huân lúc này sắc bén lạ thường! Huân nhận thấy hết cả mọi hương vị, hết cả mọi sự giao động trong ánh sáng, trong gió thổi, trong cây cỏ và mây nước. Một lúc lâu sau, Huân nhẹ quay gót. Anh đi ngược chiều gió, lưng xây về phía trăng.

Còn những sáu cây số nữa mới tới ga, mà, đến đây, đường xa làng hơn cả. Hai bên đường ruộng lúa non chạy thẳng đến chân trời. Cả đồng quê chìm đắm trong một biển khói hương.

Huân bắt đầu thấy lạnh, cái lạnh êm dịu, điều hòa mạch máu. Anh như say sưa trong những xúc động thanh khiết.

Hơn chín năm, Huân đã làm gì? Một thời xuân thơm tho đã qua!... Huân chỉ có hăng hái mà không mơ mộng, chỉ có thương thấm thía mà không yêu nồng nàn. Huân phân phát nhiều quá mà chẳng thu nhận được một phần.

Huân mím môi lại, cúi đầu trông xuống đường.

Trong trí nhớ anh, những ngày qua hiện ra, rất rõ rệt. Huân chui rúc trốn tránh trong những xóm thợ, những lán phu tối tăm, bẩn thỉu. Với những con người bị những khổ sở vất vả, đau đớn phá hoại, Huân chịu đựng trăm nỗi cơ cực đày ải. Nhưng càng ngày Huân càng bị họ quyến rũ. Huân say mê họ nhiều lúc quên cả bản thân mình. Rồi một ngày, Huân đau đớn đến điên cuồng vì phải lìa bỏ họ lại trong một cảnh đời cùng mạt, thiếu thốn đủ mọi thứ, cam chịu đủ mọi thứ – Huân bị đi đày!... Nhưng trong sự chết mòn mỏi ở nhà tù, Huân không chịu để sự tuyệt vọng bóp chết các năng lực. Cùng với các bạn bị giam cầm, Huân lo sửa soạn một cuộc đời tương lai... Đến nay được tha, Huân lại vùi đầu vào mớ công việc trước kia đã có máu và nước mắt của anh.

Ánh trăng càng mát lạnh. Bầu trời cao thêm, rộng thêm, biếc

thêm. Sóng lúa trắng xóa như những bờm ngựa bạch. Cỏ hai bên đường long lanh. Nước ngòi là thủy ngân. Lá cây xanh mởn như tráng bạc. Gió dịu ngọt và thơm ngát.

Lồng ngực Huân đã nở rộng. Huân rạo rực quá. Đi trong làn ánh sáng biếc và lạnh, Huân cảm thấy một sự trống trải xa vắng và rộng lớn.

Một làng kia, một quán trọ, một phố hẻo lánh, một chuyến tàu nối tiếp nhau trong trí tưởng của Huân. Huân hồi hộp nghĩ đến những bóng dáng êm nhẹ đã đi bên cuộc đời anh, nhưng chỉ được anh nhìn qua và bị quên ngay. Không phải Huân đã cằn cỗi, không biết cảm xúc. Lòng yêu của Huân phơi phới nổi gợn bất kỳ vì một cảm giác nào. Nhiều lúc mảng ngực Huân nóng hổi như một khối lửa. Ồ, lúc đó nếu vầng trán của một bóng dáng kia đặt lên! Và trong bắp tay anh tê ran như bị điện giật, nếu cái thân thể kia lăn vào.

Huân phải dừng bước. Cổ họng anh nghẹn ngào. Tê tái. Huân thấy mình đã có thể yêu, yêu say mê, yêu điên cuồng, yêu đến đổ máu, yêu đến chết với cái tuổi mười chín, hai mươi tràn đầy...

Vành trăng vằng vặc trên nền mây sáng biếc bóng rung động trước cặp mắt long lanh của Huân. Bóng Huân mênh mang ngả lên mặt đường trắng xóa như phủ bằng bột phục linh. Huân thở hắt ra một cái thật dài, rồi chụp mũ lên đầu.

Gót giày Huân lại nện mạnh mẽ và chắc chắn.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 235,
ngày 26-11-1938

NHỮNG MẦM SỐNG

(Truyện ngắn)

Ánh nắng mênh mông tràn ngập. Đường nhựa sáng lóe như giát bằng vàng diệp. Lá cây rung lên, muôn vàn tia hào quang bay phấp phới. Các mái ngói, các ống máng, các cửa kính, các cửa hàng lấp lánh những ánh ngời.

Một sự huyên náo như không bao giờ tắt. Tiếng guốc khua vang vang trên bờ hè, những lớp sóng cười nói trào lên cuồn cuộn, rồi tràn lan, rồi tung cao... Bánh xe bò chuyển rầm rầm, lăn loang loáng những vừng lửa trong nắng xuân chói lòa. Những xẻng cuốc và ván gỗ đầy trong hòm xe hắt ra những trận mưa rào rào..., và những tà áo, những nón lá, những chóp mũ trắng thở ra những làn bụi bạc li ti. Một sự sống mãnh liệt quá đè lên, vượt qua và cuốn theo tất cả những sự ủy mị, những cái tối tăm, những cái gì có vẻ chậm chạp.

Giờ đây tầm về của phu phen, của thầy thợ. Giờ đây, những con người cần lao ấy được thở ánh sáng và không khí ngoài trời để lấy thêm sinh khí cho các bắp thịt, chốc nữa đây sẽ làm nô lệ cho các đồ dùng làm việc và các xe cộ. Giờ đây, được các máy móc và các kho hàng, các chủ cai bao thầu nhả ra, cái giai cấp lầm than này đã mệt mỏi và đói lả mà vẫn còn bị những sự lo lắng phiền muộn băn khoăn giày vò tâm trí.

Ánh nắng chói lòa thêm hào quang ở các viền mây cẩm châu tia ra đốt hết những cái vẩn đục của da trời pha lê xanh biếc. Những ánh ngời của các vật bằng gỗ, đá, thủy tinh, đồng, sắt, kẽm và các vật màu tươi láng đã thấm hết những hơi ướt át còn thấm lại của mùa đông. Những màng nước cuối cùng còn vương trong các bụi cây cỏ và những dòng nước cống rãnh chảy ri rỉ đã bốc thành hơi, đã tan trong không khí.

Người ta không còn thấy một vẻ ủ dột, một chút lạnh lẽo, một gợn nhỏ tối tăm dưới cái bầu trời tràn ngập rực rỡ. Sự thay đổi hoàn toàn đem lại bao nhiêu cái mới mẻ tươi tốt, nó cuốn hết tất cả cái mùa đông buồn thảm tê liệt cả hồn người.

Nhưng, sự cải tạo đời sống của con người chưa thấy! Biết bao

nhiêu xiềng xích vẫn ràng buộc tự do, biết bao nhiêu nỗi áp chế vẫn đè nặng các mầm nảy nở, biết bao nhiêu cách bóc lột vẫn rút sâu mãi những sinh khí trong đời sống của con người.

... Thêm vào những làn sóng người lao động đang cuồn cuộn trên bờ hè và hai bên rìa đường kia, những tốp đàn bà đi chợ, về chợ hay buôn bán trong phố, hay những đoàn xe đạp của các viên chức lương ít phóng vụt vụt. Một góc thành phố chuyển động vì sự nhộn nhịp, huyên náo làm bằng tiếng guốc khua vang, tiếng cười nói trào lên như gió bão, tiếng xe bò chuyển rầm rầm, tiếng chuông ran không ngớt của muôn ngàn người cùng chung một đường đi, cùng dưới một bầu trời tràn ngập ánh nắng rực rỡ này.

Mặt ai nấy đều đỏ bừng, trán bóng loáng, mắt lấp lánh. Những sự rạo rực đã phát tiết ra cả những tiếng nói và những cử chỉ của họ không thể kìm hãm được trong lúc này. Mỗi hơi thở hắt ra của họ trút thêm vào bầu không khí một ít lửa của mong muốn, phẫn uất, căm tức, tin tưởng và hăm hở. Mỗi lần nhỡn quang của họ tia ra lan thêm vào ánh nắng rực rỡ, chói lòa để cùng tràn lan đến những nơi sầu thảm. Cũng như họ, cây cỏ rung lên trước gió, mưa rào rào phấn vàng phấn bạc và tung ra khắp bốn phương trời những hột bụi nảy nở của muôn vàn bầu nhị.

Một ai dầu hoài nghi đến đâu, khi nhìn cái rừng người chuyển động này cũng phải tin rằng cái hình thức tối tăm, cằn cỗi và như thối nát của sự sống một phần nhân loại lầm than chỉ là một cái vỏ mỏng sắp sửa nổ vỡ. Vì trong cái vỏ ấy, bao nhiêu cái mầm sống nẩy nở, đã chín muồi, sắp nhỏm dậy, sắp xé tung sự trùm lấn, đè ép để tự do thở hít ánh sáng và khí trời, để được gieo rắc mênh mông.

Nắng xuân càng tô thêm muôn vàn ánh ngời vàng ngọc lên cảnh vật, gió xuân rướn cao mãi muôn vàn bản nhạc vang lừng. Làn sóng người đã lan ra khắp hang cùng ngõ hẻm. Người ta mong đợi một ngày kia, làn sóng cuồn cuộn ngày hôm nay sẽ lôi cuốn được tất cả những làn sóng rải rác khác để chồm lên và vượt qua những dốc cản trở, những tầng đè nén, những hố sâu vùi dập, để đi tới một dải đất rực rỡ, xán lạn như bầu trời xuân tràn ngập ánh nắng trong buổi trưa này.

Tuần báo Mới, số 1,
ngày 1-5-1939.

NGƯỜI ĐÀN BÀ TẦU

(Truyện ngắn)

Tôi không thể nhớ rõ hôm ấy là hôm nào.

Vào khoảng trung tuần tháng chạp ta năm 1938, tôi ra ga Hà Nội lấy vé về Hải Phòng. Một buổi trưa, một buổi trưa u ám và lạnh lẽo dưới vòm trời xám như thiếc chụp xuống những nóc nhà đen cận và những cây trơ trụi, tôi lếch thếch đi với cái va li mây đầy sách, báo. Tới vườn hoa Cửa Nam, tôi phải dừng lại; chắn ngang đường, một dãy xe cao su và xe bò chồng chất đồ đạc.

Hai toa xe điện vừa chuyển bánh thì ba cái xe ô tô lộng lẫy vụt lên trước. Ngay khi đó, trào lên một sự huyên náo đột nhiên từ đầu phố đằng kia dồn tới. Trong những tiếng "ếp ếp" thúc dục của các anh xe, trong những tiếng ồn ào của những người đi vội chen chúc nhau, tôi thấy văng vẳng những tiếng trẻ con reo:

– Người Tầu chạy loạn! Người Tầu chạy loạn! Chạy loạn!...

Tôi đã ngạc nhiên đến đờ người ra. Lần đầu tiên tôi được thấy một đám dân chạy loạn "thật" với tất cả những vẻ thê thảm, tuy tôi đã được xem nhiều lần những đám dân Tầu lánh nạn sang Đông Dương.

Không phải là những "sếnh sáng" lụng thụng trong áo dài chấm gót bằng lụa nhiễu; không phải những ông chủ phệ bụng vận quần áo tây một cách cẩu thả tuy là đồ đắt tiền; không phải những trai tơ mặc sơmi lụa màu, đeo brơten, tóc chải bóng mượt và bồng lên; không phải những gái măng măng óng ả để hở những cánh tay ngà và những bọng chân béo lẳn trong những bít tất dài lụa hồng; không những bầu đoàn thê tử lũ lượt theo sau những đoàn xe bò chồng chất hòm xiểng và chăn đệm, mà ở trên cùng nghênh ngang những cây đàn! Đây là một dòng người xô đẩy nhau, chen lấn nhau, ngơ ngác và sợ sệt – một dòng người mọi rợ trong các màu chàm bẩn thỉu của những quần áo cụt ngủn và rách rưới làm xám hẳn cả một dãy phố.

Dòng người đó chạy, thở hồng hộc, và kêu gọi nhau.

Dòng người đó toàn là trẻ con – hơn ba phần – và đàn bà lưng đeo con thơ, tay xách lẵng mây nếu không gánh những quả mây lủng lẳng.

ngoan, với những sự ủng hộ cảm động của các anh chị em khác giới về tinh thần và vật chất.

Ảnh hưởng của sự thắng lợi oanh liệt ấy đi sâu vào toàn thể nhân công các sở. Bao nhiêu sở, không bảo nhau, mà đồng thời bãi công để đòi cải thiện đời sống: Sáu Kho, Tapis, Máy Chai, Máy Chỉ và hai cơ sở chè Buhler và Cothésic.

Anh chị em phu phen ở Sáu Kho được tăng lương ngay sau khi nổ cuộc đình công. Còn nhân công năm sở trên kia đã không được sở nhìn nhận yêu sách lại còn bị tấn công dữ dội.

Luôn mấy hôm ròng, nhân công năm sở này luôn luôn gặp nhau ở Phòng Thanh tra Lao động; luôn mấy hôm ròng họ chung đụng với nhau, chịu đựng với nhau những phút giờ tối tăm của sự nguy khốn hăm dọa; luôn mấy hôm ròng họ được nhìn thấy những bộ mặt của sự thực đểu giả, khốn nạn hết chỗ nói.

Họ đã cảm thấy sự đau đớn, ê chề của nhau.

Họ đã cảm thấy sự phẫn uất, căm hờn của nhau.

Họ đã cùng một ý muốn, cùng một chờ đợi.

Họ đã bắt đầu giác ngộ về quyền lợi giai cấp của mình, về tinh thần đoàn kết và tranh đấu của mình.

Bọn chủ đã thấy rõ ràng như thế.

Chính phủ đã thấy rõ ràng như thế.

Sáng hôm đó, gần toàn thể nhân công năm sở kéo đến trước Phòng Thanh tra Lao động để đòi cho đoàn đại biểu của mình được nhìn nhận với những yêu sách không quá đáng trong lúc đời sống vô cùng đắt đỏ này. Một sức mạnh lớn lao đã hiện lên rõ ràng trên những lớp người mà lòng nung nấu đến vỡ lở, những lớp người như không chỉ huy bởi ai, nhưng sẵn lòng xếp thành hàng ngũ nắm tay nhau và giơ cao những quả đấm lên, và hô những khẩu hiệu. Đàn bà cũng như đàn ông, những người con gái ít tuổi đầy thanh xuân và ngây thơ cũng như những người đứng tuổi cục cằn, đã để toát ra bằng ánh mắt những mảng mồ hôi trên vầng trán cái tinh thần hăng hái của mình.

Họ bị giải tán ngay.

Chính phủ cần phải giải tán họ để dập trước cái phút mà hàng vạn tiếng kêu làm ráo phổi cùng nổ lên, tiếng kêu của sự thống khổ, tiếng kêu đòi được sống.

Họ bị dồn về nhiều ngả. Tôi theo các chị em ở sở C... đi dọc đường Bonal rồi rẽ ra phố gần nhà ga. Tới đây, những chị em le tẻ đi trên hè nhập cả vào cái dòng người tràn lấn xuống đường. Sự huyên náo càng trào lên:

– Đi! Đi!

– Đi! Đi! Đi!

Tiếng la hét của những cảnh sát Tây và đội xếp ta tới tấp ném vào dòng người kia.

– Đi! Đi! Đi... i... i... i...

Hàng phố đổ ra xem rất đông. Những anh phu xe cũng chậm bước để cùng đi với dòng người.

– Đi! Đi! Đi... i... i... i...

Mấy cái xe đạp vùng vằng, nhiều lần giúi vào các chị em. Nhưng các chị em, như không nhìn thấy bên mình có những kẻ đương căm hờn mình, họ vẫn cười nói, vẫn kêu gọi nhau, vẫn bàn tán. Và, luôn luôn, những nón lá vung lên.

– Đi! Đi! Đi!... i... i... i...

Như có một hình gì vĩ đại hiện lên ở trước mắt, dòng người bỗng chảy chậm và lui lại để dồn thành một khối.

Thì, sự huyên náo ghê gớm với những tiếng kêu la vang dậy lại trào lên, trước một bánh xe đạp, một chị ngã gục xuống đường.

Dòng người dồn ngay lại, vây tròn lấy mấy cái xe đạp và người đàn bà. Viên cảnh sát Tây ngồi trên cái xe đạp đã xô ngã chị thợ, mắt nảy lửa, mím môi lại, vung mạnh hai tay. Sóng người huyên náo càng trào lên. Những cảnh sát cố hết sức đùn các lớp người lùi lại. Ngay khi đó, viên cảnh sát Tây cúi xuống, xốc nách chị. Mềm như một con sợi, thân hình còm cõi của chị lả ra.

Dưới bao nhiêu tia lửa của những con mắt sáng ngời, gương mặt chị nhợt như tàu lá, mắt có quầng thâm nhấm nghiền, và, một mảng bụng mỏng và trắng hếu ưỡn lên: cái bụng chửa. Cái xe ô tô xanh của Sở Mật thám đã vút tới mấy người đội xếp ta. Đám người hơi giãn ra. Viên cảnh sát Tây liền bế xốc người đàn bà chết ngất lên xe.

Một anh thợ, anh S... công nhân ở một sở khác, nhảy chồm ngay lên xe, giằng chị lại. Không thể để viên đội xếp Tây muốn đưa chị thợ đi đâu thì đi. Anh S. cố cướp lấy chị để vực chị lên Sở Thanh tra

Lao động rồi tố cáo vụ hành hung này, và đem chị lên nhà thương chạy chữa. Các lớp người càng chuyển động rào rào. Tiếng la hét càng trào lên. Nhiều chị lăn xả vào để cùng anh S... giằng lại chị thợ bạn khốn nạn không biết sống chết thế nào.

Đội xếp ở nhiều nơi đã dồn lại..., và, không hiểu ở đâu đã xô tới hai người lính Tây đen lực lưỡng, hung hăng như hai con lợn lòi. Với những cánh tay dữ tợn như những đuôi trăn gió, hai người lính nọ văng tròn, đồng thời chúng đá vung lên. Những hàng rào người ngã rạp ra. Hai con quỷ đen này xông vào, chồm lên mấy chị và anh S...

Lại một loạt tiếng la hét vang động cả một góc trời.

Mấy chị đã bị những đội xếp và hai người lính gạt bắn đi, ngã lăn ra đường. Duy còn anh S... vẫn bíu lấy chị thợ. Nhưng dưới sự giằng xé của hai tên lính hung hăng, anh S... mấy lần ngã dúi đi. Mấy lớp sóng người lại tràn vào với những tiếng kêu hét. Lần này, trong làn người bão táp ấy, đột nhiên nổi lên một cánh tay rung rung và những tiếng hô, những tiếng hô làm tôi sửng sốt vô cùng:

– Tả tảu hủng pô! Tả tảu hủng pô! Suỳn thấy phù nị công dần chúng dìu thuyn kịt, cau dìn thùng chi tịch! Cau dìn thùng chi tịch. [1]

Không! Không phải tôi hoa mắt! Rõ ràng với con mắt mở to rất sáng suốt của tôi lúc bấy giờ, tôi trông thấy quả đấm chắc chắn ấy giơ lên, quả đấm rung rung của NGƯỜI ĐÀN BÀ TẦU cõng con mà tôi vừa thoáng thấy ở trên bờ hè chạy xuống đường.

Thoáng chốc, cái xe ô tô xanh của Sở Mật thám đã chạy vụt đi, đem theo chị thợ bị xô ngã. Anh S... bị dìu ra ngoài những hàng rào người bởi cái sức mạnh thú dữ của hai tên lính da đen. Những chị em bị giãn rộng ra và dồn về một bên đường. Trong đám đông nhốn nháo, NGƯỜI ĐÀN BÀ TẦU cõng con ấy vẫn giơ cao nắm tay rung rung với những nón lá tới tấp của các chị em.

*

* *

Không! Sở C... không có người đàn bà Tầu kia làm. Và, chị em Sở C... đều không biết người đàn bà Tàu kia là ai cả. Chỉ có tôi, tôi

1. Đả đảo khủng bố! Đả đảo khủng bố! Các chị em hãy đoàn kết lại để cứu bạn! Cứu lấy bạn!

được biết, được biết y là một người trong bọn Tầu lánh nạn mà tôi đã gặp ở Hà Nội.

Lần đầu tiên gặp, tôi đã để ý tới, rồi sau này tuy không tưởng nhớ tới y luôn, nhưng hình ảnh y vẫn rõ ràng trong trí nhớ tôi với hình ảnh đám trẻ con ngơ ngác, sợ sệt và thê thảm trong những quần áo màu chàm.

Nhưng, từ lần thứ hai này, tôi phải mải tha thiết rung động với hình ảnh người mẹ còm cõi, quàng con ở sau lưng bằng mấy vuông vải xơ xác kia.

Người mẹ Tầu kia! Người mẹ vô sản đã phẫn uất trước sự đàn áp những người cùng giai cấp, không phân biệt tiếng nói và màu da; người mẹ đã giơ cao lên cái nắm tay mạnh mẽ tượng trưng của tinh thần đoàn kết và tranh đấu giữa nước người xa lạ kia, vô sản Đông Dương và toàn thế giới xin giơ cao nắm tay để chào lại người.

Hải Phòng – 4-1939

Tuần *báo Mới*, số 9,
tháng 9-1939.

CUỘC SỐNG

(Bút ký - Trích)

Nguyên Hồng xây dựng *Cuộc sống* trên những trang nhật ký và những đoạn thư viết cho mẹ từ trại giam Bắc Mê (Hà Giang) năm 1940. Nhà Tân dân xuất bản 1942.

Tác phẩm được viết dưới hình thức một tập thư tâm tình của Xuân gửi cho bạn là Minh. Mười bức thư, mỗi bức thư có một đầu đề riêng, thực chất là một tập vừa truyện ngắn, vừa tùy bút, bút ký, viết với một giọng trữ tình tha thiết, sôi nổi. Người đọc có thể tìm thấy trong tập sách một số nhân vật nổi lên tương đối đậm nét như Thanh (*Cái bào thai*), Phương (*Chuỗi hạt*), bà mẹ Tuyên (*Đứa con*...) Những nhân vật chính có mặt trên tất cả mọi trang viết lẫn bản thân Nguyên Hồng, nhà văn của những người lao động cùng khổ, đặc biệt là những bà mẹ, những em bé dân nghèo thành thị, một trái tim dào dạt tình cảm và một tâm hồn lạc quan tin tưởng luôn luôn hướng về cuộc sống và ánh sáng.

Dưới đây, chúng tôi chọn in bốn bức thư: bức thứ hai (*Cái bào thai*), bức thứ ba (*Chuỗi hạt*), bức thứ tư (*Đứa con*), bức thứ năm (*Những mầm non*).

CÁI BÀO THAI

Bắc Bẩu ngày 1er - 1 - 40

Minh,

Ngày hôm nay giỗ Thanh đây. Nếu Thanh có vợ con thì đến giỗ này là đoạn tang một người chồng và cha. Tôi đã mong trời hoặc rực rỡ lên hay mưa gió âm u đi để cảm xúc mãnh liệt trong một thời khắc, rồi hoặc mệt ngủ thiếp để thấy lòng tơi bời không còn rung động nữa. Nhưng không, mây xanh lờ đờ cứ vơ vất trên cao hoài. Thứ ánh sáng bạc lạnh độc nhất soi chiếu cảnh vật. Các đồi núi ngùi ngùi trong cái yên lặng nghẹn ngào, thỉnh thoảng trào lên những đợt lau trắng đục quằn quại. Nước sông càng nhìn sâu càng biếc đi. Mấy dải đường quanh co thêm xa vút, những lúc vài con ngựa thồ hàng ở tỉnh về qua đó, bước những bước thong thả bên cái gánh nhún nhảy trên

vai người dắt, tương như lâu, nhưng thoáng chốc đã mất tăm. Từ sáng đến trưa, từ trưa đến giờ, cái màu xanh ngắt lạnh của rừng xa càng dày hơn và rộng lớn trên đầu tôi, chung quanh tôi.

Thiên hạ không biết có bao nhiêu câu về cái chết. Nhưng với Thanh, ai mà nói chết là hết thì tôi không thể sao nhận được, và nếu phải nói với một người cần nói thì dù tôi đương ngoắc ngoải cũng phải vọt tiếng ra. Kìa! Quang lại mỉm cười như chế diễu tôi rồi. Mặc! Đấy là sự chua xót bất diệt và sự tin tưởng không nguôi nó trào lời ra, chứ có phải tôi đâu.

Minh ơi! Giờ phút này, cái bìa sách của Thanh lại hiện ra trước mắt tôi với từng ánh mực, từng nét chữ, từng đường kẻ, từng vết gợn trên cái nền giấy xốp vàng ngà. Minh lại đây với tôi mau! Cầm lấy nó đi, bằng bàn tay xương thịt của chúng ta, để dù nó chỉ là vật trừu tượng nhưng vẫn được thở hít thêm một chút ít sinh khí của người. Và chúng ta cùng nhìn nó đi. Hỡi Thanh! Hỡi Thanh không còn có ở đời này của Minh và Xuân! Tác phẩm trước nhất và sau cùng của Thanh đương run rẩy trong sự tê mê của chúng tôi đây.

Một tác phẩm? Một tác phẩm không có lấy nửa trang giấy, một chữ in, một chút dấu vết nhỏ gì của sự sáng tác, mà tất cả những sự suy nghĩ và xếp đặt khổ công trong bao năm chỉ vẻn vẹn lại trên mảnh bìa với hai chữ viết đậm đà và rắn chắc: *Nắng mới*

Hôm ấy không có Minh. Thanh vỗ vai tôi:

– Xuân trông kìa, khung cảnh của Nắng mới.

Tôi cười:

– Người làm sao chiêm bao làm vậy, khung cảnh của ông nó cũng ốm yếu khẳng khiu như ông.

Minh còn lạ gì con đường về làng Vẻn và An Dương với cái chợ Cột Đèn không lều không quán kia. Từ ngày nhà Thanh dọn đến khu đó, ta mới thấy Thanh ra khỏi nhà những buổi chiều. Thanh bước những bước đều đặn ý tứ trên vỉa đường từ ga An Dương lên phố Tám Gian, hay ở rìa những lối ngoằn ngoèo vào trong xóm. Anh chàng này trong bộ quần áo ta chùng chặn và đôi giày Chí Long trông trịnh trọng quá, như một thầy giáo xưa đến nhà học trò ăn giỗ vậy.

Khu Trại Cau, không biết giờ có thêm những gì ở đó hở Minh? Hai rặng thông cằn cọc và lè tè kia, có trồng thêm được thứ cây nào khác không? Những khu đất để đấy cho cỏ rối mọc um và người ta đổ

trộm rác bẩn, những khoảnh vườn rau và hoa lưa thưa lụn dần, và những ao hồ đầy sen dại, đã xây nhà và trồng trọt nhiều chưa? Hai dãy vài chục nóc nhà mỗi cái một kiểu, thò ra thụt vào ấy, có được người ta sửa chữa cho thẳng thắn không? Có bớt đi nhiều những trận đâm chém của các du côn và anh chị, và những cuộc bóc lột tàn nhẫn ở đầu ngã tư An Dương? Và trong cái chợ giữa trời luôn luôn bị xua đuổi, hỗn loạn và tối tăm, bà hàng cơm béo lùn của mình vẫn cho vay tiền góp và làm chúa tể đấy chứ?

Những buổi chiều, lúc phu phen thợ thuyền và các kẻ buôn thúng bán bưng ở các ngả dồn về khu đó, Thanh thường trốn chúng ta đi thơ thẩn một mình. Thường thường nắng khi đó đã tàn. Kìa, những quả đồi Kiến An tím thẫm lại, đài thiên văn mờ khuất và thê lương như một lâu đài phong kiến hoang phế. Một thứ phấn hồng đục tỏa xuống những dải đường nhộn nhịp. Cùng lúc này, ông thân Thanh lên đèn. Co ro trong chiếc áo bông chùng lượt thượt, ông cố thu hết vào lòng cái ấm của vải dạ và của ngọn đèn dầu lạc búp măng giữa một cái khay đèn tắt mắt, chải chuốt.

Ông tiêm thuốc lấy. Bàn tay gầy guộc nổi rõ gân xanh và đốt xương trước cái ánh sáng vàng nhờn làm da mặt ông xám thêm lại và cặp mắt lờ đờ mệt mỏi hơn. Khói thơm ấm và bùi lừng lên. Những nhịp thở không đều phập phồng rõ ở lồng ngực gò hóp lại. Không một lời, không một cử chỉ mạnh và gấp, ông chỉ biết có những điếu thuốc sống còn của khí huyết ông, ngoài ra cái gì không cũng được, hết cũng được.

Ông, ông say sưa miên man với những hương vị ma túy của thuốc phiện; Thanh, Thanh đắm đuối đưa những bước chân không thấy mỏi của trí tưởng một phút một đi xa và sâu hơn lên trong cái thế giới tinh thần không ngừng thay đổi và mới lạ. *Nắng mới* lại nổi lên từng trang một, từng chữ một giữa những hình ảnh làm nghẹn ngào cả người Thanh, hình ảnh những cảnh đời đã thấm nhuần bao năm trong cõi bất thức, nung nấu ngùn ngụt đầu óc Thanh đến gần vỡ lở.

Hai sự tất yếu và hai lẽ sống của hai con người! Nó càng ngày càng tách rõ ràng khỏi một giới hạn mà lòng thương, tình yêu hay những niềm đau xót, những sự hy sinh cũng không sao có thể kéo hai tâm hồn máu mủ gần lại với nhau. Nhưng có lẽ chỉ chúng ta là nhìn thấy thế, chứ còn mọi người ai lại không tin thật và ao ước cái gia đình yên lặng không phải một chút gì chân lấm tay bùn này.

Phải không Minh, ai có thể ngờ tới cái cảnh Thanh hốt hoảng, mặt tái đi, khi chúng ta gõ cửa và lên tiếng giữa phút trong nhà có một giọng đàn ông hổn hển rít khẽ bên những tiếng nức nở của người đàn bà?! Sau đó chỉ một thoáng, sự yên lặng trở lại như trước. Cha Thanh vẫn lại nằm im lìm trong ánh đèn dầu lạc; mẹ Thanh dịu dàng chỉ bảo các công việc ở dưới bếp. Và Thanh, trên gương mặt trắng xanh và cặp mắt hãy còn gợn những vằn máu đỏ, Thanh cười những nụ cười dù sao vẫn nhợt nhạt làm chúng ta – không, tôi cho đúng hơn – phải kêu thầm những tiếng xé lòng trước sự giấu giếm hoảng hốt này. Mà Thanh thân mến với chúng ta hơn hết ai đây, giãi tỏ với chúng ta gần hết những sự tha thiết nồng nàn nhất của Thanh.

Năm 1932, Thanh thôi học, Minh nhỉ? Tôi cũng đã phẫn uất nghẹn cả người, thấy Thanh tảng lờ và mím cười gật đầu trước mấy bạn quen hỏi duyên cớ này. Thấy tôi khổ sở cũng vì những cử chỉ giả dối che đậy của kẻ thân mến, Minh đã mắng tôi là điên rồ. Nhưng chỉ sau đó ít giờ là tôi nói rõ tôi đã thích thêm những mũi gươm sắc nhọn vào lòng bạn. Ở một gia đình ràng buộc bao nhiêu thành kiến và lề thói, Thanh bảo có thể ra đi một cách ngay thẳng và hợp lý giữa cái phút mà lòng rỉ máu trước cả một sự thất bại tan nát ấy! Thôi học vì không có tiền theo đuổi lâu hơn nữa, vì phải kiếm cách sống bởi đã lớn tuổi rồi..., chúng ta thấy thế là tất nhiên, nhưng Thanh có phải là chúng ta đâu? Thanh đi học và cướp từ bằng nọ đến bằng kia nào phải cho riêng Thanh, mà một phần quan trọng như sự sống là cho thầy má Thanh và họ hàng Thanh, họ không lúc nào quên rằng Thanh phải hiển vinh thì họ mới sung sướng, nếu không, trước những sự hiển vinh của con cháu các gia đình chung quanh, họ sẽ xấu hổ, tủi cực đến chẳng còn dám trông ai, nói với ai, làm ăn gì... đến chết mất!

Nắng mới, nào chúng ta có được Thanh cho nghe nhiều về chuyện cuốn sách ấy đâu? Chỉ biết rằng Thanh bỏ Hà Nội về Hải Phòng chưa được hai năm thì mỗi lần chúng ta hỏi đến Thanh cái tác phẩm dày dặn ngoài những truyện ngắn kia thì Thanh lại thở dài và nhẹ, rồi mím môi lại, gật gật đầu: "Thanh sẽ viết *Nắng mới*, Minh và Xuân ạ. Thanh phải viết, nhưng không hiểu sao Thanh chưa dám cầm bút và không biết phải chờ một cái gì hay một ngày nào đến thêm nữa thì mới có thể bắt đầu?!" Nhất định viết *Nắng mới*, Thanh chỉ có

thể sung sướng và hăm hở viết những cuốn khác một khi *Nắng mới* viết xong và sửa chữa đến độ Thanh thấy bàng hoàng không còn dám thấy thêm một dấu, chua thêm một chữ.

Hỡi Minh, *Nắng mới* là cả cuộc đời thực của Thanh với những cảnh sống và những tâm trạng mà Thanh ủ ấp nghiền ngẫm tháng ngày, hay là của một kỷ niệm sâu xa và thấm thía, một con người, một bóng dáng? Hay là mang một sự khát khao, một sự chờ mong, một sự siêu thoát? Hay là của một lần tin tưởng âm ỷ cháy, một lẽ sống để phụng sự, một trời mới với ngày mai?

Hỡi Thanh thân mến của Minh và Xuân không còn có mặt trên cõi đời này! Đây *Nắng mới* của Thanh đương nóng lên trong bàn tay tưởng tượng của Xuân, bởi nó đã đẫm những hơi thở sao không thể truyền sẻ cho Thanh để Thanh sống, hỡi khoa học đương phát triển mạnh mẽ kia?

Hơn năm nay, tôi không được gặp cha Thanh để bùi ngùi một niềm thương xót mênh mông trước tấm hình hài mảnh dẻ và lả lướt như lá phong lan của người giống Thanh như lột. Chưa biết đến bao giờ tôi mới trở về Hải Phòng, nhìn một lần nữa cái bàn gỗ lim đen bóng đã mài rách bao nhiêu khuỷu áo của cha Thanh khi còn đi làm cho các hãng buôn và của Thanh từ khi học a, b, c tới lúc biết miệt mài với sách vở, biết đau đớn và sung sướng với sách vở, và biết tha thiết với sách vở cho tận phút cuối cùng của một đời.

Cả bà mẹ Thanh và em Thanh nữa! Bà mẹ Thanh, tôi quên sao được người đàn bà dù đứng tuổi mà vẫn còn phảng phất vẻ bay bướm ý nhị và nền nếp của một hạng danh giá hiện giờ không thể sao tìm thấy? Mẹ Thanh thường được chúng tôi nhắc đến luôn trong những bữa ăn bừa bãi tốn tiền vô cùng mà không ngon miệng ở các tiệm ăn dù nổi tiếng nhất. Có gì đâu Thanh nhỉ? Chỉ với vài con cá lăng hay cá ngạnh, cá sộp cùng ít hành, mùi, xương sông, su hào, hay vài lạng thịt nạc, dăm quả trứng và mộc nhĩ, hay cá rô, rau cải, mà bà đã cho chúng ta hưởng bao nhiêu hương vị thân mật và sâu xa vô cùng của Việt Nam thuần hậu trong những miếng chả và húp canh. Và cả sự sống của gia đình Thanh, nào phải tháng tháng bạc trăm mới khiến nổi, ai ai cũng phải khát khao và coi đó như gương mẫu?

Tôi vẫn còn nhớ không thiếu sót những lời run rẩy của bà:

– Các anh! Các anh chơi với em nên cùng em đi đường ngay thẳng. Tôi không mong gì hơn là thấy anh em lui tới nhà nhau luôn,

vui vẻ với nhau, và ai nấy bao giờ cũng như bao giờ, giữ được tư cách và thể diện cho ông cha.

Và một lần nữa:

– Không! Không! Tôi không sao đành lòng thấy em lúc nào cũng băn khoăn lo lắng, gầy rạc người đi như thế. Đọc sách hay viết lách gì nên qua loa cho giải trí, chứ tội gì mà miệt mài cả ngày. Sống sao được cái nghề làm văn làm báo vẫn biết quý giá đấy? Các anh nên đoái tình tôi mà liệu lời khuyên bảo em. Đến như trước kia cho em đi học cao nữa và cả đi làm xa, tôi còn không dám nữa là giờ, các em nó đã lớn, em nó phải trông coi chỉ bảo cho những đứa dưới, mà cứ đắm đuối mãi với sách vở kia!

Tôi không dám không biết nói câu nào để trả lời. Tôi chỉ đưa mắt nhìn mấy đứa em mảnh khảnh, trắng trẻo của Thanh đang cười nô trước cặp mắt lờ đờ của cha Thanh, rồi tôi mỉm cười, rồi yên lặng cúi đầu.

Thái, em Thanh dạo hè năm ngoái có viết cho tôi một lá thư mà tôi quên không cho Minh biết. Thái khẩn khoản nếu tôi có dịp xuống Hải Phòng thế nào cũng phải đến nhà. Tôi không sao đoán được sự yêu cầu gay gắt như thế có việc gì. Ngoài sự thăm nom và chuyện trò an ủi thầy mẹ Thanh và Thái, cái đó tất nhiên, nhưng đây Thái lại gạch đít câu này và nhắc thêm lần nữa ở dưới cùng thư:

– "Em có điều này chỉ có thể đem hỏi anh và chỉ anh có thể giải quyết cho em thôi".

Đến tháng sáu, tôi xuống Phòng, nhưng vì bận rộn nên mấy lần đi xe qua nhà Thanh mà không chịu vào. Sự lần khân đó còn do lẽ nữa mà Minh đã biết rõ, miễn phải nói ra. Và cho đến cả lúc này, chỉ nghĩ đến cái không khí lạnh, và lờ mờ sáng, và cái nhịp đều đặn chậm chạp của chiếc đồng hồ treo cũ kỹ của gian nhà ông thân sinh Thanh nằm hút thuốc phiện, cũng đủ thấy rợn cả người vì chán nản rồi.

Nhưng không dám thấy mình tàn nhẫn lường gạt cả lời khẩn khoản tha thiết của đứa em nhỏ Thanh, tôi đánh bạo gõ cửa nhà Thanh một buổi trưa. Thái kêu rú lên hé cánh cửa kính trước nụ cười của tôi chào Thái. Thái run lập cập, vặn mãi không nổi vòng chìa khóa. Tôi đã bàng hoàng và thấy nổi lên trong lòng một sự thương xót mênh mông bởi bàn tay Thái cuống quít rướn lên níu mạnh vai tôi. Thái vừa thở vừa nói:

– Cả thầy và má em đều đi vắng! Em mong anh xuống quá! Thư em gửi chắc anh không nhận được!

Tôi kéo Thái cùng ngồi xuống trường kỷ, gạt mồ hôi trán đẫm lấy tóc Thái, Thái cố ép tôi uống một cốc nước chè hột âm ấm và lục tìm mấy quả chuối tây chín mập, thân bóc ra chia ăn với tôi. Minh ạ, sau bao nhiêu câu hỏi đi hỏi lại về sự sống của Minh và tôi, Thái bỗng yên lặng, buông tay tôi ra, cúi thấp đầu. Tim tôi cũng đập mạnh trước cử chỉ khác thường này. Chợt Thái ngước mắt lên, môi mím lại, mắt long lanh như nảy lửa:

– Anh Xuân ạ, em có hai bài, gửi cho một tờ báo học sinh, không hiểu tại sao nó không đăng, mà những bài khác thật tình em thấy không hơn của em mà lại được đăng? Em đã xé đi, và đây, em viết bài khác và đưa bài mới này anh xem.

Tôi chưa kịp lên tiếng. Thái đã nhảy vọt xuống đất, rút đánh sầm ngăn kéo. Đó là một truyện ngắn. Thái viết dưới đầu đề như thế. Thật ra chỉ là một bài luận với những cảm tưởng ngây ngô của đứa trẻ trước con chim vành khuyên non bắt được một hôm mưa bão, nưng niu nó hết lòng, nhưng nó cũng chết. Thế là đủ về truyện viết văn đăng báo của Thái. Đứa bé mười hai tuổi đã khóc sướt mướt khi đưa tập di cảo của anh nó cho hai người bạn thân với anh nó này, ngờ đâu lại khóc nức nở lần chính nó đưa bản thảo của nó. Và rồi đây chúng ta không biết chúng ta sẽ được thấy nó viết những gì?

– Anh Xuân! Anh xem bài này có thể đăng được không? Nó khác hẳn hai bài trước anh ạ. Em viết đi viết lại vừa đúng năm lần đấy. Nếu anh không tin, em lấy cho anh xem thêm bốn bản nháp của em.

Tôi phải níu giữ Thái. Thái nhìn tôi chờ đợi, lông mày nhíu lại, những đường gân xanh ở thái dương giần giật.

– Thế nào! Anh cho em biết ý kiến đi. Anh cứ nói thẳng, em không sợ sự chỉ trích đâu!

Tôi vỗ nhè nhẹ vai Thái, tươi cười nói:

– Với trang học sinh tờ *Ngày mai* thì bài này đáng lắm, nhưng anh muốn Thái viết nhiều bài nữa rồi hãy đưa đăng.

– Sao thế? Hay bài của em kém nên anh mới khuyên em như thế? Anh cứ nói thực, nói thực đi!

Đến đây, nước mắt Thái ứa ra, ròng ròng lấp lánh. Tôi vừa vuốt tóc Thái vừa cố nén sự đau đớn để có thể cất tiếng:

– Không! Anh không dám lừa dối Thái đâu! Anh muốn Thái chậm đăng để được đọc những bài về sau thật đặc sắc của Thái. Sự thận trọng rất cần, Thái ạ. Lắm bạn nhỏ và những người lớn nữa, chỉ vì ham cái tên tuổi có mặt trên sách báo mà viết vội vàng, làm chết cả cái tài của mình đáng lẽ nảy nở nếu chịu khó và thành thực viết.

Thái va tôi cùng yên lặng sau câu này. Bàn tay bé xíu của Thái nắm riết trong tay tôi đã nóng lên.

– Này Thái! Anh tin chắc chắn và quả quyết nói với Thái rằng thế nào những bài của Thái tới đây sẽ được *Ngày mai* hoan nghênh, và càng đi sâu vào sự viết một cách cố gắng tha thiết như thế, Thái càng được sung sướng và lấy làm ham thích nồng nàn gấp bội. Vậy Thái phải chịu khó và chịu khó hơn nữa đi. Nghe anh viết thêm nữa và càng cẩn thận hơn nữa.

Thái không đáp, cúi đầu chùi nước mắt. Hồi lâu sau, Thái chợt vùng nhìn lên tôi, long lanh:

– Mấy nhà văn như Lan Trung, Thanh Lễ, Trần Tư..., viết chắc dễ dàng lắm nhỉ? Như ông Thanh Lễ ở gần nhà em dạo nọ, ông ấy có cần viết đến lượt thứ hai đâu? Em cứ thấy ông ấy đi chơi đến thật khuya về mới viết. Em còn nghe người ta nói còn nhiều ông khác bất kỳ lúc nào cũng có thể viết được. Lắm ông đi hút rất nhiều thuốc phiện và uống hết tuần rượu này đến tuần rượu khác với gái giang hồ, mà vẫn còn dư sức viết, và các áng văn vẫn lừng tiếng như thường. Em không dám ví em như các ông ấy đâu, nhưng đây em, em... Anh Xuân ơi!

Chua xót và phẫn uất không Minh! Sự trụy lạc đưa năng lực đến cái chết được người ta tô điểm và ca tụng, khiến một đứa bé phải nghẹn ngào bật ra những lời trên kia! Một mặt để thỏa mãn những sự giải trí xa xỉ tối tăm, một mặt lấy những khoái cảm ích kỷ cho cái tôi ủy mị làm lẽ sống vui sướng ở đời, làm những nguồn cảm phong phú, và, một khi sa vào sự chán nản mênh mông trống rỗng thì tìm trong đó cái quên, cái an ủi. Trong văn chương, chưa đủ, các ngòi bút trụy lạc ấy còn rắp tâm kéo người ta bằng nghệ thuật vào hẳn cuộc đời, dìm mình trong cái chết.

Lúc đó, cả đến Minh cũng không dám nói nhiều với Thái về những sự sai lầm, hơn nữa, những tội ác này. Đâu phải chúng ta giấu giếm một sự thực thối nát? Chúng ta hãy để Thái lớn chút nữa, để cái tâm hồn trong trắng kia có thể chịu đựng được sự tan vỡ dữ dội

của các hình ảnh thành kính nưng niu. Chỉ ít lâu nữa, từ sự dần dà phớt nhẹ, Thái sẽ phải tới sự hằn học muốn giày xéo lên những ung độc của tinh thần ấy, nạo nó đi khỏi những màng óc dễ vui, dễ tin,và khao khát trông đợi, và tìm cách đưa những tươi sáng rực rỡ có ý nghĩa soi chiếu tâm hồn nâng cao và mở rộng nó ra.

Hỡi Thanh yêu dấu không còn có mặt trên cõi đời này với Minh và Xuân! Kìa bao nguồn sinh lực màu mỡ chưa được khai thác ra cho tràn tưới vào lòng nhân loại, và bao nguồn đã không thể lại còn vùi dập tắt đi!

Hỡi Thanh yêu dấu! *Nắng mới* của Thanh đương phấp phới muôn vàn màu sắc và hương vị trong tâm tưởng Xuân đây. Dù nó chỉ là một mảnh bìa bây giờ đã hoen màu và mực nhợt đi rồi, nhưng Xuân vẫn thấy đó là không đếm xiết những trang giấy rộng lớn, chan chứa những hơi thở nồng nàn của người và vật. Lòng tha thiết sôi nổi của Thanh đương là gần hết cả lòng của Xuân và chắc chắn phải là một phần rất gần gũi, với bao người đương cặm cụi sáng tác. Không có những câu nói nào mạnh mẽ gọi dậy tất cả lòng tin của người ta bằng sự cần cù làm việc, yên lặng trình bày những tác phẩm của mình, để truyền thêm vào những ống máu tiến hóa khác một ít sinh khí tốt tươi, dù chỉ một ít thôi nhưng phải là kết tinh của mình.

Nhưng đâu *Nắng mới*, hỡi Thanh yêu dấu?! Đâu có thể tìm thấy *Nắng mới* bằng xương thịt của Thanh. Hỡi Nhân gian, tôi tìm đâu cho thấy *Nắng mới* và Thanh?

NG. XUÂN

CHUỖI HẠT

Bắc Bâu, ngày 15-2-40

Minh,

Lâu nay Minh có gặp Phương em gái Bảo không? Và Minh có biết tin tức gì về Phương thì viết cho tôi biết với. Chắc Minh cũng hơi ngạc nhiên vì sao tôi bỗng nhắc tới Phương, một người chung sống rất ít với chúng ta.

Ngày chúng ta đi xem phim Scarface với Bảo và cùng Bảo uống bia ở hàng ngoài bờ sông Hà Nội, chuyện trò tới hai giờ đêm mới chia tay, từ bấy đến nay không còn lần nào nữa nhỉ? Không! Không! Ta nhầm! Còn một lần nữa trên đường Hà Nội – Vinh, nhưng vì chỉ được cầm tay nhau và nói với nhau vài câu rồi còi tàu vừa hét lên là phải buông nhau ra, Bảo vào Ninh Bình, tôi lên Phủ Lý. Chuyến ấy Bảo về quê bốc mộ cho ông thân, mà cái công việc này mẹ Bảo phải năm lần bảy lượt ra Nam Định thúc giục Bảo bằng lời, chán lại bằng nước mắt. Cố nhiên buổi đó Bảo phải hỏi đến Minh và hứa hẹn và mong đợi sự gặp gỡ giữa ba chúng ta trong một buổi linh đình mà sau khi tan cuộc vui ai nấy đều choáng váng không có một cảm tưởng gì rõ rệt.

Tôi cũng chẳng nhận được thư gì của Bảo. Mãi tới năm ngoái mới được một người cho biết rằng Bảo đương ở Sài Gòn. Cả Phương em Bảo cũng sống trong đó, nhưng nhà cửa đường hoàng, chứ không lúi xúi như anh. Tôi có hỏi thì người ấy nói Phương lấy một người sốp phơ Nam Kỳ chạy xe cho một hãng vận tải. Thêm vào câu trả lời tôi, người ấy cười với tôi:

– Tôi mừng cho Phương vô cùng anh ạ! Sự sung sướng thứ nhất của tôi là thấy mẹ Bảo yên lòng vì Phương có một chỗ nương tựa chắc chắn và sung sướng.

Những lời này đã vẳng lên trong trí tưởng tôi đêm qua và không thể cưỡng chống, tôi phải nhớ đến Phương một cách bồn chồn khiến tôi thao thức cho tới sáng. Phải không Minh, dạo chúng ta ở Nam Định thì Phương còn cặp tóc, nhí nhảnh cười với bất cứ người nào cười với mình, đi học thì chẳng bài tính nào được lấy hai điểm vì lười suy nghĩ, và ăn quà chịu để cả thằng bán kẹo đến réo nợ ở nhà mà vẫn tươi như thường? Khi Bảo và Phương theo bà cô dọn nhà lên Hà Nội được ít lâu, chúng ta cũng lên làm trên ấy, nhưng lại thưa lui tới nhà Bảo. Minh còn nhớ một lần chờ Bảo về, đột nhiên thấy tiếng cười giòn tan bên ngoài, Minh giật mình và hất hàm bảo tôi:

– Kìa Phương! Đã theo mặc "tân thời" và uốn tóc rồi. Mà không biết xin được việc gì làm mà có tiền diện thế?

Đến bây giờ tôi mới nhận ra Phương rõ ràng và đầy đủ trong cái sắc đẹp tươi thắm của cái tuổi mười bảy, mà bây giờ tôi vẫn còn giữ được rành mạch những nét, những ánh đã khiến tôi ngạc nhiên. Mặt Phương nở, má bầu, môi gọn, mắt lá răm và ánh, và giọng nói rộn

ràng, Minh nhỉ. Nếu Phương không tự giới thiệu đi đan và giữ con cho Tây thì chắc ai cũng tưởng Phương là một nữ sinh, hơn nữa, một thư ký quảng cáo của một cửa hàng kinh nghiệm?

Nhưng từ lần đó, cả Minh và tôi đều bùi ngùi vì thấy giữa Bảo và em gái không còn những cử chỉ tự nhiên đằm thắm của trước kia, mà thay vào đó một sự thờ ơ và hằn học. Và quái gở, chính chỉ có Bảo là lộ rõ rệt ra vẻ mặt và cử chỉ những cái này, còn Phương vẫn là Phương luôn luôn cười nói, và trong đôi mắt sáng và nhanh của Phương càng ngời thêm những vẻ dễ dàng thân mến. Nhưng Minh đã không ở Hà Nội lâu thêm để phải băn khoăn vì câu hỏi: "Sao Bảo đối với em lại thay đổi thái độ chóng quá thế? Kìa, Phương có làm gì đâu để đến nỗi phải chịu những sự ruồng bỏ, trừng phạt này?".

Cô Bảo năm tháng sau không đi chợ nữa vì chân lại tê lại và lần này thì khó mà chữa được. Chú Bảo phải luôn luôn nghỉ ở nhà để trông nom vợ, rồi sau vì sự không đừng được, ông phải gọi mẹ Bảo ở nhà quê lên với đứa con gái của ông. Sự ăn tiêu của sáu miệng ăn trông vào Bảo một phần lớn rồi đến ông chú. Còn Phương, tháng năm đồng, tháng bảy đồng đưa không nhất định Bảo có muốn lấy thêm cũng không được, vì số lương của Phương chỉ có chín đồng mà vừa phần Phương đi làm xa phải ở lại trưa, vừa phần Phương phải may mặc cho ra vẻ kẻo con gái đã lớn và nhất là có nhan sắc và biết chữ.

Bẵng đi một dạo, tôi không đến nhà Bảo, nhưng thường vẫn gặp Phương. Bao giờ thấy tôi, Phương cũng chào hỏi vồn vã, hỏi thăm tất cả những bạn quen trước kia của anh Phương một cách tỷ mỷ. Duy có điều này khiến tôi bùi ngùi vô cùng là Phương không một lời mời tôi lại nhà. Dù đi một mình hay với ai, Phương cũng niềm nở như thế. Lắm lúc tôi đã toan chỉ chào Phương thôi, nhưng Phương không chịu sự thờ ơ ấy. Vì những người đi với Phương phần nhiều là trai, họ đương vui cười cùng Phương trong một sự say sưa lộ rõ rệt từ trong bước đi đến nụ cười và ánh mắt. Hoặc ở rạp hát, tiệm ăn ra; hoặc trên những đường vắng ở Hồ Tây hay bờ sông; hoặc những chiều tấp nập giữa những phố Hàng Ngang, Hàng Đào, Tràng Tiền, Phương đều công nhiên khoác tay họ và tươi cười rút tay ra giới thiệu với tôi:

– Thưa anh Xuân, đây anh A... người yêu của em; anh T... dạy em đàn; anh V bạn em hát cho gánh...; anh M... làm cho xi nê...

Không! Tôi cố tìm mà không thể nào thấy một chút gì kiêu căng,

phô trương trong giọng nói và vẻ mặt. Vẫn đôi mắt nhanh và sáng ấy, Phương nhìn tôi với những tiếng cười giòn tan. Trái lại, những cái đó chỉ thấy trong những anh trai đi với Phương! Thì trong khi tôi đương băn khoăn tìm hiểu Phương, bỗng gặp Bảo. Lần này, cả một sự bàng hoàng ran lên trong đầu óc tôi. Bảo ở một tiệm ăn lớn nhất của một phố ăn chơi kia ra với một thiếu nữ lộng lẫy đi kèm bên. Vút cái, Bảo và thiếu nữ lên xe. Trên xe, Bảo ngồi vắt chân, mắt lờ đờ đuổi theo những gợn khói thuốc lá, còn thiếu nữ mở "xắc" soi gương, và lấy bông phấn ra đập đập lên má và cổ.

Minh ạ, người tôi lạnh rợi đi. Tôi sực nhớ tới một bữa ăn cách đây không bao lâu ở nhà Bảo. Chung quanh cái mâm đồng, bảy người ngồi nhiều khi chạm đũa nhau vì giường chật. Thức ăn ngoài đĩa rau muống luộc, hai bát ô tô nước dấm và đĩa đậu phụ, khi hết, mẹ Bảo phải ra hàng gần đấy mua cà để ăn thêm. Không ai nói với ai một câu, khác hẳn khi trước, một bên, Phương cười rít lên, một bên các bạn Bảo đáp lại ồn ào gấp mười. Bảo ăn xong bằng miệng bát thứ hai đã đứng dậy. Phương sợ tôi làm khách phải khẩn khoản nói và xới lên bát. Mẹ Bảo vốn hay nghẹn, nhai như đếm từng miếng, luôn luôn lờ đờ nhìn ra ngoài bàn đã sắp sẵn bộ ấm chén sứt sẹo.

Bảo xuềnh xoàng và ghét cay đắng sự ăn chơi xa xỉ, giờ như thế đó, Minh ạ. Còn có thể nhận ra Bảo trước kia sáu năm, áo the, quần chúc bâu, mũ trắng và dép da có mũi và gót hẳn hoi. Không biết khi nhắc lại trước mặt Bảo những cái nhún vai và bĩu môi của Bảo dùng để tỏ sự ghê tởm những trai trẻ đua đòi phóng đãng, Bảo sẽ cười hay nói thế nào?

Xe Bảo đã khuất, nhưng Bảo vẫn lừ lừ trước mắt tôi. Tôi có cảm giác rõ rệt bước bên cạnh Bảo, hai người không nói với nhau nửa lời, một buổi chiều u ám đã qua, về nhà Bảo để cùng nhau đọc sách dưới ánh sáng ngọn đèn cây cho quên những nỗi buồn day dứt của thiếu thốn, thèm khát. Sau sự hiển hiện này là Phương, từ con bé còn cặp tóc, áo trắng, quần thâm thể nào đến trường cũng phải có cái dây thừng trong cặp..., luôn luôn phê bình sự ăn mặc của trai gái qua đường với những giọng cười rực rỡ, đến cô gái ngày ngày đi làm trên phố với mái tóc xức dầu thơm và chải mượt, má hồng phấn, mày tỉa cong và đen ánh, tuy chỉ quần áo phin trắng nhưng giữa đám đông lộng lẫy vẫn nổi bật lên và được bao cặp mắt long lanh nuốt lấy, rồi đột nhiên, lại một cô gái khác hẳn đi, không thể ai tưởng được là con

một gia đình vỏn vẻn lại ở dưới ba gian nhà lá lụp xụp ở vùng ngoại ô, cũng ăn gạo lúa và công nợ réo rắt như hầu hết người nghèo khổ chung quanh.

Minh ơi! Viết đến đây, tôi thấy trong người bứt rứt đến không thể chịu được nữa. Minh hãy chờ tôi một chút, để tôi uống lấy một cốc nước và làm trong mười phút những cử động hô hấp. Vì sau đó tôi phải kể cho Minh nghe chuyện một chuỗi hạt, cái chuỗi hạt đeo cổ của Phương, mà không hiểu tại sao đến giờ tôi mới lại nhớ đến và nói ra cùng Minh.

Hạt trai, thứ trang sức quý giá này, tôi chỉ được nghe ca tụng cái óng nuốt như mây trời của nó nhịp nhàng với nước da cổ trắng ngần, chứ thực ra chưa được sờ mó và trông thấy. Và giá có bắt được một chuỗi hạt trai thật mà một ai đến đổi nó giữa lúc với độ vài chục bạc thôi, thì tôi cũng chẳng một phút ngần ngại. Cả hạt ngọc thạch cũng thế! Duy chỉ có thứ hạt bằng thủy tinh và sứ sắc xanh da trời, thỉnh thoảng lại nhún nhảy trên làn lụa nõn và ngấn cổ ngon lành, thì tôi được trông ngắm luôn luôn. Và thứ hạt bằng thủy tinh. Thứ cuối cùng này, tôi đã một lần đi mua với vợ chồng một người bà con. Theo lời bà thì hạt thủy tinh mà đeo được, rẻ ra cũng phải ba đồng một chuỗi, tuy nó không ngời sáng, nhưng có những làn óng ánh khiến người ta thoạt nhìn là phải chú ý, nó không sạm mờ vì mồ hôi, giữ bền cái trong và sáng cốt yếu kia.

Một đêm, tôi gặp Bảo ở một rạp chiếu bóng ra. Bảo vồ lấy tôi và reo lên cũng như khi gặp Minh và tôi vậy. Bảo dẫn tôi đi ăn cháo rồi nhất định kéo về nhà ngủ. Bảo vẫn ở cái nhà dưới Bạch Mai với mẹ, cô chú và Phương. Chúng tôi không đi xe, thong thả bước sát đùi nhau dưới những lùm cây rì rào trong đêm. Tôi đã toan hỏi Bảo về sự ăn chơi của Bảo mà phần đông bạn bè nhắc nhở đến luôn, nhưng vì cả Bảo và tôi cùng đắm đuối trong cái giọng chậm rãi đầy thân mật, nên tôi không thốt ra cái câu trong lúc này nó làm chối hẳn tai đi.

Thấm thoát chúng tôi đến nhà. Không để Bảo phải đập liếp đến lần thứ hai, mẹ Bảo đã dậy, lạch cạch tháo gióng và giơ đèn cho chúng tôi vào. Giường Bảo đã buông màn sẵn sàng. Bảo và tôi chỉ có việc đánh răng xong là chui vào nằm. Nhưng Bảo vẫn chuyện, sau đó lúc lâu tôi phải thích tay vào người Bảo, cười và nói:

– Thôi! Đi ngủ đây, mệt lắm rồi!

– Ừ thì ngủ mắt mình chứ mắt người ta đâu?

– Nhưng cứ nheo nhéo bên tai người ta ấy. Thôi giờ cấm hẳn.

Vừa phần cả ngày hôm ấy đi bộ nhiều, vừa phần gặp nhiều cái vui, nên tôi chỉ yên lặng giây phút là thấy mí mắt dần dần trĩu nặng, thân thể nhẹ nhàng và tâm trí lơ mơ. Chợt loáng thoáng bên tai tôi, tiếng Bảo nói:

– Kìa mẹ, mẹ đi ngủ sao vẫn để đèn thế?

– À, đèn cũng gần hết dầu rồi chỉ chốc nữa là tắt vậy, mẹ ngại dậy.

Yên lặng.

Sau đó Bảo nói như reo lên:

– À! À! Con biết rồi! Này mẹ! Con Phương nó đi đâu?

Bảo dằn tiếng:

– Nó ngủ rồi! Nó ngủ rồi mà màn vẫn cuộn và chăn, gối vẫn xếp đống thế kia?

Lại một lần nữa yên lặng.

Nhưng sau lần ấy, Bảo vùng dậy, bước sầm xuống đất, ra cửa:

– Nó lại đi chơi và mẹ lại chờ cửa nó đây? Phải rồi! Phải rồi! Hôm nay có một ban kịch mới lập diễn ở Nhà Hát Tây mà. Mặc xác nó, cho nó ngủ đường.

Mẹ Bảo vội cất tiếng, giọng run run của sự van lơn:

– Không! Nó đã xin phép mẹ rồi! Và nó còn dặn cả mẹ xin phép con hộ nó. Thôi, con đừng làm thế, tội nghiệp! Khuya khoắt thế này con đuổi nó đi đâu?

Bảo rít lên:

– Nó đi đâu thì đi, không thể nào đêm nay và từ nay cho nó về cái nhà này được. Mẹ có biết không, nó lại theo thằng Xương đẹp trai và hát cải lương rồi đấy; và thằng kia mới sắm cho nó chuỗi hạt, vậy làm gì mà chả rủ được nó đi để hú hí?!

Có tiếng guốc lệch xệch kéo trên nền nhà rồi va chạm vào bàn ghế. Với một giọng mừng rỡ nghẹn ngào, Bảo cười sằng sặc:

– Đây này, chuỗi hạt nó quên, để lại trên bàn đây này.

Bên kia giường, mẹ Bảo vội vùng dậy:

– Không! Không! Con ơi! Hột của nó mua đấy, chứ có phải của nhân tình nhân bánh nào cho nó đâu? Mẹ xin thề với con rằng chính

nó nhờ mẹ vay thêm bà bên cạnh cho nó một đồng để nó đi mua. Và khi đi mua, cả cái Lan con bà ấy cũng biết.

Bảo vẫn cái giọng cười sắc rợn ấy:

– Ừ thì của nó mua! Ừ thì của nó mua! Đây nó muốn chải chuốt thì lần này con để nó tha hồ sắm sửa chải chuốt.

Bảo vừa dứt tiếng, phựt! Sợi dây giựt tung ra, mặt bàn bằng đá reo loảng xoảng vì những hạt thủy tinh tuột xuống. Chỉ một cái vơ vẻn vẹn, những hạt óng ánh kia thu lại trong bàn tay run run của Bảo. Rồi từng tiếng một, phải, từng tiếng một, Minh ạ, thủy tinh rít lên dưới một gót guốc xéo nát. Tôi gai cả người, và, trong màn bên kia, những tiếng nức nở.

Bảo nghiến răng nói thêm mấy câu nữa thì tung màn, vào nằm vật ra giường, thở hồng hộc. Tôi không dám động đậy và cố chịu cái sức nặng của chân Bảo đè lên mu bàn chân tôi, làm tôi đau tê như bị tra tấn. Từ đó tới sáng, một giấc ngủ lẩy nhẩy xám xịt như bồ hóng. Khi trời bừng nắng, cánh liếp vẫn đóng. Vài tia vàng diệp chiếu vào nhà, cát bụi lầm lên trong không, chờn vờn. Có tiếng người nói xì xào, sau đó, tiếng dép lẹp kẹp. Mẹ Bảo ở dưới bếp lên, ỳ ạch mở cửa, rồi chuyển lên nhà một bình nước nóng thường lệ.

Tôi không dám nằm lười biếng ủy mị như thế hơn phút nữa, mà vùng dậy. Vừa vén màn, nhìn ra ngoài, giác quan tôi liền như bị xé ra. Dưới đất, những vụn thủy tinh lấp lánh trong ánh nắng ban mai cắm phầm phập vào mắt tôi và cả vào màng óc tôi. Giường bên kia, Phương cũng lồm cồm ngồi dậy vấn tóc và kéo áo dài mặc. Một tiếng hét líu lưỡi vọt ra. Phương chạy xổ ra giữa nhà, cúi vồ lấy dây chuỗi hạt nằm gí trên đất:

– Giời ơi! Ai làm rơi để người ta giẫm của tôi thế này?

Không thấy đáp lại, Phương nức nở:

– Ai thế này? Ai thế này hở trời ơi!

Vóc người lẩy bẩy của mẹ Phương từ từ tiến lại bên Phương. Phương vùng ngước mắt, quắc mắt nhìn mẹ:

– Mẹ! Mẹ! Có phải mẹ làm rơi của con không?

Bà mẹ Bảo lắc nhẹ đầu:

– Ừ... ừ... có lẽ mẹ đánh rơi đấy... Đêm qua mẹ đi tìm bao diêm ở bàn để châm đèn, vậy có lẽ mẹ quờ quạng đánh rơi của con. Thôi, kỳ tiền sau mẹ bớt cho con một nửa con mua.

Bốn tháng sau, tôi gặp Phương được hai lần. Và từ bấy đến giờ, thỉnh thoảng tôi chỉ được nghe người ta nói láng máng đến Phương. Sau khi Phương bỏ nhà theo Xương đi diễn kịch, Phương đâu lấy đến bốn, năm người nữa. Trừ những sốp phơ hiện giờ là có nghề nghiệp, còn đều là những trai màng con những gia đình giàu có và được nưng niu.

Có một lần người ta cho tôi biết là Phương dan díu với một gã dạy nhảy đầm. Không biết đứa con ấy Phương có nuôi hay cho ai. Có lẽ Phương đã cho đứa bé kia vì từ ngày có mang nó, Phương trông xọp hẳn đi, lâm vào sự thiếu thốn khốn cực đến nỗi quần áo lôi thôi và quanh quẩn chỉ có hai bộ đã rách và phải vá.

Minh ơi! Giờ Bảo và Phương cùng ở một nơi và có căn bản sống đấy. Nhưng không biết anh em có nhìn nhận nhau không? Hay một đằng vì chán nản và hằn học, một đằng đau đớn vì bị ruồng bỏ, cả hai vẫn lao mình vào những phút khoái lạc mê tơi để khỏi nhìn thấy sự thực và để sung sướng trong sự quên những sự đau khổ vì chia rẽ, hư hỏng, tan nát và chết?! Nếu không có một hoàn cảnh khác để sống, một lý trí khác để nhận định, một tâm hồn khác để rung động, thì Bảo và Phương còn là xa nhau, nhưng vẫn chung với nhau, và, chung với nhau trong cái hố tiêu diệt của sự buồn nản và khoái lạc!

NGUYỄN XUÂN

ĐỨA CON

Bắc Bầu, ngày 27-3-40

Minh,

Viết đến bà mẹ Bảo với hai đứa con kia, tôi lại phải nhớ đến bà cụ Tuyên. Ngày năm kia, Minh vừa ngỏ ý định xuống Phòng với bà, bà đã tức tốc lại đằng tôi, tìm tôi để khoe cái tin vui mừng này. Cái giường mới mà Minh nằm không phải là mua lại đâu, chính bà đo nhà rồi lên hiệu phố Ba Ty đóng những tám đồng đấy. Nếu còn tiền, bà còn sắm thêm cái bàn để Minh ngồi viết và xếp sách báo, nhưng vì không có, bà đành phải mượn của người em cái bàn nhỏ với cái ghế mây. Tuy biết Minh hễ nói với bà điều gì là chắc chắn điều ấy

nhưng bà vẫn phân vân hỏi đi hỏi lại tôi rằng có thế vì lẽ gì hay việc gì mà Minh không xuống Phòng chăng? Cho tới lúc tôi tiễn chân bà ra xe, bà còn căn dặn tôi mấy lượt phải viết thư giục thêm Minh để Minh mau chóng xuống cho bà khỏi nóng lòng vì mong đợi.

Cách mấy năm hả Minh, từ dạo chúng ta và thằng Tuyên, con bà, thuê dưới Bạch Mai rồi lên Nam Tràng, rồi mỗi đứa mỗi ngả? Thời kỳ đó, tôi thấy xa lắc xa lơ, nhưng cảm động thay, bà mẹ này hễ gặp chúng ta lần nào cũng thấy bồng bột thêm, mặc dầu chúng ta ít đến với bà. Ngày tháng với những sự gay gắt của cuộc sống chỉ làm mòn mỏi cái thân thể mảnh dẻ kia, chứ phá hoại sao được sự bền vững và nẩy nở của tấm lòng rộng rãi và đằm thắm? Bà mẹ Tuyên giờ đây càng thấy vui vẻ và hoan hỷ gấp bội, bà mẹ Tuyên hồi tóc còn đen mượt, đi mọi chợ xa gần để nuôi ăn học đứa con đã lớn tướng. Ai gặp bà hay vào nhà bà một lượt mà có thể quên được bà, Minh nhỉ?

Thật chưa thấy một nơi dễ dàng và ấm áp đến như thế. Gặp bữa thì ăn, muốn ngủ thì giường màn đấy, tha hồ mà lăn ra nằm chẳng đếm xỉa gì giờ giấc; mình mẩy bứt rứt vì quần áo bẩn, mà chum vại không có nước, thì cứ gọi người gánh cho, rồi căng chiếu ra, xì xụp tắm giặt với nhau. Hơn nữa, lại có cả những thằng dẫn nhân tình đến và bô bô giới thiệu với bà. Đã không tỏ chút gì phật ý vì sự trai gái này, bà lại tươi cười mời mọc và khuyên chúng nên mau chóng lấy nhau đi, nếu thấy thật lòng thương yêu nhau và dù khổ sở cũng chẳng quản ngại việc làm để giúp đỡ nhau, gây dựng hạnh phúc với nhau. Chẳng có thế mà mấy ả chỉ quen sơ Tuyên, nhưng đến nhà chơi với Tuyên vài bận, đã dám gọi phăng bà là mẹ và lăn vào bếp thổi nấu cho bà.

Mà bà cụ Tuyên thật xứng đáng cho tất cả chúng ta gọi là mẹ. Nếu không chan chứa những niềm thương yêu vong kỷ thì đâu một người đàn bà lại săn sóc trông nom những kẻ không phải con mình những khi chúng ốm đau mà trong túi một xu không có, mà không chút chểnh mảng, không phút ngần ngại, không một lời hé ra để người khác biết rằng mình vất vả.

Năm ngoái Minh vào Sài Gòn, bà lên Hà Nội có lại thăm tôi nhằm lúc tôi đương ốm. Bà ngồi trên ghế sát giường tôi nằm, nhai trầu trông tươi quá. Tuy tôi nhận ra tóc bà đã phớt bạc, gò má cao và hóp, quầng mắt thâm và sâu rõ hẳn, nhưng những gợn sáng trong

mắt bà càng đầy nồng nàn, thiết tha với lòng mắt nâu trong và dịu. Lòng tôi nao lên vì tai tôi lại được nghe cái giọng nói chậm rãi như giọng ru thuần hậu cho con ngủ, và cảm giác tôi nở ra rạo rực trước mùi trầu cau đậm đà. Tôi thoáng tưởng đến cái thuở cùng Tuyên và Minh nghỉ học vì trời mưa bão, quấn quít bên người bà, mê say nghe bà kể những chuyện *Thằng Cuội, Gương vỡ lại lành, Cờ lau tập trận, Hùm trả nghĩa* mà thi vị chảy đầm đìa vào những hồn ngây thơ, làm nó lâng lâng như có cánh, bay la cà vào những rừng rậm và trên núi, sông, biển cả, đầy những nhân vật kỳ dị.

Thỉnh thoảng bà lại kéo xích cái khăn đắp ngực tôi lên rồi vuốt trán tôi:

– Trời lạnh đấy! Anh phải cẩn thận không đau ngực thì khốn! Mà người anh đương hâm hấp sốt đây này!

Thật ra trán tôi lúc bấy giờ một phần nóng rực bởi bệnh, một phần vì sự ủ ấp của tình mẹ con mà tôi thấy hiện ra với những cái nhìn và những nụ cười chỉ biết có mình tôi của cặp môi không còn che nổi hàm răng thô, còn sót vài chiếc răng cửa khấp khểnh, to và nham nhở, và những sợi tóc thưa thớt phớt trắng rũ xuống vầng trán nhăn nheo.

Lần đó bà mẹ Tuyên nói rất ít về Tuyên, Minh ạ. Tôi có hỏi thì bà mới cho biết đã hơn tám tháng nó chỉ gửi cho bà ba bức thư với ba địa chỉ khác nhau ở Nam Kỳ và Cao Mên. Và một lần bà nhận được một colis recommandé [1] trong đó có hai tấm lụa đào, một khăn bàn dệt bằng khung cửi, một bộ đĩa chén bằng bạc và rất nhiều bánh kẹo. Thì lụa bà đã bán lấy tiền làm cho nó hai tễ thuốc bổ huyết, còn khăn bàn và chén đĩa, bà cất kỹ chờ nó về dùng thì dạo nọ bà giở ra cho Minh xem đấy.

Bà mẹ Tuyên lắc đầu, cười rồi nói với tôi:

– Anh Xuân! Anh tính đến bao giờ nó mới đứng đắn được? Tôi già người đi chỉ vì nó thôi anh ạ. Tôi có mình nó là con trai mà nó nay tỉnh này mai xứ khác, chỗ việc làm lương tháng năm bảy chục cũng đùng đùng bỏ, đi đâu không đi cứ đâm vào những miền chỉ nói đến tên đã ghê cả người. Rồi khi nào mẹ được thấy con về thì lại làm vú già sắc thuốc cho con, mang thêm ít công nợ vì những trứng gà, sữa, bầu dục, cam, chuối, thịt bò mua chịu ùn ùn của người ta.

1. Bưu phẩm bảo đảm.

Chợt tôi sực nhớ đến bức thư của Minh có nói đến Tuyên và một ả mà Tuyên dám giới thiệu với mọi người rằng vợ. Không cần xem ả đó đẹp hay xấu và tính hạnh thế nào, mà chỉ biết một người đàn bà mà Tuyên phải đeo đẳng bên mình, thuê nhà cửa ăn ở với nhau hẳn hoi, thì Tuyên chắc đã thay đổi ghê lắm mới có những chuyện như thế. Lúc đó lại vừa dịp bà cụ Tuyên khơi ra, tôi mới dám hỏi bà, để vừa an ủi vừa được hiểu Tuyên thêm chút nữa:

– Thưa bà, mới đây con được nghe Minh cho biết tin Tuyên lấy vợ và như sắp đưa vợ về với bà. Thôi, Tuyên đã biết nghĩ muốn lập gia đình thì dù người đàn bà kia thế nào bà cũng mặc, miễn là người biết chịu thương chịu khó bầu bạn nâng giấc bà.

Mẹ Tuyên yên lặng một lúc rồi mới phào tiếng:

– Phải, tháng tư vừa rồi tôi cũng được người quen cho biết tin ấy, tôi đã mừng thầm. Người này là người Cao Mên, anh Xuân ạ, đâu con một nhà cày cấy khá lắm. Tôi đã hy vọng chuyến này nó bớt lông bông, bệ tha để tôi bớt phần lo nghĩ. Tôi chẳng cần nó phải đưa vợ nó về Bắc với tiền rừng bạc biển, mà chỉ mong mỗi nó ăn ở bền đậu với người ta, rồi cho tôi xin nó lấy một đứa con trai, để trông thấy có cái khí huyết nối dõi ông cha cho khỏi mang tội và cho khỏi tủi lòng, vì con nó là cái lãi của năm, sáu mươi năm trời tôi gieo neo vất vả hết vì bố nó rồi đến anh em nó.

Nước mắt mẹ Tuyên đã tràn ra, ròng ròng trên hai gò má gồ xương. Sau đó bà nức lên mấy tiếng rồi gục mặt xuống dựa ghế, lặng đi. Tức thì lòng tôi thắt lại. Tôi đau đớn tưởng đến những khi mẹ Tuyên bế ẵm hộ con cho hàng xóm. Những đứa bé này đã được bà ru rất lâu. Bà vừa đi vừa ru ở ngoài sân, những lúc bóng chiều đã mờ xám, người đi làm các ngả trên phố đã dồn về mà bố mẹ những đứa nhỏ vẫn chưa thấy. Và không thấy cả con bà nữa, cái thằng Tuyên giang hồ.

Đã một lần tình cờ tôi đến thăm bà vào buổi giỗ ông thân Tuyên. Đương lom khom trước bát nhang lấp lánh những đốm sáng và tỏa hương thơm man mác, bà như mê đi với những cái vái mềm dẻo, nhịp nhàng, và trong cái giọng khấn thầm thiết tha của bà, tôi không dám lên tiếng dừng bước lại. Trong cái yên lặng nao nao xa vắng đượm mùi huyền bí, tôi thấy người lành lạnh như nghẹn ở cổ. Khi tiếng chuông vừa gióng lên, vang lâng lâng để gọi các âm hồn, thì cả giác quan tôi nổi gai, rùng rợn chạy suốt đến kẽ tóc. Bà mẹ Tuyên làm tôi

giật nảy mình vì những tiếng nói dồn dập qua những hơi thở không đều. Tôi hay bất kỳ ai quen với Tuyên đến lúc này mà chả làm bà xúc động như thế.

Nhưng Minh ạ, buông xong câu nói trên kia, sau một lúc lâu yên lặng, bà mẹ Tuyên ngước mắt lên nhíu mắt lại, khóc rưng rức và lắc đầu:

– Anh Xuân ơi! Tôi đương mong mỏi thế có ngờ đâu, ngờ đâu lá thư mới đây nó đã trả lời bỏ người vợ Cao Mên ấy rồi. Vì nó thấy vợ con bận bịu lắm, nặng cái vai thờ của nó lắm, và nó sinh ra không phải để làm chân thư ký và giữ két cho nhà vợ. Nó còn nói thêm là mới thử đa mang một lần mà đã thấy khó chịu đến như thế, vậy có lẽ nó cạch đến già. Anh Xuân! Anh xem tôi còn trông mong gì ở nó hở anh?!

... Sự xúc động dịu dần, bà mẹ Tuyên chùi xong nước mắt với vạt áo thì bảo tôi nhờ một đứa bé mua cho bà mấy xu trầu cau. Bà vừa ăn vừa đưa mắt nhìn chỗ tôi ở. Thì khốn nạn! Chỗ ở của chúng mình có bao giờ quá một gian nhà, hơn một cái giường và một cái ghế? Bà mỉm cười, lắc đầu:

– Đến nhà các anh vẫn chẳng thấy nhiều cái gì, mà chỉ thấy ngổn ngang bề bộn những sách báo và sách báo.

Bà nhổ quết trầu, đoạn cười và nói tiếp:

– Còn anh Minh và anh, đừng nên bắt chước cái thằng Tuyên bất hiếu nhà tôi! Các anh...

Không để bà nói nốt, tôi vuốt nhẹ lưng bà, đón lời:

– Chúng con chỉ cuối năm là có vợ và sang năm là vô số con, mẹ ạ.

Liền đó tôi cười mấy tiếng nhẹ, nhưng vừa dứt tiếng, tôi thấy trong lương tâm ran lên một sự hối hận. Tôi đã hèn hạ dám có cái vui vẻ giễu cợt trước cả một lòng thành thực của một người mẹ tha thiết với những cái rất thiết thực của cuộc sống, của hạnh phúc. Nhưng bà mẹ Tuyên đâu phức tạp như chúng mình, bà liền cười theo và nói tiếp:

– Phải đấy! Các anh chẳng ra gì cũng ngoài đôi mươi, mà trai trẻ đến tuổi này là đủ tư cách lấy vợ, vậy các anh phải mau chóng thành gia thất đi. Tôi đây, khi nào các anh đến thăm chẳng quà gì tôi quý bằng được nhìn thấy anh có con, mà con các anh, nó rạng rỡ, thông minh.

Thành gia thất và gây dựng hạnh phúc gia đình, những sự tất yếu này đâu Tuyên không nhận thấy, mà sao Tuyên và cả chúng ta

và rất nhiều trai trẻ khác nữa vẫn chưa nhất quyết? Thật là một sự mỉa mai và đau xót cho những sự ước mong tha thiết phải vấp ngã và nhiều khi tan nát nữa, trước những gay go của sự sống làm bại liệt cả tinh thần, làm thảm khốc cả một đời? Một đêm kia, Tuyên và tôi ngồi yên lặng trước vùng sáng hẹp và vàng nhờn của ngọn đèn dầu tây. Bao thuốc lá mới mua lúc chập tối mà đến giờ đã chỉ còn vỏn vẹn hai điếu. Tuyên dỗ cả ra, nện đi nện lại cho chặt rồi cười bảo tôi:

– Điếu cuối cùng này rồi thôi.

– Ừ thì rồi thôi.

Tuyên ngậm điếu thuốc ghé vào đèn châm. Đốm lửa đỏ lập lòe chạy gờn gợn trong mắt Tuyên lấp lánh. Khói thơm tỏa ra, từng làn uốn éo. Vẻ mặt Tuyên càng chìm đắm. Tôi thấy rờn rợn vì biết rằng Tuyên mà ngồi yên và môi mím lại như thế tất sắp sửa trào ra những ý tưởng gì đây. Quả nhiên Tuyên bỗng buông thõng tay cầm thuốc lá xuống bàn rồi lắc đầu, cái đầu bơ phờ tóc rủ đầy xuống trán:

– Xuân ơi! Phải rồi! Phải rồi! Chúng ta, nhất là tôi đã ích kỷ và hèn hạ quá! Chúng ta, gần hết một thời trai trẻ, chỉ biết tìm những khoái lạc cho mình. Để thỏa mãn những dục vọng tối tăm của mình, gót chân chúng ta đã xéo qua nhiều bổn phận, đã giày nát bao nhiêu sự tin cậy của những người chung quanh, nhất là những người gần ta bằng máu mủ. Những kẻ này tha thiết với chúng ta đến nỗi lúc nào cũng chỉ nghĩ đến chúng ta với bất kỳ sự dính líu đến nỗi vui buồn của chúng ta. Họ gieo neo khổ sở vì ta chừng nào nữa cũng cam tâm, miễn là chúng ta được sung sướng. Tôi có một người mẹ, người mẹ thế nào Xuân đã biết rõ chứ gì, bà yêu thương tôi đến độ coi sự ở với em gái tôi, để chồng nó trông nom đầy đủ ăn mặc, là ruồng bỏ tôi, quên lãng tôi. Thế mà tôi, quái gở, Xuân thấy đó...

Tuyên ngừng lại, gục mặt xuống bàn, như thiếp đi. Hồi lâu Tuyên mới ngước mắt lên, đưa cái nhìn xám nhợt lướt lên cao và tỏa rộng chung quanh:

– Chúng ta đã lầm lạc! Gia đình đâu phải sự ràng buộc nặng nề như gông cùm của tuổi trẻ. Chán ghét và giày đạp thì chán ghét và giày đạp những cái gì là tàn khốc, là thối nát, là ghì giữ mình lại chứ?! Đây, chính trong sự gây dựng, những sự êm ấm cho người ruột thịt, cái tình cảm tươi sáng của ta càng nảy nở thêm lên, đồng thời người thân ta giao cảm với ta một cách thiết tha hơn, nhận định sự

hy sinh và tình thương yêu một cách sáng suốt và chặt chẽ hơn. Do thế lòng ham sống của ta càng bồng bột khi ngay bên ta ai nấy cũng thấy cuộc đời không phải chỉ có riêng mình, mà cố gắng làm việc với ta, khiến ta được khuyến khích và tăng sự tin tưởng bởi cái không khí hòa hợp và vui tươi bao phủ tim ta với những màu sắc tươi sáng của gia đình. Dưới cái bầu trời thở hít thoải mái này, con cháu ta vừa được mang theo trong người những di truyền tốt đẹp, vừa được thấm nhuần những sự rộng rãi êm mát cho tinh thần, những cái đưa tinh khí lên cao và rèn luyện con người trước những sự lôi cuốn tối tăm.

Nghe Tuyên nói, mê man trong cái giọng hổn hển làm nóng rát cả cổ người thốt ra ấy, tôi thấy tôi thở mạnh và không đều. Người tôi dần bứt rứt như sưởi lửa khá lâu trong một gian buồng kín. Tôi bồn chồn nghĩ đến mẹ Tuyên có mặt không phải ngay bên Tuyên, mà núp sau bức vách, lúc này đây. Thấy không còn là thằng Tuyên bông lông, bê tha nay đây mai đó, lao mình vào mọi thú ăn chơi mới lạ không cần hiểu biết, hỏi bà còn quản một sự gì, kể cả sự chết, sự sống bên Tuyên.

Thì chỉ ít lâu sau, bà mẹ này lại ngồi bên tôi, với đôi mắt đã mờ, u uẩn bao nhiêu đau thương khi nhắc đến thằng con trai hiện giờ xa cách mẹ hàng mấy ngàn cây số, biền biệt không tin tức. Lần nào cũng thế, phải không Minh, hễ chạnh cảm với Tuyên, bà mẹ Tuyên sau những phút yên lặng đều tê mê như thế? Nếu tôi không lầm thì trong cái thời khắc tưởng nhớ Tuyên này, mẹ Tuyên tuy mênh mông đau khổ nhưng cũng lại mang mác sung sướng.

Minh ơi! Tôi viết câu trên đây, vì tôi nhớ đến một lần, không hiểu vì làm gì mà Tuyên bị khóa tay. Thì khi ở tòa ra, Tuyên ung dung nói với người giải mình hẵng gượm cho Tuyên giây phút. Được nhận lời, Tuyên gọi mẹ lại, từ từ ôm lấy sống lưng run bần bật của bà, nâng cao mặt bà lên, mắt sáng ngời chiếu xuống cặp mắt mờ nước của bà rất lâu rồi hôn không biết bao nhiêu cái lên trán, lên má bà qua những hơi thở hồng hộc.

Rời khỏi vòng tay Tuyên, người mẹ khốn nạn kia ngã dúi xuống đường, lặng đi hồi lâu như lúc trên kia tôi đã tả cho Minh nghe.

NGUYỄN XUÂN

NHỮNG MẦM NON

Bắc Bầu, ngày 18-4-40

Minh,

Dạo tôi về Nam Định thì Minh ra Móng Cái. Ở Nam, tôi định viết thư cho Minh, nhưng thấy nói không chắc gì Minh bền đậu với người chủ này, nên thôi. Viết được mấy trang giấy mà phải không những mong ngóng nó đến tay bạn, lại còn hồi hộp lo sợ nó thất lạc, thì ai còn can đảm nào để viết?

Tiếc thay, dạo đó Minh không về đây để xem chỗ tôi ở và sự sinh hoạt của nó. Không những tôi tin mà lại thấy tất nhiên Minh phải vừa lòng vì cái không khí đáng mến ấy. Tôi nhớ và phải nhớ mãi câu nói này của Minh: "Chúng ta muốn đi đâu thì đi, ở đâu thì ở, nhưng bao giờ cũng phải ở gần Người". Người! Những con người cần lao yên lặng và chăm chỉ nỗ lực sống kia, ai mà có thể xa được? Có chăng khi nào tim ta hết rung động, nghĩa là ta chết, thì ta mới đi ra khỏi họ, không dự mật thiết vào những vui sướng và đau buồn gần như lẫn lộn mờ mịt của họ?

Không như những xóm trên Hà Nội và ngoài Hải Phòng, xóm Bà Cả tôi ở này nhà nào nhà nấy phân biệt ra hẳn bởi hàng rào tươi hay vườn. Tại đất Nam Định dù sao vẫn rẻ, người tứ xứ đổ đến làm ăn buôn bán chưa đông quá, nên vẫn được thở rộng rãi. Tuy thế, cái cảnh ngoại ô lèo nhèo và lam lũ vẫn không thiếu, với chung quanh nào gia đình bác Tư, ông Chín, anh Mân, cụ phó Kỷ, chị Khán, chị Tèo, bà già Mai, là những gia đình phu phen, thợ thuyền và buôn thúng bán bưng bắt đầu dậy từ lúc còn tờ mờ đất và cất bát cơm chiều khi bóng tối và muỗi đã lẫn lộn với nhau.

Và trẻ con, những đàn trẻ tồng ngồng và lúc nhúc của họ chẳng kém phần ầm ĩ và khác lạ như của Bạch Mai, Phúc Xá, hay Lạc Viên Chợ Con nhiều lắm. Hai bức ảnh to và bốn bức ảnh nhỏ kèm với thư đây là của tôi chụp. Minh có để ý đến những con số đánh dấu không? Kìa Minh cứ xếp thứ tự từ một đến sáu, nhìn chăm chú từng bức vừa nghe tôi giới thiệu và kể từng chuyện sau đây:

1. Gia đình này ở cạnh liếp gian tôi. Không phải chú ý, Minh cũng nhận ra rõ hai cái giường kê cái ngang, cái dọc, và một đứa bé

ngồi ngơ ngác trước bậu cửa chỗ ánh sáng làm nổi bật lên một khoảng sáng? Đó là cái Tý em, em cái Tý nhớn, con vợ chồng bác Tý Phù. Tiếc quá, trước khi tôi bấm ảnh, thì Tý em ngậm ngón tay rõ ràng mà rồi sau nó lại buông ra để Minh thiệt nhìn một nét đặc sắc.

Vợ chồng bác Tý Phù đi biển biệt cả ngày, làm ở tít mãi phố xa nhà đến bốn cây số ấy. Khi chưa có tôi ở chung nhà, vợ chồng bác cũng đã thế. Nghĩa là ăn cơm từ năm giờ sáng rồi nắm hai nắm ở trong nồi hoặc với tý muối vừng, nước mắm, hoặc tý cá kho vụn hay tép rang, cho cái Tý nhớn ăn với em trưa và gần chiều.

Dù bị đánh đến thế nào, Tý nhớn vẫn mải chơi, mà đã mê mải nô đùa thì đứa bé lên sáu ấy đèo sao được trên lưng một vật nặng biết khóc và biết giãy giụa? Nhưng khi nào sực nhớ đến em thì Tý nhớn lại chạy ngay về nhà, chỗ bờ thềm phơi ra nắng ấm buổi sáng và gió mát ban chiều kia, Tý em đang ngồi khóc hơ hơ, một ngón tay đút vào miệng, dãi nhỏ đầm cả mảng ngực áo. Tý em như thế thì Tý nhớn đành phải ngồi bên em hoặc đem cơm cho nó ăn, hoặc đưa nó ra ngoài ngõ để cùng chơi. Nhưng Tý em ngủ, a! Tý em vẫn ngủ, hỏi những chữ gì để tả nỗi sung sướng của Tý nhớn trước con bé ngồi ngả đầu bên bậc gỗ, thở hiu hiu, trán lấm tấm mồ hôi này? Sợ em thức giấc vì nó vẫn còn hơi nức nở, Tý nhớn không dám đụng đến dù là một sợi tóc của em. Tý nhớn phải chờ cho đến khi nào Tý em thở thật đều đều mới dám nương nhẹ bàn tay Tý em lại gần cái miệng he hé mở, đút ngón tay cái vào, để chỉ phút nữa cái miệng thòm thèm kia sẽ ngậm lại với cảm giác một núm vú êm đềm truyền sinh khí cho mình.

Tôi cũng đã có một ảnh Tý em ngồi như thế nhưng một người Âu làm sở tôi dạo nọ thấy tôi giở ra đòi xem và xin mất rồi. Ông thuê hiệu phóng đại hai bức, gửi một bức kèm theo tấm ảnh chụp về bên Anh cho người vợ đã có với ông hai con nhưng chưa sang Đông Dương lần nào.

2. Những người trong tấm ảnh to này hiện giờ vẫn ở xóm ấy, cũng cái nhà ấy, mà tôi được biết do một người họ của họ lên làm trên đây với tôi. Hai dáng người chập chờn tít phía trong, trước cái bếp tỏa khói là bố mẹ năm đứa bé trong ảnh. Cái hình thù lom khom, tóc xõa rã rượi, ngồi gò lưng trên cái giường chân gần sát mặt đất và màn chạm tới nóc nhà, Minh đừng tưởng còn nhỏ tuổi. Một gái mười bảy rồi! Bống – tên cô ta – nếu không ốm – mấy hôm đó

sốt rét mệt mỏi không ăn được – thì ít ra cũng giã cho bố mẹ mấy cối bột hay rán cho mẹ dăm mẻ bánh và hai người kia đang cặm cụi làm kia, hay nếu Bông không đi những chợ xa gần để kiếm thêm ít đồng cho nhà đúng bảy miệng ăn.

Lúc ngồi nghỉ đó cũng như lúc xốc vác công việc dưới ánh trời, Bống chỉ vận có chiếc áo dài thâm mỏng, một áo cánh vải bơn và một quần nâu cũ, cũng lôi thôi lếch thếch như thế. Thằng Bồng là đứa xếp bánh rán dưới đất ngay chân giường Bống. Hai chị em lớn nhất nhà này cãi nhau luôn vì một kẻ vừa phải vất vả mà còn bị mắng chửi như tát nước vào mặt, còn một kẻ ngày ngày chỉ phải cấp hàng đi bán vừa được phần thức ăn ngon vừa được quần áo lành lặn. Bởi bố mẹ Việt Nam nào chả quí con trai, nhất là đứa con trai nó giống cha như lột, sinh trưởng trong cảnh cùng khổ mà vẫn lanh lẹn, cứng cỏi.

Hai đứa bé, một tóc cợp, một húi ngắn, không phải nghịch đâu. Cái Bông và thằng Bang này bé bỏng nên chỉ có việc nhặt lạc để làm kẹo và đỗ để làm nhân bánh. Và chúng đang cười với nhau chứ không phải mếu. Khi đó không bảo nhau mà cả hai đều bỏ tọt vào miệng mấy nhân lạc bùi nghịt làm chúng thèm rỏ rãi ra. Bu nó bắt ngay được, đứa nọ vội đổ tội cho đứa kia cám dỗ mình và chúng cùng thấy vui vui trong sự hồi hộp lo nghĩ đến những cái cốc thủng đầu để trừng phạt của mẹ.

Con bé ở ngoài cùng là cái út Bình. Đẻ xong Bình, hai vợ chồng bác Bống cười thề với hàng xóm là trời cho mắn con nhưng lại bắt tội nghèo thì họ nhất định không đẻ nữa. Bình không như cái Tý em, bỏ nó đâu cũng được. Chả thế mà khi chụp, nó vẫn không chịu ngước mắt lên, miên man và bâng khuâng với dải đường kỳ lạ từ bức vách xuống thềm nhà, đục ra bởi đàn kiến chạy tung tăng dưới mắt Bình. Bình lên ba rồi nhưng chưa biết nói và còm nhỏm như con mèo. Tôi không ví như thế thì Minh cũng ví mất, vì cả hình thù Bình trên manh chiếu rách kia, nếu nước chụp không tốt và người xem không tinh ý, thì Bình còn gì là con người với những mảnh vải tả tơi và cái đầu tóc bơ phờ, cổ rụt hẳn lại ấy.

3. Lối đi này vào ngõ nhà tôi. Nó mở thẳng ngay ra phố. Không lúc nào nó ngớt người qua lại và nhất là trẻ con tụ họp với đủ mọi thứ trò. Đấy Minh xem, ngoài đường rầm rập xe cộ và gồng gánh trong này từ bờ hè tới gần nhà tôi các dáng người chẳng một dáng

nào không ở trong sự chuyển động. Góp mặt thêm với những bọn trẻ xóm là bọn học trò ở trường tư ngay đấy. Sự nghịch ngợm bừa bãi không bị ai ngăn cấm, còn được khuyến khích và hòa điệu hơn nữa với những sự nô đùa tưng bừng sau những phút người bứt rứt trên một chỗ ngồi chật hẹp, chèn sát nhau.

Những ngày tôi nghỉ việc, cứ nhằm những giờ học trò ra chơi, tôi ra đây để dự vào những sự hăm hở và vui sướng không tính toán và quên tất cả của các trẻ thơ này. Minh! Minh hãy thử một phen đá quả bóng quần, chơi dăm ván đáo, nhảy vài bàn nhảy, đuổi bướm, hay xà vào hàng mơ, nhót, bánh tôm rán, đu đủ nộm kia nào?

Một thuở vui tươi của chúng ta đã qua! Dù nghèo túng hay bị đày ải đến thế nào, những tâm hồn măng sữa ấy vẫn không thấy chán nản. Mà chán nản sao được hở Minh, dù trong tuổi này, mình chưa nhận được mình, chưa biết sung sướng và tự kiêu thấy mình là những nguồn sinh lực mòng mọng chỉ theo tháng ngày mà nảy nở hơn lên, tràn lan mãi ra? Và nếu được chảy dòng trên những lòng đất thuận tiện, thì còn tuôn xa rộng bao nhiêu, tưới bón và tạo nên bao nhiêu hương sắc rực rỡ!

Minh ơi! Giá chúng ta có một tấm ảnh chụp một cảnh náo nhiệt của một ngày thơ ấu của chúng ta? Để, chỉ nói ra mà tôi thấy hồi hộp lắm, là để bày liền ngay với tấm ảnh này và với cả tấm ảnh của con cháu ta sau này, hòa với nhau một điệu tưng bừng của mấy thế hệ tuy cách biệt nhau nhưng vẫn gần nhau, dồi dào cảm thông với nhau.

4. Bà già Mai và hai cháu bao giờ cũng dọn cơm ra mâm ăn ngay dưới đất như thế. Trong ảnh, đĩa rau muống và bát nước thì Minh phải nhận ra rồi, nhưng còn cái bát con. Minh đừng tưởng đó là nước mắm hay tương, vì cho rằng người Nam Định chỉ quen với những vị này. Không! Là mắm tôm Bắc với mỡ và hành, cà chua như chúng ta ngoài Hải Phòng đấy. Chính tôi về Nam nghĩ đến thứ nước chấm đặc biệt của dân Cảng này, không thể nhịn được đã sang xin bà mấy bận.

Bà Mai có người con trai làm ngoài đó. Nhưng bà không theo bác Mai, vì bác Mai không kiếm được mấy ví tiền, vừa phần lại đông con. Bà cứ ở Nam Định lần hồi với hai cháu lớn: Thằng Sơn và cái Huệ. Đấy là bà cháu đương ngồi ăn với nhau! Một bữa cơm chiều giữa trời. Tôi chụp không cho bà biết, làm bà khi xem ảnh phải nhăn mặt và kêu trách:

Khổ quá! Phí cả ảnh đi. Chụp cái gì không chụp, lại chụp cảnh bê tha đất cát này?

Tôi đã phải chụp đền cụ một tấm rất vừa ý cụ là trong đó cụ vận quần chùng áo dài, ngồi nghiêm chỉnh trên ghế, hai cháu hai bên. Đáp lại, cụ mời tôi ăn một bữa cơm với cụ, nhưng dù cụ không muốn tôi cũng nhất định ăn ở ngoài sân như hằng ngày.

Sơn và Huệ ăn khỏe lắm. Đấy Minh trông hai cái bát sành thường để uống nước ở những hàng nhà quê thì thừa hiểu. Và sự xô bồ và tầm thường cũng lên cả tiếng với đĩa tây rau cao có ngọn, mà trong cái rá gần đấy vẫn còn một phần tư chỗ rau vớt ra.

Hai chòm rau trong ảnh nghiêng nghiêng. Mấy chiếc quần áo trên dây phơi xô cả lại. Minh có thấy gió mát không? Đầu Huệ hơi cúi thấp, không phải vì sự chăm chú đến miếng thức ăn gắp đâu. Huệ đương nghe bà nói đến mình đấy. Loáng thoáng, tôi nhận ra bà cụ hứa đến cuối tháng sẽ bớt cho Huệ hai đồng để Huệ may một cái áo Đồng Lầm và đôi áo cánh trắng, bởi Huệ là con gái đi làm mà ăn vận rách rưới, thì dù thùy mị, nết na đến đâu vẫn không đẹp mắt người. Còn Sơn, vẻ mặt tươi cười là đã được cơ hội tốt, Sơn sẽ vòi bà may cho mình cái áo vải xanh để cho ra dáng thợ nguội, chứ ai lại đánh mãi cái áo trắng cụt tay thế này?

Nhưng bà già Mai vẫn như nhìn đi đâu với đôi mắt lờ đờ vì dầu dãi bao năm kia. Bà cụ sung sướng hay bùi ngùi trong một sự chạnh lòng gì? Không! Lúc nào đôi mắt bà cụ cũng thế, Minh ạ. Yên lặng, ngậm ngùi yên lặng, lúc nào cũng thế, cái gương mặt này của con người chỉ biết làm việc và làm việc, chỉ biết sống cần kiệm với những đồng tiền mình và của các kẻ máu mủ mình kiếm ra bằng sự chịu khó vã mồ hôi.

Tùy ý Minh, Minh nhận ra trong đôi mắt và gò má kia những tiếng nói âm thầm của niềm vui hay lòng đau, nhưng dù sao vẫn chan chứa những ham muốn và tin tưởng ở cuộc sống, ở sức mình.

5. Phải chờ luôn mấy sáng tôi mới chụp được một tấm ảnh này. Vì nếu thiếu một đứa trong bọn thì tôi ân hận và bực dọc không thể chịu được, đến phải chụp hàng bao nhiêu cái khác. Ba đứa con gái ngồi rúc rích kề vai, dựa má vào nhau, sắp sửa xuống phố bóc lạc cho một hiệu bánh. Chúng mỗi ngày chăm chỉ và thành thạo thì kiếm được từ mười đến mười lăm cân, mỗi cân một xu. Bốn đứa ngồi mé trong, bên những thúng và quả sơn dối, thì đi cất kẹo. Chúng không

cần phải vốn và thúng đựng, chỉ việc đến người không, lĩnh hàng bán đến chiều về dồn tiền, một hào được ba xu.

Minh có để ý đến cái con bé nhất, tóc xõa, mặt lép không? Cái Tần đấy! Nó là gương mẫu của bọn trẻ trong xóm mà bất cứ cha mẹ nào cũng phải nhắc nhở tới mỗi khi đánh chửi con cái vì sự lười biếng và vụng về. Trăm kẹo sáu hào của nó ngày nào cũng hết, và hào tám chỉ lãi kia đưa về cho nhà không thiếu một xu, hơn nữa, nó lại còn kiếm thêm bốn năm xu tiền các đồi hào nữa. Nhưng! Khốn nạn cho Tần! Con bé còm cõi và ngọng nghịu này, dù mới lên bảy tuổi đầu mà đã làm nảy ra tiền, mà chẳng được bố mẹ may vá tí gì. Toàn quần áo nhặt nhạnh, rách mướp ra mà Tần vẫn phải đeo đẳng, trong khi ấy, bố rượu hết cút lớn đến cút bé, say bứ họng là lôi vợ con ra hành hạ để... không hiểu để làm gì.

Trừ bảy đứa ấy, còn tất cả những đứa có mặt tại đây, đều thức dậy và tụ họp ngoài đường, vì buổi sáng, Minh còn lạ gì những sự vang động sớm mai của những xóm nghèo này? Ai mà có thể ngủ được trong những nhát búa huỳnh huych của thợ rèn, những tiếng vo gạo, chẻ củi sầm sập làm cồn cào thêm ruột gan đói ngấu, những tiếng trẻ con khóc thét lẹt ngay từ ba giờ, những tiếng gà xao xác, tiếng chó sủa cuống cuồng?

Dù không làm việc gì, những trẻ kia cũng ra khỏi nhà, đứa cõng, đứa ẵm em, lếch thếch như đi lĩnh chẩn. Gió mát làm tỉnh táo những đầu óc nặng nề. Nắng tươi đầu tiên của mặt trời xua đuổi những sự mờ tối. Sự chuyển động vang vang của cuộc sống truyền vào người sự náo nức vui và ham. Càng thơ ngây bao nhiêu, càng gần bình minh bấy nhiêu. Minh trông kìa, những con mắt mở to trong bức ảnh, hướng về phía đông sáng ngời, mây trắng nổi rõ với những nóc nhà, những chòm cây còn loang loáng sương đêm.

6. Đây là cái Trúc. Người vùng biển thường đọc sai giọng nên tên nó thành ra Túc. Cả tôi cũng dần quen với cái tên sau này của đứa con gái tóc ngắn và vóc người cục mịch, rắn chắc ấy. Túc cất mía ở bến về, tiện ra từng đẫn bán trưa và tối. Trưa nay không hiểu tại sao vừa vứt bó mía xuống hè xong, Túc ngồi thừ mặt ra rồi dấn dấn nước mắt.

Trời đương độ nắng gay gắt. Ánh vàng ngùn ngụt. Cây cỏ chỉ gờn gợn vài xao động. Chó nằm ép bụng xuống đất, lưỡi thè lè chảy dãi, thở hồng hộc như đã chạy nhiều và khát cháy cổ. Tôi vội chụp luôn Túc với cái dáng ngồi rã rượi nổi bật lên giữa khung cửa thấp chạm

đầu người ấy. Nhưng tôi đã lầm! Túc của tôi không phải vì nhọc mệt hay mua hớ mà buồn khóc. Túc sắp được về quê. Chỉ bán song vác mía này là Túc xin phép chú gì Túc theo ông chú xuống chuyến đò chiều. Vì mùa gặt đến, mà gia đình nông dân nào về mùa gặt lại không có lấy năm bảy sào lúa.

Lúc đó ở quê Túc có lẽ lúa chín vàng rực đương reo ầm ầm trong những lớp gió lồng lộng của biển rộng làm rạo rực tất cả mọi xác thịt. Bao nhiêu trai gái còn nhỏ hơn Túc nữa, gầy yếu hơn Túc nữa đã mấy hôm nay vùng vẫy giữa những sóng lúa chói lọi và nồng nàn. Sao cho mau chóng hết mía, nếu không, chậm sang ngày khác thì Túc sẽ đến cháy cả ruột gan vì chờ đợi mất!

Minh ạ, nhắc đến Túc và vùng biển, tôi lại phải trách Minh một lần nữa, sao Minh ở Quất Lâm và Đồng Châu hàng bốn tháng ròng mà không viết cho tôi lấy một dòng chữ. Minh đã ích kỷ quá! Ích kỷ vô cùng! Mà cái khoáng đãng lộng gió và tràn nắng kia đâu có thiếu chữ để Minh viết cho tôi? Nhưng thôi! Minh sau đã viết cho tôi rồi. Và đây, những bức thư của Minh vẫn nồng nàn ánh ngời sắc và gió mặn của biển cả đương thở dồn dập dưới mắt tôi.

... Minh! Bắc Bẩu ba hôm rồi, trời cứ mờ mờ xám. Gió lạnh, thổi lúc mạnh lúc nhẹ không ngớt. Thấy sương phủ mịt mùng rừng núi quanh mình, tôi đã lại ghê rợn tưởng đến những cái buồn âm u làm chói nhức và mủn cả xương thịt người ta.

Thằng Tâm, con người cu ly giúp việc tôi thỉnh thoảng lại lộn vào buồng giấy, lăn vào lòng tôi, vuốt ve tóc tôi để tôi kể chuyện cho chú ta nghe. Tôi đã cố gắng nhưng vẫn không thấy hứng thú, đành phải buông Tâm ra, để Tâm tiu nghỉu xuống đường chơi một mình với quả bóng quần. Lúc đó tôi cũng chẳng có việc gì để làm, vì các cái tôi đã làm xong ngay từ bảy giờ rưỡi: phát thuốc sốt rét và đi ngoài cho ba người phu lục lộ, rửa và băng bó cho mấy đứa trẻ lở ghẻ, chốc nhọt con người dưới ta và trên này, cuối cùng vào sổ và bảo bác Tâm lau chùi, quét dọn buồng thuốc.

Nhưng không! Sau bữa cơm mười giờ kia, nắng vàng non đã bừng sáng. Những chòm long não lá lăn tăn và những cụm cà phê um tùm bỗng ánh cả lên với màu xanh tươi mọng nhựa. Sau vườn nhà thuốc, một dải sông người ta có thể lội qua được bắt đầu lấp lánh những gợn vàng. Vợ con phu phen và thổ dân đã tay xách nách mang quần áo,

tã, chiếu xuống giặt giũ ở những tảng đá nhẵn thín nổi cao giữa dòng nước chảy vang vang.

Một phút nắng rực lên. Vàng diệp chảy cuồn cuộn từ những ngọn núi đá cao nhất xa kia xuống tới những dây leo có rối lẩn lút cạnh những dòng suối. Và, Minh ơi! Những trẻ con sợ cái lạnh tê buốt nên chúi vào bếp sưởi đã ra ngoài tất cả rồi. Cả buổi trưa này, tôi không thể chợp mắt được vài phút, tuy đêm qua đã trằn trọc đến ba giờ, và giấc ngủ muộn luôn luôn quấy rối bởi những hình ảnh lộn xộn và quái dị. Nhưng đứa bé ấy lại bắt tôi phải theo dõi chúng trong mọi sự nô đùa vùng vẫy.

Dưới nước, chúng đằm lội; trên cây, chúng trèo leo; mặt đường, chúng chạy nhảy. Tiếng cười reo, hò gọi làm vang ầm cả khu rừng. Người tôi rạo rực tưởng như đang bị lôi cuốn giữa đám hội đông có nhạc và tung hoa. Mà gió càng lồng lộng, đâu đâu cành lá cũng rào rào. Phấn nắng vàng ngời tỏa bồng bềnh, phấn nắng trước còn thơm man mác, sau nồng nàn cuồn cuộn chảy vào cảm giác tôi như hương vị của các trái dứa hay xoài miền Nam.

Thôi, tôi phải đứng dậy và ngừng viết thôi. Tâm đã chạy sầm sầm ngoài kia. Và kia, Tâm đã vào rồi. Đây! Bàn tay lấm láp của Tâm đã đưa ra, và đây, tôi buông bút để bắt tay Tâm.

NGUYỄN XUÂN

Cuộc sống, bút ký, Nhà xuất bản
Tân dân, Hà Nội, 1942.

HƠI THỞ TÀN

(Tiểu thuyết – Trích)

Tác phẩm gồm mười hai chương. Sáu chương đầu đã xuất bản thành sách dưới nhan đề *Ngoài kia* (Kiến thiết, Hà Nội, 1942).

Hơi thở tàn thuộc loại tiểu thuyết "không có truyện", nghĩa là không có tình tiết quan trọng ghi lại những chuyển biến đáng kể trong cuộc đời nhân vật.

Vì hoàn cảnh gia đình, Sinh phải sớm bỏ học, xoay đi kiếm sống từ 13, 14 tuổi bằng đủ mọi nghề: dạy học tư, thư ký hiệu buôn, bán vé rạp hát, ô tô, kẻ biển quảng cáo, phụ việc cho thợ mộc, thợ xây, v.v..., không việc gì làm được quá sáu tháng, nghĩa là luôn luôn bị đe dọa thất nghiệp, đói khát. Đã thế, anh lại ốm yếu, nhiều lần ho ra máu, chỉ còn chút "hơi thở tàn". Nhưng Sinh là một thanh niên khẳng khái, giàu nghị lực, ham học và muốn sống có ý nghĩa. Cuộc sống ở vùng ngoại ô Hà Nội (Bạch Mai, bãi Phúc Xá, v.v...), tiếp xúc với những người dân nghèo thợ thuyền trung hậu, đầy lòng vị tha như Cu Năng, bà cụ An, cô Hào, bé Sao v.v... đã giúp Sinh đấu tranh dũng cảm với những ý nghĩ cay đắng tuyệt vọng, cảm được niềm vui trong lao động và giữ được niềm tin ở cuộc sống và tương lai.

Dưới đây trích hai chương: V, IX.

CHƯƠNG V

Cửa vẫn mở toang, bà cụ An tưởng Sinh thức, lọm khọm bưng bát cháo sang. Không thấy Sinh lên tiếng, bà cụ đặt bát cháo xuống cái bàn kê cạnh giường Sinh nằm, đến đập nhẹ tay lên người Sinh trùm trong chăn.

– Dậy! Dậy ăn cháo, cậu Sinh.

Sinh vẫn không nhúc nhích. Bà cụ lắc đầu, thở dài, sờ rờ từ vai xuống chân Sinh. Thấy nóng rực, bà vội đặt tay lên trán Sinh. Đây không những bừng bừng mà còn đẫm mồ hôi, tóc dính nhẫy. Bà cụ chép miệng:

– Hôm qua có nóng như thế này đâu?! Mà hôm nay đã uống thuốc sao lại ho nhiều và sốt hơn thế?

Đáp lại những câu hỏi thầm của bà cụ, tiếng thở hổn hển và tiếng

rên nhỏ, không đều của Sinh càng rõ rệt trong cái yên lặng mờ mờ dưới mái lá. Và nhìn lại bà cụ, hai quầng mắt Sinh trũng hẳn xuống làm gò má và trán dô vượt lên. Bà cụ An bối rối. Bà loay hoay nhấc chai thuốc lên rồi lại đặt xuống chỗ cũ. Sau bà kéo mảng chăn xòa ra ngoài để đắp kín chân cho Sinh. Bà bưng bát cháo, rón rén đi ra. Đóng nhẹ cánh liếp lại, bà cụ An vẫy cái Sao ngồi bế em bên chõng hàng:

– Để em đấy, cầm lấy bát cháo này xuống bếp đổ vào nồi rồi dập củi đi. Nhớ rắc ít trấu mà giữ lửa, chốc nữa cậu ấy dậy, cậu ấy ăn.

Cái Sao đã nghe rõ nhưng mắt đen láy vẫn giương lên nhìn bà. Bà cụ cũng không dục cháu vì đã quen với vẻ mặt lúc nào cũng như ngờ vực, kinh hãi ấy. Bà vào ngồi chỗ cũ, kéo thằng Vu đầu to và mặt choắt sát lại cạnh mình:

– Ngồi yên và dựa vào đây không ngã, cháu ạ. Và không được nghịch, rồi bà mua mũ, mua sách, bà cho đi học.

Vu vội vàng lê đít mãi sát vào phía trong rồi tròn mắt, miệng chum chúm, trọ trẹ nói:

– Thế này bà nhé? Cháu ngồi thế này thì không ngã vỡ đầu bà nhé. Cháu ngồi mãi bán hàng với bà, không nghịch chai lọ của bà nhé?

– Ừ! Thế thì cháu Vu bà ngoan lắm! Chốc nữa bà lấy cháo đậu xanh nhiều đường cho cháu bà ăn.

Thấy Vu sụt sịt, bà cụ An liền một tay ngả đầu Vu ra, một tay đưa dải yếm chùi mũi. Bị bóp mũi chặt với lần vải dày, Vu nhăn mặt, kêu ái ái và giãy đạp. Sau đó Vu cau có nhìn bà, căm tức không hiểu tại sao bà Vu không cầm roi đánh đen đét vào đít Vu như mẹ thằng Cu, mẹ cái Gái mà cứ vắt mũi Vu một cách ghê sợ như thế.

– Cho chúng con hai cút rượu, mẹ già ơi!

Cùng với những tiếng nói ồm ồm, một người đàn ông khom lưng bước vào ghế.

– Kìa bác San! Còn bác Hữu nữa đâu?

– Ấy thằng dở hơi ấy nó còn đương mải chọn ổi ương ở hàng quà ngoài kia. Nhấm rượu với các của quý của ma ấy mà nó khen ngon thì thật lạ thật!

Bà cụ An cười:

– Mỗi người một thích! Bác còn nhớ ngày còn mồ ma ông Khán Hiếu để ra bác ấy không, cứ mỗi cút rượu là chục quả ớt. Trưa nắng

như chang như đốt, trông ông ta nhai ớt rau ráu mà ghê cả người! Rõ khổ! Can thế nào cũng không được, đã ho ra cả máu mà vẫn không bỏ được chứng rượu ấy. Không thế thì đi vác gạo về mệt, ăn cơm không biết ngon, vợ con lại khổ vì gắt gỏng, đập phá tan hoang.

Bà cụ An chợt giật mình vì một vóc người lực lưỡng vụt nhô đầu vào với những tiếng cười giòn tan:

– Mẹ già đã rót rượu cho con rồi chứ? Hai bữa nay không uống hàng mẹ vì phải làm quá buổi trên phố, mà uống hết cút này sang cút khác của hàng người ta mà vẫn nhạt miệng, ăn cơm như nhai trấu ấy.

Rồi Hữu – chính người con trai đầu lòng ông Khán Hiếu mà bà cụ An vừa nhắc tới đây! – gật gù, ngâm nga bằng cái giọng ồm ồm:

– Đố ai ngồi võng không đưa...

Ru con là ru con không nín... anh chừa là anh chừa rượu tăm.

– Chưa uống mà đã nát rượu rồi! Bây giờ làm gì có rượu tăm mà chả chừa?

Hữu lại cười ha hả, mặt đỏ gay thêm vì sức nóng dồn lên:

– Thì rượu hàng mẹ cứ yên trí là rượu trong vò rót ra, sủi tăm cũng được chứ sao! Thôi! Mẹ đong cho con đi.

Nói đoạn, Hữu bỏ nốt vào miệng nửa quả ổi, nhai lốp cốp vừa ngả nghiêng ngắm bà cụ An. Bà cụ sờ rờ đặt phễu vào miệng cút và đưa gí lên tận mắt mới rót được. Hữu trêu bà cụ cứ kêu: "Chết! Chết! Đầy rồi!" làm bà cụ mấy lần phải dừng tay lại tuy rượu trong cút mới chỉ đến ngấn.

Dưới quãng sông san sát những bè nứa, một tốp người phu đi lên. Họ, quần nâu xắn móng lợn, bắp đùi trạt bùn, vừa đi vừa bô bô tính tiền rồi kéo nhau vào cả hàng bà cụ An. Nón, áo ngoài, họ quẳng bừa ra tấm phản gỗ thấp gần cửa, cái Sao phải thu gọn lại và đến bế em đi chơi.

Bà cụ An lập cập rót luôn bốn cút rượu và đổ ở chai đen ra từng vốc lạc rang mà nhiều nhân vừa rơi ra đã bửa làm đôi, vỏ bong xào xạc. Một người trong tốp mới vào lên tiếng:

– Hàng cụ chỉ có đậu phụ rán và lạc, chứ không có thức ăn gì mặn muội?

Ông già trong bọn vội đáp:

– Muốn ăn uống mặn muội thì ra ngoài chợ kia. Đây bà lão chỉ có hai thức ấy thôi. Và đậu nướng có chấm thì chấm với muối không!

Người nọ cười:

– Sao cụ không xào xáo mấy món cho đông khách?

Mặt Hữu đã như bôi son, Hữu cười và lè nhè nói:

– Ấy hàng cụ "cửa quyền" như thế. Nhất định chỉ có đậu phụ nướng và lạc rang, ai muốn thì vào mà ăn, chứ bà cụ chẳng phải mời mọc gì cả. Bà cụ chả có bùa chiêu tài mà lại, nếu không từ ngày ông nhà tôi còn sống, bà cụ chỉ ở chỗ này mà thức ăn uống chỉ có thế mà chẳng hàng nào ngoài kia tranh được khách hàng cụ.

Nhấp xong hớp rượu, người khách nọ mới gật gù vo vài nhân lạc. Thấy vỏ bong ra nát vụn và nhai thấy bùi nghịt điểm thêm chút mặn, y gật đầu:

– Phải! Phải! Bùa mê ở cái lạc này!

Bà cụ An không để ý đến khách chuyện trò. Bà kéo cái khăn mặt vắt trên sợi dây thép căng dọc bức vách xuống lau chùi bát đũa. Xếp lại đĩa đậu và những chai rượu, bà cụ An quay ra gọi Sao:

– Mày để thằng Vu ngồi đây với tao. Mười giờ rồi, sắp sửa đi thôi.

Cái Sao đặt thằng Vu ngồi như ban nãy để xuống bếp làm việc hằng ngày và cứ đến giờ nào giờ ấy thì phải đúng thế. Sao lấy một cái khăn riêng lau hai cái bát đĩa cũng xếp riêng ra. Nó xới cơm ở giữa nồi đoạn đi lên, một tay đĩa hoa, một tay bát cơm bốc hơi thơm mờ mờ. Lấy chân kéo cái ghế đẩu ra trước một tủ nhỏ đã mọt, Sao đứng lên, đặt cơm và hoa lên hai bên cái bậc tam cấp sơn son thiếp vàng. Sao vặn to ngọn đèn hoa kỳ nhỏ bằng hạt đỗ xanh thức thâu đêm ngày ở chân bát nhang. Sao châm hương vào lửa đèn rồi dâng cao trước mắt, vái vái. Cắm hương cẩn thận vào bát, Sao gõ đều đều cái kiểng đồng với cái dùi bé tý bọc vải đỏ.

Tất cả những cử chỉ này rất nhịp nhàng. Từng sợi mỏng, tiếng kẻng rung lên, ngân xa xa. Trước hai bài vị phủ nhiễu hồng đã hoen ố, khói hương tỏa ra ngan ngát. Ngọn đèn hoa kỳ lại vặn nhỏ. Bóng mờ chập chờn bao phủ lấy bàn thờ thăm thẳm cuối gian buồng che mành. Ba nén hương đã cháy lấp lánh. Những gợn mắt sáng của mắt Sao xa xôi thêm, Sao chớp chớp nhìn một lúc lâu lên hai cái bài vị mờ tỏ trước ánh đèn dầu le lói và đốm lửa hương đỏ lừ lừ.

Ngoài kia nắng vàng chợt rực lên. Mấy đám mây trắng muốt bừng sáng theo. Dưới sông, những ngấn bạc chạy rào rào, chói lòa. Con đường đất từ trên bến ô tô băng xuống Bãi đã nhộn nhịp người đi làm về. Quần

nâu, áo vá và nón, mũ dúm dó toát ra những làn hơi trắng mờ như chính những vật này cũng đã mệt nhoài, gắng gượng mà thở. Mặt mày, chân tay và da dẻ người ta nổi gụt lên với tất cả vẻ dầu dãi, nhẫn nhục giữa cái nền vàng ngời của nước phù sa và đất nâu mịn trộn với nắng.

Trời cao và xanh hơn. Tiếng dội ầm ầm của những nhà máy, những xưởng thợ làm việc không ngừng đây kia tràn ra thêm. Đường phố bụi lắm. Người và vật càng mê man chen lấn nhau dưới ánh mặt trời cháy sôi.

*

* *

Sinh giở mình, ú ớ mấy tiếng và chép miệng. Quay mặt ra ngoài, Sinh vụt thấy một bầu trời rực rỡ lóa lên. Trước mắt Sinh chơm chớp những tia nắng bắn qua cửa liếp nhảy múa một điệu điên cuồng. Sinh phải tung chăn chiếu ra vì ngực nặng trĩu và tức tối. Sinh nhăn mặt. Sự khó chịu nén lấy ngực Sinh còn do lớp mồ hôi nhờn toát ra lúc ấy, dính hết cả áo. Sinh trườn tay rút cái khăn bông ở bàn, ưỡn lưng lên lau mình xong mới lau mặt. Sau đó Sinh thở hổn hển và lại kéo chăn đắp. Khắp da thịt Sinh đã sởn gai vì cái lạnh đột nhiên ngoạm lấy. Miệng Sinh khô, đắng, ghê lợm quá! Sinh vội súc miệng và uống thẳng một hơi cốc nước chè hột bà cụ An ủ trong ấm dành cho. Nằm duỗi dài và cố hít thở đều, Sinh tự hỏi:

– Mình thiếp đi đến bốn tiếng đồng hồ chắc?

Liền đó Sinh thấy vui vui. Giấc ngủ miên man của cơn sốt vừa qua đã làm tâm trí Sinh mê đi, do đó giờ Sinh hơi tỉnh. Cả đêm qua Sinh cứ bàng hoàng, chập chờn, bứt rứt và luôn luôn quằn quại trong một cái nóng oi nồng ngùn ngụt hun đốt đầu óc Sinh. Sinh đã cố sức nằm yên và ngừng ý nghĩ lại mà không thể được. Sinh hết giở mình bên trái lại sang bên phải; nằm thẳng được giây phút rồi lại co đùi lên. Có khi chân bỗng nhức chói quá, Sinh phải duỗi cẳng ra gác tỳ lên cạnh bàn.

Ánh đèn hoa kỳ vàng đục chiếu sáng gian nhà lúc bấy giờ, mấy lần Sinh toan tắt phụt đi. Hễ nhìn vào nó, Sinh lại ghê rợn vì một cảm giác lầy nhầy và oi ả quấn quít lấy tâm trí. Nhưng chìm đắm trong bóng tối, cái khổ hình này cũng không kém phần khủng khiếp. Với cái ánh đèn dù thê thảm kia, Sinh tuy khó chịu nhưng còn được thấy sáng sáng ở trước mặt và có một sự gần gụi như là sinh khí của

đời sống, mà hễ cảm xúc và tưởng đến thì Sinh liền vội vàng bắt tinh thần vùng dậy, đạp phá những sự chán nản âm u vây bọc lấy nó.

Cơn ho đã lại đến. Sinh co dúm người và ôm chặt lấy ngực như sợ ai giằng lấy phổi. Sinh thở hồng hộc, thở sặc sụa, rồi những đờm, dãi theo nhau ra. Sinh với tờ báo cũ, xé vội một mảnh, nhổ vào đó. Sinh giơ ra gần cửa bếp, cau mày nhìn. Cả lòng Sinh sung sướng ngời lên. Sinh uống cạn lấy từng tiếng nói thầm:

– Không! Không có máu mà!

Trên miếng giấy trắng rõ ràng chỉ nổi có cái sắc vàng lờ lờ và ít gợn xanh phớt. Cả ngày hôm qua, mỗi lần nhổ, Sinh đều không quên nhìn và hồi hộp. Đến đêm, suốt những giờ thao thức, cái ám ảnh dai dẳng mà Sinh cố dập đi là máu. Máu! Phải những đốm đỏ tươi và nâu thẫm này đã là từng thớ phổi Sinh bật ra.

Đã hai lần.

Lần thứ nhất, năm sau khi Sinh thôi học, làm thư ký cho một cửa hàng bán thóc, đỗ. Ròng rã nửa tháng, Sinh mỗi ngày ăn một yếu và nhọc mệt đến nỗi thở cũng là một công việc nặng nề. Rồi Sinh ho. Ho rũ rượi, ho tưởng đến vỡ toang ngực, ho lặng người đi. Một sáng Sinh vừa ngủ dậy, cơn ho liền nổi. Sinh phải vội chạy ra cuối sân để nhổ. Không hiểu tại sao Sinh đã cúi nhìn theo.

– Sao thế này? Sao thế này?

Không cần que, Sinh lấy ngón tay kều hai gợn đỏ tươi lên xem. Mày chau lại, Sinh bàng hoàng mãi không chớp mắt. Sau cục đờm đó, cục nào cũng có lẫn những gợn máu quái gở như thế. Sinh càng thêm kinh ngạc. Không thể đừng được nữa, Sinh phải nói với bà chủ hiệu vay trước nửa tháng lương lấy tiền uống thuốc. Đã phải để Sinh nghỉ giữa vụ gặt hái lại còn cho Sinh mượn tiền, bà nọ nếu không nghĩ quá một chút thì giãn Sinh ra, gọi người khác làm thay. Sinh thật thà, thạo việc và chịu khó, đó là tất cả những cái ép lòng bà phải tử tế. Uống được mươi chén thuốc và nghỉ ngơi nửa tháng, Sinh bớt ho là phải đi làm ngay. Nhưng Sinh không dám đọc sách khuya như trước, và trưa đến Sinh phải cố gắng ngủ lấy một giờ.

Dần dà Sinh quên đi, rồi không mấy khi nghĩ tới những ngày tối tăm đó. Ít lâu sau, thôi làm nhà này, Sinh ra Hải Phòng xin được chân biên chép hàng hóa lên xuống ở Sáu Kho. Với số lương tháng hơn chục bạc, trả tiền ăn còn thừa được vài bốn đồng, Sinh lại miệt mài vào những sách, báo mua không chút tiếc tiền.

Tháng tư vừa qua, Sinh đã lâm vào cái cảnh hiện đương sống đây. Sinh đã không có việc làm lại vừa sốt ho. Hễ Sinh ho là nhọc bứt ruột. Người Sinh phờ phạc, gân cốt rã rời, ban đêm không thể nào không thao thức. Thêm vào những mầm bệnh nảy nở mạnh, nhiều hơn mãi trong cái cơ thể suy nhược, cái nóng oi ả hun đốt tim phổi Sinh. Sinh càng buồn rầu, lo lắng. Sinh bán nốt mấy tập sách nữa, trong đó có những cuốn Sinh ngắm vuốt đến tận phút trao cho người mua.

Nhưng với hai bữa vài bát cơm hay vài bát cháo, đâu có thể chữa cho khỏi bệnh một người ốm gầy rạc, thở không ra hơi. Sau ba ngày đờm lúc nào cũng có máu, một buổi trưa Sinh ngất đi. Tỉnh dậy, Sinh thấy mình nằm chơ chỏng trên một cái giường sắt. Tiếng rên xiết và ho sặc sụa, quang quác của mấy dãy người dồn vào tai Sinh. Sinh bàng hoàng nhìn khắp mấy bức tường quét vôi xanh phớt và nôn nao ngửi cái mùi gây của thuốc sát trùng.

Đó là lần đầu Sinh nằm ở một nhà thương mà Sinh không bao giờ dám tưởng mình chạy chữa tại đây.

... Bóng mờ trong gian nhà của Sinh càng chùn lại, dồn cả vào những xó vách và gậm giường. Nắng không reo nữa mà hét lên trong thứ ánh vàng chói lòa của nó. Gió sông thổi từng cơn lốc rào rào. Màu xanh của cây cỏ và màu nâu mịn của đất cát bốc lên nồng nàn như men rượu. Bên hàng bà cụ An, ba cái ghế và mặt phản đã kín khách vào ăn uống, chuyện trò ồn ào.

Sinh trông lên đầu giường. Sinh với lấy một gói giấy nhỏ và hai cái chai to. Sinh giơ một chai trước mặt, lờ đờ nhìn dòng chữ viết ngả đề trên miếng giấy con: "P. Chlorure – Calcium". Dưới đáy chai, một ngấn trắng mờ. Sinh lúc lắc mạnh rồi giơ bổng chai lên, ngắm nghía. Cái vị tưởng tượng chua và nồng đốt ráp lưỡi của chất vôi làm Sinh ghê sợ. Nhưng Sinh liền mở phựt nút, rót từ từ ra chén, đoạn đưa lên miệng uống thẳng một hơi.

Ực... Ực... gần cạn chén, Sinh nấc lên vì không thể kìm được cái hơi quái gở ở dạ dày trào ra. Sinh đóng nút chai đó lại, cầm chai thứ hai rót. Nhưng Sinh không uống vội, mở một gói giấy nhỏ sẻ chừng hai móng tay thứ bột trắng tinh và rắc ra bàn tay.

– Uống thêm Aspirine với Potion Calmante cho cất nhức đầu đi mới được.

Dứt câu, Sinh ngửa cổ vỗ mạnh bàn tay hứng thứ thuốc bột vào miệng. Rất nhanh, Sinh chiêu luôn hai ngụm to thứ thuốc nước nâu nâu rót sẵn. Uống xong, đã đặt chén xuống, nhưng thấy còn lấp lánh mấy giọt, Sinh vội cầm lên, đổ chén uống không sót một tý nào. Cái vị thơm của chất quế và vỏ cam hòa với đường làm tê tê dìu dịu đầu lưỡi Sinh, Sinh lặng người đi rất lâu mà nghe.

Hai chai thuốc nọ chính một người khán hộ tự tay mình pha cho Sinh trước ngày ông giám đốc nhà thương ký giấy cho Sinh ra.

Đây Chlorure – Calcium, Potion Calmante và gói Aspirine, anh cầm lấy để phòng thân. Cách dùng hai thứ Potions này chắc không cần dặn anh cũng rõ. Tôi mong sao chỉ một lần này anh vào nằm đây, còn tôi có lẽ không chắc có lần thứ hai gặp anh vì tôi đã nhận được lệnh đổi lên mạn ngược.

Sinh còn đương run run cầm hai chai thuốc nặng chĩu, người nọ liền vỗ mạnh vai Sinh, cười:

– Anh đau tim và phổi nhẹ thôi, chứ không phải ho lao. Nhưng anh chớ coi thế là thường một khi anh đã ho ra máu. Anh phải hết sức tránh những xúc động mạnh, và, cần nhất anh phải tĩnh dưỡng. Vậy anh cố tìm lấy một việc nhàn hạ nào đó dù ít tiền để sống chờ một ngày mai rực rỡ tới, chắc chắn như thế.

Sinh chớp chớp mắt; người nọ đã đưa bàn tay ra trước mặt Sinh:

– Sáng mai thì anh ra mà tôi đến phiên coi xan (salle) trên, giờ chúng ta từ biệt nhau trước vậy.

Sinh bâng khuâng đưa tay ra không hay biết. Bàn tay Sinh gầy và xanh được nắm rất chắc trong bàn tay nóng kia. Người khán hộ vẫn chiếu vào mắt Sinh cặp mắt sáng ngời của anh.

– Anh và tôi, bạn trẻ chúng ta chỉ nên chúc nhau những cái của sự hoạt động, tin tưởng và hạnh phúc. Với anh, đây tôi chúc một tấm lòng vui vẻ và vững chắc theo đuổi cái tương lai tốt đẹp; với anh, đây tôi gửi những tiếng đập mạnh mẽ của tim tôi hiện giờ và cả sau này những khi nghĩ đến anh.

Sinh đã nghẹn ngào, muốn cất tiếng không được. Giờ đây, uống thuốc xong, nằm thì thầm với cái kỷ niệm thấm thía kia. Sinh bỗng thấy tâm trí lạnh đi và bứt rứt. Nhất là cái tin người khán hộ nọ ngã ngựa chết trong một buổi tiêm thuốc phòng dịch tả cho các "bản", lại nghĩ tới Sinh càng thấy không thể tưởng tượng được một sự xảy ra

khủng khiếp và đau xót như thế. Cả lúc Sinh đương hít thở này, Sinh vẫn thấy cái gương mặt sáng và cái thân hình lực lưỡng của người khán hộ rõ ràng ở trước mắt Sinh. Bên tai Sinh, giọng nói trong và ấm nọ vẫn vang vang, đầy tin cậy, hứa hẹn.

Sinh giật mình, nhìn ra. Cửa liếp hé mở lúc nào không biết. Trước làn nắng chói mắt, cái Sao đứng lại, mắt đen láy giương lên, chằm chặp vào mắt Sinh. Ở hai bàn tay rung rung của Sao, một bát chiết yêu mờ mờ bốc hơi với một thìa sứ trắng.

Sinh tung chăn dậy và định bước xuống. Nhưng đầu gối bủn rủn, Sinh đành ngồi yên mà chịu cái nhìn ngờ vực và giá buốt kia chói vào tâm trí. Đặt bát cháo xuống bàn, con bé từ từ lùi bước rồi đứng lại bên cái cột bương, vẫn không nói.

– Bà nấu cháo gì đấy, Sao?

Sao liền đưa mắt xuống cái bát. Bất giác Sinh cúi theo và cầm thìa đảo lên mấy lượt:

– A! Cháo đậu xanh. Mà bà đã cho cả đường cát này.

Vẫn quấy cháo, Sinh nói:

– Bà và Sao ăn chưa? Sao múc cho tôi nhiều thế này?

Sao cười mỉm như muốn giấu giếm:

– Cậu ốm phải ăn nhiều mới được.

Sinh lắc đầu:

– Không! Phải ăn ít mới tiêu hóa được, Sao ạ.

Sao vẫn giữ nụ cười trên hàm răng nhỏ và trắng muốt:

– Thế thì khỏe sao được? Cậu Sinh phải cố ăn nhiều đi.

Sao vừa dứt câu, nụ cười liền rung lên. Sinh chớp mắt xong và định nói, Sao đã quay ra, thoáng khuất đi sau cánh liếp ken đầy những mảnh nắng bạc vuông vuông. Cháo sánh, bùi ngọt. Sinh toan nói sang cám ơn bà cụ An, nhưng thấy hàng ồn ào bèn thôi. Thêm mấy thìa nữa, người Sinh nóng rực, dạ dày reo sào sạo, mồ hôi toát đầm cả lưng và trán! Sinh rút khăn mặt chùi rồi bưng cả bát húp.

Một kỷ niệm nữa trở lại trong trí tưởng Sinh. Đó cũng thuộc về những ngày Sinh còn nằm ở nhà thương. Một buổi trưa, Sinh đương ngồi dựa vào cái lan can đầu giường sắt thì giật mình vì những tiếng gót giày vang trên nền nhà. Một dáng người uyển chuyển, áo lụa màu mạ non, bước vào. Người con gái này chiều hôm qua đã đến và mặc quần áo lụa

Đồ Sơn mỡ gà. Tay cầm lẵng mây, cô bước nhẹ đến cái giường trước mặt Sinh trên đó một người trùm chăn kín, run bần bật vừa rên.

– Anh Phụng? Anh Phụng!

Cô đập nhẹ lên người nằm, không thấy anh ta nhúc nhích, cô chau mày nhìn những sợi tóc nháp mồ hôi của Phụng rồi quay ra, nhìn chung quanh. Sinh chạm ngay phải đôi mắt long lanh và bất giác Sinh cúi đầu chào. Thiếu nữ tươi ngay nét mặt, run run nói:

– Thưa ông, anh Phụng tôi chiều qua đã cất cơn sốt mà?

– Thưa cô phải, nhưng đi nhiều nơi nước độc như ông Phụng thì tiêm vài ống quinine sao đủ? Sáng nay ông Phụng cặp ống lại lên hơn bốn mươi độ, thầy thuốc lại tiêm cho ông và khán hộ vừa thụt rửa xong.

Thiếu nữ lắc đầu thở dài:

– Thế này thì ai trông nom được, rõ khổ!

Sinh nhìn thẳng vào gương mặt trắng xanh nổi gọn cái sống mũi thẳng và cặp mày, cặp môi để tự nhiên của thiếu nữ. Cô phải là con nhà nền nếp và giàu có, và chắc là lần đầu bước chân vào cái nơi ốm đau, nhớp nhúa của những người tứ xứ này.

– Thưa cô, đừng lo điều ấy. Nằm ở đây phần nhiều người ốm chỉ nhờ lẫn nhau. Sốt nặng như ông Phụng cũng không ăn được gì. Ông có khát nước thì nước máy ngoài kia, chúng tôi đã lấy sẵn vào chai để đầu giường cho ông. Còn quần áo của ông, tôi khỏe tôi giặt, không thì thuê người cu ly salle vài hào.

Thiếu nữ liền cúi đầu:

– Xin trân trọng cám ơn tấm lòng tốt của chư ông. Và thưa ông, tôi đây là em họ anh Phụng tôi. Hai bác tôi giờ đương mở mỏ kẽm trên Bắc Cạn chỉ được có anh Phụng tôi là lớn. Nhưng hai bác tôi đã từ anh Phụng tôi từ bảy, tám năm, vì anh tôi bỏ học, chơi bời phiêu đãng quá. Thưa ông, nếu chịu nghe lời nhà, đứng đắn vợ con và theo đuổi sự mở mang của hai bác tôi thì làm gì đến những nông nỗi này?! Ấy được tin anh tôi ở Lào về ốm quá, bạn phải đưa đến xin nằm ở salle làm phúc này bác trai tôi đã cười gằn không nói, còn bác gái tôi bảo cứ để cho chết, vì sống cũng bằng thừa, cái hạng con cái chống lại gia đình ấy.

Ngừng lại giây phút, thiếu nữ nhìn suốt hai dãy giường sắt. Trừ chỗ nằm của Sinh, còn toàn những thân hình khẳng khiu, cóc cáy, chỉ thấy những mắt là mắt và những quần áo đen đủi, lỏng lẻo bám

lấy da thịt. Thiếu nữ móc cái ví da nhỏ trong túi, lấy cả ra ba đồng bạc, ngượng ngùng đưa cho Sinh:

– Thưa ông, thế này thật không phải, phiền ông khi nào nhờ người ta giặt giũ thì ông làm ơn một thể cho anh Phụng tôi. Tôi vì bận hàng họ của thầy đẻ tôi, chưa chắc đến thứ năm này lại vào thăm. Còn sự ăn uống, ông thấy bánh trái gì lành, xin ông mua giùm cho cả anh Phụng tôi, hết bao nhiêu cũng được.

Một lúc sau, thiếu nữa nói như reo lên:

– Quên! À quên!

Cô vội cúi xuống, mở rộng cái lẵng mây lấy ra một bình ủ nước, và bốn gói giấy buộc sợi màu. Tất cả người trong salle đều hau háu nhìn thiếu nữ, tay trắng muốt, hý hoáy cởi gói nọ. Khăn mặt, xà phòng thơm, cam, lê, nho, táo và hộp sữa con chim, lần lượt xếp ra đầy một nửa giường. Thiếu nữ san đều ra, đưa mỗi thứ một nửa sang giường Sinh:

– Thưa ông, có một chút quà mọn xin ông vui lòng dùng tạm với anh Phụng tôi. Sẵn cả dao bài đựng trong gói khăn mặt kia, lúc nào ông xơi lấy ra mà gọt.

Sau cùng, thiếu nữ lấy ra hai chiếc bát nhựa và hai thìa sứ trắng, cô xé một miếng giấy báo, lau đi lau lại rồi vặn nắp bình ủ. Cô đổ từ từ ra một thứ cháo mà thoáng nhìn thấy cả Sinh và mọi người đều trĩu cả ngực như bị bóp tim lại. Thiếu nữ băn khoăn trông lại dãy xơ xác lổm ngổm trên giường sắt. Bọn họ chỉ còn chờ một tiếng gọi là dù gần chết cũng cố bò lại những thức ăn và những thức dùng đẹp đẽ có lẽ còn quí giá hơn cả sinh mệnh họ.

Chiếc bát nhựa hồng mỏng mảnh đã gần đầy. Cháo sẻ ra, gạo trắng phau, nước nhấp nhánh những gợn vàng trong. Thiếu nữ nghiêng nhẹ cái bình ủ, ghé mắt vào lòng bình sáng loáng. Cô cầm thìa chọn những miếng thịt nạc gạt xuống bát. Mắt Sinh bỗng chơm chớp. Thiếu nữ đã hai tay bưng chiếc bát lởn vởn hơi nóng sang giường Sinh. Cô cười, tiếng nói nghe gần càng dịu dàng qua hàm răng đều và trắng muốt.

– Thưa ông, ông xơi tạm buổi trưa bát cháo ạ. Tội nghiệp cho anh Phụng tôi quá chừng, đưa vào được ít cháo thế này mà không ăn được.

Lúc đó Sinh đã cố nhẫn tâm không nhìn thấy một người nào

chung quanh, họ còn khốn khổ và thèm khát hơn Sinh nhiều, bị phân biệt hẳn ra vì sự xơ xác, bẩn thỉu, và họ ngày thường vẫn chạy đến thở than với Sinh, kính phục Sinh như một vị thần vậy. Và Sinh cố không nghĩ gì cả, chỉ biết có mỗi bát cháo trong tay Sinh, trước mắt Sinh, dưới miệng Sinh và vào bụng Sinh. Chính ngay Sinh và người thiếu nữ kia cũng không có trong cảm giác Sinh phút bấy giờ.

Chưa một miếng ăn nào ngon được như thế. Cái mùi vị đậm đà, ấm áp của thịt chim bồ câu mới ra ràng và gạo dự hầm, một giây chảy rộng khắp bộ thần kinh của Sinh rạo rực bâng khuâng, bàng hoàng. Mỗi hạt gạo mềm tơi trôi từ từ xuống cái dạ dày luôn luôn róc rách nọ, đều có những tiếng tan ra rành mạch. Gò má Sinh đã đỏ ửng, trong người bừng bừng nóng. Bên kia, thiếu nữ càng đăm đăm nhìn người anh sốt mê man...

Bát cháo đậu xanh của bà cụ An cho Sinh đã ăn hết. Sinh để bát cháo xuống chân giường rồi nằm trùm chăn cho toát thêm mồ hôi. Sinh thấy tỉnh hẳn lại và khoan khoái vô cùng. Một lúc sau, Sinh lau sạch mồ hôi và thay quần áo. Sinh không nằm quay đầu vào vách như trước, Sinh trở mình ra ngoài cửa để thở hít được nhiều không khí hơn. Như thế Sinh lại nhìn thẳng lên nóc nhà, chỗ đầu hồi lá thủng nhiều, nắng chiếu xuống những sợi dài vàng ánh, và, qua một khoảng mái trông thấy cả trời xanh trong.

Sinh đã dễ chịu còn hơn cả khi khỏe. Có lẽ cơn sốt cuối cùng đã dứt. Còn vui sướng gì bằng Sinh khỏi ốm và lại đi làm! Mấy câu nói của bà cụ An nhắc lại:

– Chắc cậu Sinh e ngại đồng tiền đồng nong hơn thiệt nên không để tôi thổi cơm chứ gì? Không! Cậu đừng nên nghĩ thế! Cậu nên đi về ăn uống với tôi và hai cháu cho có già có trẻ cho vui.

Chuyến này dậy, Sinh đi làm, Sinh sẽ ăn cơm tháng bà cụ để tránh sự thất thường và cẩu thả. Như thế bà cụ An càng thêm thương mến Sinh vì bà cụ gần Sinh, hơn nữa đã hơn mười năm, Sinh không được hưởng lại cái êm dịu do sự săn sóc hàng ngày của gia đình. Sinh chỉ đi qua trông ngắm người ta sống mà nao nao cả tâm hồn. Đôi khi ngấn ngủi, Sinh đã phác họa ra một cảnh sum họp ấm cúng và tự thôi miên tin là đương sống thực. Một bữa ăn đông người, một cuộc nói chuyện ồn ào vui vẻ, một lúc gặp gỡ hàn huyên vừa cầm chặt lấy bàn tay nhau, Sinh đã coi những người nọ thật là máu mủ ruột thịt của Sinh, xa nhau thì mong nhớ nung nấu và nếu chết thì thương xót đời đời. Nhưng chỉ sau

khi cái phút tự vuốt ve tưởng tượng đó, Sinh lại rùng rợn và mênh mang tê tái. Ngước mắt nhìn chung quanh và đằng trước, Sinh lại không khỏi tối tăm cả tâm trí. Đời Sinh càng đi sâu vào càng thấy trống rỗng, càng thấy thê thảm, không thể nào quên được!

Lần này chắc Sinh phải ở lâu với bà cụ An. Bà cụ tuy không là ruột thịt với Sinh, nhưng Sinh rồi đến phải thân yêu như thế. Những cảm tình dồi dào, ngay thẳng của bà cụ không hoàn toàn thì cũng rất nhiều cái gì thấm thía của người mẹ. Dưới mái lá Sinh đương nằm đây, cái không khí yên lặng nhưng sâu xa bao phủ lấy bà cụ, Sinh và mấy đứa bé mồ côi, dần dà Sinh sẽ không thể nào bỏ được. Thở hít nó mãi vào tim phổi, Sinh sẽ phải coi như là gian nhà xưa kia mẹ Sinh còn sống. Bà ru Sinh, hơi trầu cau đậm đà tỏa ra. Sinh khóc oe oe và giương mãi mắt lên nhìn cái gương mặt dầu dãi ấy.

Sinh chợt cau mày lại. Một ý nghĩ vùng dậy. Đó là đồng tiền Sinh kiếm được, thất thường quá, không đủ để Sinh chắc chắn mà ăn uống hàng tháng với bà cụ An. Sinh thở mạnh. Từ năm mười ba tuổi, Sinh đã hết lòng muốn, song không được làm một việc gì lâu lâu: nào thư ký, bán vé ô tô, dạy học, chấm công, đi làm quảng cáo cho hãng buôn, phụ các việc tạp nham. Hiện giờ Sinh cũng chưa biết sẽ làm gì,vậy Sinh để bà cụ An trông nom cơm nước cho, Sinh phải xoay sở bằng những cách gì để có đều tiền đưa trả bà cụ?

Đi làm, khỏi dậy Sinh sẽ phải đi làm, thế nào cũng phải đi làm. Sinh thở hổn hển, môi mím lại, mắt sáng lên nhìn ra ngoài trời nắng. Những chữ trên kia hiện ra to mãi lên, nét đỏ rực và rung rung như chiếu qua một làn điện, Sinh dù sao cũng phải đi làm để sống. Chắc chắn hay bấp bênh, Sinh không dám nghĩ trước. Sinh chỉ biết rằng dù vất vả, khổ sở đến đâu Sinh cũng không thể đừng được lao đầu vào công việc. Chưa tìm ra cái ý nghĩ độc nhất cho đời mình, Sinh trong lúc này chỉ có thể vui vẻ và nồng nàn tình yêu thương do sự làm việc.

CHƯƠNG IX

Mặt con bé ấy bệu ra, dãi chảy rề rề. Nó khóc đã không ra hơi, chỉ còn những tiếng ơ ơ ơ và những cái nức nở. Mải vầy vò đất cát với hai đứa khác cũng để em lê la, con chị nó chỉ nhìn qua rồi lại ríu rít cười nói.

Một chút nắng nhạt rón rén vào gian nhà ngay đấy. Đồ đạc trông rõ hơn, nhưng càng dúm dó xơ xác: cái hòm mọt đựng những quần áo chỉ nên làm giẻ lau; cái giường tre chằng dây thép; những rổ rá, bát đĩa, nồi niêu ở xó vách. Sát với nhà là gian bếp. Nó cũng không có một tiếng động, đầu rau trống hốc, mạng nhện rung rinh giữa cửa, và chẳng có gì đun nấu nên nền đất nhẵn thín.

Quyển sổ đã được hơn trăm trang. Bứt rứt quá. Sinh dằn bút, chạy xổ ra ngoài:

– Cái nhớn mày làm gì đấy mà không chịu dỗ em?!

Con chị giật nảy mình, cuống quít quay lại với em. Đứa bé nọ cũng ôm choàng lấy chị, run cầm cập, vừa khóc thét lên. Cái tiếng khóc dài và sắc của con bé còm nhỏm càng làm Sinh sôi cả người. Sinh quắc mắt nhìn vào vẻ mặt xanh xám của con chị:

– Sao mày không đưa nó mấy cái bao diêm và những nút chai kia để nó chơi với? Và sao mày không chịu đưa nhau ra ngoài ngõ rộng rãi mà chơi?

Con chị quơ vội mấy vỏ diêm và nút chai vào cái rổ con, dúi vào tay em. Bọn trẻ bạn nó, đứa nọ xô đẩy, gắt gỏng với đứa kia, hốt hoảng nhặt nhạnh những lá lẩu, vỏ hến, thúng mẹt bày ra đất để bán hàng. Một tay cắp em, một tay cắp cái thúng con, con chị đã bước xuống sân rồi còn quay lại. Nó chạy đến chỗ con chó mực xích ở góc bếp, run run tháo dây ra.

– Kìa! Sao mày lại cởi nó ra, nó chạy ra đường bị phạt thì sao?

Con nọ sợ hãi nhìn Sinh:

– Không, thưa cậu cháu xích nó vào nhà ạ!

– Thì để nó đấy không được sao?

– Thưa cậu vâng..., nhưng nhỡ "nó" vào ăn cắp ạ.

– Nhưng có tao ngồi nhà thì đứa nào vào ăn cắp được, và nhà mày có gì mà nó ăn cắp?

Sinh gắt thế, nhưng nghĩ lại chốc nữa Sinh sẽ đi làm, và, tuy nhà con bé nọ kiết xác, nhưng còn cái rổ bát, cái nồi đồng thổi cơm và vài thức lặt vặt, nhỡ đứa nào nó lấy mất thì hỏi còn sắm thế nào được và ai người ta cho mượn? Sinh dịu giọng gọi con chị đứa bé lại:

– Ừ thì mày xích nó vào nhà. Nhưng mày đã cho nó đi đái và uống nước chưa kẻo nó lại cắn rầm lên?

Đã cởi được cái xích mà đứa con gái không thể nào lôi được con chó đến cái cột bương. Mũi hít hít, lưỡi đỏ thè lè, cái bụng gầy đét và vú chảy xệ thót lại, bốn chân ngoai ra bấu lấy mặt đất, con vật đen xám nọ cứ cố đợp lấy những vụn vỏ khoai của lũ trẻ vung vãi. Đứa con gái đá banh bách vào mình nó, và, cả mấy đứa trẻ xúm lại đun nó đi, nhưng nó chỉ kêu ăng ẳng và gờm mắt nhìn qua chứ không chịu bỏ miếng ăn.

Sinh nhăn mặt, lắc đầu. Sinh bảo lũ trẻ để yên cho con chó nhặt hết vỏ khoai rồi quay ra hỏi đứa con gái bế em:

– Bu mày đâu mà hôm nay không về thổi cơm?

– Bu cháu đi làm.

– Kìa ban nãy tao còn thấy bu mày ở xóm ngoài?

– Không! Đấy bu cháu ra làm gì ấy. Ngày mai nhà bà Hân có giỗ, bà cho bác vườn đến gọi từ sớm.

Sinh cười:

– Thế thì chiều nay chị em mày tha hồ mà ăn xôi thịt?

Sinh ngừng lại ngay cái cười. Sinh nhìn vào cái bụng, cái ngực và cái cổ của đứa bé thở phập phồng:

– Nhưng sáng bu mày có để cơm nguội gì không?

Đứa con gái lắc đầu cúi mặt.

– Cơm thổi hôm qua có một ống gạo thôi. Ban nãy bu cháu mua ba xu bánh đúc đem về cho thì cái bé nó ăn hết rồi. Mà nó ăn hết lại quấy, lấy đâu có cho nó nữa.

Mày Sinh càng chau thêm. Sinh móc túi lấy ba xu:

– Đây mày bế nó ra chợ mua hai xu cơm và hai xu rau xào, hai chị em ăn với nhau rồi ở ngoài ngõ mà chơi. Nhớ đừng để em nghịch bẩn kẻo đến tối mịt thầy bu mày mới về rửa nước lạnh thì chết.

Cái Sao thoáng qua sân. Sinh vội gọi con bé này:

– Sao! Sao, cho chị em nó chơi với.

Sao ngần ngại nhìn Sinh. Sinh xoa đầu nó:

– Bà biết cũng không việc gì. Sao có nghịch với những trẻ con tinh quái ở xóm ngoài đâu. Thôi! Sao ra chơi đi.

Sinh trở vào nhà, nằm duỗi dài. Thấy nghỉ ngơi đã lâu lâu, Sinh ngoắt dậy, cầm bút chấm mực. Giờ đã mười hai rưỡi. Sinh ở nhà làm việc thêm được một giờ nữa thì lại lên phố. Đếm, chép, kẻ dọc ngang

rồi làm đủ cộng, trừ, nhân, chia, những con số cứ vùn vụt chạy, dưới mắt Sinh, trên những trang giấy kẻ ô sẵn. Tập sổ Sinh nhận về nhà làm này của ông cai bạn với người cai trẻ trông coi Sinh. Nghe giới thiệu Sinh quen với việc sổ sách và rất cẩn thận, ông nhờ Sinh kê khai lại vào quyển sổ chính của ông tất cả những khoản tiền cho phu, thợ và mua bán những vật liệu.

Ông không định giá dứt khoát cho Sinh như thế nào. Ông chỉ bảo sẽ không để cho Sinh thiệt, và khi giao việc cho Sinh, ông đưa tạm trước ba đồng. Ba đồng bạc ấy thêm vào sự ăn uống đã hết mà tập giấy chỉ tiêu vẫn dày cộp. Cả những tờ rộng như giấy học trò, những mảnh bằng bàn tay và những miếng xuệch xoạc xé vội, tập giấy có đến ba trăm tờ. Sinh phải bỏ ngủ trưa và thức tới mười giờ đêm để tính kíp cho ông. Một tuần lễ rồi. Đến một tuần lễ nữa may ra thì xong nếu trong người Sinh nhọc vừa thôi, Sinh cố gắng đè át sự bải hoải mà làm gấp đều được.

Sinh đánh số nốt cái trang kê những món tiền cho phu vay trước rồi nằm nhoài ra giường. Mi mắt cứ trĩu xuống, tâm trí cứ tối lại, Sinh thiu đi, có tiếng người sầm sập ở ngoài đường. Sinh choàng dậy, hốt hoảng:

– Chết! Chết. Người ta đi tầm cả rồi.

Sinh xếp sổ sách vào ngăn kéo, khóa lại, ra sân rút cái khăn nhỏ hãy còn ướt lau qua mặt. Những đàn ông làm trên phố về nhà ăn cơm, đã lũ lượt ra đi. Tiếng chân bước vội vàng làm tối cả con đường lớn băng từ trên đê, qua gầm cầu, cả bao nhiêu xóm dưới Bãi. Trong nhiều gian hàng, công nợ réo rắt đòi gọi. Giội vào sự ồn ào còn thêm cả những tiếng chửi rủa, kêu hét và khóc lóc nữa.

Sinh không ra đường cái, rẽo con đường hẹp và ngoằn ngoèo liền ngay bờ sông. Đây còn nhộn nhịp hơn. Người ta làm việc suốt dãy hè, đầy cả bãi cát, ra tới tận ngoài kia sông. Bó nứa, rửa nứa, rỡ bè buộc gỗ, đàn ông đều cởi trần, quần xắn đến háng, dầm lội mãi mãi dưới nước lạnh. Đàn bà ngồi dằng dặc phơi giữa trời chẻ đóm. Hầu hết trẻ con nghèo dưới Bãi đều có mặt ngoài này, chúng nó mò mẫm cả ở dưới sông, nhông nhông như những con nhái bén, da thịt tái cả lại, để nhặt những củi vụn ít thì nhà đun, nhiều thì bán lấy tiền đỡ vào đồng mắm muối cho bố mẹ.

Một làn khói khét thổi mạnh vào mũi Sinh. Sinh khìn khịt mấy cái rồi cau mày, đưa mắt nhìn. Núp bên một cái phà hoang, ván long gần hết, lố nhố mấy đứa trẻ con chung quanh cái bếp cháy loi nhoi,

khói bốc um. Chị em con bé ở liền nhà Sinh đã ra đây nhập bọn chơi. Chị em nó không ngồi bên bếp mà lảng vảng ở đằng cuối phà. Con chị bế em, tay cầm cái rá con, tay chống gậy, sờ soạng giả làm ăn mày mù đến xin cơm cái nhà đương thổi nấu.

Trong hai cái ống bơ sữa bò kia và những vỏ hến, que tăm, mẹt con làm nồi niêu, bát đĩa, mâm kia, không hiểu có những thức gì mà bọn trẻ đứa nào, đứa ấy đều hau háu nhìn. Thật như chúng nó là những kẻ làm ăn khó nhọc và đã đói khát lắm, chẳng có thể bớt cho ai một miếng nhỏ, nên chị em con bé nọ phải lê la tít ngoài ngõ, kêu ca đã mỏi miệng mà chẳng được tí gì. Nghe cái giọng rền rĩ bắt chước như lột người đàn ông mù rong con đi ăn mày, thường vào trong xóm, Sinh thấy rợn cả tâm trí. Cũng thiết tha, cũng ai oán, cũng trơn những câu van lạy quên thân mình như giun dế, đứa con gái nếu bị xảy ra một tai nạn gì trong cái cảnh cùng cực mà đi ăn mày thì không thể ai nhận ra được bố mẹ nó đã là kẻ làm ăn tử tế và chúng nó cũng đã được hết lòng nuôi nấng.

Sinh đã đứng lại toan quát gọi hai chị em nó không được chơi cái trò chơi tối tăm, thê thảm ấy. Nhưng không hiểu tại sao, như có một bàn tay bóp lấy tim Sinh, Sinh nổi gai lên rồi bước nhanh đi. Quãng này, sông Cái mở phồng ra. Bãi cát trồng ngô và dâu, màu nâu mịn và xanh rì, cuồn cuộn tràn tới tận chân trời bạc mờ. Trấn lấy cái khoảng xa tắp đó, những gióng sắt liên tiếp của cái cầu nổi vượt lên như những bắp tay người vừa giơ thề vừa chống đỡ những sức tàn phá. Không như mọi ngày, Sinh không nhìn ra dòng sông, mà cúi thấp đầu, lùi lũi đi.

Càng lên gần khu phố xá, Sinh càng thấy khó chịu. Đầu óc Sinh đã chói nhức và nóng bừng, những tiếng ồn ào kia xoáy thêm vào, ghê sợ không kém những cái đinh sắt vặn trôn ốc. Sinh đành phải mở nút lọ dầu bạc hà ra hít sâu mấy cái. Đồng thời Sinh thấy tối nay phải ngủ sớm chứ không thể tham việc được nữa.

Khỏi bến ô tô, tới một ngã ba, Sinh không xuống đường, cứ bờ hè đi, Sinh qua cửa mấy hàng cơm nhớp nhúa đã thưa người ăn và một cổng gạch lù lù, mốc thếch. Sinh vừa đến dãy nhà bán chiếu, một mùi thơm ấm và bùi lừng ra. Giữa ban ngày mà tất cả cửa sổ của mấy gian nhà nọ, Sinh ngẩng lên nhìn đều đóng chặt. Hai người vận âu phục ở một gác đi xuống. Một chàng rụt hẳn cổ lại trong cổ áo par desus kéo lên và quấn mấy vòng khăn len. Hắn vừa đi vừa khìn khịt

vào mouchoir như bị nghẹt mũi. Và mặt mày hắn nhăn nhúm, phờ phạc như đã ghê tởm, chán nản một cái gì đã tới cực điểm.

Sinh lại qua mấy hàng cơm nữa. Trên ghế những hàng này đều nhô nhố người. Họ ngồi từng bọn, đàn ông, con trai, đàn bà, con gái riêng ra. Họ bắt chấy rận cho nhau, họ cười đùa, hát xướng và cả chửi nhau nữa.

– Cậu! Cậu mượn người!

– Đây có người tốt, cậu ơi!

Đến câu này Sinh mới nghe thấy. Sinh vội lắc đầu và không nhìn vào nữa những đám người còm cõi, đầu tóc xanh xám, quần áo mướp ra, ngồi hau háu đầy cả bên hè trước những hàng cơm nọ. Sinh đi ra Hàng Đào, rầm rập người và inh ỏi chuông xe đạp. Nhưng sự nhộn nhịp đó không lọt vào mắt Sinh. Sinh nghĩ đến chị em đứa con gái ở bên cạnh nhà Sinh, và những đứa trẻ chắc còn đương chơi ngoài Bãi với nó.

Mắt cái Sao lại hiện ra, con ngươi đen láy, mi thưa và cong, lờ đờ và xa xôi. Bị cặp mắt tưởng tượng ấy chiếu sâu vào, Sinh có cảm giác rõ ràng lại đứng trước mặt Sao, hồi hộp nghe tiếng trống ngực của mình đập mạnh. Trưa hôm kia, Sao cũng lại nhìn Sinh như thế. Lúc đó Sinh ho xong, đương nằm lim dim và thở đều cho đỡ mệt, bỗng quay ra. Ở dưới bếp, tựa người vào cột bương, cái Sao trông lên chỗ Sinh lúc nào không biết. Sinh thấy nao nao như là một sự sợ sệt. Sinh phải giơ tập giấy chưa tính xong lên nhẩm lại. Thì một lúc sau, Sinh vẫn thấy con bé nọ nguyên chỗ ấy. Nhưng Sao ngồi xuống cái chổi lúa, ôm thằng Vu, mặc nó loay hoay với cái hộp sắt tây, mà nhìn xa ra ngoài kia.

Sau mấy phút im lặng cả xác thịt và tâm trí, Sinh đứng dậy ra sân. Sinh vừa đặt tay lên tóc Sao, Sao liền ngẩng mặt lên. Sinh mỉm cười:

– Sao không bế em lên nhà mà ngồi rét thế này?

Mắt Sao giương lên giây phút rồi Sao mới nói:

– Rét đâu cậu?

Sinh lắc đầu:

– Lúc nào tôi cũng thấy Sao chơi ở ngoài. Trong nhà sạch sẽ, thiếu gì thức bày hàng?

Thằng em Sao cũng nhìn lên. Sinh tát nhẹ vào má nó:

– Rồi em Vu cũng quen tính này đi. À, Vu năm nay lên bốn hay lên năm?

– Em lên bốn.

– Sao mười một, hơn em những bảy tuổi? Sao lớn lắm, vậy sang năm phải đi học thôi.

Mặt Sao tươi lên, mắt lấp lánh:

– Đi học để biết chữ như cậu, nhưng ai bế em cho cháu?

– Không! Sao học tôi. Sang năm tôi dạy Sao buổi trưa và buổi tối mỗi buổi nửa giờ thôi.

– A học ngay nhà! Cậu dạy cả em cháu nữa.

– Ừ! Cả em Vu cũng học. Vậy Sao có thích đi học không? Đi học phải thích mới chóng tấn tới, Sao ạ. Rồi thạo chữ nghĩa, tính toán, lớn lên Sao sẽ đi buôn, đi làm để đỡ vực cho bà Sao! Sao có thương bà không? Bà già lắm và thương Sao lắm đấy.

Cái Sao không đáp. Mắt nó chỉ chớp chớp rồi lại yên lặng nhìn Sinh. Hỏi câu trên đây, chính lòng Sinh cũng rung lên. Bà cụ An có mỗi mình bác An là con trai thì người này đã chết. Bác ta làm thợ sắt, tháng kiếm được mười lăm đồng. Bác gái đi chợ, bán mớ rau, quả cà chua hay đậu phụ. Cả hai vợ chồng thỉnh thoảng lại phải lấy tiền của mẹ khi đau yếu và sinh nở. Bác An chết trong một tai nạn mà bà cụ An không dám một chút tưởng đến. Giữa lúc đó, bác gái bụng chửa vượt mặt thằng Vu ngày nay. Vu đẻ được bốn tháng thì người mẹ phát điên lên rồi bỏ con dại cho bà.

Hai cái tên Sao và Vu là của bà cụ An đặt cho cháu. Năm nay Sao mười một, Vu lên bốn, đến bao giờ bà cụ mới được hai cháu giúp đỡ! Sự sung sướng giàu sang, bà cụ không dám mong vì bà cụ biết thân phận mình lắm. Nhà ở thuê, gạo đong từng đồng bạc, lúi húi suốt ngày mới kiếm được vài chai rượu, bìa đậu, trăm lạc vài hào chỉ, sống như thế khỏi đói rét, công nợ réo rắt đã là may mắn hơn ai. Về phần hai đứa nhỏ, không bị vất vưởng, nhem nhuốc, tục tĩu, gian ác, và bị mồ côi cả cha mẹ mà trời còn để lại cho người bà bảy tám mươi tuổi đầu ủ ấp thương yêu thì cũng không nên ước ao gì quá.

Chờ thằng Vu khôn lớn thì còn lâu, nhưng có Sao, dăm năm nữa Sao sẽ làm gì? Buôn bán, làm phu hồ, làm nhà máy, quay tơ, dệt vải hay trở về nhà quê làm ruộng để nuôi thân và đưa ít đồng tiền cho bà. Hay Sao lấy ai để cả mình và bà nương tựa? Sao lấy chồng, về sự gây dựng này, bà cụ An đôi phen đã nói với Sinh và nhiều người:

– Không! Tôi chết thì thôi chứ trời để cho sống ngày nào thì hai

đứa kia phải ở với tôi ngày ấy. Về phần cái Sao, tôi chẳng cần tiền của, danh giá gì hết. Chồng nó vác gạo, thợ nguội hay làm gì cũng được, miễn có nghề nghiệp hẳn hoi, hiền lành, chịu khó và biết thương cảnh nghèo khổ là tôi gả.

Một ý tưởng nổi lên trong tâm trí Sinh:

– Hay Sao cứ ở mãi với bà? Một người chồng như thế khó mà tìm thấy. Mà cho dẫu Sao gặp được một người như thế, nhưng sau này vì gia đình người ta, vì tình hình thay đổi của con người, vì sự sống luôn luôn xảy ra những cái lạ lùng ghê gớm, Sao không thể ở với bà cụ thì đời bà cụ ra sao? Không thì thôi, chứ một khi Sao có chồng con mà lìa bỏ bà cụ thì bà cụ đến chết mất!

Sinh nghĩ như thế và hằn học thấy thà Sao chịu cho tới chết, khô khan, âm thầm hơn là bị gây ra những đau khổ cho Sao và nhất là cho bà cụ An bởi một người đàn ông. Người đàn ông! Một hình ảnh làm Sinh ghê rợn. Đó là người trẻ tuổi trên tiệm hút ở phố Mới bước xuống đường. Tiếng khịt mũi của hắn tưởng tượng lại sao mà gai thế, như của vật gì đương bị gặm xương thịt trong bóng tối ấy. Khốn nạn cho Sao biết chừng nào nếu Sao lấy phải một người đàn ông đắm đuối, trụy lạc và chết dần như thế!

Trước mắt Sinh, hiện thêm ra thằng Vu và từng lũ trẻ lóc nhóc con những gia đình lam lũ. Những đứa bé này, giờ đây, chẳng được học hành gì, đứa thì lê la đất cát, đứa lang thang trên phố, đứa làm những việc cỏn con cũng khó nhọc, bẩn thỉu không kém người lớn. Mai kia, mười bảy, mười tám tuổi đầu, chúng phải tự tay làm nuôi mình, liệu có tránh được những khổ sở, những tội lỗi của cuộc đời gắt gay? Hay chúng cũng vẫn như cha mẹ ngoi ngóp trong cái kiếp sống tối tăm đã thành một sự dĩ nhiên đối với những kẻ nhẫn tâm và không còn thiết tin tưởng.

Nhiều hình ảnh bối rối và khủng khiếp nữa sôi lên trong tâm trí Sinh. Sinh thở mạnh và gấp như đã chạy rút một quãng đường dài. Từ một cửa hiệu quen, hai tiếng đồng hồ vẳng ra. Sinh giật mình chạy vội qua đường sang lối bên kia. Chỗ Sinh làm đã nhộn nhịp người sau hai cổng sắt mở toang. Sinh vào kịp với bọn thợ sắt đi tầm hai giờ.

Một người thợ lắp cửa vẫy luôn Sinh lại, bảo xếp những gióng sắt mới xe ở hiệu về vào trong xưởng. Sinh chỉ chuyển được chục gióng, mồ hôi đã toát đầm ra, và càng thở hổn hển. Có muốn gọi người phụ

việc đến giúp cũng không được. Bọn họ đã cởi áo ngoài, phong phanh mỗi chiếc áo lót mình và lấy gân tay giữ những tấm sắt cho thợ chính đục từng miếng nhỏ.

Chiều nay, ông đốc công Tây hẹn đến. Từ mấy cô phu hồ đến viên surveillant [1] cũng ra vẻ mải miết. Không có những tiếng cười nói, cái ồn ào của sự làm việc gấp rút gay gắt như ở một lò lửa ngùn ngụt bốc lên.

Anh cai trẻ tuổi chợt đến sát bên Sinh. Anh đưa vào tay Sinh hai đồng giấy bạc, đăm đăm nét mặt:

– Đây ông cai thợ nề ông ấy đưa thêm cho anh (ngừng lại, anh thở một cái mạnh). Lão xếp đương đe phạt tôi mấy cái kèo sắt. Chốc nữa tôi phải lên trên "đềpô" chọn sắt mà có lẽ ngày kia, ngày kìa mới được về. À! Mà anh làm nhanh tập sổ cho ông cai thợ nề, ông ấy giục tôi đấy.

Sinh ngẩng mặt lên, quệt mồ hôi ngang tay. Sinh cầm lấy tiền, tay run run, băn khoăn nhìn cặp mắt lấp lánh của người nọ.

Hơi thở tàn, tiểu thuyết
Nhà xuất bản Thời đại, Hà Nội, 1943

1. Giám thị.

QUÁN NẢI

(Tiểu thuyết – trích)

Truyện viết về cuộc đời cực khổ đến tuyệt vọng của một cô gái quê mùa tên là Muống.

Đời Muống chia làm hai đoạn:

Đoạn thứ nhất: Muống là một cô gái quê xinh đẹp, trung hậu, đảm đang. Cô yêu anh giáo nghèo trường làng tên Thân. Nhưng do nhà nghèo, mẹ chết, bố ốm nặng, cô phải lấy lẽ một gã nhà giàu tên là Hương Hoạch để gán nợ. Không chịu nổi sự độc ác của vợ cả, Muống, nhờ sự giúp đỡ của chúng bạn, bỏ nhà trốn ra Hải Phòng, hy vọng tìm được Thân đã chuyển đi dạy học ở đó.

Đoạn thứ hai: Muống đi Quán Nải tìm Thân, nhưng không gặp. Bơ vơ, không nơi nương tựa, cô phải lấy Bếp Giống. Bếp Giống rất thương yêu vợ con, nhưng là một gã tay chơi anh chị chuyên rượu chè, cờ bạc, chạy hàng lậu, nên gia đình sống trong tình trạng bấp bênh, nguy hiểm. Sự làm ăn của Bếp Giống ngày càng khó khăn, đến lúc sức tàn lực kiệt, con ốm không thuốc thang, hắn phải làm hợp đồng đi phu sang Lào để có món tiền đem về nhà. Nhưng chưa kịp đi thì Bếp Giống đã chết, để lại con thơ vợ dại trong cảnh tuyệt vọng.

Truyện có nhiều trang cảm động, nhất là những trang viết về tình bạn mộc mạc, chân thành của mấy cô gái quê, cảnh vợ cả hành hạ vợ lẽ, cảnh sinh hoạt của những người dân nghèo ngoại ô thành phố Hải Phòng vốn quen thuộc với ngòi bút Nguyên Hồng.

Nhưng tác phẩm kết cấu có phần lỏng lẻo, chủ đề dường như chưa được xác định rõ rệt.

Truyện gồm hai phần, mười ba chương. Dưới đây trích hai chương V, VI của phần I.

V

Muống ngước mặt lên và giơ cánh tay áo gạt những giọt nước mưa và cả mồ hôi nữa đẫm trán. Mắt nàng vụt hoa lên và vòm trời xám đục như đổ sập xuống. Nhưng chỉ dừng tay ít phút rồi Muống lại đưa cái rổ sảo hớt những bèo tấm nổi lẫn với bèo Nhật Bản cất cao những ngồng hoa tím phớt. Bì bõm dưới ruộng nước ngập đến đùi

hàng giờ rồi, da thịt Muống đã tê đi, không còn thấy rét và ngại ngùng khi sắp quang gánh ra đi, lúc gần tới chỗ làm thì Muống rợn người lên vì gió lộng và mặt nước run run những gợn bạc.

Đã ba tháng nay, thêm vào đúng mười con lợn trong ba chuồng, cả lớn nhỏ bảy con mà cũng chỉ một người bõ già và Muống chăm nom. Ao nhà chật quá, không đủ bèo cho hai con lợn sề và lũ con lớn như thổi ăn, Muống phải ra ruộng ông Thủ Quỹ là em họ chồng vớt thêm từng gánh bèo một về nấu. Công việc này, người bõ già không thể làm được vì ông tuy cẩn thận nhưng sức lực đã đuối quá, chậm chạp và lại có chứng đau bụng, nên Muống phải làm lấy. Vả lại Muống thà được đi khuất mắt người vợ cả Hương Hoạch dù phải khó nhọc và dầu dãi còn hơn là ở nhà cũng vẫn phải đầu tắt mặt tối mà còn khổ sở, đau đớn vì những sự day dứt liên miên quanh đi quẩn lại có lẽ tới lúc Muống hay người đàn bà kia chết thì mới hết.

Mưa phùn vẫn lớt phớt. Cảnh vật mịt mùng xa xôi thêm trong khí mờ và hơi nước. Cánh đồng mấy làng đều nhòa nét như một biển khói xám đục trong đó ngoi ngóp nổi lên mấy rặng tre, mấy nóc nhà nhớp nháp, nặng trĩu. Đường đê chỉ còn là một vệt đen loãng chảy biến vào chân trời, chập chờn mấy dáng người với những quang gánh nhún nhảy.

Gần chỗ Muống, một bọn thợ cấy toàn là đàn bà đứng tuổi và sồ sề. Trên bờ ruộng trước mặt, hai con trâu lừ đừ đi với hai đứa trẻ không biết là trai hay gái, nằm bò trên lưng với manh áo tơi đã đụp thêm mo cau và chiếu. Ướt át đã thấm vào áo lót, Muống thấy bả vai nặng như đeo một bao tải đầm bùn. Muống lại ngước mắt và gạt nước trên trán:

– Thôi hãy vào trong kia nghỉ một lúc đã.

Ý nghĩ đó thoáng qua, Muống toan muốn bước vào, nhưng thấy một rổ bèo đã được già nửa, bèn tự nhủ:

– Cố một tý nữa cho xong rồi nghỉ cả một thể nào.

Để được gọn gàng và lanh lẹn, Muống xắn lại ống quần, tay áo, và thắt khăn vuông, giất chặt hai dải vào dưới cằm... Muống lội ùa ùa dưới nước. Bèo vớt lên loang loáng chảy nước, từng mẻ đầy đổ vào cái rổ to trong bờ. Muống thở mạnh hơn và thấy người nóng hẳn lên. Ở ruộng gần đó, một người đàn bà hom hem đưa mắt nhìn Muống làm việc ồ ạt, liền bảo người bạn đương lom khom cấy lúa:

– Chị Bốn trông bà Hương Hai kìa!

Chị Bốn cười:

– Ấy đấy, giàu tham việc, thất nghiệp tham ăn là thế. Mấy vụ thóc bà cụ Hương đều được, lợn gà lại chẳng sẩy lứa nào, hai nàng dâu càng ra sức làm giàu thêm.

Người đàn bà hom hem chép miệng:

– Nhưng nhiều của mà không con thì làm gì! Quái! Ông Hương lấy đến người này là con gái và tốt nái, thế mà sao cũng cứ trơ ra, hai năm rồi mà chẳng chửa đẻ gì hết. Chắc là tại số hay vì đất cát đấy. Như các ông các bà ấy biết thì bà Hương Cả sát con và ngôi mộ ông cụ Chánh thân sinh ông cụ Hương mé dưới trông ra mặt sông nên phát về ngành thứ là ông cụ Quỹ.

Một người vận xống kéo tít lên quá đầu gối và buộc túm lấy giữa, xen lời:

– Ôi dào! Tôi thì tôi cho chẳng số kiếp, đất cát nào hết! Chơi bời cô đầu và trai gái bừa bãi, năm lần bảy lượt mắc bệnh rề rề, thì có đẻ ra con gỗ! Lấy thêm vợ hai, chứ đến vợ năm và bà Hương Cả có lễ bái và mồ mả có để lại đến thế nào nữa cũng chẳng được.

Người đàn bà hom hem và mấy người nữa nhao nhao phản đối:

– Cái nhà chị này chỉ được cái láo miệng! Không có số kiếp, không nhờ mồ mả thì sao có người đương khốn khổ khốn nạn lại nên ông nọ, bà kia, tiền nghìn bạc vạn trong tay? Sao có người đương ruộng sâu, trâu nái mà bỗng chốc đến cái bát cũng không còn mà ăn?... Con nhà rõ tử tế, gia giáo hẳn hoi mà đâm ra đứng đường, đứng chợ! Bệnh! Hừ! Cái bệnh trai gái ấy thì người đàn ông nào chả có, chán người vẫn phải uống thuốc đấy, ngay như chồng con mẹ Bốn kia kìa, rước bệnh từ Hải Phòng về mà nó vẫn đẻ sòn sòn!

Trước những viện chứng thâu góp và gạn lọc đi từ đời nọ sang đời kia và được bao nhiêu người nhận là xác đáng này, người đàn bà vận xống đành im. Nhưng một lúc sau, không dằn được cái lẽ phải nung nấu trong tâm trí, y bật tiếng:

– Tôi thì tôi vẫn không sao tin được, và rồi đấy các bà xem! Cứ bám vào số kiếp mồ mả là khốn khổ khốn nạn!... Và cứ trăm tội đổ cả cho Trời với Đất!

Những tiếng nói loáng thoáng qua tai Muống. Muống thấy nổi lên một sự thèm muốn. Chắc bọn thợ cấy kia chuyện trò vui vẻ lắm. Cùng nhiều người làm chung một việc rồi góp lời vào một phần để

quên cả sự vất vả và thời giờ, cái vui công cộng kích thích sự hứng khởi ấy, Muống chưa biết đến bao giờ lại được hưởng.

Mắt chớp chớp, Muống nhìn sang những cánh tay thoăn thoắt cắm sâu những chân lúa xuống ruộng đã cày bừa ngập nước. Vài con cò trắng chợt bay vụt lên khỏi mặt lúa xanh ướt. Mấy tiếng kêu vang lên, lọt thỏm trong thinh không mờ mờ. Ruộng cấy bên kia còn hàng mẫu, đến trưa mai chưa chắc đã xong. Bọn đàn bà lại cặm cụi yên lặng như những bộ máy.

Muống vớt thêm một tay nữa rồi lội vào bờ. Xóc gọn hai rổ bèo và đặt cân đối trong quang, Muống vào ngồi dưới một gốc si mọc bên ngoài lũy tre. Tới giờ Muống mới thấy rõ sự mệt mỏi nó đè khụy lưng nàng xuống và làm rời cả xương hông ra. Muống thở hổn hển và hơi run run vì cái lạnh không còn có thể quên được nữa trước những luồng gió ướt át vù vù và trước cái sắc xám nhờ mênh mông của đồng ruộng chảy tràn vào tâm hồn.

Mưa đã tạnh. Chỉ còn những giọt nước đọng ở cành lá gió thổi rung lộp độp. Một phía trời ửng sáng, thứ ánh sáng đục, nhờn và phơn phớt vàng. Tiếng chim sẻ đã lại líu tíu trên nóc nhà đằng sau chỗ Muống ngồi.

– Ới Hạ ơi! Lại đằng bà Trương lấy thóc về làm đi.

– Cái Thuổn! Cái Tý! Động cỡn đấy à?! Chúng mày có mau cho xong nốt mấy cối gạo để mai kịp phiên chợ không?

– À mẹ Hạ ơi! Chị đong lại chỗ ngô kia cho tôi xem có đúng mười thùng không?

Những tiếng nói sang sảng của bà Chánh hội truyền gọi kẻ ăn người ở, ngoài này Muống nghe không sót. Tuy không nhìn thấy, nhưng Muống đoán rằng nếu không ở nhà dưới trông nom người làm thì bà ta ngồi thở để lấy lại sức trên niễng cửa nhà trên. Cũng đẫy đà và tai sệ một đôi vòng khuyên vàng, cũng quần nái rộng và dài nhưng kéo lên quá gối, sao không phải là chị em mà bà này với vợ cả Hương Hoạch lại giống nhau từ khổ người, từ tính người đến cách ăn mặc như thế.

Muống ghê sợ:

– Thảo nào họ thân với nhau, đi đâu cũng có nhau và điều gì cũng bàn tán với nhau!

Và Muống rùng rợn tưởng đến gần như có một đoàn thể những đàn bà đanh ác vừa có tiền của vừa có tiếng tăm ở trong làng, cố kết

lại với nhau để hành hạ những kẻ hèn kém, sung sướng thêm với nhau trên sự đau khổ nhẫn nhục không còn được nhìn nhận, không còn được bày tỏ của những kẻ yếu đuối kia, suốt một đời âm thầm trong những lũy tre dày. Chợt Muống vùng dậy. Nàng kéo chùng quần xuống một tý cho khỏi bộc lộ rồi xốc quang gánh. Cái lối đi từ đây ra ngoài đường lầy lội gần như dưới ruộng. Muống phải chuyển vận tận lực ra những bước chân bì bõm lắm lúc tưởng như xoạc ra hay đến chôn chân mãi mãi xuống đất.

Cây đa đầu ngã ba đường và khoảng trời rộng chợt lóe sáng như lùi lại trước mắt Muống. Muống bước vèo vèo rồi đặt phịch gánh xuống vệ cỏ, thở hồng hộc. Cả người Muống bứt rứt tựa hồ da thịt hun đốt và cào xé vì lớp mồ hôi toát ra nhưng bị cản lại bởi quần áo vải dài ẩm ướt. Muống rút đòn gánh, ngồi lên, lấy vạt áo quạt mặt.

Người qua lại đông, nhưng Muống mặc kệ. Mắt nàng nóng rực nhìn rất xa, ở khoảng đó sự khoáng đãng mở ra bao la với ánh nắng đã trong và những luồng gió rét đã dịu đi mơn man sự vật. Cùng với sự rộng lớn ấy, một phần Hải Phòng xuất hiện. Những ống khói cao ngất của những xưởng máy và những lò nung đá, thoát hơi của khu xi măng, đương lừ đừ nhả những làn hơi trắng đục tản mạn khắp trời. Trùng trùng điệp điệp, những nóc nhà làm thành một dải thành trì không thể nào vượt qua bởi những khu kỹ nghệ kia, như để chống đỡ với sự tàn phá của gió to và sóng lớn từ ngoài biển xa chỉ lăm le tràn vào.

Những tiếng ầm ầm của cái dòng sinh hoạt không ngừng dâng cao và tuôn rộng kia hòa hợp lại, tỏa rất xa, và đã gạn lọc qua bao nhiêu lớp gió. Dư âm như vọng vang trên cánh đồng bát ngát trước mặt Muống, nhịp với những tiếng rì rào của lá xanh và con sông chảy xa kia, tưới màu cho mấy vùng cày cấy. Có tiếng còi chợt vang lên, một khối hung hung đỏ tiến vun vút trên đường cái bên kia. Mấy người đàn bà đứng sau những thúng, những sọt vẫy tay rối rít.

Muống giật mình vì tiếng người nói hối hả sau lưng:

– Xe đỏ Con ngựa đã về đấy, về thôi các chị ơi!

Ba người con gái và cả ba gánh lá dâu gọn gàng đỗ gần Muống lúc nào không rõ. Da dẻ hồng hào, mắt sáng, mày cong và môi cắn chỉ như nhau, ba cô còn thêm một đặc biệt là cùng áo đổi vai, thắt lưng lụa màu và khăn vuông ba ga trùm ý nhị dưới vành nón chóp mới tinh. Muống bật tiếng và thấy hồi hộp lạ thường:

– Mấy chị mua lứa dâu ở đâu mà tốt thế?

Cô má bầu cười:

– Bên Đế đấy chị ạ. Chúng em phải hỏi mãi mới biết chỗ và hỏi mua đất mỗi giành đến ba xu ấy.

Cô mặt trái xoan và cô mắt hơi xếch tiếp lời:

– Em hỏi thế này không phải, chị ở làng đây ta hay làng bên?

– Thưa chị làng đây ạ.

– Ồ! Cô này cười giòn – Thế thì tối nay các chị vui lắm nhỉ. Làng vào đám mà có phường chèo Cả Phương thì không còn ai yên chí ở nhà được!

Muống giờ mới nhớ ra hôm nay đã mùng bốn tháng ba, ngày làng Muống mở hội to lớn hơn cả. Bằng rầy năm xưa, sau hai vụ cấy hái khó nhọc, thì mấy ngày nay Muống cùng với chị em sửa soạn như thế nào?

Cô má bầu lại cất tiếng qua nụ cười:

– Mai hay kia chúng em thế nào cũng phải trốn các cụ sang bên chị xem đám, không bỏ qua thì tiếc suốt năm mất.

– Và nhà chị có gần đây không để chúng em có sang thì vào chơi chị và mời chị đi chơi với.

Người Muống đã sôi lên và lòng thắt lại. Muống cố mỉm một nụ cười:

– Vâng! Cám ơn mấy chị, nhưng xin vô phép mấy chị, nhà em chật hẹp lắm ạ, sợ không tiện.

Cô vẻ mặt lặng lẽ đứng chăm chú nhìn Muống, nhận thấy gò má Muống hơi cao, mắt có quầng và lông mày tuy cong nhưng to và không đều, liền cười nụ bảo Muống:

– Thôi chúng em biết rồi, chị sợ bác trai ta không bằng lòng chứ gì?

Cô mắt xếch reo lên:

– Tưởng gì chứ thế càng tiện, chúng em kéo phăng cả anh ấy đi thì anh ấy còn không bằng lòng sao được?

Muống cúi thấp đầu, mặt ửng hồng giây phút rồi tái đi. Trong những tiếng cười rộn ràng nọ, Muống thấy như đứt từng khúc ruột. Cùng cất đòn gánh lên vai với họ, nhưng Muống rẽ sang con đường nhỏ và nhìn theo hút họ, tới khi mấy thân thể uyển chuyển và quang gánh nhịp nhàng kia sát hẳn vào nhau rồi khuất đi. Nhưng tuy không còn trông thấy bóng dáng và có lẽ không bao giờ lại gặp họ,

Muống gần về tới nhà rồi mà vẫn thấy giọng cười nói của họ vang bên tai. Muống tê tái tràn bước và khi nàng ngước mắt lên thì cái cổng gạch với hai cánh lim kiên cố đã hiện sừng sững xuýt nữa thì nàng vập trán phải.

Kim đồng hồ ở nhà trên chỉ đúng hai giờ. Hương Hoạch làm giấc ngủ trưa xong, đương ngồi bơ phờ bên cái điếu ống và bộ ấm chén chuyên chè. Dưới chân bàn, một hỏa lò than tầu cháy rực. Ấm đồng đầy nước đương đợi cho sôi để pha chè cho cả bà cụ Hương.

Ở nhà ngang, hai cái nia đã đầy gạo mới giã. Những đống trấu sấp vun gọn lại và đóng vào thúng mai đem ra chợ bán với gạo. Tấm, vợ Hương cả cũng không để lại cho người nhà ăn vì đó là tấm gạo mùa để bán cho các hàng bánh cuốn, bánh đúc. Vợ người bõ và bà cô họ Hương Hoạch đã giã gạo xong, chống cần cối lên, ngồi sàng sảy ở gần cửa với vợ Hương Hoạch. Muống vừa buông tay cởi áo dài, không kịp vắt lên sào, đã phải chạy ra sân vì có tiếng gọi. Người bõ già hiêng hiếng mắt nhìn Muống, giọng nói nhỏ và run:

– Mợ ạ, không hiểu tại sao hai con lợn nhỡ ở chuồng đầu lại không ăn, hay nó chê cám?

Muống nhăn mặt:

– Chết! Thì bõ bảo tôi còn biết tại sao? Hay chiều nay nấu riêng cho hai con ấy ăn toàn cám vậy?

Và mắt Muống chớp chớp đưa lên nhà ngang:

– Chị Cả đã biết chưa hở bõ?

– Chưa! Chưa mợ ạ! May quá! Từ trưa đến giờ mợ ấy chỉ nhìn qua lợn gà một tý rồi lại bận làm gạo để mai kịp phiên chợ.

Nhắc đến gà, Muống sực nhớ:

– À này bõ, ba con gà mái ri ấy đẻ, trứng bõ để đâu? Chết, tôi quên không dặn bõ!

Người bõ già lắc đầu:

– Không! Không! Biết lứa này cho ấp, tôi đã bỏ riêng ra rồi.

Không dám đứng lâu ngoài sân, sợ vợ Hương cả lại kêu về nhà không bắt tay ngay vào việc mà chỉ những chuyện là chuyện, Muống đi lấy cám, vợi nước gạo, san bèo ra làm hai bữa, rồi bắc nồi cho người bõ già đun. Sau đó Muống nhặt mớ rau diếp vừa đúng một rổ và

đem ra ao rửa nồi niêu để sắp sửa vào bữa ăn cho cả nhà với rá gạo đỏ trộn thêm ngô mà vợ Hương cả đong sẵn để trong buồng ngủ của y.

Bữa cơm trên nhà của bà cụ Hương và Hương Hoạch, bữa cơm dưới nhà chung cho mọi người và bữa của đàn lợn nhung nhúc kêu inh ỏi vừa xong thì trời đã tối. Muống và người bõ già chỉ kịp uống vội bát nước chè xong là phải đứng lên ngay thu dọn nhà cửa, bếp núc và sân sướng nhờ chút ánh chiều thoi thóp chỉ còn là một làn xám bạc và lạnh như hơi sương.

Chợt bầu yên lặng mờ tối rung lên ầm vang. Những tiếng trống và chiêng thúc giục đã khua rộn ở ngoài đình. Ngay lúc đó, Hương Hoạch ở trên thềm bước xuống. Quấn khăn lượt, vận áo sa tanh trong áo the, giày cao su đen, Hương Hoạch ho khan mấy tiếng rồi lẳng lặng đi. Ngọn đèn cây trơ lại giữa gian nhà gỗ ran ran tiếng muỗi, vụt che khuất bởi một bóng người lọm khọm. Vùng ánh sáng vàng đục chiếu ra tới sân tắt phụt, thay vào đốm lửa loi nhoi của cái đèn hoa kỳ quanh năm suốt tháng không tắt để trên bàn thờ.

Muống không nhìn theo người chồng và cũng không có ý nghĩ gì về y. Không cứ tối nay làng vào đám, Hương Hoạch mới không ở nhà, mà tháng hai mươi chín ngày đều thế. Hoặc Hương Hoạch đánh tổ tôm ở mấy nhà hương lý, hoặc y hút thuốc phiện ở đâu cho tới sáng rõ mới về nhà ngủ lại tới bữa cơm mà Muống phải đánh thức y dậy mời ăn.

Tiếng chổi quét tước của bõ già vừa dứt, và Muống vừa buông tay xếp đặt nồi niêu trong bếp, đương định vào buồng thay quần áo vì nhớp nháp quá, trên nhà ngang vợ Hương cả đã nghển cổ nhìn ra. Cái giọng lanh lảnh cất lên, vang cả mấy gian nhà:

– Kìa bõ Tứ và dì Hai lên đây chứ, gạo thóc còn đầy cả ra thế này mà đã đi nghỉ đấy à?

Muống bước vọt qua ngưỡng cửa, vừa chạy lếch thếch, vừa quấn lại cái thắt lưng lòng thòng xuống đất. Vợ Hương cả ngước cặp mắt sáng quắc lên đón Muống. Muống nuốt xuôi những hơi thở nghẹn, đầu cúi thấp, lẳng lặng ngồi xuống cái ghế con bỏ không trước những nia gạo, tấm, cám và những đống ngổn ngang đầy ba gian nhà thắp mỗi ngọn đèn hoa kỳ.

VI

Mạ nhìn trước sau rồi cất tiếng khẽ gọi:

– Muống ơi!

Dưới mái lá tối om và lộng gió của cái quán nước nép mình bên gốc đa, Muống đương hồi hộp chợt giật nảy mình, vội nhô ra. Một làn mưa bay vèo qua mặt nàng, tạt dài tiếng nói:

– Tôi đây! Mạ ơi!

Mạ bước vào quán, vẩy nón và phủi quần áo trong khi Muống lấm lét nhìn ra ngoài, giọng run run:

– Không biết bây giờ còn ai qua lại không Mạ nhỉ? Tôi chỉ sợ!

Mạ gắt lên:

– Sợ! Còn sợ cái con vồ ấy! Ai cũng mặc! Gớm mày tưởng người ta quý cái nhà chồng mày lắm mà phải thóc mách, và dù có đứa nào thóc mách thì con vợ Cả kia dễ nó đi dắt mày về đấy? Mày đi biệt nó lại không ném gạo muối theo ấy à?

– Ừ tôi cũng biết thế. Nó thì muốn đuổi mình đã lâu nhưng chưa có cớ gì đấy thôi. Lần này thật tha hồ mà nói xấu, thật là mở cờ trong bụng.

Muống đưa cho Mạ cái thúng thanh con đựng vài cái quần áo cần dùng:

– Mạ chờ tôi đây để tôi ra kia một tý. May mà nhớ ra chứ không thật phải tội.

Mạ nhìn theo Muống vòng sang bên kia gốc đa. Trước cái khám bằng gỗ róc sơn chằng vào giữa hai rễ to và một bệ gạch đá chồng xếp, âm u và quái gở thêm vì những đốm hương đỏ lập lòe và những bình vôi trắng bệch treo lủng lẳng... Muống cúi đầu, chắp tay vái, lâm râm khấn:

– ... Lạy ngài! Lạy các chư vị, xin chứng thực cho con rằng con đã hết lòng ăn ở với người ta, nhưng người ta không biết cho, cứ tình phụ mãi con. Xin ngài và các chư vị thiêng liêng phù hộ độ trì cho con là kẻ ngay thẳng ra đi chuyến này gặp nhiều sự may mắn, cầu được ước thấy.

Vút, nhanh chóng đến vô cùng, một hình ảnh hiện lên trong tâm tưởng Muống. Muống càng mê đi trong giọng khấn thầm thì:

– ... Trăm lạy các ngài và các chư vị, nghìn lạy các ngài và các chư vị, đoái thương đến chúng con, sau này chúng con thế nào cũng xin vàng hương tạ lễ và tâm niệm ơn đức ngài và chư vị không bao giờ dám quên... Suỵt... Suỵt...

Những rễ đa phơ phất rủ xuống mặt đường lại rào rào vì gió thổi. Mưa tạt đầm đìa vào mặt Muống. Muống kính cẩn vái thêm mấy vái nữa rồi mới bước vào quán. Thấy Mạ vẫn khư khư giữ cái thúng con, Muống liền đón lấy:

– Thôi Mạ đưa tôi cắp, tôi khấn xong rồi, đi đi thôi. Đứng đây sao càng rét buốt thế này? Ban ngày ở đây uống nước ăn trầu thì vui thế đấy mà giờ thật sợ hơn sợ người chết. Ăn mày ăn xin và các bố trộm thế mới biết là tợn!

– Gớm! Con này mới lạ! Sao mày không nghĩ đến chuyện của mày mà cứ đi nghĩ hão huyền đâu đâu ấy?

Hai người rẻo theo bờ ruộng rồi đi vòng sau một bờ ao. Mấy con chó vừa xô ra cắn, Mạ quát khẽ, nó liền thôi.

– Thím ơi! Ơi thím!

Mạ dứt tiếng gọi, một dáng người lọm khọm đi ra:

– Mạ đã về đấy hả?

– Vâng! Bu cháu ngủ mệt chưa? Thôi thím để cổng cháu đóng cho mà. Thím vào cũi con Mực lại cho cháu.

Muống chờ Mạ hỏi xong, cười chào người đàn bà nọ. Y gật đầu trách:

– Phải tôi chào cô! Gớm từ ngày cô lấy được ông Hương, cô chẳng còn biết gì đến chúng tôi nữa!

– Khổ quá! Cháu mà có lòng nào thì xin chết chẳng được gặp ai. Thôi, có chị Mạ biết cho cháu...

Người đàn bà cười nhẹ:

– Nói đùa thế, chứ cô chẳng nói tôi cũng biết, thôi, cô đứng đây một lát rồi vào sau nhé.

Ngọn đèn hoa kỳ ở bên nhà đem xuống bếp. Mạ và Muống rón rén đi qua sân. Bà thím Mạ đã châm lửa vào mồi rơm đốt lên để sưởi. Muống chưa kịp cởi quần áo ra thay, bà liền giục:

– Kìa! Thay đi chứ. Mặc ướt thế cảm thì khốn.

Muống luống cuống:

– Vâng! Vâng! Rồi cháu thay! Nhưng kìa! Sao thím đốt lửa sáng rực lên thế, nhỡ người ta biết thì khốn!

Bà ngước cặp mắt lem nhem nhìn Mạ:

– Và Mạ này, trời hãy còn tối và Muống chốc nữa nó phải đi đường tắt thì đến chín mười giờ mới ra bến đò, vậy mày lấy gạo thổi để nắm cho nó nắm cơm.

Muống vội gạt đi:

– Không! Không! Thím ạ. Ban chiều cháu đã ăn no rồi! Thổi với nấu làm gì, chùng chình rồi sáng bạch nhật ra thật lỡ hết!

Mạ cũng toan ngăn sự cơm nước này, nhưng nghĩ đến sau lúc chia tay này đây chưa biết đến bao giờ chị em lại gặp nhau, mà tình quyến luyến giờ đây chỉ có thể tăng thêm và gói ghém lại cho người đi bằng những miếng ăn tiễn biệt. Mạ liền cau mày bảo Muống:

– Được! Giờ hãy còn sớm lắm! Lỡ gì mà lỡ!

Mạ lên nhà lấy lưng đấu gạo tám mới giã để bán đem ra cầu ao vo. Trong bếp, Muống cơi thêm rạ đốt cho to lửa. Nước trong cái nồi đồng nhỏ phút chốc đã sôi sùng sục, phì hơi trắng làm cái vung nhảy nhảy. Mạ đổ gạo vào nồi xong, Muống vỗ lại rá một lần nữa rồi cầm đũa cả dàn gạo đều ra. Sát đùi nhau trước làn hơi ấm rực rỡ. Muống và Mạ không còn thấy một chút rét mướt dù bên ngoài mưa vẫn nặng hạt, sương mịt mùng và gió từng cơn gào vang ầm.

Sự náo nức đã lắng dịu trong tâm trí Muống. Ánh sáng tỏa ngập trời ra trước mắt tưởng tượng của nàng. Trống ngực Muống đập mạnh và Muống thấy tê mê cả người. Như không phải Muống thức tỉnh có mặt trước sự thực, mà đương bâng khuâng trong một cảnh mộng. Tuy Muống đã dự định và bàn tính từ lâu cùng Mạ, nhưng Muống vẫn không thể ngờ được có cái phút quyết liệt này.

Ông thân Muống mất đã trọn năm; hai em nàng, cái Khoai đã ở riêng, còn cái Gái út chỉ nay mai khi nào người dì Muống bằng lòng bởi nó đã mười sáu, mười bảy rồi. Bỏ Hương Hoạch dù mang tiếng trốn chúa trốn chồng, vô ơn bạc nghĩa hay gì gì đi nữa, Muống chỉ đau đớn tủi cực ít lâu thôi. Vì con người độc nhất giữ ghì Muống lại với sự khổ ải tối tăm chừng nào và tới cả lúc chết kia là ông thân Muống, thì đã may mắn không còn có mặt trên cõi đất này mà chịu sự bêu riếu độc ác của làng xóm. Về phần nhà chồng, tuy cũng phải tai tiếng đấy, nhưng tất cả những cái xấu nhuốc sẽ chỉ trút lên đầu

Muống thôi, Muống còn trẻ mà chồng thì đứng tuổi và không còn thiết gì đến gia đình, vợ Cả thì cay nghiệt, vậy chả chóng thì chầy Muống cũng đến bước theo trai thôi.

Bỏ Hương Hoạch, bỏ làng ra đi, dấn bước vào một quãng đường không biết sẽ dẫn người ta đi tới đâu, rồi đời Muống ra sao? Sinh trưởng trong cảnh nghèo khổ và làm ăn lam lũ, Muống không như ai vì không chịu khó kiếm miếng ăn mà ăn nên sa vào những tội lỗi. Dù khó khăn vất vả đến đâu, Muống cũng chẳng ngại và tin thật vẫn giữ được sự trong sạch hiền hậu của một người đàn bà. Nhưng, đâu phải Muống chỉ vì không chịu được khó nhọc đày đọa mà Muống phải ra đi? Đời Muống thoát khỏi những giày vò của cái lẽ mọn kia còn phải cần một sự an ủi, một tấm hạnh phúc dù nhỏ mọn, dù nghèo ngặt với tình thương yêu. Phải! Tình thương yêu! Sao một người đàn bà mới hăm ba tuổi, lành mạnh và quen sự xốc vác như Muống lại không có?! Và sao một lòng phơi phới rung động lại không được gần gũi một con người mơ ước của mình?

Mắt Muống chợt chớp chớp và từ từ ngước lên cao. Hình ảnh Thân, cái cậu giáo thân hình mảnh dẻ, nét mặt âm thầm và dáng người phờ phạc kia lại xuất hiện trước ánh lửa hồng rực. Như có một bàn tay run run cầm lấy cổ tay Muống và những hơi thở hổn hển nổi lên trước mặt Muống, Muống rợn cả thần kinh thấy như đương ăn cơm hay giúp Thân một việc gì trong căn nhà lá nhỏ hẹp, ở đây hai vợ chồng sống lần hồi giữa bao nhiêu người cũng làm ăn đầu tắt mặt tối.

– Mày nghĩ gì thế Muống?

Muống giật mình. Mạ đập vai Muống mà cười:

– Chắc mày lo sợ lắm?

Những vẻ luống cuống hiện đầy cả trên nét mặt Muống. Mạ nhìn Muống, mắt lành lạnh và như xót xa. Bên ngoài, mưa đổ rào rào xuống mái lá. Gió thỉnh thoảng lại sáng lên, xé rách màn mưa. Những cành tre đập vào nhau xào xạc. Trông ra cái vùng tối mờ vang ầm tiếng gió, Mạ tưởng đến Muống sắp cắp thúng đi một mình lén lút, chốc chốc lại quay nhìn đằng sau. Vì dù sao Muống hãy còn tiếc mến cái nơi chôn nhau cắt rốn kia của mình, của các kẻ ruột thịt và của các bạn bè đã từng sống với mình chỉ ít ngày êm đềm thôi.

Tình thương như một làn nước tuyết láng ra khắp lòng Mạ. Mạ

thấy có thể khóc được nếu cứ nhìn lâu Muống trong cái vẻ thẫn thờ lo lắng ấy. Và Mạ thấy nếu không bây giờ thì chỉ sau khi Muống đi khỏi, và những ngày xa vắng Muống không biết đến bao giờ mới lại gặp Muống trông đi trông lại chẳng còn người bạn nào thân thiết để thở than, vong vóng một thân một mình như thế, Mạ cũng đến khóc hết nước mắt thôi!

Mạ lay vai Muống, nghẹn ngào:

– Muống này! Hay Muống trốn ở nhà mình vài ngày rồi hãy ra Hải Phòng.

Nhìn rõ thấy những cảm tình đằm thắm của bạn, Muống bùi ngùi và cũng thấy tưng tức ở cổ họng:

– Ở lại làm sao được! Đã đi thì phải đi hẳn, nếu không, trở về thì trở về hẳn! Mình tôi dù sao cũng chẳng ngại, nhưng còn bác, thím và Mạ đây!

Mạ bật tiếng:

– Hay Muống ạ...

Người thím Mạ liền tiếp lời, giọng thong thả ngọt dịu:

– Phải đấy! Việc gì làm cũng phải nghĩ cho chín kẻo lại hối bất cập. Trở về, dầu khổ sở nhưng được chỗ nương tựa chắc chắn và sau này mình có phúc thì phải có phận chứ, biết đâu trời chả cho một mụn con thì lúc đó mình như bồ hòn có rễ, ai người ta còn dám bạc đãi, người ta có sống đời với mình và con cái mình đâu?

Muống lặng người đi rất lâu. Những lý lẽ này chính Muống đã nhiều phen viện ra để mà bấu víu lấy nó trong những phút chán nản và đau khổ, để thêm sự can đảm và nhẫn nhục mà chờ đợi sự trả công ban ơn của Trời Phật. Hơn thế nữa, trí tưởng tượng nghèo nàn của Muống cũng đã cố gắng gợi ra một hình ảnh đẹp đẽ, nhưng chỉ ít phút sau sự vuốt ve ấy, Muống lại thất vọng và đau khổ hơn. Muống càng thấy không thể nào có một chút ít hạnh phúc trong cái sự thực càng ngày càng rõ rệt tàn khốc này.

– Thưa thím – Muống vừa tấm tức khóc vừa nói – cháu cũng biết làm thân đàn bà con gái mà dở dang thế này thật chẳng hay ho gì cả! Nhưng dù cháu không muốn cũng không được, vì cháu chắc chắn rằng còn ở trong cái nhà ấy ngày nào, đời cháu chỉ còn là khổ sở, còn là cực nhục, mà cháu đã khổ sở, cực nhục nhiều rồi, cháu không còn

sức nào chịu đựng được nữa... Thím và Mạ nên xét cho cháu... và cháu chỉ còn biết trên đầu có Trời chứng quả lòng cháu mà thôi!

Gà lại gáy ran ran. Từ đầu làng đến cuối và những vùng chung quanh như có một sự quằn quại của con vật sắp vùng dậy sau một giấc ngủ tê liệt. Sương đặc thêm, giá lạnh hơn, nhưng mưa đã thưa hạt, không còn những tiếng bay vèo. Giọt tranh tí tách gõ từng nhịp trên đất mềm.

– Thôi cơm chín rồi, bắc ra mà nắm thôi!

– À... tinh mắt, cái Mạ ra bờ ao lấy mấy cái lá khoai để gói cơm.

Mạ đứng vùng dậy. Trong này, Muống thổi phủi những tàn rạ bám trên vung nồi rồi bắc nồi ra. Muống toan làm, nhưng khi Mạ trở vào, Mạ tranh lấy, vừa xới cơm vào khăn mặt vò sạch, Mạ vừa nói:

– Mày nhớ đấy chứ, thuê xe từ bến đò đến nhà cái Dé mất hai hào là cùng. Nếu lỡ nhà nó dọn đi chỗ khác thì mày tìm đến bên kia bến tàu Sô pha, chỗ những người bán gỗ mà hỏi thằng chồng nó.

Hơi cơm tám ấm ngọt tỏa lên mờ mờ, Muống nhìn xuống cánh tay Mạ đưa mềm mại lăn và miết nắm cơm:

– Thế thật sang giêng hai mày ra chơi Hải Phòng với cái Dé và tao chứ?

– Còn thật với bỡn gì! Đi chơi chứ đi tù đâu mà tao sợ?

Nắm cơm đã mịn, lá khoai gói bên ngoài nóng hẳn lên và mượt như da người. Mạ đưa cho Muống:

– Mày cầm đây để tao lên nhà lấy cho ít tôm rang.

– Không! Không! Tao ăn với muối trắng và ớt cũng được. Như thế lại càng ngon.

Chợt ý nghĩa tương tự của một câu Muống nói với Thân trong buổi đi chơi đồi Phủ Liễn, Kiến An, trở lại trong trí nhớ Mạ. Mạ ngước mắt nhìn vào mắt Muống:

– Mới dạo nào cái Dé, mày và tao chưa xa nhau, nắm cơm thế này đi chơi nhỉ.

Mắt Muống vụt sáng lên, rồi một hơi thở dài:

– Thôi! Thôi! Mày đừng nhắc đến nữa! – quay ra bên ngoài – Mưa ngớt hẳn rồi đấy! Mày mau lên, tao đi đây kẻo sáng rõ.

Mạ ở trên nhà cầm xuống cho Muống gói tôm, lật nắp thúng bỏ vào. Chợt nhớ ra một điều, Mạ ghé miệng vào tai Muống:

– Mày đưa đi chỉ có mấy cái quần áo thế này thôi à?!

– Chả thế này thì thế nào?!

– Thế những bộ cánh mày sắm sửa ngày mày về nhà thằng Hương đâu?

– Muống chép miệng và gắt:

– Đến cái gì còn chẳng cần nữa là! Tiền của hơi hướng nhà nó thì đem đi làm gì để mang tiếng?! Về sau này có sao, nó lại bảo ấy không nhờ có những cái ấy thì rã họng ra chứ mọc mũi sủi tăm sao được?!

Mạ đếm hai cái quần, đôi áo cánh, đôi yếm và chiếc áo dài nâu đổi vai trong thúng Muống xong, liền chạy lên nhà. Muống chau mày nhìn Mạ xếp vào thúng mình một quần nái mới, đôi áo cánh lụa, đôi yếm hoa dâu và chiếc áo khuy đồng hơi xám:

– Trời ơi! Khổ quá! Tao sắp chết đâu mà mày định liệm cho tao nhiều thế này?!

Mạ bấu mạnh vào cánh tay Muống:

– Mày có câm ngay cái mồm đi không?

Nói đến đây, không hiểu ở đâu nước mắt Mạ tràn ra nhiều thế. Mạ nuốt ừng ực những hơi thở dồn dập, nói tiếp:

– Của tao hay của Dé, hay của mày, đứa nào mặc cũng được! Và nếu mày cứ vẽ chuyện thì mày đừng nhìn mặt tao nữa.

Dứt lời, Mạ cởi bộ xà tích cuộn vào bọc quần áo, lèn vào thúng rồi đưa cho Muống năm tờ giấy bạc một đồng:

– Vòng khuyên vàng mày có rồi, nhưng ra ngoài tỉnh, nhất là lại nhà cái Dé, phải cho ra vẻ kẻo chồng nó khinh cho. Đây bộ xà tích tao mới mua lại được của vợ một lão lính, tao cho mày và năm đồng bạc này để mày tiêu dần. Và mày phải nhớ đừng để cho thằng chồng cái Dé nó biết mày chủ ý tìm ra cậu Giáo. Mày nén tâm chờ một ngày rồi bảo cái Dé lúc chồng nó đi làm hãy dẫn mày đến chỗ cậu ấy. Rồi gặp cậu ấy hay không, thế nào mày cũng phải nhắn lời về cho tao được yên chí.

Mạ vừa thở hổn hển vừa nói như muốn dốc hết cả ý nghĩ, nỗi niềm, tình cảm ra một lúc khỏi phải sau này hối hận. Bà thím Mạ chợt đi ra. Thoáng thấy cái dáng lọm khọm ấy tiến đến, Mạ ngừng tiếng. Gió vụt lộng rào rào. Những giọt nước đọng ở cây cối lộp độp, Mạ và Muống cùng yên lặng trong những tiếng ngực đập thình thình. Cả hai đều tê tái và thấy không phải là bạn bè mà là ruột thịt nuôi

nấng chung bởi một dòng máu thân ái, ngực Mạ càng rung lên và họng Muống càng nghẹn ứ.

Muống chào bà thím xong, vòng ra lối sau, rẻo theo bờ ruộng. Mắt Mạ ướt đầm đìa rung rung nhìn dáng đi vun vút của Muống chìm dần vào bụi sương xám nhờ. Cái chấm đen loãng vừa khuất, Mạ chạy vùng vào trong nhà ngồi thụp xuống đống rạ, bưng mặt khóc rưng rức. Cùng với những dòng nước nóng hổi tràn ra bàn tay, tưởng như có cả tim phổi ruột gan Mạ tan ra theo.

– Muống ơi! Hự... hự... Muống ơi!

... Vợ Hương cả bước phịch xuống đất; vẫn cái quần ngủ trắng rách và cái áo cánh ngắn mặc trong, áo ghi lê mặc ra ngoài. Chiếc khăn mặt vải đỏ bằng bàn tay nhúng vào thau và vò sơ sơ, đoạn mụ Hương đưa lên chấm mắt, lau hai bên má rồi lấy nước ở gáo súc miệng và kỳ răng với mẩu khăn kia. Chợt mụ ngước lên và thấy ngờ ngợ. Cánh cổng gỗ lim hé mở như bị bẩy then ra và tiếng con chó Vện cứ sáng sớm là chạy lồng khắp sân vắng bặt. Mụ khó chịu và ngạc nhiên hơn nữa là chỉ mình người bõ già lúi húi ở chuồng lợn mà không có Muống:

– Dì nó ơi! Ới dì nó ơi?

Mấy tiếng gọi hằn học của mụ Hương lọt thỏm vào cái xáo xác của buổi sáng. Mụ đã nóng rực đầu lên, vùng đứng dậy, hét lên:

– Ơi bà Hai ơi! Bà Hai ơi, làm ăn mệt nhọc lắm hay phải gió cấn răng đấy mà giờ vẫn còn nằm trương thây, trương xác thế kia?

Không thể dằn được sự cồn cào sau khi réo gọi lần thứ hai vẫn không được đáp lại này, mụ Hương chạy lồng lên buồng Muống ở đầu dãy nhà ngang. Cánh cửa bật tung ra bởi một cái đạp làm rung chuyển cả kèo cột. Gió lạnh đồng thời ùa vào, thổi tung cánh màn đã vắt gọn trên tấm giường chăn chiếu xếp gọn gàng.

Mụ Hương đứng phỗng người ra trong giây phút rồi hớt hải chạy nhìn xét khắp mọi vật trong gian nhà.

– Mẹ! Mẹ ơi! Con bé nó trốn đi rồi!

Bà cụ Hương choàng dậy:

– Sao? Sao? Con bé nó trốn đi rồi?!

– Vâng! Lần này nó trốn đi hẳn. Cổng mở từ lúc ấy, con Vện sổng ra theo chưa về, chỗ nằm của nó gọn ghẽ và mắc áo chỉ còn cái áo rách và cái áo xống cũ thôi!

Mụ Hương vừa dứt lời, bà cụ liền rít lên:

– Thôi thế là nó bôi tro trát trấu vào mặt tôi!... Thôi thế là bố con nó cướp công của tôi!... – Mắt bà cụ rơm rớm nước – Hỏi tôi ăn ở với nó tai ác gì cho cam mà nó phụ bạc tôi như thế thì còn trời đất nào chứng quả cho nó!

Không để lỡ cơ hội tỏ ra chỉ có mình tuy hiếm hoi nhưng bao giờ cũng là vợ cái con cột, chỉ có mình là người ra sức gánh vác chịu đựng mọi nỗi trong gia đình, mà chồng dù có lấy thêm đến ai ai nữa cũng chỉ là rước voi để giầy mồ, mụ Hương liền tru tréo lên vừa kể lể ầm ỹ. Bà cụ Hương vội vàng xua tay và năn nỉ:

– Thôi! Thôi! Dù sao cũng cứ xem xem sự thể ra sao rồi hãy hay. Môi hở răng lạnh, mày đừng làm thế làng nước người ta không biết, người ta chê cười cho.

Mụ Hương ngẩng mặt lên, quấn lại vành tóc rồi chùi nước mắt. Bà cụ kéo tay mụ ta dậy:

– Hừ! Tao tưởng lần trước mày bắt được nó thu xếp quần áo vào cái thúng thanh con là nó chỉ uất ức vì sự xô sát với mày mà định về với con dì nó... Ngờ đâu!

Bà cụ chau mày yên lặng giây phút:

– Hay để chốc nữa sáng rõ, mày sang dì nó hỏi xem, chứ chắc đâu nó dám bỏ nhà này đi hẳn. Nhưng này tao bảo nhà Cả, mày vào hòm xem nó có để lại cái gì không và mở tủ xem tiền nong quần áo có mất mát gì và cả đồ đồng trong buồng nữa. Có gì thì mình phải cho ngay người đi mấy ngả mà bắt nó chứ. Gớm! Quân này đã đi người không là phúc mình đấy?!

Mụ Hương đi xuống. Căn buồng đã hẹp và tối vì không có lấy một cửa sổ, lại còn chồng chất bao nhiêu đồ đạc vụn vặt, nên nền đất quanh năm ẩm ướt và nồng mùi mốc. Mụ Hương đẩy quật hẳn cánh cửa về một bên cho sáng và lẩm bẩm:

– Cha mẹ con voi giày: nhà cửa thế này, một mình nó một buồng mà còn kêu ở chui rúc đấy!

Mở nắp cái hòm gỗ quét qua vài nước vang lên, thấy cặp áo the và cái xống nái của Muống may ngày mới cưới bằng tiền của mụ đưa còn nguyên, Mụ Hương mừng rơn, luống cuống cầm lên và giở ra vuốt ve. Không muốn hiểu về thái độ kiêu ngạo này của Muống, mụ bèn tự nhủ:

– Gớm! Chẳng khí khái gì cái quân này cả! Chúng nó chỉ sợ ăn không ăn hỏng của người ta thì người ta khấn khứa, nguyền rủa cho đấy thôi.

Mụ Hương khám xét đến rổ bát đĩa thường dùng và ít đồ đồng không đáng giá giao cho Muống coi sóc, rồi lên nhà trên kiểm soát các đồ vật quí và nhất là tiền nong cất trong tủ. Thì độc bình, bát đĩa cổ, áo the, dây lưng nhiễu và tiền vẫn y nguyên. Đã mệt nhoài vì lục lọi, khóa tủ xong, mụ ngồi phịch xuống bục cửa, thở đánh phào một cái để trút đi tất cả sự lo ngại trong tâm trí.

Bà cụ Hương đã lọm khọm ra ngoài:

– Có mất mát gì không nhà Cả?

Mụ Hương nhăn mặt lắc đầu:

– Không mạ ạ! Nhà ta chắc có bà cô linh thiêng nên đêm hôm làm hồn vía cô ả bay đi cả, cô ả thấy động đành tháo lấy thân với vài cái áo quần thôi.

Bị đánh thức bởi những tiếng động bất thường, Hương Hoạch trở mình càu nhàu:

– Làm cái đếch gì khua ầm nhà cửa lên thế?! Ông mà dậy thì chết cả lũ bây giờ!

Bà cụ Hương vội bảo mụ con dâu:

– Nhờ nhà Cả, chồng mày nó dậy rồi, mày bảo nó xem nó bảo ra sao.

Chỉ nghe vợ kể vài câu để rõ sự xảy ra, Hương Hoạch tung chăn và gắt tướng lên:

– Ối dào! Có thế mà cũng làm nhộn cả nhà lên. Nó đi thì đi thôi, chẳng tìm tòi gì hết!

Nghe thấy thế, bà cụ Hương rít lên:

– Ối trời ơi! Nói thế mà nghe được đấy! Anh tưởng tiền của tôi như vỏ ron đấy hả? Còn dành dụm được ít nữa đấy, rước thêm mấy nàng hầu về đi...

– Cứ kêu hiếm hoi! – Mụ Hương nói như hét – Đấy! Sao không đẻ đi.

Bà cụ Hương quát to hơn:

– Lại còn bênh! Lại còn bênh mẹ trẻ!

Chuồng lợn đã inh ỏi tiếng eng éc. Gà vịt quang quác làm rầm rĩ thêm. Mụ Hương trỏ tay rền rĩ bảo chồng:

– Đấy! Lấy người về để đỡ công việc cho thì người như thế đấy! Thôi!... chỉ lại khổ thân con gái sề này thôi...

Hương Hoạch vùng người lên lần nữa, đập thình tay xuống giường và quay đi quay lại để tìm một vật gì. Hắn gầm sùi cả bọt mép:

– Trời ơi! Hết mẹ đến con, tam tứ phen nói với tôi chứ nào có bắt ép đâu mà giờ lại nghiến rứt tôi?! Và con quỉ cái kia, mày không câm ngay cái mồm đi thì ông ném cái điếu này ngay vào mặt bây giờ.

Dứt lời Hương Hoạch giơ tay lên chới với tìm kiếm lần nữa. Mụ vợ vội chạy ra thềm, trong này Hương Hoạch rít lên mấy tiếng rồi nằm vật xuống giường, thở hồng hộc.

*
*   *

... Sương đã tan hẳn. Mặt trời vàng rực giọi những thác ánh nắng xuống dưới này. Gió vẫn thổi lồng lộng, đánh tung những tà áo, nhưng cái lạnh vơi đi nhiều. Muống dừng lại một quán nước, ăn không hết nắm cơm và cho lại một người đàn bà bắt cua vào hàng hút nhờ điếu thuốc. Súc miệng qua loa, Muống chào bà hàng và lại dồn bước. Chợt Muống ngước mắt nhìn những ánh vàng ngời nhảy múa trên một ngọn tre, nàng tự nhủ:

– Giờ chắc cả nhà đang nhộn lên vì mình đây!

Muống lắc đầu, cố không nghĩ ngợi gì đến những người kia. Rặng tre bên đường vừa dày, vừa chạy dài, hứng mênh mông ánh nắng và lọc chan hòa xuống mặt đất nâu mịn. Thỉnh thoảng nổi vút lên mấy ngọn cau lá xanh biếc thoáng tỏa hương thơm man mác, và thấp thoáng trong cái trại rộng lớn này, những cam quít đỏ chín chi chít trông vui như nghìn vạn trẻ con bụ sữa cười nô. Giữa cảnh vật đầy tươi sáng này, Muống càng thấy lòng phơi phới, bước chân lướt như bay. Sau, vừa rẽ ra đường cái, gặp một bọn đàn bà quang gánh đi chợ chuyện trò ríu rít, Muống liền nhập bọn. Phút chốc, bến đò An Dương đã hiện ra ba nóc nhà tây cao ngất và hai dãy nhà đi vụt vào mắt Muống. Những tiếng ồn ào tràn tới, từ dòng sông tấp nập những thuyền nan, đò ngang, từ những cửa hiệu, những hàng quán mua bán sầm uất, và dải đường xe tay xếp hàng dằng dặc, người đi lại từng lũ, cười nói ầm ỹ, quang gánh dềnh dàng. Muống vừa kịp chuyến phà.

Vừa bước chân xuống cái sàn gỗ bồng bềnh, Muống thấy choáng váng, phải ngồi vội lên mạn phà. Đùi Muống khép lại, tay khư khư giữ lấy cái thúng con. Thêm một bọn đàn bà trẻ con ríu rít xuống nữa. Họ chen lấn chỗ đứng làm túi bụi cả mắt hành khách và hai người chở đò phải đứng lên chỉ bảo. Yên chỗ rồi, hai cặp bơi chèo dẻo dang nhịp nhàng đưa phà lướt trên dòng nước nâu đục lờ. Muống thẫn thờ nhìn xuống dòng sông, lòng nao nao thêm.

Chợt Muống giật mình, ngước mặt lên. Mấy tiếng đàn khô và sắc nổi lên rồi một giọng rè rè gắng gượng hát cho có nhạc điệu. Không! Muống không thể nào lầm được, chính người xẩm mù Muống gặp năm xưa đương gảy đàn và cất giọng hát. Y ngồi nép vào một góc mạn phà khuất sau mấy quang gánh, trước mắt vẫn chiếc chậu sắt long sơn và dưới gối vẫn cây đàn bầu đen xám.

– Phưng... phưng... phừng... phừng... phưng...

Tiếp theo tiếng đàn, người xẩm vươn cái cổ lộ rõ yết hầu ra:

Đang tay ai ơi! Mà gạt đôi dòng tuôn rơi.
Đau lòng thiếp lắm, bên chàng ơi!

Mắt Muống chớp chớp. Muống nhìn xuống chân và di di ngón cái lên một mảnh lá chuối vương ra.

Phưng... phưng... phừng... phứng... phưng... phưng...

Cái giọng rền rĩ như hò đám ma lại cất lên sau tiếng đàn:

Sách có chữ xuân sinh bất tài,
Anh thương em phận gái giờ giang,
Giữa đường đứt gánh, ai ơi, đứt quang,

Bất giác Muống kéo vạt áo lên, tìm đồng xu ban nãy bà hàng nước trả lại, buông đánh keng xuống chậu thau. Hai mi mắt nhắm nghiền và tối thẫm kia liền giần giật trong khi cái bàn tay gầy xác sờ soạng vào lòng chậu. Một cảm giác chói buốt nhanh chóng vô cùng ran ra trong lòng Muống. Khóe mắt Muống thấy tưng tức, Muống phải mím môi lại. Hình ảnh Thân, Mạ và Dé, và cả Muống nữa hiện ra, lung linh trước mắt Muống. Bên tai Muống vang vang thêm những tiếng cười rộn ràng của Dé, mắt lấp lánh luôn luôn đưa nhìn Muống và Thân.

Ngừng lại một giây, người xẩm bỏ tiền vào túi xong thì hít một hơi dài rồi lại vươn cổ lên:

Gãy gánh ai ơi! Mà đứt quang.
Ba năm hương lửa thờ chàng, chàng ơi!
Chàng đi an phận chàng rồi,
Gọi là mấy chén đầy vơi khóc chàng...

Sao lại thế? Sao lại bước chân ra đi và xuống đò, Muống lại gặp người xẩm hát những câu tối tăm như thế? Muống chợt nhớ tới những người bói Kiều và bói tuồng đầu năm để liệu trước, những họa phúc sắp tới, và có cảm tưởng ghê rợn chính nàng đã đi bói một quẻ gián tiếp mà quỷ thần lên tiếng ở miệng người xẩm mù kia. Mấy câu nói của Mạ trở lại trong trí nhớ Muống:

– Mày đừng lo không gặp cậu ấy. Cậu ấy nếu có đổi đi đâu thì cũng bảo cái Dé mà. Và chính cái Dé dạo tháng năm về quê nó bảo tao rằng cậu ấy nói với nó cậu ấy không muốn đi dạy chỗ nào xa nữa.

Từ ngày Dé về thăm Mạ đến giờ đã năm tháng rồi. Năm tháng! Tuy không bao lâu, nhưng những sự ghê gớm xảy ra có cần phải một khoảng thời gian dài như thế hay hơn thế đâu? Chỉ một ngày, một giờ hay một giây thôi, đời người ta thừa đủ tan nát, chìm đắm mãi trong sự khổ sở mịt mùng. Ngoài Hải Phòng, chỗ ở của Dé và Thân, kẻ đầu tỉnh người cuối tỉnh, và hai người gặp nhau từng chặng biền biệt như thế thì chắc gì!

Tâm hồn Muống đã lạnh dợi, Muống rùng mình tự nhủ:

– Điềm dở thế này, hay Thân đã thế nào rồi chăng?

Ngay đó, cái giọng rền rĩ của người xẩm mù lại cất lên, nhưng đầu óc Muống đã hoang mang, nàng chẳng còn nghe thấy gì ngoài những tiếng ù ù vang dội trong tai!... Sình...! Cái phà đổ mạnh vào bờ, người Muống nhao đi. Cầm vội cái thúng rơi buột xuống sàn, Muống lảo đảo đứng lên giữa những người xô đẩy nhau, chen lấn nhau để lên bờ trước. Sự huyên náo làm Muống thêm choáng váng, phút giây mắt nàng tối sầm lại và cảnh vật đảo lộn, tan tành.

Quán Nải, tiểu thuyết,
Nhà xuất bản Tân dân, Hà Nội, 1943.

MỘT TRƯA NẮNG

Bắc Bẩu, ngày 23-10-40

Minh,

Buổi trưa ấy vào đầu tháng tư. Tôi đi theo đằng sau xe, ở mé ngoài. Cùng đi với tôi, người đàn bà ở mé trong. Không có nón, người này phải lấy vạt áo che nắng. Không! Nói cho đúng thì dưới những thác lửa ngùn ngụt và chói lòa của mặt trời, với mảnh áo chỉ nhỉnh hơn bàn tay, y chỉ che được có tí gáy và đỉnh đầu.

Áo y bằng vải nâu đã bị sự dầu dãi cào mỏng dính và bạc thành như vải màn. Nhưng chưa chắc mấy năm nữa nó mới rời khỏi thân thể người đàn bà xốc vác nọ. Nó mới chỉ vá ở vai, ở khuỷu tay và ở lưng thôi, nghĩa là chưa phải thay cái phần dễ bục nát ấy bằng cái áo cũ khác để trở nên chiếc áo đổi vai. Dưới cái vạt áo hãy còn lấm tấm vết những giọt bùn, mặt người đàn bà càng nhẫy, càng đẫm mồ hôi, và vẻ yên lặng càng rắn lại. Phải! Vẻ yên lặng của khổ mặt nâu rám, má gồ, miệng hô và răng hạt bí ấy càng hệt như đúc bằng thép và hệt như một biển lửa mênh mông.

Đi với tôi, lúc nào cũng như lúc nào, bước chân y cũng nhanh đều. Đó là bước chân ngắn thôi, của người đàn bà Việt Nam chúng ta và nó liền liền như dính vào nhau và quấn quít dưới mặt đất, nhưng có thể hết năm ấy sang năm khác băng băng trên những quãng đường mà người ta dám thách tất cả những trang lực sĩ cừ khôi có thể đi được như y.

Trưa nay, y đi chợ này. Tinh sương, gà gáy, ngày mai, y đã đi chợ khác. Đến chiều, y lại về nhà rồi. Cũng hôm qua, hôm kia, tháng trước, năm trước, từ thuở y còn con gái tới giờ mà sự sồ sề đã thấy khắp người y. Đi như thế đâu phải trên tay y chỉ một sức đè nén của thời tiết mà còn bao nhiêu nặng nề của gánh ngô, đỗ, thóc, gạo, dây khoai, bèo lợn, trấu rạ, gốc tre, và bao nhiêu lo toan về sự nuôi nấng chồng con, về sự đóng góp cho họ hàng, làng mạc. Và đi như thế đâu phải y muốn đày đọa thân mình hay không hiểu biết gì. Trên đường, những ô tô bóng loáng, rộng thênh thang, phóng qua mặt y, thường làm y bâng khuâng náo nức vì những sự tiện lợi sung sướng của cuộc đời.

Những người đàn bà đi chợ vã, một trong họ đã đi giữa trưa ấy với tôi. Tôi cũng không quên cùng chuyến xe bò ấy còn có ba người nữa. Ông cụ già kéo xe, người đàn ông đội mũ sơn đen đi sau cả người đàn bà và tôi, và đứa bé cõng trên lưng bác!

Đằng trước chúng tôi, chỉ trừ khi xe dừng lại nghỉ thì mới biết có ông già. Cả người ông bị cái xe chồng chất đồ hàng hóa che khuất hẳn. Cúi rạp xuống càng xe, ông như một vật không còn là tên người. Hự... hự... hự..., tôi chỉ thấy những tiếng thở tức tối này. Rồi thỉnh thoảng cái giọng khàn khàn của ông mới cất:

– Dốc! Dốc đấy!

Ông nói để báo hiệu cho chúng tôi cái quãng đường sắp làm chùn cả bánh xe và chân ông. Không để ông phải gọi đến tiếng thứ ba, người đàn bà cùng tôi liền nhoai thêm ra đẩy cho ông và cũng thở như ông. Trong khi ấy, người đàn ông đội cái mũ sơn và cõng con càng thất thểu như không còn đủ sức bước. Bác lẽo đẽo sau chúng tôi hàng nửa chặng cột dây thép và nhiều lúc bác còn tụt xa nữa. Qua những lớp nắng chang chang và cát bụi nghi ngút, cái bóng bác lom khom cũng lầm lì như bóng ông già.

*

* *

Bọn chúng tôi đã họp nhau lại rất nhanh chóng. Ông già có xe không về tỉnh. Người đàn bà tuy cất nhiều hàng, song toàn những chổi, quạt nan, dưa gang, khoai, cà, là những thứ chẳng lãi bao nhiêu để bác thuê riêng hẳn chuyến xe ngựa. Còn người đàn ông, bác làm thợ rèn nghỉ việc đã hai tháng, giờ dọn đồ đạc và đưa con ra tỉnh cho người vợ ở vú ngoài ấy để đi kiếm chỗ làm. Và tôi, tôi cũng phải đi gấp để kịp giờ tàu chiều, và cũng không có tiền thuê hẳn một xe tay để ngồi thoải mái với cái hòm chỉ có sách cũ.

Một đồng rưỡi... một đồng bảy... hai đồng... hai đồng mốt... hai đồng hai... đến hai đồng ba năm xu, ông già mới nhận chở. Tôi đã ngạc nhiên vì cái giá hạ này. Kể ra, riêng chỗ hàng của người đàn bà trả đến ba đồng thuê xe ngựa cũng không được. Thế mà lại còn bao nhiêu đồ của người đàn ông và của tôi nữa!

Chúng tôi khởi hành vào khoảng một giờ. Lúc đó người mua bán đương mải miết ồn ào trong cái chợ phủ họp ở hai bên con đường

gạch xây và ở những quán ngói, quán lá san sát. Lúc đó cái nắng cũng đương tột độ gay gắt. Trên cao, mặt trời không còn để một ai nhìn lên, cái vầng lửa đỏ rực của nó cứ đổ xuống mắt người ta cơ man những bó kim sáng chói. Không những thế, nếu người ta ngước mắt lên còn phải chịu một sức cản trở ghê gớm nữa là không trung. Không trung bao la. Không trung chót vót. Nắng nén lại thành những tảng vàng dày, nặng, không cái gì đủ để đo lường, bốc khói cuồn cuộn, chỉ chờ người ta chớp mắt một cái là sập xuống. Cảm giác nào của người ta cũng bị tan đi trong một cái choáng váng ở giữa vực thẳm và lò điện đương nấu thép.

Từ nhà trọ bước ra xe, tôi đã rùng cả tâm trí, toan thôi. Nhìn chung quanh và đâu đâu, tôi cũng chỉ thấy nắng. Mọi nhà cửa, vườn tược, lũy tre, cánh đồng, gần xa, đều mờ mờ toát hơi. Gió vắng bặt mà hễ nổi lại tung cát bụi lầm. Cái nóng dội lửa vào mặt người ta, xộc vào tận đỉnh óc người ta làm cồn cào, gây người thêm.

– Dốc!

– Đẩy! Mạnh!

– Ô tô kìa!

– Nghỉ! Uống nước!

Suốt quãng đường, trừ mấy tiếng trên đây, còn chúng tôi ít khi nói với nhau. Vừa phần mệt nhọc, vừa phần bị thôi miên bởi sự đi tới đích sao cho mau chóng, nên chúng tôi không bảo nhau mà kìm gần hết lời nói lại để chuyển tận lực ra đẩy xe.

Vả lại, về phần ba người kia, còn bao nhiêu ý nghĩ trong đầu họ khiến tâm trí họ tơi bời. Một thân già hốc hác trườn mình trên càng xe. Một cảnh buôn bán lặn lội đầu sông ngọn nguồn, chồng con mong ngóng ở nhà. Một nách đàn ông đìu dịu con dại đương không biết làm đâu để mà sống và đứa con kia sẽ ra sao đây. Ba con người này vừa đi vừa nghe những tiếng nhủ thầm của những giọt mồ hôi vã đầm cả trong lòng mình.

Cả trong những khi dừng nghỉ, chúng tôi cũng chỉ chuyện với nhau được vài câu rồi ai nấy vẫn phờ phạc, ngây ngất nhìn cái khoảng không ở trước mặt mình. Trong những hàng nước rộng nhất, chúng tôi cũng ngồi xa nhau. Kẻ đánh bệt đít cạnh một chân cột. Kẻ núp mãi vào lùm dâm bụt hay dậu mùng tơi. Kẻ nằm lăn ra đất và chỉ ngủ thiếp đi trên cái mát hôi của nền đất. Và chúng tôi quạt. Quạt bằng nón, bằng

mũ, bằng mo cau. Quạt hết tay này sang tay khác. Tiếng quạt tới tấp nghe rõ mồn một với tiếng thở dồn dập không phải chỉ của chúng tôi mà của cả những kẻ đã vào uống nước, nghỉ lâu rồi.

Trong cái yên lặng phảng phất vẻ hoang vu và phấp phỏng một sự hồi hộp của những năm dịch tễ đã qua, còn nhiều tiếng triền miên nữa. Tiếng hổn hển của những con chó áp bụng dưới gầm giường; tiếng chim gáy cú cu rền rĩ qua những bụi tre; tiếng cối xay nghiền thóc ken két... Lắng nghe những tiếng này tan dần xa xôi thêm, thấy nổi mấy thứ tiếng sôi của nắng và của những màu sắc gai góc mà cảnh vật đương bị âm ỉ hun đốt.

Đàn ông, đàn bà, trong nhà, ngoài đường, đều nằm, ngồi khác hẳn. Một vẻ rã rượi ê chề đóng đinh lấy người ta. Mặt người ta gân guốc, rạn nứt, và nhễ nhại những dòng mồ hôi đỏ nhờ. Cả cảnh vật nữa. Lác đác xa những mảnh ruộng màu như rỉ máu với những luống đất mới vỡ lại và những giọt nước cố khơi vào. Ven bờ, những ngọn cỏ may cháy sém, xác xơ hơn những tóc trụi trên đầu người sốt rét kiệt lực. Khắp vùng, cánh đồng bát ngát, lúa gần trĩu vàng nhờn, không có lấy một bóng chim, một tiếng người. Tháng tư rồi! Đất âm âm những rên siết mong chờ gặt hái, mưa và sự cày bừa, tưới bón mới.

Nghỉ được năm phút, chúng tôi lại giục nhau đứng lên, lảo đảo bước ra khỏi cái bóng râm của mái rạ và những cây cối.

Đầu tôi nặng trĩu thêm. Đưa bước chân đi, tôi càng cồn cào. Và ngước mắt trông thấy đường cứ xa hút, nắng chang chang, bụi rưng rựa, tôi lại toan gợi chuyện với người đàn ông đi sau. Tôi muốn tỏ riêng sự chú ý đến bác để bác có một chút vui mà bước nhanh hơn, bước đều lên, kịp với chúng tôi. Nhưng, mấy lần môi tôi đã mấp máy và tôi đã quay lại nhìn bác mà phải thôi. Bác cứ để sùm sụp cái mũ sơn đen trên đầu, mặt cúi xuống, nét mặt vừa nhăn, vừa phờ phạc, đầy chán nản và khổ sở.

Cao, thấp, rẽ ra, tụt vào, những bước uể oải của bác kéo lê đi. Còn đứa bác cõng đã ngoặt đầu về bên vai cha, mắt nhắm lại. Nó đã ngủ mà miệng vẫn há, rãi nhoen ra mép tong tong. Nó ngủ mà kệ cả những cái bước hẫng của người cha làm nó giật nảy mình, cả những tia nắng chói xuống mặt. Bên những tiếng thở phì phào của người cha, tiếng thở của nó cũng rõ ràng không kém. Khò khè, rè rè, thỉnh thoảng tắc, rồi sù sụ, và lại như trước, đứa bé vẫn ho, vẫn cò cử, vẫn quằn quoại trong sự nghiến rứt của bệnh tật.

Một lần nữa, đoạn tôi thôi nhìn hẳn cái mặt bủng, híp, nhầy nhụa của đứa bé mà tôi không thể rõ là trai hay gái, đương ốm bệnh gì và đã ốm bao lâu. Tôi thôi nhìn cả người cha nữa – người cha đội mũ sơn đen, quần áo cũng bằng vải đen, một cục than bỏ rơi trong cái biển nắng lúc bấy giờ. Tôi lại quay mặt vào cái xe chuyển ì ạch, chịu một sự tê tái hoang mang đè xuống tâm trí với những tầng nắng vàng rực dưới một không trung xanh lòa và ngùn ngụt khói...

*

* *

Minh, tôi sẽ viết dài buổi nắng ấy cho Minh đây. Những ông già kéo xe, người đàn bà che vạt áo, người đàn ông thất thểu và đứa bé lả đi trên đôi vai kia! Tôi sẽ đưa người thế nào lên mặt giấy? Tôi sẽ viết như thế nào để thoát khỏi ám ảnh dứt không được, dập không tắt trong tưởng tượng tôi.

Người nào chỉ bắt tôi vẽ lại hình ảnh người như người đã đi với tôi giữa trưa nắng ấy?

Người còn đòi tôi cả một tâm hồn u uẩn của người, cả những rung động tiềm tàng của người.

Người còn đòi tôi cả những đau, buồn, thương, xót, mừng, vui, khao khát, ước mong, và tin tưởng của người. Sự sống của người giữa những tuyệt vọng tối tăm, giữa những sự gây dựng, những sự tiến tới rực rỡ của cuộc đời bừa bãi hỗn độn này.

Người còn đòi tôi – ôi run sợ! – một cái gì không phải vì riêng tôi, nhưng nếu lòng tôi, trí tôi không tha thiết, không tận cùng yêu dấu và tin tưởng thì tôi sẽ đau khổ gấp bao nhiêu sự đau khổ của người.

Vì đó là trọn cả một sự cằn cỗi. Một sáng tác chết. Một sự nói dối quái gở, thái ác.

Phải không Minh, người bạn còn đọc nhiều tôi?

Ông già, một người cha nào của chúng ta kia! Người đàn bà, một người vợ nào của chúng ta kia! Người đàn ông và đứa con, ta và đứa con nào của chúng ta kia! Những hiện thân của Minh, của tôi, của hầu hết chúng ta, hay không sẽ là cuộc đời mai kia của chúng ta thôi. Chúng ta phải nói gì về người, làm gì với người, để tìm thấy một con đường, một chân trời êm mát, tốt tươi qua những ngày mưa dầu nắng lửa?

NGUYỄN XUÂN

1940

In trong tập *Miếng bánh,*
Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1945.

LƯỠI DAO

(Truyện ngắn)

– Ối trời đất ơi!... Anh đánh chết tôi đi... Anh cứ việc đánh chết tôi đi. Ối thiên địa trời đất ơi!

Mặc mụ vợ kêu, lão Đen không thèm đáp lại một tiếng. Lão cứ nghiến răng, và hự! Hự! Hự! Lão cứ dáng liên tiếp dùi đục ấy xuống lưng vợ. Cả cái thân thể cao lớn và chắc nịch của vợ hắn chồm lên, oằn lại vùng vẫy. Những cái nắm tóc dài ghì trong tay lão Đen càng xoắn thêm.

Mặt lão tím bầm, làn da nâu sạm biến thành một thứ vỏ sú, vỏ vẹt đã ngấm nước. Mắt hắn sáng quắc tưởng xì ra lửa. Hai mép hắn ngoác ra. Cái vết dao chém bập vào gò má trước kia dúm lại. Hai bọng thịt ở gò má nổi lên như mang rắn đang phun nọc. Bị đè dưới hắn, mặt dần xuống đất, mắt mụ vợ vẫn cố ngước lên lấp lánh. Và càng vùng vẫy, những gợn sáng trong mắt mụ vợ càng loang loáng chiếu vào cặp mắt điên cuồng của lão Đen.

– Hự! Hự! Hự!

– Ối trời đất ơi! Ối thiên địa ơi! Tôi chết mất.

Tiếng kêu hổn hển của mụ vợ đã khản đặc và ngoắc ngoải. Nhưng vẫn không một ai vào can. Mà bên cạnh có người ở, sau lưng có người ở, chung quanh có người ở, chung quanh vợ chồng lão Đen lúc nhúc những hàng xóm đấy. Đã xế trưa, hầu hết người ta đi làm, nhưng vẫn còn đầy tiếng chẻ củi chan chát, tiếng ru con ời ơi, tiếng giã gạo thình thịch, và gần đó có một giọng nghêu ngao từ trưa đến giờ kể chuyện Trê cóc.

– A! Thằng này, có phải mày chim vợ ông không?

– A! Cái con này, chính mày xui bẩy vợ ông theo trai đấy!

– A! Thằng nhãi ranh này, chúng mày vào nhà ông ăn cắp hả?

Lão Đen hét lên, kêu rít lên, cầm bất cứ trong tay hoặc củi tạ, búa đinh, dùi đục, chân bàn hay cái gì đấy, hắn choang liền bất cứ vào chỗ nào cái người dại dột vào can vợ chồng hắn. Nhưng ở xóm này đã có

hơn mười năm, đàn ông, đàn bà, già trẻ, lớn bé chẳng ai lại dại như thế cả, để khi không lại bị là nhân tình của vợ hắn, làm ma cô cho vợ hắn, ăn cắp của nhà hắn, và giơ đầu chịu búa, dùi đục, củi tạ, chân bàn.

Tuy vậy, bị đánh như thế, hay gấp mười như thế nữa, vợ lão Đen cũng chẳng coi mùi gì. Cứ trông mụ đã bị hắn ngồi lên kia mà vẫn to gấp rưỡi hắn, và xem ngày thường ở ngoài Sáu Kho, mụ quai lên vai băng băng cả tạ gạo, vật nhau với cả những người đàn ông lực lưỡng, thích cùi tay vào mạng mỡ người ta, đâm xỉa vào lá mía và cứ nhè vào chỗ hiểm mà gối, mà giờ mụ lại chịu bẹp như thế? Đâu phải vì đẻ với lão Đen bảy tám bận nên mụ mới suy nhược khí lực? Mụ vẫn đội từng sọt khoai, gánh từng bốn thúng ngô đầy ăm ắp đấy. Trái lại, lão Đen mặt càng sắt thêm, tay chân không còn thể đánh thình thịch vào những cây sắt như trước, tuy năm nay lão mới ngoài ba mươi tuổi chứ không già cả gì, như người ta tưởng trước cái tiếng "lão" kèm theo tên Đen kia.

Còn mụ vợ không như những người đàn bà khác trong xóm, mụ tay làm hàm nhai sạch. Sự may mặc, sắm sửa cho mụ và các con mụ, đều do cả đồng tiền kiếm được bằng mồ hôi trán của mụ từ lúc mụ mới lấy lão Đen cho tới nay. Hết Bến Tàu, Xi Măng, Cốt Phát lại Sáu Kho, Máy Tơ, v.v... trừ những khi sinh nở nghỉ dăm bữa nửa tháng, còn quanh năm suốt tháng đều có mặt mụ ở những nơi đó. Đun goòng, cầm bò, khuân vác, mưa nắng, rét chết cò, mụ chẳng từ một buổi nào, hay một việc gì, tuy nhiều người đàn ông đã chùn lại.

Mụ lấy lão Đen bị trói buộc lại với hắn, chẳng cheo cưới gì. Anh làm phu, chị làm phu. Anh không cha mẹ, chị cũng trên không chằng, dưới không rễ. Anh chị chung đụng với nhau hằng ngày, chuyện trò thân mật với nhau, vui buồn với nhau dưới một trời than bụi và dầu hơi máy. Một hôm kia, họ hẹn tìm nhau dưới một đêm tối. Sau đó thì họ trở nên vợ chồng. Đã nhiều lần, tay bế một đứa, tay dắt một đứa và còn cắp thêm một thúng quần áo con, mụ vợ quyết lìa hẳn anh chồng, mụ ra Cẩm Phả, mụ vào Vàng Danh, Uông Bí, thuê hẳn nhà, mua lại hẳn giường. Nhưng chỉ được mươi hôm, những buổi sớm tinh sương, những buổi chiều mờ tối, những bước chân dồn dập của những người đi làm ăn buôn bán trở lại nhà giữa những tiếng eo sèo của cảnh cơ cực, lại làm mụ Đen khóc. Mụ khóc rưng rức. Thế là người ta lại thấy vợ lão Đen về với hắn, và lại bị đánh những trận thừa sống thiếu chết.

– Ông đã bảo mày, ông đã bảo đứt lưỡi mà mày vẫn không nghe ông. Mày là vợ ông mà mày không nghe ông thì mày chết.

Đánh vợ chán tay rồi, lão Đen ngồi vừa thở vừa nói. Mụ vợ nằm co quắp ở một xó đất, rên rỉ. Mụ ta chờ lão Đen nguôi đi một lúc nữa rồi mới nói. Để khi đó không có sự phá tán đồ đạc hay một mồi lửa điên cuồng đốt tất cả những quần áo đi.

– Việc gì mày phải lo cho ông! Việc gì mày phải bắt ông chắt bóp. Còn sống ngày nào, còn lê được ra cái đất Sáu Kho, còn cầm nổi cái ngoéo sắt, còn đi được một tấm hàng thì ông chẳng sợ gì hết. Con lớn, con bé ông kia lớn lên thì lại Sáu Kho, lại Xi Măng. Chúng nó thân lập thân. Bây giờ cốt sao ông nuôi chúng nó ngày hai bữa, không để chúng nó phải ăn mày ăn nhặt là được rồi.

– Thôi tôi xin anh, anh không lo, nhưng tôi lo. Tôi vun thu, hàn gắn, tôi thắt lưng buộc bụng, hàn gắn để có đồng buôn, đồng bán sau này tôi sắm sửa trong nhà thức nọ thức kia, anh đã không giúp tôi thì chớ sao lại cản phá tôi? Anh chắc được mạnh chân khỏe tay mãi à? Anh chắc con lớn con bé anh không bao giờ ốm đau, sài đẹn đấy hẳn? Anh cứ tưởng làm ăn được dễ dãi mãi hay sao? Ngay bây giờ đấy, công nợ đang réo rắt kia kìa. Anh có ở nhà đâu mà biết? Và anh biết thì anh có lo cho tôi đâu, hay chỉ chửi bới đánh đập thêm thôi.

– Khổ quá, câm đi, câm đi, không cái điếu này lại vào mặt ngay bây giờ. Công nợ bao nhiêu ông cũng trả được hết. Vay của họ, mua chịu bán đựng của họ thì phải chịu thêm lãi cho họ chứ chẳng chịu không. Và ông còn sống đây chứ ông đã chết đâu mà mày sợ?

– Phải, ông còn sống đấy, nhưng khổ lắm, sống để mà cùn đời rài rạc công nợ à, cứ để nheo nhóc mãi à?

Ngoài sân, nắng đang reo, ánh vàng chói lòa tràn ngập. Dưới đất, mụ vợ vẫn co quắp, tóc rối bù, lòa xòa. Nhưng tiếng rên nức nở hổn hển, làm oi nồng thêm không khí dưới cái mái lá quanh năm lởn vởn thứ bóng đen loãng, lúc tối mờ, lúc tối đậm. Rít xong một hơi thuốc lào, lão Đen bước vùng xuống đất. Hắn chạy đến góc nhà kiễng chân tìm bọc tiền. Tiếng lá sột soạt. Lão Đen gầm khè:

– Đâu? Mày giấu gói tiền của ông đâu?

– Ở đấy chứ ở đâu.

Soạt. Lão Đen rút xuống một cuộn vải. Hắn rút phừn phựt sợi dây chằng rồi kéo tập giấy bạc ra đếm.

– Sao lại thế này? Sao lại mất đi sáu đồng thế này?

– Mất đi, mất vào cái thạp gạo kia kìa, vào cái siêu thuốc của mấy nhãi con kia kìa, chứ tôi chẳng đem cho (... mụ rùng cả tâm trí vì một ý nghĩ ghê rợn vội nói), chẳng còn cha mẹ anh em nào mà cho cả.

Tu ừng ực nước trong bình tích, lão Đen lấy cánh tay quệt ngang miệng xong, khoác cái áo vải tây vàng lên vai, rồi khom người qua cửa ra đi. Trong này bóng mờ chợt rung lên. Mụ Đen vùng dậy, hất tung mái tóc xõa ra sau lưng. Không phải mụ đuổi theo chồng. Mụ gieo người đánh thịch xuống cái giường ở sát cửa. Mụ vật vã chân tay một lúc rồi nức nở:

– Hự hự!!! Trời đất ơi! Hự hự! Cha mẹ ơi! Sao thân con lại khổ sở thế này. Chồng với con không có tiền cũng dằn vặt, mà có tiền cũng khốn cực! Hơn chục bạc phát tài đấy, vợ con giữ thì không cho, mà cứ đem đi cờ bạc phung phí kia kìa.

Mụ Đen gào lên giãy đành đạch:

– Thế này thì tôi phải chết mất. Tôi chết mất, trời ơi!

*

* *

Thằng Bùng nhớn nhác nhìn quanh. Vừa bước chân vào nhà, nó thấy có một cái gì lạnh vắng khác đi. Nhưng Bùng vừa đưa mắt tới người nằm co quắp trên giường, thì cảm giác kia lại tan ngay đi. Nó vứt sách vở xuống bàn, chạy lại gọi:

– Bu ơi, bu ơi, bu thổi cơm chưa?

Mấy tiếng ú ớ đáp lại Bùng. Sau đó một cặp mắt đỏ lừ mở ra nhìn Bùng với những nét nhăn nhó:

– Thằng Bùng đã về đấy à! Hôm nay bu đau quá, không thổi cơm được, nhưng nhà còn nhiều cơm nguội đấy, mày gọi cái Tý nhớn, cái Tý con về cho nó ăn, rồi tối có đói tao cho xu ra ngoài ngõ mà ăn phở.

Chị em cái Tý đã về, cái Tý nhớn, cái Tý con, tóc rối bù, mặt đẫm mồ hôi, những đất cát và vết bẩn loang ra nhớp nháp, Tý nhớn chơm chớp cặp mắt xếch dưới đôi lông mày to vừa đến bên giường:

– Bu ơi, ăn cơm nguội sao đủ, còn độ bốn bát cơm thì ban trưa tôi với cái Tý con đã ăn hết hai bát rồi. Hay bu đau không dậy thổi cơm được thì đưa gạo nhờ bác Cu bên cạnh thổi cho.

Thằng Bùng vội ngắt lời em:

– Không, chẳng nhờ vả gì hết, Bu cứ cho con tiền, con ra ngoài hàng kia mua thêm cơm.

Cái Tý nhớn đưa mắt nhìn thằng Bùng:

– Thế chỉ mình ăn, chứ thầy không về ăn à?

Mụ Đen rên rỉ:

– Ối trời, bố mày vác tiền đi thì còn thiết gì nhà cửa, ăn uống?! Và tao với chúng mày có chết lăn ra đấy cũng chẳng cần nữa là!

– Nhưng bu ơi, mắm tôm bắc gần hết rồi, thì ăn cơm với cái gì?!

Cái Tý nhớn vừa dứt lời, thì mụ Đen đập tay xuống giường thình thình:

– Trời ơi! Thế ban nãy chúng mày ăn muối ruột hay sao đấy? Vừa mua năm xu mắm bắc với cả một hào sườn, nhà chưa ai dúng đũa mà chỉ hai đứa mày ăn cơm nguội đã gần hết rồi! Chúng mày xem trẻ mỏ ở xóm này đấy, cơm ăn chỉ tý nước cáy, tý dưa mà còn không có. Hỏi bố chúng mày đưa tao được đồng nào mà chúng mày hành hạ và phá hại tao như thế?

Mụ Đen trở mình. Nét mặt mụ càng dúm lại, luôn luôn mụ đưa tay xoa xuống ngực và hai bên sườn. Những vết tím bầm và những vết sẹo hãy còn đỏ trật ra dưới manh áo rách toạc:

– Hự! Hự! Sao đau thế này?!

Mụ Đen rên rỉ, mụ quằn quại, không thể chịu được những cái đau chói và tức, người mụ còn ưỡn cong lên, và mụ nghiến răng, rít những tiếng dài. Thằng Bùng đã thấy cồn cào cả ruột gan, nó nhăn nhó:

– Này bu ơi, cho con tiền ra hàng mua cơm đây.

Cái Tý con đặt ngồi bên cạnh mụ Đen lại khóc nhèo nhẽo. Nước mũi lòng thòng xuống miệng, thêm mấy con ruồi rủ nhau bâu đến. Cái Tý nhớn cũng như thằng Bùng như không trông và nghe thấy cái gì trước mắt, mà chỉ có một nỗi buồn bã day dứt trong dạ dày mà chỉ hình ảnh ngon lành của những bát cơm canh giờ đây đã dọn ra ở bên hàng xóm. Nó xịu mặt ra, lè nhè:

– Đi! Bu đi! Bu không cho tiền mua cơm thì lấy gạo cho tôi với thằng Bùng nhờ bác Cu nấu cho vậy.

Tý nhớn vừa dứt câu, con bé em nó quờ tay níu lấy áo nó, kéo giật nó xuống, ẹo ra:

– A... a... a... a...

Cái Tý nhớn gạt phắt tay em đi, con bé liền khóc thét lên. Ngay lúc đó, mụ Đen rít lên:

– Tôi xin các ông, các bà, làm khổ tôi vừa chứ! Tôi xin dậy đây để nấu cơm cho các ông, các bà xơi.

Mụ ngắt câu lại bằng những tiếng rên và những cái quằn quại:

– Còn đồng năm xu ở cái ruột tượng vắt trên sào màn kia kìa, thằng Bùng ra ngoài hàng mà mua ba xu xáo bò và hai xu đậu kho. Lấy cái liễn mà đựng xáo, bảo người ta cho nhiều nước vào cho con bé nó ăn với, để đĩa đậu lên cái liễn cho nước khỏi sóng ra. Còn cơm thì tôi thổi đây, chứ bác Cu, bác ấy sắp đi hàng, còn bận tối mắt tối mũi thì nhờ sao được!

Mụ Đen chống cánh tay xuống giường rồi run run ngồi dậy:

– Bùng ạ, mày nhớ xin cho tao nắm bã chè tươi nóng đấy. Đưa cái rá cho con Tý nhớn nó cầm đi, lấy nhiều về đây tao bóp mau lên! Không được đánh đáo gì cả. Mụ Đen nhăn mặt đấm nhẹ vào sườn. Sao lại đau thế này! Sao lại cứ đau lại khó thở thế này?

Theo thằng Bùng bưng thức ăn về, con Tý nhớn quăng cái rá bã chè xuống cạnh mụ Đen rồi cõng em chạy tót ra sân. Thằng Bùng cũng thế. Chúng nó mặc mụ Đen đi xin lửa, nhóm bếp, bắc nồi, vo gạo. Tới khi cơm chín, mụ Đen còn sắp mâm bát cho chúng nó và dọn cả thức ăn ra. Trong nhà, bóng đen đã dày. Muỗi kêu vo vo át cả mọi tiếng. Mụ Đen không ăn nhưng vẫn ủ cơm phần chồng. Thằng Bùng và cái Tý nhớn bảo nhau mang cơm ra giữa sân ăn, chúng nó ngồi hai cái ghế con hai bên, để cái Tý con chầu hẫu dưới đất.

Người đi làm trên phố đã về. Ngoài ngõ, tiếng guốc cồng cộc hỗn loạn, tiếng người ồn ào, những gian bếp bên kia sân, mé trái nhà và xung quanh đều rào rào những tiếng vo gạo, giội nước. Khói bốc lên, mái lá đen sạm thêm lại. Cái tối mờ và nặng nề của chiều đổ xuống mặt đất gần hơn. Dưới những mái lá lúp xúp, sự eo xèo bắt đầu với trẻ con khóc và người lớn mệt nhoài.

Thằng Bùng vứt bát cơm vào cái chậu cầu rửa, không buồn đổ lấy một gáo nước. Nó chùi miệng vội vàng vào cái khăn mặt đen thui và

nhơm nhớp của mẹ nó vừa lau mặt rồi nhảy tót ra ngõ. Cái Tý nhớn lại lăn vào đám trẻ con nô đùa ầm ầm, mặc kệ cái Tý em bò lê la trên đất.

Chuông nhà thờ chợt nổi lên boong... boong... gọi các con chiên già cả ở trong xóm. Phía trời đằng kia đã thâm lại như vỏ cây già. Xế tây, chỉ còn một khoảng đỏ rực. Những không phải những sắc đỏ của hoa hồng, của hoàng diệp hay của lụa màu. Đó là sắc vàng của nước nhuộm áo, của máu một thú vật vừa bị tên đồ tể thọc dao vào họng, trong đó, bao nhiêu tia sáng thoi thóp của mặt trời đều bắn cả lên. Những đám mây đều nổi bật lên với những gợn tím hồng quán, nghệ tía, và phẩm lục.

Khói tàu và nhà máy tỏa ra trùng trùng điệp điệp. Vòm trời trên xóm nhà mụ Đen tối sầm lại, như lợp bằng những quả núi đương lở dần, không tiếng động. Dải đường đá gồ ghề, khúc khuỷu, rầm rập bước chân người. Ở bãi đất trống đầu xóm, không biết bao nhiêu trẻ con đã kéo đến tụ họp. Chúng cười nói, kêu hét, reo hò, mê man với một quả bóng độn bằng vải to như quả bưởi. Sự huyên náo càng thêm rối loạn khi quả bóng nọ đã mướp ra, và một số đông trẻ con nữa từ những ngõ lẻ dồn đến. Bãi đất trống đã hoàn toàn tràn ngập dưới những tiếng ầm ầm. Chợt mấy tiếng tục tĩu, chửi rủa vang lên, liền ngay sau đó những tiếng cãi cọ và đấm huỳnh huỵch, rồi gạch đá ném vung lên, rồi lại những tiếng kêu hét reo hò đinh tai nhức óc vang ra khắp xóm. Nhiều người lớn đã đổ xô ra, hốt hoảng:

– Ối trời ơi! Lại thằng Cu nhà này rồi.

– Khổ thân tôi chưa? Lại ông Tý nhà tôi đánh nhau kia.

– Hờ Dần ơi! Dần ơi! Bố mày không biết dạy mày để mày lại làm khổ bà kia, Dần ơi!

Mụ Đen mở choàng mắt. Cả người mụ rùng lên. Phập! Một lưỡi dao lao cắm xuống bên cạnh mụ. Thằng Bùng vừa ngồi xụp xuống. Máu từ mũi nó rỏ xuống ròng ròng, nó vội đưa tay bịt cả những tiếng nức nở của nó.

Mụ Đen hét lên một tiếng. Mụ ôm chầm lấy thằng Bùng ríu cả lưỡi.

– Sao lại thế này! Con ơi! Bùng ơi, sao lại thế này!

Thằng Bùng vùng hai tay lên:

– Bu bỏ con ra! Bu bỏ con ra ngay! Thằng con bố Bếp nó chết với con, nó cậy lớn, nó ức hiếp con, nó kéo bạn nó đến đánh con đây này.

Mụ Đen càng ghì chắc vòng tay giữ con lại. Toàn thân mụ nóng bừng lên, và mắt nảy đom đóm. Mụ run lắm, và thở hồng hộc như đương cơn sốt rét:

– Thôi, bu lạy con, để rồi bu mách bố nó cho.

– Không! Không! Bu ơi, bu không bỏ con ra thì con chết mất!

Thằng Bùng gầm lên qua những tiếng nức nở.

Thì mụ Đen cũng rít tiếng:

– Không! Bùng ơi! Con mà đi bây giờ thì bu cắn lưỡi chết ngay đây.

Theo liền câu nói, nước mắt mụ Đen trào ra. Trong cổ, tiếng nói tắc lại. Lưỡi dao bên cạnh hai mẹ con vẫn đứng thẳng, hơi rung rung, ánh thép lấp loáng, túy gian nhà chỉ còn mỗi ngọn đèn hoa kỳ và chút lửa ở bếp đây kia chiếu lên. Tiếng lão Đen bỗng nổi lên khàn khàn: "Chúng nó đâu cả rồi?". Lão bước vào ném phịch một gói to xuống phản, làm vung vãi ra những chiếc bánh khách, kẹo lạc và bút viết, bút chì.

– Thằng Bùng đâu?

Tiếng "đâu" chưa dứt khỏi miệng hắn, mặt hắn đờ ra và mắt như hoa lên, hắn nói như hết hơi:

– Kìa sao thế Bùng ơi! Sao con tôi lại thế kia?

Mụ Đen xua tay:

– Không, không có việc gì đâu!

Lão Đen chạy xô lại, rút phắt lưỡi dao lên, nhớn nhác nhìn. Thằng Bùng liền nức nở và máu mũi nó vẫn còn chảy ròng ròng:

– Thầy! Thầy! Thằng con bố Bếp nó đánh con đấy.

Một hình ảnh vút qua trí tưởng tượng của lão Đen. Lão mím môi lại, các thớ thịt trên mặt và cổ gân lại và rung rung.

– Thằng Bếp nào? Có phải thằng Bếp béo nấu cho lão Ký ngoài Kho không?

– Hự! Hự! Phải đấy thầy ạ.

– A! Ha! Ha!

Lão Đen gầm lên. Vút. Người hắn lao ra sân với lưỡi dao va xoảng vào những sợi dây thép phơi quần áo. Mụ Đen vùng chạy theo. Cả khoảng trời đất trước mặt mụ tối sầm lại.

*

* *

Nửa tháng sau, mụ Đen đứng trước một bàn giấy rộng, dưới mắt mụ, để ở rìa bàn cái lưỡi dao dài, mỏng, mũi nhọn phớt vài dấu máu, thâm xịt. Đầu mụ cúi thấp, tâm trí mụ hoang mang. Có những tiếng hỏi sang sảng bên tai mụ, nhưng mụ như không nghe thấy gì cả.

Ngoài cửa sổ, gió ào ào, nắng phấp phới. Lúc này đây, lão Đen trốn lên Hà Nội đương gò người trên cái càng xe bò ở một vùng ngoại ô, thằng Bùng đi lang thang cạnh một trường tư, cái Tý con mặt mày nhợt nhạt khóc nhèo nhẹo trên sống lưng gầy rạc của cái Tý nhớn.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 439, ngày 14-11-1942.
Sau in lại trong tập *Hai dòng sữa,*
Nhà xuất bản Hàn Mặc, Hà Nội, 1944.

MỢ DU

(Truyện ngắn)

Tặng HOÀNG KHANG

– An! An!

Tiếng gọi vừa dứt, một bàn tay nắm chặt cánh tay tôi và lôi tôi đi, tôi mở to mắt và nhìn người đàn bà này.

– Kìa mợ Du! Mợ Du! Mợ mới ở Vinh về.

Tụi trẻ con đương chơi với tôi ngơ ngác nhìn tôi và người đàn bà. Còn tôi, càng nhìn vẻ mặt hốt hoảng của mợ Du, tôi càng hồi hộp và nóng lòng chờ một câu nói của mợ ta. Đến đầu phố, mợ mới dừng lại, ghé miệng vào tai tôi:

– Thằng em Dũng đâu hở con? Con đi tìm nó cho mợ. Con bảo nhỏ thằng em Dũng chứ! Nếu nó ở trong nhà thì con chờ nó ra ngoài đường rồi hãy gọi.

Đoạn mợ đẩy mạnh tay tôi:

– Mau lên con! Mợ đứng chờ con và em Dũng ở bên vườn ông Hào đấy!

Mợ Du! Mợ Du! Một người đàn bà mà hiện giờ tôi còn nhớ từng nét mặt, từng tiếng nói. Mợ có một gương mặt trắng mát, gò má hơi cao, mắt có quầng thâm và lúc nào cũng ướt át, lờ đờ. Tiếng nói của mợ nhẹ và ấm. Mợ đã là người bạn buôn bán thân nhất của mẹ tôi. Nhưng từ ngày mợ bỏ cậu Du, tôi ít thấy mẹ tôi chuyện trò với mợ, cho đến ngày nghe đâu mợ vào Vinh cùng với một người thợ may tây rồi đẻ con với người ấy.

Mợ Du bỏ chồng! Mợ Du phải bỏ chồng vì bị mẹ chồng và em chồng bắt được quả tang tình tự với anh thợ may trai trẻ, có duyên, làm cho nhà mợ! Tôi đã không hiểu tại sao lại bậy bạ như thế. Và, như những người lớn, tôi đã ghét và khinh mợ mỗi khi nghe nhắc đến mợ với cái tội không thể tha thứ ấy.

Nhưng sau một đêm kia, đối với mợ Du, tôi bỗng đổi ra thành lòng thương và mến. Rồi từ đêm ấy trở đi, tôi căm tức vô cùng trước

những kẻ bêu riếu mợ hay ra vẻ ghê tởm thằng Dũng con mợ.

Đêm ấy là một đêm trăng, tôi không nhớ về tháng tám hay tháng chín, chỉ nhớ là một đêm trăng sáng lắm. Mợ Du cũng bỗng nhiên hiện ra trước mặt tôi và nắm chắc cánh tay tôi:

– An! An! Con giúp mợ việc này rồi mợ cho con xu nhé.

Tôi chau mày lại nhìn người đàn bà đã vắng mặt ở phố tôi và không biết đi đâu đã sáu bảy tháng nay.

– Tôi chịu thôi! Mợ nhờ đứa nào thì nhờ.

Mợ Du ngọt ngào van lơn:

– Con chịu khó một chút mà! Chóng ngoan! Đây mợ cho con hai hào đây.

Đồng hào đôi sáng loáng dúi vào tay tôi có ngay một hiệu lực rất mạnh. Tôi không còn thấy khó chịu vì sự nhờ vả của mợ, và tôi không còn nghĩ đến cái tai tiếng không ra gì của mợ khiến mợ trở nên một người chịu đựng sự khinh bỉ và nguyền rủa của cả các gia đình.

Tôi vẫn làm ra bộ khó khăn, nhìn mợ bằng cặp mắt do dự. Mợ Du liền kéo tôi vào một hàng hiên. Mợ nói nhỏ, giọng càng run run:

– Con vào nhà rủ thằng em Dũng ra đường chơi cho mợ. Con đừng cho ai biết! Và con rủ nó sang vườn ông Hào đằng đầu phố ấy.

Tuy nhỏ tuổi, nhưng chỉ nghe mợ Du nói ngần ấy câu, tôi nhận thấy ngay tại sao có sự gặp mặt vụng trộm giữa hai mẹ con này, và tôi cảm thấy rõ ràng sự lo lắng và đau khổ của một người đàn bà đã bị đuổi ra khỏi cửa một gia đình, nay lẩn lút trở về để được thăm nom con giây phút.

– Ừ, con, – tôi đổi tiếng xưng hô -, con đi gọi thằng Dũng cho mợ, nhưng mà nhỡ nó đương đọc sách cho cậu nó nghe trong khi cậu nó hút thuốc phiện thì sao?

Mợ Du chớp chớp mắt rồi lờ đờ nhìn về một cửa hàng đã đóng cửa. Trong bóng tối dưới hàng hiên, cặp mắt mợ Du bỗng long lanh như hai viên ngọc:

– Thì con chịu khó ngồi bên nó rồi thừa cơ bấm nó và bảo nó ra ngoài.

Tôi liền gật đầu, chạy vút đi.

May quá! Tôi vừa tới cửa nhà cậu Du thì thằng Dũng ở trong nhà đâm xô ra gọi hàng mía. Nó không để tôi nói thêm với nó một lời, chạy theo tôi ngay và luôn luôn bắt tôi đưa xem đồng hào đôi mới.

Chúng tôi vừa mới đến cổng vườn nhà ông Hào, mợ Du ở một bụi dâm bụt lao sầm ra, ôm chặt lấy thằng Dũng vừa nức nở kêu tên Dũng:

– Dũng! Dũng! Con ơi!

Mợ bế xốc Dũng lên, đẩy cánh cổng chạy vào trong cùng vườn. Tôi theo vào. Mợ Du đặt Dũng xuống đất, mợ quỳ thẳng đầu gối, hai tay choàng lấy người Dũng. Vẫn cái giọng nghẹn ngào ấy:

– Dũng! Dũng! Dũng có nhớ mợ không? Bà có đánh Dũng không? Cậu có bênh Dũng không? Dũng có nhớ mợ không? Có thương mợ không?

Dũng không đáp, ngả đầu vào vai mợ mếu máo:

– Hự, hự... mợ về nhà với con cơ!

Mợ Du hôn hít vào má, vào trán, vào cằm Dũng rồi khóc nức nở:

– Trời ơi! Trời ơi! Mợ chết mất! Dũng ơi! Dũng ơi!

Ánh trăng vằng vặc đã giội tràn trề xuống hai gương mặt đầm đìa nước mắt áp lên nhau và hai mớ tóc ngắn dài trộn với nhau. Hương hoa cau và hoa lý sáng và ấm đã xao xuyến lên bởi những tiếng khóc dồn dập vỡ lở ở một góc vườn rì rì tiếng dế.

Tôi dần thấy nghẹn ở cổ. Tôi phải bưng lấy mặt và quay đi chỗ khác: "Mợ ơi! Mợ ơi!".

Đằng kia Dũng cũng: "Mợ ơi! Mợ ơi!".

Tiếng khóc của Dũng và cả chính tiếng khóc của tôi càng xé lòng tôi ra.

Chợt Mợ Dũng đứng vùng lên, hất mạnh mớ tóc xõa ra đằng sau. Thoáng cái, mắt nhìn quắc lên sáng ngời, và gương mặt trắng mát của mợ tái hẳn đi. Mợ cắn chặt môi dưới, lắc mạnh đầu luôn mấy cái. Ánh trăng càng chảy cuồn cuộn trong những đợt tóc đen ánh trở nên hung hung dài chấm gót của mợ Dũng.

Mắt người mẹ khốn nạn, mắt đứa con đày đọa và mắt tôi đấm vào nhau không biết trong bao nhiêu phút, yên lặng và tê mê...

Một lúc sau, mợ Dũng dắt Dũng ra ngoài vườn. Tôi chực chạy ra hè trước, mợ vội chạy theo, kéo tôi lại. Mợ, một tay nắm tay Dũng, một tay xoa đầu tôi, giọng khàn khàn và vẫn nghẹn ngào:

– An và em Dũng về nhà nhé. Mấy hôm nữa mợ lại về. Mợ đã dặn ông Hào rồi đấy. An và em Dũng muốn ăn thức gì thì ăn.

Nói đoạn, mợ cúi xuống lại hôn hít vào trán, vào má, vào cổ, vào gáy Dũng.

Toàn thân tôi lại rung chuyển trước sự quyến luyến này.

Nhìn sự chia lìa đau xót của hai mẹ con Dũng, tôi đã có cảm tưởng chính tôi là Dũng, và tôi đã có ý muốn ôm ghì lấy mợ Dũng, ôm ghì mãi mãi, ôm ghì lấy rồi dù bị chết cũng cam tâm...

Từ đấy trở đi, mỗi lần mợ Dũng ở Vinh về là tôi đi gọi Dũng. Tôi không còn nhớ rõ tôi đã gọi Dũng tất cả bao nhiêu lần. Chỉ biết rằng, trong một thời gian khá dài – hơn ba năm – lần nào sự gặp gỡ của hai mẹ con Dũng cũng làm tôi sung sướng, và lần nào sự chia lìa của mẹ con Dũng cũng thấm cả nước mắt tôi và làm tôi bùi ngùi trong sự thương tiếc mênh mông như cái bàng bạc của đêm thu đầy trăng.

*
* *

Bẵng đi 17, 18 năm, tôi không một lần nào gặp Dũng và người mẹ của Dũng đã một thời kỳ lừng tai tiếng. Dũng, tôi gần quên hẳn. Vả lại, dẫu chúng tôi có gặp mặt nhau, tôi cũng khó nhận ra Dũng sau bao năm đằng đẵng có thể là một nửa đời người non yểu này.

Nhưng, tôi đã được gặp mợ Du. Thì đó lại là lần cuối cùng, cuối cùng của cả một đời tất mãi mãi và cuối cùng của những dòng chữ viết về một người.

Ấn tượng của cái kỷ niệm này không bát ngát, bàng bạc như xưa kia nó hằn vào tâm hồn tôi trong cái đêm trăng sáng, hương hoa cau, hoa lý ngát không khí. Trưa hôm ấy nắng. Ánh nắng vàng rực. Các vật ngoài trời đều chói lòa trong những tiếng rào rào của ánh sáng bị gió thổi cuồn cuộn như sóng.

Sau đây, nhất là giờ đây, bất cứ một hình sắc gì của mợ Du trong cái cảnh buổi ấy đều ngùn ngụt trước mặt tôi qua một thứ lửa tê tái tỏa ra cả ở trong da thịt tôi.

Lúc đó vào khoảng hai giờ, hầu hết những người đi làm đã đến sở mình.

Ngoài phố, những ngã ba, ngã tư, sự ồn ào trào lên chỉ ở từng khu và cảnh tấp nập không lầm bụi, rối loạn như trưa nay. Nắng trong dần đi. Sắc xanh pha lê trên cao bao la thêm. Những cảnh xuân ở thành thị vẫn không rõ rệt tươi tốt bằng ở nhà quê với những cánh đồng lúa, những đình chùa, những con đường đất nổi lên nhịp nhàng

dưới vùng trời khoáng đãng, và, với tiếng cười nói hỏi gọi của người ta cứ vang vang trong gió. Đầy vẻ xuân ăn chơi, vui quên chỉ còn sót lại ở mấy phố ta trong những nhà cửa vôi mới quét lại hớn hở lên vì nắng, trong mấy hiệu tạp hóa và trong những đám xúc xắc, xóc đĩa đường, họp lén lút với những đám trẻ con bẩn thỉu mà tôi, thằng bé An xưa kia, hễ có tiền là sống chết cũng sục vào.

Tôi đương viết tập cho một đứa cháu thì thấy có tiếng xáo xác, và đứa cháu tôi không nhìn trộm ra ngoài nữa mà chạy hẳn ra. Bà ở chung nhà với tôi, đi vào, lắc đầu:

– Thế mà chết rồi!...

Trước nét mặt nhăn nhó chỉ có vẻ buồn cười của bà ta, tôi bật lên hỏi:

– Thưa bà ai thế? Sao thế?

Bà ta càng làm ra bộ ảo não:

– Cái người mới đến ở nhờ bà cụ Ký bên kia, bán quà ở gần rạp hát và đầu ngõ ấy mà.

Tôi vẫn không thể nhớ ra là ai. Thấy tôi băn khoăn, bà ta vừa gắt vừa cười:

– Cái người một hôm cậu bảo tôi gọi lại mua chuối ấy. Tôi gọi ba bốn lượt, nhưng chị ta cứ đi lùi lũi làm cậu tức mình, đến tối chị ta rao bán, cậu không mua mà cho cái cháu đi mua hàng khác.

Tôi "à" lên một tiếng, gật gật đầu. Bà nọ cho thế là đã thỏa cái công việc tò mò của mình và trọn cái sự cổ động lòng thương xót một kẻ xấu số, rồi lại ngồi xuống chẻ củi chan chát vừa quát tháo chỉ bảo người nhà. Xong hai trang viết tập cho đứa cháu, tôi giở sách ra đọc tiếp. Một dòng, hai dòng... năm dòng, mười dòng..., rồi hết một trang, sang trang bên. Những chữ in nhỏ ấy trước còn từ từ đi vào tâm trí tôi, hơi chập chờn, lộn xộn với những nghĩa không đằm thấm mấy. Sau, tôi càng trấn tĩnh bao nhiêu, để hết cảm tưởng vào những hình ảnh, những tình tứ trong truyện, thì chỉ thấy đầu óc càng bừng bừng. Tất cả những cái tôi đọc để nghiền ngẫm chỉ là một sự rối loạn khô khan.

Tôi đành phải để sách xuống, mắt lim dim, chân tay duỗi mềm mại, mặc bất cứ cái gì đến trong tâm trí. Những câu nói trên kia của bà cùng nhà với tôi bỗng trở lại bên tai tôi rành mạch từng tiếng. Theo liền những tiếng thì thầm này, một dáng người co ro, những mảnh quần áo vá víu và một mẹt quà lèo tèo hiện ra, mờ mờ, lạnh

lạnh. Tôi thấy lòng nao nao và sau khi khó chịu vì sự vơ vẩn này. Tôi cau mày, định cầm sách lên đọc nốt để còn làm mấy việc khác.

Một người ở nhờ ở vả chết đột nhiên, và cô độc không ai thân thích ma chay, một người khốn nạn như thế nhan nhản ra, muốn xem lúc nào chả có. Đằng sau nhà tôi, trong những xóm nhà lá của những đám người tha phương cầu thực kia thường nổi lên những tiếng khóc lóc, rền rĩ vì sự chết chóc, mà người chết tuy không một thân một mình, nhưng cũng chỉ được đến cỗ ván mỏng, bát cơm, quả trứng, vài thẻ nhang và bốn người khiêng đi vùn vụt như chạy trốn họ, chuyên sống với cái nghề này và uống rượu...

Tôi đã nghĩ như thế. Tâm trí tôi dần trở nên sáng sủa, tỉnh táo. Đọc hết cuốn sách, tôi ra đi thong thả ngoài sân, khoan khoái lâng lâng.

Bọn người chuyện trò vang vang, ra vào nhà có người đàn bà chết đã ngớt. Bà cụ chủ nhà mượn được cái mành bèn che chắn ngay lấy chỗ người chết nằm. Trời vẫn nắng to. Sau bức mành lọc nhẹ đi, làn ánh sáng vàng rực, cái chõng và thi hài, chăm chú trông lại rõ hơn. Tôi thấy cả những đợt khói lừ lừ tản ra trên đầu người chết và những đốm lửa nhang rung rung khi gió nổi lên thổi tan tác những mảnh nắng ở ngoài trời và loạn xạ những cát bụi trong cái khoảng mành che cho người chết. Không tiếng kèn tỉ tê, không tiếng khóc kể lể rền rĩ, không nồng mùi bồ kết đốt với mùn cưa, cái tử khí đây kia thăm thẳm, chứa đầy những độc ác, như của một nơi mà các người chung quanh không còn ai sống...

Bất giác tôi sang sân vào nhà bà cụ. Thoạt thấy tôi, bà cụ và mấy người đàn bà sang hỏi thăm, ra đón:

– Cậu sang chơi! Đấy! Cậu xem có khổ không, nhà chị ta đã cắp thúng định đi chợ mua thêm hàng, nhưng ra khỏi cửa lại về nằm lịm đi một lúc, thế mà đã chết rồi. Tôi chẳng họ hàng gì mà phải làm ma đấy. Các bà ấy cứ trách tôi dễ dãi quá, nhưng thôi, mình cứ ăn ở cho hết cái tình cái nghĩa đối với những kẻ bơ vơ, khốn khó, còn thì mặc trời kiêng cho.

Thấy tôi chăm chú nghe, bà lại kể lể tiếp, giọng rất trơn tru, nào người đàn bà nọ nói không có chồng con gì cả, nào đi buôn bán mãi Vàng Danh, Cẩm Phả về ốm yếu quá, định về đây lần hồi, nào bà cụ thương tình cho ở nhờ hẳn một nửa gian, giường chiếu, bát đĩa của bà tha hồ dùng, nào bao người năn nỉ thuê nhà bà cụ không được vì các con bà cụ đi làm xa, bà cụ chỉ cần có người sạch sẽ chịu khó và hiền lành bầu bạn với cụ và các cháu bé của cụ cho vui thôi.

Bà cụ sai cháu trải chiếu cạp điều ra trường kỷ và rót nước thân mời tôi. Chè hột có gừng ủ trong bình, tuy còn nóng sôi nhưng tôi vẫn thấy lờm lợm. Tôi chỉ nhấp qua rồi sau một lúc yên lặng, đứng dậy đến chỗ người chết nằm. Bà cụ lại bỏ khách đi theo tôi. Khi chúng tôi đứng sát cái chõng, bà cụ trỏ vào người chết:

– Chị ta chỉ có mấy cái quần áo mặc theo đi ấy là lành lặn thôi, còn mấy cái kia rách mướp mườm mượp, tôi còn để đấy mà cũng chẳng ai muốn lấy cả. Một bà trong ngõ phải mua lại cái chăn của phu xe gán ngoài hàng cơm để liệm với cái chiếu của tôi. Sáng mai, một bà cho cỗ ván nữa là xong.

Để chứng thực sự ngay thẳng và lòng ăn ở khác thường của mình, bà cụ kéo ở xó cửa đằng kia ra một cái thúng. Bà cụ lật vỉ buồm lên, chìa ra trước mặt tôi từng cái xống áo cũ rách một. Chợt bà kêu lên, quát gọi đứa cháu gái lớn:

– Khổ quá mày ơi! Những thứ chuối chăn, kẹo bỏng kia, mày còn để đây làm gì? Cho người ta không lấy thì vứt đi chứ!

Cả tôi cũng phải cau mày lại trước những quả chuối đã đen nhũn, lấm tấm những lỗ ngó ngoáy và những kẹo vừng, bỏng bắp ướt át, kiến bâu chi chít. Những đồ hàng cuối cùng của người đàn bà! Nếu y bán rẻ đi thế nào chả hết. Nhưng đời nào y chịu lỗ vào cái vốn nghèo ngặt sống còn của mình. Chẳng phải y, bất kỳ người đầu đường cuối chợ buôn thúng bán bưng nào cũng thế hết trong sự làm ăn bát cơm đổi bằng bát mồ hôi của mình. Và đến phút hấp hối, người đàn bà nọ vẫn không thể tin được mình chết. Ở cái buổi sáng tưng bừng hôm ấy đầy những hình ảnh của sự cố gắng, mải miết để được sống, ai mà không bíu lấy sự tin tưởng tốt đẹp?!

Những người trong xóm đi chợ đã lác đác về. Họ đi từng tốp, chuyện ríu rít, rủ nhau tối nay tắm rửa sạch sẽ để đi lễ đền chùa. Xuyên qua bọn họ, những người gánh nước làm nhớp nháp thêm cái lối vào xóm chật hẹp mấp mô tách ra hàng mười ngõ. Bên trong, ở những vườn rau diếp, rau cải, xà lách và những vườn trồng hoa bán trên phố tây, những thùng tưới cứ rào rào đưa trên những luống đất nhỏ tơi, kín sắc xanh mượt và những sắc hồng, tím, vàng, nhung, trắng, tươi mọng?... Nắng và gió tỏa ra lênh láng. Ánh sáng trong suốt luôn luôn reo lên trên những cây cỏ nảy nở như thổi.

Đứng ở trong này, tôi đã thấy lòng run run. Tôi nghĩ đến cái giây vừa thở hắt ra vừa quằn quại của một con người cách tôi không đầy

chục thước mà tôi và cả mọi kẻ chung quanh đều không hay biết, tâm trí tôi lắng sâu hơn nữa. Tôi nghĩ đến cả cái kiếp người kia chắc chỉ toàn những sự đày đọa, cái kiếp làm thân đàn bà không chồng con, không thân thích, đâu có kẻ thân mến là quê hương, gia đình mình, và cả sự no ấm chỉ trông cậy vào sức mình, sự chịu khó của mình.

Tôi hồi hộp nhấc cái vuông khăn tay ròng rọc đỏ phủ mặt người đàn bà lên. Tôi lặng đi, tê tái nhìn cái bộ xương hốc hác, gồ ghề, xám xịt. Thay cho gối, tóc y cuốn thành một mớ dày, vẫn còn đen nhánh, giá cắt đi làm một cái đuôi gà thì phải dài, óng ả lắm.

– Cậu này! Cậu xem cái giấy gì và hình gì thế này?

– Vâng! Vâng!

Tôi phải quay lại với bà cụ. Tôi vội vàng đón lấy mấy tờ giấy đã nhàu nát, nhòe nhoẹt và tấm hình nhỏ tí bà cụ đưa cho. Không!... Không!... Không phải là những giấy vứt đi, mà là bốn bức thư. Bức chữ viết ngòng ngoèo, bức đã thẳng dòng, bức đã có những câu chấm gẫy gọn với những dấu chấm than và bức chữ lại nguệch ngoạc nhưng rắn rỏi và lời lẽ gay gắt như trong một bài báo tranh biện. Tất cả dưới đều ký tên Dũng. Từ những nét ngây ngô trở nên những nét sắc trơn. Tôi đã suýt kêu lên, nhưng cổ họng nghẹn hẳn. Tôi giơ hẳn tấm hình ra ngoài cửa xem.

Tấm ảnh chụp hai mẹ con kia rõ ràng là mợ Du và thằng Dũng. Người mẹ ấy đôi mắt vẫn sáng, và cái sống mũi dọc dừa, cái cằm thon trong gương mặt vẫn đầy tươi trẻ, tinh anh. Còn thằng nhỏ thì, bế nâng lên trước mặt người mẹ, một tay y bịt lấy rốn nó, mặt hơi cúi xuống với nó nhưng mắt vẫn ngước lên, như trỏ cái sự vật đằng trước cặp mắt bỡ ngỡ của nó cho nó cười thêm. Dưới tấm ảnh mà tôi không thể nào lầm lẫn được ấy lại còn có thêm dòng chữ này:

– "Kỷ niệm ngày con Dũng của mợ lên hai nhưng mới được tám tháng".

Và ở một góc có hai dòng chữ nhỏ như kim:

– "Dũng ơi! Con của mẹ ơi! Biết đến bao giờ mẹ mới được gặp con?".

*

*   *

Mợ Du đã chết rồi?! Người mẹ khốn nạn kia bị người chồng sau tình phụ, hay vì y chết, mợ sa sút, và, cho mình đã phạm một trọng tội, mợ đành sống lén lút, để khỏi dây dính đến Dũng? Hay mợ đã tìm đến Dũng nhưng không được nhìn nhận? Hay Dũng cũng chết rồi? Hay những giấy má, hình ảnh kia chỉ là của người đàn bà chết bắt được?!

Tôi đã nhiều lúc tự hỏi, nhưng chỉ thấy thêm rằng chắc chắn mợ Du đã chết và những cảm tưởng về mợ chỉ càng thấm thía, tê tái trong tâm hồn tôi, thằng bé An xưa kia không còn những dòng nước mắt tràn trề để khóc nữa.

1939-1943

In trong tập *Hai dòng sữa,*
Nhà xuất bản Hàn Mặc, Hà Nội, 1944.

HAI DÒNG SỮA

(Truyện ngắn)

Qua ngọn lửa, tiếng người nói sang:

– Thật là mưa vàng mưa bạc! Không mau có trận mưa này thì người ta còn là khổ! Trời với đất! Hại người ta, làm gạo một đồng bảy ống cân, kiếm bao nhiêu cũng không lại với cái ăn. Người lớn méo mặt đằng người lớn, trẻ con thì đậu sởi, đâu cũng kêu oai oái, cầu đảo mãi cũng chẳng thấy gì.

– Tôi mới thật chết, thấy làm được, bu nó nhà tôi lại nhận cấy cả hơn mẫu ruộng bên cạnh nữa. Bao nhiêu tiền của tôi ngoài này đều dồn cả vào vụ chiêm, thế mà ông cứ nắng chang chang hơn cả nắng tháng năm ấy, ruộng nẻ căng ra, lúa cứ đỏ đi, ngòi thì xa và gạn hết hơi cũng không được giọt nước, hỏi còn mong vớt vát được gì nữa? Chưa bao giờ giêng hai lại không có tý mưa phùn nào, trăng vàng kềnh kệch, đêm ngủ phải vứt cả chăn đi, sáng ra sương cứ mù trời như thế?

Có giọng đàn bà xen vào:

– Thôi, được trận mưa này, tháng ba tới nhà quê tha hồ mà vào đám. Các phường chèo không còn kịp hát, bắt bao nhiêu một bản các cụ cũng nhắm mắt mà trả.

Cái giọng vui cười ấy ngừng lại giây phút thì reo lên:

– Thầy nó này, đã tráng sạch cái thùng đem ra hứng nước chưa? Mưa càng to lắm đấy, chỉ một lúc là đầy thùng, đỡ được mấy chuyến vào tận trong làng mà vét từng thau nước đục lầm lầm.

Gió ùa vào, thổi đánh xoạt lên mái tôn và rung ầm ầm tất cả những tấm phên che. Ngọn đèn dầu tây tạt dài, suýt tắt. Mưa rền vang. Những tiếng vu vu như của muôn nghìn cối xay thóc chạy đều trước những bắp tay mê man. Những tiếng nói lại im bặt. Vợ chồng người phu chẻ nốt cái gốc củi cho thêm vào bếp. Người phu bạn ngồi sát mé trong, tóc đã phớt bạc và da mai mái đã nhăn nheo. Bác lại rót nước chè tươi trong cái ấm đun lơ lửng trên bếp ra chén. Y cùng vợ chồng người bạn vừa thổi vừa uống từng hớp nhỏ.

*
* *

Sự khoan khoái tràn cả tâm hồn Huyên đã tan hết. Đầu Huyên dần nặng trĩu, cả người bứt rứt. Người ta nói những gì bên tai, Huyên như không nghe thấy. Ngả lưng vào tấm tôn, chân co lại, cánh tay vòng lấy đầu gối, Huyên thấy rõ một sự mỏi mệt đen thẫm đã chạy khắp mạch máu. Huyên đành phải ngồi yên mà chịu cái hình phạt không tên ấy, bẵng đi một dạo, giờ lại đến kìm kẹp, thiêu đốt Huyên.

Trưa hôm nay, nắng hoe lên một chút rồi lại lịm đi. Mây xám từng đám nhỏ tụ dần vào đoạn lan ra, nhợt nhạt, đẫm lấy gần hết trên cao.

Gió lạnh nổi lên luôn luôn, dài và xoáy. Vài hột mưa lác đác bay, sau đó cái nồng oi ả lại bừng dậy, không khí đặc sệt thêm. Huyên nằm, ngồi không sao yên được một phút. Tâm trí Huyên cứ ngùn ngụt trước đống sách báo ngổn ngang. Huyên đi lại mãi trong gian phòng nhưng không dám trông ra đường để khuây khỏa với sự đi lại. Chói vào mắt Huyên, cái dải nhựa xám xịt và nhớp nháp cùng với những bóng dáng lộn xộn và trốn tránh kia, còn ghê sợ hơn là những gai lửa.

Đến hai giờ, người bạn Huyên ở Uông Bí lại đánh luôn dây thép gọi Huyên vào ngay. Chắc trong đó một cuộc vui gì đang sôi nổi lắm và phải có Huyên mới tưng bừng, nên hắn mới thúc giục như thế. Huyên đã định không đi. Huyên sợ lắm cái không khí toàn than bụi và nhất là đêm tối buồn đến mủn người ra được. Huyên đã vào đấy mấy lần, chỉ ở chơi được một ngày là phải từ giã ngay.

Nhưng hôm nay nếu Huyên ở nhà cũng lại khổ sở vô cùng, vì không còn chỗ nào để đến chơi và một việc gì để cất nhắc. Rồi cứ vất vưởng trong cái gian gác bề bộn và đi ra những phố cảnh tượng như vấy mực ấy. Huyên chỉ càng sôi thêm người và lại trở về nằm vật ra giường mà chịu những cấu xé của chán nản. Không thế thì Huyên chết mất. Huyên không thể nào chịu đựng được cái cảnh trời u ám và một tâm trí rũ rượi ấy được.

Nền trời hẹp nén nữa xuống cảnh vật với sắc xám nhờ. Gió vù vù, bắt đầu nặng và ướt. Huyên hết sức đạp, môi mím lại, mắt nhìn hút lấy đằng trước. Huyên sang qua đò Bính và vừa khỏi Núi Đèo, gió càng quấn lấy bánh xe của Huyên. Đây đó cây cỏ như sắp bật tung cả

rễ. Mây đen đặc chạy dồn dập trên đầu Huyên, vút những giọt nước lạnh xỉa mạnh hơn, dày hơn vào mặt Huyên.

– Chết rồi! Mưa to đến nơi rồi!

Huyên rít lên một tiếng, rạp thêm người xuống, thở hồng hộc và đạp. Huyên không thể nào trở về được. Đành rằng Huyên ướt và cảm ngã vật ra dọc đường. Như thế còn hơn Huyên không ngủ được, trằn trọc nghe rõ ràng ở xa kia tiếng cười nói réo lên cùng ánh sáng đèn, qua tiếng mưa, gió và bóng tối vây bọc bên ngoài. Trong cuộc hội họp huyên náo ấy, người ta lại luôn luôn nhắc tới Huyên. Và người ta đàn hát, vui vẻ say sưa bao nhiêu.

Qua được hai cái cầu, băng hẳn vào quãng đường không còn nhà cửa ruộng nương gì nữa. Huyên đạp chậm dần. Cái mũ dạ Huyên đội đã ướt sũng. Những quần áo đẫm nước nặng như một hòn sắt chất trên lưng Huyên. Tai Huyên ù đi, ngực tức tối. Từng hơi thở toát ra như đem theo từng khúc ruột, Huyên phải đạp chậm hơn nữa, và chau mày lại, quắc nhìn cái vùng tối thẫm và ầm ầm chạy trước mắt.

Huyên thấy phải dừng xe, không đến đứt thở mất. Huyên đã quá tin ở sức mình, giờ mới rõ đã suy kiệt lắm rồi. Không còn Huyên hăm hở đi bộ ngày sáu mươi cây số và đạp xe Hà Nội – Hải Phòng từ sáng đến chiều cứ như không! Cái lưng đau sụn và hai bên mạng mỡ gò lại, nói hẳn vào mặt cho Huyên biết rằng Huyên sắp bất lực trước cả một việc làm mà người thường chẳng coi mùi gì. Vì sức Huyên đã bị hút hết bởi sự ăn không ngồi rồi và chơi bời thâu đêm.

... Người chồng, gương mặt rắn và mày rậm, đưa mắt cho vợ rồi nhìn vào những đầu củi cháy lom đom ở trước mặt. Người vợ gật đầu, y ngước trông lên vẻ phờ phạc của Huyên không có vẻ gì là hạng người xốc vác dầu dãi mà giờ phong phanh mỗi cái áo lót mình lùng thùng thế kia chắc là Huyên rét lắm, nên môi tím lại, vai rung rung. Nghĩ thế, người đàn bà quay ra đút nốt bó củi dở, Huyên vội ngồi thẳng lên xua tay:

– Thôi bác ạ, thế này là đủ ấm lắm rồi, cám ơn bác.

Người vợ cứ chất củi vào bếp, Huyên liền kéo ra cho vào đống than bánh xếp cao ngất đằng sau người chồng:

– Than đốt hồ lô còn nhiều thế này, củi làm nòm chỉ có mấy bó nhỏ, thiếu thì sao? Chợ lại xa.

Người chồng cười:

– Củi đây chúng tôi có phải mua đâu mà sợ chợ xa? Củi sú, củi trang đầy bãi ngoài kia kiếm về đốt đấy chứ. Ông tính đốt nhiều như chúng tôi, tiền đâu mà mua cho xuể?

– Vâng, thì củi sú, củi trang, nhưng đâu phải tự nhiên mà có?! Các bác phải lầy lội khuân về phơi phóng và chẻ khó nhọc mới có chứ. Vả lại tôi có rét nữa đâu, đốt phí đi.

Ngay trong câu nói, Huyên thấy lòng mình càng rạo rực. Nếu không lần mò vào đây với họ thì có lẽ họ đã ngủ kỹ, đâu phải đun nước ngồi uống cầm chừng với nhau để cho khuya thêm ít nữa, thu xếp chỗ nằm. Bọn họ tất cả tám người, không kể cả đàn bà. Nhà của họ Huyên đang trú đây, chỉ là một lớp những tấm tôn, những ván gỗ ghép với nhau dựng lên, mái xoai xoải dựa vào một gốc cây gạo và một bụi cây dại. Chỗ tạm bợ của những phu làm đường chui ra, rúc vào. Họ góp tiền đong gạo, mua thức ăn để vợ người phu kia thổi nấu ăn uống cho mà làm việc.

Người ta chia cái mái đó ra làm hai khoảng ngăn bởi một dãy những xẻng, cuốc, đập, thùng hắc ín, ván gỗ và những đồ dùng lặt vặt khác nữa. Khoảng bên kia hẹp hơn, ngổn ngang những vật liệu. Trên những đống mảnh ván, đúng sáu người phu nằm sát vào nhau, đắp chiếu lù lù. Bên này rộng gấp đôi có một tấm phản ghép nhỉnh hơn cái chiếu. Đó là cái giường độc nhất nhường cho người đàn bà và ba đứa nhỏ. Những đứa này đang nằm rúc với nhau trong cái chăn bao tải ở mé sau lưng Huyên.

Trời mưa, bao nhiêu củi đóm mà người ta dọn cả vào ngăn bên hai vợ chồng, nên cái phần chiếu để người chồng và người phu đứng tuổi nằm bị lấn một góc. Cạnh đấy lại chất bếp và bên trên hong kín quần áo. Như thế Huyên nằm sao được, Huyên, một người mặc áo tây, đầu chải mượt và đi xe đạp mạ kền sáng choang, trông còn sang hơn cả những ông Thanh tra của họ. Bọn phu sẽ chẳng để cho Huyên nằm chật chội nào, một người sẽ dọn bớt đi một ít đồ đạc rồi kê vài tấm ván ngủ trên đó, mà để cái chiếu phần Huyên và chồng người đàn bà.

Không! Huyên chẳng dám nhận sự đặc biệt nằm trên cái giường kia đâu. Huyên sẽ ngủ chung dưới đất với người cha mấy đứa nhỏ. Nhưng dù sao Huyên vẫn thấy mình xa cách họ. Người ta trọng đãi Huyên một cách sợ sệt, miễn cưỡng, chứ đâu vì sự thân mến, hiểu biết?! Rồi mai, nếu ngớt mưa, Huyên ra đi thế nào mà họ chả nhìn

theo Huyên với con mắt khoan khoái của những kẻ trút được gánh nặng, tuy Huyên có cho mấy đứa trẻ hàng đồng bạc nữa?

Không nghe Huyên, người đàn bà đã chất củi, đốt cháy ngùn ngụt. Những ngọn sáng vàng rực tỏa ra cả bên ngoài, làm chập chờn hẳn một khoảng trời. Cạnh bếp lửa không kiềng, không đầu rau gì cả, vóc người Huyên nổi bật lên, hoạt động luôn luôn trên tấm tôn quét vôi trắng. Da mặt Huyên lại tươi, tóc chải lại, vén cao trán lên, răng trắng muốt lấp lánh. Những tia sáng ở mắt Huyên ngời ra nhiều hơn. Người phu đứng tuổi và hai vợ chồng thấy Huyên yên lặng đăm đăm họ không dám nhìn Huyên nữa, cả ba cùng trông vào ngọn lửa, hồi hộp chờ một dịp cất tiếng nói với nhau.

Rào... rào... rào..., mưa và gió, đều một nhịp. Chớp nhoáng luôn luôn xé ra. Hai bên đường bãi lầy, sú và cỏ dại mọc mênh mông đã ngập nước theo đó chạy vút đi, và những đám núi thấp, lởm chởm, mốc thếch, nhảy chồm lên thành những hình thù quái dị! Cái vùng cây số hai mươi cách Uông Bí này chìm hẳn trong một biển mực. Mấy bóng nóc nhà và những lùm tre cuối cùng ở tít mù đằng chân trời biến đi nốt với những thửa ruộng nhỏ hẹp chỉ cấy được một mùa, cố khai lấn ra bãi lầy mà không được.

Không cứ đêm tối, ngay giữa ban ngày, vẻ cọc cằn cũng gai góc và bao la như thế. Dân đây hầu hết đổ vào Uông Bí, Vàng Danh hay đi Hòn Gai, Hải Phòng làm việc. Còn lại đàn bà và người già thì trông coi con trẻ, bắt cáy và kiếm củi bán. Nhà nào có dăm sào vườn ấy là được chỗ đất tốt lắm. Họ trồng kín rau, khoai, đỗ và đổ đất dựng nền ở ngoài bãi mà ở, chứ không dám lấn vào cái khoảng trồng trọt quí hơn vàng ngọc này.

Suốt dải đường có vừa đúng ba quán nước mà bún riêu là quà sang nhất. Thứ này và kẹo lạc, kẹo vừng chỉ để bán cho khách qua đường, chứ người làng thì đừng hòng, dù chỉ một xu. Mệt lắm, họ vào ngồi nghỉ, uống trinh nước, hút nhờ điếu thuốc rồi ra đi. Trời nắng sém cây cỏ, mồ hôi đầm đìa nhễ nhại cả da thịt rắn như sành, thế mà họ cứ đầu trần, lẽo đẽo trên vai gánh củi nặng trĩu buộc kèm một nắm cơm và ít muối vừng vào chiếc mo.

Huyên không nhìn vào bếp lửa nữa, trông ra ngoài. Cái nền tối thẳm kéo hút lấy mắt Huyên tới một vùng sáng rực thì dừng lại. Uông Bí đây. Giờ đây chắc cũng đang mưa to lắm. Mấy dãy phố lèo tèo nhà gạch và những xóm nhà lá đông đúc của phu, thợ, càng được

dịp lặng đi trong cái yên vắng vang vang tiếng máy chạy của nhà điện, nhà sàn, của xưởng thợ và những đoàn xe goòng chở than thâu đêm ra Đền Công. Những tiếng chuyển động của sự làm việc không ngừng này phải vui lắm, kích thích lòng hăm hở và tin tưởng lắm với những người nghèo khổ như bọn phu lục lộ đây hay những dân vùng chung quanh, họ nghe lúc ban đêm và tưởng đến mai kia con cái họ sẽ có công việc tốt ở những nơi máy móc đó. Được trận mưa to gió lớn thổi tan cái oi nồng đi, giấc ngủ của họ còn có tiếng máy chạy ru thêm, thuốc bổ nào bằng? Sự buồn nản và bại liệt chỉ ở trong người Huyên hay những ai như Huyên sống không phải làm gì, chứ những tâm hồn chất phác và chịu khó đâu bị như thế?

Có tiếng nước rỏ lộp độp gần chỗ Huyên, người chồng giật mình ngoảnh lại, kêu:

– Chết, mưa bắn cả vào đầu ông rồi!

Huyên quay lại, người chồng vội đứng dậy, nâng hai tay cái đàn lên, nhớn nhác tìm chỗ để.

Huyên cau mày đón lấy và phải cố cất tiếng đè qua sự khổ sở:

– Bác cứ dựng ngay cuối giường kia. Dẫu có ướt cái hộp cũng chẳng cần.

Người chồng cười, lắc đầu:

– Không, dựng thế nhỡ ra trẻ nhà cháu chúng nó giẫy đạp phải và hơi đất bốc lên thì hỏng mất! Của bạc chục của các ông chứ ít ỏi gì. Để tôi gạt những quần áo phơi về bên mà treo nó lên vậy.

Huyên xua tay:

– Được bác ạ, dựng lui vào mé trong được mà. Quần áo của các bác phơi để mai mặc đi làm phải để nguyên đấy.

Không dám để người đàn ông phải loay loay vì cái vật chẳng có ý nghĩa gì với họ. Huyên nhấc bổng nó lên, đưa mạnh vào cuối tấm phản.

Người chồng vẫn mở to mắt nhìn Huyên. Ngay đó, người vợ rụt rè hỏi:

– Thưa ông cái đàn tây ấy bên ta chắc không làm được?

– Có bác ạ, giờ bên ta làm cũng không kém mấy.

– Thưa ông, thế mua hết những bao nhiêu?

– Có hơn chục bạc thôi.

Người đàn bà giương mắt lên rồi tươi cười:

– Đàn thế chắc đánh nghe hay lắm! Ấy, năm ngoái cháu ở trong Uông, ngày hội thấy các quan cũng mời các ông trong sở và ngoài Hải Phòng vào đánh đàn. Hàng mấy nghìn người cứ im phăng phắc mà nghe, chưa bao giờ cháu được xem như thế.

Người phu đứng tuổi gật gật:

– Cả cháu cũng chả hiểu là bài gì mà cũng cứ muốn đứng nghe suốt đêm. Thưa ông, vậy vào Uông chuyến này, thế nào ông chả ở đến chủ nhật sau có mấy hội đá bóng thi và học trò tập võ?

Dựng vội quá, cây đàn của Huyên vừa bị một luồng gió mạnh liền đổ sầm xuống. Ren... Ren... Những tiếng ngân ran ra. "Chết chửa", cả hai vợ chồng và người phu bạn đều kêu lên. Huyên cau mày và lần này Huyên thấy sôi hẳn người lên. Huyên nghẹn ngào đứng dậy để lại hộp đàn. Cái móc kền lâu ngày không còn chặt, buột ra, nắp hộp he hé. Huyên run run cài ấn vào. Nhưng vừa buông tay, Huyên thở rít một tiếng nhẹ mở từ từ nắp hộp ra, lờ đờ nhìn cây đàn. Bỗng Huyên cúi xuống, đưa dài mấy ngón tay gạt mạnh lên bộ dây lấp lánh dưới mắt. "Phrưng... Phrưng... phrứng... rưng...". Trong những âm thanh rối loạn nọ, cả da thịt và tâm hồn Huyên vụt đau nhói như bị một loại dây da có móc câu quất lên. Huyên mỉm cười, lắc đầu, đóng lại nắp hộp rồi lừ đừ ngồi vào chỗ cũ.

Tưởng rằng Huyên để ý đến câu mình nói vừa rồi, người phu đứng tuổi cười, nhìn Huyên:

– Hay thưa ông có việc gì kha khá, ông nói với ông chủ ở lại mà làm. Dạo này trong đó có cả nhà Ô-xéc và mới mở thêm mấy dãy phố vui lắm.

Không thể yên lặng được nữa, nghe mãi người ta hỏi mình, Huyên nhìn sâu vào gương mặt dầu dãi với nước da mai mái của người phu nọ, lắc đầu nói:

– Không bác ạ, tôi chỉ có thể ở đây được ngày mai rồi về Phòng ngay.

– Thế ông vẫn làm ngoài Phòng, hôm nay chiều thứ bảy nghỉ đi chơi?

Huyên cúi mặt xuống run run:

– Không tôi chưa làm đâu cả. Nhưng tôi chỉ được ở lại Uông ngày mai thôi... Tôi... tôi...

Người đàn bà đăm đăm nhìn Huyên, mắt long lanh. Y khó hiểu quá. Huyên không đi làm sở nào, sao chỉ được ở lại chơi có một hôm?

Có điều gì bắt buộc Huyên như thế? Hay Huyên đã có vợ con, vợ con Huyên là người buôn bán gìn giữ Huyên, nên Huyên phải trốn tránh mà đi và mới bị mưa rét?

Tâm trí Huyên tê tái hơn vì thêm cái ngạc nhiên của người đàn bà chói vào. Huyên chớp chớp mắt:

– ... Mà có khi tôi ở lại Uông Bí cũng nên. Nếu có việc thì dù chỉ đủ ăn tôi cũng làm... Ba bác ạ, tôi còn vào cả trong Vàng Danh nữa.

Người đàn bà tươi cười ngay nét mặt:

– Thế mà cháu cứ tưởng ông đương bận việc, ngày chủ nhật thì đi chơi. Vâng, ông có làm việc trong Uông hay trong "min" thì công việc của các ông cũng nhàn lắm. Nhưng ông phải ở trọ chứ không thể đưa bà và các em vào được. Đấy nhà cửa chật chội, nước hiếm lắm, mùa bức thật khổ.

Huyên bâng khuâng nhìn lên:

– Không, tôi chưa thành gia thất, tất nhiên tôi phải ở trọ. Khi đó tôi cũng chỉ kiếm những chỗ gần gũi với những người dễ dãi như các bác đây mà ở cho vui thôi.

Người đàn bà nói như reo lên:

– Ông vẫn ở một mình vậy? Phải rồi, những người giỏi giang như ông rồi lấy ai chẳng được. Thế này, cháu hỏi không phải, ông đương làm cho ông chủ rạp hát nào ngoài Hải Phòng mà định thôi vậy? Làng cháu cũng có mấy cậu ra tỉnh học, giờ thôi học mà cũng chẳng phải đi làm gì cả, chỉ tối đến đánh đàn, thế mà có cậu kiếm được bạc trăm một tháng, ăn tiêu sang lắm.

Huyên đã choáng váng, chỉ còn nghe thấy lờ mờ tiếng nói của người đàn bà. A! Người ta đã tưởng Huyên là một con nhà giàu có, đã tưởng Huyên có vợ con: giờ thấy nói Huyên không có gia đình ràng buộc thì y lại tưởng Huyên là một kép đàn, một thứ nghệ sĩ khốn cùng, rạc rài sống vất vưởng với những gánh hát trôi giạt, nhưng bề ngoài vẫn ra vẻ phong lưu. Phải! Người ta cho Huyên vào hạng như thế cũng rất đúng. Không có nghề gì, không làm đâu mà kè kè cây đàn bên mình thì chín phần mười Huyên phải nhờ sự đàn hát mà sống.

Thật ra Huyên không hẳn như thế. Huyên không đàn cho gánh hát, cho tiệm ăn tiệm nhảy, nhưng từ ngày thôi học và đàn giỏi, Huyên cứ nay tụi bạn này cho ăn, giúp mặc, mai nhà kia mời đến ở, bao đủ mọi sự tiêu pha, rồi một gái nhảy, một bọn thiếu nữ ăn không

ngồi rồi khác nhờ dạy đàn và tặng tiền. Ngày Huyên chỉ dông dài với cây đàn rồi tối lại thâu đêm ở những nhà hát, những tiệm nhảy, tiệm hút. Huyên đã núp dưới cái danh nghệ sĩ mà sống bám vào lưng người ta. Hẳn Huyên làm một kép đàn hay một anh xẩm kiếm tiền trước công chúng, chứ đây thứ nghệ sĩ của Huyên chỉ là một thứ nghệ sĩ ăn mày, thứ nghệ sĩ trùng bệnh độc sống bằng khí lực người ta, hút cạn ý chí của người ta và làm trụy lạc bao cuộc đời, mà nhiều hạng người vẫn ca tụng và khao khát gần gụi.

Tâm hồn Huyên đau như xé ra; Huyên nhìn đắm vào những ngọn lửa vàng rực, một ngón chân di di lên đất. Nước mắt bên trong tràn ra đầm đìa. Huyên phải hết sức nén lòng để tránh sự vỡ lở. Ngập ngừng mãi, Huyên mới nói, giọng gần nức nở:

– Không! Tôi vẫn dạy học tư đấy bác ạ, tôi mới thôi ít lâu nay. Trong quê nhà tôi cũng cấy được dăm mẫu. Ông bà tôi mất sớm được một mình tôi nên tiền bán thóc tôi tiêu cũng thừa. Giờ tôi đi làm là tự ý đấy thôi, chứ có ai bắt tôi đâu!

Câu nói trên đây vừa dứt, thêm một sự trói buộc nữa lan ra khắp ngực Huyên. Huyên đã nói dối! Huyên nào có dạy học. Nhà Huyên nào có cấy được lấy một mẫu! Thầy mẹ Huyên mất để lại cho Huyên vẻn vẹn năm sào ruộng thì bà cô Huyên nhận và phải cáng đáng mọi giỗ tết. Huyên còn cái nhà gỗ năm gian và hơn sào vườn nhưng ở nhà quê ai thuê? Sự sống của Huyên hoàn toàn không có chút căn bản gì. Xác thịt, Huyên sống vất vưởng, nhiều bữa ăn đến bội thực, nhiều bữa lại chẳng có gì, về tinh thần cũng thế, Huyên luôn luôn vui đến mê tơi rồi lại buồn lả đi như chết. Nào một năm? hai năm? Đã hơn năm năm! Năm nay Huyên đã hăm sáu tuổi.

– Thưa ông...

Người đàn bà vừa cất tiếng, đứa bé út thức giấc khóc oa oa. Nó đạp tung chăn ra, lồm cồm bò dậy, nhớn nhác tìm. Người đàn bà bỏ dở câu chuyện, hớt hải chạy đến ôm chầm lấy đứa bé. Y bế vác con lên, vỗ mạnh mạnh vào người nó:

– Nao ôi, con tôi đây mà. Con trai tôi đã dậy mà tôi không biết.

Đứa bé cứ cong người lên, mặc sự nựng nịu của mẹ. Nó khóc thét như bị cắn cấu ấy. Người mẹ phải ẵm ngửa nó ra vạch yếm cho bú và cao giọng ru. Dưới mái tôn gần chấm đầu người, tiếng ru vang vang cố át tiếng khóc đi mà không được. Đứa bé cứ túm lấy yếm mẹ kéo giằng

ra vừa đạp thúc chân vào bầu sữa. Người mẹ cuống quít gỡ tay nó, cười:

– Trời đất ơi! Dữ quá, dậy không thấy bu mà hờn thế này đây. Thôi bu xin, bu thương con trai, con trai bu bú đi.

Người chồng nhíu mày gắt:

– Không chiều thế được. Lên hai ăn cơm được rồi, không cho bú nữa. Cái thói đâu cứ phải mẹ nằm bên mới chịu ngủ. Lại sán hơi như cái gái chị trước kia thì còn làm được việc gì?

Đứa bé như hiểu câu trách mắng lại cong người, ngoác miệng khóc, người đàn bà cau mặt nhìn chồng:

– Tôi tức sữa lắm rồi, nhà để cho nó bú thôi. Từ trưa đến giờ, nó được miếng nào đâu. Chỉ được cái ác! Dứt lời, người mẹ cúi xuống lấy vạt áo chùi chùi vào mắt và hai má hồng hào của đứa bé. Y áp mặt nó sát vào ngực, vừa vỗ nhẹ vào lưng nó và cho nó bú. Đứa bé còn nức nở một lúc nữa mới chịu ngậm vú. Nó hừng hực như người chạy thi và khát nước sắp lả đi. Một tay nó quều quào yếm mẹ, con mắt nó đen láy nhìn ra ngoài lửa sáng.

*

*   *

Vợ chồng người phu nói với nhau nhiều hơn nữa, nhưng Huyên không bắt lời. Mặt Huyên càng bừng bừng như sắp bị những ngọn lửa trong bếp quấn quít lấy. Đứa bé đã nín, chỉ còn khụt khịt. Người đàn bà về ngồi chỗ cũ đối diện Huyên, lấy thêm cái áo cũ của chồng ủ cho nó. Đứa bé, mắt dần lim dim, không nhìn ra ngoài mà hướng lên mắt người mẹ. Cặp mắt nâu trong, mày to nhưng mượt này cũng lờ đờ nhìn lại. Và miệng y phớt một nụ cười giấu giếm, e thẹn.

Một lúc sau, Huyên không dám nhìn thẳng vào hai mẹ con. Huyên lại trông ra ngoài trời, qua chỗ hổng ở tấm liếp làm cửa. Càng ngồi yên, Huyên càng lặng đi, tê tái. Vóc người mẹ tầm thước, gương mặt đầy đặn, và đứa bé bụ bẫm ôm vừa lẳn gọn trong vòng tay nọ, rời khỏi nền lửa vàng rực, hiện ra giữa bầu trời tối thẳm trước mắt Huyên. Y vẫn cho con bú, đứa bé vẫn thoảng vào tai Huyên những tiếng ụt ịt do cặp môi mỏng và tươi nún nún lấy vú sữa nở.

Huyên nghẹn ngào sâu hơn mãi. Bên cạnh hai mẹ con này, dần nổi lên cũng một vóc đàn bà nhưng bé nhỏ. Y trắng xanh, gò má

cao, mắt lờ đờ. Y cũng mặc cái áo dài nâu đã bạc, vá vai và cái quần vải thâm dày cộp. Rõ ràng, mắt y ánh lên, cúi xuống một hình hài hồng hào thiêm thiếp bú. Một cảm giác sắc và lạnh gờn gợn trên trán Huyên. Những tiếng nức nở dồn dập vỡ ra không kịp trong lòng Huyên. Cổ họng Huyên bị bóp ghì hẳn lại. Mẹ Huyên và đứa em nhỏ của Huyên đã lại sống lại trong cái lúc Huyên cố nuốt những giọt nước mắt mặn chát cả tâm trí. Bà mất năm Huyên mới lên mười, sách vở mua cho cứ bị nhem nhuốc và bỏ quên trong đám khăng, đám đáo, hàng quà. Ngày đó Huyên còn ở nhà quê. Mẹ Huyên tuy góa chồng sớm và còn trẻ, nhưng nguyền ở vậy cho tới chết với Huyên. Bà không về với cha mẹ, cứ lần hồi với hơn mẫu ruộng và mấy sào vườn nuôi Huyên đi học. Làng Huyên cuối vùng biển, không kém vẻ cọc cằn ở đây mấy. Không có những quả núi xù xì, nhưng nó cũng thừa làm người ta rùng rợn những ngày nắng chang chang, ruộng vườn khát nước như người ốm nặng đợi thuốc. Cả vùng toàn bãi lầy, nước mặn, váng riêu cua, sú và cỏ dại mọc đầy cứ bốc khói ngùn ngụt. Không cứ phải bị như vụ chiêm năm nay nắng dữ thế, thường thường thì cả vùng không thể cày cấy được tí gì. Thóc gạo đối với người làng còn quý gấp mấy mươi vàng. Tất cả những mong muốn khát khao của họ chỉ ở trong hột gạo. Họ làm, họ kiếm được cái gì đều chắt vào hột gạo, ngoài ra thì vào những công nợ không bao giờ hết mà họ chịu day dứt để mà ăn lấy sống. Cùng với họ, quanh năm mẹ Huyên chỉ bữa cơm bữa cháo và tháng ba ngày tám thì ngô, khoai, có khi củ chuối nữa, thay cơm. Bên mẹ, Huyên vẫn ăn no, cơm cá thịt như con nhà giàu. Đôi khi Huyên nổi lòng thương mẹ, phụng phịu không ăn vội, ép mẹ phải ăn với mình. Nhưng mẹ Huyên lại gắt lên, đứng dậy ra chỗ khác.

Bà rung động vô cùng vì cái tính ngọt bùi chia sẻ của con sớm tỏ ra trong cảnh cùng khốn, song bà không thấy cơ cực lắm vì khổ sở quá mà phải bóp mồm, bóp miệng để nhường nhịn thế này. Đó là một điều tất nhiên. Chung quanh bà, hầu hết những người có chồng có con đều chịu thế cả. Nào bà có nghe một ai hé răng ca thán một lời? Người ta vẫn tươi cười cày cấy, mò cua, bắt ốc, làm hàng xay hàng xáo và chợ búa quần quật suốt ngày, suốt năm. Chính ngay bà, bà cũng chẳng thấy nhọc nhằn, thèm thuồng đau đớn gì lắm, vậy bà kêu ca sao được? Bà sống khác thế nào được?

Mẹ Huyên như thế cho tới lúc hấp hối. Trong cái giờ bà biết

mình không thể sống làm việc nuôi nấng và vui vẻ với con cái nữa, người ta mới được nhìn bà quằn quại và lộ mấy tiếng rên rỉ. Trên giường, thân thể bà quất như một dây chão xác, cứ run run, hết vật tay sang trái lại quật mình về bên phải. Bà cố nằn nì người họ dẫn Huyên vào:

– Con ơi! Mẹ chết mất!... Trời ơi!... Tôi bỏ con tôi làm sao mà đi được hở trời?... Sao thân tôi lại khổ thế này hở trời?! Sao đời mẹ lại cơ cực đến thế này hở con?...

Huyên mếu máo nắm chặt lấy tay mẹ:

– Không! Bu ơi! Bu ở với con cơ...

Người cô Huyên lại phải lôi Huyên ra. Lần này, mọi người cùng nhất định giữ Huyên, bên một nhà người họ, để mẹ Huyên đi cho xuôi, không bà cứ ngất đi lại tỉnh dậy mãi. Chính người cô này nhận lời trối của mẹ Huyên nuôi nấng, chăm nom Huyên. Bà cũng gầy yếu như mẹ Huyên, nhưng bà xấu xí lắm. Bà bị chồng bỏ lửng hơn năm, đoạn hắn đi lấy vợ khác. Sau có mấy người hỏi bà rồi lại thôi. Bà mặc kệ vì bà cũng không thiết cảnh chồng con mấy. Từ ngày Huyên được giao phó hẳn cho bà, bà thấy không còn gì để bà ao ước, vui tin hơn nữa.

Ở với cô, Huyên bỗng bớt ngỗ ngược, chịu sự đe nẹt và khuyên bảo. Huyên luôn luôn bên cạnh cô và thấy thương cô vô cùng. Tình mến thương này có lẽ còn nồng nàn hơn cả đối với mẹ Huyên khi còn sống. Huyên chọn mấy đứa cùng mồ côi hay cùng nghèo nàn như Huyên mà chơi rất thân. Sự cô độc và khổ sở của Huyên còn khiến Huyên bùi ngùi, bâng khuâng cả trước những gia đình sống lần hồi rau cháo chung quanh Huyên mà con cái họ nheo nhóc, không mấy đứa được học hành, chúng thường tìm đến Huyên.

Năm Huyên mười bốn, Huyên đỗ bằng Sơ học Pháp – Việt. Một người họ ngoại buôn bán ở tỉnh, thấy Huyên học được thì khẩn khoản với cô Huyên cho ra với y, để y trông nom. Nhưng Huyên chỉ theo học thêm ba năm nữa rồi Huyên nói dối có việc đi làm, và Huyên đã lớn, xin cho Huyên được ở riêng, kiếm lấy nuôi thân. Cuộc đời thuở đó dễ dàng quá trước mắt Huyên, Huyên muốn làm đâu chả được. Huyên đương trai tráng, lo gì không bay nhảy xa. Và đàn giỏi, bạn nhiều, được ai quen cũng không rời bỏ cái tính nhu mì của Huyên. Như thế Huyên thiếu gì giúp đỡ.

Thôi học và "ra đời", Huyên chẳng phải làm lụng khó nhọc mà

cũng đủ ăn, đủ mặc và luôn luôn còn sung sướng hơn kẻ giàu sang. Cứ thế tới hơn năm nay, cuộc làm ăn mỗi ngày một gay go, người ta phải trầy trật mới kiếm được đồng tiền, sự dễ dãi cùng lòng tin yêu hẹp dần lại, Huyên đã phải nhiều lúc bàng hoàng rồi cau trán lại, rùng rợn nhìn những cảnh khổ lăm le lôi cuốn Huyên.

*

* *

Lắng vào vùng tối thẳm, mắt Huyên đã chói nhức. Mưa gió ào ào trộn với những đốm sáng ở mắt Huyên tia ra, dày đặc lại và ngời hẳn lên. Bên tai Huyên, những tiếng ngáy của bọn phu nằm bên kia nghe càng giòn, nhịp nhàng. Huyên thở dồn dập. Huyên thấy trong người nóng nực và đau xót như bị cào toạc ra. Những ý nghĩ sôi nổi mở ra nhiều thêm. Chợt Huyên lắc đầu, mím môi, thở gằn một tiếng.

Huyên ghê rợn, Huyên thấy rõ ràng đời mình đen tối và khốn nạn vô cùng, không còn một cái gì tô điểm, che đậy lấp láp được nữa. Huyên sống bao năm như thế có nghĩa gì? Nếu Huyên cứ thế, có khác gì một kẻ ho lao không chịu chạy chữa cứ lao đầu vào những cái vui tạm bợ, mặc cái chết đến lúc nào cũng được. Huyên đương bị đục khoét bởi một cái sự thối tha song không chịu nhìn nhận ngay. Huyên đã tưởng đàn hát, nhởn nhơ như Huyên thế là làm được những cái mới lạ, khác thường. Nhưng đâu? Và những cái gọi là hay, là đẹp, là tuyệt diệu ấy có ích lợi chút nào cho đời người, hay chỉ để vui tai, mê hồn và đắm đuối cho một hạng người lười biếng, nhẫn tâm?

Cái âm nhạc ấy chỉ là cái âm nhạc phóng đãng, trụy lạc của những thứ linh hồn ốm yếu, sống những cuộc đời chết mà vẫn tưởng là cao trọng, vẫn ca tụng thêu dệt bằng chữ vàng. Không ở trong sự làm việc, gom góp hơi thở với sự sáng tạo của chung quanh, không biết những nỗi nhọc nhằn, những quằn quại, những lo âu, những sự nỗ lực để được sống, Huyên và bọn nhạc sĩ dông dài và ỷ lại như Huyên không cảm thông với cái âm nhạc dồi dào của tinh thần con người chiến đấu cùng sự vật.

Cái âm nhạc làm bừng sáng những tính tình, làm rộng rãi những tâm hồn, làm nảy nở mạnh mẽ thêm ý chí trong sự vui tin, Huyên không nhận thấy và dám nghĩ tới. Cái âm nhạc reo theo những điệu

tưởng như khô khan ấy, chẳng kém chút gì những hiệu lực tràn lan của những nghệ thuật văn chương, hội họa, điện ảnh chân chính. Những cái này khiến loài người hiểu biết thêm nhau, ràng buộc thêm với nhau mà đưa văn minh đi cao, xa hơn, nhanh hơn trước những cản trở mỗi ngày một tan của tự nhiên mênh mông.

Không phải chỉ để riêng mình, mà âm nhạc nảy lên còn để cho đoàn thể. Đó là cái âm nhạc đã tiêu biểu những đặc sắc của một dĩ vãng bất hủ, một sức sống bất diệt của một dân tộc trong những chặng lịch sử nguy nan, tối tăm, một làn sinh khí bốc trên những mặt đất đẫm mồ hôi nước mắt của đám dân ấy, một cái hồn muôn tiếng, muôn lời nó rung chuyển người ta như hồn người mẹ mà người ta bú sữa. Qua các đại dương, các rừng thẳm, từng bản nhạc ấy bốc lên, bay đi, hòa lại. Một thứ ánh sáng hào quang tỏa ra làm nền cho những điệu rộn ràng kia mà ai nghe cũng hiểu, cũng cảm, cũng phải cất giọng lên để dội vào không trung.

Nhưng cái âm nhạc phóng đãng của Huyên, cái nghệ thuật trụy lạc của Huyên với mọi người chung quanh Huyên?! Chung quanh Huyên, người ta đều phải làm những việc quanh năm chí tối không thể rời bỏ cho ai được. Những việc không có nó thì cuộc đời không thể tồn tại được. Những cái cần dùng tối yếu như cơm ăn, áo mặc, nhà ở, xe đi, sách học, thuốc uống mà chỉ có sức làm việc cần cù là tạo ra được. Huyên và ai ai có muốn chối cãi bằng bao nhiêu lý lẽ cũng không được.

Huyên! Huyên đã chỉ để người ta nuôi sống mình mà không mất gì cả. Bao nhiêu cái du dương huyền ảo, thi vị hay xuất thần, hay gì gì nữa mà Huyên cố làm ra cho nó, đều tiêu diệt. Đó chỉ là những cái bỏ đi không tiếc! Và cũng cần phải bỏ đi cho bớt sự giả dối, say sưa và mê hoặc ở đời. Với những khoái lạc cho là của một nghệ thuật tuyệt vời ấy, ngay chính Huyên, cũng chẳng thể tìm được chút an ủi ham vui trong sáng. Huyên đã chẳng nhiều phen chực đập đàn đi vì thấy mình quằn quại trong một cái trống rỗng đen kịt là gì? Vả lại, nếu tất cả người đời cùng ích kỷ như Huyên, hễ đau khổ là đấm vào sự mê say, là đi tìm cái quên, mà không lo lắng gánh vác những công việc phần mình thì sớm tối mặt đất sẽ thành một rừng hoang và Huyên sẽ chết rũ ra.

Huyên còn trẻ, còn nảy nở, còn bao nhiêu hăm hở. Huyên chẳng việc gì phải buồn tủi, phải quên, Huyên cứ đi thẳng vào cuộc đời, xốc

vác lấy một phần công việc với mọi người. Huyên chăm chỉ, chịu khó, và tin tưởng cùng họ. Cái nghệ thuật âm nhạc của Huyên hòa hợp cùng tâm hồn họ. Những tiếng đàn của Huyên nổi lên thật là của những lòng yêu thương, những niềm tha thiết, những trí mạnh mẽ, những ý thức của con người biết rung động trong sự đau khổ và biết cùng nhau vượt tới những cõi đời tươi tốt rộng rãi. Sống như thế tức khắc đời Huyên sẽ rực rỡ đáng sống vô cùng. Không được quyền trốn tránh, giết mình trong sự chán nản, phải vững bước vượt qua những chặng đường gai góc và u thảm của cuộc đời đương tiến tới sự tốt đẹp do tay những người lao khổ cùng nhau tạo ra. Sự sống bắt Huyên phải thế. Ngoài ra Huyên chỉ là lường gạt, phản bội, hèn nhát, đê hạ vô cùng.

Huyên quắc mắt lên, nhìn ngập hơn nữa vào trời tối. Huyên càng thở mạnh, những sự tức tối đè lấy ngực Huyên không còn nữa. Tâm trí Huyên lại nóng bừng những khoan khoái khác thường. Cái cảnh đồng ruộng và bãi lầy cọc cằn của làng Huyên, đây mẹ Huyên, cô Huyên và bao nhiêu người cùng xơ xác vì dầu dãi bao năm đem hết sức ra làm việc, lại vụt hiện ra trong trí tưởng Huyên. Nối thêm vào những hình ảnh nét rắn như thép và sáng ngời ấy, hết lớp này đến lớp khác những cảnh làm ăn ồn ào gay gắt. Trước mắt Huyên, những mặt đường tấp nập và những phố xóm đông đúc mở rộng thêm với những dòng người quần nâu, áo vá, lấm láp dầu mỡ, cát bụi, họ hỏi gọi nhau vang vang và chen lấn nhau dồn dập.

Huyên buông cánh tay khỏi đầu gối, nắm chắc bàn tay lại đấm đấm xuống đất. Qua những hơi thở gấp, Huyên nuốt nước bọt ừng ực. Huyên thấm thía sau cái lần chua xót tê dại này, bắt đầu từ phút sôi nổi sung sướng này, Huyên không thể nào xa những con người kia. Huyên phải mãi mãi đứng bên tay trái họ, cảm thông tận tâm hồn với họ mọi sự đau khổ, vui tươi, mong ước và tin tưởng. Đời Huyên bắt vào cõi đời họ như rễ cây tơ bám riết lấy lòng đất, càng lâu bao nhiêu càng vững chắc bấy nhiêu, nảy nở bấy nhiêu với những màu mỡ không bao giờ cạn. Một phần ý nghĩa gần nhất của sự sống đó, Huyên dang hết cánh tay ra ôm lấy và cất bước ngay lên.

*

* *

– Trời ơi! Thôi chứ, đã bú rát cả ngực người ta rồi, mà còn day day mãi thế này!

Người mẹ nhăn mặt, ấn nhẹ ngón tay vào má đứa bé rồi xoa xoa ngực. Đứa bé bú sắp no chỉ a a mấy tiếng, đoạn nhả núm vú ra. Nhưng vừa rời khỏi bầu sữa, nó được mẹ xóc sang bên kia liền bập ngay miệng vào vú và bặt tiếng làu nhàu.

Cả người cha và người phu bạn cùng kêu lên: "Hư! Hư! Thế thì hư quá. Thôi chứ!..." Huyên choàng mắt quay lại nhìn đứa bé. Ngay đó cặp mắt đen láy dưới vành mi phớt như tơ của thằng nhỏ, giương lên, thoáng chiếu vào mắt Huyên. Người mẹ cau mày, hừ một tiếng và cười. Y cũng ngước mắt lên, đưa nhìn cả chồng, người phu bạn và Huyên. Mắt y lấp lánh như đầy lửa, tay y xát mạnh lên bầu vú ban nãy nở tròn thế mà giờ chảy hẳn xuống trước tấm ngực đầy.

Gió lạnh lồng vào. Vai Huyên rùng lên. Nhưng Huyên không thấy rét. Một cái êm mát tươi sáng cùng làn gió thổi vào đầu Huyên. Huyên thở mạnh, chơm chớp mắt, cúi đầu xuống, bàng hoàng.

1938 – 1943

In trong tập *Hai dòng sữa*.
Nhà xuất bản Hàn Mặc, Hà Nội, 1944.

NGƯỜI MẸ KHÔNG CON

(Truyện ngắn)

Chưa bao giờ Mão Chột thấy khổ cực như bây giờ. Hắn thua xóc đĩa hết cả sáu đồng bạc tiền mười công làm vừa lĩnh xong và lại còn đèo thêm năm đồng vay của con mụ "chào tiền khách" ở ngoài sòng, cứ một đồng lãi ba hào một tháng. Không còn một xu dính túi! Không còn thể vay mượn ai! Không còn thể cầm bán vật gì trong nhà được nữa.

Bước khỏi ngưỡng cửa, Mão Chột gieo mình xuống giường. Hắn bỏ thõng chân, một tay vắt trán. Hắn thở phì phì và thỉnh thoảng lại rít lên khe khẽ.

Tiếng trống cái vẫn khua inh ỏi. Trên bục rạp hát, những trẻ con cứ sấn sổ cướp lấy cái dùi. Chúng nó chen lấn nhau, chửi nhau và kêu hét ầm ầm. Thêm không biết bao nhiêu đứa nữa tuôn lên đó đua nhau chạy nhảy. Các cột gióng rung chuyển, cát bụi lầm mù mịt.

Vút! Vút! Cái roi mây của tên phu điếm lại quất tới tấp lên đám trẻ. Một phần đông chạy rào rào xuống đất, tản ra khắp ngả. Những tiếng khóc của những đứa lóc nhóc theo đứa lớn đi chơi, ran lên như ri. Những tiếng trống vẫn vang âm với những tiếng giậm chân thình thình và vỗ tay, reo hò.

– Chúng mày thì chỉ có Quan ôn, Hà bá là dạy được thôi!

Nghe tên phu điếm môi dề và thâm tái nọ gờm mắt gầm rít, những đứa trẻ liền nhăn răng ra cười. Chúng nó bảo nhau cũng "lúp hơ" và xỉa đều tay vào cái mặt nghiện bủng ấy. Chợt, xế rạp hát, trước một sòng tổ tôm điếm, nổi ran một tràng pháo. Trẻ con bâu ngay đến đó, và, ở những hàng quà, người ta đổ dồn cả mắt về phía mấy cái xe tay vừa sịch xuống sân chùa.

– Cai Túc! Cai Túc đã đến!

Cai Túc, quần lụa mỡ gà, áo sa phủ áo gấm lam hoa bạc, làm ra vẻ rất bệ vệ, bước xuống xe. Theo sau hắn, một bọn sáu người quần áo nhố nhăng không kém. Thoáng trông ra, lão chủ sòng liền toét miệng cười, bước vội ra, giơ tay khom người mời. Trong khi ấy, cái

vòng người chen vai thích cánh nhau trước điếm bài lại ồn ào xô đẩy nhau và giãn ra.

Mấy tên phục dịch được dịp lấy lòng chủ, tíu tít cả lên mời chào và xếp chỗ cho bọn khách có tiếng là chơi sang với người cai bao thầu họ.

Chiếc trống cái càng rung những hồi thôi thúc điên cuồng. Nắng xuân giội rào rào xuống mái ngói đỏ tươi của ngôi chùa và những cờ bay phấp phới. Từng hàng xác pháo bay lên rồi giạt vào bờ cỏ xanh bị xéo lụn. Những ánh vàng ngời thêm ra ở những đồ đồng, đồ sứ, kiệu, võng, bát bửu bày trước cửa chùa và ở những rồng phượng nạm thủy tinh, mảnh sứ trên mái, trên tường. Cả ba đám xẩm đều kín người xem. Đàn nhị tấu lên như ễnh ương kêu gọi nhau trong đêm tối, sau trận mưa rào.

Trong người Mão Chột đã bốc lửa. Ruột gan, đầu óc hắn đau đớn, tức tối như bị cào xé, nghiến đứt. Hắn nhìn trừng trừng lên cái nóc nhà thấp của hắn ở. Qua những chỗ hổng, nắng xỉa xuống những vạch sáng rực trong đó bụi bay loạn xạ như đàn ong vỡ tổ, chực bâu vào mặt hắn.

Mão Chột ghê rợn. Hắn nuốt ừng ực những cái nghẹn dồn. Ô kìa! Ở đâu mà bay ra nhiều giấy bạc thế! Toàn những giấy mới tinh, thơm phức. Giấy năm đồng, giấy hai đồng và cả giấy một trăm đồng nữa, cứ vung lên trước mặt hắn, hằng hà sa số. Đồng thời càng khua lộng trong tai Mão Chột tiếng tiền xóc đĩa reo rộn ràng, tiếng rao bài ngân nga và lại tiếng trống tưng bừng.

Đám bây giờ mới vui. Ba giờ chiều đúng rồi. Phường chèo cải lương sắp đến diễn buổi đầu với tích *Nỗi oan Thị Kính*, sở trường của họ để trưng tài. Và nhân dịp họ cổ động cho ban tổ chức đám hội này, ấy các quan viên sành sỏi thế đấy. Trong chùa chỉ lát nữa đèn nến sẽ sáng choang, nhang trầm nghi ngút, người lễ bái không còn chỗ nào đặt chân.

Đã sáu năm nay mới thấy làng này vào đám. Vẫn mang tên cũ, nhưng hầu hết đất làng đã biến thành phố, ngõ và xóm rồi! Mấy ông già chức sắc kia và mấy ông già cố cựu trong làng vừa quyên tiền tu bổ xong ngôi chùa còn sót lại nọ chẳng có sư mô trụ trì và gần như bỏ hoang. Nhân ngày xuân, họ xin phép mở hội để khánh thành cái công trình vinh dự kia, vừa để họ lại được những buổi hội họp để khoe ăn, khoe nói giữa thiên hạ.

Những trai gái quanh năm làm ăn đầu tắt mặt tối nhờ đó có dịp

chơi bời và những trẻ con mê say rước xách được thỏa mãn. Suốt dải đường vào xóm, người ta lại bày bán những bát khế, những liễn trám dầm đường, những lọ lạc rang, ô mai, hạt dưa và những hộp pháo tép, pháo xiết dưới nắng mới rực rỡ, làm cái không khí Tết kéo dài thêm chút nữa. Cho tới khuya, ở những điện thờ đàn hát trầm bổng và hương hoa ngào ngạt, những người mẹ chỉ còn biết tin cậy vào thần thánh lại tha hồ ganh đua đồng bóng.

*

* *

Vợ Mão Chột bước vào nhà hồi hộp. Mắt mụ chớp chớp nhìn. Mụ lại thấy chồng mụ nằm sóng sượt thế kia sau mấy đêm ngày đi biền biệt. Quái gở!

– Thôi ăn hay không cũng mặc! Không ăn nhà thì chốc nữa lại ra ngoài đám mà nốc rượu!

Mụ Mão nghĩ thế, và, mụ đã quay gót, một ý nghĩ khác kéo mụ dừng lại:

– Hừ! Nằm thiếp đi và thở như uống nước thế kia chắc mệt và đói lắm! Cơm nước ở nhà không ăn lại ra rượu chè thì còn hơi sức nào! Thôi cứ liều đánh thức ông ấy dậy, mình đi rang cơm cho ông ấy ăn vài miếng rồi muốn đi đâu thì đi.

Nhưng tưởng tới sự cáu kỉnh như điên cuồng của hắn, nếu do mụ mà nổ ra trong lúc này thì thật mụ đến chết mất thôi. Thôi đành để hắn nằm nguôi đi, lúc nào hắn dậy, mụ sẽ mời hắn ăn. Mụ Mão lẳng lặng xuống bếp. Mụ bỏ rau và tép ra rổ để nhặt tý nữa nấu với dưa và cà chua. Mấy hôm nay, Mão Chột không ăn cơm nhà, nồi thịt kho tầu chỉ mình mụ ăn. Mụ đã ngấy mỡ và xót ruột quá lắm rồi, tưởng đến phải bỏ cơm, mà mụ đã bỏ cơm thì còn quà bánh gì cho lại được, còn hơi sức đâu mà đi làm nữa?

Con chó Vàng đã đến bên cạnh mụ Mão lúc nào không biết. Nó nằm áp bụng xuống đất, thô lố mắt nhìn mụ, lưỡi thè lè thở hổn hển. Cái bức sốt đã báo hiệu rồi! Sự nhọc mệt cơm nước chẳng thể nuốt trôi chỉ mai kia thôi sẽ vật nhoài cả nó và người ta ra. Và kia kìa, chồng mụ đương thiếp đi vì cái nắng đã lại lầm lên cùng cát bụi đấy.

Vợ Mão Chột đưa mắt nhìn con Vàng. Bất giác mụ nhìn luôn về

phía chồng. Tuy hắn ta quay mặt vào bức vách, nhưng mụ thấy rõ ràng một con mắt hắn đang lim dim cạnh một bên con ngươi lồi lên như đầu con ốc khêu thây lẩy. Vài con muỗi vo ve. Vài gợn khói lởn vởn ở trong cùng giường Mão Chột nằm. Trong cái im vắng lờ mờ, Mão Chột đương nghĩ gì thế? Hay Mão Chột đương bị những sự nung nấu, day dứt căng cả người ra?

Vợ Mão thở một tiếng nhẹ rồi cúi xuống mớ tép. Dưới mắt thẫn thờ của mụ, những vảy ốc con, những hạt sỏi và những vụn cỏ vứt ra, dần dần biến đi để hiện lên những đống gạch, đá, gỗ xếp đầy hai bên bờ một dòng sông đục ngầu. Suốt đấy, những lớp xe bò kéo đến, và chở đi rầm rập. Cát bụi tỏa mù mịt. Mồ hôi người ta toát đầm cả ra áo. Mặc, người ta chỉ đưa cánh tay gạt qua mặt rồi cứ vừa thở vừa làm việc; ông già, đàn bà, con gái, trẻ con đều thế cả.

Mụ Mão càng lặng người đi. Thêm bao nhiêu hình ảnh và vang động ồn ào nữa nổi lên trong trí tưởng mụ. Những ống khói đen sạm, những nóc xưởng máy san sát và rộng mênh mông. Những cửa lớn như những ngã tư đường mở toang ra để nhìn thấy hết cả những lớp máy chạy ầm ầm và người làm mải miết. Và những cột buồm, những ống khói tàu tua tủa cất ngọn lên trời xanh. Khu Xi Măng và khu Hạ Lý bên kia sông Lấp; khu Bonnal bên này; khu Sáu Kho và Máy Bát xa kia... Cảng Hải Phòng đấy đương sầm uất, vui vẻ với những người làm việc cùng từ thuở nhỏ chịu khốn khó như vợ chồng mụ.

Hôm nay, nếu vợ chồng mụ không nghỉ, thì cả hai phải có mặt trong đám phu phen thợ thuyền ấy. Chồng thì khuân sắt hay vác các hòm đinh thiếc cho sở, vợ thì đẩy xe chuyển những thứ ấy đến kho.

Thường thường mụ Mão dậy trước, từ bốn giờ sáng, thổi cơm hai vợ chồng ăn. Tới chỗ làm nhận thẻ vừa đúng sáu giờ. Trưa, hai người ăn qua quít mấy khoanh cơm nắm, ngồi uống nước một lúc rồi lại bắt tay vào việc, tối mịt mới về nhà. Liên miên như thế hàng bao nhiêu năm, dù nắng, mưa, bão, rét, mụ Mão cũng chẳng dám ngại ngùng chán nản, mà chỉ những lúc nghỉ lâu không có việc phải ở nhà là đáng sợ vì sự buồn bã đứng ngồi không yên.

Quái lạ, sao chồng mụ và nhiều người khác lại cứ thích ở nhà? Và sao hễ ở nhà là không rượu chè thì cờ bạc? Những người máu mê như thế từ hồi còn trai trẻ không nói làm gì, đây cả những người mới đâu năm kia còn hiền lành và chỉ biết có làm việc chắt bóp dành dụm, mà đùng một cái cũng trở nên bê tha thì là nghĩa lý gì? Rồi

đương xốc vác, vui vẻ, họ thành phờ phạc, cau có, làm khổ cả vợ con; đương là một người tử tế, họ đâm ra phá tán, độc ác, đầy tội lỗi!

Nghĩ đến các sự tối tăm khó hiểu đó, mụ thường thấy hoang mang, đau đớn. Mụ chua xót nhìn những chỗ đồ đạc đã bán đi. Không! Đó không phải là cái tủ, cái bàn, chiếu giường bị người ta mua rẻ, nhưng là xương thịt của mụ bị nhai ra, bởi những con thú dữ là các chủ nợ và các con mẹ chào tiền cờ bạc, chúng nó chỉ lăm lăm nhảy đến cấu cổ người ta.

Mụ Mão kiếm mỗi ngày chỉ được năm hào là cùng, nhưng mụ cố hết sức không động chạm tới. Mụ giấu những tiền ấy đi để chơi họ và chung phần với phường buôn ngoài Sáu Kho. Mụ chỉ chi tiêu mọi đồng trong nhà với tiền của chồng đưa. Về phần miệng mụ, mụ ăn gì mà chả được! Tý mắm tôm bắc, tý dưa muối, mớ rau muống luộc, cơm nước của mụ thế là sung sướng lắm rồi. Còn ngoài ra, mụ chỉ cần lo mỗi ngày chồng mụ có một bữa rượu ngon và mụ chỉ mong chồng mụ tin rằng mụ phải tiêu nhiều việc trong nhà, hắn đưa đều tiền về nhà cho mụ trang trải, nhưng mụ giấu bớt đi sắm sửa và làm dấn vốn.

Vô ích! Thứ gì đáng giá mà mụ Mão mua được, thì khi chồng mụ túng tiền cờ bạc cũng bị đem bán như vứt đi và gạt bừa nợ. Bàn, ghế, mâm, thau, bát đĩa, và cả chăn, màn, quần áo nữa, đã lần lượt hết bọn này bọn khác theo nhau chui vào cái bát, cái đĩa, ống tiền hồ của sòng bạc và những cút rượu uống cháy cả tim phổi những đêm khuya con người phờ ra. Cả dấn vốn của mụ, hắn cũng moi ra hết. Nói lời không được thì dùng cổ tay, gót chân.

Hết năm ấy sang năm khác, hết cuộc phá tán này đến cuộc phá tán khác, giờ mụ Mão không thể sao can ngăn và gần hết hy vọng hàn gắn, gây dựng. Mụ chỉ còn mong trời đất thay đổi hắn thế nào để hắn ta một ngày kia nghĩ lại, thì mụ mới hòng có nhà cửa, chỗ ăn chỗ ở tử tế và khỏi các tội công nợ day dứt. Năm nay mụ đã gần bốn mươi, tóc đã đốm bạc, mắt nhìn thường hoa lên giữa trưa và xế chiều, chân tay mỗi khi giở trời lại ê ẩm và người càng ngày càng rạc đi.

– Con cá rô đực kia, ở với cái mặt mày lúc nào cũng nhăn nhó thế kia, thì đến đời nào tao mới mọc mũi sủi tăm lên được hở?

Mão Chột đã nghiến răng hét vào mặt mụ, những lúc hắn ta thấy mình cứ ngoi ngóp mãi trong sự thiếu thốn, nợ nần, rạc rài. Và, cả những lúc thua tháy, trần trụi, mà về sau nước bạc đoán chắc nịch

như nằm trong bát và mở ra đúng như thế. Mão Chột lại đổ cái đen đủi xúi quẩy ấy lên đầu mụ vợ, lên sự xấu xí quái gở của mụ vợ.

Ừ, sao lại có người đàn bà khẳng khiu đến thế được? Chân tay mình mẩy cứ đét lại, chẳng có một nét gì sinh nở cả. Nhất là khổ mặt, trán thì dô, gò má cao, răng hô, da nhăn nheo. Vành khăn trên đầu chẳng bao giờ gọn gàng, mà tóc thì ngắn, nhiều đám xoăn như sợi móc. Nếu mụ Mão đứng yên để người ta ngắm mụ sẽ trở nên một pho tượng gỗ đẽo gọt nham nhở nhất. Người mụ còm cõi hốc hác như thế đâu phải Mão Chột để cho mụ phải đói khát? Không bữa nào ngồi ăn với mụ mà hắn ta không gắt gỏng, vì mụ cứ nhất định nhường cả cho chồng những thức ngon lành. Hắn ta cứ phải ép và san sẻ cho vợ như một khách lạ. Thịt cá, đồ xào nấu, sao cứ nghèo là không được mơ tưởng đến? Và người vợ trong nhà làm ra sao cứ phải chấm mút qua mà để phần cả cho chồng con? Mão Chột uất ức thấy vợ cứ tự đày đọa để cho hắn độc hưởng sự sung sướng biệt đãi ấy. Không, hắn đã khổ sở, hắn đã cơ cực, thì những lúc làm được đồng tiền hay cờ bạc gỡ gạc được chút ít, hắn muốn cho vợ hắn cũng như hắn, ăn uống, tiêu pha thật thỏa thuê để quên cả mọi sự đi.

– Trời ơi! Con cá rô đực kia! Tao có thân tao lo, việc gì mày phải lo cho tao hở? Mày có xéo ngay đi khuất mắt tao không?

Không dám ngồi để bị coi là trêu gan chọc tiết hắn, con “cá rô đực” ấy chỉ biết khóc rồi gạt nước mắt đứng dậy. Mụ sang hàng xóm hay xa hơn một chút lên chợ ra ngoài Sáu Kho, khuây khỏa ở chỗ đám đông với chị em. Rồi, dù bị đánh đập thâm tím mình mẩy, đến bữa cơm trưa hay cùng lắm bữa chiều, mụ Mão cũng về nhà thổi nấu và để phần chồng như thường. Mụ thấy rằng mụ cứ phải ăn ở như thế, còn mặc trời với hắn. Số phận mụ bắt phải thế, mụ phải vâng theo cho tới chết.

Không thế, ai bảo mụ còn đi lấy chồng, và lấy ai không lấy, vớ ngay lão Mão Chột này vì rượu chè cờ bạc, có thể bán cả thân mình thì cũng bán.

*

* *

Có tiếng cười nói ríu rít qua tai mụ Mão. Bác Tám, quần nái, áo đồng lầm, thắt lưng đũi, đi qua nhà mụ. Bác ta một tay bế đứa nhỏ, một tay dắt đứa nhỡ đi giữa hai đứa con gái nhớn suýt soát nhau. Mấy đứa trẻ hí hửng vẫy gọi những bạn, cười nói, khoe quần áo mới,

guốc mới và cả xu mới của chúng nó nữa. Người mẹ bị con cái quấn quít phải luôn luôn đứng lại, đẩy các con đi hay kéo chúng nó giạt vào bên đường để tránh xe cộ.

Mụ Mão chỉ thoáng nhìn mẹ con nhà Tám rồi cúi ngay mặt xuống. Mụ ghê rợn không dám để cặp mắt sáng trên gương mặt hớn hở của người mẹ kia nhìn mình, nó như là hai lưỡi dao sắc cứa vào lòng mụ. Nhà Tám thuở còn con gái, cũng là bạn chợ búa với mụ. Thấm thoát mới ngày nào người ta nhận trầu cau của cái Thơm chia cho, mà nay y đã thành mẹ Tám, có con gái lớn đã mười bốn mười lăm, chỉ vài bốn năm nữa là gả chồng được. Nào chỉ mình Thơm, các bạn gái mụ Mão ở trong xóm, người nào cũng đề huề chồng con thế cả.

Họ phần đông cũng vẫn buôn bán đầu đường, cuối chợ, họ cũng nhiều khi khổ sở lam lũ hơn cả mụ nữa, nhưng so sánh với mụ thế là sung sướng vô cùng. Vì ai nấy ít ra cũng được hai ba con, mà có khi những người đàn bà dù nghèo túng và khốn cực đến đâu mà có lấy một đứa con thì cũng có thể quên nhiều nỗi khổ não của đời mình và còn hy vọng đôi chút được. Đây mụ Mão không hiểu tại sao cứ trơ ra, chẳng chửa đẻ gì! Mà nào mụ có độc ác hay đời cha mẹ có ăn ở thất đức điều gì đâu? Đền, phủ, chùa, và nơi nào nổi tiếng linh thiêng, mụ đều đến cúng lễ cầu đảo cả rồi. Mụ đã nuôi cả con nuôi để mong đứng đầu đứng số đẻ được chăng, nhưng nào thấy gì. Sao lại khốn nạn cho mụ như thế hở trời? Sao lại đày mụ vào cái cảnh cô độc còn ghê gớm hơn là tù tội như thế? Không lúc nào nghĩ đến cái số phận thảm khốc ấy, mụ Mão lại không thấy sôi người lên như chết thêm ruột gan.

– Con cá rô đực kia! Mày thì có đẻ ra gỗ ấy!...

Không phải riêng chồng mụ rủa xả, mà, như cả thiên hạ đều chõ nói vào mặt mụ. Càng những lúc tê tái lặng người đi nghe sự đau đớn nghiền ngẫm, mụ Mão càng thấy tiếng quái gở kia vang bên tai. Rồi cả trong những lúc ngủ và những khi mụ đau yếu quằn quại và lịm đi trên giường với hơi thở của mình, với bóng mờ dưới mái lá ban chiều.

Trên nhà, Mão Chột đã ngáy đều. Hắn nằm nghiêng, đầu gối co sát ngực, một cánh tay gấp lại làm gối. Nắng nhạt hẳn, vàng hoe như mạ úa. Một nửa sân nhà mụ Mão man mát trong bóng rợp. Gió thổi từng làn dài. Những tàu lá chuối to và xanh mượt rung loạt xoạt. Những buồng chuối quả múp míp ẩn hiện. Những chòm cau chót vót

phơ phất rắc xuống bờ cỏ mơn mởn những cánh hoa nhỏ tý, những áng hương hồn hậu và mong manh lâng lâng trong không khí.

Sắc xanh mọng của vườn su hào, bắp cải và rau diếp ở chung quanh đấy cuồn cuộn chảy theo gió, tràn ra cả bên ngoài. Mặt đất thấp thoáng những gợn quằn quại của cây cỏ đương nảy nở tìm khoảng rộng và màu mỡ mới. Trên cao, những đám mây trắng xốp vừa tản ra, nắng lại bừng lên, tưới xuống ào ào. Nhà mụ mão hướng về phía Tây Nam, gió lộng vào với ánh nắng thổi tung cả cánh màn lùng thùng trên giường Mão Chột đương ngáy giòn.

Ở gian giữa bàn thờ bỗng sáng hẳn lên. Cái vẻ âm u của cảnh hương khói vắng lặng bớt được đi một phần thê thảm. Hôm nay mười rằm tháng hai, ở một nhà khác thì cái mâm bồng kia thế nào chẳng đầy hoa quả. Đây nhang cũng chưa thắp, và tấm màn vải tây điều bạc phếch vẫn chưa vén lên vì còn chờ tối đến mụ mới sửa lễ. Từ ngày mụ Mão về nhà này, cả những ngày giỗ chạp tết nhất, chỉ một mình mụ dâng cúng. Nhiều khi mâm cơm cúng hạ xuống lại chỉ mình mụ ngồi ăn.

Trước bếp lửa, vợ Mão Chột giật mình, quay mặt ra có tiếng người quen, phải, chính tiếng nói sang sảng của ký Phát đương cất lên ở giữa chùa.

– Cái thằng cai Túc làm đầy tớ ông không đáng kia! Mặt mày mà cũng dám vác lên với ông à? Nhờ làng ông có đám xá thì mày mới được vác mặt đến đây, chứ không cái đời mày chỉ lê la lạy lục ở chỗ ông làm thôi. Mày tưởng cái thứ mày đã sang trọng lắm đấy? Không thấm! Không thấm gót chân ông trước kia đâu, cai Túc ạ.

Mặt ký Phát nung núc thịt và hồng hào thế mà tái hẳn đi. Những giọt mồ hôi đẫm cả trán hắn. Ở bên kia sân, trước sòng tổ tôm, cai Túc gác một chân lên ghế, một cánh tay chống vào cạnh sườn, vênh mặt lên đáp:

– Hà! Hà! Ký Phát! Ông biết mày danh giá lắm rồi! Cái đồ bám vào gấu váy đàn bà như mày danh giá lắm rồi! Sao đến cái thứ mày mà còn dám mở miệng nói những lời như thế?

Từng tiếng đối đáp nhau nghe rõ mồn một. Trẻ con đều im phăng phắc. Đằng sau cai Túc, những cặp mắt sáng quắc lên, làm da thịt nhiều người rờn rợn. Họ ghê sợ tưởng đến một cảnh xâu xé nhau vì hội hè, cờ bạc và trai gái.

– Lại đến giết nhau thôi!

Mụ Mão rền tiếng tự nhủ. Mụ không dám nhìn nữa. Nhưng dù đã quay mặt vào bếp, mụ Mão vẫn còn thấy rõ mặt ký Phát gân lên và rung rung. Ký Phát vẫn như chõ vào mặt mụ cái bộ ria vểnh mà oang oang cái giọng cố làm ra hách dịch như cha ông người ta. Mụ Mão hằn học.

– Mày thì trót đời cũng không chừa được cái thói ấy! Ấy là mấy lần những đứa ngang ngược nó đã đánh cho thối ngực và làm cho suýt tù tội đấy!

Những câu nói này lại làm hiện ra bao nhiêu hình ảnh trong tâm trí mụ Mão. Trước kia mụ lấy ký Phát. Mụ đã tưởng ký Phát là người chồng một đời của mụ. Hắn ta góa vợ, lấy mụ chẳng mất gì ngoài nghìn cau và hơn cân chè tàu để mụ chia cho xóm lán, rồi mụ về với hắn đủ cả quần áo, hòm xiểng mà mụ sắm sửa bằng tiền của mụ.

Cả ngày ký Phát phải biên chép ở ngoài Sáu Kho, hắn cần người trông nom thổi nấu cho hắn, cho mấy đứa con nhỏ của hắn và cha mẹ hắn đã già lọm khọm. Mụ đã ba mươi tuổi, có tiếng là chịu khó, tần tảo. Những điều kiện này thêm vào sự lấy nhau không phải mất chục ấy, trăm khác, nên ký Phát không thấy còn đám nào trong xóm hơn nữa. Mặc dầu mụ thuở còn con gái mà đã gầy còm, xấu xí, nét mặt khó đăm đăm, mấy người ở xa đã để ý rồi lại bỏ qua vì đều sợ cái tướng cọc cằn ấy. Không dám thấy mình đã không còn cha mẹ anh em gì, lại cứ trơ vơ mãi, sống cô độc cô quả rồi chết già, chẳng được ai người máu mủ để nương tựa, mụ nhận lời ký Phát ngay. Chẳng gì ký Phát cũng có một gia đình, cha mẹ, con cái đông đủ, dù mụ có khổ nữa vì sự lo toan, gánh vác cũng chẳng quản. Làm thân đàn bà là phải thế. Chung quanh mụ, người ta đều thế cả. Và, chính mụ mồ côi từ thuở nhỏ cũng cơ cực nhiều rồi, giờ chịu thêm một đoạn trường nữa cũng được.

Ăn ở với ký Phát được đến hai năm, mụ cũng chẳng chửa đẻ gì. Người mụ lại gầy đi, mặt mày nhăn nhó thêm. Bỗng một hôm ký Phát gây chuyện chửi bới đánh đập mụ, quẳng xống áo của mụ ra đường, đuổi mụ đi. Rồi cứ thế luôn hai tháng ròng, ngày nào mụ Mão không bị một trận đòn thì lại bị chửi rủa. Thì ra ký Phát lại lấy vợ. Người đàn bà này ở trên phố. Ả ta đã có một đời chồng. Ả còn đẫy đà gấp rưỡi ký Phát. Ả làm chủ một cửa hàng đáng mấy nghìn và lại chẳng con cái, anh em.

– Thôi, dì nằm xuống đây để con bóp cho, chứ đêm hôm khuya khoắt thế này dì còn đi đâu làm gì nữa?

Tối hôm ấy, đứa con gái lớn ký Phát đã níu lấy áo mụ kéo lại. Ông bố ký Phát ngồi ho sù sụ trong màn cũng cố nói ra, giọng phều phào.

– Dì cái Tý định đi đâu hở? Thôi con ở nhà cho cái Tý nó đấm bóp cho rồi thầy bảo. Con phải nên nghĩ đến thầy bu và các đứa trẻ dại kia. Con chỉ nên biết có thầy bu và chúng nó, còn thì mặc trời! Mà thầy bu và những trẻ mỏ cũng chỉ biết có con, chỉ ăn ở với con, chứ không nhận ai, màng đến sự sung sướng của ai hết.

Ký Phát về nhà lúc nào không rõ, sừng sững ở giữa cửa. Mắt hắn long sòng sọc, môi mím lại.

– Xéo ngay! Xéo ngay đi, con mắm kia! Mày phải lìa ngay cái nhà này đi không mày còn ở ngày nào thì chết với ông ngày ấy. Mà mày cứ lỳ lỳ ở nhà ông làm gì? Mà ông làm gì có thứ vợ con như mày ấy? Hở con cá mắm?

Cả bố mẹ ký Phát đều nín thở, lấm lét nhìn cơn thịnh nộ của con trai nổi lên. Mụ còn bàng hoàng chưa kịp nghe ra những câu gì, ký Phát đã xông lại. Hắn xoắn lấy mớ tóc lòa xòa của mụ, lôi xềnh xệch mụ ra ngoài cửa. Trong những tiếng gầm hét vang nhà của ký Phát, bốn đứa nhỏ run cầm cập, nép vào nhau. Đứa bé nhất còn phải bế bỗng òa lên khóc. Những tiếng khóc khác liền vỡ ra như ri, tưởng mụ như là cái xác chết của mẹ năm đứa bé nọ khi liệm vào áo quan, bị phu đòn khiêng đi, mặc dầu lũ nhỏ lăn vào níu giữ.

Từ ngày mụ đi khỏi, ký Phát tưởng bòn rút được tiền của ả kia, ngờ đâu một xu cũng không rời! Đi làm hai buổi về, ký Phát chỉ được hai miếng cơm chín cùng với bố mẹ và đàn con, rồi phải trông nom thu xếp nhà cửa cho ả như một đầy tớ hết lòng. Ngoài ra, ký Phát còn phải muối mặt chịu những sự rủa xả, đào bới chung với những con người khốn nạn kia, tất cả đều không dám hé răng và thấy rằng đời mình thế là một địa ngục không còn trông mong gì thoát khỏi!

Trên nhà, Mão Chột đã lục xục trở dậy. Mụ loáng thoáng nghe như có tiếng hắn gọi. Mụ vội chất thêm một thanh đóm rồi đứng lên. Vừa ra tới sân, mụ giật mình. Bên chùa, tiếng kêu hét, hò reo và đập phá ầm ầm:

– A... a... a... ký Phát chết rồi! Chết rồi.

Những vòng người đã giạt cả về một bên. Mụ Mão chạy xổ ra ngõ. Thoáng cái, mụ len được mắt qua đám đông, trong đó ký Phát nằm sóng sượt dưới đất, mặt mày đẫm máu. Mụ Mão không nén được kêu trời một tiếng, rồi cùng lao người vào đám đông.

*

* *

Không! Những tiếng hò ấy đã im rồi mà sao trong tâm trí mụ Mão vẫn còn văng vẳng?

Mụ Mão không thể nào nhắm mắt ngủ được và cũng không thể nằm yên chiều nào lấy vài phút. Không phải chỉ có tiếng khóc rền rĩ của bà mẹ Ký Phát, mà vang vang có cả tiếng khóc của cái Tý nhớn hòa với bốn em nó trước bàn thờ. Hôm nay đã là bốn chín ngày ký Phát. Làm ma cho ký Phát xong, ả nọ liền lảng ngay bố mẹ và lũ con ký Phát đi, họ ở đâu hay làm gì cũng kệ. Ả, cấm hẳn không được một ai lai vãng đến nhà ả. Cả ngày hôm nay, ả làm chay tốn kém đến bạc trăm, ả cũng nhất định không gọi những con người kia.

Ông bố ký Phát đành sửa lễ ở nhà mình vậy. Trưa, mụ Mão gặp cái Tý đi chợ, mua vàng hương và hơn đồng bạc thịt do tiền một người bạn ký Phát cấp cho. Mụ Mão đã toan chạy theo cái Tý, nói với nó một câu nhưng không hiểu tại sao chân mụ bỗng cứng đờ ra, mụ đành thần người nhìn cái Tý cắp rổ về nhà. Cái Tý! Ừ con bé ấy! Không hiểu nó sửa soạn cơm canh thế nào với một xâu thức ăn kia? Rồi một lũ năm cái đầu khăn sô, áo sổ gấu lượt thượt ấy mời mọc những ai và cúng lễ thế nào?

Mụ Mão càng đau đớn trong cái ám ảnh của những tiếng khóc không lời kéo lê thê trong tâm trí.

Tuy không nhìn ở trước mắt, nhưng mụ thấy rõ rằng trên cái giường cũ trước kia những ngày nắng to mụ thường đem ra đập bụi và bắt rệp, bà mẹ ký Phát đương nằm rũ ra mà nức nở. Ông cụ thì ngồi bó gối ở tấm phản gỗ thấp, dùng để ăn cơm. Lũ trẻ con, đứa đứng tựa cột nhà, đứa nằm còng queo cạnh một xó vách, đứa lê la gầm bàn thờ sếu mếu với nhau. Và tất cả những đồ vật tồi tàn luôn luôn mụ Mão thu dọn lau chùi khiến cho trong nhà vẫn sạch mắt, cũng như ủ rũ cùng bọn trẻ từ nay trở đi càng nheo nhóc đói khổ.

Mụ Mão nức mấy tiếng, nước mắt mụ giàn ra. Nếu không đi lấy người khác mà giờ ở với hai bố mẹ già và lũ trẻ con côi cút nhà ký Phát thì chắc chắn những con người khốn nạn ấy lúc này đây càng gần gụi, thân mến mụ. Mụ sẽ cùng khóc với những đứa trẻ, và mụ được nói những lời nghẹn ngào an ủi như trong cái thời kỳ tất cả nhà bị ký Phát tình phụ, và những ngày cơ cực rau cháo có nhau. Mụ

không có được sự sung sướng đẻ con cái, nhưng thay mặt mẹ chúng nó, mụ cũng được rung động với cái tình mẹ quý báu đó. Chúng nó tất nhiên cũng yêu thương lại mụ và, do thế, mụ cũng nức lòng làm việc và có những sự tha thiết để sống qua những khó khăn của cuộc đời.

Bỗng, thật như có những hơi nóng quen thuộc của lũ trẻ sát vào người mụ. Ba đứa em nhỏ của cái Tý nằm ngổn ngang chung quanh mụ; thằng bé út ngáy đều trên đầu gối mụ. Soi sáng cho gian nhà là ngọn đèn hoa kỳ nhỏ lẳng lặng nhìn mụ với con mắt của nó tê mê nổi lên trên cái nền mờ mờ tối dưới mái lá. Quấn quít bên mụ Mão, những đứa trẻ ấy được nuôi nấng, dạy dỗ và cho ăn học, thế nào chả có đứa nên người. Hai thằng con trai lớn lên mụ cho tập ngay nghề, ba đứa con gái mụ cho buôn bán; ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy chốc mà chúng nó đứa thành thợ nhà máy, đứa chợ này chợ khác, rồi lấy vợ lấy chồng.

Tiền nghìn bạc vạn, mụ không dám mơ tưởng, chứ cái cảnh gây dựng êm đẹp kia, mụ chắc chắn có thể nên lắm. Vì những người chịu khổ và hiền lành như mụ lẽ nào lại khốn khổ mãi. Mà cho dầu khốn khổ đến đâu, nhưng được cái hạnh phúc ấy những người như mụ cũng xin cam chịu tất cả mọi sự.

Nhưng, những sự rắp định ấy mất hết rồi! Tan tành hết rồi! Giờ mụ Mão không còn trông mong gì nữa! Mụ đã lấy Mão Chột ngót mười năm rồi! Mụ phải sống một đời khác xa cách hẳn lũ trẻ kia. Mụ ngoi ngóp đắm đuối mãi mãi với Mão Chột. Mụ sẽ còn bị khốn nạn hơn ai hết trong cái xóm này, dù họ còn nghèo nàn gấp mười mụ. .

Mụ Mão càng thấy bứt rứt, khó thở.

Ngay đó, tiếng rền rĩ của mẹ ký Phát lại vẳng đến, mụ thấy không thể sao nhắm mắt nằm yên, chứ không nói là ngủ được. Thế nào mụ cũng phải ngồi dậy mà sang với người mẹ già kia.

Hôm đưa ma ký Phát, sợ Mão Chột ghen tuông, khiến nhà cửa lại tan hoang, mụ đã nuốt nước mắt đi theo sau và xa xa áo quan một quãng mới trở về. Rồi trưa nay, bốn chín ngày ký Phát, mụ chỉ dám nhìn theo cái Tý mà không dám hỏi nó lấy một câu.

Mụ Mão tê tái trong những ý nghĩ nọ và đưa mắt trông ra ngoài. Bên ngoài, trời cao, xanh đặc, lấp lánh vài ngôi sao. Những nhà cửa và cây cối trong xóm đều thiêm thiếp, chỉ còn thấp thoáng vài kẽ sáng vàng đục qua những tấm phên và những tiếng làm việc thình

thình. Giờ Mão Chột chắc đương mê mệt ở một chiếu bạc. Hắn có về cũng phải đến hai, ba giờ sáng. Vả lại, nếu hắn biết, mụ cũng xin chịu mọi sự ghê gớm đến để mụ khỏi phải hối hận đã không ăn ở theo cái nghĩa của người ta.

Mụ Mão ngồi dậy. Mụ run run quấn lại mái tóc và kéo cái áo nâu vắt trên sào màn xuống. Mụ lấm lét nhìn chung quanh rồi kiễng chân rút ở một kẽ lá ra cái túi vải con. Mụ còn năm đồng bạc giấu trong đó để phòng tháng này Mão Chột lại không đưa tiền về nhà thì mụ trả đỡ tiền gạo của người ta và đong lấy một đồng để ăn đi làm. Thôi, nếu đêm nay có tiêu cả mấy đồng ấy, mà phải vay lãi cũng được. Mụ còn sống còn có thể cất nhắc mọi việc thì công nợ thêm nữa mụ cũng không lo cái tiếng vỡ nợ của người ta.

Lẳn kỹ cái túi vải vào cạp quần, mụ Mão cài chặt cánh cửa liếp lại, bước vụt ra đường. Cái lạnh đen nhờ của đêm tối giội đầm xuống mặt mụ. Người mụ lạnh toát thêm. Càng bước gấp. Không dám nhìn thẳng vào chung quanh, mụ Mão trông hút vào một khoảng tối để tránh con mắt của Mão Chột hiện ra, quắc lên chiếu vào mắt mụ. Đây kia, đằng đầu ngõ, đằng cuối xóm, trong giậu găng, trên chòm xoan..., ở hốc tối nào cũng có con mắt ấy lồi ra, vằn vèo lửa. Và, một bàn tay gân guốc đang quờ quạng, sắp sửa ghì chặt lấy cổ mụ Mão với những tiếng nghiến răng ken két!

– Con này giỏi! Con này giỏi! À thế ra mày vẫn hai lòng. Mày vẫn tơ tưởng đến nhà ký Phát. Mày có tiền mày giấm giúi cho bố mẹ nó, con cái nó. Thôi! Thế là ông lìa hẳn mày! Ông phải lìa hẳn mày...

Mụ Mão càng dồn bước và chỉ muốn nhắm nghiền mắt lại để trốn những ám ảnh ghê sợ ấy.

*

* *

Một buổi trưa hôm sau, cả xóm Cấm tưởng toang ra vì cơn điên cuồng của Mão Chột. Hắn băm vằm tất cả đồ đạc, vứt đống ra sân, châm lửa đốt ngùn ngụt. Mấy người đàn ông lực lưỡng phải túm ghì lấy hắn, không thì cả nhà của họ sẽ bị cháy lây vì Mão Chột định thiêu nốt nhà hắn. Mụ Mão lại thâm tím cả mình mẩy, đầu toạc ra, môi vều lên. Và mụ lại khóc sướt mướt cắp thúng quần áo đi.

Nhưng lần này, buổi chiều đến, người ta không thấy Mão Chột về nhà ăn cơm. Hắn nghỉ việc trên phố, ra Sáu Kho làm, ăn và ngủ ngay đấy. Đầu tháng tới, hắn xuống tàu cùng với đám phu tình nguyện sang Tân Thế Giới. Từ bấy giờ biệt hẳn tăm Mão Chột. Còn mụ Mão, mụ vẫn ở xóm Cấm. Mụ không đi làm nữa. Trên cái thân hình của mụ chỉ còn da bọc xương và đen sạm như cẳng gà hun khói, lại lẽo đẽo quanh năm gánh bún riêu, xôi chè, đi bán khắp Lạc Viên, chợ Con và rong phố như năm xưa. Và đây kia, dưới một mái lá lúp xúp tận cùng xóm, mụ lại chui ra rúc vào với hai ông bà cụ già mù dở, què dở và bốn đứa trẻ suýt soát nhau, lóc nhóc như bốn con nhái bén.

Bốn đứa con mồ côi của ký Phát và bố mẹ hắn: nguồn hy vọng và niềm vui độc nhất của mụ Mão trong cuộc đời cô độc và chỉ có hai bàn tay trắng.

Tiểu thuyết thứ bảy, nguyệt san, số 5,
tháng 10-1944. In lại trong *Miếng bánh,*
Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1945.
Ở đây tuyển lại theo bản in của
Nhà xuất bản Đời nay.

NGƯỜI CON GÁI

(Truyện ngắn)

Người con gái ấy da nâu nhờn. Đó vừa là nước da của hai cha mẹ không nhan sắc mấy, vừa là cái sắc riêng biệt của hạng người phải làm ăn lấm láp. Vả lại, muốn có trau chuốt, người con gái ấy cũng không thể khác hơn. Những thứ phấn màu gạch non hay da cam cho hợp làn da và những thứ son thắm tươi, thơm hạng tốt, y không có tiền mua, mà dùng táp nham hay xin của chị em bạn mỗi người một tý thì chỉ làm rõ rệt cái nghèo nàn đắng cay của mình.

Điều này chết thì thôi, chứ người con gái ấy không dám để ai nhìn thấy. Y ghê gớm nó lắm. Mỗi lần yên lặng tưởng đến nó thôi, y đều rùng rợn, tâm trí xám lại. Những lúc đó y chỉ muốn nhắm nghiền mắt để khỏi trông thấy một ai và muốn khuất hẳn đi giữa cái mặt đất này.

Ai đấy ở lâu Hải Phòng chắc phải còn nhớ cái ngõ hẹp giữa hai bức tường thẳng vút, tỏe ra làm mấy ngõ nữa với những dãy nhà một mái cho thuê từng giường. Cái ngõ Hàng Gà trước cầu Cà Rồng đi sang chợ Sắt ấy. Đây, đêm ngày nhớp nháp vì người ta gánh nước, đổ rác, đưa rau đậu đi chợ và luôn luôn nổi lên những tiếng kêu cướp giật, ăn uống chằng bửa, đi xe quịt, đánh chém nhau!

Mười ba, mười bốn năm về trước, con bé ấy vẫn thường bế em ra ngoài ngõ này, hau háu nhìn những hàng quà và sự nhộn nhịp suốt bờ hè. Nhà y cũng thuê được một gian, chen ngay vào dãy nhà của phường buôn gà vịt. Mẹ y mất đã hơn một năm, phường buôn kia thường chép miệng nhắc đến người bạn tháo vát mà biết điều, không biết đến bao giờ họ mới được một kẻ như thế. Cha đi làm cho xưởng thợ tiện của người Khách bên kia phố. Ba cha con ăn uống do vợ người em trai ở chung nhà thổi nấu.

Con bé ấy cũng được đi học như mấy đứa trẻ con mấy nhà buôn bán và đi làm khá ở trong ngõ. Cái trường tư nọ ở ngay đầu phố. Một ông giáo không biết đỗ bằng gì, đã già và lại đông con bé, mở ra và trông coi một mình. Ông dạy cả học trò Khách to lớn gấp ba ông, và buổi tối, những người thợ đứng tuổi.

Một nách hai con dại, người ta thường khuyên cha con bé ấy

lấy vợ kế. Ông chỉ cười và lắc đầu. Không hiểu vì ông làm không được mấy đồng, vì ông thương con cái sợ chúng bị đày vào cảnh mẹ ghẻ cay nghiệt, hay vì ông thấy đã có em dâu cũng đông con, số tiền kiếm được để đỡ vực cho y để trông nom cho còn tốt hơn hay còn vì lẽ gì nữa mà người cha ấy cứ ở vậy. Sáng sớm ông ra đi, trưa ăn quàng quéo trên phố, chiều tối mới về, từ năm ông mười bảy, mười tám tuổi tới giờ đã hơn hai mươi năm ròng như thế. Ông gần như không có một người bạn. Cả những tầm chiều trời đất xam xám, hai con ông tong tong ra đường đón ông, ông chỉ nhếch mép cười và nhiều khi cau mày bảo đứa con lớn:

– Thôi cho nó vào đi!

Chẳng chờ đợi con, ông đi trước. Cái mũ vàng sờn vải, quần áo vá víu, xộc xệch, đầy vết dầu mỡ, người cha lùi lũi bước, lom khom như trên đầu, trên lưng bị sự mệt nhọc và một ý nghĩ rã rời đè trĩu xuống.

Cũng như vợ, ông nóng, sốt, ho, người cứ rốc đi, ăn uống không được rồi chết. Năm đó, thằng nhỏ con ông đã chập chững đi và con bé ấy đi học biết đọc, viết thông quốc ngữ.

Ai nuôi hai đứa trẻ bây giờ? Chôn cất người cha xong, một buổi chiều cúng cơm có tiếng kể lể rền rĩ trước cái bàn thờ loi nhoi ánh đèn nhang, những người họ và quen biết bỗng ứa nước mắt. Họ gọi hai chị em đến, nói với chú thím chúng và xin chúng về nuôi, cái ý kiến này nảy ra chính họ không ngờ. Một bà nhà cày cấy nhiều, không thể tin vào ai mà giao phó một phần công việc, một bà buôn bán ngược xuôi được mỗi mụn con gái thì lại quặt quẹo luôn, một ông là em họ mẹ hai đứa trẻ nhỏ làm cai bao thầu, ba người ấy đến giờ mới rõ mặt chúng mà không hiểu sao lại đối với chúng một cách sốt sắng như thế?

Trong phút đó, tình thương xót của họ chan chứa ra, tưởng chừng vì hai đứa trẻ mồ côi họ có thể quên cả thân mình. Kẻ thề sẽ trông nom cho con mình sao thì chúng vậy. Kẻ cam đoan xây dựng đứa biết buôn bán, đứa học hành đỗ đạt để chúng làm rạng vẻ cho cha mẹ như con ai kia giàu sang. Kẻ xin làm giấy khai sinh nhận chúng là con đẻ để sau này chúng hưởng sự sung sướng bằng con họ.

Người chú kéo hai cháu đến gần bàn thờ. Chờ mọi người dứt câu, ông mới nói qua một nụ cười nhẹ:

– Thưa chư ông, chư bà, vợ chồng tôi xin cám ơn tất cả chư ông

bà đã có lòng nghĩ tới tình hai cháu dại. Tôi chỉ còn biết lạy tạ chư ông bà, chứ thật không còn biết nói sao. Còn gì hơn để hai cháu nương tựa chư ông bà sau thành người. Nhưng xin chư ông bà rộng lòng hiểu cho vợ chồng tôi mà để hai cháu ở với vợ chồng tôi. Dù vợ chồng tôi làm ăn vất vả, lần hồi bữa rau bữa cháo, tôi cũng không thể xa hai cháu được. Trời để tôi còn sống ngày nào, tôi xin lo cho trọn cái đạo đối với vong linh anh chị tôi, đối với hai cháu dại.

Chỉ là những câu nói chập chừng đến nhiều chữ khó thì ngắc lại, nhưng nghe nó nức nở trong cái yên lặng thoáng mùi nhang và mùn cưa, thật là đầm đìa nước mắt. Em người chết không khóc! Chỉ thấy những nếp nhăn và gương mặt đen sạm của ông quần quại. Ông cũng ít nói, nhưng không bơ phờ như anh. Dưới đám lông mày rậm, mắt ông luôn luôn long lanh như có lửa. Thường những buổi trưa đi tầm, người đàn ông này dắt con và cháu ra tận đầu phố, cười vẫy chúng tới khi chúng lấp ló trở vào ngõ. Thì sau phút đó, cái trán kia lại cau lại, mắt đăm đăm vào những lớp người dồn dập. Vẻ vui tươi không còn một gợn. Những nét se sắt rắn và tối thêm. Rồi đến chiều tối, ông cũng về tầm mải mốt, không chuyện trò gì với ai, đầu hơi cúi phảng phất như cha người con gái.

Con bé ấy phải thôi học. Y ở nhà để trông coi cả em mình và hai đứa con nhỏ của chú thím. Mười tuổi đầu rồi. Vào cái trạc này, những trẻ nhà nghèo khác đã xách được ấm nước, cái hòm kem phấn đánh giày mũ, hay rá bánh rán, bánh kê, đi trong phố kiếm ngày mười lăm xu đỡ cha mẹ. Đây y không phải dầu dãi mưa nắng, đầu đường cuối chợ, chỉ nhởn nhơ chơi với các em cho người lớn lo ăn thì cũng phải tập làm đôi việc chứ.

Quét tước nhà cửa, dọn cơm rửa bát, dần dà biết đun ấm nước, luộc mớ rau rồi ghế nồi cơm, con bé ấy còn phải nhận lấy nhiều công việc lặt vặt khác. Cái con bé tóc cợp bằng chiếc lược nhựa xưa kia luôn luôn có mặt ở ngoài ngõ, giờ thỉnh thoảng mới dám ra khỏi nhà. Nhưng chỉ chơi đùa được một lúc rồi sực nhớ ra, y lại vội dắt lũ em về trước cửa trống ngực đập thình thình. Cửa vẫn khép chặt, đồ đạc vẫn y nguyên, tiếng reo cười ngoài kia vẫn rộn ràng, con bé thần mặt ra, vẻ mến tiếc và tủi cực hiện như in qua sắc da bừng bừng mồ hôi nhễ nhại.

Người thím, trưa không gửi hàng về nhà nữa, còn người chú, ông vào làm thay anh và cũng lại biền biệt từ sáng sớm đến chiều tối. Tinh sương, con bé ấy dậy cùng người đàn bà nọ. Bà thổi cơm cho cả

nhà ăn rồi nắm sẵn mấy bát để lúc nào những đứa bé đói thì bảo chị lấy cho ăn. Không buôn cất của người ta, bà lần mò đi những chợ xa mua rau đậu, hoa quả. Hai gánh hàng của bà nặng trĩu, cả những đàn ông khỏe nhấc lên cũng phải nhăn mặt. Thế mà nó cứ lẽo đẽo trên vai bà một tháng đủ ba mươi ngày, nắng mưa cũng mặc.

Đã nhiều hôm, sau một đêm ngủ li bì bàng hoàng thức dậy, người thím thấy mặt mày choáng váng, hai thái dương đau nhói và khắp người ê ẩm, đã tưởng đến nằm liệt giường mất. Nhưng chỉ một nồi lá tre, lá bưởi hay lá sả đun sôi lên xông, và ít gừng giã, hòa rượu đánh với tóc rối, người thím lại áo dài nâu thắt vạt ra đi với những người đàn bà khác.

Mặt trời mới lộ một khoảng hồng phớt mà người thím cuống quít lo sợ như ngày đã bị cướp đi gần hết. Bà quẳng vội cho con bé ấy đồng năm xu, nói qua những tiếng thở:

– Đây, cầm lấy trưa mua bún hay canh bánh đa cho chúng nó ăn. Trưa nay không có cơm và tối tao mới về được đấy.

Cúi mặt xuống, nghe từng tiếng nói khản ấy dằn ra, con bé thấy rõ trên đầu mình hai hàm răng người thím rít lại và hai con mắt bà lại gờm gờm đưa nhìn qua mình ra thằng bé em còn nằm ngủ thiếp đây kia. Thằng em con bé này nuôi mãi mà đi vẫn chưa vững. Đến bao giờ nó mới lớn, đi làm được và có đồng tiền đưa về?

*

* *

Đó là những chiều hè, hoa xoan tây đỏ ối, bụi lầm đường, những màu tơ lụa phất phới. Phố xá ồn ào như có những tiếng hát mọi rợ tràn lên cuồn cuộn. Những giờ đó, con bé ấy thường bế em ra chơi. Tuy nhà cơm nước thu dọn xong rồi, người thím đã về chợ rửa ráy cho con cái, con bé ấy được phép đưa em ra đường, nhưng y vẫn lảng vảng gần nhà. Trẻ con đứa nào đứa ấy đều về quấn quít lấy bố mẹ, y có muốn nô đùa cũng không có bạn. Y chỉ còn biết thơ thẩn nhìn cái ồn ào rực rỡ tỏa ra mọi nơi trong khi thằng bé lò dò dưới những tủ hàng, mắt ngơ ngác.

Qua ngõ nhà con bé ấy, khu Trại Cau, An Dương mở ra bên kia. Đường đây rộng, trắng xóa, chạy vút về những vùng quê xa có ruộng lúa chín vàng và bóng núi tím mờ mờ lẫn với mây. Những ô tô bóng loáng thỉnh thoảng phóng qua. Mui xe cụp xuống, những

người ngồi thoáng hiện ra như trên màn ảnh. Tóc họ bay phất phới rắc trong gió những mùi thơm sực nức cùng với những mùi phấn sáp và quần áo. Những đứa bé tóc như tơ vàng, da thịt hồng hào lồ lộ, đứng hẳn lên, cười hát vẫy gọi, trông còn xinh tươi hơn những tiểu thiên thần trong tranh.

Những người khác không ô tô thì đi xe nhà, chồng một xe, vợ một xe, người ôm con lớn, người ôm con bé, song song chuyện trò theo những bước chân của người kéo. Cũng có nhà đặt con nhỏ vào xe đun để người ở trông rồi dắt con lớn đi sau mà hưởng cái mát của chiều. Trong đám trẻ ấy, thường có mấy đứa trước học với con bé. Từ ngày y thôi đến cái trường ông giáo già kia, những bạn nhỏ mặt mày rạng rỡ, quần áo đẹp mắt, cười nói ngoan ngoãn ấy thế là xa hẳn. Không một đứa đến tìm y. Có qua nhà y, chúng mải ríu rít với nhau cũng có và cố làm lơ đi cũng có.

Gần gụi con bé chỉ còn những đứa tên nghe thế nào ấy: cái Sẹo, cái Bống, thằng Nhớn. Bố mẹ chúng thì nào bác Xế Cấu, bác Phở, bác Bò, bác Củi. Nhiều nhà còn để chúng nó rách rưới hơn y và lắm khi phải sang nhà y cầu cạnh vay tiền, vay gạo và xin cả cơm về mớm cho con. Họ ở gần nhà y. Không một tý gì y không biết. Hết mè nheo, cấn rứt lại đánh chửi nhau, họ như là bị đày vào với nhau chứ không phải là tình gia đình thương yêu hy vọng vào hạnh phúc.

Khác hẳn những cảnh trên kia, con đường ngoài ngõ và dãy phố bên con sông Lấp bị chặn một đầu, lúc đó huyên náo vô cùng. Suốt bờ sông, bờ hè san sát hàng quà. Toàn những hàng nước chanh, nước đá, kem và hoa quả. Những ánh chai lọ thủy tinh đựng những thứ nước xanh đỏ, và những sắc tươi của dưa hấu, mận, xoài làm nhức cả mắt. Vang vang tỏa trên mấy khu đó, những tiếng sôi ngùn ngụt của những phố Hàng Cháo, Đầu Cầu dồn lại. Đây người ta đương mê mải ăn uống, may mặc, sắm sửa, như không biết chán, như đã bị bao năm hết sức kìm hãm sự khát khao rõ những tiếng thở hổn hển và nóng nực.

Nhưng thế nào nhỉ, những buổi chiều mùa hè ở những xứ gần đường xích đạo trong những bài ám tả chúng ta đã viết và trong những đoạn văn ta đã đọc thuở nhỏ? Chiều có chân trời vàng diệp, trên cao pha lê xanh, hương hoa dạ hợp cay ngát bay ngợp không khí mọng như trái dứa đã chín. A! Thần tiên! Người ta đê mê trong cái phút giờ của hoàng hôn mà ánh nắng lưu luyến với cảnh vật như đôi

tình vương víu. Tất cả lúc đó chỉ là cái cảm giác bừng bừng với bao hương sắc kỳ lạ. Phải không? Chúng ta đã chia nhau chép những câu văn lộng lẫy và chép vào những cuốn sổ nhỏ giấy trắng tinh, bìa cứng chữ vàng, rồi học thuộc ngâm nga với nhau như thơ.

Người chú về tắm ăn cơm xong là giở đồ làm ra ngay. Nhà ông không có tiền mắc điện, thắp cây đèn dầu ngọn vặn cao, vàng ngụt. Búa, đục, giũa, kìm, đinh ốc, dây thép, sắt vụn... bày la liệt trên cái mặt bàn rộng như cái giường, tự tay ông đóng lấy với những mảnh ván thùng xi măng. Trước ông chỉ nhận việc tư về làm những ngày nghỉ. Giờ, cả trưa và tối. Ông chữa xe đạp, đồng hồ, khóa, máy chữ, bất cứ cái gì hỏng của những máy móc thường dùng.

Một gian nhà thuê chung đã kê hai cái giường, một tấm phản xép và một cái bàn đã chật ních, lại còn xếp bao nhiêu thúng, mẹt và những đồ đạc, trông bức bối còn hơn cái lò. Mồ hôi vã ra đầm áo, tóc dính bết vào trán mà người chú không quạt lấy một cái. Mặt ông chỉ tái đi thêm và môi mím lại. Dưới đất, chỗ cửa ra vào, người thím cũng cặm cụi như thế. Bà chọn, nhặt rau, đậu bó lại từng mớ rồi xoay ra chẻ củi, gánh nước, giặt giũ cho cả nhà.

Hai đứa con trai lớn của người chú cũng đã tám, chín tuổi. Không thể để nấn ná ở nhà, ông đã phải cho đi học tư. Chơi một lúc, chúng lại vào ngồi học ngay dưới ánh đèn trên bàn người cha làm việc. Nghe chúng ê a một cách trơn tru là ông bằng lòng, chứ không biết các con đọc đúng hay sai những vần chữ Pháp. Ông cũng như con bé cháu, đọc và viết được quốc ngữ thì thôi. Giờ ông phải tháng tháng bỏ ra hơn hai đồng bạc tiền học và giấy bút cho con vì thấy mình đã chịu thiệt thòi quá, mà đã cay đắng vì thế lại còn để dây dưa đến kẻ máu mủ thì tủi cực vô cùng cho ông. Nhưng cả hai vợ chồng ông đều mong mỏi chúng theo đuổi chữ nghĩa lấy dăm năm rồi mau mau phải xin cho chúng vào làm một trong những xưởng máy đương chạy ầm ầm đêm ngày đây kia.

Thằng em con bé đã ngủ rũ ra trên vai chị. Y len lén bế nó vào giường, đặt nằm ở mé trong. Ra ngoài chơi một lúc như thế là quá đủ rồi. Cả hai đứa lớn đã học thuộc bài và làm tính, viết tập thêm đã xong. Hai em chúng nó, mình mẩy đầy rôm sảy như gai mít vẫn chưa chịu lên giường, còn quấy khóc. Con bé nhìn chú, nhìn thím rồi ngồi xuống chỗ những đống rau cạnh giường hai đứa lớn ngủ. Y nhặt nhạnh, xếp đặt, cùng với hai bàn tay thoăn thoắt của người thím.

Thỉnh thoảng y lại lấy quạt quạt cho hai đứa nhỏ, xoa lưng và dỗ dành chúng nó.

Giữa những tiếng nhèo nhèo của con nhà mình và những tiếng khóc tiếng ru của những mẹ con nhà chung quanh, người chú như một cái máy, chỉ có cử động chứ không một lời nói. Thông phong đèn lau lúc chập tối đã cháy bỏng và đặc khói bên trên. Sương đêm mờ mờ xám dần là xuống mái ngói. Cái cửa sổ xế oàn người chú vẫn sáng rực. Ánh đèn vàng ngụt tỏa ra với những bụi bặm. Chiếc bóng đen của ông đầu tóc bơ phờ, in dài ra ngoài đường rõ như cắt. Tiếng sắt giũa ken két xiết sâu vào cái yên lặng. Ông càng cúi sát mặt vào những đồ làm.

Lúc đó, ở cái máy nước đầu ngõ, tiếng ầm ầm xô xát giành giật nhau vẫn không giảm đi chút nào. Những giọng cười hát kệch cỡm vẫn thấp thoáng trong cái không khí đặc sệt dưới bầu trời sao dày như cát.

*

* *

Nhà người con gái ấy phải dọn đi chỗ khác. Trong cái ngõ chật hẹp nhớp nháp và khuất nẻo kia không thể nào xoay trở cách làm ăn khác được. Người thím buôn hàng khác và người chú phải có nhiều khách mới và một chỗ tiện để họ đưa đồ đến thay chữa.

Một cảnh tượng khác đã đổi trong gia đình này. Một con lớn ông lấy vợ đã được một cháu. Người con thứ cơm nhà đi tập việc hàn xì sắp thành nghề. Hai con nhỏ ông và thằng em người con gái thì đứa lớp nhất, đứa lớp nhì. Và, lạ lùng, người thím bẵng đẻ đi tám năm, tưởng đã ngoài bốn mươi thì thôi hẳn, bỗng lại có mang và đẻ một cô sau khi con dâu bà ở cữ được một tháng.

Người con gái ấy không phải chăm bẵm các em nữa, và y không còn cái quần vải thâm kéo xếch đến bắp chân, áo cánh cứ mướp ra như khăn lau vì các em bôi bẩn, giằng xé. Y luôn luôn ở trong nhà, có công việc ra ngoài hay đến nhà chị em, y đều áo dài quần trắng thướt tha và tóc chải mượt, búi ý nhị. Y đi nhanh như bị thúc giục, mắt cúi xuống thỉnh thoảng chớp chớp. Một tiếng gọi to, một cái nhìn sáng vút, một cái va chạm nhẹ, đủ làm y giật mình, trống ngực thình thình, trong người bừng bừng, gò má đỏ lên.

Trước mắt người con gái ấy, sự thay đổi tuy dần dà, nhưng sực nghĩ đến, y không thể nào không ngạc nhiên vì thấy lại thật nhanh chóng, rõ rệt quá. Phần nhiều những người con gái mà y biết đã chồng con ríu rít cả. Kẻ ở ngay gần phố y. Kẻ ở một tỉnh bên cạnh. Kẻ theo chồng đi xa hàng mấy năm y mới gặp. Không biết họ thật thế nào, chứ y thấy họ sung sướng lắm. Người thì chồng đi làm sở nọ, sở kia, người có riêng cửa hàng buôn bán. Vợ chồng họ ở một căn nhà có bàn ghế tiếp khách, có giường tây, tủ đứng. Ngày ngày, vợ đi chợ, vú em, con sen cắp rổ theo sau.

Người con gái cứ thấy họ hây hây. Mặt họ tươi, miệng, mắt, hớn hở, tuy người họ hoặc gầy đi đôi chút, hoặc sồ sề hẳn. Phải kể những người con gái lấy chồng được như thế, chứ những kẻ con cái nheo nhóc, làm ăn đầu tắt mặt tối, nhiều khi còn bị đày đọa do nhà chồng hay chồng bê tha, tình phụ, thì nói đến làm gì. Vả lại, dù thế, người con gái ấy cũng không cho là khổ. Đời đàn bà phải vui lòng chịu những tình cảnh, nguồn cơn kia, nhất là mình lại con nhà nghèo.

Nhà hơn mười miệng ăn, lo toan mãi, người thím đã không còn thể gắng gượng hơn được nữa. Giờ bà đi buổi chợ nào hay buổi chợ ấy, và, công việc nhà giao phó cả cho con dâu và cháu. Nhưng người con gái ấy phải nhận lấy cả. Vì người em dâu kia đẻ xong đã phải đi làm ngay không có tháng tháng nhà hụt đi bảy, tám đồng thì sẽ khổ vì nợ và cái chân trong máy chỉ hở một phút là mất! Vả lại, ở không là một cái tội. Y vốn con nhà không buôn bán các chợ thì lại chen vào các chỗ làm ngay từ thuở nhỏ, chân tay y giờ không thể nào ngừng cử động được.

Tuy quần quật việc cửa nhà cả ngày mà người con gái ấy vẫn phải chịu nhiều sự eo óc. Tiếng rằng mấy người lớn kiếm được tiền ấy, nhưng có đủ đâu? Người chú vẫn nhận việc thêm mà chẳng được mấy đồng vì thợ thuyền và máy móc tinh xảo mỗi ngày một nhiều, ông chỉ phải cặm cụi thêm. Vài chục bạc của ông và tiền của vợ, của con dâu, đong gạo, mua thức ăn, lắm tháng đến ngoài hai mươi đã hết. Bao nhiêu sự chi tiêu khác thế là phải trông cả vào người con lớn. Thì người này sức làm việc cũng có hạn và anh không đừng được sự may mặc cho vợ con. Do nào thiếu thốn, vất vả, công nợ, sự riêng tây, người kêu ca, kẻ nghiến rứt, khiến trong nhà không mấy ngày không ầm ỹ.

Cái không khí nặng nề càng nén thấp xuống đầu họ nhức nhối.

Người chú đã ít nói lại ít nói thêm. Trái lại, người thím hễ về đến nhà là bắt đầu chửi rủa, rêu rao, kể lể ngay từ ngoài cửa. Trước, mỗi người con gái ấy, giờ thêm người con dâu và cả nhà phải nghe cái đĩa máy nói không ngừng mở nguyên một giọng. Cất tay bà nói, cất chân bà nói, nhấc cái chén bà nói, cầm cái phất trần bà nói, sáng sớm dậy trước nhất nói cho tới khuya, người đàn bà khô đét như con mắm này không hiểu sao lại có thể sa sả nói được như thế? Nhiều lúc người chú đã hất tung cả mâm cơm và những đồ làm đi mà gầm lên:

– Trời ơi! Con vàng nanh đỏ mỏ kia, mày có câm đi không! Mày có muốn để người ta sống mà làm ăn hay nhà cửa tao phá tan hoang, mỗi đứa mỗi nơi?

Người con gái ấy và lũ em chỉ biết nhìn người cha già và nghe sự đau đớn ran lên trong giữa cái yên lặng khó thở lúc đó. Những lần xảy ra cảnh đập phá ấy, y chỉ biết ghi vào cuốn nhật ký, rồi giở ra đọc thầm qua những giọt nước mắt vào những buổi xế trưa cả nhà đi vắng và những đêm khuya tiếng ngáy ngủ dồn dập cất lên rõ mồn một trong bóng tối. Những phút yên lặng được khóc thầm với mình này còn là những lúc sung sướng cho người con gái ấy.

Bếp nước xong, chân tay sạch sẽ, y lừa cho hai đứa nhỏ con người thím và người em dâu ngủ thật say. Không giở những quần áo rách của nhà ra vá thì y đem những đồ đan của chị em bạn nhận cho. Vài đồng bạc công ấy y muốn đưa cho người thím để rồi xin lại bà một món may mặc, hay y giữ lấy cũng được. Nhưng thường người con gái đan được bộ đồ nào đều đưa cho bà, và, có thì chỉ bớt dăm hào để tiêu vặt về phần mình và mấy đứa em nhỏ.

Nhịp với hai que sắt mạ kền thoăn thoắt với những sợi len, chỉ lại, người con gái ấy để cuốn tiểu thuyết mượn của chị em bạn xế trước mắt đọc miên man từng dòng, từng chữ. Có cần gì đâu những chuyện sâu sắc và đưa đến những ý tưởng tươi đẹp! Người con gái ấy chỉ cần thấy mình cùng đau đớn và chán nản với những cảnh thê thảm trong truyện là y cho rằng truyện viết hay là y sung sướng với sự giải trí sách vở đó. Có rung động một cách như thế, y mới là người cao quý nữa. Vì so sánh mình với những nhân vật tiểu thuyết, y thấy hai cảnh đời sao mà gần gũi với nhau thế, cùng là những cái gì người ta phải coi là kiểu mẫu và tấm tắc rằng trên mặt đất này chỉ những linh hồn đau khổ ấy mới xứng đáng yêu mến, kính phục thôi! Với y những linh hồn chị em trong sự tối tăm thật là chứa chan thi vị, phải

có những con đường đi riêng cho những đời sống cô độc, lạnh lùng không được mấy ai hiểu biết kia.

Người con gái ấy xót xa cho mình vô cùng. Và y xót xa cho cả những người thân mến, họ đau khổ mà không rõ, y thương cho người chú cặm cụi nuôi các con, cháu đến tận giờ mà chưa được đền bù chút gì. Y thương cho người thím cằn cỗi gần như điên cuồng, đến y là kẻ dễ tha thứ và chứa chan cảm tình với mọi người mà lắm lúc cũng không thể chịu đựng được bà và cũng bị bà coi như quân thù, quân hằn. Y thương cho hai đứa con nhỏ của chú và người em của y thua anh, kém bạn. Và y man mác nghĩ đến hai đứa bé mới đẻ của thím và người em dâu kia, cha mẹ chúng làm ăn lam lũ như thế còn mong gì xây dựng cho chúng được sung sướng.

Người con gái ấy đã khóc rất nhiều, khóc luôn luôn trên những trang tiểu thuyết. Càng đầm đìa nước mắt, y càng thấy mình được gội trong một làn nước mát hay những lớp sương gió. Sự uất ức ngùn ngụt hun đốt người y được giây phút tắt đi. Y được nhắm mắt lại trước cuộc đời như là những ngọn lửa cuồn cuộn lao vào mặt.

Lệ Hà, cái tên hai chữ này bắt đầu từ đây. Cái Lệ Hà đen, cái Lệ Hà mùa thu, tất cả bạn người con gái ấy đều gọi y với cái tên đó. Và, trong những bức thư, những tấm khăn nhỏ của y dùng, hai chữ Lệ Hà viết rất đậm, thêu thật uốn éo, nổi lên đỏ như máu.

*

*   *

Người con trai đã đến với Lệ Hà, và Lệ Hà đã ra đi với người con trai ấy.

Anh ta được một người bạn gái thường sụt sùi than thở với Lệ Hà giới thiệu. Anh đã gửi cho y một thư. Y đã trả lời luôn hai thư. Sau liên tiếp năm thư viết cho nhau trong những đêm buồn như tận thế, họ đã cầm tay nhau và nức nở nói rằng yêu nhau.

Trắng trẻo, tầm thước, tóc không uốn mà bồng lên, và mắt sáng như nước, anh ta mới hăm ba tuổi, hơn người yêu vừa đúng ba tuổi. Anh giữ chân bán hàng cho một hiệu cao đan, hoàn tán, mở nguy nga như nhà bào chế tây giữa một phố lớn. Ngoài những thì giờ bán hàng, anh còn giúp vào việc gửi gắm hàng nghìn thứ thuốc cho những

đại lý ở tỉnh xa cứ một ngày là mọc thêm sau những cách quảng cáo rất kỳ lạ của ông chủ tốn hàng bạc nghìn.

Thôi học, ở nhà quê ra, anh ta đã ngoi ngóp đi bốn năm tỉnh và xin việc đủ mọi nơi. Nhưng chẳng có lấy một cái bằng, và vai không thể vác được gạo, tay không kéo được xe, anh ta nấn ná làm ở vài chỗ rồi cậy cục vào hiệu thuốc nọ thì khư khư giữ lấy cái việc sổ sách đó như kẻ sắp chết đuối vớ được cọc. Anh tự nguyền phải hết sức cẩn thận và ghê tởm như kẻ giết người, những kẻ dại dột đã vì mê chơi hay đứng núi này trông núi nọ mà bỏ công việc.

Kể ra không phải đeo đẳng vài bổn phận thì anh cũng có thể như vài người bạn trẻ kia chiều chiều nhởn nhơ ngoài phố với cái đầu nhẫy bóng, áo lót mình bằng hàng tơ, túi quần xóc xách tiền, nghênh ngang vào hiệu cao lâu, rạp chớp bóng, ganh đua với những trai gái khác. Lương tháng anh hai mươi đồng, ngoại tài trung bình chục bạc, một thân một mình ăn tiêu vừa phải thật ung dung. Vì dạo đó gạo một hào được hơn một ống cân, chúc bâu trắng tốt nhất có ba hào một thước, gian gác kê đủ bàn, tủ, giường và mắc cả biển thuê tháng đắt lắm chỉ tới bốn đồng. Sự sinh hoạt dễ chịu quá, số tiền anh kiếm được biết cách ra có thể làm giàu được.

Đây anh ta còn một người cha mới sáu mươi tuổi mà đã lọm khọm, ngồi lâu một lúc cũng thở không ra hơi, như một cụ già tám, chín mươi ngấp nghé miệng lỗ. Ông ta có hai đời vợ, hai bà đều khỏe mạnh mà lại chết cả. Mỗi bà đẻ đến tám chín bận, nhưng chỉ còn một mình anh là con trai và hai đứa con gái nhỏ con bà hai. Ba người này ở luôn bên cạnh anh như sợ anh sểnh một chút là bị những cái rất ghê gớm trong đời cướp nghiến ngay đi. Nhà anh là ngành trưởng. Bao nhiêu giỗ tết, còn sống hai người đàn bà kia lo đủ giờ anh phải gánh vác cả. Tuy đã dắt nhau ra tỉnh, bốn cha con thuê hai gian nhà lá ở một xóm xa thành phố mà người làng, người họ vẫn cứ tìm đến không một kỳ đóng góp nào bỏ sót.

Người con trai và người con gái ấy yêu nhau lắm, không được như những trai, gái khác đường hoàng âu yếm khoác tay nhau ngoài phố, họ phải hẹn hò nhau ở những phố xa, vắng và có bóng cây. Họ đi song song, bước đếm từng miếng xi măng lát hè, nói nhỏ nhỏ từng lời rồi yên lặng thoáng nhìn lên nhau qua những cái chớp mắt. Họ còn tìm nhau ở vài nơi trên bờ sông, trên một con đường quê gần tỉnh, và đã vài lần, say nên quên cả mọi sự, họ đã lang thang ở một vùng có sông rộng, chân trời in nét núi xanh.

Họ sung sướng và thấy không gì bằng. Vì họ được xa chốn đông đúc bụi bặm. Họ được xa những cảnh ăn chơi nhộn nhịp, lâng lâng trong sự khoáng đãng. Như thế chứng tỏ rằng họ hiểu nhau lắm, hòa hợp nhau bằng hai tâm tình tinh túy nhất của tâm hồn. Họ đã khác hẳn những cặp trai gái khác. Một sự tự kiêu xứng đáng khiến họ có thể cất cao đầu lên giữa những cái gì mà người đời ghê gớm lắm, gọi nào là bùn lầy, nào là tội lỗi, nào là trụy lạc. A! Tuổi xanh! Họ còn trẻ quá và lại được gặp nhau, tha thiết với nhau, sự tha thiết đầu tiên của hai tâm hồn.

Phấp phỏng gần gũi nhau như thế nhiều lắm mới được vài giờ, rồi họ phải chia tay nhau. Đi xa rồi, trông lại nhau, ruột gan họ đau buốt thâu đêm. Đã thương nhau lại càng thương nhau vô cùng. Họ thấm thía thấy mình cùng phải chịu bao nhiêu sự thiệt thòi, cùng chung một tương lai không có gì tốt đẹp. Hơn nữa, họ còn phải vì nào cha mẹ, anh em, những người ruột thịt mà chìm đắm với họ trong sự khổ não mãi mãi.

Một tháng... hai tháng... nửa năm... một năm, thế là họ đã yêu nhau được một năm. Càng ngày, *tưởng gần nhau trong chốc lát hay* trông thấy mặt nhau là đủ, ngờ đâu sự nhớ mong càng ngùn ngụt. Không phải hàng tuần, mà chỉ một ngày hay một buổi vắng nhau, họ càng nghẹn ngào, bứt rứt chán nản rũ ra được. Về phần người con gái, lòng nung nấu đôi lúc còn dịu đi vì y hết sức đè nén bởi phải giữ gìn với người chung quanh và với cả chính mình. Chứ người con trai thì anh đau khổ quá, khó mà chịu hơn được. Anh không còn cất nhắc nổi cái quản bút, tính trọn một trang sổ mà cả người không rời rã, bải hoải như bị tra tấn thâu đêm. Cứ thế mãi, anh đến chết mất. Không phải trên cái giường bệnh hay trong tay một người nâng giấc, anh sẽ chết, cái chết khủng khiếp của một người điên lên cơn, treo mình lên cành cây, lao vào đầu tàu xe lửa, đốt cháy nhà rồi đâm vào...

– Lệ Hà ơi! Chúng ta phải lấy nhau.

Những tiếng này đã rền rĩ hoang mang bên tai người con gái. Y rùng rợn. Mắt anh con trai sáng một cách dữ dội. Hơi thở anh hồng hộc như con lợn giãy giụa chống với con dao đồ tể. Người con gái đã run run đẩy người tình ra, lắc đầu nhìn.

Không còn có thể giấu giếm được nữa cuộc yêu đương này. Cả người chú cũng đã biết. Không phải ông nghe vợ ông hay con dâu

ông nói. Chính ông là người nhà đầu tiên bắt được cháu gái mình đi tình tự với người con trai. Buổi trưa ấy, ông đưa đồ của sở đến đặt làm và nhận riêng của vài bọn khác. Người con gái đã tái mặt đi, tưởng đứt thở mất trước cái nhìn từ từ rồi quay đi của người chú như không hay biết. Tối hôm đó và luôn một tuần lễ sau, y không dám đi đâu. Lúc lên đèn, nhà cơm nước xong, ông chú giở việc ra, người con gái liền vội vàng đem ngay quần áo nhận đan làm ở bên cái ánh sáng ấy. Y thức khuya hơn mọi khi, ngồi hàng giờ thoăn thoắt đưa những mũi que mà không nói, không ngả lưng. Trong khi ấy người chú còm cõi, tóc đã lớt phớt bạc kia, thỉnh thoảng mới đưa mắt nhìn cháu. Vẫn với hai con mắt yên lặng, lờ đờ, ông nhìn cái vẻ mặt như muốn trốn tránh của cháu, thấy trong lòng nổi lên vừa đau đớn, bực tức và bùi ngùi thương xót.

Đã lâu lắm, ông mới chú ý đến cháu. Ông ngạc nhiên thấy cháu cao và nở nang khác hẳn đi. Y gần như không còn tý gì của thủa bé. Từ đôi mắt, cái cằm xuống đến vai, đến ngực đều thay đổi. Tóc chải bồng, da nâu kín môi dày, tươi, răng tuy thô một chút nhưng trắng muốt, cháu ông không xấu lắm tuy chẳng trắng trẻo, son phấn như những người con gái khác.

Người chú nhẹ thở dài:

– Nó đã lớn rồi!

Ông nghĩ đến nếu cháu vào một nhà có buôn bán hay cha làm sở nọ, anh em sở kia, vàng đeo tay, vàng đeo cổ, quần áo lụa là, thì ít ra cũng được vài nơi nhòm ngó. Đây những nhà giàu sang như thế họ tìm những dâu con nhà như họ hay hơn họ. Còn những kẻ thợ thuyền hay làm ăn nghèo ngặt thì vừa không lo được tiền cheo cưới, vừa phải lấy hoặc gái phu hồ, hàng gạo để cùng gánh vác sự lam lũ với mình mà không khinh mình, chứ họ đâu dám với tới cháu ông, chẳng gì cũng là con nhà hàng phố, tân thời, chỉ biết có việc bếp nước nhẹ nhàng. Trở lại, chỉ những tụi trai lơ, vô công rồi nghề mới tìm đến. Thì thà rằng thấy con cháu mình chết già chứ chẳng cha mẹ nào dám liều gả đi, vì con cháu họ sớm tối rồi cũng chết khổ sở đọa đầy thôi!

Người cháu gái ông lấy chồng giàu sang, ông không dám và cũng không thích mơ tưởng đến sự đó. Đôi khi chợt tưởng đến sự chồng con của cháu ông chỉ muốn y làm vợ một người nào đó nghèo nàn hay bơ vơ cũng được, nhưng cốt nhất phải có nghề nghiệp. Cheo cưới thế nào cho khỏi mang tiếng để cháu theo trai, ông sẽ cho cháu về với

người ta. Vợ chồng đều còn trẻ sẽ vui vẻ với nhau mà kiếm cách sinh sống cho khỏi đói rách, con cái khỏi nheo nhóc là được. Ông chú đã nghĩ thế, tâm trí nao nao. Người anh ông hay người chị dâu còn sống và có đôi chút tiền của để lại, ông chẳng lo làm gì. Đây người cháu gái sống với ông đã khổ sở nữa thì ai oán cho y quá. Thôi y đã thương yêu ai, và người ta thương yêu y, hai người có thể gắn bó với nhau, ông chẳng cần gì hơn, và cả hai con người đã chết sớm kia cũng chỉ mong thế.

Người con gái hồi hộp nhìn người chú luôn tay kìm, búa dưới ánh đèn, thỉnh thoảng mới ngẩng lên. Y cảm thấy rõ sự yên lặng thấm thía của chú và ứa thầm nước mắt. Y tưởng đến hình ảnh của bố mẹ mà y chỉ còn thể nhớ được lờ mờ. Mười mấy năm rồi, người đàn ông này không bao giờ nói đến chị em y một lời. Bố mẹ y cũng chỉ hiền từ đến như thế. Cái búa tạ dùng lâu còn vẹt đi nữa là người. Cứ còm cọm hết việc này chưa xong đã bắt ngay sang việc khác mà chẳng được lấy vài ngày nghỉ ngơi, ăn uống tẩm bổ, không khéo mai kia thôi chẳng thể gượng gạo được nữa, ông chỉ bị một trận ốm là khụy. Nhắm mắt chết, ông nào đã được gì, được một chút gì thật êm vui trong đời đâu?

Người con gái lại thấy không thể nào lìa bỏ chú mà ra khỏi cái nhà này được. Yêu người yêu, tha thiết với người yêu, y sung sướng với cái ý nghĩ ấy thì càng phải biết thương chú, hết lòng với chú, một người tận tụy với chị em y không một lời than thở. Y nhất định ở với chú tới bao giờ hai đứa con trai nhỏ của chú và đứa em của y lớn lên, có vợ con tử tế, làm ăn phụng dưỡng ông, y sẽ lấy ai hay không cũng được, chứ đương lúc này trong nhà luôn luôn eo óc, giờ ăn uống nghỉ ngơi cũng đầy khổ não như chốn tù tội, thế mà y về nhà người khác, thật vô cùng nhẫn tâm. Y chẳng làm được nhiều tiền giúp đỡ, nhưng có y cơm nước sạch sẽ, đồ đạc thu dọn gọn gàng, các trẻ mỏ trông nom cẩn thận và sự an ủi, âu yếm, người đầy tớ hết lòng nào như y thuê được.

*

*   *

Người con trai ấy phải đi, không còn thể viện một lẽ gì cưỡng lại được.

Anh đã mất việc, ông chủ hiệu thuốc bảo anh nghỉ để nhường cái chân bán hàng và giúp việc lặt vặt ấy cho người cháu họ ông. Tuy

người cháu ít tuổi, chưa làm đâu cả và dại nghếch, nhưng ông cần gì! Cốt sao ông bảo thế nào y nghe vậy. Y không biết ăn cắp của ông, không thông với người ngoài tiết lộ những cái bí mật của ông, nói tóm tắt làm lợi cho ông là đủ.

Nghỉ một ngày, chơi một ngày là hư hỏng một ngày và để gia đình phải khổ sở. Bởi vậy, người cha già anh con trai tức tốc bắt anh phải tìm ngay việc khác, và cả ông sáng sớm uống xong chén chè tàu nghiện ngập, ông liền khăn áo đi cậy cục chỗ làm ăn cho con. Một người bà con đã làm ơn nhận lời cầu khẩn của ông, đưa anh con trai đi với mình. Họ đi Sài Gòn. Trong đó, người bà con nọ trông coi một nhà in còn mở mang to nữa. Anh con trai không bán hàng thì giúp việc ấn loát, hay nếu xem ra chí thú, có chí lập thân, y sẽ bảo cho anh cách giữ sổ sách và tiền nong làm phụ y.

Lương tháng y sẽ xin ông chủ trả cho ba mươi đồng, khi nào thông thạo việc sẽ tăng. Ăn ở nhà y, lấy rẻ hai mươi đồng kể cả các khoản giặt giũ, quà sáng. Như thế anh còn có thể gửi về nhà dăm bảy đồng hay chịu thương chịu khó không tiêu pha gì thì cả chục. Đó là một món tiền to và em anh kiếm đâu ra được ngần ấy bây giờ? Vậy chủ nhật tới này, hai người sẽ lấy vé tàu hỏa đi suốt vào chốn làm ăn kia.

Người cha đã thân dẫn anh con trai về quê lấy thẻ căn cước. Ông thân làm mấy mâm lễ để dâng gia tiên trình ngày lên đường của con và cầu sự phù hộ. Ông mua cả cho con những khăn mặt, xà phòng, dầu bạc hà, thuốc ký ninh... Cộng với tiền tàu bè về quê, tiền chè, tiền xe cho lý trưởng và những tiền khác, tất cả đúng hai chục bạc. Ấy là không kể hai chục bạc lấy vé tàu cho con và cảm tạ người bà con cứu tinh kia một vé. Ba sào ruộng giỗ chạp cuối cùng thế là đi đứt. Nhưng người cha không có chút hối hận. Rồi lại tự tay ông, ông bỏ tất cả sách vở, ống quyển và những di tích của thời lều chõng của ông gói ghém cất đi, nhường cái hòm sơn chắc như cái tủ sắt ấy cho con. Ông xếp vào đó không thiếu một thứ gì cần dùng của con kẻo vào đến cái xứ tiêu tiền như ăn gỏi ấy mà cứ thiếu một tý lại đi sắm thì kiếm được bạc trăm cũng chết vì nợ mất.

Luôn mấy đêm ông không ngủ được. Ông càng cố nhắm mắt thì trong người càng bừng bừng như lửa đốt và như là có những tiếng đàn hát ran ran bên tai. Sự chiêm nghiệm của ông càng thấy đúng. Cái may thường kèm cái rủi, trong cái rủi thường nảy ra cái may,

tưởng người con trai ông thất nghiệp dông dài, hay đâu nhờ sự tu thân tích đức của ông và số kiếp tới ngày đạo đạt, người bà con kia đến, chuyến này phải là chuyến bay nhảy của con ông. Vừa được giữ sổ sách, vừa được học tập công việc nhà in, con ông cũng có đôi chút thông minh, y dần thông thạo, ấy là sẽ có một cái gậy chắc cầm tay. Rồi giao dịch buôn bán nhiều với Tây, Tầu, với kẻ nọ người kia, y thế nào chả gặp cơ hội tốt.

Cái mộng đêm ngày ông xây đắp gần lụi đi ấy ngày nay sắp thực hiện rực rỡ. Ông sẽ chuộc lại ruộng vườn, làm lại nhà cửa, có trâu cày ngựa kéo, ăn trên, ngồi trốc trong làng. Con trai ông sẽ lấy con gái một nhà khá giả, sự giàu sang cứ đời nọ tiếp đời kia. Càng tưởng tượng, người cha già càng thấy sự cho con đi làm mai đây chỉ có một bề như là sự sống chết. Bỏ lỡ dịp này, ông sẽ tiếc suốt đời. Con trai ông rồi cũng cả đời khó lòng mở mày mở mặt. A! Mà lâu nay ông đã được biết y đi vào con đường tình và say mê sắp quên cả mọi sự. Tuy ông không được rõ mặt, nhưng nghe người ta nói thì người con gái cám dỗ con trai ông kia phải là hạng hư hỏng lắm. Cái thứ đàn bà con gái gì mà tóc chải cuộn lên, mặt đầy phấn sáp, quần áo mỏng dính, chỉ cựa mạnh là toạc ra, chẳng biết chịu thương chịu khó, chắt bóp dành dụm gì, cứ nhà hát, chớp ảnh, xe đạp, tiểu thuyết? Đó là những yêu ma tác quái cho người ta, chứ không phải là người.

Lệ Hà! Người yêu đầu tiên của người con trai và, người con trai, nguồn hy vọng đầu tiên của Lệ Hà.

Đôi này đã khóc đầm đìa với nhau tuy họ nhất định đi với nhau. Người con gái cũng xin gấp được thẻ căn cước và sắp xong mọi hành trang. Y phải đi vì thấy không thể chịu được sự nhục nhã, đau khổ hơn nữa. Người thím y cứ sáng, chiều hết ngày ấy sang ngày khác rêu rao chửi rủa y. Nào y hư hỏng, bội bạc, bôi tro trát trấu cho nhà, sống cũng bằng thừa. Không phải giờ bà mới quyết liệt như thế, mà từ ngày khi được biết cháu phải lòng trai, dám hò hẹn lén lút với trai.

Người con gái ấy đi, ai chứ, bà đã chẳng giữ lại, còn gạo muối tiễn tống nữa. Y không tự ra khỏi nhà bà thì giờ bà đã nuôi cho mười chín, hai mươi tuổi đầu, bà cũng chẳng còn hơi sức đâu trông coi. Y muốn theo ai, làm gì bà cũng mặc. Và chết thì thôi chứ bà không sao nhìn nhận được người con trai kia làm cháu rể bà, dù anh và ả trở nên ông nọ, bà kia, tiền trăm, bạc nghìn đưa bà, bà cũng hất đi.

Người con gái ấy cũng biết lắm, cũng tủi cực lắm. Y biết ra đi

như thế sẽ gieo bao nhiêu tai tiếng cho nhà, làm lo phiền cho người chú và các em, và, đối với bà thím, tức là đánh một dấu tận tình. Biết làm sao? Ở lại để chán nản rồi chết vì buồn ư? Đương yêu nhau mà nhìn kẻ ở người đi thì sớm chầy trong sự chia ly cũng có một sự không hay xảy đến, và, theo liền là cảnh tan nát không thể nào hàn gắn được. Người ta chỉ có một đời, một tấm tình và một hạnh phúc để sống. Thế mà tất cả những cái này không ghì riết lấy, không hết lòng với nó thì còn gì là con người, là sự vui sướng? Nhất là tấm tình! Tấm tình yêu bao trùm cả sự vật trong đó hai con tim kia gần nhau chung một nhịp thở đã thấy sự hòa hợp êm đềm bên cạnh bao nhiêu con tim khác đã thành đôi!

Vả lại, cái mắt nhìn, cái miệng cười, cái tiếng nói, cái hơi thở, cái bóng dáng của người yêu nhau. Tất cả những cái đó thành như một thức ăn uống của họ rồi. Gần nhau, không những họ được tỉnh táo mà còn hăm hở chung sức với nhau để gây sự hạnh phúc. Càng ngẫm mình, người con gái thấy thật không có chút gì tội lỗi. Y và người thương sẽ quyết hết sức chịu khó làm việc, dành dụm lấy ít tiền gửi về nhà cheo cưới rồi mới ăn ở với nhau. Họ sẽ có một vốn nhỏ mở một hàng tạp hóa, nhận cả các quần áo đan. Khấm khá, người con gái sẽ cho đứa em ruột mình và hai em họ theo học lâu để đỗ lấy "Thành chung", "Tú tài". Ông chú sẽ nghỉ nhà. Bà thím cũng thế, rồi cùng người cha già, người con trai, chú thím y sẽ hiểu tấm lòng của cháu thủy chung, hiếu nghĩa.

Còn một buổi tối nữa. Sáng sớm mai, người con gái đã ra đi. Một lần nữa, y rụt rè đến trước mặt bà thím, đầu cúi thấp, run run xin lỗi bà và xin phép bà. Nhưng bà đứng phắt dậy, xua tay bỏ sang hàng xóm. Người con gái đành gạt nước mắt nhìn theo. Để tránh sự xô xát tan hoang làm đau lòng thêm cho chú, đến trưa, người con gái lên sở chú. Ông chỉ yên lặng nhìn cháu rồi thở nhẹ một tiếng. Ông nói ừ thì y đi. Nhưng, đã biết y không phải là hạng gái hư hỏng, ông vẫn dặn dò y và xin y hết sức giữ gìn thân mình, phải cẩn thận từng ly từng tý trong bất cứ công việc gì để khỏi hối hận về sau. Ông lấy ở túi áo trong ra mười đồng bạc, bắt người con gái phải cầm để thêm vào tiền tàu và lại dặn hễ vào tới trong đó phải gửi ngay thư về, rồi làm ăn ra sao hay gặp sự gì không hay cũng phải cho ông biết tin luôn.

Người con gái lại chan hòa nước mắt. Trưa hôm ấy nắng. Những tiếng reo vàng rực của gió và cây cỏ làm hoa cả mắt y. Y đã chợt toan

ở lại vì thấy những cái như là dây chão, là dao sắc, trót ghì lấy lòng mình và xẻo ra từng miếng.

Sài Gòn, một trong những viên ngọc Viễn Đông. Đây người ta nói thành phố to như Thượng Hải hay xa xôi hơn, như Nữu Ước của Mỹ châu. Ban đêm, sự buôn bán làm ăn không ngừng, ánh sáng còn rực rỡ hơn ban ngày. Chung quanh, các miền cày cấy cứ thẳng cánh cò bay, lúa chín rừng rực, sông nước mát rợi, cá ăn không hết. Bao nhiêu công việc tạp nhạp, người trong ấy để cả cho khách trú và người Bắc làm hết. Hầu hết họ cứ đến bữa ăn thì ra tiệm, tối đến đi chơi, chẳng lo nghĩ gì cả. Đồng tiền thật như nước. Bao nhiêu kẻ đã nhờ đây mà nổi cơ đồ. Cả những kẻ đi phu, vợ con dắt díu nhau với chăn chiếu, quần áo tay xách nách mang kia, họ bước chân xuống tàu đều tươi như hoa nở.

Chuyến xe lửa suốt chạy vào Sài Gòn khởi hành lúc sáng sớm, người con gái dậy từ bốn giờ, chào lạy chú thím, nức nở cầm tay các em bé, cháu bé rất lâu rồi đi...

*

* *

Tám tháng sau, người con trai trở về Bắc. Anh về mỗi mình với cái hòm sơn của anh. Người anh gầy tóp, xơ xác, phải nhận lâu mới ra. Cái nhà in anh làm sang tay chủ khác đã năm tháng. Anh là một trong bọn người ông chủ mới giãn ra. Còn người con gái nghe đâu y cũng ốm lắm. Mà vừa ốm, vừa tiền không, quần áo lành lặn không, y đâu dám trở về cái nơi đã ghen tức nhìn y ra đi với một người con trai hớn hở. Một dạo, được tin y thôi giữ chân bán hàng, lại về ở trọ nhà người quen nhận quần áo các nơi đan. Bẵng đi lâu mới thấy nói y theo giúp một chị em người Bắc mở nhà hộ sinh. Rồi cả người con trai và người chú cũng không hay biết gì về y. Hiện giờ người con gái này ở đâu, còn sống hay chết và làm gì?

Lệ Hà! Lệ Hà da nâu chín, trán thô, tóc cứng chải bồng lên kia hiện giờ ở đâu, còn sống hay chết và làm gì, hỡi những bạn đọc tin cậy của tôi?

Tiểu thuyết thứ bảy, từ số 486,
ngày 6-11-1943, đến số 489,
ngày 27-11-1943. In trong tập *Miếng bánh*,
Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1945.
Ở đây tuyển lại theo bản in của Nhà xuất bản Đời nay.

GIỌT MÁU

(Truyện ngắn)

– Sao tôi lại thuê cái chỗ này mà không chịu xem xét trước?...

– Sao tôi đã đến xem rồi mà cứ ở?...

– Sao tôi lại ở một chỗ như thế với cái giá thuê dại dột quá vậy?

Càng nghĩ, tôi càng không khỏi bứt rứt và ngạc nhiên vì cái chỗ ở nọ. Nó thuộc về ngoại ô, làm trên một khoảng đất có ao, có vườn và sân, ở trong cùng một xóm chật chội, lúc nhúc giáp với cánh đồng. Tôi vào đây chẳng phải qua cửa ngõ gì. Tôi bước chân lên thềm nhà rồi mà vẫn thấy im lặng như tờ. Rộng rãi, mát mẻ, thật đúng như lời người mách, nhưng ấm cúng vui vẻ thì trái lại.

Cả mấy gian nhà đều trống hơ trống hoác. Một cái tối mờ hiện ra dưới mái lá như sương khuya. Mùi ẩm mốc thoang thoảng bốc lên. Tiếng mọt nghiến gỗ ken két.

Vào nhà, tôi còn đứng bâng khuâng nhìn những kẽ trời xanh ở suốt nóc nhà, thì mấy tiếng khóc nhèo nhẹo khiến tôi quay nhìn ngơ ngác, chợt thấy rằng trong cái cảnh này không phải chỉ có mình tôi. Nhưng, những người kia vẫn như không để ý đến tôi. Người đàn ông tóc búi, mắt to và cao lớn ấy, vẫn cúi xuống cái rá. Bên cạnh y, một đứa con gái tóc lòa xòa, quần áo ngắn ngủn, cũng một vẻ cặm cụi như thế. Gần đấy, cái đứa bé khóc nhèo nhẹo thì trần truồng ngồi xệp trên một bãi nước đái.

Tôi hồi hộp đi đến người đàn ông chào y. Giờ y mới ngửng lên. Y chỉ thoáng nhìn tôi, mắt hấp háy như chói nắng, y buông thõng mấy tiếng:

– Không dám, chào cậu.

Đến khi ấy, đứa con gái mới trông lên. Khác hẳn người đàn ông, mắt nó đã mở to sẵn lại giương hẳn lên mà nhìn thẳng một lúc vào tôi rồi mới cúi xuống. Lòng trắng sáng, con ngươi nâu ánh, mi dài và cong, mắt đứa con gái vừa tỏ sự sửng sốt vừa nói một chút gì vui mừng, sợ sệt. Trống ngực tôi đập mạnh hơn. Tôi phải cố giữ cho giọng được tự nhiên:

– Ông và các em ở đây?

– Phải!

Mặc sự đối đáp nhạt nhẽo, khinh khỉnh ấy, tôi cứ nói tiếp:

– Tôi đã nói với bà chủ thuê lại một gian ở với ông và các em cho vui.

– Đấy! Tất cả năm gian, tha hồ mà cậu chọn.

Tôi vẫn cười bảo người đàn ông:

– Như tôi ở chỉ một gian là vừa, vậy ông xem gian nào tiện việc thu dọn thì ông bảo cho.

Người đàn ông ra vẻ ngẫm nghĩ một lúc rồi lại thủng thẳng đáp:

– Hay cậu cứ ở cả vì cậu chắc phải nhiều đồ đạc.

Nụ cười cố gắng của tôi càng phải cố gắng nữa. Tôi khó chịu lắm trước thái độ của người đàn ông nọ. Thấy tôi tìm vào thuê, chắc y tưởng rằng tôi đã xâm phạm đến sự sống của y. Ừ, nếu quả thật tôi là kẻ muốn tranh ở hết cả mấy gian nhà bằng một cái giá trả cao vọt lên, hay nếu tôi lù lù dọn đến cảnh nghèo hèn heo hút của y cả một cảnh sống sang trọng thì chính tôi là kẻ lạnh nhạt trước với y, có những cử chỉ khiêu khích y mới đúng chứ? Không, đây tôi cố tránh sự hiểu lầm và phải tươi cười chào hỏi y trước, mà sao y lại không chịu hiểu? À, hay tôi cũng phải chểnh chỏng, khinh khỉnh như những "ai" kia mới được?

Tôi nghĩ thế, nhưng, sau một giây lòng nhủ lòng, tôi hối hận vì những ý nghĩ không đúng của tôi này:

– Ông tưởng thế đấy! Tôi chỉ có một cái bàn để viết và một cái ghế vải để nằm, ngoài ra chẳng còn cái gì để bày biện hết.

– Vậy cậu ở một mình, sao bà chủ bảo là nhà cậu dọn đến?

– Vâng, tôi chỉ có một mình, mà "nhà" là một mình tôi cũng được chứ sao?

– Thế cậu đi làm cậu ăn cơm hàng? À cậu đi làm sở nào?

Tôi không đi làm ở sở nào cả! Buổi tối tôi ra phố dạy học thêm và soạn sách truyện cho các nhà in, nhà báo. Tôi làm việc như thế, còn ăn uống, gặp đâu ăn đấy!

– Như thế cậu được tự do lắm nhỉ?

– Vâng! Tôi cười – Ông thuê đây đã lâu?

Người đàn ông cũng cười nhẹ một tiếng:

– Trước tôi được ở không để coi nhà, nhưng từ năm ngoái thì người trên phố đổ xô vào thuê nhà các xóm thì tôi phải trả mỗi tháng năm hào để bà ấy đóng thuế. Còn cậu, cậu trả bao nhiêu?

Tôi buột miệng:

– Một đồng rưỡi.

– Một đồng rưỡi. Chắc cậu thuê theo lệ trên phố và trả tiền trước nữa? Hừ, bằng tiền nhà gạch ngoài xóm còn gì! Thôi chuyến này bà ấy không còn sợ vắng vẻ, không còn kêu thuế má, chữa chạy tốn kém nữa!

Dứt câu này, người đàn ông đứng dậy, coi như chẳng có chuyện gì với tôi hay tôi vẫn đứng trước mặt y. Y bặt hẳn tiếng, cúi xuống cái rá gạo nhặt nhặt.

Sau đó thì cả hai cha con y cũng bỏ đi, mặc tôi tưng hửng bên cái đứa bé trần truồng và nhớp nháp nọ nhìn theo bằng cặp mắt giàn giụa nước và những tiếng nức nở.

Kẹt... kẹt..., những cánh cửa lần lượt mở ra. Tôi không dám chờ người đàn ông gọi tôi, vì biết rằng y sẽ không nói thêm một lời. Tôi vội theo y bước vào. Vẫn im lặng, người đàn ông mở một cánh liếp ở bức vách rồi lùi lũi ra sân, mặc tôi một mình trong mấy gian nhà. Tôi càng bàng hoàng. Qua cái hàng hiên rộng và thấp, nắng lùa vào rất nhiều với những bóng phấp phới của lá cây. Mấy gian nhà nhờ những cánh cửa mở toang, sáng hơn ít nữa. Tôi được nhìn thật hơn từ những chân cột đã ruỗng, lênh khênh trên những hòn đá tảng lún sát mặt đất, đến những rui kèo lệch lạc, khẳng khiu đen sì mạng nhện và khói bếp. Tôi được nhìn thật hơn những đồ đạc lỏng chỏng, gần mục nát, xúi xó ở những chân vách nứt nẻ và trống hoác mà bất kỳ gà chó hay người cũng có thể chui lọt. Một cái giường kê bằng gạch ở gian giữa, một ổ rơm vương vãi ở gian bên trái, những rổ rá thúng mủng ở các xó, còn trong gian cuối cùng bịt kín thoáng trông như là buồng kín, hai cái bếp đầu rau đương lởn vởn những tia khói trong những vạch nắng chiếu vào.

Một con chó trắng nhỏ như một con mèo, gầy giơ cả xương nằm nhắm mắt trên một cái chổi cùn ở giữa cửa.

Tất cả những tiếng động từ nãy đến giờ như không đến tai con vật nọ. Nó cứ thiêm thiếp cả khi tôi lại sát nó, trông xuống nó, và nó ngước lên nhìn tôi lờ ngờ, kinh ngạc, buồn bã. Tôi chưa bao giờ thấy con chó nào như thế. Nó ốm, nó lành được hay khéo dạy mà cả khi người lạ đá phải, nó cũng không dám cắn?!

*
*   *

Người đàn ông nọ tên là Thành, người trong xóm gọi y là bác khán Thành. Bác khán Thành trai, bác khán Thành gái, cái Thạo nhớn, cái Thạo bé, cái Tý con, năm linh hồn này đã sống bên cạnh tôi trong mấy gian nhà cũ kỹ, heo hút ấy.

Thoạt nghe cái tên "khán" tôi đã tưởng bác ta giữ việc tuần phòng trong xóm, hay vẫn còn đóng góp với làng mạc ở nhà quê. Nhưng không phải, khu xóm đây bị cắm vào thành phố, đóng thuế cho thành phố, và thuộc về "bóp" đội sếp ở đầu ô trông coi từ lâu rồi. Còn nhà quê, vợ chồng con cái bác bỏ hẳn, không nhìn nhận gì đến nữa.

Như người ta cho biết thì vợ chồng bác cũng đã có ruộng vườn, nhà cửa hẳn hoi của ông cha để lại. Hai người cũng đã hết sức cày sâu cuốc bẫm để được gặt một ít thóc về vụ mùa và dỡ một ít khoai, ít đỗ về vụ chiêm. Nhưng một năm, một con nước không thể tưởng tượng được, đổ giữa ngày tháng chín. Trong nháy mắt, tất cả những cái gì là vật sống trên dải đất hàng trăm cây số ở ven biển đã bị cuốn đi. Đứa con trai đầu lòng và đứa con gái lớn của vợ chồng bác đã mất tích cùng với hàng chục người họ hàng nội ngoại bác và hàng trăm người ở mấy làng lân cận nữa. May vợ chồng bác và mấy đứa con bé lại vừa ra tỉnh làm ăn. Lần này thì hai người phải nói như lạy một nhà chuyên cho vay ở trong làng, gạt nốt mấy sào lấy thêm mười đồng bạc nữa rồi ra tỉnh.

Chồng làm "cu ly" nhà máy sợi. Vợ đi các chợ cất rau đậu về bán rong phố. Cái Thạo nhớn theo mẹ đi chợ để tập tành đỡ vực. Cái Thạo bé và cái Tý con ở nhà lê la cho qua ngày chờ tới khi lớn thì hoặc chợ búa với mẹ hay lại cậy cục đi vào nhà máy làm với bố. Cái gia đình ấy làm ăn hoàn toàn như những người nghèo trong xóm, họ đã lìa hẳn quê, sống gửi chết nhờ ngoài tỉnh.

Mưa, nắng, cả hai vợ chồng và đứa con gái lớn đều dậy từ lúc gà gáy tinh sương, chẳng cơm nước gì, cứ nguyên đầu tóc, quần áo ấy ra đi biền biệt đến sẩm tối mới về.

Ngày lại ngày, bữa nào cũng như bữa nào, năm miệng ăn chỉ có một nồi ba cơm. Gạo thổi không độn khoai thì độn ngô, và là thứ gạo

máy, đong mỗi hào dôi được vài lẻ. Thức ăn của họ, tôi chỉ thấy liên tiếp những rau lang, những rau diếp nhặt lại hay những rau bán ế. Họa hoằn mới có bát dưa muối hay nồi canh cải nấu với mắm tôm mà cả nhà được xụp xoạp những chiều nào lĩnh lương hay bán hết hàng.

Về những chiều tối này, nếu không phải đi dạy học, tôi thường ở nhà cùng vợ chồng bác chuyện đôi câu khi nhà bác thổi nấu ăn uống. Nhưng, cả khi nhà bác có tiền mua dầu thắp đèn, cả khi dọn cơm ra bờ hè ăn nhờ ánh trăng và cả khi rét mướt ngồi bên cái đống củi vụn mà Thạo nhớn nhặt nhạnh được về đốt, lửa cháy hồng hồng, khói lởn vởn, vợ chồng con cái bác cũng vẫn im lặng như những cái bóng lờ mờ xam xám của họ.

Người đàn ông chỉ đưa bát cho con xới cơm mà không cất tiếng bảo nó một lời. Người vợ chỉ gắp rau cho cái Tý con, cũng không hỏi nó gì cả. Cái Thạo nhớn và cái Thạo bé thì cúi hẳn mũi vào bát. Còn đứa con bé nhất hoàn toàn là một cái núm thịt động đậy, khùa khoạng và lấm lét.

Tiếng nói, tiếng cười, sự chuyện trò, vàng ngọc đã quý hiếm nhưng cũng còn dễ thấy hơn những tiếng người nói ra một chút vui mừng hay một ý nghĩ, một vài xúc cảm của mình, dưới cái mái lá thấp tối này, trong những buổi chiều của sự sum họp nghỉ ngơi! Những lúc đó, tôi càng để ý đến một linh hồn trong đó: cái Thạo bé.

Trước ánh lửa bếp lom nhom và ánh đèn lù mù, sắc mặt Thạo càng sạm thêm, ngây dại và cô độc hơn. Con bé ấy gắp rau, húp nước dưa và nhất là xới cơm đều rón rén như sợ rằng nó không được phép ăn những thứ quý báu lắm ấy. Vì nó thấy rằng nó không thể theo mẹ đi chợ như con chị nó, người đen như củ súng, nhanh nhẹn, khôn ngoan hơn cả nhiều đứa con gái lớn hơn ở ngoài xóm. Và nó lại không bé hẳn như cái Tý con, bụng ỏng đít vòn, đặt đâu là ngồi ỉa đái ra đấy để được hưởng sự đặc biệt ăn uống no nê và không phải làm gì!

Trước vẻ sợ sệt, ngơ ngác của Thạo bé, lắm khi cả nhà đi vắng, tôi muốn đến với nó mà không được. Hoặc Thạo bé lảng bế em đi, hoặc vì tôi thấy nao nao trong lòng, đành yên lặng mà nhìn Thạo bé, vừa nghe cái bâng khuâng của im vắng đi vào tâm hồn tôi như một mạch nước lạnh.

*

*   *

Một buổi trưa, tôi đương nhìn ánh nắng lao xao ở ngoài vườn, bỗng giật mình vì những tiếng chân lạ lạ đi vào ngõ. Mụ chủ nhà đã sang. Một tay mụ cắp đứa con, một tay cầm mấy cành củi mà do cái thói quen tham lam của mụ, mụ nhặt nhạnh ở ngay sân nhà người khác.

– Thầy mày đâu hở Thạo?

Cả cặp mắt ướt nhoèn của cái Tý con cũng ngước lên cùng với cặp mắt mở to của chị nó. Mãi Thạo bé mới lí nhí:

– Thầy con ra phố.

Mụ chủ nhà như không nghe thấy.

– Kìa thầy mày đâu? Trả tiền tao chứ? Hừ lạ thật! Nhà mày như câm cả đấy à?

Mắt Thạo bé chớp một cái như để lấy thêm sức mà chịu đựng cái nhìn sáng quắc của mụ chủ sừng sững trước mặt nó. Sau đó, Thạo cúi xuống, giọng nhỏ hơn:

– Thật thầy cháu ra phố ạ...

– Thế thầy mày không để tiền trả nhà tao à? Hai ba tháng của tao rồi! Tháng này, thầy mày đi đủ tầm, lĩnh được hơn bảy đồng cơ mà.

Lần này Thạo chỉ gằm mặt xuống với những sợi lá chuối tước giả làm rau bán ở dưới đất. Nó di di móng tay lên, trong khi mụ chủ nhà lại dằn tiếng:

– Sao nhà chúng mày lại khốn nạn như thế được? Người ta ăn ở như vậy mà không chịu biết. Bố mày công ăn việc làm, ông sếp nhà tao phải sai cả "a giăng" đi nói cho, rồi gạo tao cũng phải bán chịu cho, không có lấy gì mà ăn, chồng đi làm, vợ đi chợ, chúng mày nhởn nhơ cả ngày? Thậm chí đến tiền vốn của mẹ mày cũng là tiền họ của tao; thế mà có một tháng mấy hào tiền nhà, bố mẹ chúng mày cũng chây lười. Thôi! Những tiền gạo và tiền mẹ mày vay góp kia, tao không nói làm gì, nhưng còn cái tiền nhà về phần thầy mày chịu đã đóng cọc của tao ngót ba đồng rồi, thì phải nghĩ mà trả tao. Một nút lạt một đồng xu, một hòn đất một bát cơm, tao có đi ăn cướp được tre lá, hay mượn không được người ta làm cho đâu? Tao có khất được thuế đâu? Thương tình nhà chúng mày, tao đã cho ở không hàng năm rồi. Không xem đấy như ở ngoài xóm, một gian nhà hễ chui đầu vào là chổng đít ra, liền với cống rãnh cứt đái mà cũng đồng bạc một tháng! Đây nhà tao, bố mẹ mày đã ở vung vinh như động tiên ấy, lại còn nào giường, nào vại, nào hòm của tao cũng tiến cho nữa... Thế mà

không chịu nghĩ! Hừ!... Hay thấy tao không như ai thì bố mẹ chúng mày không nể? Thôi này, để tao phải nói ít chứ. Bố mẹ chúng mày quá lắm rồi, tao phải đối xử như ai lại bảo tao là con người ác... Cha mẹ chúng nó! Ấy những quân khốn nạn mấy cái xóm này nó vẫn kháo lên mãi trên phố rằng mình ác nghiệt đấy!...

Ngừng lại, mụ chủ nhà thúc thúc đầu gối vào người Thạo bé:

– Kìa con này!

Cái Thạo chớp chớp mắt lần nữa rồi càng gằm mặt xuống, ngập ngừng:

– Thầy con đi... Thầy con khất bà...

– Khất, khất đến đời sang tiểu nữa à? Mà tao đã bảo, nợ tao hai đồng rưỡi ấy, không có trả tao cả một lúc, thì trả góp tao mỗi ngày năm xu làm hai tháng thôi... Giờ lương thầy mày ngày hai hào được tăng lên những hai hào rưỡi, thầy mày chỉ bớt quà sáng hay quà trưa là thừa trả tao. Còn bu mày, độ này, buổi nào tao cũng thấy bu mày hết hàng, ít ra bu mày cũng kiếm ba bốn hào chỉ lãi một ngày, ấy là không kể con chị mày nó cũng thêm cặp được đồng muối, đồng mắm. Làm ăn như thế, nhà mày vẫn cứ không chịu nghĩ đến công nợ của tao! Mà đây này!...

Mụ chủ nhà cúi xuống nắm lấy cái Tý con, giọng nói nhọt nhạt hổn hển:

– Áo nhà nó mới may cho nó đây này!...

Bị những ngón tay béo múp của người đàn bà xoắn lấy cái áo của mình bằng vải dường bâu dày như mo nang mà may chỉ đến rốn, Tý con chùn người lại, mặt xanh xám hết nhìn người đàn bà lại đến chị nó. Và càng bị day day, càng nghe cái giọng dằn xiết, con bé càng co dúm, càng níu lấy chị. Nhưng nó không khóc, miệng nó chỉ mếu xoạc như bị gang ra, không còn cất nổi tiếng:

– Thế này đây! Thế này đây!

Dứt lời, mụ bặt đi một lúc.

Sự im lặng đột nhiên này làm cho tôi hồi hộp. Tôi có cảm tưởng một sự nguy hiểm, một sự ghê gớm lắm sắp xảy ra.

Mụ đã vùng bước lên thềm. Mụ xộc vào bếp, mụ cúi xuống như vồ lấy cái nồi trên đầu rau, mở nắp vung. Những gợn hơi trắng tản lên: những hơi cháo đương sôi âm ỉ. Mụ hít hít, mụ ngồi thụp xuống lấy đũa cả ngoáy và lại hít hít. Đoạn mụ mím môi lại, run run đứng dậy. Mụ vào chỗ giường nằm. Mụ kéo tung mấy cái chiếu ra. Mụ lật vỉ buồm đậy cái mẹt lên. A! Đến một bơ gạo giấu ở đó. Mụ bốc gạo đổ hẳn ra ngoài mẹt. Đó lại còn là gạo mùa chứ không phải gạo chiêm của nhà mụ bán.

Mụ nhòm xuống gậm giường. Kia! Cái gì sạo sạo ở trong nồi đất! Cua. Đến lưng nồi cua ấy, đương lổm ngổm húc cái mê rá để bò ra.

– Gớm thật! Trời đất thiên địa ơi! Gớm thật! Những quân này!

Tôi phải vội quay mặt vào và vờ nhắm mắt ngủ khi mụ chủ nhà hầm hầm đi ra. Tôi không muốn cho y thấy tôi đã để ý đến sự lục lọi của y. Và tôi cũng không dám thấy mụ phân trần thêm chắc phải dài dòng và thiết tha lắm!

Càng cố nằm im, tâm trí tôi càng ngùn ngụt. Tôi lại nghĩ đến một sự đe dọa ở cả trên đầu tôi. Sự đe dọa tối tăm và dằng dặc của một đời sống đầy những đói rét, cùng cực, lầm than đè nén.

Tiếng bước chân và tiếng lạch xạch của bộ dây xà tích của mụ chủ nhà đã từ thềm nhà xuống sân rồi ra vườn.

Trống ngực tôi vẫn thắc thỏm. Tôi cũng như cái Thạo bé lúc bấy giờ đều mong mụ chủ nhà mau chóng về đi.

Nhưng không, mụ bế con lại cuối nhà. Sau một lúc thì cái giọng the thé ấy lại xé ra:

– Kìa! Sao rau cỏ của tao lại cứ lụi đi thế?

– Luống xà lách này, đám rau thơm này, cũng gieo từ tháng trước, thế mà ở bên nhà tao thì nó cứ tốt như được Léo lên ấy, mà ở bên này thì xác xơ chẳng thấy lên gì cả. Nhà mày có tỉa ăn thì cứ bảo tao, tao có tiếc đâu. Nhưng có thích ăn không mất tiền, mất công thì cũng phải ngốn vừa vừa chứ!

Người đàn bà còn rêu rao nữa. Trong tay mụ, những cành rào nhặt thêm đã được thành một bó. Mụ lộn về đằng trước, kéo cái Thạo bé: – Bỏ em đứng lên. Mụ lôi nó qua những luống rau bừa bộn những gạch ngói vụn, đến gần cái đám đất chứa rác ở cạnh cụm chuối đằng cuối vườn. Mụ đứng lại, trừng trừng nhìn Thạo bé:

– Con này! Ngô nào mà mày trồng nhiều thế? Mày lấy ngô tao gieo bên vườn nhà phải không?

Mặt Thạo càng xanh xám, nó run không được.

– Không... ngô của con... của con gieo... đấy ạ... Con có bao giờ... dám sang vườn bên nhà đâu? Con mà sang thì con Vện... cả con Mực nữa... nó cắn sổ ruột con ra còn gì!

Mụ chủ nhà không đáp. Mụ cau mày nhìn cái hố đất trước kia cỏ mọc um lên lẫn với mảnh chai và các thứ nát chẳng ai buồn lấp, thế

mà bây giờ được xới thành hai luống bằng hai mặt bàn, đất mịn tơi, mơn mởn những ngọn lá xanh mới nhú. Quay ra, mụ nhìn vào mặt Thạo, nói rất nhanh:

– Thế mày chỉ biết làm cho mày, chứ mày không nỡ trông coi một tý gì rau nhà tao à?

– Mà đất của tao để cho mày phá phách như thế đấy? Nhưng thôi – mụ cười nhạt – Lượt này tao gieo mấy luống rau kia, nhờ mày rồi ở nhà chỉ có việc chơi với em trông hộ, xem mày trông coi ra sao.

*

*   *

Tất cả những sự xảy ra hôm ấy, cả tôi và đứa con gái gần như quên đi. Vì chỉ hôm sau, một công việc khác, một cảnh tượng khác khiến chúng tôi cùng mê mải: cái vườn của Thạo bé.

Tôi đã phải bỏ nhiều lúc đọc sách mà nhìn cái mảnh đất ấy.

Nó như một ngày một rộng, mênh mông như là cả một cánh đồng bên sông mà sắc xanh của sự trồng trọt dâng lên ngợp cả sắc xanh của trời mây. Sáng nào cũng thế, Thạo bé vội vàng quét dọn nhà cửa, bếp, sân xong rồi thì để em nó ngồi chơi một mình, rồi ra vườn. Thạo nhìn, Thạo vuốt ve, Thạo nhặt, tỉa xới, vun. Thạo lấy cái ấm đất nấu nước vối, hứng nước máy khệ nệ tưới. Không một ngọn cỏ nào mọc kịp, không một hòn sỏi hay mảnh gạch nào trốn nổi, không một con sâu tý tị nào lẫn vào. Đất cứ mịn, nhẹ nhàng và êm mát ôm lấy những gốc cây xanh hơn hớn...

Không riêng tôi mà chính Thạo cũng thường lặng đi mà nhìn. Có những lúc ở bên cạnh Thạo, cái Tý con ngủ ngay trên mặt đất. Qua mái hiên, nắng tỏa phấp phới vào chỗ chị em nó. Ruồi cứ vo ve trên mặt con bé em và lởn vởn trên mớ tóc xõa xuống vai của con chị. Trong khi ấy, ở ngoài ngõ, tiếng nô đùa ran ran. Thỉnh thoảng tiếng rao quà, tiếng hát của anh kẹo kéo, và tiếng chuông xe đạp lại văng vẳng vào. Qua cái ngõ vắng, gió nổi lên. Nắng và lá cây đùa nhau lấp loáng. Gà con, chim sẻ chiêm chiếp ríu rít.

Tôi phải giữ cho đều nhịp thở. Tôi nhìn vào mặt Thạo bé. Tôi nhìn vào mắt nó. Tôi nhìn những hình ảnh như lồng trong một khối lưu ly hiển hiện ở trên đôi mắt to, con ngươi rất sáng, mi dài và cong ấy, tê mê trong một vẻ ngây dại hơn, tươi mát hơn.

Những cây ngô lúc bấy giờ! Mới dạo nào lấm tấm như mạ non, thế mà trải qua đâu mười mấy ngày mưa phùn rồi nắng to mà đã thành cây, rung rung với gió và ánh nắng. Những lá ngô rộng dài, xanh trông suốt được, cạnh sắc gợn, trổ vươn ra những nõn lá mạnh mẽ. Trên ngọn những tầng lá cứ mọc làm hai cánh, một thứ búp như kết bằng nhung và phấn, luôn luôn rủ đến những đôi bướm trắng có, vàng có, đen muốt có, đỏ nâu có, lốm đốm có, thoáng đỗ rồi thoáng bay đi. Và núp dưới cuống lá, che bởi cái màng gợn gợn như cánh cào cào, những bắp non nhú dần.

Tôi cũng đã không thể tự nén được. Hễ lần nào ra vườn là tôi phải mơn man những cái bắp nhú nhú kia mà tôi chỉ muốn bóc ra.

Gần hết tháng hai rồi. Trời chỉ một ngày một nóng nực, ánh vàng ngời càng tăng sức nung nấu các thứ nhựa, các thứ hương thơm. Ngoài phía bờ rào xa xa kia, lúc đã hé đòng đòng. Những dứa, xoài, dưa đã lác đác bán thật đắt cho những nhà phải cúng của mới và chuốc ăn của mới.

Thế rồi một sáng kia, những bắp ngô của Thạo bé thấy múp hẳn lên, với những hằn, những khía vàng vàng và những sợi tơ hung hung qua làn áo óng ánh kim tuyến. Rồi nắng càng chang chang. Tiếng tu hú gần xa ran ran. Những hoa ngô dần xơ xác như cỏ may và những lá ngô quắt lại rủ xuống như tay của người mẹ mệt lả khi gần đẻ. Khi đó những bắp ngô căng tới cùng độ mập mạp chỉ còn chờ người tách.

Tôi lại càng ngạc nhiên và thấy thêm bao nhiêu lưu luyến cái chỗ ở này. Tôi có ý định dành tiền nhà và làm lại cái nhà này để bố mẹ chị em Thạo ở riêng hẳn hai gian. Tôi sẽ thuê cả cái vườn đằng sau nữa. Những ngày nghỉ, bố Thạo sẽ cùng tôi và Thạo sửa sang trồng trọt cái miếng vườn chung.

Một chút gì có mồ hôi và tình thân để làm "nhà quê" của mấy chúng tôi.

Tuy không bao giờ chịu hỏi, nói với tôi một vài câu dài, nhưng người bố Thạo lầm lì kia đã nhiều lúc để tôi đọc thấy rất nhiều nỗi niềm của y qua cái im lặng khắc khổ của nét mặt y và cái im lặng hoang dại của cái chỗ ở hẻo lánh này.

Cũng thường là những buổi trưa nắng. Trưa nào ở gần đồng ruộng, xa phố mà chả rõ từng tiếng chim liếp nhiếp, tiếng cu gáy rù rì, hương hoa cau và mùi lúa. Những buổi trưa như thế, tôi thường

phải nheo mắt lại nhìn ra ngoài trời ngun ngút nắng. Một thứ hơi oi ả sôi lởn vởn. Chân trời xanh ngắt lóa lên những mặt đồng lúa âm âm như biển... Những lúc đó, nếu được nghỉ, người cha kia thế nào cũng đem chiếu trải đằng sau nhà nằm ngủ đến bao giờ thì đến. Nhưng tôi thấy không bao giờ thẳng một giấc cho đến chiều tối, mà thường vào khoảng hai ba giờ thế nào y cũng thức dậy, trằn trọc rất lâu thì thần mặt mà trông hút về phía xa.

Bao nhiêu vẻ thờ thẫn, tê dại dồn lên cả hai con mắt của y trở nên lờ đờ, đuôi mắt chun chun những nếp nhăn ở mé thái dương. Nhìn như thế, y nào có thấy gì. Ngay khi râm trời, y còn phải cố gắng mới nhận ra được sự vật ở trước y chỉ cách hơn chục bước. Chăm chú nhìn quá, nước mắt giàn ra như khóc, mắt y may lắm mới giữ được thêm vài năm nữa để y có thể đi làm nhà máy cho trọn ba mươi năm mà lĩnh mấy chục bạc, tiền sở thưởng cho.

Đã một đêm, tôi thấy có tiếng thở dài và nức nở. Người vợ được tin y suýt bị giãn. Y đã để dây da buột ra ngoài mà không biết, khiến vỡ mấy ổ máy.

Nhưng lần ấy, y chỉ bị phạt mấy ngày lương rồi lạy van mãi với lão sếp chồng mụ chủ nhà, y lại được đi làm giữ cái chân quét dọn hiện giờ của một người bạn già vừa chết, công nhật hai hào.

Sau những buổi trưa nằm ủ rũ một mình và đờ đẫn ở đằng sau nhà chỗ giáp cánh đồng ấy, thế nào tôi cũng thấy y càu nhàu gắt gỏng.

Một buổi tối, tôi đã hồi hộp vì cái Thạo bé đương ăn cơm thì gọi bu nó, hớn hở:

– Bu này! Ngô của con sắp được bẻ rồi đấy!

– Còn sắp với sặp gì, “ông” cho không bẻ đi mà ăn, rồi “nó” bẻ lại tha hồ mà khóc.

Thạo bé lườm ngay chị nó một cái thật dài:

– Gớm bẻ ngay để “cậu” ăn nhé! Của đâu thế!

– Chẳng của ai cả! Đây đưa hột về cho “cậu” gieo thì đây phải có phần.

– Gớm!... Gớm!... Dễ nghe quá!

– Hẳn chứ ly... Đấy rồi xem!...

Không để chị dứt câu, Thạo bé văng tục ra và chực òa lên khóc.

Như mọi khi, thế nào một đứa cũng bị người cha cốc cho vài cái. Lần này không, người cha chỉ ngước mắt nhìn các con và nhẹ giọng:

– Cái con này! Của nó chăm chút mà mày lại chực ăn không! Hột giống của mày, nhưng không có công lao của nó thì có đến vứt đi.

Thạo bé chùi ngay nước mắt và chớp chớp nhìn bố. Người cha nói tiếp:

– Chuyến này tao xem được bao nhiêu bắp, tao để nó bán cả, lấy tiền mua đôi gà con nuôi lớn rồi để cho ấp, đến tết nó bán gà nó may áo.

Người mẹ bằng lòng mười mươi rồi, nhưng vẫn gạt đi:

– Ôi dào! Gà với qué! Lôi nó về để cho nó bới vườn rau của bà chủ mà nghe chửi à?

– Chửi cái gì – Người cha vẫn không xẵng tiếng, lại còn dịu lời hơn. – Chị em nó ở nhà cả ngày là bụt mọc hay sao mà không trông được.

Cái Tý con ngồi sát cạnh mẹ đã đủ hiểu và nghĩ ra. Nó bèn kéo cánh tay mẹ, phụng phịu đầy một mồm cơm:

– Con cũng không ăn ngô, con cũng không đi chơi, con trông gà với chị ấy, đến tết bu bán gà con, bu may cả áo mới cho con cơ!

Thạo lớn vội vàng:

– May cả áo mới cho cái Tý. Vậy hôm nào bu xuống phố, bu xin than rồi con bế em đưa ra tận ngoài phố quạt bán cho các cô ấy đi làm kho và máy tơ về.

Tôi đã có cảm giác thấy như những cây ngô của Thạo bé đã bẻ xuống. Nõ ngô, thân ngô đem phơi đun cháy vèo vèo. Những bắp non mà bị thui Thạo đem luộc, cả nhà xì xụp nhấm nháp với nhau một bữa trưa nghỉ chợ và nghỉ việc. Còn những bắp to, Thạo cất để dành, chờ tối nào mưa gió mới đem quạt bán ở đầu ngõ, ngoài phố. Cảnh những người tầm đêm, xe cộ và dáng người nhòa cùng bóng tối. Cái bếp than của Thạo bé sẽ nhóm lên, ánh than hồng trong chiếc nồi vỡ. Mạt sáng thỉnh thoảng bay lên xèo xèo... Rồi một phiên chợ, tiếng gà sẽ liếp nhiếp ngoài vườn...

Hai tuần lễ sau, quả nhiên nắng bỗng úa đi, gió và cát bụi tung mù mịt. Mây đen kịt từng tảng lở ra. Trời không những giở rét mà còn mưa trút nước như bão.

Mụ chủ nhà bỗng sang. Lần này cái giọng the thé kia không từ ngoài ngõ nói vào, mà mụ vào tận nhà, thong thả gọi Thạo bé lại.

– Này Thạo! Tao bảo!

Thạo vẫn nhìn mụ chủ nhà nọ bằng cặp mắt run run. Không cho Thạo kịp dạ, mụ nói Thạo một hồi dồn dập:

– Ngô của mày đã có bắp phải không? Thôi thầy mày còn thiếu tao sáu hào rưỡi tiền nhà đấy, tao cho mày hào rưỡi, mày đòi thầy mày mà ăn quà, còn năm hào tao chỉ lấy mười bắp ngô trừ thôi!

Nói đoạn mụ chủ nhà bổ xuống sân, mặc gió thổi như tát nước vào mặt, mụ lấy áo tơi của mẹ Thạo trùm đầu, xéo bừa cả lên những đống rác, ra khoảng đất đằng góc vườn.

Rắc... rắc... xoạt... xoạt, những bắp ngô bẻ nghiến ra, có bắp chặt quá, mụ giằng cả cây xuống mà dứt. Năm bắp, mười bắp, mười lăm bắp, hai mươi bắp, thoáng chốc trên miếng đất ngổn ngang, những lá xẻ tả tơi, còn trơ lại mấy gốc ngô vừa thấp vừa hãy còn xanh. Mấy gốc ngô mà đến chết người ta chăm bón cũng không thể nào có bắp.

*

*   *

Cả buổi chiều hôm ấy, chẳng nón áo gì, Thạo bé cứ lẩn quẩn hết gốc ngô này sang gốc ngô khác vuốt vuốt, chắp chắp, nối nối, và khóc. Nó khóc chỉ có tiếng nức nở chứ không thấy nước mắt. Nước mắt của nó bị nhòa hẳn dưới những trận mưa đổ rào rào xuống, người nó run cầm cập và xám ngắt.

Mãi sáng hôm sau, Thạo bé mới dám kêu sốt. Mình mẩy nó lúc nào cũng nóng như lửa, không dám chờ bu nó lấy thuốc, tôi phải cho nó uống cả mấy thứ thuốc cảm tây. Nhưng nó cứ li bì suốt ngày đêm rồi chỉ càng mê sảng nhiều hơn và kêu hét, giằng xé cả quần áo. Tôi phải nói mãi, bu nó mới chịu nghỉ chợ và đưa nó vào nhà thương, nếu không thì bu nó định vay mấy đồng bạc đi xem bói rồi sửa lễ tạ cho nó. Người mẹ này và cả mọi người đàn bà xóm trong, xóm ngoài và ngoài phố, đều tin rằng không phải Thạo bé cảm sốt mà như thế, mà vì nó đã dại dột bế em nghịch ở miếu Thần Linh, ở đống Ông Nổi, hay chạm vía một bà cô nào đó.

Thạo bé chỉ được nằm nhà thương có năm hôm, đỡ sốt là phải về. Hơn một tuần lễ sau, Thạo lại phải bế cái Tý cho bu nó đi chợ, mặc dầu nó xanh ngắt như tàu lá, đứng lên đi chỉ được mươi bước, lại phải ngồi phịch xuống đất.

Trong cái khu vườn khuất nẻo, đứa con gái nhỏ nọ càng ngày càng ít nói. Trước kia, những trưa, tôi không thể nào ngủ được và cố đọc sách mà không thấy hiểu, thấy cảm gì, tôi còn được nghe những

trẻ con cười nô mà Thạo bé khép nép rú về. Nhưng từ hôm ở nhà thương ra và phải dậy bế em, thì Thạo bé hoàn toàn là một cái bóng.

Cái bóng còm cõi ấy thường thần mặt ra mà nhìn thiếp vào khoảng không. Trong khối lưu ly của hai lòng mắt sâu sáng của Thạo bé, những ngấn long lanh lại luôn luôn hiện lên và mờ đi. Hàng mi dài, cong và to càng đờ đẫn thêm trong cái quầng thâm hằn như cắt ra khỏi nước da xanh mướt.

Dưới mái hiên, Thạo bé dỗ em ngủ trong lòng mình. Còn Thạo tựa vào bậc cửa, đầu lệch về một bên, tóc rối xõa xuống gáy và dính mồ hôi đẫm vào trên trán, chân duỗi dài, hai tay giao nhau trên lòng, Thạo bé ngồi hàng giờ không nhúc nhắc nhìn ra vườn.

Nắng tháng tư ngùn ngụt. Cánh đồng ngoài bờ tre rực lên, làm hoa cả mắt vì lúa chín như vàng diệp. Gió nam từng cơn rất nhẹ đưa vào trong xóm, hương lúa mới thoảng với hương hoa cau và hoa lý bắt đầu điểm trắng, vàng trên những nóc nhà và những bể nước. Các giậu mùng tơi lại mọc đầy, các giàn mướp lại lủng lẳng những quả là quả và cơ man những cánh tím tím hồng hồng rung rung ở những giàn đỗ ván.

Buổi sáng tinh sương, theo thường lệ, tôi tập thể thao. Tôi bỗng giật mình vì thấy xào xạc ở bờ giậu và có một cái dáng bé nhỏ lúi húi. Tôi đã toan kêu lên nhưng nén ngay được. Tôi nhẹ bước đi ra. Cái dáng lúi húi ấy là Thạo bé.

– Thạo bé làm gì đấy?

Ở ven miếng đất mà những luống ngô hôm nọ bị giẫng lên vỡ nát lả tả, không hiểu được xới lại, làm lại và nhặt sạch cỏ lúc nào, Thạo bé đương khom với con dao rựa cùn và một mảnh nứa trong tay. Nghe tôi gọi, Thạo bé choàng ngước lên, nhớn nhác nhìn tôi.

– Cháu làm gì đấy? Ai bảo cháu làm gì sớm thế?

Thạo bé chớp chớp mắt và đứng lên. Cái thân hình bé nhỏ, áo thì sễ cả hai vai, quần thì cộc đến gối ấy, đã run lên ở trước mặt tôi với những tiếng nói run run như không thể vượt ra khỏi cổ họng:

– Cháu... cháu đã mua được lẻ ngô giống... Cháu lại trồng ạ.

Tháng 3 năm 1942
Tháng 5 năm 1944

Trong tập *Luống cày*, Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam, Hà Nội, 1945.

BUỔI CHIỀU XÁM

(Truyện ngắn)

Xan bỏ hẳn kính ra, cất vào túi áo trong rồi ngước mắt trông. Xan hơi bàng hoàng vì sự hiển hiện đột nhiên này. Trên đầu Xan, mây chì càng thấp xuống, và, chung quanh Xan, cảnh vật càng thẫm lại. Gió thổi mạnh hơn. Bụi đường cùng lá cây cuốn lên thành từng đám dày, chạy rào rào và quằn quại như những chim chóc chạy trốn trước cơn bão.

Cái lạnh càng thấy rõ nữa trong cảm giác Xan. Xan rít tiếng khe khẽ:

– Không biết còn rét đến bao giờ hở?

Câu hỏi này làm Xan cúi mặt xuống, không dám nhìn ra xa và nhìn kỹ xung quanh nữa. Từ những thân thể trần truồng, co quắp, những cái dáng đi lẩy bẩy, lờ mờ, và những cặp mắt ngơ ngác của những đám người nhan nhản ở hai bên đường và các xó hè, đến những cây cối, nhà cửa và trời mây đều âm âm hỏi theo Xan:

– Đến bao giờ nữa hở? Đến bao giờ nữa hở?

Cái không khí u uất về chiều này! Cái cảnh tượng nhợt nhạt của chiến tranh này! Cái hoang mang của sự sống qua những đói rét, tàn phá và chết này! Nghĩ tới đây, thót cái, tim Xan như bị kẹp mạnh bởi một cái kìm và ngực Xan như bị ai đứng dận lên. Lại như có từng núi gạo đương đốt cháy ngùn ngụt ở trước mặt Xan. Lại như có từng đống xác chết vây bọc lấy Xan trong đó có cả cha mẹ, anh em, vợ con, và bao người quen biết của Xan, mấy tháng trước đây còn vạm vỡ, nhanh nhẹn không thể tưởng tượng được. Và không!... Không!... Có cả Xan nữa. Xan giờ đây ở nhà in về, tay vẫn còn khét mùi dầu, mắt vẫn còn những trang giấy rập thử lấp loáng dưới ánh đèn điện, và, trong đầu vẫn còn âm ỉ những tiếng máy. Xan, một kẻ trong cái hạng người cũng chỉ có hai bàn tay làm việc mà tiền lương chưa cuối tháng đã hết, gạo trữ không, ruộng vườn cày cấy thì thật hoàn toàn không bao giờ được biết đến.

Ình... ình... ình... sầm..., một cái cam nhông lao qua mặt Xan rồi dừng lại trước một máy nước. Không bóp còi và phóng bừa cho tới cả lúc rẽ vào đám đông, cái xe quái gở nọ, chỉ tí nữa là hất tung Xan đi

hoặc đè nát Xan. Ngã giúi vào một cột đèn, Xan, khi đứng lên, không phủi quần áo vội mà chỉ trừng mắt nhìn. Sự căm tức lại chẹn lấy cổ Xan. Đó là cái xe của quân đội Nhật lù lù như một con voi, bụi bặm đầy với mấy chục lính lố nhố, súng dựng ở trước ngực, tay cầm rung rung như sắp vung lên bắn vào người ta.

Sau một câu chửi hổn hển, Xan đã toan đi, nhưng thấy mấy tên lính phốc xuống đất, xấn vào đẩy giúi những người chực nước mà tranh lấy cái vòi, thì Xan nảy ra một ý nghĩ bèn thôi. Xan muốn với tất cả đau xót trong lòng chứng kiến một lần nữa sự dã man mà đồng bào Xan phải chịu để xem nó còn tới mức nào trên những kiếp người hiền lành nhẫn nhục này.

Ề ê ê... hô hô hô...

Những tiếng dọa nạt, xua đuổi và cười đùa càng làm cho không khí đặc sệt lại. Chỗ này là một cái chợ chuyên họp về chiều của các thứ hàng ế với những người làm ăn đầu tắt mặt tối. Bị cái xe cam nhông chắn gần hết lối đi, xe cộ gồng gánh ứ lại, chen chúc nhau ầm ĩ. Trong khi ấy, những kẻ chực nước về rửa ráy đun nấu hễ được dịp ghé vào vòi nước là lại xô đẩy nhau, thùng xích loảng xoảng, chửi bới lộn bậy. Bọn lính vừa phần bị vướng, vừa phần tinh nghịch, lại dẩy, lại đạp, lại giơ thùng vung lên để cùng cười ran trước những trẻ con vỗ tay, reo hò... Xan tưởng đầu óc đến nứt mất.

Xan càng rừng rực cả tâm trí.

Chói vào tai Xan, ở những xe đằng đầu đường kia, lại luôn luôn có những toán lính ngồi lên, nhảy xuống, dận thình thình và cười hát hô hố. Cuối cùng chúng thúc cái nắp mui xe lên. Thế là mấy tên lính nữa lại ùa xuống.

Nhưng trút được mấy tên lính xuống xe thì sự đùa nghịch đã bớt. Hơn chục tên lính còn ở trên xe lại dựng súng lăm lăm trong tay. Xan bỗng ngạc nhiên vì nhận ra một tên lính hình thù rất lạ trong số lính im lặng ấy.

Hắn, – không! Một thứ người ở miền rừng núi nào bên Triều Tiên, Trung Quốc hay ở một xứ nào khác thì mới phải, chứ người Nhật sao lại thế! Hắn cũng lùn, nhưng đó là một thứ lùn dày và bè ra của một thân thể to chắc. Cái mũ hắn đội chỉ vừa dính có chỏm đầu, mà đầu thì tóc xoắn tít mọc trùm cả gáy! Mặt hắn chỉ để nhận thấy có hai con mắt – hai con mắt quăm quắm dưới đám lông mày

lấm tấm bạc, hai con mắt rất sáng, rất tợn, nhưng không làm người ta sợ, – còn thì chỉ thấy râu ria xồm xoàm.

Một con khỉ độc!

"Con khỉ độc" này lại mặc cái quần thùng thình như cái váy, thắt lưng da trễ ra để hở cả rốn và lông bụng. Nó không lồng xuống đám đông để phá phách mà đứng ngây mặt ra nhìn.

Trời tối gần hết. Chỉ còn một khoảng bằng cái hang nhỏ đỏ bầm ở góc phía tây. Dưới cái ánh sáng thoi thóp này, một ngọn núi tím đục, cố ngoi lên giữa lớp sương nhờ nhờ như khói. Bao nhiêu ngọn cây và nóc nhà về phía này cũng đều như có khói quấn quít. Và từ cái biển khói ấy, tiếng chim gọi nhau, tiếng lá xao động, tiếng gió vi vu thoang thoảng đưa lại, hòa thành một thứ tiếng xào xạc heo hút vô cùng.

Cặp mắt nhìn quầm quặp của "con khỉ độc" bỗng chớp chớp. Gian hàng tạp hóa ngay chỗ ôtô đỗ đã bật đèn. Từ cái cửa sáng trưng đi ra một người đàn bà bế một đứa nhỏ cuống quít chỉ trỏ:

– Kìa mợ đã về! Em nín đi... chóng ngoan... Mợ về kìa.

Đứa bé càng giãy đạp. Nó đòi bế hẳn ra hè để được thấy hẳn nếu thật mợ nó về. Người đàn bà bế nó phải chiều theo. Y càng ríu rít nựng nịu nó, vỗ về nó. Cảnh nhộn nhịp và những tiếng ồn ào dần dần quyến rũ đứa bé. Nó không những nín hẳn, lại còn cười khanh khách và sà xuống nô với con chị nó đưa tay vẫy vẫy đùa cợt. Người đàn bà bế nó mấy lần phải nhào theo đà đứa bé mà y bế có vẻ nặng lắm.

Không phải vì trời rét nó quấn chăn bông và mặc nhiều áo nên nó làm người đàn bà khó bế. Da dẻ hồng hào, mắt sáng và xếch, môi tươi, cổ tay như bột nặn, đầu đội mũ len hồng bịt kín tai, kiểu mũ tàu bay, đứa bé tự nói rằng nó là một thằng cu khỏe lắm. Người đàn bà mỗi khi nâng nó lên, xốc lại nó, thì cả người đều chuyển động. Hai bắp tay béo mẫm của y gân lên, ngực y rung rung nổi căng, mặt y đỏ hửng.

Xan chợt giật mình.

"Con khỉ độc" bỗng quẳng súng lên mặt hòm nước, nhảy bịch xuống đất, xồ đến người đàn bà, hai cánh tay lông lá đưa ra như sắp ôm lấy. Người đàn bà rú lên, quay ngoắt đi. Khủng khiếp vì cái hình thù quái đản ấy, đứa bé cũng chóe lên một tiếng rồi nhắm mắt lại, gục mặt xuống vai người bế. Chết rồi! Khốn nạn!... Khốn nạn!... Xan

mím môi lại, quắc mắt lên, chờ một cảnh đùa nghịch dâm đãng sắp xảy ra giữa người vú em béo trẻ và "con khỉ độc" mà kẻ sợ đến mất trí là một đứa trẻ ngây thơ đương cười nói hồn nhiên. Khốn nạn!... Khốn nạn!... Sự khốn nạn đã đến tột cùng rồi. Đi bắn giết người, đi cướp đất người, đi bóc lột của cải, vơ vét thóc gạo trong khi mùa màng mất và sự đói kém tàn hại hàng triệu sinh linh chưa đủ, lại còn hãm hiếp đàn bà một cách công nhiên nữa. A! Đồng bào Xan! Hơn hai mươi triệu linh hồn máu mủ với Xan còn phải đợi những điều kiện nào mới vùng dậy, đập tan những thống khổ?

Nhưng không! Không phải Xan lóa mắt. "Con khỉ độc" đã đến sát người vú em rồi mà cánh tay lông lá của hắn giơ ra vẫn chưa ôm lấy. Đã thế, thấy người vú em luống cuống chực chạy trốn vào nhà, thì hắn lùi lại. Hắn khép bớt một cánh tay, và hắn vừa gật đầu vừa cười rất tươi bằng hai con mắt sáng nhấp nháy:

– Ế ê ê... tý ty ty...

Những ngón tay bắp chuối của hắn vung vẩy, miệng hắn toét ra những răng to và trắng ởn. Mặc, đứa bé vẫn giấu mặt vào ngực người vú, và người vú vẫn quay đi.

– Ế ê ê... tý ty ty... tý ty ty...

Lần này vừa nói, hắn vừa tiến sát lại người vú. Một tay hắn níu lấy cánh tay bế em của người vú, một tay hắn vẫy vẫy đứa bé mà hắn ghé hẳn mặt nó vào mặt hắn, vừa nháy mắt, vừa gật đầu, khẩn khoản ra hiệu với đứa bé đừng sợ gì nữa, hãy theo hắn bế ẵm.

Trẻ con và người lớn đã đổ xô đến. Tất cả đều bấm nhau chỉ trỏ "con khỉ độc". Không để cho người vú trao đứa bé cho mình, "con khỉ độc" ôm giằng lấy nó mà ấp nó vào người. Hắn vỗ về nó, cười khà khà rồi xốc cao nó lên trên mặt mình, nhăn nhó gật đầu, nháy mắt. Thế rồi, sau khi cái bàn chân bé xíu đi bít tất hồng nhảy nhảy trên cái mặt xồm xoàm nọ, thì những tiếng cười nức nở rúc lên. "Con khỉ độc" lại rít miệng vào trán, vào má đứa bé. Cái tã bông cài kim băng bị tuột. Hai bắp đùi của đứa bé lồ lộ tất cả lần da thịt mơn mởn. "Con khỉ độc" liền ngoạm lấy, nhay nhay, suốt từ háng xuống gót, lại từ gót lên háng, sau đó thì hắn rúc hẳn vào cái dái quả ớt của đứa bé mà hít lấy hít để.

Như có một ánh sáng khác, một bầu trời khác mở ra trước mắt Xan. Một buổi chiều ở đảo Phù Tang xa nước Xan kia. Ngọn núi Phú Sĩ phơi lơ lửng vầng trán trắng xóa giữa những lớp sương lung linh

cuồn cuộn nở. Hoa hạnh đào phơi phới ngợp trời. Một người cha đi làm về, ở một xưởng máy mịt mù than bụi hay ở một cánh đồng đất nâu xới mịn như bột. Quần áo hãy còn nhớp nháp, tay vẫn còn đen thui, y đã ôm chầm lấy con bé trong tay vợ, đứng đón ở trước cửa cái nhà gỗ nhỏ. Y cũng đã hôn hít, cũng đã trao tất cả tình thương yêu và lòng hy vọng đời mình vào da thịt của con, cái giọt máu của y sẻ ra... Ba năm, năm năm, mười năm rồi! Hay lâu hơn nữa cũng nên, cái buổi chiều ấy mới trở lại. Mà biết đâu, biết đâu nó lại sẽ không mất hẳn với một con người đã bị chiến tranh lôi đi không còn biết tới đâu, không còn biết đến bao giờ, mà cả dân tộc của bọn đi xâm chiếm và dân tộc bị xâm chiếm, đều ê chề, tàn hại.

Xan lạnh tê cả người. Xan thôi không nhìn người lính nọ, đưa mắt trông lên tốp lính đứng trên xe. Vẻ hung bạo trên những con mắt một mí và những gương mặt lầm lầm kia không còn nữa. Đó là những bộ mặt phờ phạc, ngây độn dưới ánh chiều hấp hối đã gần lẫn hẳn với bóng tối. Quần áo màu nước dưa đen xỉn lại, vá víu, xốc xếch, nó cũng bẩn thỉu, tồi tàn chỉ kém một tí những quần áo rách rưới của những người chung quanh. Sự thiếu thốn khổ sở đã kêu lên cả ở những con người này với những tiếng kêu bị bóp một cách chặt chẽ hơn, quyết liệt hơn, mà nếu kẻ kêu để bọn cầm đầu hay bên ngoài nghe thấy, thì cái chết đến ngay lập tức.

Thoáng giây phút, Xan tưởng đến bao cảnh choáng lộn đã diễn ra làm bao kẻ phải nghẹn ngào khao khát. Những dãy ôtô bóng lộn, những cờ bay phấp phới, những vàng ngọc chói ngời, và những tòa nhà sực nức hương hoa của những ngày đại hội của những dạ tiệc. Tiếng hát, tiếng đàn, tiếng kèn... âm nhạc lúc tưng bừng, lúc lả lướt, lúc loạn xạ, mê tơi, đã cất lên át những tiếng rên âm u của đói và chết. Cảnh hoan lạc đã được cực điểm trang hoàng để làm quên một cuộc chiến tranh bẩn thỉu, quên rằng ngoài mặt trận kia, khói và lửa đang ngất trời, từng lớp, từng lớp những người bỗng thành bia thịt, những máy bắn chém người không tiếc tay giày xéo lên xác chết để làm giàu cho một lũ lái súng, khát vàng và máu.

*

* *

Cách buổi chiều ấy không đầy hai tuần. Xan đương coi máy chạy thì nghe được một chuyện sau đây:

TAM KÍNH
(1916)

Tên thật: Lê Tam Kính. Các bút danh khác: Quỳnh Sơn, Lê Tâm, Chính Nghĩa, Trần Bình, Hồ Đan Tâm. Ông sinh ngày 12-5-1916 tại xã Bèo Hậu (nay là xã Quỳnh Hậu), huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Là con một gia đình nho nghèo, thuở nhỏ, Tam Kính được học chữ Nho với ông cụ thân sinh. Năm mười ba tuổi, Tam Kính được học chữ Quốc ngữ ở trường làng, học tiểu học ở trường huyện và học xong bậc trung học ở trường Quốc học Vinh. Sau khi tốt nghiệp Trường Sư phạm Huế (1941), ông lần lượt dạy học ở Đức Phổ (Quảng Ngãi), Bến Thủy (Nghệ An), Kông Tum, vừa dạy học ông vừa sáng tác, sung sức hơn cả là hai năm 1942-1943. Ông chuyên viết truyện ngắn, tất cả gồm khoảng hai mươi truyện đăng trên các báo *Tiểu thuyết thứ bảy, Trung Bắc chủ nhật.*

Sớm chịu ảnh hưởng của người anh ruột (chiến sĩ Xô viết Nghệ-Tĩnh), của quê hương (Quỳnh Lưu là nơi có phong trào cách mạng khá mạnh) và cả phong trào Mặt trận Dân chủ, ngay trong các tác phẩm đầu tiên, ông đã thể hiện tư tưởng tiến bộ, thương người nghèo khổ, ghét phong kiến cường hào, đả phá mê tín dị đoan, rượu chè cờ bạc, hủ tục. Đa số truyện của ông dựa vào người thật việc thật ở làng Bèo (tức Bèo Hậu) quê ông. Văn Tam Kính tuy còn nhiều nhược điểm, nhưng nói chung chân thật, sắc cạnh, hóm hỉnh, giàu màu sắc địa phương.

Đầu năm 1945, ông giác ngộ cách mạng, bỏ dạy học, tham gia hoạt động phong trào Việt Minh. Sau Cách mạng Tháng Tám, ông lần lượt làm Chủ tịch xã (1945), Chủ nhiệm giáo dục huyện (1946), công tác Việt Minh tỉnh (1947), thường trực Tuyên huấn Khu ủy Liên khu IV (1948-1952), cán bộ biên tập báo *Nhân dân* (1953-1957), Phó tổng biên tập báo *Thời mới* (1958-1967). Từ 1968 trở đi, ông là Phó tổng biên tập báo *Hà Nội mới*, cơ quan ngôn luận của Thành ủy Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hà Nội.

Trong những năm làm báo sau này, viết phóng sự (ký tên Quỳnh Sơn trên báo Nhân dân, ký tên Lê Tâm trên báo *Thời mới* và *Hà Nội mới, Đại đoàn kết*... dưới bút danh Chính Nghĩa)

Những tác phẩm tuyển dưới đây đã được nhà văn xem lại và sửa chữa đôi chút (chủ yếu về văn).

CÁI LỒNG GÀ VÔ DỤNG

(Truyện ngắn)

Buộc xong bó củi thứ tư, Nhâm ôm lấy, dỗ đồm độp mấy cái xuống sân đất cho bằng chân, đoạn đặt gần ba bó kia, lùi mấy bước, xoa tay, gật đầu tỏ vẻ bằng lòng. Mấy bó củi đứng sừng sững trước nhà, thân mật và giống nhau như anh em ruột: bó nào cũng nở nang, cũng thắt một chạc chìu ngang lưng và làm hai đầu xòe ra, cũng có một lớp củi to, trắng, mới chẻ bao bọc và che kín những que nhỏ độn trong.

Nhâm đã nổi tiếng khéo sửa củi nhất làng. Những ngày vào rừng, anh chọn những cây củi thẳng và to. Vợ anh yếu hơn, hái những cành nhỏ, nhẹ gánh được nhiều. Rồi năm ngày một, khi phiên chợ Giát nhóm người, khi bên hè những bó củi khô đã đụng mái tranh và trong chĩnh sành khoai và gạo đong đã hơi cạn, hai vợ chồng nghỉ việc rừng ở nhà, đi chợ bán củi.

Sáng dậy, chị Nhâm lúi húi nấu ăn và cho cái đĩ bú. Anh Nhâm kéo củi ra sân, cởi phăng dây, chẻ những thanh củi to và thẳng xếp ngoài "làm mặt", còn trong thì nhét chặt thứ củi... đàn bà. Thế là sau bữa cơm đèn, vợ anh đã có một gánh củi trơn mút, nở nang đi bán, trong lúc ở nhà, anh sửa nốt những bó kia cho phiên chợ chiều để hai vợ chồng cùng đi.

Củi anh gánh tới chợ, ai cũng tranh nhau mua vì là thứ củi tốt mà lại có vẻ mỹ thuật riêng. Sửa lại như thế, không những bán được giá cao, mà lại còn lợi thêm: hai gánh thế nào Nhâm cũng san ra được năm bó; đó là chưa kể những que quá nhỏ, những nhánh lặt vặt trẩy ở củi to ra, mà anh dùng để nấu nướng hằng ngày.

Gần trưa, mặt trời tháng tư gieo xuống thôn quê những tia lửa thẳng. Nhâm "na" bó củi thứ năm lại cạnh cây khế trước nhà vì bóng nó đã rút ngắn lại gần tới gốc. Mồ hôi ứ ra khắp mình và đã bắt đầu chảy thành dòng lóng lánh trên lớp da ngăm ngăm đen, căng thẳng trên những bắp thịt ở ngực, lưng, cánh tay. Anh không phân biệt được rằng đó là mồ hôi đói hay là mồ hôi mệt. Anh chỉ biết rằng bụng anh xốn xáo như có cái gì cựa ở trong và cánh tay cầm dao

giáng xuống củi đã kém phần mạnh mẽ. Thỉnh thoảng anh ngừng việc, nhìn ra phía ngõ: con Vàng vẫn nằm thở đều đều bên hàng rào dâm bụt, bốn cẳng thuột ra, bụng sát đất, mõm gác lên một miếng ván con. Anh lẩm bẩm: "Không biết mần chi mà mãi giừ không về". Rồi lại cúi xuống uể oải chẻ củi.

Bỗng một ý kiến vụt qua óc, khiến anh quăng dao, đi vào nhà, lại gần chĩnh khoai, bốc một nắm to, quay ra, vừa đi vừa nhai rào rạo. Tới chõng tre kê gần võng, anh ngồi xuống, lấy dây lưng lau mồ hôi ở trán, ở ngực. Trên võng, thằng Cu nằm bên cái Đĩ, lót trong một mảnh áo nâu rách, màu nước dưa. Chúng ngủ say sưa, để mặc lũ ruồi bám vào mắt, vào miệng. Trước cảnh tượng quen thuộc ấy, Nhâm ngồi thản nhiên nghiền khoai: bột thơm và ngọt nhuyễn với nước bọt làm thành một thứ sữa sền sệt mà anh nuốt ừng ực, ngon lành. Ăn xong nắm khoai, thấy trong mình đã hơi dễ chịu, anh ra sau nhà cúi xuống vại nước, nốc một hơi dài, ngửa cổ lên súc sùng sục rồi nhổ toẹt xuống đất.

Tiếng chó sủa ăng ẳng trước sân, đánh thức cái Đĩ: nó khóc ré lên, thằng Cu ngồi vội dậy và cất giọng ngái ngủ ru:

– Ơ ơ ơ... À mệ đã về, mệ đã về!

Chị Nhâm đã về thật. Chị dựng đòn xóc dưới thềm, đặt bị nặng giữa nhà và vội lại ẵm con đương khóc.

Nhâm ở ngoài bước vào gắt:

– Mần chi mà mãi đến giừ mới chịu bò về?

Với một giọng đầy vẻ giận dữ, anh tiếp, khi cái Đĩ rúc đầu vào ngực mẹ kiếm vú:

– Ở ngoài nắng mới về, khoan cho bú đã; cho hắn bú sữa nóng, đau bụng chết cha hắn đi chứ!

Chị Nhâm không dám nhìn lên, ôm con yên lặng, kiếm cách "làm hiền". Chị bắt đầu câu chuyện:

– Chà, bữa ni may quá, củi đắt ghê.

– Đắt lắm à? Được mấy quan?

– Hai quan năm.

– Những hai quan năm cơ?

Sự sung sướng và vẻ ngạc nhiên hiện rõ trên khuôn mặt xương xương của bác tiều. Anh ngồi xuống chõng quên hết những nỗi bực

nhọc vừa rồi, cười hà hà, kéo dài cặp môi dày, để hở những cái răng mốc, to bằng móng tay.

Vừa vạch vú cho con bú, chị Nhâm vừa niềm nở kể:

– Bà nớ ăn mặc sang quá...

– Bà mô?

– Bà mua củi. Thấy gánh củi, bà ưng liền, không mặc cả. Tui gánh về nhà, bà cho ăn trầu, uống nước chè.

– Tử tế hề! [1]

– Bởi rứa,[2] nên về trưa hơn mọi bữa. Bố hắn chắc đói meo đi rồi.

Chị nhìn chồng dò ý và khi thấy chồng gật, nói tiếp:

– Tui biết mà, nên khi về có mua một chục bánh đúc, dăm cái bánh lá, rẻ lắm, mất có ba tiền, bốn tám đồng.[3]

Chị ngừng lại, tưởng phải nghe một câu mắng hoặc ít ra cũng một lời trách của chồng về sự hoang phí.

Nhưng không. Nhâm không trách mắng, và đã tới lục bị.

– Mua bánh à? Mô mồ, mô mồ?... À mà cả gà nữa, gà mô đây?

Anh lôi ở bị to ra một con gà mái tơ, lông xám, cánh và chân bị trói với hai dây chuối tươi.

– Gà mua chợ đó. Con gà đẹp và rẻ, sẵn tiền mua về nuôi cho vui, mất đi mô mà sợ!

– Mấy đấy?

Chị Nhâm tươi cười đáp lại bằng một câu âu yếm:

– Bố hắn thử đoán coi có đúng không?

Ôm con gà vào hai tay, nhắc lên nhắc xuống, nắn hầu, nắn ngực một hồi lâu, rồi ra vẻ thành thạo, Nhâm nói:

– Rẻ lắm cũng phải một quan.

– Sai rồi.

– Thì quan mốt đó.

– Sai nốt, có chín tiền thôi.[4]

---

1. Tử tế nhỉ!
2. Bởi vậy.
3. Ba tiền: 30 đồng. Bốn tám đồng: 48 đồng tiền kẽm, ăn 8 đồng tiền đồng.
4. Chín tiền: 90 đồng tiền đồng. Một quan gồm 100 đồng.

Thế là quên đói, quên những cái bánh ngon nằm chờ mình trong bị, Nhâm bô bô khen vợ khéo mua, khéo chọn được con gà quý.

– Gà ni tốt trứng, tốt con lắm đây. Tháng nữa thì nhảy ổ chớ không lâu nữa mô. Cu, đi lấy cái thúng sảo sau hè vô đây, để bố mở hắn ra, nhốt lại, kẻo trói mãi tội nghiệp.

Mở xong dây chuối ở chân và ở cánh, Nhâm vuốt lại bộ lông con gà, đỡ cái thúng ở tay thằng Cu rồi ôm con vật vào xó nhà, úp nó vào trong, lấy dùi vồ nặng dằn lên, kê vào miệng thúng một cái đĩa, rồi đi múc nước đổ vào. Đoạn, như một đứa bé bên lồng chim non mới bắt được, anh ngồi to hỏ, cúi cổ xuống ngắm nghía cái mỏ con gà thò vô thò ra uống nước.

Trong lúc ấy, chị Nhâm trao cái Đĩ cho thằng Cu, xách bị vào bếp lục đục dọn bánh. Một lát sau, chị bưng lên đặt ở chõng một cái mâm gỗ đã tróc sơn, trên bày một bát nước mắm, một bát ruốc hôi [1], một đĩa rau húng, một đĩa thịt lợn luộc nửa mỡ, nửa nạc, và ở giữa mâm, những miếng bánh đúc nâu nâu nằm bên những lát bánh lá trắng muốt điểm một chút nhân tôm màu hồng.

– Bố hắn đến ăn bánh đã, gớm, bữa ni răng mà giỏi chịu đói rứa?

– Ừ thì ăn! À mà có cả thịt lợn nữa tề!

– Thịt lợn mới luộc còn nóng, hai tiền đó, rẻ không?

– Rẻ quá, thôi ăn. Cu đưa em cho mẹ mi, ngồi đây, con. Mẹ Cu ngồi đó, kẹp con mà ăn.

Anh gắp một miếng bánh đúc, quệt vào ruốc hôi, kèm thêm một ngọn rau xanh và một miếng thịt lợn chấm nước mắm, bỏ cả vào bát, lùa vào miệng nhai ngâu ngấu. Chà! Ngon! Thằng Cu nhanh nhẩu làm theo: hai mắt nó sáng lên, tay nó đưa đồ ăn vào miệng một cách vội vàng, để rơi cả nước mắm xuống chõng. Mẹ nó lườm nó một cái dài, bố nó không đánh mắng nó như ngày thường. Thấy thế, vững dạ thêm, nó gắp lia lịa, nuốt ừng ực. Hằng ngày nó chỉ ăn cơm khoai với rau muống, nước cáy, vừng rang hoặc cá mốc. Hôm nay, những món lạ miệng làm nó quên tính nghiêm khắc của bố, và cũng vì lẽ đó bố nó cũng trở nên khoan dung. Chị Nhâm thì nhai nhỏ nhẻ như để nhường phần cho chồng con, vạ chốc chốc lại kéo mồm cái Đĩ ra khỏi vú, trúm cho nó một miếng bánh mà chị đã nghiền bấm ra.

---

1. Mắm tôm.

Bỗng Nhâm nói to:

– Chút nữa thì quên, cho gà ăn bánh với chứ!

Chị Nhâm cản lại:

– Đừng, gà giống cho ăn bánh, ăn cơm mau "tàn" lắm, chỉ nên cho nó ăn gạo, ăn đồ sống thôi!

– Rứa à? Thì thôi!

Nhâm có ý bất mãn, nhưng cũng không vì thế mà bỏ dở chỗ bánh và thịt còn lại trên mâm. Ăn xong, không kịp ra hàng rào bẻ tăm xỉa răng, anh tới gần con gà ngắm lại lần nữa, sung sướng như những hôm vào rừng kiếm được đám củi tốt. Anh bỗng nảy ra một ý kiến quan trọng.

– Mệ Cu ạ, gà nhốt thúng chật hẹp, bực tức, lâu lớn lắm, phải có lồng mới được. Chiều ni đi chợ, ta mua một cái thật to để hắn ở cho rộng rãi, mát mẻ và để khỏi phải mua cái khác khi hắn có con. Chừng tháng nữa là hắn đẻ thôi, ta lấy một ít trứng cho cái Đĩ ăn, còn cho ấp hết, đừng bán cái mô cả.

*

* *

Thằng Cu đã ẵm em đi chơi từ sáng, và ngồi trong gian nhà vắng vẻ, một mình Nhâm cắm cúi vót tre. Anh ngồi trên cái ghế trệt, cạp quần bỏ thõng tai voi, ống xắn lên quá gối, hai chân chạng rộng ra: tay phải cầm dao sắc đưa qua đưa lại trên nan tre, đặt giữa những ngón tay trái to bè bè, và xù xì những chai. Không ai ngờ rằng những bàn tay thô đó lại mềm mại và lanh lẹ như thế.

Bên cạnh anh, đống nan chất đã cao. Người ta tưởng chừng nó mới ở một cái máy ra, vì cái nào cũng đều đặn, không to, nhỏ, không dày, mỏng khác nhau. Một làn gió nhẹ ở vườn lùa vào làm bay những sợi tre vót ra nằm trên nền nhà, loăn xoăn như tóc quăn. Nhâm đã rời ghế trệt, ngồi xổm dưới đất, đan lồng, chăm chỉ và cẩn thận.

Chiều hôm qua, gánh củi tới chợ, Nhâm để mặc vợ trông nom, và đi khắp chợ Giát chọn cái lồng gà. Nhưng không cái nào vừa ý, cái thì nhỏ xíu, cái thì méo xẹo hoặc xấu òm, nan thô. Lúc tan buổi chợ, anh thất vọng ra về, bảo vợ:

– Không mua được, nhưng cóc cần, để ngày mai tui ở nhà đan lấy một cái cũng được.

Chị Nhâm sung sướng lộ ra mặt, vì đó là ý muốn của chị; chị vẫn phục chồng về tài đan lát. Những thúng mủng khéo léo dùng trong nhà đều tự tay Nhâm làm ra. Nhưng chỉ những ngày mưa to gió lớn, không đi rừng được, anh mới chịu bó gối ngồi vót nan, chứ ngày thường thì anh chưa hề bỏ thì giờ quý làm công việc ấy. Chị đã định bảo chồng ở nhà đan lồng từ trưa, nhưng biết tính chồng, chị đành im lặng. Cho nên, khi nghe nói thế, chị đã tươi cười trả lời:

– Ừ phải đó, mai tui đi củi một mình, bố cu ở nhà đan một cái thật to, thật đẹp, thật chắc chắn, chớ cái đồ lồng mua chợ xấu như ma, dùng được vài ngày thì méo, thì bẹp.

Về tới nhà, trời đã tối, Nhâm định bắt gà ra cho ăn thêm, nhưng vợ ngăn lại:

– Đừng, hắn "bỏ tối gà" [1] cho mà chết giừ. Không thấy ả Đỏ Húc đấy à? Con gái mới tơ lên mà cứ chập tối là mắt mờ tịt đi, không biết đường mô mà rờ. Chỉ vì cho gà ăn khi mặt trời đã lặn. Hắn không đói khát chi nữa mô mà khi đi chợ đã cho một chén gạo và một bát nước rồi.

Nhâm tiu nghỉu, nhưng cũng chiều vợ, và, sau bữa cơm khoai ngon lành và no nê, anh lên giường đi ngủ.

Đêm ấy, chị Nhâm thỉnh thoảng lại choàng dậy, vì chốc chốc lại nghe tiếng reo vui và tiếng vỗ tay:

– Chi rứa bố hắn?

– Ơ... ơ không...

– Không! Không mà lại như điên rứa à?

Thì ra suốt đêm, chỉ mơ màng nghĩ tới con gà, tới đàn con nó sẽ có trong ít lâu. Và, hễ nhắm mắt lại được vài phút, ngáy được vài cái, anh lại thấy không biết bao nhiêu là gà, gà mẹ, gà con, gà trống, gà mái, đi lại nhộn nhịp, ồn ào, chật cả sân, đầy cả nhà.

– Ha há, nhiều quá, nhiều quá!

– Chí rứa bố hắn?

– Không!

---

1. Truyền bệnh quáng gà.

*
* *

Nhâm vẫn chăm chỉ đan lồng. Những ngón tay gân guốc ghép những nan tre trơn mứt vào nhau, bắt khom xuống sửa lại những ô không đều, những góc méo mó. Thỉnh thoảng ngẩng đầu nhìn về phía con gà, Nhâm đứng dậy thay nước, thêm gạo. Mỗi lần tới gần thúng, anh nói với con vật nhốt ở trong như nói với một đứa con yêu dấu:

– Cúc cúc, cục cục, ăn đi, gà! Uống đi. Lồng gần xong rồi. Tau nhốt mi vài bữa cho quen nhà quen cửa, rồi thả cho mà đi ăn.

Nhâm làm việc quên cả đói bụng. Bóng mái tranh đã bò tới chân thềm và thằng Cu đã ôm em về xem trong bếp đã đỏ lửa chưa. Cái Đĩ trên hông anh ề ề khóc, đòi ăn.

– Dỗ em nín đi, Cu! Lồng đã xong rồi đây, để bố bắt gà bỏ vô rồi bố đi nấu cơm cho mà ăn.

Thằng Cu lại gần cái lồng đan đã xong:

– Bố đan mau hề, đẹp quá.

Như không để ý đến lời khen ấy, Nhâm xách lồng tới xó nhà, ngồi xổm xuống, tay phải chuồi lần lần vào. Anh hồi hộp không hiểu vì đâu. Cái thúng nghiêng nghiêng dần, cái vồ nặng cũng nghiêng nghiêng theo. Bỗng thằng Cu kêu lên:

– Hắn ra, hắn thò đầu ra rồi, ơ bố!

Nhâm giật mình đánh thót, ngoẹo đầu sang một bên, tay sờ soạng luống cuống. Cái vồ rơi bịch xuống, và phật, cái thúng tung ra, con gà mái tơ đập mạnh đôi cánh bay qua đầu Nhâm, để lại trong tay chủ ba cái lông đuôi xam xám.

Nhâm thoi dậy như một cái lò xo, ném lồng gà, rít lên một câu nguyền rủa, quay lại nhìn con gà đã đứng dưới chân rào, túc tác rầm rĩ. Nhâm tức quá và cử chỉ đầu tiên của anh là cho thằng Cu mấy cái bạt tai:

– Ai nhủ mi kêu ré lên cho tau cuống tay? Hừ hừ! Hắn chạy ra răng mi không chặn lại? Hừ hừ? Giừ mần răng mà bắt được hắn đây? Hừ hừ! Hắn chạy mất thì mi cũng chết cha mi!

Mỗi tiếng "hừ hừ" đi liền với một cái tát, thằng Cu lùi, lùi dần, yên lặng nhận lấy sự hình phạt và những câu mắng. Kinh nghiệm dạy nó rằng trong lúc bố nổi tam bành như thế thì những lời cãi lại dầu có lý đến đâu cũng chỉ làm cho trận đòn trở nên tàn nhẫn thêm.

Trút xong cơn giận lên má thằng Cu, Nhâm nghĩ tới cách bắt gà:

– Cu, vô bốc nắm gạo!

Anh rón rén ra sân, miệng kêu cúc cúc, ngồi xuống đất, rắc gạo lên sân. Tưởng bị ném theo, con gà chạy xa ra, nhưng sau thấy những hạt gạo ngon lành rải rác trên mặt đất, nó quay cổ lại, mổ đôm đốp. Nhâm quăng gạo gần, và con gà tham ăn cũng dần dần xích lại. Chỉ cách có một cánh tay nữa thôi. Gần lắm rồi. Bắt dễ như chơi. Nhâm chờ thêm một giây nữa, rồi, như một viên đạn, nhảy xổ về đằng trước, hai tay chụp xuống. Một tiếng oéc nhọn, một tiếng phật cánh, một đám bụi bốc mù mịt ở sân lên, và một nắm lông trong tay Nhâm! Nhâm dụi mắt, nhấp nháp ba bốn cái, ngó ra, con gà lại trở về chỗ cũ, dưới chân rào, mỏ châu về phía chủ, tục tác toang toác, ồn ào như một mụ hàng cá mất trộm chửi càn.

Cơn giận của Nhâm lên tới cực điểm. Anh nắm chặt hai tay lại, nghiên răng và muốn nhảy ra đuổi con vật khốn nạn ấy cho kỳ cùng. Giá chụp được nó thì anh có thể bóp thịt nó nát ra được. Thằng Cu sợ run lên, không lui được một bước. Nhưng lần này, Nhâm không đánh con, và nuôi một ý nghĩ độc ác, anh thét: "Cu, vô bốc gạo nữa!", rồi hầm hầm ra hè, trở vào với một thanh củi to.

– Mi muốn chọc gan tau, chừ cho mi chết, kệ mi!

Anh cúi xuống, tay phải thu thanh củi sau lưng, tay trái rắc gạo, miệng kêu cúc cục, như quyến rũ, như vỗ về.

Nghe tiếng gọi âu yếm của chủ, con gà tỏ vẻ hồ nghi, do dự, không hấp tấp như lần trước. Nhưng sau cùng, không thắng nổi tính háu ăn, nó quên tấn kịch hãi hùng mới xảy ra, và cúi mỏ xuống mổ. Thỉnh thoảng nó đứng im, lắng tai nghe ngóng, nhưng tiếng cúc cục vẫn êm ái dịu dàng, và con gà vững tâm, tiến lần.

Bỗng, vụt một cái, thanh củi giáng mạnh xuống cái đầu xinh đẹp của con vật. Nó quay ra, đập cánh phần phật. Cặp chân vàng đẹp run lẩy bẩy. Nhâm reo lên một tiếng bằng lòng, trong đó ta nhận thấy sự thỏa mãn của chí báo thù. Nhưng một lát sau, khi xách con gà mái tơ khốn nạn vào nhà để làm thịt, khi thấy cái lồng mới tinh nãy giờ bỏ quên trong xó, anh ngồi phịch xuống chõng tre, vuốt mặt thở dài.

Trung Bắc chủ nhật,
số 144, tháng 2–1943.

CÁI THƯ

(Truyện ngắn)

– Thất tài!

– Phỗng!

Ông Phương giật hai con bài, giơ lên cao, rồi vụt xuống như người quất ngựa. Nhìn quanh một vòng, do dự một giây, ông rút thêm con nữa, đánh sang bên phải. Đoạn, ông xếp bài, nâng chén nước đã nguội lên uống, rung đùi ra dáng tự đắc lắm.

– Coi chừng mà đánh, xỉu đây! – Ông Khánh dặn ông Minh.

– Chạy!

– Đánh!

– Cửa sách!

– Bốc!

– Tứ vạn!

– Ù!

Ông Phương mỉm cười, bày bài trước mặt thành từng "pho". Ông Minh cúi xuống, rướn mắt sau kính trắng kiểm soát:

– À, mà xỉu thật, anh em ạ!

Ông Khánh cau mày, ném bài tung tóe, thò tay lật nọc, kêu to:

– Thế này thì có chó không! Cửu văn đây mà chờ mãi không lên cho! Đen quá! Đi tiểu cái đã!

– Anh thì chỉ được giỏi cái ấy! Không ngồi yên được một lát, hết đổi chỗ lại đi tiểu "xả xấu", mất cả thì giờ.

Ván bài khác bắt đầu. Ba người ngồi xếp bằng tròn trên sập gụ bóng lộn, cạnh cửa sổ hé mở, tâm trí thu hết vào cuộc chơi. Họ quên cả thời gian, quên cả mỏi mệt, quên cả đói khát. Họ làm việc luôn tay và luôn miệng. Gian phòng không có cái vẻ ồn ào náo nhiệt của một bãi chiến trường chính thức, nhưng cũng không đến nỗi quá tịch mịch, âm u. Những con bài bốc lên, hoặc đánh xuống kêu vùn vụt trên gỗ trần, và được xướng tên rất to. Đó là chưa kể những câu bông đùa có duyên của ông Minh, chủ nhà; chưa kể những lời gắt gỏng,

chửi rủa – chửi rủa bài – của ông Khánh; chưa kể những cuộc cãi cọ ầm ĩ giữa ba người bạn về những nước bài lầm lẫn hoặc gian lận.

– Tứ văn!

– Chiếu!

– Lục văn... tiên!

– Bốc!

Một người đàn ông đẩy cửa, lặng lẽ mang cái cặp cũ rích bước vào. Hắn mặc áo cánh đen, quần dài trắng có cái kẹp xe đạp chẹn ống phải. Như một người quen thuộc, hắn cất mũ đặt xuống bàn, yên lặng mở cặp phồng, lấy ra một tờ báo, một quyển sổ mang một cái bút chì lòng thòng. Hắn rón rén lại sập, nhăn mặt cười:

– Bẩm thầy có báo ạ!

Ông Minh ngửng lên!

– À anh trạm, có báo à? Anh để đó cho tôi.

– Xin thầy chữ ký ạ.

Hắn chìa quyển sổ ra, chỉ chỗ cho ông Minh ký rồi yên lặng tiến về phía cửa.

Ông Phương bỗng gọi giật lại:

– Anh trạm, anh trạm, tôi có thư từ gì không?

– Bẩm có ạ.

– Bẩm thầy, đưa rồi ạ.

– Đâu? Đâu? Đưa đây!

– Đưa cho ai? Cho nhà tôi à?

– Bẩm đưa cho anh học trò ở trước trường, biểu đem tới đằng thầy ạ.

– Thư với từ! Xếp chuyện ấy lại đã! Tứ tài đây, có ăn không để cho người ta bốc.

– Ăn, ăn chứ!

Như một cái máy, ông Phương rút bài, vứt xuống, trí liên miên nghĩ tới cái thư: "Chắc là thư của Hồng! Chắc thế! Đã hai tuần nay vắng tin rồi!".

– Ăn rồi thì đánh đi chứ!

– Thì cho người ta nghĩ cái đã! Đi đâu mà vội thế. Chà! Nước bài khó quá!

– Khó gì mà khó, chắc lại bị cái thư của "dì nó" ám ảnh rồi đấy!

– Bậy nào! Ngũ văn đấy!

– Bốc!

– Bát cá!

– Ù!

– Hừ, ù luôn, không để phần ai cả! Ông Khánh càu nhàu ném bài; ông Minh cúi xuống soát, bỗng vui vẻ reo lên:

– Chèo rồi! Chèo rồi! Mới tám lưng thôi, ông ơi! Hề hề, quẫn trí rồi, bị cái thư ám ảnh thật rồi. Cái thư vạn tuế! Ha ha!

Ông Phương trố mắt xem lại, ngẩn người, đỏ mặt:

– Chèo thì đền là cùng chứ gì!

Thằng Năm lấp ló ở cửa nãy giờ, thấy chủ ngẩng đầu mới dám bước vào.

– Có việc gì mà tới đó Năm?

– Bẩm thầy, cô biểu mời về ăn cơm.

– Ừ! Thôi, gần tối rồi, nghỉ lát đã, về ăn cơm đã, chốc nữa sẽ "tái chiến".

– Thì ở đây ăn không được à? Hôm nay sao dở hơi thế?

Ông Phương đã thòng chân xuống nền nhà, xỏ bàn chân vào giày hạ, sửa cổ áo, chụp khăn, bước ra như không nghe câu nói của ông chủ.

– Năm, chiều nay có ai đem thư lại nhà không?

– Dạ, có ạ.

– Ai? Ai?

– Bẩm, một anh học trò.

– Hừ, phải rồi! Nó đưa cho cô à?

– Vâng ạ.

– Cô có xem không?

– Bẩm có ạ.

Ông Phương cắn chặt môi dưới, cố giữ một tiếng rủa độc, rồi càu nhàu một mình: "Đàn bà gì mà tò mò như con khỉ, chỉ rình coi trộm thư! Tức quá, chuyến này phải cho một bài học đích đáng mới được!".

Ông hậm hực cắm cổ bước mau, không chào lại những người quen gặp ở đường. Thấy chủ về, con Mực dồ ra cổng, vẫy đuôi, vẫy tai, rúc

đầu vào ống quần, rung rung cái mông béo núc ních. Luôn chân, ông đá cho một cái vào mõm, con vật kêu ăng ẳng, bỏ chạy ra vườn, chiếc giày bắn lên rơi vào chậu thược dược làm gãy mất một cái nụ to sắp nở. Năm vội chạy lại lượm. Ông không thèm đợi, tụt nốt chiếc kia, chân trần đi thẳng vào nhà.

Một mâm cơm dọn sẵn chờ trên bàn bên cạnh cái đèn cao và sáng. Bà Phương ngồi ở giường đăm đăm nhìn ra, mơ màng. Bà còn lạ gì tính chồng: không đánh thì thôi, chứ đã ngồi vào đám bạc là mê tít đi, mấy ngày cũng ngắn. Chưa tới giờ làm việc mà đương "đủ chân" thì không bao giờ bỏ ra về, nhất là về ăn cơm. Chiều nay, bà sai đứa ở đi mời cho có chuyện mà thôi, chứ đã chắc trước rằng sẽ phải ăn cơm tối một mình như những chủ nhật trước. Bà buồn bã nghĩ tới cảnh mình: con không có, chồng chơi bời loang toàng, ít khi có mặt trong nhà. Bà còn biết rằng độ nghỉ hè năm ngoái, ông bắt nhân tình với một người con gái Huế, và đến nay hai bên vẫn thư từ đi lại luôn luôn. Bà lấy làm lạ rằng thức đêm nhiều như thế, mà chồng vẫn mạnh khỏe, vẫn hồng hào, vẫn "đẹp trai" như trước. Đã bốn mươi tuổi rồi mà trông vẫn trẻ măng với khuôn mặt xinh xắn, với nước da trứng gà bóc, với cái áo xuyến thẳng băng, cái quần là trắng muốt, đôi giày hạ bóng loáng. Còn bà thì, trời ơi! Cùng một tuổi mà da đã nhăn, má đã hóp, xem chừng đã về già. Bà thở dài. Nhiều khi bà có ý nghĩ độc ác muốn ông ốm nặng, rồi gầy đi, rồi già đi, rồi xấu hẳn đi để không ai thèm trông đến nữa.

Bà mát mẻ hỏi chồng:

– Được hay thua mà về sớm thế?

– Bằng chân! – Ông trả lời nhát gừng, rồi, đột ngột:

– Đưa cái thư đây cho tôi!

– Cái thư nào? – Bà cười nhạt.

– Còn vờ nữa, cái thư ban chiều ấy!

– Chẳng có thư từ gì hết, chỉ có cái giấy thằng học trò mới đưa đây này.

Bà móc túi trao cho chồng một mảnh giấy xếp tư. Ông vồ lấy cau có:

– Ai cho phép mình xem thư tôi?

Rồi nén giận, ngồi xuống ghế, xích lại gần đèn xem:

"Thưa thầy,

Ngày mai có kỵ[1] ông con, xin thầy cho phép con nghỉ một buổi... .

Không coi hết, ông vò mảnh giấy, ném vào góc nhà.

– Không phải cái này, cái kia kia!

– Ô hay, cái nào nữa? Còn cái nào nữa?

Ông dằn từng tiếng:

– Cái thư thằng học trò đưa tới đây từ hồi chiều.

– Không có, không có cái thư nào nữa hết.

Bỗng như nhớ ra việc gì, bà nghiến răng, rít lên:

– Cái thư nào? Có phải cái thư của con Hồng không?

– Của ai thì mình cũng không có quyền coi trộm, không có quyền giữ lấy. Đưa đây cho rồi.

– Trời ơi, chả trách mà vội vàng bỏ đám bạc về. Hồng ơi là Hồng, mày cướp mất hồn của chồng bà rồi!

– Câm ngay cái mồm lại! Đưa cái thư đây. Đừng trẻ con mãi nữa.

– Ai thèm trẻ con với ông? Ai thèm giấu cái thư của con đĩ Hồng? Giấu để làm gì mà... mà... chùi khu ấy à?

Ông Phương đứng phắt dậy, hầm hầm như một con cọp dữ sắp vồ người. Mặt ông đỏ ửng, mình nóng ran, thái dương bừng bừng, gân căng thẳng, tứ chi ngứa ngáy; cần phải phá, đập, phải đạp một cái gì ngay. Ông vung tay hất mạnh mâm cơm, bát đĩa rơi lỏng chỏng, đồ ăn đổ lộn nhào xuống đất. Chưa đã nư, ông vớ nốt cái đèn, ném đánh choảng lên mâm cơm đổ. Gian phòng vụt chìm trong bóng tối.

Bà Phương chu chéo:

– Hồng ơi là Hồng! Mày làm khổ bà. Gia đình bà tan nát rồi cũng vì mày...

Ông Phương tức quá, tiến lại phía vợ, nhưng được mấy bước, trong sự rối loạn của tinh thần, ông thoáng hiểu rằng mình sẽ gây ra nhiều việc đáng tiếc hơn khi đã tới được chỗ vợ ngồi. Ông vội vàng đẩy cửa ra sân, mở cổng. Một cái xe không ở ga về, ông hò lại, nhảy lên, truyền lệnh:

– Kéo tới nhà phu trạm.

Trên con đường rải nhựa bò qua làng An Thọ, cái xe cao su chạy từ

1. *Kỵ*: Giỗ.

từ, êm như ru. Gió phân phất lướt qua má, vù vù bên tai, khiến ông Phương khoan khoái dễ chịu. Mặt ông bớt nóng, tim đập đều đều hơn. Ông khẽ ngẩng đầu nhìn lên: vầng trăng thượng tuần treo lơ lửng trên bầu trời xanh ngắt, lấm tấm những sao, gieo xuống những ruộng mía non nằm san sát hai bên đường một thứ ánh sáng mơ hồ, đưa hồn vào cõi mộng. Ngồi trên xe, ông liên miên nghĩ tới Hồng, nghĩ tới những đêm trăng cùng người yêu ngồi trong chiếc thuyền con lênh đênh trên sông Hương huyền ảo. Lòng ông dịu lại và niềm hối hận thoáng qua tim ông:

"Có lẽ nó chưa đưa thư, có lẽ mình quá nóng nảy. Ừ, có lẽ thế..."

Cu ly dừng chân, hạ càng xuống:

– Bẩm thầy đã tới nơi.

Ông bước xuống, đi vào một cái nhà tranh nhỏ cạnh đường. Anh phu trạm ban chiều chạy ra niềm nở đón chào:

– Chào thầy ạ, mời thầy vào chơi.

Đứng ngoài sân, ông hỏi vội:

– Lúc nãy anh đưa cái thư cho ai?

– Bẩm thầy, cho trò... trò Tâm ạ.

– Thằng Tâm lớp nhì phải không?

– Vâng ạ.

– Nó ở đâu?

– Ở trọ nhà chị Biên, trước cổng trường ạ.

– Chắc thế chứ?

– Vâng, chắc lắm ạ.

– Anh thật vô ý. Tôi đã dặn hễ có thư thì đưa tận tay cho tôi, gửi gắm thế nhiều khi rầy rà lắm. Anh không biết tính nhà tôi hay sao?

– Thế cô đã bóc thư coi trước thầy rồi sao?

– Chắc thế. À mà thư ở đâu gửi về anh có biết không?

Gãi tai một lát để nhớ lại, hắn đáp:

– Bẩm thầy, ở Huế ạ.

– Đúng rồi. Thôi chào anh. Xe, kéo về nhà chị Biên trước trường.

Trong nhà chị Biên leo lét ngọn đèn dầu phụng. Ba đứa học trò chúi đầu trên bàn đánh cờ tướng đương cãi nhau về một nước cờ gian. Ông Phương bước vào, chúng giật mình đánh thót, vội vàng đứng

dậy, khúm núm chào, trong lòng sợ hãi, chắc thế nào cũng bị thầy mắng về việc bỏ phí thì giờ. Nhưng không ông Phương không la rầy gì, chỉ hỏi:

– Thằng Tâm có ở nhà không?

Một trò lễ phép đáp:

– Thưa thầy, ảnh đi chơi từ lúc nhá nhem tối.

– Nó đi chơi đâu?

– Dạ, ăn xong, ảnh ra đi, chúng con cũng không hiểu đi đâu ạ.

– Sách vở nó để đâu?

– Trong rương kia ạ.

– Có khóa không?

– Bẩm không.

Ông Phương lại xó nhà, mở nắp rương, kéo sách vở, quần áo ra, lật từng trang, giũ từng cái, cẩn thận như lính đoan soát thuốc phiện lậu. Một trò cầm đèn rọi gần, hai đứa kia đứng sau lưng nhìn nhau yên lặng bằng những con mắt tròn, đầy vẻ ngạc nhiên.

Sau một hồi tìm tòi vô công hiệu, ông Phương hầm hầm trở ra, dặn với lại:

– Thằng Tâm về, bảo nó lại ngay lập tức nghe không?

– Dạ.

Ông bực tức bước lên xe. Niềm giận dữ mới dịu đi được một lát lại sôi lên trong tim nóng: "Chắc là nó đưa rồi, nếu không thì bỏ vào đâu mà mình kiếm mãi không ra? Chắc là cái con mẹ này cố giấu. Hừ, phải truy cho ra mới được, không thì tức chết, tức chết!"

Tới cổng, xuống xe, móc túi, không có bạc lẻ, ông dặn phu xe mai tới lấy tiền.

– Tội quá, xin thầy cho ngay...

– Không có cắc lẻ, đi đi, con tườu!

Ông đạp cửa bước vào. Gian phòng tối đen như hũ nút.

– Năm, Năm, thắp ngay cái đèn ra đây!

Bà Phương ngồi trong bóng tối lên tiếng mỉa mai:

– Đèn bể rồi, làm gì có nữa mà thắp.

– Đừng có trêu gan ông mà chết! Muốn tốt muốn lành thì bảo nó thắp đèn rồi đưa cái thư cho người ta.

– Lại cái thư! Đã bảo rằng không có thư! Làm khổ tôi vừa vừa chứ ông ơi! Động chút ông thượng đồng lên đánh mắng, phá phách...

– Thế mà vẫn chứng nào tật ấy, vẫn không chừa cái tính ghen bóng ghen gió nữa là...

– Ôi dào! Ghen bóng, ghen gió! Sờ sờ ra trước mắt còn bóng với gió gì nữa. Năm ngày một cái thư, ba ngày một cái thư; được đồng nào thì đánh, thì lẩn lút gửi cho con đĩ, vợ đói mặc kệ, cha già mặc kệ, thế mà còn bảo bóng với gió à?

Ông Phương cứng miệng, tức hối lên cổ, đương kiếm câu trả lời, thì Năm vừa cầm đèn ra đặt ở bàn. Ông túm lấy nó, tát mấy cái vào má, mắng:

– Đồ chó, làm gì mà nãy giờ không thắp đèn, thằng kia?

Bỗng có tiếng chó sủa, tiếng gõ cửa, một thằng bé run rẩy bước vào.

– Thưa thầy, cái thư... đây ạ...

Ông Phương buông Năm ra, tiếp phong thư.

– Sao mãi giờ mới đưa?

– Bẩm thầy... Con tới lúc chiều, thấy cổng đóng, con không dám vào, định tối đưa đến, nhưng có việc, quên đi...

– Con khỉ! Thôi cút ngay!

Bà Phương được thể rống lên:

– Còn nói tôi thóc mách nữa thôi? Còn nói tôi ghen bóng ghen gió nữa thôi? Hứ, hứ!

Rồi bà nhảy lại, chực cướp cái thư mà ông đã rút khỏi bì đang lẩm bẩm đọc.

– Đưa đây, đưa cái thư đây, xem đứa nào to gan dám viết thư quyến rũ chồng bà nào!

Ông Phương gạt ra, đọc nốt hàng cuối cùng, ném cái thư vào mặt vợ, thở dài, gục đầu xuống bàn.

Bà Phương chụp lấy, lại gần đèn, nhíu mắt đọc:

“Anh Giáo.

Thầy đau nặng đã mười bữa ni, thuốc men tốn kém lắm, chạy tiền không ra. Thầy nhủ em viết thư anh biết, mong anh bớt tiêu gửi về ít nhiều, giúp thầy trong lúc ốm đau.

Kính thư
Em của anh

Tiểu thuyết thứ bảy,
số 468, ngày 3-7-1943.

THOÁT NẠN

(Truyện ngắn)

Sau một giấc ngủ trưa quá dài, bà Lại Hân thức dậy, sửa soạn đi chơi. Bà định qua nhà bác Đốc Tiên nói chuyện hoặc đánh tứ sắc còm, nếu đủ chân. Rửa mặt xong, nhìn lên mắc kiếm món tóc mướn, bà chợt thấy cái áo cánh trắng của chồng mới bị chuột khoét ở lưng. Bà sực nghĩ tới cái quần của ông chưa mạng còn xếp dưới chiếu ở gần giường. Bà do dự một lát, tặc lưỡi: "Thôi, ở nhà làm việc này đã!". Bà lấy mủng may, đem quần áo ra vá. Đeo xong kính trắng lên sống mũi, bà hì hục ba bốn lần mà không luồn được sợi chỉ vào trôn kim. Bà cất giọng lanh lảnh gọi: "Heee!" [1]

Sau một tiếng dạ nhọn, con ở từ bếp chạy lên:

– Bẩm bà, bà biểu [2] gì ạ?

– Xâu cái kim. Tỉa xong rau, ra kín [3] nước cho đầy vò, rồi vào bắc cơm, nghe không?

– Vâng ạ.

Hai đưa kim chỉ tận tay chủ, trở vào bếp trong lúc bà Lại cúi xuống vá. Bà ngồi bên cạnh cửa sổ mở rộng, lưng dựa tường, hai chân duỗi thẳng, tréo nhau trên phản gỗ, tay đều đều đẩy kim, mắt đăm đăm sau kính trắng, ra dáng chăm chú lắm.

Trước kia, lúc vải sồi còn rẻ như ổi xanh, ít khi bà chịu hạ mình xuống công việc mà bà đương cắm cúi làm đây. Bỏ ra bốn năm đồng bạc, đã có quần áo tốt dùng, thì dại gì phải mang áo vá quần mạng cho "ô danh". Đồ rách thải ra, bà cho tuốt anh Ba Cùng, bác thợ rèn ở cạnh nhà, hoặc anh Năm Cúi, lão phu xe ở ngay trước ngõ. Bà thường nói với bất cứ ai muốn nghe chuyện bà: "Nhờ trời có đủ bát ăn, mình cũng phải nghĩ tới kẻ khốn cùng với chứ!". Cho kẻ khốn cùng bằng những vật mà mình không thèm dùng nữa, bà đã không thiệt hại gì, mà lại được tiếng là người nhân đức, hào phóng. Còn

---

1. Hai... ai... ai!
2. Bảo.
3. Gánh, xách.

món lợi này nữa: mỗi lần nhận được cái áo rách, cái quần lủng, bác thợ rèn, anh phu xe, mang thêm một cái ơn với láng giềng, sẽ kiếm cách báo đáp. Ba Cùng sẽ rèn dao rựa cho nhà bà với một giá rất hời, với một thứ sắt rất tốt; Năm Cúi sẽ tính tiền rất hạ khi kéo bà đi đó, đi đây. Ấy là chưa kể những công việc lặt vặt mà họ giúp bà quanh năm, vào những ngày giỗ, ngày tết. Bà vẫn tự khen là khôn khéo, là gian hùng – gian hùng như Tào Tháo – làm việc gì cũng suy trước nghĩ sau, có lợi cho mình mà không ai dám bảo là ích kỷ, là giả dối. Nhưng ta cũng đừng tưởng rằng bà không có điều tự trách và giờ đây, giữa yên lặng hoàn toàn của gian phòng, trong khi chăm chú đẩy kim, bà đương nghĩ tới một hành động mà bấy lâu bà cho là thất sách, là tai hại.

Độ khai giảng năm ngoái, một buổi tối qua chơi nhà bà Đốc, bà gặp ở đó một thanh niên trạc hai mươi tuổi, mặt non choẹt, trông còn ra dáng học trò.

– Đây là thầy giáo ở Nghệ mới bổ tới. – Bà Đốc giới thiệu, và tiếp:

– Thẩy [1] mới vô, chưa có chỗ ở, trọ tạm nơi tôi, định ít hôm nữa sẽ kiếm chỗ khác cho rộng rãi, yên ổn hơn. Chị cũng biết đấy, nhà tôi chật hẹp, các cháu lại quấy rầy, khóc ti teo cả ngày, bất tiện cho sự "làm diệc" [2] của thầy lắm.

Bà Đốc chưa dứt lời thì khách đã quay về phía Ngân hỏi:

– Thầy ở Nghệ à? Ở huyện nào?

– Thưa bà cháu ở Quỳnh Lưu.

– Có phải thầy người Bảo Hậu không?

– Thưa bà phải ạ. Bà đoán giỏi quá.

Bà Lại sung sướng lộ ra nét mặt; má bà đỏ lên và cặp mắt bà tuy không tinh anh gì, trông cũng sáng ngời! Ấy là lần đầu tiên bà tỏ cho người ngoài biết một nỗi mừng thành thực, không đo đắn trước sau. Bà vốn người Quỳnh Đôi, một làng có tiếng ở Nghệ, cách Bảo Hậu một thôi đường. Bà lấy chồng người Huế, theo chồng đi "làm diệc" gần hai mươi năm nay khi tỉnh này, khi tỉnh khác, ít có dịp về thăm quê. Tình cờ gặp người đồng quận, bà bỗng nhớ lại làng bà, nhớ lại thời thơ ấu với những kỷ niệm êm đềm mà bà đã quên cái giọng Nghệ An quê

---

1. *Thẩy*: Thầy ấy.
2. Làm việc.

kệch. Tùy theo chỗ ở, bà đã nhiều lần đổi giọng, khi nói tiếng Huế, lúc nói tiếng Thanh, và hiện giờ, bà đã thạo tiếng Quảng lắm rồi.

Nhưng buổi tối ấy, giọng nói của xứ sở thoát ở miệng Ngân ra đối với bà có một số âm điệu dịu dàng, ấm áp và tự nhiên bà cũng trả lời Ngân bằng cái giọng "dùi đục chấm nước cáy".

Câu chuyện giữa hai người trở nên thân mật mau chóng và bà chủ nhà chỉ là một thính giả yên lặng và ngạc nhiên. Mười lăm phút sau, bà Lại đã hiểu rõ tình cảnh của Ngân: chàng là một học sinh nghèo, thi thành chung hai lần không đậu: nộp đơn xin một chân giáo sư [1] để có thể vừa dạy vừa ôn bài vở, dự thi kỳ sau. Nhận được giấy bổ về Đức Phổ, với mười tám đồng bạc lương một tháng, chàng không do dự, đi ngay, nghĩ bụng được đi xa một chuyến cũng thú.

Trước khi ra về, bà Lại bảo bà Đốc:

– Chị đã nói bên này chật hẹp thì để thầy giáo qua bên tôi ở cho vui cũng được.

Bà Đốc hớn hở nhận lời, và Ngân cũng mừng thầm vì mới ra đời đã gặp người tử tế.

Đêm ấy, khi có đủ thì giờ nghĩ kỹ về cử chỉ của mình, bà Lại hơi hối hận, tự bảo: "Một anh giáo sư nghèo! Chả béo bở, lợi lộc gì! Rước về chỉ tổ rầy rà! Nhưng đã trót hẹn cùng chị Đốc, giờ lại từ chối thì khó coi chết! Thôi, kệ! Nấu cơm thì lấy tiền. Và biết đâu mình không nhờ dịp này mà gây thêm tiếng tốt cho nhà mình! Ừ biết đâu!".

Từ đó, Ngân ở trọ nhà bà Lại rất vừa lòng vì chỗ ở rộng rãi, cơm nước sạch sẽ, chủ nhà tử tế, coi chàng như người thân thích. Ngay mấy hôm đầu, bà Lại đã gọi chàng bằng chú và bảo:

– Chú đừng gọi tôi bằng bà, cứ gọi là chị cho thân mật, còn nhà tôi, chú cứ kêu là anh có được không? Quan kiếc mần chi cho phiền?

Ngân còn nhớ mãi sự khó khăn mà chàng vấp phải khi muốn trả tiền cơm tháng đầu: chàng lưỡng lự mãi, không biết nên đưa bao nhiêu, và phải hỏi thẳng bà chủ. Bà chỉ cười lạt, nói phân đôi không rõ ràng gì cả. Ngân năn nỉ mãi, sau cùng phải bỏ ra mười đồng, cầu khẩn bà cầm giùm cho.

– Chú thật quá nệ! Chỗ chị em với nhau cả, nói chuyện tiền nong

---

1. Trước Cách mạng Tháng Tám, ở miền Trung, gọi thầy giáo dạy tiểu học (cấp I) là giáo sư.

mần chi? Thôi chú đã đưa thì tôi cũng phải lấy cho chú bằng lòng. Có túng thiếu chi, chú cứ hỏi tôi, đừng vay mượn người ngoài mà phải trả lãi thêm tốn.

Thế rồi gặp ai là bà cũng vồ lấy để kể chuyện Ngân, và nhân đó không bao giờ quên quảng cáo lòng tử tế của mình: "Tội nghiệp nhà nghèo, lương ít, tôi đã định không lấy tiền cơm, thế mà khảng khái đáo để, cứ nằng nặc đòi trả cho kỳ được. Tôi nể quá, cầm tạm mấy đồng để rồi kiếm cách kín đáo trả lại sau. Chị tính – bà tính – mấy đồng tiền cơm một tháng đủ thiếu gì mà lấy cho mang tiếng".

Nhưng bà cũng cứ lấy số tiền mà tháng tháng Ngân cầu khẩn bà "cầm giúp cho"! Kể ra thì với cái giá ấy, bà cũng không lời lãi gì thật. Nhưng bà lời chỗ khác, người xung quanh khen ngợi bà, kính phục bà, coi bà như một kẻ giàu lòng bác ái. Và như thế chưa đủ cho bà sung sướng rồi hay sao?

Nhưng dần dần, cuộc đời đắt đỏ thêm lên, và năm nay, sau khi hỏng thi một lần nữa, Ngân trở về Đức Phổ, dạy lại, thì bà chủ rơi vào một cảnh ngộ có thể gọi là khó khăn. Với cái giá dầu, đèn, cơm, gạo, thịt, cá hiện thời, mười đồng bạc một tháng thật không tài nào "nấu nổi". Ừ, nếu Ngân ăn một mình, bà sẽ dọn qua loa đĩa rau, đĩa mắm cho xong bữa cũng được đấy. Nhưng còn chồng bà, còn bà nữa. Mà vợ chồng bà thì phong lưu đã quen, không thể nuốt trôi những món ăn lao động kia được!

Thật là khó xử. Đuổi Ngân đi ư? Hay là bảo thẳng với chàng rằng phải trả thêm tiền! Nhưng nếu thế thì cái tiếng tốt mà bà đã mua được với bao nhiêu công phu, nhất đán sẽ tiêu tan. Bà Đốc, bà Thừa, cả bà Huyện, quan Huyện, cả Đức Phổ sẽ chê bai bà, sẽ bêu riếu bà: "Tử tế gì, nhân nghĩa gì! Nhân nghĩa chặc chuối! Lúc cơm gạo hạ thì rước về, khi cơm gạo đắt thì đuổi đi! Ôi chao, nhân với nghĩa! Thế mà mấy lâu vẫn khoe ỏm tỏi lên!...".

Không được, không thể được! Bà không dại dột gì mà nhắm mắt theo con đường nguy hiểm ấy. Bà chỉ nói bóng, nói gió, thường thở than cùng Ngân về sự đắt đỏ của các món cần dùng, mong chàng hiểu thấu nỗi khổ tâm của bà, tự tăng tiền cơm lên: "Nhưng "cái thằng cha" mới lỳ chứ! Mình nói như bửa vào óc thế mà hắn vẫn thản nhiên, vẫn ăn tì tì như trâu đói".

Bà khâu nốt nút cuối cùng, cúi xuống cắn sợi chỉ, xếp quần áo vào mủng may, cất kính dụi mắt, vặn lưng kêu răng rắc, nhìn ra.

Trời đã gần tối. Bóng hàng rào "sơn li" thấp đã choán hết sân và trèo lên quá nửa tường. Trên con đường đá trước nhà, học trò lũ năm lũ bảy, vừa đi vừa nói chuyện tíu tít. Ngân đẩy cổng bước vào, tay kẹp một chồng sách nặng. Chàng cất mũ, hé một nụ cười buồn, khẽ lên tiếng chào:

– Thưa chị.

Bà Lại vẫn đăm đăm nhìn ra, yên lặng. Không biết vì mải suy nghĩ hay vì khinh bỉ mà bà không đáp lại lời chào? Đặt sách xuống bàn, Ngân tới gần phản gỗ, cho bà hay rằng, ngày mai chủ nhật, chàng sẽ dọn đi chỗ khác. Như đã xếp đặt ý tưởng từ lâu, chàng nói một thôi không ấp a ấp úng. Chàng ngỏ lời cảm tạ sự tử tế của chủ nhà. Và giãi lòng quyến luyến của mình:

– Nhưng thưa chị, độ ni gần tới kỳ thi, mà trời lại nắng quá, nhà lại xa trường, đi về đã mệt nhọc, còn mất cả thì giờ học ôn. Vậy chị cho phép em tới nhà mụ Biên, ngay trước trường cho tiện.

Như vừa tỉnh một giấc mộng, bà Lại quay đầu nhìn Ngân bằng cặp mắt mở rộng. Tưởng nghe lầm, bà hỏi lại hai ba lần, và khi đã chắc chắn, bà rầu rầu nét mặt bảo:

– Vợ chồng tôi đối với chú có điều chi sơ suất mà nỡ bỏ đi như rứa cho cam.

– Chị nghĩ rứa thì oan cho em lắm! Em đâu dám giận anh, chị. Chỉ vì ở đây hơi bất tiện cho sự học, nên em mới phải dời chỗ ở.

– Tôi với chú tuy không bà con thân thích chi, nhưng cũng người một huyện, nên tôi muốn giữ chú ở lại cho vui. Giờ chú đã nghĩ rứa thì tôi cũng không dám ép, sợ ngăn trở sự thành đạt của chú về sau.

Trong khi miệng bà thốt ra những lời não ruột ấy, lòng bà khoan khoái nhẹ nhàng, như vừa cất được gánh nặng ngàn cân; bà thở dài một tiếng, tỏ cho Ngân biết rằng mình buồn bã lắm đây, nhưng kỳ thực thì đó là tiếng thở dài của người mới ra khỏi một tình thế khó khăn, nguy hiểm. Bà nghĩ thầm: "Thế là thoát nạn!"

Tiểu thuyết thứ bảy,
số 470, ngày 17-7-1943.

VỀ HAI NGỌ

(Truyện ngắn)

Gió vườn hiu hiu thổi, đem vào nhà hương dịu của hoa cau. Tay tôi từ từ hạ xuống, quyển sách từ từ hạ theo, rồi úp lên mặt tôi như gà mái xòe đôi cánh rộng ấp trứng. Để mặc cái võng theo đà đưa đi đưa lại, tôi nhắm mắt, nằm im chờ giấc ngủ trưa sắp tới. Bỗng ở ngõ nổi lên những tiếng reo vui, tiếp theo một chuỗi cười trong trẻo: "Chú, chú, cháu đã về, cháu đã về, ơ chú!". Tôi giật mình ngóc cổ nhìn ra, đánh rơi quyển sách. Tôi vừa kịp thòng chân xuống nền nhà hò võng lại thì con Lê đã chạy sầm tới, ôm chầm lấy tôi. Mẹ nó ngồi khâu trên phản lên tiếng nạt: "Lê đi ra, để chú ngủ, đi ngay!". Lê tiu nghỉu nhìn tôi bằng cặp mắt cầu cứu.

– Không. Lê cứ ở đây với chú. Chà, cháu đi đâu mà mồ hôi nhiều thế này? Lên đây chú ru. Cháu tôi ngoan lắm!

Lê tươi hẳn nét mặt lại, kiễng chân lên võng, ngồi sát lòng tôi, liếc trộm mẹ một cái, rồi bi bô khoe:

– Cháu đi chơi về. Cháu chơi với anh Tráng. Anh vừa dạy cháu một truyện hay nắm, hay nắm. [1] Chú muốn học, cháu bày cho.

Tôi vuốt tóc nó, phì cười. Chị tôi cũng phì cười theo.

– Chuyện gì, cháu hát cho chú nghe đi.

Với một giọng bập bẹ nhưng nghiêm trang, nó đọc:

Đìa thôi [2] *ơi hỡi đìa thôi,*
Nại có [3] *miếng thịt nạc ngồi ở tên...* [4]

Nó dừng lại nghe ngóng, rồi la lên: "Ô hay, chú học đi, học đi! Sao chú không học mà nại cười? Không! Không!..." Nó ngoay ngoảy chực tụt xuống nằm vạ. Tôi giữ lấy nó, cố nín cười và lặp lại hai câu thơ. Nó sung sướng tiếp:

---

1. Hay lắm.
2. Đĩa xôi.
3. Lại có...
4. Trên.

Bưng qua đem trả lại niền,
Không cha, không mẹ có phiền không thôi!

Lặp chưa hết câu thứ tư, tôi bùng lên cười, để mặc cho con bé giãy chân giãy tay dưới đất.

– Lê hư quá. Muốn tốt xuống nhà bảo chị Năm tắm rửa đi. Nếu không thì đòn!

Lê vội vàng đứng dậy lặng lẽ ra.

Chị tôi hỏi tôi:

– Chú có hiểu mấy câu thơ ấy không?

Có trời hiểu.

– Ấy là *Vè Hai Ngọ* đấy. Chú mới vào đây chắc chưa được nghe chuyện Hai Ngọ.

*

* *

Hắn là con đầu và sinh năm ngựa nên tên là Hai Ngọ. Hắn mồ côi cha từ thuở lên ba. Mẹ hắn nuôi hắn được bảy năm nữa thì chết, để lại cho hắn túp lều xiêu vẹo, một cái rựa cùn, một đòn xóc tre, một đôi thúng dày treo vào mấu đòn gánh bằng những tao dây dừa cũ. Bà con nội ngoại chỉ trơ trọi có một ông chú "nghiền",[1] mua thuốc bằng số tiền trộm cắp được ở các chợ, các làng lân cận. Không nơi nương tựa, hắn cần phải làm việc để nuôi thân. Mới mười tuổi đầu, nhưng nhờ sự dạy bảo của mẹ hiền, hắn đã hiểu rằng người đời cần phải có một nghề lương thiện, chứ bắt gà, bắt vịt, đào tường khoét vách như chú hắn là bậy lắm. Trong làng cũng có người muốn thuê hắn làm đầy tớ. Vì tuy còn nhỏ, hắn đã biết chịu khó làm việc, rất siêng năng, rất lanh lẹn. Nhưng hắn không ưng: đi ở mất cả tự do, phải luồn lụy hầu hạ "người ta", nhiều khi bị đòn oan, bị mắng nhiếc, chửi rủa một cách bất công. Vả lại, nếu bằng lòng đi làm tôi tớ người, thì túp lều của hắn sẽ bỏ không, và bàn thờ cha mẹ hắn sẽ nằm trong nhà hoang âm u, lạnh lẽo. Đó là điều mà hắn không muốn chút nào. Lúc sinh thời, mẹ hắn chuyên nghề đốn củi, hái sim và chà là [2] mà

1. Nghiện thuốc phiện.
2. Muồng.

nuôi sống được hai miệng ăn. Bây giờ, với cái nghề ấy, nếu hắn chăm chỉ, thì cũng không đến nỗi chết đói, cần gì phải đi ở cho nhục thân! Hắn nghĩ thế và làm thế. Và từ đó, ngày ngày hắn vào rừng, chặt những cành khô và thẳng, len lỏi giữa những đám cây to, khom lưng dưới chòm lá rợp. Hắn thường "cất lẻn" đi một mình để kiếm cho được nhiều củi tốt, không sợ "chết lạc" như những kẻ đồng tuổi, hoặc những người lớn hơn. Những lối mòn khuất khúc bò khắp rừng, đối với hắn quen thuộc như những đường làng. Trên những lối mòn ấy, đã bao phen hắn bôn ba sau gót mẹ già. Hắn cảm động lắm khi nhận ra những lùm cây rậm, đã nhiều lần che nắng cho mẹ con hắn trong lúc nghỉ trưa, hoặc những bờ suối mát, nơi mà mẹ hắn dọn cơm nắm cho hắn ăn dạo nọ.

Củi hắn gánh về dọc đường được nhiều người để ý. Thấy thằng bé mới bấy lớn mà đã cáng được hai bó củi khá to, chắc chắn và gọn gàng, những người sẵn chút hảo tâm trả hắn một giá đắt, nửa mua, nửa làm phúc.

Hắn sung sướng và dư dật nhất về mùa hè, mùa sim thâm bụng, mùa chà là đen vỏ. Những buổi sáng tưng bừng đầy tiếng chim kêu, ca tụng ánh sáng của mặt trời mới dậy, hắn quảy đôi thúng cũ của mẹ hắn để lại, thoăn thoắt tiến gót về phía rừng xanh, vừa đi vừa hát, vui vẻ như một con chào mào. Tới nơi, hắn chăm chỉ hái những quả sim chín rục, rũ những chùm chà là đen nhánh. Hắn chọn những quả thật béo, không cần nhiều, độ hai lưng thúng, mỗi đầu một thứ, là vừa sức gánh của hắn. Hắn không thích đem hàng đến chợ, chỉ ưa dạo quanh làng bán lẻ cho lũ trẻ, bạn yêu của hắn. Dưới rặng tre, bên bờ dâm bụt hắn lên giọng lanh lảnh rao: "Ai... mua chà là... à... à, ai mua sim ra mua". Nghe tiếng rao quen, trẻ con chơi ở điếm, ở ngõ ùa ra xúm quanh hắn, chìa tiền, ngả thân áo, hoặc xòe rộng hai tay. Thỉnh thoảng hắn lại hát một câu rất ngộ khiến những khách hàng tí hon cười bò ra.

Hắn hay hát lắm, và cũng vì thế, rất thích nghe hát, cho nên từ năm mười lăm tuổi, hắn đã bắt đầu mê hát hố.

Chị tôi dừng kể để xâu kim.

Tôi hỏi dồn: Hát hố thế nào chị?

Hát hố cũng giống hát ghẹo, hát phường vải ở ngoài ta. Những đêm trời đẹp, trăng trong, trai gái ở thôn quê thường hội nhau hát hố để tỏ tình tương thân, tương ái. Giữa sân đặt một cái cối gỗ loe

miệng và eo lưng, trông như một bát chiết yêu to lớn, trên bờ cối gác hai cái chày xinh xắn, trơn tru. Lòng cối đựng sẵn gạo đỏ mới sàng ra. Bên này, trên một cái ghế không chỗ dựa lưng, ngồi bốn năm ả gái quê, tóc xức dầu dừa, búi thành cục to nằm trên ót, cổ đeo kiềng thòa, mình bận áo dài thâm cài kín ngực, để hở hai bên hông hai gốc áo cánh trắng mới dương [1] nổi bật lên màu đen của chiếc quần bằng lãnh bóng hoặc bằng vải nhuộm bùn. Bốn năm chàng trai xếp hàng trên ghế bên kia, đầu bịt khăn mùi xoa sặc sỡ, hoặc để trần, chải mướt. Một ả tiến về phía cối mỉm cười nhìn bạn tình, ung dung giã gạo và lên tiếng hát chào. Anh chàng được cử ra đầu tiên thong thả lại cầm chày và hát đáp. Cuộc hát dần dần trở nên hoạt động, tình tứ và nhiều lúc gay go. Gặp câu hiểm hóc của đối phương, giã đến mười chày mà chưa trả lời được, thế là bị loại, phải nhường chỗ cho một bạn cùng phe. Rồi cuộc khác lại tiếp tục, hai cái chày lần lượt nhấc lên, hạ xuống theo một điệu, hai cái bóng chập chờn vờn nhau trên mặt đất. Dưới ánh trăng man mác, tiếng hát uyển chuyển ăn nhịp với tiếng chày thình thịch ngân lên trong êm dịu của đêm khuya, khiến người đi xem mê mẩn quên cả ngủ. Họ vây quanh sân, ngồi chật ngõ, và trong bọn, chẳng mấy buổi thiếu mặt anh Hai.

Hai Ngọ nghiện hát hố như chú hắn nghiện thuốc phiện. Hắn bắt đầu mê nghe hát lúc mười lăm tuổi, và tới năm mười chín, hắn nổi tiếng là một tay cự phách trong làng hố.

Giọng hắn trong trẻo, dồi dào, thoát ra từ bộ ngực nở nang, một cái miệng tươi tắn. Hắn lại biết đặt ra nhiều câu mới mẻ để phá một nước bí hoặc gây sự khó khăn cho bên kia. Bởi vậy, hắn được Mùi kiêng nể sau mấy đêm gặp gỡ ở sân bà xã Khanh.

Mùi là con gái của hương Thu, kém Ngọ một tuổi, ở xóm trại, đầu làng. Mùi ăn đứt chị em về nhan sắc với thân hình cân đối, khuôn mặt thon thon, cặp mắt lá răm đen nhánh và nước da hồng hào mà ánh nắng không làm rám nổi như ở nhiều gái quê. Hắn yêu Mùi vì sắc cũng có, nhưng phần lớn là vì tài. Tài ấy là tài hát hố mà hắn đã nhận thấy ở Mùi. Hai người thường vào "chung kết" với nhau, nghĩa là chỉ chọi nhau, khi các bạn của hai bên đã lần lượt bị loại hết. Họ sợ nhau, quý nhau, phục nhau rồi yêu nhau.

Đã mấy lần Mùi xui Ngọ "qua bên nhà đi nói". Tuy đó là ý muốn

1. Hồ lơ.

tha thiết của hắn, hắn vẫn còn do dự. Nhà hương Thu chẳng giàu chi, nhưng cũng có đến ba mẫu ruộng tốt, hai con trâu béo và một vườn cau rộng. Còn mình, – hắn buồn rầu nghĩ bụng, – thì tứ cố vô thân, mồ côi mồ cút, biết người ta có thèm để ý đến không mà đi nói cho thêm nhục. Vả lại mượn ai làm mai bây giờ? Chẳng lẽ lại đi nhờ chú... ồ xấu hổ chết đi...

Hôm ấy gặp ngày giỗ cha, hắn nghỉ việc rừng, ở nhà quét dọn nhà cửa, lau chùi bàn thờ rồi đi chợ. Hắn mua sáu tiền thịt heo nửa mỡ nửa nạc, một mớ giá, hai bó rau muống, một thẻ hương, một đinh vàng. Hắn không quên ghé vào tiệm lấy thêm be rượu, như theo thói quen, trong những ngày kỵ, bao giờ hắn cũng chuốc được cốc rượu để trước cúng cha, sau thết bạn. Bạn hắn là Chín Đồn, thường đi hái củi và hát hố với hắn. Hắn về đến ngõ, thấy Mùi trong lều bước ra đón. Hắn sửng sốt, há rộng miệng, chưa kịp hỏi đầu đuôi thì hai giọt nước mắt đã trào ra khỏi mí Mùi, lăn dài trên má thắm.

– Chuyện gì thế hở?

Mùi nghẹn ngào kể lể sự tình: một ông đội khố xanh người Thạch Trụ mới về hưu, nhà giàu, góa vợ, bắn tin hỏi con ông Hương. Ông Hương đã hiểu mối tình giữa Ngọ và Mùi, còn do dự vì ngày thường thấy hắn lanh lẹn, khỏe mạnh, chăm chỉ, hiền lành, cũng có lòng thương. Nhưng mụ Hương thì bằng lòng ngay, mừng rằng con mình sẽ lấy được người chồng có chức tước, có của cải.

– Em sang đây đã ba lần... chờ anh mãi... Nghe nói hôm nay ổng[1] vô đây... anh liệu đi... liệu gấp gấp đi... không thì khổ...

Trên con đường vắng trước lều, mấy chị bán cá nhô ra từ con đường hẻm. Mùi vội vã quay gót, để bạn một mình với bao nỗi lo âu trong dạ. Hắn tần ngần xách bị vào nhà, rút be rượu và hương vàng đặt lên bàn thờ, rồi lẳng lặng xuống bếp. Như vừa nghĩ ra được mưu kế gì, hắn gật đầu, lẩm bẩm: "Ừ, hãy làm thế này thử lòng xem đã. Họ nhận, ấy là xong việc, bằng không... sẽ hay". Hắn kéo miếng thịt ra, rửa qua một lần, khứa mấy lát sâu, bỏ vào nồi luộc. Đoạn hắn tới xó, vớt mớ nếp ngâm từ tối qua, soạn sửa hông xôi. Một điều lạ là hắn không nấu cơm, không dọn đồ mặn như mọi khi; giá và rau mua về định xào, hắn cũng bỏ quên trong bị. Hai giờ sau, hắn chít khăn, mặc áo chỉnh tề, đặt mâm xôi và miếng thịt chín

1. Ông ấy.

lên bàn thờ, châm hương, rót rượu, rồi sụp lạy. Hắn khấn nôm, vì không biết chữ, và khi khấn xong, đáng lẽ phải đứng dậy vái bốn vái, hắn gục mặt sát đất, lầm rầm thêm mấy câu: "Lạy cha, lạy mẹ, cha mẹ có linh thiêng thì... phù hộ cho con... phen này... Con khổ lắm... cha mẹ ơi!...". Hắn khóc.

Đốt xong vàng, hắn hạ mâm xuống, lấy cái đĩa lớn nhất trong sọt, đơm một đĩa xôi đầy, cắt một miếng thịt to, nhiều nạc, đặt lên trên, rửa qua mặt, khép cửa lại, bưng đi... Trời đã chạng vạng, trong nhà ông Hương đã thắp đèn. Hắn rón rén đi qua sân, chui vào bếp. Ở nhà trên vang lên một giọng là lạ, oang oang, át cả tiếng ông chủ.

– Khách đâu đó em?

Hắn đặt đĩa xôi xuống phản, hỏi Tâm, em Mùi.

– Ông đội Thạch Trụ. Người đâu mà trơ tráo đến thế. Mặt to bành bạnh, nói ầm ầm, râu mép vểnh lên như râu cá ngạnh.

– Chị đâu?

– Chị đang nằm trong buồng, khóc từ chiều đến chừ. À, mà xôi thịt đâu đó anh Hai?

– Đem qua biếu... cha em. Lát nữa em thưa với cha mẹ rằng... rằng...

Hắn đương ấp úng thì tiếng guốc của mụ Hương lẹp kẹp đi xuống. Hắn quay ra, vội vàng như con "lật đật", bước một mạch về nhà, tim đầy thất vọng và trán đầy mồ hôi. Hắn thắp đèn lên, nhìn thấy xôi thịt và be rượu, nảy ra một ý nghĩ: uống giải buồn. Hắn dốc be rượu vào mồm, nhăn mặt, nhắm mắt nuốt, khà lên một tiếng thật dài. Tợp đến hớp thứ ba, hắn thấy thằng Tâm bưng đĩa xôi của hắn bước vào.

– Mẹ bảo trả anh đây này!

Hắn trừng cặp mắt đỏ gay, nói bằng một giọng sặc mùi men:

– Vậy à? Mẹ bảo trả à! Thế cha thì sao?

– Cha không nói gì, im lặng.

– Thế cái thằng đội gì đó, về chưa?

– Ổng ở lại, mai mới về! Thôi chào anh.

Hắn gằn lên một tiếng cười rờn rợn, nhắc lại:

– Ổng ở lại, mai mới về, hơ hơ...

Đoạn hắn chòng chọc nhìn đĩa xôi, miếng thịt, như muốn kiếm ở đó một cái gì, rồi rung đùi đọc:

Đĩa xôi, ơi hỡi... đĩa xôi
Lại có miếng thịt... nạc ngồi ở trên...
Bưng qua, đem trả lại liền...
Không cha không mẹ có phiền không xôi!...

Hắn cúi sát xuống, hỏi ba bốn lần: "Có phiền không xôi, có phiền không hử xôi, hử xôi?". Hắn nốc cạn be rượu, cười sằng sặc, ngâm lại mấy câu vè, không để ý đến mấy chú bé ngấp nghé ngoài cửa nghe trộm. Và khi cái giọng lè nhè yếu dần, yếu dần để tắt hẳn, hắn gục đầu xuống, gập đôi người lại, ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Nửa đêm hôm ấy, trời bỗng nổi cơn gió to, rồi trút mưa xuống. Và sáng sau, người ta thấy xác Hai Ngọ nằm co quắp bên mâm xôi thịt.

*

*   *

Hắn chết đi để lại cho đời sau mấy câu lục bát ngộ nghĩnh. Khách qua đường nghe trẻ con đọc cái vè ấy không thể nín cười, tưởng rằng đó là một bài thơ trào phúng của một người vui tính đặt ra... để cười...

Tiểu thuyết thứ bảy, số 427,
ngày 31-7-1943.

ĐẬP ĐẤT [1]

(Truyện ngắn)

Mụ Mọc hết tang chồng năm ba mươi lăm tuổi. Chưa già, nhà nghèo và không có con trai, đáng lẽ mụ phải cải giá để kiếm chỗ nương thân về sau. Nhưng mụ cứ khăng khăng "ở vậy", cương quyết và từ chối tất cả những người mượn mối đưa tin. Không phải mụ đối với chồng xưa, tình nghĩa quá nặng, ra đi không dứt. Không phải mụ mơ màng tấm biển "Tiết hạnh khả phong" mà nhà vua sẽ ban thưởng lúc về già. Không phải thế. Mụ không bước đi bước nữa là vì mụ thương đứa con côi, con Mọc, bấy giờ mới lên năm tuổi. Hắn ít bà con thân thích, chỉ vẻn vẹn một người chú ruột nghèo xơ xác và một người cậu xa keo sẻn. Mụ cải giá, con mụ chỉ còn cách đi ăn mày! Chẳng lẽ lại đi nhờ chồng mới nuôi con cho mình! Ôi! Nhờ chồng! Nghĩ đến chuyện nhờ chồng, mụ đuốt đa cả người! Mụ đã điêu đứng khốn nạn vì chồng. Ông Mọc trước là cái gông nặng đeo vào cổ mụ. Ông chỉ biết đánh bạc, đánh... chén và... đánh vợ khi không nặc được tiền để "đánh" hai thứ trên. Là một người giàu lòng nhẫn nhục, giàu đức hy sinh, mụ cắn răng chịu đựng, nai lưng làm việc, dầm mưa dãi gió, một nắng hai sương để cung đốn đầy đủ cho cái máy cờ bạc, cho cái chum chứa rượu ấy, và để tránh những cơn mắng chửi lút mặt, những trận đòn vẹo lưng, cho đến ngày ông tắt thở. Ông chết giản dị và dễ dàng, ngộ gió sau một tối quá chén. Tuy có thương chồng yểu số, tuy có tủi mình góa bụa hiếm hoi, nhưng xong việc ma chay, mụ cũng thấy trong mình nhẹ nhõm như vừa cất được gánh nặng. Và từ đó, không màng chắp lại mối tơ, mụ ở lại thờ chồng, nuôi con cho mãn kiếp. Mụ lên rừng kiếm củi, hái sim. Mụ xuống biển mò cua, bắt ốc. Mụ cấy thuê, cuốc mướn quanh quẩn trong xóm tùy thời tiết, tùy thời vụ. Người mụ thấp và nhỏ, nhưng da mụ đen và săn, bắp thịt nở và chắc. Tính mụ cẩn thận và siêng năng, nên công việc mụ làm gấp bốn lần kẻ khác. Mụ thường làm mướn cho mẹ tôi, vì mụ là em họ bà ngoại tôi, đối với mụ mẹ tôi còn có chút tình dì cháu. Mẹ tôi thương mụ và coi mụ như người

1. Xông đất ngày Tết.

nhà. Ngoài tiền công, thỉnh thoảng lại giúp đỡ thêm khi ốm đau, giỗ tết.

Buổi sáng, mụ dậy thật sớm, nấu cơm, nấu cám. Sau bữa cơm khoai, khi con và lợn đã no nê rồi, mụ cắp nón ra đi, dặn Mọc giữ nhà cho cẩn thận, trưa đói thì lấy cục cơm to giấu ở đáy nồi ra mà ăn với vừng hoặc cà. Những hôm mụ làm ở nhà tôi, hắn qua bên này ăn với mẹ, có cá trích, cá thèn, hoặc mắm đốm, không phải nhai cơm nguội cứng ngắc và khó tiêu. Bởi vậy mụ Mọc thích đi cuốc, đi cấy cho mẹ tôi lắm.

Thuở ấy tôi lên bảy, mới bắt đầu đi học trường làng. Tôi rất quyến luyến mụ Mọc, và những ngày nghỉ, qua nhà mụ chơi, tôi thường được mụ cho ăn sim và ổi luôn. Sim, mụ hái ở rừng; ổi, mụ bứt ở cây trước ngõ. Mụ có ở trước ngõ một gốc ổi cơm nặng trĩu những trái vàng về mùa hè. Mụ dặn nhỏ tôi: "Giấu đi, đừng cho mẹ biết nha". Mẹ tôi đã nhiều lần rầy mụ về cái tội hiến tôi những của độc ấy: "Mụ chỉ làm hại cháu, hắn đau bụng bỏ cơm, sinh nhọt đầy đầu cũng tại mụ".

Mụ cưng tôi lắm, cưng tôi hơn mẹ tôi nhiều. Đi cấy về, mụ cho tôi những con dam kềnh, [1] mu tím lóng lánh, mắt dài giơ lên khép xuống như lưỡi dao nhíp. Mụ lấy chạc cột vào càng và tôi dắt "bò" đi gặm cỏ cùng vườn. Đi củi về mụ cho tôi những con bọ quýt to bằng ngón tay út. Mụ dùng kim xâu một lỗ ở cánh cứng và xanh biếc, xỏ vào một sợi móc, thế là tôi đã có một cái chong chóng tuyệt đẹp quay vù vù quanh dây căng thẳng, lúng liếng sắc da trời.

Chao ôi! Nói làm sao hết kỷ niệm thời thơ ấu, thời trí nhớ còn tươi, ghi chép được tất cả các điều mắt thấy tai nghe với tất cả các chi tiết nhỏ.

Một buổi trưa, đang cắm cúi viết tập ở nhà trên, tôi nghe thấy mụ bô bô khoe với mẹ tôi rằng:

– Ả Đồ nì, [2] thằng Kính rứa mà "may" đáo để. Khi mai, ra đồng gặp hắn, đi khỏi xóm một đoạn, được ngay hào ván! Hơ hơ! Đây nì!

Tôi bỏ bút chạy ra:

– Mô mồ, mô mồ?

---

1. *Dam*: cua đồng; *dam kềnh*: cua đồng to.

2. *Nì*: này.

Tôi cầm đồng hào, dằn trên sân gạch kêu cheng lên, rồi trả mụ:

– Mụ cất đi mà mua gạo, khéo không lại mất thì uổng lắm.

– Ừ, rồi mụ bớt ra mua cho cháu con gà đất. Cháu "may" lắm, tết ni đến "đập đất,[1] cho mụ nha[2]!

Và mùng một Tết năm sau, tôi đến đập đất ở nhà mụ thật.

Mụ Mọc chẳng giàu có chi, nhưng mỗi khi xuân về, mụ cũng mua thịt giã giò, kho đông, làm bánh sung, gói bánh chưng, bánh tét. Mụ nói: "Tết đến, người ta ăn uống linh đình, mà con mình phải nhai cơm khoai như những ngày thường, tủi lắm. Chẳng tốn kém là mấy, làm ra trước cúng chồng, sau con ăn, mất đi mô mà sợ!".

Mỗi năm mụ gói một cặp bánh chưng, một đòn bánh tét, gửi nấu chung vào thùng bánh của nhà tôi cho đỡ củi, rồi tối ba mươi, trước giao thừa, qua xách về nhà. Nhưng năm ấy, nhận ra rằng tôi "may vía" lắm, mụ định nhờ tôi sáng mùng một xách tới đập đất cho mụ. Mẹ tôi không chịu, sợ rằng quanh năm lỡ xảy ra chuyện rủi ro, mang tiếng. Nhưng mụ năn nỉ mãi, và sau cùng, nể lời dì, mẹ tôi phải ưng thuận. Mụ hớn hở dắt tôi ra sân, cúi xuống, ghé tai tôi thì thầm: "Mai cháu xin phép mệ đến thật sớm, mụ cho cam, cho bánh, cho tiền, nhiều lắm, nhiều lắm. Nhớ đến cho sớm nha!". Tôi sướng ran cả người. Tôi cũng được đi đập đất ư? Đi đập đất như người lớn ư? Ồ, oai quá!

Sáng mùng một, tôi dậy khi lờ mờ, mặc quần áo mới vào, chúc tết thầy mẹ tôi và đòi đi ngay.

Mẹ tôi ôn tồn bảo: "Ở nhà cúng xong, ăn cỗ đã rồi đi, con ạ".

– Không, con đi rồi về liền, không dám ở lâu. À, mẹ cho con bánh pháo qua đốt bên nớ cho thêm may.

Thầy tôi cau mày: "Mi mà đốt được pháo à?"

Sợ ông quá nóng thốt ra những lời không đáng nói, mẹ tôi nhanh nhảu:

– Con không biết đốt pháo mô. Thôi muốn đi thì cho đi ngay, mau lên mà về.

Tôi nũng nịu: "Không, không, cho con bánh pháo, con biết đốt, con đốt cừ lắm!". Tôi nói dối, tôi chỉ mới được xem anh tôi đốt thôi, nhưng nghĩ rằng giá được tự mình châm lửa, tự mình giơ tràng pháo

1. Xông đất.

2. Nhé.

thì thú lắm. Tôi khao khát cái thú ấy đã lâu, và nay có cơ hội, cố bám lấy. Tôi nằng nặc đòi cho kỳ được, và thấy tôi gần khóc, thầy tôi trừng mắt, toan nạt, mẹ tôi vội vàng bảo anh tôi lấy pháo cho tôi. Anh đưa tôi một chuỗi pháo ngắn tun ngủn, dứt ở tràng dài ra, chỉ bảo cẩn thận cách đốt. Tôi không thèm nghe hết, bỏ pháo vào túi, rồi tay xách bánh tét, tay xách bánh chưng ra đi, vênh váo như một ông tướng. Mẹ tôi hỏi với:

– À mà có nhớ phải chúc mụ ra răng nữa không, con?

– Nhớ rồi, hỏi mãi.

Tôi không ngoái cổ lại, hăm hở tiến bước, sau câu trả lời hơi gắt ấy.

Mụ Mọc chờ ở sân, thấy bóng tôi đằng xa, quay vào nhà, và khi tôi tới ngạch cửa, mụ ở buồng đồ ra, tíu tít:

– Hờ hờ, cháu tui đã đến, cháu tui đưa của đến cho tui đây rồi.

Mụ đỡ bánh, kính cẩn đặt lên bàn thờ, chỉ cái giường tre trải chiếu mới, bảo tôi ngồi, lanh lẹn vào trong bưng ra một đĩa cam cắt dọc và một đĩa bánh sung dọn sẵn đã lâu.

– Khoan, mụ cho cháu cây đóm, cháu đốt pháo đã.

– Mụ không có pháo, thôi...

– Không, pháo của cháu đưa đến đốt cầu may cho mụ.

Vừa nói, tôi vừa vạch túi lấy chuỗi pháo ra. Mụ Mọc trố mắt nhìn: "Thật hề!" Rồi chạy xuống bếp lấy lửa.

Tôi khệnh khạng ra sân, tay phải cầm pháo, tay trái rung rung châm lửa vào ngòi. Xì-i-ì, đạch, đùng! Tôi hết vía, hoảng hốt vứt pháo về phía thềm; những cây pháo nằm trên đất trần nổ liên thanh, văng tung tóe. Con lợn trong chuồng hộc lên, kiếm chỗ trốn. Mọc rúc vào xó, hai tay bịt tai, và mụ, mặt tái mét, đứng ngây trước cửa nhìn lợn, nhìn mái nhà tranh, không biết nên la làng hay chạy ra đằng sau múc gáo nước đổ lên tràng pháo.

Nhưng trong vài giây, pháo nổ hết, im bặt. Xác đỏ nằm tản mát trên sân. Khói biếc tan mau trước làn gió nhẹ. Theo khói biếc, sự kinh hãi của mụ Mọc cũng tan liền, để lại một nụ cười mừng trên cặp môi còn tái. Tôi hết sợ, cũng vỗ tay, vui vẻ reo:

– Ha ha, sướng quá, sướng quá mụ hè.

– Ừ. Thôi bây giờ thì mời ông khách vô ăn "đồ ngọt". Mọc ra đây con, tắt pháo rồi. Ra chơi với anh, con!

Và trong khi mụ trở xuống bếp lục đục dọn dẹp, tôi ngồi ăn bánh sung và cam, vừa ăn vừa cười con Mọc nhát gan như cáy. Ồ, sao cam của mụ tôi ngọt đến thế! Và bánh sung của mụ tôi sao mà phồng, mà giòn thế này! Có phải mụ khéo tay hơn mẹ tôi không? Hay vì quá sung sướng mà tôi tưởng lầm?

Cam và bánh gần hết trong đĩa, mụ Mọc bưng một mâm nặng đặt lên bàn thờ, bảo tôi:

– Cháu ở đây, cúng ông xong rồi ăn cỗ nha!

– Không, không, cháu về đây, mẹ cháu nhủ phải về ngay.

Tôi lật đật đứng dậy. Mụ biết tôi giữ không được, móc bọc lấy ra một quan tiền buộc chặt đưa cho tôi: "Cháu không chịu ở thì cháu về. Đây, năm mới mụ mừng tuổi cháu một trăm, chúc cháu học hành mau giỏi, thi đỗ làm quan, cho mụ nhờ ví".

Tôi sực nhớ tới bài "Chúc từ" đã học thuộc từ tối qua, tôi khoanh tay, đọc một hơi trước mặt mụ:

– Năm mới, cháu chúc mụ sống lâu, mạnh khỏe, mần ăn phát tài, nuôi lợn chóng lớn.

Mụ Mọc lắng tai, chú ý nghe, và khi tôi chúc xong, mặt mụ nở nang, mũi mụ phập phồng, mụ ngồi bệt xuống đất, một tay ôm ngang lưng tôi, một tay ôm ngang lưng Mọc, nhìn hết cháu đến con, chớp mắt lia lịa, và ô hay, hai giọt lệ tràn ra, từ từ lăn trên má mụ.

– Răng rứa, [1] răng rứa, răng mà mụ khóc, mụ buồn à?

Mụ mỉm cười: "Không, không, mụ không buồn, mụ sung sướng, mụ... tủi".

*

*   *

Năm mười lăm tuổi, tôi lên tỉnh học, nhường công việc đập đất ở nhà mụ Mọc cho em út tôi. Và mấy năm gần đây, bận đi làm xa, tôi không được về nhà luôn mấy tết. Mỗi lần "xuân sang trên ngọn cây đào", tôi bùi ngùi nhớ tới quê hương, tới cha mẹ, anh em, có lẽ đang nhắc tên tôi ở một phương trời xa thẳm, và từ gia đình tôi, tôi nhớ đến gia đình mụ Mọc. Ôi! Gia đình mụ Mọc, một mẹ, một con hun

---

1. Sao thế.

hút sống cùng nhau trong cảnh nghèo nàn, trong căn nhà lụp xụp, chắc mụ đã già yếu lắm, nhưng có lẽ thanh nhàn hơn xưa! Mọc đã lớn, đã làm lụng nuôi được mụ, và nếu có chồng, hẳn họ đã rước mụ về phụng dưỡng rồi! Ý nghĩ sau khiến tôi bớt áy náy.

Tết này, rảnh công việc được mấy ngày, tôi có dịp về thăm quê. Tôi về nhà buổi tối ba mươi; thầy mẹ tôi vẫn mạnh, tuy có già đi nhiều, anh chị tôi đã được ba cháu và vẫn ở lại hầu thầy mẹ; lòng tôi hoan hỉ quá chừng. Ngồi cạnh mẹ tôi, bên nồi bánh chưng sôi sành sạch sắp chín, tôi nhắc lại chuyện đi đập đất ở nhà mụ Mọc ngày trước và hỏi tin tức của mụ.

Mẹ tôi thở dài:

– Mấy năm ni, mụ khổ sở lắm, yếu đau luôn, mần không đủ ăn, đủ mặc.

– Rứa Mọc?

– Hừ, Mọc! Mọc bây giờ là mụ hương Hạc rồi đó. Hắn lấy hương Hạc, nhà khá, nhưng tệ lắm. Đừng nói chi thằng chồng, đến con vợ cũng rứa, bội bạc không kể xiết. Nuôi hắn từ nhỏ đến giờ, và đến giờ, khi đau ốm đứt bữa lỡ nồi, hắn không đoái hoài, không thí cho một chữ tiền, một bát gạo. Năm ngoái mụ túng quá, phải xách thúng lên nhà hắn định vay ít khoai, hắn nguýt ngang, dằn hắt: "Vay với mượn, mần lấy mà ăn, dà ồi [1]! Không biết khó coi!". Mụ gạt nước mắt ra về, thề không thèm bén mảng tới ngõ nhà hắn nữa. Nhưng rằm tháng chạp năm ni, mụ lại phải mò lên con. Rõ khổ!

– Lại ốm à, lại phải đi vay hắn à?

– Không, vàng của hắn bây giờ mụ cũng không thèm vay nữa là...! Nhưng, khổ quá, vì thương con mà phải lên. Nghe nói hắn đau đẻ đã một ngày, mụ quên cả giận, chạy tới, đấm bóp, nâng đỡ suốt một đêm. Sáng bữa sau, đứa cháu sổ ra, mụ tắm rửa cẩn thận, hôn hít hồi lâu mới về nhà. Về nhà thì ôi thôi! Con lợn sắp bán nhốt ở chuồng biến đâu mất, cửa bị bẻ khóa, thóc gạo, quần áo mất sạch. Mụ khóc lóc, van vỉ, đi lễ đền, lễ võ thánh cũng bằng thừa. Mụ ngơ ngẩn như bị ma lấy hồn, rồi văng ốm ra.

– Rứa vợ chồng hương Hạc có giúp đỡ cho ít nhiều không?

– Đừng nói tới vợ chồng hắn mần chi. Đã không giúp đỡ, chúng

1. Tiếng địa phương có nghĩa là: thôi thôi, xin chịu.

còn nhắn gửi: "Ai mượn lên tâng công, mất chừng nớ, chứ hắn khiêng nhà đi rồi cũng bắt người ta đền à?".

– Ồ, rứa thì quá quắt thật. Rứa mụ lấy chi mà ăn trong khi đau ốm?

– Nghĩ tình dì cháu, mẹ cho tiền, cho gạo, rước thầy thuốc về trông nom, dỗ dành, an ủi, chăm sóc trong mươi ngày, rày đã dậy đi ra đi vô rồi, nhưng còn yếu chưa mần được chi. Tết ni, mụ không cúng quẩy chi cả. Mẹ định trưa nay bưng đến cho mụ một mâm, vài quả cam và chiếc bánh.

Rứa thì đến sáng mai con đem bánh và cam tới sớm đập đất cho mụ nốt thể.

Tôi tưởng tôi là đứa bé lên tám, xúng xính trong bộ quần áo mới, xách bánh tới nhà mụ Mọc trong buổi mai đầu xuân. Cũng như xưa, tôi rảo bước trên con đường ngòng ngoèo trong xóm với hai bên, những hàng rào dâm bụt thấp và những cây ruối cao lấm tấm lá non xanh. Tôi không khỏi cảm động khi đặt chân lên lối ngõ hẹp, đi dưới bóng cây ổi cơm mà lúc nhỏ tôi thích trèo. Ngõ kém phần sạch sẽ, cỏ non lan tận lối mòn. Mái nhà rạ xám xịt đã sụp xuống nhiều chỗ. Những bức vách xiên, nhiều chỗ phô bộ cốt tre tiều tụy. Chuồng lợn bỏ trống, buồn tẻ như một túp lều hoang.

Tôi đẩy cửa liếp bước vào. Nhà trong lạnh ngắt. Bàn thờ không một cây hương! Ánh sáng lọt qua các lỗ thủng ở mái, ở vách, chiếu lên chiếc giường tre cũ rích, trên giường, một cặp chân gân guốc thò ra khỏi chiếc chiếu ngắn. Người nằm đó trở mình, ngóc lên một cái đầu rối, tóc bạc chen tóc đen, và một bộ mặt hốc hác, nước da xanh rờn.

– Ai đó?

– Tui đây, tui đến đập đất nhà mụ đây.

Mụ Mọc uể oải đứng dậy, mở rộng cửa trước, nhìn tôi, ngơ ngác một hồi, rồi kêu lên:

– Trời! Có phải ông Giáo không đó?

Mụ búi vội búi tóc, xếp vội chiếc chiếu. Tôi thong thả trả lời:

– Không có ông Giáo mô cả. Tui đây, tui là cháu mụ, là thằng Kính đây. Mụ quên thằng Kính của mụ rồi răng?

Mụ ngó tôi không nháy mắt, và khi đã chắc rằng mình không nằm mộng, mụ hé một nụ cười vàng trên cặp môi xanh:

– Mụ quên răng được! Ông đi mô mà mấy tết ni không về, không đến đập đất nhà mụ? À mà bánh mô đây, cam mô đây!

– Bánh và cam đưa đến mừng tuổi mụ đó! Năm mới chúc mụ sống lâu, mạnh khỏe, mần ăn phát tài, nuôi lợn chóng lớn.

Ngồi búi tóc trên nền nhà, nghe lời chúc quen tai, mụ ngước trông lên như để trông thấy một vật gì xa xôi quá, và sau một lát im lặng, mắt mụ mờ lệ; mụ phập phạo nói:

– Ừ, thuở nớ, ông còn thấp như ri nì, ông mặc áo sa hoa, quần tây cống, đi giầy láng. Ông cũng chúc mụ rứa đó. Nhưng ông ạ, mấy năm ni, ông đi vắng, mụ sa sút nhiều quá, hết nạn ni, đến nạn khác. Bây giờ thì thiệt khánh kiệt, tiền mô mà mua lợn để nuôi chóng lớn nữa ông?

Mụ thở dài một hơi não nuột, gục đầu xuống gối, khóc thút thít.

– Thôi mụ đừng khóc nữa, buồn bã vô ích. Năm ni tôi về đập đất nhà mụ, mụ sẽ bạo mạnh, phát tài hơn xưa.

Mụ ngẩng đầu lên, lấy giải yếm lau sạch nước mắt, nét mặt tươi lên, giọng nói ấm thêm: "Ừ, phải, ông đập đất thì may thật, có lẽ nhờ vía ông, nhờ Trời Phật, từ giờ mụ bớt khổ".

– Mà Trời Phật không phụ mô, mụ ạ. Thôi mụ vui lên, cứ tin ở Trời Phật, cứ tin ở lòng thành của mụ và mọi sự may mắn trên đời. Và đây, gọi là của ít lòng nhiều, xin giúp mụ để mụ mua lợn mà nuôi.

Mụ cầm mấy tờ bạc. Mười ngón tay run bắn lên, mắt mở rộng, miệng cứng không thốt nên lời.

– Mụ cầm lấy mà tiêu. Tôi mừng tuổi mụ đó. Thôi chào mụ, sang năm tôi lại về, lại đến đây đập đất, đem lại đây sự may mắn cho đời mụ.

Rồi tôi đứng dậy, bước ra về.

Báo *Trung Bắc chủ nhật*,
số Tết Giáp Thân, ngày 23-1-1944.

SẮM MÃ

(Truyện ngắn)

Ả Cu Thỉu giật mình, mở bật mắt ra. Đêm đã khuya, tứ bề tối mịt. Mưa thu lai rai rơi trên mái rạ. Vừa lạnh, vừa sợ, ả ôm chầm lấy con, và kéo vội chiếc chiếu rách đắp trùm kín mặt. Ả vốn là người mê ngủ, ít tư lự. Thế mà mấy hôm nay ả đâm ra lo nghĩ vẩn vơ, và đêm nào cũng chiêm bao liên miên. Hễ nhắm mắt thiu thiu được một chốc là thấy anh ấy hiện về đòi quần áo.

Hằng năm, vào thượng tuần tháng bảy, dân làng đốt mã cho những người thân thích mới chết, chưa đoạn tang. Năm nay tuy giấy khan và đắt, họ vẫn không bỏ được tục xưa, vẫn nghĩ tới những hồn ma rét mướt khi khí lạnh tràn về với mưa thu rười rượi, gió thu hắt hiu. "Cõi dương còn thế nữa là cõi âm". Và chiều chiều, từ những nóc nhà tranh bạc phếch, hoặc những mái nhà ngói xám xì, tiếng khóc mã nổi lên, tỏa ra, như muốn mang nỗi buồn ở những gia đình tang tóc hòa đều trong bầu không khí âm u.

Mỗi lần nghe thấy tiếng khóc mã, ả Cu Thỉu xốn xáo ruột gan, bủn rủn chân tay, chỉ muốn chui đầu vào xó nhà mà khóc cho vơi nỗi khổ. Ả xót xa nghĩ tới chồng, tới số phận. Ả lấy được anh Thỉu, ai cũng cho là tốt phúc, ả nghèo nàn mồ côi từ thuở nhỏ, anh em thân thích ít và cũng cùng bần cả. Thỉu tuy không giàu có, không cha mẹ, nhưng hắn khỏe mạnh, hiền lành, siêng năng, ghét rượu chè cờ bạc. Gửi thân cho một người có ngần ấy đức tính, ả chắc rằng sẽ bớt cực khổ, bớt cô đơn. Vợ chồng làm lụng nuôi nhau, chồng hái củi, đốt than, vợ cấy thuê, cuốc mướn, tối lại hội họp bên mâm cơm cà, kể cho nhau nghe những chuyện không đâu. Đứa con trai đầu lòng ra đời, đem lại cho họ một nguồn ánh sáng mới. Tuy thêm miệng ăn, thêm món tiêu, mà họ không sa vào cảnh quẫn bách, họ sung sướng thêm lên thì có, sung sướng thấy thằng cu mỗi ngày một lớn, càng lớn càng kháu, càng ham chơi. Và họ quên mệt nhọc, siêng năng hơn trước.

Nhưng ở đời, hạnh phúc ít khi bền bỉ, và giữa những ngày vui, tai nạn thường đột ngột xẩy ra: Tháng chín năm ngoái, một hôm Thỉu gánh củi về đầu làng, khấp khểnh mừng thầm gần được hôn lại đứa con "dễ ghét", ngắm lại cái bụng vợ vác ngược lên!

– Anh Cu đã biết chi chưa?

Mụ Hoét đứng ở sân hỏi với ra và tiếp: Khi trưa, ả nớ đi nước vấp phải hòn đá, bổ [1] đánh oạch, nằm mê đi, đứa con "sảo" [2] mất, nhưng mệ hắn đã tỉnh, đã được khiêng về nhà rồi.

Từ đó, ả Cu ốm liệt giường chiếu, suýt chết ba bốn lần và anh Cu phải bỏ cả công việc ở nhà lo thuốc thang cho vợ. Những chum gạo, chum khoai đong trữ, chờ ngày "nằm nơi", [3] cạn dần. Những quan tiền trói tròn buộc chặt, cất trong góc sập ô, lần lượt bị lôi ra để chui vào rương ông Thủ Tín, thầy cúng, ông Câu Phiếu, thầy lang.

Hai tháng sau, nhờ sự chăm nom chu đáo của chồng, ả Cu Thỉu hết bệnh, chỉ cần vài chén thuốc bổ nữa là lành mạnh, nhưng anh Cu thì "khược" hẳn đi, hốc hác và xanh xao vì thức đêm nhiều lo lắng lắm. Buổi chiều hôm ấy, đi cân thuốc ở Giát về, anh mệt lử, vật mình lên chõng nằm: bỏ bữa cơm tối, và sáng hôm sau, khi ả Cu tới giật mạnh chiếu lên, thì anh đã chết cứng từ lâu. Thật là vô lý, thật là bất ngờ. Nào ai có ngờ rằng người ốm thập tử nhất sinh mấy tháng nay phải chôn cất người đã cấp dưỡng cho mình!

Sau đám ma chồng, gia tài khánh kiệt, ả Cu Thỉu phải gượng dậy làm việc không ngừng tay, để trả vài món nợ vặt, và để nuôi con, nuôi thân cho đến ngày nay.

Ngày nay, thu tới, hàng xóm đốt mã rôm rả, đốt mã từ ngày mùng một, chồng con họ, anh em họ, cha mẹ họ đã được ấm áp từ lâu, mà chồng ả thì đêm nào cũng hiện về đòi quần áo. Ả đã đi vay khắp cửa, hết nhà khá đến nhà giàu, và ở đâu họ cũng kiếm được cớ để từ chối. Mà hình như trời cũng hùa bè với người để làm khổ ả. Giá trời nắng ráo, ả có thể đi cuốc cỏ thuê, hoặc vào rừng hái củi, bớt ăn uống, góp nhặt trong năm sáu ngày thì cũng đủ số tiền sắm mã đó. Nhưng khốn khổ, mưa cứ lai rai rơi, và ả vẫn phải bó gối ở nhà, nghe tiếng khóc mã văng vẳng bên tai, xốn xáo cả ruột gan, ngán ngao cho số phận.

Đêm nay anh ấy lại hiện về, tiều tụy hơn trước, anh mặc bộ quần áo nâu rách toe như tàu chuối sau trận bão lớn – bộ quần áo cũ liệm xuống độ tháng mười một năm ngoái, cặp mắt sụt xuống, xương ngực vồng lên, bánh chè nhô cao dưới làn da gối mỏng. Hình dung anh, ả

---

1. *Bổ*: ngã.
2. *Sảo*: sẩy.
3. *Nằm nơi*: sinh đẻ.

thấy rõ ràng lắm, và ả nghe rõ ràng lắm những lời trách móc của chồng: "Hừ hừ! Rét lắm, chịu không thấu nữa. Mồng chín, mồng mười rồi, còn chờ chi nữa, chờ đến rằm đốt một khi với bọn cô hồn à?".

Tỉnh mộng, ả ôm ghì lấy con cho đỡ lạnh, và đỡ sợ. Dưới chiếc chiếu rách trùm hết đầu, ả đào óc tìm cách kiếm tiền. Ả duyệt qua trí nhớ những vật dụng trong nhà khi nghĩ tới cái cuốc và cái rựa, ả dừng lại. Ấy là hai "đồ dùng chạy gạo", hai cánh tay của ả. Mấy hôm nay, ả cũng có ý định bán "chúng" đi, nhưng còn tiếc, còn do dự, hy vọng sẽ vay được, hoặc trời sẽ nắng ráo. Hy vọng ấy đã tan, mà chồng thì gần chết rét, ả không phân vân nữa và, như nói với người ngồi bên cạnh, ả khấn: "Bố Cu đừng lo, mai tui bán cuốc, bán rựa, lấy tiền mua mã cho. Bố Cu có linh thiêng thì phù hộ cho tui làm ăn khấm khá, phù hộ cho con bạo mạnh luôn luôn". Dứt lời ả thấy lòng mình nhẹ nhõm, và ngủ một giấc tới sáng.

*

* *

Ả Cu Thỉu đứng dậy, buộc chặt ba đồng bạc vào dây yếm, thắt ngoe ra đằng sau, dưới áo dài, đội nón mê lên đầu cắp mủng vào nách, chào bác thợ rèn, ra đi. Ả hơi tiếc đã phải bán rẻ mất bốn năm hào, nhưng lại nghĩ: "Rứa cũng đã là may rồi, mình cần họ, chớ họ có cần mình mô?" Trên con đường nhựa nằm dài dưới lớp mưa thu, ả thoăn thoắt tiến bước, vừa đi vừa tính nhẩm: "Thịt, cá, rau, giá, rượu cho đi một đồng, mã một đồng, còn một đồng để dành đong khoai".

Tới chợ, ả lách qua đám đông, rẽ về dãy hàng thịt, chỉ một miếng hỏi giá. Bác lái cầm một dùi sắc nhọn, thích mạnh vào miếng thịt, giơ cao lên, ném đánh bẹt một cái xuống bàn gỗ: "Hai đồng". Ả ghê cả người, không dám mặc cả, vì lâu nay không mua thịt, sợ hớ. Ả làm lơ, trỏ một miếng to vừa bằng bàn tay, làu nhàu những da.

– Một đồng!

Ả cúi xuống cầm miếng thịt nắn bóp, nhấc lên nhấc xuống xít xa:

– Nói thách vừa vừa chứ bác, hai hào đó.

Bác hàng thịt trề môi:

– Miếng thịt to như ri[1] mà trả được hai hào. Ý hẳn ả mới ở Mường xuống chắc!

Những người xung quanh cười ồ, ả Cu bẽn lẽn đi sang hàng khác và bấm bụng mua bảy hào thịt. Bảy hào thịt và chín hào vừa giá, rau, nếp gạo, rượu là đi một đồng sáu. Với đồng tư còn lại, ả đi lần xuống hàng mã. Những bộ áo màu đỏ, màu tím, màu xanh đơm cúc vàng, những cái chăn lòe loẹt, lóng lánh mặt gương và kim tuyến, nằm dưới lều tranh, bên cạnh những điếu, tráp, mão khăn, nón chóp, nón thượng quai thao.

Ả Cu chưa dám vào hàng nào, đứng sau lưng những người mua, nghe ngóng.

– Bộ ni xin bà bảy đồng.

– Năm đồng có được không?

– Bà tính giấy đắt như vàng, làm được bộ mã tiền vốn đã mất sáu đồng rưỡi, chỉ ăn công có năm hào.

– Bộ ni thì tính rẻ bà mười hai đồng. Toàn đồ tầu cả, chăn tầu, ấm chén, bát đĩa, mâm, nồi, kho vàng, kho bạc, đều theo kiểu tầu hết.

Ả Cu nhân nhịp đánh bạo hỏi:

– Đồ Tầu thì đắt rứa, còn đồ Nam thì răng?[2]

Anh bán mã ngoẻo cổ, nhìn qua cặp kính nghiêng nghiêng:

– Đàn ông hay đàn bà?

– Đàn ông.

– Có áo mạo Vũ Lâm không?

– Có chớ!

– Áo mạo Vũ Lâm, áo quần, chăn, gối, nón, mâm, bát, đĩa, ba đồng.

Ả ngần ngừ suy nghĩ, loại bớt những đồ không cần thiết ra:

– Bớt gối, mâm, bát, đĩa, thì mấy?

– Thì hai đồng.

– Một đồng đó.

---

1. *Như ri*: như thế này.

2. *Thì răng*: thì sao.

Anh hàng mã cười mũi, không trả lời. Mặc cả đến đồng tư và,thấy hắn vẫn khinh khỉnh chưa chịu bán, ả mở nút dây thắt lưng năn nỉ:

– Ông làm phúc, tui chỉ còn có từng ni mà thôi, ông thương người nghèo với.

Biết không thể rán được nữa, hắn lên giọng nhân nghĩa bảo:

– Thấy chị nghèo nàn, tôi bán rẻ cho đó. Người khác thiếu một xu đầy hai đồng cũng không để.

Ả mừng rỡ xếp mã vào mủng, cẩn thận úp nón lên cho nước mưa khỏi lọt vào, rồi ung dung ra về. Tới nhà, đã xế trưa, trời đã hửng nắng, thằng cu chơi ở ngõ dồ ra đón, rồi lại lon ton theo mẹ vào. Ả đặt mủng lên phản, cất mã lên bàn thờ. Cu tò mò lục mủng, xách miếng thịt lên. Hắn đã được ăn thịt một lần, hôm đưa đám bố hắn, hắn reo: “Hà hà, dịt dịt, mệ mua dịt em ăn, ngon, ngon!”

– Hừ, bỏ ra, đừng nói dại, có tội, để mệ nấu cúng bố rồi mới được ăn.

– Hà hà, cúng bố rồi ăn!

– Hãy đi nhởi! [1] đi, chiều về.

Cu ngoan ngoãn ra ngõ, kiễng chân hái lá mò ó làm kèn. Hắn quấn tròn lá lại, khẽ bóp bẹp một đầu rồi đút vào miệng, thổi o, o, o... Hắn chưa đầy năm tuổi nhưng dễ bảo, ít khóc, ít ươn. Ngày thường, khi mẹ đi làm vắng, hắn chơi một mình trước sân, hoặc rắp bạn với con Hoe, thằng Hoác. Đói, đã có cục cơm mẹ giấu trong hũ khoai, vừa tầm tay hắn. Khát, đã có vại nước đặt ở chái bên. Buồn ngủ, hắn lăn xuống nền nhà ngáy một mạch rồi lại dậy đi chơi. Mùi thịt kho thơm tho từ bếp bay ra ngõ chui vào mũi thằng Cu. Cu khịt mũi mấy cái, ném cái kèn ở tay, chạy vào nhà, mon men lại gần mẹ: “Mệ... mệ... ứ... ứ...”

– Ử ử cái chi?

– Mệ, mệ, dịt, dịt, thèm ăn... Mẹ hắn trừng mắt: “Hừ! Tầm bậy, đã nhủ ra nhởi đã. Có ra không? Ra, ra ngay!” Ả rút que củi, giơ lên dọa. Cu sợ hãi, chạy một mạch lên nhà thằng Hoác chơi cho khuây. Khi hắn trở về thì mẹ hắn đã dọn xong cỗ, trải mã trên bàn thờ và bên chái cạnh, trên cái đẳng, áo mạo ông Vũ Lâm nằm bên cút rượu,

---

1. *Đi nhởi:* đi chơi.

đĩa xôi và miếng thịt luộc nhỏ. Hắn chực lại cời ăn, nhưng ông Thủ Tín đã tới, khiến hắn sợ quá, thụt lại. Ông Thủ đội cái khăn sờn vành, mặc cái áo thâm bạc phếch, cái quần trắng màu tro vá hai miếng to ở đầu gối. Ông làm thầy cúng đã hai mươi năm nay và ăn của hàng xóm không biết cơ man nào là xôi thịt. Ông được cái tính lạ, không kiêu kỳ, không kể giàu nghèo, sang hèn. Bởi vậy, ả Cu vừa tới mời là ông soạn sửa đi ngay.

– Xong cả rồi à? Hừ! Ả Cu đàn bà mà biết điều đó. Nhiều nhà giàu sắm mã thật tốt, và lại bướng, không cúng ông Vũ Lâm, thành thử áo, quần chăn gối đốt xuống, quỷ sứ cướp hết, chồng con mình chỉ trơ mắt ra mà nhìn. Phải cúng ông Vũ Lâm nhờ ông giữ cho, và giao tận tay cho người nhà mình, thì không mất một cái dải áo.

Lễ ông Vũ Lâm xong, ông quay lại cúng trước bàn thờ. Ông quỳ xuống, giơ cao tay áo, lên giọng sang sảng khấn. Ả Cu ngồi tựa lưng vào vách, xổ khăn, rũ tóc, khóc chồng; "Anh ơi... là anh ơi..." Tiếng khóc đám ma thì bồng bột, ồ ạt giống như tiếng gào thét, nhiều khi mất hết vẻ thảm thiết thê lương. Tiếng khóc mã thì tỉ ti mà thấm thía và tan trong không khí ảm đạm của trời thu, nghe ai oán gấp trăm! Thằng Cu thấy mẹ khóc, cũng lại gần khóc theo, trong khi ông Thủ thản nhiên khấn, cố gò cái giọng cho hay, cho lên bổng xuống trầm, rồi thản nhiên bước lại phản ngồi uống nước, thản nhiên bảo khổ chủ:

– Thôi nín đi, liệu đốt mã cho anh ấy!

Ả Cu lấy thân áo lau quanh cặp mắt đỏ ngầu, ngừng khóc, nức thêm mấy tiếng, đem mã ra thiêu, hạ mâm đặt ở phản, trước mặt ông thầy cúng nãy giờ ngồi dung đùi chờ.

"Ả Cu giỏi thật, nghèo mà biết lo liệu chu đáo cho chồng con. Quý lắm!" Ông bắt đầu vào tiệc, khen rượu đậm men, thịt kho khéo, giá xào ngon, xôi xéo ráo, không nhão nhoẹt như cơm nếp của cái nhà ả Đĩ Năm bữa nọ.

Ả Cu ngồi dưới đất hầu chuyện, dạ dạ vâng vâng. Thằng Cu đứng sau lưng mẹ, nhìn những món ăn chui vào miệng ông Thủ, rồi biến mất. Hắn thèm quá, muốn đòi, nhưng thấy bộ râu cằm của ông Thủ lên lên xuống xuống, bộ râu mép của ông Thủ rung rung vểnh ngược, hắn không dám ho he, hắn chỉ liếc trộm và nuốt nước bọt ừng ực.

Ăn uống no nê rồi, ông Thủ bảo ả Cu: "Mẹ con ả đói khát, tui tha

tiền cúng cho. Còn xôi thịt cúng Vũ Lâm theo tục làng, chủ phải biếu khách. Nhân tiện đây để tôi ọt về cho, kẻo lại phải bưng qua mất công".

Ông vén thân áo, rút cái khăn đen đủi giắt ở dây lưng, trút xôi thịt vào đó rồi khoan thai đi về.

Thằng Cu nhanh nhảu trèo lên phản, vồ miếng thịt và cục xôi cuối cùng dính dưới đáy đĩa, bỏ vào mồm nhai ngấu ngấu. Ả Cu nhìn theo ông thầy cúng, nhìn mâm không, nhìn con, thở dài, ứa hai hàng nước mắt.

Trung Bắc chủ nhật,
số 103, ngày 5-3-1944.

NHẪN NHỤC

(Truyện ngắn)

Mụ Nhiêu Đạt trở vai, tách khỏi đoàn, rẽ vào một con đường nhánh khuất khúc: "Các o về đàng nớ nha!".[1]

Giọng hát ơ [2] bỗng tắt, nhường chỗ cho những lời từ giã rối rít:

– Ừ, mụ về đàng nớ! Mụ về đàng nớ! Mai đi nữa không để kêu!

Ngày sắp hết, mặt trời mới lặn trên đỉnh núi Con Tằm còn lưu lại ở nền trời xanh những tia ánh sáng hình nan quạt, xòe ra tua tủa tự đầu non. Mụ Nhiêu đi sâu vào con đường lờ mờ tối, một tay tì lên đòn xóc để giữ thăng bằng cho hai bó củi nặng, một tay hơi co, đánh lia lịa từ trước ra sau để lấy đà, chân thoăn thoắt chạy, lật đật như người đi trên bãi cát giữa buổi trưa hè.

Thấy mụ về, con Vàng dồ ra vẫy đuôi tíu tít, cúi đầu sát đất rít lên những tiếng kêu vui; mụ hương Nhật đang ăn cơm với chồng và con ở sân, trong chiếc nống xề cạp, vội vàng "Vô phép cơm o" bằng thứ giọng chua le mà mụ Nhiêu ghét cay ghét đắng. Ông Hương mời chị thật thà và thân mật hơn: "Ả mời cơm!".

Mụ Nhiêu đặt củi cạnh hàng rào, rút dao và mo đựng cơm ra, cắp nón vào nhà: "Không dám, mời cụ, mự".[3] Rồi để có một câu chuyện mà nói, mụ hỏi: "Bữa ni ăn cơm sớm rứa." Mụ Hương vênh cái mặt lên, bắn ngay một phát: "Giàu sớm ló,[4] khó sớm cơm! Giàu có chi mà phải ăn cơm tối cho tốn dầu!".

Thằng Nhật lấm lét nhìn o, đặt bát cơm xuống, kè nhè: "Em bỏ mứa, em nỏ ăn nữa". Hắn đứng dậy định lại gần o vòi sim, thì cái bàn tay cứng và đen của mẹ hắn đã in đốp lên đít trần của hắn năm dấu dài. Hắn khóc lên và mụ Hương cũng hét lên. Rồi mụ đổi giọng, nghiến răng kèn kẹt: "Ác vừa vừa ra, ác vừa vừa ra! Chỉ làm hại con tui thôi. Hắn bỏ cơm, hắn đau bụng cũng chỉ vì sim, vì muồng, vì ổi! Khổ lắm!".

1. Các cô về đường ấy nhé.
2. Giọng hát khi đi đường, sau mỗi câu, cả đoàn người cùng "ơ" lên một lúc.
3. *Cụ, mự*: cậu, mợ.
4. *Ló*: lúa.

Ông Hương ôm con vào lòng, xoa mông cho hắn, ngọt ngào dỗ, đánh trống lảng: "Nín đi con! Ăn cơm đi".

– Phải bữa ni "Tây" đuổi, không có chi cả, ăn cơm đi.

Mụ Nhiêu đã nói dối, mụ có trong mo những trái sim béo nung núc mà mụ định chuồi cho cháu khi vắng mặt em dâu. Mụ biết rằng em dâu mụ ghét mụ, muốn đuổi mụ đi đã lâu, chỉ kiếm dịp để gây sự; nếu hắn bắt được mụ cho cháu "cái của độc" ấy thì hắn không để cho mụ yên thân, hắn đánh con, chửi con, nói cạnh nói khóe, nói xa nói gần, và nhân đó nhắc lại những chuyện xích mích xẩy từ đời "Cố Huế". Tội nghiệp, mụ hiếm hoi, cô độc, thấy trẻ con thì thích bồng, thích hôn hít, thích cho ăn, mụ nghèo nàn, không thừa tiền mua bánh cho cháu, chỉ có những trái rừng làm quà thôi. Mà những quà ấy đã ngon lại không độc như em dâu mụ nói; nhiều lần mụ cũng thấy hắn mua về cho con ăn đấy, ấy rứa mà nếu là của mụ thì hắn đổ ngay! Thật là ghét người ghét cả đường đi! Có khi tức, mụ định toang cho một mẻ, nhưng tính mụ vốn hiền lành, ngày thường nói một câu còn chưa dứt khoát thì làm gì mà đấu khẩu được với mụ hương Nhật khi hắn nổi tam bành, vỗ tay đồm độp, mồm năm miệng mười, trề môi nhọn mỏ. Và nếu đủ tài để chọi tay đôi được với hắn, chắc đâu mụ đã dám tận từ; bởi vì số phận hẩm hiu đã đặt mụ vào một cảnh ngộ éo le, bắt buộc mụ phải nhẫn nhục trước sự quá quắt của em dâu cay nghiệt và cậy thế có nhà cho mụ ở độ.[1]

*

*   *

Mụ Nhiêu xấp xỉ bốn mươi tuổi. Người mụ nhỏ loắt choắt, thấp lè tè, trông xa tưởng là một cô con gái mười bốn, mười lăm, nhưng lại gần người ta sẽ ngạc nhiên trước khuôn mặt dài thượt, nhọn hoắt, da xám ngoét và khô khan xếp lại trên trán như nếp khăn lượt đàn ông, căng thẳng ở lưỡng quyền gồ và chùng lại hai bên má, hợp thành những đường nhăn lăn tăn chạy xuống quai hàm hoặc châu vào hai bên khóe môi.

Thuở sinh thời, ông Đồ vẫn thường rầu rầu bảo con: "Cái chí đệ tam của họ Lê ta sát đàn bà con gái lắm. O thầy trước lấy chồng giàu mà vẫn long đong, rút cục mù lòa mà không còn thừa tự. Hai o con

1. *Ở độ*: ở nhờ.

cũng rứa, một đứa chết non, một đứa góa chồng đến bốn lượt! Bây giờ đến con, số thì thọ, nhưng xét tử vi thì hai cung phu tử đều không ra mần răng...".

Bởi vậy, ông kén rể rất kỹ. Nhà ông thanh bạch, con ông lại xấu, ông không dám mơ ước cao xa, chỉ cốt gặp người hiền lành, phúc hậu, siêng năng và hợp tuổi. Những đức tính ấy ông đã nhận thấy ở Đạt, người học trò cũ của ông, nhà nghèo nhưng thông minh, đứng đắn lại kém con ông hai tuổi. "Nhất gái hơn hai, nhì trai hơn một!" Ông mỉm cười nghĩ tới câu ấy trên giường bệnh và tàm tạm yên tâm khi thở hơi cuối cùng.

Vợ chồng Nhiêu Đạt hui hút sống cùng nhau trong nếp nhà tranh, góp sức lực và của cải, năm sào ruộng của vợ, hai sào hương hỏa của chồng, họp thành một gia đình đầm ấm, trên thuận dưới hòa. Họ luôn luôn gần gũi nhau, khi cày bừa trong cánh đồng bát ngát, chung hưởng làn gió mát phất qua, chung chịu những cơn nắng cháy tóc, mưa thấu xương. Khi đốt than hái củi giữa rừng, cùng ăn với nhau một mo cơm nắm, cùng uống với nhau một nón nước suối trong veo, cùng len lỏi trên những con đường khuất khúc, vượt những ngọn ghềnh cao, kẻ sau người trước. Đời họ vất vả nhưng lòng họ thênh thang, và những đêm khuya khoắt, vợ thường thủ thỉ nhắc bên tai chồng những lời tiên đoán của cha thuở nọ: "Nói rứa chứ, mỗi người một số khác nhau, ai lại giống ai! Phải không anh hấn?"

Anh hấn trả lời bằng một tiếng "ỳ" âu yếm, vô tư lự.

Mụ Nhiêu Đạt nhớ suốt đời cái năm "hạn" ấy, cái năm đã định đoạt cả một kiếp người: cuối tháng giêng, mụ bỏ mất thằng con trai đầu lòng: rồi sang tháng tư, xảy ra cuộc đại hạn kéo dài hết tháng sáu nhuận. Bầu trời cao vòi vọi, không vương một gợn mây đen! Từ sáng đến tối, vầng kim ô chói lọi xỉa xuống thôn quê những tia lửa đỏ. Bông, khoai, bắp, đậu chết cháy trong những ruộng pha cát bị rang khét. Lúa chiêm đã tròn mình dưới những ruộng sâu, nghẹn đòng không lổ được, héo dần rồi khô quăn khi đất đã nứt nẻ thành tảng cứng ngắc. Dân gian hội đảo đến ba lần ở ba ngôi đền nổi tiếng thiêng nhất vùng, đền Mục, đền Tây và đền Càn, có rước tất cả các vị linh thần tới dự, có quan sở tại nhận làm chủ tế, ăn chay nằm đất ba bốn ngày đêm; thế mà vô công hiệu, nắng vẫn càng dữ dội, gắt gao!

Sang tháng sau, sự đói kém hiện ra rõ rệt. Nhà nghèo cạn vốn, không kiếm được việc làm đâm ra trộm cắp, hoặc rủ nhau đi tha

phương cầu thực. Nhà kha khá bán lần ruộng đất, mâm nồi, trâu bò, nhà cửa. Chỉ những nhà giàu tích trữ được lúa gạo, tiền nong từ mấy năm trước là không khổ. Họ lại có dịp làm giàu thêm, tậu thêm ruộng vườn, đồ đạc với một giá quá hạ. Cái gì cũng rẻ như ổi xanh, trừ các món thực phẩm. Gạo đỏ một quan hai bơ, bắp, khoai càng ngày càng hiếm, được dân nghèo thay bằng rau má phơi khô, củ chuối băm nhỏ.

Gia đình Nhiêu Đạt tuy không bận bịu mẹ già con dại cũng không tránh khỏi nạn chung. Họ đã bán rẻ mất năm sào ruộng cho cụ Chánh trừ được món nợ trước, lấy được vài chục quan tiền tiêu dần và non hai hộc thóc mà họ ăn dè được tháng rưỡi! Sau cùng, chồng thất vọng bảo vợ: "Thôi để tôi đi một chuyến, nghe nói anh Hoe[1] Mai, bác Đỏ[2] Mận ra Hà Nội độ trước mần ăn khá lắm, mới gửi tiền về bữa tê".

Mụ Nhiêu vốn không muốn xa chồng, đinh ninh nghĩ rằng thà ở gần nhau, chịu cực chịu khổ cho qua cơn quẫn bách; nhưng tình thế cứ kéo dài ra mãi, mà tiền sắp hết, gạo đã cạn, chẳng lẽ bán nốt hai sào hương hỏa của nhà chồng đi! Mụ đành gạt nước mắt ưng thuận, bùi ngùi hỏi: "Rứa rồi khi mô về?".

– Tết răng [3] cũng về. Nhờ trời mần ăn ra tiền, gửi về cho nhà tiêu!

Bữa cơm tiễn chồng thật là cảm động. Còn hơn bơ gạo, mụ nấu hết, lại liều đi hai tiền chuốc con cá tràu to, nửa nấu canh, nửa kho lạt. Vợ Bách Lý Hề cũng âu yếm chồng đến thế là cùng!

Mười tám hôm sau, mụ nhớ không sai một buổi, trời đổ mưa xuống thì đã hết mùa gieo mạ, ruộng đất bỏ hoang trắng xóa. Tuy thế, đời sống ở thôn quê giảm phần gay go, nhân dân khỏi chết và dễ tìm công việc hơn trước.

Mụ Nhiêu Đạt vẫn sống cuộc đời thường, ngày ngày hái củi, đốt than, xay lúa giã gạo thuê, hoặc mò dam,[4] bắt ốc kiếm ăn lần hồi. Vì nhớ chồng, vì làm lụng vất vả, bữa rau bữa cháo thất thường, mụ đổ hẳn người đi, già hoắc lại, mặt mũi hốc hác, lưởng khưởng trên cặp

---

1. Tiếng địa phương. Những người dân thường sinh con gái đầu lòng gọi là anh Hoe, sinh con trai đầu lòng gọi là anh Cu, nếu chưa có con thì gọi là anh Đỏ.

2. Như 1.

3. Tết thế nào cũng về.

4. *Dam*: cua đồng

giò gà. Bước sang tháng chín, khi gió lạnh thổi về bồi thêm một lát nặng vào tấm thân kheo khư ấy, mụ không chống nổi nữa, vàng ốm ra, nằm chờ chết. Cũng may vừa lúc ấy, Đỏ Mận ở đường ngoài về, mang về cho mụ tám đồng bạc và những tin tức của chồng mụ trong mấy tháng vừa qua.

– Chúng tôi gánh thuê ở chợ Đồng Xuân, khó nhọc, nhưng cũng đủ ăn tiêu. Ông Nhiêu khỏe mạnh, trông "kẻng" lắm, không lù khù như trước nữa đâu. Ông ấy miệng lưỡi giỏi, mánh khóe nhiều, phát tài hơn anh em chúng tôi.

Mụ mừng quýnh, nhẹ nhõm cả người, và nhờ mấy chén thuốc bắc, nhờ những bữa ăn đầy đủ, mụ lành bệnh rất chóng.

Tết năm ấy, khi Nhiêu Đạt lửng thửng xách gói về tới ngõ, mụ trông ngờ ngợ, không dám nhận ngay: chồng mụ đã khác hẳn ngày ra đi, má đầy, da mặt trắng và mịn không lùi xùi những mụn. Ông đội cái mũ lum khum, mặc cái áo tây vàng, cái quần cát bá hồ lơ, đi đôi guốc sơn đen nhánh, ở tay lóng lánh một vòng nhẫn bạc.

– Làm gì mà đứng ngẩn ra đấy? Ông hỏi vợ rồi đi thẳng vào nhà, ngồi phịch xuống giường tỏ vẻ không vui vì thấy vợ già và gầy đi nhiều lắm.

– Đã về đó à?

Mụ thốt lên được mấy tiếng ấy, rồi không dám nhìn thẳng, mụ liếc chồng, lo lắng nhận ra rằng giữa hắn và mình, một cái gì đã chắn ngang, phá tan niềm thân ái thuở xưa. Mụ muốn tới bên chồng hỏi rất nhiều chuyện, nói với hắn tất cả những nỗi gian lao cơ cực, tất cả lòng mong mỏi nhớ nhung trong mấy tháng cách xa. Thế mà mụ sờ sợ, rụt rè, rồi quay xuống bếp muốn khóc. Trong dịp Tết, mụ thấy chồng hay phát bẳn gắt gỏng vô lý, đối với mình kém vẻ đằm thắm yêu đương, và mới mồng chín, khi làng chưa hết hội hè, hắn đã sửa soạn ra đi, lấy cớ rằng rốn ở lại sợ chậm trễ cả công việc.

– Năm ni mưa thuận gió hòa, hay là ở nhà cày bừa với tui. Mụ mạnh dạn khuyên chồng một câu. Hắn cau mày gắt: "Ở nhà mà chết đói à? Đi đây!"

Thế là hắn xách gói ra đi, suốt cả một năm ấy không gửi thư từ, tiền nong gì cả và điều mà mụ nơm nớp lo sợ, một buổi chiều kia đã thành sự thật hiển nhiên. Độ tháng mười, Hoe Mai về cúng giỗ bố, mách với mụ rằng ông Nhiêu đã lấy vợ mọn: "Ông ấy thế mà có số

đào hoa, làm cu li gánh hàng cho nó không biết chim chuột, tán tỉnh làm sao khiến nó phải lòng, nó phỗng quách. Họ định sang năm đưa nhau về lập phố đầu chợ Hôm buôn bán. Ở ngoài ấy lâu, sợ mang tiếng cùng bà con bên ngoại. Úi chà, nhiều vốn đáo để, liệu sử cho khéo mà nhờ".

Mụ tin ngay lời nói của Hoe Mai, và nhớ lại lời tiên đoán của cha mụ, ngán ngao cho số phận, bỏ ăn bỏ làm mất hai ngày, vùi đầu dưới chiếu khóc rưng rức!

Tết đến, Nhiêu Đạt lại về, béo trắng thêm ra, ăn bận có phần nho nhã, quần lụa áo the, ngoài khoác chiếc ba-đờ-xuy mới sắm, và khi ông cười hai cái răng vàng lóng lánh giữa cặp môi hé mở. Lần này ông sử bạc với vợ ra mặt, chửi bới, mắng mỏ không ngượng mồm. Hắn không ăn cơm nhà, ngủ bên Câu Lộc, người anh họ, và rục rịch bán nhà để làm phố mới.

Ra giêng, có người bên xóm Trại đến dỡ nhà thật, và cuối tháng, một cái "phố Tây" nổi lên đầu chợ Hôm vươn cao mái đỏ lên khỏi nóc xám của những túp lều tranh lụp xụp. Một buổi chiều mưa phùn nhè nhẹ, một chiếc xe cao su dừng bánh trước phố, kéo lại đó mấy vòng trẻ con đứng đặc cả đường cái, chỉ trỏ, thì thào khen: "Đẹp như tiên, đẹp không chê được". Ở xe bước xuống một mụ đàn bà, mặt phinh phính, đầu chít khăn nhung, tai đeo vòng vàng, mình mặc áo xa tanh đỏ thẫm, quần lĩnh đen nhánh, mang lủng lẳng ở dây lưng bộ xà tích bạc. Ông Nhiêu vội vã chạy ra niềm nở đón chào:

– À mợ đã tới, sao biết nhà giỏi thế?

– Nhà ở đầu miệng, khó khăn gì mà không biết!

Thị quay lại, truyền lịnh cho phu xe xách va li vào nhà, xua tay đuổi lũ trẻ. Đoạn thị ung dung bước vô, chê nhà làm hơi chật lòng, cửa đóng khí vụng, và thiếu cầu tiêu.

Rồi thị lại nằm vắt chân trên cái giường mới kê sát cửa sổ, kêu mệt và khát nước rầm lên, thét con ở vào pha trà ngay.

Trong lúc ấy, mụ Nhiêu Đạt chính thức đang gò lưng cộng gánh củi nặng, đi thất tha thất thểu trên con đường gồ ghề dẫn tới làng, thu góp sức tàn rảo bước sau những bạn trẻ và mạnh hơn. Đã gần hai tháng nay, mụ ở đợ nhà hương Nhật, vì nhà cũ đã bán, nhà mới chưa hoàn thành. Mấy hôm đắp nền xây móng, mụ cũng có tới xem công việc giúp chồng, nhưng bị hắt hủi, bảo không khiến cái mặt con bú

dù ấy; mụ tủi nhục vô cùng, thầm hiểu rằng những ngày tươi đẹp sẽ không bao giờ trở lại. Mụ đành ở tạm nhờ em, chờ xem cái thằng chồng bạc bẽo ấy định xử trí ra thế nào.

Tới chợ Hôm, thấy trẻ con đứng lố nhố trước nhà và nghe tiếng "Bắc Cờ" the thé từ trong đưa ra, mụ chợt hiểu, mụ choáng váng cả mặt mày. May mà vịn được thân cây sầu đông bên đường không thì đã ngã quỵ xuống. Mụ đứng sững một lát, lấy sức rồi cố lết về nhà, ném củi xuống sân, nằm nghỉ cho đầu bớt nóng, tai bớt bùng, trống ngực bớt giục. Giọng mỉa mai của mụ hương Nhật bỗng nổi lên trên khung cửi: "O Nhiêu đã về à? Mừng cho đó! Từ ni thì chán sướng, cửa cao nhà rộng, lại có mụ hầu đẹp như tiên, tha hồ mà sai vặt".

Ông Hương ru con ở võng bên, đánh bạo trách nhẹ vợ một câu: "Mệ Nhật nói hay hề",[1] rồi khuyên chị:

– Ả Nhiêu ạ, mai ả thử ra ngoài nớ, dò ý tứ ra răng. Họ tử tế thì mình tử tế, nhược bằng họ muốn trở mặt thì ả cứ thẳng tay, túm lấy con đĩ xé cho một trận, đừng sợ. Chứ cứ chịu lép mà ở đây mãi, họ cười cho thối óc ra đó.

Mụ Nhiêu nằm im thin thít suy nghĩ lời của em cho là rất phải. Quả tim mụ đã héo hắt từ lâu, nhưng ở đó máu ghen chưa hết hẳn. Mụ tức tối trằn trọc suốt đêm, xếp đặt trong trí chương trình hành động và các câu đáp trong cuộc tranh chồng sắp tới.

Sáng hôm sau, mụ thu cả can đảm vào hai tay, hăm hở định làm nên chuyện. Cả nhà Nhiêu Đạt đã dậy, chồng lau tủ kính, vợ ngồi trên sập nhấp nước trà, phì nộn và bệ vệ như một bà phủ. Trước cảnh tượng ấy, mụ Nhiêu mất cả vẻ tự nhiên, và không hiểu sao chân mụ lại run lên, hai gối lia lịa chạm nhau.

Tiếng trên sập oang oang truyền xuống: "Mụ kia muốn hỏi ai ở đây?"

– Tui hỏi... Tui hỏi...

Nhiêu Đạt ngoảnh lại trừng mắt nhìn về phía vợ, hai tay nắm chặt, mắt tròn xoe. Mụ hoảng hốt quên cả mục đích của mình, quên cả chương trình hành động đã định, vùng cẳng chạy một mạch về nhà, ném mình lên chõng khóc hu hu.

Hiểu rõ đầu đuôi câu chuyện, hương Nhật tức uất lên:

– Ăn ở bạc ác như rứa, cũng có ngày trời tru đất diệt. Mà ả cũng

1. Mẹ Nhật nói hay nhỉ!

nhát gan quá. Đã nhủ cứ xé cho hắn một mẻ, coi hắn có dám đập ả không mô!

– Ối cha mẹ ôi! Hắn to béo, hắn có tiền, có chồng bênh! Mình chết thiệt thân mình, ích chi! Thôi hắn bạc, trời biết! Không thèm nhờ cậy hắn chi nữa. Từ ni cụ, mự cho tui ở đây, thương tui với! Tui mần lấy tui ăn, không cần lui tới nhà hắn nữa, nhục nhã lắm.

Thế là từ hôm đó, trong khi chồng vui vẻ sống với vợ lẽ ở cửa hàng tạp hóa, mụ Nhiêu Đạt ở độ nhà hương Nhật căn răng chịu đựng những lời mỉa mai, sự hắt hủi của em dâu. Hoặc giả có người xúi giục mụ sinh sự với chồng, kiếm cách ăn vạ, mụ thở dài lắc đầu. Mụ quá hiền lành, mụ sợ những cuộc cãi lộn, đánh lộn, giằng nhau, xé nhau. Tấn kịch xảy ra độ trước giữa mụ và "con đường ngoài" khiến mụ cạch đến già.

Mụ tự nghĩ: "Sinh sự thì sự sinh, đã vô ích lại chuốc thêm cái khổ, cái nhục. Mình hèn yếu như ri, cũng nỏ sống được lâu nữa mô, thôi, cũng đành nhẫn nhục cho trọn kiếp người".

Trung Bắc chủ nhật, số 214,
ngày 6-8-1944.

NGƯỜI KHÔNG RỌT [1]

(Truyện ngắn)

Thảo đứng thẳng mình lên, bắt tay trái về phía sau, đấm lưng mấy cái, rồi lại cúi xuống uể oải đưa chổi cùn trên sân đất nện. Đã nửa tháng nay, ả nghỉ việc đồng áng, chợ búa, ở nhà làm những việc vặt cho đỡ buồn.

Nhìn bụng con dâu ngày càng "vác" lên, bà Hương ái ngại dặn: "Dạo này mẹ đã nhờ được ả Hoe Hoét làm giùm rồi, con ở nhà mà nghỉ, gần đến ngày rồi đó".

Bà cư xử với Thảo như bát nước đầy, yêu mến hơn con đẻ, không bao giờ nói nặng lời, không lây thói xấu của phần đông các "mụ gia" lân cận, coi dâu không bằng kẻ ăn người ở. Chọn được người dâu hiếu thuận, ngăn nắp, siêng năng, đã giỏi việc cấy cày, lại biết việc buôn bán, bà hả hê trong lòng, hầu quên hết những nỗi buồn bực mà thằng con hư gây ra.

Thi đâu phải là đứa ngu đần cho cam. Hắn đẹp trai và sáng dạ, đã từng học đạo Thánh hiền với cụ đồ Luận bảy tám năm trời; ngày còn mồ ma ông Hương, hắn đã được vào hội Văn, được cả làng gọi là anh Học, chứ có phải mang cái tên xấu xí "anh đỏ" như những trai phu vô học ở làng đâu. Ấy vậy mà hắn không biết giữ danh giữ giá cho mình, cho ông cha mình, lại đi kết bạn với những kẻ ăn không ngồi rồi, cờ bạc rượu chè be bét. Hắn hư phần lớn cũng là tại bà, "con hư tại mẹ". Bà cưng hắn lắm, không dám mắng hắn nửa lời, không dám đánh hắn nửa roi, chỉ dùng toàn lời ngon ngọt mà khuyên răn mỗi lần hắn đi chơi về, và chỉ sụt sùi khóc nếu hắn sừng sộ cãi lại. Bà thừa hiểu rằng đối với những thằng bất hiếu như vậy, cần đối xử thật nghiêm khắc, có khi phải đánh mắng thậm tệ mới được, nhưng ai nỡ hành hạ một đứa con hiếm, một đứa con mồ côi cha.

Vậy nên bà vẫn âm thầm nuốt tủi, chịu khổ làm lụng nuôi con, tự nghĩ: "Thiên hạ người ta khổ vì con nhiều, riêng chi mình. Được như ri còn sướng chán. Giá không có nó mới thật khổ sở, thật vô phúc".

---

1. Người không ruột, vô tâm, không quan tâm đến việc gì cả.

Hai năm nay đời sống của bà sáng sủa thêm lên, bởi bà chọn được dâu hiền, con bà bạn thân ở xóm Chợ. Mẹ con thương yêu nhau, an ủi nhau, giúp đỡ nhau trong công việc hàng ngày. Nhà chẳng giàu có như ai, nhưng cũng được ngót mẫu ruộng tốt. Từ ngày ông Hương qua đời, hàng năm, bà phải thuê mất vài ba chục công cày, công cấy, chăm bón, gặt hái. Nay có con dâu đảm, mẹ con cùng làm, đỡ tốn công thuê. Thảo lại rất cần kiệm, tảo tần. Những ngày rảnh việc đồng áng, ả xuống tận Kẻ Thơi, Kẻ Hàu, Kẻ Căn, Kẻ Mơ mua cá tôm, đem về bán ở chợ Hôm trong làng kiếm thêm tiền để bà Hương chi tiêu trong nhà và trang trải những món nợ lưu niên của Thi...

– Rứa là tháng ni hắn thua mất bốn chục. Bữa mồng năm, ở Mâu đến đòi mười lăm đồng, bữa qua, hắn lại "nặc" cho được hai mươi lăm đồng để trả lão Bộ Vĩnh.

– Thì cũng bởi tại mẹ cứ đưa ùn ùn...

– Tội! Không đưa thì hắn lại vay thêm, sinh lời, sinh lãi. Hắn giựt mô lại không được đôi ba chục, một trăm. Họ thấy mình có máu mặt, họ sợ chi mà không cho hắn mượn. Con thử thỉnh thoảng lựa lời khuyên can xem hắn có tu tỉnh lại không!

– Khuyên can! Mẹ mà không nói chuyển nữa là... Mẹ cũng biết đó chứ ly! Đi ba bốn ngày mới bò về, vừa nói động đến, đã trừng mắt, toan lại đạp!

Bà Hương thở dài:

– Thôi con ạ, trời bắt răng chịu rứa. Hắn chơi bời chán cũng có ngày hồi tâm, đừng buồn bã chi, mất ăn, mất ngủ, vô ích.

– Không, con có buồn mô, chỉ sợ mẹ buồn thôi.

Cái tin Thảo có mang đối với bà Hương là một nguồn hạnh phúc lớn. Bà thương dâu bội phần và mơ màng tới cái ngày được bế cháu nội. Bà yên trí rằng đó là một cháu trai, hồng hào, mập mạp, rất "dễ ghét", rất "chó má". Vì có đêm bà nằm mơ thấy một cụ già râu tóc bạc phơ – ý hẳn là một ông tiên – bồng tới cho bà một đứa bé như thế. Tỉnh giấc, bà thức dâu dậy, trầm trồ kể mộng, và cười ha hả.

Cái bụng càng ngày càng phình lên dưới thân áo của Thảo, thì niềm sung sướng cũng theo thời gian mà phình dần ra trong lòng bà Hương. Tuy thế, nhiều lúc bà ngồi ngẩn ngơ, mang máng lo lắng, nghĩ tới những nạn đẻ non, đẻ rơi, hoặc những trận ốm nghén liệt giường liệt chiếu của nhiều đàn bà trong xóm. Bởi vậy bà luôn luôn

quan tâm tới dâu, cấm ăn của độc, cấm nằm võng, cấm bước qua chạc thừng, chạc chão. Bà mời lang Bảng đến thăm mạch cho Thảo và cắt mấy thang thuốc dưỡng thai. Bà không quên nhờ ông chủ tịch làm bài văn chữ Nho, bán bào thai ở miếu Thánh Võ và xin một lá bùa hộ mệnh mà Thảo vẫn đeo ở cổ. Và tham công tiếc việc như bà mà cũng bắt dâu nghỉ hẳn mọi việc đồng áng, chợ búa ngót hai mươi hôm trước ngày phỏng tính "nằm nơi". Đó là một đặc ân hiếm có đối với các nàng dâu làng Bèo. Trừ một vài nhà giàu học lối sang trọng, phần đông đàn bà có thai ở đây làm việc vất vả cho tới ngày "cuối cùng", rồi khi thấy "khang khác" trong người, họ bỏ công việc, chạy vội về nhà, chưa kịp mời bà mụ đã nghe tiếng trẻ oe oe. Nhiều người còn đẻ rơi dọc đường, đầu ngõ, giữa sân.

– Người ta khác, mình khác, cứ ở nhà mà nghỉ. Mẹ đã nhờ ả Hoe Hoét làm đỡ cho mươi lăm hôm.

– Không, con vẫn mạnh khỏe, chưa thấy nhọc nhằn chi cả, mẹ để con đi làm mấy hôm nữa.

– Không được, bước đầu phải giữ gìn, phải cẩn thận. Ôi chà, con đừng tưởng...

Bà ngập ngừng, không dám nói hết ý, quay sang chuyện khác.

– Tiếng nói ở nhà nghỉ, nhưng cũng phải mẩn, không được nằm ỳ ra suốt ngày mô. Phải quét tước, dọn dẹp, đi ra đi vô cho khoan khoái. Trời có nắng thì đem phơi than, nến đất, hoa chổi cho khô khén. À mà nhủ con Him xúc và bưng than cho, con không được bưng đâu, nghe không!...

*

*   *

Đưa thêm mấy nhát chổi nữa, Thảo lại đứng lên đấm lưng.

Buổi sáng nay, "hắn" cựa đến ba bốn lần, mà bây giờ, lại lâm râm đau bụng. "Hay là bữa ni đây". Cả nghĩ vậy mà đâm lo. Chồng thì đi chơi từ trưa qua, biết ở đâu mà cho người đi kêu, mà có kêu cũng chưa chắc đã về, mà có về thì phỏng đã ích lợi chi! Mẹ chồng đi chợ có nhanh thì cũng phải đến trưa mới về được, nếu "hắn" sổ ngay ra đây thì khốn. Cả đời ả đã biết "đẻ đái" là cái quái gì đâu! Ả buông chổi khệ nệ vào buồng, ngồi xuống giường, tựa lưng vào vách, cất giọng run run gọi.

– Him ơi, Him!

Cô em đang rửa bát đằng sau, dạ một tiếng chua le, chạy vội vào.

– Em qua mời bà Thủ Cán sang đây.

– Răng rứa ả? Chuyển bụng à?

– Chắc rứa. Chạy mau đi. À mà xong rồi, em chạy xuống chợ Nồi mời bà về nốt nhá.

Bà Thủ Cán được chòm xóm mến yêu bởi bà sành nghề và nhanh chân. Những đêm khuya khoắt lạnh lẽo cũng như những ngày mưa gió đường sá bùn lầy, hễ có người gọi là bà đi ngay. Cái nghề làm mụ ở nhà quê kể ra cũng chẳng khó khăn gì vì ít khi gặp những đám rắc rối, nguy cấp. Ở đây họ đẻ dễ như gà. Bà mụ chỉ cần một ít kinh nghiệm, lòng can đảm, tính bình tĩnh, và đức chịu khó. Những đức tính ấy, bà Thủ Cán có thừa. Bà làm mụ đã ngoại mười lăm năm. Bà cầm dao nứa cắt rốn không run tay, bà tắm rửa cho trẻ con rất cẩn thận, không "mè hèm".

Bà bước qua ngạch buồng nhà bà Hương, nghe tiếng rên nhè nhẹ của Thảo, niềm nở hỏi:

– Răng rồi, đau lắm không? "Hắn quậy" đã mạnh chưa?

– Thưa chưa, chỉ mới hơi đau râm râm thôi.

– Được rồi, còn chán thì giờ, hãy nằm xuống dưỡng sức một chút đã.

Bà nắm tay Thảo dắt dậy, nhẹ nhàng đỡ ả nằm xuống giường, nhẹ nhàng chuồi cái gối mây dưới đầu ả và khép kín cửa buồng lại, trở ra. Một lát, bà quay vào với một cái dao nứa sắc, một sợi chỉ xe sẵn, và một chậu nước trong. Đoạn bà đánh que diêm, châm vào cái đèn dầu treo trong góc. Thảo đau bụng thêm và thấy tưng tức khó chịu, như có ai cưa mạnh ở trong. Thỉnh thoảng lại nhăn mặt, ôm lưng, rên to, kêu trời kêu đất.

Bà Thủ Cán lại gần, ngồi sát Thảo, vuốt bụng cho "khách hàng". Những ngón tay xương xương lên lên xuống xuống không kém phần mềm mại, lẹ làng của thủa thanh xuân, trong lúc miệng bà luôn luôn nhắc lại mấy lời dặn bảo: "Đừng van, đừng la, cứ rặn đi, rặn cho đều, gần được rồi đó". Trông bà làm việc luôn tay và luôn miệng, người ta nghĩ tới một nhà thôi miên đang trổ tài huyền bí. Những tiếng rặn "è è" mệt nhọc nổi lên trong phòng kín, thỉnh thoảng bị những tiếng "Ối cha mẹ ơi!" "Ối trời đất ơi!" làm đứt quãng.

Không tỏ vẻ lo lắng, bà mụ đưa mắt nhìn quanh, đứng dậy lấy cái thau đồng để trên chum khoai, lật chiếu, bẻ cái nan giường rồi ngồi vào chỗ cũ, đánh mạnh vào thành thau, vui vẻ nói: "Ra đây, ra đây, ra mà nghe chiêng, nghe trống, vui lắm, vui lắm, ha... ha...".

Cánh cửa buồng bỗng két lên, bà Hương hấp tấp bước vào: "Con, con, mẹ về đây!"

Bà tái mặt thấy trán Thảo nóng hổi, ướt đầm mồ hôi, quay lại hỏi bà Cán:

– Chuyển bụng lâu chưa bà, liệu có việc gì không?

– Mới chuyển. Không can chi. Bà cứ yên tâm, đẻ con so thường vẫn khó hơn con rạ.

Bà ngừng đánh thau, ngồi lặng một giây như để xoay thế trận, bỗng hỏi chủ nhà:

– Rứa anh Học đi mô?

– Khổ, hắn đi từ trưa qua, không biết đánh trác ở mô.

Con Him nhanh nhẩu đáp:

– Thưa bà anh con đánh bài bên ông Nho ạ.

– Em qua mời anh về đây.

Bà Hương hỏi:

– Mời về mần chi, thưa bà. Có cần lắm không?

– Cần lắm, cần lắm, không thì...

– Rứa thì để con Him ở nhà giúp bà. Tôi đi cho, may ra hắn mới chịu về.

*

*   *

Sáu người đàn ông quây quần trên bộ phản gỗ, một người chầu rìa và năm người cầm bài. Họ cầm bài ở tay trái, tay phải bận nhiều việc hơn, hoạt động không ngừng. Những ngón tay lẹ làng xếp bài lại, xòe bài ra, giật con bài này dắt qua bên kia cho thành pho, thành bộ, hoặc vụt đánh bẹt xuống phản, thỉnh thoảng lại được đưa lên lưỡi thấm một ít nước miếng để bốc bài nọc cho trơn. Họ nghiêm nghị như những nhà bác học trong phòng thí nghiệm, suy nghĩ nhiều, nói

năng ít, chỉ kêu lên những tiếng ngắn ngủi để xướng tên bài hoặc để tỏ niềm vui mừng, nỗi thất vọng mà những cây bài đưa lại cho họ. học Thi là người trẻ nhất đám. Hắn ngồi trở lưng về phía bàn thờ, không đeo kính như ông Bộ Thụ, không cúi sát xuống như ông Câu Đám, không rung đùi như bác cái Liêm. Mắt hắn tuy có quầng thâm bao quanh, nhưng vẫn sáng quắc, vẫn thỉnh thoảng liếc qua tay ông đồ Nhiệm vì ông này cầm bài quá hớ hênh. Ăn xong con nhị sách, hắn không do dự đánh cây lục văn, và như một thiếu nữ xếp cái quạt xinh, hắn xếp bài lại, đặt trước mặt, kéo một hơi thuốc lào, nhổ một bãi nước bọt lên nền nhà loang lổ những đờm, nước trầu, bã trầu, ngổn ngang những giày hạ, guốc sơn, guốc mộc. Và trong khi các địch thủ của hắn đang mải miết suy nghĩ về nước bài khó, hắn quay lại nhìn ông Nho, mỉm một nụ cười sung sướng. Ông Nho ngồi chầu rìa sau lưng hắn tỏ vẻ say mê không khác gì người trong cuộc, cũng reo lên khi hắn gặp nước, cũng "chó bài" khi hắn bị phỗng tay trên. Và giờ đây, hắn đương chì "nhẩy", ông cũng mỉm cười hy vọng. Ông sinh nhai bằng cách gá bạc, và nhờ ở tài xã giao, bao giờ cũng có khách trong nhà. Gặp lúc thiếu chân, ông ngồi vào đánh vài ván cho vui, để rồi nhường ngay cho người bạn đầu tiên ghé tới chơi, trở lại hưởng cái thú chầu rìa và nhân tiện xem hồ thổ có phân miêng không.

Trông thấy bà Hương trước tiên, ông Nho thõng chân rờ vội đôi guốc, đứng dậy đón chào. Bà Hương đáp lễ và tiến tới chỗ con ngồi, vỗ nhẹ vào vai nó, ôn tồn nói:

– Nhà Học, nhà Học, mẹ hắn chuyển bụng, về đã con.

Thi ngẩng đầu lên, cúi xuống liền, thò tay bóc một quân bài:

– Thất vạn! Hắn chuyển bụng à? Mời bà mụ chưa?

– Mời rồi.

– Mời rồi thì gọi tui về mần chi nữa? Mẹ về đi, tui đang giở thua. Ông Đồ bốc chi rứa?

– Ông cụ!

– Bốc nốt!

– Ngũ sách.

– Đây! Câu Đém nhổm đít, hạ bài xuống bày thành từng pho trước mặt cho "làng" soát lại. Bộ Thụ cất kính, dụi mắt, cúi về phía trước. Học Thi tiu nghỉu, thò tay, lật nọc, kêu lên:

– Trời ơi! Chi chi đây! Chậm một nước nữa thì mình ù cái "nhảy". Đen như chó mực, khỉ bài!

– Chó thật! Ông Nho nói tiếp.

Bà Hương đứng sau lưng con, cất tiếng van lơn:

– Hãy về với mẹ một chút đã con.

Thi quay lại trừng mắt:

– Về với chả về. Cứ kè nhè mãi làm người ta mất ù ván bài. Không về, đánh mãi. Chỉ báo hại thôi! Người ta đương đánh lại đến vỗ vai!...

Bà rơm rớm nước mắt. Ông Đồ cảm động ngừng tay chia bài, bảo Thi:

– Anh thật vô tình. Vợ đau đẻ, mẹ tới... mời mà cứ trơ trơ, đã không chịu về, còn gắt gỏng.

Ông Nho mềm mỏng hơn, dỗ:

– Anh Học nên nể lời ông Đồ, về một lát, tôi cầm thay cho, xong rồi lại sang đánh...

Mấy người kia bàn thêm người một câu, khiến Thi phải bỏ cuộc chơi theo mẹ về. Tới nhà nghe vợ rên la âm ỉ, hắn khó chịu, ngồi xuống giường ngoài thở dài.

– Bà Thủ Cán vừa vuốt bụng cho Thảo, vừa thì thầm với bà Hương: "Đánh thau mãi không chuyển. Khó đấy. Nhưng anh Học về là xong cả. Tôi có cách rồi".

– Thưa bà, cách chi ạ?

– Bắt anh nớ trèo lên cây cau trước nhà, rồi quay đầu trèo xuống, chổng đít lên trên, trèo vài ba lần như rứa, đứa bé thương bố, tất phải chui ra! À mà anh nớ có biết trèo cau không?

– Có, nhưng mà hắn chẳng chịu trèo đầu xuống mô. Vả lại như rứa nhỡ bổ thì khốn. Hay là dùng cách khác.

Bà Cán tặc lưỡi:

– Cũng được, cách ni dễ mà cũng nghiệm lắm. Bà ra trói anh nớ vào cột, trói chặt chừng mô hay chừng nớ.

Bà Hương nhăn mặt:

– Không biết hắn có chịu cho không.

Thảo nãy giờ nằm im, bỗng lại rên to hơn, lại kêu trời kêu đất.

Bà Hương nhìn dâu ái ngại, tới mắc áo rút cái dây thừng, mở cửa buồng bước ra. Thi đã đứng dậy định bỏ đi.

– Đi đây, tưởng gọi về mần chi, hóa ra về để nghe tiếng van, tiếng khóc!

– Mẹ lạy con một trăm lạy. Con thương mẹ, thương vợ, thương con với. Con ngồi rốn lại một xí xì xi nữa thôi. Lại đây, mẹ trói con vô cái cột ni, không lâu mô, một xí xì xi thôi!

Bà nắm tay hắn lôi tới cột...

– Ô hay, mần cái trò chi lạ rứa? Trói người ta lại mần chi? Điên à?

– Trói con lại để con con trong bụng mẹ, thương bố phải bò ra.

– Chỉ tin nhảm! Không chịu, đi đây! Hắn hất tay mẹ ra, cất bước. Bà Hương túm lấy thân áo sau: "Lạy con, mẹ lạy con!...".

Bà Thủ Cán trong buồng nói vọi ra: "Anh Học, anh Học. Chịu khó ngồi một lát, sắp được rồi đây nì. Tui chưa thấy ai vô tâm như anh. Anh thật là *một người không rọt*".

Bỗng bà im bặt. Trố mắt nhìn Thảo quằn quại, vặn mình, rú lên một tiếng to, não nuột: "A... i... i!" Rồi tiếng trẻ con nổi lên liên tiếp: "U oa... u oa". Bà reo lên: "Hờ! Con trai!".

Bà Hương buông Thi, ném chạc, chạy vụt vào buồng, tíu tít giúp bà Cán cắt rốn, tắm rửa. Và khi mọi việc cần kíp đã xong xuôi, bà ra tìm con thì không thấy "con người không rọt" ấy ở đâu cả. Hắn đã trở lại nhà ông Nho từ lâu...

Trung Bắc chủ nhật, số 232,
ngày 17-12-1944.

NGUYỄN ĐÌNH LẠP
(1913-1952)

Nguyễn Đình Lạp sinh ngày 19 tháng 9 năm 1913 tại làng Bạch Mai, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông (nay là phố Bạch Mai, thuộc quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội). Ông còn có hai bút danh khác: Yến Đình, Song Dực.

Thuở nhỏ, ông học tại trường phố Bạch Mai. Tốt nghiệp trung học, ông bỏ học, chuyển sang làm báo, viết văn. Kháng chiến toàn quốc, 1946, Nguyễn Đình Lạp vào bộ đội và tham gia Hội Văn nghệ Liên khu IV. Ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Để có thể viết về con người Hà Nội kháng chiến những năm 1951, 1952, ông đã xin chuyển công tác về Mặt trận Hà Nội. Ông mất ngày 24 tháng 4 năm 1952 sau một trận sốt rét ác tính tại Quân y viện 32 ở Thanh Hóa.

Nguyễn Đình Lạp thuộc lớp nhà văn hiện thực phê phán ở thời kỳ cuối cùng (1940-1945). Cũng như nhiều cây bút hiện thực khác thời kỳ này, ông phải lẩn tránh những đề tài nói đến những mâu thuẫn cơ bản trong xã hội, thường chỉ đi vào những vấn đề thuộc về phong tục của xã hội. Thời kỳ đầu, Nguyễn Đình Lạp thường viết phóng sự. Phản ứng trước tình trạng thanh niên thành thị xô đẩy vào vòng trụy lạc, ông viết Thanh niên trụy lạc (Báo *Ích hữu*), Chợ phiên đi tới đâu? (Tiểu thuyết thứ năm). Nhưng Nguyễn Đình Lạp viết nhiều hơn, sâu hơn về những người dân nghèo ở ngoại ô thành phố Hà Nội: Cường hào (báo Quốc gia), Ngoại ô, Ngõ hẻm, những tác phẩm có tính chất tiểu thuyết phóng sự phản ánh đời sống cực khổ, tuyệt vọng của tầng lớp xã hội này với tấm lòng nhân đạo chân thành, sâu sắc nhưng bất lực.

Tác phẩm đã xuất bản:

- Ngoại ô, Nhà xuất bản Hàn Thuyên, Hà Nội, 1941.
- Ngõ hẻm, Nhà xuất bản Hàn Thuyên, Hà Nội, 1943.

NGOẠI Ô

(Tiểu thuyết phóng sự – trích)

Ngoại ô miêu tả cuộc sống của một lớp dân nghèo ở Cầu Rền, Vạn Thái, Bạch Mai, ngoại ô Hà Nội trong xã hội cũ. Câu chuyện xoay quanh gia đình bác Vuông làm nghề bán bánh giầy, bánh giò và những bạn bè buôn bán của bác.

Bác Vuông định gả con Khuyên, con gái lớn của mình, cho Pháo, con trai bác bán phở Mỗ, bạn của bác. Nhưng Khuyên lại yêu Nhớn, một chàng trai làm nghề giết lợn thuê. Gia đình bác Vuông làm ăn ngày càng khá lên. Để có thêm người giúp việc, và nhất là vì bác Vuông chưa có con trai, nên bác Vuông cưới vợ lẽ cho chồng.

Nhưng đột nhiên, Nhà nước cấm đoán dân ngoại ô không được mang thịt vào thành phố để bán. Họ tìm hết cách để lén lút mang thịt vào, nhưng đều bị bắt. Gia đình bác Vuông vì thế buôn bán sút kém hẳn. Một hôm, bác Vuông gái đi bán hàng về, bị nhiễm dịch tả. Khi biết vợ khó lòng thoát khỏi, bác Vuông thuê xe tay đưa vợ về quê để khỏi mang tiếng chết ở quê người. Nửa đường, bác Vuông gái mất. Về đến làng, lý dịch gây sự không chịu cho chôn. May nhờ có người anh là Trưởng Tròn lo liệu với hương lý và các cụ trong làng, bác Vuông gái mới được mồ yên mả đẹp.

Trước ngày cưới, Khuyên bỏ trốn theo Nhớn. Để có tiền mang Khuyên đi, Nhớn và bạn đã phải đào mả một người nhà giàu chết vừa mới chôn để lấy hai chiếc nhẫn vàng.

Vợ chết, con gái trốn theo trai, buôn bán thua thiệt, bác Vuông đau khổ, buồn bực rồi hóa điên. Một hôm bác bị nhân viên y tế mang xe đến bắt đi Nhà thương Vôi (chỗ chứa người điên). Thế là cả một gia đình đang yên vui bỗng ly tán. Tác phẩm kết thúc bằng lời than thở của cô đầu Huệ, người đã chịu ơn cứu mạng của bác Vuông: "Cũng một kiếp người".

Đoạn trích dưới đây giới thiệu cảnh làm ăn, sinh hoạt hàng ngày của những người buôn bán nhỏ và lao động nghèo ở một vùng ngoại ô Hà Nội.

Dãy nhà ả đầu phố Vạn Thái, mười gian hầu hết đều đã đóng cửa im ỉm. Tiếng trống, tiếng đàn đáy, tiếng sênh phách, mọi thứ tiếng đều đã im bặt từ lâu. Họa hoằn một tiếng nói rộ lên hay một tiếng cười giòn giã nhưng ngắn ngủi lách qua khe cửa, vang ra đường phố. Thế rồi thôi; im lặng lại trở về im lặng. Nó tố giác sự mệt nhọc, sự

chán chường của những khách hành lạc thấy cuộc chơi đã hầu tàn, cố gây sống lại phút náo nhiệt gượng gạo.

Ngoài phố, mấy người phu xe ế khách, ghếch càng xe lên vỉa hè, nằm ườn mình thẳng cẳng trên đệm. Mắt lim dim, họ đang bận rộn tính nhẩm xem số tiền thu được là bao nhiêu và sau khi trừ tiền thuế có còn lãi lời, hay lỗ vốn.

Kề ngay đấy, bác hàng cà phê đang tỉ mỉ xếp mấy cái phích ra trước mặt. Bác mở nắp, tháo cái rây ở trong ruột phích ra, rồi vội vàng nhưng cẩn thận, bác đổ những bã cà phê vào một cái hộp sắt tây lót giấy nhật trình. Khi nhận thấy những bã cà phê hãy còn hung hung nâu, bác đưa lên mũi ngửi, rồi mỉm một nụ cười láu lỉnh: "Hãy còn ngát chán! Chỉ phơi qua một nắng lại pha được một nước nữa chứ chả bỡn".

Nhìn thấy ngọn lửa dưới đáy thùng nước dùng đã héo hắt tàn, bác phở Mỗ nhặt vội lấy cái ống nứa tép rồi ghé mồm vào thổi vo vo. Những tro trắng bay lên cao, tan tác như những cánh thiêu thân bị xé nát. Một đốm hồng lộ ra ở đầu thanh củi rắn chắc rồi liền đó những hoa lửa nổ lép tép bay ra, gây nên một cảnh sắc và một âm thanh là lạ.

Một mụ hàng rong tự đâu đến, hạ xuống nền nhà cái mẹt đựng lèo tèo mấy tấm mía, mấy nắm hạt dẻ, ngô rang, rồi cất tiếng hỏi:

– Thế nào? Bác phở Mỗ đã hết chưa? Còn bác cà phê đã sửa soạn về đấy à? Và chưa để cho ai kịp trả lời, mụ đã kể lể than thân:

– Chán quá, tự tối đến giờ mới được có bảy đồng xu. Thế mà cái con phải gió con Tâm – con Tâm ở số 62 ấy mà, nó lại chịu một xu rưỡi: bán những thứ này chả ăn thua gì cả. Muốn đổi nghề khác nhưng lại không có vốn.

Nói xong, mụ thở dài, bác phở Mỗ lẳng lặng mở ngăn kéo. Thấy một đồng Bảo Đại vương ở dưới miếng thịt nạm, bác nhặt lấy ném vào mẹt mụ hàng:

– Cho tôi một đồng hạt dẻ, ăn cho đỡ buồn mồm nào.

Mụ hàng vừa nhặt đồng chinh nhét xuống cái ví buồm, vừa nói:
– Một đồng Bảo Đại thì được bao nhiêu? Bác lấy cả nửa xu nhé?

– Thôi được bao nhiêu thì được. Ăn chơi ăn bời ấy mà!

Bỗng một trận gió vùng nổi dậy, xua đuổi những tàu lá khô, những mảnh giấy vụn, những vỏ bao thuốc lá chạy loạn xạ trên

đường, và đập những tà áo của bọn buôn thúng bán mẹt phần phật vào lưng, vào đùi họ. Gió có sức mạnh quyến rũ lạ lùng. Không những nó đem đến cho những vật chết một sức hoạt động vô tình, nó còn đánh thức dậy cả những linh hồn mệt mỏi, bị đêm trường đè trĩu trên vai. Như muốn đùa theo với tiếng gió rít lồng lộn trong những cành cây răng rắc, mấy người bán hàng đêm cùng vươn vai đứng dậy, cất tiếng rao inh ỏi:

– Cà phê ô-lê bánh tây!

– Ai ngô rang, hạt dẻ, mía không nào?

– Phở... ơ! Phở... ơ!...

Cùng lúc này, một tiếng rao khác từ phía xa vọng lại:

– Giò!... Giầy! Giò!... giầy... ỳ... ý...!

Mọi người quay nhìn cả về phía phát ra tiếng rao đáp lại ấy. Và ai nấy đều lẩm bẩm: "Gần hai giờ sáng rồi. Thằng cha giò giầy đã đi đấy". Ở phía xa, trên con đường vắng vẻ, âm thầm, hiện ra một ngọn đèn nhỏ, hung hung đỏ lắc lư theo nhịp bước của một cái bóng đen hoạt động.

– Giò... giầy! Bánh giò... bánh giầy!...

Tiếng rao to dần, mau dần. Đồng thời, cái bóng đen cũng tiến gần lại và rõ rệt hơn lên. Đó là một người đàn ông trạc băm nhăm, băm sáu tuổi, đầu đội một cái thúng nặng nề. Hắn bận cái áo cánh nâu và cái quần cùng một thứ vải nhưng màu bạc hơn một chút. Hai túi áo cánh to, rộng, sâu không biết chứa đựng những gì, dày cộm hẳn lên, kéo hai vạt áo thẳng căng, khiến hai thớ thịt nở nang bên vú in hằn rõ rệt giữa hai hàng khuy bảy chiếc bằng bột đỏ, chạy dài từ cổ xuống quá rốn. Mỗi bước đi, những vật nho nhỏ trong túi áo hắn lại va mạnh vào cái dạ cá thắt ngang lưng như để đánh nhịp theo ngọn đèn chai lúc lắc dưới bàn tay phải.

Ngọn đèn chai ấy là cái nhãn hiệu đặc biệt của bác hàng giò. Cái đặc điểm của nó là bao giờ cũng bị bụi bám kín mít và bao giờ cũng là là rung động cách mặt đất chừng mươi phân thôi. Cho nên, nếu tiếng rao của bác chưa khiến người ta nhận được bác bằng tai, thì ngọn đèn ấy cũng khiến người ta nhận được bác bằng mắt. Bác hàng giò đã đến trước cổng Vạn Thái. Mấy hàng xực tắc, cháo gà, cháo vịt, lục tàu xá, chè sen đã kĩu kịt tự mé Ngã tư Trung Hiền quảy gánh đi ngược lên.

Tuy không hẹn hò nhau trước, nhưng bọn hàng rong ai nấy đều hiểu cái giờ nào thích hợp cần tải "lương thực" đến cái xóm Bình Khang này để đem lại chút ít sức khỏe cho cái dạ dày đã lép xẹp của bọn người hành lạc. Cho nên dù trước đây có len lỏi vào các hang cùng ngõ hẻm để bán cho một đám chắn cạ, một đám tổ tôm nào, thì đến cái giờ quan hệ ấy, họ cũng cố quay trở về đây. Vì thượng từ Ô Cầu Rền, hạ đến Bốn Chó đá, chỉ có cái xóm ăn chơi xa xỉ này là cái "thị trường" to lớn nhất.

Nói là một "thị trường" to lớn cũng không ngoa chút nào! Cứ tính nhẩm từ trong ngõ Vạn Thái chạy ra hai dãy phố Mười Gian, người ta đếm được bốn mươi ba nhà ả đầu,[1] nghĩa là bốn mươi ba nhà chuyên việc chứa khách để thỏa mãn nhục dục dưới cái nhãn hiệu mỹ miều là thưởng thức văn thơ và nghệ thuật hát nhà tơ. Những căn nhà ấy hoặc không gác, hoặc có gác, nhưng ít nhất cái nào cũng có thể chứa được ba bốn người ngủ đỗ lại. Nếu tất cả bốn mươi ba nhà hát ấy đều có khách cả (mà thường thường như thế) thì ta sẽ thấy cái số người đi tìm mua khoái lạc về nhục thể có tới ngót hai trăm. Ngoài ra lại còn bọn người hèn mọn phải đem thân phụng sự cuộc vui đàng điếm ấy nữa. Mà bọn người sau này có ít đâu? Gồm cả ả đầu, kép đàn, thằng nhỏ, phu xe, bọn người nô lệ cho đồng tiền này nếu không đông gấp rưỡi cái số hai trăm, thì cũng tương đương với con số đó. Thế là bọn hàng rong có trung bình trên dưới bốn trăm người khách hàng. Bốn trăm cái miệng khô khan, đắng chát vì đã gào thét đến cháy cổ, đã nốc nhiều rượu, đã hút nhiều thuốc lá, thuốc phiện và đã hôn hít tục tằn! Bốn trăm cái dạ dày trống rỗng sau cơn phá phách nô đùa, chạy lên chạy xuống cầu thang mấy chục lần hoặc đã mệt rã rời sau một phút rú rít về xác thịt!

Quả là một thị trường to lớn, và đông đảo, và cần mẫn trong lúc đêm khuya, giờ mà xã hội loài người cần phải yên giấc để lấy lại sức mà vật lộn với cuộc sống ngày hôm sau.

Keng!... Keng!...

Chuông đồng hồ nhà ai đã điểm hai tiếng mỏi mệt. Bọn hàng rong lúc ấy cũng vừa tụ cả lại một chỗ ngay cổng Vạn Thái. Họ vẫn rao inh ỏi: "Phở... ơ! Cháo gà!... Cà phê ô-lê!... Xá, lục tàu xá!... Giò bánh giầy... y!...".

---

1. Theo quyển phóng sự của tác giả về *Thanh niên trụy lạc* viết từ năm 1936 (chưa in).

Tiếng rao có lúc rời rạc, thứ nọ tiếp theo thứ kia, ì ộp như tiếng ếch kêu; có lúc chụm vào nhau, pha trộn với nhau làm vang động cả một góc phố. Từng lúc, một trận gió chồm nổi dậy, xoắn xuýt cuốn những dư âm ấy ném vào mọi căn nhà hai bên dãy phố.

Có lẽ để đón những tiếng rao quí báu và hợp thời ấy, một cánh cửa bỗng mở bung, rải ra hè phố một vệt sáng hình chữ nhật. Rồi tấm cửa thứ hai và kẹt... tấm cửa thứ ba cũng mở. Chỉ trong mươi phút, hàng chục ô sáng to nhỏ, ngắn dài xếp gọn gàng trước mỗi căn nhà tùy theo rộng hẹp của khuôn cửa mở. Rồi thì những cô đầu hoặc bận áo cánh, quần ngủ trắng, hoặc chỉ gọn lỏn có cái coóc-sê với cái quần cộc, tất ta tất tưởi chạy ra, vừa búi ngược mớ tóc, vừa quai mồm gọi:

– Cháo gà! Lại đây!

– Phở! Phở! Điếc đấy à? Gọi rát cả họng mà vẫn không thưa.

Các hàng quà vội xỏ đòn gánh vào đôi quang. Mụ hàng mía nhẹ nhàng đặt mẹt lên đầu. Mấy anh xe đang buồn ủ rũ nhắc chiếc xe chạy tế lại, hấp tấp đến nỗi mui xe va chan chát vào cái chắn bùn của xe kia. Nhưng khi biết người ta chỉ gọi hàng quà thôi thì họ lại thong thả cắp càng xe vào nách mà lủi thủi bước một. Trong cái phút ồn ào hỗn tạp ấy, bác hàng giò chạy vội ra đứng ở giữa đường, từ từ quay gót nhìn bốn phía. Bác lắng tai nghe có ai gọi mình không, bác chăm chú đợi chờ...

Tiếng rao và tiếng gọi đã thưa thớt và lẩn chìm dần. Chỉ còn dội lên tiếng dao chém xuống thớt, tiếng bát, đĩa, thìa xô vào nhau. Xa nữa, từ bên trong những căn nhà rực rỡ ánh đèn, tiếng guốc, dép khua rộn rã xuống sàn gạch và tiếng nói cười huyên náo...

Nhìn thấy các bạn hàng đều hăm hở thái múc và bọn người trụy lạc đang vui đùa náo nhiệt, bác hàng giò cảm thấy mình bị ghẻ lạnh, hắt hủi, bỏ quên. Bác lo lắng nghĩ tới thúng hàng còn nguyên vẹn. Bác tự nhủ: Nếu chẳng may bị ế ẩm thì nguy quá. Lấy gì mà trả tiền thịt, tiền thuê nhà, chứ chưa nói đến tiền ăn nữa? Chập tối qua, bà chủ nhà đã cho người hỏi tiền rồi. Vẫn hay rằng bà là người dễ dãi, chưa trả được hôm nay thì có thể khất được tới hôm khác, nhưng bà ta càng dễ dãi, tử tế bao nhiêu thì mỗi lần mình mở miệng ra khất là mỗi lần mình ngượng bấy nhiêu. Còn đến số tiền thịt của bà cả Nẫm thì đừng có mà hòng chịu! Bà ta chỉ việc đứng ở cửa mà réo lên thì có đến tài thánh cũng chẳng nuốt trôi được bát cơm xuống cuống họng.

Mà lại còn tiền vé chợ nữa, sắp sửa hết tháng rồi còn gì? Lấy đâu ra mà lấp vào những lỗ trống ấy? Rõ thật điêu đứng, rõ thật khốn khổ..." Lòng băn khoăn lo lắng cùng nâng cao với thời gian trôi qua. Lần thứ hai, bác trông thấy bác phở Mỗ hai tay bưng hai bát phở nghi ngút hơi nóng, chạy vào một căn nhà. Bác thấy hơi ghen với sự đắt hàng của người bạn đã cùng bán hàng với bác ở cái làng này trên mười mấy năm qua. Lòng ghen ghét vô nghĩa lý pha trộn với sự lo âu, gây cho bác một tình cảm mạnh mẽ hơn: sự tức giận. Vội vàng, bác vừa quay người, vừa vung ngọn đèn, vừa rao gay gắt:

– Giò... giầy!... Bánh giò... ờ... bánh giầy... ỳ!

Lúc ấy phố xá đã bớt tiếng ồn ào, nên tiếng rao của bác vang dội hẳn lên rồi đột ngột rơi xuống như tiếng thác đổ. Rao xong, bác lấy làm hả lòng lắm. Bác kiêu hãnh đứng im chờ kết quả. Dư âm của tiếng rao đã tắt trong im lặng. Và cũng không còn một tiếng vọng nhỏ nào. Nhưng vẫn không có tiếng gọi mà lòng bác đang thiết tha đợi chờ. Thế mà bốn phía xung quanh, các bạn hàng vẫn tới tấp làm việc theo một nhịp điệu mỗi lúc một vội vàng hơn. Từ giữa đường cái, bác lủi thủi đi vào đường xe điện. Tay trái giữ chặt lấy thúng hàng trên đầu, bác ngồi xuống thanh đường sắt đặt nổi trên những hòn đá xám. Khí lạnh của kim khí chuyển sang mông đít và chạy thẳng lên xương sống của bác. Bác rùng mình, tay phải vô ý đặt luôn cái đèn chai xuống đống đá, gây nên một tiếng động nhỏ. Bác giương to mắt nhìn thẳng vào ngọn đèn ám khói đen kịt. Bác vừa nhớ ra ngọn đèn ấy là tất cả cái gia tài của cha mẹ bác đã để lại cho ba chị em bác. Hồi ấy, cách đây đã ngoại hai mươi năm rồi, cha mẹ bác bán giò chả ở ga Đồng Văn. Cha mẹ bác nghèo lắm, nghèo một cách cơ cực là nghèo. Khi cha mẹ bác chết đi, của cải chẳng có gì cả. Chỉ còn một cái thúng đi hàng và cái đèn này thôi. Anh bác, bác Trưởng Tròn hiện giờ cũng bán giò chả ở Ô Cầu Rền và đã trở nên giàu có, chị Khoanh thì lấy một người cai phu tại mỏ Hồng Gai, cả hai người định đem theo cái thúng và cái đèn ấy cho người hàng xóm. Nhưng bác Vuông – bác hàng giò tên là Vuông – không nghe. Bác xin anh chị cho mình hai di vật tồi tàn ấy để gọi là giữ lấy chút lộc thừa của những người thân đã khuất. Cái thúng đó được mấy năm sau thì rách nát mất. Cái đèn chai thì bác vẫn còn giữ được cho tới ngày nay. Tuy cái phao chứa dầu và cái cổ đèn đã phải thay, phải hàn mấy mươi lần rồi, nhưng cái thông phong

vẫn là cái thông phong cũ. Và vì thế, khi nhìn tới ngọn đèn và sực nhớ tới cha mẹ, nét mặt bác Vuông sầm tối lại. Lòng bác quặn đau. Bác phải lấy hết can đảm mới giữ nổi hai giọt lệ sa xuống, khỏi làm mờ ướt mắt đăm chiêu đang dán vào ngọn đèn. Cả một cuộc đời siêng năng và đau khổ của cha mẹ bác, và rồi đây... cả một cuộc đời của vợ chồng bác nữa, cũng chỉ như ngọn đèn âm thầm và đen tối này thôi. Cháy không ai hay mà tắt cũng không ai biết. Thật là buồn, thật là tủi, thật là đau đớn!... Có lẽ bác Vuông định nghĩ thế nên nét mặt bác mới ràu ràu. Nhưng vì không đủ lời để diễn tả tư tưởng mình, bác đành buông một tiếng thở dài não nuột...

Một con châu chấu bay vụt đến, chao cánh là là xung quanh ngọn đèn vài vòng rồi đậu vào thông phong. Bác Vuông giật mình sực nhớ tới buổi hàng. Tay xách đèn, bác vùng đứng dậy, toan rảo bước vào trong ngõ Vạn Thái. Thì có tiếng gọi giật: "Bác hàng giò"! Bác kìm ngay chân đứng lại. Một thằng bé đứng ngay trước mặt bác:

– Bán cho tôi một cái bánh giò một xu.

Đang uất ức, buồn bực, bác thấy người nhẹ nhõm hẳn đi. Bác nhanh nhẩu đặt thúng hàng xuống đất, khom mình lật mẹt, lấy một cái bánh trao cho đứa trẻ. Vui vẻ, bác nghĩ tới câu: "Một vía trai bằng hai vía gái".

Mỗi khi đội thúng đi bán hàng, bác vẫn nơm nớp sợ nếu vô phúc bắt gặp cô đầu rắn gan rắn ruột nào mở hàng thì hôm đó sẽ bị xúi quẩy, ế ẩm. Bây giờ đã có người mở hàng cho bác rồi, mà người ấy lại là người đàn ông, đúng hơn, lại là đứa con trai hãy còn tinh khiết, thế là bác không lo ngại gì nữa. Bác yên trí rằng thế nào buổi hàng hôm nay cũng trôi chảy được như chơi.

Nghĩ thế bác sung sướng nhắc thúng đặt lên đầu và lại cất tiếng rao nhẹ nhõm:

– Giò... giầy!... Giò... giầy... ỳ!

Quả nhiên, vừa bước chân vào ngõ, bác đã nghe thấy có người gọi. Bác theo chân thằng nhỏ, bước vào một nhà cô đầu. Quan viên nhà này đông quá. Trên cái ghế ngựa kê sát ngay cửa ra vào, một người đàn ông nằm cuộn trong chiếc chăn bông, đầu thò ra ngoài, gối lên đùi một ả đầu. Trông hắn, người ta phải nhớ ngay đến con sâu kèn đang thò đầu ra ngọ nguậy. Cuối phòng, bốn năm người trai trẻ khác nằm úp thìa, đầu gối lên bụng nhau xung quanh một cái khay

đèn thuốc phiện. Giữa phòng, là một bộ "xa lông" kiểu mới. Hai người đàn ông nằm ườn trên ghế, chân ghếch lên mặt bàn, miệng hát líu lo. Liền ngay đấy, một người thanh niên nữa ôm chặt lấy một cô đầu mà nhảy đầm.

Ngoài ra, lại còn mấy ả đầu bận áo xanh, áo tím, áo hồng đi lại nhộn nhịp để rót nước, để châm lửa và để vâng dạ phục tòng.

Trước cái quang cảnh nhộn nhịp, ầm ĩ và dâm ô ấy, bác Vuông thấy lòng vui vui. Thật là trái ngược hẳn với cái cảm tưởng đầu tiên ở một ngày xa tít xa tắp cách đây mười mấy năm trời, ngày mà bác bước chân lần thứ nhất vào một nhà ả đầu. Cái cảnh hôm ấy cũng suồng sã, xấu xa tương tự như thế này. Nhưng hôm ấy bác thấy nóng ran cả cơ thể và bác ngượng nghịu muốn quay ngoắt ngay ra. Chưa bao giờ bác lại có thể ngờ rằng xã hội loài người lại có thể sản xuất ra cái thứ đàn bà voi giày, ngựa xé, trơ trẽn đến như thế được. Mà cái óc chất phác của bác lại tin rằng chỉ chứng kiến những cảnh dâm đãng như vậy thì chính mình cũng thành xấu xa nhơ bẩn.

Nhưng mười mấy năm đã trôi qua. Cuộc mưu sinh luôn luôn buộc bác phải nhìn những cảnh như thế mãi và khiến bác không còn giữ được cái cảm giác nguyên vẹn như xưa; bây giờ thì bác chỉ nghĩ đến sự chạy hàng. Bác từng chép miệng nghĩ thầm: "Ai đội mũ lệch thì người ấy xấu, chứ việc gì đến mình".

Nhìn thấy bác đi vào, bọn quan viên chồm cả dậy, cặp mắt háu đói long lanh. Họ đồng thanh reo to:

– Ồ, giò chả, thích cha chả là cha chả!

Rồi như khoái chí dùng được mấy chữ "chả" trong một câu, họ phá ra cười sung sướng và lại hét to hơn:

– A-lê, thái mau lên bác! Có bao nhiêu bỏ hết cả ra. Các chị ăn đi. Chúng tôi xin khao khắp lượt.

Bác Vuông vui vẻ đặt thúng xuống một cái bàn con. Bác vừa mới lật cái mẹt lên thì đã có người thò tay vào thúng nhặt một cái chả nắm lợn mà nhai ngấu nhai nghiến. Trong khi ấy, bác Vuông đã lật ngửa cái mẹt ra bục, bỏ một miếng gỗ nhỏ ra làm thớt rồi lấy giò ra thái. Bác vừa bóc bánh vừa thái giò rất mau lẹ mà vẫn không kịp cho cả bọn ăn. Đến nỗi họ phải tranh nhau bóc bánh và cứ cầm cả từng khoanh giò mà nhai nhồm nhoàm. Chỉ trong hai mươi phút, cả thúng giò chả của bác chỉ còn trơ lại một đống lá không. Thấy thế, bác vui

mừng vô hạn. Bác lẩm nhẩm cảm ơn thầm cái cậu bé may mắn đã mở hàng cho bác ban nãy.

.....

Vợ chồng bác Vuông ngụ tại một căn nhà tranh lụp xụp bên trong xóm Hàng Mả, lưng tựa hồ Bô, một cái hồ rộng nhưng nông choèn choèn, nước không có đường thông thành ra quanh năm đen sì, ngầu những váng và một mùi hôi thối xông lên gớm chết. Cái nhà lá ấy rất thấp, rất hẹp tựa hồ một cái nón úp xuống mặt đất, khí trời và ánh sáng bên ngoài khó lòng mà vào được tận nơi, cũng như những mùi ẩm mốc bên trong không bao giờ bay hết được ra ngoài. Ấy thế mà căn nhà lại còn chia làm ba, có ba gia đình ở; vợ chồng bác Vuông, bác bán thịt trâu, bác Mão cũng làm giò chả. Ngoài ra còn hai cái nhà lá nhỏ có ba gia đình khác nữa cùng quay ra cái sân đất hẹp để chia bớt cái phần ánh sáng của gia đình bác Vuông. Cái sân ấy chỉ bằng hai cái nia, bày chật ních các chum vại khiến người vào ra thường phải đụng chạm cánh tay nhau. Nhà bác Vuông không có đồng hồ báo thức gì cả, nhưng ngày nào cũng thế, cứ vào khoảng ba giờ rưỡi, bốn giờ sáng là bác gái đã tỉnh giấc. Bao giờ bác gái cũng tỉnh dậy sớm hơn những người bán hàng ở cùng chung một nhà. Vì thế bác lại tự cho mình cái chức trách rất tự nhiên là đánh thức mấy người đồng nghiệp để họ cùng đi lấy thịt một thể.

Hôm nay cũng thế, vừa tỉnh giấc, bác gái giơ tay khêu to ngọn đèn hoa kỳ. Bác rón rén ngồi dậy, khe khẽ lấy cái gối bông nhỏ đặt chặn lên bụng cái Đĩ Tũn đang ngủ say sưa để cho nó khỏi giật mình. Bác nín thở, đứng dậy, với lấy cái áo nâu dài mặc vào người. Bác buộc sơ sài vạt cái với vạt con một tao. Đoạn bác đi ra sân, mở chum múc một gáo nước. Bác tu một ngụm để súc miệng, còn nửa gáo kia bác đổ ra bàn tay rửa qua loa cái mặt. Nước lạnh vỗ vào mặt khiến bác tỉnh hẳn ngủ, mạnh dạn thêm, khỏe khoắn thêm. Chợt bác lẩm bẩm nói một mình: "Quái bây giờ mà còn chưa về. Ế hàng hay sao mà về muộn thế? Hay là xảy ra chuyện gì?" Cái ý tưởng này chỉ thoáng qua rất nhanh rồi mất ngay. Vì bác Vuông gái đã mỉm cười, nói tiếp: "Rõ lẩn thẩn, đây xuống ngã tư thì còn xảy ra chuyện gì nữa". Nói xong bác yên tâm với lấy cái rổ cắp vào bên sườn, bước ra giữa sân, to tiếng gọi:

– Sáng rồi, các bác dậy mà đi lấy hàng! Cả chú Mão dậy đi thôi.

Nghe thấy tiếng mẹ. Cái Khuyên trở mình, tự trong chăn hỏi ra:

– Bu đã đi lấy thịt đấy hả bu?

– Ừ, mày dậy làm gì sớm thế?

Không trả lời câu hỏi của mẹ, cái Khuyên tung chăn nhỏm dậy, hỏi luôn:

– Bố chưa về hả bu?

– Chưa... Dậy đi các bác, dậy mà đi lấy hàng.

Bên trong những gian nhà tối om đã có tiếng ậm ự trả lời. Cái Khuyên đã bước ra sân, đứng khom lưng, hai tay ủ vào hai đùi, xuýt xoa:

– Rét! Rét! Con cũng dậy sắp thổi cơm thôi. Hôm nay, con làm nhiều giờ. Con nắm cơm để ăn ở trong sở, trưa không về. Thôi bu cứ đi đi, để con đánh thức các bác ấy cho.

Bác Vuông gái âu yếm nhìn con rồi không trả lời, ra mở cửa lê guốc quèn quẹt đi lên ô. Bác là người mua hàng quen của bà Cả Nẫm. Bác bảo với người ta rằng bà Cả Nẫm tính tình nhẹ nhõm, dễ mua dễ bán hơn. Và nhà bà ở cuối phố vừa gần vừa tiện cho bác. Nhưng hai cớ ấy chỉ là phụ cả. Cái cớ chính khiến bác không muốn lên quá mé trên mua hàng là bác sợ sẽ gặp một người chị dâu, vợ bác Trưởng Tròn. Nghĩ đến cái cảnh cùng vào làm dâu một nhà, chị ấy thì buôn bán phát tài, nói đâu đất đấy rồi cứ giàu ùn ùn mãi lên, còn mình thì túng bấn vẫn hoàn túng bấn, bác Vuông gái tủi thân không muốn gặp chị. Khốn khổ nhất là những lời dị nghị bâng quơ của những người làng mạc vẫn hay đến tai bác luôn. Những là "cái con hai Vuông ấy thì ăn quà như mỏ khoét, cái của ăn tàn phá hoại ấy thì làm gì mà chẳng nghèo xác, nghèo xơ, bằng thế nào được con mẹ Trưởng Tròn kia chứ. Thật đi xách dép con nó không đáng". Tuy chồng mình, những người ở cùng nhà và cả vợ chồng bác Trưởng Tròn nữa đều rõ bác Vuông gái là người đảm đang xốc vác nhưng cứ nghèo túng mãi thế này thì làm thế nào rửa cho sạch được những tiếng đồn xấu xa ấy chứ? Vì thế, bác thường chép miệng thở rài: "Bao giờ trời mới mở mày, mở mặt cho mình?".

Lúc bấy giờ đã quá ba giờ sáng. Ô Cầu Rền bày ra một cảnh tượng náo nhiệt và ầm ỹ lạ lùng. Tiếng lợn bị chọc tiết kêu eng éc vang động cả một góc trời. Ngay trước bót cảnh sát ở đầu Ô, có lẽ vì quá chán nản với cái thành phố thái bình, không xảy ra một chuyện trộm cướp gì cả, người đội xếp phải phiên canh đã ngủ gà ngủ vịt trên cái ghế con. Thấy tiếng kêu xé phổi của hàng trăm con lợn đang

giãy giụa hấp hối, hắn bàng hoàng tỉnh ngủ. Theo lệ thường, hắn đứng phắt dậy, cắp cái "dùi cui" vào nách, đi vội vàng về phía đầu Ô, lắng tai nghe ngóng và ghé mắt nom dòm.

Cũng như mọi sáng tinh mơ khác, khi những giọt sương khuya hãy còn rả rích lăn trên tàu lá, rồi lại từ tàu lá rơi đánh bộp xuống đường ẩm ướt, thì ở đây, ở cái cửa ô tối tăm và chật hẹp này, lòng yêu sống, mong sống, ham sống bắt đầu lôi kéo bao nhiêu kiếp người vào một cuộc sinh hoạt gay go, tàn nhẫn và nhọc nhằn.

Trong một nhà hàng thịt, vừa bị bà Cả Nẫm phát cho mấy cái cán phất trần, bác đồ tể Nhớn bàng hoàng nhỏm dậy. Hai chân buông xuống đất, hai tay để trên đùi, bác ngồi thu người tiếc rẻ giấc mơ sung sướng của bác vừa bị tan vỡ. Mấy phút trước đây, bác có nhiều tiền lắm. Bác cũng không rõ tiền ở đâu ra mà nhiều thế.

Hình như bác được bạc? Hình như bác bắt được một cái ví dày cộm, đựng đầy những giấy một trăm? Bác không nhớ nữa. Chỉ biết rằng bác có rất nhiều tiền. Bác trả nợ cho con Tình, một người gái săm xinh xinh, ngoan ngoãn, mà mỗi lúc có tiền là bác nhớ đến ngay nó, tìm đến nó. Bác lấy nó làm vợ. Tuy không cưới xin ầm ĩ, nhưng bác cũng có làm một bữa rượu linh đình mời các bạn thân sơ đến chứng kiến. Cả con mụ chủ săm độc ác, đểu giả nữa, bác cũng mời. Mời nó, bác định trả thù cho Tình để nó trông thấy cảnh giàu sang của bác và của Tình mà phải ước ao, thèm khát. Thế rồi bác tậu một ngôi nhà gạch ở ngay cửa Ô. Vợ chồng bác mở một ngôi hàng thịt quay. Cửa hàng chạy lắm. Đó là nhờ ở cái tài chiêu khách rất ngọt ngào của Tình và cũng nhờ ở việc quay thịt khéo léo, ngon lành, đỏ như son tàu và giòn như miếng sụn của bác. Cửa hàng càng chạy, bác càng giàu. Bác sắm một cái xe nhà đen để ngày ngày vợ đi lấy tiền hàng cho tiện. Rồi vợ bác sinh hạ một đứa con trai. Rồi bỗng dưng một hôm bà Cả Nẫm đến chơi. Bà bế lấy con bác và khen lấy khen để rằng nó giống bố như hệt. Giống từ cái mắt, cái cằm, cái mồm, cái trán. Lạ hơi, thằng con bác khóc thét lên...

Giấc mơ đầy ảo tưởng của bác tới đây thì bác tỉnh dậy do mấy cán phất trần của bà chủ. Thấy bác Nhớn hãy còn ngồi bần thần tiếc rẻ, bà quát thêm.

Không trả lời chủ, Nhớn vươn vai đứng dậy, các khớp xương kêu răng rắc. Đoạn bác cởi áo cánh vứt ra giường, để lộ tấm thân lực lưỡng với cái bắp thịt to mập. Nhìn thấy một vết đỏ dài ở bắp tay

trái mà cán chổi vừa ghi lại, bác khẽ lấy tay xoa. Rồi lặng lẽ bác xắn cao quần, xăm xăm đi tới cửa chuồng, cúi mình nắm lấy một chân trước và một chân sau con lợn béo có lẽ nặng tới 70, 80 cân tây. Bác nâng bổng nó lên cao, khiêng ra đặt ngửa nó trên một bàn xi măng. Bác lấy lạt buộc qua loa bốn vó. Rồi vội vàng bác cầm con dao nhọn nhỏ bản cắm phập vào cổ lợn, rạch ra một lỗ to. Con lợn giãy giụa, kêu rống lên mấy tiếng. Nhưng một chân bác đã lanh lẹ chặn chặt lên bụng lợn, bàn tay phải bác đã ấn mạnh con dao ngược hẳn lên. Con dao ngập sâu hẳn vào cổ lợn. Đồng thời, từ đầu cán dao, ồng ộc phọt ra một vòi tiết đỏ, chảy tóe xuống một cái chậu sành đặt sẵn sàng ở phía dưới.

Con lợn rống lên mấy tiếng to hơn. Rồi vùng vẫy bốn vó, rồi rên rỉ, rồi im lìm...

Khi nhận thấy con vật đã chết ở trong tay mình. Nhớn rút dao ném ra bàn. Lanh lẹ nhưng nhẹ nhàng, bác xách hai vó lợn dấn vào cái chảo gang rộng miệng, chứa đầy nước sôi sùng sục. Bác lật nghiêng, lật ngửa, quay ngang, quay dọc con lợn vài vòng. Rồi chưa đầy hai phút, bác lại nhấc con vật nghi ngút hơi nóng đặt ra chỗ cũ. Lần này bằng cọn dao to bản hơn, bác làm lông. Con dao chạy sồn sột trên mình lợn, để lại những mảng da trắng hếu như ngó cần.

Từ lúc bắt lợn chọc tiết cho tới lúc pha lợn, làm lòng, bác đồ tể Nhớn không dùng hết 15 phút. Trong cái thời khắc ngắn ngủi ấy, bác quên hết cả mọi sự. Bác say sưa với sự giết chóc, đến nỗi trời đã trở lạnh, mà mồ hôi của bác chảy ra như tắm, dán chặt hẳn cái quần vào hai mông. Trong cái phút hăm hở làm bổn phận phải giết thật mau, thật nhanh, thật nhiều, bác cũng không bao giờ hiểu rõ cái ý nghĩa của công việc mình làm. Bác chưa bao giờ nghĩ tới cái miếng thịt lợn tươi, lành và béo ngậy do chính tay bác vừa pha ra kia lại có thể đem lại cho cơ thể con người những chất bổ mới, một nguồn sinh lực mới... Không nơi nào bằng nơi này, câu nói của Gandhi "Chính từ cái chết mà sự sống bắt nguồn" được chứng tỏ một cách hùng hồn và cụ thể.

Lúc này, ở ngoài phố, trước mái hiên mỗi nhà hàng thịt đã treo lủng lẳng một ngọn đèn dầu vuông lồng kính bốn mặt. Dưới cái ánh sáng vàng yểu ấy, các bà hàng thịt đã đứng sẵn sàng phía sau những quầy hàng. Đó là những bàn đóng sơ sài, bọc kẽm thì bóng nhoáng những mỡ, để trần thì lỗ chỗ vết dao đầy mùn thớt. Các bà đón lấy những phiến thịt hãy còn ròng ròng máu chảy từ trong nhà chuyển

ra. Rồi rất gọn gàng và thứ tự, các bà bày ra quầy, thủ một khu, họng một khu, chân giò một khu khác nữa. Đoạn các bà xắn cao tay áo, kéo ra một miếng vải lớn vấy máu và cáu bẩn buộc vào ngang lưng để tránh cho thịt khỏi giây vào quần áo trong và luôn thể làm khăn lau tay. Có bà đã rút ra cái liếc bằng sắt dài và con dao phay bầu, rồi liếc lia lịa khiến cho người ta nhìn thấy phải rùng mình, lo lắng hộ. Vì chỉ lỡ một tí, một tí thôi, là cái lưỡi dao sắc bén ấy có thể rơi bập xuống cổ tay bên kia được. Có bà ngồi đếm tiền, xâu thành từng chuỗi xu, xếp thành từng cọc hào để lát nữa tiện trả khách hàng vừa khỏi lầm lẫn. Bà Cả Nẫm là một bà hàng thịt lớn ở cửa Ô. Lúc này, bà đang quát mắng tên đầy tớ gái quét cái cửa hàng không sạch hãy còn để lại một đống phân lợn kếch xù.

Phố xá mỗi lúc một huyên náo hơn, tấp nập hơn. Những người hàng rau đã kĩu kịt quẩy gánh từ mé xuôi ngược lên. Rồi những hàng gà vịt với đôi bu khổng lồ, những hàng chuối với đôi giành thưa, to lớn, miệng rộng bằng cái nia. Trời còn lâu mới sáng hẳn. Nhưng bọn người cần lao đã tề tựu đủ mặt cả rồi. Dầu chưa có khách mua, nhưng họ phải đến sớm để bày biện và chiếm lấy một chỗ dọn hàng.

Ô Cầu Rền tuy không phải là một cái chợ, nhưng người ta vẫn quen mồm gọi là chợ Ô. Đáng lẽ phải gọi là "Cửa Ô bán thực phẩm" thì đúng hơn, vì ở đây chỉ bán những món ăn tươi thôi. Ấy thế mà toàn thể dân hộ thứ tám của thành phố sáng sáng đều xuống mua cái ăn, vì vừa gần, vừa rẻ hơn chợ Hôm nhiều.

Những khách hàng đầu tiên đến mở hàng phiên chợ Ô này toàn là những người bán cháo lòng, tiết canh và những người bán giò chả. Hàng cháo lòng thì cần đến một thùng tiết, vài cỗ lòng, dăm ba khấu đuôi. Hàng giò chả thì cần mua dăm bảy cân thịt dót, thịt mông, thịt thăn, thịt đầu rồng, nhiều ít tùy theo số hàng làm bán. Vì cái lẽ phải lấy thịt ngay khi còn tươi và tiết ngay khi chưa kịp đông lại, nên hai thứ người này đều có mặt ở đây ngay khi con lợn thứ nhất mới bắt đầu giãy chết.

*

*   *

Bác Vuông gái tựa cái rổ vào quầy hàng, đứng nói chuyện với bà Cả Nẫm. Bác đã nhai tàn miếng trầu cau khô và đã nói nhiều thứ chuyện, thế mà trên quầy vẫn chỉ có lèo tèo một con lợn mới pha, không đủ cho bác lấy.

Sốt ruột, bác giục:

– Ô hay hôm nay sao thịt chậm thế hở bà?

– Ấy, cái thằng phải gió thằng Nhớn, nó đi chết lăn chết lóc ở đâu mãi đến khuya mới về, rồi nó ngủ như chết; tôi phải quật cho nó mấy cái phất trần, nó mới dậy đấy. Thành thử ra hôm nay thịt chậm, bác bằng lòng vậy.

Nói xong, bà Cả Nẫm giơ hai ngón tay quệt cốt trầu loe ra hai mép rồi cúi xuống, bà nhổ đánh toẹt cả bã trầu, cả cốt trầu ra bậc cửa. Và quay trở vào phía trong, bà nói như hét:

– Gớm chết! Có mau mau lên chứ! Để người ta đợi đến sáng bạch nhật ấy à?

Cùng lúc này, bác đồ tể Nhớn bưng ra một thúng thịt đầy. Bác vừa buông tay đặt thúng xuống quầy thì bà chủ đã giơ tay củng vào đầu bác và kéo dài mồm, giọng vừa đay nghiến, vừa bông đùa:

– Cái của ôn này thì cũng phải phiên phiến mà lấy vợ đi thôi. Không đêm nào là không mò mẫm suốt đêm, làm lỡ cả hàng của người ta, ai mà chịu được.

Không giận dỗi, bác Nhớn đưa tay xoa đầu, miệng cười toe toét, nói khôi hài:

– Ấy, cũng đã giấm rồi đấy ạ. Nhưng chỉ hiếm cái "số ngân" chưa trông vào đâu được thôi. Vậy nhờ bà giúp cho một trăm nhé.

Tưởng thực, bác Vuông gái hỏi vồn vã:

– Thế bác đã có món rồi à? Người phố ta chứ?

– Vâng, cũng người gần đây thôi. Hai bác cứ sắp sẵn đồ mừng đi cho.

Trong khi ấy, bà Cả Nẫm đã lấy dao rọc thịt. Tay cầm cân, bà ngẩng lên hỏi bác Vuông gái:

– Bác vẫn lấy như mọi ngày chứ?

Rồi đưa mắt láu lỉnh vừa nhìn bác Vuông gái, vừa nhìn Nhớn, bà nói đùa:

– Hay là bác Vuông ạ, cháu Khuyên đã lớn rồi, bác gả quách cho thằng Nhớn cho xong.

Bác Vuông gái đỏ bừng mặt, vội phân trần:

– Ấy chết bà dạy lầm rồi. Bác Nhớn với nhà tôi là chỗ bạn bè đấy ạ.

– Vẽ, bạn bè gì mà bạn bè. Bác trai nhà ta ít nhất cũng ló lép 40 tuổi, thế mà thằng Nhớn đây mới có 25, 26 tuổi. Bạn bè thế nào được.

Rồi phá ra cười như nắc nẻ, bà nói thêm:

– Như thế chẳng còn lo lỡ thịt nữa bác ạ. Chàng rể bao giờ mà chẳng dành thịt cho mẹ vợ...

Bác Vuông gái lấy làm khó chịu, đánh trống lảng:

– À, bà cho sáu cân thịt mông nạc đấy chứ? Kìa! Chưa được tươi, bà thêm một miếng nữa vào...

Còn Nhớn cũng ngượng nghịu, im lặng lùi vào trong.

Ngoại ô, tiểu thuyết phóng sự,
Nhà xuất bản Hàn Thuyên, 1941.

NGÕ HẺM

(Tiểu thuyết phóng sự - trích)

Ngõ hẻm tiếp tục câu chuyện của *Ngoại ô*.

Sau khi đưa Khuyên trốn ra Hải Phòng, Hà Tu, phần thì Khuyên ốm nặng, phần vì được tin bác Vuông bị điên, gia đình li tán. Nhớn đem vợ về Bạch Mai. Khuyên chẳng may bị càng xe bò của Pháo đâm phải bị thương. Nhớn ngờ là Pháo có ý trả thù, dọa giết Pháo. Tín, bạn thân của Nhớn mang cơm sang cho Khuyên, gặp Còi em gái Khuyên đang ở giúp chị, liền đem lòng yêu thương. Vì cần tiền, Nhớn đã đi cướp đường. Không ngờ người bị cướp lại là Bưởi, vợ Sẹo, bạn của Nhớn. Sẹo, phát hiện được việc Nhớn cướp tiền của vợ mình, giận lắm, đánh Nhớn một trận. Nhớn biết mình có lỗi, đành nhịn. Tình bạn hai người không vì thế mà sứt mẻ.

Nhớn làm nghề gác sòng bạc cho Ba Sự, một chủ gá. Ngày đầy tháng con Nhớn, bạn bè đến mừng và ăn cỗ. Phả, một tên đàn em của Ba Sự gặp Còi ở nhà Nhớn, tán tỉnh Còi, Còi nhầm và yêu Phả. Khi Còi có mang ba tháng, Phả bỏ rơi. Tín vẫn thương Còi, cưu mang mẹ con Còi và lấy Còi làm vợ.

Vì gác sòng bạc, Sẹo và Nhớn bị bắt bỏ tù. Lợi dụng dịp ấy, Ba Sự quyến rũ Khuyên, nhưng bị Khuyên cự tuyệt. Một đêm, Ba Sự định đến nhà Khuyên để giở trò, Khuyên chống lại và giết chết Ba Sự. Ông già Ất ở cùng nhà, một ông già đã chán thế thái nhân tình, nhận tội giết Ba Sự và đi tù thay cho Khuyên.

Ở trong tù, bọn tay chân Ba Sự xuyên tạc, Nhớn hiểu nhầm Khuyên, sinh ra chán đời: mãn hạn, cũng không thiết ra tù nữa. Khi được thả ra, Nhớn đi lang thang hết phố này đến phố khác. Nhớn gặp Sẹo, Sẹo cho biết sự thật và dắt Nhớn về nhà mới thuê. Khuyên ở chung với vợ chồng Tín. Đứng ngoài nhìn vào thấy Tín đang chăm sóc vợ, còn Khuyên thì đang nựng con, Nhớn sung sướng đến lặng người.

Nhưng nghĩ đến những việc đã qua, đột nhiên Nhớn cảm thấy cảnh yên vui của gia đình mình hiện nay rất mong manh và bất trắc. Và cả thân mình nữa, rồi đây cũng chỉ là một tàu lá trước cơn giông tố phũ phàng của cuộc đời.

Đoạn trích dưới đây giới thiệu phần đầu và phần kết thúc tác phẩm. Cảnh Sẹo và Tín khao Nhớn lúc Nhớn mới trở về và nỗi chán nản của Nhớn khi ở tù ra.

PHẦN I
Chương II

– Nhớn ! Nhớn ơi !

Tiếp theo ngay tiếng gọi gấp này bàn tay đập dữ dội trên tấm liếp tre. Đang đăm chiêu suy nghĩ, Nhớn giật mình hỏi gắt:

– Ai đấy, làm cái gì mà ồn lên thế?

– Chúng tao đây, Sẹo và Tín đây.

– Thì hãy khoan đã nào. Chúng mày định phá nhà tao chắc.

Tuy bực mình, Nhớn cũng bước xuống giường, xỏ chân vào đôi guốc đi ra mở cửa. Cánh liếp vừa hé, ánh sáng bên ngoài đã tràn trề vào ngôi nhà tối om làm cho Nhớn hoa cả mắt. Mưa tạnh từ lâu. Trên nền trời sáng màu bạc cũ, mặt trời hoe hoe chiếu xuống những tia nắng ấm dịu. Thấy mắt Nhớn gấp gáy, Sẹo nói:

– Mặt trời vượt khỏi ngọn tre rồi hãy còn ngủ, quý thật. Thế mày ốm ra sao.

– Thì hãy vào trong này cái đã. Nào có ốm đau gì đâu. Chỉ thấy mỏi lạ thường, suốt đêm cứ chong ra thôi, không tài nào ngủ được. Đã thế lại nằm mê, mà chúng mày ạ, giấc mê gớm ghê !

Tín cướp lời bạn:

– Đã không ngủ một tí nào mà còn lại nằm mê được? Rõ cu cậu giấu đầu lại thò ngay cái đuôi ra.

Nhớn chưa kịp cắt nghĩa thì Sẹo đã cười vang lên:

– Ha, ha ! Nằm mê ! Tao còn nhớ mỗi bận mày nằm mê là y như lấy một con vợ. Cái hồi lấy con Tình cũng thế nhé. Lại cái hồi mày lấy con Khuyên, mày cũng kêu là mày nằm mê, ha ha... Bây giờ mày nằm mê thấy gì?...

Nhớn đáp mệt mỏi:

– Tao mê thấy chuột !

Sẹo vỗ tay vào nhau phá ra cười:

– Chuột... chuột hử? Thôi đích rồi ! Cu cậu sắp sửa lấy...

Tín chèn ngay vào:

– Một con mèo nữa chứ gì?

– Hay ! Một con mèo. Mà chắc hẳn là con "mèo" sộp lắm, béo lắm vì nó có nhiều chuột để vồ, để ăn. Nghĩa là con mèo của mày có nhiều xu để tiêu, mày nghe ra chưa?

Sẹo và Tín vỗ tay đôm đốp, rồi cười ngặt nghẽo. Nhớn cũng bật cười theo. Cái tính bông lơn của Sẹo và cái vui vẻ hồn nhiên của Tín đã xua đuổi mọi ý nghĩ đen tối trong đầu Nhớn. Trong một phút hắn lại trở lại với hắn, hắn lại là hắn: nghĩa là biết sống trọn vẹn cái hiện tại, biết hưởng thụ đầy đủ cái tươi vui của hiện tại. Hắn rút ngăn kéo lấy bao thuốc lá đưa mời bạn, đánh diêm hút rồi nói:

– Chúng mày nói phải đấy. Để rồi tao kiếm một con mèo thật sộp, thật oách, thật sụ, thật cóc vàng mới được, lúc bấy giờ tao sẽ khao luôn luôn cho chúng mày xem.

Nhớn cười hì hì:

– Bây giờ thằng nào có tiền hãy bỏ ra khao cho tao một chầu cháo lòng tiết canh ở nhà mụ Ba Sửu cái đã, tao đang đói đây.

Tín cười:

– Rõ khéo bác lắm, thấy mặt là bác vòi ăn, làm như chúng tao là nhà "băng" ấy!

Rồi hắn nháy mắt nhìn Sẹo, tay xốc túi áo làm kêu loảng xoảng mấy đồng hào bên trong, miệng nói tiếp:

– Nhưng khao thì khao, sợ gì. Đây khối tiền đây, mà ăn cháo lòng tiết canh làm đếch gì. Tao khao mày hẳn một chầu thịt chó.

Nhớn trố mắt tỏ vẻ hân hoan:

– Thịt chó ! Ở thế thì sang trọng quá !

Hắn với tay lấy cái áo bành tô mặc vào người:

– Vậy ta đi đi thôi. Mà ta xuống ngay nhà bố vợ thằng Sẹo này này. Vừa ngon, vừa rẻ lại bắt thằng Sẹo nó hầu một thể.

Sẹo vươn dài cổ, vênh mặt:

– Ít cái sự hầu chúng mày đi nhé ! Mà Nhớn ơi ! Con dại lắm con ạ ! Con có biết thằng Tín nó xỏ con đấy không ! Tiền của con đấy chứ, có phải tiền của nó đâu !

– Tiền của tao?

– Chứ còn gì nữa.

– Tao làm gì có tiền.

Tín cười vang lên:

– Nó mê ngủ, Sẹo ạ !

– Mê ngủ hay không, không biết. Nhưng chắc chắn là tao không có tiền. Mà tao không có đồng xu nhỏ nào từ chiều hôm qua cơ.

Sẹo trỏ vào tận mặt Nhớn:

– Thế mày có nhờ chúng tao mổ hộ bốn con lợn ở đằng bà Cả Nẫm sáng hôm nay không? Đây sáu hào công đây, chúng tao định trả lại mày.

– Ồ, trả lại tao? Vô lý quá ! Chúng mày làm thì chúng mày lấy chứ. Tao khó nhọc gì mà chúng mày định trả lại tao? Nhưng, thôi chúng mày định trả lại tao thì tao xin đem đi đánh chén cả. Đi, ta đi đi thôi ! Kiến bò bụng lâu rồi.

Đoạn Nhớn vui vẻ khoác tay Sẹo và Tín định kéo ra cửa. Nhưng Sẹo gỡ tay bạn:

– Khoan đã ! Sáng hôm nay tao vừa nghe thấy một câu chuyện quan hệ, chúng mày ạ.

Nhớn sửng sốt:

– Chuyện quan hệ !

– Phải, chuyện quan hệ ! Quan hệ đến hàng thịt và cánh đồ tể chúng mình. Nguyên sáng hôm nay, ông phó quản đi tuần tra qua Ngã tư Trung Hiền có tạt vào nói chuyện với ông nhạc tao rằng: ông ta sẽ dồn hết những hàng rong ở Ô Cầu Rền và cả những phản thịt nữa xuống họp ở chợ Mơ. Vì có nhiều người ca thán rằng các hàng rong cứ họp ngổn ngang cả ra đường, làm bế tắc sự qua lại của tàu xe.

Nhớn cau mày:

– Ai hoài công mà đi kêu ca rằng hàng quà làm ngăn trở sự qua lại của xe pháo. Cái này tao chắc tại anh chủ thầu chợ muốn thu lợi nên phịa chuyện ra để dồn người buôn bán vào chợ mà dán vé đây.

– Chắc thế. Mà đến rằm này là thi hành rồi. Hôm nay đã mười hai, chỉ ba ngày nữa thôi, mày bảo có nguy cho cánh mình không?...

Tín hí hửng cướp lời:

– Vào chợ thì vào chợ mà bán, chứ việc gì đến bọn mình mà lo, khéo cậu lắm.

Bực mình vì cái tính ngờ nghệch của bạn, Nhớn phát cáu:

– Mày thì còn biết cái gì nữa ! Hàng thịt mà phải dồn vào chợ bán ấy à? Ông cho thì nhịn đói sớm.

– Sao lại nhịn đói?

– Lại còn sao nữa à? Vào chợ thì có chó nó mua chứ sao? Dân thành phố họ lười như hủi, hơi đâu họ dẫn xác xuống tận chợ Mơ xa lắc xa lơ để mua lấy mấy hào thịt. Ấy thế là ế. Mà thịt ế thì người ta còn thuê bọn mình giết lợn làm gì?

– Ừ nhỉ !

Sẹo mỉa mai:

– Bây giờ mới "ờ nhỉ". Thật làm đầy tớ thằng khôn còn hơn làm thầy thằng dại.

Không giận bạn, Tín vẫn cười khanh khách:

– Thì ai biết đâu được chuyện lại lôi thôi, lăng nhăng dây cà ra dây muống như thế. Nhưng cái lệnh đó có thật hả Sẹo? Nguy quá nhỉ!

– Chả thực thì giả nữa sao?

Trong phút này, Nhớn không muốn có một ám ảnh nào làm rộn trí nên nói khôi hài:

– Chuyện ấy quan trọng thật, nhưng chưa quan trọng bằng cái dạ dày tao đang đói ăn đây. Vậy ta đi đi thôi.

Ba người cùng cười. Tiếng cười giòn làm căng giãn thớ thịt và xua đuổi những nét lo ngại vẩn vơ trên khuôn mặt mọi người. Họ bèn khệnh khạng đi ra cửa. Là những tâm hồn chất phác nông nổi, họ thường sống bồng bột theo những ham muốn chốc lát của bản năng. Những niềm luyến tiếc về quá khứ, những nỗi băn khoăn về tương lai, những sự eo sèo về hiện tại bao giờ cũng thoảng qua tâm trí họ như một làn gió nhẹ làm gợn lăn tăn mặt hồ phẳng lặng. Riêng biệt một mình trong một căn nhà nhỏ vắng, họ còn có thể bình thản ngồi suy nghĩ để tìm cách giải quyết mọi nỗi khó khăn, trở ngại nổi lên giữa bước đường đời. Nhưng một khi đã có hai người, ba người sáp nhập thành một đám đông, họ chỉ còn là một bộ máy thụ động hoàn toàn ồ ạt chạy theo tiếng gọi mãnh liệt của một cuộc sống tưng bừng nhộn nhịp. Họ quên, quên hết. Chỉ còn phút hiện tại náo nhiệt là kích thích được họ, là đáng kể mà thôi.

Nhớn bám chặt lấy cổ áo bạn, đu bổng người lên để bắt họ

khiêng. Dưới sức nặng của Nhớn, mặt Sẹo và Tín bừng bừng đỏ. Nhưng chân họ vẫn bước dài, đều, miệng kêu ắc ê như lính đi tập trận, mặc dầu đường lội và trơn. Tiếng chân họ khua nước ào ào, tiếng nói cười của họ vang dậy làm huyên náo một góc xóm. Mấy đứa trẻ nghịch ngợm thấy hay hay, ùa chạy theo mà reo hò:

– A ha ! Nhông nhông ếp ! Ngựa ông đã về, cắt cỏ bồ đề cho ngựa ông ăn...

Thấy con lội bì bõm, ống quần ướt sũng cả, một người đàn bà từ trong nhà le te chạy ra, rít lên như ống lệnh:

– Chém cha cái thằng ôn vật kia ! Mày lội thế thì còn gì áo xống nữa hở? Mà nhà bác Nhớn to đầu kia mà cũng còn nghịch như ranh ấy để cho trẻ nó bắt chước được thôi.

Đó là mụ Hai Ấm, người đàn bà đã nổi tiếng chua ngoa, lắm điều. Mụ mở một ngôi hàng tạp hóa ở trong xóm. Nói là hàng tạp hóa cho có tên gọi đấy thôi. Thực ra ngôi hàng của mụ chỉ là bức vách đất khoét thủng một lỗ vuông bằng khuôn cửa sổ con, bên trong bày một cái tủ kính bé xíu xếp ngổn ngang mấy phong thuốc lào, mấy gói thuốc lá xé ra bán lẻ, mấy bao diêm với mấy lọ thủy tinh đựng ít kẹo vừng, kẹo bột, lạc rang, ô mai và trám khô. Người trong xóm ai cũng biết mụ vì ngôi hàng nhỏ ấy và vì thường thường thấy mụ xắn cao váy đi vòng quanh khắp xóm để rêu rao chửi rủa người nào đó đã chậm trả tiền mấy xu nợ hay đã ăn quịt của mụ vài xu diêm thuốc. Những việc ấy chưa đủ gây cho mụ một tiếng tăm to tát bằng cái việc mụ là mẹ thằng Chén. Mỗi lần trông thấy thằng Chén là người ta phải nhớ đến mụ ngay rồi. Gớm, cái thằng bé sao mà nghịch ngợm, sao mà táo bạo đến thế. Nó lên chín tuổi đấy, nhưng người cứ sắt lại, chỉ bằng đứa lên bảy thôi. Tuy nhỏ bé lại gầy guộc nữa, ấy thế mà không có một đám đánh nhau nào lại vắng mặt nó cả. Nó đánh nhau luôn luôn, nó đánh nhau cả ngày. Trẻ trong xóm thằng nào cũng kiềng nó, sợ nó, tôn nó làm đàn anh. Kể nó làm đàn anh cũng xứng đáng, vì nó khỏe hơn các trẻ này, nó liều hơn này, nó táo tợn này, và thứ nhất là cái gì nó cũng biết, đâu đâu nó cũng thông thuộc. Thôi thì các ngóc ngách, các hang chuột kín đáo đến đâu, các tổ chim làm cao chót vót đến bậc nào, bàn tay nó cũng tìm tòi khám phá ra được hết. Một lần, tò mò ra nghĩa địa xem người ta bốc mộ, không hiểu Chén làm thế nào mà ăn cắp được cả cái đầu lâu, nó bê ngay về nhà, rủ trẻ làm bóng đá. Lại một lần nữa, không biết nó nhặt ở đâu một

bọc đất đèn. Mang về, nó đổ cả vào chum nước rồi đánh diêm đốt khiến cả xóm Cầu Tre trên một trăm nóc nhà là suýt nữa thành ra đống tro tàn.

Hai mẹ con Hai Ấm thật đã nổi tiếng ngang nhau. Vì thế người trong xóm đã bông phèng sửa lại câu tục ngữ "Cha nào con ấy" ra câu "Ấm nào chén ấy" để chỉ mẹ con mụ.

Thấy mụ hầm hầm tức giận và nhân lúc hứng trí nghịch ngợm, Nhớn nói chọc thêm để gây một trò đùa:

– Gớm mụ làm như con mụ quí lắm đấy hẳn?

Sẹo cũng nói thêm:

– Phải thằng Chén nó lành như bụt đấy mà, có biết nghịch cái gì đâu?

Dứt lời, cả ba người cùng cất tiếng cười. Tức thì mụ Hai Ấm nổi ngay cơn tam bành. Mụ tức không phải vì những câu nói mỉa mai mát mẻ. Mụ tức vì tiếng cười của họ ngạo nghễ làm sao. Nó lanh lảnh giòn sắc như một lưỡi dao thúc vào tim mụ. Mắt mụ đỏ ngầu một mối căm hờn. Mụ nhảy chồm chồm trên hè, hai tay xỉa xói miệng chửi đổng:

– Mày ăn không ngồi rồi, mày ra mày lội òm òm thế kia à ! Ai mà giặt kịp quần áo cho mày !

Bọn Nhớn càng cười lớn, vờ như không nghe thấy gì. Tiếng ắc ê của Tín và Sẹo càng to hơn, đàn trẻ vẫn reo hò inh ỏi và ùa theo như một đàn vịt. Thấy địch nhân hết sức thản nhiên, mụ càng giận dữ. Miệng mụ vẫn nguyền rủa, nhưng chân mụ đã chạy ra giữa đường định túm lấy đứa con. Biết mụ đuổi theo. Chén lẳng lặng tảng lờ như không thấy. Khi mẹ nó tới sau lưng, nó quay phắt lại, giơ chân đá vào vũng bùn. Nước tóe lên làm tối tăm mặt mũi và bắn ướt hết cả quần áo mụ. Mọi người cùng cười vang. Biết rằng việc đã đến nước ấy, thì cơn tam bành của mụ sắp sửa thành ghê gớm lắm, nên bọn Nhớn vội rẽ vào bờ giếng bà Quận, đi xuyên qua một cái vườn rau, rồi lẻn tắt sang bên đình Tô Hoàng.

Ngõ bên đình nhỏ hẹp và lầy lội hơn nhiều, vì mưa luôn mấy ngày nên nhiều đoạn đường đã lở cả xuống ao. Bọn Nhớn phải nắm lấy rặng ruối và phải hết sức khó khăn mới lần được từng bước. Mỗi lần có anh nào trượt chân suýt ngã thì cả bọn lại cất tiếng cười ồ. Rồi họ lại tinh nghịch khẽ đẩy anh sắp ngã để anh này phải kêu

váng lên hoặc van lạy rối rít mới giơ tay ra đỡ hộ. Sẹo đã lách qua được quãng đường khó khăn nhất, hắn quay lại bảo Nhớn:

– Mày cứ để im tao chọc con mụ Hai Ấm một lúc nữa, có phải nó cười không? Mà mày cũng biết sợ oai nó à?

Nhớn giơ tay ra dắt Tín đang kêu chí chóe ở phía sau:

– Mày ở xa không rõ, có thằng Tín đây nó hiểu này. Nó cứ réo thẳng ngay tên mình ra mà chửi thì lêu quá !

– Thế nó không nể mày à?

– Nể ! Ấy là nó nể lắm đấy, chứ người khác ấy à, thì đã nghe có hàng mấy bồ chửi rồi ấy chứ lại.

Tín tiếp lời Nhớn:

– Ngay đến cái ông già Ất mà nó cũng chẳng nể nữa là. Buồn cười quá Sẹo ạ. Tao còn nhớ hôm ấy mụ ta mất cắp cái quần, mụ ta nghi cho ông Ất lấy. Ấy thế là mụ ta bắc ngay cái ghế ra ngồi trước cửa nhà ông ta mà chửi.

Nhớn cướp lời bạn:

– Ừ sao ông lão tốt nhịn đến thế nhỉ? Ai đời lại một đằng cứ oang oác chửi ầm ĩ, một đằng cứ thản nhiên ngồi rung đùi, ngâm thơ và kể chuyện cổ tích cho mấy đứa trẻ ranh nghe. Hôm ấy, cả xóm ai cũng phải tức thay cho ông ta...

Bỗng Sẹo dừng bước giơ tay ra hiệu bảo Nhớn im, rồi vừa chỉ tay vừa nói:

– Ai như con Cầm chúng mày ạ !

Tín nhanh nhảu nói:

– Đích rồi.

– À à, cô ả định vào đây. Đường chật như cái hang cắc cớ thế này thì cô ả sẽ chết với tao.

Tín cười:

– Cái thằng Sẹo rõ đến bậy, nó đã có tình ý với thằng Sách rồi đấy.

Sẹo nói như quát vào tai bạn:

– Kệ xác cái thằng lò rèn hàng xóm láng tỏi với mày. Ở đây tao chỉ biết rằng nó là một đứa con gái hơ hớ, mà làm hoa thì phải để cho người ta hái..., hiểu chưa?

Quả thực, trên con đường lát gạch đỏ tươi bên cạnh giếng đình,

có một người con gái trạc hai mươi tuổi. Ngõ lội quá, người con gái loay hoay mãi chưa dám bước xuống vì trên vai có gánh rau nặng mà đôi quang lại chùng. Khi ngẩng đầu trông thấy Nhớn, người con gái bật tiếng kêu:

– Ồ anh Nhớn đấy à? Khốn khổ chị Khuyên vừa bị nạn, anh ạ.

Nhớn giật nảy người:

– Thế nào? Cô bảo sao?

Sẹo và Tín cùng kinh ngạc.

Cầm quay vội trở ra đường gạch, rồi nói tiếp:

– Chị gặp nạn. Tôi được chứng kiến từ đầu đến đuôi, nên vội vàng chạy về báo cho anh biết.

Mặt Nhớn xám hẳn đi. Hắn vụt nghĩ đến giấc mơ ghê gớm ban nãy và cái điềm gở của giấc mơ. Hắn trừng trừng nhìn Cầm như để dò xét:

– Thật ư? Nhà tôi bị nạn thật ư cô?

– Vâng.

Tiếng vâng đã làm cho hắn nghẹn ngào, và mắt như mờ lệ. Ái ngại, Cầm vội an ủi:

– Nhưng không đến nỗi nào anh ạ. Ngay lúc ấy bác Thực đã xe chị vào nhà thương rồi, chị chỉ hơi mê man thôi. Có thằng Pháo thì xem chừng nặng lắm...

Đứng ở sau Nhớn, Sẹo hỏi:

– Thằng Pháo nào? Có phải thằng con lão phở Mỗ không?

– Thì còn thằng Pháo nào nữa ! Có lẽ nó gãy xương ống chân.

Nhớn cướp ngay lời:

– Cô nói thế nào? Sao lại có thằng Pháo nữa? Cô kể đầu đuôi cho tôi nghe đi. Tôi lạy cô, tôi van cô, cô kể ngay đi, tôi sốt ruột lắm. Mà xe nhà tôi vào nhà thương nào mới được chứ? Khổ quá sao hôm nay, tự nhiên tôi thấy ngơm ngớp lo ngại thế nào ấy. Tôi đã toan ngăn không cho nó đi làm. Ấy thế mà chẳng hiểu ma ám hay sao không biết, tôi lại cứ cho nó đi, thế có khốn nạn cho cái thân tôi không, trời ơi là trời !

– Kìa, tôi đã bảo anh cứ yên tâm kia mà ! Chị ấy không sao đâu. Nhờ trời thế nào rồi cũng qua cầu, thoát nạn. Có đáng lo là lo cho...

– Lo gì kia hả cô?

– Lo cho cái bụng của chị. Lo cho cái thai...

Nhớn mím chặt làn môi, giẫm mạnh gót chân xuống đất:

– Ừ mà nọ có chửa. Nó có chửa tám tháng rồi.

Hắn gầm lên:

– Cái thằng Pháo ! Có phải cái thằng Pháo đã làm cho nhà tôi bị nạn không hả cô? Tôi giết, giết cả nó lẫn bố nó mới được. À nó lại dám trêu vào tay cái thằng Nhớn này à ! Nó định hại vợ con tôi à, tôi phải giết, tôi phải uống máu bố con nhà nó mới được...

Rồi Nhớn cất chân toan chạy. Tín và Sẹo vội túm lấy hắn:

– Khoan nào, lúc này không phải là lúc giận được. Để nguyên cô ấy kể đầu đuôi ra sao đã nào.

– Vâng, các anh nói phải đấy. Anh hãy bình tâm để tôi kể rõ đầu đuôi cho các anh nghe. Nguyên lúc sáng tôi vừa quẩy gánh ra, đến đê Thanh Trì thì gặp chị Khuyên. Chị ấy đang đẩy xe cát đầy với vợ chồng bác Thực. Bác Thực trai làm bò, còn bác gái và chị Khuyên thì đẩy phía hậu xe. Gặp chị, tôi vui mừng quá nên quẩy gánh theo bên đường để nói chuyện.

Khi xe đến ngã ba Thanh Trì, sắp sửa phải xuống dốc, thì từ nẻo trên có một cái xe bò chở toàn bàn ghế và giường phản ầm ầm tiến lại. Xe bò trông thì cồng kềnh, nhưng xem có phần thì nhẹ hơn nhiều, nên đi mau lắm. Người kéo xe và người đẩy la hò inh ỏi, khiến tôi và chị Khuyên phải ngoảnh lại xem. Chúng tôi nhận ra người cầm càng xe là thằng Pháo. Còn thằng Pháo, nó cũng nhận ra chúng tôi ngay. Lúc ấy mặt nó đỏ ửng và thoáng một cái nó nhíu lông mày lại. Tuy thế, nó vẫn khom lưng kéo xe như thường. Có khác là nó không kêu hớ như trước nữa.

Bác Thực từ từ lái xe cát xuống dốc. Xe đồ của thằng Pháo vừa hay đến cũng lăn xuống theo. Các anh còn lạ gì cái dốc ấy cao thế nào và nguy hiểm thế nào ! Vợ chồng bác Thực và chị Khuyên phải cố hết sức ghìm lại. Thế là xe cát và xe đồ cùng xuống dốc. Tuy khó nhọc nhưng rất êm ả.

Tới lưng chừng dốc, tôi thấy thằng Pháo quắc mắt trừng trừng nhìn thẳng vào lưng chị Khuyên, răng thì nghiến chặt lấy môi. Đột nhiên nó kiễng cao người, rồi thì cứ thẳng chỗ chị Khuyên mà lao

càng xe xuống. Lúc ấy hai xe chỉ cách nhau có ba, bốn bước, tôi cất tiếng kêu thì đã không kịp. Xe đồ của thằng Pháo đâm thẳng vào xe cát. Có tiếng ầm dữ dội vang động. Tấm ván chặn hậu xe vỡ tan tành, cát tung bay mịt mù, tôi rợn cả tóc gáy. Tôi nhắm nghiền mắt lại không dám nhìn. Khi mở mắt ra thì đã thấy cả xe đồ lao xuống cái đầm Niễng. Thằng Pháo nằm sấp bên đường, ống chân máu me bê bết. Chị Khuyên thì bị càng xe đánh vào bên đùi, ngã vật bên cỏ, mê man bất tỉnh. Vợ chồng bác Thực chỉ xây xát xoàng thôi, nên đã ra vực chị Khuyên vào nhà thương Vọng, còn tôi thì chạy về báo cho anh hay.

Cầm vừa thuật chuyện xong, Nhớn lại rít lên:

– À, nó định hại vợ chồng tôi à? Tôi phải giết chết nó mới được!

Rồi Nhớn giật thoát khỏi tay bạn. Hắn vùng chạy ra cổng đình Tô Hoàng. Sẹo và Tín đuổi theo không kịp nữa.

PHẦN III

Chương VIII

Người ta gọi Nhớn trao trả cho hắn áo, quần, giày, mũ. Nhớn uể oải, mặc các thứ vào người rồi lặng lẽ đi theo người lính. Hạn tù của hắn đã hết, hôm nay hắn được thả ra.

Được thả ra, lòng Nhớn không thấy một mảy may vui vẻ. Trái lại là khác nữa. Mặt hắn nhuộm một vẻ tần ngần, chân hắn bước rời rạc hầu như không muốn xa nơi đề lao.

Sáu tháng trong nhà tù, Nhớn đã bị bọn Cún Móm che lấp hết mọi sự thật. Không những che lấp mọi sự thật, còn bị bọn họ làm xuyên tạc, sai lầm hết thảy. Họ đồn rằng Khuyên dan díu với hết mọi người. Sự ấy, đầu tiên chỉ làm cho Nhớn ngờ vực. Nhưng sau hắn tin. Hắn tin vì suốt sáu tháng ngồi tù, Khuyên không một lần nào vào thăm hắn cả. Rồi đến cái tin Ba Sự bị đâm chết cũng lại lọt vào tai hắn với những sự lầm lạc ghê gớm. Tin anh nhận được thì là: "Tối ấy Ba Sự hẹn xuống ân ái với Khuyên. Ân ái xong, Ba Sự trở dậy đếm tiền định cho Khuyên. Ba Sự mang đi nhiều tiền lắm, có đến bạc

nghìn. Ông Ất trông thấy của, ngốt mắt lên, xông sang đâm chết Ba Sự định chiếm lấy tiền. Giết xong Ba Sự thì ông Ất bị bắt ngay vì Khuyên đã tri hô cho mọi người biết".

Với những tin tức xuyên tạc về gia đình như thế, làm gì Nhớn chả đau buồn. Trong sáu tháng, hắn già hẳn đi hàng mấy tuổi. Với một người vợ thân ái như Khuyên, người mà hắn đã từng hy sinh cả cuộc đời, dám làm tất cả mọi sự dù ti tiện hay hèn nhát, miễn là mưu sự ấm no cho nhau, người ấy nay đã phụ hắn rất trâng tráo, rất công nhiên; thử hỏi hắn không đau đớn làm sao được? Cái mộng đẹp trong đầu Nhớn như một áng mây năm sắc loáng mắt tan tác trước trận gió phũ phàng. Dần dần, Nhớn không còn thấy đau khổ nữa. Tình cảm của hắn khô cạn và lặng chìm. Hắn chỉ còn thấy chán nản, chán nản cho cái kiếp người giả dối, xấu xa, khốn nạn !...

Vì thế, khi được tin tha, Nhớn thản nhiên quá sức, đến nỗi người lính cũng phải ngạc nhiên. Cánh cửa sắt Hỏa Lò rít lên một tiếng nặng nhọc, người lính đẩy Nhớn ra. Nhớn dừng bước quay nhìn tấm cổng sơn đen to rộng, lặng lẽ khép lại trên cái khuôn tò vò cao. Cổng đã đóng kín, cái xích sắt kêu rào rào bên lỗ khóa. Nhớn buông một hơi thở mạnh. Không phải hắn sung sướng là được thoát ly. Ấy là hắn ngao ngán tiếc cái đời khổ cực trong nhà tù. Trong ấy tuy sống bằng cá mắm, cơm hôi, bằng roi vọt, bằng muỗi rệp, nhưng ít nhất người ta đã thành thực sống với nhau, đã dám sống với nhau bằng những chân lý trần truồng như thế.

Còn ở ngoài cuộc đời?...

Người lính gác thấy Nhớn tần ngần bèn hỏi đùa:

– Thế nào cậu còn muốn vào nữa hay sao mà đứng đây?

Nhớn vội vã quay mặt ra đường. Không một ai đến đón hắn giữa cái giờ phút mà người khác cho là vui sướng, nhưng riêng với hắn thì là cơ cực vô cùng. Mấy chiếc xe tay không có khách, thản nhiên bước một, trông thấy Nhớn, bọn cu-ly cũng chán, chả thèm cất tiếng mời. Nhớn cũng không nhìn, tay thọc vào túi bành tô, chân bước đi rời rạc, chẳng định đi đâu. Được một thôi đường, mồ hôi chảy ròng ròng trên trán hắn. Lúc này Nhớn mới nhận thấy cái áo bành tô của mình không hợp thời trang. Và hắn nhớ ra khi bị bắt trời hãy còn lạnh mà giờ tuy đã sang thu, nhưng trời oi ả vô cùng. Hắn cởi bành tô, vắt vào tay rồi lại thẫn thờ bước trên hè phố. Phố Hàng Gai, rồi bờ hồ

Hoàn Kiếm. Làn gió mát từ mặt nước phả vào mặt hắn. Cảnh hồ lúc xế chiều tuy đẹp nhưng hắn không thấy đẹp chút nào. Hắn bước sang vườn hoa "Pôn Be", ở đây những luống cúc trắng trồng ngòng ngoèo, cong cong rất mỹ thuật trên thảm cỏ xanh tươi.

Nhớn vắt bành tô vào lưng chiếc ghế xi măng. Rồi gieo người ngồi xuống ghế, mắt xa vắng theo với khối óc bâng khuâng chán nản. Một giây sau, Nhớn chú ý đến cái cảnh xén cỏ trên những luống đất cao. Một người phu cần cù đẩy mạnh cái máy xén. Cái máy bằng sắt hình tròn giống cái guồng tàu thủy, quay lách cách. Cái máy chạy lướt tới đâu thì những ngọn cỏ dài rơi rụng lả tả. Xén xong người phu đặt vào giữa bãi cỏ một cái phun nước. Ống phun quay tít, vòi nước lạnh tỏa tròn trên một diện tích bằng cái nong. Muôn nghìn giọt nước trong vắt tựa thủy ngân, rào rào rơi đều xuống ngọn cỏ xanh tươi.

Tự nhiên trong óc Nhớn nảy ra một sự so sánh lạ lùng. Hắn cảm thấy đời hắn không có giá trị bằng đời ngọn cỏ trên vườn hoa. Ngọn cỏ còn được người ta cắt xén, tưới bón, chứ như thân hắn thì có ai để ý đến đâu? Trên cõi đời, hắn là cái gì? Là cái gì?...

Nhớn chưa nghĩ trọn ý, thì vừa lúc này bên cửa tòa đốc lý, một người phu lục lộ giang tay đẩy mạnh cái chổi dài. Cái chổi quét trên mặt đường một hình cánh cung. Mấy tàu lá rụng, vài mảnh giấy vụn là là bay giữa một làn bụi nhỏ. Nhớn rùng mình. Hắn vừa có cái cảm tưởng ghê rợn rằng chính bản thân hắn đã biến ra cái rơm cái rác, li ti dưới ngọn chổi vô tình.

Một bầy trẻ ồ ạt đuổi nhau ở phía xa xa. Nhớn rời chỗ ngồi, chân thất thểu trên làn sỏi. Cái bành tô vắt ở ghế, hắn cũng không buồn cầm lấy nữa. Một ý tưởng ngồ ngộ vừa thoáng qua óc. Hắn vội rảo bước tới một chiếc ghế tít tận đằng xa. Hắn lại gieo người ngồi xuống. Ngồi đấy, Nhớn chờ một người xa lạ nào tới lấy cái áo của hắn đi. Nhưng có lẽ cái bành tô của hắn đã cũ lắm, nên mấy người qua đường chỉ dừng lại dòm dòm, rồi lại thản nhiên bước. Mãi sau có một người, một người rách rưới – có lẽ là người ăn mày – rón rén ngồi xuống ghế. Hắn sẽ nhấc cái áo lên xem. Rồi nhìn trước nhìn sau, hắn cầm áo chạy. Ngồi xa, Nhớn nom rõ từng cử chỉ. Hắn nhếch mép mỉm cười, khoan khoái rằng, di tích cái quá khứ đau buồn của mình đã có kẻ đem biệt tăm đi.

Trời đổ tối. Người phu xén cỏ đã ra về lúc nào. Đèn ngoài phố

bật một loạt sáng trưng. Một luồng gió bỗng đâu chồm dậy. Rồi vô vàn luồng gió khác tiếp luôn theo, cây cối rung động dữ dội. Từng vốc lá ném liên tiếp xuống vườn hoa. Bầu trời đen kịt ngay lại. Những hạt mưa to rơi như trút xuống rất mau.

Mưa gió và gió mưa ! Những bông cúc gầy ẻo lả bị đánh ngã rạp hẳn xuống, phũ phàng như những kiếp người xấu số bị hoàn cảnh và xã hội chà đạp không tài nào ngóc đầu lên được.

Mưa gió và gió mưa ! Nhớn vẫn ngồi âm thầm trên chiếc ghế lạnh, giữa công viên không có bóng người. Nước mưa dán chặt quần áo hắn vào da thịt. Ở lưỡi trai mũ cát két, nước nhỏ giọt, thánh thót như giọt tranh. Giày hắn sũng những nước và nặng trĩu như cối đá. Trên đường cái phố, họa hoằn mới có một chiếc xe cao su lướt qua. Áo tơi và cánh gà buông xuống kín, ủ rũ như chiếc xe tang. Chuông đồng hồ Nhà thờ lớn thỉnh thoảng lại rền rĩ rắc vào khoảng không gian những tiếng âm u, cô tịch.

Nhớn đếm nhẩm từng hồi. Tám. Rồi mười. Rồi mười hai. Mười hai giờ khuya. Mưa vẫn không ngớt hạt. Phố vắng tanh. Mặt đường nhựa óng ánh nước đọng. Nhớn uể oải đứng dậy, chân thất thểu bước. Hắn có cảm tưởng là giẫm vào chỗ trống, loạng choạng chực ngã vật xuống đường. Nửa giờ sau, Nhớn ngạc nhiên hết sức, thấy mình đứng ở đầu Ô Cầu Rền. Hắn đi bao giờ mà đến? Mà đến để làm gì? Cái đó hắn không hiểu. Nhưng sự thực thì hắn đã đến. Hắn không còn nghi ngờ gì nữa. Đây kia, bót cảnh sát sừng sững đứng bên đường với bức tường trắng xóa, lạnh lẽo như khuôn mặt vô tình cảm của thầy đội hiểm độc. Rồi thì là dãy nhà ở phố Ô. Dãy nhà cái cao, cái thấp, cái ra, cái vào, cái rộng, cái hẹp, hỗn độn, vô trật tự như một hàm răng cầu ao, cải mả.

Đường phố đầu Ô hẹp và lầy lội. Nhớn loạng choạng giữa đường, giày phủ một lớp bùn đen. Đột nhiên, Nhớn thấy lạnh rợn trên làn mái tóc mai. Mắt hắn hoa đi. Dãy nhà vô tri giác hai bên phố cựa cậy, chuyển mình. Chúng nhảy chồm chồm loạn xạ, Nhớn xoạc hai chân, phưỡn ngửa ngực, tròn hai mắt đứng nhìn.

Ô hay, nhà cửa ở đây sao có những hình thù lạ lùng thế này ! Cái nhà gạch cao kia có hai khuôn cửa sổ tròn đóng kín như đôi con mắt sâu. Mái hiên cứ nhe ra một hàm răng sắc nhọn. Nhớn nhận ra cái nhà ghê gớm ấy là của mụ Trưởng Tròn độc ác, ghê gớm. Ở, thì

ra nhà cửa là hình ảnh của chủ nhà ư? Nhớn tò mò nhìn những căn nhà khác. Quả thực thế. Bà Ba Sửu vừa lùn vừa béo thì ở cái nhà thấp tè tè. Bà Cả Nẫm vẫn hay lấy cái phất trần đánh hắn thì trên nóc nhà bà có một máng tròn, dài nghêu ngao như một cái phất trần. Chú khách Ả Lìn vừa cao vừa gầy như cái que củi thì nhà cửa chú cũng cao và hẹp như một cây tre. Căn nhà hai tầng trạm trổ cầu kỳ, bôi xanh, bôi đỏ kia là của lão Bá Na, một người nổi tiếng háo danh và kiêu ngạo. Mà cái nhà nhẵn thín, mái uốn cong dốc thẳng kia thì thực là của thằng cha keo cú, bẩn thỉu mà thiên hạ đã đặt cho cái biệt hiệu là "Chó Đá". Vừa đi, Nhớn vừa mỉm cười.

Hắn lấy làm thú vị cho cái công việc soát lại nhân vật của xóm mình đã từng ở bằng những bất động sản vô tri giác, chúng chỉ là phản ánh rất thực thà của cuộc sống hằng ngày của họ.

Mưa vẫn rơi, gió vẫn thổi, Nhớn vẫn thất thểu đi. Thỉnh thoảng hắn lại cười sặc sụa, tiếng cười dấu hiệu cuộc khủng khoảng tinh thần. Ngõ Tô Hoàng rồi xóm Cầu Tre. Ở đây không có ánh điện, nhưng trời mờ mờ đủ trông rõ mọi vật. Nhớn bước hẳn lên thềm nhà mình, giơ tay đập vào tấm liếp tre. Mãi không thấy ai đáp, hắn mới định thần nhìn miếng giấy dán trên phên: "Nhà cho thuê". Căn nhà ông Ất cũng dán giấy cho thuê. Nhớn ngồi phịch xuống thềm. Hắn nheo mày lẩm bẩm, tỏ vẻ khó chịu: "Ô, họ đi đâu cả thế này? Tức cả mình". Chợt Nhớn quay đầu lại nhìn căn nhà cũ của mình. Hắn hốt hoảng đứng phắt dậy. Ôi ghê gớm ! Phên từ từ nứt vỡ, rách toạc. Máu đỏ từ bên trong tóe ra ngoài. Rồi ở những dòng máu nhô lên, nào Ba Sự, nào Khuyên, nào ông Ất, nào mụ Ấm, nào Cún Móm, nào Phả. Bọn họ xúm lại đuổi Nhớn, vây lấy Nhớn. Sợ quá, hắn cất chân chạy, chạy như bay, chạy lồng lộn. Nhưng vừa tới ngã ba, Nhớn va mạnh phải một người chạy ngược lại. Nhớn ngã chổng quèo ra mặt ngõ hẹp. Người kia cúi xuống nâng Nhớn dậy, miệng khẽ kêu:

– Ồ, Nhớn !

Người ấy vội bê Nhớn núp vào dưới mái hiên một căn nhà.

Hắn xoa trán Nhớn, cởi áo Nhớn, rồi lấy áo mình bận vào cho Nhớn. Mười phút sau, Nhớn sẽ mở mắt nhìn, đôi mắt ngơ ngác, lạ lùng bỡ ngỡ. Người kia sẽ hỏi:

– Nhớn ! Tỉnh chưa? Về bao giờ thế?

Nhớn sẽ mấp máy môi, giọng yếu đuối:

– Sẹo đấy à, đây là đâu?

Người kia sẽ cười:

– Ừ, Sẹo đây. Mày tỉnh hẳn chưa đã?

Nhớn nhỏm dậy, ngáp một cái dài rồi đáp:

– Tỉnh hẳn rồi. Vợ tao hư đốn lắm phải không mày? Tao định về kiếm nó, cho nó một nhát dao đây.

Sẹo bưng lấy miệng Nhớn:

– Bậy nào! Đừng có nói bậy. Chị ấy đứng đắn lắm. Ai bảo mày thế?

– Bọn Cún Móm thông tin vào nhà tù cho tao.

– Cún Móm? Thôi tao hiểu rồi. Chuyện dài lắm. Đi, đi ra phố vắng, rồi tao kể chuyện cho mày nghe.

Khi hai người ra khỏi ngõ Tô Hoàng thì Nhớn đã biết rõ hết chuyện thực của gia đình mình.

Nghe nói ông Ất sắp bị đem ra tòa xử, mắt Nhớn vẩn đục, hắn bùi ngùi nói:

– Thật là một người lạ lùng.

Đôi bạn yên lặng đi, ai nấy đuổi theo những ý nghĩ riêng tây của mình. Nhớn hỏi bạn:

– Thế hồi này mày làm ăn ra sao? Vợ con thế nào?

Tới lượt Sẹo nói một giọng buồn buồn:

– Hồi này vợ chồng tao đen quá. Con tự nhiên lăn đùng ra chết. Vợ lại ốm khặc khừ, chẳng chợ búa gì được cả. Túng bấn quá. Nhớ đến mày, nên đêm nay tao định liều đi khoắng một mẻ...

Nhớn trố mắt nhìn bạn. Sẹo mỉm cười lạnh lùng nói tiếp:

– Chưa khoắng được gì, chỉ bắt được mày. Nhưng bắt được mày cũng là đủ.

Sẹo và Nhớn cùng nhe răng ra cười vì câu khôi hài. Trời đã gần sáng. Mưa vẫn rơi, gió vẫn thổi rào rào. Quanh quẩn trong ngõ Bò một lúc lâu, chợt Sẹo dừng lại lấy tay chỉ:

– Đây, vợ mày ở đây. Từ ngày xảy ra án mạng, bọn đàn bà sợ căn nhà cũ. Bà Toàn rủ vợ mày ở chung nên thuê gian nhà này. Tao gọi cửa cho nhé.

Nhớn sẽ giơ tay bảo bạn im. Hắn rón rén bước lên thềm. Trời

chưa sáng rõ. Thế mà cả nhà đã dậy. Một ngọn đèn dầu treo trên vách chiếu tỏ cả căn nhà. Ở giường ngoài, bà Toàn ngồi cắt kính với cái Tũn. Thỉnh thoảng bà lại ngẩng đầu, nheo đôi mắt nhỏ, loe đôi môi nhăn nhúm, phều phào nói nựng: "Chó mà, chó đây mà" với con Bõm. Con Bõm đã chập chững đi. Khuyên ngồi cạnh nó. Chị giơ tay làm đích để cho con lần bước lại. Mỗi lần đứa bé lảo đảo nhích được một bước thì cả nhà lại cười ồ và nói nựng:

– Ồ, con tôi khéo quá !

– Cháu gái tôi khéo quá !

Giường trong màn buông rủ. Tín vừa ở trong bếp đi ra. Hắn vén một bên cửa màn, mắc vào cái mắc rồi thụp ngồi bên mép giường. Trên giường một người đàn bà nhỏm dậy, tay bế đứa con sơ sinh. Nhớn nhận ngay ra người đàn bà ấy là Còi. Tín lấy tay vuốt mái tóc lòa xòa trên trán Còi rồi nói:

– Mình cho con bú đi.

Còi mới đẻ gần một tháng. Chị được mẹ con bà Toàn săn sóc ân cần. Không những thế, Tín nhận ngay đứa con riêng của vợ là con mình, không có một ý nghĩ độc ác gì cả. Lúc này ở giường ngoài, Bõm vừa hụt bước, ngã lăn xuống chiếu. Khuyên bế vội lấy con, tra vú vào mồm nó rồi nói nựng:

– Sôi, mẹ đền. Nín đi, chóng ngoan. Không có thầy con về, thầy con sẽ đánh vào đít cái đứa hay vòi.

Nhớn cảm động lặng người. Lòng hắn dào dạt một tình yêu thương vô hạn. Mấy lần hắn giơ tay định đẩy cửa, nhưng lại rụt tay về. Một vật gì âm ấm bò trên má hắn. Ấy là giọt nước mắt sung sướng của người chồng, người cha trước cảnh gia đình êm ấm của mình. Ấy cũng là giọt nước mắt bùi ngùi khóc một vị anh hùng đã hy sinh cả đời mình để giữ cho một gia đình khỏi đổ nát.

Có tiếng lợn eng éc kêu từ nẻo Ô Cầu Rền vẳng lại. Giật mình, Nhớn ngước mắt nhìn Sẹo, Sẹo cũng đăm đăm nhìn Nhớn. Nhìn nhau và tuy không nói một lời, nhưng đôi bạn cũng bồi hồi nghĩ đến cái nghề đồ tể cũ của mình, cái nghề nhọc nhằn và tàn nhẫn nó không nuôi sống được kẻ theo nghề.

Một lần nữa, Nhớn giơ tay đặt vào tấm liếp. Nhưng cũng như mấy lần trước, hắn không dám đẩy cửa. Hắn cảm mơ hồ thấy cái

cảnh yên vui của gia đình hắn mong manh và bất trắc lắm. Và cả thân hắn, rồi đây, cũng chỉ là một tàu lá trước cơn giông tố phũ phàng của cuộc đời. Buồn rầu, Nhớn cúi nhìn cái ngõ hẻm lầy lội, nhớp nháp. Mấy con chuột lông ướt dính chặt vào mình, âm thầm đuổi nhau, chúng chạy tản mát vào các ngóc ngách như những vết mực loang lổ, chấm vội trên một bức thủy mặc tối màu.

Mùa đông Nhâm Ngọ, 1942.

Ngõ hẻm, tiểu thuyết phóng sự,

Nhà xuất bản Hàn Thuyên, 1943.

KIM LÂN
(1920)

Tên thật: Nguyễn Văn Tài. Sinh ngày 1-8-1920. Sinh quán và nguyên quán: làng Phù Lưu, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh (nay là thôn Phù Lưu, xã Tân Hồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chỉ học hết lớp nhất bậc tiểu học, Kim Lân phải phá ngang, đi làm. Ông vừa làm thợ (sơn guốc, khắc tranh bình phong) vừa viết văn. Tác phẩm đầu tay: truyện ngắn *Đứa con người vợ lẽ* (*Trung Bắc chủ nhật*, số 120, năm 1942). Ông viết khá nhiều trên các báo *Tiểu thuyết thứ bảy* và *Trung Bắc chủ nhật*. Tất cả đều là truyện ngắn. Động cơ sáng tác ban đầu của Kim Lân rất khiêm tốn: đòi cho mình một chỗ đứng trong cuộc sống nhỏ bé quẩn quanh của quê hương. Vì thế, những sáng tác đầu tay của ông thường chỉ gắn với những câu chuyện riêng tư của gia đình ông (*Đứa con người vợ lẽ*, *Cô Vịa...)*. Tuy vậy, do bản chất xã hội của vấn đề, ý nghĩa hiện thực của những tác phẩm này vẫn không thể phủ nhận được. Kim Lân được chú ý nhiều hơn khi ông đi vào đề tài độc đáo: đời sống phong tục, tinh hoa văn hóa dân gian vùng Bắc Ninh – quê hương ông (đánh vật, chọi gà, thả chim...). Các truyện *Đôi chim thành*, *Con mã mái*, *Chó săn*... tuy nghiêng về phía phong tục, trình bày cặn kẽ những thú chơi lành mạnh kể trên, nhưng vẫn biểu hiện được một phần vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân trước Cách mạng – những người sống vất vả khổ nghèo nhưng vẫn yêu đời, trong sáng, thông minh, tài hoa.

Năm 1944, Kim Lân giác ngộ cách mạng, tham gia Hội Văn hóa cứu quốc. Cách mạng Tháng Tám thành công, ông tiếp tục hoạt động trong tổ chức này. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Kim Lân lần lượt công tác tại báo *Chi Lăng* (Khu ủy Khu XII), *Xông Pha* (Quân đội Khu XII), *Dân quân Việt Bắc*. Từ năm 1948, ông chuyển về công tác ở Hội Văn nghệ Việt Nam. Sau hòa bình lập lại (1954), ông lần lượt công tác ở nhiều cơ quan văn nghệ (Nhà xuất bản Văn học, báo *Văn nghệ*, Trường bồi dưỡng những người viết văn trẻ, Hội Văn nghệ Hà Nội và Nhà xuất bản Tác phẩm mới).

Sau cách mạng, Kim Lân vẫn chuyên viết truyện ngắn và vẫn viết về làng quê Việt Nam – mảng sống mà từ lâu ông đã hiểu biết khá kỹ lưỡng. Ông đề cập đến sự đổi mới về mặt tình cảm của người nông dân trong những ngày kháng chiến chống Pháp (*Làng*), sự đổi đời của họ trong cải cách ruộng đất (*Nên vợ nên chồng*), những hoạt động phục vụ cách mạng tuy thầm lặng,

bình thường nhưng thật đáng quý trọng của họ (*Bố con ông gác máy bay trên núi Côi Kê*).

Những tác phẩm chính sau Cách mạng: *Nên vợ nên chồng* (tập truyện ngắn, 1955), *Con chó xấu xí* (tập truyện ngắn, 1962).

Những tác phẩm tuyển dưới đây đã được nhà văn xem lại và sửa chữa đôi chút (chủ yếu về văn).

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN CỦA KIM LÂN

– *Làng*, truyện ngắn (Tạp chí *Văn nghệ*, 1948; Nhà xuất bản Văn nghệ, Hà Nội, 1955).

– *Nên vợ nên chồng*, tập truyện ngắn (Nhà xuất bản Văn nghệ, Hà Nội, 1955).

– *Cô gái công trường* (Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1960).

– *Con chó xấu xí* (Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1962).

ĐỨA CON NGƯỜI VỢ LẼ

(Truyện ngắn)

Tư nằm dán mình trên giường. Đầu anh nặng trĩu trên chiếc gối bông cáu ghét. Mắt nhìn trân trân lên sàn nhà; lúc ấy anh không nghĩ ngợi gì. Hai tay nặng nề rời rạc, thỉnh thoảng lại cố gượng đập nhẹ xuống phản, để xua đuổi những nỗi tê tê buồn buồn chạy trong các ống xương. Anh xoay mình lại cho đỡ mỏi. Mắt se sẽ nhắm lại, và lắng nghe những cảm giác chạy trong người. Ruột anh xót như cào. Bụng hóp lại. Mặt phờ phạc. Anh thấy cáu kỉnh vẩn vơ, chỉ muốn càu nhàu mấy tiếng. Tư đói quá, đói lả người đi. Đã hai hôm nay rồi anh chưa có hột cơm nào vào trong bụng. Đồng năm xu mẹ anh cho, anh tiêu phăng ngay từ hôm đầu, tưởng chiều thế nào mẹ cũng về; ai ngờ, bặt tin đi hai hôm. Hai hôm vật lộn với sự đói hành hạ, anh chỉ hết nằm lại ngồi, phờ phạc trong mấy gian nhà chật hẹp. Đã có lúc anh lục tung cả hòm xiểng, chum chĩnh trong buồng, ngoài nhà ra để tìm. Biết không có gì anh vẫn tìm, xem trong nhà còn có sót tí ngô đỗ nào chăng. Hình như lúc tìm tòi ấy, anh đỡ đói đi chút ít.

Thấy khát nước, Tư chống tay ngồi dậy. Anh chớp vội mấy cái và lim dim cặp mắt cho đỡ chói.

Nắng vàng gay gắt rọi xuống sân, hắt ánh sáng và mùi nồng nực vào mấy gian nhà ngói cổ. Tư uống từng ngụm nước nhỏ. Những dòng nước mát mẻ chạy đến đâu, anh biết đến đấy. Hai hôm nay, anh vẫn uống nước cầm hơi như thế.

Tư là con vợ ba. Thầy mẹ anh lấy nhau không phải là đôi bên bác mẹ gả bán, không phải nhà hiếm hoi, không phải tình yêu. Cha anh hơn mẹ anh đến ba mươi tuổi. Mẹ già anh lấy mẹ anh để có người cáng đáng việc đồng. Vốn là người quê mùa, nên việc đồng mẹ anh rất thạo. Mẹ già anh rất chiều quý, họ chiều vậy chẳng qua là muốn chạy việc. Thầy anh mất năm trước, mẹ già anh mất năm sau. Nhà không làm ruộng nữa. Các anh Tư đều đi chợ trên, Tư phải thôi học ở nhà. Hai mẹ con lâm vào cảnh thất nghiệp. Ruộng không có mà làm; đi buôn – buôn xùng buôn xằng thôi cũng không có vốn. Anh em họ mạc thì thờ ơ lạnh nhạt họ coi hình như không có mẹ con Tư

trong gia đình nữa. Vả lại dẫu rằng nghèo, nhưng mẹ anh rất khái, không muốn chịu tiếng nhờ ai. Bà đi khâu thuê, vá mướn kiếm gạo về nuôi con. Nhiều khi không có việc làm, mẹ con đành chịu đói. Những hôm ấy, bà thường trốn tránh, bà rất sợ phải nhìn cảnh mẹ con đói khát. Muốn cho mẹ cất gánh nặng, đã nhiều lần Tư xin làm phó nhỏ mấy hiệu thợ may và sơn guốc, nhưng họ đều từ chối vì dạo này hàng ế. Họ hứa đến tháng tám này sẽ gọi anh làm. Bất đắc dĩ anh phải đóng vai ăn bám.

Tư nghĩ liên miên: anh thấy một niềm oán trách ngấm ngầm trong thâm tâm. Anh oán cha anh, người đã sinh ra anh mà săn sóc anh không chu đáo. Anh oán một cái gì không tên đã đẩy anh vào cảnh khốn quẫn. Tư nhếch một nụ cười thảm hại. Một ý tưởng chua chát hiện ra trong trí: là một thằng con vợ lẽ, không phải vì hương khói, chỉ là thằng thừa trong gia đình. Tư thấy bứt dứt khó chịu. Những ý tưởng hỗn loạn ở trong óc. Anh thong thả nằm xuống. Mắt nhắm lại, muốn ngủ đi, để những tư tưởng hắc ám khỏi đến quấy nhiễu. Nhưng không sao ngủ được với cái dạ dày. Chợt tiếng ông Cả gọi ngoài cổng ngõ, Tư vùng trở dậy, dạ lớn lên một tiếng, vội vã ra mở cửa.

Tư nhu nhú chào anh. Nhưng ông Cả không trả lời. Ông bệ vệ bước vào. Khổ người phì nộn khác hẳn với vẻ gầy còm của Tư. Mặt ông tròn và ngắn, lúc nào cũng vui một cách vô tư lự. Nước da hồng hào, trắng nhễ trắng nhại, bóng loáng như bôi dầu. Ông vẫn tự phụ là có vẻ quan dạng lắm. Đi đâu, mặc dầu là ông chủ hiệu vải vùng trên, ông cũng thắng bộ oai ra phết. Lúc nào cũng xách cái cặp phồng tướng trong đựng toàn quần áo hoặc quà bánh của con. Ông nghiêm nghị đảo mắt xung quanh nhà một lượt, sẽ cau mặt lại gắt:

– Nhà cửa bề bộn thế này thì thôi! Rỗi rãi ta cũng phải cất nhắc đôi chút chứ.

Ấy là ông gắt lấy oai đấy thôi. Thực ra ông cũng chẳng quan tâm gì đến nhà cửa. Chẳng có thế mà ở chợ trên về, ông chơi tổ tôm ở nhà Quản Uyển, một nhà gá bạc, luôn hai hôm. Ông trật khăn quảng lên bàn, rồi nằm thẳng rẵng trên tràng kỷ. Đầu ngửa lên xà nhà, thở dài sườn sượt, ra dáng mệt nhọc lắm. Ông nói một mình:

– Mẹ kiếp, tổ tôm còm mà cũng thua ngót hai chục bạc, đen rấp, đen rủi.

Ông ngáp thốc ngáp tháo một hồi, rồi ngủ lúc nào không biết.

Tư len lén quét nhà, khẽ xếp những đồ đạc bề bộn. Xong anh lỉnh xuống bếp ngồi cho đỡ mệt.

Trời đã về chiều, ánh nắng nhạt dần, lùi ra gần hết mặt sân. Mặt trời chếch là là xuống sau nhà, những cây cối ngả bóng trên mái. Thỉnh thoảng những bóng cây có giọt nắng rọi qua lại rung động lên vì gió. Mặt ao sau vườn gợn sóng, thổi dạt những váng ngầu về một góc. Trên cầu tre, một cô gái đang vo gạo, làm sóng sánh những ánh vàng của mặt trời rớt trên các đầu sóng. Mấy mái nhà tranh xám nhô ra khỏi bụi chuối, lá óng ánh như lụa, đang thong thả bốc khói. Những làn khói lặng lẽ bốc lên dật dờ bay theo gió, in lên nền trời xanh ngắt một nét nhẹ nhàng thanh thoát. Cảnh đẹp như mỉa mai Tư. Anh ngồi phệt xuống đất, lưng dựa vào bức tường vàng sạm vì khói ám. Mắt lờ đờ nhìn làn khói xám vơ vẩn bốc lên trời. Tai nghe tiếng vo gạo sàn sạt trên rá ngoài cầu ao. Tâm trí anh xáo động lên, anh nghĩ đến bữa cơm nhà hàng xóm. Anh ngao ngán nhìn cái bếp lạnh lẽo của nhà, mấy ông đầu rau đen trũi, ngồi lặng lẽ như than thầm với nhau. Nước mắt anh trào ra âm thầm lăn trên gò má.

Trên nhà, ông Cả vùng thức dậy. Ông vươn vai, bẻ khục, vặn mình kêu răng rắc. Ông vừa ngáp vừa gọi:

– Tư ơi!

– Dạ.

– Thoáng cái là lỉnh. Thoáng cái là lỉnh thôi.

Tư gượng gạo đứng lên, lệt xệt bước lên trên nhà. Ông Cả vứt một hào ra bàn, dịu giọng:

– Đi mua một hào phở!

– Vâng.

– Đem bát mà đi.

– Vâng.

Tư thất thểu lê bước. Tay bưng có bát phở mà mỏi rã rời. Khói bốc lên nghi ngút. Anh thèm quá. Trông những bánh tráng trắng phau mềm dẻo, ẩn hiện trong nước dùng váng sao, những miếng thịt bò thái mỏng tang xếp gọn ghẽ, những hành, mùi, hồ tiêu rắc lên trên, thơm ngào ngạt phả mãi vào mũi anh. Con tỳ, con vị như thức dậy, bụng sôi sùng sục, vần lên chuyển xuống. Nước bọt cứ ứa mãi ra, anh ao ước được một bát.

Tư đặt bát phở lên bàn cho anh, rồi lặng lẽ ra ngoài thềm. Ông Cả vừa ăn vừa cắm cảu gắt:

– Gớm! Phở! Ăn rắng như đấm vào họng!

Tư se sẽ nuốt nước bọt. Thật là mỉa mai. Ăn xong, buông đũa buông bát, ông Cả vội vã cắp cặp ra đi. Ông còn cay mấy hội bạch cược hôm qua.

Ông Cả đi rồi, Tư cũng chẳng buồn ra đóng cửa. Anh định đem bát ra chậu ngâm, nhưng lại thôi, là vì anh thấy còn đến lưng bát nước dùng ăn thừa. Lúc khác ai còn giữ lại làm gì! Nhưng lúc này... Tư đưa bát phở lên mũi ngửi, mùi thơm ngào ngạt bốc lên. Anh nếm một hụm chèm chẹp miệng. Trời ơi sao mà ngon thế! Anh ước ao giá được một bát cơm nguội trộn ăn thì phải biết! Nghĩ đến cơm nguội, anh lại nhớ đến một hôm, cũng đói như hôm nay. Thân, bạn chí thiết của anh, đến chơi nèo mãi anh về nhà. Rồi mời anh:

– Nhà đi vắng cả, chỗ anh em với nhau, tôi nói thật: anh ở đây ăn cơm nguội – cơm nguội thôi – với tôi cho vui nhé.

Cái bữa cơm nguội với cà ấy sao mà ngon thế! Tư còn nhớ mãi, có lẽ suốt đời. Tư so sánh ông Cả với Thân. Nỗi căm hờn nổi dậy trong lòng. Hai mắt anh quắc lên một cách dữ dội. Anh nghiến răng ném mạnh "bát phở" ra sân. Tiếng bát vỡ làm cho lòng anh dịu. Anh bật cười thấy mình vô lý và hơi tiêng tiếc. Tư thấy mỏi rã rời. Toàn thân run lên. Anh nằm lả xuống.

Chiều tàn đã lâu. Cảnh vật thẫm lại. Gió khua lá lao xao. Những lùm cây đen thẫm lắc lư trên nền trời sẫm đục. Thân, một tay ôm gói bọc giấy báo, một tay đẩy mạnh cánh cửa. Một tiếng rít rền trong yên lặng. Anh xăm xăm bước, nhớn nhác nhìn vào mấy gian nhà tối om. Miệng lẩm bẩm:

– Quái sao nhà cửa để tối thế này!

Thân im bặt vì biết mình nhỡ lời. Anh thong thả bước lên nhà. Đặt gói lên bàn, Tư vẫn nằm rũ trên tràng kỷ không biết bạn đến, Thân lay bạn:

– Tư! Tư!

Tư thều thào:

– Thân đấy à?

– Ừ, Tư ngủ à?

Giọng Tư nhỏ đầy mệt nhọc:

– Không... Thân vào tôi cũng biết..., nhưng mệt... quá...

Thân ái ngại nhìn bạn trong bóng tối. Đoạn anh nói rất nhẹ nhàng:

– Tôi đem cho Tư ít hạt mít đây. Tư ăn đi.

Tư cảm động quá. Nước mắt chảy ròng ròng, anh nghẹn ngào:

– Thân tốt với tôi quá.

– Ồ! Anh.

Đôi bạn ngồi âm thầm trong bóng tối. Tiếng Tư nhai hạt mít trong im lặng. Tư chợt nghĩ đến mẹ, anh ngóc đầu bảo bạn:

– Thân cất đi cho tôi một nửa nhé.

Anh định tâm để dành cho mẹ. Thân ôn tồn:

– Ừ, còn nhiều anh ạ.

Tư lại nghĩ đến mình, đến tương lai. Một tương lai mờ mịt của đứa con vợ lẽ. Anh thở dài não nuột.

– Gì thế anh?

– Không.

Hai người im lặng.

Trung Bắc chủ nhật,

số 120, ngày 26-7-1942.

ĐÔI CHIM THÀNH

(Truyện ngắn)

Cái tiếng quần chim của Trưởng Thuận ăn khao "liên tam trúng"[1] nức cả hàng phủ. Thật là một thành tích vẻ vang chưa từng có.

Nhân vào ngày không có hội nào, các tay ăn chơi sành sỏi đến chơi nhà ông Trưởng rất đông. Họ cười nói xôn xao cả năm gian nhà khách. Ai cũng tỏ ý bất mãn về quần chim của ông Trưởng bị đánh hỏng ở hội Đại Đình hôm vừa qua.

Trưởng Thuận phân trần:

– Các ông tính: hôm ấy vừa gió to vừa xấu trời, cả hàng phủ không ai dám mở; thế mà tôi mở đấy, các ông ạ. Vì tôi tin ở tông chim này, càng gió to bay càng hay.

Ai lại gió to là thế, mà đàn quả, chết! Đẹp quá. Vừa tròn trặn, vừa đông đen. Chẳng vòng việc gì cả, cứ đứng dựng con chim mà ngoi ngoi lên.

Vừa nói, ông vừa giơ ngược bàn tay lên lắc lắc, tả dáng điệu con chim đang bay. Uống một hụm nước chè, ông nói tiếp:

– Từ trung đến thượng ở thăng bằng giữa sới, không qua có tội gì có thể đánh được. Mãi đến lúc đàn chim "vần thượng"[2] cơ chừng gió to quá nên có một con bật ra bằng chiếc quạt này này. Tôi đã chắc mẩm họ đánh "trung chính, thượng tiểu tùy"[3] lấy giải. Có phải không các ông? Thế mà rồi họ lại đánh "đại tùy",[4] bỏ đấy, có ức không?

Hương Thi rít một hơi thuốc lào, nói vội trong khói đặc:

– Thế sao ông không hỏi cho ra nhẽ?

– Có! Tôi vào tận trịch trong tôi bảo: "Các ông cầm trịch thế thì còn nhầm lắm. Chim bay như thế mà các ông nỡ đang tâm đánh "đại

---

1. Liên tam trúng: ba ngày ăn ba giải liền.

2. Vần thượng: bay rất cao.

3. Trung chính, thượng tiểu tùy: bay ở dưới thẳng hay giàn sới, lên cao có một con lậy ra đằng sau đàn không xa mấy.

4. Đại tùy: một con lật ra sau đàn rất xa.

tùy” được! Tôi chỉ sợ trời gió này “trung khứ”[1] đánh “đại biên”[2] cho người ta lấy giải thôi”. Thế mà y như rằng đấy, các ông ạ.

Ngay lúc ấy có tiếng nói ở ngoài sân vọng vào:

– Thì lão vẫn khen Trưởng Thuận chơi sành rồi mà.

Thì ra cụ Tú bên Trang Liệt sang chơi. Tuy tuổi tác, nhưng cụ vẫn còn tráng kiện. Cặp mắt vẫn tinh anh dưới hàng mi dài. Nước da hồng hào càng làm tôn bộ râu trắng muốt phất phơ trước ngực. Một tay chống gậy trúc, một tay cầm quạt thước che nắng, súng sính trong chiếc áo lụa trắng dài, cụ trông có phong độ một vị tiên.

Trưởng Thuận chạy ra hiên, đon đả:

– Nắng nôi thế này, cụ cũng chịu khó sang chơi.

Cụ Tú vuốt râu cười khanh khách:

– Có hề gì. Nhân thằng chánh Quyền nhà tôi bảo bên này ông có quần chim hay, nên muốn sang xem.

Ông Trưởng cười nhũn nhặn:

– Xin rước cụ vào trong nhà nghỉ ngơi cho mát đã.

Sau một tuần nước chè tàu mới pha, Trưởng Thuận bắt vào một đôi chim.

– Đôi này thành đây, cụ ạ.

Cụ Tú thận trọng đỡ lấy con đực. Cầm gọn gàng trong tay, cụ nâng đầu con chim lên, nhìn mắt, nhìn mỏ, tấm tắc khen:

– Tỉnh lắm, mắt ướt thế này tỉnh lắm.

Rồi cụ sẽ sàng xòe cánh chim ra. Ngắm nghía hồi lâu mới đưa trả con đực, xem đến con mái. Khi xem xong cả đôi chim, cụ nở một nụ cười khoan khoái:

– Tinh! Trưởng Thuận tinh lắm! “Cào, bị”[3] ấy kháp với nhau không tách được.

Ngừng lại một chút, cụ nói tiếp:

– Phàm giả cái giống chim văn giàng[4] này, cứ con nào “cào” nhọn là bay cao, con nào “bị” to là đông đen. Nhưng mấy con được

---

1. Trung khứ: bay hãy còn thấp đã bỏ về.
2. Đại biên: bay trệch sới nhiều quá.
3. Cào, bị: cào là lông cánh ở ngoài, bị là lông cánh ở gần nách.
4. Chim văn giàng: chim bồ câu.

hoàn toàn cả cào lẫn bị. Cào thì "sơ, tràng"[1], bị thì đông đen thì lại không "vần thượng". Đôi chim này được cả cào lẫn bị.

Rồi cụ quay lại hỏi Trưởng Thuận:

– Tông này ông Trưởng lấy ở đâu thế?

– Dạ, thưa cụ, của Đội Tủng ở Hạ Dương đấy ạ.

Cụ Tú kinh ngạc:

– Của Đội Tủng? Làm thế nào ông lại lấy được của hắn?

– Thưa cụ, cứ kể hồi còn mồ ma ông ta thì lấy thế nào được. Nhưng ông ta chết đi, con cháu không biết chơi, đem ra chợ bán. Ngày ấy tôi ngồi chơi ngoài cửa. Chợt có con bé sách lồng chim đi qua, tôi gọi lại xem chơi, thấy đẹp hỏi mua, có bốn hào chỉ thôi mà. Hỏi nó là con cái nhà ai thì nó trả lời là cháu ông Đội Hạ Dương.

– Ồ! May thế đấy!

Tư Khả dĩ (vì câu nào ông cũng đệm hai chữ khả dĩ vào nên người trong làng đặt ông cái tên ấy) nghe chừng nóng ruột, nhắc nhỏm:

– Khả dĩ đã trưa rồi đấy! Ông Trưởng mở chim cho trên có cụ Tú, dưới có anh em chúng tôi thưởng thức.

Như chợt nghĩ ra, cụ Tú sốt sắng:

– Ừ, phải đấy! Mở đi cho chúng tôi xem với.

Trưởng Thuận ngần ngại:

– Tôi cũng chẳng dám tiếc cụ với các ông làm gì. Nhưng hôm nay xấu trời lắm: vừa oi, vừa gió tây. Tôi e cơn giông.

Cửu Phúc chạy ra sân, ngửa mặt nhìn lên trời, nói vào:

– Đẹp trời lắm, ông Trưởng ạ. Vẩy tê tê thế này, cứ gọi là chọc cũng chả mưa được...

Ông Tư thủng thẳng chọc thêm:

– Khả dĩ được, được mà!

Mỗi người một tiếng. Không lẽ từ chối mãi, Trưởng Thuận đành gọi con:

– Cu Tạm đâu rồi!

Ở trong bếp chạy ra, cu Tạm thất chiếc lưng xanh nhiễu điều – giải chim – lòng thòng quá đầu gối.

---

1. Sơ: bay thưa; tràng: bay dài.

– Con sách lồng chim ra cầu bò để thày mở cho các cụ xem.

Cu Tạm lại gần vựa thóc, xách chiếc lồng đầy chim kiểu trái hồng sơn quang dầu để ở bóng mát đi ra cổng. Trưởng Thuận thong thả theo sau.

Đặt lồng chim xuống vệ đường, ông Trưởng cởi dây, rút ống nước đâu đấy, rồi mới quài tay ra sau lưng rút chiếc quạt giất cạp quần, se sẽ đập vào nan lồng. Đàn chim xô về một phía. Đập mạnh thêm mấy chiếc nữa, ông mở bật nắp lên. Đàn chim bay ra một loạt, cánh vỗ phanh phách. Bỏ lồng đấy cho cu Tạm, ông tất tả ra về.

Trong sân, dưới bóng mấy cây na, cây bưởi, mỗi cụ một chiếc quạt xòe ra che mắt, nếu không có quạt thì úp hai bàn tay vào nhau, ngửa mặt lên trời, nhìn qua kẽ tay cho đỡ chói.

Trưởng Thuận vừa về đến sân, mọi người đã khen:

– Ông Trưởng mở đàn chim "tươi" quá.

Đàn chim bay hãy còn thấp, lượn vòng quanh trên mắt mọi người. Có tiếng sáo trứng kêu vo vo, Hương Thi hỏi:

– Cái nào đóng sáo thế ông?

Vẫn nhìn chăm chăm vào đàn chim, Trưởng Thuận trả lời:

– Cái đực "rơi lạc phao" đấy ông ạ. Nó khỏe lắm, hôm nào cũng dẫn "tiên hành". Tôi dò mãi, đem đóng sáo vào mới thôi đấy.

Đàn chim bay đã "tít đuôi". Rồi cứ cao dần... cao dần. Thỉnh thoảng có người khen:

– Đàn quả đẹp quá.

– Nó đánh cái vòng nghịch khéo không này!

– Còn là ăn nhiều giải các ông ạ.

Họ ngồi ngửa mặt lên trời xem mê man quên cả sức nóng thiêu người của trưa mùa hạ.

Đàn chim đã "vần thượng" bé bằng quả cau. Rồi bằng hột nhãn. Rồi chỉ còn thấp thoáng in trên những gợn mây trắng.

Cụ Tú hỏi:

– Đàn chim ở chỗ nào các ông nhỉ?

Cửu Phúc vừa chỉ vừa nói:

– Thẳng chóp nhà lên cụ ạ. Nó vòng lại đằng cây bưởi, gần cái đám mây xam xám ấy.

– Lão chịu, chả nhìn thấy gì cả.

– Khả dĩ cũng cao lắm rồi. Cụ chả nhìn thấy nữa, chỉ còn bằng hạt đậu xanh thôi mà.

Đàn chim chìm vào mây. Mọi người mới chịu bỏ; vào nghỉ ngơi trong nhà. Một lát ai về nhà nấy.

Trời mỗi lúc một thấp thêm. Thỉnh thoảng lại có luồng gió tây tràn vào như lửa đốt. Ánh nắng sáng chói, ở chỗ râm mà nhìn ra ghê cả mắt. Trưởng Thuận lấy chiếu treo vào sợi dây thép ngoài hiên cho nóng đỡ hấp vào trong nhà. Cu Tạm vào tít mãi gậm giường thờ nằm cho mát.

Đột nhiên trời sẩm tối lại. Mây đen từng lớp vần vụ từ phía Đông tiến lên. Gió ở đâu ùa tới quét sạch cái không khí nặng nề khó thở đi. Bụi bốc mù đường, xoắn lại thành từng cơn lốc. Cây cối quằn quại rú thét lên. Ông Trưởng đang thiu thiu ngủ trên võng, giật mình choàng dậy:

– Thôi chết! Cơn giông rồi. Đàn chim đến trôi mất.

Mưa lộp bộp lia mạnh xuống sân những hạt to bằng miệng chén. Hơi nóng bốc lên thành khói. Ông Trưởng như mê man:

– Cu Tạm đâu rồi!

Nó vẫn ngủ li bì trong gậm giường thờ. Ông gào to hơn:

– Thằng Tạm đâu rồi!

Mắt nhắm mắt mở, cu Tạm vùng trở dậy. Đầu cộc đánh chát vào hương án. Nó bưng đầu xoa xuýt chạy ra.

– Cất lồng đi chứ để mưa thế kia à?

Cu Tạm luống cuống chạy xuống bếp, lại luống cuống chạy ra nhà ngang.

– Ô hay, cái thằng này mê ngủ đấy à?

– Con tìm cái nón.

Ông Trưởng nghiến răng quật cho nó một chiếc giáo quạt:

– Tìm nón thì nó mục lồng đi chứ còn gì.

Trời mưa ào ào, như trút nước xuống. Cống rãnh kêu ồ ồ.

Trưởng Thuận hết ra lại vào, luôn mồm kêu:

– Khổ quá! Cả nể một tí mà trôi tiệt cả đàn chim. Gió lật lá thế kia, không khéo bão mất thôi.

Chiều tối, ông Trưởng lên cơn sốt. Bà Trưởng đánh gió cho chồng, phàn nàn:

– Chim với chả cò. Đày nắng suốt cả ngày, không trách cảm được.

*

* *

Trưởng Thuận lử đử sốt đã năm hôm nay. Xem chừng ông tiếc đàn chim lắm, nhất là đôi chim thành. Thỉnh thoảng ông lại gọi cu Tạm hỏi chim đã về được con nào chưa.

Qua đến ngày thứ sáu. Bà Trưởng đi chợ. Có mỗi mình cu Tạm ở nhà trông nom am thuốc. Nó ngồi ủ rũ ở đầu thềm, nheo mắt lại, ngán ngẩm nhìn ánh nắng ngoài sân. Trưa mùa hè im ắng và vắng vẻ. Chốc chốc lại có tiếng gà gáy trưa nghe đến là buồn. Chả bù mấy hôm nọ còn đàn chim, lúc nào cũng có tiếng gụ nhau, con bay lên, con bay xuống, sao mà nhà cửa vui thế!

Ý nghĩ của cu Tạm nhạt dần, chập chờn theo giấc ngủ. Bỗng nó mơ hồ nghe như có tiếng chim bay. Vun vút, phanh phách, mỗi một lúc một rõ. Nó tỉnh dậy, cố nhướng cặp mắt ngái ngủ nhìn ra sân. Một bóng... Rồi hai bóng chao đi chao lại trên nền sân nắng. Nó chạy xổ ra. Đôi chim đã bay xà xuống nóc nhà. Cu Tạm mừng rỡ cuống quít, gọi:

– Thầy ơi! Đôi chim thành đã về!

Ông Trưởng đang rên hừ hừ, vùng trở dậy, run lẩy bẩy chạy ra sân, miệng hỏi:

– Đâu! Thật không?

Ông dụi mắt nhìn lên nóc nhà. Quả đôi chim quí báu của ông thật. Chúng nó đang há hốc mỏ ra thở; lông cánh phờ phạc, nom gầy tọp đi. Hai mắt sáng lên vì sung sướng. Cặp môi héo của ông nở một nụ cười rất tươi.

– Tao biết tông chim này tinh lắm, mất thế nào được. Còn về nữa cho mà xem. Cu Tạm giật mình kêu:

– Thôi chết, trào ấm thuốc rồi.

Ông Trưởng ngọt ngào:

– Mặc thuốc đấy. Hãy lấy thóc cho chim ăn đã, con.

Trung Bắc chủ nhật,

số 164, ngày 4-7-1943.

CON MÃ MÁI

(Truyện ngắn)

Mảnh sân đất nhỏ hẹp chạy dài trước ba gian nhà tranh lụp xụp. Bề ngang không đầy hai thước ; bề dài chỉ đến tám bước chân là quá. Vậy mà Cả Chuẩn cũng cố bày biện cho nó ra vẻ một cái vườn cảnh. Giàn thiên lý, chính giữa, thấp lè tè, cành lá xum xuê che chiếc bể cạn thả cá vàng và bốn chậu lan đặt trên đôn sứ cũ kỹ, sứt mẻ : hai chậu bạch ngọc và hai chậu nhất điểm. Trong bể, kê một hòn non bộ sần sùi, gân guốc ; cỏ tóc tiên mọc um tùm giữ một vẻ hoang vu bí mật đối với bọn người sành bé nhỏ, đặt theo điển tích. Nào chùa, tháp, cầu, quán chênh vênh hiểm trở ; nào ngư, tiều, canh, độc ; nào cầm, kỳ, thi, tửu ; nào Bá Nha ngộ Tử Kỳ ; nào Sào Phủ tẩy nhĩ... Tất cả ngụ một vẻ an nhàn thư thái, gác đường danh lợi ra ngoài như thời Nghiêu Thuấn. Che tất cả hòn non bộ là một cái tán si. Gốc si xù xì, thân uốn éo theo một kiểu nhất định.

Mỗi lần có khách lạ, ông Cả không quên giảng giải kỹ lưỡng về chiếc bể này :

– Có người trả năm chục bạc rồi, tôi không bán đấy nhé. Những người sành này tôi gửi mua tận chợ Đồng Xuân ngoài Hà Nội, toàn sứ Tàu cả ; lại còn cây si này nữa. Ông thử để ý ngắm kỹ mà xem : kiểu long cuốn thủy đấy !... Này nhé, cái gốc là cái đầu vục xuống uống nước này. Hai vấu là hai con mắt này. Cái thân uốn éo như hình con rồng cuộn khúc này. Cái tán ở trên xòe là cái đuôi này. Còn cây nhỏ dưới gốc là cây tử này. Chơi cây phải có mẫu, có tử mới không sái, ông ạ.

Cả Chuẩn khoe khoang hòn non bộ cũng như ông vẫn thường khoe hai cây cau lợn cọ trồng hai bên vại sói trắng. Mấy khóm lan, hai chậu bạch trà hay bất cứ một thứ gì trong sân cảnh đều mang một lịch sử cầu kỳ, khó khăn.

Khi người ta là một nhà Nho – mặc dầu không hay chữ – nhất lại là nhà Nho kiết nữa, thì càng sính chơi cái thú thanh tao này. Cả Chuẩn cũng vậy. Ông chơi cây cảnh chẳng qua để đôi lúc rượu say, tức đời đem câu *danh lợi bất như nhàn* hay *bần thanh còn hơn phú*

trọc ra mà an ủi mình và để lên mặt khinh đời, nghĩa là khinh mấy bác giàu có trong làng, mà ông cha là những hạng người keo bẩn, thô tục, không bao giờ hiểu biết được cái thú nhàn nhã như ông. Ông thường dè bỉu :

– Hứ ! Sống ở trên đời mà bo bo đồng tiền, chẳng biết ăn chơi là cái gì, chết thì cũng hai tay buông xuôi, dễ mang được của đi chắc !

Rồi ông cất giọng sang sảng ngâm :

Ngoài vòng cương tỏa chân cao thấp,

Trong thú yên hà mặt tỉnh say.

Chính ra, Cả Chuẩn cũng không tha thiết gì với cái vườn cảnh cho lắm. Sở dĩ có nó, chẳng qua vì ông rỗi rãi quá và cũng vì những lẽ trên kia. Thật tâm, ông chỉ thích gà chọi thôi.

Trong cái vườn cảnh bề bộn, nhỏ hẹp ấy, ông cố chen thêm vào một chuồng gà và hai chiếc bu thửa, cao lớn lênh khênh coi rất chướng mắt.

Cả Chuẩn mê thích gà chọi lắm. Suốt ngày chỉ lăn lóc với gà. Ngay từ tờ mờ sáng, chưa dậy được, nằm trên giường, ông đã để ý nghe xem hôm nay con *Chuối* gáy mấy tiếng, con *Bạch Nhạn* gáy mấy tiếng. Có được mạnh mẽ không ? Ông mê đến nỗi chẳng thiết làm ăn gì cả. Chỉ khổ bà Cả và cô Tưởng. Hai mẹ con đầu tắt mặt tối, ngược xuôi, tần tảo lấy tiền về nuôi gia đình. Thằng cu Trạm lớn rồi vẫn không được đi học. Phải ở nhà hầu hạ bố, nói là hầu hạ gà mới đúng. Lúc nào nó cũng la cà ở ngoài bờ ruộng bắt nhái, hoặc cào cào, châu chấu đem về cho gà ăn. Thằng bé đày nắng đen sạm hẳn đi.

Ông Cả để cu Trạm sống theo vết cũ của mình. Cũng như phần đông trai làng : lớn lên lấy vợ, rồi nhờ vợ sống một cuộc đời ỷ lại vô lo vô lự. Nếu nhờ trời khấm khá có đồng ra đồng vào một chút, ra hương chính, cai đám ; hơn nữa, lý, phó tổng chưa biết chừng. Thế là danh phận chán rồi.

Hiện giờ, trong nhà có hai con gà đá được. Cả Chuẩn vẫn chưa vừa ý con nào. Cái *Chuối chân vàng* "chịu phộc bất tảng".[1] Dầu hay, mau đòn, nhưng phải cái đá nhẹ. Cái *Bạch Nhạn* "cần lập trụ"[2] đôn nặng, gan lỳ, thì lại chậm chạp ; mặt bành xe, dại đần lắm.

---

1. Chịu phộc bất tảng : chui qua bụng, đợi con địch lên mổ vào đầu rồi đá.
2. Cần lập trụ : cổ to rất cứng, đánh bao giờ cũng đứng thẳng.

Cho nên Cả Chuẩn vẫn để ý tìm tòi một tông gà hay nuôi cho bõ công vần vỗ. Ông thường phàn nàn :

– Nuôi được con gà đi đám, công phu lắm, chứ có phải dễ đâu. Hạng táp nham thì vô thiên lủng ra đấy. Nhưng không bõ.

Một bận, ông sang nhà Tư Méo bên Bính Hạ chơi. Gớm ! Ông cứ mê lên về gà của hắn. Ông thuật lại với anh em bằng một giọng vô cùng thèm muốn :

– Chết ! Chết ! Chơi như người ta mới là chơi, chứ như mình ấy à! Một tay lão ta nuôi hai mươi nhăm con gà, ở trong một cái trại bát ngát. Mà con nào cũng như công như phượng ấy !

Cả Chuẩn còn sang bên Tư Méo bốn năm bận nữa. Ông mày mò muốn mua một con gà mái. Cho rằng : *Chó giống cha, gà giống mẹ*. Gà mẹ có hay, gà con mới đá được. Tư Méo có cái Mái Ô sô mặt tông siếc, ông mê thích quá : "Chân tay mặt mỏ ấy, nó đá như vũ như bão chứ chẳng không".

Nhưng khẩn khoản thế nào, Tư Méo vẫn không bán, mà hỏi mượn về "đúc" một lứa, hắn cũng không cho. Càng thế, Cả Chuẩn càng mê mẩn con mái xồm. Ông nhất quyết phải chiếm cho kỳ được mới yên lòng, nhưng vẫn băn khoăn chưa tìm ra cách nào.

Một buổi tối, người hàng xóm ông mất gà. Mụ xắn váy quá đầu gối, dạo khắp ngõ trong, ngõ ngoài, quai xanh vành mỏ ra sa sả rủa đứa nào đã chấp chiếm con gà mái của mụ.

Nghe vậy, Cả Chuẩn bỗng nảy ra một ý kiến. Ông mỉm cười gật gù khoan khoái, lấy làm đắc sách lắm. Sáng hôm sau, mặc dầu trời lạnh, ông đã lọ mọ xuống xóm dưới vào nhà Cả Cúi chơi. Đôi bên thì thầm bàn tán với nhau có vẻ bí mật lắm. Lúc ra về, ông còn cặn kẽ dặn đi dặn lại :

– Thế nào anh cũng cố lưu tâm giúp tôi nhé !... Nhớ con gà đen và xồm mặt ấy. Tôi không để anh thiệt đâu.

Cả Cúi gật đầu :

- Được ! Được ! Con nhớ kỹ rồi, ông cứ yên tâm.

Thỉnh thoảng, Cả Cúi lại lên nhà Cả Chuẩn chơi. Có lần hắn còn ở lại uống rượu nữa. Ông cũng chẳng nề hà tai tiếng chơi bời với quân câu gà với làng nước nữa.

Nửa tháng sau. Một đêm tối trời. Cả Chuẩn đã đi nằm từ lâu.

Ông đang mơ mơ màng màng đến con gà mái của Tư Méo. Chợt có tiếng Cả Cúi gõ cửa rất gấp, giọng nhỏ và có vẻ sợ sệt :

– Ông Cả ơi ! Ông Cả ! Ông Cả ơi ! Ông Cả !...

Đoán chắc thế nào cũng có kết quả tốt đẹp, Cả Chuẩn sướng rơn lên. Ông vùng trở dậy, hấp tấp không kịp thắp đèn, bước thấp bước cao ra mở cửa. Ông hổn hển hỏi bóng người trước mặt :

– Cúi đấy à ? Thế nào ?

Hắn lách người qua cửa ngõ hé mở, thì thào :

– Được rồi.

Ông Cả vội vã đi thắp đèn, rồi ngồi ngẩn người ra ngắm con gà nghiêng nghé trong ánh sáng vàng kệch, tần ngần chẳng nói chẳng rằng. Cả Cúi sốt ruột cất giọng lè nhè đói thuốc nhắc :

– Ông cho con xin... con về chẳng khuya.

Ông Cả giật mình tỉnh mộng :

– À, nhỉ !

Rồi cứ cầm cả gà trên tay đi vào buồngg, nâng đầu vợ gọi :

– Này ! Này ! Đưa mượn tạm năm đồng.

Bà Cả oặn oại, ậm ờ, giọng khê nồng nặc :

– Bây giờ còn lấy tiền làm gì ?

Ông phát bẳn :

– Có việc chứ còn làm gì nữa ? Hỏi lẩn thẩn mãi !

Bà Cả đành phải đấu dịu. Bao giờ ông gắt, bà cũng phải đấu dịu như thế :

– Ở cái bao trong bồ hàng ấy. Lấy đúng năm đồng thôi nhé.

Trả tiền Cả Cúi, đưa hắn ra về rồi. Ông Cả vẫn còn ngồi mê man ngắm gà đến mãi khuya.

Đêm ấy, Cả Chuẩn trằn trọc không sao ngủ được. Ông cứ nghĩ luẩn quẩn về con gà mới mua, và tưởng tượng đến bao nhiêu chiến công rực rỡ của đàn con nó sau này. Mãi gần sáng, mới chợp đi được một lúc. Trong giấc mơ, ông chập chờn thấy toàn những gà là gà.

Hôm sau, ông đi chơi khắp trong làng khoe mình mới mua được con gà mái ô đẹp lắm, của anh bán củi gánh qua. Và nhân thể ông đặt luôn nó là cái *Mái Củi Tạ*.

Con *Củi Tạ* đá nặng đòn lắm. Ai xem cũng phải thán phục nó có đôi quản đẹp. Cả Chuẩn đã cho thử tài đến năm sáu bận. Không con nào chịu nổi nó đến ba hồ. Lần nào cũng chỉ hai hồ, hai hồ rưỡi đảo về là nó đánh con địch một đòn cứ biệng siệng như người say. Cho đến hết hồ thứ ba là phải chạy. Duy có con *Mái Xám* của phó Tiệm trên phố phủ, gan liền mới chịu được năm hồ, thì hôm sau ngã gục xuống chuồng lợn chết.

*

*   *

Độ rầy, con Củi Tạ mới đổi lông, óng ả, mượt mà và béo tốt ra. Cái mặt đỏ gay lên. Nó dạo hết nhà trước vườn sau, thẫn thờ gọi trống : "Coóc !... Coóc !... Coóc !... Coóc !... Coóc !...".

Cả Chuẩn càng băn khoăn lo nghĩ. Từ ngày có con Củi Tạ, ông vẫn để ý tìm ở vùng này một con gà hay "đúc"[1] một lứa. Ông đem ý này bàn soạn với các bạn :

– Ở ta bây giờ, tôi xem không có một mái gà nào gọi là đá được để "rầy" con mái Củi Tạ, các ông ạ.

– Thiếu gì ! Cái *Tía khuỳnh ba kỳ* của đồ Thảo thế nào ?

– Cái ấy đá thì có gì, ông bảo ! Dễ cứ ăn ba kỳ là gà hay chắc ? Chả cứ, ông ạ !

Hương Chế biểu đồng tình :

– Phải ! Ông Cả nói phải, có cứ gì ăn giải là gà hay đâu. Chẳng qua là hợp "vở" [2] thì ăn thôi chứ khó gì. Chẳng hạn như gà mình chui, gặp phải con đấm, cứ mạng sườn nó thúc thì hỏi "ông" chui vào đâu ? Chỉ ba hồ hương là "ông" sẽ cánh buồm xuống, "ông" bước. Nếu biết kháp [3] ra, gặp con đè cần bắt tảng [4] thì ông đã lại tiền bỏ túi.

Con *Tía khuỳnh chân sương,*[5] ông Tư nói vừa rồi, có đòn gì ? Tôi chả thấy nó đánh cần cáo bao giờ gọi là có. Độc vị "thông vỉa hai

1. Đúc : cho đạp mái, lấy gà con.
2. Vở : lối đánh.
3. Kháp : gán, ghép.
4. Tảng : đầu phía trên.
5. Chân sương : chân trắng.

mang"[1] gặp phải con đấm hay, cu cậu đâm ra tháo chái : "Cần chạy vài nhì"[2] lắm khi còn đánh "sà leo"[3] ngã quật mình xuống đất như trời giáng nữa mới chết chứ.

Gà hay vùng này bây giờ tôi chỉ thấy có ba con thôi : *Cái Tía Nồi* của Tư Méo là một. Nó đá thì không phải bàn cãi nữa rồi. Cái *Ô Chuốt* gan liền tướng quân của lang Mão Đồng Kỵ là hai. Với lại cái *Bịp Tầm đại*[4] của đồ Đán bên Đình Bảng là ba. Thế thôi đấy. Còn ngoại giả tôi không còn ưng ý một con nào nữa.

Hương chế nói rất chí lý. Cả Chuẩn cũng nhận thấy thế. Vùng này xem ra chỉ có ba con gà ấy là xứng đáng rẩy[5] cái Mái Củi Tạ thôi. Con *Tía Nồi* của Tư Méo thì ông cả không dám màng đến rồi. Con Bịp được cái phủ đòn và cũng có cần cáo đấy. Nhưng ông ghét nó phải cái lớn quá. Chơi gà tầm đại ra đám khó kén được con "đồng cân đồng lạng" mà đá.

Cả Chuẩn nghĩ chán rồi. Ông nhất định lên Đồng Kỵ mượn cái Ô Chuốt. Con này tầm trung vừa chơi. Nó đá nhiều cần cáo lắm ; lắm đòn đánh con địch kêu quang quác, bay vù ra ngoài sới. Khốn nỗi lang Mão không cho mượn. Cả Chuẩn cố nài nẫm khẩn khoản mãi. Nể lời quá, và là chỗ bạn bè thân thiết, lang Mão đành bàn khéo :

– Thật tình tôi không dám tiếc anh em đâu. Ở nhà tôi cũng đang cho rẩy mái. Khó nghĩ quá ! Hay là thế này. Ông đem con *Củi Tạ* để trên này đúc một thể ?

Cả Chuẩn không bằng lòng. Ông cười gượng gạo bàn ra cách khác:

– Ừ ! Thế cũng được. Nhưng mà... Nhưng mà... Hay thế này tiện hơn. Mỗi hôm tôi sai cháu nó đem lên đây. Ông cho cái Ô Chuốt đạp một lần, có nhẽ tiện hơn.

– Vâng ! Thôi thế cũng được. Chỉ khí vất vả cậu em một tí.

Hôm ấy ra về, Cả Chuẩn nghĩ lung lắm. Ông tự nhủ : "Cho đem lên như thế này, ngộ nhỡ gặp Tư Méo thì sao". Trí óc rối ren lên không

---

1. Thông vía : chui qua cánh rồi ngoái cổ lại mổ đầu mà đá. Hai mang : hai bên cùng thuận.

2. Cần : cổ. Chạy vài nhì : là thấp đầu nữa với chúi đòn.

3. Sà leo : ngoái cổ lại mổ đá lung tung. Con nào bị đè nhiều tức quá cũng đá sà leo. Đá như thế bao giờ cũng quật mình xuống đất.

4. Tầm đại : sức rất to.

5. Rẩy mái : đạp mái.

biết bao nhiêu là ý định. Ông tìm cách này, cách nọ, chưa bề nào ổn cả. Không lẽ cho vào lồng rồi phủ giấy ra ngoài ? Hay nhét vào cái bị ? Ừ, nhét vào cái bị có nhẽ là tiện. Nhưng lang Mão thấy mình giấu giấu, giếm giếm như vậy thì có phải lòi cái gian ra không?".

Sau cùng, Cả Chuẩn chặc lưỡi quyết định như thế này : "Cứ đem tự nhiên. Nhưng phải đi vòng cánh đồng. Khí xa thực đấy. Nhưng thôi, chịu khó một tý vậy, cho chắc chắn".

Thế là ngày hôm sau, cơm nước xong, cu Trạm lệch thệch ôm con gà vòng cánh đồng lên Đồng Ky lấy giống. Cứ ròng rã như thế hơn nửa tháng trời, cho đến ngày con Củi Tạ rạo rực tìm ổ mới thôi.

Rồi con Củi Tạ đẻ. Mỗi lần nghe nó "cục ta cục tác" hòa với hai con gà trống kêu inh nhà lên, ông Cả lại sung sướng rộn rã. Có bận, chừng chếnh choáng say, ông liếc bà, tủm tỉm nói lỡm :

– Đấy, bà mày nghe xem. Có phải con gà mái kêu : "Vừa đau vừa rát ! Vừa đau vừa rát !" thì con gà trống ở đâu te tái chạy lại dỗ dành: "Ai cũng thế ! Ai cũng thế !" không ?

Dứt lời, ông cười ha hả.

Bà Cả nguýt chồng, nguẩy xuống nhà bếp, lẩm bẩm :

– Người đâu khổ là người ! Vài ba hớp rượu vào là như trẻ con ấy.

Cả Chuẩn cũng chẳng để ý đến lời vợ. Ông còn mải lấy thóc cho gà ăn và đi cất trứng cho cẩn thận. Chẳng nữa chuột tha hoặc rắn nuốt mất. Cái trứng nào ông cũng đánh số nhất, nhị, tam, tứ, thứ tự trước sau.

Thấm thoắt, con Củi Tạ đã ấp. Những lúc nó rời ổ đi ăn, uống, Cả Chuẩn lại vào nhòm xem ổ trứng thiếu đủ ra sao. Ông đoán cái nào tròn là nở con đực, cái nào dài là nở con mái. Và để ý từ màu sắc thay đổi, từ màu hồng hồng đổi dần sang màu xám. Những công việc tỉ mẩn không đâu ấy cũng đủ khiến ông vui thích mà bận rộn suốt ngày.

Ấp được hai mươi hôm thì nở. Hôm ấy, Cả Chuẩn ở luôn bên ổ săn sóc. Mỗi con gà ráo lông, ông lại bắt ra bấm cái mỏ chấu [1] đi. Việc ấy đối với ông quan hệ lắm. Chả thế mà trứng chưa nở hết, ông phải ngồi chờ quá nửa đêm vẫn chưa đi ngủ. Bà Cả thương chồng vất vả, mấy lần nhắc nhỏm :

---

1. Mỏ chấu : con gà mới nở, đầu mỏ có một cái chấm nổi lên bằng hạt tấm tức là mỏ chấu.

– Thì mặc nó có được không ? Việc gì mà thức cho mệt người !

Ông bực mình, gắt lên :

– Bà thì có biết cái gì nữa mà cứ nói mãi ! Không chờ bóc vỏ chấu về sau này đá độ vài ba hồ đã tuột mỏ của người ta đi à ?

Vả lại ông cũng không muốn ngủ, cứ thích ngồi rù trong chăn bông bên ngọn đèn hút thuốc lào vặt và chú trọng nghe tiếng gà con chiêm chiếp, xao xác đến vui tai.

*

*   *

Lứa gà ấy của Cả Chuẩn chỉ để lại có hai con : một cái *Ô Mã Mái* và một cái "nảy nòi" *Sám Miến Hồng*. Đôi gà này mỗi con đều có một đặc biệt riêng. Ngay từ khi hãy còn lông tơ, con *Sám Hồng* đã bỏ đàn đi bới sâu ăn riêng một mình rất xa đàn. Còn con *Mã Mái* ăn no lại nằm chầu hẫu ngay mỏ mẹ, đúng với câu : "Thứ nhất ăn sâu, thứ nhì chầu mỏ". Ông tin chắc thế nào đôi gà ấy cũng có tài xuất chúng.

Bảy, tám tháng sau, đôi gà ấy đã qua thời kỳ "bóc dò" ; rồi gáy căng. Cả Chuẩn đem sửa sang cắt tai, cắt mào ; và gọt lông ở bụng ở đùi cho dễ om bóp vần vỗ. Bây giờ, chúng có vẻ con nhà tướng lắm. Mỗi bận nhác thấy nhau là nghển cao cái đầu đỏ chót lên, "cục téc" một tiếng lớn. Rồi vỗ cánh phành phạch, cất tiếng gáy khiêu khích. Chúng nghiêng mình đứng kình, dữ tợn nhìn nhau và bước lên những bước đi đĩnh đạc, chắc chắn, quả quyết cùng nhau một trận thư hùng. Ông Cả phải nhốt riêng mỗi con một nơi.

Tuy rằng cùng đàn với nhau mà đôi gà ấy mỗi con một vẻ, mỗi con đánh một đòn. Con *Ô Mã Mái* tảng dày, mí trờm làm cho đôi mắt ếch sâu hoắm vào. Mỏ tam sơn, ba múi, quăm quắm như mỏ diều hâu. Mình củ đậu,[1] đuôi lá vả, tỏ ra có sức bền bỉ, gan góc. Nhất là đôi quản đen bóng, rắn cứng như thép nguội. Hai hàng vẩy một song song chạy từ kheo đến bàn. Quản bên phải, sóng ngang với cựa có một chiếc vẩy rất nhỏ cài vào nữa. Theo những tay chơi, đó là chiếc *vẩy cáo*, lợi hại lắm. Nó chuyên "hầu dọc" [2] rất nhiều cần, cáo. [3] Ai cũng phải chịu là con gà hay.

---

1. Mình củ đậu : tròn mà to, trái với mình "công" thon.

2. Hầu dọc : mổ vào yết hầu, đá thẳng vào cổ.

3. Cần : đá con địch cong cổ, gãy cổ tức là đòn cần. Cáo : đá con địch kêu quang quác lên, hoặc mang liệng siệng, có khi bay vù hẳn lên, tức là đòn cáo.

Nhưng đến con *Sám Miến Hồng* thì mới thực là tài ba có một. Với đôi quản đầy vẩy "khâu dao",[1] chỉ buông không cũng thành cần, cáo. Và nhất là hai ngón "thái" [2] vênh vênh kỳ quái. Nó đã lấy vừa đúng mười hai con mắt trong mười hai trận đá. *Sám Hồng* khét tiếng là con gà kỳ tài. Đến nỗi vần *khấu mỏ* [3] lấy giẻ quấn chân lại, nó còn "buông" [4] một đòn khiến con *Mã Mái* giãy lên đành đạch.

Từ đấy táng kệch, không ai còn dám cho gà vần với nó nữa. Vì thế, con *Sám Hồng* chưa bao giờ đá đến quá hồ rưỡi. Cả Chuẩn vẫn sợ sau này, ra hội, nó không đủ hơi, nên ông đành phải cho vần lồng với con *Mã Mái* vậy.

Sẩy - khách lai ngoài Hà Nội về đã trả con *Sám Hồng* tới năm chục bạc. Nhưng Cả Chuẩn nhất định không bán. Ông cười chậm rãi:

– Vâng ! Cứ kể ra năm chục thời cũng to đấy ! Nhưng cái lòng thích với cái công phu nuôi nó thì nhiều chứ ! Ai lại đem bán đi !

Thường thường, Cả Chuẩn vẫn ngâm câu : *Chân chì mắt ếch đếch sợ ai. Quản ngắn đùi dài đá chẳng sai* tả cái gan góc của con *Mã Mái* và câu : *Đầu công, mình cốc, cánh vỏ chai. Quản ngắn đùi dài đá chẳng sai* tả cái gọn gàng nhanh nhẹn của con *Sám Miến Hồng*.

Bỗng một hôm tiết trời đổi khác. Gió heo may lạnh lẽo vi vút từng cơn. Cả Chuẩn sổ suýt nói tiếng đằng tai. Ông thấy trơn trởn người ; gây gấy sốt, da nổi gai ốc lên. Cái đĩ Biểu cũng ươn người, quấy mẹ suốt đêm. Ông Cả cất giọng ngàn ngạt bảo vợ :

– Trở trời đây mà ! Khí tiết này độc lắm đấy, bà nó ạ.

Sáng hôm sau, Cả Chuẩn nằm nghe đôi gà gáy, thấy kém mọi ngày đến mươi mười lăm tiếng và giọng không được mạnh mẽ, xói vào tai như trước.

Đôi gà hôm nay mất hết vẻ hùng dũng. Chúng xù lông ra, rụt đầu vào, thu gọn trong đôi vai cánh nhô lên. Mắt nhắm nghiền, cái mỏ se sẽ vẩy. Thấy động, chúng giật mình te hé cặp mắt đỏ đục nhìn ra, rồi lại từ từ nhắm lại.

Cả Chuẩn như mê sảng, chạy hết đầu hồi bên nọ lại sang đầu hồi bên kia sờ nắn gà. Cuối cùng, ông ngồi thần ra bên bu úp con

---

1. Vẩy khâu dao : tức là chiếc vẩy chạy từ mặt quản bên này sang mặt quản bên kia.
2. Ngón thái : ngón chân đằng sau.
3. Khấu mỏ : bịt mỏ.
4. Buông : không cần mổ mà đá.

Sám Hồng. Hai tay ôm má, nâng cái đầu hoa râm rũ rượi. Ông chép miệng nói qua tiếng thở dài ảo não :

– Ối chào ôi ! Nuôi với nấng.

Con *Mã Mái* vốn có sức, không đến nỗi nào. Con *Sám Hồng* thật hết gỡ. Mới có một đêm mà thịt nhão rào rào, nhẹ thọp hẳn đi. Cái diều đầy cơm không tiêu, rắn chắc. Da dẻ xám ngoẹt và lạnh ngắt. Đờm vướng trong cuống họng, nó khò khè thở. Chốc chốc bị tắc hơi, nó lại vẩy mạnh cái mỏ kêu "quéc" lên một tiếng lớn.

Cả ngày hôm ấy, ruột gan Cả Chuẩn rối bời lên để chạy thuốc cho hai con gà. Đứng không yên, ngồi không yên. Ai mách lối nào ông cũng làm. Giã gừng cho uống, nướng tỏi cho ăn, xoa dầu Nhị Thiên Đường, đốt bồ kết, xương truật, thôi thì đủ thứ. Trong đời ông, từ cha sinh mẹ đẻ đến vợ con đầu gối tay ấp, ông chưa phải hầu hạ ai khổ sở lo lắng đến như thế này. Cả Chuẩn như mất hồn, trông người sút hẳn đi, phờ phạc, xanh xao. Suốt đêm không ngủ, hai mắt cứ chang chang ; và đôi tai rất thính nghe không sót một tiếng quéc nào của hai con gà quí báu theo gió lạnh đưa vào.

Thế rồi con *Sám Miến Hồng* chết rũ ngay đêm hôm thứ hai. Cái mỏ há rộng, đờm rãi sộc ra cả mũi. Một đàn kiến nhỏ tung tăng ở đó kiếm mồi. Cả Chuẩn lặng người đi. Ông trân trân nhìn gà. Nét mặt trơ trơ như chẳng hề mảy may buồn tiếc. Có lẽ ông biết trước số phận con gà ấy rồi. Ông thở dài, từ từ nhấc xác con vật lên ngắm nghía một hồi lâu. Nửa cười nửa mếu, ông nghiến răng cay đắng :

– Rõ công cốc !...

Dứt lời, ông ném phịch xác con gà quí báu xuống đất, đoạn vỗ tay phủi bụi, thong thả đi lên nhà trên, cất tiếng gọi :

– Cu Trạm đâu rồi !... Vứt cổ nó ra Cầu Bò đi cho ông.

Thằng bé ngơ ngẩn hỏi :

– Vứt gì cơ ạ ?

Ông chỉ con *Sám Hồng*, trợn mắt nghiến răng, quát :

– Mù à ! Vứt đi. Hỏi mãi !... Hỏi mãi !...

Từ hôm đó, Cả Chuẩn sinh ra khó tính và nóng nảy. Hơi một tí là thét lác inh hàng xóm lên. Thằng cu Trạm sợ len lét không dám dàn mặt bố. Nó lỉnh đi chơi suốt ngày.

Con *Mã Mái* bỏ dài, ông cũng chẳng thiết trông nom. Con *Bạch Nhạn* và con *Chuối* cũ, một người em họ và Tư Chuyên mỗi người bắt một. Giá cái *Ô Mã Mái* khỏe khoắn ra thì cũng chẳng còn. Ai cũng như ai, tưởng thế nào nó chẳng chết ! Thế mà trái lại, *Ô Mã Mái* cứ tỉnh dần, rồi khỏe khoắn bằng cũ. Trong nhà bây giờ không còn con gà nào, cái kiêu hùng của *Mã Mái* càng nổi bật lên. Lúc nào nó cũng nghênh ngang đi sóng đôi với một cái cần đỏ chót vươn cao lên đôi cánh phệnh phạng, nhô lên thụt xuống theo bước đi, trông đặc du côn.

Rồi con mẹ nó ấp. *Ô Mã Mái* sinh ra chơi bời lêu lổng, đi lang thang hết nhà này, nhà khác trong xóm. Đến đâu là đánh bạt gà trống ở đấy để chiếm những con mái tơ giống Ri, giống Pha bé bằng nửa làm vợ. Chán rồi, nó lại đi và đánh nhau như thế mãi... mãi... Lúc nào nó cũng lén lút ở bờ tre, bờ giậu hay bên những đống rơm ve gái. Bộ lông mỡ màng đen láy của nó xơ xác và đỏ kệch ra.

Từ ngày con *Sám Hồng* chết, Cả Chuẩn chẳng còn thiết nhìn nhõ gì đến gà qué nữa, thì cái vườn cảnh lại được ông săn sóc đến luôn. Cái vườn cảnh có lẽ chỉ để giải buồn cho những người sính là nhà Nho trong lúc chán chường thất vọng bất cứ vì lẽ gì.

Một buổi chiều kia, rượu đã ngà ngà, Cả Chuẩn tha thẩn bên vườn cảnh ngắm hòn non bộ, tỉa vài chiếc lá lan, nắn lại cành si cho đúng kiểu. Chốc chốc lại khe khẽ ngâm một vài câu thơ cổ, giọng trầm trầm như len lỏi trong đám lá xanh thì thầm với bóng chiều tàn tạ. Một vẻ buồn cổ kính vương trên nét mặt ưu tư.

Bỗng tiếng gọi choang choang của Tư Chuyên bên hàng xóm phá tan sự tĩnh mịch, êm ả, thơ mộng ấy :

– Ông cả ! Thế này có chết không...

Vừa nói vừa giơ con *Bạch Nhạn*, rũ rượi trên tay cho Cả Chuẩn xem :

– Ông có cho nhốt cái *Mã Mái* lại không. Hôm nay nó sang đá hỏng cái *Bạch Nhạn* này rồi.

Cả Chuẩn thong thả hỏi :

– Sao ? Chạy à ?

– Nào đã chạy ở đâu. Thế này : tôi đi thăm đồng vắng, hai con ở nhà đánh nhau, mãi lúc về mới biết. Bắt ra thì con *Bạch Nhạn* gãy cần và tuột mỏ.

– À ! Hỏng thì thịt ! Làm chết gì ! Nếu phải gà hay thì đã đánh được con *Mã Mái*. Ấy, tôi vẫn bỏ dài cho rầy mái hoang đấy.

– Chớ ! Chớ ! Ông không biết, chớ cái *Mã Mái* nó đánh như vũ bão ấy. Tôi dám nói quyết rằng cả vùng này từ con *Chuối* của lang Mão đến cho con *Bịp* của đồ Đản, không con nào ăn đứt được nó.

– Đành thế ! Nhưng nói cho cùng : hay mấy thì hay cũng không thể bằng cái *Sám Miến Hồng* được.

– Chuyện ! Bì thế nào được với con *Sám Miến Hồng*. Con *Sám Miến Hồng* nó là thần gà, thánh gà, đâu có phải gà thường.

Tư Chuyên hắn nói rất phải : con *Mã Mái* cũng không phải gà thường thật. Cả Chuẩn nhủ thầm : "Giả thử không có con *Sám Hồng*, xem mình có quý nó không nào !" Càng nghĩ, ông càng thấy hối vì đã bỏ phí cho con *Mã Mái* rầy mái hoang, không chịu săn sóc.

Hôm sau, xem xét gà, thì tai hại, con *Mã Mái* bị kén mép và gãy hết cả lông cánh. Cả Chuẩn cắn cảu gắt mình :

– Thế này còn đá đấm gì nữa !

Cả ngày hôm ấy, hai bố con loay hoay cấy cánh cho *Mã Mái*. Cu Trạm ôm gà, Cả Chuẩn khâu những lông cánh tích được vào những cuống lông gãy. Ông cẩn thận chọn lọc lông vế nào phải hợp vế ấy. Khâu xong, chấm vào chỗ chỉ vàng một ít sơn sống, ông đắc ý mỉm cười.

– Thôi, thế là tha hồ mà chắc !

Còn cái kén ở mép, Cả Chuẩn đã mổ mấy lần mà không khỏi. Sau cùng, ông đành mặc nó vậy. Vả lại, cho đá thử mấy trận, *Mã Mái* vẫn không sao. Thế là ông đặt cho nó danh hiệu *Ô Kén Mép*.

Dăm tháng nữa thì hội Nhân Thọ. Cả Chuẩn ra công vần vỗ cho *Ô Kén Mép*. Cứ cách nửa tháng, ông đem đến nhà Hương Chế vần khâu mỏ một lần. Lối vần này không hại gà. Một miếng da khâu tròn, lồng vào mỏ, hơi rộng một chút cho dễ thở. Có hai sợi dây buộc lên mào. Cứ thế, mỗi bên không thể mổ nhau được để đá. Con nọ chen con kia, thỉnh thoảng có buông được đòn nào thì buông thôi.

Trước còn cho vần ba bốn hồ, sau dần năm, sáu hồ, rồi bảy tám hồ. Mỗi bận vần xong, ông lại đem giã nghệ hòa với ngải cứu và một ít củ tam thất đun sôi với nước giải om bóp khắp thân thể. Thịt *Mã Mái* sắt lại và da dầy lên. Dăm bữa nửa tháng, ông lại cho nó ăn một bữa lươn sống. Ăn cái này khỏe gà lắm.

Các tay chơi gà sành sỏi trong làng, đều tin chắc chắn con *Mã Mái* ra hội chỉ có phần ăn với hòa chứ không thể nào thua được.

*

* *

Cu Trạm ăn mặc chỉnh tề, sắp sửa phải ôm gà đi hội. Chiếc khăn xếp mốc điểm thêm vài chỗ gián nhấm lốm đốm trắng của bố thải cho rộng sụp xuống gần lông mày, như nuốt bộ mặt choắt chéo, đen xạm. Cái áo dài vải thâm ngắn cẫng, đỏ kệch, may từ năm lên mười. Và chiếc quần vải to hẹp ống, xoắn xoe mặc cao quá bụng chân. Tất cả bộ y phục đầu Ngô mình Sở, cũn cỡn đó làm cho nó thêm ngớ ngẩn.

Nghĩ đến việc được đi hội, cu Trạm lại vui sướng rộn ràng. Nó nóng lòng sốt ruột vì mấy ông khách. "Chuyện đâu mà lắm thế ! Đến bực !". Nó đi thung thăng ngoài thềm, chán rồi ra dựa vào bu gà, bần thần ngắm con *Mã Mái*.

Khách mỗi lúc một thêm đông. Gian nhà vừa lụp xụp vừa chật chội bộn lên những người. Tiếng cười, tiếng nói xôn xao, ầm ĩ. Ánh sáng cửa giữa lọt qua giàn thiên lý sum suê bắt vào xanh ngắt. Ngọn đèn ăn thuốc bé nhỏ tù mù không đủ làm cho gian nhà sáng sủa lên chút nào. Người nhà quê vẫn quen sống với sự tối tăm như thế.

Vừa uống nước, Hương Chế vừa hỏi :

– Ông Cả đã xem xét gà cẩn thận rồi chứ ?

– Đã.

– Thôi, ta đi thôi chứ ?

– Hãy thong thả, còn sớm chán. Để kiểm lại tiền đã nào. Ông Tư năm đồng này. Ông Hương mười hai đồng. Ông Đồ mấy nhỉ ?... À tám đồng. Tôi mười hai đồng này. Còn ai nữa.

Thơ Bỉnh vội vã :

– Ấy, còn tôi sáu đồng với chú Tư Vo nó bốn đồng nữa.

Cả Chuẩn lẩm nhẩm một lúc, rồi thong thả gói tiền, cẩn thận bỏ vào túi, giao hẹn :

– Thế vị chi là bốn mươi nhăm đồng cả thảy. Sau này đánh chác thế nào, ta sẽ lại tính.

Giữa lúc đó, có tiếng xe tay đỗ ngoài cổng ngõ. Hai người khách ăn mặc sang trọng bước xuống, một người mặc ta, một người mặc tây. Họ thong thả đi vào. Đến thềm, người mặc ta cất tiếng gióng giả :

– Thế nào ! Ông Cả năm nay có mấy cái ra hội ?

Cả Chuẩn trông ra, vội vàng đứng dậy vồn vã :

– A ! Ông Hương ! Một cái thôi, ông ạ.

Người mặc tây đi sau hấp tấp tiến lên hỏi :

– Sao ? Sao lại có một ?

– Ồ ! Lại cả ông Sầy nữa này ! Có một, chứ còn sao nữa ? Cái *Sám Miến Hồng* chết toi rồi.

Sầy sửng sốt kêu :

– Ối trời ôi ! Chết toi à ? Hoài của ! Ngày ấy đã bảo ông để cho tôi thì không để.

Cả Chuẩn cười :

– Chết thì thôi, chứ để thế nào được ? Mời hai ông vào trong nhà xơi nước đã.

Hương Thân khôi hài :

– Mặc nước với nôi ấy. Bắt gà xem cái đã.

Cả Chuẩn vội bắt con *Ô Mã Mái* lại. Vừa nhấc gà lên, Hương Thân đã tấm tắc khen :

– Ái chà ! Da thịt rắn đanh này thì phải biết là vần vỗ kỹ càng.

Rồi ông cẩn thận xem cần, xem tảng, xem mắt ; rồi xem đến mỏ.

Hương Thân kinh hoàng hỏi :

– Ôi thôi ! Chết ! Có kén mép hở, ông Cả ?

Cả Chuẩn chậm rãi :

– Vâng ! Nhưng chả hề gì ông ạ. Đá thử mãi rồi.

Sầy họa theo :

– Chân ấy nó vụt thì mấy con chịu nổi ba hồ mà lo !

– Đành rằng thế. Nhưng giá vô bệnh tật vẫn hơn.

Dứt lời, ông lại cúi xuống nâng quản xem, thận trọng ngắm nghía từng li từng tý. Cả mặt trước, lẫn đằng sau quản. Một lúc lâu, ông mới thở nhẹ ra ý tiếc rẻ :

– Ác, thì có đòn ác lắm đấy. Chỉ phải ở hàng vấy độ [1] có chiếc "chung thân đái tật".

Đồ Thảo lên mặt biết nhiều sách nho bắt bẻ :

– Ông nói vậy thôi, chứ biết đích làm sao được ? Ông Đào Công chi phú ngày xưa chỉ làm có Mã Kinh và Khuyển Kinh. Có làm Kê Kinh bao giờ đâu ?

Hương Thân tủm tỉm trả lời :

– Không ! Kinh nghiệm nhiều, nó quen đi chứ, cứ quen xem mắt gà như các ông, ai cũng bảo con nào đồng tử nhỏ là gan. Như thế là nhầm. Tôi đã nuôi nhiều, tôi biết : mắt con gà nào cũng vậy, sáng ngày ra đồng tử to, càng về trưa đồng tử càng nhỏ dần, nhỏ dần rồi chỉ còn bằng một cái chấm đen. Đến chiều lại to. Thế thì các ông bảo tin làm sao được đồng tử nhỏ là gan... Có cứ gì đâu, trăm nghìn lối xem, mỗi người mỗi khác.

Sầy cười lên hềnh hệch :

– Ồ ! Thật à, ông Hương ? Nếu thế thì y như cách xem giờ bằng mắt mèo của các báo đã đăng. Thần tình nhỉ !

– Chặc ! Mắt mèo thế nào thì tôi không biết. Chớ mắt gà, nghiệm ra, hễ cứ râm trời thì đồng tử to mà càng nắng thì đồng tử càng bé. Có thế thôi !

Cả Chuẩn ôn tồn bảo mọi người :

– Ông Hương nói đúng đấy. Cái *Mã Mái* này thật bệnh tật suốt đời thật. Ngày còn bóc dò thì ốm mốc ; khỏi ốm mốc lại bị trận ốm giây "thập tử nhất sinh". Đến lúc khỏi chết giây, thì đâm ra kén mép, chữa thế nào cũng không khỏi.

Rồi như chợt nhớ ra, ông tươi cười bông lơn :

– Ô chết chửa ! Mải chuyện gà quá, quên cả uống nước.

Mọi người cất tiếng vui vẻ, kéo nhau vào cả trong nhà. Sau tuần nước, câu chuyện càng thêm giòn giã, nở nang. Hương Thân tấm tắc khen :

– Đẹp ! Trông sướng cả mắt.

Sầy trợn trừng trợn trạc :

– Đã thấm đâu. Con *Sám Miến Hồng* mới thích chứ. Nó đá mười

1. Vẩy độ : hàng vẩy phía sau quản, thẳng với cựa.

hai con mất mắt trong mười hai trận đá. Chính tôi đã được xem một lần. Chết ! Nó đá cứ vun vút *liên chi thanh nguyệt chi công*. Nhấc chân lên là thành cần cao. Đầu công thon thon lé đòn rất tài... Chao bên này !... Chao bên này !... (vừa nói Sầy vừa dựng hai cánh tay lên chao bên nọ, bên kia giả làm cổ gà) cứ thoăn thoắt, thoăn thoắt ! Coi sướng lạ !

– Hoài của, thế mà chết mất.

Tư Chuyên từ nãy vẫn ngồi lì xì không nói, nghe chừng đã nóng ruột, nhắc nhỏm :

– Dễ thường trưa rồi đấy.

Cả Chuẩn sai cu Trạm cầm gà đi trước. Hương Thân lại gần thân mật hỏi :

– Cánh nhà định đánh bao nhiêu đấy ?

– Độ năm chục đổ về thôi, ông ạ.

– Thế nào cũng cho chúng tôi ké với nhé. Đem con gà đi hội, ta phải đánh to to một chút, mới bõ công vần vỗ ông ạ.

Thế là cả bọn lục tục kéo đi.

*

* *

Dưới mái đình, những chiếc giải gà buộc lõng thõng. Ba chiếc giải: nhất, nhì, ba; và năm sáu chiếc giải lèo. Những vuông lụa điều uốn éo nhẹ nhàng trong cánh gió. Cu Trạm say sưa nhìn. Nó mơ ước một chiếc thắt lưng, trong khi mọi người chàng màng tìm gà kháp đá. Năm nay rất nhiều gà. Nhưng con thì nhỏ quá, con thì to quá. Hạng bằng trang [1] thì lại hơn xương,[2] hơn cựa. Kháp gà phải thận trọng cân nhắc suy bì từng ly từng tí. "Hơn một cái lông không chọi" cơ mà!

Cả hội xem ra chỉ có con *Hoa Mơ* của bác nhà quê ôm khư khư trên tay ngồi thu hình một xó đình là "đồng cân đồng lạng". Nhưng ngữ ấy còn làm gì ra nhiều tiền mà chơi. Vả lại Hương Thân, Cả

1. Bằng trang: bằng nhau.
2. Hơn xương: già hơn

Chuẩn cũng đã so sánh chán rồi. Chân tay mặt mỏ cái gà ấy cũng không phải vừa. Tuy rằng không có đòn linh [1] bằng *Mã Mái*, nhưng lại hơn ở cái không có kén mép. Vì thế các ông cũng chẳng thiết.

Họ chán nản ra hàng trầu nước làm vài khói giải buồn. Tư Méo cũng ngồi đấy, ông đon đả hỏi:

– Thế nào cái *Mã Mái* ông Cả định cho đá với cái nào chưa?

Cả Chuẩn ngửa cổ, thở khói thuốc lào, lắc đầu:

– Chưa, ông ạ. Có mỗi cái *Hoa Mơ* xem ra cũng lợi hại lắm. Mà gà của tôi thì kén mép.

Hương Thân nói xen:

– Chả chơi được với nó!

Tư Méo xích lại gần thì thầm:

– Được! Đá được mà! Cái gà ấy ở Trung Mầu tôi biết. Nó thì hay lắm đấy. Nhưng gặp phải anh chàng không biết chơi cho đi với gà già "vỡ" rồi. [2] Chỉ đánh đến hồ thứ ba là chạy. Các ông có đá cho tôi ké ít nhiều với.

Cả Chuẩn, Hương Thân sung sướng reo khẽ:

– Thật à?

Thế là họ đem *Mã Mái* kháp với *Hoa Mơ*. Gã nhà quê không dám cho gà đá. Nhất định kêu con *Mã Mái* to hơn, tuy rằng đôi gà rất bằng phân. Về sau, Lý Khản Trang Liệt phát bực mình gắt:

– Sợ gì mà sợ! Cái nhà bác này! Ta đánh cái kén mép của họ.

Gã nhà quê e dè:

– Đành rằng thế! *Cơ mờ* cháu không có tiền.

Lý Khản cười kha khá. Chừng ông say. Ông hùng hổ nói:

– Bác đánh bao nhiêu thì đánh. Còn mặc tôi. Bao nhiêu cũng cân.

Đôi bên thỏa thuận đem gà vào sở tại, xin đánh giải nhất. Mỗi bên cược năm chục bạc. Còn sau này gọi thêm.

Hai ông chủ kê đem gà ra sới. Mọi người xúm đông quây vòng quanh bên ngoài vạch vôi. Hương Thân cầm con *Mã Mái*. Ông bắt gà, thả gà, chữa gà khéo léo và nhiều mánh lới có tiếng.

---

1. Đòn linh: đòn linh thiêng, rất tài và rất bất thình lình.
2. Vỡ: hỏng, đánh một lát chờn đòn, rồi chạy theo thói quen.

Hết giao vào díu.[1] *Hoa Mơ* đánh *Mã Mái* một đòn cong hẳn cần lại, quay liệng đi nửa vòng, Lý Khản gọi liền:

– Mười đồng ăn tám *Hoa Mơ* đây.

Sầy giơ tay:

– Bắt!

Hai người vừa trao tiền cho nhau xong, *Mã Mái* trả một đòn hầu dọc, *Hoa Mơ* ngẳn ra, và tiếp thêm mấy chiếc nữa. Sầy sung sướng reo:

– Tin!... Tin!... *Mã Mái* năm đồng nữa! Ai bắt không?

Đôi gà cùng lọt quản, mau đòn nên sát phạt nhau dữ lắm. Người xem đều xuýt xoa khen là "kỳ phùng địch thủ". Mới nửa hồ đầu mà quản con nào con ấy như trát máu.

Những lúc thả gà, Hương Thân đã để ý bao giờ *Mã Mái* cũng buông trước một đòn. Cho nên ông thả "lơi" cho đúng tầm chân đá. Người ta thận trọng từng đòn một, trong lúc ăn thua này.

Đôi gà vẫn tranh hùng trả đòn nhau kịch liệt, xô đi đẩy lại sát vào vòng người. Hai ông chủ kê bắt gà của mình ra. Họ xoa nắn chà xát đùi vế và cho uống dấp giọng một tí nước, thấm vào khăn mặt cho tỉnh táo. Rồi cùng lừa lừa xem lối thả của người kia thế nào. Lý Khản cũng sợ cái đòn buông của *Mã Mái*. Ông đặt giúi *Hoa Mơ* vào sát. Nhanh nhẹn, Hương Thân nhắc lùi gà mình về phía sau. Được thế rộng, đúng "võ", con *Mã Mái* buông liền. *Hoa Mơ* bị đòn rung chuyển cả người, mấp máy cả đuôi tôm. *Mã Mái* tiếp liền. Nó đánh một đòn rất nặng. Cái đòn di truyền của mẹ nó – con *Mái Củi Tạ* – khiến *Hoa Mơ* hoang mang, biệng siệng như say. Chân thấp, chân cao tấp tểnh và bối rối quay "tháo chái".[2]

Lập tức, gã nhà quê lúc nãy ôm phắt gà lên nhất định kêu quản con *Mã Mái* bôi thuốc độc, nếu không, sao vừa mới thả vào, gà của hắn đã hoa mắt như thế được?

Sầy sừng sộ:

– Anh định cãi bây phỏng? Anh định cãi bây phỏng?

Cả Chuẩn đứng giang tay, phân bua với công chúng:

---

1. Giao: đứng xa đá phóng. Díu: vào gần sát nhau mà đá.
2. Tháo chái: quay ngược đầu đi một vòng.

– Các ông đứng quanh đây thử xem xem! Hai con vẫn ở đây, nào đã đi đâu xa mà bảo cho thuốc với cho men được? Chẳng qua là cái đòn nó như thế. Vậy xin phép các ông hàng hội cho chúng tôi vào lấy giải.

Gã nhà quê nhất định không nghe. Đôi bên cãi nhau ồn ào. Mấy ông sở tại phải ra dàn xếp khéo với Cả Chuẩn:

– Thôi ông ạ! Ta lại cứ cho vào đánh. Gà của mình hay vẫn được. Phải cái người họ quê mùa không biết gì.

Hương Thân cười nhạt:

– Không biết gì! Không biết gì ăn người! Không biết gì đời! Ông bảo bao giờ cái *Mã Mái* lại đánh được một đòn như thế?

– Thôi! Xin các ông. Chơi vui với nhau ấy mà!

Bàn đi tính lại một lúc lâu nữa, Cả Chuẩn mới bằng lòng. Ông nói với mọi người:

– Tôi chơi thế này là chơi *lép vế* đấy.

Đến lúc cho gà vào đánh, mọi người đều kinh ngạc thấy Tư Méo cầm, thả con *Hoa Mơ*. Ông cười nháy Hương Thân chống thẹn:

– Gớm! Chơi với bời! Ai lại thả "nhà nghề" thế bao giờ! Mình đành phải cầm giúp Lý Khản vậy.

Hương Thân giận tím mặt. Bây giờ mới vỡ nhẽ. Thì ra con *Hoa Mơ* của Tư Méo. Hắn mưu mô quỷ quyệt cho gã nhà quê cầm rồi lại để Lý Khản vờ đánh tiền. Gớm thật. Hương Thân cười khẩy:

– Hừ! Bây giờ ông Tư mới chịu "ra mặt". Màu mãi.

Đồ Thảo thâm hiểm, nói xa xôi:

– Vừa rồi có đám cháy ở đàng kia các ông ạ.

Ông có ý nói xỏ: "Cháy nhà mới ra mặt chuột". Tư Méo gằm mặt không dám nói gì.

Mấy viên thiết đả con *Hoa Mơ* ăn trong lúc nhếu nháo đã ngấm. Nó đã lại người, tỉnh táo mạnh mẽ như trước. Hương Thân thấy hơi lo lo. Tuy rằng *Mã Mái* hơn đòn một chút, nhưng cái lối đòn cũng đã "hầu dọc" và "khóa mỏ" ấy rất nguy hiểm cho cái kén mép.

Quả như Hương Thân đoán thật. Sang hồ tư, *Mã Mái* bị vỡ kén, máu chảy rất nhiều, và kém dần dần.

Tư Méo tủm tỉm nói khích:

– Nào đã chắc mèo nào cắn mỉu nào.

Hương Thân cười gằn, nhắc lại:

– Thật đấy, đã chắc mèo nào cắn mỉu nào. Chỉ một đòn lấy giải là thường.

Nói cứng vậy, chứ thật ra *Mã Mái* nao núng lắm rồi.

Cuối hồ năm, cái kén cương lên đau quá, mổ không được chắc để đá nữa. Đầu *Mã Mái* dại đi, sưng vù, mọng lên những máu, chúi vào hai đùi *Hoa Mơ* tránh đòn.

Đồng tiền liền với ruột. Hương Thân chẳng còn nghĩ đến bẩn thỉu, mỗi lần bắt gà ra chữa, ông cho mồm vào hút máu, hút mũi cho nhẹ bớt mặt.

Hồ sáu, hồ bảy, *Hoa Mơ* đánh toàn đòn riêng.[1] Nó nhắc đầu "trao chuông" đánh như gõ vào tảng *Mã Mái*. Mỗi lần bị đòn, *Mã Mái* lại lao đao, ngật ngưỡng cái cổ, mổ vu vơ rồi lả dần... lả dần, gục đầu xuống đất. Mỏ tóp tép, máu ở kén chảy ròng ròng đỏ lòm cả sới. Những người đi xem xì xào bàn tán:

– Con *Mã Mái* ai ngờ bị "ba chân" các ông nhỉ!

Cả Chuẩn thương gà, nói khó với Tư Méo:

– Này, ông Tư này! Xin thua năm phân đấy.

– Thôi, cứ đá cho đến "kỳ tẩu kỳ tử".

Hương Thân bĩu môi:

– Ăn lắm mấy! Cặp này hòa cho mà xem. Nếu chạy, con Mã Mái đã chạy rồi. Tôi dám chắc...

Ông vội ngừng bặt và *Mã Mái* bị một đòn ngã ngửa ra đằng sau. Biệng siệng, giật lùi... giật lùi... Những người đánh con *Hoa Mơ* reo:

– A chạy! Chạy rồi!

Và mở một đường chờ đón. Con *Hoa Mơ* được thể đá tiếp dồn dập, thốc tháo. Bỗng con *Mã Mái* cáu tiết phóng liền một đòn. *Hoa Mơ* rụt hẳn đầu lại, ngây mặt ra, đuôi phập phồng, người chuyển rung rung. Hăng máu, *Mã Mái* ngoặp lấy hầu *Hoa Mơ* đá liền hai chiếc nữa. *Hoa Mơ* há mỏ kêu "quác" một tiếng lớn, ngã chúi xuống, nằm thẳng cẳng, chân cánh giãy lên đành đạch. Một lúc lâu rồi yếu dần... dần... Máu ở mũi, ở mồm xỏe ra chan hòa.

---

1. Đòn riêng: lối đòn sở trường của một con nào. Khi địch bị kém thế, giở ra đá một mình, con kia không trả lại đòn được.

Cu Trạm lách qua vòng người chạy ra gọi Đồ Thảo khoe rối rít trong khi ông này tưởng *Mã Mái* thua mười mươi, chán nản ra ngồi hàng nước chẳng buồn nhìn nhõi đến gà nữa.

– A! Ha! Ha! Ông Đồ ơi! Con *Hoa Mơ* bị gà nhà đánh chết rồi, ông Đồ ạ.

Đồ Thảo không kịp uống bát nước mới rót, hấp tấp chạy lại sới gà, lắp bắp hỏi:

– Thật không? Thật không?

Vòng người xô hẹp lại. Cả Chuẩn, Sầy vội gạt ra ngoài nói:

– Các ông dẹp xa xa ra một tý, chẳng nữa người ta lại ôm gà lên kêu chúng tôi bỏ thuốc độc.

Con *Hoa Mơ* bị đánh chết thật. Mà *Mã Mái* cũng hết gân, không đá được nữa. Nó chỉ lấy chân cào cào, bới bới.

Tư Méo chịu thua. Mặt tái mét, ông run rẩy nhấc gà lên. Hương Thân mát mẻ:

– Đã chắc mèo nào cắn mỉu nào, ông Tư nhỉ!

Tư Méo tức tối, cười nhạt:

– Hừ! Chúng mình còn gặp gỡ nhau nhiều. Đã vội gì...

Hương Thân cười ha hả không trả lời. Ông ôm *Mã Mái* vào lấy giải.

Tiểu thuyết thứ bảy,
nguyệt san, số 1, tháng 6-1944.

THƯỢNG TƯỚNG TRẦN QUANG KHẢI – TRẠNG VẬT

(Truyện ngắn)

Dưới ánh sáng yếu ớt, vàng vọt của ngọn đèn dầu sở đặt trên quang, Tần lặng lẽ, chăm chỉ gieo thoi. Tiếng cút kít của con cò gật gù văng ra ngắt khúc cái tịch mịch êm ả của một đêm cuối xuân khuya khoắt liên miên và đều đặn không ngừng.

Đêm nay cũng như đêm qua, cũng như đêm kia, mà cả những đêm sau này nữa, bất luận xuân, hạ, thu hay là đông, trời nực hay là trời rét, bao giờ Tần cũng dệt vải rất khuya, mãi đến cuối giờ Hợi, có khi sang giờ Sửu mới chịu đi ngủ. Vậy mà, sáng sớm hôm sau, từ đầu canh tư, nàng đã lên khung, tiếng dệt cửi lại đều đặn nối tiếp như không biết mỏi.

Người thiếu phụ ấy chuyên cần dệt ngày này qua ngày khác nên những tấm vải thô sơ, thô sơ và mộc mạc như đời nàng.

Không bao giờ Tần nghĩ đến mình. Hình như tất cả nỗi buồn, vui nàng đặt ở cả người mẹ lòa mắt và đứa con nhỏ ngây thơ. Nàng cố kỉnh lo toan làm sao cho cái quãng đời xế chiều của mẹ được yên vui, no ấm; đứa con sau này không đến nỗi đần ngu vô dụng.

Tần vẫn chăm chỉ đưa thoi. Hai chân nhịp nhàng đạp xuống bàn dận. Nàng nhìn đăm đăm xuống mặt vải, nghĩ ngợi lan man. Tần thấy mình tựa hồ như không nghĩ ngợi một điều gì, mà cũng tựa hồ như nghĩ ngợi một điều gì rối ren lắm. Những lúc canh trường đối bóng như thế này, nàng vẫn hay vấn chuyện mình một cách viển vông, và một nỗi buồn vô cớ lại hiu hắt trong lòng.

Mặt trăng hạ tuần đã nhô khỏi rừng cây phía trước. Ánh sáng chênh chếch xiên que phên nứa đan mắt cáo giãi từng ô sáng vuông nhỏ lên nền nhà. Tần lẩm bẩm: “Hai mươi giấc tốt; hai mốt nửa đêm. Giờ có dễ đến nửa đêm rồi”. Tuy vậy, nàng vẫn chưa chịu đi nghỉ, cố dệt cho xong mấy suốt sợi còn dở.

Rừng cây mơ sương trắng ngủ kỹ dưới ánh trăng xanh dịu, mơ hồ. Gió rì rào trong lá, và côn trùng rên rỉ dưới cỏ đưa lên họa thành

một bản đàn ảo não như than vãn chuyện đời dâu biển. Từng lúc, tiếng cú lạnh lẽo vang lên giữa cái u tịch canh khuya như điềm gở. Vẻ huyền bí ngàn đời càng thêm sâu nặng.

Một cơn gió lùa qua phên nứa lọt vào phòng. Tần rùng mình khép lại thân áo. Vẻ buồn thoáng hiện trên đôi mắt đen láy. Nàng đưa tay vuốt lại những sợi tóc lòa xòa trên má.

Tần chăm chú làm việc hơn và lẩm nhẩm tính toán giá cả sợi vải phiên này để trấn áp nỗi buồn vừa xâm chiếm cõi lòng.

Bỗng thằng Sặt ngủ giường bên khóc thét lên:

– Bắt đền bu đấy nào! Bắt đền bu đấy nào!...

Tần vội vã chạy lại dỗ dành:

– Nín đi Sặt! Chóng ngoan, mai đi chợ u mua cho mấy con tò he về mà chơi.

Thằng bé vẫn giãy giụa khóc:

– Bắt đền bu đấy nào! Chúng nó cứ chế Sặt đấy nào!

Biết con mê ngủ, Tần khe khẽ vỗ vào mình con, vừa ru vừa nói nựng:

– Ới thương! Chúng chế con gì thế?... Ngủ đi, mai u đánh chúng nó cho.

– Thằng Quynh, thằng Hy chúng nó chế Sặt là thằng không có bố đấy.

Dứt lời, thằng bé lại nằng nặc khóc bắt đền. Tần nín bặt. Câu nói vô tình của con trong giấc mơ đã làm nàng nghẹn lời. Có cái gì nặng trĩu ngực, làm nàng tức thở và chói buốt tim.

Một lúc lâu, nàng mới cất giọng đầy nước mắt dỗ dành:

– Nín đi chóng ngoan. Mai, bu gọi thầy về cho Sặt.

Nó ngây thơ hỏi:

– Gọi ở đâu?

– Ở mãi tận...

Tần mím môi im lặng, hai mắt thẫn thờ nhìn ra phía rừng...

– Ở mãi tận đâu cơ hả bu? Bu lại nói dối Sặt rồi, nào, nào...

Thằng bé lại òa ra khóc, lải nhải bắt đền mẹ. Tần không muốn con kể lể những lời chỉ làm đau lòng, nàng ngoảnh ra ngoài cất tiếng gọi:

– Ông ba bị đâu rồi! Thằng Sặt nó đang vòi tôi đây này.

Sặt sợ hãi nín bặt. Bao giờ bị con hỏi cặn kẽ, không biết trả lời thế nào, Tần cũng rộ thế.

Một lát sau, Sặt đã thiu thiu ngủ. Hai cánh tay bé nhỏ, mềm yếu của nó quấn riết lấy cổ mẹ, ghì xuống ngực như tìm sự che chở. Thỉnh thoảng nó lại thổn thức trong giấc mơ. Cái ngực bé nhỏ ấm áp ấy nấc, nấc lên. Tần se cả lòng, cảm thương cho thân phận lẻ loi; cho đứa con thơ dại không cha. Những niềm oán trách người xưa phụ bạc thầm len trong ý nghĩ. Vì ai, nàng cam chịu sống trong cảnh trơ trọi giữa tuổi xuân đương độ này? Tần thở dài ảo não, gục đầu lên ngực con thổn thức.

Bỗng gian phòng tối sầm lại. Ánh trăng đã lùi khỏi căn phòng từ lâu. Mà ngọn đèn lại vừa lụn bấc. Tần sẽ sàng gỡ tay con, uể oải đứng lên, nhoi cao con bấc. Ánh sáng vàng khè dâng lên, hắt vào khuôn mặt hốc hác sớm già hơn tuổi.

Nàng chậm chạp lên khung cửi dệt, tìm khuây khỏa trong công việc, nhưng Tần vẫn bối rối, thẫn thờ, làm đứt mấy con sợi liền. Nàng ngừng tay gieo thoi, thần người ra nghĩ ngợi, để mặc tư tưởng đi ngược chiều thời gian tới một kỷ niệm tê tái ngày xưa. Cái kỷ niệm đã phá tan hết hạnh phúc đời nàng đó, lần lần hiện ra trong trí óc, từng việc xảy ra một cách rất rõ rệt, rất sáng suốt. Nàng cảm giác mình đang sống lại với cảnh xưa.

Tần thở dài lẩm bẩm một mình trong cơn mơ: "Thấm thoắt đã bốn năm...". Bốn năm trời đằng đẵng với bao nhiêu là thay đổi...., nhưng cũng không thể làm dịu được vết thương lòng người thiếu phụ.

Tần úp mặt vào cánh tay thổn thức.

*

* *

Hạ tuần tháng sáu năm Thiên Ứng Chính Bình thứ bảy (1238) Đức Thái Tông Trần Cảnh cùng mười tên lính thị vệ đi săn ở rừng Cổ Pháp (Đình Bảng).

Trời mới lập thu, khí tiết mát mẻ dễ chịu, không còn cái oi bức "chết trâu" của mùa hạ. Tầng cao xanh ngắt, thoáng điểm những sợi

mây trắng như bông, lững thững trôi từ phương này sang phương khác. Nắng vàng rực rỡ trùm lên rừng cây, nhóng nhánh sáng ngời như giát ngọc. Từng ngọn gió lướt qua, cả rừng cây lao xao reo lên những tiếng vui tai. Bản đàn tự nhiên ấy mỗi lần rung lên lại trút xuống những chiếc lá sớm già, phấp phới bay như đàn bướm vàng nô rỡn. Cảnh vật vui tươi, hớn hở tựa hồ chào đón đấng chí tôn.

Tuy vậy Đức Thái Tông Trần Cảnh vẫn thấy lòng buồn rười rượi. Mặc bọn thị vệ xông xáo tìm chim, kiếm thỏ, ngài lỏng tay buông khấu bỏ mặc cho con bạch mã tự do đưa bước nản dưới bóng cây râm mát, có điểm những tia nắng vàng hoe.

Từ ngày Thái sư Trần Thủ Độ ép nhà vua phải bỏ Chiêu Thánh lấy Thuận Thiên công chúa, vợ Trần Liễu, anh ngài, rồi Trần Liễu làm loạn đánh lại triều đình, nghĩ tình cốt nhục mà tương tàn như vậy, ngài lấy làm buồn lòng lắm lắm. Bởi thế, những ngày rảnh rang việc nước, ngài thường lấy cái thú săn bắn cho khuây khỏa nỗi lòng. Lần này, thật là một sự vô tình, Đức vua về săn bắn ở đây vốn là nơi quê hương người yêu của ngài. Ngài thấy một nỗi gì như mai mỉa day dứt thâm tâm vậy.

Nhà vua rùng mình, sởn gáy khi qua lăng. Nấm mộ chung của tôn thất nhà Lý. Cái hầm của Trần Thủ Độ sai đào sẵn đánh lừa trong khi họ tế lễ.[1] Ở nấm mồ xanh cỏ kia như phát ra những lời thóa mạ của oan hồn.

Mặt trời ngả dần về phía Tây. Ánh nắng đã dịu và bóng cây mỗi lúc một thêm dài.

Đức Thái Tông Trần Cảnh vẫn cúi đầu yên lặng, suy nghĩ miên man. Bỗng có tiếng chim vỗ cánh phanh phách, vun vút rất mạnh. Nhà vua bừng tỉnh mộng, ngẩng lên. Một con chim to lớn mới bay tới đậu trên một cành cao. Lông trắng muốt. Đuôi dài lê thê, có điểm những chấm xanh biếc. Mỏ và chân đỏ tía. Trên đầu, một cái mào trắng dựng lên như một chiếc quạt xòe. Nhà vua ngây người ra ngắm.

---

1. Theo cái ý nhổ cỏ hết rễ của Trần Thủ Độ, ông chí giết tôn thất nhà Lý bèn sai ngầm đào một cái hầm rồi dựng lên trên một nếp nhà khách rất tráng lệ. Đến kỳ thu tế năm Thiên Ứng Chính Bình thứ nhất (1232), các tôn thất nhà Lý tế xong, Thủ Độ sai mời mọi người dự tiệc trong nhà mới, rồi sai người giật máy ngầm. Cả ngôi nhà ấy sụp đổ. Bao nhiêu tôn thất nhà Lý đều bị chôn sống trong hầm ấy. Người ta gọi cái nấm mổ chung ấy là cái lăng. (Tài liệu của Trúc Khê trong *Trần Thủ Độ - Danh nhân truyện ký*).

Hai mắt sáng lên vì mừng rỡ. Chưa bao giờ ngài trông thấy một con chim đẹp đẽ và lạ lùng nhường này. "Có lẽ là con trĩ, một con bạch trĩ..., hẳn là một điềm hay". Những ý nghĩ nặng nề khi nãy biến hẳn trong đầu óc. Đức vua khoan thai rút tên, thận trọng ngắm vào vai bên tả con chim. Ngài muốn nó bị thương nhẹ để bắt sống. Con vật vẫn điềm nhiên rỉa lông rỉa cánh, không biết gì là nguy hiểm. Tiếng dây cung phựt nhỏ và mũi tên bay vút lên, sượt qua mình nó: không trúng đích. Con chim giật mình, hốt hoảng vỗ cánh bay về phương Tây Bắc. Đức vua vội vã thúc ngựa đuổi theo. Bốn vó câu giòn giã xoải trên cỏ xanh, vượt qua những gò, đống mấp mô. Bóng cành lá và tia nắng trên lưng áo bào thi nhau chạy xuôi xuống.

Khỏi địa phận làng Cổ Pháp, qua làng Bích Hạ rồi đến giếng Hàm Long giữa rừng Sặt. Con chim mất tăm dạng. Đức vua kìm ngựa ngẩn ngơ tìm kiếm, tiếc rẻ một con chim quý.

Bỗng tiếng hát lanh lảnh len qua cành lá bay ra ngân dài trong gió chiều. Cả rừng cây như nôn nao, xúc động, như mơ màng, say đắm. Tiếng hát trong trẻo vẫn véo von cất lên. Nhà vua thẫn thờ lắng nghe. Một lúc lâu, như có một sức vô hình sai khiến, ngài khẽ thách dây cương cho con ngựa từ tốn bước một tiến về phía có tiếng hát. Ngài ngẩn ngơ, ngó quanh ngó quẩn tìm kiếm. Nhưng chẳng có một bóng dáng nào. Và tiếng hát cũng im bặt từ lâu. Nhưng dư âm vẫn còn xao xuyến trong lòng ông vua trẻ đa tình.

Đố ai quét sạch lá rừng,
Để ta khuyên gió, gió đừng rung cây.

Tiếng hát lại bất thình lình cất lên ngay cạnh đấy. Đức vua giật mình quay lại. Qua những vòm lá xanh um, một cô gái quê mùa đang ngồi lê nhặt lá khô. Ngài sững sờ kinh ngạc trước vẻ đẹp mộc mạc, nhưng không kém đoan trang, kiều my. Quần áo tuy nâu sồng, mà vẫn gọn gàng sạch sẽ và không đến nỗi cũn cỡn như các gái quê khác.

Chợt thấy có tiếng động, người con gái ngước cặp mắt nhung to đen lay láy nhìn lên. Nàng bỡ ngỡ trước cách phục sức rỡ ràng của ông khách. Đức vua bàng hoàng cả thần trí. Máu nóng chạy dồn dập trong huyết quản. Ngài hồi hộp và bối rối quá. Định nói một câu mà có cái gì chẹn lấy họng khiến ngài ngập ngừng không dám. Và tự nhiên thấy e sợ vẩn vơ. Ngài lấy làm lạ cho cái tính nhút nhát của mình. Tự hỏi: "Uy quyền của ta trùm cả thiên hạ, nói ra một lời là cả thần dân trong nước phải cúi đầu tuân lệnh. Vậy mà đứng trước

người con gái quê mùa kia, sao ta lại sợ sệt thế này?". Một lúc lâu, ngài mới lắp bắp hỏi:

– Cô em ở đâu?... À, nhà cô em ở đâu?

Thấy mình hỏi vô lý, ngài lại lúng túng bào chữa:

– Tôi... tôi muốn... trọ một đêm. Vì đường xa, dặm thẳng mà trời thì gần tối.

Tần ngây thơ trả lời (vì người con gái ấy là Tần):

– Thưa ông khách, nhà em ở ngay cạnh rừng này. Ông khách có muốn trọ thì để em hỏi mẹ em đã.

Đức vua đã hết ngượng nghịu. Ngài xuống ngựa lại gần hỏi trêu:

– À, cô em năm nay bao nhiêu tuổi nhỉ?

Tần, hai má ửng hồng, cúi xuống vân vê cỏ cây cúm, dáng thẹn thùng khả ái. Nhà vua ngây ngất say sưa, nói một hơi dài, toàn những câu văn hoa, bóng bẩy, bằng một giọng êm nhẹ:

– ... Thật ta không ngờ giữa nơi thôn dã này lại có một người đẹp như em được. Thật là một hạt vàng trong bãi cát, một bông lan trong đám cỏ. Em! Em!... Ta tuy gặp em lần đầu, nhưng lòng ta rung động vì em nhiều lắm. Em ơi!...

Bỗng có tiếng vó ngựa chạy dồn dập phía sau. Nhà vua ngừng nói, quay đầu lại.

Một tên thị vệ hấp tấp xuống ngựa, lại gần, cúi rạp người xuống đất vừa hổn hển thở, vừa tâu:

– Tâu bệ hạ. Xin ngài trở về hành cung yên nghỉ, kẻo trời đã hoàng hôn.

Dáng điệu tất tả, mệt nhọc ấy tỏ ra hắn đã mất nhiều công tìm kiếm Đức vua. Tần thoáng nghe thấy, sợ tái xanh hẳn mặt đi, lắp bắp kêu:

– Đức vua! Trời ơi, Đức vua!

Đức Thái Tông Trần Cảnh vội cúi xuống đỡ người con gái, từ tốn nói:

– Việc chi mà em sợ.

Rồi ngài quay lại nghiêm nghị phán:

– Truyền cho các ngươi đêm nay tạm nghỉ ở hành cung Cổ Pháp. Đầu giờ Mão ngày mai đón ta ngoài giếng Hàm Long, nghe!

Tên thị vệ hiểu ý, vòng tay vào nhau tung hô:

– Phụng mệnh.

Rồi khúm núm đi giật lùi về phía con ngựa đứng chờ dưới gốc cây. Để cho hắn đi khuất, nhà vua mới quay lại tươi cười bảo Tần:

– Em dẫn ta về nhà thôi chứ!

Tần cúi đầu vâng theo, như vâng theo một mệnh lệnh. Hai người lặng lẽ lần theo con đường nhỏ hẹp cong queo như một con trăn trắng trườn mình trên bãi cỏ xanh, đi về phía bắc. Trong khi ấy, mặt trời đã chìm sau núi Ba Vì lam thẫm. Ánh hồng đã rực như than, cố níu lại phần sáng sắp tàn. Và phía đông bóng đêm dâng lên dần dần...

... Đầu giờ Mão hôm sau. Sương trắng còn mờ phủ rừng cây. Đức Thái Tông Trần Cảnh đã lên yên từ biệt người thôn nữ. Tần khóc nức nở. Tay quấn riết lấy áo bào Đức vua, nàng nghẹn ngào nói qua nước mắt:

– Bệ hạ ơi! Tất cả... đời thiếp đã gửi trao... Không biết rằng khi bệ hạ về kinh sư, bệ hạ có còn nhớ đến thân hèn mọn ở nơi thôn dã này chăng?

Đức vua nhẹ đặt tay lên mái tóc rối của Tần, buồn rầu an ủi:

– Em không ngại. Ta thề sẽ không quên lời hẹn ước cùng em đêm qua đâu. Ta sẽ cho đón em về kinh sư.

Tần càng khóc sướt mướt:

– Bệ hạ ơi! Biết rằng có được như lời không! Hay là năm tháng đổi thay... Chắc đâu lúc ấy bệ hạ còn nhận ra thiếp là ai nữa.

Có một vài tiếng ngựa hí phía cửa rừng như thúc giục. Biết rằng bọn lính thị vệ đã tề tựu đón chờ, Đức vua có vẻ nóng ruột. Ngài rút kiếm, cắt mảnh áo bào chỗ Tần nắm, bảo nàng:

– Em nói chi điều ấy. Nếu thực lòng em chẳng tin ta..., thì đây mảnh áo bào này làm tin. Mai sau dù có thế nào, cứ trông thấy mảnh bào này là chúng ta sẽ nhận được nhau... Thôi, em ở lại.

Ngài cúi xuống vuốt vội má Tần khe khẽ. Rồi ra roi phi thẳng. Tần, hai mắt đẫm lệ, mở trân trân nhìn theo cho tới khi bóng con ngựa trắng và mảnh áo vàng khuất sau những bụi cây um tùm xanh ngắt. Lúc bấy giờ nàng mới như điên cuồng hấp tấp chạy theo lắp bắp gọi:

– Bệ hạ ơi! Bệ hạ...

Tiếng vó ngựa xa dần, rồi mất hẳn. Tần ngồi sụp xuống gốc cây cúi ôm mặt khóc nức nở.

Sau một đêm mưa móc thấm nhuần, Tần thụ thai.

Vốn là con một nhà nho, được theo đòi đôi ba tấm chữ thánh hiền, hiểu biết thế nào là tứ đức tam tòng, nàng càng lấy làm nhục nhã, hổ thẹn với làng nước. Nếu không nghĩ đến người mẹ mù lòa và đứa con trong bụng, nàng cũng chẳng còn thiết gì cõi đời nữa. Biết Tần hư hỏng, người trong làng bàn tán xôn xao. Kẻ chê, người cười, nhưng xem ý, ai cũng ra ý tiếc rẻ, và lấy làm lạ: con người nết na, thuần thục thế mà lại đến "thế" được.

Ngày tháng thoi đưa. Tần đã đến ngày ở cữ. Hôm mùng tám tháng ba năm Thiên Ứng Chính Bình thứ tám (1239), nàng sinh hạ được một đứa con trai. Tần đặt tên là Sặt, lấy tên làng và cho theo họ ngoại.

Thế rồi năm tháng cứ nhạt nhẽo trôi qua. Tần cứ lặng lẽ dệt vải ngày này qua ngày khác. Và Sặt lớn dần.

Tiếng cút kít dệt vải ở cuối nghè Tây ấy vẫn đều đặn một cách chịu thương chịu khó, biết thân phận. Mà giấc mộng cung phi cũng đã chết hẳn trong lòng người thôn nữ. Chẳng bù với khi trước, gió hơi xao động rừng cây, nàng đã mơ hồ tưởng tiếng ngựa xe, võng lọng.

Cuộc đời đối với Tần giờ vô vị, nhạt nhẽo quá. Đã mấy đám danh giá trong làng dạm hỏi, hứa sẽ trông nom Sặt cho đến nơi đến chốn, nhưng nàng vẫn cứ khăng khăng một mực thủ tiết, thờ mẹ nuôi con. Thế rồi người mẹ già qua đời. Và Sặt đã lên bảy. Tần cho sang bên Cẩm Giang học cụ Thám Lê, bạn đồng song với cha nàng thuở trước.

*

*　　*

Sặt rất đẹp trai, Tần vẫn nghĩ thầm trong óc: "Nó giống *người ấy* như đúc".

Cậu có một khuôn mặt trái xoan trắng trẻo. Chiếc mũi dọc dừa thon thon dòm xuống cặp môi đỏ hồng như thoa son, hơi mỏng một chút. Nhất là mớ tóc đen nhánh và dài chấm gót chân, khiến cậu có vẻ kiều mỵ như con gái. Nhưng trái lại, cặp mắt sáng quắc dưới cặp

lông mày lưỡi mác rậm, xếch ngược trên tảng trán dô cao, tỏ ra người cương quyết, có đảm lược và thông minh, tài trí hơn người.

Sặt tuy ít tuổi, nhưng học giỏi nhất trường, lại thêm có sức khỏe mạnh khác thường, nên bạn bè ai cũng có ý kính nể.

Làng Cẩm Giang vốn là đất vật. Sặt nhân học ở đấy nên hay cùng mấy người bạn ra sới "tấm vật" chơi với các đô. Cụ Vệ Lẫm, một đô vật già, lão luyện môn vật, đem lòng yêu, truyền dạy các miếng bí hiểm cho Sặt. Nhờ có sức khỏe sẵn có, lại thêm được luyện tập cẩn thận, Sặt thành một đô vật rất tài. Cả sân Cẩm Giang đều lắc đầu lè lưỡi thán phục, không ai dám vật với cậu. Vì hễ đánh với cậu phi gãy xương thì bong gân.

Năm mười lăm tuổi, Sặt đi vật đám. Lần ấy, hội Phù Ninh đô Trạch Khô giữ giải nhất. Đó là một đô đã ăn "giải cạn" mấy năm vùng Đông Ngàn. Đến hội nào, va cũng chỉ đóng khố, chờ rã đám là ăn giải không. Bao nhiêu sân vật, đến ngay sân Cẩm Giang là một sân đàn anh trong vùng, cũng không có ai đánh lại.

Trạch Khô được dân sở tại hầu hạ trầu nước rất trọng vọng. Va đắc ý ngồi vênh váo trên chiếc ghế sơn son thiếp vàng đã cũ dưới năm vuông nhiễu điều bay phấp phới, có vẻ coi thiên hạ bằng nửa con mắt, không có một ai địch nổi mình.

Tiếng trống cầm trịch bắt đầu nổi dậy. Đô hàng tỉnh lần lượt thi tài. Khảo xong ba keo lèo [1] đô Quấm Đen sân Cẩm Giang xin vào phá giải nhất.

Đôi bên vào vật, chưa đầy ba dịp trống, Quấm Đen bị Trạch Khô dùng miếng "quai quất", một tay khóa cánh vít gáy, một tay nắm khố mép [2] ném ra ngoài sới.

Sặt đứng ngoài thấy bạn ngã tức uất lên. Mà sân mình không có ai dám vào. Cậu lên xin ông cầm chầu cho vào "theo keo". Sau một tiếng trống rắn rỏi nện mạnh nhận lời, Sặt ra giữa sới ngồi chờ. Trạch Khô thấy cậu còn bé, khinh thường kiêu ngạo :

– Chú bé con này thì đánh chác gì mà cũng đòi vào vật. Thôi về nhà ăn quà mẹ, chẳng nhỡ ta quá tay thì toi mạng.

---

1. Lèo : giải nhỏ, có được lèo mới được đánh giải. Những đô chưa nổi tiếng mới phải khảo lèo như thế

2. Khố mép : khố chỗ hai bên sườn

Dứt lời, y cười ha hả. Sặt điềm nhiên trả lời :

– Được, anh cứ đánh, việc gì phải lắm lời.

Trạch Khô nhìn thương hại :

– Cơ chừng chú bé con này ít tuổi không biết ta là ai hẳn ?

– A hà ! Ai còn lạ ! Anh là anh Trạch Khô chứ gì !

– Ừ, đã biết tên ta, chắc hẳn biết chuyện ta vật với Vâm Lớn đấy nhỉ ?

Trạch Khô có ý nhắc cho mọi người biết cái trận va vật với Vâm Lớn ở hội Tiêu Long mấy năm trước. Ngày đó, Vâm Lớn vẫn ăn giải cạn các hội vật vùng này. Trạch Khô mới nổi vào phá giải với Vâm Lớn. Đôi bên vật nhau ròng rã hai ngày không phân thắng phụ, cùng giở hết "nghệ" ra hạ nhau không nổi. Sau cùng Trạch Khô phải dùng đến miếng "tiện xương", nghĩa là lần các khớp xương kẻ định mà tiện, làm cho người Vâm Lớn mềm ra như bún mới hạ nổi. Từ đấy, các đô vật ai cũng sợ Trạch Khô, không dám vật với va nữa.

Lần này nhắc lại, Trạch Khô có ý khoe khoang và cũng có ý bảo cho cậu bé không biết thân phận kia nên thôi đi, va khỏi phải ra tay cho thêm bận. Nhưng trái lại với ý va tưởng, Sặt bĩu môi cười khẩy:

– Hừ ! Anh có định đánh hay không mà đem cái đòn "tiện xương" trẻ ranh ra nạt ta thế...

Trạch Khô cười gằn, hầm hầm ra giữa sới :

– À, đã muốn chết, ta cho chết !

Lên "đài" [1] xong rồi vào "bá tay tư" [2]. Bàn tay Sặt vừa đặt lên gáy Trạch Khô, toàn thân hắn rùng hẳn lên. Biết gặp phải tay địch thủ ghê gớm, Trạch Khô không còn dám khinh thường, thận trọng từng miếng đánh, miếng gỡ. Một lát sau, xem chừng không thể địch lại Sặt, Trạch Khô xuống "nằm bò". Cái miếng "bò cắm" [3] này, khi nào cùng quá, y mới dùng. Đầu, bụng và chân tay như dán xuống đất. Không một ai bắt nổi. Người ta thường đồn, khi mà Trạch Khô xuống "bò cắm" thì dẫu lấy thuổng mà bẩy cũng không lên. Sặt loay hoay bắt bò. Đôi bên xoay xỏa bụi mù cả sới. Từ sáng cho đến đứng bóng,

---

1. Lên đài : trước khi vật phải múa, múa thế gọi là lên đài.

2. Bá tay tư : một tay vít gáy một tay nắm cánh tay kẻ địch. Hai bên cùng dùng lối ấy gọi là bá tay tư.

3. Bò cắm : nằm dán xuống đất, không nhấc được lên, có khi trũng sới.

Sặt vẫn chưa làm gì nổi Trạch Khô. Cậu nóng ruột quá. Sau cùng vớ được "tay khố đỉnh". Cứ thế, Sặt dùng toàn lực nhấc bổng Trạch Khô lên, trước muôn nghìn tiếng hoan hô của mọi người.

Từ đấy ai cũng khiếp sợ thần lực Sặt. Nghe thấy ở đâu có treo giải vật, dù xa xôi thế nào cậu cũng lần mò đến dự giải. Sặt đi vật đã nhiều nơi, mà chưa một ai đánh ngã nổi. Cậu thường phàn nàn tiếc rằng : chưa bao giờ được gặp địch thủ để thử sức, thử tài. Các đô thời bấy giờ gọi cậu là Trạng Vật. Hễ cậu giữ giải thì họ lờ đi, không dám vào phá, để Sặt ăn giải cạn. Mà nếu có đô nào mới nổi nho nhoe muốn thi sức là họ vội can ngăn ngay : "Ấy chớ ! Đừng vuốt râu hùm! Tôi bảo thật. Vật với ai thì vật chứ đừng vật với Trạng Sặt mà toi mạng".

*

*   *

Sau mấy năm loạn lạc, nào giặc Nguyễn Nộn ở Bắc, Đoàn Thượng ở Đông, đánh đuổi quân biên cảnh nhà Tống sang quấy nhiễu, dẹp Chiêm Thành ; trong nước tuy đã yên ổn thái bình, nhưng Thái sư Trần Thủ Độ vẫn không một lúc nào không lo toan chỉnh tu binh bị. Mỗi năm lại một lần tuyển những đinh tráng trong nước sung làm lính. Những người lính này phần nhiều là đô vật. Vì môn vật thời ấy thịnh hành không kém gì các môn võ khác trong nước. Từ Kẻ Chợ đến thôn quê, đâu đâu cũng náo nức tập vật. Cái tiếng tăm của hai ông đô Voi, đô Nghê thời Lý vẫn còn lẫy lừng trong nước. Thật là hai ông đô vật kỳ tài, vô tiền tuyệt hậu. Các bậc lão thành thời bấy giờ thường thuật lại cho bọn hậu sinh nghe để làm gương.

Truyền rằng : vua Thánh Tông nhà Lý nhân một buổi ngự du về miền núi, tình cờ gặp hai người to lớn dị thường, mình trần đóng khố ung dung từ khe núi đi ra. (Có lẽ vì thế nên người thời ấy đồn hai ông nứt ở kẽ đá ra). Trên vai mỗi người đều vác một phiến đá rất lớn mà coi bộ không mệt nhọc gì. Nhà vua thấy thế bèn truyền gọi, đem về kinh sung vào đội quân thị vệ. Hai ông này là anh em đẻ sinh đôi, vốn người sơn dã nên không quen mặc phẩm phục triều đình. Nên dù trời nóng hay lạnh vẫn cứ mình trần đóng khố như xưa. (Bởi thế người ta gọi là hai ông tướng Đá Rãi). Nhà vua cũng rộng lượng để

cho được như ý. Thường thường, mỗi khi có sự vui mừng hay lúc buồn nản trong lòng, nhà vua lại bắt hai ông vật nhau cho ngài ngự lãm. Cũng có đôi khi thách đố tất cả các đô trong nước đọ tài, nhưng không ai địch nổi. Vì hễ hai ông mó vào người kẻ địch chỗ nào là gãy xương chỗ ấy. Nhà vua rất yêu mến, lúc nào cũng cho hầu ngay bên mình ngự.

Khi ngài đánh Chiêm Thành hay cự địch với quân nhà Tống cũng cho hai ông theo. Truyền rằng hai ông đô Nghê và đô Voi mình trần đóng khố bao, đầu đội mũ lưỡi búa, tay cầm hai cây roi, xông xáo giữa đám thiên binh vạn mã như chỗ không người. Gươm đao chém vào mình chỉ quằn lại chứ thịt da không hề sây sát.

Những năm chinh chiến ấy, hai ông lập được nhiều công trạng rất to. Uy quyền hiển hách trong triều. Vốn người sơn dã, tính tình ngay thẳng, thấy điều gì trái tai gai mắt thì dù kẻ quyền cao chức trọng đến đâu cũng không sợ. Trong triều, từ vua cho đến các quan, ai cũng kinh sợ và ghen ghét.

Thời bấy giờ, vua Thánh Tông quá tin mê đạo Phật, đem hết dân tài, dân lực dựng tháp Báo Thiên, đúc chuông chùa Sùng Khánh, đúc tượng chùa Thiên Phúc. Hai ông tướng Đá Rãi thấy quá xa xỉ có can ngăn, làm phật lòng Đức vua. Nhân thế, mấy kẻ gian nịnh vẫn căm ghét hai ông gièm pha : hai ông có ý thoán nghịch và quá lộng quyền, nếu không sớm trừ đi ắt mang đại họa về sau.

Thế là ngay phiên chầu hôm sau, hai ông phải đem ra pháp trường xử trảm. Nhưng băm vằm thế nào cũng chỉ quằn dao, chứ hai ông không chết. Triều đình lại cho ngựa phân thây, cũng không xé nổi xác hai ông. Ai ai cũng sợ xanh mắt, lắc đầu lè lưỡi, cho là Lý Tồn Hiếu tái sinh. Về sau, có một ông vuốt râu cả cười bảo tên gian nịnh kia rằng : "Nay Thánh thượng đã nghe lời gièm pha của chúng bay muốn bắt chúng ta chết. Chúng ta xin chết để giãi lòng trung can cùng Thánh thượng. Như chúng ta, thì dù hình cụ độc địa thế nào chăng nữa cũng không thể chết được. Chỉ có một cách này, nhà ngươi vểnh tai lên mà nghe ta chỉ bảo : bay khá đem nứa vót thật sắc đằng cật, rồi tống ngược từ hậu môn ra đằng mồm là ta có thể chết được thôi".

Tên gian nịnh nghe theo. Quả nhiên hai ông chết thật. Trước khi chết, còn quay lại phía hoàng thành mà bái dài và kêu lớn lên rằng :

"Chúng thần xin lấy cái chết mà tỏ lòng cùng Thánh thượng, mong ngài sớm tỉnh ngộ" [1].

Theo lời các bậc tiền bối, "vật là đầu hàng võ". Muốn thành một võ sĩ hoàn toàn phải giỏi vật đã. Cũng như trước khi tập kiếm, kích, côn, quyền, phải giỏi tấn. Vả nhà Đương quốc Trần Thủ Độ xưa kia cũng là một đô vật có tài vùng Thiên Thuộc (Tức Mặc), một làng vật giỏi nhất vùng Xuân Trường, quê hương ông. Cho nên ông rất ham chuộng, và hiểu cặn kẽ cái lợi hại của môn vật. Theo ông nhận xét, vật có nhiều đức tính con nhà binh cần phải có : can đảm, điềm tĩnh, nhanh trí, kiên nhẫn, và nhất là khỏe. (*Cờ cao vật mạnh* là câu châm ngôn của các đô). Bởi vậy Thái sư Trần Thủ Độ luôn luôn khuyến khích môn vật, mở những cuộc vui có treo giải thưởng cho các đô vật trong nước tranh hùng. Mỗi năm một kỳ tuyển lính. Tinh thần thượng võ được sát nhập với tinh thần quốc gia thành ra bành trướng mạnh mẽ vô cùng, tạo nên những đội quân tinh nhuệ và quả cảm, ghi những thành tích vẻ vang bất hủ trong quốc sử.

Năm Nguyên Phong thứ năm, Sặt cùng mấy người bạn sân Cẩm Giang, sân Ngọc Lôi được vào kinh đô vật kỳ tuyển lính hằng năm. Bấy giờ, cậu đã mười bảy tuổi, cái tuổi bẻ gãy sừng trâu. Bằng ở cái sức mạnh tột vời Sặt có sẵn, người ta tin Sặt sẽ chiếm giải nhất, đem danh dự về cho lộ mình.

*

* *

Trên một khoảng đất rộng ước chừng một sào ruộng đất cao, có cọc tre đóng xung quanh cho khỏi lở, dùng làm sới vật, lực sĩ các lộ thi nhau trổ tài. Ở đây toàn những đô vật chọn lọc kỹ càng có tài, có sức cả.

Đức Thái Tông Trần Cảnh cũng ngự xem, và có cả quan Thái sư Trần Thủ Độ cầm chầu cho thêm phần long trọng.

Cờ xí, tàn quạt rợp trời. Nam phụ lão ấu đứng vây quanh xem đông như kiến cỏ. Đô vật các lộ ngồi hai bên trên ghế chờ xướng đến tên là ra thi sức. (Những đô này được Nhà nước nuôi cho ăn từ hôm vào kinh). Cứ lần lượt hết cặp này đến cặp khác ra vật.

Trong những đô vật có Trạng Sặt và Trạng Kế (một đô vật khác) vật trội nhất.

---

1. Hiện nay ở Đền Đô, nơi thờ các vua nhà Lý ở làng Đình Bảng, có tượng hai ông Đá Rãi này đứng chầu hai bên hương án ngoài tiền tế.

Cái mạnh của Trạng Sặt rõ rệt trong các trận đánh loại, không một đô nào chịu được một nhịp trống. Còn cái tài của đô Kế biểu lộ ra ở sự lanh lẹ, có miếng hiểm độc của Trạng Kế, miếng "móc quai xanh". Cứ hễ đô Kế dùng đến miếng hiểm độc kia thì kẻ thù khỏe mạnh đến bậc nào cũng phải ngã, mà nếu cưỡng lại là gãy xương quai xanh ngay. Người ta đoán thế nào hai ông Trạng Vật ấy cũng phải gặp nhau. Cuộc gặp gỡ đó hứa hẹn một trận tranh hùng quyết liệt.

Cả hai cùng gờm nhau. Chưa biết chắc phần thắng sẽ về ai. Một đằng mạnh, một đằng tài.

Những lúc Trạng Kế vật với đô khác, Trạng Sặt để ý xem xét từng ly, từng tý xem đánh như thế nào để tìm cách phá. Và tối tối về công quán lại cùng mấy anh em luyện tập cho chắc chắn.

Sau ba ngày đánh khảo, Trạng Kế gặp Trạng Sặt. Hai đô này đã biết tài nhau, nên cùng thận trọng từng miếng. Có lúc hai bên cứ "bá tay tư" ghé đầu vào nhau nghĩ ngợi cách hàng phục kẻ địch. Có lúc dồn dập, xô đẩy túi bụi cả sới. Trạng Kế đem hết tài ba, nhanh nhẹn với những miếng bí truyền ra hại Trạng Sặt. Nhưng không sao lại với sức mạnh kinh hồn của Sặt. Có miếng "móc quai xanh" thì bị Sặt hết sức giữ gìn, hễ giở ra là bị phá. Người quanh sới reo hò cổ võ. Quan Thái sư Trần Thủ Độ có vẻ lấy làm khoái chí được xem một cặp kỳ phùng địch thủ, tương ngộ tương tài. Tiếng trống ngũ lôi thúc dồn dập trợ uy.

Ba ngày trời ròng rã, vẫn chưa phân thắng bại. Mặt sới lồi lõm những vết chân của hai ông Trạng Vật giày xéo.

Sang đến ngày thứ tư, ngày chót. Trạng Kế đánh có vẻ quyết liệt lắm. Mà Trạng Sặt cũng không kém phần dũng mãnh. Đến quá Ngọ bỗng đổi chiến lược. Nhanh nhẹn lạ thường, chập chờn hư thực, khi bên tả, khi bên hữu, lúc đằng trước, lúc đằng sau, không biết thế nào mà lường.

Trạng Sặt lúng túng xoay xỏa. Chỉ một chốc đã thấy ù tai hoa mắt. Mồ hôi đổ ra như tắm. Chân tay cuống quít líu ríu, đánh, gỡ lạo chạo.

Trạng Kế nhân cơ hội, nhanh như cắt đưa tay phải lên bấu chặt lấy quai xanh, còn tay trái vít gáy kẻ địch dìm xuống. Trạng Sặt vùng vẫy cố gỡ, nhưng không sao thoát được năm ngón tay như thép nguội kẹp chặt lấy xương quai xanh. Da dẻ Trạng Sặt tái dần, tái dần và toàn thân run lên bần bật. Tiếng reo hò của người quanh sới đã im bặt. Họ há mồm, trố mắt hồi hộp đợi chờ. Có tiếng người cùng sân Trạng Sặt thét :

– Thôi chịu thua đi. Sặt ơi, không chết mất.

Sặt không trả lời, vẫn mím chặt môi cố thu tàn lực gỡ miếng hiểm nghèo. Giờ khắc nặng nề qua. Bỗng Trạng Kế hét lớn lên một

tiếng. Trạng Sặt xám mặt lại và người co dúm vào, mồm há hốc, mắt mở trừng trừng, mất tinh lạc. Trạng Sặt cố vùng vằng một lần nữa... Chợt chiếc khăn võ sinh bịt đầu bị sổ, một chiếc khăn vàng khác nữa bên trong rơi theo. Mớ tóc dài đen nhánh sổ ra rũ rượi.

Đức Thái Tông Trần Cảnh thoáng trông thấy. Ngài tái hẳn mặt đi, vội vàng xuống lệnh hoãn cuộc thi sức lại.

Mọi người kinh ngạc không hiểu vì lẽ gì.

*

*   *

Mảnh áo vàng cũ đã bạc màu của người mẹ thân yêu trao cho lúc lâm chung mà người căn dặn cặn kẽ, lúc nào cũng phải đem theo bên mình một cách thành kính, vô tình rơi, đã cứu Sặt thoát chết trong khi Trạng Kế đánh một miếng bí truyền. Và cũng vì thế mà hai cha con Đức vua mới nhận được nhau.

Đức vua ôm ghì Sặt trong lòng. Hai mắt đẫm lệ. Ngài thủ thỉ nói với con như đang nói với người xưa :

– Cha có ngờ đâu. Con ơi ! Cha có ngờ đâu. Bao năm chinh chiến và bận việc triều chính, cha đã quên mất mẹ con, để mẹ con phải sống bao năm trơ trọi ở một nơi thôn dã hẻo lánh... Cha đã phá tan hết hạnh phúc đời mẹ con... Tần ơi ! Tần ơi ! Ở nơi suối vàng, chắc em hờn oán ta lắm. Thôi Tần ơi ! Em tha lỗi cho ta...

Đức vua gục đầu xuống đầu con khóc nức nở, Sặt cũng òa khóc theo.

Từ đó, Sặt ở lại kinh sư và đổi họ tên ra Trần Quang Khải.

Khải ngày đêm chăm chỉ rèn văn luyện võ mỗi ngày một tinh thông thao lược. Năm Đinh Tỵ niên hiệu Nguyên Phong thứ bảy (1257), giặc Nguyên sang xâm lấn nước ta. Trần Quang Khải làm chức Thượng tướng, đồng tâm hiệp lực cùng các danh tướng nhà Trần đánh đuổi giặc Nguyên ra ngoài bờ cõi.

Tuy ông làm đến chức Tể tướng, nhưng tính tình vẫn giản dị như ngày còn ở chốn thôn quê, ưa cùng bạn bè ngâm vịnh. Và vẫn thích vật lắm. Ông mời Trạng Kế về nhà tôn làm thầy để rèn luyện. Đôi khi buồn nhớ thời xưa, ông lại giả làm thường dân đến những hội hè, đình đám có treo giải vật thi tài.

Viết theo "Sử Thánh" làng Trang – Liệt – Sặt.

Tặng ông Ngô Hữu Tý.

Tiểu thuyết thứ bảy, nguyệt san,
số 4, tháng 9 – 1944.

ĐUỔI TÀ

(Truyện ngắn)

Ông tự Năm ngồi xếp bằng, hai tay ôm chiếc ấm bì thu vào lòng cho hơi nóng ở ấm nước mới pha chuyền sang cơ thể. Vẻ mặt tư lự như đang ruổi theo một ý nghĩ gì lung lắm. Nhưng thực ra ông chẳng nghĩ ngợi gì cả. Trong cái đêm trừ tịch dài dằng dặc và lạnh lẽo này, ông chỉ thấy trí mình sáng suốt và lòng lâng lâng thanh thản. Và thính giác rất tinh tường lắng sâu vào trong đêm tối. Trong cái vô cùng tĩnh mịch của đêm cuối năm, ông tưởng chừng như nghĩ được thấy cả cái chuyển vần lặng lẽ của năm cũ ra đi, năm mới đang đến.

Cẩn trọng rót một chén trà, ông tự Năm khoan thai nâng lên miệng uống từng hụm nhỏ. Hương trà bốc lên thơm phức và làn khói trắng mỏng mảnh tỏa lên mặt ấm áp dễ chịu. Trong cái đêm cuối năm khuya khoắt lạnh lẽo này, uống một chén trà nóng, ông tự Năm thấy tâm hồn sảng khoái lạ thường. Ông rung đùi cất tiếng ngâm thơ cổ :

Xử thế nhược đại mộng

Hồ vi lao kỳ sinh.

Giọng ông vang lên trong tịch mịch tôn nghiêm có thoang thoảng hương trầm của gian tam bảo. Những pho tượng âm thầm trong ánh đèn dầu vàng vọt, bóng run run trên vách bởi ngọn gió lọt vào tưởng như đang ngồi ngây ngất thẩm âm :

Xử thế nhược đại mộng

Hồ vi lao kỳ sinh.

Ông tự Năm nhắc lại một lần nữa. Ừ, cuộc đời nào khác chi giấc mộng lớn, việc gì mà phải gian lao, lật đật. Ông tự chạnh nhớ đến mấy năm gian lao vất vả trước.

Vốn là một thầy giáo lỗi thời, đã bao nhiêu năm ông tự lang thang chốn này chốn khác, có phen phiêu dạt lên cả rừng xanh nước độc, mong đem đạo thánh hiền đổi lấy miếng ăn. Nhưng ông không ngồi dạy học được ở đâu lấy ba tháng. Là vì vào cái thời này họ theo Tây học cả. Rồi ông xoay nghề lang thuốc, nhưng ông trời vẫn hay trớ trêu con người có chữ, mấy năm liền hàng họ ế ẩm. Cái cảnh mạng nhện mắc dao cầu chẳng bao lâu mà hết lưng vốn. Thế rồi ông

lại lang thang ; con người dài lưng tốn vải ấy không quen với việc gồng gánh mướn. Với chiếc khăn vải tây đỏ thắt chéo buộc chặt lấy chiếc tráp sơn then, trong đựng một chiếc địa bàn với mươi lá số, ông tìm đất, tìm cát, xem bói xem toán độ thân.

Cái nghề lý số này cũng không dung ông lâu. Cuộc sống gắt gao hằng ngày đã sa thải nhà nho lỡ vận thành một anh thầy cúng làm bạn với tửu, cảnh mà lại hóa ra thanh nhàn, ông tự Năm làm tự chùa Vân Điềm này kể đã hơn ba năm. Nhờ trời cũng mát mặt chứ không đến nỗi lận đận như hồi mấy năm về trước...

– Thưa ông, rót xong rồi đấy ạ.

Một cậu bé đứng ngoài cửa bỗng nói chõ vào. Ông tự Năm quay ra nhẹ nhõm bảo :

– Đem cả lên trên này nhá... À, mà bảo các cậu ấy lên tất cả trên này mà làm cho vui.

– Vâng ạ.

Một lát sau, bốn cậu nhỏ mặt mũi khôi ngô, mình mặc áo lụa màu gạch đỏ có in dấu nhà Phật. Đầu mới cạo nhẵn bóng, có chiếc hồng mao đen nhánh rủ xuống lưng như những cậu tiểu đồng. Mỗi cậu mang một thứ, nhanh nhẹn bước vào. Đó là những cậu nhà oản của thầy tự, theo lệ dân ở làng này : con trai cứ đến 15 tuổi thì dân chọn lấy bốn cậu nhanh nhẹn xinh xắn cắt ra giúp việc ông tự trong việc đuổi tà ngày tết.

Các cậu lặng lẽ bày các thứ xuống chiếu dưới một mâm gạo trắng, một đĩa muối, hai đĩa xôi, một con gà sống luộc chín vàng ửng uốn theo hình con phượng, ở mỏ có cắm một chiếc hoa hồng, và một thúng toàn những thanh tre vót sẵn.

– Đủ cả đấy chứ ?

– Đủ cả đấy ạ.

– Một cậu mài cho tôi một đĩa mực. Một cậu mài cho tôi một đĩa son nhé.

– Vâng.

– Còn chỗ gạo, hai cậu đổ lẫn muối vào trộn cho đều rồi xúc ra bốn đĩa con.

Cắt việc xong, ông tự lại lặng lẽ ngồi uống nước, óc như còn đang mải suy tưởng những chuyện đâu đâu. Trong khi ấy, bốn cậu cắm cúi làm việc. Tiếng mài mực rí rí, tiếng mài son lạch cạch bật lên trong

yên tĩnh, đúng với câu : "Mài mực ru con, mài son đánh giặc". Còn hai cậu kia vừa trộn gạo với muối vừa thì thầm nói chuyện với nhau. Số gạo đó do ông tự Năm và bốn cậu nhà oản đi quyên khắp cả mọi nhà trong làng suốt cả buổi chiều hôm ba mươi tết. Vốn là cái tục cố hữu của dân, năm thầy trò ông tự đến nhà ai cũng chỉ nói dăm ba câu chuyện suông về tết nhất là người nhà ấy xúc một bát gạo đầy và một chén muối ra cúng nhà chùa ngay. Dẫu là giàu hay nghèo, ai cũng cúng một cách vui vẻ, coi như một bổn phận. Là vì số gạo muối cúng đấy không phải vì tư lợi mà ông tự đi quyên. Nó sẽ dùng vào việc đuổi tà đầu năm, có ảnh hưởng đến sự thịnh đạt, suy vi của cả dân làng sang năm mới tới đây.

Hai cậu nhà oản mài son, mực đưa cho ông tự.

– Thưa xong rồi đây ạ.

Rồi một cậu nhanh nhẹn đem thúng đựng những thanh tre lại gần. Ông tự Năm rút chiếc kính lão đeo lòng thòng trước ngực khoan thai đeo lên mắt. Đoạn ông nhích cây đèn lại gần, nhoi con bấc cao thêm cho sáng. Ông lấy một thanh tre lớn đặt lên tráp, lăn ngòi bút lông vào nghiên mực mấy lần rồi nắn nót viết lên lòng thanh tre những chữ lớn, chữ nhỏ, nét đậm và sắc. Viết xong, ông lại vẽ ngoằn ngoèo đè lên, lớp mực rồi lớp son theo cái đạo viết rồi lại xóa của Lão Tử thành một đạo bùa. Ông viết luôn một lúc xong bốn đạo "bùa cái" trên bốn thanh tre lớn. Ông lại viết đến những đạo "bùa con" trên những thanh tre nhỏ. Bọn các cậu nhà oản đã hết việc, đứng xem ngấp nghé sau lưng ông tự Năm.

Ông tự Năm chăm chỉ, kiên nhẫn ngồi vẽ hết đạo bùa này sang đạo bùa khác. Đôi lúc lại ngừng tay uống một chén nước hoặc rít một hơi thuốc lào cho đỡ mỏi.

Đêm đã khuya, trời càng thêm lạnh lẽo. Cảnh vật cũng chìm lặng, tĩnh mạc hơn. Theo tiếng gió gửi vào, có tiếng vịt kêu thất thanh và tiếng khánh ở bốn đạo chùa khua thầm trong đêm tối.

Mấy cậu nhà oản đã ngủ ngả ngốn cả dưới chiếu : có cậu dựa cả vào cột mà ngủ. Tiếng ngáy đều đều của tuổi đang sức ăn sức ngủ. Ông tự vẫn hí hoáy vẽ.

Khi đã vẽ xong đủ một trăm linh tám đạo "bùa con" thì cũng đã gần đến giờ giao thừa. Ông tự Năm thu xếp đồ đạc. Bịt chiếc khăn lụa đỏ lên đầu che kín cả hai tai và kéo thẳng đôi bít tất vàng xoăn

xeo dưới chân cho ấm. Rồi ông ngại ngùng đứng dậy, đánh thức mấy cậu nhà oản :

– Dậy ! Dậy ! Dậy ra đền mau.

Mấy cậu nhà oản oằn oại mới dậy được. Họ ngồi thừ ra, vẻ mặt mệt nhọc bởi giấc ngủ dở dang.

– Các cậu uống nước đi rồi còn ra đền bây giờ chẳng muộn.

Uống nước xong, nghe trong người đã tỉnh táo, mấy cậu nhà oản vui vẻ với cái tuổi vô lo vô lự của họ. Ai nấy lại nhanh nhẩu. Cậu đội thúng bùa tre, cậu đội mâm gạo muối, theo ông tự ra khỏi chùa.

Gió hun hút vào trong con đường gồ ghề tối tăm, cỏ tre mọc hai bên. Ánh đèn dầu lạc ở tay ông tự chỉ đủ tỏa ra một vùng sáng nhỏ hẹp, yếu ớt. Làng xóm đều yên lặng. Bóng tối thì dày đặc mênh mông như một biển mực. Mấy thầy trò ông tự đi sát vào nhau cho ấm. Từ lâu, những tiếng chửi bới réo công nợ ba mươi tết tắt hẳn, mọi người như yên lặng, kính cẩn đón chờ cái năm mới rỡ ràng.

Đến đền, ông tự Năm trao chiếc đèn cho cậu nhà oản, rồi sấn bước tiến lên trước. Một tay cầm kiếm gỗ, một tay cầm cây gậy tầm xích, mắt nhìn thăm thẳm về phía trước như xoi mói trong khoảng không những hình ảnh vô hình... Ông tự xăm xăm tiến vào trong đền, cắm cây gậy tầm xích vào chiếc giá đặt trước hương án. Ông tự Năm tay bắt quyết, miệng hô như quát tháo, ông chạy sầm sầm đủ bốn góc đền. Trong khi ấy, bốn cậu nhà oản chia ra bốn nơi ném gạo muối tứ tung. Và ông từ đã chờ sẵn từ trước, khua chiêng trống ầm ầm. Bỗng ông tự Năm sầm sập chạy ra ngoài sân đền. Bốn cậu nhà oản chạy theo ném gạo muối.

Ông tự miệng quát tháo, tay bắt quyết và giơ nắm hương thư phù lên nền trời. Đóm lửa đỏ vạch những nét ngoằn ngoèo trong bóng tối. Bốn cậu nhà oản chia nhau dựng bốn chiếc bùa bên bốn cột cái nhà tiền tế.

Xong công việc, ông tự Năm mới đổi nét mặt nghiêm nghị ra vui vẻ, thong thả lên đền. Ông từ đã đứng đón sẵn trên thềm. Lúc bấy giờ hai người mới vui vẻ chào nhau, chúc mừng năm mới.

Ông từ trịnh trọng đốt một bánh pháo giao thừa. Tiếng pháo đốt vang lên, ánh điện quang loạn xạ trong bóng tối. Đoạn ông từ vào hạ cỗ lễ thờ, cùng ông tự uống chén rượu mừng xuân, nói chuyện về thời tiết năm mới. Gió đưa khói pháo tạt vào thơm phức. Trong lúc bên

ngoài tối tăm lạnh lẽo, ngồi uống chén rượu đêm ở chốn ấm áp, có mùi hương trầm và khói pháo, họ thấy ngây ngất như có chất men xuân phừng phừng trong huyết quản. Tiếng pháo của các tư gia cũng bắt đầu kế tiếp nhau nổ ran trong đêm tối. Tất cả nhân gian như đang ngủ mê man bỗng đều sực thức dậy tưng bừng đón xuân.

Trời đã bớt lạnh, gió cũng hiền từ hơn.

Ánh sáng lọc qua lần mây loãng nhờ nhờ trắng như màn bạc cũ. Tiết trời ấm áp dễ chịu. Vừa độ cho hạng người nghèo khó không lo áo rét, mà người giàu cũng có thể lượt là mền kép được. Cảnh vật như thấm nhuần một nguồn sống mới mẻ. Mấy cây đa hai bên hồi đền vừa đổi lá. Những búp non hồng hào mẫm mạp vươn lên hớp lấy ánh sáng, lấy khí trời. Trẻ con hớn hở trong áo mới, sự sung sướng bồng bột, hồn nhiên trên nét mặt ngây thơ. Tiếng chúng nó vang vang trong gió. Đôi lúc những xác pháo hồng bay tung lên như muôn nghìn bông hoa đỏ quấn quít cả vào những tà áo mới. Hạng lớn hớn hở hơn thì túm năm tụm ba mê mẩn với quân bài. Những cô gái đến thì e lệ trong áo mới theo mẹ ra đền lễ thờ với một niềm vui kín đáo. Những cậu trai hãnh diện với điếu thuốc lá phậm phè trên môi. Các bô lão, mặt đỏ gay, hể hả được ngày say túy lúy. Ai ai cũng vui. Tất cả những vẻ đăm chiêu vì cuộc sống hằng ngày không còn vương trên mặt họ lúc này. Một bầu không khí đề huề mà thân mến. Chủ nợ gặp người vay, họ đã thành thật quên hết cả những tị hiềm trước. Thành thật vồ vập nhau, thành thật chúc tụng nhau muôn nghìn sự tốt đẹp. Vả lại, người nhà quê, với cái tâm hồn chất phác, hễ cứ có rượu, có thịt là vui. Vui cho thỏa thuê cả năm cần cù vất vả.

Ông tự Năm cũng vui cái nhịp vui của mọi người. Ông lăng xăng săn sóc công việc lập đàn đuổi tà đầu năm. Đàn thiết lập ngay giữa sân đền, cũng không khác đàn cúng quan ôn ngày hè mấy. Trên chiếc hương án sơn son thếp vàng, đặt những mũ giấy lớn có, nhỏ có. Bên hai cây vàng cây bạc bằng giấy trang kim sáng chói, một mâm gạo muối, một mâm bùa tre và những đồ lễ chay khác. Trước hương án cắm một cành phan là một cành tre để cả lá, có dán một đạo bùa giấy vàng đóng dấu son đỏ chóe. Hai bên đàn đặt hai chiếc thuyền mã có những người hình nhân bé nhỏ cầm lái. Người làng Vân Điềm này gọi là hai cái chài. Tiếng trống bắt đầu dạo vạc cùng tiếng chũm chọe. Rồi mỗi lúc một mau một rộn rã thêm. Bọn trẻ đã bỏ chơi đổ xô lại xem. Chúng đứng xung quanh bàn tán, nhiều lúc đột nhiên cười rộ lên.

Ông tự Năm không để ý gì đến bên ngoài. Tay gõ trống, miệng ê a tụng niệm. Cái vẻ hớn hở ban nãy đã mất trên mặt người tự bất đắc chí ấy. Nét mặt rầu rầu và uể oải. Cái việc ông đang làm đây không ngoài nghĩa áo cơm, chẳng hứng thú gì.

Bốn cậu nhà oản túc trực ngay bên hương án săn sóc đèn nhang. Mấy ông kỳ hào trong dân ra lễ chiếu lệ rồi lên đền nói chuyện gẫu. Dăm bà sùng đạo cũng đem vàng hương ra cúng, ngồi cả chiếu dưới, nhai trầu bỏm bẻm bàn bạc việc trẩy hội hằng năm. Ở vẻ mặt, ở giọng nói ẩn một niềm tín ngưỡng và đá chút hãnh diện sự mát mặt của mình. Đây phần nhiều là những bà lý, bà chánh.

Mặt trời đã lên đến đỉnh đầu. Làn mây trắng đục khi nãy giãn mỏng ra, ánh nắng vàng phơn phớt tỏa xuống, hơi oi ả. Nhưng lại có những làn gió lành lạnh dễ chịu. Tiếng pháo trong làng đã thưa thớt hơn ban sáng. Ngày tết ai cũng rỗi rãi, nên xung quanh đoàn người đổ đến xem rất đông. Ông tự Năm đứng dậy, thắt lên đầu một chiếc khăn nhiễu điều buộc thõng mỏ rìu. Tay bắt quyết, chân giậm thình thịch xuống đất, miệng quát tháo ầm ĩ, mắt trợn trừng trợn trạc một cách dữ tợn như nạt ai. Rồi ông khoán lên đạo bùa trên cành phan, lên bùa tre, lên tất cả mọi nơi. Trẻ con giạt về một phía reo váng lên. Mấy ông đàn anh trên đền cũng ngừng câu chuyện phiếm thong dong trở ra. Các bà đều đứng dậy vái lia vái lịa.

Ném bó hương xuống đất, ông tự lặng lẽ trao bốn đạo bùa cái cho bốn cậu nhà oản, còn những bùa con, ông ném tung ra bốn phía. Người xem xô lại tranh cướp hỗn loạn, kêu oai oái.

Xong cái lễ "trịch tướng", ông tự Năm nhổ bật cành phan lên. Đồng thời mấy bác tuần đứng chờ sẵn bên ngoài cũng sấn lại trút mâm gạo muối vào chiếc rổ con mang theo, cầm lăm lăm ở tay. Hét to lên mấy tiếng nữa, ông tự cầm cành phan chạy ra ngoài đường cái. Bốn cậu nhà oản với bốn chiếc "bùa cái" cũng lẽo đẽo theo sau. Mấy bác tuần vừa quát vừa ném gạo muối đuổi. Trẻ con, người nhớn à à theo sau reo hò ầm ĩ. Có người lượm đất, gạch ném theo nữa. Họ tin như thế là đang trục xuất ma đói ma khát ra khỏi làng, năm mới đây dân làng làm ăn mới thịnh đạt.

Đám người rùng rùng xô đuổi nhau trên con đường nhỏ hẹp, gồ ghề bậc thang, rườm rà những tre pheo, bụi rậm. Họ ồn ào, hỗn loạn như đuổi giặc.

Những người đi lễ tế, đi hái lộc, đi lễ chùa gặp bọn đuổi tà này đều đứng nép ra rìa đường cho họ đi.

Đến mỗi cổng làng, ông tự Năm lại giằng lấy một thanh "bùa cái" trên tay một cậu nhà oản, cắm xuống đất. Người ta vội tìm một viên gạch vỡ đập cho sâu xuống.

Chạy hết một vòng quanh làng, cắm đủ bốn đạo bùa trước bốn cổng chính, ông tự Năm trở về đền, vào thẳng ngay trước cửa võng lễ thánh xong rồi mới ra lễ tạ triệt đàn. Lúc ấy đã xế chiều, gió lạnh hơn. Sương trắng còn vương trong bụi rậm.

Ở ngõ xóm Tây, mấy bà lên chùa đứng lại nói chuyện vãn với bà Lý trong khi bà này bế cậu con quý chỉ trỏ vào hai bức tranh lòe loẹt, ông tiến tài và ông tiến lộc dán trên cánh cổng rêu mốc thì cậu con ăn cơm. Một bà mân mê chiếc bùa tre đeo lủng lẳng ở ngực cậu bé như bài ngà :

– Ồ cậu Khôi có cái bùa đẹp nhỉ, cho chị xem nào.

Cậu bé ưỡn người ra đằng sau nhè mồm ra khóc. Một bà khác nhanh mồm chỉ cây nêu cao vút gần cổng có nắm lông gà phe phẩy trên nền trời xám đục, dỗ :

– Kìa ! Kìa ! Cây nêu nhà ta đẹp chửa, cậu Khôi kìa !

Bà Lý mắng yêu con :

– Nín đi, con trai, con trai con đứa gì lại xấu thói thế. Năm mới đã khóc, rông cả năm thôi.

Một bà nhổ cốt trầu đặc sệt xuống đất và đưa hai ngón tay khoanh vòng trên môi một lượt. Rồi, bằng một giọng tín ngưỡng, bà thì thầm:

– Này, đeo bùa nghiệm đáo để đấy bà ạ. Ma chê quỷ hờn đấy ! Mà trẻ mỏ, nói dại, nhỡ có sài đẹn, mài ra cho uống nghiệm đáo để.

Mấy bà từ giã bà Lý lên chùa. Bên đường vô số trẻ con đeo bùa trước ngực.

Một bà phàn nàn :

– Năm nay, nhà chúng tôi nó lại không cướp được chiếc nào. Tiếc quá !

Trung Bắc chủ nhật, số 239,
ngày 4 – 2 – 1945.

BÙI HUY PHỒN

(Đồ Phồn)

(1912 - 1990)

Sinh năm 1912 tại xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Nguyên quán : xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

Các bút danh khác : Đồ Phồn, Cười Suông, Việt Lệ, Ấm Hai, Lý Ba Lẽ.

Trước cách mạng, ông viết cho các báo *Đông Tây, Ngọ báo, Đông Pháp, Bắc Hà, Phụ nữ thời đàm, Ngày nay, Hà Nội báo, Tiểu thuyết thứ năm, Tân Việt Nam, Thời báo, Quốc gia, Văn mới...*

Tiểu thuyết dã sử *Lá huyết thư* là tác phẩm đầu tay của Bùi Huy Phồn. Ông mượn việc miêu tả tình trạng thối nát của triều đình vua Lê, chúa Trịnh, để đả kích bóng gió thực dân Pháp và vua quan tay sai nhà Nguyễn. Trong các tiểu thuyết tiếp theo : *Một chuỗi cười, Khao,* cũng như trong nhiều bài *Thơ ngang*, Bùi Huy Phồn tập trung đả kích bọn quan lại phong kiến, tố cáo những thủ đoạn áp bức của chúng đối với người dân lao động lương thiện.

Nhìn chung, trước Cách mạng Tháng Tám, nói đến Bùi Huy Phồn, người đọc vẫn nghĩ đến một nhà thơ trào phúng sắc sảo hơn là một nhà tiểu thuyết.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Bùi Huy Phồn tham gia phụ trách các tổ chức văn nghệ cách mạng : Đoàn Văn hóa kháng chiến Bắc Bộ, Chi hội Văn nghệ Liên khu Ba... Hòa bình lập lại trên miền Bắc, ông công tác ở báo *Cứu quốc*, sau đó phụ trách Nhà xuất bản Văn học. Ông nguyên là Ủy viên Thường vụ Hội Văn nghệ Hà Nội.

Nhìn chung, sau Cách mạng Tháng Tám, Bùi Huy Phồn sáng tác không ít, nhưng ít có tác phẩm thật nổi. Tiểu thuyết *Phất* (1961) phát huy sở trường trào phúng của ông đã gây được tiếng vang nhất định trong đời sống văn học.

Thơ trào phúng của Bùi Huy Phồn (Đồ Phồn) được giới thiệu ở tập khác của bộ Tổng tập này. Ở đây chỉ giới thiệu tiểu thuyết của ông.

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN CỦA BÙI HUY PHỒN

TRƯỚC CÁCH MẠNG :

– *Lá huyết thư,* tiểu thuyết (Nhà xuất bản Lê Cường, Hà Nội, 1937).

– *Một chuỗi cười*, tiểu thuyết (Nhà xuất bản Hàn Thuyên, Hà Nội, 1941).

SAU CÁCH MẠNG :

– *Khao*, tiểu thuyết, viết năm 1942 (Nhà xuất bản Minh Đức, Hà Nội, 1946)

– *Tình quân ngũ*, tập truyện ngắn (Báo *Cứu quốc* xuất bản, 1948).

– *Tay người đàn bà*, kịch (Báo *Cứu quốc* xuất bản, 1949).

– *Bia miệng*, thơ 1947 – 1951 (Nhà xuất bản Hưng Văn).

– *Thơ ngang*, tập I, 1932 – 1957 (Nhà xuất bản Văn nghệ, Hà Nội, 1958).

– *Tàn xuân đế quốc*, thơ (Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, 1959).

– *Vô lý không có lẽ*, kịch (Nhà xuất bản Phổ thông, Hà Nội, 1960).

– *Phất*, tiểu thuyết (Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1961).

– *Trái cam*, tập truyện ngắn (Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội, 1972).

KHAO

(Tiểu thuyết)

Phó Cò đã ngoại bảy mươi tuổi. Vì quá nghèo nên chịu phận bạch đinh, sống lủi thủi với bà vợ gù và một con chó ghẻ. Nhưng một hôm, Hai Cốc, đứa con lão bỏ ra đi Nam Kỳ làm phu đồn điền cao su, bỗng trở về và có tiền trăm. Sau những ngày hàn huyên, Hai Cốc đồng ý bỏ tiền ra khao mừng thọ bố bảy mươi tuổi. Thế là tất cả mọi người trong làng, từ quan Tuần anh đến quan Tuần em, từ quan Lãnh đến Lý trưởng xúm vào "làm tiền" bố con Hai Cốc !

Đám khao diễn ra rất linh đình. Có lễ tam sinh, có tế bàn đào, có hát nhà tơ. Rồi xóc đĩa, thuốc phiện, tổ tôm... đủ cả. Cỗ bàn không thiếu thức gì.

Nhưng khao xong "khổ chủ" lâm ngay vào cảnh túng thiếu. Tiền Hai Cốc mang về hết nhẵn. Nhiều thứ mua chịu trong dịp làm khao cũng không trả nổi. Người ta đòi nợ, gây sự. Người ta chửi và người ta kiện.

Cuối cùng, Hai Cốc cũng bỏ đi nốt. Lão Cò lại sống lủi thủi cảnh nửa năm về trước. Vì đói và thèm quá, một hôm lão đã vồ con gà hàng xóm lạc sang và làm thịt luôn. Bị phát giác, quá xấu hổ, lão chực tự vẫn. Nhưng người ta cứu được lão và lôi lão ra đình để ngả vạ. Lão làm gì có tiền nộp vạ ! Người ta khiêng cỗ hậu sự của lão ra đình. Cụ Tiên chỉ tạm ứng ra cho làng ba mươi đồng và lấy luôn cỗ hậu sự. Vì ở nhà cụ cố đang mệt.

Tác phẩm kết thúc ở hình ảnh Phó Cò thân tàn ma dại ngồi trước phần biếu của làng : một vắt xôi to không hơn quả cau và một lát thịt mỏng hơn lá liễu – thành quả của việc lão làm khao.

Dưới đây trích đoạn bọn đàn anh trong làng giở mọi mánh khóe làm tiền Hai Cốc.

PHẦN THỨ NHẤT

I

Lão buông dùi, buông đục. Lão híp cặp mắt. Lão nhe đôi hàm lợi trơ. Rồi xoa hai tay vào nhau, lão thở phào qua đôi hàm lợi ấy.

Lão đã khớp xong đôi cá ở ván địa. Cả đôi cá ở ván thiên. Lão đã khớp gần xong tám cặp cá ở cỗ quan tài. Một cỗ quan tài cho lão.

Lão khoái !

Và nghĩ ngợi. Tất cả mọi người khi đến cái tuổi "gần đất xa trời", thấy mình sắp được nằm dài thanh thản trong cỗ quan tài, ai mà không nghĩ ngợi ?

Lão nghĩ rằng : năm nay, lão vừa bẩy mươi hai. Lại có chín con, một miếng đất ở, ba gian nhà. Tổng cộng là bẩy mươi hai tuổi, chín con, một miếng đất, ba gian nhà. Ta có nên tính cả một mụ vợ gù và một con chó ghẻ ?

Chín con, nhưng theo thói thường, những đứa hiếu đạo đều là đứa yểu số, hoặc nghèo xác, nghèo xơ. Còn những đứa tổ dộ mát mặt mát mày lại là đứa cư xử với lão chả ra gì ráo.

Một miếng đất ở đã đem cầm lấy tiền nộp ma khô cho vợ cả lão đâu từ năm trước.

Ba gian nhà chỉ chờ được tiếp một cơn gió mạnh, là nằm kềnh ra ngửa mặt lên cười với giời.

Rút lại, ở lão, chỉ còn có chút tuổi bẩy mươi khả dĩ cho lão tự hào được với trong xóm ngoài làng. Thiên tước kia mà ! Lão đã chẳng có phú quí – một con chó ghẻ, ba gian nhà -, nhưng ở đời này, ai không làm được nên phú quý ? Lão cũng chẳng có công danh – phó mộc từ năm mươi bốn, lão vẫn còn phó mộc đến lúc bẩy mươi, – nhưng ai không làm được nên công danh ? Còn như nói đến thiên tước, nói đến sự sống nổi cái tuổi mà lão sống đến ngày hôm nay, dễ ai mà sống được ?

Đó là một triết lý lão lấy làm sung sướng mới khám phá ra, để hằng ngày hiểu thị cho cái đám thê nhi, sau tiếng rít điếu cày, hoặc cạn một cút con rượu lậu. Đó cũng là một thứ khí giới lão tính sẽ dùng đến để tự vệ ở chỗ đình chung điếm sở, chống với mấy ông Nhang, ông Cán, ngõ hầu hạ giá họ, mỗi khi họ cậy là Nhang, là Cán, hạ giá lão là một thằng... bạch đinh !

Bạch đinh !

Lão hết cười. Và buồn. Lão đứng lên – như mỗi khi buồn – lẻn vào gậm ban thờ, moi ra một cút rượu lậu, nhấp nháp xuông vài tợp làm vui. Được kích thích trong não cân, đột nhiên, lão tìm ra, lần này cũng như tất cả mọi lần, câu trả lời cho cái điều sỉ nhục trên kia :

– A ! Bạch đinh, âu nó cũng là cái... số.

Phải ; chính nó là cái "số" ! Lão lại được dịp nhe lợi ra cười phào, sung sướng về sự khám phá mới mẻ này, như lúc vừa đây đã khám

phá ra cái "thiên tước". Chính nó là cái số. Cái số đã cho thiên hạ làm ông Nhang, ông Cán, cái số đã bắt lão mòn đời làm thằng dân trắng, lưng đen khố cao. Rồi lão nghèo, đói, rách, rét. Đó cũng là cái số cả mà thôi. Rồi Chánh Vận sai người đánh đập lão để đòi nợ, hay Lý Bá trói giải lão để ốp thuế năm xưa, chung quy cũng chỉ là cái số lão phải cam như thế.

Ấy thế là lão đã vơi được hẳn những oán hận trong lòng !

Như mỗi khi vui, lão lại tợp luôn vài tợp rượu cho nó thêm vui. Lão khà một cái khà thống khoái. Chỉ bực một nỗi mụ vợ gù của lão mãi chưa về chợ, thế nào chẳng mua cho lão đôi bìa đậu phụ với vài đồng mắm tôm !

Sực nghĩ đến mụ vợ gù, lão không chỉ cười phào. Lão quệt tay lau miệng, liếm môi một cái, cười hẳn ra mấy tiếng "hức hức" liền.

Đó mới cũng là cái "số" của giời xui ! Nếu không, thì tự dưng sao mụ, chẳng rõ quê quán nơi đâu, lại thành ra con mụ ăn mày. Đã thế rồi, tự dưng sao mụ lại đến xin ngủ nhờ trong túp nhà của lão một đêm ! Hai đêm ! Rồi lại thêm nữa một đêm ! Cho đến khi mụ thấy rằng mụ chẳng cần đi, và lão thấy rằng để mụ ở cũng chẳng thiệt gì cho lão.

Gần rơm, lửa phải bén. Nó đã bén.

Từ đấy, bắt đầu cuộc nhân duyên.

Nhưng cũng từ đấy, bắt đầu những tiếng chế bác của xóm làng, ruồng rẫy của họ mạc, sỉ vả của dâu con. Và còn trăm cay nghìn đắng trút về phần mụ.

Do thế mà lão càng yêu mụ thêm, càng quý mụ thêm.

Nhưng cũng không do thế mà lão không hằng ngày càng chửi rủa, đánh đập mụ thêm. Bởi một lẽ giản dị : ngoài mụ ra, lão còn biết có ai để mỗi khi muốn đánh đập ở trong cái làng này ?

Nói của đáng tội, sau mỗi khi hành hạ vợ rồi, lão thường khóc để ăn năn hối lỗi. Có lúc, lão ngồi đần mặt ra hằng giờ mà khóc thầm trong bụng. Có lúc thâu đêm, lão hu hu khóc váng cả nhà. Nhưng qua giờ ấy, qua đêm ấy, nếu lại gặp điều gì tức bực, thì lão lại cứ việc hành hạ mụ để rồi lại phải khóc thâu đêm hay ngồi đần mặt hằng giờ. Cái này chế ngự cái kia. Không thế, lão sống làm sao được!

Hôm nay, mụ về chợ trưa. Lão cáu, "đèo..." chửi một câu, đoạn dốc ngược chai, tợp đến tợp rượu thứ sáu. Não cân kích thích, kích

thích đến tứ chi. Lão vơ dùi đục. Lão với cái tràng. Chưa có thức nhắm đem về, lão hãy "đưa cay" bằng công việc.

– Chát ! Chát !

Cho nó quên cái dài chờ đợi.

– Chát ! Chát !

Bẩy con cá khớp xong. Chỉ còn thiếu một con cá nữa. Cỗ hậu sự hoàn thành.

Nhưng... một tiếng người nhại lại vẳng từ xa :

– Chát ! Chát với chả chát !

Buông tràng, buông dùi đục, lão kéo cặp kính xuống gần mỏm mũi, nghếch mắt, lắng tai nghe. Tiếng người không nhại nữa. Lão nguyền rủa trong miệng :

– Hừ ! Không biết trẻ con nhà ai.

Đoạn, mải miết, say đắm, lão ngắm nghía cỗ hậu sự như một nghệ sĩ ngắm nghía cái công trình sáng tạo của y.

Nó cũng có một tiền sử, cái cỗ hậu sự này.

Xưa kia, nó là một cây đề. Mọc trong miếng đất nhà lão, cố nhiên. Cũng như lão, nó thọ được bẩy mươi năm nay. Hoặc là hơn kém vài năm. Là một người bạn rất trung thành, nó từng chia sẻ với lão biết bao nỗi nhục vinh, biết bao điều biến cố. Ngày nay nó chết ! Giữa độ nhà lão đương túng quẫn hơn lúc nào. Vợ lão giục lão bán nó để lấy tiền đong gạo, nhưng lão không nghe. Một trận xung đột khá kịch liệt trong gia đình. Nhưng lão vẫn không nghe, vì hai cớ : thứ nhất, Chánh Vận được tin lão bán cây đề – do ai mách ? Ai mà chẳng có thể mách với hắn ở trong làng này ? – biết lão có tiền, hắn sẽ không để cho lão một đồng xu nhỏ. Cớ thứ hai, là lão đã ngoài bảy mươi tuổi rồi, người lão yếu lắm, sức lão kiệt lắm, lão chỉ tính sống ngày nay mà chưa biết có ngày mai. Dâu con lão, còn trông cậy nỗi gì. Thảng hoặc ngày nay hay ngày mai lão có nhắm mắt tắt hơi, hồ dễ lão được chúng gói ghém cho bằng một manh chiếu với hai cái lạt. Mà bình sinh, lão chúa sợ những người làm ma bó chiếu. Nó ai oán quá ! Vả con người ta với manh chiếu rách, vùi sâu dưới ba tấc đất, phỏng bao năm sẽ tiêu mòn ? Vậy thì lão cần phải chết đi trong một cỗ quan tài. Một cỗ quan tài bằng gỗ, hai đầu có đủ cả rồng bay phượng múa hẳn hoi. Muốn được thế, khó gì đâu ? Cây đề kia. Vốn sẵn nghề nhà. Lại vốn sẵn cả bào, cả đục, cả cưa. Lão chỉ việc xẻ nó

ra, ghép nó lại, chạm trổ nó lên thành rồng với phượng. Công trả cho người ngoài không mất. Còn cơm thì, đã hằng ba bốn năm nay, chê lão tay run, mắt mờ, làng nước không ai thèm mướn lão, dù chỉ là đóng cái cũi mèo, hay chữa lại căn chuồng lợn, lão cứ phải sống bằng cơm vợ như thường, nếu chẳng đóng cỗ quan tài này. Hơn nữa, còn gì khoan khoái cho bằng được nằm trong cỗ quan tài do tay mình, mình tự đóng ra ! Trong đấy, lão sẽ được nằm thảnh thơi, không ngắn, không dài, không rộng, không hẹp. Lão sẽ được yên về thể xác để cho hồn phiêu diêu các chốn non tiên nước phật. Lão sẽ gặp đủ mặt các tiền nhân quá cố mà không đến nỗi hổ thẹn, vì chết đi, hèn ra, lão cũng có cỗ quan tài.

– Chát chát !

Lão dang tay đục càng hăng hơn trước. Vẫn cái tiếng người nhại:

– Chát với chả chát.

Rồi tức thì nó tiếp :

– Chát với chả chát ! Không làm cỗ cho chúng ông ăn !

Kéo cặp kính xuống gần mỏm mũi, lão lại nheo mắt, lắng tai nghe. Tiếng người lần này không nói nữa. Nhưng lão thì vẫn nghĩ :

"Không làm cỗ cho chúng ông ăn ?"

Quái ! Ai không làm cỗ cho chúng nó ăn ? Ma khô của vợ cả lão đã làm cho chúng ăn rồi. Cỗ thờ của con trai lão đã lo cho chúng ăn rồi. Ở đời làm dân của lão, vấn tâm lão chẳng còn thiếu thốn cái gì mà chúng chửa được ăn. Đích thị giọng nói móc nhà Xã Liêu. Xã Liêu chả mới cưới con gái chạy tang, không làm cỗ mời dân làng mà ! Hay là chúng nói kháy nhà Nhiêu Còm ? Nhiêu Còm chả có con trai mới đỗ những hai bằng gì này, thi ở trường huyện độ năm tháng, song vẫn chưa khao vọng. Chắc hẳn chỉ có hai đám ấy. Chứ còn cụ Chánh Hội được Bát phẩm tuy đã ba năm nay vẫn chưa khao, nhưng có cho kẹo chúng cũng không dám nói. Cả ông Lý Tân được Tưởng lục đã lâu lắm, và vẫn chưa khao, nhưng có cậy răng chúng cũng không dám nói. Bép xép, hay động đến những đám ấy, người ta có mà gang họng ra.

Tuy đã già đoán thế, tò mò, lão vẫn muốn biết đích xác xem chúng chửi móc ai. Cũng là một thú tiêu sầu. Mà cũng là một dịp cho lão mượn miệng kẻ khác để tiết hét trăm ngàn câu uất hận tích tụ từ trước tới giờ, để gián tiếp trả thù thiên hạ.

– Chát ! Chát ! Chát ! Chát !

Mắc phải mưu già, cái tiếng lúc nẫy lại bật lên, lần này đượm một mùi lè nhè khê nặc :

– Chát ! Chát với chả chát ! E ê ! Chát với chả chát !

Rồi lần này, nó đèo thêm tiếng lè nhè chửi :

– Chát với chả chát ! Bố nó chứ ! Bẩy mươi tuổi, không làm cỗ cho chúng ông ăn !

Lão đờ người ra. Lão đỏ tai. Lão run cả đầu, cả cổ, cả hai tay, buông rơi xuống cả đục và dùi, loạng choạng chạy vào giường, nằm vật thở hồng hộc.

A ! Thì ra bấy lâu nay, mà mới ngay lúc vừa rồi, lão vẫn cứ lầm tưởng rằng muốn chết lúc nào, lão cứ việc ốm, việc đau, hay bị một tai nạn bất kỳ, hay là chỉ lìm lịm như lão ước mong, là lão có thể chết ngay lúc ấy. Thì ra bây giờ lão mới biết rằng chết đâu có phải dễ dàng đến thế ! Không. Lão có mà chết đi đằng nào cho thoát, nếu cỗ quan tài của lão vẫn chưa đục xong cái cá, bởi vì trên lưng lão còn nặng đeo một gánh nợ miệng việc làng.

Lão thét rú một tiếng, đấm mạnh lên mặt giường. Đó là triệu chứng mỗi khi lão uất. Giông tố. Cần phải có ngay cho lão một người hay một vật để lão trút hết cơn giông tố lên đầu đây ! Nếu không... A, nếu không, lão sẽ phải trút nó ngay vào đầu mình. Lão phải cắn lưỡi, cào mặt, rứt tai. Lão phải đấm ngực thình thịch, đấm đến bao giờ lão thấy tức nhói lên, thấy ho rũ ra, thấy không còn thở được lúc bấy giờ lão mới chịu buông tay, vì tay lúc bấy giờ cũng thành quệ liệt. Và khóc.

Chẳng may cho vợ lão, giữa cơn giông tố ấy, mụ về. Mụ mới kịp lục gánh lấy ra gói đậu phụ, đặt vào cái mâm gỗ loang sơn. Thì, lão đương nằm, ngồi nhỏm dậy, co chân đạp một cái bắn cả mâm, rơi tung tóe cả mắm tôm lẫn đậu.

Biết trước còn nhiều sự ác liệt nữa sắp tiếp tục xẩy ra, mụ bình thản nép vào xó cửa. Chờ một cơn giông tố thứ hai, mụ chỉ ôn tồn :

– Ông nó sao mà nóng thế ! Hôm nay chợ Đình hàng bán không được, tôi phải xuống chợ Đặng, mới về khí trưa.

Lão trợn mắt, đập tay xuống phản, hét lên :

– Cha tổ con xứ Đoài, ông không thèm chợ trưa.

Mụ càng ngọt ngào hơn :

– Hay là ông thấy ít thức nhắm ? Trong thúng còn mớ ốc, để tôi luộc...

– Ông không thèm thức nhắm !

– Hay là tôi có điều gì thì ông bảo...

Lão gầm lên, đấm luôn hai quả vào ngực :

– Ông tức lắm !

– Nhưng vì điều gì mà ông tức ? Hay cụ Chánh Vận ? Hay ông Lý Tân... ?

– Này điều gì này ? Lão nắm tay đánh hụt mụ, nên đấm trong bâng quơ.

– Cha tổ con kẻ Đoài ! Ông tức lắm. Cha tổ đồ chó ông làm gì mà nó chửi ông !

– Ai ?

– Nó chửi ông bẩy mươi. Ông thử thách nó bây giờ còn phúc mà sống đến bẩy mươi.

Mụ chợt hiểu, giọng giảng hòa :

– Ông nghĩ làng này thiếu gì người bảy mươi, nó chửi trống không mặc kệ nó, chứ sao.

– Nhưng họ đều làm cỗ.

– Đó là hảo tâm. Ai làm cỗ là hảo tâm, chứ lệ làng có đâu, mà nó lại chửi trống không, chửi lắm nó nghe nhiều, hơi đâu phải đi tức?

– Nhưng nó là... (lão nhành mồm nhại) "Chát! Chát với chả chát!" Ái à! Cha tổ con xứ Đoài, mày bênh nó phỏng? Này thì muốn bênh!

Choang ! Lão nhẩy xổ xuống đất, lão nhặt cái mâm gỗ, lao thẳng về phía vợ cùng với một tiếng gầm. Song mụ đã kịp lẩn đi tận lúc nào, làm mâm rơi bịch vào vách, còn lão thì, vì rượu ngấm, chân đứng mất thăng bằng, loạng choạng ngã dúi trên nền đất.

Mụ lại hiện ở đâu ra, nâng lão dậy.

– Thế có khổ không ? Nếu nó chửi thực, hôm nay, ngày tuần đấy, làng đương họp ở đình bắt vạ đám chửa hoang đấy ! Ông ra thưa nó tại làng, để nhờ làng xử. Việc gì làm khổ vợ, khổ thân.

Vùng vằng, lão chạy vào ngồi phịch lên chiếc giường tre. Ngồi bó gối cho đầu gục xuống lòng, không rõ lão khóc hay nghĩ. Một lúc sau, lão ngẩng lên, nhìn thẳng mặt vợ bằng cặp mắt chưa hết cà khịa :

– Bà về qua đình có đích thấy làng còn họp không ?

Im một lát, lão tiếp, tuy câu hỏi không được trả lời :

– Được rồi ! Bà đi mua ngay cho tôi trăm cau khô với xin một lá giầu. Nhớ mua thứ cau đậu tốt, và lá giầu trông cho nó ra lá giầu. Với lại lúc đi qua ông họ Sửu, mượn cho tôi cái khay và cái đĩa mẫu.

Vẫn giọng giảng hòa, mụ tỏ thêm vẻ ngần ngại :

– Hay là lần này hãy ngơ đi, lần sau nó chửi...

Lão đẩy mạnh vào lưng vợ :

– Lần sau thì để nó cưỡi cổ, nhét đất thó vào mũi ! Cha tổ đồ ngu.

Đương thuận mồm, nên trước khi chít khăn mặc áo, lão còn chạy đến giữa hè, chửi đổng ra sân :

– Cha tổ nó chứ ! Phen này thì nó biết tay ông !

Chạy vào, lão lại chạy ra.

– Chứ chả láo ! Láo với ai chứ láo với ông. Nó lú nhưng chú nó khôn. Cha tổ nó chứ, láo với ông thì phen này ông cho là sạt nghiệp.

Cứ thế, lão đã đi ra, chạy vào hằng chục lần, tay chít khăn, miệng chửi. Lão còn chửi mãi cho đến khi vợ đem trầu cau về mới chịu thôi cho.

Lão xốc lại áo, nắn lại khăn. Gọi áo, đó là bốn mảnh tã rách nhặt nhạnh ở bốn phương trời đem chắp lại. Gọi khăn, để khỏi lẫn với các thứ để lót nồi. Lão xốc lại chiếc áo ấy, nắn lại tấm khăn ấy, đoạn bưng khay đi ra ngõ cái dẫn thẳng đến đình. Nhưng được năm bước, lão lại đi ngoặt vào ngõ trong, ra đường đồng, và muốn đến đình phải đi quanh hết một lối hẻm sau làng, nghĩa là xa gấp bốn lần ngõ cái. Có lẽ lão thấy sờ sợ khi phải đi qua nhà cái kẻ chửi lão ở ngay bên ngõ cái. Có lẽ lão muốn đi lối sau mua đường dài gấp bốn để được suy nghĩ sắp đặt những câu ứng đối cho nó nhiều thì giờ. Có lẽ vì cả hai. Hai lẽ đều quan trọng như nhau. Nhất là lẽ sau này. Sau khi đã có đủ thì giờ để suy nghĩ sắp đặt, lão còn muốn có thì giờ để tưởng tượng trước ra cái cảnh uy nghi của tụng đình, vì lão tin rằng chỉ có ở đấy, công lý mới là công lý, lẽ phải mới được bênh vực, điều trái mới bị trừng răn. Vì lão tin chắc chắn rằng chỉ có ở đấy, cái thân lão, cái đời lão mới được hoàn toàn che chở. Nói chi cầm cán cân công lý ở trong đình này lại là những cụ Tiên nội tộc và minh quan, cụ Thứ ngoại quyến và nhân từ, ông Hàn khoan hồng, ông

Chánh vô tâm, ông Tổng, tuy họ "nó", nhưng khét tiếng là trực tính. Nói chi nữa, làng là một làng văn hiến, các quan, các cụ, các ông ấy đều là người văn học, thì chỉ một sự lão sống đến bẩy mươi hai – thiên tước – cũng đủ cho họ phải kính lão đắc thọ, mà xử cho lão được kiện rồi. Lão tưởng tượng ra lúc được kiện rồi. Lão tưởng tượng đến lúc "nó" sẽ phải đem một chai rượu, một cơi trầu đến nhà lão lễ tạ với tổ đường, và xin lỗi lão "không dám thế lần thứ hai" như làng từng xử những đám chửi bậy xưa nay. Lão tưởng tượng đến lúc bấy giờ, hàng xóm láng giềng sẽ phục lão chứ không còn dám khinh, và phục nhất lại chính là vợ lão. Lão còn tưởng tượng nữa. Tưởng tượng ra trăm điều thống khoái nữa. Vừa hay, lúc ấy chân lão vấp phải một hòn tảng lớn, làm lão sực tỉnh, thì tai cũng đập phải, từ trong đình vọng ra, một thứ tiếng hỗn loạn của một phiên chợ tết lúc bình thì.

Lão hãy đứng lại tận ngoài xa, kiễng chân nghé cổ qua căn tường thấp nhòm vào.

Đình có ba gian thênh thang rộng, không kể một hậu cung. Trần thiết cho gian giữa là ngựa, là hạc, là tàn, là tán, là bát hương đồng, là độc bình sứ, là án sơn đỏ chóe, là ngai thếp vàng hoe. Là vô số hoành phi, câu đối để khoe cái tài học của các văn khoa. Là lủng củng bát bửu lộ bộ, tay thước, dao quắm, gậy tầy để trưng nốt cái tài... vũ dũng. Là tất cả !

Trái lại, hai gian bên, là bệ và bệ. Đây không cần khoe văn, cũng không cần trưng vũ. Đây là ngôi hương, ẩm, nơi "chỗ uống của làng". Có uống tất phải có ăn.

Nhưng lão nghếch nhìn vào, vẫn chửa thấy ai ăn.

Đặc hai dẫy bệ chiếc thấp chiếc cao, ở hai bên tả hữu ban đóng từng chiếu một theo tôn ti trật tự, lão thấy đủ mặt trẻ và già, thân và sơ, họ ngồi làm hai dẫy dài, và bàn, và cãi, và hét, và cười liên thanh không ngớt. Những miệng bé không đủ sức gào thì chuyền nhau hút thuốc. Những miệng lớn mỗi khi "đại hạn", lại tưới thêm hàng ấm tay nước để rồi lại gào hét thêm.

Vẫn chửa thấy ai ăn.

Cụ Tiên vẫn ngồi trên chiếc bệ cao nhất đình. Cụ là một Tuần phủ về hưu, nên có tấm thân cân quắc, tấm mặt phương phi, chòm râu bạc phơ, mười móng tay lêu lổng dài, với một cái bụng kiêu hãnh... phưỡn. Cụ được làm nên là nhờ ở cái bụng. Lúc nào nó cũng

phưỡn ra, như sau năm năm về vườn, nó vẫn chưa tiêu hết đồ mỹ vị cao lương, làm mỗi khi cụ cất tiếng "hinh hích" cười, nó lại rung nẩy nẩy lên ngạo mạn với thiên hạ.

Chiếu dưới cụ Tiên là cụ Thứ. Một cựu chiến binh không chối cãi được ở cái diện mạo quá sáo : mắt sâu mày rậm, da mồ hóng và hai càng râu vểnh ngược lên trêu tức cặp lưỡng quyền gồ. Vận nam phục, cụ không thể đội được mũ chào mào. Nhưng nơi ngực vẫn có thể treo đủ một giá sáu cái mề đay. Và dưới bệ cụ, vẫn trung thành cho chủ xỏ chân vào, là đôi giày "săng đá", chút dư huệ từ hồi đại chiến thứ nhất.

Cùng với chiếu cụ Thứ, còn có ba ông bô lão, kiêm cả gù lẫn lòa, và móm mém.

Tiếp chiếu ấy, là chiếu các ông chức sắc kỳ mục, tuyển, khóa sinh, lý, hương hào, quản, trương tuần, vân vân... có kẻ thô thiển, có kẻ thanh tao, có kẻ cổ lỗ, có kẻ tân thời, cũng có kẻ hào hiệp như chỉ chực sẻ nửa cơ nghiệp cho ai, cũng có kẻ tủn mủn vơ vào như chỉ muốn dỡ cả đình về làm của riêng mình hắn.

Tuy nhiên, vẫn có một điểm chung cho những kẻ ấy giống nhau như một : về việc công ích, kẻ nào cũng đem công tâm ra bàn, ra cãi. Rồi "thù lao" cho cuộc bàn cãi, kẻ nào cũng nhớ là sẽ đem công tâm ra uống ra ăn.

Nhưng vẫn chửa ai ăn.

Chửa ai ăn không phải họ chửa muốn ăn. Nhưng nào đã có gì để mà ăn ? Theo lệnh làng, trạ tuần còn đi bắt vạ một đám chửa hoang. Đám con gái nhà Cán Kình. Nghe đâu lần thứ nhất, trạ xách về cái nồi đồng ba mươi. Song các cụ nào nhai được nồi đồng ! Để đấy, mai sẽ hay. Lần thứ hai, trạ xách về một cái cối đá. Rõ nỡm, các cụ nào gặm được cối đá !

Cả làng phát cáu. Cụ Tiên ra lệnh :

– Phải bắt lấy con lợn, con gà, hay con vịt để làng "mụi" kiến tại ngày hôm nay đã chứ ! Nồi đồng cối đá, mai bán đấu giá, có tiền, hãy hay.

Nhưng trạ về lần thứ ba, lần mà lão nghe lỏm được câu chuyện trên này, lợn không, gà không, vịt cũng không. Họ ôm về một đôi... chó nhách. Có lẽ sự chủ đã biết trước, chạy giấu được hết cả gà lẫn vịt. Để lại một đôi chó nhách, y biết các cụ nào lại đi ăn chó nhách tại đình. Y tính nước cờ cao.

Nghe trạ bẩm, cả làng buồn. Nhưng "còn nước còn tát", tục ngữ đã nói. Nồi kia cối kia, làng đã nắm được đằng chuôi. Cụ Tiên cả quyết ứng tạm cho làng năm mươi đồng để mua rượu và thức nhắm. Chứ việc làng, không ăn uống thì không thể được. Lần sau dựng trống còn ma nào đến họp ! "Tốt mõ không bằng gõ thớt", một câu tục ngữ thứ hai. Thế rồi, hãy xếp đấy việc công, làng bàn bạc về các thứ nhắm. Làng thỏa thuận với nhau ở cái quyết nghị cuối cùng : năm chai rượu, năm chục bìa đậu phụ, một trăm bánh đa ! Chỉ có thế thôi. Đã gọi là mụi, thì lấy đâu ra nhiều. Nhưng muốn được hưởng những cái "chỉ có thế thôi", ít nhất cũng phải là những người đã vọng, đã khao, dù là một anh Nhiêu, hay là một ông Quan nhất phẩm.

Đằng này, lão không là một anh Nhiêu, và ông Quan cũng không phải nốt.

Vậy lão đã lạc lõng làm gì vào cái thế giới cao cả, riêng biệt của họ này đây ?

Dần dần, lão chùn bước lại, chùn bước lại, quên hẳn việc đi thưa kẻ chửi càn !

Nhưng muộn mất rồi ! Ở trong đình, cụ Tiên, nhờ sự chỗ trên chiếc bệ cao nhất, đã thoáng thấy bóng lão đương thập thò ngoài tường : Lại khăn áo chỉnh tề ! Lại khay trầu hẳn hoi. Có chén cũng nên. Biết đâu ! Thấy lão lùi, cụ sai trương tuần ra gọi :

– Kìa ông Phó ! Ông vào quan Tuần phán.

Về cũng dở. Sau một tính toán trù trừ, lão đánh liều vào vậy. Mọi tiếng hỗn loạn dứt. Những nét mặt khinh người càng khinh người. Hợm hĩnh càng hợm hĩnh. Cả cho đến những nét mặt tủn mủn, nhũn nhặn vốn không khinh người, không hợm hĩnh nay đột nhiên càng hợm hĩnh khinh người hơn.

Thấy thế, lão hoảng. Lão chắp tay "lạy các cụ ạ" vái sang tả ban, "lạy các cụ ạ" vái sang hữu ban. Chẳng ai buồn đáp lời. Mọi tiếng ồn ào vừa tắt lại lác đác nhóm lên. Mọi người tiếp tục câu chuyện bị ngắt quãng.

Mãi sau, một kẻ bạo miệng hỏi thẳng vào mũi lão :

– Ông ra làm gì "đây" ?

Một kẻ khác hỏi thầm người bên cạnh rất lớn, ắt vì không được bạo mồm :

– Lão ra đây thì ngồi vào chiếu nào nhỉ ?

Rồi lại tự đáp, cho là một câu rất thâm thúy :

– À, chắc là ngồi chiếu cụ Thứ. Chiếu cụ Thứ mới có cụ, và ba cụ bảy mươi.

Nhưng một kẻ khác thâm thúy hơn, vì hắn có một cốt cách nho phong, rất nhũn nhặn, rất lễ phép đứng lên vái dài lão, hai tay dang ra mời niềm nở :

– Kìa, cụ Phó ! Gớm, từ thuở bé mới được tiếp cụ tại đình. Bẩm chả mấy khi, cụ ngồi đây với chúng tôi ! Cụ cứ ngồi ! Chả gì cũng trong họ ngoài làng. Ai dám nói.

Phải nhận bấy nhiêu tiếng sủa dồn trong một lúc, lão quýnh hẳn lên, như dẫm phải tổ kiến. Những câu ứng đối lão tốn bao công phu xếp đặt đã không cánh bay đi. Óc lão hoang mang. Chân lão hoang mang. Lão cứ việc tiến đi, tuy rằng không còn biết sẽ tiến đi đâu. Cho đến lúc vô tình lão tự dẫn đến chiếc bệ cụ Tiên, không rõ sao, lão đã gập người làm đôi, vái dài thẳng cái bụng phưỡn. Mọi tiếng ồn ào lại ngớt. Mọi giác quan của lão được trấn tĩnh trước cái mặt to tai lớn của người ăn trên ngồi trốc trong làng. Việc kiện trở lại trong khối óc đỡ hoang mang. Nhưng vì nghĩ đến việc kiện, mà trống ngực lão bắt đầu đập rộn, và tứ chi lão bắt đầu lật bật run, điệu bộ co quắp của một con cừu non đứng trước bầy hổ đói.

Như sai khiến bởi thói quen, cụ Tiên ngồi xích lại mé trong để tránh hết cái nghèo nàn ở người lão toát ra. Mũi cụ chun lại :

– Thế anh Phó ra đây định trình làng việc gì ?

Hai tay lão run run, rón rén đặt lên bệ khay trầu :

– Dạ...

Lão càng run, chưa kịp tiếp. Cụ Tiên tiếp thay :

– Có phải định xin làng làm khánh thọ bẩy mươi không ? Ừ, được rồi ! Bẩy mươi tuổi tức là "thiên tước" đấy, tức là tước của giời ban cho đấy, biết không ? Thôi thì nghe như vợ chồng Ba Nông nó làm ăn khá giả, mà anh lại định cố chạy cái khao, trước là lễ giời phật, tổ đường, sau là cầu vui với làng xóm, bà con. Anh nghĩ như thế là chí lý lắm !

– Dạ bẩm cụ lớn và các quan viên...

Lão vẫn chưa kịp ngắc ra thêm, thì năm móng tay dài đã dơ ra

bấm bấm vào nhau, và cái bụng phưỡn đã nây nẩy, Cụ Tiên lại cười hể hả :

– Năm nay anh Phó Giáp Tuất ? Thế là bẩy mươi hai. Để chậm mất hai năm.

– Dạ...

Sao lại cứ gãi tai ? Và chỉ có dạ ? Chính lão, lão cũng không biết tại sao hết. Lão chỉ biết "dạ", rồi thì, mắt hoa, đầu choáng váng, một thứ tiếng cối xay đánh ù ù bên tai lão, một thứ hơi nặng như đá đè từ bụng lên ngực, từ ngực lên cổ lão, khiến lão tắt hơi, nghẹt thở, loạng choạng được ba bước quay ra, bỗng khuỵu gập đôi gối, lão chơi vơi ngã sụp xuống sân đình.

II

Con chó ghẻ hực luôn mấy cái ở ngoài sân. Nó hực thêm mấy cái nữa, rồi sủa rú hẳn một tràng to và dài tưởng chừng như nó đã phải dúm cả bốn chân lại, hoặc đứng tựa vào một gốc chuối nào mới sủa nổi được to và dài đến thế mà không bị ngã.

Đó là lần thứ nhất, hàng xóm láng giềng được nghe nó sủa. Vậy thì phải có cái gì khác lạ ? Lão hơi kinh ngạc nhìn vợ hỏi bằng mắt. Vừa gặp mụ cũng kinh ngạc hỏi lại lão bằng nhìn.

Một con chó khác chăng ? Cả vợ, cả chồng lão đều có một ức đoán ấy vụt qua óc cùng trong một lúc. Họ không thể đoán khác hơn. Không bao giờ họ dám nghĩ đến một khách lạ hay một tên trộm lại quá bộ vào thăm nhà họ bất kỳ lúc nào. Huống chi bây giờ.

Nhưng lần này, vợ chồng lão đều đoán sai. Vì con chó càng sủa rú lên, rồi hoảng chạy đâm sầm vào bức vách. Đồng thời những tiếng nghe như tiếng đế giầy da của các ông lính hùng hổ nện cồm cộp ở ngõ ngoài.

Tiếng hỏi hách dịch chõ vào :

– Nhà còn ai thức không ?

Càng kinh ngạc, lão lại dùng mắt ngầm hỏi mụ, cũng lại gặp mắt mụ trố nhìn trả lại, như đùn cho nhau câu trả lời chưa biết nên như thế nào. Tiếng hách dịch nhắc.

Bất đắc dĩ, mụ phải đứng lên khêu tỏ đèn. Cầm ra phía cửa liếp, nhưng để... nêm thêm chiếc giõi.

– Còn thức. Ai hỏi gì đấy ?

Tiếng đáp hách thêm vì cộc lốc :

– Tôi.

– Tôi là ai ?

– Đây có phải nhà ông Phó mộc ?

– Phải rồi. Nhưng là ai ?

Người ở ngoài nín lặng. Tiếng giầy của hắn nện từ gần ra xa. Một lúc lâu, nó mới lại hùng hổ nện từ xa tới gần, và bây giờ thêm với tiếng giầy, còn vẳng cả tiếng guốc, với nhiều tiếng cười nói. Vào đến đầu ngõ, tiếng cười nói im, để nhường cho tiếng hỏi gắt :

– Ủa kìa ! Sao "giẵng" chưa mở ?

– Nhưng các người là ai mới được chứ ?

– Thì đã "biểu" cứ mở nè. Ai là kẻ cướp mà sợ.

Câu giễu vô tình ấy khiến mụ sực thấy sự cẩn thủ của mình đối với "quân gian" quả là buồn cười thực. Tuy nhiên, mụ lại tỏ vẻ ngần ngại hơn trước nhiều. Mụ hất hàm ra hiệu hỏi ý chồng. Nhưng lão cũng không biết quyết định thế nào, chỉ lắc đầu, rồi lại lắc.

Tiếng người ở ngoài phát bẳn :

– Thế nào ? Mở cho người ta "giô" chứ ?

Mụ có độc một câu không thay đổi :

– Nhưng đã bảo các người là ai ?

Và hớ hênh :

– Ở đây, chúng tôi lương thiện làm ăn. Xóm ngoài họ mới nấu rượu...

Lão quát khẽ cắt đứt lời mụ :

– Bà biết đâu mà bà mách lẻo ?

– Nhưng... các ông lính phủ mà lại...

Giọng hách dịch phát thành ra tiếng cười hè hè :

– Không, tôi không là lính phủ. Tôi là con ông Phó đây.

Mắt mụ đương toét, phút ngời sáng ra nhìn về phía lão nằm, nhưng lão đã xua cả hai tay, thêm với lắc đầu hoài, có lẽ vì tiếng người ấy càng nghe, càng thấy lạ nên lão lại càng tin là bị lừa dối.

Còn mụ nghĩ khác. Mừng một cách dễ dãi, và đần độn cũng có,

mụ còn thấy mình sẽ phạm lỗi không mở cửa nếu quả thực người ngoài ấy là con chồng. Ngần ngại, mụ tháo được một giõi mới tra. Tỉ tê, mụ tháo nốt cái nữa, tuy chửa dám rút then. Thì người ở ngoài, đã đẩy mạnh vào cánh liếp, then gẫy, cửa bật tung, ngọn đèn thu gọn hình lại run lên lật phật.

Chân trong chân ngoài, bác khách đứng sững im lặng nhìn mụ từ gót đến đầu, trong khi ấy, lão cũng đã vụt ngồi nhỏm trên giường, cùng với vợ im lặng nhìn khách từ đầu đến gót. Giữ miếng trong khóe nhìn. Tìm hỏi trong im lặng.

Khách là một đàn ông, tuổi ngoài bốn chục. Mình dỏng cao. Chân tay gân guốc. Má hóp. Môi thâm. Mắt trắng dã trên khuôn mặt *nghịch ngợm có nước da sạm bủng màu phong trần. Hắn vận bộ đồ* "soóc" trắng, dận giầy tây màu vàng vá đen. Muốn tỏ rõ ta đây thích những mốt cuối mùa, mắt hắn đeo đủ kính trắng, miệng hắn cài đủ một dãy răng vàng, túi ngực hắn dắt đủ một cái bút máy, một cái bót thuốc lá bằng ngà, một cái khăn đỏ, một dây đồng hồ mạ kền có cả đồng tiền vàng in đầu ông Tây lẫn đồng tiền Vạn Lịch xủng xoảng bên hai cái vuốt hổ.

Hắn quáng đèn, nên tuy đeo kính cũng chỉ có thể nhìn thấy mụ thôi. Đương hách dịch, hắn thành lúng túng, ngờ vực, im lặng mãi mới được một câu hỏi trước:

– Đây có phải nhà ông Phó mộc không nhỉ ?

Trông quanh ba gian nhà đen mò, hắn buông sõng : Ông Phó Cò ấy mà ! Chả biết có còn không ?

Mụ chầu mỏ, phỉ thui :

– Có cái bác này ăn nói mới hay ! Việc gì mà ông ấy không còn?

Muốn chứng thực cho câu mình nói, mụ ngắm nhìn thêm hắn, rồi đứng né ra, soi đèn về phía giường lão ngồi.

Thoáng thấy lão, hắn đẩy mụ lấy lối nhẩy xổ lại, giơ sẵn hai tay để ôm choàng lấy người đương chờ. Nhưng khi thấy rõ lão rồi, hắn buồn nản buông sõng cả hai tay, lại tần ngần đứng sững. Nụ cười vừa nở trên môi hắn phút rụng đi. Hắn lắp bắp miệng :

– Thưa ông... thưa... cụ.

Làm gì có thì giờ để ý đến những nhận xét ấy ! Thấy bóng người lạ, lão còn đương cuống cuồng lo sao kéo được tấm bao tải ở trên lưng để phủ xuống đùi che cho kín khố. Xong rồi, lão ấp úng :

– Tôi chả dám. Thầy là ai ?

– Ba coi bộ nhận đặng tôi "hôn" ?

Lão ngẩn mặt ra :

– Thầy... thầy bảo cái gì ?

Hắn cười :

– Ba, à... bố có nhẽ không nhận ra tôi đấy nhỉ ? Tôi đây mà. Hai Cốc đây !

Lấy tay dụi mắt mấy cái liền, lão nhìn hắn tưởng mình trong mơ. Cho đến khi, dần dần, trên khuôn mặt nghịch ngợm của hắn, hiện ra một vài vết tích quen thuộc với cái hình ảnh còn rớt lại trong ký ức lão đôi khi, lúc bấy giờ lão mới đưa choàng hai tay nắm hai cổ tay hắn.

Song lão lại buông ra tức khắc.

– Có phải chính... là Hai Cốc ?

Hắn nghiêng đầu, nhe cả hai hàm răng vàng ra mà cười :

– Dạ ! Chính tôi.

Bây giờ, lão mới mạnh bạo nắm nắm lại hai tay hắn, kéo hắn sát vào mình, mặt hắn sát mặt mình, để được chầm chầm ngắm thêm hắn. Lão bắt đầu run lẩy bẩy cả người lên, nấc nấc liên hồi, trông thẳng mặt con, tay vẫn cầm tay, và lắc, và rung, và hỏi qua tiếng khóc :

– Chính mày là Hai Cốc ? Chính mày là Hai Cốc ? Mày đi đâu mà bỏ thày trong ba chục năm nay ? Con ? Con đi đâu ? Hu hu !...

Hắn cũng cảm động rơm rớm nước mắt, tuy vẫn đứng im. Sau, hắn đã dám ôm cái đầu trọc, ôm cái đầu bẩn thỉu của lão vào ngực mình, rồi rút chiếc khăn lụa đỏ cài ở túi áo lau cho mắt hắn xong, lại rút chiếc khăn vải trắng đút ở túi quần lau mắt cho lão. Còn lão được dịp, tha hồ mếu máo, rên la kể lể :

– Hu hu ! Con đi đâu mà bỏ thày ngót ba chục năm nay ? Mà lại cũng chẳng về chi cả. Mà lại cũng chẳng đánh cho thày lấy một cái giấy để biết con còn mất thế nào ? Hu hu ! Mà con vợ con nó cũng lại... hu hu... hức hứ...

Cốc bịt vội mồm lão không cho nói hết. Hắn nhìn nhanh ra phía cổng ngõ, đoạn ghé tai lão, thì thầm :

– Chết ! Ba đừng nói to. Nó đi rồi, hay nó chết cũng không sao... Nhưng ba bảo vợ tôi làm sao ? Nó đi hay nó chết ?

– Nó đi theo giai mà lại.

Một tiếng thở dài nhẹ nhõm :

– Thế cũng tốt. Vậy thì...

Hắn tự nhiên đâm cuống đâm cuồng. Hắn băn khoăn trông lão, trông mụ vợ gù của lão lúc ấy đương đứng làm khách bàng quan. Hắn trông sau, trông trước, trông quanh cả ba gian nhà, rồi hắn bật tiếng kêu cầu cứu :

– Thôi, thôi ! Từ nay ba đừng nói gì đến vợ con tôi nữa nhé. Bây giờ, ba đi thay quần áo đi. Ba đi thay ngay đi.

Hắn quýnh hơn :

– Và bà này ! Bà ra ngõ biểu cô Hai, cảm phiền đứng chờ tôi chút xíu.

Mụ rất ngạc nhiên về những tiếng nói lạ lùng, và cách xưng hô lạ lùng, tuy không hề có một cử chỉ phản đối. Song lão ngạc nhiên hơn mụ, khi thấy con cứ tíu tít đằng thúc đến hai ba lần :

– Kìa, ba đi thay đi. Có những cái gì đèm đẹp thì mặc vào, hay cái gì loàng xoàng nhưng sạch sẽ cũng được.

Lão bẽn lẽn :

– Tao làm gì có cái loàng xoàng ?

– Thế có cái gì đèm đẹp ba vẫn mặc những ngày tết nhất, đình đám càng tốt.

– Tao làm gì có cái đèm đẹp.

Giọng hắn đâm khó chịu :

– Thế thì có cái gì hơi rách nhưng sạch sẽ !

– Tao cũng chẳng có cái gì hơi rách nhưng sạch sẽ. Chỉ có cái áo the và cái quần đây, nhưng...

Chưa đợi nghe nốt lão "nhưng" gì, hắn vui reo :

– A ! Thôi thế được rồi. Xem nào ! Ba mặc mau lên. Chứ khoác bao tải, lại đóng khố thế này, thì coi sao được.

Nhưng khi vừa cầm dở cái quần và cái áo ra, hắn sợ hắt vo viên ngay lại vứt tọt xuống gầm giường, làm lão vừa hí hửng phải đâm ra

chưng hửng. Hắn chạy ba bước đến phía mụ gù lúc ấy đã ở ngoài vào, và cặp mắt chưa thôi ngây dộn.

– Thôi được ! Bà già "biểu" cô Hai đợi tôi chút xíu, rồi "biểu" cô đưa cái "oa lít" xách "giô" đây, nghe "hôn" !

Mụ vẫn nhanh nhẩu chịu sai, không phản đối sự vô ý tứ của người con chồng. Thấy mụ ngoan ngoãn, Cốc được hài lòng, không tỏ vẻ ghê tởm cái rách rưới và tấm lưng gù như lúc mới gặp.

Hắn cũng hài lòng, trông về lão :

– Thôi được. Ba hãy lấy quần áo của tôi thay tạm. Sớm bữa "mơi", mở rương tôi lấy quần áo mới đã may sẵn cho ba.

Nhìn quanh nhà, hắn sực nhớ hỏi dồn :

– Thế ba ở có một mình à ? Thế còn má đâu ? Thế còn vợ chồng anh Cả, các cô các chú nó đâu ?

Lão thút thít đáp, giọng dỗi hờn :

– Bu mày chết từ mười bẩy năm rồi. Thằng Cả chết về trùng của bu mày sau một năm. Vợ nó đi lấy chồng. Thằng Ba, em mày, nhờ giời khá giả, nhưng lại bạc ác bất nhân. Nó đã ở riêng tám năm nay. Nó nghe vợ nó đánh chửi cả tao. Vì tao nghèo túng thế này chả chu cấp cho một đồng một chữ. Thằng Tư đi lính khố đỏ, nhưng tại hồng phúc nhà tao kém, nên tám chín năm, ở làng này ai đi cũng đóng cai đóng đội, nó tay chơn vẫn hoàn tay chơn. Thằng Năm làm phu mỏ, chết ngã nước ở đường rừng. Thằng Sáu đi ở mùa cho cụ Nghị Dư trừ nợ cho tao. Thằng Bẩy được ông bà Tham Tính đem ra Hà Nội, nuôi cho ăn đi học thợ nhà in nhật báo.

– Còn các chị ấy ?

– Con Vạc Con chết về bệnh thiên thời năm Ngọ. Làng nước cứ đồn là nó chết đói, nhưng chính vì các Ngài bắt lính, chứ nếu đói mà chết được, thì sao tao lại sống đến ngày nay ? Con mẹ Xã, tức là cái Vạc Nhớn, mày đi được bốn năm tao gả nó cho Xã Thuổng, con Nhiêu Mại, đi làm bún ở thiên hạ, độ tháng giêng có về. Ấy đấy, tiếng rằng giời cho chín mặt con, mà tao vẫn như người tuyệt tự.

– Sao ba lại nói lẫn thế ? Nó... sái cho chúng tôi là những người còn sống. Vậy các anh chị, chú thím ấy con cái ra sao ?

– Con cái thì nhiều. Toàn là bạc ác bất nhân. Thằng Cả ba bận đẻ, còn được mụn con gái út, mẹ nó đi lấy chồng gửi lại, năm nay

mười lăm. Tao bảo nó ở với tao, nó nghe vợ chồng thằng Ba xúi bẩy, không bằng lòng, bây giờ ở với nó cắt cỏ chăn trâu. Thằng Ba được sáu đứa, còn năm, y như mẹ, giống bất nhân. Mẹ Xã được hai, nhưng phải cái nghèo túng lắm. Thằng Tư nghe đồn nó lấy con nhà thổ nào ở Hải Phòng. Thằng Năm đi ở gửi rể được hai năm, tậu cho nhà vợ được mấy sào ruộng, nó liền sinh sự, giả của tại quan, thế là phẫn đi làm, bỏ nắm xương ngoài mỏ. Thằng Sáu chưa vợ. Thằng Bẩy chưa vợ. Nhưng thằng Bẩy thì nó cứ chịu thương chịu khó, ông bà Tham người ta cũng gây dựng cho hẳn hoi. Tao chỉ thương cái thằng Sáu, nó cứ lành như bụt, thực thà như đếm, mà lại cứ quần quật làm cả ngày không biết khó nhọc là gì cả.

Còn mày, mày hãy nói cho tao biết trong hai mươi mấy năm giời, mày đi sang Tây, hay sang Tàu, hay sang những đâu đâu, hử ?

– Câu chuyện của tôi dài lắm. Thư thả tôi sẽ kể. Hắn đổi giọng – Thế nghĩa là ba ở có một mình, với bà già này ! Nhưng sao lại đi "mướng" một mụ "tật nguyền", coi bộ kỳ cục "góa" nè !

Lão ngẩng mặt ra như lúc trước :

– Tao còn sống đây, mày bảo gì nguyền với góa ?

– À, tôi nói mụ người ở của ba. Sao không mướn một người lành lặn sạch sẽ ?

Méo miệng hềnh hệch... cười, lão cố giấu đau đớn :

– Bố mày ! Mẹ kế của mày đấy ! Người ở ! Duyên rằng bu mày mất đi, chúng nó đều bỏ tao thui thủi một mình, tao phải lấy người ta để hầu hạ miếng cơm chén thuốc những khi trái nắng trở giời. Tuy xấu người thế, nhưng tốt nết lắm kia. Ấy thế mà các em mày chúng coi rẻ người ta chẳng ra cái rơm, cái rác.

Cốc chép miệng.

Hấp háy cặp mắt, lão nhìn để dò ý tứ xem vì sao mà hắn chép miệng. Nếu vì hắn ái ngại thay cho mụ, lão đã thành công được một nửa trong việc chinh phục cái cảm tình nóng hổi của đứa con mới về. Lão lại kể nữa, kể nhiều nữa tất cả những điều hay nết tốt của vợ để chinh phục được hắn hoàn toàn. Rồi sau cùng, lão đo đắn mãi mới tìm được lời kết luận.

– Còn như mày... còn như anh... thầy chắc rằng anh...

– A vâng. Còn như tôi, nếu có tôi ở nhà, thì tôi chẳng để cho có cái sự này.

Hắn im một lát, trông lão cười :

– Nếu có tôi ở nhà, thì tôi chỉ việc... không cho ba lấy người ta là xong. Bởi vì bu chúng tôi chết đi trong lúc chúng tôi đã trưởng thành, ba muốn lấy ai làm kế, ba cũng phải hỏi ý kiến chúng tôi xem có bằng lòng không, như thế mới được. Như thế mới đúng... luật !

Nghe con giở luật, lão sợ hãi níu vào tay hắn :

– Nhưng độ ấy anh đi vắng chứ.

– Tôi đi vắng thì cũng có khi tôi về. Anh cả mất. Tôi quyền trưởng trong gia đình, (Phụ) tử phải tòng tử. Nhưng thôi, sự đã rồi. Bây giờ, tôi chỉ muốn ba làm theo tôi một điều... Kìa, (dì) !

Ngảnh trông ra, Cốc thấy mụ hai tay khệ nệ ôm chiếc valy bằng mây đan bước vào, vội đổi cau có ra niềm nở cười :

– Cám ơn dì. Dì đưa đây tôi. Và xin lỗi dì, lúc nẫy khách lạ không chào, tôi có điều chi, dì bỏ lỗi nhé !

Mấy tiếng (dì) liền khiến cả lão, cả mụ bừng bừng hổ thẹn trong vui sướng. Mụ thì soa suýt hai tay vào nhau liếm môi mãi mới được một câu vô nghĩa lý :

– Tôi chả dám.

Còn lão thì cứ lắc mãi vào tay hắn, hỏi :

– Anh bảo tôi làm điều gì ? Anh bảo tôi làm điều gì tôi cũng làm.

Đã mở được valy, Cốc còn mải lục từng bộ quần áo một ra. Lão đã phải tối cả mắt thấy trên giường mình bầy vô số là quần, là áo, cái nào cũng đẹp, cái nào cũng sang, cái nào hắn cũng dở ra ướm vào người lão, nhưng lại lắc đầu gấp lại. Bộ ướm sau cùng là một bộ (soóc) mầu cứt ngựa. Lão ngầm thích. Song hắn lắc đầu, và cười phì ra tiếng. Hắn lục lại ở đống đã xếp, tìm một bộ quần áo cánh bằng lĩnh thâm :

– Thôi, ba mặc tạm bộ đồ bà ba nẩy.

Ngơ ngác trước hết, rồi lão giẫy nẩy người lên :

– Chết ! Sao lại cho tao mặc quần đàn bà ?

– Không, đây là bộ đồ của tôi. Ở trỏng, ai có đến bộ đồ nầy là sang. Ba cởi bao tải ngay ra, mặc lè lẹ đi kẻo trễ quá.

Miệng giục, tay làm, hắn lột phắt chiếc bao tải khỏi mình lão, mặc chiếc áo bà ba vào đấy, rồi sốc nách lão đứng lên để nguyên cả

khố, mặc chùm quần ra ngoài. Hắn lùi lại một bước, nghiêng nghẹo ngắm lão, gật gù đầu :

– Tốt lắm nè ! Ba coi bộ giống những ông làng miệt Hậu Giang lắm nè ! Phải thế hôn dì bé ?

Sực nhớ dì bé cũng chẳng hiểu gì hơn lão, Cốc lái sang chuyện khác :

– Lúc nãy ba bảo gì tôi hả ?

– Mày bảo tao làm theo một điều...

Hắn ngảnh vội sang mụ :

– À dì chuyển dần cho tôi các đồ (giô) đây. Biểu cô Hai hãy đứng chờ tôi chút xíu.

Được sai, mụ ton tả đi rồi.

Cốc khom lưng, ghé miệng vào tai bố :

– Vâng, ba nhớ làm cho tôi một điều. Là chốc nữa, có ai vào, ba phải nói rằng xưa kia, lúc tôi còn ở nhà, thì nhà ta cũng là hạng giầu có nhất nhì trong làng, có nhà ngói cây mít hẳn hoi. Nhưng sau này, vì sao đấy, vì ba chạy Cai tổng, hay là ông Hội đồng... Nghị viên ấy mà, đại khái thế, cái đó tùy ba, nên gia tài phải khánh tận đến cảnh huống này. Ba nhớ chứ ?

– Nhưng nói thế để làm gì ? Tao chịu thôi. Từ thuở cha sinh mẹ đẻ tao không biết nói dối. Mà nói để làm gì ? Nói với ai ?

Cốc trợn mắt lên :

– Ba có danh giá của ba, tôi có danh giá của tôi. Tôi đã nhận vợ ba là dì để giữ danh giá cho ba, thì ba cũng phải nói thế để giữ danh giá cho tôi. Tôi nói thế là đúng... luật.

Bị dọa luật. Lão lại run sợ :

– Ừ được. Vậy mày bảo tao chỉ phải làm có thế a ? Nhưng mà... nói với ai ?

– À, còn điều này nữa. Còn bà ấy nữa, ba nói là xưa kia cũng lành lặn đẹp đẽ, nhưng gần đây, vì sao đó mới sinh gù.

– Thử nghĩ hộ tao xem là vì sao ? Chính bà ấy thì bảo rằng độ năm ấy mất mùa, đói quá, y phải đi hành.. à chết quên, đi đường, rẽ vào nhà người ta ăn vụng, bị nó đuổi bắt phang cho một cái đòn gánh ngang lưng, gẫy xương sống, thế là thành gù. Nhưng nói với ai hả ?

– Không được ! Không được ! Ba cứ bảo là độ năm kia, bà ấy

xuống chơi với chú Bính ở Hải Phòng, đương đứng trên lầu O-ten, bị giặc Nhật nó liệng bom, mảnh bom rớt phải.

– Cũng được. Nhưng mày bảo tao sẽ phải nói với ai ?

Hắn chõ cặp mắt ngạc nhiên :

– Với vợ tôi chứ còn với ai !

Rồi dịu giọng, hắn cười khì :

– A chết chửa, tôi chưa nói với ba nhỉ. Tôi chả mới lấy nó ở Nam Kỳ. Con một nhà danh giá hẳn hoi. Sẽ nói chuyện sau. À, còn điều này nữa : từ nay tôi gọi vợ ba là dì, thì ba phải bảo bà ấy, và cả ba nữa, gọi vợ chồng tôi là cậu với mợ, chứ đừng mày, tao. Ba nhớ chứ?

Mọi việc điều đình xong, Cốc đứng ngay người trông ra, đã thấy ở gian bên, mẹ kế hắn đem vào được một chiếc bồ, một chiếc làn mây, và một chiếc valy khác. Hắn khêu tỏ đèn đi củ soát khắp nhà thêm một lượt để thu dọn đậy điệm. Nhưng chợt có tiếng guốc quẹt gần. Bằng một nhảy, Cốc lôi ở gian phải sang cái chõng tre. Nhẩy một bước khác lên giường lão nằm, hắn rút cái chiếu mắc dưới bàn thờ, nhẩy một bước trở lại, phủ chiếu lên mặt chõng. Nhưng ác thay ! Mặt chõng được phủ thì cái mắc những mụn đùm tã bẩn dưới bàn thờ lại được dịp phô ra ánh sáng. Vẫn bằng một bước, hắn lại nhẩy lên lần nữa, dứt một cái mạnh, dây tã bị rơi xuống đất, che kín bởi cái giường lão kê ở phía ngoài.

Đương cáu kỉnh, hắn quay trông ra thấy người mới đến, vừa thở, vừa gượng gạo cười :

– Kìa mình ! (giô) đây mình !

Và giơ tay chỉ hai người, giới thiệu :

– Đây là ông già của tôi. Đây là vợ của tôi.

Người mà Cốc gọi là vợ chỉ khẽ nghiêng đầu về phía lão thay cho tiếng chào, đã nhận được câu đáp :

– Tôi chả dám !

Đoạn, mặc cho lão há hốc cả mắt lẫn mồm ra ngắm thị, – một cái búi tóc, một cặp môi cáu nước trầu, một cặp mắt tròn, một nét mặt không đẹp không xấu nhưng có rất nhiều khí sắc khinh người. Bề ngoài là một cái áo cánh lụa rộng thùng thình, một cái quần lĩnh thâm hẹp cũn cỡn, một cái khăn bông trắng choàng, đôi hoa tai, và một kiềng, đó là tất cả con người mới đến – thị cứ việc sa sầm mặt nhìn chồng. Rồi cất thứ giọng nặng như chì :

– Mình (mần răng) mà để người ta trông (goài) ? Cái xứ mình (muỗi) đâu mà đốt thấy tổ ?

Chỉ tấm chõng cho vợ, Cốc cười hềnh hệch :

– Tôi dở hỏi coi có phải nhà ông già tôi không mà. Mình hãy ngồi đây đã.

Thị sờ vào mặt chiếu, nhưng rụt phắt tay vào như sờ phải lửa. Vẫn đứng. Mũi thị nhăn lại :

– Thế có phải thiệt nhà mình không ?

Hai Cốc đưa mắt cho bố đỡ lời.

– Chính phải đấy, chị... à, mợ ạ. Xưa kia, nhà ta cũng là hạng giầu có nhất nhì trong làng, có cả nhà ngói cây mít hẳn hoi. Thế rồi thì đến đời tôi, chạy Nghị viên, làm cho gia tài khánh tận...

– Nghị viên tức ở trỏng kêu là ông Hội đồng, nói thế mình mới biết. Cốc đỡ.

Thị vẫn lặng thinh không thay đổi sắc diện. Nhưng thấy lão nói chôi chẩy, hắn rất mừng. Thuận mồm, lão tiếp luôn :

– Còn bà nó đâu rồi ? Ấy, cái người gù lưng, đem đồ đạc vào cho cậu mợ vừa rồi, tức là vợ kế tôi, xưa kia cũng lành lặn đẹp đẽ, nhưng vì hôm xuống Hải Phòng chơi với anh Bính, đương ở trên hàng lầu... ô... ôtô hay gì á ? Anh Hai ? Cậu Hai ? Thế là bị bom bắn phải, mới thành gù.

Thị vẫn lặng thinh, không cảm động hơn.

Cốc buồn. Và lo, chưa biết kết luận câu chuyện về ngả nào. Cũng may, thị đương lặng thinh, bỗng quai đôi hàm ra ngáp một cái thật dài. Thị uể oải hỏi chồng :

– Mấy giờ rồi mình ?

Hắn rút đồng hồ xem :

– Chết chửa ! Bốn giờ. Xe tay từ tỉnh đi đêm về đây mà cũng mất những sáu giờ kia à ? Kìa, mình ngồi tạm xuống đây cho đỡ mỏi, mình! Bốn giờ rồi, ngủ gì được nữa.

Vậy này ! Hắn ngảnh sai mẹ kế. Này dì, nhà tôi nó đi đường mệt, dì hãy ra đây giúp tôi. Dì cởi cái bồ này ra, lấy xoài, lấy măng cầu, măng cụt, để ba và dì xơi, rồi còn đem cho các chú thím nó, các bà con họ mạc, gọi là mình đi xa về, nhiều ít cũng là cái lộc.

Lão Phó Cò lắc :

– Thôi, tôi cần ăn làm gì, để còn biếu các cụ Tiên, cụ Thứ.

– Tôi cũng chả ăn. Vợ lão phụ họa. Còn các cụ Chánh, ông Lý, cụ Cử, cụ Hàn, ông Bá Cựu. Chẳng gì người ta cũng là chỗ đàn anh trong làng.

– Cụ Nghị Dư nữa ! Suýt quên ! Mình còn nợ người ta, mà con mình còn ở với người ta.

– Cả ông Nhiêu Mai, bố chồng chị Xã. Mụ chêm vào. Không thấy ai phản đối gì, mụ kể ra một sốc :

– Bà Nhiêu Cường vẫn đong chịu muối, cô Cả Sì vẫn mua chịu dầu, bác Xã Thi vẫn đong chịu gạo, ông Lái Quắm vẫn lấy chịu rượu và thuốc lào, ông Lang Con độ trước tôi mua chịu cho ông mấy hào thuốc đau bụng.

– Thế thì lại phải ông Thống Đà nữa. Lão nhắc.

– A vâng ! Còn Cả Táo, còn Hào Bi.

Lão bỗng quắc mắt nhìn mụ hét :

– Bà bảo gì Hào Bi ? Việc gì phải biếu quà thằng Hào Bi ?

– Tôi chả đong chịu của ông ấy hai thùng thóc nếp về cho ông nấu rượu độ đầu năm ?

– Thế anh em nó chửi bà đấy, bà có biết không ?

Mụ ngẩn mặt ra.

– Nó không chửi, nhưng em nó, thằng Trương Tùng chửi, thì cũng như nó chửi. Nó chửi tôi tức cũng như nó chửi bà. Đứa nào chửi tôi hôm qua, rằng bẩy mươi tuổi không khao, bà có biết không ? Mà bà lại phải biếu quà anh em nhà nó ?

Hai Cốc ngừng tay, ngạc nhiên, can thiệp.

– Sao ? Sao ? Đứa nào dám chửi ? Sao lại không làm khao ? Sao lại để cho nó chửi ?

– Trương Tùng chứ còn thằng nào ! Kiết thì không làm khao được. Không làm khao được thì nó coi như con chó, nó đào ông bới cha lên chứ sao ? Trẻ cậy cha, già cậy con. Chẳng qua con cháu mình chả ra gì thì nó mới đè đầu cưỡi cổ được.

Cốc hầm hầm mặt giận :

– Trương Tùng con lão Hộ Cắc phải không ? Còn đứa nào nữa, ông cứ bảo tôi, để tôi về nhà phen này, tôi sửa cho chúng nó ! Nhà nó vẫn ở ngõ Giếng phải không hả ? Được rồi.

Sấn tuốt tay áo lên, hắn hùng hổ chạy thẳng ra sân :

– Đù cha nó chứ ! Đù cha đứa nào chửi bố ông không làm khao! Nó có giỏi hãy ra miệng với ông. Ông đánh cho bể sọ nó ra. Đù cha tổ nó, rồi nó biết tay ông. Rồi ông làm... khao cho bố ông, cho nó biết.

Sực nhớ đến vợ, hắn chạy vào tìm thị. Nhưng vẫn may cho hắn, là thị đã bất chấp cả chiếu bẩn, chõng siêu, và ngồi tựa ngật đầu vào thành cối say, há hốc miệng phun ra một điệu ngáy rờn rờn.

Chân trời sửa soạn bình minh. Một tràng tiếng chó hỗn hào sủa đón mừng câu Cốc chửi.

III

Tin Hai Cốc về, đồn đi khắp làng trên xóm dưới.

Một thời sự ở một làng ít chuyện !

Có người phao hắn có bạc trăm.

Người thứ hai đoán hắn có bạc nghìn.

Người thứ ba phóng đại luôn rằng hắn có bạc vạn.

Ai cũng muốn làm cho cái tin mình biết được quan trọng hơn tin của kẻ khác. Thành thử ai cũng phải phóng đại. Cứ thế to hơn.

Đến kẻ sau rốt, biết không thể phóng đại hơn được nữa, đáng lẽ ghen ghét lẫn với họ, lại đâm ghen ghét hắn, bĩu môi nói với vợ rằng hắn chỉ có huênh hoang cái vỏ, chứ may ra cũng được vài bốn chục "nhi dĩ" chứ gì. Rồi tự lấy làm bằng lòng.

Thực ra, chính anh em hắn, chính lão Phó Cò, bố hắn, cũng không biết chắc chắn rằng hắn có bao nhiêu tiền.

Có điều chắc chắn mà ai cũng biết : là phen này về thể nào hắn cũng làm khao cho lão.

Và khao thì chắc chắn là to lắm.

Thế thôi.

Sở dĩ họ biết chắc chắn được thế, bằng ở câu hắn chửi rạng sáng hôm mới chân ướt chân ráo về làng.

Chửi luôn cả chiều sau.

Chiều hôm sau – Nghĩa là từ buổi sáng, hắn đã đưa cho mẹ kế năm mươi đồng bạc đi chợ mua thịt cá làm dăm mâm chén, khi mụ đã đi biếu quà về. Ở nhà hắn dẫn vợ đi chào các bà con.

Trước hết, nhà Ba Nông.

Từ lúc biết tin anh về, sang thăm anh, Nông chắc thế nào anh cũng dẫn người chị Sà Goòng sang đáp lễ tại nhà mình. Nông đã kịp dỏn trước về, nói với vợ, sai con xem có cái gì bẩn thỉu thì giấu kỹ, có cái gì quý giá bầy ra, còn cái gì không có thì chạy đến bốn bề hàng xóm mượn về, cho nó đủ lệ bộ.

Làm cho lúc Hai Cốc dẫn vợ sang, cả vợ chồng hắn với cả vợ chồng Nông đều hoa quáng mắt. Không một cái gì mà nhà Nông không có ! Này thì cũng nhà gỗ năm gian, tường hoa, bể cạn. Này thì cũng câu đối, hoành phi, giường tây, tủ đứng ! Này thì cũng đồng hồ la vầy tranh "Lưu Quan Trương", ảnh truyền thần của người hàng xóm. Này thì cũng ghế tân thời, bàn đánh bóng, ở trên là một chiếc ấm tàu, một bộ cốc tây, và một cái khay Nhật. Và này lại còn có cả một cái bếp cồn không bao giờ thắp, đặt đăng đối với một cái đèn măng sông không bao giờ có măng sông !

Nhìn đến mỗi thứ, Cốc lại liếc dò ý vợ, vẻ hả hê đắc thắng của kẻ báo được thù. Hắn ngầm cảm ơn em, một cứu tinh. Tuy vậy, khi thấy vợ chồng em đã có vẻ "lên" lắm, và vợ hắn thì đương so sánh, bì tị, bất lợi cho mình, Cốc buột miệng :

– Không có máy hát nhỉ !

Hắn tự trả lời luôn :

– Ở nhà quê này, chắc chẳng bao giờ được nghe máy hát.

Ba Nông ngay thật :

– Vâng. Ở nhà quê thì làm gì có. Nhưng cứ kể chịu đi lùng mượn thì cũng được. Làng này chỉ có dưới các quan.

Cốc bĩu môi :

– Dưới các quan thì lại thứ kèn cổ lỗ chứ gì ? Chiều nay, chú thím cho các cháu sang ông xơi cơm, tôi sẽ vặn cái kèn của tôi cho mà nghe. Phùng Hà mà ca bài "Giọng cổ" "Tiếng chuông chùa" thì "mùi" không chê được.

Chẳng đợi ai kịp hiểu thế nghĩa là gì, hắn ngồi xuống ghế, mười ngón tay gõ nhịp trên mặt bàn, hất hàm cho vợ :

– Giăng giẳng chứ tiếng chuông chồ... ·ùa ;

Rồi lại nhe một khối vàng ở miệng ra, khì cười.

Vợ Ba Nông đứng xoăn xoe từ nãy, nay mới được dịp xen vào :

– Mời hai bác xơi nước. Và chả mấy khi hai bác về, chiều nay, xin mời hai bác ở đây xơi lưng cơm muối với vợ chồng nhà em...

– Ấy không ! Tôi đã bảo chiều nay thì để mời chú thím, cho cả các cháu sang ông xơi cơm. Còn như chú thím cho chúng tôi ăn, chả nay thì mai, lúc nào tiện thì ăn có phải khách khứa gì mà...

Láu lỉnh, hắn nháy Nông chồng :

– Mà hay chú thím cho ăn ngay bữa bây giờ, rồi chiều ăn bên ông, cũng tiện.

Nông toan mở mồm. Song, như bất cứ khi nào hắn định mở mồm cũng là phải đưa mắt hỏi ngầm ý vợ xem. Lần này, thấy vợ lườm, hắn vội im không nói.

Thị gãi tai, cười rất nhạt :

– Dạ

– Và này chú thím ạ ! Chiều nay, tôi muốn nói với chú thím, có lẽ để mời ông và các ông bà ấy sang xơi cơm bên này, nó có giường chiếu, và nó rộng rãi lịch sự hơn, chú thím xem có tiện ?

Nông sợ hãi chỉ nhìn vợ, không dám đáp. Thị còn đương gượng gạo, thì Cốc đã tiếp rằng :

– Tôi đã đưa tiền cho bà trẻ đi chợ sáng ngày. Ấy là hỏi chú thím xem nếu có tiện thì thế, không tiện thì thôi. Nhưng thế nào chú thím cũng cho các cháu sang làm giúp tôi, chứ nhà tôi không biết làm các món ăn Bắc, người ta cười chết.

Đương gượng gạo, Nông vợ thoắt đổi ra sốt sắng :

– Thế thì sao lại không để ăn ở bên nhà em ? Bên này có các cháu nó đã lớn rồi, có người hầu hạ phục dịch, lại sẵn mâm đồng bát sứ. Giời sinh ra thế chứ, chả mấy khi các bác về, chỉ hiềm nỗi nhà cửa thô lậu quá.

– Chết ! Thím cứ nói nhún ! Tôi đây còn không có nhà thì sao ? Vả lại còn đương định sang ở nhờ chú thím thì sao ?

Thế rồi, mặc Nông chồng và Cốc vợ ngồi im, câu chuyện khiêm tốn giữa Nông vợ và Cốc chồng cứ thế càng khiêm tốn hơn. Hết

khiêm tốn đến khoe khoang. Hết khoe khoang đến bầu tâm sự. Chẳng ai chịu nghe ai. Mạnh ai nấy kể. Tâm sự của Hai Cốc, đó là những thủ đoạn anh hùng nối tiếp với những thái độ quân tử trong hai mươi bẩy năm trời lưu lạc. Tâm sự của Nông vợ, đó là những đức tính tốt nhất của những người đàn bà đảm như thị chả hạn - đối với bố chồng và nhà chồng. Họ kể nhiều quá đi mất rồi ! Lâu quá đi mất rồi !

Một bóng con gái thoáng qua sân. Nó đội nón mới, vận áo vải rồng mới, váy nâu mới, quanh mình thắt hai ba lượt dây lưng cho người nó tròn như một củ khoai, dưới chân đi đôi guốc còn bóng sơn, nhưng trên vai lại quẩy một đôi sọt lấp đầy... phân, một đầu đòn gánh treo cái gắp.

Thấy nó Cốc chồng chăm chú nhìn cái bóng dáng kỳ khôi. Nông vợ miễn cưỡng gọi với ra mặt sa sầm lại :

– Kìa ! Chị Côi quẩy gánh xuống chuồng gio, rồi lên mà chào chú thím. Sao không để cho con Trinh nó gánh cho.

Chỉ cái tấm thân bé choắt, nhưng cái mặt đã già cằn, thị quay vào nói với Cốc như phân trần.

– Chắc bác chả biết chị ấy là ai ? Ấy, chị Côi con gái bác Cả nhà đấy. Từ khi bác gái đi bước nữa, tôi bảo để cháu ở bên này với tôi dạy bảo buôn bán ruộng nương. Ấy, tôi cứ bảo mọi việc đã có các em nó làm, nhưng chị ấy cứ tranh lanh lấy. Kìa, cháu nó chào hai bác.

Cốc gật đầu :

– Ừ cháu ! Cháu đi đâu về ? Mà ăn mặc sang dữ đa !

Nó bẽn lẽn quay phắt mặt vào tường :

– Bẩm chú, cháu đi... gánh phân.

– Sao không để con Trinh nó gánh cho ? Nông vợ hỏi.

Côi thổn thức với tường :

– Nó đưa quần áo mới cho cháu thay, cháu bảo đem về nhà, nó cứ bảo thím bắt phải thay ngay ở ngoài đồng, cháu đưa gánh bảo nó quẩy hộ, nó bảo nhà nó không có mả đi hót... cứt !... Nó lại...

Nông vợ càng sầm mặt, chửi lấp liếm :

– Thôi ! Thôi ! Chị đừng nói nữa. Cha mẹ con ôn vật ! Thế thì ai có mả hót cứt ! Không hót cứt có mà rã họng ra. Sao chị không tát

vào mõm nó cho tôi ? Ấy cũng may mà có hai bác là người nhà, chứ khách lạ thì còn ra sao nữa ?

Rồi, để lấp liếm thêm, những công ân của thị đối với đĩ Côi đã được dịp cho thị đem ra kể lể. Vả lại cũng nhiều quá, lâu quá đi mất rồi !

Cốc vợ, vốn giầu tính chất phác của người miền Nam, chỉ đợi một mâm cơm thịnh soạn bưng lên. Cốc chồng đã thôi ngả lưng ra thành ghế trường để sắp cáo ra về nhưng vẫn không có dịp.

Đôi kim đồng hồ đã chụm lại nhau trên chữ số cao nhất của cái mặt đồng hồ loong-gin. Vợ Ba Nông vẫn còn mải nói.

Nhất định, Cốc bấm vợ cùng đứng dậy. Nông chồng lưu luyến tuy cũng phải đứng lên theo.

– Ấy còn cơm. Mời hai bác ngồi chơi. Ăn cơm rồi thì còn đi đâu mà cần. Hai bác về cũng đến ngủ là cùng, vậy nếu bác gái có mệt thì để cháu nó dọn cái giường tây, bác đi nghỉ tạm.

Vợ Cốc bước ra theo chồng, mặt buồn sỉu :

– Thôi, cám ơn thím.

– Vâng, cám ơn thím. Tôi còn phải đi chơi một vài nơi nữa, cụ Cử, cụ Hàn, ông Chánh, ông Lý, rồi lại đến chào hai cụ lớn Tuần. Đi xa về, phải ăn ở cho nó phân miêng.

– Nhưng để bố nó đưa hai bác đi, chứ đi vắng lâu ngày, bác biết nhà ai với nhà ai ?

– À vâng, nếu thế thì tốt lắm.

Chào. Lạy. Cám ơn. Hò hẹn.

Cốc bâng khuâng đi. Vợ hắn bâng khuâng đi. Trước họ là Ba Nông bâng khuâng đi dẫn lối. Người nào cũng ra vẻ nghĩ ngợi. Riêng Hai Cốc, hắn đương nghĩ đến một nhà vừa sang trọng, vừa lịch sự trong việc tiếp đãi vợ chồng hắn hơn là vợ chồng em nhiều. Thế nào họ cũng sẽ mời cơm. Thế nào, hắn cũng không nhận lời. Để tỏ cho vợ biết rằng nếu Nông có mời cơm thực, hắn cũng không nhận lời. Đỡ ngượng.

Nhà thứ nhì mà hắn bảo em dẫn đến là nhà ông Trưởng họ. Kể thì sang trọng : nhà ngói, cây mít, vườn rau, ao cá. Nhưng ông Trưởng đương bận... mớm cháu, bà Trưởng hái rau cần.

Nhà thứ ba là nhà ông cậu hắn. Ông cậu rất có thể mời cơm, nếu không... nghèo.

Hắn bảo em hãy để đấy, dẫn đến nhà ông Lý Tân. Ông Lý đương đánh tổ tôm. Khi tổ tôm đã đủ năm chân, thì một chân nữa đến cũng là hết cả mặn nồng. Huống hồ lại những ba chân, thì sự thù tiếp chỉ có là nhạt như nước ốc. Nhưng ông vốn người lịch thiệp. Lại mấy quả xoài, quà Cốc biếu vẫn còn trong tủ. Lại cũng đã từng ở Nam Kỳ. Không nhẽ không hỏi hắn cho có chuyện, ông vừa xoay bài, vừa hỏi đúng ba câu :

Câu thứ nhất là "chợ Bến Thành có phải vẫn ở gần ga ?". Câu thứ hai là "trong ấy có phải vẫn được yên hàn ?". Câu thứ ba là "tiền tàu từ trong ra đây có phải vẫn giá cũ ?"

Nhà thứ năm là nhà ông Chánh. Quái lạ, hình như ở cái đất Bắc này, ai cũng bận ! Ông Chánh đương sửa vườn cảnh. Ông tiếp vợ chồng hắn ngay ở... ngoài vườn. Chẳng nước, chẳng trầu. Nhưng ông đã hỏi hắn rất nhiều. Nói về ông càng nhiều hơn. Không thế, hắn làm sao biết được ông sắp thăng tòng bát.

Đến cụ Hàn, hắn cũng được tiếp đãi không hơn không kém.

Cụ Cử thì lại càng hách nữa : rõ ràng hắn thoáng thấy bóng lão bế cháu nằm dài đánh võng, mà lúc hỏi, người nhà chối phắt rằng mới sang hầu cờ cụ lớn Tuần.

Thất vọng lạnh người ! Bây giờ, hắn cũng chẳng còn mong ai mời cơm. Hắn chỉ có một cái muốn nhũn nhặn là họ tiếp hắn một chút "đàng goàng", bởi vì riêng mình hắn, chẳng sao, nhưng còn vợ hắn.

Hắn giận. Sao họ lại khinh người đến thế ? Ở cái xó làng nhãi nhép này, mà cũng có hách khí cồng kềnh đến thế ? Có phải tại hắn là giòng dõi nhà... bạch đinh ?

Nén giận, hắn bảo em và vợ trở về. Nhưng đi được nửa đường, Ba Nông dừng chân, chỉ một dẫy tường cao ngút ngàn, ở giữa đâm lên một nếp nhà hai tầng mà bảo :

– Bác có vào đây ? Nhà cụ Thứ ?

Hai Cốc chùn bước lại. Hắn ngắm tòa nhà thâm nghiêm mà muốn đưa vợ vào quá đi mất. Nhưng lại cứ bước đi : đến ở nhà một tầng, họ còn khinh hắn, nữa lại ở nhà hai tầng. biết đâu họ chẳng có quyền khinh hắn gấp hai.

Hắn nhùng nhằng toan đứng lại toan đi. Lý trí hắn đã chia ra hai phe xung đột.

Ba Nông biết ý :

– Bác cứ vào thử xem. Cụ Thứ rất hách, nhưng rất tử tế. Hách đối với những người không biết đến cụ là ai, nhưng tử tế đối với những người đã biết đến cụ.

Câu giới thiệu ấy làm Cốc hơi rờn rợn : biết đâu cụ chẳng hách với hắn ? Biết đâu ?

Nhưng Nông đã với được cái đầu dây thép chọc qua một trong hai cánh cửa gỗ lớn xanh rì. Ở phía trên đầu dây, có kẻ chữ : S.S.V.P. Trên nữa có một hàng chữ Pháp. Dưới hàng chữ Pháp, có hàng Quốc ngữ mà Cốc đánh vần : "Coi chừng, có chó dữ".

Mấy tiếng chuông rời rạc kêu. Mấy tràng chó sủa. Một cậu bé, đầu đội mũ chào mào, hai chân kẹp vào cái que củi giả làm ngựa, một tay vác cái bẹ chuối cắt khớp giả làm súng đặt trên vai, chõ miệng ra, hỏi sẵng :

– Cái sì là ? Hả ?

– Chúng tôi vào hầu cụ Thứ.

Cậu bé trợn mắt :

– Các bác muốn hầu quan Lãnh, hả ?

– Bẩm vâng.

– "Bồng ! Át tằng tí ti". Tôi vào bẩm "ba" tôi xem. À, có phải sừ nầy mới ở Sà Goòng ra phải không ? Nếu thế thì quan đương chờ. Nhưng cũng để tôi vào bẩm đã.

Y chạy tọt vào, để cho ba người có thì giờ mà thống khoái. Và tự lấy làm kiêu ngạo. Quan Lãnh chờ ! A, có thế nào thì quan Lãnh, một vị tứ phẩm hàng quan, đương kim thứ chỉ, mới chờ. Nhất là Hai Cốc. Hắn kiêu ngạo đến phát điên, chỉ muốn tỏa chiết bớt sự thống khoái bằng cách gì.

Vừa lúc ấy, cậu bé lại ra. Y không còn mũ chào mào, không ngựa, không súng, và cũng thôi không hỗn xược.

– Quan lớn truyền các bác vào. Nhưng này, "sừ" Sà Goòng này ! Chắc "Sừ" ở Sà Goòng về thì nhiều tiền, mở hàng cho "moa" "in biệt".

Xoa đầu y, Cốc cho y hẳn hai đồng mà không xót ruột. Bốn người cùng đi.

Qua cổng, đến một lối dải cuội. Qua lối dải cuội, đến một cái sân, trên là dàn hoa.

Họ bước lên hè.

Cái mà làm họ phải giật mình trước hết, là một võ quan vận nhung phục, mề đay vàng, thanh kiếm bạc hẳn hoi, đứng sững ngay ở phòng tiếp khách, trố mắt ra nhìn họ trừng trừng. Vợ Cốc đã chắp tay toan chào, nếu không được chồng bấm ra hiệu. Cốc mới khám phá ra rằng đó chỉ là bức truyền thần của chủ nhân, truyền bằng sơn màu vào kính, cao lớn vừa tầm người, khéo đến nỗi nếu cặp má hồng của vị võ quan không hồng quá, và cặp môi son không son quá, thì hắn cũng nhận lầm là người thực. Trên bức truyền thần, ở khắp bốn mặt tường, là ảnh và ảnh. Có cái chụp một người, có cái chụp từng bọn. Cái thì ông Tây đen, cái thì ông Tây trắng. Và, một đặc điểm là ông Tây nào cũng vận y phục nhà binh. Lại còn có cả bức phóng đại của một người đàn bà "đuôi gà, khăn vấn" lạc lõng và đối diện với bức phóng đại khác "mề đay, ngân khánh" của chủ nhân. Rồi lại còn có cả bức ảnh chủ nhân vận nhung phục Đại Việt, với chiếc mũ lốc, đôi ủng, áo cẩm bào, trông rất trịnh trọng treo bên một bức khác, cũng vẫn chủ nhân đương đứng bá cổ hai bà đầm lả lơi. Sau cùng, tất cả những ảnh ấy, những truyền thần, phóng đại ấy đều đã chầu về chân dung đức Đại Nam Hoàng Đế, bên cạnh "ngài" Thống Chế Pêtanh, và ở sát trần, có dán một mảnh giấy đề "Pháp – Việt phục hưng", bên mảnh khác : "Cần lao, gia đình, Tổ quốc".

Thêm một lần, Hai Cốc phải lấy hết trí thông minh của hắn ra suy nghĩ về câu châm ngôn ấy, mà nhà nước đã rộng rãi reo ra khắp đầu đường, xó chợ.

Tai hắn chợt dỏng ra. Mũi hắn mấp máy. Hắn nghe. Hắn ngửi. Hắn nghe thấy một thứ tiếng ro ro, nhịp điệu. Và ngửi thấy một thứ hơi thơm ngát gian phòng !

– Bay đâu ! Đặt lại cho tao siêu nước đi này !

Một tiếng khàn khàn vọng từ trong ra ngoài. Tiếng khậm khạc nhổ, trước khi có tiếng giầy lê lệt sệt.

Cụ Thứ !

Ba người đều chắp tay một lượt :

– Lạy quan lớn ạ !

Lão cười hà hà :

– Không dám ! Các thày ngồi chơi.

Cốc khoái, đưa mắt cho vợ như gạch một cái dưới tiếng "thày".

Lão chỉ cho họ cỗ trường kỷ, trong khi lão vắt chân vành tròn ngồi lên tấm sập gụ kê ở giữa phòng.

– Bay đâu !

Đáp tiếng gọi, một tên bộc bầy ra trước lão cái điếu ống, cái khay nước, một quả trầu. Với xe điếu rít xông mồi thuốc, lão hất tay ra hiệu cho tên bộc đem điếu, khay, và quả sang bàn khách ngồi chơi, rồi mới hỏi qua làn khói :

– Thế thày nào là thày Hai nhỉ ? Ấy tuy người làng, và có họ ngoại, "ben pha mi" [1] đấy, nhưng tôi cũng không mấy khi được biết.

Cốc vội đứng lên, khúm núm :

– Bẩm dạ. Bẩm quan lớn, con đây. Bẩm, con mới về đêm hôm qua. Sáng nay, con gọi là có chút quà mọn ở Nam Kỳ, có đem biếu quan lớn xơi nước, và bây giờ xin đến hầu quan lớn.

– Xin cám ơn cái lòng tốt của thày. Chỉ vẽ cho tốn tiền. Đi lâu về sang chơi, thế là quý rồi, có cần gì quà với bánh. Thế thày kia là con thứ mấy của ông cụ Phó ? Còn cô kia ?

– Dạ, chú nó là em thứ ba con, tên là Nông. Còn đây là vợ con, đã chào quan lớn rồi ạ.

Vuốt cho thực vểnh hai càng râu, lão gật gù cái đầu cười ha hả:

– Thôi thế cũng tốt. Đi mấy chục năm, về lại có lứa có đôi, để cho làng nước trông vào. Tôi cũng mừng cho. À, thế ra đi thế được mấy chục năm ? Và làm những đâu ?

– Bẩm quan lớn, con đi tính đến tháng sáu năm nay được đúng hai mươi bẩy năm. Con làm ở đồn điền cao su Xuân Lộc.

Lão trợn mắt :

– Sao lại Xuân Lộc ? Tưởng Lộc Ninh, thì tôi có một ông quan thày, quan ba Đờbe Ny, bây giờ mãn, về làm "sú-ba-dăng" ở đấy.

Lại ha hả cười. Rồi thôi. Rồi lão ngắm thẳng mặt Cốc :

– Chắc vào trong ấy làm ăn phát tài ? Cứ trông nước da thày thế kia thì đủ biết tài đương vượng lắm, đương có "bon săng" lắm !

– Dạ, bẩm ở trỏng nước độc quá, ai cũng bị sốt rét rừng, mặt cứ nặng, bụng cứ to lên, như đàn bà có mang, chân tay cứ quắt lại. Không kiêng khem kỹ thì khó lòng mà về được đấy ạ.

---

1. Tác giả xin miễn việc dịch nghĩa những tiếng này

Gật gật đầu, lão đổi ra vẻ mặt nghiêm trọng :

– Phải, Tây họ gọi cái bệnh ấy là "Ba-tuy-đít". Cứ tiêm vào mông sẽ khỏi. Ừ, mà trông nước da thày xấu lắm, liệu mà kiêng khem, thuốc thang. Sáng nay, chả vì bà Phó đến biếu quà, thấy nói thế, nên tôi bảo hễ rỗi thày sang, có cần mua "kí ninh" thì tôi mua giúp. Tôi chả có một ông bạn, trước làm "ách-chi-đằng", sau về được bổ làm "phạm nhe" ở nhà thương Tây. Bây giờ, nếu chưa có "kí ninh", cứ uống rượu và ăn nhiều ớt cũng trừ được nước.

– Dạ. Rượu thì ngày nào con cũng uống.

– Tốt lắm ! "Bồng" ! Tốt ! "An cồn" nó chả "phoọc-ti-phi-ăng" mà lại. Chả thế mà mỗi khi đi "câu lơn", "ma nớp", chúng tôi vẫn "bụa". Nhất cái độ "găng ghe" trước mỗi khi ra "phông" chúng tôi cứ "bụa" từng chai "bẹt-nô", "áp-sanh", "cốt-nhát", nhờ thế đến bây giờ nó cũng còn được khỏe.

– Dạ.

Lão im một lúc.

– Nhưng, tuy yếu thì yếu, chứ chắc cũng phát tài ?

– Dạ, bẩm cũng chẳng được bao nhiêu.

– Sao người ta đồn có hàng vạn ?

– Bẩm quan lớn, người ta cứ nói thế.

Ha hả cười ra tiếng, đoạn lão cau nhíu đôi mày sâu róm :

– Hỏi vậy thôi, chứ thày phát tài hay không, thì cũng chẳng ai vay mà phải giấu. Duy ở cái làng ta này, nó xấu bụng lắm, nên tôi lấy tình là người ngoại quyến, nhắn thày sang để bảo rõ điều hơn lẽ thiệt, thế thôi.

– Dạ.

– Vậy chiều nay có thư thả, thày cho cô ấy sang ăn cơm với tôi.

Không bao giờ chờ đến câu mời đột ngột ấy, hắn cuống lên, cảm động một cách rất thực thà. Hắn đưa mắt nhìn vợ, nhìn em, liếm môi hai ba bận mới đáp được :

– Dạ, xin cám ơn quan lớn. Chiều nay chúng con muốn mời quan lớn quá bộ đến xơi với thày chúng con chén rượu nhạt.

Hai đùi lão bỗng rung rung lia lịa :

– À, thế ra tôi định mời thày, thày lại mời tôi. Thôi thế cũng được. Cứ kể xưa nay tôi cũng ít đi ăn đi uống ở các đám xá. Các thày

tính, nó khôn lắm ! Không lẽ "Quan lãnh" mà lại đi la cà, thì còn đâu là phẩm giá, rồi các ông bên văn họ lại cho ngay chính mình là võ biền, vạ thực. Nhưng ở bên ông cụ Phó nhà, thì tôi sẽ đi. Máu chảy đến đâu ruồi bâu đến đấy, họ hàng ta phải bao bọc lấy nhau, "bô-tê giê" lẫn nhau.

– Dạ.

– Lại nói nốt câu chuyện lúc nẫy. Nếu thày có nhiều tiền đem về thực, thì tôi khuyên thày không nên giữ ở trong mình, mà cũng không nên giữ ở trong nhà.

Ngẩn mặt, Cốc chưa kịp hiểu thế thì nên giữ ở nơi nào. Lão tiếp:

– Thày đi vắng lâu ngày không rõ, chứ có thày Ba ở nhà biết đấy. Trong làng này từ khi đói kém, mới nẩy ra rất nhiều tay chơi. Những đứa ấy, chắc thày Ba cũng chẳng lạ gì. Ai đời thuở nào có ba tháng giời, xẩy ra hai đám cướp, chín, mười đám trộm đào tường khoét ngạch không ? Ấy là làng có đủ các quan văn, quan võ hẳn hoi mà nó cũng nhũng nhiễu thế.

Lão hút thuốc lào, dò cái công hiệu của câu mình lung lạc Cốc. Đoạn tiếp :

– Vậy tôi khuyên thầy xem có nhà ai chắc chắn cẩn thận thì đem mà gửi. Cái gửi tiền cũng là cái sự khó. Thế nào là chọn mặt gửi vàng ! Phải chọn người chắc chắn... "on-nét"...

Lão im nữa để nghe ngóng.

– Nếu không tìm được ai chắc chắn, thì có thể gửi... tôi !

Hà hà cười, nhưng lão lại vội làm nghiêm :

– Gửi tôi thì chẳng lo suy xuyển đi đâu một xu. Năm xưa, làm "sec-giăng-ma-gio", có lần tôi giữ "két" cho "con-ba-nhi" còn khó bằng mười. Mà nhà tôi, thì các tay trộm cướp cứ gọi là đứng ngoài mà khóc. Tôi "moong-phú".

– Dạ, bẩm quan lớn, nếu thế thì quý hóa lắm.

– Ấy thày đi vắng, có thày Ba ở nhà biết đấy.

Chẳng rõ lão bảo biết cái gì ? Biết trộm cướp khóc, hay là biết khi lão giữ "két" cho "con-ba-nhi", Ba Nông cứ gật :

– Nhì ạ !

– Dạ, thế thì khi nào con nhận được tiền ở trỏng đánh ra, con sẽ xin phiền quan lớn.

Quan Lãnh ngẩn mặt :

– Thế bây giờ thì sao ?

– Bây giờ, con chỉ đem trước về có mấy trăm.

– Hà hà ! Thế cũng "sava cá mềm". Lúc sáng, bà Phó sang biếu quà, tôi có nhắn thày sang, là ý tôi muốn cần món tiền độ một vài trăm. Cứ kể tôi hỏi vay, thày cũng chẳng chối nào. Nhưng cái tính tôi thích phân minh, "Gia-na-doa-đờ-cơ", tôi muốn viết cho thày miếng đất của... hàng giáp Tây Thụ.

– Chết ! Chết ! Quan lớn cứ dạy. Hà tất phải viết ạ.

– Nhưng tính tôi thẳng lắm ! Khuất tất thì "ba-con-nết".

– Dạ, hà tất ạ ! Bẩm thế quan lớn cần tiêu bao nhiêu ?

– Chả mấy. Độ một trăm, hay nếu có rộng, hai trăm càng hay.

"À, lúc sáng bà Phó sang biếu quà, tôi có nhắn thày sang còn một việc này nữa này. Cái làng ta là một làng "đồng thối ngõ điêu", chúa bạc, và chúa khinh người. Ông nó cũng coi "mắm sốt cẩm" như thằng, thằng nó cũng coi "mắm sốt cẩm" như ông, nếu mà mình không có lấy một ngôi ăn chỗ ngồi ở trong làng. Thầy có nhận thấy thế hay không ?

Như quê xa gặp được tri kỷ. Hai Cốc hởi cả người :

– Dạ. Quan lớn dạy quả không sai.

– Như vậy thì lần này về, giời cho phát tài, thày cũng cố lo cho ông cụ cái khánh thọ bẩy mươi, thí cho chúng một bữa cho xong việc, chứ để chúng xói móc, eo sèo, làm đến tôi cũng ê lây cả mặt. Mình lo tiềm tiệm, già cơ lắm chỉ răm trăm.

– Dạ. Con cũng định thế.

Lão chỉ tay về phía Cốc :

– "E vòa-là" ! Thầy thế mới là người trí thức ! Tây người ta gọi những người như thế là có "sà-voa-vi".

Đương vui, mặt lão lướt buồn khi thấy Cốc bấm vợ và em đứng lên.

– Ấy còn sớm ! Các thày và cô hãy ngồi chơi.

– Dạ. Xin phép quan lớn. Quá trưa rồi.

– Trưa thì cũng hãy thư thả ngồi chơi. Thế còn cái khoản "đê săng biệt" ? Lão hất hàm. Bao giờ đấy ?

– Bẩm con về rồi xin đem sang hầu quan lớn.

– Ừ, thế thì hai thày và cô về. "Métsiavăng. "Ovoa" hai thày nhé! Nhớ hôm nào đưa cô ấy sang tôi ăn cơm.

Khúm núm ra khỏi nhà "Quan Lãnh", Hai Cốc phút ưỡn ngực đi trong ngõ xóm, vẻ mặt hân hoan. Ba Nông và Cốc vợ cũng hân hoan. Chẳng thế, bất cứ gặp ai quen hay không quen ở dọc đường, miễn là chào hắn trước – mà đừng chào hắn bằng anh là hắn chèo kéo cho bằng được về nhà đánh chén "mừng cho hắn còn sống sót mà về làng về nước". Bọn hắn đương ba người, vì thế, đã thăng lên số chục. Chưa kể hai chục nữa đương ngồi đợi hắn ở nhà.

Hắn không tin ở hai mắt ngạc nhiên : ông Trưởng họ đã thôi mớm cháu, ông Chánh đã thôi xén cảnh, ông Lý đã tan tổ tôm, cụ Cử đã bãi cuộc cờ. Ai lúc này cũng thư thả để mà hưởng ứng tiếng mời, đến chơi với hắn.

Làm cho có năm mươi đồng bạc cá thịt không tài nào chu được. Vợ Ba Nông đã bớt giận làm lành, thương nghị với bố chồng và mẹ kế của chồng, nhưng vẫn không ai tìm được cách gì đào ra cái ăn ở chốn nhà quê, chợ vãn. Vừa về, Cốc liền được gọi vào dự cuộc thương nghị ấy. Sau một phút ngẫm nghĩ, hắn phá ra cười :

– Thịt quách con... chó của ba ! Thịt quách nó. Thế mà tốt. Đã lâu không được ăn thịt cầy làng nhà.

Lão Phó Cò lăm le phản đối đề nghị này. Nhưng kịp thế nào ! Kẻ làm giúp cũng lắm. Người ăn giúp cũng đông. Một giờ sau, con chó cố tri của lão chỉ còn có xào, hầm, tiết canh, nhựa mận.

Hai Cốc được bữa say như chửa bao giờ được say trong ngót ba chục năm trời lưu lạc. Rượu lậu mà lại ! Say vì rượu. Say vì có tiền cho quan Lãnh mượn. Say vì những người mà hắn ngờ rằng khinh hắn, thì ra không những không khinh, mà còn có phần nể hắn. Nhưng say vì rượu vẫn nhiều. Do say, hắn càng tức với một số ít kẻ đã không thèm hạ cố đến nhà hắn hôm nay. Hắn cũng nhờn với những người đã hạ cố đến nhà hắn hôm nay. Trộn nhờn với tức, hắn dần dần đâm... hỗn !

Hắn uống thi với bố. Hắn uống thi với ông Chánh, ông Nhang... Rồi chẳng từ gì mà hắn không gạ uống thi với cả cụ... Cử ! Hắn làm xáo lộn cả tôn ti trật tự. Ai cũng đều thua hắn. Hắn giơ chén, uống thi với... mình !

Rồi hắn đặt chén, xin phép các cụ cho hắn được chửi một câu. Hắn chắp hai tay, tỉnh táo nói có phép có tắc cẩn thận như thế này:

– Bẩm trên có các cụ, dưới có các ông. Các cụ là hàng bố con, mắng con xin cam, đánh con xin chịu, cũng cho con được chửi một câu cho nó hả cái can tràng !

Hắn nói thế, cụ nào chẳng bằng lòng ! Vì cụ nào cũng chắc mẩm không lẽ hắn mời mình đến, lại mở miệng chửi mình. Và cũng muốn rằng hắn không chửi mình thì nghe hắn chửi người khác càng vui tai. Cụ nào cũng gật.

Hắn gân cổ, bạnh mồm chửi thực :

– Đù cha đứa nào đòi bố ông làm khao nhé. Đù cha tổ đứa nào chửi bố ông không làm khao nhé ! Đã thế, mai ông làm khao cho chúng nó biết tay !

Không ai ra miệng, tuy chính ra, ai cũng đòi bố hắn làm khao cả.

Nhưng không ai ra miệng, bởi vì mai hắn làm khao. Thế là đủ lắm rồi.

IV

Rạp khao đã dựng.

Muốn cho được rộng rãi, lịch sự, rạp dựng nhờ ở nhà Ba Nông.

Miễn là Hai Cốc bỏ tiền.

Rạp có mười hai cột bương. Trên phủ cót tre. Dưới là ba dẫy phản – hoặc cánh cửa ghép làm phản – chạy dài. Một, hai bộ bàn ghế.

Tuy nhiên, vẫn còn sợ chật. Họ đã phải phá bờ rào ngồi nhờ sang cả nhà hàng xóm. Ai nỡ từ chối Cốc. Cả làng còn có cảm tình.

Họ đến từ trưa. Họ đến từ sáng. Họ đến từ chiều hôm qua. Đàn ông, đàn bà, cụ già, con nít. Đủ ! Ai dựng rạp thì dựng rạp. Ai mượn đồ thì mượn đồ, bát, đĩa, mâm, nồi. Ai không làm gì thì cứ việc uống nước, nhai trầu, hút thuốc vặt.

Thế cũng là quý. Bởi vì, nó khốn lắm ! Chẳng lẽ không họ nội thì họ ngoại, không ngoại gần thì ngoại xa, không ngoại xa thì hàng xóm, không hàng xóm thì người làng, hàng tổng, hàng huyện, vân vân... Chẳng mấy khi "ông cụ" làm khao – một đời người mới có một lần – mà lại chẳng chạy lại, rồi người ta trách. Nhất là ông cụ

nghèo. Giá giầu thì không sao, nhưng nghèo, lại bảo rằng khinh ông cụ. Nhất là cái bác Hai Cốc ấy thì bác ta đến là sỗ nói. Nhất nữa là chiều nay hay chậm là chiều mai, mấy mà chả có giết lợn ăn bữa... té bèo ! Tiền của Sà Goòng, thiếu gì !

Chật đến ba dẫy phản, trên từ quan Lãnh, dưới đến anh Cu. Giữa là cụ Hàn, cụ Cử, ông Chánh, ông Hương. Những người xưa kia bị lão đến ăn một bữa, đã có kỳ nhiên rồi. Những người xưa nay chưa mời lão bữa nào, cũng cứ có mặt. Một đời người, họ mới được một lần đến nhà lão thực. A ! Thì ra cũng lịch sự đấy. Chỉ còn vắng cụ Tiên Chỉ, và ông Lý Tân. Không hề gì hết. Hôm qua, cụ Tiên đã hay tin gọi Cốc xuống cho cụ phán bảo. Hắn chưa kịp xuống. Thì đến lượt thày Lý sai mời hắn hai lần từ sáng hôm nay.

Cả các con cháu ở xa cũng được nhắn gọi về. Vợ chồng Xã Thuổng và hai đứa con trong những chiếc áo nái vàng khè. Tư Sếu gọn ghẽ trong bộ binh phục cứng mo. Bẩy Út cũn cỡn trong bộ "soóc" xanh chàm. Sáu Diệc xin phép Nghị Dự cho về chơi với anh đã ba hôm nay, cũng mới mượn được cái quần chúc bâu, và thuê đâu được đủ bộ khăn lượt, áo the, để mà súng sính góp cùng các anh các chị.

Bọn người nhà cũng ai vào việc nấy. Đàn bà soạn bát. Đàn ông kê đồ. Già têm trầu. Trẻ con lấy đóm. Duy Binh Sếu được đặc cách ngồi tiếp chuyện "thế giới chiến tranh" hầu quan Lãnh. Hôm nay, hắn cũng được người làng đặc cách thăng chức lên là thày... Cai.

Lão Phó Cò thì đã được công nhiên tôn lên làm Cụ Thất từ hôm qua xuống trình làng xin làm khao kia rồi. Hôm nay, lão còn mặc tạm cái quần vải phin chưa kịp giặt, và cái áo xuyến Sà Goòng của Hai Cốc may cho. Mai ngày kia, lão sẽ mặc đến chiếc quần nhiễu đỏ của họ biếu, và chiếc áo vóc đỏ của làng mừng. Lúc bấy giờ, hãy coi chừng những Hai Cốc đã muốn lão biến thành một... tiên dung đạo cốt !

Mụ vợ gù của lão thì chỉ chúi xuống bếp đánh mâm, nồi, không có một lúc nào để cho ai xem mụ có gì thay đổi.

Cốc vợ, vì lạ nước, lạ cái được cắt vào buồng chỗ hút thuốc lá sâu kèn, vừa canh các đồ vặt của mình và của vợ chồng Ba Nông, phòng những người đãng trí.

Riêng Cốc chồng, lúc này, không rõ hắn đi đâu ? Hắn đi đâu mà cái kèn hát – do chỉ có tay hắn được vặn - đương the thé nhai đi nhai lại mãi cái bài "Tiếng chuông chùa" cũng im ?

Khiến lão Phó Cò, đương ngồi tiếp chuyện ba "Cụ Thất" khác ở nhà ngoài, tưởng cần hỏi đến hắn một câu cho văn vẻ :

– Thế cậu Hai đi đâu rồi nhỉ ?

Không ai đáp.

– Chúng mày đâu ? Có đứa nào xem cậu Hai đâu ? Mời cậu ra hầu chuyện quan Lãnh và các cụ đây.

Một tiếng trả lời không rõ của ai :

– Bẩm, anh ấy uống rượu say rồi đương ngủ trong nhà.

– Ngủ à ? Nhà đương khách khứa thế này...

Lão làm nghiêm mặt, toan thử gắt một cái để giương uy, nhưng nghĩ sao đấy, lại gật gật đầu :

– Thôi được rồi ! Ắt là hôm qua, cu cậu tiếp tổ tôm các cụ ấy cả đêm, cu cậu mệt. Thôi này, chúng mày đâu ? Để yên cho cậu ngủ.

Nhưng thực ra, Hai Cốc không ngủ. Hắn có uống rượu say, có nằm trong buồng, có nhắm mắt hẳn hoi, nhưng không phải là để ngủ. Hắn vờ ngủ, thế thôi. Để mà nghĩ. Hắn nghĩ từ hôm bước chân ra về, từ hôm dắt vợ đi chơi các bà con, từ việc cho quan Lãnh vay tiền, được các người tai mặt đến chơi nhà... và huyên thuyên. Khi người ta đã nghĩ huyên thuyên, nghĩa là nghĩ rất nhiều, thì người ta dễ đâm ra... hối hận. Cốc đã hối hận. Rất nhiều là khác. Hắn rất hối hận đã trở về làng, đã dắt vợ đi chơi các bà con, hối hận cả sự cho quan Lãnh vay tiền, vân vân... Hối hận nhất là hắn đã buột mồm chửi hàng xóm, đe sẽ làm khao cho bố ! Hăng gì có thứ hăng thế ? Một câu chửi đáng giá năm trăm bạc, năm trăm bạc ấy, cứ để yên như hắn đã dự tính với vợ, thì cũng tậu được miếng vườn nho nhỏ để cho vợ chồng hắn sống no đời mãn kiếp với nhau. Có phong lưu, sẽ mua một chân kỳ mục trong làng. Có túng bấn, vợ chồng cứ hát "vọng cổ" cũng đủ là trừ bữa ! Dự tính thế, vì hắn tin chắc rằng xa cách đằng đẵng hai mươi bẩy năm trời, lúc về, ít ra bố hắn cũng đã chết. Nếu không chết, thì cũng phải phong lưu phú quí. Hắn có ngờ đâu rằng về đến nhà, đánh đùng ra, lão phú quí không mà chết cũng không. Nếu lão cứ được một trong hai cái ấy cho hắn nhờ, thì việc gì hắn phải làm khao, việc gì hắn phải chửi ai, việc gì hắn không có được túp nhà, miếng đất ? Hắn cũng ân hận rằng hắn dại. Ừ, thì cái dại tự nhiên đâm đầu đi làm khao cho bố vì tức khí đã đành, sao hắn lại còn dại dột nhận làm khao một mình, không bổ bán cho ai hết ?

Nay bảo rằng nó tốn độ dăm trăm, thôi thì số tiền ít ỏi, hắn, chẳng gì cũng mang tiếng là "phú quí qui hương", có nai lưng chịu cả cũng cam. Thế ngộ mai nó lên bẩy, tám trăm, một nghìn, thì sao? Hắn sẽ bán gì đi để mà chịu cả ? Hắn đã sắp tặc lưỡi phó cho lá số tử vi trong cung "Quan lộc" có "quí nhân phù trợ". Hai mươi bẩy năm trước, hắn cũng có một lần tặc lưỡi. Quả nhiên, gậy vông phá nhà gạch. Thì hai mươi bẩy năm sau, ví phỏng mà tay trắng lại hoàn tay trắng, hắn tặc lưỡi thêm cái nữa, chứ có cần gì ! Hắn vẫn còn được sự kính nể và cảm tình của toàn thể dân làng. Thế là lãi đó ! Có ai, ở cõi đời này, khi hai tay buông xuôi, lại có thể đem được nhà, được đất đi không ? Hắn phải tự an ủi vậy. Nhưng... hắn vẫn còn hối hận. Lại càng hối hận.

Nhà ngoài đương ồn ào, bỗng im bặt. Ắt có thêm người đến tỏ cảm tình. Cốc lắng tai nghe.

Tiếng bố hắn lại đài các ném ra sân :

– Chúng mày đâu ? Có đứa nào đánh thức cậu Hai dậy ; xuống cụ lớn Tuần hỏi có việc cần. (Giọng lão thu vào nhà). Chả biết cụ lớn có việc gì mà từ hôm qua đến nay, ba bốn lần sai bác ấy lên gọi rồi. Còn cái cậu ấy thì ngay từ hôm mới về, đã bảo xuống hầu các cụ lớn ngay đi, kẻo lần lữa người ta không sao, mình là con cháu nhà, cụ thấy mình về, thể nào các cụ chả hỏi. Đã bảo thế mà cứ chùng chình mãi.

Đương giả vờ ngủ. Cốc phải bật phì cười. Hắn quả có lần lữa thực. Song không phải tại hắn. Tại rượu. Từ hôm về, hắn định bụng lúc nào thực tỉnh mới dám xuống hầu các cụ lớn, cho nó không thất thố. Nhưng rượu lậu gì mà ngon quá đi mất ! Lúc nào hắn cũng chỉ thực say. Hết say với bố, lại say với các em. Các em hàng, hắn say với người dưng. Chỉ sợ hắn không có được "thiên bôi" ! Chứ "tri kỷ" ở làng này thì chẳng phải tìm cũng gặp. Bây giờ, hắn cũng say. Song hắn mới tỉnh vì hối hận. Tuy chưa tỉnh hẳn. Nghe người đánh thức, hắn vằng một cái, lẩm bẩm trong mồm :

– Gọi thì kệ gọi. Làm chó gì mà nhặng sị cả lên.

Nhưng hắn nhỏm dậy ngay. Hắn vừa liên tưởng đến lá số tử vi, đến cung "quan lộc", đến "quí nhân phù trợ". May mà cụ lớn ngài phù trợ hắn trong việc hao tài tốn của này cũng nên. Bởi vì cụ lớn không là quí nhân, thì ở làng này, còn ai mới là người đáng quí ? Hắn đi giầy mặc áo. Soi vào gương, hắn thấy mặc "soóc" trông sấc lấc, mà

hắn nghe nói các ngài thậm ghét những người mặc tây sấc lấc, hắn lại thay vận áo the, khăn lượt cho nó có phong độ nhà nho hơn.

Hắn ra nhà ngoài. Mọi tiếng chào hỏi, ca tụng, nịnh hót phun vào mặt hắn như một cái nồi súp de phì hơi. Hắn vội vàng đáp lễ mọi người, rồi lật đật ra đi theo người nhà quan, cái trí không phải là không tự kiêu trong cái diện mạo không phải là không quan trọng.

*

* *

Nhà quan !

Đây cũng có tường vây ngút ngàn. Lại có cả những hai nhà gác đồ sộ hơn nhà quan Lãnh ! Nơi mà nhà quan Lãnh chỉ có ảnh và ảnh, thì đây đầy gấm, đầy nhung, đầy vàng, đầy bạc. Hai Cốc rất tiếc sao không đưa vợ đến đây để cho thị được cùng với mình một phen hoa mắt. Và đâm ra nghĩ bụng : thì ra chỉ có nhà hắn là kiết xác, chứ của... bách gia vẫn chẳng thiếu gì. Ấy là quan Tuần đây ngài nức tiếng thanh liêm ; Rõ hoài ! Vì thanh liêm, nên ngài chỉ có vàng, có bạc, có gấm, có nhung ! Ngài mới chỉ có nhà thờ một dây, và nhà gác hai tòa. Nếu không phải là một môn đồ cửa Khổng sân Trình, và không trọng âm đức như ngài, ắt nhiên đến cả cái nhà... xí của quan cũng sẽ làm cho Cốc phải ao ước đem về làm nhà ở.

Để Cốc thập thò chờ ngoài, tên người nhà vào thông báo cho quan Tuần trước.

Thình lình hắn nhận được tiếng quát từ trên lầu vọng xuống :

– Thế nào ? Nó có đến không ?

– Bẩm cụ lớn, anh ấy đứng đợi ngoài kia.

Tiếng quát lại càng to :

– Được. Ra bảo nó đợi đấy. Và đến ngay Quản tuần cho tao...

Cốc giật thót mình.

– Mày đến bảo Quản tuần thế nào cũng phải bắt Giáo Tế đi phu đắp cõi hôm nay. Nhà nó có giỗ bố hay giỗ mẹ cũng mặc xác nó. Nhớ không ? Cứ bảo tao, cụ Tuần, truyền cho nó biết rằng nó muốn làm bình dân thì ra Hà Nội, muốn làm cộng sản thì sang Nga-la-tư, chứ nó muốn ở làng này, thì phải có tôn ti trật tự. Nhớ không ?

Cốc tái mặt.

– Bảo rằng nếu nó hỗn, thì tao đánh cho róc xác. Nhớ không ?

Cốc run lật bật.

– Ông thì bỏ tù ! Nhớ không ?

Cốc thấy lạnh gáy và sởn gai ốc ở khắp người.

Hắn loạng choạng, trí thì bắt phải ở, nhưng hai chân lại như thúc hắn chạy té về. Tuy vậy, hắn cũng hơi mừng. Hắn không đưa vợ đến để cho hoa mắt là một sự may. Bởi vì khi mà quan Tuần đã thịnh nộ...

Quả không sai, hắn nhận thấy tiếng chân thình thịch dậm trên cầu thang. Rồi những bước đi hậm hực trong tư thất. Vừa thoáng thấy cái bụng phưỡn, hắn vụt gập người lại làm đôi, vái dài :

– Lạy cụ lớn ạ.

Cái bụng không trả lời. Người cũng không trả lời. Trong khi không rõ một ma lực gì bắt hắn vội cúi gầm mặt xuống nhìn mười đầu ngón chân, hắn chỉ nhận ra một tiếng thịt ném nặng lên tấm sập gụ kê giữa nhà. Rồi tiếng hỏi :

– Hai Cốc đấy phải không ?

– Dạ.

– Tại làm sao anh về đã mấy hôm nay, ta chờ đợi mà không xuống ?

Cốc đã thấy hơi thở dồn lên, hai hàm răng cứng lại.

– Dạ.. bẩm... bẩm cụ... chúng con... chúng con... bận ạ...

Một cái đập mạnh lên mặt sập. Một tiếng hét :

– Bận gì thì bận, ta cho đòi thì cũng phải xuống đã chứ ? Bay đâu?

Cốc run rẩy cả tứ chi. Và vẫn cái ma lực lúc nãy đến ấn dúi hai vai hắn, bẻ gập hai gối hắn, bắt hắn chỉ chực quỳ, lậy, và van lơn :

– Bẩm lậy cụ lớn... chúng con bận làm khao... Bẩm chúng con vẫn định bụng rằng có chút quà mọn đem kính cụ lớn trước, rồi hôm nào...

Có ý nhắc đả động đến chỗ quà, Cốc thiển nghĩ để cho quan nguôi. Không ngờ, lại một tiếng hét :

– Làm khao ! Anh nghĩ rằng anh cứ có tiền là anh làm được khao ở cái làng này ? Anh không cần biết đến ai cả ?

– Bẩm, bố con đã có giầu ra trình hai cụ...

– Ta không nói bố anh. Ta nói anh. Anh đừng có hỗn ! Ô kìa ! Bay đâu thế nhỉ ?

Run rẩy càng bằng hai trước, Cốc toan sụp lậy, thì có tiếng chân chạy ra.

– Châm đóm đây !

Một tràng rít giòn tan phát từ nõ điếu ống làm Cốc được khoan khoái thở dài.

– Ta hỏi anh ! Có phải có một hôm, anh uống rượu say, anh chửi bậy ?

– Bẩm, Trương Tùng nó chửi bố con đã nhiều.

– Thì anh chửi nó phải không ? Nhưng anh có biết thế là anh chửi cả làng ? À, thì ra anh cậy là anh có tiền, anh muốn chửi cả làng cũng được?

– Bẩm cụ lớn thương lại cho, con đâu dám. Con chỉ có chót nhỡ mồm... với Trương Tùng, hiện có láng giềng hàng xóm biết.

– Được rồi ! Thế bố anh làm khao, hay anh làm khao cho hắn ?

– Bẩm, bố con ạ.

Một tiếng cười nhạt :

– Bố anh giầu tiền nhỉ ?

– Bẩm dạ.. bẩm không... Bẩm con làm khao cho bố con.

– Anh ?

– Bẩm vâng.

Anh lấy danh nghĩa gì mà anh làm khao cho bố anh ?

Bị mắc cỡ, Hai Cốc đứng im.

– Anh trả lời đi. Anh là thằng bạch đinh, lang bạt kỳ hồ từ năm mười mấy tuổi đầu, làng đã sổ ngôi, họ đã sổ ngôi, thì anh lấy danh nghĩa gì mà anh dám làm khao ? Thì ra anh cậy anh có tiền, muốn làm khao cho ai cũng được ?

– Bẩm, chúng con là con cháu nhà, trăm sự nhờ hai cụ lớn ngơ đi là được ạ.

Lại một tràng cười nhạt. Cốc vẫn không dám trông lên, nên không rõ lão cười thế bằng cách nào. Nhưng xem ở bóng lão in trên nền đá hoa, hắn nhận thấy cái bụng phưỡn đã nhẩy nhẩy lên mấy cái.

– Thì bởi vì thương anh là con cháu nhà nên ta mới cho đòi anh xuống hầu để ta bảo. Nhưng anh bướng thì kệ xác anh.

– Bẩm cụ lớn trông lại. Con có dám thế đâu.

– Anh có biết rằng anh mới về được mấy hôm, anh đã mắc vào ba tội không ?

"Tội không xuống hầu quan Tiên chỉ của làng. Tội chửi làng. Tội không có danh nghĩa gì mà dám làm khao".

– Bẩm chúng con là con cháu trong nhà.

– Có là con cháu trong nhà, có vì nể chúng ta, thì làng nước mới để yên cho anh. Anh không biết rằng cái làng này nó gớm lắm à ? Cá nhớn nuốt cá bé. "Độc trụ bất thành lâm". "Lão hổ bất dịch quần hổ". "Hương dụng đảng". Thế nào là "Hương dụng đảng". Đã ở họ nhỏ, lại không có vây cánh, thì suốt đời đừng có hòng ngóc đầu lên với chúng nó.

– Dạ.

– Anh đã biết thế, thì ta cũng ngơ đi cho hai tội trên : tội gọi không xuống, và tội chửi làng. Ta đã ngơ thì không ai dám nói gì hết. Nhưng còn tội dưới thì không thể được.

– Bẩm cụ lớn con đã sắm sửa cả rồi. Cụ lớn đã thương, xin thương cho trót.

Giọng lão bắt đầu dịu :

– Ta thấy cái tình cảnh anh thì ta cũng ái ngại. Chả gì bố anh cũng là người huyết mạch, "bi oa bất cố chử nhục". Nhưng việc làng phải có khoán ước, "công pháp bất vị thân", ta không thể nào làm hơn được, rồi những đứa khác nó suy tị. Vậy nay đã dở dang như thế, ta chỉ có thể nghĩ giúp anh được bằng cách này.

Lão im như để tìm một mưu cơ trong tảng trán mênh mang vốn chứa đầy những mưu cơ.

– Ở làng nhà, có mấy sào ruộng hậu cần bán, ai mua tức là giúp làng. Mà xem ra anh mới về nhà đất cũng chửa có gì, anh nên mua, âu là nhất cử lưỡng tiện.

– Bẩm ruộng hậu của giáp Tây Thụ ấy ạ ?

Lão sửng sốt :

– Sao anh biết ?

– Bẩm, hôm nọ quan Lãnh cũng có bảo con, nhưng... Cái bụng phưỡn lại nẩy nẩy lên để cho lão hích hích cười :

– Nhưng anh không mua phải không ? Thế là may cho anh. Ông Lãnh có quyền gì mà bán ruộng công của làng. Hay là thế này. Vì thế này thì tiện hơn. Anh cần phải mua một chân Nhiêu, hay một chân Lý hào, Hương hào, như thế, vừa có được danh, vừa được dự ngôi hương ẩm, cũng nhất cử lưỡng tiện.

– Bẩm cụ lớn, con xin mạn phép cụ lớn, đây là bố con làm. Khánh thọ thất thập, chứ có phải con đâu mà cần đến danh nghĩa của con?

Tiếng hích hích cười :

– Thế thì anh, vẫn chửa nghe ra. Nếu anh có là Lý, Hương hào trở lên, thì anh mới được miễn trừ các tạp dịch phu phen. Có được miễn trừ thì những lúc nhà anh có công có việc, bố đứa nào cũng không bắt được anh đi đâu. Tôi nói gần thế này để anh dễ nghe ra : ví dụ anh cứ là bạch đinh, mà anh làm khao cho bố anh, làng này, có đứa nó tức, nhằm đúng ngày mai nó gọi anh đi đắp đường hay canh cột dây thép, thì anh bảo sao chỗ đó ! Hà hà ! Anh bảo sao chỗ đó? Mà anh không đi, nó trói gô cổ anh lại, nó đánh róc xác anh ra, nó làm biên bản tư tòa khép anh vào điều luật "bất tuân thượng lệnh" thì có mà tù, mà tù, con ạ?

Cốc đã nghe ra. Dù chẳng lấy gì làm thông minh cho lắm, hắn cũng chợt nghe ra cả những sự nộ của quan từ lúc hắn mới vào, đối với người có tên là Giáo Tế gì đó, chứ chẳng phải đợi quan còn gián tiếp nhắc lại hẳn trong câu hỏi tên người nhà :

– Thế nào ? Mày đến có gặp Quản Tuần không ?

Như một cái máy, Cốc buột miệng :

– Bẩm cụ lớn, thế mua Lý Hào thì mấy chục ạ ?

– Mấy chục ? Mấy chục là những năm kinh tế. Bây giờ thì ba trăm rưởi, kể cả bữa "tháp bút" ; Nhưng anh là họ nhà, ta đặc cách cho là ba trăm.

Cốc gãi tai :

– Bẩm, nhiều thế... chúng con không đủ... tiền.

Lão nạo bụng sồn sột, tay vê ghét, miệng cười :

– Sao họ đồn anh có bạc vạn kia mà ! Bạc vạn, mà có ba trăm một chân Lý hào, được dự hương ẩm, được miễn phu phen, được danh ông Lý đã vội kêu nhiều ?

– Bẩm cụ lớn, họ cứ đồn thế đấy ạ.

Im lặng một lát.

– Hay là thế này vậy, thì là ta tính cho con hết nước. Con hãy nộp cho ta "bán số", còn bán số, ta nhận bảo lĩnh với làng giúp, rồi mươi bữa nửa tháng sẽ nộp sau.

– Bẩm cụ lớn, quả là con không đủ tiền. Nếu cụ lớn thư cho đến sau này,con lo việc cho bố con xong, xem thiếu đủ thế nào, lúc ấy con sẽ xin nhờ cụ lớn.

Tiếng thở dài như cái bụng phưỡn bị xì :

– Ta cần ngay, chứ sau này thì còn nói gì nữa. Giấu gì anh, ta chả có tiêu của quỹ tư văn hàng huyện một món tiền, mai cần phải trả, nên tính rằng nếu anh mua Lý hào thì tất phải chồng tiền, ta hãy mượn tạm số tiền ấy của làng. Ấy, Chánh Vận, Nghị Như cũng cứ bảo khi nào cần tiền, hắn sẽ mang lên hầu tận nơi nhưng ta không muốn phiền người ngoài. "Bỉ dĩ kỳ phú khả dĩ ngô nhân, bỉ dĩ kỳ quý khả dĩ ngô nghĩa, ngô hà khiểm hồ tai !". Hắn là trọc phú ta là liêm quan ta không muốn nhờ đến hắn, mới thử hỏi anh. Nếu anh không đủ "bán số" thì "nhất bách" vậy.

– Bẩm...

– Còn bẩm gì nữa. Nghe nói anh cho ông Lãnh vay những hai trăm mà không cần phải làm giấy má. Hay là anh không tin ta bằng ông Lãnh anh ?

– Bẩm cụ lớn cứ dạy thế, con đâu dám không tin cụ lớn. Bẩm vâng. Vậy xin phép cụ lớn cho con về rồi lát nữa con xin đem hầu cụ lớn ngay ạ.

Thêm một lần, cái bụng phưỡn lại nẩy nẩy lên :

– Ừ, thế anh về, còn việc làm khao thì cũng nên tùng tiệm thôi, chứ lấy đâu mà xa hoa. Đồng tiền lúc này nó khó khăn, đến như chính phủ cũng phải tiết kiệm nữa là. Có lẽ đến chiều ta sẽ đến chơi với ông Thất để cho làng nước trông vào. Ừ, thế anh về. À ! Uống nước đã ! Uống một chén đã ! Bay ơi ! Lấy nước!

*

* *

Lủi thủi ra về, đầu Cốc nặng trĩu một lo âu và tính toán. Lo âu đến hối hận. Cốc hối hận cũng như đã hối hận cách đây một lúc. Hối hận từ sự hắn về làng, đến sự hắn đã làm khao. Tính toán nẩy ra ở khúc này. Mất thêm một trăm bạc nữa, hắn có còn cáng đáng nổi một mình hắn cái khao không ? Ắt là không. Hắn có thể không làm khao nữa không ? Ắt là không. Vậy thì đến giờ phút này, hối hận mà làm gì ! Giờ phút này phải giải quyết.

Hắn đương cắm đầu đi, vừa nghiền ngẫm một giải quyết chưa xong, thì đã rẽ quặt vào ngõ xóm hắn. Vì mải nghĩ, hắn đâm sầm phải một người từ trong ngõ đi ra.

– Ấy kìa ! Ông Hai !

– Chào ông... Ông Lý Tân.

Lý Tân giơ cả hai tay ra ấp vào tay hắn, vừa bắt, vừa rung, miệng tháo một tràng dài :

– May quá, đệ vừa vào quan anh để mời quan anh sang chơi xơi nước. Thấy nói quan anh xuống cụ Tuần đệ toan xuống đón quan anh, thì may sao lại được hạnh ngộ. Hè hè ! Thế nào mà tệ thế ? Từ hôm qua, năm bẩy tin cho cháu đến mời, ở nhà chỉ đặt sẵn nước ngồi đợi, mà chẳng thấy quan anh sang. Bận chứ gì ? Nhà đông khách thế, ai chả bận ! Nhưng đã có cụ, và các ông các bà ấy, thiếu gì người. Quan anh thì chỉ có mà bận "binh bố" và cái "khoản ta" ! Cái khoản sóc sóc ấy mà ! À thế nào ? Hôm qua thắng hay bại ? Ở làng nhà, đệ mà làm lý trưởng thì cứ là tha hồ. Mình là nhất lý chi trưởng, mình chẳng bới móc ra, quan trên biết đó là đâu ? Hè hè, phải không quan anh ? Thôi nào, xin mời quan anh đi trước.

– Gần nhà, mời ông hãy vào chơi tôi đã.

Cốc bị thân mật lôi đi xềnh xệch :

– Đệ vào rồi. Cụ Thất đã cho uống nước, ăn giầu đủ cả rồi. Với lại, nói chuyện cần chỗ tĩnh mới thú, chứ ở bên quan anh, đông người gớm lên ấy mà.

Đã hơi chột dạ. Cốc nhìn thẳng mặt Lý Tân. Cũng cà răng vàng như Cốc, y nhe đủ ra bốn cái cười hè hè, làm rộng thêm đôi mép không râu, và híp cặp mắt để cho khỏi lác.

– Nhưng có chuyện gì thế ! Cốc hỏi. Lành hay dữ ?

– A, tùy quan anh, cho lành thì nó nên lành, cho dữ thì nó nên dữ. Hè hè ! Nói đùa thế chứ ! Làm gì còn có chuyện dữ trong quan anh và đệ đây.

Y chợt chỏ cho Cốc một miếng đất bỏ hoang mà hai người đương qua :

– Này quan anh trông chỗ này thế nào ?

– Vâng, chỗ này mà dựng lên một nếp nhà...

– Còn nói gì nữa ! Nếu dựng được nếp nhà, thì đệ lại được làm hàng xóm của quan anh, vì kia, bên kia là vườn nhà đệ. Chả mấy, nếu quan anh định tậu thì chả mấy hột tiền. Tôi bảo với giáp tôi một tiếng là xong hết.

– Vậy ra đây là đất của giáp. Ông Lý ở giáp nào nhỉ ?

– Tây Thụ mà ! Quan anh thì ở giáp Đông Cầu, rõ hay quên ! Cái độ thuở bé, tôi còn nhớ giáp Đông Cầu và giáp Tây Thụ cứ mỗi khi đám tháng ba, lấy phần thịt bò là lại tranh nhau, đánh nhau, có khi đến án mạng.

– A, nếu thế thì quan Tuần và quan Lãnh cũng đã bảo...

– Vâng, chính thế, từ khi hai cụ lớn Tuần và quan Lãnh về hưu, đứng ra đốc xuất việc chia phần thịt tại đình, thì mới bớt đi.

Không ngờ bị một đòn đánh thẳng vào điểm yếu mình, nếu ở người khác thì đã cuống lên, nhưng Lý Tân là tay có bản lĩnh. Hắn đáp gọn lỏn :

– Vâng !

Rồi mới cười tiếp :

– Vâng ! Quả quan anh là người lịch lãm, giao du nhiều, nên biết của, biết người. Thôi thì giấu người ta chứ giấu gì quan anh. Phương ngôn nói "thợ may ăn giẻ, thợ vẽ ăn hồ". Làm nghề gì ăn nghề ấy. Như trên các cụ lớn thì không dám. Các cụ thì nhiều thiên quan thiên lộc, quan anh đưa đến hàng trăm, hàng nghìn cũng là. Thế nào rằng: "Tiến vi quan, đạt vi sư, mồ mả có hư mới vị thằng lý trưởng". Xem như thế thì đệ dám bì thế nào được với các cụ lớn, các quan. Đệ cũng chỉ nghĩ rằng thôi thì mèo nhỏ bắt chuột con, cái đó xin tùy lượng quan anh xử liệu.

Vốn thẳng tính. Cốc cảm thấy mình gần Lý Tân ở câu nói thẳng

thừng ấy. Tuy nhiên, hắn tưởng cần đáp "ba dọi" một câu để tỏ mình không phải là tay quých :

– Ví thử mà tôi không có tiền nữa thì ông tính sao ? Hay là luật bắt phải thế ?

Nhưng đã nói rằng Lý Tân là tay có bản lĩnh. Y chẳng chịu rứt tiếng cười :

– À vâng. Nếu quan anh không nghĩ lại cho, thì đệ cũng xin chịu, chứ biết tính sao ? Còn như nói đến luật thì nó vô cùng. Bởi vì luật là gì ? Luật tức là ta, ta tức là luật vậy.

Cốc ngẩn mặt. Lý Tân láu lỉnh nháy mắt một cái rồi nhếch mép, cắt nghĩa :

– Đệ nói thế này thì quan anh rõ nhé ! Nói ngay như trong đám khao của cụ Thất nhà, thể nào chả có rượu lậu, thể nào chả có thuốc phiện ngang, thể nào chả có xóc đĩa ? À, đám sá ở nhà quê này, muốn cho vui, thể nào chả có ba món đó ? Vậy ba món đó lại đều là đồ quốc cấm. Mà người đứng ra ngăn ngừa những đồ quốc cấm đó là ai? Là nhà nước ? Nhà nước ở xa là quan trên ? Quan trên cao xa! Vậy thì phải là kẻ "nhất lý chi trưởng" của làng này, tức là em của quan anh đây ạ. Đệ nói luật ở như ta, nó là cái nhẽ thế. Nhưng nay, nếu mà quan anh đã biết đến đệ, quan anh với đệ đã là chỗ thân tình, thì đệ cứ việc ngơ đi, rượu lậu thả cửa uống, phiện ngang thả cửa hút, xóc đĩa thả cửa càn hồ, đệ cứ việc ngơ đi, thì nhà nước biết đó là đâu ? Quan trên biết đó là đâu ? Đệ nói luật cũng không ở như ta, nó là cái nhẽ thế. Hè hè ! Quan anh nghĩ xem có phải không ?

Càng thầm cảm về tính thực thà của Lý Tân. Cốc hỏi thẳng :

– Thôi được. Thế thì ông định... ông cần bao nhiêu ?

– Xin tùy lượng quan anh, quan anh cho bao nhiêu thì cho. Ối thôi thì, nói gần nói xa chẳng qua nói thực cứ xin quan anh ban cho ba... nén.

Cốc không hiểu.

– Ba nén là ba đồng thôi ấy à ? Ít thế ?

– Hè hè. Bẩm quan anh, vâng, chỉ dám xin quan anh có ba nén, ít thế thôi, mỗi nén có mười lăm đồng thôi. Hay quan anh có rộng thì ban cho đệ hẳn nửa cái... đỉnh.

Cốc trợn tròn hai mắt :

– Nghĩa là những bốn mươi nhăm đồng. Sao nhiều quá thế ? Thế thì tôi đến kiếu cả rượu, cả thuốc, cả xóc đĩa, tôi đến kiếu cả thì đã chết ai ?

– Bẩm vâng. Miễn là quan anh không kiếu được làm khao.

– Tôi cứ làm khao đã sao ?

– Bẩm vâng, đệ có quyền gì dám cấm quan anh. Đệ muốn nói rằng nếu quan anh cứ làm khao thì hè hè ! (Hắn sống sượng cười) Hè hè ba hôm khao : nay, mai, ngày kia, ngày thì xin mời quan anh đi... đắp đường, đêm thì xin mời quan anh ra điếm gác cột... dây thép.

Câu nói sống sượng quá đã đâm Cốc thấu lòng tự ái. Hết cảm vì tính thực thà của y. Cốc hớ hênh thách nhưng là thứ vừa thách vừa cười :

– Tôi đố đấy. Cụ Tuần đã nhận mua Lý hào của tôi.

Lý Tân sống sượng già hơn :

– À, bẩm quan anh ạ, Lý hào nhưng quan anh chửa khao dân, chửa vọng làng, thì quan anh vẫn là thằng bạch đinh. Ừ thì nói rằng quan anh ôm chân nấp bóng cụ Tuần, cụ che chở về việc phu phen, nhưng còn, hè hè... tôi xin đổi câu lúc nãy đã nói với quan anh : "Tiến vi quan, đạt vi sư, mồ mả có hư mới vi thằng lý trưởng" ra là "tiến vi quan, đạt vi sư, mưu trí có dư mới vi được lý trưởng".

Cốc càng ngượng. Hắn vẫn phải cười và cãi cho đỡ ngượng :

– Mưu trí thì ông làm cái gì người ta mới được chứ ? Đồ quốc cấm tôi không nhé. Tuần ông không bắt được nhé. Hỏi mưu trí thì làm cóc gì nhau ?

Lần này, Lý Tân không hè hè. Y cười rũ rượi ra, cười đến chảy nước mắt, cười ngây thơ có đượm một thương hại như khi ta cười đứng trước một trò trẻ ngây thơ, rồi mới nói lên được :

– Bẩm quan anh, quan anh cứ dạy quá lời, chứ quá mưu trí ấy thế mà vẫn còn làm được lắm việc đấy ạ. Ví bằng quan anh đừng làm khao, nó đi một chuyện khác. Chứ nếu mà quan anh vẫn lo cho cụ thì ắt nhiên thể nào chả có khách ở tỉnh về, thể nào chả có khách ở các nơi khác đến. Bẩm có hay không ?

Sợ bị đưa vào bẫy, Cốc không dám trả lời.

– Tất nhiên thế nào cũng có rồi. Và một người quảng giao như quan anh, tất nhiên sẽ còn có rất nhiều. Quan anh lúc nãy đã nói đến

luật. Vậy theo luật thì tôi có quyền giữ sự trị an cho làng, lại theo tờ sức của tỉnh gần đây, tôi có quyền kiểm soát những ai lạ mặt đến làng. Nay tôi cứ đợi cho khách của quan anh, đương giữa tiệc vui, tôi đem tuần đến hỏi thẻ từng người. Một cái nhục cho quan anh. Chưa hết. Rồi bất luận có thể hay không, tôi hãy sai tuần giải tuốt ra điếm, trói tuốt lại một đêm, mai sẽ hay. Hai cái nhục.

Nhìn thẳng mặt Cốc, Lý Tân lại cười to ha hả :

– Bẩm như thế, cái luật lại ở như ta rồi đấy ạ.

Y im một lát, vẫn nhằm mặt kẻ địch :

– Quan anh còn muốn biết thêm vài thí dụ nữa ? A, đã bảo "mưu trí có dư mới vi được lý trưởng". Tôi sẽ kể vài thí dụ nữa hiến quan anh, để sau này nhờ tổ ấm, có ra làm việc vua việc nước, may ra sẽ dùng đến chăng.

Chợt hiểu, nhưng Cốc còn im lặng một lát, rồi mới tay móc túi, tay sua :

– Thôi ! Thôi ! Đây chỉ còn đủ hai nén kính ông, ông nhận giúp gọi là mua chè lá.

Chỉ liếc mắt qua đã đếm đủ sáu tờ giấy năm đồng đặt trên đĩa, Lý Tân vờ như không quan tâm đến lắm, tay nâng chén nước cho Cốc, miệng còn mải về câu chuyện vừa rồi :

– Đệ nói vậy cho vui mà thôi, chứ chỗ quan anh với đệ, dù chẳng cho một xu, thì cũng chẳng khi nào nỡ muối mặt với nhau. Có mà chó! Có mà chó !

Hắn cầm đút tọt vào túi tập giấy bạc.

– Dạ, nhưng quan anh đã ban, xin bái lĩnh ạ. Thế này thì khí ít, nhưng cái lộc của quan anh một chút cũng thơm. Xin đa tạ.

Y đứng dậy vì thấy Cốc đứng dậy :

– Thôi, chắc quan anh bận, đệ không dám giữ... Lạy quan anh lại nhà. Chốc nữa đệ xin sang.

Trân trọng tiễn khách ra tận hiên, đợi khách đi xa Lý Tân còn gọi với :

– Và quan anh ạ. Tối nay có chiến, xin cho đệ biết trước, đệ sẽ sai tuần canh các ngách hiểm yếu đề phòng lính Phủ có lên đã có người... cấp báo. Chỗ anh em mình với nhau ấy mà.

Y cười tủm, nháy mắt với mình một cái, vì trông quanh không có ai.

PHẦN THỨ HAI

I

Lại một tràng pháo nữa !

Và gọi. Và thưa. Và cãi nhau chí chóe.

Cả tiếng lợn éc hòa lẫn tiếng kèn nói.

Cả tiếng băm thớt xen lẫn tiếng phách nhà tơ.

Gọi vẫn gọi. Thưa vẫn thưa. Chí chóe càng chí chóe.

– Này. Ai cho xin nắm muối để hãm tiết ?

– Nước đun thế nào chửa sôi kỹ, cạo lông lợn không đi ?

– Cụ Thất nhỉ : "Nhân sinh thất thập cổ lai hi"... Quái, ông cụ vừa đây đã chạy đâu rồi ? Ông Binh nói với cụ lấy xin thêm... ngao thuốc.

– Có ai trong bếp vứt cho lọ mắm ?

– Này ông Đồ. Tôi vừa nghĩ một đôi câu đối mừng cụ Thất, ông phụ chỉnh giúp. Xin đọc ạ : "Chẳng hám công danh, chín mặt con hiền thừa phúc tổ", đối với... mà mà...

– Kìa, đã bảo ai trong bếp làm ơn vứt cho lọ mắm ?

– Thôi thế là mất ù mẹ nó Cửu vạn rồi.

– Lẻ thừa một trăm.

– Ông Hai ? Lẻ thừa một trăm. Tôi đắt hộ ông nhé ?

– Ồ ! Thế là ông Hai đương vận đỏ. Đắt hộ mà cũng được xơi ngon bạch nguyên.

– Ai ? Ông Hai Cốc ấy à ? Thích nhỉ. Ấy, ông vặn cho nghe bài Nam bình.

– Nam bình buồn. Ông vặn cho nghe bài "tuộng canh".

– Đám khao ai lại đi tụng kinh ? Cứ nói tụng kinh, có cụ Tuần đây đâu mà phải kiêng húy "tuộng" với chả "canh". Có bài hát Tây gì ông vặn cho nghe. Nó lạ tai một tị.

– Ông Hai vào cụ Tuần gọi.

– Kìa, cụ Tiên gọi. Ông Hai vào ngay xem.

– Thôi chết bỏ mẹ mình. Mới đến, hoa mắt, cứ tưởng các cụ chưa có đây. Ông Hai vặn cho nghe bài "tuộng canh".

Uể oải, Cốc giao cho Binh Sếu vặn máy hát, đi vào.

Trong khi dưới bếp làm lợn, ngoài sân xóc đĩa, thì trong nhà, các cụ, ai thích phiện thì phiện, ai thích tổ tôm thì tổ tôm, ai thích cô đào thì có cô đào, ai thích máy hát thì máy hát.

Vì các cụ đông quá, phiện phải những hai khay, tổ tôm năm bàn. Trừ gian giữa, trong là bàn thờ, ngoài kê chiếc sập để ai thích nghe hát nhà tơ, dọc hai gian bên, họ đã ngồi lên hai dẫy phản kê liền, số tài tử của phiện cũng ngang với số hiếu tĩnh thâm niên ; số chầu rìa bạc còn đông hơn số con bạc chủ động.

Hiếu tĩnh thâm niên là cụ Cử, cụ Hàn, cụ cố Tham, cụ Tuần anh, cụ Thứ. Bàn dưới là hơn chục "đàn em hư hỏng".

Con bạc chủ động là những cụ Tuần em, ông Ấm, ông Cả, cụ Chánh Đương, ông Bá Cựu. Bốn chiếu dưới vẫn là hai chục "đàn em hư hỏng" vì... máu mê !

Song cũng có nhiều cụ vừa hiếu động lại vừa hiếu tĩnh, nên đã đem tấm thân già hiến làm một con thoi. Những cụ đó đã tính toán chi li : đánh bạc thì mất hồ - tiền đầu hội – thuốc phiện thì của sự chủ phải cung. Vậy đã mất hồ, tội gì không nhờ ai cầm hộ bài đi cố hút cho nó... bõ !

Cả mấy kẻ đánh xóc đĩa ngoài sân cũng tính chi li như thế. Nhưng đó cố nhiên không đến phần thằng Cu, bố Đĩ. Cũng không phải một vài mụ đương lần hầu bao lấy són ra từng đồng hào một đặt vào chiếu bạc, để được một hào thì cười, thua một hào thì mếu. Cũng không phải bầy trẻ mới cạo bóng đầu, hay đầu còn để chỏm, đã chạy về bổ ống lấy tiền mừng tuổi tết đem thiêu nhẵn nhụi, rồi khóc tu tu.

Thành ra suốt một đêm, chỗ nào cũng nhộn, chỗ nào cũng đông. Ngoài ngõ là nơi hẻo lánh, thế mà cũng ồn lên những tiếng thầy Lý – đáng chừng đốc thúc tuần đứng canh phòng... nhà chức trách để giữ chữ "tín" – đương quát tháo lũ ăn mày.

Hiu quạnh hơn cả, có chăng là đám hát nhà tơ. Kép thì ngủ gật. Đào hát – bà Cửu – thì xuân xanh cũng đáng ăn khao khánh thọ... lục tuần ! Đào rượu thì vừa chột mắt, vừa có mang vượt bụng.

Hiu quạnh nữa, là lòng Hai Cốc. Hắn đã cố vặn máy hát để cho quên mọi sự và "đất" một vài tiếng bạc để cho hăng mọi sự. Nhưng sao ? Lòng cứ ỉu dần.

Vợ chồng Xã Thuổng, vợ chồng Ba Nông, nét mặt tươi nở hơn vì

được tiếng làm khao cho bố mà không bị bổ tiền. Binh Sếu suốt ngày đêm mỏi cổ để vênh váo trong bộ binh phục có những chiếc khuy đồng to tướng in hình mỏ neo, cố trả thù một số hương chức xưa kia đã bắt hắn đi phu. Sáu Diệc và Bẩy Út lúc nào cũng đầu tắt mặt tối chỉ huy việc cỗ bàn. Song họ không quên thỉnh thoảng đảo lên nhà trên để được các cụ hỏi han một vài lời, điều mà bình sinh, họ chưa hề mong tới.

Lão Phó Cò quả đã khật khừ như một con... cò bợ ! Thức đêm nhiều mà lại. Mệt ! Mệt nhưng mà sướng ! Tự nhiên lão thấy rằng không ai dám hỗn với lão nữa. Quan Tuần đến nhà. Quan Lãnh đến nhà. Cụ Hàn đến nhà. Cụ Cử mấy đêm liền nằm lỳ ở nhà. Thế thì, còn có sợ gì cái bọn Tổng, Lý tôm tép mà lão không khinh đứt ? Lão có thể bất cần cả quan Tuần nữa ! Bất cần cả quan Lãnh nữa ! Chả gì, họ cũng đã vay tiền của con lão. Chả gì, hôm qua, vờ say rượu, lão đã cớt nhả xoa đầu họ và gọi họ bằng... anh ! Nghĩa là có sợ, lão chỉ sợ... con lão thôi. Không phải sợ đủ các con đâu. Lão chỉ sợ riêng Hai Cốc. Không cần sợ ai, sợ con thì lại càng sướng chứ ! Thế là sướng ! Luôn mồm, lão uống rượu. Luôn mồm, lão mếu máo... cười.

Thấy bố cười, sướng, Cốc càng thêm buồn. Càng buồn, khi kẻ này hỏi hắn tiền để mua thêm thuốc phiện. Càng buồn, khi kẻ kia hỏi hắn tiền đi bắt thêm con lợn vài bốn trăm đồng làm cơm sáng mời các cụ "điểm tâm". Càng buồn lắm, khi nghe quan Tuần gọi hắn vào. Vì hắn nghiệm ra từ hôm bắt đầu làm khao rằng khi nào các cụ gọi vào, chỉ có dữ nhiều lành ít. Hắn đã "kinh cung chi điểu".

– Thế nào ? Đã cho sang tôi lấy con dê về cho đủ lễ "tam sinh" chửa ?

Cụ Tuần em, trong khi chờ người khác lên xong bài, chập bài mình lại, hỏi :

– Bẩm đã ạ.

– Ừ ! Thế thì có định mời lại quan Trợ Đức Thụ thì để tôi biên cho cái thiếp. Mà mời người ta, chỗ quan cách, thì cỗ bàn phải làm lấy một vài mâm lịch sự, tồi ra cũng phải đủ giò, nem, ninh, mọc, chứ chả bôi bác "thất từ" như cỗ đãi làng được đâu.

– Dạ, bẩm cụ lớn, như thế thì, tuy vài mâm giò nấu cũng chẳng tốn kém bao nhiêu, nhưng sợ làm hai thứ cỗ, làng người ta nói.

Lão đương cười, day đít một cái, bỏ điệu xếp vành ngồi lên bó

gối. Lão dỗi, dằn từng lời :

– Nói cái gì mới được chứ ?

– Bẩm, họ nói rằng cỗ đãi khách một thứ, đãi dân một thứ... Khinh dân.

Giật chiếc khăn trên đầu, lão quật xuống phản :

– Rõ dở ! Khách khác thì cũng "thất từ". Chỉ có cụ Tuần anh, tôi, và quan Lãnh là cần một mâm lịch sự để tiếp quan Trợ. Nói cái gì chứ ? Ty cái gì chứ ? Cái gì cũng phải có tôn ti trật tự. Thế ai bảo dân làng không đi mà làm quan cả để ăn cỗ đồ tàu như chúng ta ?

Đuối lý, Cốc đứng im. Lão đổi giận làm lành :

– Này anh Hai, nói thế chứ, anh cứ bảo người nhà làm lấy một mâm lịch sự thôi. Và này ! Tôi thua hết cả tiền, anh cho mượn hai chục nữa. Nếu không, đến phải đứng dậy.

– Bẩm cụ lớn, lúc nẫy cụ lớn mới lấy hai chục ?

– Ừ thì hai chục này là bốn. Anh vừa mới được xóc đĩa những một trăm.

Vừa thần lần mặt, Cốc uể oải móc túi lấy ra cái giấy hai chục. Hắn não nuột thở dài :

– Bẩm, thua suốt từ tối đến giờ mới được một trăm. Bẩm, thế này là cả thẩy bốn chục. Trừ tiền con dê, còn hôm nào cụ lớn...

– Chết ! Đằng nào đi đằng ấy. Dê của bà lớn, phải trả đủ số hầu bà lớn. Còn bốn chục này, cứ biết tôi vay riêng anh.

Cốc đành chán nản quay ra.

– Này ông Hai.

Hắn nhìn lại. Người gọi là ông Chánh Cựu Năm.

– Tiện thể đấy, ông cho tôi giật lửa mười đồng, chốc nữa về bảo cháu đem giả ngay. Khỏi phải về nhà lấy.

Hắn ngại.

– Hay là ông không tin tôi mười đồng bạc ? Sợ tôi không giả được phỏng ? Này ông Hai, thế này thì tiện : nghe đâu nhà cũng có lấy mấy chục chai rượu của nhà tôi đấy, ông cứ trừ vào mười đồng tôi vay. Thế có được không à ?

Hai tờ giấy năm đồng lại bay vào lòng lão Chánh, mặc Cốc cứ việc bần thần mặt, cứ việc não nuột thở dài.

Và lại chán nản quay ra.

Ba bốn tiếng ở sau lưng bỗng cùng kêu lên :

– Ô ! Đánh thêm hội nữa để người ta gỡ đã chứ ? Tôi đương thua.

– Bây giờ mới giết lợn. Đánh thêm hội nữa, rồi về nhà ăn cơm, rồi còn tế Tổ xong, mới tế Bàn đào. Sớm chán. Để cho cụ lớn gỡ, ông Bá ?

– Đánh nữa thì các ông cho tôi vay tiền.

Như có một thần lực, câu nói ấy đóng sập tất cả mọi cái miệng mời chào. Im lặng một lúc. Tiếng ngáp. Tiếng vươn vai. Tiếng người đứng lên.

– Thế chú Bá Cựu thôi thực à ? Rõ thực "nan du". Mình, tám hội bài, hai hội "bạch túc", ba hội, mỗi hội một "suông", lại một hội "bạch túc", đến hội vừa rồi được một "tôm", một "lèo", bài nó mới đương hồi thì lại thôi, mất cả thú. (Tiếng nói gay gắt gần như quát) : Thà rằng ngủ từ chập tối ở nhà cho nó no mắt ! Vọng với chả khao ! Đám với chả sá !

Cốc đương đứng với bố và các em ở ngoài sân thương nghị việc "làm một mâm cỗ đồ tàu", nghe như có ai chỉ trích về vọng khao, đám sá, sợ có điều gì sơ suất, đều hốt hoảng chạy vào. Lão Phó Cò thở chẳng ra hơi :

– Bẩm các cụ, có điều gì ạ ? Bay ơi ! Lấy thêm giầu, thêm nước lên đây. Rõ khổ, cứ xúm quanh ở ngoài ấy, chẳng anh nào túc trực đây cho. Bẩm có điều gì xin các cụ cứ dạy ạ.

Bốn cái miệng thi nhau nói. Thêm cả cái của Bá Cựu cho đủ số năm.

Hai Cốc hiểu. Nhưng ác thay ? Bố hắn cứ ngu độn gãi tai, hỏi dồn :

– Thế thì sao ông Bá không đánh thêm hội nữa, rồi thì ở luôn đây, tôi đã bảo làm cơm.

– Thưa cụ, nhưng tôi hết tiền.

Ngồi nguẩy xoay lưng về phía Bá Cựu, lão Tuần trông đi :

– Hết tiền thì hỏi vay tiền. Nhà người ta làm khao, cốt mình đến để mua vui.

Nói đoạn, lão vùng đứng dậy.

– Thôi anh Bẩy. Đôi giầy tôi gửi hôm qua cất hộ đâu, lấy ra đây! Về ngủ ! (Lão chõ miệng sang phe có bàn đèn). Xin mời cụ lớn anh về ạ.

Đã định vờ đi, không ngờ tình thế trở nên quyết liệt, Cốc đương tìm cách xử trí, thì Phó Cò đã cuống lên gọi hắn, tuy hắn đứng sờ sờ ngay bên :

– Cậu Hai đâu ? Cậu Hai đâu ? Đưa cho tôi mượn mấy chục đây. Bẩm, tưởng gì chứ tiền thì cần gì. Dạ, xin rước cụ lớn cứ ngồi lên cho. Bay đâu ? Ra chia bài đây. Này thế ông Bá cầm tạm hai chục chỗ hầu các cụ giúp tôi. Bao giờ có giả cũng được.

Canh bài lại vui vẻ tiếp tục. Phó Cò đắc ý, xoa mãi hai tay vào nhau, mếu máo cười.

*

*   *

– Này cụ Thất !

Lão vội sang chỗ bàn đèn.

– Bẩm quan lớn dạy gì kia ạ ?

Đương nằm tiêm, cái mặt đen sì và hai càng râu của lão Lãnh nhô lên :

– Không dám, cụ dạ giời. Có anh nào rỗi, cụ bảo đi đằng này giúp tôi... Bảo chạy về nhà nói với bà lớn đưa tôi... hộp thuốc.

– Ấy chết. (Thêm một lần Phó Cò rẫy như dẫm trên lửa). Bẩm sao lại thế ? Vừa rồi tôi nghĩ cháu nó đã mới đưa một hộp mười đấy ạ?

– Mười à ? Ngần này người hút chẳng bõ hộ pháp cắn chắt. Lại thêm các cụ bên ấy sang "giải đen" mỗi cụ dăm điếu. Còn được một ít dính hộp và vài viên sái nhị thì Nhiêu Xách "bớ lè" đem về nuốt, nói dối là làm thuốc đi ngoài. Này cụ Thất. Cái gì cứ nói thực, "bạc lề phẳng". Thuốc bây giờ "tố se". Đã đành rằng chúng tôi hút bao nhiêu, cụ cũng cung được, cái áo còn lo được nữa cái giải. Nhưng có sợ tốn, cụ Thất ạ, có sợ tốn cứ bảo anh nào về bên tôi lấy. Hay là thế này này... (Lão ngồi nhỏm lên, móc bao phục ra hai giấy năm đồng, trông về cụ Hàn, cụ Cử) : có cụ nào dắt tiền, tôi mượn mỗi cụ vài mươi đồng nữa. Hay là thế này, cụ Thất ạ, tiền đây, chúng tôi "cô-ti-dê" với nhau, phiền cụ bảo đi mua giúp chúng tôi.

Phó Cò lại dẫy nẩy. Rồi lại trông quýnh trước sau :

– Chết nỗi. Sao các cụ lại xử thế ? Cậu Hai đâu ? Bảo nó đạp xe của anh Binh đi mua thêm mấy hộp thuốc nữa đi. Giời sinh ra thế chứ, một đời người mới có một lần, các cụ đến chơi là quý.

Vừa đấm ngực, cụ Tuần anh nói qua tiếng hen xuyễn :

– Chính thế đấy, cụ Thất ạ. Có quý cụ thì mới đến đây, chứ cơm thì nhà ai chả có cơm, thuốc nhà ai chả có thuốc, (Lão lại đấm ngực ngồi lên thở... hụ hụ hụ hụ..., thì... hụ hụ... ới giời ơi). Tôi máu nhiệt, cứ hút vào thì nó đề khí lên thế này... hụ hụ... ở nhà thiếu... Ai ! Ái! Buốt, ối buốt ! Quan Lãnh. Làm ơn tiêm cho tôi một điếu... hụ hụ... cho nó hạ bớt cái đờm đi...

Tiếng dọc tẩu lại tiếp tục ro ro, các nụ cười nở trên mọi cái môi thâm sì.

*

* *

– Ọe,

– Cái gì đấy ?

– Ọe ! Ộc ! Ọe !

Một tiếng kêu thất thanh :

– Các ông các bà ơi ! Cụ Tú Ba làm sao thế này ?

Mọi cái đầu đương ngả đều ngóc lên. Mọi cái mắt đương nhìn bài đều quay lại. Chúng đổ dồn về cái sập gian giữa :

Thảm cảnh phi thường ! Một hình người gầy gò rúm ró nằm gối gọn lỏn lên... đùi một cô đầu, – cái cô đầu bụng chửa đã giới thiệu rồi, – râu bơ phờ, tóc bơ phờ, mặt mày sám ngắt. Quằn quằn quại quại như con đỉa phải vôi, có lúc nó quắp lại, có lúc nó rãn ra, và ọe, ộc, ọe. Nó là cụ... Tú.

Đáng lẽ thì cười, nhưng không ai muốn mang trách nhiệm là hễ cười, nạn nhân sẽ chết.

Một người hét to :

– Ai lấy cho củ khoai lang sống, mau. Say thuốc phiện đây mà... Cả rượu lẫn thuốc phiện !

Một nhẹ nhõm bay khắp ba gian nhà. Một kẻ đã dám khôi hài :

– Không hút, không uống được, ai bảo lại cứ tiếc của giời, cố hút, cố uống. Nhưng có nhẽ không phải vì cụ say thuốc và rượu. Cụ say vì cái... bụng của chị Tuyết cũng nên...

Cô đầu rượu hất vội mớ tóc bạc của nạn nhân khỏi đùi, cho cái sọ rơi xuống sập đánh cộc, nẩy lên hai ba nẩy. Mọi tiếng cười ồ. Câu chuyện ngả mầu lả lơi. Vài bàn tay cấu véo :

– Ông cụ thế tức là tại chị Tuyết... – Chính thế, chị có làm gì ông cụ mới trúng gió – Bắt vạ ! Thanh thiên bạch nhật mà dám làm trúng gió con nhà nho... Bắt vạ ha ha...

Mọi tiếng cười, nói, reo đều im bặt. Bà Tú tất tả chạy sang. Rẽ đám đông, bà chạy sổ đến chồng. Bà lay ông. Ai cũng tưởng bà khóc. Trái lại, bà gầm gào :

– Thế này có giết chồng tôi không hử, các ông các bà ơi ! Các ông giầu thì các ông hút, các ông sách, các ông uống... Việc gì các ông giết chồng tôi... – Ông cụ Phó Cò đâu rồi... Ông khao thế này đây... Ông vọng thế này đây ? Xem đã cám cảnh chửa ?

Phó Cò lại phải phá vòng vây vào, can ngọt :

– Thôi cụ Tú ạ. Mời cụ cứ yên tâm ra ngoài rạp xơi nước. Chỉ ăn xong củ khoai này thì khỏi ngay mà ! Cụ ông say thuốc lào đấy chứ gì mà sợ.

Mụ vùng hất tay khỏi tay lão :

– Uống thế thì lấy nước gì mà uống ! Hút thế thì đốt lông gì mà hút ! Ai chả biết nhà ông ăn khao, nhà ông gá xóc đĩa, nhà ông hút thuốc phiện lậu, nhà ông uống rượu lậu. Nhà ông uống rượu lậu : Nhà ông uống rượu quốc cấm ! để ông giết chồng tôi !

Bá Cựu, em ruột mụ Tú, vốn biết tính chị, đứng ra can :

– Thôi, làm gì mà phải nói to ! Nhỡ Tây Đoan hay quan Phủ đi tuần qua, thì có hại chúng tôi không ? Rượu thì cũng nửa lậu, nửa ti, mà nghe như cụ Thất cũng lấy của bà thì phải.

– Lấy gì ? Người ta còn lấy của bà Chánh Cựu Năm ! Người ta còn hám được rẻ hơn mỗi chai năm xu. Thế thì một đằng rượu thùng, một đằng gắn si mà lại chả cao hơn năm xu ! Các người cứ việc đi mà lấy của bà Chánh, lấy mươi chai về để làm cảnh ở bàn thờ, che mắt quan trên, còn thì trong buồng kia kìa, đống rơm kia kìa. Có từng hũ rượu lậu.

– Thôi, bà ra xơi nước. Nam quốc nam nhân cả. Rồi tôi nói với cụ Thất lấy toàn rượu gắn si của bà.

Hai Cốc tức uất, môi cắn lại, hai mắt đỏ long. Hắn hùng hổ chạy vào, ấn cho mụ Tú một... nắm giấy bạc :

– Đây, mười lăm đồng đây. Cụ bán cho chục chai. Giá rượu của cụ chỉ có mười bốn đồng rưỡi, nhưng tôi giả cụ cả mười lăm đồng một chục. Cụ bằng lòng chứ ?

*

* *

Được bằng lòng, mụ Tú vừa cầm chén nước đặt lên miệng. Thì :

– Bác Hai đâu nhỉ ? Ai có thấy bác Hai đâu nhỉ ? Một tiếng hỏi ở ngoài rạp.

Trong nhà, một tiếng đáp :

– Ông ấy đây. Kìa ông Hai !

Chưa kịp quay ra, Cốc đã thấy Bẩy Út ngơ ngác bước vào. Hắn khẽ bấm tay anh, lôi đi, rồi khẽ nói :

– Nguy quá. Bác xuống bếp ngay hộ. Chí nguy !

Ra đến sân. Út vẫn giữ giọng thì thầm :

– Lúc nẫy, chả thầy nhờ lão Đồ Hai Kinh lên giấy cho mõ đi mời lại những người trong làng. Thày đã đọc tên từng người một để lão ấy biên. Lúc thày đi khỏi, lão tự tiện biên mời bừa cả các họ nội, họ ngoại, con rể, cháu nuôi của lão, nhà vợ lão, nhà thông gia lão. Thế có ức không ? Mà những thằng ấy thì cả đời nó chả hỏi ai một lời, chả mời ai một bữa.

– Thì thí cho nó !

– Nhưng mà còn cỗ nữa chứ. Cỗ tính đã có hạn, mời vung lên thì thiếu bét. Đã ông Trưởng cùng cứ xui thày mời bừa đi, chiêng làng dùi dứa, em đã không muốn nói rồi.

– Vậy thì ?...

– Em tức quá, đã bảo thẳng ngay lão Đồ Hai, chẳng nể nang gì. Tưởng lão là người ăn học, thì biết điều, không ngờ thấy bảo, lão lẻn xuống bếp... xúi bẩy tất cả những người làm giúp bỏ ra về, thì có chó không ? Kìa anh trông : nguy quá mất !

Trông vào bếp, không cần phải em nhắc câu sau, Cốc cũng thấy tình hình nan giải thực. Ngoài mấy người đàn bà đù đờ, và ngoài vài đứa trẻ vác bụng không nổi, hai chục người làm giúp đắc lực đều bãi công về hết, để cho nào lợn, nào dê, nào gà... phanh ruột ra chiêu ruồi nhặng trong năm gian bếp vắng teo.

Biết tính thế nào bây giờ ? Bằng một cử chỉ, Cốc bảo Bẩy đi triệu tập ngay bố và các anh em xuống hội đồng bất thường... dưới bếp để xem tính thế nào ? Nghe dứt câu chuyện. Binh Sếu cởi ngay chiếc áo bành tô, sắn tay áo trong lên đến nách :

– Ít cần họ ! Không ai làm giúp, thì anh em ta làm lấy. Nào chú Sáu, nào chú Bẩy.

– Phải đấy. Sáu đáp.

– Phải đấy. Bẩy đáp.

– Cậu Tư nói phải đấy. Xã Thuổng chồng vừa cởi được cái quần trắng quàng lên cổ, để chỉ mặc cái nâu.

– Tôi cũng biết luộc thịt. Tôi cũng biết đun bếp. Tôi cũng biết bưng mâm. Tôi cũng biết...

Ba Nông, lần này vì lòng công phẫn, trước khi nói đã không nhìn hỏi trước ý vợ. Thấy bị lườm, vừa cởi được cái áo the ngoài, hắn vội vã mặc lại và im.

Vợ hắn bĩu môi :

– Tôi cũng biết... gì nữa ? Cái bộ ấy thì có mà biết... ăn cũng chả xong.

– Thế thì thày tính thế nào ? Thím tính thế nào ?

– Tao tính rằng cho nó gọi họ sang...

Nói chửa hết câu, lão lại tự đáp ngay :

– A, nhưng chắc rằng họ chẳng chịu sang đâu.

– Còn thím Ba ?

*

* *

Có người hỏi từ gian bên làm tất cả quay lại :

– Này, mợ Ba có cất cỗ lòng không thế nhỉ ?

– Không.

– Thế thì đâu mất ? Cỗ lòng con lợn trước thịt ra, luộc rồi, vừa treo chỗ này, thế thì đã biến đi đâu mất ?

– Chết ! Sao lại mất ? Bẩy tám cái mồm cùng giật giọng hỏi về Xã Thuổng vợ.

Rồi Nông vợ tai tái sắc diện :

– Sao lại mất được ? Các cô, các cháu thử tìm kỹ xem nào.

Sau một lúc tìm tòi.

– Mất thực rồi còn gì !

Bẩy tám cái mồm cùng một tiếng thở dài.

Lão Phó Cò quên phắt là việc không nên nói to :

– Thôi ! Thôi ! Thôi ! Tôi biết rồi. Việc này lại có đứa làm phản ông đây. Con lợn mà nó lấy mất cỗ lòng tức là nó lấy cả con lợn, chứ còn dám bầy cho ai ăn. Việc này có đứa làm phản ông đây. Ông biết rồi. Ông biết.

Bị động lòng, Nông vợ lên tiếng, thị chả là con thúc bá với nhà Trương Tùng.

– Ông cứ chửi bố đứa nào nó lấy cỗ lòng của ông. Nó lấy về để nó thắt cổ bố cổ mẹ nó. Mà ai nói không cho tôi thì...

– Ấy chết ! Thím Ba sao lại thế ?

– Ơ kìa. Rõ khéo có tật giật mình chửa ! Lời lão Thất. Ai nghi ngờ gì cho chị ? Người ta bảo rằng đây chỉ lại có Đồ Hai Kính chủ mưu, chứ chẳng ai.

– Nhưng cả cỗ dồi tiết, ruột non, dạ dày, cổ hũ, tim, gan, phổi, dài và to như thế, và nhà lúc nào cũng đông người trông nom như thế, thì nó lấy thế nào được nhỉ ? Cốc hỏi, mặt ngây ngô.

Phó Cò cười, cả nhà cười. Họ cắt nghĩa :

– Nó thiếu gì cách lấy. Nó quấn ngầm dưới cọc cầu ao. Nó đút ra bờ rào sau nhà. Nó bỏ vào thùng nước gạo. Độ dưới quan Tuần làm kỵ, chính vợ Hương Kều lại còn cách quấn cả dồi, gan, phổi vào... vành váy rồi giả cách chạy về nhà mớm cơm cho con, thì có giời biết đấy là đâu.

Binh Sếu được dịp khôi hài :

– Phải tay tôi, tôi lột phăng ra khám.

Cả nhà bật cười về câu khôi hài khí tục.

Nhà trên bỗng có tiếng gọi ấm ớ :

– Kìa thày ! Lên hộ chúng tôi xem họ lại làm gì nữa.

Sống sượng, Cốc đáp :

– Chắc lại chưa thấy có ăn, thì giả cách cáo về để mình giữ lại chứ gì. Càng may ! Thầy lên xem họ có cáo về, thì cứ để họ về, hoặc họ có hỏi ăn, thì bảo người làm giúp còn đình công. Ai đợi được thì ở, ai không kiên nhẫn thì về. Nói thế chứ, lại không lo mà ở tuốt.

Cốc đã đoán trúng ! Cả nhà lại cười như quên bẵng việc nan giải.

Nông vợ sực nhớ :

– Vậy thì bác tính thế nào ?

Đương trầm ngâm suy nghĩ. Cốc gật đầu liền :

– Được rồi ! Lợn mất lòng thì ta để làm cỗ đồ tàu về bữa chiều, đi chợ Đình mua lòng. Còn các người làm giúp thì, chú Sáu, lên buồng lấy anh cái "ba toong", anh đi từng nhà một để... nói khó với họ vậy. Ở đời cái vinh nào không có cái nhục. Mẹ kiếp !

Ngoài sân, thêm một bọn khách đến mừng khao.

Lại một tràng pháo nữa !

II

– Lạy cụ Thất ạ !

– Lạy cụ Thất ạ !...

– Lạy cụ Thất ạ !...

Như một đoàn... rước rồng, hai mươi nhăm cụ kỳ lão của làng theo tôn ti trật tự nối đuôi nhau tiến vào trong sân.

Đầu "rồng" là hai tên trạ mặc áo nâu đỏ, đội hai mâm đồng lễ vật, trên phủ giấy hồng điều. Tiếp đến ba cụ Thất khoác áo nhiễu đỏ như nhau, chống gậy trúc như nhau. Tiếp nữa đến hàng các chức sắc văn thân : Cụ Cử, cụ Hàn, ông Tú, ông Bát, ông Cửu, ông Bá, ông Khóa, ông Đồ. Rồi tiếp nữa mới đến hàng các kỳ hào : Ông Chánh, ông Phó, cụ Cựu, cụ Đương, ông Lý, ông Nhang, bác Xã, bác Cán, vân vân... người nào cũng mới húi đầu trắng bong, người nào cũng mặc quần rất lơ, áo răn nhũng nếp gập.

Lão Thất Cò – vẫn còn khăn lượt áo the – lật đật chạy ra tận giữa sân tiếp đón. Để trả lời tất cả những câu chào, lão chắp hai tay, vái dài sát đất :

– Lạy các cụ ạ. Xin mời các cụ đồng dân vào chơi.

Trong nhà dồn dập, càng dồn dập hơn.

Hai tên trạ đặt lên chiếc sập kê gian giữa hai mâm lễ vật, rồi đi giật lùi ra ngoài.

Dân làng còn đứng lố nhố đầy hè, vì các cụ đàn anh chưa "có lời".

Ba cụ Thất khác tiến vào trước, đứng đối diện lão Thất Cò, song chưa nói vội.

Họ còn đợi một tên trạ lúc nẫy, nay lại vừa cúi, vừa đi vào, lật hai tờ giấy hồng điều phủ mâm lên. Lễ ít làm cho mâm càng... rộng mênh mang : nó gồm có hai chai rượu cúc, một bánh pháo... tép, một

cành cau nằm gọn lỏn ở một mâm và một cái áo vóc đỏ gọn thon lỏn ở mâm khác. Cả nhà, trừ khách thiên hạ, cũng không ai cần liếc nhìn. Đó là sự lệ của dân, bao giờ cũng chỉ có thế.

– Kính trình cụ Thất ! Nhờ thiên địa, nhờ tổ ấm, dạ, nhờ đức Thượng Đẳng tối linh, dạ, cụ lại được lên thượng thọ thất tuần, dạ chúng tôi thay mặt làng, dạ, gọi là có chút lễ đến mừng, dạ, thì xin cụ nhận cho, thì chúng tôi lấy làm hân hạnh lắm ạ ! Dạ !

Ba lão đều vái dài, đứng lùi lại sang một bước.

Đến lượt lão Thất Cò gãi tai đáp:

– Dạ. Bẩm trình trên các cụ, dưới đồng dân, chả mấy khi chúng tôi được gồm bảy mươi, dạ, đó cũng là nhờ thiên địa, tổ ấm, đức Thượng đẳng tối linh, dạ, nhân hôm nay sửa chén rượu mừng, dạ, thì gọi là có báo cáo đồng dân biết.., mà lại đến mừng cho chúng tôi, dạ, thì thì mà mà chúng tôi đa tạ ạ. Bái lĩnh ạ.

Lão lại vái dài, lùi lại sau một bước, rồi mới trỏ chiếc sập, giơ hai tay ra:

– Dạ, bẩm xin rước các cụ ngồi lên.

Đoạn chạy ra hè :

– Bẩm xin rước các cụ, các ông đồng dân vào trong nhà ngồi chơi ạ. Các anh nó đâu ? Ra mời các cụ vào, rồi bảo pha nước !

Một cụ Thất móm mém cười, âu yếm cầm tay Thất Cò, chỉ vào mâm đồ lễ :

– Còn cụ anh nhận lễ đi cho, rồi cũng phải thay áo thâm, mặc áo của làng vào, ra ngồi chơi với ba chúng tôi cho nó chẵn chứ ?

– Bẩm, cố dạy phải đấy ạ ! – phải đấy ạ ! Mọi người khác nhất luật tán thành.

Phó Cò cảm động, mặt đỏ, mắt rưng rưng. Có lẽ đã từ lâu – từ ngày cưới vợ cả chăng ? – lão chưa lần nào lại được cảm động như lần này. Cảm động quá đâm... thẹn. Nhưng người nào cũng giục lão đi thay áo. Con cháu càng giục khỏe. Thẹn quá, lão đâm trơ.

Thế là làng đã có đủ bốn (Áo đỏ) để ngồi cho nó vuông mâm tại các... đám xá rồi. Một chỗ ngoặt trong lịch sử của làng. Một chỗ ngoặt trong cái đời danh vọng của lão.

Tiếng gọi nước ran tai. Tiếng gọi trầu ran tai. Tiếng gọi điếu đóm ran tai. Ngoài sân, lại tiếng một tràng pháo nữa. Nhưng tiếng pháo

lần này sì như đầu bơm, rời rạc như cơm nguội, và ngắn ngủi quá. – Pháo (sự lệ) của dân mừng.

Để khỏi bẽ mặt vì pháo, trong nhà, thay vào đó, các văn, hào, kỳ, lão nói chuyện cũng... ran tai. Chuyện khánh thọ. Chuyện so sánh các đám khánh thọ, so sánh đến các đám cưới. Dần dần đến các đám... ma. Chuyện ruộng nương, chuyện ngôi thứ, chuyện tang tầm. Chuyện đất đỏ, chuyện đói kém, chuyện bom đạn, chuyện chiến tranh. Thôi thì hết chuyện làng đến chuyện thế giới (chỉ cần căn cứ theo tin đồn ở đầu ghế hàng nước, hay các bến ô-tô). Thôi thì hết chuyện người đến chuyện mình, hết kể tốt mình đến kể... xấu tất cả những người vắng mặt.

Không nói kịp với nhau, họ chõ sang chiếu bên để nói. Họ cố níu lấy một người nhà để nói. Là nạn nhân chịu... chuyện, Hai Cốc, Binh Sếu, Xã Thuổng chồng, cả Ba Nông vợ nữa, đã bị níu đến năm bẩy lần.

Ngoài kia, làng xóm lục tục kéo đến mỗi phút một nhiều. Người nào cũng đem theo một thứ đồ mừng. Hai kẻ một đồng bạc. Bốn kẻ hai chai rượu. Ba người sáu chục cau. Có người vội quá, không kịp mua, thì cứ khăn áo chỉnh tề đứng đợi sẵn trước cổng ngõ nhà đám, thấy ai đến thì... nhập bọn. Nhưng cũng có nhiều người mừng câu đối, mừng trướng, hay mừng liễn. Đó phần đông là khách thiên hạ, hoặc các nhà nho trong làng.

Gia chủ tha hồ mà chào, mà lạy, mà vái, mà cám ơn.

Nước tha hồ pha. Trầu tha hồ têm. Điếu đóm tha hồ gọi.

Và chuyện càng thêm tha hồ nở. Những kẻ đến sau hào lạy những người đến trước. Bọn này đáp lại. Họ vồ vập nhau, thăm hỏi nhau tưởng chừng như cách biệt đã ba năm trường không gặp. Sự thực, họ vừa mới điểm tâm với nhau ở ngay nhà này, ngay chỗ này, cách đây mới có hơn một giờ !

Nhưng vì cạn chuyện để nói mất rồi. Kể tốt mình hay kể xấu người, thì nghe cũng đã chán cả tai, và nói cũng đã mỏi cả mồm. Những ông già bắt đầu than về thời tiết... Già vừa luận về bệnh... đau răng. Trẻ khoe tửu lượng của mình. Riêng mấy ông Đồ, ông Khóa, đã mạn phép ngồi ghé lên chiếu các cụ Cử, cụ Tú ở chiếu trên để bình hết lượt các câu đối treo ở bốn bề bức vách.

Mà nhiều thực. Mà đủ các thứ. Trướng, vóc điều, cẩm nhung đỏ, liễn tàu, liễn ta, giấy huê tiên. Đủ các thể : thể bốn chữ, thể phú, thể thơ. Là nôm, là tự...

Có lúc họ thay phiên nhau ngâm. Có lúc mạnh ai nấy ngâm, mạnh ai nấy giảng.

Một bác Khóa chỉ bức trướng hỏi cụ Cử :

– Bẩm, bốn chữ (Bạch y sơn nhân) kia nghĩa là thế nào ạ ?

– Nghĩa là (người rừng mặc áo trắng !) Câu ấy của quan Tuần anh. Ngài muốn vin ở cái điển (thất thập cổ lai hi) mừng cụ Thất, cho rằng người đã già đến bẩy mươi thì là quý lắm, tính tình chất phác như người rừng. Mặc áo trắng, tức là tâm hồn thanh khiết, không bợn bụi trần vậy.

– Bẩm cụ, con cũng hiểu thế, nhưng không rõ cụ Phó Cò có phải là Bạch y sơn nhân không ?

Mọi người khúc khích cười.

– Bẩm cụ Tú. Một lão đồ khác hỏi. Còn câu :

Thất duật khang cường nghi lão chước,

Nhất đường cụ khánh lạc xuân diên

(Của ai, mà lạc khoản lại chỉ đề : Á tiên đạo nhân ?)

– Của tôi chứ còn của ai ? Thày cho nó thế nào ? Không chỉnh à?

– Bẩm, chỉnh lắm ạ. Rất hay ! Nhưng (Á tiên đạo nhân) mà buổi sáng nay, đi gối đầu và... mửa vào lòng cô đào, thì Á tiên thực ạ !

Mọi người lại khúc khích cười.

– Bẩm, còn câu kia của cụ Cử con...

Lão Cử nhìn một bác Khóa trẻ khác, vẻ người thư sinh – Làm sao ? Ta cho phép nhà thày cứ bình phẩm,

Khóa ta rụt rè đọc lại cả câu đối :

Tích thiện hữu dư khương, tử lý phần hương ngu thọ tích

Hữu phúc cánh đắc thọ, lan tôn quế tử hiến đào bôi.

Rồi đánh bạo :

– Bẩm, về nghĩa thì chặt chẽ lắm ạ. Còn vế đối. Bẩm (Tích thiện) đối với (Hữu phúc), (Thọ tịch) đối với (Đào bôi), thì trọi lắm ạ. Duy chắp lại cả hai vế cho đối nhau, thì phải cái khí... non !

Một lão Đồ già, vốn ghét lão Cử xưa nay, vì vẫn chê là lão Cử dốt hơn mình, do hồng phúc mà được đỗ Cử nhân, chứ so tài thì chả ai ăn đứt được ai. Nay được dịp trả thù, y bèn vào hùa với Khóa trẻ:

– Bẩm cụ Cử, bác Khóa nói phải đấy ạ. Cũng khí non, mà "Tích thiện hữu dư khương" đối với "Hữu phúc cánh đắc thọ", các cụ cho là trọi chứ tôi, tôi cho là... bất phệ ạ ! Trùng tự nhiều quá ạ.

Thấy kẻ địch đỏ gay mặt, Đồ già khoái, bồi thêm cho búa nữa :

– Bẩm không những là bất phệ, là trùng tự, mà xét cho cùng, ý nghĩ cũng nệ quá, không được thanh thoát bay bướm ạ !

Không chịu được nữa, lão Cử tức sầu bọt mép :

– Thế thì cái câu nôm của ông kia dễ thường bay bướm ? Làm tự nó khó, chứ làm nôm mà cũng nặng trình trịch như chín hòn đá đeo.

Lão nhành mồm, quai mép, đọc sang đôi liễn treo ở vách bên kia:

– Cái gì mà...

Há bận công danh, chín mặt con hiền thừa phúc tổ,

Lọ cần phú quý, bẩy mươi tuổi thọ đủ ơn giời.

"Con ấy mà con hiền ! Phúc ấy mà phúc tổ ! Quân bất quân, thần bất thần, phụ bất phụ, tử bất tử ! Cơ chừng ông chỉ cốt tìm chữ làm cho trọi, hay là ông làm văn để... nịnh ăn ?"

Lão Đồ không tức. Y chỉ vuốt râu cười khà khà :

– Bẩm cụ, câu đối của tôi mới có thế mà cụ đã cho là nịnh ăn, thì câu của quan Tuần em kia còn... nịnh ăn bằng mấy của tôi !

Các cái mình giật thót lên vì sợ hãi. Họ suỵt, bấm lão Đồ đừng nói to quá, và nhìn quanh xem có anh em quan Tuần. Nhưng y thừa biết rằng hai quan Tuần đều chưa đến, và quan Lãnh cũng chưa. Chưa đến, hoặc vì các ngài còn đợi gia chủ mời thêm lần nữa, hoặc vì các ngài muốn để cho dân làng được tự do ngôn luận trước đi cho hả, rồi khi các ngài đến thì ai nấy mới đủ mỏi mệt mà giữ... nghiêm trang.

Vẫn tiếng lão Đồ già :

– Chứ không ư ? Không tin, các cụ và các ngài đọc lại mà xem này!

Lão đi vào sát vách, dí kính vào mảnh giấy huê tiên - vì đồ mừng của cụ Tuần em đã "hựu" với cụ anh, nhưng cụ lại mừng riêng Phó Cò một đôi câu đối viết vào giấy huê tiên - và đọc :

Sống thác số đều do, trên thì quan, dưới thì dân, mỗi chốc dễ cầu ơn khánh thọ,

Phong lưu giời sẵn định, ngoài có làng, trong có họ, mười năm lại ước tiệc bàn đào.

Rồi trở về chỗ cũ, y khà khà cười, vuốt râu, lại vuốt râu :

– Chẳng cứ nịnh ăn bữa khao bây giờ mà còn nịnh ăn trừ bị cho bữa khao mười năm về sau nữa kia ! "Mười năm lại ước tiệc bàn đào" thì không phải là ước cái bữa khánh thọ Bát tuần của ông Phó là gì, thưa các cụ ? Hì, hì, hì !

Một loạt cười phụ họa.

Bác Khóa trẻ lúc nẫy thôi cười, dàn hòa một cách ba dọi :

– Thôi thì đã đem chữ nghĩa đến đây, ai cũng đều nịnh ăn như ai cả ! Chúng con cũng thế, mà ai cũng thế bẩm cụ Cử, cụ Tú, và các ông, có phải thế không ?

Lão Đồ già gật mãi đầu, vuốt mãi râu :

– Chí lý vậy thay ! Chí lý vậy thay ! Thày Khóa Sáu nói thế mà chí lý vậy thay ! Chả trách Thánh nhân đã dạy : "Hậu sinh khả úy" là đúng lắm,

Lão Cử và lão Tú đều quát :

– Các thày nói nhảm nói nhí gì thế ? Chữ Thánh nhân, sao các thày dám đem ra giễu cợt ? Có cái rằng thì là thời nay, không còn thi cử nữa, ta vốn là con cháu nhà Thánh, ta phải mượn những đình đám làm trường văn trận bút để xem ai tài hơn, ai trí thiển, thế mà lại bảo rằng văn chương nịnh ăn ? Ừ, ta thử hỏi các thày bảo ai nịnh ăn?

– Bẩm hai cụ ! Ấy là chúng con nói chung cả... chúng con. Bởi vì bây giờ, sở dĩ ta phải mượn các đình đám làm trường văn trận bút thi thố văn chương, nó cũng phải... xoay chiều. "Xử biều tắc viên, xử đồng tắc trường" mà đâm ra nịnh ăn đấy thôi ạ.

– Chí lý ! Lão Đồ già vỗ đùi, hét. Chí lý !

– Bẩm các cụ, thế mà cũng có người không nịnh ăn đấy ạ.

Ai nấy đều ngảnh lại. Đó là lão Đồ Hai Kính, người đã xui bọn làm giúp đình công.

Hắn chưa già lắm. Trạc gồm mới trong ngoài bốn mươi. Cũng kính trắng, khăn xếp, áo sa tanh như ai, và khác các bạn làng nho, là hắn có hàm răng... trắng. Nếu hắn không là Đồ, thì hàm răng trắng cũng đỡ phần sỏ lá. Trông đã sỏ lá, nó lại còn không chịu trắng hẳn. Nó... nâu !

Với hàm răng nâu ấy, Đồ Hai Kính đã cười, và nhắc lại câu của mình, cho là thú vị vô cùng :

– Bẩm, thế mà cũng có người không nịnh ăn đấy ạ ! Bẩm, cái người khiếu oan cho văn chương đó, chính là kẻ tiểu sinh này. Không tin, xin các cụ cứ bình đôi câu đối kia của kẻ tiểu sinh này lên cho công chúng đồng lãm ạ.

Và chẳng đợi ai bình, hắn trông đôi liễn của hắn, tự ngâm lên ư ử:

Miếng chung đỉnh lụy mà chi ! Tuổi phật bẩy mươi hai, chẳng vương bá, chẳng công khanh, trí cả nhường lo thân thế đục.

Mùi hoắc lê ngon lắm tá ! Kiếp người ba vạn sáu, này giang san, này phong nguyệt, lòng thanh chỉ nguyện tháng năm tràng.

Cụ Cử phá ra cười. Cụ Tú phá ra cười.

Tất cả cười.

Lão Đồ Bàn cười lớn nhất, nhưng lại làm nghiêm trước nhất :

– Bẩm các cụ : "Chẳng vương bá, chẳng công khanh" chứ chẳng phải là không nịnh ăn đâu ạ.

Hai Kính cáu :

– Thế mà các cụ cũng đòi hiểu câu đối !

Đỏ mặt nhìn quanh, hắn không thấy ai là tri kỷ với hắn để dốc bầu tâm sự. Hắn đành sán đến Khóa Sáu, làm lành :

– Thế mà họ cũng đòi hiểu câu đối, thì thực là vô phúc cho văr chương. Nói chung quy, trong đám này, chỉ có câu của đại huynh l: khá hơn nhất, nhì đến câu của... đệ, nó còn có giữ được cái khí tiє của nho gia phải không ạ ?

Khóa Sáu mắt chớp chớp, mũi bành bạnh phổng.

– Đấy ! Đại huynh thử đọc lại câu của đệ mà xem. Nó khản khái, nó thanh tao, nó lại nói sỏ cả các cụ Tuần, cụ Lãnh : "Chẳn vương bá, chẳng công khanh, trí cả nhường lo thân thế đục !", có phả chính thế ? Và đại huynh ạ (Hắn ngồi áp lại Khóa Sáu, nói nhỏ và tai). Đệ thứ nhất là nó có ngụ ý bao biếm cả lão... Phó Cò. Đệ đọc lạ huynh nghe...

– À vâng ! Nói đến văn chương bao biếm, tôi lại nhớ độ tháng trước. Phán Tác ở Đông Tao khao Hàn lâm, đệ có thấy một đôi câu đối mừng, cứ kể về phương diện bao biếm thì còn bằng mấy Tú Xương, Yên Đổ...

– Bằng thế nào được câu của đệ : "Miếng chung đỉnh...".

Khóa Sáu cướp vội lời Đồ Kính :

– Hãy để tôi đọc đã. Cái gì nhỉ ? Mà mà :

Thiên hạ chết nhăn răng, được cái Hàn lâm khao cũng khoái.

Đồng bào lo sốt vó, làm ông Thủ chỉ sống càng yên.

"Thực là bao biếm vô cùng ! Chửi vô cùng ! Câu đối của người ta thế mới là tuyệt diệu !"

Đồ Hai Kính nháy mắt ;

– Người ta nào đấy ! Ắt lại của đại huynh chứ gì ?

Khóa Sáu cười xòa.

– Hay thì có hay, nhưng lời khí sượng. Đằng này, câu của đệ, thực là nhịp điệu, thực là thanh thoát, thực là bóng bẩy, thực là văn hoa, lại ngụ cả triết lý về thời thế, về nước non, về đạo Phật, về đời người, ấy thế mà vẫn có ý bao biếm. Bao biếm gần mà hóa xa, xa mà hóa gần, ấy thế mới tài tình chứ ! Này này ! "Miếng chung đỉnh lụy mà chi, tuổi phật bẩy mươi hai, chẳng vương bá, chẳng công khanh, trí cả nhường lo thân thế đục !" Mà mà "Mùi hoắc lê ngon lắm tá, kiếp người ba vạn sáu, này giang san, này phong nguyệt, lòng thanh chỉ nguyện tháng năm tràng ! "Đục, đục", "tràng, tràng"... ắt đại huynh đã nhận thấy ?

Nhìn bạn, vẫn thấy bạn bình thản như không để ý nghe, Đồ Hai Kính nhẫn nại, lay vai Khóa Sáu :

– "Đục" với "Tràng", có phải là cần câu cơm của thợ mộc không? Mà lão Thất đây ba đời làm thợ mộc không ? Nó thú và kín đáo đến thế chứ ! Đại huynh ! Nó còn thú ở chỗ này nữa : "Trí cả" tức là phó cả ; "lòng thanh", tức ám chỉ trước kia, Hai Cốc chưa về, lão hằng ngày nhịn đói ; "miếng chung đỉnh lụy mà chi", thì cố nhiên lão muốn lụy cũng chẳng được nào; "mùi hoắc lê ngon lắm tá", thì đến nhịn đói cũng còn được nay lại có cơm hẩm ăn, cố nhiên phải thấy ngon.

Hắn lại tự cười. Tự cười nữa, vì cái ác ý đã được thực hành.

Vừa lúc ấy, khắp các giường đứng lên tăm tắp.

Hai cụ lớn Tuần và quan Lãnh vào.

*

*   *

Hai cụ lớn cùng mặc áo gấm thất thể, ngoài phủ áo sa mầu lam. Ngực mỗi cụ cùng đeo một cái kim khánh, có tua đỏ, một cái bài ngà.

Quan Lãnh đi lùi lại một bước về sau. Quan mặc áo gấm mầu huyền, đầu trần, trên ngực đeo chồng chất hai dẫy mề đay, cái vàng cái bạc, chốc chốc đập vào nhau xủng xoảng.

Mỗi cụ có một tên hầu che ô, tuy trời không nắng lắm, và một tên cắp tráp.

Quan Lãnh cũng có tên hầu che ô, còn tên kia, đáng lẽ cắp tráp, thì hai tay bưng một... thanh khí giới bọc kín trong cái vỏ gỗ sơn son thếp vàng.

Một lần nữa, lão Thất Cò chạy vội ra vái dài tận ngoài sân. Lão cảm động quá, chỉ chực quỳ sụp xuống thì mới tỏ được hết ân sâu. Nhưng may, lão giật mình : lại một tràng pháo nữa !

Nhường lối cho ba quan đi trước, lão cúi gầm đầu theo, hai tay khoanh dính liền không dám rời ra nửa phút. Lão mời ba quan vào ngự trên cái sập gian giữa. Ba cụ Thất khác, sẵn biết chữ "quý" ở trên chữ "thọ" đã tự ý lủi sang gian bên phải, không đợi ai mời mới nhường.

– Lạy các cụ lớn ạ.

– Lạy quan lớn ạ.

– Lạy các cụ lớn và quan lớn ạ.

Hàng chục cái vái. Hàng trăm tiếng chào. Cốc vái giời ! Ai hơi đâu mà đáp cho bã miệng, mà gật cho sái đầu ! Ba quan chỉ quay tròn một vòng, khẽ cui cúi đáp chung tất cả vào một lượt. Rồi an tọa.

Lão Thất Cò đứng bấn ra xó cửa hầu chuyện.

– Thế nào ? Đã tế yết từ đường chửa ? Cụ Tuần anh, sau khi nhìn khắp nhà, mới cất thứ giọng sang sảng.

– Bẩm hai cụ lớn và quan lớn, các quan xơi cơm sáng ở đây về, một lúc thì tế rồi ạ. Bây giờ chỉ đợi các cụ lớn đến là tế Bàn đào.

– Thế quan Trợ Đức Thụ đến chửa ? (Đến lượt cụ Tuần em). Thế tôi bảo làm gì đấy, có làm không ?

– Bẩm đã cho cầm thiếp của cụ lớn đi mời lại quan Trợ rồi ạ. Đã làm riêng một mâm cỗ đồ tàu rồi ạ.

Ba quan hể hả bằng lòng.

Quan Lãnh, không lẽ không hỏi han, chỉ bảo gì :

– Này, ông Thất này ! Quan Trợ đến, thì nhớ bảo anh Binh đi mua ngay một hộp "anh điêng" hộp mười. Tôi đã tiếp ngài nhiều lần. Thoạt đến là phải "áp-bê-rô" ngay mươi điếu, rồi có làm gì mới làm được.

– Bẩm xin sẵn sàng cả ạ.

Một lát im.

– Ông Thất ! Lúc nãy, người nhà nó đã đem đồ mừng của chúng tôi sang ?...

Nghe cụ Tuần anh gọi, Thất Cò vẫn chắp nguyên tay, chỉ dám lấy hàm vươn về chỗ treo bức chướng cũ kỹ, nét mực mới dạm lại bốn chữ "Bạch y sơn nhân" còn ánh đen.

– Bẩm chúng con...

– Sao lại chúng con ? (Cụ Tuần em bắt bẻ) Chúng tôi !

Lão đưa tay quệt mũi, song lại vội khoanh ngay vào :

– Bẩm chúng... tôi xin bái lĩnh rồi ạ. Xin đa tạ hai cụ lớn.

Ông Lãnh cầm xe điếu vẫy ra hè cho tên hầu đem cái thanh "khí giới" lại. Lão trịnh trọng đặt nó lên sập, rồi gọi Thất Cò ra :

– Đây, thôi thì tôi chẳng có câu đối câu đá gì. Những cái tiểu sảo ấy, làng ta, thiết tưởng đã có thừa. Tôi, con nhà võ, tôi mừng ông thanh "đoản đao" này. Trông nó thế, chứ quý giá vô song. Nó đúc tận các nhà máy bên Tây. "Cờ-rơ-dô", "Sanh-tề-chiên", toàn bằng thép, "át-siê-buya", cứ cả nước này cũng không có.

– Dạ. Xin đa tạ quan lớn ạ.

Hai tay lĩnh lấy cây "đoản đao", Thất Cò trao cho Hai Cốc.

Tò mò, Cốc toan rút ra xem, thì ông Lãnh ngăn lại.

– Ấy chớ ! Cái vỏ và cái "boa-nhê", tôi vừa cho sơn, thếp lại. Đừng rút vội. Vài hôm sẽ hay.

Một lát im.

Được dịp, một vài tiếng cười khẩy ở bên "văn ban". Có kẻ xì xào:

– Mừng "đoản đao" thì để lão Phó Cò đâm cổ, hay để Hai Cốc chặt... thịt cầy ?

– Có mà đoản đao ! Đồ Hai Kính cãi to. Cái con dao cóc gặm, lão nhặt đâu được từ hồi Đức-ý-chí và Pháp-lan-tây chiến tranh, lần trước, đem về, chém chuối không đứt. Hôm nọ, con lão gọi bán cho hàng đồng nát, nó giả có tám hào.

– Tám đâu ! Có sáu hào. Lúc ấy tôi cũng đứng đấy. Đồ Bàn cãi.

– Thế mà cái bao bóng bẩy gớm !

Tiếng đáp thực to của Khóa Sáu cố ý cho lọt sang cả các gian :

– Chuyện ! Có thế mới là không... tiểu sảo.

Một lát im.

– A thế nào ? – Quan Tuần anh thủng thẳng hỏi gióng một. – Đã cho đi rước văn chúc thọ Bàn đào chưa ? Văn tế, tôi đã tả xong cả rồi. Tôi định làm thế này cho nó đặc biệt và trọng thể hơn : tôi làm một bài tự : quan Tuần em làm một bài nôm. Lúc đọc, sẽ có hai người đọc. Ông Thất cũng nên nghĩ sẵn trước mấy câu đáp lại.

Thất Cò hoảng :

– Bẩm... bẩm đáp lại bài nôm... cụ lớn dạy cho nên đáp thế nào... Còn bài tự, bẩm...

– Không cần phải đáp bài tự. Chỉ có mấy lời khuyên con cháu, nôm na, về đức hạnh, về làm ăn.

Lão bớt lo :

– Bẩm, nếu thế thì dễ ạ ! Ngày nào chúng tôi cũng khuyên các cháu ạ.

– Ừ ! Vậy thì đi thỉnh văn, phải bảo nó, một người cầm bản chúc để dán văn vào, một người cầm lọng che cho văn, một người cầm trống khẩu rước văn. Người che lọng thì bảo phải mặc áo nâu đỏ, thắt lưng nhiễu điều ra ngoài. Người cầm bản chúc, và người đánh trống đều mặc áo thụng xanh. Dặn nó bẩm với cậu Tú Cả phải mặc áo thụng xanh mới được chuyển văn. Chữ nghĩa của Thánh Hiền, mình là con nhà học, không khinh xuất được.

– Dạ !

Một lúc im.

– Thế đi thỉnh văn, có đem lễ cáo thánh đi không ? Vẫn lời cụ Tuần anh.

– Bẩm lễ cáo thánh là gì ạ ?

– Hừ ! Con nhà học mà không biết lễ cáo thánh là gì ? Là một cơi trầu, một chai rượu, một cái lăm hay miếng thủ, tức là cái lễ mặn để lễ đức Thánh Khổng, thừa huệ, để kính... quan tả văn. Và phải nhớ đem hai lễ cáo thánh, vì là đặc biệt, trịnh trọng, vì có những... hai quan tả văn.

– Dạ, bẩm những hai lễ kia ạ ? Dạ thế để chúng con...

– Sao lại cứ "chúng con" ?

Thất Cò kinh hãi đứng run.

– Ông nên biết rằng trong họ, ông còn là hàng anh chúng tôi. "Triều đình trọng tước, hương đẳng trọng sỉ, gia tộc trọng tôn thống".

– Dạ.

Lại im.

– Nước tới tấp pha đến tuần thứ ba. Một vài câu nho nhỏ trao đổi cho nhau. Nhưng từ khi ba quan vào, bầu không khí đương huyên náo cứ nguội dần, nguội dần rồi nhất định thành tẻ lạnh ! Cốc đã phải lên giây máy hát làm vui quan khách. Lanh trí hơn, Xã Thuổng bê trống và dùi lên mời ba quan nghe vài khổ "khai khoa".

Trống đánh. Phách gõ. Đàn gẩy phứng phưng phừng ! Ngoài sân, cái máy hát cũng the thé "giăng giẳng tiếng chuông chùa" dè dè... dè dè...

Một tràng cười. Mọi người cười theo. Huyên náo trở về như cũ.

III

Tế Bàn đào !

Người lớn, trẻ con reo.

Ba hồi chiêng, trống khua theo câu xướng "khởi chung cổ" dứt.

"Nhạc" bắt đầu "cử". Một bài lưu thủy. Hai bài lưu thủy. Bài... lưu thủy thứ ba. Chỉ có lưu thủy cử đi, cử lại... cử lại, cử đi...

Nhà trên đứng dậy. Ngoài rạp kéo vào. Dưới bếp ùa lên. Một đời người mới có một lần. Long trọng nhất phút này ! Vì một phút này, có người đã phải sửa soạn lo toan trong ba ngày..., ba tháng..., ba năm..., một đời..., một kiếp ! Có người đã phải móc nhau, chửi nhau, đánh nhau... án mạng cũng nên. Chuyện trò bỏ đấy đã. Cỗ bàn đậy đấy đã. Già, trẻ, sang, hèn, lớn, bé, gạt, đẩy, huých, chen lấy chỗ tốt mà ngấp ngó, ngấp ngó...

Tế Bàn đào !

Bàn đào đặt ở gian giữa nhà. Chiếc bàn thờ ông vải kê thu lại. Hai lá màn buông. Cỗ sập quan khách ngồi lúc nẫy nay được tôn cao lên : một bàn, hai ghế. Trên bàn, đặt một khay đào. Nhưng không phải mùa đào họ thay bằng những thứ hoa quả khác : cam, chuối, và... cam.

Trên một ghế bành có tựa, lão Thất Cò ngồi. Lão mặc áo vóc đỏ, quần nhiễu đỏ của làng và họ mừng. Đầu chít khăn nhiễu tam giang. Tay cầm một quạt lông trắng mượn dưới cụ Tuần. Mắt kính trắng. Chân đi tất trắng, dận guốc kinh đâu vẫn của cụ Tuần. Bên mình đặt một gậy trúc. Thiếu một bộ râu bạc dài thướt tha. Hai Cốc đạt được cái mộng làm sao cho bố biến thành... tiên dung đạo cốt.

Ghế đối diện bỏ trống. Đáng lẽ là chỗ ngự của mụ Thất bà. Song vợ cả lão chết. Vợ hai lão, có nhiều kẻ ác, cứ nhất định xuống tận bếp chèo kéo, nhưng mụ nào dám lên ? Con cháu nào nó để cho lên?

Ngoài hiên, con cháu đứng làm hai hàng : nam tả nữ hữu. Quá ra nữa, là rể, là dâu. Quá xuống dưới thềm, cháu nội, cháu ngoại.

Giữa hai hàng con cháu, đặt một cái tíu. Trên là một chai rượu "con hươu", hai cái cốc, một bộ đồ trà, một cái "phích" hãm nước lã đun sôi, một quả trầu.

Sau hai hàng con cháu, đứng leo lên hai dãy phản, là hai quan viên "hộ lễ" mặc áo thụng xanh. Một giữ việc "Đông xướng", một "Tây xướng", kiêm "Độc chúc".

Sau họ nữa, là tất cả các quan khách, hoặc người trong xóm ngoài làng đến xem lễ. Ai có được chỗ tốt thì không phải chen huých. Ai không có, cứ việc. Một vài kẻ tháo vát, trèo đậu chót vót lên các.. xà nhà.

Bẩy, tám, chín, mười bài "lưu thủy" nữa. Rồi im.

Ông Đông xướng khuỳnh hai tay áo thụng lên che khuất mồm. Lão ngân giọng thật dài :

– Nghệ quán tẩy sở... ư... ư... ư...

Con cháu chả ai biết thế là gì hết. Lão phải... "diễn nôm" :

– Lấy chậu nước ! Người nhà, ai lấy chậu nước lên đây ?

Chậu thau nước được bưng đến trước bọn con trai.

– Quán tẩy... ư... ư...

Rồi lại diễn nôm :

– Rửa tay đi. Nhưng qua loa thôi ! Qua loa thôi !

Họ rón ba đầu ngón tay vào thau, quấy quấy qua loa cho không... sạch gì cả.

– Chuốc thọ trà... ư... ư...

Câu này thì dễ hiểu lắm, không phải thông ngôn.

"Phích" nước sôi mở ra. Bẩy Út cho trà vào ấm chuyên. Sáu Diệc tráng chén;

– Tiến thọ trà ! Ư... ư...

Trống lại bắt đầu đánh. Chiêng lại khua. Thanh la, nạo bạt, trống cơm, tiu, cảnh, hồ, nhị, sáo lại nổi inh tai. "Nhạc" bắt đầu "cử". Vẫn lại bài... lưu thủy.

Diệc cùng Út ra khỏi hàng ngũ. Sáu hai tay nâng ấm chuyên. Bẩy, khay chén. Theo thẳng hai hàng cột, họ khuỳnh tay ngai, đứng đợi nhau đã. Rồi họ đi. Đi một bước lại ngừng một bước. Họ liếc nhìn nhau để đi cho cùng nhịp điệu. Họ dún dẩy, dún dẩy tiến vào gian trong, nơi bàn Thất Cò ngồi.

Rót trà ra chén, đoạn, họ cùng vái dài lão một cái, rồi lại vẫn từng bước một họ đi "ngang" người trở ra.

Chiêng, trống, bát âm đều im.

– Am thọ phước... ư... ư... ư...

Lão Thất vẫn ngồi trơ như gỗ. Mấy tiếng sì sào giục:

– Uống đi. Cụ cầm chén uống đi.

Lão cầm chén uống thẳng một hơi.

– Giai tế tựu vị... ư... ư... Đứng về chỗ cũ đi !

Sáu và Bẩy trở về hàng ngũ.

– Tiến thọ phù... ư...

Đến lượt Nông vợ và Vạc Nhớn – vợ Xã Thuổng – bẽn lẽn ra tiến trầu. Lần này, họ thạo. Chiêng, trống, bát âm lại nổi. Tay lại khuỳnh. Chân lại dẫn từng bước. Nghĩa là vẫn lại những mớ lễ nghi, kiểu cách, trò vè như bận trước, như tất cả những bận trước, bất di bất dịch, từ khi có đấng... Tiên sư của "Kinh lễ" ra đời.

– Thụ thọ lộc... ư... ư... Cụ cầm miếng trầu ăn đi :

Thất Cò lại cầm trầu bỏ tọt vào mồm, nhai.

Đợi cho "giai tế tựu vị" lần nữa, viên Đông xướng mới bạnh cổ kêu lên :

– Chuyển chúc... ư...

Nhạc cử càng gay gắt hơn bao giờ hết. Viên Tây xướng tụt xuống khỏi giường. Ra gian hè giữa. Đi từng bước thẳng vào ban thờ. Hai

tay khuỳnh cầm giá chúc. Đi từng bước quay ra. Đứng thẳng người ở gian hè giữa.

– Tử tôn đồng tựu vị... ư... ư...

Mọi người đều đứng im.

– Độc thọ chúc ! Ư... ư...

Chiêng im. Trống im. Nhạc im. Mọi người khác đều im, trừ có tiếng ruồi nhặng bay vù vù. Để thưởng thức văn chương của hai cụ Tuần ? Hay là vì lúc bấy giờ, hai cụ Tuần đều bỏ chỗ cũ, đến gần chỗ đọc chúc để tự thưởng thức văn chương của các ngài, mà mọi người phải sợ hãi ?

Viên Tây xướng khom lưng, rún vai, xốc lại áo ba lần, đằng hắng dọn giọng đủ ba lần, đoạn mới ề à kể lể :

Thiều hoa nhật noãn,

Ngọc luật xuân hồi.

Kiêu đường tấn thọ,

Tử xá xưng bôi...

...

Còn nhiều nữa... Và còn nhiều nữa... Cứ cái điệu ề à kể lể ấy, lão đưa ra một xốc tiếng Quan Hỏa, hay Phúc Kiến, hay Quảng Đông, thì có đàn bà trẻ con nào mà hiểu được ? Một vài tiếng hỏi nợ nhau. Một vài tiếng xi con. Một vài tiếng vòi quà. Một vài tiếng của kẻ này... đánh thức người khác. Họ ngủ ! Đàn ông cũng ngủ. Biết chữ cũng ngủ. Không biết, càng ngủ !

Kẻ ngủ trước nhất, lại chính là kẻ bị... nghe văn Thất Cò. Qua đã thức trắng đêm. Nay lại dại dột, trước lúc dự lễ Bàn đào, nghe người ta, nhấp nháp vài tợp rượu thuốc cho lúc ngồi đỡ... đau lưng, không ngờ mềm môi, lão làm luôn ba cốc đầy. Thế là mắt cứ nặng díp vào. Tai lại nghe như có tiếng "vượn hót, chim kêu". Vả dĩ, không hiểu họ kể lể gì hết, thì chỗ đấy làm gì ? Ngủ !

Thứ đến bọn dâu con trai gái. Vì được lợi thế đứng quay mặt vào, họ có nhắm mắt hay gật đầu cũng ít ai trông thấy, nên không ai bảo ai, họ càng ngủ hăng hái hơn ai hết. Họ cũng thức trắng đêm. Lại phải quần quật làm. Hiểu thì nhất định không rồi. Vậy thì đứng đây làm gì ? Chà ! Chợp đi một cái cho nó đỡ cay mắt.

Chỉ có anh em cụ Tuần là không ngủ, tuy cứ gật lia lịa. Các cụ

gật đầu thưởng thức cho những câu thơ hay. Song câu nào cũng hay, nên các cụ cứ phải lia lịa gật đầu. Làm cho mấy cụ Cử, cụ Tú, ông Khóa, ông Đồ cũng phải cố gật theo. Nhưng để tán thưởng văn chương, hay là vì một... "cớ khác" ?

Ngủ cho đến lúc đọc hết văn, cả Thất Cò, cả con cháu đều không hay biết. May cho họ. Chiêng, trống, nạo bạt, thanh la, nhạc bất thình lình nổi dậy, kéo họ ra khỏi giấc... hoàng lương.

Nói của đáng tội, lão Thất Cò vừa ngồi chợp mắt đi có thể cũng mơ được khối thứ ra. Lão mơ thấy lão là... tiên. Lão có hai cánh mầu đỏ, bay lên một cái vườn, tưởng như Vườn Giời... Lão hạ cánh xuống vườn, thì đã thấy đủ mặt quần tiên chạy đến đón chào. Họ nói những tiếng gì, nghe rất lạ tai. Những tiếng ấy, có khi là tiếng "vượn hót chim kêu". Có khi nó biến ra "tiếng Mường tiếng Mán". Rồi nó lại biến thành tiếng những vị quần tiên mời lão vào trong một nhà lầu bằng thủy tinh để dự tiệc. Lão đến, thì đã thấy sẵn bầy một bàn yến thịnh soạn : đủ cả rượu con hươu, rượu lậu, và ô hay ! Có cả món gì như món... dựa mận hầm ! Thú quá ! Thượng giới mà cũng có món này, thì tội gì còn trở xuống trần. Lão nhấp một cốc rượu. Ồ ! Say ! Ồ! Say ngay đi thôi ! Từ cửa lầu, chợt hiện ra một... ngọc nữ. Quá say, lão loạng choạng chạy đến ôm choàng lấy ngang thân nàng ngọc nữ. Ô hay ! Nàng ngọc nữ lại biến ra mụ... vợ gù ! Rồi cả tòa nhà thủy tinh bỗng biến ra một túp nhà lá quen quen. Lão sợ hãi, vội tìm đôi cánh đỏ để bay về, thì cánh mất. Lão toan hỏi bọn quần tiên, thì chỉ thấy con chó ghẻ của lão – thịt mất rồi – đến níu lấy áo lão, nói những tiếng rất lạ tai như "vượn hót chim kêu" đòi đền mạng. Lão vùng ra để chạy, thì chân vướng. Trông xem, lão thấy "Khách quạt dài" [1] của Chánh Vận sai lên, cầm cẳng lão mà lôi hoài xuống một cái hố đen ngòm. Lão cuống cuồng, hét kêu làng nước đến cứu cho. Chiêng trống làng vụt nổi điệu "ngũ liên". Đó là lúc lão bàng hoàng sực tỉnh.

– Hựu độc thọ chúc... ư... ư...

Im lặng trở lại.

Cụ Tuần em vẫy gọi Cốc :

– Này, anh Hai lên đọc.

---

1. Tên một nhân vật đi đòi nợ thuê chuyên nghiệp cho bọn địa chủ vùng Vân Đình

Cốc còn trù trừ thẹn. Sau đành lên, cầm lấy bản chúc có dán mảnh giấy huê tiên đỏ, trên viếc chữ Quốc ngữ, đọc thẳng một hơi dài:

Thưa thày,

Nhờ Giời đất, nhờ Thần linh, nhờ Gia ấm, năm nay thày đến tuổi thất tuần. Nay thày lại chọn được ngày khánh cát làm lễ tế cáo Tiên tổ, rồi thì trên được các cụ lớn trong họ nhà chiếu cố đến chứng giám cho, dưới có làng nước, quan khách, các sắc mục kỳ cựu gần xa đến chơi đông, lại được hội Tư văn đến dự lễ làm cho long trọng thêm cái lễ Bàn đào chúc thọ này, chúng con lấy làm vẻ vang vui mừng lắm vậy.

Thưa thày, họ ta nhờ phúc ấm, thọ mạch đã có sẵn từ bốn trăm năm trước. Cụ Thiện Căn, Hiệp Biện đại học sĩ, nguyên Tuần phủ Kinh Bắc, sung Binh bộ Hữu thị lang, mà hai quan lớn Tuần nhà đây gọi là cụ, thọ 82 tuổi. Cụ Thiện Duyên, Chánh Đô ngự sử đại thần, nguyên Đốc Binh Hà Nam tỉnh, sung Tham tán quận vụ, Hình bộ Tả tham tri, mà hai quan lớn Tuần gọi là ông, thọ 86 gồm. Cụ Hồng Tu, Phó Đô sát viện ngự sử, nguyên Binh bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện đại thần, nguyên Tổng đốc Hải An, tức là cố thân sinh ra hai quan lớn Tuần đây, thọ 78 tuổi. Cụ Hiền tổ, hiệu Thanh Đạm, sinh ra thày, cũng thọ được 75 tuổi. Nay thày lại mới lên tuổi 72, thế là, luôn bốn đời của các cụ lớn, và hai đời của thày được lên quá cõi thọ thất tuần. Thơ có câu rằng "nhân sinh thất thập cổ lai hy" thời càng biết rằng hưởng thọ đến tuổi 70 thực là quý lắm vậy ! Thực là thiên tước vậy.

Thất Cò đương gà gà ngủ tiếp, choàng mở mắt ra như mới qua một cơn ác mộng khác. Thế rồi, từ lúc nghe đến hai tiếng "thiên tước", lão không sao còn ngủ được nữa, chỉ mắt le mày lét đợi dịp mà... giật mình.

Bẩm thày, chúng con thiết nghĩ rằng :

Ở trong nhà thì : sân Lai vui vẻ, cành Quế tốt tươi ; dâu thảo rể hiền, cháu hòa, con hiếu ! Sữa đường thì vẫn mong đền ơn cả ; quạt Hoàng Hương há dám lỗi đạo thường ! Khoét mắt ra nuôi mẹ ốm, chuyện Chương Viên dâu vẫn thuộc làm lòng ; chôn con để cứu cha già, việc Quách Cự con hàng ghi tạc dạ ! Như thế là thày đủ nhàn tâm mà thọ cùng non sông gấm vóc vậy.

Ra đến ngoài thời : công danh đạm bạc ; phú quý xuê xoa. Nội nể ngoại vì ; già yêu trẻ kính. Lê Công Nghệ vẫn ngọt bùi chia cả họ; lộc Chu Công từng ban bố khắp làng. Giầu Thạch Sùng không..."

Đương chỗ gật gà gật gù nghe, Thất Cò bỗng xám mét mặt, hai mắt biến màu xanh, vùng đứng dậy, lão hổn hển bảo Cốc :

– Khoan ! Khoan ! Hãy khoan !

Rồi lão sợ sệt, toan bỏ cả tiệc Bàn đào chạy ra sân, nếu không có người lôi áo lại. Không ai hiểu gì hết. Nhưng đến khi, vì bị giữ dịt xuống ghế, lão cứ với tay ra, hất hàm làm hiệu, họ mới biết có ba người lạ mặt đương vào. Hai đàn bà có tuổi, ăn mặc cũ kỹ rách rưới, một đàn ông có tuổi, tay xách chiếc... quạt dài. Tinh mắt Nông vợ trông ra, rồi nguẩy vào, gắt lão :

– Nó đến thì kệ mẹ nó đã có người mời, việc gì phải cuống lên thế ? Thôi, bác Hai đọc chóng cho xong, còn để làng uống rượu, kẻo tối lấy đâu ra dầu mỡ, đèn lửa. Người nhà Chánh Vận đấy chứ ai mà ông cụ phải sợ cuống cả lên. Quen hỗn với ông cụ, chứ đến nhà tôi mà hỗn thì "quẫn da" ngay. Bác đọc đi.

Đương đến đoạn đối trọi du dương, bị cụt hứng, cụ Tuần em cũng giục :

– Anh Hai tiếp đi ! Giầu Thạch Sùng ?

Giầu Thạch Sùng không lụy, không ơn ; uy Tần Cối chẳng tâng, chẳng khuất. Họ to làng rộng, trên hai quan lớn, tài khoa danh thày cũng được thơm lây : tiếng cả nhà không, dưới các dân em, cảnh thanh bạch họ dám đâu hỗn xược ! Như thế là thày được đắc ý mà thọ cùng non sông gấm vóc vậy.

Cốc nghỉ lấy hơi. Lão vụt đứng lên, nhưng lại bị cầm vai ấn xuống.

– Thế chưa hết kia à ?

Cốc tiếp :

Thưa thày, trong nhà thày đã được nhàn tâm, ngoài làng thày đã được đắc ý mà thọ cùng non sông cẩm tú, thực là thiên hưu tổ ấm đã ban cho thày mới được như thế vậy.

Nay chúng con mừng được thấy thày vẫn đương khang kiện, rồi còn lên đến tám mươi tuổi...

Lão giật mình đánh thót :

... Chín mươi tuổi, một trăm tuổi, để theo cái thọ mạch ngày xưa, và ước ao rằng cứ mười năm lại có một tiệc Bàn đào như ngày hôm nay.

Chúng con ít học, không biết lấy chữ nghĩa để làm bài văn chúc thọ, nên đã xin các cụ lớn và quan tước trong họ nhà soạn cho mấy câu đây. Chúng con xin chúc thày khang ninh trường thọ ! Hai cụ lớn vạn phúc ! Đồng tộc vạn phúc ! Đại Nam Hoàng Đế vạn tuế ! Đại Pháp vạn tuế !

Không ai vỗ tay. Vì nhà quê này, tay họ không được bà mụ nặn ra để mà... vỗ ! Hai cụ Tuần đành tự vỗ tay lẹt đẹt lấy, te như cơm khô.

Thì ô kìa ! Chẳng đáp lại gì cả, Thất Cò đã chạy xổ ra.

– Ấy không ! Cụ đi đâu ?

– Thôi, xong rồi còn gì, để tôi...

– Không. Cụ phải đáp lại con cháu mấy câu đã.

– Thế à ? Thế thì biết đáp thế nào được ? Hay tiện thể... nhờ... hai cụ lớn...

– Chết ! Cụ phải đáp ! Mau lên ! Mau lên !

Bị cưỡng bách, Thất Cò đứng... run. Lão trông mọi người để tìm cứu tinh. Nhưng biết không trông cậy được vào ai, lão phải há mõm, há mồm, há mồm như nhai không khí mấy cái liền, rồi nói quấy quá:

– È hèm. Các cháu ! Các con ! Các dâu ! Các rể ! Bẩm lậy ba cụ lớn ! Thưa trình đồng dân. È hèm ! Mà mà hôm nay, tôi sống được bẩy mươi hai, ấy là thiên tước vậy. È hèm ! Tôi có làm cỗ để mừng... tôi. Mà lại mời các cụ lớn, quan khách, kỳ cựu, cụ Cử, cụ Tú đến uống rượu như thế này. È hèm ! Thì là tôi xin bái lĩnh... bái lĩnh ạ.

Còn các con ! Các cháu kia ! Thôi thì từ nay, con bảo thì bố phải nghe. Vợ bảo thì chồng phải nghe. Em bảo anh nghe, cháu bảo ông nghe. Thế thì là tam tòng, là tứ đức, là tam cương, ngũ thường, luân lý vậy.

Thôi ! Thế thì cho đi xuống bếp mà dọn... cỗ, bưng lên để các cụ uống rượu. Chứ chờ từ sáng đến giờ còn gì !.

Ấy không ! Đã xong đâu !

Lão quắc mắt :

– Sao lại chưa xong ? Cả mâm đồ tàu mời riêng các quan cũng đã...

Một loạt cười rúc rích.

– Là nói tế đã xong đâu ! Cụ ngồi xuống đã. Còn thụ lộc, còn phát lộc Bàn đào cho con cháu.

– Thật à ? Lão đành ngồi xuống.

Một tràng pháo "hóa văn" (tuy tế Bàn đào không lệ hóa văn, họ vẫn cứ đốt) nổ dậy đất. Chiêng, trống, nhạc lại tha hồ... lưu thủy inh tai.

Lão Đông xướng lại bạnh cổ lên:

– Tiến thọ tửu ư !

– Chuốc thọ tửu ư !

– Am thọ phước ư !

– Tiến thọ quả ư !

– Thụ Bàn đào lộc ư !

– Hựu tiến phù trà ư !

– Tựu vị ư !

– Lễ tất ư !

Tiến mãi ! Lui mãi ! Uống mãi ! Ăn mãi ! Mà nào ăn có trôi ! Mà nào uống có lọt ! Không hiểu sao, từ nãy đến giờ, lão cứ động uống là nấc, động ăn là nghẹn. Mặc ! Lão cứ phải ăn, uống nữa.

Mãi đến khi nghe "Lễ tất", ai nấy khoan khoái tựa hồ cất được gánh nặng khỏi vai.

Nán ngồi để nhận đủ những cái vái của các con cháu xong, cũng chẳng nghĩ đến phân phát cho chúng dư lộc của Bàn đào, lão Thất Cò, như gấu sổ lồng, chạy lật đật ra sân tiếp "khách".

Nhưng trong nhà, cả anh em Hai Cốc, cả Ba Nông, cả Binh Sếu, Sáu Diệc, Bẩy Tép, cả Xã Thuổng chồng, Hai Cốc vợ, Ba Nông vợ, và Vạc Nhớn, với tất cả một bầy cháu gái, trai, nội, ngoại, ai nấy cũng đều cố nhớ lại, cố nhớ lại để sau này, những đêm nhàn hạ, thuật lại cho con, cháu, chắt, chút :

– Xưa kia, cái ngày mà ông (hay cụ) nhà ta làm Khánh thọ Bàn đào...

IV

Tay xách quần, chân lê giầy, Thất Cò lếch thếch đi lên, miệng vừa mếu máo... cười, vừa hổn hển thở phì phò.

Lão cần tìm một người để nói cho hả, thì chỉ gặp Binh Sếu đương ở lại dọn bàn. Lão đến gần, thổi vào tai Sếu những hơi ngất quãng:

– Tao tưởng gì ! Nó làm tao hết hồn ! Uống nghẹn... ăn nghẹn. Thì ra... hôm nay thằng quạt giài đi hỏi nợ qua đây, nó biết nhà mình có cỗ, nó rủ hai con mụ nặc nô cùng đi lên xin một bữa..., chứ không phải lão Chánh Vận sai lên vì... cái khoản kia. Có thế chứ ! Đời nào Chánh Vận, mà mình cũng mời, và cũng biếu cái khoanh bò cẩn thận, lại xử tệ ngay giữa ngày hôm nay.

– Gì hả cụ ?

– Ai ?

Một vài kẻ đến bên lão, tò mò.

– A. Khách thiên hạ đến... mừng đấy mà. Khách của... bà Trẻ nó.

Sợ bị lục vấn thêm, lão lảng chạy ra hiên, gọi giục rối rít :

– Kìa ! Thế anh Sáu đâu ? Anh Bẩy đâu cả thế ? Lên trên này dọn ấm chén đi chứ. Rồi bảo họ bưng cỗ lên đi.

Có cần gì lão giục, cỗ cứ việc lục tục bưng lên từ khi tiếng "lễ tất" chưa kịp lắng trong im lìm. Cỗ đặt ở gian giữa, đặt chạy dài hai gian bên. Cỗ đặt lên khắp các phản dưới rạp, ngoài sân, và đặt nhờ cả sang nhà hàng xóm. Có khối người làm giúp hợp lực với người nhà, không ai phải bận lòng đến cỗ. Có cần, chỉ cần phải bận lòng đến các... quan khách, vì họ đã tản mạn đi mỗi người một chỗ, từ khi liếc thấy cỗ bưng lên. Nhưng cũng may mà không ai đi xa. Họ ra hè. Họ ra sân. Họ ra ngõ đi tiểu để nhẹ đỡ bụng. Hay ra vườn trẩy vài quả ớt. Hay tước tầu lá chuối chốc nữa gói phần. Nên chỉ nghe một tiếng mời to của Thất Cò ở trong nhà là họ đã răm rắp về "tựu vị". "Ăn đi trước, lội nước đi sau", cổ nhân đã dầy công kinh nghiệm mới phát minh ra câu tục ngữ ấy. Người nào cũng lễ độ như một vị đại hiền. Người nào cũng có một khiêm tốn đáng quý. Họ vâng từ Bẩy Út trở xuống. Họ dạ từ đứa trẻ lên năm trở lên đến đứa trẻ mười lăm.

Năm người một bàn. Cụ Cử, trong khi chửa "làm gì", lại được dịp nhắc thêm cái điển tích "năm người một bàn" mà một thằng mõ mới đến nhậm chức cũng đã thuộc lòng. Đó là theo địa lý của Khách Nhâm : sau làng, có năm cái đống to không hơn không kém đống... phân bò, mà Khách Nhâm kêu là "Ngũ nhạc". Cỗ đóng năm là thể theo cái kiểu đất Ngũ nhạc.

Cỗ có bẩy đĩa, gọi chữ là "thất tử", gọi nôm là "dấm ghém". Song dấm cũng không dấm, ghém cũng không ghém. Cả chữ "thất tử", chưa ai thấy cụ Cử diễn điển tích vì đâu.

Người nào cũng ngồi xếp vành tròn, rổ râu, rung đùi nhìn ngang nhìn ngửa như chẳng hề quan tâm đến mâm của mình, tuy vẫn để ý nhất đến số đĩa thiếu đủ để mà khiếu nại với gia nhân. Không thế thì rón túi lấy ra củ tỏi dắt sẵn, bẻ vội ra một nhánh, dúi vội cho ai mà hắn coi là tri kỷ. Hoặc là đọc câu đối. Bây giờ thì bập bẹ cũng đọc. Không biết chữ gì cũng đọc. Nó khốn lắm. Không đọc thì không biết làm gì để khai vị cả. Ngồi không nó buồn.

Đợi cho mọi cỗ dàn ra đủ cả, Thất Cò, Hai Cốc, Ba Nông, Tư Sếu chia từng địa phận ra để đi "có lời" từng bàn. Thất Cò và Hai Cốc thì đi mời các bàn chức sắc, kỳ mục ở trên. Nông và Sếu, các đàn em dưới.

"Có lời", tuy vậy, không phải nhiều lời cho lắm.

Chủ mới gãi đầu :

– Thưa các cụ và các ông, chúng tôi... gọi là có chén rượu nhạt...

Tức thì trăm nghìn tiếng của khách đã đánh át đi :

– Bẩm vâng, chả mấy khi cụ làm khao Khánh thọ cụ và các ông cho biết, chúng tôi đến mừng mà cụ và các ông lại cho ăn, anh em chúng tôi xin ăn. Thôi, chúng tôi là chỗ trong nhà cả, chả cần phải mời. Cụ và các ông đi mời bàn khác, cần nhất những bàn khách. Vậy thì chúng tôi xin thất lỗi rượu cụ và các ông.

– Thất lỗi cụ và các ông.

– Cụ và các ông.

– E à các ông.

Có nhiều kẻ lười nói, đã chỉ việc há mồm ra, đóng mồm lại vài lượt, hoặc ề à theo đuôi thế cũng đỡ phiền. Đám sá đông, họ đến có mặt là quý lắm rồi. Kẻo lại trách. Nó khốn lắm !

– Thôi ! Chúng tôi là chỗ người nhà, chả cần mời. Cụ và các ông cần nhất những mâm khác, những mâm của khách.

Nhưng đến mâm khách nào, khách nào cũng nhận là... người nhà ráo. Để cho nó chóng xong việc đi.

Tiếng so bát đũa. Tiếng mời lẫn nhau. Rất nhiều tiếng gọi gia nhân để khiếu nại thứ này hay thứ nọ.

Tiếng ồn ào từ nhỏ ra to, như tại một tỉnh sép lần đầu tiên có còi báo động.

Từ to ra hét, ra quát, ra cười, ra chửi ! Cười thô thiển. Chửi tục tằn.

Tiếng cô đào cứ việc nheo nhéo hết "tì bà" đến "gửi thư" để chẳng ai nghe.

Tiếng máy hát cứ việc "tụng kinh", cứ việc "vọng cổ".

Mặc !

Rượu cứ hết chai bố nọ đến chai bố kia. Bình tích lớn đến bình tích bé.

Một vài cụ say ngã dúi xuống mâm. Say vẫn cứ uống ! Một vài khách mửa thốc xuống gậm giường. Mửa rồi lại uống !

*

*   *

Có ai kéo dài giọng gọi :

– Này ì à ! Này ! Sao mâm này không có sỏ và lãn ? Hả ? Hả ?

– Bẩm, sỏ và lãn chỉ có đặt mâm chức sắc...

Nó hét :

– Láo ! Thế dễ kỳ mục chúng ông không được sỏ và lãn ? Không có kỳ mục lấy đâu ra chức sắc ? Thì ra coi kỳ mục cũng như những thằng bạch đinh ? Láo !

Có ai lè nhè đáp từ ngoài sân :

– Cụ Cựu ì à ! Thôi cụ Cựu ì à này ! Cỗ hảo tâm, họ đặt thế nào xin cứ vui vẻ ăn. Chứ cái đám hôm nọ, ì à cỗ lệ làng, đám vọng cậu Cử Tham con cụ Tuần anh, cỗ lệ làng ì à... Con thì con cũng ì à chả có thứ vị được đi...

– A Đĩ Mải ! Anh là cái gì mà anh dám nói leo ? Thế cỗ hôm nọ thì sao ?

– Dạ... lạy cụ... ì à... nghe đâu cũng không ì à có sỏ và lãn mà... mà... chả thấy cụ nào hạch ?

– Đồ ngu ! Đã sắp uống rượu rồi nói láo ! Thế nào là "Quan gia bất tại thử lệ" ? A mà hơi đâu ta đi nói với các anh.

*

*   *

Có ai gào, ở gian bên kia :

– Giáo ! Giáo với chả đồ ! Giáo ở cái làng này thì nước mẹ gì. Quanh năm, ai biết cổng ngõ nhà hắn là đâu. Ở cái làng này mà không khao như cụ Thất đây, thì ông cũng là thằng tuốt.

Lại vẫn tiếng đáp từ ngoài sân lúc nẫy :

– Bẩm cụ Bá, làng này còn khối người tai to mặt nhớn, cứ gì ông Giáo...

Người có tên là cụ Bá càng gào khỏe :

– Tai mặt thì cũng không đến cái thứ anh được đi kia mà ! Gối rơm đành phận gối rơm... Hỗn ! A, anh là cái thằng giai, chứ là cái gì mà anh dám nói chõ ? Hỗn quá ! Đĩ Mải ! Anh có biết "Quan gia bất tại thử lệ" ?...

*

* *

Lại có ai quát ở gian bên phải :

– Thầy Lý ? Thế cái tiền thuê đắp cõi đã thu xong chửa ?

– Bẩm cụ, thu gần đủ, nhưng còn mấy đứa nó khất lần, không chịu đóng. Nhà Đĩ Cỏn... nhà Cu Bê.

– Thế thì trói cổ mẹ nó lại ! Đánh róc xác cha nó ra ! Trình với các cụ Tiên, Thứ chỉ làm giấy bỏ tù thằng cụ nó chứ chịu à ? Mai ra đình phá cỗ đốn cụ Thất đây, thày nhớ trình làng, để thử hỏi chúng nó...

– Thưa các cụ, ai kia ạ ? Một tiếng hỏi ở ngoài rạp.

– Ai thì các anh hỏi làm gì ? Thằng Đĩ Cỏn, thằng Cu Bê.

– Bẩm tội gì kia ạ ?

– Tội gì thì các anh hỏi làm gì ? Tội không đóng tiền thuê đắp cõi.

– Bẩm, sao thấy bảo cõi ấy chỉ bổ cho giai phải đóng ? Chúng con tưởng có đắp ra, thì cả làng, trên các quan, dưới các cụ cùng đi...

Lão Cửu dằn mạnh chén xuống thành mâm :

– Chứ dễ thường để riêng cho các chú đi chăng ?

– Bẩm, vậy con tưởng nên bổ cả làng.

Tiếng nói hạ nhỏ xuống như cho riêng nhau nghe :

Bổ cả làng mới phải chứ ! Bác đã đóng chửa ?

Một tiếng gào đánh bạt :

– Sao lại bổ cả làng ? Chúng nó ngu thế ! Ta hỏi : ví thử bây giờ không thuê đắp cõi, thì giai các anh phải đắp hay các cụ lớn, hay chúng ta ?

– Bẩm, các cụ lớn thì đã đành là "nhưng".

– Thế còn các ông Ấm, các Cậu trong nhà, thế còn các chức sắc, văn thân, kỳ mục phải đi đắp cõi với các chú chăng ? "Quan gia bất tại thử lệ", thế nghĩa là gì các chú có biết ?

*

* *

Có người nói lầu nhầu trong miệng :

– Thế thì ức giai quá... Ức...

– Anh nào bảo ức ? À à ! Cu Chử. Bây giờ không đi đô tùy đám cụ Ấm Cả, đến làm gì đây ?

Giọng đáp run run :

– Bẩm cụ, con... thuê.

– Anh thuê ? Ai cho anh thuê ? Cụ Ấm Cả, con một vị đại thần, mất, mà anh đi thuê những phường khố rách áo ôm làm đô tùy thì còn ra thể thống làm sao ?

– Bẩm cụ, con thấy thày Lý cũng...

Lý Tân, mặt đã đỏ gay, càng đỏ :

– Chú thấy ta thuê, dễ thường chú cũng thuê được hẳn ?

Kẻ khác phụ họa :

– Không được ! Cu Chử ! Nói thế là hỗn ! Chú có biết chú là ai? Ông Lý là ai ?

Năm bẩy kẻ khác hùa phụ họa theo :

– Láo ! Anh mà anh lại dám ví với người ta ?

– Anh làm gì mà anh dám ví với chúng ta ?

– Các chú là thằng giai, thằng bạch đinh mà các chú dám bì với chúng ta ?

– Ừ, anh có muốn ví, thì anh hãy mua lấy một thứ vị, bỏ tiền nghìn ra khao vọng như người ta đây, rồi ta sẽ cho ví với chúng ta.

– Hỗn ! Mai kia mẹ chú chết, thì để cho thằng mõ nó đi chôn, hỗn !

*

*   *

Sau một tràng sửa như mưa, tưởng kẻ bị mắng im, không ngờ lại một tiếng hỏi :

– Bẩm các cụ..., con tưởng... chỉ nhà quan...

– Nhà quan thì sao ? Nhà quan thì "quan gia bất tại thử lệ", các chú không biết câu ấy ở trong khoán ước phỏng ?

– Bẩm... chúng con làm gì mà được biết khoán ước.

Một loạt cười nhạt.

– Chứ ai cho cái thứ các anh được biết ? Ấy là không biết, chứ để cho các anh biết, thì có mà loạn làng !

Vẫn phe ngoài rạp, một giọng can :

– Thôi bác Cu ! Gối rơm đành phận gối rơm... Mình ngắn cổ nhỏ họng...

– Ai bảo gì ngắn cổ nhỏ họng ? – Lão Chánh Bát từ đầu đến giờ mới lên tiếng – Ngắn cổ nhỏ họng thì ai ức hiếp gì các anh ? Người ta thương các anh giời đất này, phải nai lưng đi đắp cõi, cơm nhà việc người, thì người ta nghĩ cách thuê đắp, để các anh có phải đóng ra một vài đồng đấy, nhưng cũng còn có thể đi mà kiếm chác mớ tôm mớ tép, làm công làm buổi, mà thêm tiền nuôi vợ nuôi con. Dễ thường các anh tưởng rằng chúng ta bắt các anh đóng tiền như thế là để chúng ta ăn chân ăn tay của các anh ? – Ấy, chính có đứa nó nói thế đấy, tôi thì không đi guốc vào bụng chúng nó ấy à ? Ngắn cổ nhỏ họng !

– Bẩm không ạ.

Lý Tân :

– Không gì ? Không cái gì nữa ? Chính cái mồm anh vừa nói, còn chối xoen xoét cái gì nữa ? Thế còn anh Hai Pháo ? Anh không đi phục dịch với thợ ngõa để xây mấy cái dàn hoa ngồi chơi mát dưới quán, anh đến làm gì đây ? Hay lại cũng thuê ? Hay lại cũng sắp bì tị với chúng ta ?

– Bẩm ông, mẹ cu cháu nó làm thay. Con nào dám bì tị với các ông. Con vẫn biết "quan gia bất tại thử...".

*

*   *

Một tiếng hét lớn ở ngoài rạp cắt đứt câu nói dở :

– Thử là cái con chuột !

Mọi bàn đều nhìn về phía kẻ nói.

Hắn là Đĩ Mải. Mặt xương xương, da bánh mật, sức vóc cao lớn, chắc nịch. Hắn còn tên khác là Đĩ Sẹo, vì môi hắn cũng có sẹo, cằm có sẹo, trán có hai ba sẹo, lưỡng quyền sẹo, đầu, rất nhiều. Tuy vậy, hơn các bạn "ngoài rạp", hắn vẫn chưa mất vẻ con người. Hắn là kẻ thủ xướng lên cuộc chia bè kéo cánh để đấu khẩu này. Bị mắng phủ đầu hắn im ngay. Ai cũng tưởng hắn im rồi thì hắn thôi. Không ngờ hắn im để vừa tủm tỉm cười, vừa nốc thêm, riêng mình hắn, đến hơn một bình tích... rượu. Rồi thì hắn quát. Mới rồi, chính hắn vẫn vừa tủm tỉm cười vừa quát đấy. Hắn lại quát nữa :

– Thử là cái con chuột ! Con chuột buột ra con chó ! Con chó nó bó cái khôn ! Hết khôn phải dồn ra dại !

Chả ai hiểu hắn định nói gì cả. Vẫn tủm tỉm cười :

– Bởi vì dại, cho nên mới làm thằng bạch đinh ! Làm bạch đinh sướng lắm, thưa cái ông giời ! Cái đ... gì cũng "quan gia bất tại thử lệ" để nhường cho thằng bạch đinh có công có việc luôn luôn ! Phu cũng "bất tại thử lệ" để nhường cho thằng bạch đinh phu. Canh cũng "bất tại thử lệ" để nhường cho thằng bạch đinh canh. Tuần cũng "bất tại thử lệ" để nhường cho thằng bạch đinh tuần. Chết cũng "bất tại thử lệ" để nhường cho thằng bạch đinh... khiêng. A ha ! Chả có cái *đếch gì mà không nhường* cho thằng bạch đinh, chỉ trừ có cái của *chấm được, mút được*, và *cái của miếng chín thì là không* "bất tại..." Sướng lắm ! Sướng lắm !

Im nói để nhìn đảo khắp trong nhà, hắn tiếp :

– Ấy, đây dốt thì đây cứ gẫm thế, còn ai bảo thế nào thì bảo.

Các cụ nín thít, không ai bảo gì cả. Vì hắn có một dĩ vãng liều lĩnh khiến các cụ không ai dám rây. Rây với hắn tức là nối dáo cho những phe cánh khác được dịp đâm vào cổ phe cánh nhà. Tức là đánh đu với tinh. Vì trông ở như những đống sẹo lớn sẹo nhỏ trên đầu trên mặt hắn kia, cũng đủ biết cái đức... liều của hắn có đảm bảo.

– Thôi này, cạn chén xơi cơm, anh Đĩ. Người bên cạnh can.

Hắn cạn chén, nhưng không xơi cơm vội. Hắn với chai rót đầy chén khác, rồi trông người kia, vẫn tủm tỉm cười :

– Ơ, ờ ! Này đằng ấy gẫm mà xem : Thế sao chết ? Ờ nhỉ, thế sao mình chết, mình là bạch đinh, mình đi chôn lẫn nhau thì đã đành rồi, họ không chôn mình vì "bất tại thử lệ", nó đi một nhẽ rồi. Thế mà họ chết, thì sao mình lại dám đi chôn họ ? Đã thế thì sao họ không "bất tại thử lệ" cả cái chết, giữ riêng phần họ cả cái việc đi chôn nhau ấy nữa ? Để cho họ thì mới được khiêng lẫn họ, bạch đinh khiêng lẫn bạch đinh ? Việc đếch gì lại phải nhờ đến bạch đinh ? Ấy, đây dốt thì đây cứ gẫm thế, còn ai bảo thế nào thì bảo.

Đã giả điếc làm ngơ, thấy hắn làm quá lắm, cụ Tuần anh phải lên tiếng :

– Cái gì mà nói nhảm nói nhí thế ? Đĩ Mải ! Muốn sống thì câm đi. Ta sai tuần nó vả vào họng bây giờ. Bảo nó câm đi. Hai Cốc !

Đĩ Mải đứng lên, rồi ngã dúi xuống hai ba bận. Hắn phải tựa lưng vào một cái cột rạp, chắp tay vái dài vào gian giữa có các quan ngồi :

– Bẩm lậy các cụ lớn, không ạ ! Chúng con đâu dám hỗn ạ ! Chúng con nói chuyện là chuyện ở bên Bắc, quê vợ con...

Cu Chử lôi Mải vào giường, đặt vào tay hắn bát cơm.

– Thôi này, ăn đi cho xong rồi về ngủ. Gối rơm đành phận gối rơm. Họ hơn mình, hay mình kém họ, nó cũng là do cái số...

– Cái số ! – Đĩ Mải thôi cười, trừng trừng trông bạn – Cái đ... gì cũng là cái số. Giầu cũng là số, nghèo cũng là số, sang cũng số, hèn cũng số. Ấy, thà cứ để cho thằng có tiền nó nói số thì không thối lắm, thì may ra lại còn ngửi được. Nó nói số để cho thằng khố rách áo ôm cứ yên phận cái số một xu không dính đít, đừng lăm le cướp của nó, và để nó cứ việc cướp của thằng khố rách áo ôm, vì số nó có tiền kia mà ! Này đằng ấy ! Tớ bảo thế này : bây giờ, đằng ấy tìm đến một thằng cóc vàng, đằng ấy bảo nó rằng : "Thưa cụ, số cụ chỉ giầu đến hết hôm nay thôi, mai thì số cụ phải nghèo, vậy cụ cho tôi vay một đồng". Nếu nó có tin số mà cho đằng ấy vay, thì hãy bảo đây tin số với phận, đạo với đức, nghĩa với lý.

Người mâm bên hỏi chõ sang :

– Có dễ anh Đĩ không có đạo đức, nghĩa lý chắc ? Không đạo đức nghĩa lý thì có là... chó.

Đĩ Mải ha hả cười :

– Thì dẫu đây có là chó nữa, đã chết ai ? Ai chứ thằng bố Cu Ệch mà cũng sính đạo đức nghĩa lý thế kia à ? Đạo đức của đây là đây

không đi bóp cổ ai, thì đừng ai bóp cổ đây. Nhưng đạo đức của thiên hạ lại khác của đây, là nó cứ đi bóp cổ người khác, và lại không muốn cho người khác bóp cổ nó. Đấy, cái đạo đức mà bố Cu Ệch sính là thế đấy. Còn nghĩa lý. Này ! Mai đã có gạo nấu cơm chửa ? Hình như vợ đằng ấy mới sang vợ đây hỏi vay. Nhưng vợ đây cũng hốc sì! Thế nghĩa là chiều nay chưa có cơm. Thế thì đừng nói đến nghĩa lý vội. Cu Ệch ! Đằng ấy có nhận là khố rách áo ôm với tớ không đã, thì tớ mới nói chuyện với. Không thì mời đằng ấy vào bàn việc làng với các cụ trong nhà kia.

Một người khác, cùng bàn với Cu Ệch, trả lời thay, qua giọng lè nhè :

– Rằng thì ì à... chẳng thì ì à... phải khố rách áo ôm ì à thì ì à... sao lại được ngồi tận ngoài ì à này... ?

– Nghĩa là cụ họ Mủng cũng nhận là khố rách áo ôm ? Tất cả chúng ta đều là bạch đinh, đều là khố rách áo ôm cả chứ gì ? Được rồi ! Vậy thì các cụ, các quan, họ có cái nghĩa lý của họ, ta có cái nghĩa lý của ta. Nghĩa lý của ta là nghĩa lý những thằng lưng đen khố cao. Mà họ thì "quan gia bất tại thử lệ".

Mọi mâm ngoài rạp ồ cười. Đĩ Mải không cười, nhưng nốc thêm chén nữa.

– Vậy nghĩa lý của đằng ấy là gì ?

– Chắc là nghĩa lý... binh bố ? Một cụ ở trong nhà chõ ra hỏi kháy.

Hắn chắp hai tay vái :

– Nhì ạ. Bẩm lậy cụ ạ. Hôm nay, được cụ Thất và các ông cả bà nhớn đây cho ăn, cơm no rượu say, nhì ạ, cụ dạy là nghĩa lý binh bố, con xin nhận ạ.

– Thế còn nghĩa lý ngày mai lại khác sao ?

– Không ư ? Hôm nay được cụ Thất và các ông cả bà nhớn cho ăn cơm no rượu say, thì đây hãy biết cái nghĩa lý hôm nay, là đừng ai cất cơm triệt rượu của đây đi, tức là nghĩa lý của thằng no. Mai đến, về nhà, ngoáy vò thấy hết mẹ nó gạo đổ vào mồm, thì mới lại có cái nghĩa lý của thằng đói. Ấy, đây dốt thì đây cứ gẫm thế, còn ai bảo thế nào thì bảo.

*

* *

– Anh Hai Cốc đâu ? Ông Phó Cò đâu ?

Mấy tiếng gọi rất vô ý thức ở gian bên trái.

Thất Cò chạy lại :

– Kìa ! Cụ Tổng Cựu xơi rượu chóng thế ?

– Tôi xơi gì mà bảo chóng ? Này ! Tôi bảo thực, chứ bố con ông khinh làng quá lắm ! Khinh làng quá lắm !

– Bẩm, chả nhẽ không mời, nó cũng cứ đến làm giúp, cứ ngồi ăn uống, thì làm thế nào ?

– Tôi không nói Đĩ Mải.

Trước hết, một cái mặt đỏ như đĩa tiết canh, vụt cắm vào một cái cổ, cái cổ chằng chịt gân xanh gân đỏ mới lại cắm vào một hình người cả gù lẫn gầy đét, đương lắc lư cắm trên giường. Cái miệng ngậm tăm, mỡ bóng nhờn :

– Thưa làng, bố con ông Phó Cò khinh làng quá lắm ! Ấy tiếc tài rằng ông ta mới chỉ làm đến cái thằng phó mộc, chứ lại có phúc làm quan nữa, thì chúng nó còn khinh làng đến đâu !

Hắn im, nhìn ngang ngó ngửa xem có ai đoán ra ý hắn muốn gì. Nhưng ai thời giờ đâu mà ngừng đũa để đoán giữa lúc các đĩa hồ vơi. Hắn tức, lại tự trả lời lấy vậy :

– Thưa làng ! Người ta đã làm hai thứ cỗ. Cỗ đồ tàu để đãi khách, cỗ dấm ghém thì đãi dân. Người ta sợ dân dại miệng không biết ăn cỗ đồ tàu, hay là người ta khinh dân không đáng ăn ? A ! Sinh ư dân, tử ư dân ! Thế thì khi ông Phó Cò chết, ông ấy cứ việc mời khách khiêng ông ấy ra đồng, chứ đừng nhờ đến dân chúng ông nữa nhé ! Thôi đứng dậy ! Ai cho những lời tôi nói là đúng lý, thì đứng cả dậy.

Chẳng ai đứng ráo. Hắn càng cáu :

– Thằng Xã ! Thằng Nhiêu ! Thằng bố Hương ! Ăn xong chửa, mà còn ngồi làm gì đấy ? Về mà ăn cơm muối còn hơn.

Vẫn chỉ có "thằng Xã", "thằng Nhiêu", "thằng Hương" hưởng ứng với lão thôi. Song Thất Cò cũng phải gãi tai, phân trần. Cả nhà lão, trừ Hai Cốc, cũng xúm đến xin lỗi giúp. Lúc ấy, bọn "bất đắc chí" mới lại chịu ngồi.

*

* *

Một tiếng gọi ở nhà trong, gian phải :

– Ông Hai đâu nhỉ ? Ai gọi giúp ông Hai.

Cốc vẫn đương đứng tựa cột rạp, nghe Đĩ Mải huênh hoang nói, mà đâm ra nghĩ ngợi bâng khuâng. Đã hai ba lần, những người khác thì khuyên Sẹo ăn cơm, nhưng Cốc, lấy tư cách chủ nhân, chạy lại ngăn, và rót thêm rượu cho Sẹo, để được nghe y nói nữa. Thấy có người gọi rát lắm, lần này hắn phải cáu kỉnh trở vào.

– Ông Hai đấy à ? Thế đã biếu phần các cụ Tiên, Thứ chỉ chưa?

– *Bẩm ông họ, cụ Thứ biếu rồi. Hai cụ lớn Tuần* đã biếu phần tả văn lúc sáng.

– Thế thì không được. Phần tả văn khác, phần Tiên chỉ khác. Nếu không đem biếu thêm phần Tiên chỉ, thì tôi bảo cho mà biết : bữa khao hôm nay bất hợp lệ, có cũng như là không.

Hắn, vốn họ gần với cụ Tuần, lại là chỗ đầy tớ chân tay. Ở bất kỳ đám sá nào, hắn cũng phải làm tròn hai nhiệm vụ mới nghe : nhiệm vụ với hắn, là ăn cho cấp tốc xong. Nhiệm vụ với chủ, là hạch phần biếu.

– Ơ kìa ! Cái gì nó cũng phải cho có lễ mới được chứ. Không lễ, thì tôn ti trật tự còn ra làm sao ?

Nói được một câu, y nhâng nhâng tự đắc, trừng trợn trông khắp mọi mặt, từ trong ra ngoài. Không dè khi tầm mắt chạm đến Đĩ Mải, y bị Mải trừng mắt giả rồi Mải rũ ra cười, cười phun phì phì cả thức nhắm ra áo người đối diện :

– Đấy ! Sẹo hất hàm cho các bạn "ngoài rạp". – Cụ Nhiêu Đường vừa nói chữ "Lễ" ! Lễ ấy mới thực là nghĩa lý của thằng... no.

Nhiêu Đường ngồi thụp xuống, gầm lên :

– Ông Thất đâu ? Thế ra ông mời các cụ lớn đến, để nó hỗn với các cụ lớn thế này à ?

Tiếng ở ngoài rạp gầm chẳng thua :

– Hỗn đấy ! Làm chó gì nhau. Cụ lớn đóng tám xu việc làng, thì con ông cũng đóng tám xu. Thế mà đã được ăn ma, ăn nọng rồi. Lại còn cái đ... gì cũng "bất tại..." !

– Đánh cho nó một trận ! Chúng mày đâu ? Đánh cho con nhà Mải một trận. Tội vạ đâu ông chịu.

Sẹo sắn tuột tay áo, nhẩy phốc đứng lên phản :

– Này ! Đây ông chỉ sợ có... ba cụ lớn, còn đếch cần từ cái mặt mày giở xuống. Bố con mày cậy đông người, đến giết ông chứ gì nữa? Ra mà giết ! Nhưng ông truyền đời báo danh nhé : mày giết ông, thì mày còn sợ mất cơ mất nghiệp, sợ mất gia tư điền sản, chứ ông giết mày, thì ông chỉ mất có độc vị một cái khố dai, với mày, với tất cả chúng mày ! Nào, có giỏi ra đây !

Một tiếng đổ vỡ.

Soảng !

– Ơi làng nước ơi ! Bố con thằng Đường nó giết chết tôi ! Anh em thằng Đường nó giết chết tôi !

Cả mọi nhà nhốn nháo. Trẻ con chạy lên. Hàng xóm kéo lại. Nhưng... không ai giết ai. Chỉ có Đĩ Mải lại tự đập bát, lại tự rạch đầu. May cho Nhiêu Đường. Và cũng may cho Mải lần này : đầu không thủng. Chỗ chưa sẹo lại được để dành dịp khác.

Gia chủ phải xúm vào lạy van kẻ ăn vạ. Hai Cốc chính tay vực Sẹo vào buồng.

Giữa họ, chớm nảy ra một cảm tình.

PHẦN THỨ BA

I

Vừa rạng sáng.

Cánh cửa liếp chưa kịp kéo lên, đã có tiếng người léo xéo gọi ở ngõ:

– Bà Thất ơi ! Bà Thất !

Nhà chưa ai dậy. Riêng mình mụ Thất đã ngồi đun bếp từ lúc nào ở gian bên. Lần gọi thứ nhất, mụ vờ đi không thưa. Vờ cả lần thứ hai.

– Bà Thất ơi ! Bà Thất ! Nhà đ... gì ngủ trương xác đến nửa ngày mà chửa dựng xác lên được. Bà lại điên tiết, hồi cho một trận bây giờ.

Miễn cưỡng, mụ Thất phải để bếp đấy, đứng dậy, khẽ lách cửa ra hè. Trong này, lão Phó Cò và vợ chồng Cốc thấy tiếng chân mụ ra mãi cổng ngõ, rồi mới thấy có tiếng khẽ hỏi :

– Kìa cô Cả ! Cô thư cho nhà cháu vài hôm nữa.

– Vài hôm nữa cái gì ? Bao giờ cũng vài hôm ! Lợn mua của người ta, ăn với nhau có ỉa ra phân, rồi giá ăn luôn cái phân ấy có lại ỉa ra phân mấy lần nữa rồi không ? Thế các người có định giả không thì bảo ?

– Bẩm cô thư cho vài hôm nữa.

– Cứ là đến mai, chứ chả vài hôm gì cả. Mai mà không có thì tôi chả để yên cho đâu.

– Vâng, xin cô lại nhà.

Mụ lẳng lặng lách cửa trở vào, lẳng lặng đun bếp như thường.

– Bà Thất Cò ơi ! Ra đánh chó tôi với.

Vẫn cứ đợi gọi đến lần thứ hai, thứ ba, có khi thứ tư, mụ mới chịu lên tiếng. Không phải lười. Vờ thế, để kẻ nào không kiên nhẫn thì quay về, cho là nhà đi vắng. Kẻ kiên nhẫn, khản cổ một tí không sao.

– Bà Thất Cò ơi ! Thế định người ta đào... mả lên hay sao đây.

– Bà Phó Cò ơi ! Ai mà đánh gậy sắt đến nhà các người !

– Hú ba hồn bảy vía nhà ông Thất Cò ! Gạo đong của người ta đổ vào mồm, không có giả thì móc họng ra giả người ta !

– Này ! Này ! Có đứa nào ở trong ấy bảo hộ ông Thất Cò rằng ăn thế thì bận sau cứ há sẵn mồm ra để người ta lõm cho một bãi. Bố con ông Thất Cò ạ.

Cứ thế, một ngày mấy chục bận. Một tháng mấy chục ngày. Nhưng được cái người ta ở đời, cái gì rồi nó cũng thành quen. Nên tha hồ gọi, tha hồ bới, tha hồ đào. Mặc. Ngủ cứ ngủ... Ăn cứ ăn. Chuyện cứ chuyện.

Nói vậy, chứ họ còn nhớ lại bữa khao như mới trải cơn ác mộng ngày hôm qua.

Thoắt đã năm tháng ròng. Năm tháng, với biết bao là biến cố. Và ly tán !

Binh Sếu đi rồi.

Vợ chồng Xã Thuổng bồng con bế cái đi.

Rồi Bẩy Út.

Bẩy, cũng vì muốn góp một phần vào việc làm khao đỡ cho Hai Cốc, nên trước khi về, đã ký giấy vay chủ ba chục đồng, mà phải làm

bù trong năm năm mới hết. Hắn tưởng ở nán lại nhà thêm dăm bữa nửa tháng, chơi với bố và các anh, rồi ra sẽ đi kéo cầy trả nợ. Năm năm trời đâu phải một thời gian ngắn ! Nhưng mới dỡ rạp được ba ngày, hắn đã nhận được thư của chủ gọi ra. Thư ký tên... bà Tham.

Lão Thất Cò tặc lưỡi :

– Thì hãy ở thêm lấy dăm hôm.

Hai Cốc bạo động hơn. Ai bảo lá thư nhè lúc khách nợ đứng chật ngõ, và hắn đương say thì ném vào nhà ? Hắn chửi toáng :

– Mẹ kiếp ! Thì cứ ở lì mẹ nó ở nhà, đã chết ai ? Giục thì làm cái con chó gì ? Dễ bỏ tù nhau mà sợ.

– Nhưng em chỉ lo người ta đuổi...

– Đuổi thì càng phúc, em ạ. Vay ba chục bạc, ở trừ trong năm năm ! Mỗi tháng năm hào, cơm nuôi. Sức một thằng con giai mười tám, mà đi làm thợ mỗi tháng năm hào cơm nuôi, thì mẹ kiếp, cứ ở nhà mà... bắt cua cũng sung túc, mà lại đếch phải lụy đứa nào cả.

Nghe và sợ anh. Bẩy Út ở lì nhà.

Nhưng được thêm bốn hôm, hắn nhận được lá thư thứ hai, vẫn ký tên bà Tham. Lần này là một lá thư... đảm bảo.

– Commăngđê thì cũng chẳng làm chó gì nhau ! Cứ để yên thì còn ra. Đã khỏe commăngđê thì mày cứ ở nhà. Tội vạ đâu, phen này tao sẽ chơi nhau với nó.

– Thôi, bố và anh để em đi... ngộ nhỡ người ta đem ra tòa thì dại.

Vuốt ngược mái tóc. Cốc đứng phắt lên, tuốt hai ống tay áo tới nách :

– Tư tòa thì đến bỏ tù mày là cùng chứ gì nữa ? Hà hà ! Cứ ở nhà, cho nó bỏ tù, em ạ. Hà hà ! Chỉ sợ vợ chồng thằng Tính đừng bước chân về làng này nữa thôi.

Bẩy Út nhăn nhó van lơn :

– Thôi, anh cứ để em đi. Người ta chả có kiêng nể gì đâu. Chính đến cháu ngoại ông ấy...

– Ông cái con chó ! Cốc thét.

– Chính đến cháu ngoại người ta, gọi vợ người ta là dì ruột, trước cũng cùng học việc với em, sau chỉ vì vay tiền không được, bỏ nhà đi, người ta cũng vu cho ăn cắp, rồi tư tòa, lên án ba tháng tù. Còn một vài

người nữa chả có tội vạ gì, chỉ yêu cầu sở tăng lương, ấy thế mà hiện giờ vẫn ở đề lao. Thôi, anh cứ để em ra, năm năm giời có là mấy.

Động lòng thương con, lão Thất cũng van lơn hộ :

– Thôi, cậu Hai để em nó ra. Kẻo lỡ, chống với họ, mình là trứng chọi với đá, có thế nào, nó lại oán chỉ tại tôi... chỉ tại tôi khao.

Bẩy Út đi làm được hai tuần lễ.

Một hôm, nhân Nông vợ ra tỉnh có việc, rẽ vào hầu ông bà Tham và thăm em. Út nhắn chị về nói để cả nhà biết rằng nó có lời hỏi thăm cả nhà. Rằng về phần nó, nó vẫn mạnh khỏe như thường. Rằng duy chỉ có từ hôm ra làm, địa vị nó ở trong bếp nước càng... quan trọng nhiều hơn. Rằng có khi thằng xe đi vắng, nó lĩnh chức kéo bà Tham đi chợ, hay ông Tham ra tòa. Rằng có khi con sen xin thôi, nó đã phải mỗi ngày giặt, một đống quần áo của ông Tham, của các cậu các cô, nhưng cũng chưa tủi cực bằng của cả... bà Tham nữa... Rằng sự học việc nó vẫn được đi một ngày hai buổi nhưng cốt để... phòng gian hơn là được xếp chữ. Rằng tuy vậy, nhờ tinh ý, nó làm vụng làm trộm cũng đã được thạo. Rằng ông Sếp nhà in bảo rằng cứ như sức nó, xin vào làm sở in khác nào cũng được cơm nuôi mỗi tháng mươi đồng. Rằng một hôm, nhân kéo ông Tham ra tòa, bà Tham đi đánh tổ tôm, lúc đánh xe không về, nó đã lẻn đến xin làm việc thử ở một sở in phố hàng Bông, vừa xếp được một bát chữ, ông chủ nhà in ấy đã hứa trả luôn cho nó tháng đầu cơm nuôi tám đồng, tháng sau lên mười, rồi hứa cho nó một tương lai tốt đẹp. Rằng, kết luận, là tình cảnh nó ở ngoài này khám khổ lắm, ăn ít làm nhiều, bị chửi đánh càng nhiều hơn nữa. Mà đi ra ngoài thì được như thế đấy. Vậy, kết luận thứ hai, là nó mong ở nhà cố chạy cho nó ba chục. Nó cũng biết từ sau khi khao, thì nhà cũng bấn, nhưng cố chạy hay cố vay đâu cho nó ba chục, để nó trả lại ông Tham, xin "rút giấy" ra, để đi làm việc ở ngoài, chỉ nội ba tháng, nó sẽ xin hoàn đủ cả số tiền.

Sau khi đã kể ra một thôi một hồi, Nông vợ thở dài não ruột, rồi thêm ý riêng :

– Tôi trông độ này chú ấy xấu sắc hơn độ về khao nhiều. Ấy là mới ra được nửa tháng giời. Nước da thì tái mét. Mặt mũi thì hốc hác. Má hóp, trán răn. Mà trông người lúc nào cũng ngơ ngơ ngác ngác sợ sệt như người mất hồn. Trông thấy em mà chị cứ ứa nước mắt ra. Lúc về, tôi cho cái giấy... năm hào để ăn quà, hoặc mua chả

mà ăn mấy cơm, chứ đã cơm nguội lại chỉ chan mấy vị một thứ tương thối tai, thì nuốt sao được. Úi chao ôi ! Cứ bảo là ở Hà Nội !

Muốn cho câu nói có một dư vị bi đát, thị đóng nó bằng một tiếng thở dài.

– Nó đã nhắn thế, thím tính thế nào ? Cốc đăm chiêu nhìn đất, khe khẽ đưa đi đưa lại cái đầu.

– Tôi đã bảo tôi cho chú ấy năm... hào để ăn quà !

Ngẩng mặt lên nhìn em dâu, Cốc nhếch mép cười :

– Tôi muốn hỏi rằng nó muốn hỏi xin, hay hỏi vay ba chục bạc đấy, thì thím tính thế nào ? Tôi thì tôi làm khao cho ông hết nhẵn nhụi cả rồi. Hay thím xem...

Nông vợ giẫy nẩy lên như tất cả những khi ai hỏi đến tiền, thì đều trước hết giẫy nẩy lên :

– Ô hay ? Thế thì em cũng làm khao cho ông. Hôm vừa rồi bòn mót cả cửa cả nhà được mấy chục bạc, thì đấy...

Nhưng thị kể cứ việc thị kể. Cốc không nghe cứ việc không nghe. Hắn còn tâm hồn nào mà nghe thị ?

Hắn nheo trán trông khắp lượt ba gian lều của bố xem có thứ gì đáng giá. Có nên nói rằng từ khi khao xong, bị vợ chồng Nông kiếm chuyện hàng ngày, vợ chồng Thất Cò và vợ chồng Cốc lại trở về ở túp lều của lão ? Cốc lắc đầu, thở dài, Lão Thất đương nằm ho trên giường, cũng thở dài :

– Thế thì làm thế nào cho có ba chục bạc bây giờ ? Khổ thân thằng bé !

– Thế bà Trẻ đâu ? Đĩ Mải – đã thành tri kỷ với Cốc từ hôm khao, nên thường ngày vẫn đến ngồi chơi hỏi.

– Đi chợ bán bún.

– Thế bác Hai gái đâu ?

– Đến quan Lãnh đòi tiền, đi từ sáng đến giờ.

Sung sướng, Mải reo như trẻ thơ :

– Vậy thì bác gái về sẽ có tiền. Lo làm gì cho khổ !

Vẫn thở dài, Cốc không đáp. Lão Thất chép miệng :

– Chắc gì kia chứ ! Nửa tháng nay, ngày nào cũng tới từ sáng, đến bữa về ăn cơm rồi lại tới, cứ ngồi đợi cho đến bữa chiều lại về ăn cơm.

– Lão ta vẫn đi vắng kia à ? Hôm qua, đã thấy bảo đi vắng. Có dễ ngày nào cũng đi vắng ?

– Lần thì ra tỉnh lĩnh lương hưu. Lần thì xuống phủ việc quan. Lần thì ra Hà Nội ăn tiệc.

Mải lại cười, nhưng không ngây thơ như bận trước :

– Thế có lần nào lão đóng cửa, nằm trên gác hút thuốc phiện không ? – Hắn tự đáp : Ắt là tất cả mọi lần !

Sợ không ai hiểu, hắn giải thích thêm :

– Quan Lãnh ngài lại lánh mặt chứ gì ? Cụ Thứ lánh mặt, thế còn cụ Tiên ? Hay là cụ Tiên cũng ra tỉnh, xuống phủ, ăn tiệc nốt ? Bác Hai đã xuống hỏi cụ Tiên thêm lần nào nữa chửa ?

Chẳng buồn nhìn lên, Cốc đáp cộc lổng :

– Đã.

– Bác xuống thêm mấy bận ?

– Nhiều.

– Đi vắng chứ gì ?

– Không ?

– Cụ giả cho thêm đồng nào không ?

– Không.

– Cụ khất à ?

– Không.

– Cụ quỵt ?

– Không.

Tức mình, Sẹo nắm vai Cốc, lay lay :

– Thế thì lão bảo thế nào chứ ? Không vắng, không giả, không khất, không quỵt, thì cụ bảo thế nào ?

Nhìn lên bạn, Cốc nhếch mép, lắc đầu:

– Cụ bảo rằng... đưa thêm cho cụ hai trăm, cho nó "túc số" !

– Hai trăm gì nữa ?

– Để mua Lý hào ấy chứ còn gì ?

– Nhà đương túng, gặm Lý hào mà ăn à ? Sao bác không xin cụ

rút tiền ra tiêu đỡ lúc này ?

– Tôi đã bảo. Nhưng cụ đáp rằng cụ không phải trẻ con. Cụ đã nói với làng. Nếu không mua thì...

– Thì mất ?

– Thì hơn cả mất ! Làng còn... bắt vạ.

– Vậy thì bác tính thế nào ? Thôi thì mất. Thôi thì bắt vạ. Nhưng còn ba chục bạc chuộc giấy cho anh Bẩy, bác tính thế nào ?

Một chuỗi thở dài.

Đến lượt Đĩ Mải nhìn quanh ba gian lều. Chả còn một thứ gì đáng ba chục bạc bây giờ, ngoài cái áo vóc đỏ của lão Thất do làng mừng, và hai hàm... răng vàng của Cốc ! Bút máy, đồng hồ, Cốc cầm đi cả để lấy tiền bù vào cái khao thặng lên đến non nghìn bạc. Quần áo tây của hắn, y phục tân thời của vợ hắn, bán đi cả để trang trải một phần nợ "lửa" hoặc vay, hoặc mua chịu về dịp khao. Giầy, dép của hắn, hoa hột của vợ, cho đến mấy cái quần áo hắn mới may cho lão Thất từ ở Sà Goòng đem về, cũng "mại" đi cả, để mua những bát, đĩa, mâm, nồi, ấm, chén mượn của người ta bị sứt vỡ, hay bị đánh cắp trong dịp khao, tất nhiên họ chẻ cỗ ra bắt đền. Dĩ chí cái nhẫn "marê", kỷ niệm hôn nhân của vợ hắn, cũng phải gán cho chủ ti... thuốc phiện, vì đã lấy thuốc đãi khách trong dịp khao. Rồi mấy ngày gần đây, cả cặp... kính trắng của hắn, trước tưởng đeo chơi, sau nó quen mắt đâm hư, cả cái cặp kính trắng cố hữu ấy cũng phải đổi đi nốt lấy mấy đấu gạo, vì từ khi khao xong, nồi nhà hắn thường thường vắng gạo, để cho mắt hắn bây giờ chịu hầu như... cận thị. Nghĩa là nhẵn nhụi, nhẵn nhụi. May ra, được dư huệ lại của lễ Bàn đào, quanh quẩn vẫn chỉ là cái áo vóc đỏ của lão Thất, và dư huệ của hắn đem về từ nơi quê người đất khách, sau hai mươi bẩy năm trời lưu lạc, là mụ vợ Sà Goòng, với lại hai hàm răng vàng. Và...

Mắt Đĩ Mải chợt để vào một vật hình vuông, bọc vải cẩn thận, đặt cẩn thận ở góc buồng kia. Bằng ba bước hắn nhẩy lại, nâng cầm lên xem. Hắn reo :

– Ô này, cái kèn hát ! Tiền đây rồi chứ đâu ? Cái kèn hát !

Cốc bỏ chỗ, đứng lên theo, ngăn Mải :

– Không được !

Sẹo ngơ ngác :

– Sao lại không được ? Bán mẹ nó đi cho ai chẳng nổi năm chục à? Đưa cho Bẩy ba chục, còn thừa đong gạo.

Thấy bạn ngần ngừ, Sẹo hỏi :

– Hay là bác tiếc ?

– Không ! Đến đời tôi, tôi cũng còn chẳng tiếc cho những người máu mủ, ruột thịt...

– Hay là lúc đói, hát nghe nó được no ?

Cầm tay Mải, Cốc ứa nước mắt, nói, giọng ong óng:

– Đến bác mà còn không hiểu tôi ! Đến bác mà cũng còn mỉa mai tôi. Bây giờ, ai có bảo bán tôi đi lấy ba chục bạc, tôi xin bằng lòng. Còn nói đến bán cái máy hát này... Không, không phải rằng nghe nó hát thì được no ! Nhưng nó là... một "súvơnia" của ông bà nhạc tôi cho vợ chồng tôi hôm lên đường. Ông bà nhạc tôi còn là hai ân nhân đáng ghi tâm khắc cốt của tôi, nên tôi đã lấy danh dự thề trước ông cụ, bà cụ rằng không đời nào tôi bán nó, dẫu rằng vợ chồng tôi túng đói đến chết...

Nói rồi, Cốc nhìn Sẹo van lơn, đợi ở bạn một nét mặt cảm động, và một lời an ủi.

Không ngờ, Đĩ Mải buông sõng :

– Thế thì... bác gàn lắm !

– ? ? ?

– Bác gàn lắm, gàn lắm ! Thế là cái chó gì ? Danh dự là cái chó gì ? Thằng đói không bao giờ có thề, không bao giờ có danh dự láo toét. Thề của nó là làm sao cho chặt cái... dạ dầy. Danh dự của nó là gạo. Mà cho đến thằng no cũng đếch có thề, đếch có danh dự nốt. Đấy cụ Tuần của bác đấy. Cụ Lãnh của bác đấy. Ông Tham của bác đấy. Nếu chúng nó có giữ lời thề và nếu chúng có danh dự, thì đời nào bác phải khổ vì ba chục bạc như ngày hôm nay? Nói tóm lại, chỉ có cái hạng không đói, không no, những thằng nhàng nhàng như bác là có danh dự, là có thề thôi. Ấy, tôi dốt thì tôi gẫm thế, ai bảo thế nào thì bảo.

– Nhưng đây là cái "súvơnia" của ông cụ bà cụ...

– Ông cụ bà cụ cũng đếch bằng đói. Lúc đói, thì đến ông cụ bà cụ cũng bán đi mà ăn tuốt, chứ chả sú.. sú gì á ? Bác vừa nói xong?

Mặt Mải thoáng buồn. Đương hùng hổ, giọng hắn đổi bé đi :

– Bác không xem, người ta còn bán cả con rứt ruột đẻ ra. Mà nói ai, chính tôi, tôi cũng vừa bán một đứa độ tháng trước.

Đứng thần lần suy nghĩ, Cốc hai tay trìu mến xoa khắp mặt chiếc hòm máy hát như một kẻ mắc bệnh... giang hồ trìu mến hôn vào cái vali. Một lát sau, hắn quả quyết gật đầu.

– Thôi thì tôi cũng nghe bác. Nhưng ở làng này thì bán cho ai ? Mà đem đi bán, để cho họ cò kè bớt một thêm hai, tôi thấy động tâm lắm ! Hay là bác...

– Vâng, tôi xin đem xuống Ngã Tư Đình bán hộ.

Tuy vậy, Cốc vẫn chưa chịu rời cái vật ấy cho bạn.

– Được, bán thì bán. Nhưng bác hãy đợi cho tôi... vặn nghe lại đủ các bài hát một lượt cuối cùng, rồi thì nhờ bác giúp tôi.

Thương hại nhìn Cốc, Mải không dám trả lời.

*

* *

Hôm nay.

Mặc cho nợ thúc, Cốc đương ngồi đối ẩm trà tươi với bố, mừng về cái tương lai của em, thì Lý Tân tay cầm mảnh giấy đến nhà, chẳng chào hỏi ai, điệu bộ vênh váo.

Cốc thân mật hỏi trước :

– Kìa đại huynh ! Gớm từ hôm khao xong mới gặp. Xin mời đại huynh ngồi tạm xuống đây.

Cái người "nhất lý chi trưởng" vờ như không thấy Cốc, hỏi trống không :

– Nhà này có phải có người tên là Tép, Nguyễn Văn Tép không,hả?

Thấy nhân tình thay đổi, Cốc không đáp, nhường lời cho lão Thất Cò.

– Thưa ông, phải, cháu nó làm ở Hà Nội. Có việc gì thế ạ ? Lại thư hay "măng đa" ? Kìa, mời ông ngồi chơi.

Lý Tân vẫn đứng sững, ngoáy ba toong, không ngồi. Hắn dặn ra tiếng hừ :

– Thư hay măngđa thì có trạm, việc gì tôi phải đưa thư cho nhà ông. Đây là giấy tòa án tư về hỏi lý lịch nó, hình như bị truy tố về tội lừa đảo gì của ông Tham.

– Chết ! Thế sao hử ông ? Cốc tái mặt, đứng phắt dậy.

Lườm hắn một cái thật dài, Lý Tân lùi lại sau một bước.

– Đáng lẽ địa vị tôi cũng không phải đến đây báo tin ông biết. Nhưng vừa rồi gặp cụ Tuần, tôi kể chuyện cụ bảo tôi nên rẽ qua đây làm phúc bảo cho ông rõ, rồi có cần chạy, cụ Tuần sẽ làm phúc chạy cho.

– Thế thì cậu Hai đi xuống hầu cụ Tuần đi, lão cuống cuồng giục con.

Cốc vội vã đội khăn mặc áo ra đi.

Sẩm tối, hắn mới về.

Cốc vừa quẳng mạnh khăn xuống giường, cả nhà xúm quanh, và Thất Cò hỏi trước :

– Thế nào ? Anh có gặp cụ ?

– Có.

– Nhưng số tiền ba chục nó đã gửi "commăngđê" giả rồi kia mà. Sao nó lại còn kiện được là bội tín ? Anh có trình với cụ rõ thế chứ?

– Rõ cả.

– Thế sao ?

– Tôi đã kể hết tình đầu cụ Tuần nghe. Nghe xong, cụ bảo nó vẫn có quyền kiện được. Vì cái giấy cam đoan thì lại không viết tiền, nên đây nó không kiện thằng Bẩy về tội số tiền, mà nó chỉ kiện về tội bội tín với tờ cam đoan đã ký kết.

– Vậy cụ Tuần có thể chạy được không ?

– Có thể chạy được. Nhưng cả tiền chè lá lễ lạp, cả mọi phí tổn đi lại, ít cũng phải ba trăm. Nhưng tiền ăn chẳng có, còn lấy đâu ra ba trăm bạc !

– Thế ngộ không chạy ?

– Ba tháng tù.

Thất Cò mếu máo thở dài :

– Thế thì lấy đâu ra ba trăm bạc, hở giời !

Rồi bù lu bù loa, lão sắp khóc rống lên, nếu Cốc không cau mặt, gắt :

– Tù thì tù chứ gì. Có nhục rồi mới có vinh. Mẹ kiếp !

II

Lão Thất Cò nghĩ gì ? Bây giờ, quả tình đố ai biết. Mới năm tháng nay, từ sau khi khao, lão càng sinh ra lẩn quá lắm. Không còn được như trước. Trước, đã là gàn toét đi rồi. Bây giờ, đoán được lão nghĩ, ắt phải đoán lão nghĩ về cái áo vóc đỏ và cỗ... quan tài đã được thực sự hoàn thành. Một cái cho lão được tùy thích sống. Một cái cho lão được tùy thích chết. Nhưng oái oăm ! Bây giờ, hình như lão lại không thích sống. Cũng không thích chết. Lão chỉ thích đừng ai réo nợ lão mà thôi.

Phần Hai Cốc, hắn nghĩ rất nhiều. Hắn nghĩ về thằng em đi lính. Hắn nghĩ về thằng em đi tù. Và một thằng em – Ba Nông tuy chẳng đi đâu, nhưng lại dửng dưng, hẳn hơn tất cả những thằng kia ! Để cho còn một mình hắn ở trong gia đình với biết bao nhiêu là công việc. Nhất là công nợ.

Song đem cộng tất cả những tê tái ấy với nhau, cũng chửa tê tái bằng một vết thương lòng của hắn : Cốc vợ cũng vừa bỏ Cốc ra đi.

Được tin vợ đi, cử chỉ đầu tiên của hắn là nốc thẳng một hơi cạn nửa bình bố rượu, để mới đủ liều lĩnh mà... sống lại ở đời. Thôi ! Thế là tan vỡ nốt chút mộng cuối cùng. Chút mộng cuối cùng, tức là tan tất cả.

Thị mới đi được một ngày, một đêm nay, Cốc coi dài bằng hai thế kỷ. Mỗi một phút đồng hồ là một nghìn đau đớn. Hai thế kỷ, tính bao nhiêu phút đồng hồ !

Chẳng thà thị chết. Chẳng thà thị chỉ đi, là đi. Thị chết, hắn còn có chỗ tự an ủi đổ cho số giời. Ai mà tránh khỏi số giời ? Thị đi là đi, hắn còn có chỗ tự an ủi đổ cho thị không quen kham khổ. Không chịu được kham khổ, song thị vẫn một niềm thương yêu hắn. Đằng này, than ôi ! Còn xa mới đến hai điều ấy. Đằng này, thị đi... theo một anh đàn ông. Một anh đàn ông trong làng, và, chẳng phải ai xa chính lại là anh ruột... Lý Tân.

Tê tái lẫn nhục nhằn. Vết thương lòng thêm cả vết thương tự ái. Có ai thấy con hổ nuôi trong vườn bách thảo, đương vờn miếng thịt một cách say đắm, bị người gác giật miếng thịt ra không ! Hai Cốc đã lồng lộn lên như hổ.

Suốt ngày hôm qua, tới hơn chục lần, hắn mài sắc lưỡi dao bầu, rồi đi đi lại lại xóm Lý Tân, tay hoa lưỡi dao sáng loáng lên, miệng

chửi đứa nào quyến rũ vợ hắn, có giỏi thì lên tiếng. Đã đành rằng không ai lên tiếng. Sớm nay, mở mắt, hắn vẫn còn thèm chửi nữa, như chưa hề được chửi lần nào.

Thế rồi, đương ngồi với bố, hắn vùng đứng, lật đầu giường, tìm dao bầu, thấy mất, sờ mái nhà, thấy mất, lục cối xay lúa, cũng không. Hắn đấm mạnh vào cái cối cho ngã lăn chiêng. Chạy sang bếp, vẫn chẳng thấy dao, tiện chân, hắn đá phốc vào lũ nồi niêu vỡ loảng choảng.

Mặt hầm hầm Cốc quay về trước giường, trỏ tay thẳng mặt bố :

– Ông cất đâu ? Ông phải nói.

Lão Thất đương ngồi bó gối, miệng lắp bắp vì run hay là vì đương nói với mình những câu lẩn thẩn choàng mở mắt ra :

– Gì ? Gì hử cạnh ai ?

Cốc nắm chặt hai tay, rung rung, rung rung, nghiến két đôi hàm răng :

– Con dao ! Con dao ! Con dao !

– Con dao ấy à ? Tôi có biết đâu.

Một quả đấm gân guốc bay vụt về phía lão :

– Ông phải biết. Ông phải biết. Ông không biết thì tôi giết chết ông. Ông phải biết !

Ý định giết bố đã hơn một lần vụt qua óc hắn. Giết bố, nếu vì sự giết ấy mà hắn tìm thấy vợ. Giết cả... hắn nữa, nếu vì sự tự sát mà hắn biết rằng vẫn được vợ yêu thương. Ở hắn, hiện thời, lòng tự ái là Vua. Tình yêu là Hoàng hậu.

Càng nghiến két đôi hàm răng, hắn đứng chờ bố đáp. Song miệng lão vẫn lắp bắp, lắp bắp hoài hoài, vì run sợ, hay vì cái thông bệnh của người già đương nói với mình những câu lẩn thẩn !

Một quả đấm gân guốc khác vụt chĩa về phía lão làm thành hai quả. Cốc kéo gân cổ lên :

– Ông có đưa đây ! Mau mau ! Hay là ông bằng lòng tôi giết ông? Trời đất ơi !

Lão Thất choàng mở mắt lần thứ hai :

– Gì... ? Gì kia ?

– Con dao ! Con dao !

– Con dao à ? Con dao bầu ấy à ? Thì đã bảo bác Đĩ Mải bác ấy mượn tối hôm qua, mà lại.

Chạy vùng ra cửa. Cốc ẩn. Cửa đóng. Hắn quanh vào sừng sộ :

– Ai bảo ông cho nó mượn ? Ai bảo ?

– Con dao ấy à ?

– Chứ gì nữa ! Ai bảo ông cho nó mượn ?

– Thì đã bảo anh cho bác ấy mượn chứ còn ai nữa ! Tối qua, lúc anh uống rượu xong, bác ấy có ngồi đây hỏi mượn anh không ?

Sực nhớ, Cốc lại chạy vùng ra cửa. Nhưng hắn kéo thế nào cửa cũng không bật ra. Hắn sờ soạng tìm then. Then đã long. Bật lửa lên soi thì... cửa bị khóa trái.

– Bà Trẻ ơi ! Bà Trẻ !

Bà Trẻ hắn đã đi chợ bán bún từ gà gáy. Ngảnh lại bố vẫn đương ngồi lắp bắp miệng, hắn thét :

– Ai bảo ông sui con mẹ gù khóa trái cửa ? Ông không đưa chìa khóa, tôi đốt nhà ông xem.

Lão không đáp, cứ ngồi nói như tụng kinh. Cốc đánh diêm, giơ lên áp mái nhà, hai chân giậm xuống đất :

– Giời ơi ! Ai bảo ông khóa cửa ? Mẹ kiếp. Đốt. Đốt !

– Khóa cửa ấy à ? Bác Đĩ Mải hôm qua ngồi đây, có cả cậu, bác ấy chả bảo rằng từ mai, sáng sớm mà muốn được ngủ yên, cứ khóa trái cửa lại, khách nợ nó tưởng đi vắng nó không đến réo nữa. Lúc ấy cậu chả khen rằng mưu ấy hay thôi.

Lại sực nhớ. Nhưng sực biết ra cả đó thì là mưu của Đĩ Mải bày ra để lừa mình, việc khóa trái cửa cũng như việc mượn dao. Cốc trút hết uất ức lên đầu bạn. Hắn chửi :

– Cha tổ thằng Mải. Cha tổ bố thằng Sộp đẻ ra thằng Mải. Chúng mày lại đồng mưu với nó để quyến rũ vợ ông. Ông thì giết thằng Mải hôm nay.

Rồi miệng chửi, tay đấm, chân đạp. Tha hồ. Cánh cửa liếp vẫn chẳng chịu thua. Sây sứt cả chân lẫn tay, hắn lại bật lửa giơ lên mái nhà, đốt.

Vừa lúc ấy, ngõ ngoài, có tiếng hỏi nhau :

– Kìa cô Cả đi đâu mà sớm thế ?

Cốc tắt phụt lửa, lẳng lặng lần về gian giữa, lại ngồi đối diện lão Thất Cò cứ việc lắp bắp luôn mồm.

– Bà Phó Cò ơi ! Có ai ở nhà không ?

Không một ai thưa.

– Bà Phó Cò ơi ! Nhà đ... gì ngủ trương xác đến nửa ngày ! Bà lại điên tiết hồi cho một trận bây giờ.

Người hỏi nợ, quen mui dùng kế mọi bận để người nhà có sợ bị "hồi cho một trận" tất phải trả lời. Lần này vẫn chẳng ai thưa.

Sau mấy tiếng réo gọi nữa. Cốc nghe rõ tiếng chân người tiến vào gần nhà. Hắn vội vàng lay vai bố, chỏ ra phía sân, rồi chỏ trông hắn. Để ra hiệu, một tay Cốc bịt mồm mình, tay khác sua sua chỉ mồm lão. Lão gật.

Tiếng chân người đi vào áp cửa. Tiếng khóa động đậy. Lại tiếng chửi:

– Cha mẹ kiếp ! Đi đâu mà bảo nhau đi sớm thế. Có giỏi "biệt vong khí giới" bà cũng thí cho.

Tiếng chân trở ra. Nó xa dần. Mất.

Không nghĩ đến việc tìm dao, Cốc cũng không nghĩ đến việc phá cửa đốt nhà nữa. Hắn ngầm cảm ơn Đĩ Mải. Và hối hận đã buông mồm chửi bạn. Hắn chỉ mong rằng Mải không nghe thấy, và đừng ai mách với y. Hắn nhớ lại câu Mải nói với hắn định... hắn định làm gì đây, mà nhớ mãi không ra. Rằng sự báo thù là trong cả một đời người chứ không phải có một lúc mà thành. Có lẽ vì thế, mà tối qua Mải đã khẩn khoản mượn dao, chứ vì đâu để pha mấy thanh tre. Cũng vì thế mà Mải đã khóa cửa để nhốt Cốc, viện cớ là để đánh lừa mấy tên khách nợ. À, Cốc nhớ ra rồi ! Lần ngược từ đầu, Cốc nhớ đến cái lần mà Cốc định đem dao đến giết bố mẹ Tham Tính, báo thù cho Bẩy Út.

Nhưng Tham Tính ở ngay làng, thì còn bảo báo thù hằng đời ; chứ Hộ Đạm, anh Lý Tân, quanh năm ở Sà Goòng, răm năm mới về một lần, đợi đến lúc báo thù thì cũng khó. Nhất là nay, quyến rũ được vợ hắn thì có lẽ hằng đời nó cũng chẳng về. Mà Cốc thì hết mất đời.

Nhân lúc bình tĩnh này. Cốc hay nén tức bực, ngồi mà so sánh hắn và Hộ Đạm, xem ai hơn ai, mà "con đàn bà ấy" lại bỏ thằng nọ, theo thằng kia. Về đường gia thế, trước tiên. Hộ Đạm giầu, Cốc nghèo. Đạm làm cựu Hộ lại, Cốc làm... bạch đinh. Cốc kém đứt Đạm

rồi. Về con người : Đạm có răng vàng, Cốc cũng có răng vàng. Đạm gày gò. Cốc khỏe mạnh hơn. Đạm năm mươi tuổi. Cốc mới bốn tư. Về con người. Cốc hơn đứt Đạm ! Thế là huề, không ai hơn kém. Nhưng về tình duyên, Đạm đã có vợ cả, có bốn con. Cốc chưa vợ - hay vợ cả bỏ thì cũng kể là chưa - và con chưa có. Hỏi người đàn bà nào ở trên thế giới này, đã đeo cái yếm vào ngực, lại bỏ chỗ chồng một vợ một mà theo chỗ chồng chung vợ chạ không ? Thế là Cốc hơn Hộ Đạm hẳn ở mặt tình duyên. Vậy thì tại làm sao ? Tại làm sao con đàn bà ấy lại bỏ một thằng trẻ, lấy một thằng già ? Bỏ cái thằng độc thân, để đi theo cái thằng vợ đàn con đống ? Cốc không thể hiểu được gì hết ! Ai cũng không thể hiểu được gì hết. Chả qua, nó tại cái... số giời. Bao giờ, và cái gì mà chả tại số giời.

Có số lắm chứ ! Ấy, thế mà Đĩ Mải cứ nhất định cãi là không số, không có cả Giời nữa, thì tại làm sao ? Mải bảo gì. Cốc cũng còn có thể tin nghe, chứ bảo rằng không có Số Giời, thì Cốc không chịu, quyết không chịu. Hồi tâm nghĩ lại, Cốc lấy "con đàn bà ấy", ai bảo không là do duyên số ? Hắn là phu đồn điền cao su. Thị là một ả bán hàng rong trong đồn điền, chuyên có món "hạt dịt lộng". Hai đứa chim nhau. Rồi lấy nhau. Nhà bố mẹ thị ở cách đồn điền có dăm trăm thước. Lấy được thị, Cốc tối về ở nhà bố mẹ vợ, ngày đi làm. Nhưng đi làm ở đồn điền cũng chưa chăm chỉ bằng làm ở nhà. Không thế, mười năm sau, bố mẹ vợ hắn trở nên khá giả. Ấy đó, hắn lấy được "vợ giầu" anh em bạn ai cũng bảo rằng tại số. Ngày nay, vợ bỏ ắt nhiên cũng là tại số. Lòng hắn dần dần nguội dịu, nguội dịu. Cái gì cũng là tại số, thì cần gì còn phải báo thù.

Xương sống hắn tự nhiên thấy mỏi. Các đầu gân thấy trùng. Hắn vươn vai, hạ mình xuống giường nằm, vì hắn đã thức trắng đêm qua để mưu cuộc báo thù kẻ tình địch. Hắn chợp mắt. Hắn đương mường tượng đến xứ Nam Kỳ, muốn trở lại xứ Nam Kỳ, muốn trở lại Xuân Lộc, trở lại với những rừng cao su cố hữu đã mấy chục năm, tuy rằng ở đấy chỉ có muỗi, có vắt, có sốt rét rừng, có roi mây của chủ Tây, song chẳng gì, nó cũng còn đượm một thân yêu hơn cái làng của hắn...

Lão Thất Cò bỗng phát cơn ho sù sụ. Đồng thời, mấy tiếng người oang oác chửi từ xa.

Giật mình, Cốc dỏng tai nghe.

– Cha bố tiên nhân đứa nào không giả tiền tao. Cha bố nó không giả tiền rượu tao. Cha bố tiên nhân thằng nào mua rượu làm khao

không giả tiền tao, mà lại bỏ nhà mà đi. Tao thì chôn ngược cây chuối, đóng ghế ngồi đào ông bới cha nó lên đủ ba tháng mười ngày. Cha bố nó chứ, nó trốn lên giời tao lấy câu liêm tao giật xuống, nó xuống âm phủ tao lấy cần câu tao móc lên, chứ đời nào tao chịu mất!

Tiếng chửi nhịp điệu từ nhỏ ra to. Từ ngõ cái đến ngõ con. Dần dần, nó tiến vào nhà hắn.

Cốc nhỏm ngồi. Tay hắn lại bịt mồm mình, tay khác sua sua vừa chỏ vào mồm bố cho đừng ho nữa. Song cơn xuyễn đương lên, làm thế nào đừng ho được ! Không những thế. Cơn xuyễn bây giờ mới đề lên cực độ, làm lão lại vừa ôm ngực, càng ho già.

Ngoài kia, tiếng chửi vẫn om sòm. Càng gần, nó đã đổi thể : từ văn hoa đến tục tĩu, từ chửi kẻ vô danh đến chửi kẻ hữu danh :

– Cha bố tiên nhân thằng Cò ! Cha bố tiên nhân thằng Cốc ! Cha họ nội họ ngoại, họ gần họ xa, họ năm đời giở lên, ba đời giở xuống thằng Cò thằng Cốc. Cha tam đại tứ đại ngũ đại mai thần chủ thằng Cò thằng Cốc. Cha đứa già đứa trẻ đứa nhớn đứa bé đứa mẹ đứa con, đứa đỏ như son đứa vàng như nghệ, nhà thằng Cò thằng Cốc bảo nhau định vỗ nợ của tao !

Tiếng chửi vừa đến sân, thình lình im. Song tiếng lão vẫn cứ ho như xé phổi.

Có tiếng chân người đi vào cửa. Có tiếng lắc khóa. Cốc đã bịt mãi mồm, sua mãi tay ra hiệu cho bố, thì chỉ như sui lão càng ho. Phía ngoài, một tiếng reo :

– Á à ! Có người ở trong nhà ! Thằng Cò thằng Cốc ở trong nhà, mà lại bảo nhau khóa trái cửa vỗ nợ bà. Này, bà bảo cho có muốn yên mồ đẹp mả thì mở cửa ra. Gớm ! Mưu mô gớm thật !

Bây giờ, lão Thất mới cố nhịn được ho, ra hiệu lại cho con. Nhưng muộn quá rồi, còn nhịn làm gì nữa ! Tuy vậy, Cốc cũng không lên tiếng. Hắn hy vọng người ở ngoài cửa nghe ra.

Thì một tràng đấm vào phên liếp, và tiếng rú lên:

– Hú ba hồn bẩy vía ông Phó Cò ơi ! Đi đằng nào thì về mở cửa ra. Rõ ràng vừa có tiếng ho, mà đã đi đằng nào, hay chết mất rồi. Hú ba hồn bẩy vía ông Phó Cò ở đâu thì về mà "nhập thân cụ" !

Biết không trốn được nữa, Cốc đành lên tiếng :

– Ai đấy ? Ai làm gì mà ầm lên đấy ?

– Ai ! Ai là bà Cai trên đồn ! Thế thì bố con anh làm gì mà ban ngày ban mặt lại đi khóa trái cửa lại, để ăn không ăn hỏng của người ta chăng ?

– Nhưng ai đấy đã ? Tuy biết tỏng là ai. Cốc hỏi vờ.

– Ai ! Còn thiếu mười đồng bạc tiền rượu, mua về làm khao từ năm tháng giời nay, hết mẹ đi đến con đi mòn ngõ vẹt cỏ, vẫn không giả chứ còn ai ! Anh có định giả không thì anh bảo ? Cha mẹ con cái Cả, sai nó đi từ trống canh ba nó đi chết mẹ nó đâu rồi về bảo nhà khóa trái cửa. Tôi mà không ra tay thì có ai mà đào được bố con nhà anh hôm nay.

Uất đến nghẹn cổ, Cốc cứ phải nuốt giận, gượng cười :

– A, cụ Chánh Cựu. Gớm ! Có mười đồng bạc, cụ phải đi rêu rao chửi bới khắp làng. Thôi, mời cụ cứ lại nhà. Chốc nữa bà Trẻ cháu đi chợ về, có chìa khóa mở cửa cháu sẽ xin lại thưa chuyện với cụ. Cụ Chánh ông cháu có nhà đấy chứ ?

– Tôi đái vào chốc nữa ! Tôi đái vào thưa với gửi. Tôi đái vào cả cụ Chánh ông ! Anh có mở cửa ra không thì anh bảo tôi.

– Mở cửa thì quả tình cháu không có chìa khóa. Mà có mở được cửa, thì bây giờ cháu cũng chưa có tiền. Mà có tiền, thì cháu cũng muốn gặp cụ Chánh ông. Vì hôm khao, cụ Chánh cháu có mượn của cháu mười đồng, cháu biết tính cụ, cháu không dám đưa, sau cụ ông nài mãi và bảo cứ trừ vào tiền rượu của cụ, cháu mới đưa. Thì từ trước đến nay, cháu vẫn nói với cụ thế, nhưng cụ cứ đòi, thì cháu cần gặp cụ ông, ba mặt một nhời, để...

– Để... để gì ? Để đi mà ăn gì cho cụ ấy ! Tiền anh cho ai vay đánh tổ tôm, thì anh cứ người ấy mà đòi. Hừ ! Tiền cờ bạc gác bụi tre! Mà anh làm khao, anh phải có tiền cung phụng cho người ta đánh tổ tôm, chứ không có thì chó nó đến nhà. Cha mẹ kiếp ! Có đời thuở nào nhà có việc, xuất tiền cho người ta đánh bạc để lấy hồ, mà còn dám mở mồm ra đòi, mà lại còn dám mở mồm xin trừ vào tiền rượu mua về nốc với nhau như nốc... Thế nào ? Anh có giả không ?

– Bẩm cụ...

– Bà đái vào thưa với bẩm ! Cha bố tiên nhân thằng Cò thằng Cốc không giả tiền bà. Cha bố tiên nhân nhà mày không giả tiền bà. Nào ! Mày có giả không thì bà cứ đóng ghế ngồi ở đây cả ngày hôm nay bà chửi ?

Cốc bỏ giường, chồm xuống đất đi lại hục hặc :

– Nếu cụ chửi tôi không giả tiền rượu của cụ, tôi cũng chửi đứa nào không giả tiền vay của tôi.

Mấy tiếng đập vào cửa phành phạch :

– Bà thách đấy ! Mày có giỏi thì mày chửi đi. Bà thì không nhét gì vào mồm. Cha bố tiên nhân thằng Giang đẻ ra thằng Cò... Bà thách đấy !

Rồi lại vẫn tiếng đó chu chéo lên :

– Ới làng nước ơi ! Ới hàng xóm láng giềng ơi ! Bố con thằng Cò thằng Cốc mua chịu rượu của tôi, tôi hỏi nó lại không giả, nó lại chửi tổ ông Chánh cựu Năm. Đấy, tôi phân vua có hàng xóm láng giềng.

Đáp lời mụ, có hàng trăm tiếng chân chạy vào tới tấp. Hàng nghìn tiếng hỏi xôn xao :

– Ai ? Ai ? Ai ?

– Bố con thằng Cò thằng Cốc nó chửi tổ ông Chánh cựu Năm. Tôi phân vua có cả làng biết.

Trong nhà, Cốc vẫn đi lại hục hặc.

Một tiếng ở ngoài quát :

– Thế thì đánh bỏ mẹ nó đi !

Trăm tiếng khác phụ theo :

– Đánh bỏ mẹ nó đi. – Phá mẹ nó cửa ra. – Đốt nhà mẹ nó lên. Đánh bỏ mẹ nó đi !

Nghìn tiếng khác họa thêm. Mấy tiếng gạch, ngói, gậy gộc chạm nhau. Tiếng phá cửa.

Lão Thất Cò thôi lắp bắp miệng. Cốc thôi đi bách bộ. Nhưng tiếng chửi, tiếng hò, tiếng hét, tiếng phá cửa càng ầm ầm.

Cả một luồng ánh sáng phút tràn ngập ba gian nhà.

Đâm hoảng, Cốc chưa kịp tìm kế tháo thân. Thì, cả một bầy... người, kẻ gậy, người gạch ùa vào, miệng hò hét :

– Đánh bỏ mẹ nó đi. – Đánh mất xác thằng Cốc đi. – Tội vạ đâu ông chịu.

Hai ba ngọn gậy vụt. Dăm bẩy hòn gạch ném. Lanh chân, Cốc còn tránh được. Nhưng bị một gậy phang trúng đầu, lão Thất Cò nằm ngã kềnh xuống đất, cả lậy lẫn kêu :

– Ối giời ơi ! Tôi van các ông các bà. Ối làng nước ơi ! Nó đánh chết tôi. Tôi lạy các ông các bà buông tha cho tôi. Già lão bẩy tám mươi tuổi đầu. Ối làng nước ơi ! Nó đánh chết tôi. Có ai đến cứu tôi với!

Mặc. Trận đòn hội chợ bắt đầu. Đám hỗn quân mỗi phút một tăng.

Bất thình lình giữa đám hỗn quân, phát ra một tiếng hét lớn :

– Cái gì thế này ? Cái gì mà xúm đen xúm đỏ thế này ?

Một loạt đáp cho câu hỏi của ai mới đến mà nghe rất hách :

– Kìa ông Lý. Ông Lý đến vừa may quá !

– Thưa ông Lý, nó mua chịu rượu của tôi về làm khao, năm tháng nay nó không giả. Tôi hỏi nó không giả. Tôi hỏi nó lại réo tổ họ Bùi lên nó chửi, hiện có láng giềng hàng xóm biết. Nhờ ông xử cho.

– Bẩm ông Lý... – Bẩm ông Lý... – Bẩm ông Lý... – Ai cũng tranh nhau nói, bẩm để kéo về phần mình lẽ phải.

– Bẩm ông Lý, tổ họ Bùi có khác gì tổ họ Hoàng – Lý Tân ắt ở họ Hoàng – tiên tổ là tiên tổ chung. Cha tổ nó chứ, nó dám hỗn.

Tiếng Lý Tân gạt :

– Thôi, thôi ! Tôi đã biết. Để tôi vào hỏi xem đầu đuôi xuôi ngược ra sao.

Hàng rào người ở trước hè bị cắt làm đôi để hở một lối, Lý Tân xách ba toong vào. Sau hắn là hai người tuần tra.

Đương đứng trốn trong xó nhà, Cốc chạy ra, dùng giọng thân mật:

– Bác Lý.. Bác...

Sa sầm mặt lại, Lý Tân đẩy vào ngực Cốc bắn lui ra :

– Ai bác nào với anh ? Ăn nói phải cho có phép.

Cả ngoài hè được dịp reo :

– E, ê ! Thấy người sang bắt quàng làm họ ! Ê ê !

Ngượng quá, Cốc đành ấp úng :

– Xin... xin lỗi... ông.

Giọng hách dịch của Lý trưởng được thể, càng hách dịch thêm :

– Thế thì thế nào ? Đầu đuôi ra sao ? Mà đến làm loạn làng, mất hết cả nền nếp văn hiến, chửi đánh nhau lộn bậy, thì tội bởi ai ?

– Bẩm... bẩm ông, nghĩa là hôm khao...

Chỉ để cho Cốc nói được ngần ấy tiếng, mụ Chánh Cựu đã xổ lại, cướp :

– Khao cái gì ? Nó mua của tôi hai chục chai rượu, mỗi chục mười bốn đồng, hai chục hăm tám đồng. Đòi hàng mười bận nó mới thí cho mười tám đồng. Còn mười đồng nữa, đến hỏi lần nào bố con nó cũng khóa trái cửa, trốn trong nhà. Nó định quịt của tôi. Hôm nay tôi đến, nó cũng khóa cửa không thưa, tôi nói rất tử tế rằng : "Cụ Thất và bác Hai ơi, cứ mở cửa ra để tôi vào chơi đây mà", ấy thế là nó sấp mặt, nó réo tổ tôi lên nó chửi, chứ nguyện có quỷ thần, tôi có làm gì nó. Ông là ông Lý nhất làng, các quan thì cao xa, vậy ông tức là ông quan trong làng, ông xử cho ra nhẽ, chứ không thì tôi ức quá. Ông tính, nó đã vỗ nợ tôi không giả, nó lại cậy có sức dài vai rộng, thấy tôi là đàn bà đến nhà nó có một thân một mình, bố con nó lại định... hiếp tôi !

– Hiếp bà ? Lý Tân láu lỉnh, trông mụ Chánh Cựu xuân xanh và nhan sắc cũng không hơn không kém lão... Thất Cò !

– Ấy nghĩa là nó ăn hiếp bắt nạt tôi, chứ cha thằng tổ nó cũng chẳng dám hiếp...

Vài tiếng cười khúc khích.

– Đấy, cụ Chánh nói thế. Thế còn anh ? Ngảnh nhìn Cốc, Lý Tân hỏi.

– Bẩm... Hắn vẫn chưa mở được mồm.

Mụ Chánh Cựu lại lấp liếm :

– Nó bảo rằng nó trừ vào tiền mà ông Chánh nhà tôi lấy đánh tổ tôm hôm nó khao thọ. Nhưng nó mời người ta đến, thì việc nó phải cung đốn chứ, không cung đốn thì hỏi có chó nào thèm bước chân đến thứ nhà nó, ông tính xem. Tôi chỉ bảo có thế mà nó giở mặt chửi tôi ngay. Cha bố tiên sư đồ bất nhân ! Cha bố tiên sư đồ bất nhân !

– Thế anh có chửi tổ cụ Chánh không ?

– Bẩm không !

Mụ vỗ váy phành phạch, nhẩy cỡn lên, xỉa xói Cốc :

– Không à ? Cha bố tiên sư đứa nào chối không nhá ! Mày chửi bà hiện còn có cả láng giềng hàng xóm biết. Mụ ngảnh ra hè, gọi ; có Nhiêu Tần, Thơ Cẩn, Nhang Nậm, Phó Độ, Hương Lủi, ai cũng biết. Ông cứ hỏi họ xem.

Song chưa đợi ai hỏi, bọn này đã đồng thanh :

– Thưa có chửi ạ.

Gật gật đầu, Lý Tân trông về Cốc :

– Thế anh không chửi bà cụ, có ai làm chứng không ?

Cốc run. Hắn kiếm tìm khắp mặt ngoài sân.

– Bẩm, có bác Cán Tảo...

Cán Tảo chối phắt :

– Tôi không biết, tôi vừa mới đến xong...

– Bẩm, có anh... Đĩ Bìm...

– Tôi không biết ! Tôi vừa mới ở ngoài đồng về xong.

– Bẩm, thế thì có bà Biểu Múi, chị Đĩ Thơm...

– Ấy không ! Ấy không ! Chúng tôi không biết. Chúng tôi đi chợ về qua, thấy to tiếng thì tạt vào xem.

– Thế còn những người kia ? Lý Tân hỏi gạn. Những ai nghe tiếng Hai Cốc chửi bà cụ Chánh, và những ai không nghe tiếng ?

Chẳng ai thở lấy một lời. Ai tội gì mà đi "nghe tiếng" hoặc "không nghe tiếng" để bận vào mình. Sau cùng, trừ vài đứa trẻ con dại dột:

– Không mà lị ! Bác ấy có... đâu mà lị...

Nhưng đã bị bọn người lớn quát :

– Vả vỡ miệng bây giờ ! Ai hỏi chúng mày mà bép xép ?

Lý Tân đắc ý :

– Không ai hử ?

Sẹo ở đâu hiện ra, vỗ mạnh vào ngực :

– Có tôi.

Ai cũng sủa vào mặt hắn, cả đàn bà lẫn trẻ con :

– Anh có là hàng xóm đâu ? Mà anh lại vừa mới đến ! Ai hỏi anh? Ai hỏi anh, láo !

– Tôi không là hàng xóm, nhưng tôi đi qua, tôi không nghe tiếng.

– Anh đi qua bao giờ ? Lý Tân vặn.

– Bẩm ông Lý, không đi qua, sao tôi lại ở đây ?

Thấy đuối lý, mọi người im. Họ nhìn cầu cứu một lý lẽ khác ở Lý Tân. Y trông Mải :

– Được. Cứ cho là anh đi qua, và không nghe tiếng chửi. Nhưng tất cả mọi người ở đây đều nghe tiếng thế đủ tỏ rằng anh bênh Hai Cốc, anh làm chứng gian.

Lại một loạt sủa vào mặt Sẹo :

– Bẩm chính nó bênh Hai Cốc. Chính nó bênh thằng Cốc.

– Bẩm, chính...

– Thôi hãy im cả. Không cần nói nhiều. Nay cứ biết là tên Cốc có chửi tổ họ Bùi, đáng nhẽ việc này phải đem ra làng. Nhưng đây tôi thương tình bố con nhà anh mới phải mấy cái hạn xong, tôi xử thế này cho êm :

"Tên Cốc phải sửa giầu rượu đến lễ tạ tại từ đường nhà cụ Chánh Cựu, rồi xin lỗi với các cụ ấy..."

Cốc vung tay, phản đối :

– Bẩm ông, chính cụ ấy vay tiền, chính cụ ấy bảo trừ vào rượu.

– Việc đó không biết.

– Nhưng vừa rồi, chính có cả mặt ông ở đây, cụ ấy còn chửi tôi.

– Thế thì anh có quyền chửi lại cụ ấy phải không ? Cụ ấy là ai? Anh là ai ?

– Nhưng ông xét lại cho, tôi quả không chửi.

– Mặc ! Có chứng cớ cả làng nói là anh chửi.

– Như thế thì ông xử tôi ức quá !

Lý Tân giơ ba toong, trợn mắt :

– Anh bảo ức ? Tôi thương anh mà anh còn bảo ức ? Được !

Hắn quay lại hai người tuần tra :

– Trưởng Nhất ! Trói cổ thằng Cốc lại, điệu ra đình cho ta.

– Bẩm ông... ông nhớ lại cho... ông nỡ nào xử thế với tôi...

– Trói cổ thằng Cốc đem ra đình cho ta. Ơ kìa ? Trưởng nhất ?

Lão Thất Cò giờ mới lóp ngóp bò dậy :

– Bẩm ông Lý... ông Lý...

Quay nhìn lại, Lý Tân thấy lão chỏ mãi vào cái đầu trọc lốc nhuộm lênh láng máu. Rồi lại thấy lão ngã gục xuống. Ai cũng lo trước tình cảnh ấy, Lý Tân sẽ động lòng thương. Không ai chờ ở hắn một tiếng quát :

– Trói cổ cả Thất Cò đem ra đình cho ta. A, định rạch đầu ăn vạ à ? Khép thêm cho bố con nó tội "rạch đầu ăn vạ".

Thấy hai người tuần đã sắp sẵn thừng điệu bộ sun soe, Mải đành hất hàm bảo Cốc :

– Thôi anh ạ. Ông Lý đã bảo thế anh nên lấy giầu rượu đến tạ với cụ Chánh là hơn.

– Nhưng...

Sẹo nháy mắt cho bạn, tay huých tay :

– Không nhưng gì cả. Anh cứ phải nghe tôi. Rồi ngảnh sang Lý Tân : ông Lý ạ, ông cứ để tôi bảo anh ấy đi, không cần gì phải trói.

Tự mình, Mải chạy một mạch về nhà, bảo vợ lấy giầu và mua chịu rượu. Rồi hắn cầm đến. Vẫn tự mình, hắn thân dẫn bạn đến nhà lão Chánh Cựu xin từ tạ.

Tất cả đều hả hê ra về.

III

Cốc đi nốt !

Lão Phó Cò sống lùi lại cảnh nửa năm về trước. Vẫn mụ vợ gù ấy. Ba gian lều, vẫn ba gian lều. Thiệt mất con chó ghẻ. Được lợi cỗ quan tài thực sự hoàn thành. Và bệnh lắp bắp luôn miệng nói những câu lẩn thẩn với mình. Và ho xé phổi. Lẽ ra, lão còn được cái áo vóc đỏ của làng mừng hôm khao thọ. Nó lại phải tiễn chân hai mụ nặc nô xuống nhà mẹ Nghị Dư. Quyết toán : trừ một đứa con đi tù, và hai đứa biệt tích : huề.

Từ hôm Cốc ra đi nốt, lão nằm suốt ngày. Lão nằm suốt đêm. Chẳng nằm thì còn biết làm gì nữa. Không cười. Không khóc. Nằm để lắp bắp nói. Nằm để chờ ho. Và nghĩ.

Lão nghĩ gì bây giờ ? Lão có còn muốn sống nữa chăng ? Có còn muốn chết nữa chăng ? Có còn muốn gặp các ông bà ông vải để khoe lão cũng có một cỗ quan tài nữa chăng ? Có còn muốn ngày lão chết sẽ là một ngày nắng, hay là một ngày râm ? Chết đi một cách êm đềm, hay bệnh tật ? Tất cả những cái lão ước mong nửa năm về trước, như ước mong một cơn ảo mộng, bây giờ, lão có còn mong ước nữa chăng ? Ai biết !

Điều biết chắc chắn, là bây giờ, lão được tùy thích sống, tùy thích chết, thì lão lại không ra sống, cũng không ra chết. Mấy hôm trước, lão chỉ thích đừng ai đòi nợ. Mấy bữa rầy, lão chỉ thèm... ăn.

Điều biết chắc chắn thứ hai, là lão ốm từ khi Cốc còn ở nhà. Càng ốm từ lúc Cốc ra đi. Ốm trải nửa tháng nay. Mà ba bữa nay chưa được hạt cơm nào vào bụng. Chẳng có cơm, thì đã có bún ế của mụ vợ gù, nếu không thì lão sống làm sao nổi. Nhưng cái bún vừa chua, vừa mủn, vẫn không bằng cơm. Nghĩa là lão cũng đói trải ba bữa nay. Đã ốm, lại đói, chẳng ai bắt, lý đương nhiên, lão phải thèm. Thèm, có cần kén chọn thứ gì ? Quả ổi. Quả sung. Miếng sôi. Miếng thịt...

Lão nằm nhớ lại từ ba năm, từ bẩy năm, từ cả bẩy mươi năm đời lão, xem lão đã được ăn vào mồm những thứ gì để mà thèm thứ ấy. Thèm hơn hết tất cả, là bữa cỗ hôm khánh thọ Bàn đào. Trời ! Bây giờ mà lão được lấy một mâm. Không, chỉ cần một nửa mâm thôi. Chỉ cần một góc mâm thôi. Hay vài đĩa, vài bát cũng là đủ lắm rồi. Chỉ cần lấy vài đĩa, vài bát của mâm cỗ độ ấy cho lão ăn bây giờ, thì lão thú hơn được giời cho của. Cái món bóng độ ấy nó mới ngon làm sao ! Món bóng cũng chưa bằng món mực. Món mực cũng chưa bằng món... tái dê. Tái dê chấm với tương gừng, để đưa cay cho tợp rượu đậu thì ngon quá là ngon ! Nhưng ước tái dê lúc này, khó hơn ước của trái mùa. Thôi, giá lúc này, lão chỉ được một đĩa lòng lợn, ăn rồi cũng cam nhắm mắt.

Lão càng nhớ, lại càng thèm. Càng thèm lại càng đói. Và càng đói, thì tinh thần nó lại càng sáng suốt để khám phá ra các thứ gì có thể ăn. Nhờ tinh thần sáng suốt, lão mới sực nhớ ngày mồng một, làng có lễ Sóc vọng từ hôm qua. Nay đã mồng hai. Sao chưa thấy mõ biếu phần ? Trong ba tháng hè, mồng một nào làng cũng làm lễ "cờ an". Tất cả làng có một mâm xôi, một thủ lợn. Như vậy, phần của lão được bao nhiêu, ta đoán ra cũng thấy. Nhưng, một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp. ·Lão cứ cần phải hỏi, bất cứ là bao nhiêu. Huống chi "miếng giữa làng" này mới là miếng thứ ba của lão trong đời. Nó mới có khởi từ sau khi lão khao khánh thọ. Hai lần đầu việc nghĩ đến hạch phần biếu, lão nhường cho Cốc. Được rồi, hắn đem "lộc" của ông phát cho các con Ba Nông. Hôm nay, nghĩ đến phần, lão muốn nếm lần đầu tiên xem "lộc" nó ngon ra sao. Không vì chỉ có muốn nếm, cũng vì thèm. Càng thèm, càng đói.

Khi tinh thần sáng suốt, mọi giác quan cũng đều sáng suốt. Đợi mõ biếu phần, tuy rằng ho, tuy rằng lấp bắp miệng, lão vẫn lắng tai nghe xem có tiếng chân lạ ở ngoài hiên. Buổi sáng. Buổi trưa. Đói đánh át thèm. Bây giờ, lão hết cả thèm cỗ đồ nấu, thất từ. Hết cả thèm lòng lợn, tái dê. Hết thèm nốt phần "cờ an". Lão cần có một bát cháo, lưng cơm, bún ế, bún thiu, muốn gì thì gì, miễn có cái gì nhồi vào bụng lão cho nó khỏi thắt lại, quặn ra, thắt lại.

Nhưng có cái gì bây giờ ? Gạo hết. Tiền không. Không còn cả bún thiu bún ế. Có cũng phải đợi mụ vợ gù về chợ. Đợi mụ vợ gù, lão lại đành lắng tai nghe xem có tiếng chân bước ở ngoài hiên không.

Mãi không có tiếng chân. Song lại có tiếng "cục cục" ở phía đầu giường lão. Lão ngóc đầu lên ngó : một con... gà ? Sao ? Một con gà? Một con gà của nhà nào ? Nó đến từ bao giờ ? Mà đương lục đục trong lòng cối xay để bới tìm những hạt thóc không bao giờ có. Con gà giò trông kháu tệ ! Và béo tệ ! Trông như cái đít nó quay về phía lão trễ xuống thế kia, và đôi chân vàng mỡ thế kia, đủ biết nó là con gà mái giò sắp đẻ. Gà giò sắp đẻ ăn thì ngon tuyệt ! Luộc nó lên, xé nó ra, rắc thêm rúm lá chanh thái nhỏ, chấm với tiêu muối, bỏ vào mồm nhai, thì nhai xong, chết cũng đáng đời !

Ồ nhỉ ! Thì sao từ nẫy, lão nhớ lại để thèm đủ thứ, lão lại quên phắt móm thịt gà là một thứ dễ ước nhất, lại đứng vào hạng ngon nhất trong các món ăn ? Hơn cả lòng lợn, tái dê, đồ nấu, thất từ, thịt sỏ, thịt cầy. Hơn tuốt ! Nó lại hơn cả... cơm, vì mình lão mà ăn con gà kia, thì hết cả thèm lẫn đói. Hơn nhất nữa, là nó chỉ cách lão có một... với tay. Chỉ cách có một với tay, mà phải chịu đói chịu thèm? Vô lý !

Hay là lão bắt ? Một với tay, chẳng khó.

Nhưng bắt, nghĩa là bắt trộm ? Không được ! Từ tấm bé, lão không hề gian giảo của ai sợi tơ sợi tóc, huống chi nay đã bẩy mươi hai tuổi đầu, thì cũng phải sống cho nó trót đời.

Ý nghĩ này làm lão rụt vội cổ vào trong chiếu, để tránh những tiếng cảnh cáo của lương tâm,

Nhưng mà... lương tâm lão lúc này cũng... đói !

Ruột lão cứ thắt lại, quặn ra, thắt lại.

Và ác thay ! Con gà vẫn cứ "cục cục, cục cục" thách thức, gạ gẫm lão như nó cũng muốn hy sinh cứu lão trong lúc này.

Lão lại thò cổ ra. Lão lại rụt cổ vào. Lão thử với tay lên ngang tầm cối. Lão lại rụt vội tay về. Cứ thế, đã bao nhiêu lần. Con gà vẫn cứ "cục cục", đã bao nhiêu lần. Con gà vẫn cứ "cục cục", trệ cái đít nung núc thịt, và gẩy cái chân óng vàng. Ruột lão thắt lại, quằn ra. Càng thắt lại, quằn ra. Làm thế nào ? Âu đành... bắt !

Song trước khi bắt, lão tự hẹn với mình như đánh cuộc : lão chỉ với tay ra, hễ bắt được nó, lão mới thịt. Hễ không, thì thôi. Chứ cấm được đuổi theo.

Lão vẫn không với tay. Lão hối hận : thế là ăn trộm. Mà bẩy mươi hai năm nay, cũng đã trải nhiều phen đói bằng mấy bây giờ, lão vẫn không hề ăn trộm. Thế là thôi, không bắt. Không bắt thì lại bị ý nghĩ bắt trộm gà ám ảnh. Và đói, càng đói dữ ! Thôi rồi ! Đói ít thì mọi giác quan mới còn sáng suốt. Đói dữ, chúng mờ đi, mờ đi! Trước hết là tai. Tai lão bây giờ chỉ còn nghe thấy ý nghĩ bắt trộm gà nó tán rộng ra để giúp thêm lý lẽ cho lương tâm. Nó tán rằng : con gà kia, biết đâu chẳng vẫn sang kiếm ăn ở nhà lão từ nửa tháng trước ? Một tháng chưa chừng ! Vậy thì chủ nó chỉ có bỏ ra vài hào bạc mua nó, chứ không có công nuôi. Chính hạt rơi hạt vãi nhà lão nuôi nó mới thành lớn ngần này. Vậy thì lão không phải là bắt trộm. Nó lại tán rằng lão có một mình ở nhà. Cửa dả đóng kín, sao con gà nó còn vào được ? Vậy thì tự nó tìm đến, tự nó chui qua cái lỗ sau bức vách, mà con chó ghẻ vẫn chui khi trước, số nó phải chết, chứ lão không đến nhà ai định bắt trộm kia mà !

Hai lý lẽ ấy khiến lão cả quyết thò cổ ra, với tay lên. Nhưng lão cũng vẫn cứ rụt lại, với lên, đến mấy lần. Lần sau cùng lão chộp ! Một tiếng kêu. Vài tiếng cánh vỗ. Lão đã toan buông con vật ngay ra. Hối hận. Nhưng sao, lão chỉ chộp vào đầu cánh nó, nếu nó vùng mạnh, thì chẳng buông, nó cũng buột được. Đằng này không ! Nó chỉ rẫy phành phạch vài cái, kêu lên kéc kéc vài tiếng cho có giẫy, có kêu. Rồi nó nằm yên trong tay lão. Thế là cả sự tự cuộc với mình, lão cũng được nốt. Thôi. Không cần nghĩ ngợi. Phải tìm con dao, mau !

Tìm làm gì ? Con gà nắm chặt, lão lại thả ra. Ô hay ? Nó vẫn sù cổ đứng im. Mào nó tái nhợt. Chân hết óng vàng. Ở mỏ nó ứa ra một thứ nước rớt và đục. Nó toi ! Thảo nào, lão bắt dễ.

Nó toi, thì lão càng không mang tiếng là ăn trộm. Cần tìm dao làm gì nữa. Bàn tay lão bóp chặt vào cổ nó. Sau một vài giẫy giụa, nó lịm dần.

Tất cả những việc ấy lão đều làm khi lão nằm. Như vừa làm vừa chơi. Hễ có ai đến, lão vứt tọt nó xuống gậm giường. Tiện lắm !

Bây giờ, mới đến lúc cần phải thi hành thực nhanh mọi việc. Việc thứ nhất, tra thêm... rõi cửa. Việc thứ hai, bỏ xác gà vào cối xay, lấy rổ chặn lên trốc. Việc thứ ba, đun nước làm lông.

Như quên cả ốm, được cái đói chỉ huy, cả ba việc lão làm xong không đầy nhai dập miếng trầu. Mỗ và luộc càng dễ hơn. Tìm chỗ đổ lông cho không ai nom thấy, mới là việc khó. Nhưng sự cần dùng khiến nẩy óc sáng kiến. Đói càng khiến mạnh hơn sự cần dùng. Lão đổ luôn ngay nắm lông vào bếp, vùi lấp gio ra ngoài. Tối sẽ đổ ra bờ ao. Giời biết !

Lão đương luộc gà với nghìn hình ảnh tươi đẹp. Mọi biến cố xa gần dần mất. Lửa rơm lem lém cháy, lúc bùng, lúc tắt, như những đứa trẻ mặc áo xanh, hồng, nhẩy múa. Nước trong nồi reo là những tiếng hát dăng ca.

Hòa với tiếng dăng ca, từ ngõ ngoài, vẳng có tiếng người ca. Tai lão nay đã thính hơn. Tiếng ca thành tiếng chửi :

– Cha bố tiên nhân đứa nào ăn trộm gà của tao !

Lão giật mình, luống cuống. Tiếng chửi cứ tiếp :

– Khắp làng xóm láng giềng, ai bắt được con gà giò của tôi thì giả tôi, không thì tôi chửi lên cho.

Không cuống nữa, lão yên tâm : chả biết kẻ chửi đó là ai, song nó chưa biết lão ăn trộm gà. Yên tâm rồi hối hận : giá nó rao độ một giờ trước... Lão tặc lưỡi. Thôi, cả đời mới có một lần. Ai muốn ăn trộm làm gì.

– Cha bố tiên nhân thằng nào con nào ở gần ở xa ăn trộm gà của tao !...

Chửi cứ chửi. Gà cứ chín. Lão cứ vớt ra. Chặt bầy được ba đĩa. Nếu còn lòng là bốn. Nhưng lòng, lão đã ngốn hết từ khi đương luộc. Rồi chặt bầy đến đâu, ngốn đến đấy. Ngốn cả đĩa thứ nhất. Ngốn gần hết đĩa thứ hai. Già thì háu đói, chứ ăn được bao nhiêu. Có thế đã lưng lửng dạ dày. Giờ, mới nghĩ đến lá chanh. Lão ra vườn hái.

– Cha bố tiên nhân nhà mày, nó ở nhà tao nó là con gà, nó về nhà mày nó biến ra con thành nanh đỏ mỏ, nó mổ chết người nhớn người bé thằng nào con nào bắt trộm gà của tao kia !

Không dám ra sân nữa, lão lại ngồi bốc ăn. Vừa ăn, vừa cười nói một mình :

– Thành nanh đỏ mỏ thì cũng đã chui vào bụng rồi. Mỗ thế nào được nữa mà lo chết.

Tiếng chửi xa dần, vọng về ngõ khác. Lão yên chí. Còn hơn một đĩa, với hai chân, hai cánh, một cái đầu, một xương sống mà lão không gặm được. Thôi thì để phần mụ vợ. Chỗ nạc, bây giờ lão mới đi hái lá chanh vào để nhắm nốt với chỗ rượu vét chai từ khi còn Cốc. Vì nẫy giờ còn mải ngốn cho đỡ đói, đã kịp nghĩ gì đến rượu đâu!

Tiếng chửi không còn vọng. Thế là tiêu cái án trộm gà. Lão rung đùi thở dài.

Thình lình, mấy tiếng gọi cửa. Giật bắn mình lên đánh rơi cả đũa lẫn chén, lão hấp tấp nhặt nhạnh tất cả cho vào rổ, nghệ ráo cả lên bàn thờ, rồi mới lên tiếng :

– Ai ?

– Chúng cháu đây ! Tiếng lũ con Ba Nông.

– Đéo mẹ con mẹ mày ! Lại kéo sang ăn phần sóc vọng ông đấy chứ gì ? Đã thấy nó biếu đâu. Ở đấy, rồi ông mở.

– Ba đứa trẻ, một trai, hai gái, trông cũng ít... kháu khỉnh. Đứa lớn, độ mười tuổi, mắt toét, bế đứa bé độ lên hai, đầu thì bằng quả mít mà mình bằng cái que. Đứa nhỡ lên bốn lên năm, trốc lở đầy người. Cả ba giống nhau ở cái mặt cùng đần độn, và cái bụng cùng đầy giun sán.

– Bố mày có nhà không ? Mẹ đi tỉnh về chưa ? Lão chào chúng trước.

– Bố ra đánh tổ tôm ngoài cụ Chánh. Mẹ vừa về.

– Chúng mày đến ăn lộc của ông chứ gì ?

Hai đứa lớn mút tay.

– Thôi được, cứ về đi, lúc nào nó biếu, ông bảo bà Trẻ đem đến.

Vẫn đứng mút tay, chúng không nhúc nhích.

Làm thế nào để ăn hết con gà ? Miệng lão thấy chua lắm ! Lại mới tợp được vài tợp rượu, lòng vừa dịu đói lại thấy nóng ran lên... Hay là... cứ để chúng ở đây, đóng cửa lại, hạ rổ xuống ăn. Thế cũng được. Bởi vì chúng có lớn mà chẳng có khôn, biết lão ăn gì mà sợ ? Nhưng chẳng lẽ lại ăn một mình, để chúng đứng chầu hẫu. Tội

nghiệp trẻ : Ông nào mà chả thương cháu, cũng như dâu nào mà chả khinh cha ! Sau một hồi suy nghĩ rất lung, lão với lên bàn thờ, lấy rổ thịt, ngả ra. Lão bảo thằng lớn nhất đặt em đấy, đi đóng cửa lại, rồi gọi chúng đến, làm như chia phần :

– Này, cho thằng Trung con cái cẳng này. Con Hiếu cái cẳng này. Thằng Thảo con miếng lườn này. Ở đây mà ăn, đợi chốc nữa có phần việc làng, ông cho nữa.

Phân phát đoạn, lão khật khưỡng đưa cay, ai còn để ý gì đến chúng. Chén xong, lão nằm kềnh ra ngủ. Khi đã thức trắng ba đêm vì đói, khi sắp chết đói, được no say cẩn thận, thì người ta ngủ phải biết rằng không còn thiết chó gì là... đời !

*

*   *

Lão ngủ say lắm. Mơ rất nhiều. Lão mơ ra chợ mua được con cá quả to làm thức nhắm. Mơ ra đình phá cỗ việc làng. Đương mơ sắp phải nhịn đói ở nhà quê, lão mơ vụt được Bẩy Út đón ra ăn cao lâu ngoài Hà Nội. Mơ cả thấy Tư Sếu, Sáu Diệc. Cả vợ chồng Hai Cốc. Đương mơ cùng chúng đối ẩm ở hàng cháo lòng, lão mơ lên tiên. Trên tiên, lão thấy lão đương dự bữa tiệc tế thọ Bàn đào. Cứ thế nhẩy từng bước một, lão mơ lung tung, không cần trình tự.

Lão chỉ còn mang máng nhớ lão trở mình thức giấc hai lần cả thẩy. Lần đầu thức giấc, vì tiếng cửa động. Con Ba Nông kéo nhau về. Lão biết. Nhưng tặc lưỡi :

– Chào ôi ! Kệ cho chúng về.

Đoạn trở mình vào trong tiếp tục giấc mơ.

Lần sau thức giấc, vì tiếng khìn khịt như tiếng chó đánh hơi ở gian bếp. Lão vẫn tặc lưỡi :

– Chào ôi ! Có cóc khô gì ở bếp mà sợ chó ăn mất. Kệ cho nó đánh hơi.

Lại trở mình, lão tiếp tục mơ.

Đến lần thứ ba, cánh cửa mở toang, lão vẫn như còn thấy trong mơ. Lão thấy mình đương nằm bắt chân chữ ngũ trong cỗ quan tài của lão đã thực sự hoàn thành, thì có một làn hào quang sán lạn tràn

vào. Đi sau làn hào quang, là bốn người : ba đàn ông, một đàn bà. Sau bốn người là ba cháu lão.

Một tiếng quát :

– Ông cụ Thất ngồi dậy !

Lão bàng hoàng tỉnh, mở to hai mắt : quả thị bốn người thực. Một Phó lý, một Trưởng nhất, một trạ tuần và người đàn bà là con vợ nhà Hương Đuyềnh.

Lão vẫn còn ngờ mình trong mơ, nếu không có tiếng quát thứ hai:

– Kìa ! Dậy để cho tôi hỏi đây.

Chắc chắn là sự thực, lão bàng hoàng ngồi nhỏm liên tưởng ngay đến việc chẳng lành. Lão phải cố trấn tĩnh mới khỏi run, để hỏi một câu cho nó có vẻ tự nhiên :

– Kìa, ông Phó, ông Trương. Hai ông đến chơi có việc gì thế ạ ?

– Việc trộm gà. Ông có ăn trộm gà của bà Hương, thì ông phải nói thực ?

Lão làm mặt ngây dại :

– Gà nào mà tôi ăn trộm ?

– Nhưng ông có ăn thịt gà không đã ? Ăn thịt, chứ không ăn trộm.

– Gà nào mà tôi ăn ?

Người có chức Phó lý vẫy lũ con Ba Nông. Thoáng bóng chúng, lão phát run.

– Những thằng kia ! Có phải vừa rồi ông mày cho chúng mày chân gà không ? Và mày khoe với cái Gái, con ông Xã Tảo không ?

Hai đứa lớn, ngây độn, mút tay, gật.

Họ quay lại nhìn lão. Lão giẫy nẩy lên chối bai bải :

– Nó nói láo ! Nó nói láo ! Chúng mày giết tao nhé ! Nó nói láo. Tôi không ăn.

Mụ Hương Đuyềnh bàn :

– Thôi được. Nhờ các ông hãy đi khám nhà xem. Khám dao, khám thớt. Hễ có dính máu, dính thịt, thì có mà chối đằng giời cho thoát.

Thất Cò nhẹ nhõm : làm gì có dao dính máu ? Làm gì có thớt dính thịt ? Cũng may mà nhà không thớt, lão đã chặt gà lên một cái mê rổ rách, rồi vùi cả vào đống gio. Lão thách già :

– Đấy ! Các ông các bà cứ khám. Tha hồ.

Song họ chẳng phải khám lâu. Khi vừa sang gian bếp cả bốn người đều reo lên một lúc :

Ồ nắm lông ! Nắm lông gà nào mà chó bới tung ra đây ? Chính lông gà. – Và hãy còn ướt.

– Ông Thất. Ông không ăn thịt gà, sao đây lại có lông gà còn ướt như mới vặt ?

Thất Cò vẫn chối :

– Tôi không biết ! Thế dễ các ông cấm không cho tôi ăn thịt gà của tôi à ?

– Thịt gà của ông ? Ông mua từ bao giờ ? Mua của ai ? Nuôi bao giờ ? Nuôi ở đâu ? Có ai biết ông mua không ? Có ai thấy ông nuôi không ? Ông phải nói !

Bị dồn thẳng một hồi, lão lúng túng, ấp úng...

Mụ Hương Đuyềnh bây giờ mới sắn váy, sổ lại sát mặt lão :

– Kìa ! Sao không nói ? Sao không nói ? Cha mẹ kiếp cái mặt. Cái mặt thế mà đi ăn trộm gà. Ông Thất Cò mà đi ăn trộm gà ! Ối làng xóm láng giềng ơi ; đến mà xem ông Thất Cò ăn trộm gà ! Đến mà xem cái mặt ông Thất. Cha mẹ kiếp, cái mặt !...

Phó lý gạt mụ ra, rồi quay bảo người trạ :

– Thôi, không cần phải nói nhiều. Người ta già lão, không cần phải chửi. Anh Đĩ ! Nhặt mớ lông gà lại, đem ra đình dựng trống họp làng cho tôi.

Bốn người hùng hổ bước rảo ra sân.

Thấy nói họp làng, lão hoảng sợ, chạy theo túm vạt áo mụ Hương Đuyềnh :

– Bà Hương ! Tôi van bà. Quả tình tôi có đói quá, nhưng không biết là gà của bà. Bà Hương, tôi chót...

Mụ gạt phắt tay lão :

– Đói thì ăn ngô ăn khoai, không có thì nhịn chứ ! Sao lại ăn trộm ? Chả cứ gì của tôi.

– Bà Hương ! Tôi van bà. Bà để tôi đền. Mẹ nó về chợ, tôi đền tiền bà. Bà bỏ quá cho, chứ họp làng, tôi chết mất. Bà gọi giúp các ông ấy lại.

Một cái hất tay làm lão ngã quỵ xuống đất.

– Lấy xác ra mà đền. Không biết. Chạy ra mà van các ông ấy. Một xu chả có, lấy gì mà đền người ta ?

Lóp ngóp bò dậy, lão toan chạy theo những người kia. Song họ đã đi xa mất rồi. Chợt nẩy một định kiến trong đầu, lão quanh trở lại.

– Lão vừa trèo lên giường, thì tiếng Nông vợ đã chì chiết kêu la từ ngõ :

– Giời đất ơi ! Là giời đất ơi ! Thế này thì tôi sống làm sao được! Bẩy mươi tuổi đầu chết chẳng trọn đời. Còn đi ăn trộm gà của người ta.

Thị vào, hai tay khuỳnh lên háng, đứng trước lão, miệng vẫn kêu rên :

– Thế thì tại làm sao ông ăn trộm gà của người ta ?

Lão ứa nước mắt :

– Khổ lắm ! Tôi đói... đói mấy hôm nay

Bỏ khuỳnh tay, thị xỉa sói :

– Đói ! Đói thì muốn ăn gì, muốn ăn nem công chả phượng gì, ông phải bảo tôi, tôi mua cho ông chứ ? Chẳng qua là ông chỉ nghe cái con chết mất thây mất xác là cái con gù. Ông khí khái ! Ông khí khái để bêu xấu bêu hổ các con, bôi gio bôi chấu, chát bùn chát cứt vào mặt chúng tôi. Ông khí khái thế thì sao không cứ nhịn đói mà chết ?

Lão gục mặt vào gối, thổn thức :

– Thì tao vẫn muốn chết. Tao chỉ có là muốn chết. Nhưng nào chết... chết được !

– Thế thì ông sống để bôi gio chát chấu vào mặt chúng tôi hử ? Giời đất ơi là giời đất ơi ! Mấy thằng con ông, một thằng đi tù, một thằng công nợ, hai thằng công nợ, ba thằng công nợ, một thằng nửa người nửa ngợm là cái thằng Nông, còn chửa đủ làm khổ làm nhục tôi sao ? Bây giờ, tôi lại phải đâm đầu đi van đi lậy khắp làng để người ta không trói ông lại, người ta không điệu ông xuống phủ, người ta tha bỏ tù ông. Giời ơi là giời ! Đất ơi là đất !

Thị đã vùng quay ra để "đi van đi lạy". Lão ngẩng lên, lau ráo mắt, gọi :

– Chị Ba ! Chị cứ về nhà làm gì thì làm, tôi không dám phiền chị đi đâu cả. Cho nó trói. Cho nó giải. Cho nó bỏ tù. Mặc xác tôi cho tôi chết.

Mặt hầm hầm, thị quay vào xốc váy lần nữa :

– Ông chết thì ông cứ chết. Ông thì ông còn cần gì ai kia chứ. Nhưng mà ông có biết rằng ngày mai, ngày kia, năm bẩy hôm nữa, con ông ra tranh bầu Lý trưởng, mà bố đi ở tù vì ăn trộm gà, thì cái mặt thằng Nông chó nó cho ra ! Chó nó bầu cho !

Thế rồi thị vùng đi.

Lão quả quyết ra nêm chặt cửa. Lão quả quyết đứng lên giường. Lão cởi tấm khố dưới hạ bộ ra. Lão vắt nó lên xa nhà. Lão thực hành ý định lúc nẫy : tự tử !

– Ừ chỉ có chết ! Chỉ có chết mới khỏi nhục. Chỉ có chết thì các con nó mới khỏi nhục. Chỉ có chết mới khỏi đói, mới khỏi đi ăn trộm gà. Tự nhủ mình, rồi lão tự nhủ thêm : Tại sao từ trước lão lại không nghĩ đến cách giản dị này ? Từ trước mấy hôm ? Từ trước mấy tháng? Từ trước cả khi khao ? Thì có phải lão đã được mồ yên mả đẹp rồi. Việc gì để mãi đến hôm nay lão mới nghĩ đến ? Nhưng thôi, dù có mất hết tất cả, cả của lẫn con, cả tiếng tăm lẫn danh giá, lão chết bây giờ vẫn kịp. Lão không còn sợ phải bó chiếu, cho bốn đứa lôi ra đồng chôn như chôn một con chó hủi. Cỗ quan tài của lão đã hoàn thành.

Vừa lẩm bẩm, tay lão đã tết xong hai đầu khố thành một cái tròng. Khoan ! Không lẽ chết lại... cởi truồng. Lão đi lấy cái bao tải quấn xuống dưới thân, che kín cả đùi và đít. Lão lại đứng, nhớ thêm về cả một cuộc đời quá vãng. Hỏi xem trải bao nhiêu vinh nhục ? Lão chỉ thấy nó toàn có nhục. Cái vinh độc nhất, vẫn là cái... khao. Ấy thế rồi lão cứ liên miên nhớ từ cái khao đến tiệc Bàn đào, từ tiệc Bàn đào đến các bữa cỗ... Liên miên... Có lẽ lão đã quên mất tự tử rồi, nếu lão không sực nhớ đến việc bắt trộm gà, và mọi việc vừa mới xẩy ra.

Bằng một nhất định, lão đứng kiễng chân lên, trông lại ba gian lều một lượt, và thêm một lượt nữa ngắm kỹ cỗ quan tài. Lão kiễng chút nữa, hai tay với dải khố, kéo gần sát lại. Lấy hết sức mình, hai tay lão phải đu lên cho đầu mới vừa tấm khố. Bằng một nhất định khác, lão đâm đầu vào tròng.

Con người giẫy giụa. Cái khố giẫy giụa. Mỗi cái giẫy là một cái cả người, cả khố đưa đi đưa lại như người rún đu. Cái giẫy cuối cùng vừa qua. Dây khố từ từ đứng...

Thình lình, có tiếng đập cửa. Rồi tiếng bẩy, phá. Cửa đổ. Năm sáu người gậy gộc ồ vào :

– Ôi lão tự tử ! Anh em ôi !

Chửa đợi rứt tiếng kêu, năm sáu người đều nhảy bổ lên giường, giật đứt khố, cởi nút thắt ra, ôm xốc lấy cái xác còn mềm nhũn, đặt nằm. Lại một loạt ồ lên :

– Anh em ôi ! Chưa chết ! May quá ! Chưa chết !

Vì ai để cho lão chết ? Bốn năm người xúm đến. Họ xốc nách lôi tuột lão đi.

IV

Có dễ là lần thứ hai, trong bẩy mươi năm, lão Thất Cò ra đình giữa lúc việc làng. Lần trước ra, định kiện Trương Tùng chửi lão không khao. Lão còn nhớ rõ hôm ấy, làng cũng họp bắt vạ đám chửa hoang, con gái Xã Lình. Lão có ngờ đâu rằng lần này ra, làng lại bắt vạ chính... lão.

Quang cảnh đình vẫn như lần trước. Vẫn cụ Tiên, cụ Thứ, Ông Chánh, ông Nhang, ai ngồi chiếu nấy. Vẫn những cái mặt nhũn nhặn, hóm hỉnh, tủn mủn, khinh người, chợt thấy lão bị điệu đến, càng hợm hĩnh, khinh người hơn. Bảo rằng những cái mặt ấy, tất cả những cái mặt ấy đều đã có một lần nhũn nhặn quá thành khuất lụy, lễ phép quá thành xun xoe, hôm chúng vác đến nhà lão dự tiệc thọ Bàn đào. Nhưng đó là việc khác.

Chỉ có một điểm không giống lần trước, là ngoài tường, có rất nhiều trẻ con, người lớn, đàn ông, đàn bà xúm lại đông như người làng vào đám. Và trong tường, ngay gần chỗ lão Thất, cùng với dăm người nữa... Đĩ Mải đương... đứng tựa cột đình.

Trông thấy Mải, lão chợt càng hổ thẹn, nhưng cũng chợt yên tâm. Bao nhiêu hổ thẹn của lão, vì sự có mặt của Mải, đều nhẹ bớt. Nhờ thế, lão mới dám khẽ ngẩng đầu lên liếc trông mọi người đương thi nhau nói to lên tất cả ý nghĩ đáng nên thầm kín của họ về lão, để góp thành một thứ ồn ào.

Cụ Tiên đã phải gãi bụng chờ, và đập quạt xuống chiếu đến lần thứ tư, mọi tiếng mới im. Cụ Thứ vuốt vểnh hai càng râu. Cụ Bá bảo trạ điệu lão đến gần bệ của họ cho cụ Tiên hỏi.

– Ông Thất ! Sao ông ăn trộm gà của Hương Đuyềnh. Nó có nhờ làng xử. Và hiện có chứng cớ là nắm lông đây. Ông bảo sao ?

Liếc Đĩ Mải, thấy hắn vẫn chăm chú nhìn mình, lão Thất Cò mạnh dạn :

– Bẩm làng, bởi vì tôi... đói.

– Tôi đói ! Hơn năm chục lỗ miệng nhắc lại thành một tiếng. Một tiếng ấy lại đẻ ra biết bao ồn ào, ồn ào. Làm cụ Tuần anh lại phải đập quạt mấy cái luôn :

– Ông đói sao ông không ăn cơm ?

– Tôi làm gì có cơm.

Lão vẫn liếc Mải trước khi cất mỗi câu trả lời:

– Sao ông không đong gạo ?

– Tôi làm gì có tiền mà đong gạo.

– Không có tiền thì hỏi vay chứ, hả ?

– Bẩm, ai cho tôi vay mà tôi vay.

Đập mạnh quạt mấy cái cho mọi người chú ý đã, cụ Tuần anh mới nói to lên :

– Nếu ông không hỏi vay ai được, thì xuống hỏi tôi, hỏi quan Lãnh, hỏi ai ở đây mà không cho ông ăn được một vài bữa ?

Liếc luôn Mải mấy cái để cầu cứu. Lão vẫn không biết đáp sao câu ấy.

Đứng ngoài, Sẹo buột miệng :

– Bẩm các cụ, nếu được các cụ thương cho thế, thì ông ấy chẳng phải xin ai, cũng chẳng phải vay ai...

– Im ! Cụ Tuần em, và quan Lãnh đều đỏ tai, đều quát. Ai hỏi đến thứ anh ?

Rồi, vẫn lão Tuần trông về lão Thất :

– Nói tóm lại, là ông vẫn cố ý ăn trộm gà thực chứ không phải vì đói. Tội ăn trộm, lý ưng làng phải lập biên bản, bẩm phủ làm án vi cảnh, sáu ngày tù, mười hai đồng án phí. Nhưng vừa rồi, tôi và tất cả các cụ đồng dân đây đều có thấy chị ba đến kêu xin châm chước cho việc bẩm phủ, và hỏi nhà Hương Đuyềnh nó cũng bằng lòng nhận đền mà không theo kiện ông. Như vậy, việc bẩm phủ, làng cũng châm trước tha cho...

– Bẩm trên hai cụ lớn, và các cụ. Sao lại tha ?

Người đứng lên nói là Thơ Cần, vốn có tư thù với Ba Nông.

– Bẩm hai cụ lớn, con nói xin hai cụ lớn bỏ quá cho, cụ Tuần là họ nội, quan Lãnh họ ngoại với ông Thất Cò. Các cụ xử như thế thì khí thiên, đàn em họ không phục.

Nói được một câu bẻ người trên, kẻ đàn em ấy đắc ý, vùng vằng ngồi xuống.

Lão Lãnh trông lão Tuần. Lão này trông hỏi ý các hàng chức sắc, kỳ mục.

Lão Chánh tổng Đương đứng dậy :

– Bẩm các cụ đồng dân, các cụ lớn là nhất làng, các cụ xử cho ông Thất như thế có lượng lắm. Bác Thơ Cần nói rằng đàn em họ không phục, thì hỏi đàn em là những ai ? Hay chỉ có mình bác thôi?

– Bẩm ông, chính ông làm thày chạy Lý trưởng cho Ba Nông mà ông lại chẳng bênh !

– Bênh hay không, đã có làng. Cái gì ta cũng phải lấy sự công bằng. Bây giờ, tôi xin cụ lớn hỏi ai bằng lòng xử tha cho ông Thất Cò thì đứng lên, ai không phục thì nói lên... Làng cứ chiểu theo đa số mà xét.

Đề nghị của lão được thi hành không ai phản đối. Trong hơn năm chục người, chỉ có độ mươi người về phe Thơ Cần không phục, còn toàn thể bằng lòng tha cho Thất Cò.

Mươi người kia đồng loạt rủ nhau bỏ ra về. Lão Tuần lại đập quạt:

– Ai nấy yên đã. Tuy vậy, "công pháp bất vị thân". Một lẽ là muốn để cho không ai còn nghi ngờ chúng tôi bênh người trong họ. Hai lẽ là nếu đã tha không bẩm phủ, thì cũng phải nghị phạt ông Thất ăn trộm gà ở trong làng với nhau, để làm gương cho con em, kẻ dưới, có phải không ? Vậy thì làng cứ nghị phạt năm đồng...

– Bẩm các cụ, phạt như đánh bùn sang ao ! Ông ta làm gì có tiền.

– Không có thì vợ chồng Ba Nông phải nộp cho làng số ấy.

Nông vợ và Nông chồng cố nhiên không có mặt. Thơ Cần đã bước ra, đứng lại phản đối :

– Bẩm các cụ, nếu không bẩm phủ, các cụ phải ngả vạ, thế là nhẹ lắm. Từ xưa đến nay vẫn thế. Công pháp bất vị thân...

– Đã đói bỏ mẹ mới bắt trộm gà ăn cho khỏi chết, còn ngả vạ cái nỗi gì ?

Thơ Cần sầm mặt, trông ra :

– Anh Đĩ Mải im ! Ai bàn việc làng với anh ? Này, có muốn nói, vào đây ta nhường chỗ cho ngồi mà nói.

Đoạn, y ngảnh lên chiếu các cụ :

– Xin cứ là phải bắt vạ. Nếu làng không thuận nữa chúng tôi làm giấy "giác" lại tỉnh. Muốn đi đến đâu thì đi. Nào, ai cho tôi nói phải nhẽ, thì đi về.

Mọi chiếu đều gật, nhường lời cho lão Tuần :

– Ừ thôi, bắt vạ cũng được. Phép vua thua lệ làng. Thày Phó lý đâu ? Trưởng nhất. Trưởng nhì đâu ? Lấy năm người tuần vào nhà ông Thất Cò xem có cái gì bắt hết ra đây để làng ngả vạ.

Mấy tiếng "dạ" lên tăm tắp. Ai cũng nhìn vào mặt lão để lấy chút khoái trá khi thấy lão lo sợ. Trái lại, lão bình thản hơn thường. Cả ngoài kia, Đĩ Mải cũng bình thản hơn thường. Và lại tủm tỉm cười. Họ bình thản, vì ngả vạ lão thì có cái gì ? Có độc một cái khố, thì đã làm dây thắt cổ rồi. Hay bắt cái khố ấy ra cho làng... thắt cổ ?

Ngồi đợi suông nhàn mõm, họ thi nhau ra những bài luân lý cho kẻ "can phạm":

– Không có thì đi vay, chứ sao lại đi ăn trộm ? Mà chả vay ai được, thì đi mà vác bị vác gậy ăn mày, còn hơn là ăn trộm.

Một kẻ khác :

– Việc gì phải thế ? Tôi như cụ, tôi cứ đến nằm ở nhà Ba Nông xem nó có phải nuôi không.

Một kẻ khác nữa cãi theo :

– Khốn nhưng mà nằm ăn không ở nhà nó, vợ nó không móc họng ra. Nó còn bắt giữ con cho nó, xay lúa, giã gạo, nấu cám, băm bèo, cho lợn, mỗi ngày nó giao cho ngần ấy việc làm từ gà gáy đến nửa đêm, không xong cho nó, thì cứ gọi là... Chả phải đợi bác xui, cũng đã năm lần bẩy lượt đến nằm ở nhà nó rồi, nhưng không nuốt trôi cơm, mới lại phải bò về với vợ kế.

– Thế thì đói sao không chết ? Tôi mà đến nước ấy thì tôi cứ là chết quách đi cho nhẹ nợ.

– Tôi thế, tôi cũng đâm cổ mà chết.

Đĩ Mải buột mồm, nói chõ :

– Chết thế đếch nào được. Các ông lúc no bụng thì nói thế. Cứ cho các ông đói một bữa xem...

– Ai nói chuyện với anh ? Ai nói với anh ?

Lão Tuần, vốn chẳng ưa gì Mải được dịp quát theo :

– Đĩ Mải ! Ai nói chuyện với các anh ? Muốn đứng đấy thì im. Không thì ra ! Ra hết !

Đến lượt lão trông mọi người, gõ quạt giảng luân lý :

– "Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất...". Ông Thất Cò ! Ông có nghe tôi nói không hả ? Người ta ở đời, cái gì cũng vậy, đói cho sạch, rách cho thơm.

Bao nhiêu miệng phụ họa theo :

– Nhì ạ. Đói cho sạch, rách cho thơm !

Cứ ngứa miệng. Mải hỏi khẽ người đứng bên :

– Đói cho sạch, rách cho thơm là cái chó gì ?

– Anh này lạ ! Là chữ của Thánh nhân.

– Thế thì sao cứ thằng đói, Thánh nhân mới khuyên phải sạch ? Cứ thằng rách mới răn phải thơm ? Còn những thằng no ắt là cứ việc bẩn như... chó ! Những thằng lành cứ việc thối như... cứt !...

Mấy tiếng sau, vì hắn quên mất rằng mình đương đứng tại đình, chót hăng máu buột miệng nói to lên, làm cụ Tiên chỏ quạt vào thẳng mặt :

– Đĩ Mải ! Anh bảo cái gì bẩn ? Cái gì thối như gì hả ? Trạ ! Đuổi cổ chúng nó ra ngoài kia.

Biết thân, lần này chẳng để đuổi, Mải cũng tự ra. Đến sân đình, hắn gặp bọn Phó lý, Trưởng nhất về, mặt ỉu như bánh đa dúng nước.

– Thế nào ? Không có gì cả à ? Ai nấy tranh nhau hỏi.

– Bẩm, không có gì cả.

Cụ Tiên lắp lại kính lên mắt :

– Anh đã tìm lục khắp nhà ? Không có nhẽ. Độ trước Hai Cốc về có khối là đồ đạc thôi. Sao lại không ?

– Bẩm, bán hết cả từ lâu ạ. Chỉ còn vài cái nồi đất, vài cái tã

đụp. Bẩm, với lại cỗ quan tài ! Nhưng chúng con tưởng ai đi rước cỗ quan tài làm gì ?

Cụ Tiên, cụ Thứ và mấy bô lão gật đầu :

– Ừ nhà đương làm ăn mát mẻ, ai rước cỗ quan tài về làm gì. Thế ngoài ra, không có gì hết cả ?

Bọn trạ tuần cũng chẳng buồn đáp cho câu hỏi thứ một trăm mốt ấy.

Ai cũng buồn. Chỉ có Thất Cò là sướng. Sướng nhất, là lão đã có câu trả lời cho những nỗi băn khoăn trong mấy tháng : tại sao mấy lâu nay, bọn khách nợ lớn, chủ nợ bé đứa nào cũng kẻ trước người sau đến vơ vét từ cái nồi, cái dế, mà không đứa nào đả động đến cỗ quan tài vẫn nằm sờ sờ ra đấy ? Thì ra "nhà đương làm ăn mát mẻ, rước nó về làm gì". Sướng rồi, thiếu một chút, lão hích hích cười.

– Vậy thì làm thế nào ? Cụ Tiên hỏi cụ Thứ.

– Vậy thì làm thế nào ? Cụ Thứ hỏi các bô lão.

Hơn năm chục cái trán mênh mang đều nghĩ ngợi. Nghĩ ngợi để tìm ra cái gì cho... làng đánh chén. "Tốt mõ không bằng gõ thớt". Tục ngữ đã nói mãi. Bận sau dựng trống họp làng ai ra ?

Hơn ai hết, cụ Tiên lấy năm đầu móng tay lêu lổng dài gõ lên cái trán mênh mang. Đột nhiên, cụ "à" như mới lôi được ở đó ra một diệu kế :

– Được rồi ! Này Trưởng nhất !

Trăm con mắt nẩy lửa đổ dồn lại lão.

– Các anh hãy cứ đi khiêng về đây cỗ... quan tài !

Đương sướng, Thất Cò lặng ngắt người, mặt chóng, mắt hoa. Mọi người khác thất vọng ít hơn.

– Nhưng đem về phát mại thì ai mua ? Hay là cụ lớn tạm ứng...

Ừ, tôi tạm ứng tiền. Thế nhưng mà. Trưởng nhất ! Gỗ có tốt không đã ? Đáng giá độ bao nhiêu ?

– Bẩm cụ lớn, gỗ đề, tốt lắm ạ. Đóng kỹ. Trạm chỗ long, ly, quy phượng, cẩn thận ạ. Bẩm bây giờ giá mua ở Ngã tư cũng phải tính đến trên dưới tám chục đồng.

– Thế thì được rồi. Linh tám chục đồng, bán đấu giá cho ai cũng được đôi ba mươi đồng. Các chú cứ đi khiêng về đây. Nếu ai cũng kiêng không dám lấy, tôi cứ biết tôi tạm ứng hôm nay cho làng ba mươi đồng. Tôi lấy ! Ở nhà, cụ cố cũng... đương yếu.

Như bị hất bởi một cần tre, lão Thất Cò nhẩy cẫng lên một cái. Rồi lão cắm đầu đuổi theo lũ tuần trạ.

Song khốn nỗi ! Lão đuổi theo thế nào được ! Cứ mỗi cái lão lò cò nhẩy cẫng lên như chân sáo, thì lại ngã dúi về bên tả, ngã dúi về bên hữu, nếu không ngã sóng soài.

Công chúng ở đình, người già, người trẻ, con gái con trai chạy ồ theo lão cười chế rầm trời.

Cứ mỗi cái lão ngã, chúng lại reo lên. Không ai can. Có kẻ cầm sành gạch ném theo lão vào lưng, vào đầu. Chẳng ai nâng. Vài kẻ vô lại còn tinh nghịch, ngáng chân hoặc thọc gậy ra giữa đường, để cho lão ngã nữa, rồi ngã nữa !

Mỗi tiếng lão rống :

– Ối làng nước ơi ! Nó ăn cướp ! Ăn cướp !

Là nghìn tiếng đối chọi :

– Ối làng nước ơi ! Lão Thất ăn trộm gà... ! Trộm gà !

Do kêu, dân làng lại tuôn ra như nước, chạy theo. Càng cười. Và càng thêm kẻ tinh nghịch.

Về đến ngõ nhà, lão mới gặp Đĩ Mải. Thực không may, Mải bỏ ra về trước mất, sợ ở lại, y nóng tai lên, thế nào cũng sinh sự.

Song gặp được Mải, lão cũng gặp cả cỗ quan tài đương bị khênh ra.

Lại như bật bởi một cần tre, lão ôm choàng lấy cỗ quan tài. Ôm trượt. Lão ôm lấy bọn tuần. Lão bíu lấy chúng, lão giằng áo, lão cắn tay, lão lậy van, lão chửi rủa.

Bọn tuần cùng cười rộ, vừa gỡ lão ra, như gỡ đỉa. Gỡ không được, chúng đẩy. Đẩy, lão vẫn bám. Chúng đạp, chúng đá, chúng hất ngã, chúng giày xéo lên.

Một mình Mải không tài nào cản nổi lão lúc máu đương hăng. Hắn cũng bị lão cấu, lão xé, lão cắn, lão cào, và bị đánh lây bởi bọn tuần trạ.

Thừa lúc bọn khiêng nghỉ để đổi tay, lão lật phắt ván thiên, nhẩy tọt vào nằm thu hình trong cỗ hậu sự.

Lại một chuỗi cười nữa :

– Anh em ơi ! Ông Thất Cò chết ! Tò tí te ! Lão Thất Cò chết. Ối ông Cò ơi là ông Cò ơi !

Lôi lão dậy, lão bám chặt. Xốc lão dậy, lão cắn. Họ bàn nhau khênh cả lão ra đình.

– Tò tí te ! Ối ông Thất Cò ơi !

Mải chạy xông đến thử một bận cuối cùng. Hắn cởi áo đưa nhờ một người cầm. Rồi moi hai tay vào cỗ quan tài, hắn ôm bế xốc lão chạy một mạch về, mặc chửi, rủa, cấu, xé...

Trừ vợ chồng Ba Nông, làng trên xóm dưới xúm đầy nhà lão. Thấy lão trên giường lăn xuống đất, quằn quần quại quai và hết cào mặt đến đập đầu, hết đập đầu đến gào chửi, ai nấy lại cười ran.

Mải lậy van họ đi về. Họ xúm thêm lại. Hắn đẩy họ ra. Họ kéo vào nhiều. Không dùng lời, hắn đưa tay sục sạo lên mái tranh. Tìm được con dao bầu, hắn giật xuống, chạy đi chạy lại, vừa hoa lên mấy vòng. Bấy giờ, họ mới chịu giãn.

Biết rằng thắng thế, hắn vung dao, đứng chặn ngang bậu cửa. Hắn hét :

– Đứa nào muốn sống thì cút. Muốn chết thì vào đây !

Ba bốn chục đàn bà trẻ con xô đẩy nhau tìm lối tháo thân. Người lớn tản mạn dần.

Vài kẻ muốn cứu vãn danh diện :

–Á à ! Mày gọi ai là đứa ? Hử Mải ?

– Ông gọi tuốt. Ông gọi tuốt chúng mày là đứa, là chó, là lợn. Ông chửi tiên sư chúng mày nữa cũng vẫn chưa chó bằng những lỗ miệng chúng mày đương toét ra mà cười với nhau kia.

Hắn phóng bước ra giữa sân, cầm dao múa may quay cuồng như một thằng điên.

Kẻ muốn cứu vãn danh diện lảng nốt.

Quay vào, Mải chỉ còn thấy vợ hắn với một vài người bạn, Sẹo vợ đương ngồi bóp đầu cho lão Thất. Mấy người bạn xoa nắn chân tay.

Trông Mải, mọi người cúi vội mặt giấu hắn đôi mắt lệ rưng rưng. Hắn ngoắt gót ra, sì mũi ngoài hiên, trước khi đứng nhìn vợ và mọi người. Đã cất giọng nhưng hắn chỉ nuốt ực được mấy cái. Sẹo hất hàm ra hiệu thay cho câu hỏi.

Mải vợ và mấy người đều ngậm miệng, xua tay ra hiệu lại.

Trên tấm giường xiêu vẹo, một xác người co quắp nằm...

...

Trời chiều.

Đôi cọc rậu ngả bóng xuống hè thành những cố gông. Chão xích là bóng mớ giây bìm bìm. Trên các cột tre, từng tràng dài tiếng mọt ken két nghiến.

Còn lại một mình Mải ngồi bên lão Thất. Lão vẫn nằm, nhưng mở mắt. Họ im lặng nhìn nhau như nhìn nhau đã một nghìn đời.

Tên mõ đến biếu phần "cờ an". Mải lấy đĩa, đặt phần vào, đưa đến bên giường :

– Này, cụ dậy xơi.

Lão liếc trông. Phần ! Một búng xôi cố lắm mới to bằng... quả sung. Một sợi thịt bằng lá liễu. Hết.

Không nói, không rằng, lão Thất Cò trở nằm nghiêng, đưa bàn tay run lật bật, đón cầm miếng thịt giơ lên ngang tầm mắt. Lão nhìn. Lão nhìn mãi cũng như chưa được nhìn nó từ một nghìn đời. Lão nằm nhìn không cựa cậy. Nhìn đăm chiêu, để thu hết tinh thần vào hai mắt vắng xa thăm thẳm.

Trên các cột, mọt vẫn nghiến lên từng tràng ken két... dài.

1941 – 1944

MỘT CHUỖI CƯỜI

(Tiểu thuyết - trích)

Tác phẩm châm biếm tâm địa xấu xa phàm tục của một hạng trưởng giả trung lưu thành thị trong xã hội cũ quanh một đám ma ở nông thôn. Một bà mẹ già chết. Lũ con ở thành phố bất đắc dĩ phải kéo nhau về quê để làm ma. Họ không đau đớn thương xót gì.

Mợ Tham là con gái, được tin mẹ hấp hối giữa lúc đang dở canh tổ tôm đã rên lên : "Ôi mẹ ôi, thế là tôi mất... ù tam văn !". Và mợ tiếc canh bài đang hội đỏ. Bà Hàn Xuân là con dâu thì rít lên khi nhận được tin buồn: "Sáu bảy chục tuổi đầu, sao chẳng chịu chết cho ngay từ cái bận ốm trước đi". Thầy Ký Lưu nhận được tin mẹ chết thì lúng ta lúng túng. Chả là trước đây thầy trót đã mượn người đánh điện đến sở báo tin mẹ chết để xin chủ nghỉ mà đi chơi với tình nhân. Bấy giờ thầy cũng đã bất đắc dĩ phải nhận đồ phúng viếng của các bạn đồng sự. Nay thì làm sao mà về được nữa đây ! Không về cũng được thôi. Nhưng còn cái phần gia tài năm mẫu ruộng của bà cụ sẽ chia cho thì làm thế nào ?

Những ông Đốc, bà Tham, bà Hàn, thầy Ký này lợi dụng cái chết của người mẹ để khoe chức tước phẩm hàm, để được tiếng là báo hiếu, để khoe giàu khoe sang. Một số bà con xa gần cũng thừa dịp đến để kiếm miếng ăn. Đám ma xong. Họ họp nhau lại để chia nhau gánh vác các chi phí. Họ tị nạnh nhau. Ai cũng chỉ muốn gánh chịu ít nhất. Họ đã cãi nhau, công kích nhau và suýt nữa ẩu đả. Cuối cùng, ông Giáo, người con cả, phải quyết định bán đi hai mẫu ruộng hương hỏa (lấy cớ rằng đám ma đã linh đình thì thôi việc cúng đơm hằng năm đi), để trang trải mọi chi phí mới dẹp yên được cuộc xô xát.

Dưới đây trích đoạn con cái họp lại chia nhau "gánh vác" những chi phí về ma chay bà cụ.

... Thiếu mất tám bát mẫu mượn của cụ Cửu !

– Năm bát hoa tàu của ông Nhiêu Cơ.

– Mười một đĩa mẫu của Hương Dần.

– Hai mươi ba đĩa phố nhà mới mua.

– Hai thùng xới cơm.

– Một mâm gỗ.

Cùng lúc ở ngoài sân, người nhà đương soạn lại bát đĩa mượn về hôm làm cỗ để nay đem trả, ở trong nhà, vợ chồng ông Tham, vợ

chồng ông Giáo, vợ chồng ông Hàn cũng đương họp hội đồng trục số chi phí, mà ông Phán Lưu giữ chân kế toán, và cụ Nhang, đã tự ý lảng sang chứng kiến nốt bữa cơm dỡ rạp, là dự thính viên.

Sau khi ông Phán đã xướng to lên các món tiền chi phí cho mọi người nghe, cụ Nhang làm ra vẻ mặt rất ngạc nhiên, cất lên hỏi trước:

– Chà, chà ! Như thế có dễ đến hai trăm !

Không ai trả lời.

– Thế nào anh, liệu có đến hai trăm không ?

Cụ hỏi thêm lần nữa, vẫn không ai trả lời. Có lẽ trong óc mọi người còn đương mải bận bịu với những con số tiền nong, có lẽ mọi người cũng đã khám phá ra chỉ cụ Nhang là đích danh thủ phạm gây ra cuộc tốn kém tai hại này, nên ai cũng ngấm ngầm ác cảm cụ đến nỗi từ nãy đến giờ, cụ hỏi đã mấy câu, họ đều đáp bằng những tiếng lơ đãng nếu thấy rằng không thể đừng đáp được.

Nghe ông Phán xướng xong, cử tọa bỗng đồng loạt phát ra những chuỗi thở dài thườn thượt. Nhưng thấy thở vẫn không thể làm cho bầu không khí đỡ nặng đè lên trên mọi ngực, bà Hàn phải bảo Lưu:

– Bây giờ chú cộng lại cả xem.

Lưu cộng, thử cẩn thận lại một lần, trông khắp mọi người khẽ nói:

– Ba trăm hăm sáu đồng bảy hào bảy.

Tuy đã nghe rõ hơn ai hết, cụ Nhang cũng vờ hỏi lại :

– Bao nhiêu á, hở anh ?

Lưu vẫn chẳng trả lời, thì mợ Tham nói tất :

– Thôi cứ gọi là ba trăm hăm bảy đồng cho gọn. Bây giờ, cậu lại tính đến món thu.

Lưu ngạc nhiên :

– Các món thu ? Làm gì có các món thu ?

– Các số tiền người ta đến phúng viếng mà tôi đã dặn cậu biên ấy mà, thế cũng là món thu chứ !

Một tia hy vọng vụt nảy trên các mặt cử tọa. Trừ ông Giáo vẫn giữ cái mỉm cười ngớ ngẩn bẩm ư thiên tính, và trừ bà Giáo

càng buồn rười rượi hơn khi nghe ông Phán xướng số tiền tổng cộng vừa rồi.

Lưu đã giở cũng cùng trong quyển sổ tay xong, cách mấy trang. Chàng tính rất nhanh. Nhưng nét mặt của chàng vừa hy vọng đã biến ra thất vọng, làm mợ Tham phải sốt ruột hỏi dồn :

– Thế nào cậu, được bao nhiêu ?

Lưu chán nản :

– Chả mấy ! Từ một người một hào cho đến năm người một đồng, tất cả chỉ được có ba mươi mốt đồng hai hào. Ít quá !

– Thì hãy ba mươi mốt đồng hai hào ! Lại còn rượu nữa !

Lưu lại cộng :

– Rượu thì khá : cả Cúc, Con hươu, Ngũ gia bì, vang lăng, vang đỏ, ty và lậu, tổng cộng được những một trăm tám mươi sáu chai, uống mới hết có năm mươi mốt vừa lậu vừa Phôngten vì còn của nhà mua, tức còn lại một trăm hăm nhăm chai nữa.

– Rượu mà không là tiền à ? Bây giờ cậu tính ra tiền xem.

– Còn chè ! Tôi thấy khối chè !

Bà Hàn nhắc.

– Ừ, còn chè nữa. Nhưng chè hãy tính sau. Bây giờ cậu tính rượu ra tiền xem.

Lưu ngại :

– Nhưng nhiều thứ lắm, tính thì lâu chết.

Bà Hàn nhanh nhảu nói :

– Thôi cứ tính một loạt đổ đồng vào giá rượu thường, nghĩa là hăm nhăm xu một chai thôi, còn những thứ đắt tiền, thôi thì hơn thiệt là bao, để xin biếu Trưởng.

Bà Giáo không nhịn được mãi nữa, vụt đứng ra phản đối :

– Xin giã ơn thím ! Nhưng tôi hỏi : đời thuở nhà ai đi tính cả chè cả rượu ? Đến đi buôn cũng không đến nỗi thế ! Thế dễ từ nay trở đi, ở làng này người ta có đám xá gì, đừng còn phải đi mà trả người ta ! Cả những tiền phúng viếng, các người tưởng dễ thường người ta cho không đấy hay sao ? Dễ thường đến lượt người ta có việc, đừng còn

phải trả nợ người ta ! Mà mỗi bận như thế có dễ lại chạy tiền ô tô đi ra mà bổ cho các người đấy hẳn ! Còn rượu, còn chè, còn từ nay đến năm mươi ngày, mỗi ngày hai bữa cúng cơm, dăm ngày một bọn khách đến thăm, thì múc nước lã mà cúng đẻ, đun nước lã mà tiếp khách ! Các người cứ tính đi !

Thấy chẳng như mọi lần, lần này bà phản đối, mọi người đều im thin thít như ngậm tăm cả với nhau, nên được thể, bà lại rít lên tiếp:

– Ối chao ôi !...

Nhưng mới kêu được có ba tiếng giáo đầu cho một cuộc biện thuyết rất có thể sẽ động địa kinh thiên, bà đã bị ông Giáo nghiêm mặt trông bà, quát :

– Mợ im đi ! Từ nay đến năm mươi ngày, rượu cúng đẻ thì tôi lại được uống chứ ai vào đấy, chè pha tiếp khách, thì "khách ba, chúa nhà bảy" chứ ai vào đấy ! Đằng nào không phải tiền mua. Rồi ngảnh sang em : Chú cứ tính đi, chị đồ tham lam ấy mà ! Tính xong rồi tính đến tiền cau, rồi trị giá đến tiền... câu đối.

Ông Tham vội can :

– Chết ! Sao cậu lại nói thế ?

– Sao ? Câu đối người ta phúng mà không là tiền à ?

Bà Giáo mát mẻ chêm vào :

– Phải, câu đối cũng là tiền chứ sao ! Ba năm vô việc rồi thì mẹ con nhà tôi được dùng làm giẻ lau, chứ ai dùng vào đấy !

Biết phe mình đuối lý, bà Hàn đưa mắt liếc bà Tham ra hiệu đình chiến, rồi đánh trống lảng hỏi Lưu :

– Lúc nãy chú tổng cộng số chi tiêu là ba trăm hăm bảy đồng phải không ? Bây giờ chú chia ra làm năm xem mỗi phần được mấy.

Mợ Tham ngơ ngác :

– Sao lại chia làm năm ?

Bà Hàn cười :

– Không làm năm đầu con thì là bao nhiêu ? Anh Cả là một nhé, chú Phán là hai nhé, chị là ba nhé, nhà tôi là bốn nhé, còn cô Liên nữa, không phải là năm thì là mấy hử bà ?

Bà Tham giẫy nảy lên :

– Vô lý ! Con gái cũng phải chịu đầu ma bằng con trai thì thực là vô lý !

– Sao lại vô lý ? Con nào không là mẹ đẻ ra.

– Con nào không là mẹ đẻ ra. Nhưng lúc chia của hỏi ba cậu được bao nhiêu ? Hỏi tôi và dì Liên được bao nhiêu ?

– Con trai bao giờ chả được hơn con gái, vì con trai còn "trách nhiệm" bao công việc gia đình !

– Trách nhiệm bao công việc gia đình mà tôi thấy đẻ ốm, mấy lần về, vợ chồng nhà mợ đưa cho đẻ vỏn vẹn được năm đồng bạc !

– Thế còn bao nhiêu cao, bao nhiêu sâm, nhung, quế, phụ của tôi thì vứt đi ? Tôi thấy thiên hạ có chán người mẹ ốm đem con đàn con đống về ăn hàng nửa tháng, mà lúc đi đưa cho mẹ được những... ba đồng ! Ba đồng phỏng có đủ cho sáu đứa con của họ ăn quà không ? Đừng nói chi đến tiền cơm vội !

Bà Tham sừng sộ :

– Hỏi đứa nào bảo với mợ rằng tôi chỉ đưa cho đẻ có ba đồng ?

– Tôi nói thiên hạ !

– Không có thiên hạ nào ở nhà này ? Mợ nói ai thì mợ bảo ?

– Tôi nói thiên hạ, chứ tôi chả nói ai !

– Nhưng đây bảo cho mợ biết rằng, ai cũng vậy, "có con phải nghĩ vì con, có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng". Tôi đây đi lấy chồng, tôi còn phải lo việc nhà chồng tôi, chứ chả phải như ai mà bòn rút của nhà chồng về mà nuôi bố nuôi mẹ. Ấy, tôi cứ bảo thực cho mợ biết, chứ đừng bì với tôi được !

– Bòn rút hay không, chị cũng phải chịu một đầu ma. Chú Lưu cứ tính hộ xem. Ba trăm hăm bảy đồng : ba trăm chia cho năm thì mỗi phần được sáu chục này. Hai mươi nhăm đồng chia cho năm mỗi phần năm đồng, là sáu mươi nhăm đồng này ! Còn hai đồng nữa chia cho năm, mỗi phần bốn hào, vị chi đi mỗi phần phải chịu sáu mươi nhăm đồng bốn hào cả thảy. Phải không chú ?

Thấy Lưu sắp sửa hạ con tính, bà Tham quát :

– Không được ! Con gái không đời nào phải chịu một đầu ma bằng con trai cả. Đi đến đâu thì đi !

Vì bà nói to quá, ông Giáo, từ nãy đến giờ chỉ cười tủm tỉm, phải vội nhẹ nhàng can :

– Ấy ấy ! Tôi xin. Các bà có nói xin cứ nói khẽ cũng đủ nghe, nói to quá người ngoài người... ta "nhĩ mục quan chiêm" mất.

Bà Tham lại càng quát lớn :

– Khen hay chê cũng mặc ! Nhưng ai muốn diện với người quen kẻ thuộc bày vẽ cho tốn kém mỗi chốc một đống bạc thì người ấy chịu, chứ đừng bổ bán đến tôi.

Bà Hàn cười lạnh lùng :

– Phải ! Ai là người giục đi mua các thứ để rửa mặt cho chồng cho con thì người ấy chịu, chứ đừng bắt đến tôi.

Mợ Tham đứng phắt lên, xỉa xói vào mặt em :

– Tôi giục à ? Mặt mợ với mặt tôi, hỏi xem tôi giục à ? Chồng con tôi hữu xạ tự nhiên hương, việc gì tôi phải rửa mặt với đứa nào chứ !

– Tôi, tôi cũng không phải diện với đứa nào ! Chỉ sợ không tiền, chứ có tiền thì chán cách làm nên giá nên danh !

– Có tiền thì ấm vào thây vào xác chứ ai nhờ, nên giá nên danh, ồ ! Nếu không có ai thì nên giá nên danh chán !

– Tôi cũng chả ơn, vì chín chục bạc của tôi giật chày giật cối cũng đã quá công thuê !

Nộ khí đã đưa đến nhiệt độ tột cùng, mợ Tham xông đến trước mặt bà Hàn, nhảy cỡn lên vừa vỗ vào đùi đánh phạch :

– Tao bảo cho cái mặt con thằng cu Cõn biết rằng tao vay thì tao trả. Nói nữa thì tao gang họng ra.

Ông Tham, ông Hàn, ông Phán, thấy tình thế gay go quá, phải xúm lại can. Ông Giáo vẫn tủm tỉm cười, thấy họ đã can được bà Tham với bà Hàn làm tan mất một cuộc lưu huyết rất vui, thì lấy làm bực lắm, luôn luôn nói :

– Mặc họ ! Mặc họ ! Ô ! Cứ để họ đánh nhau có được không ? Có điều tôi muốn yêu cầu các bà là có đánh nhau cũng nên khe khẽ mà ngầm cấu, ngầm xé nhau thôi, chứ chớ kêu to, "nhĩ mục quan chiêm" họ kéo đến xem thì vỡ nhà mất !

Bà Tham đã trở về yên vị ở chỗ cũ, ho, hen, thở như vẫn chưa nguôi tức, nghe ông Giáo nói lại rít lên :

– Nhưng bày vẽ ra tốn kém, tại những ai kia chứ, chả tại tôi !

Vừa buộc lại khăn, bà Hàn lại đáp :

– Cũng chả tại tôi !

Bà Giáo, cô Liên, suốt từ lúc tấn kịch đổi sang cảnh khác để cho "vai" bà được nghỉ đến giờ, cứ việc ngồi xem. Thấy hai người cùng phe, chỉ vì quyền lợi xung đột đương trở giáo đả lại nhau, bà và cô đã thấy mát cả lòng cả ruột !

Nhưng đến câu hai người cùng chối không phải tại họ gây ra việc ma chay tốn kém, sợ họ sắp sửa đổ cho tại bà, bà cũng đây đẩy chối:

– Có cả nhà biết : cũng chả tại tôi !

Ông Phán Lưu cũng sắp nói một câu gì tương tự để phòng thủ tự vệ, kẻo người ta lại đổ tại ông, thì ông Giáo, nhịn mãi mới tránh được tràng cười, đứng ra can thiệp :

– Cũng chẳng tại tôi ! Cái đó tất ai cũng biết, mà cũng chẳng tại anh Tham, anh Hàn, chú Phán hay cô Liên !

Như vậy lẽ tất nhiên là tại một kẻ vô danh ! Các người xem báo hàng ngày, có thường thấy những vụ trộm cắp nào mà người ta vẫn xin tòa truy tố kẻ vô danh ? Nhưng kẻ vô danh trong vụ trộm cắp thì tài chủ được sở mật thám tầm nã cho. Còn kẻ vô danh trong vụ để cho các người tốn tiền này, đã có tôi đảm nhận việc tầm nã cho ra.

Nghỉ để đưa cặp mắt ngây dộn trông mọi người, hắn chợt tiếp :

– Thưa các người, kẻ vô danh ấy là... mẹ chúng ta vậy, chính là mẹ chúng ta vậy !

Cử tọa đều sửng sốt khi nghe câu nói "đại bất kính" đó, nhưng hắn cứ tảng lờ không biết, dùng một thứ giọng luận tội của quan tòa:

– Phải, chính danh thủ phạm là mẹ chúng ta vậy ! Bởi cái lẽ rằng ai bảo bà cụ chết đi cho các người phải tốn tiền, đã đành rằng ai cũng chỉ muốn cho bà cụ chết đi để vừa khỏi bận mình, vừa được dịp báo hiếu không phải cho bà cụ, nhưng chính là báo hiếu cho bạn bè, làng xóm ? Như vậy thì bà cụ phải xứng đáng chịu hết mọi trách nhiệm và mọi công việc tốn tiền này.

Các người không việc gì phải nhặng xị cả lên ! Nếu các người muốn

đưa kẻ vô danh ấy lên quan truy tố thì tôi sẵn lòng làm chứng cho. Nếu các người muốn xử cho êm thì tôi cũng có cách xử cho êm thấm.

– Nó là cách thế này : lúc mất đi, các người cũng đã biết, đẻ có giao cho tôi hai mẫu ky điền cày cấy hoa màu cúng lễ hằng năm. Nhưng nay bởi vì đã quá tiêu đi của các người, thì bà cụ hãy vui lòng... nghỉ hưởng sự giỗ tết ít lâu để tôi bán ky điền đi trang trải các món ma chay, còn thừa được bao nhiêu sẽ lại chia cho cả các người, thế là vừa không mất vốn, vừa được lãi đèo, vừa được tiếng báo hiếu cho mẹ các người có cả dê lẫn bò, thế là khỏi ai phải ta thán, cãi cọ nhau, hoặc đánh đập nhau, ngộ lỡ quá tay gây ra án mạng thì bà cụ lại phải gánh trên lương tâm thêm một tội... sát nhân nữa ! *Vậy các người có bằng lòng không thì bảo.* Có hay không ?

Nghe điều đề nghị của hắn xuôi tai như thế thì ai là người chả bằng lòng, nhưng là một bằng lòng vẫn không tiện nói ra, nên không ai nói.

Hắn lại hỏi gặng :

– Thế nào hử ? Có hay không ?

– Nhưng... ai lại đi bán ruộng ky điền !

Hắn trừng mắt lên nhìn mợ Tham :

– Thế nghĩa là chị không bằng lòng, có phải không ?

Mợ Tham, tưởng nói lấy một câu chiếu lệ để tự giữ mọi trách nhiệm tiếng tăm về phần mình, không ngờ bị hắn hỏi dồn, ấp úng :

– Cái đó là quyền ở cậu, tôi là phận gái, biết thế nào !

Bà Hàn cũng vội xen :

– Bác là trưởng thì bác tính thế nào, chúng tôi cũng xin theo, chứ phận dâu con, tôi dám biết gì vào những công việc ấy.

Ông Giáo cười khà khà như người say, dù quả tình, ông chưa được tợp rượu nào vào miệng đã từ sáng :

– À thế đấy ! Bây giờ mới đến quyền tôi ! Vậy quyền tôi thì tôi tính như thế đấy !

Bà Giáo – vẫn cái bà Giáo không ai ưa nổi – chẩu môi ra vừa nguýt ông một cái rõ dài :

– Cậu dở hơi lắm ! Hỏi ai hôm nọ muốn vẽ năm dê bảy lợn để

đẹp mày đẹp mặt thì bây giờ người ấy bỏ tiền tay ra mà chịu, việc gì phải đi bán ruộng kỵ điền ? Mẹ nằm xuống chưa khô cái cỏ, chưa nỏ hòn đất đã đi bán ruộng, mà sao không bán tư điền để chia cho để bổ nhau ra mà gánh, lại đi bán kỵ điền, không sợ thiên hạ người ta chửi cả tòa cả lũ lên cho.

– Mợ im đi ! – Chặn lời vợ, hắn quát lên. – Dở hơi ! Tôi vẫn không chối cãi là tôi không dở hơi. Bởi vì ở đây đã có thừa những người khôn ngoan để có đủ tư cách cạnh tranh trong việc thương mại những xác chết cùng với các ông... đồ tể ! Có một điều đã thua các ông đồ tể, là cái công ty của những người buôn xác chết đó đã phải hùn ra nhiều vốn quá để đến nỗi vỡ trước khi thu được lãi về. Cứ như tôi...

Không đợi để nghe xem hắn nói thiên nói địa những gì, bà Hàn vội hoan nghênh :

– Vâng, cứ như em, chỉ một con lợn mời giáp cũng xong !

– Và sang ra, thêm con dê nhỏ nữa để với một con gà giò cũng đủ tế bà cụ một tuần tam sinh chu tất.

Bà Tham nói câu ấy đoạn cười với các em bằng một nụ cười hòa giải.

Quả nhiên, ai nấy đều sẵn lòng hòa giải cùng nhau cả với cái đề nghị bán kỵ điền của ông Giáo, trừ vợ ông ra.

Và vẫn trừ vợ ông ra, mỗi người, một khi đã thấy mình làm tròn bổn phận của người con chí hiếu rồi, đều cho phép lương tâm được nhẹ nhõm để nghĩ đến việc riêng mình, mà trong mấy hôm những bối rối về tang ma, họ đã không được một lúc nào nghĩ đến :

Ông Phán Lưu sực nhớ Bích Vân và giá tiền năm mẫu ruộng !

Ông Tham, đến tên tuổi, chức tước mình đăng trong cáo phó đương được người ta xem đến trong năm xứ Đông Dương !

Ông Hàn, đến những công việc sau này, phải làm lụng thế nào để ở lại với bà đã, vì nhà ông mà trải những phút gian lao !

Bà Hàn, đến người bạn chí thân để cho bà được dốc bầu tâm sự về những việc mới xảy ra, những hiếu đạo của bà và những bất hiếu bất đạo của từng người khác !

Và mợ Tham, riêng mợ đã không đủ kiên tâm như mọi người đợi bao giờ đến lúc lên chỗ cậu làm mới có thể giải khuây được nỗi lòng đau khổ ! Nhân cũng muốn cho hội đồng bế mạc, mợ đã đứng lên trước nhất, ra hiên máy thằng nhỏ đi chiêu tập lấy "bốn chân" nữa đến để... mua vui cho nhà cửa đỡ lạnh lùng !

Không có việc gì để nghĩ và để làm, ông Giáo vươn vai một cái, đoạn đến bàn thờ kéo tấm vải điều phủ xuống bức truyền thần bà cụ, để cho khuất cả hình, cả bóng, cả... má hồng, môi son !

Một chuỗi cười, tiểu thuyết,
Nhà xuất bản Hàn Thuyên,
Hà Nội, 1941.

ĐỖ ĐỨC THU

(1909 - 1979)

Ông sinh ngày 28 tháng 12 năm 1909 tại Thái Bình. Làng Mộc Hạ Đình, huyện Thanh Trì, nay thuộc ngoại thành Hà Nội, mới là quê ông.

Thuở bé, ông học tiểu học ở Thái Bình. Sau lên Hà Nội học trung học ở trường Bưởi. Ông bỏ học sau vụ bãi khóa để tang cụ Phan Chu Trinh. Thời Pháp thuộc, ông làm công chức Sở Khí tượng ở Hà Nội. Ông viết văn trong những lúc nhàn rỗi. *Ba*, tác phẩm đầu tay của ông năm 1936 được giải thưởng khuyến khích của Tự lực văn đoàn. Về sau ông gia nhập văn đoàn này, viết nhiều truyện ngắn đăng trên báo *Ngày nay*. Truyện dài *Đứa con* của ông đăng trên báo *Thanh Nghị* những năm 1941 – 1942.

Ông mất ngày 5 tháng 3 năm 1979 tại Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh, sau cơn bệnh già kéo dài trong nhiều năm.

Trước Cách mạng Tháng Tám, Đỗ Đức Thu là một cây bút văn xuôi sắc sảo. Tác phẩm được chú ý nhất của ông là *Nhà bên kia* (Tập truyện ngắn) và *Đứa con* (tiểu thuyết). Chỗ yếu của Đỗ Đức Thu là hầu như ông không viết về những đề tài có ý nghĩa xã hội rộng lớn. Truyện ngắn, truyện dài của ông thường đi vào những tấn bi hài kịch âm thầm nhưng nhiều khi rất căng thẳng trong những gia đình tiểu tư sản trung lưu ở thành thị trong xã hội cũ. Đối với mảng hiện thực này ông có một óc quan sát sắc sảo, một lối phân tích tâm lý tinh vi, với nhiều khám phá thông minh, hóm hỉnh.

Tác phẩm đã xuất bản của Đỗ Đức Thu:

– *Vỡ lòng,* tiểu thuyết (Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1940).

– *Bốc đồng,* tiểu thuyết (Nhà xuất bản Nguyễn Du, Hà Nội, 1942).

– *Nhà bên kia,* tập truyện ngắn (Nhà xuất bản Cộng lực, Hà Nội, 1942).

– *Đứa con,* tiểu thuyết (Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1943).

ĐỨA CON

(Tiểu thuyết)

PHẦN THỨ NHẤT

I

Con sen dạ một tiếng dài; chạy ra cổng. Bà Tâm lách qua cánh cổng mở hẹp, quay lại kéo con vào theo, hỏi:

– Bà Phán có nhà không?

– Dạ, thưa bà có ạ.

Con sen chạy vào trước, mở cửa nhà trên, thò đầu vào nói:

– Thưa mợ, – có bà Tâm sang chơi.

Bên trong có tiếng nói ra:

– Mày mời bà vào, rồi xuống đun nước đi.

Con sen đi mau xuống bếp.

Cửa mở rộng, bà Phán Mậu bước xuống mấy bực gạch, tay quấn lại mớ tóc:

– Kìa, chào bà. Lâu bà không sang chơi. Thấy nói bà đi Hà Nội.

– Vâng, thưa bà tôi mới về hôm qua.

– Bà Tâm đủng đỉnh đi vào, bước chậm chạp vì còn giắt một đứa con trai chừng bốn năm tuổi. Đứa bé lếch thếch kéo tay mẹ, ngơ ngẩn nhìn mấy khóm hoa bên lối đi. Bà Phán Mậu vội chạy đến ôm đứa bé, nhấc bổng lên.

– À, cậu Quý. Hôm nay có áo đẹp nhỉ!

Bà hôn Quý; môi bà cắn vào đôi má phúng phính của đứa bé, như vào một trái chín. Bà kêu to giục con sen đun mau nước, rồi họ vào cả trong nhà.

Bà Tâm đến chơi giữa lúc bà Mậu đang buồn, muốn có một người nào để nói bất cứ một chuyện gì, nên sự tiếp đãi rất niềm nở. Một nỗi ưu tư vừa rồi còn phảng phất trên nét mặt bà Mậu, đã tan đi.

Trong lúc chồng đi làm vắng. Mấy hôm nay hình như có chuyện gì buồn, bà không ra khỏi buồng ngủ và phòng khách. Cửa nhà trên thường đóng im ỉm, trừ buổi chiều, lúc ông Mậu ngồi xem báo ở thềm.

Bà Mậu ít giao thiệp, không hay đi chơi bời đâu. Cái nhà thuê mãi đầu tỉnh, chung quanh có vườn rộng, vắng vẻ, yên lặng như ở giữa cánh đồng. Con sen mỗi sáng cắp rổ đi chợ. Ngày hai buổi ông Mậu giắt xe đạp ra sở, còn ít thấy bóng người trên cái lối đi cỏ mọc lởm chởm qua khe sỏi dải thưa. Hôm nào thấy bà Mậu cùng đi với con sen thì lớp nhà có dáng vui vẻ hơn: mấy cánh cửa sơn xanh mở rộng, trong nhà thêm bóng người. Đó phần nhiều những khách nhà quê, mỗi năm ra độ một vài lần, thường thường vào những dịp sưu thuế.

Ở một nơi biệt tịch, ít giao thiệp, mà bà Phán Mậu cũng biết được các tin tức trong thành phố, những việc xẩy ra hàng ngày, như người ngồi buồng kín, đọc tờ báo để biết sự sinh hoạt bên ngoài. Tờ báo của bà Mậu là bà Tâm. Bà Tâm chạc ngót bốn mươi, dong dỏng cao, và gầy, nên trông lại càng cao thêm. Đôi vú chẩy xuống làm ngực lép lại và cái bụng đưa ra đằng trước; dáng đi thõng thẹo của người làm dáng lúc quá thì.

Thân thể mảnh khảnh của bà Tâm như để dễ đưa bà vào các chỗ tụ họp của mấy bà tai mắt trong thành phố, phần nhiều là vợ các công chức. Đám chắn nhà bà chủ giây thép, hội tổ tôm của bà thú y, ít khi vắng bà Tâm. Cặp môi mỏng dính của bà không bao giờ giữ nổi những câu chuyện bà nghe được; chuyện lăng nhăng của mấy bà rỗi mồm, thóc mách, kháo nhau trong lúc ngồi đợi đủ chân bài. Nghe được gì, bà Tâm thường về nói lại với bà Mậu. Mỗi khi bà sang vay tiền bà Mậu đi đánh bạc, là có một câu chuyện làm quà. Kể với bà Mậu, bà Tâm được yên lòng. Bà Mậu chắc không mách lại với ai. Bà Tâm ít sợ đôi co.

Con sen mang nước sôi lên, sắp ấm chén. Bà Mậu bảo:

– Thôi để đấy. Đưa chai chè đây rồi mày xuống trông cơm đi.

Mỗi khi bà Tâm tới, bà Mậu thường hay sai con ở xuống bếp, hoặc đi chỗ khác. Bà biết rằng nếu có một người nào ở đấy, bà Tâm sẽ không nói nhiều mà những câu chuyện của bà Tâm, bà Mậu rất ưa nghe. Bà muốn thấy một âm hưởng cuộc đời ở ngoài mà bà rất muốn dúng vào nếu không quá giầu lòng tự ái. Ông Mậu chỉ là một viên thư ký. Chơi với các bà Đốc, bà Tham, bà Mậu thấy như người ngoài cười chơi chèo, hoặc phải giữ thái độ khúm núm với người có danh vọng hơn.

Chẳng thà lảng xa, dầu lòng tự ái dưới bộ mặt kín đáo và kiêu hãnh.

Hai người đàn bà bắt đầu nói những chuyện trời mưa, trời nắng. Những câu mở đầu không biết dùng đã bao nhiêu lần, những khi họ gặp nhau.

Bà Tâm nhắc chén nước:

– Giời mấy hôm nay khó chịu quá.

– Vâng, khó chịu thật. Hanh không ra hanh, nồm không ra nồm. Tôi thấy váng vất, bỏ cả cơm. Chắc nhiều người ốm lắm.

Cậu bé con đang ngồi với mẹ, tụt xuống đất, giương đôi mắt thỏ nhìn chiếc lọ đồng bóng loáng ở giữa bàn, có cắm mấy chiếc hoa vải đã phai màu. Bà Mậu kéo đứa bé sang phía bà:

– Cậu Quý ngoan quá nhỉ! Lấy bông cho bé chơi nhé?

Bà Tâm vội đáp:

– Thôi bà đừng chiều cháu, nó làm hỏng ngay đấy. Ở nhà bao nhiêu đồ chơi ba cháu mua tận Hà Nội, mà không cái nào đậu được lấy vài hôm.

Bà nhìn con mắng yêu:

– Hư quá!

Quý hiểu mẹ mắng mình, nép vào gối bà Mậu.

Bà Mậu bế đứa bé để lên lòng:

– Em ngoan lắm đấy chứ!

– Cháu quấy và nghịch lắm, không mấy trưa là ba cháu được ngủ yên. Nhiều lúc phải gắt mắng mà chúng vẫn chòng nhau: Thật là cái tội.

Bà Tâm cười, vẻ cười của một bà mẹ thỏa mãn. Bà đã vui lòng mang cái tội nhiều con. Bà âu yếm nhìn Quý ngồi tròn trong lòng bà Mậu.

Bà Mậu thở dài:

– Chúng tôi chỉ mong được đứa con trai như thế này cho nó phá!

Nét mặt bà Mậu rầu hẳn xuống. Bà Tâm vẫn biết bà Mậu quý trẻ, bà thường lợi dụng chỗ đó. Mỗi khi cần nhờ vả một việc gì, bà thường cho Quý sang theo. Những hôm ấy, bà Mậu như dễ dãi hơn. Hôm nay câu của bà Mậu có vẻ thiết tha, làm bà Tâm thấy đã chạm đến một điều đau đớn. Hai người nhìn nhau. Bà Tâm không biết nên

hưởng ứng với nỗi ao ước của bà Mậu, hay nói một câu khôi hài làm vui lại câu chuyện. Đứa bé bị bà Mậu ôm chặt, giẫy đòi tụt xuống.

Bà Mậu rót thêm một chén nước:

– Mời bà xơi nước.

Bà để mặc tôi. Con cái cũng tại số. Chúng tôi lắm lúc thực khổ lắm, muốn đem cho bớt người ta nuôi đỡ.

– Bà nói thế, chứ lắm người cầu lấy khổ như ông bà mà không được. Hay là bà cho tôi cậu Quý này!

Bà cúi xuống Quý:

– Cậu sang với tôi nhé!

Bà Tâm cười:

– Vâng, tôi biếu làm con bà đấy!

Bà Mậu cũng cười, tiếng cười đầy vẻ ngượng.

Bà Tâm nói:

– Chẳng qua cũng là số trời. Nhiều người muộn mằn mà sau rồi cũng có con đàn, con đống, nhưng hiếm hoi mà được ông bà đây thực là ít có. Nhiều gia đình chỉ vì thế mà sinh đến lắm chuyện. Bà biết nhà ông Kiểm lâm đấy chứ? Bây giờ thật là tan nát.

Bà Phán Mậu đoán thấy một câu chuyện:

– Thế kia ư? Gia đình ấy ra dáng vui vẻ, thuận hòa lắm mà. Làm gì mà đến nổi tan nát.

– Vâng, thật không ai ngờ. Ông ấy còn trẻ, có lẽ lại còn ít tuổi hơn ông Phán nhà ta. Gia đình ấy chỉ êm thấm ngoài mặt đấy thôi, ở ngoài trông tưởng hòa hợp, vui vẻ lắm, ai biết đâu? Bà ấy thường than thở với tôi, lắm lúc phải khóc vụng. Đầu tiên, ông ấy chơi đêm, bà ấy ngăn cản, ông ấy cười bảo: "Mợ đẻ một đứa con trai đi, tôi sẽ ở nhà với mợ suốt đêm ngày". Tưởng chồng vẫn yêu quý mình, thôi thì bà ta cũng đành lòng để chồng chơi bời chút đỉnh. Ai ngờ một ngày một quá, mấy tháng trước đây, đêm nào ông ấy cũng đi suốt. Rồi cứ mỗi lần nói là một lần cãi nhau.

Ông ấy chẳng còn kiêng nể gì nữa, nói nhiều câu thậm tệ. Những là... những gì... gì nhỉ? Câu gì chữ Nho nghĩa là... là không có con thì cho về.

– "Vô tử tức, hoàn tông nhân". Không có con thì cho về, có phải không bà?

– Vâng, phải câu ấy đấy. Lại còn nhiều câu thậm tệ nữa. Bà tính như thế thì còn tình nghĩa gì?

Bà Mậu ngồi im. Bà Tâm sắp giọng, nói tiếp:

– Hôm nọ ông ấy công nhiên mang một con gái nhảy về, chửa đã trông thấy bụng. Thành một cuộc xô sát tay ba. Nhưng bà tính yếu ớt, mảnh khảnh như bà Kiểm lâm thì còn đánh nhau được với ai. Ông ấy lại bênh con kia. Hôm sau bà ấy về Hà Nội với mẹ, cùng đi một chuyến xe với tôi.

Bà Tâm ngừng lại, muốn đợi một câu gì của bà Mậu. Bà Mậu vẫn im lặng như nghĩ đến một câu chuyện gì khác. Cậu Quý, không thấy ai nhìn đến, níu áo bà Mậu, muốn đòi một cái hoa khác.

– Ra đây, sao hỗn thế con?

– Bà để mặc cháu nó chơi. Thế ra bà Kiểm lâm cùng về Hà Nội một chuyến xe với bà!

– Vâng, trông bà ta ái ngại quá, lôi thôi lốc thốc như con mẹ dại. Nói chuyện như chỉ muốn khóc. Bà ta lành quá. Như tôi thì chả đời nào tôi chịu thế!

Bà Mậu mỉm cười một cách hoài nghi. Bà Tâm vội cãi:

– Thật chứ! Người ta cướp mất chồng mình thì ai mà chịu được. Nhất là lành làm gáo, vỡ làm môi, đã muốn tan nát thì cho tan nát nhân thể, rồi ra sao thì ra!

Mặt bà Tâm hồng lên, hai mắt long lanh đưa đi đưa lại rất mau. Bà ra vẻ hăng hái, cả quyết lắm. Chỉ nhìn bà trong một lúc như vậy, ông Tâm cũng đủ không dám trái ý vợ.

Bà Mậu chép miệng:

– Mỗi người một tâm tính, mỗi nhà một cảnh. Bà ta trông cũng hiền lành, và còn trẻ lắm.

– Vâng. Bà ta mới ba mươi. Mà có lẽ hiền lành quá thành lẩn thẩn, ngu độn để cho ông ấy bắt nạt được. Giá giữ ngay từ đầu lúc ông ấy mới đi chơi thì đâu đến nỗi. Nhưng tưởng chồng vui anh vui em, qua quýt cho qua ngày tháng. Mà mỗi lần động đến là lại bị ông ấy chặn họng: "Mợ cứ đẻ con trai đi, thì tôi ở nhà".

– Mới ba mươi tuổi thì đã lo gì chẳng đẻ. Ông ấy muốn đi thì thiếu gì cách, có con mà ông ấy chẳng tìm được cớ khác để đi à? Bà ấy còn trẻ nhưng khốn nỗi...

Bà Tâm ngừng lại.

– Nhưng sao bà?

Bà Mậu chăm chú nhìn bà Tâm. Bà Tâm ngập ngừng như đã buột miệng nói ra một câu chuyện đáng giấu. Nhưng bà đã chót nói hở ra, và bà Mậu cứ chăm chăm nhìn mãi. Câu chuyện có táo bạo, hoặc vì một lẽ gì làm ngượng mồm không tiện nói, bà Tâm nhìn chung quanh phòng khách, tuy đã biết chắc là không có người nào ngoài cậu bé con, rồi bà xích lại gần bà Mậu, nói nhỏ vào tai.

Bà Mậu mỉm cười, mắt sáng thêm, mặt bỗng như có một luồng máu nóng trào lên.

– Thế kia ư?

– Vì thế nên mỗi lần nó động đến chuyện sinh đẻ, thì bà ta lại phải nhịn, không dám nói năng gì.

Câu chuyện đã gợi ra những ý nghĩ gì, nét mặt bà Mậu lại thành vơ vẩn. Bà Tâm muốn bênh một bạn gái:

– Nhưng chắc cũng tại ông ấy chứ, đàn bà chúng mình làm gì nên tội. Phần nhiều các bệnh tật là do tại bọn đàn ông cả.

Bà thở dài tiếp:

– Làm thân phận đàn bà cũng khổ thật!

Hai người lặng im. Tiếng tích tắc rơi rõ mồn một, làm cậu Quý ngửng lên nhìn chiếc đồng hồ.

Bà Mậu hỏi:

– Thế con gái nhẩy ấy có đẹp không?

Môi dưới bà Tâm dài ra:

– Đẹp đẽ gì cho cam? Lênh khênh như cô hồn đợi lộc, đít cong như bọ ngựa. Nhưng đàn ông họ hay chuộng của mới; cũ người, mới ta, mà lại thử bỏ phấn ra thì chẳng khác gì con chết trôi, những hạng ngay lưng ấy, lúc nào cũng phấn sáp thì làm gì chẳng được các ông ấy coi hơn chị em mình, mình hơi đâu đỏm dáng như họ.

Như muốn phản kháng câu cuối cùng, chiếc đồng hồ rên lên, rồi gõ luôn mười một tiếng. Các bà vẫn còn đỏm dáng lắm. Cổ bà Mậu có chuỗi hạt trai giả. Mặt bà Tâm không mấy lúc hết vết phấn. Các bà vẫn để ý đến những kiểu áo mới, mẫu hàng hợp thời trang. Nhưng biết rằng không sao hơn được bọn gái mới, trẻ đẹp hơn, các bà làm ra bộ kiêu kỳ, đứng đắn, và càng ghét bọn này.

– Chết chửa, mười một giờ rồi. Ông Phán sắp về, xin phép bà.

Bà nắm tay Quý:

– Ra đây con.

– Bà ngồi chơi tý nữa đã. Nhà tôi còn lâu mới về.

Tuy nói vậy, bà Mậu cũng đứng dậy tiễn chân bạn. Ra đến cổng bà còn dặn với:

– Thỉnh thoảng bà cho cháu Quý sang chơi.

– Vâng, lúc nào rồi tôi lại xin sang. Dạo này cũng chẳng có công việc gì, lắm lúc buồn quá, chẳng biết đi đâu. Xin chào bà.

II

Năm ấy bà Mậu ba mươi hai, kém chồng bốn tuổi. Hai người lấy nhau đã lâu mà chưa có con. Bà Mậu là một người vùng xuôi, trước kia có một ngôi hàng tạp hóa. Năm mười chín tuổi bà Mậu còn tên là cô Nga, ngày ngày ngồi bán hàng với một người em gái mới lên bẩy, cô Quỳ – Và bà mẹ. Ông bố đã mất sớm. Một người em trai cô Nga, cậu Chất đang theo học ở trường tỉnh.

Gia đình ấy sống về một ít ruộng ở nhà quê hơn là cái cửa hàng. Bà mẹ ở tỉnh vì có cậu Chất đi học và mở cửa hàng chỉ cốt cho hai cô con gái có công việc, học buôn, học bán.

Nhà không giầu nhưng được dư dật, và được mẹ chiều nên cô Nga đã đỏm dáng, đỏng đảnh từ sớm. Chiều chiều những giờ tan các công sở, cô rời cái ghế đằng sau tủ hàng nó che lấp quá nửa người, ra đứng bực cửa nhìn các người làm việc về qua. Ở các tỉnh nhỏ, người được các thiếu nữ để ý đến nhất là các công chức trẻ tuổi. Rồi cô Nga phải lòng một viên thư ký tòa sứ. Vì cô ít tuổi và bồng bột trong tình yêu lần đầu, không giữ kín đáo, hoặc vì anh tình nhân đem khoe với các bạn cái may của mình; nên chỉ một vài tháng cả phố đã biết chuyện, trừ bà mẹ cô.

Hơn một năm sau, tình nhân đổi đi nơi khác. Tuy nhan sắc khá, cô Nga cũng khó lấy chồng. Mãi đến năm cô hai mươi nhăm mới có ông Mậu ở tỉnh khác đến hỏi. Cô nhận lời ngay, và đám cưới rất gấp. Ông Mậu không kịp nghe những lời dèm pha. Sau tủ hàng, cô Quỳ đã ngồi thay chị. Dân trong phố dần dần quên cô Nga. Ngày tháng lặng lẽ trôi.

Các cô con gái thường có những chuyện tình ái trong lúc mới lớn. Nó thường là những ý tưởng vơ vẩn, hoặc những người bạn trai cùng chạc tuổi, trong sạch và ngớ ngẩn. Cũng có khi nó dắt đến nhục dục. Nhưng thường thường khi người con gái thành gia thất, thì tình ái ấy tan vào giường người chồng chính thức.

Cô Nga quên người trước đã lâu. Cô sẽ thành một người vợ như bất cứ người đàn bà nào, nếu cuộc gặp gỡ ban đầu đã không để lại vào xác thịt cô một vết thương ác nghiệt.

Cô đã có thai một lần với tình nhân. Được hai tháng, khi cô biết chắc chắn, thì biết chắc chắn thêm cả tâm tính người yêu, họ chỉ dùng cô làm thú tiêu sầu khi vợ cả ở nhà quê. Lúc ấy bà mẹ mới biết rõ con gái, bà đành bưng bít để cứu vớt lấy thanh danh. Bà đưa cô về quê một ít lâu, cô Nga không nghĩ gì đến đứa con, chỉ căm giận tình nhân và lo chuyện vỡ cái thai ra.

Ông Phán Mậu xem cách cư xử, thì như không ngờ việc gì về quá khứ vợ. Ông Mậu tính rất lành, ít chơi bời. Ngày ngày, ngoài hai buổi ở sở, ông chỉ quanh quẩn trong nhà. Người ta bảo ông trưởng giả, có người lại bảo ông ngu. Ông cũng không ngu lắm. Thỉnh thoảng cuộc hội họp các anh em, một đám tiệc tất niên, hay tiễn chân một bạn đồng sự mà bất đắc dĩ ông phải đóng góp, thì ông cũng ra vẻ ăn nói. Ông bàn về bất cứ một vấn đề gì: thể thao, văn chương, xã hội, chính trị. Món gì ông cũng biết, cũng ra vẻ thành thạo. Ngoài những dịp ấy, nếu có ai rủ rê ông, thì không những ông từ chối, ông còn giảng đạo đức. Lý thuyết của ông là những câu châm ngôn in trong sách luân lý cho các học trò trường sơ học. Một lần, hai lần, người ta đâm chán, để mặc ông. Bà Mậu đã tự cho là may mắn, lấy được chồng hiền lành.

Bà Tâm về được một lát, bà Mậu thấy nhức đầu. Bà kêu con sen, dặn dò cơm nước cho chồng, rồi vào buồng nằm. Ngẫu nhiên, cả một thời xưa hiện đến, dồn dập diễn thành những cảnh rất linh hoạt trong trí não.

Lấy ông Mậu được một năm, bà có thai. Quãng đời về trước xóa nhòa hẳn. Bà không còn phải lúc nào cũng hồi hộp, sợ người ta biết điều bí ẩn của dĩ vãng mình. Ông Mậu không yêu bà nồng nàn như tình nhân xưa, nhưng bà đã tránh cái nồng nàn giả dối nó đã đánh lừa bà. Và ông Mậu cũng là người chồng đáng giá, có chức nghiệp, có vốn liếng, làm cách sinh hoạt được dễ dàng. Bà Mậu không phải chịu

cảnh làm dâu cạnh mẹ chồng. Ông Mậu làm việc xa quê, họ hàng ít khi đi lại. Hai vợ chồng ông biệt tích một nơi.

Đi đâu với chồng, bà được thả cái bụng chửa ra mà không sợ ai dị nghị, lại còn kiêu hãnh. Bà nghĩ đến đứa con sẽ làm vui thêm cửa nhà và nghĩ đến cách chăm nom đứa bé. Ông Mậu săn sóc bà hơn ngày thường. Đêm ngủ, bà đặt tay chồng lên bụng và cảm thấy một nỗi vui thấm thía. Cái vui đó không được bao lâu: đến tháng thứ sáu, bà Mậu bị tiểu sản.

Một tiếng sét giữa trời quang, hạnh phúc của bà Mậu mất từ lúc ấy. Tiểu sản là một bệnh của những người đàn bà không may, nhưng sao, người ấy lại chính là bà giữa lúc đang bồi đắp bao nhiêu hy vọng? Không một điều gì có thể để ngờ việc đó. Bà rất khỏe mạnh. Không bao giờ bà thấy trong mình dễ chịu như hồi ấy. Bà ăn được, ngủ được, nước da đỏ đắn. Hay là...

Hay là cái thai trước nó báo?

Bà hoảng hốt vô cùng vì ý nghĩ đó. Đàn bà thường hay dị đoan mà khi ý nghĩ đó đã vào óc, thì nó thâm nhập mãi, xoáy mãi mãi vào như một chiếc đinh ốc. Từ đấy bà chỉ nghĩ đến những chuyện quả báo, cùng các điều ghê gớm hơn nữa. Muốn sám hối tội lỗi, và tìm che chở ở Trời, Phật, bà không quản vất vả, xa xôi, để đi hết các đền các phủ, đội ba bốn bát hương. Ông Mậu không ưa lễ bái, nhưng thấy vợ đau đớn quá, người xút, xấu đi, cũng phải chiều. Bà Mậu cho rằng chỉ khi nào, bà có con thì mới là rời khỏi cái ác báo. Tháng tháng, bà nghe ngóng. Mỗi lần hành kinh chậm, bà Mậu lại có cái mừng hụt, rồi lại lo.

Hai năm sau, bà Mậu lại có mang.

Lần này hai vợ chồng cẩn thận ngay từ lúc đầu. Đến tháng thứ ba, ông Mậu đưa vợ đi thăm bệnh. Bà Mậu chăm chăm nhìn thầy thuốc như muốn đọc lời phán đoán trong cặp mắt đã quen kín đáo, không hề để lộ một ý gì. Ông thầy thuốc dặn giữ gìn cẩn thận tiêm thuốc, kê một cái đơn, rồi bảo hai vợ chồng về. Lần này thì được bẩy tháng. Bà Mậu lại xẩy. Một đứa con trai ra đời chỉ đậu được vài giờ. Bà đâm ốm kịch liệt, thầy thuốc phải luôn săn sóc. Cái đau trong tâm hồn làm tăng sự yếu ớt của xác thịt. Nằm trên giường bệnh bà chỉ nghĩ đến những chuyện khủng khiếp, thấy ý nghĩa ghê rợn cả từ trong những chuyện rất thường, giấc ngủ của bà thường đầy ác mộng. Nhờ sự tận tâm của chồng, và tốn rất nhiều, mấy tháng sau bà Mậu

bình phục. Trước khi ra về, lần cuối cùng và để lại một đơn thuốc bổ, thầy thuốc dặn:

– Dạ con của bà yếu quá, không giữ nổi cái thai nên mới xẩy đến hai lần. Có giữ gìn cẩn thận lắm thì may được lâu hơn ít nữa, nhưng chưa chắc được đủ tháng. Nếu được tám tháng mà đứa trẻ khỏe mạnh thì có thể nuôi được. Mỗi lần sinh đẻ như thế hại người lắm; bà còn trẻ, khí huyết phương cường, nên mới chữa được dễ dàng thế, nếu người yếu thì nguy hiểm lắm. Bà nên cẩn thận.

Bà Mậu nghe lời thầy thuốc trời đất tối sầm lại, chân tay bà rời rã. Thế là hết! Dạ con của bà đã hỏng. Bà sẽ không bao giờ có con, sẽ như một cái cây cằn cỗi dần dần không ra hoa, kết quả.

Lúc này, bà càng thấy đứa con cần cho gia đình. Hai vợ chồng cũng đã đứng tuổi, đứa con làm chặt tình liên lạc của hai người, làm vui vẻ cửa nhà, làm phát triển những thiên tính của người đàn bà thích nuôi nấng, ôm ấp. Lại còn chuyện hương lửa, đứa con sẽ phụng dưỡng lúc tuổi già, đơm cúng khi chết, nối lại giòng dõi về sau. Người không con sẽ bị "ăn cháo lá đa". Ý đó thảm thiết lắm. Bà, ông Mậu, sẽ phải đi cướp cháo thí? Ông Mậu chắc không khi nào chịu. Không có con nào phải tại ông? Giá ông mang một bệnh tật gì để bà không sinh đẻ, thì bà đỡ được lỗi về mình, nhưng ông lại rất khỏe mạnh, bình thường. Bà đã chửa với ông hai lần, không thể nào đổ lỗi cho ông được.

Dù ông Mậu, quả thương yêu bà, không nghĩ gì đến con cái – một điều bà không tin chắc được – thì còn mẹ chồng. Bà cụ chắc không khi nào chịu để cho giòng giống tiêu diệt. Bà Mậu lại tưởng tượng đến một đứa cháu nào trong họ sẽ đến ăn thừa tự. Không phải khí huyết bà, khi ngày giỗ tết, nó đơm cúng lăng nhăng để nuốt cho trôi hương hỏa. Hoặc là ông Mậu lấy vợ lẽ.

Sao lại không? Ít lâu nay, bà thấy thái độ chồng thay đổi, hoặc bà quá lo nghĩ mà đâm ra nghi ngờ như vậy. Nhưng sao ông Mậu lại không nghĩ như thế? Bà đã giấu được chồng thời còn con gái, nhưng ông Mậu ngu gì mà không thấy một trường hợp rành rành trước mắt.

Ông vẫn ít nói, vẫn quanh quẩn ở nhà, bà cho là ông đang kín đáo thầm tính công việc. Mỗi lần có mẹ chồng ra chơi, bà lại ngơm ngớp sợ. Bà đã xin chồng đừng cho mẹ biết lời thầy thuốc, nhưng biết đâu trong lúc vui chuyện vắng bà, mẹ con lại kể lể, bàn bạc với nhau. Ông Mậu mà muốn lấy vợ lẽ, bà mẹ chồng chắc bằng lòng. Bà cụ còn

mong như thế nữa. Nếu việc ấy xảy ra, bà sẽ mất quyền thế trong gia đình bà đã vun đắp mấy năm nay. Công của bà, sẽ có người khác vào tọa hưởng.

Chỉ nghĩ đến cũng đủ đau khổ, không bao giờ chịu cảnh đó. Bà sẽ dùng hết cách để ngăn ngừa. Những cách gì, bà chưa biết, nhưng bà sẽ không lùi bất cứ trước một điều gì, dù cho đến tội ác. Bà sẽ không như bà Kiểm lâm, chịu để người ta cướp chồng.

Cửa bên ngoài mở, bà Mậu nhận thấy tiếng chồng về. Ông Mậu nói gì với con sen, rồi vào buồng ngủ, ông cởi áo, hỏi bà:

– Mợ làm sao. Không ăn cơm à?

Bà Mậu vẫn nằm im, nhắm mắt. Đợi chồng hỏi lại lần nữa.

– Tôi nhức đầu lắm, không muốn ăn, cậu ăn đi.

– Nhức đầu à? Chỉ nhức đầu hay có làm sao nữa không?

– Không chỉ nhức đầu thôi.

– Thế có muốn ăn gì không? Muốn ăn gì bảo nó đi mua.

– Được, cậu cứ mặc tôi, để tôi nằm một tý xem nó có đỡ không đã.

Ông Mậu ra buồng ăn. Tiếng bát đĩa lạch cạch. Một lát, ông vào nói:

– À này mợ ạ, có thư gửi ở nhà lên đấy.

– Thư ở đâu?

Bà giật mình, tưởng thư của mẹ chồng. Nhà quê ít khi viết thư, mỗi lần viết là có việc quan trọng. Biết đâu chẳng là chuyện bà đang lo nghĩ.

Ông Mậu lại nói vào, mồm như đầy thức ăn:

– Thư ở dưới để: cô Quỳ sắp lên chơi đấy. Thư ở trong túi áo tôi ấy, mợ lấy mà xem.

Bà Mậu quên cả nhức đầu, vùng dậy, xỏ vội đôi guốc chạy ra mắc áo. Tay run run, bà lấy chiếc phong bì, liếc qua mấy hàng chữ quen quen của cô em gái, rồi bà đọc rất nhanh cả bức thư. Song bà đọc lại từng chữ: cô Quỳ sắp lên Hà Nội sắm ít thức vặt, và nhân tiện lên thăm anh chị.

Bà Mậu ra nhà ngoài, ngồi xuống cái ghế đối diện với chồng:

– Cậu nhận thư này từ bao giờ?

– Tôi mới nhận được sáng hôm nay, không biết cô ấy lên mua gì. Nếu không ở lâu Hà Nội thì độ mai kia lên đến đây.

– Nó có quen ai ở Hà Nội đâu, mà ở lâu làm gì? Chắc nó lên đây ngay. Lâu nay, không được tin tức gì ở nhà, không biết có chuyện gì lạ không?

– Chắc cũng chẳng có chuyện gì, nếu có thì đã viết thư lên, hoặc kể trong thư này. Lâu lắm không gặp cô Quỳ. Tết vừa rồi xuống lễ tết, cô ấy lại đi vắng. Chắc cô ấy bây giờ đã lớn lắm rồi.

– Cô Quỳ năm nay bao nhiêu tuổi nhỉ?

Bà Mậu nhẩm tính:

– Năm nay hình như nó mười chín.

– Hừ, chóng thế đấy. Mới hồi nào hãy còn là cô bé con. Bây giờ đã mười chín tuổi rồi. Chẳng biết đã có ai hỏi chưa?

– Tôi cũng không được biết.

Bà Mậu yên lặng nhìn chồng. Trong óc bà, vừa nẩy ra một ý tưởng lạ. Thoạt đầu, ý tưởng đó như rất vô lý. Dần dần nó mất vẻ lạ lùng đi, và chỉ còn là một việc thường. Những điều kiện "có thể" thay cho "không thể".

Tại sao không hỏi cô Quỳ cho chồng?

Bà đã muốn cứu vớt lấy tình thế, dù đến tội ác cũng không chịu, thì cô Quỳ lấy ông Mậu sẽ làm thanh thỏa câu chuyện. Bà vẫn giữ được địa vị, vẫn là người chủ trong gia đình, không sợ người em gái tranh mất quyền hành. Lúc bé cô Quỳ vẫn thường theo lời chị, cô Nga vẫn thường bắt nạt em. Cô Quỳ sẽ chỉ việc đẻ con. Những đứa con ấy cùng chung một khí huyết, sẽ cũng như con bà. Giá toàn là con mình thì vẫn hơn, nhưng trong trường hợp này, bà phải dầu lòng nhận lấy một phần bất đắc ý ấy, cũng đã là phương tiện lắm rồi. Còn hơn là phải nhận con một người đàn bà khác.

Bà ngạc nhiên rằng sao mãi đến bây giờ mới tìm ra cách giải quyết ấy. Cô em chắc không chiếm được tình yêu của chồng. Ông Mậu không phải là người yêu đến si mê. Mà sau này, dù có xẩy ra chuyện gì, bà cũng vẫn là vợ cả. Đối với một người vợ lẽ, lại là em gái, bà có nhiều quyền hành lắm.

Ông Mậu đã ăn xong, ghếch chân lên bàn xỉa răng. Nhưng làm sao cho một người con gái mới mười chín tuổi đầu, bằng lòng lấy Mậu, lại lấy lẽ? Lâu không gặp em, bà Mậu không hiểu Quỳ bây giờ ra sao. Vẫn là cô em ngoan ngoãn, dễ bảo hay đã thành một người

gái mới, tiêm nhiễm những tư tưởng giải phóng, tự do. Nếu thế thì điều bà định lại càng khó khăn lắm. Nhưng ở một tỉnh nhỏ, cô Quỳ chỉ ngày ngày trông hàng, chẳng lẽ đã thay đổi đến thế được. Bà sẽ cố tìm lẽ thuyết phục em.

Các ý tưởng dồn dập rồi rối tung trong óc. Bà tự nhủ: "Để thong thả rồi mình sẽ liệu".

Từ lúc ấy, bà hết sức mong em. Bà sai dọn dẹp nhà cửa, như sắp tiếp một vị thượng khách.

Buổi chiều, hai vợ chồng đang ăn cơm thì cô Quỳ vào.

– Chào anh chị ạ.

Bà Mậu vội bỏ đũa:

– Kìa, cô đã lên đấy à? Anh vừa nhận được thư sáng hôm nay. Tưởng sáng mai cô mới tới.

– Em cũng định ở lại Hà Nội rồi mới lên đây. Nhưng em lên thăm anh chị trước, rồi lúc về mua cũng được. Và em muốn rủ chị cùng về Hà Nội với em một thể.

Con chiên non đã vào hang con sói.

III

– Tại sao nhà ta lại không dọn hàng nữa?

– Độ này ế lắm. Chị tính mỗi ngày bán được vài ba đồng bạc thì lời lãi gì. Đẻ bảo đóng cửa, và tính đi thuê nhà chỗ khác, chứ không buôn bán thì cũng chẳng cần ở đấy nữa.

Hai chị em đợi lúc ông Mậu đi làm để được tự do nói chuyện nhà. Bà Mậu đã lâu không về, muốn biết những sự thay đổi, và bà Mậu chắc cô Quỳ lên chơi, không phải chỉ cốt để thăm bà. Bà Mậu lặng ngắm em: Cô Quỳ đã khác trước nhiều. Ở cái tuổi này, người ta rất chóng thay đổi, chỉ một vài năm là không còn nét cũ. Cô Quỳ đã nhớn bổng lên. Tuy cô không xinh đẹp lắm, trông có vẻ ưa nhìn của cô gái dậy thì. Khổ mặt trái xoan, nước da mịn, lại con mắt hơi nâu và tinh nhanh. Trong lúc nói chuyện nhà, khóe mắt, vẻ mặt cô dịu xuống làm câu chuyện càng thêm ý nghĩa. Bà Mậu không ngờ cô em có vẻ người nhớn đến thế.

Cô Quỳ nhìn xuống, lấy ngón tay chấm nước trong đĩa vẽ những hình tròn trên mặt bàn:

– Đẻ bảo em lên nói để chị biết, nhưng chị đừng nói lại với anh ấy...

– Không khi nào tôi lại...

– Ấy là đẻ dặn thế. Nhà ta dạo này quẫn lắm. Chỉ còn trông vào anh Chất. Đẻ buồn, lại hay sinh ốm vặt, lắm lúc sốt ruột lắm.

Bà Mậu càng thêm vẻ suy nghĩ. Những tin ấy hình như có ích cho bà.

– Tuy đóng cửa hàng, nhưng còn ruộng nương ở nhà quê. Nhà làm gì đã đến nỗi túng?

Cô Quỳ thở dài:

– Cũng chẳng ăn thua gì đâu, chị ạ. Chúng nó cứ ỳ ra không chịu nộp thóc, đổ tại mất mùa màng, khó cầy cấy. Mình chỉ phải nai lưng đóng thuế, đẻ cũng muốn bán quách cả đi.

– Ấy chết! Sao lại bán, bán cho ai?

– Đẻ nói định thế thôi, nhưng nếu ngỏ ý bán thì thiếu gì người mua.

– Cô về nói với đẻ rằng đừng bán vội. Bán thì dễ, chứ không mỗi lúc mà tậu được đâu. Đợi tôi về rồi sẽ tính.

Những vòng tròn của cô Quỳ đã thành một mảng nước, ướt cả góc bàn. Bà Mậu không bỏ qua một cử chỉ của em; bà nhìn cô như một võ sĩ nhìn bên địch, để tìm chỗ yếu, càng xoi mói hơn bằng cặp mắt không mở rộng. Trông cô Quỳ ngồi trước mắt, thì bà thấy công việc bà định khó khăn vô cùng. Nhưng đem đặt cô vào một gia cảnh vừa rồi thì sự khó khăn như giảm đi nhiều.

– Thôi cô thay áo đi, rồi sắp sửa ăn cơm. Anh cũng gần về rồi.

Cô Quỳ uể oải đứng dậy:

– Em lên nói để chị biết thế. Khi nào rỗi chị về chơi. Còn em, mai em phải về. Em còn qua Hà Nội mua mấy thước lụa. Đẻ bảo công khó nhọc trông hàng, thì đẻ cho một cái áo. Em cũng chẳng thiết mua, nhưng em không còn cái áo nào mặc được nữa. Chị có về Hà Nội với em được không?

– Được chứ. Hôm nào cô về chị đi với.

– Mai em về.

Bà Mậu nói vội, như sợ cô Quỳ đi ngay lúc ấy:

– Cô về làm gì vội? Cô hãy ở chơi đã. Bây giờ còn công việc gì mà phải vội vàng.

– Nhưng em sợ đẻ mong.

Bà Mậu hết lòng chiều đãi cô em gái. Bà là người chị tử tế, ngọt ngào, như mong em đã lâu mà nay mới được gặp. Bữa cơm nào cũng đầy món ngon lành, bà Mậu săn sóc chiều từng ý muốn nhỏ nhặt của người em.

Chiều chiều, bà Mậu thường bảo chồng đưa bà và cô Quỳ đi chơi phố. Một cách kín đáo, bà bảo ông Mậu thắt cái cà vạt đắt tiền, mặc bộ áo sang nhất. Bà đi lùi lại sau, nhìn chồng sóng đôi nói chuyện với em, cố gỡ những tư tưởng lộn xộn trong trí.

"Làm thế nào, hở giời, biết làm thế nào cho nó bằng lòng?

Cô Quỳ mải vui quên cả nỗi về. Người con gái ấy xưa nay đã sống buồn tẻ, bên cạnh một bà mẹ trên mặt không mấy lúc có nét vui. Lúc tâm hồn người con gái đang muốn được cởi mở, đang thèm thuồng cái đẹp, cái vui, các thớ thịt đầy sinh lực cần hoạt động, nẩy nở, thì cảnh đó là một cái vòng thắt con người ấy lại. Bây giờ không phải vào bếp, trông nhà, nghĩ đến những việc buồn tẻ hàng ngày nó hút hết thời khắc, không cho rảnh rang nghĩ đến những chuyện đẹp đẽ hơn. Cảnh dư dật nhà ông Mậu làm quên được giá trị đồng tiền, đỡ nỗi suy tính.

Cô Quỳ được sống an nhàn, được nói nhiều, cười nhiều, người chung quanh kính nể và chiều chuộng.

Một hôm, cô Quỳ sực nhớ là đã ở đây đến một tuần lễ. Cô bảo người chị:

– Em ở chơi đã lâu rồi, nhà vắng chỉ có một mình đẻ vậy anh chị cho em về.

Bà Mậu nghĩ một lát:

– Ngày mai thứ mấy nhỉ?

– Mai chủ nhật. Em lên đây thứ sáu trước.

– Cô không ở chơi được vài ngày nữa à?

– Em nóng ruột lắm, chắc ở nhà đẻ mong. Để lần khác em lên chơi với anh chị, sẽ ở lâu hơn.

Bà cụ chắc có mong, còn cô Quỳ thì không nóng ruột chút nào.

Cô đã quên là ở lâu đến chừng ấy ngày, và còn có ý mến tiếc. Bà Mậu cười một vẻ rất xa xăm.

– Ừ, cô muốn về thì mai về vậy. Còn thiếu gì lúc đi lại, lần sau cô sẽ ở chơi lâu với chị. Mai cô đi chuyến xe sớm, cô muốn ở lại Hà Nội mua hàng thì cũng chán thì giờ. Cô nói với đẻ nay mai thế nào tôi cũng xuống chơi. Có chuyện cần nói với đẻ.

Cô Quỳ chắc là chuyện ruộng nương.

– Vâng, để em bảo đẻ.

Cô Quỳ gần đi, thời giờ gấp rút lại, bà Mậu càng băn khoăn nghĩ đến việc mình. Trong mấy ngày trời, bà hết sức chiều đãi em, làm gần hai người, gây cảm tình cô em với chồng, với gia đình bà. Bà thấy không ăn thua gì. Cô Quỳ vẫn thản nhiên cười nói, không lộ một vẻ gì khác. Bên cái mạng nhện, con muỗi vẫn vo ve.

Bà lại bực mình với chồng. Người đâu mà đần độn quá, không hiểu một tý gì! Giá chồng tinh quái như người ta, thì công việc họ dễ dàng thêm biết mấy, ông Mậu chưa quá tuổi, ăn mặc vào cũng còn bảnh bao, lại gặp dịp người con gái ở ngay trong nhà mình. Cô gái đến thì nào chẳng ưa thích những lời tán tỉnh, những yêu đương, dù ngay người đàn ông là anh rể. Chẳng lẽ bà lại còn phải dạy. Người đâu mà ngu lạ! Hành vi ấy, bà sẵn lòng làm ngơ trong trường hợp này. Đã có lần bà Tâm nói chuyện: nhiều người vợ chỉ muốn làm vui cho chồng mà còn rủ chị em đến nhà chơi, rồi lảng đi, để mặc chồng với bạn.

Mới chập tối, bà Mậu nhức đầu đã đi nằm. Cô Quỳ sắp va ly xong, ra ngoài phòng khách đọc nốt cuốn tiểu thuyết. Ông Mậu ngồi đối diện xem báo. Thỉnh thoảng ông rời tờ báo nhìn cô Quỳ. Cô Quỳ ngửng lên. Hai người nhìn nhau, nhạt nhẽo và phẳng lặng; trong khóe mắt không một tình cảm, không chút thân mật của đôi trai gái chung một ngọn đèn. Ông Mậu nhìn xuống tờ báo, cô Quỳ xem nốt trang sách. Vắng bà Mậu họ không có chuyện gì nói với nhau.

Sáng hôm sau nét mặt bà Mậu hốc hác, hai mắt to và mệt mỏi.

Bà bảo cô Quỳ:

– Chị vẫn định đi với cô hôm nay, nhưng lại bị rức đầu quá. Nhân tiện ngày chủ nhật, anh cũng cần về Hà Nội có chút việc. Để anh đi với cô cho vui.

Cô Quỳ nhanh nhảu trả lời:

– Em tưởng chị đi được, chứ nếu chị mệt thì thôi. Em đi một mình. Phiền đến anh làm gì.

– Phiền gì đâu? Anh cũng có việc cần phải đi đấy chứ. Nhưng có mua bán gì, nhất là mua lụa thì phải chọn lấy chứ anh dốt lắm đấy!

Cô Quỳ cười:

– Chị nói thế chứ. Đàn ông nhiều người sành lắm. Thế anh không đi may vá cho chị bao giờ à?

– Chẳng bao giờ anh sắm mà chị vừa lòng cả. Bao giờ cũng phải mua lấy.

Hai chiếc xe đã đỗ trước cửa. Ông Mậu đã mặc xong quần áo. Trông ông trẻ hẳn lại. Những quần áo đẹp nhất của ông đều đã ở trên người. Nhìn theo chiếc xe, bà Mậu thấy như cặp vợ chồng mới nào đi sống cuộc đời của họ. Bà thấy chồng đi với một người đàn bà khác, lòng thấy xao xuyến. "Mình lại đến rức đầu mất. Thôi, đến đâu hay đó, rồi sau này sẽ liệu". Bà thay áo, dặn con ở trông nhà, rồi sang chơi bà Tâm.

IV

Từ hôm cô Quỳ về, nói chị sắp xuống chơi, bà mẹ có ý mong con gái. Người con gái lớn, đã quen lo nghĩ, sẽ cùng bà bàn bạc để giải quyết những chuyện khó khăn. Nghĩ đến bà Mậu, bà cụ thấy vui vui. Một người đã xuýt làm hại thanh danh của bà mà lại lấy được chồng tử tế. Bà cụ thường nghĩ: "Nó thế mà tốt số. Chẳng biết còn con Quỳ, rồi ra làm sao? Đã nhớn xác lắm rồi mà chưa ai rước đi cho. Nó lại dại dột ra thì thật khổ".

Hôm người chị về, cô Quỳ mới thấy sắc vui trên nét mặt bà mẹ. Cô nhận thấy mẹ và chị sắp bàn những chuyện quan hệ. Xong cơm sáng, cô xin phép mẹ đến chơi nhà chị em. Bà cụ ngọt ngào:

– Ừ, con có đi chơi đâu thì liệu chiều về sớm ăn cơm, đừng để chị Phán phải đợi.

Cô Quỳ, thấy mình không cần ở nhà ngày hôm ấy, vui với chị em mãi đến tối mới về. Cô đã sẵn sàng nghe mẹ mắng. Nhưng không. Mâm cơm đậy lồng bàn đợi trên ghế ngựa. Bà cụ ôn tồn:

– Con đã về đấy à? Mời chị Phán ra ăn cơm đi.

Bà Mậu vừa trong nhà ra:

– Kìa cô đã về. Cô đi ăn cơm.

Mẹ và chị không ai để ý đến ăn, cô Quỳ cũng thấy uể oải, không buồn nhấc bát; chốc chốc lại nhìn trộm hai người. Buông đũa bát, bà cụ vào ngay trong buồng, người chị cũng theo vào. Tiếng hai người thì thầm không lọt ra khỏi cửa. Ngẫu nhiên, cô Quỳ đi rón rén; trong nhà không một tiếng động, đầy vẻ yên lặng, u uẩn.

Vẻ ấy mỗi lúc một tăng thêm. Đến hôm sau thì không còn ai nói với ai. Bà cụ và bà Mậu thường nhìn nhau, những vẻ nhìn nặng ý nghĩa. Người chị lại tránh nói chuyện với Quỳ. Bà mẹ thì chỉ bận với hộp trầu. Quỳ chải đầu, nom trong gương thấy mẹ ở phía sau đang chăm chú nhìn mình. Cô quay lại thì bà cụ vội cúi xuống.

Chiều tối, bà Mậu mặc áo đi chơi. Cô Quỳ hỏi:

– Chị ra phố đấy à? Cho em đi với.

– Chị đi đằng này một lúc, cô ở nhà để có bảo gì chăng.

Người chị nhìn bà mẹ, đi ra. Quỳ thắp cây đèn để lên mặt tủ, bà mẹ nói:

– Con đóng cửa, rồi vào nhà trong mẹ bảo.

Tự nhiên Quỳ thấy xao xuyến. Cô cài cửa, thắp thêm một ngọn đèn, cầm theo mẹ vào buồng. Quỳ đặt đèn lên bàn, ngồi xuống ghế, hồi hộp đợi một cái gì quan trọng. Bà mẹ ngồi xuống ghế bên kia. Quỳ nhìn kỹ mẹ, ngạc nhiên thấy bà cụ đã già nhiều. Ngày thường, cô không để ý đến, những lúc này ánh sáng vàng khè của ngọn đèn dầu làm rõ những vết dăn deo trên mặt, như những luống cầy trên thửa ruộng khô.

– Mấy hôm con ở trên anh Mậu, con có thấy có gì lạ không?

Cô Quỳ không biết trả lời thế nào. Chuyện gì lạ?

– Con xem cách cư xử của anh Mậu, với chị ấy có gì khác không?

Quỳ cố nhớ lại, và trả lời vơ vẩn:

– Không, con chẳng thấy gì cả.

– Thế con không thấy nói gì đến việc bà cụ ở nhà quê sắp ra à?

– Không, con không thấy nói. Mà có chuyện gì thì anh ấy giấu, chứ con biết thế nào được?

Bà mẹ thở dài. Quỳ thấy mẹ càng già thêm.

– Có chuyện gì thế đẻ?

Bà cụ im lặng nhìn con một lát sau:

– Chuyện lôi thôi lắm. Bà cụ ra để định lấy vợ lẽ cho anh Mậu.

Thì ra chuyện ấy. Quỳ thấy nhẹ người đi, dễ thở hơn. Từ nẫy cô vẫn tưởng có việc gì nguy hiểm, quan hệ. Quỳ không thấy việc anh Mậu lấy vợ lẽ có liên can gì đến cô, và không ngờ mẹ lại buồn vì thế được.

– Vì chị con không có con, nên bà mẹ ép anh ấy phải lấy vợ lẽ.

– Anh ấy muốn lấy vợ lẽ là tự ý anh ấy, chứ phải ai ép? Anh ấy vẽ ra lý gì mà chẳng được. Chị con đã già gì mà lo con với cái.

– Không phải thế. Anh ấy không phải là người bội bạc gì. Anh ấy vẫn thương yêu chị ấy, chỉ vì không có con nên phải tìm người kế. Chị con ít tuổi, nhưng đã xẩy mấy lần. Đốc tờ đã bảo hỏng dạ con, nếu lại xẩy lần nữa thì khó lòng sống được.

Ý nghĩa buồn bã của câu chuyện, giọng nói chậm rãi, nhất là nét mặt bà cụ mỗi phút một rầu xuống làm Quỳ lại thấy băn khoăn. Chung quanh có một làn không khí ẩm thấp, tối tăm quyến lấy tâm hồn, bó lấy thân thể không cho cử động. Giọng bà cụ tiếp:

– Vì thế nên bà cụ ép anh ấy lấy vợ lẽ. Hình như họ đã nom dòm món nào ở nhà quê. Họ kín lắm, chị con cũng không biết rõ, nhưng bà cụ định thì thế nào cũng xong, và chỉ nay mai thôi.

– Nhưng nếu chị con không bằng lòng cho lấy thì sao. Vợ cả có quyền chứ?

– Không bằng lòng, cấm họ thế nào được? Nếu có được đứa con thì chẳng ai nói vào đâu được. Như thế này thì người ta chẳng cho mình vào đâu. Nó buồn lắm nên về bàn với đẻ, đẻ cũng chẳng biết làm thế nào. Nó bảo nếu nó không ngăn cản được thì sẽ tự tử chết. Công trình vun thu, hàn gắn bao nhiêu lâu, nay bị gạt ra ngoài để người khác đến hưởng, nó nghĩ uất ức lắm. Nó có gan liều lắm, nên đẻ lo mất ăn mất ngủ mấy hôm nay.

Quỳ đã thấy những cảnh ghen tuông, phẫn uất đưa người ta đến cách quyết liệt ấy. Cô thấy lòng thắt lại, và không vô tình với cảnh ngộ người chị gái nữa. Nhưng cô chưa muốn tin hẳn:

– Đẻ cứ lo xa thế, chứ việc đã đâu vào đâu, chắc đâu anh Mậu lấy vợ lẽ.

– Nước đã đến chân rồi, nên nó mới về đây.

Lại một lúc yên lặng, nặng nề nó đè nén cả tâm hồn người nói và người nghe. Quỳ cảm thấy rằng câu chuyện không kết liễu ở chỗ ấy, và mẹ cô còn dấu những điều can hệ hơn. Bà cụ nhìn cô đến nỗi cô thấy ngượng.

– Bây giờ muốn khỏi lôi thôi thì chỉ có một cách...

– Cách gì?

Sao mẹ lại ngừng? Quỳ thấy cân não căng lên.

Bà cụ tiếp rất mau:

– Giá con bằng lòng làm bạn với anh Mậu thì mọi việc ổn thỏa cả.

Quỳ há mồm, mở to mắt, nhìn mẹ. Bao nhiêu máu trong người dồn cả về ngực, làm trái tim dội lên, mạch máu như ngừng cả lại.

– Anh chị ấy đã bàn với nhau, nên về nói với đẻ để dò ý tứ con. Đẻ cũng nói cho con biết vậy, còn thì tùy con, chứ đẻ không ép uổng gì con cả. Nhưng xem ra cũng không phải là nơi hèn kém gì. Anh Mậu cũng còn ít tuổi, cũng là ông nọ ông kia, nhà cửa khá. Xưa nay anh ấy vẫn tử tế với chị con, chỉ vì hiếm hoi nên mong có đứa con kế tự. Con vào cửa ấy cũng được sung sướng. Hai chị em thì càng dễ khu xử, con ưng thì chị Mậu về nhà này với đẻ. Vắng con thì đã có chị ở nhà, đẻ cũng đỡ buồn.

Lời bà cụ phảng phất như trong một giấc mơ. Quỳ không hiểu rõ nghĩa. Cô trố mắt nhìn nét mặt bà mẹ, nhìn cặp môi lắp bắp.

– Con chịu thôi. Ai lại lấy thế?

– Việc ấy tùy con, con cứ nghĩ cho kỹ, chị con còn ở chơi lâu. Được người như con, hai chị em bầu bạn với nhau, thì anh Mậu cũng vui lòng, mà bà cụ cũng không làm phiền nhiễu nữa. Chị con đỡ phải lo. Nếu con ưng thì bà cụ xuống đây nói chuyện.

– Không, con không bằng lòng. Con chả lấy lẽ thế.

– Sao con lại nghĩ thế, con có phải làm lẽ ai đâu? Chẳng may chị con không sinh nở, thì mới muốn con làm bạn với anh ấy. Rồi chị con về với đẻ, thì con ở trên ấy cũng là chồng một vợ một. Đẻ thấy con đã khôn lớn, nên cũng mong cho có chỗ yên thân...

– Khổ sở thì khổ sở, chẳng thà đói rách, chứ con không lấy thế.

– Con không bằng lòng thì rồi đẻ bảo nó. Việc nhân duyên là việc trọng, đẻ để tùy con liệu lấy, kẻo sau này ra sao, lại bảo là tại đẻ.

– Đẻ cứ bảo chị ấy, con không bằng lòng. Quỳ đã có vẻ bực mình, quên là ngồi trước mẹ già, giọng cô thành gắt gỏng, cô muốn rũ nỗi u uất, ẩm ướt, nó đè nặng lên hai vai.

– Thà chết già thì chết, chứ con không lấy lẽ ảnh Mậu.

Bên ngoài có tiếng bà Mậu gọi cửa. Bà Mậu đã mất nhiều tâm cơ để chuyển lòng bà mẹ. Đoán rằng lúc này ở nhà mẹ và em gái đương nói chuyện ấy, và sợ mẹ không thuyết phục nổi em, bà vội vàng quay về. Thấy chị, Quỳ nguây nguẩy quay đi. Cô không muốn nhìn mặt người chị. Bà Mậu hiểu ngay rằng không có kết quả hay, Quỳ với chiếc áo trên mắc, mặc vội đi ra ngoài, mặc người chị tưng hửng nhìn theo.

V

Con đường nhỏ, chạy dài đằng sau phố chính đã vắng người. Ở tỉnh nhỏ, đêm khuya ngay chín giờ tối. Cây hai bên đường sát lại gần nhau giao cành lá trên đầu, dệt ánh trăng xuống mặt đường lởm chởm những đá vụn.

Quỳ chưa từng đi ra đường này vào lúc khuya khoắt. Bây giờ, tâm trí đang hoang mang, hỗn loạn, Quỳ quên nguy hiểm, lật đật đi như một người máy.

Quỳ có cái cảm giác như vừa bị người mắng mỏ. Bao nhiêu ý tưởng, ham muốn của cô về tình ái đột nhiên đưa đến một câu chuyện bà mẹ vừa nói. Lấy lẽ Mậu? Cô chưa hề nghĩ đến chuyện lấy lẽ ai; cái chế độ cổ đó đã mất theo với xã hội cũ rích. Một người con gái đã biết tự trọng, không bao giờ còn cho việc lấy chồng chung là phải. Cô không thể cho người chồng sau này lấy vợ lẽ, yêu một người đàn bà nào khác, huống lại chính mình đem thân đi làm lẽ một người nào. Một người đàn ông hai vợ thì biết yêu sao được, hiểu sao được tình ái duy nhất? Lại còn những chuyện xô xát của đôi gà mái tranh nhau con trống, đánh nhau, mổ nhau đến sã cánh, rụng lông.

– Không thể như thế được. Có họa khi nào chết hết đàn ông.

Quỳ thở hắt ra một cái mạnh. Cô đã giải quyết xong vấn đề ấy, thấy người dễ chịu, cảm giác bớt nặng nề. Quỳ ngẩng nhìn mặt trăng vẫn theo cô từ nãy rồi tự nhiên ý nghĩ lại quay về chuyện cũ.

Quỳ nghĩ đến Mậu. Từ khi cưới chị Nga, Mậu đưa ngay vợ đi xa. Thỉnh thoảng, những dịp giỗ lớn, ngày Tết chính, vợ chồng có đưa nhau về, những thời kỳ ngắn ngủi ấy, không đủ để cô hiểu tâm tình người anh rể. Mậu vẻ người cũng khá, tuy đã đứng tuổi. Điều sau này không hại gì. Cô Hồng, bạn cô, mới mười bảy mà vừa lấy chồng ngoài ba mươi. Thiếu nữ bây giờ đã bằng lòng lấy chồng nhiều tuổi hơn, hiểu rằng những người ấy mới đứng đắn, biết lo nghĩ, không nông nổi, bồng bột như bọn thiếu niên dễ thắm mà cũng dễ phai. Vả lại đàn ông họ trẻ lâu, không như đàn bà, ngoài ba mươi là xuân hết.

Nhưng lấy như vậy, thì phải có những điều kiện cần thiết: hiểu biết nhau và yêu nhau. Cô thấy Mậu hiền lành, chỉ hiền lành thôi. Mậu như đã an phận một công chức không hoài bão gì, không có tính tình một trai trẻ thời mới. Lối sống của Mậu dễ hợp cho các bà có con gái gả chồng, nhưng không vừa ý các cô mới lớn.

Lại còn hai tiếng "làm lẽ", nghe nó rất chướng tai. Tuy cũng có ba bảy đường, và cảnh cô không giống cảnh khác. Chị Nga đã đứng tuổi, hỏng dạ con đến phải lo cho tính mệnh thì cũng như một người phế bỏ. Nếu có thuận, chị Nga sẽ về với mẹ, lui ra ngoài để cô với Mậu bắt đầu một cuộc đời mới. Mậu sẽ là của cô, khác gì chồng một, vợ một? Nhưng chỉ ở cách xa, chưa đủ để cho quên hẳn. Giá người chị chết đi, Quỳ tự thấy một ý tưởng độc ác. Cô vội chữa ngay: không, cô không cho chị chết, nhưng ví thử như vậy, thì cô còn có thể nhận lời được.

Mẹ muốn cô được chỗ yên thân. Yên thân hay không riêng về phần cô, cô không cần mấy. Con gái lấy chồng không chỉ vì cơm áo. Nếu cô bằng lòng lấy Mậu để tránh nỗi ưu phiền cho mẹ, cho chị thì người ngoài họ có hiểu lòng cho cô không? Chắc họ không hiểu. Họ hiểu sao được những điều bí ẩn trong một gia đình, một tâm hồn. Họ chỉ thấy cô lấy lẽ người anh rể, họ sẽ bàn tán, có khi bịa đặt ra những chuyện không đâu. Quỳ tưởng tượng ra những chuyện của mấy bạn gái cùng trạc tuổi cô, hay họp với nhau kháo những chuyện tình ái, cưới xin hoặc bình phẩm những nhân vật tiểu thuyết nếu trong phố không có sự gì đáng để ý.

"Chị biết không? Quỳ nó sắp lấy chồng đấy. Thế à, nó lấy ai, cậu Huy chứ? Không phải – Chẳng Huy thì còn ai? Đào kép ấy nghe chừng cảm nhau lắm – Huy đời nào nó lấy Quỳ. Nó đương là sinh viên trường

thuốc, ông đốc tờ tương lai khi nào chịu lấy cô con bà hàng xén. Chị không đoán được đâu. Đây này: Quỳ nó lấy lẽ anh rể nó!"

Quỳ rùng mình nhìn chung quanh: đêm rất quang, bóng trăng không chút gợn như vô tình với nỗi băn khoăn của người con gái. Quỳ đã quá bước ra ngoài đầu tỉnh. Đằng trước là cái công viên nhỏ của thành phố, mấy khóm cây vẽ những đám tối om. Những ngày nóng lắm mới có dăm ba người ngồi khuya trên vài chiếc ghế xi măng. Lúc này vườn hoa buồn và lạnh như một khu nghĩa địa. Quỳ bước lại đấy.

Tưởng đến Huy, Quỳ thấy tim đập bớt mạnh; một làn gió mát như mới thoảng qua cân não đang tưng bừng, Huy là bạn học của Chất, anh Quỳ, từ hồi nhỏ. Nay Huy đi học xa, nhưng thỉnh thoảng vẫn có dịp về, và vẫn thường lại chơi. Đó là một câu chuyện rất thường, nhưng các bạn gái lại đặt điều ra, cho rằng Huy năng lui tới vì Quỳ. Sự thực, Huy chỉ coi Quỳ như một người em gái. Họ bảo Huy kín đáo thâm trầm, Quỳ chỉ thấy Huy hồn hậu, vui chuyện nhưng có một lối nói chuyện lắm lúc đến sống sượng, làm cô phải bực mình. Nhiều khi câu chuyện như một cuộc đấu khẩu mà bao giờ cô cũng phải thua. Quỳ hằn học nhận rằng không bao giờ cô tìm được lẽ gì để cãi Huy. Những điều cô muốn nói, anh chàng như đã biết trước cả. Có khi Huy chỉ nhìn cô, là đủ cho cô luýnh quýnh, mặt đỏ dần và câu nói không ra ngoài môi. Quỳ lại tức thêm. Anh chàng lại đã sẵn một câu vui vẻ; Quỳ cười, Huy cười để lộ hàm răng to và trắng; nỗi bực mình tan đi.

Nhiều lúc Quỳ nghĩ: "Giá Huy đứng đắn, và lịch sự hơn tí nữa..." Quỳ mong cho Huy bỏ dáng riễu cợt, tinh ranh mỗi khi nói chuyện với mình. Các bạn gái tưởng cô và Huy đã có chuyện thân mật... Họ thường dùng những lời u uẩn nói đến, và lại như có ý ghen. Quỳ thấy vui vui trong lòng, không muốn cãi, cứ để cho họ tưởng lầm như vậy.

Các ý nghĩ chờn vờn trong khi hai chân Quỳ vẫn bước. Đến vườn hoa, Quỳ thấy mỏi. Một cảm giác chán nản lại càng làm mệt thêm. Quỳ ngồi xuống một chiếc ghế xi măng, nhìn lên trên. Mặt trăng đã gần đỉnh đầu, bóng mọi vật thu gọn lại. Bấy giờ Quỳ lại càng thấy đêm khuya, và chung quanh vắng quá.

– Cô ngồi chơi mát?

Quỳ đứng phắt dậy. Chưa có sự gì làm cô hoảng hốt hơn một tiếng người lúc ấy. Từ bóng tối một gốc cây gần ghế, một hình người mặc đồ trắng tiến lại, Quỳ hoa mắt, bàn tay run run nắm

chắc lưng ghế. Hình người lại gần cô, cất tiếng cười, để hở hàm răng trắng bóng:

– Cô ngồi chơi mát. Cô quên tôi rồi à?

Quỳ nhận ra Huy:

– Anh làm tôi sợ quá!

Quỳ ngồi xuống, tiếp ngay câu vừa hoảng hốt thốt ra: Việc gì mà sợ?

– Tôi thấy một người con gái đi lại, không ngờ là cô. Cô mải nghĩ gì thế?

– Không, tôi có nghĩ gì đâu!

– Thế thì càng hay. Tôi cứ tưởng cô đang băn khoăn một chuyện gì, nên đi sát qua mà cô không nhận thấy tôi.

Huy ngồi xuống ghế, bên cạnh Quỳ. Trong khoảng khắc, Quỳ nhận thấy mình đang ở một trường hợp oái oăm. Một đôi trai gái trong một vườn hoa, dưới bóng trăng khuya, Huy chưa vợ còn cô thì sẵn đã bị bạn gái nghi ngờ. Nếu ai trông thấy, họ sẽ kháo nhau, chỉ trong vài ngày là chuyện vỡ lở ra khắp phố. Lúc bấy giờ thì dù trăm miệng cũng không cãi nổi.

Giá Huy với cô thực có tình ý gì thì câu chuyện lại ra thế khác. Cô đã không đến đây hoặc có đến thì cũng tìm một chỗ kín đáo hơn. Vườn hoa thiếu gì bóng tối che lấp được hai người, chẳng hạn như chỗ Huy ngồi khi nãy, cô đến gần mà không trông thấy. Nhưng Huy và cô lại ngồi cái ghế trống trải nhất, mặt trăng chiếu rõ mồn một. Dưới chân ghế, hai cái bóng chỉ cách nhau có một gang tay.

Quỳ nhìn quanh một vòng đứng dậy, Huy hỏi:

– Cô đi đâu đấy?

– Tôi đi về.

– Cô về à? Chết chửa, tôi vô ý quá. Nếu cô có việc gì ở đây, chẳng may gặp tôi làm phiền cho cô, thì không sao. Cô để tôi về vậy.

Huy đứng lên. Quỳ chừng mắt nhìn Huy:

– Anh nói cái gì thế?

Giọng nói của Quỳ tỏ ra rằng cô đã bị xúc phạm, Huy vẫn ôn tồn:

– Nếu không phải thế thì thôi, tôi xin lỗi cô. Nhưng không lẽ tự nhiên cô lại ra đây lúc khuya khoắt này, ở một phút rồi về. Bình

thường cô không hay đi chơi tối. Chắc phải có một cớ gì khác thường: chẳng hạn một chuyện khó nghĩ hay một cuốn tiểu thuyết.

Huy tò mò nhìn Quỳ. Hai con ngươi anh chàng như đen thêm, bóng thêm, long lanh một cách ranh mãnh, riễu cợt trên một khổ mặt trắng trẻo và thông minh. Quỳ không biết nói sao. Cô cũng mong có người tâm phúc, để thổ lộ được những điều đang đè nén tâm hồn cô, cho bớt nỗi nặng nề. Huy đâu phải là người ấy. Mà những câu chuyện này lại không thể nào để Huy nghe được.

Tưởng Quỳ hãy còn tức giận, Huy tiếp:

– Không phải thế thì thôi, việc gì cô phải bực mình. Dễ bực mình như thế thì đời người mấy chốc mà già, mời cô hãy ngồi chơi một tí đã.

Quỳ nghĩ rất mau: "Sợ gì mà không dám ngồi" rồi ngồi xuống ghế. Huy cũng ngồi xuống bên cô, hai cái bóng cách nhau xa hơn trước.

– Tiếc rằng đây không phải là nhà tôi, để được mời cô một chén nước trà. Giá mời cô lại chơi nhà thì chắc không bao giờ cô chịu tới. Được gặp cô lúc này thực là hãn hữu.

Quỳ thấy Huy riễu cợt mình, cái câu sáo ấy không có nghĩa lý gì cả. Cô tiếc rằng đã đến đây. Bây giờ về cũng dở, càng thêm cho Huy ngờ vực, mà ngồi lại thì sợ có người bắt gặp. Quỳ bồn chồn, luôn luôn nhìn chung quanh. Huy nhận thấy dáng điệu ấy:

– Cô đừng sợ có ai qua đây lúc này. Những người già thì đã ngủ kỹ cả. Còn các cô, các cậu... họ ra đây làm quái gì.

Quỳ đành ngồi chịu chuyện. Anh chàng đã hay mỉa mai, bỡn cợt, thì cô sẽ mỉa mai bỡn cợt hơn cho bõ ghét:

– Thế anh ra đây làm gì?

Huy cười, cái cười nó đã lắm lúc làm cô lộn ruột:

– Cô có thấy câu hỏi tò mò quá không? Tôi cũng có thể hỏi một câu như thế. Nếu tôi hỏi, thì cô trả lời thế nào?

Quỳ im, nhìn hai cái bóng dưới chân. Thật ra cô cũng không biết trả lời thế nào cả. Cô chăm chăm nhìn cái bóng đen, cho đến lúc cái bóng thành có một đường viền trắng.

– Lẽ tất nhiên là cô không trả lời được. Dễ thường chính cô, cô cũng chẳng biết ra đây làm gì. Nhưng nếu cứ hỏi lẫn nhau mãi thì không thành câu chuyện gì cả. Phải không, cô? Để tôi xin trả lời: tôi ra đây để nghĩ tiểu thuyết.

Một nụ cười tự nhiên đến môi người con gái.

– Anh cũng viết tiểu thuyết kia à? Chắc là hay lắm đấy nhỉ?

Câu trả lời đến ngay:

– Hay hay không, còn phải đợi lúc viết xong. Nhưng nếu người đọc ai cũng như cô, và theo những sách tôi thấy ở đằng nhà, thì họ cũng không khó tính lắm, và chẳng cần phải viết hay mới có người đọc.

Thế là câu chuyện lại đầy ý nghĩa châm biếm, lại sắp như một cuộc đấu khẩu. Huy đã sẵn những câu để trêu tức cô. Cô nói một câu gì chua chát là thấy ngay câu trả lời chua chát hơn. Quỳ thấy mình bao giờ cũng bị thua, lại càng thêm bực. Thực ra cô vẫn muốn câu chuyện đứng đắn, thân mật hơn, nhưng Huy như đã rắp tâm phản đối cô, bất cứ về một ý gì.

Huy đã đổi giọng:

– Ừ nhỉ, tại sao tôi lại không viết tiểu thuyết? Tôi thấy có nhiều chuyện, nếu viết ra thì cũng hay hay, chẳng hạn như dưới bóng trăng, trong một vườn hoa, có một đôi trai gái ngồi nói chuyện...

Huy ngừng lại, Quỳ mong ngóng cho Huy nói tiếp. Có lẽ lúc này anh chàng thực lòng, dùng lối gián tiếp ấy để thổ lộ chân tình. Còn lúc nào thích hợp cho bằng lúc này. Quỳ chắc Huy đang nhìn mình, cô thấy vướng ở mang tai. Cô không dám ngẩng lên. Cô nhìn cái bóng đầu người con trai sát lại đầu cô. Quỳ thấy hồi hộp và vui vui, như sắp được một cái gì mong ước từ lâu. Giá lúc ấy, hai bóng chập lại... Đầu người con trai lại cách xa.

– Ví thử cô viết tiểu thuyết, thì cô cho là thế nào? Hai người ngồi thế thì có những chuyện gì?

"Đây chắc là anh chàng thử mình", Quỳ nghĩ. Nhưng dại gì mà lại nói ý mình ra, người đàn ông bao giờ cũng ngỏ lời trước. Nếu Quỳ nói ý cô ra được, thì sẽ là cả một chuyện dài. Cô ngẫu nhiên nghĩ đến những truyện đã đọc, có những cảnh đã làm cô trằn trọc thâu đêm.

Tiếng cười của Huy đã lanh lảnh:

– Chắc cô cho là một chuyện êm đẹp lắm. Thôi thì tình ái, mơ mộng, âu yếm, đủ cả. Phải không, cô Quỳ? Tôi, thì tôi nghĩ khác lắm. Tôi viết thế này: chẳng có chuyện gì cả.

Một cái gì mới tan vỡ, Quỳ đứng dậy:

– Anh nói nhảm lắm.

Huy đứng lên theo:

– Ô hay, thì không phải thế là gì? Cô xem từ nãy đến giờ có chuyện gì không? Mà giá có ai bắt gặp mình thì họ sẽ nghĩ khác lắm. Sự thực đâu có phải thế. Hay cô không muốn nghe chuyện ấy thì thôi, nói chuyện khác vậy. Tôi mới về nghỉ được mấy hôm nay, chưa kịp đến đằng nhà. Anh Chất dạo này có hay về chơi không, cô?

Quỳ vùng vằng:

– Tôi không biết.

Người con trai đã đổi sắc mặt, một vẻ nghiêm nghị làm nét mặt cứng cỏi và già thêm. Bỗng Huy đặt hai tay lên vai Quỳ. Một sức gì đè mạnh xuống vai, Quỳ không hất nổi hai bàn tay. Huy nói:

– Cô Quỳ. Cô còn trẻ con quá, y như mấy năm về trước, hồi tôi còn hay đến chơi nhà. Vẫn tính dấm dẳn, cáu kỉnh, không bao giờ nghe được một câu chuyện thực thà hay đứng đắn. Cô giống như các thiếu nữ tôi thường được gặp ở các tỉnh lớn, có nhớn chẳng có khôn, bao nhiêu ý nghĩ dồn vào những cái phù phiếm bên ngoài. Gặp người con trai, mà họ không tán tỉnh, thì các cô không bằng lòng. Nói thế chắc cô giận tôi lắm. Tôi không dám mong cô hiểu tôi hơn, nhưng để một vài năm nữa, tôi mong sẽ lại được gặp cô. Bây giờ đã khuya, mời cô về, kẻo ai bắt gặp ở đây thì không tiện lắm.

Huy buông tay, quay đi. Quá vài bước, Quỳ liếc lại thấy anh chàng đã ngồi xuống ghế. Quỳ muốn quay lại, nhưng lòng tự ái của cô bị thương tổn mạnh quá.

Huy coi cô là trẻ con. Một người con gái đã tự phụ là có tư tưởng, biết suy nghĩ đã được người ta khen là khôn ngoan, bỗng thấy người con trai cho vào hạng con nít. Quỳ không chịu được ý ấy, liều thuốc uống không trôi.

Nghĩ lại, câu chuyện vừa rồi cũng không lấy gì làm gay go, để kết liễu một cách như vậy. Đã biết tính Huy, đã biết anh chàng có ý tròng ghẹo mình, sao cô còn bực mình? Đã nhiều lần, cô vui vẻ tiếp chuyện những người ranh mãnh, cả đến bạn trai. Cô vẫn tươi cười, không hề phiền lòng vì họ. Tại sao lúc nói chuyện với Huy. Cô lại không điềm tĩnh?

Mà tại sao Huy lại không lịch sự, lễ phép với cô? Mấy người quen biết Huy, đều khen anh chàng lịch thiệp, vui vẻ. Quỳ chỉ thấy Huy đáng ghét. Nét mặt cứng cỏi, lời nói không bao giờ chân thật.

Quỳ muốn quay lại, Quỳ tiếc rằng cô không nói được lời cuối cùng, không ở lại để cho anh chàng biết rằng cô không sợ ai, không trẻ con như chàng tưởng, và nhất là nói cho biết rằng không bao giờ cô thèm gặp, thèm nói chuyện với anh ta nữa.

Hai chân Quỳ vẫn bước, Quỳ nhận ra rằng đã đi quá vườn hoa, như hấp tấp tránh một người theo. Cô từ từ bước và quay nhìn lại: vườn hoa chỉ còn là một đám cây thu nhỏ lại. Quỳ nhìn kỹ tìm hình Huy, nhưng không thấy. Cô uể oải bước.

Về đến nhà, bà Mậu mở cửa. Lần đầu tiên, Quỳ nhìn thấy chị như một người dưng. Một sự gì đã làm mất tình chị em của hai người.

Bà Mậu hỏi:

– Cô đi chơi đâu mà về khuya thế?

Quỳ không trả lời, cởi áo dài vứt lên tay ghế, rồi vào buồng. Qua giường bà mẹ, Quỳ thấy tiếng quạt đập. Mẹ và chị chắc có nói chuyện khuya.

Gian buồng nhỏ nhắn, kê một bộ ghế ngựa. Phía chân ghế ngựa, sát tường, có vài chiếc hòm da, một cái tủ con và chiếc mắc áo. Đồ đạc xuyềnh xoàng, không một thức gì đắt tiền, nhưng có một vẻ ngăn nắp, ấm cúng. Buồng ấy riêng của Quỳ nên cô ưa sửa sang; thức gì cũng trông gọn gàng, xinh xắn, từ cái áo gối trắng tinh ở góc thêu tên cô bằng chỉ màu, đến mấy chiếc ảnh con trên mặt hòm, cạnh mấy quyển sách xếp ngay ngắn.

Đã nhiều lần, Quỳ mơ màng một gian buồng đẹp đẽ, lịch sự hơn. Tường quét vôi màu, có tranh ảnh lồng kính. Một chiếc giường kiểu mới có đệm gối hẳn hoi. Ánh điện sẽ thay cho ngọn đèn hoa kỳ lù mù. Trong cảnh ấy, Quỳ lại tưởng tượng đến một người con trai cùng chung sống. Không hiểu sao, mỗi lần nghĩ đến điều ấy, thì Quỳ lại phảng phất nghĩ đến Huy.

Bà Mậu theo chân Quỳ vào buồng. Những ngày bà xuống chơi, bà ngủ chung với Quỳ. Nhưng bây giờ, một người đã có chồng và một cô con gái, không còn những chuyện rủ rỉ như xưa. Quỳ không còn thấy cái thích nằm chung với chị. Hai người thường ngủ ngay, hoặc thức thì cũng nằm im, mỗi người theo một ý nghĩ riêng.

Bà Mậu lên giường. Quỳ đứng nhìn ngọn đèn, như bị thôi miên. Bà Mậu nói:

– Khuya rồi, cô đi ngủ thôi chứ?

Quỳ như chợt tỉnh, vặn nhỏ ngọn đèn, đi lại cạnh giường, chân đá vào guốc bà Mậu. Quỳ lên giường, nằm quay lưng lại chị. Một lúc lâu bà Mậu nói:

– Buổi chiều, đẻ đã nói gì với cô chưa?

Quỳ trở mình nằm ngửa nhìn lên đình màn. Người nọ như nghe trái tim người kia đập.

– Cô nghĩ thế nào?

Quỳ nín thinh. Bà Mậu im một lúc, sửa soạn những câu đã định từ trước. Rồi bà nói rất nhiều. Đại khái những lẽ thuyết phục Quỳ lấy Mậu, những lẽ tương tự như của bà mẹ lúc chiều, mà bây giờ Quỳ nghe thấy bớt chướng tai. Bà Mậu vẫn nói, giọng nho nhỏ chỉ đủ lọt vào tai cô em bên cạnh. Công việc thành hay không chỉ quyết định trong giây phút này. Bà Mậu biết rõ nhược điểm của em gái hơn mẹ. Câu chuyện tuy xếp đặt sẵn, đã nhẩm đi, nhẩm lại nhiều lần, nhưng lúc nói đến cảnh nhà, bà Mậu cũng tự thấy cảm động một cách thực thà. Giọng bà ngẫu nhiên mềm và ướt. Thêm một lợi khí có lẽ bà không ngờ đến.

– ... Có lẽ phải bán ít ruộng nhà. Cả nhà ăn tiêu, khi ngày giỗ ngày tết đều trông vào cậu giáo. Đẻ cũng đã già rồi mà còn phải lo ngày lo đêm. Cô chưa thành gia thất là một điều cho đẻ phiền lòng...

Trên vai Quỳ, chỗ Huy đã áp hai bàn tay, vẫn thấy nặng và nóng. Quỳ thấy như tay Huy còn ở đấy.

– ... Lấy vợ, lấy chồng bây giờ là việc khó khăn lắm. Bọn con trai họ chỉ tìm chỗ sang giầu, của hồi môn nhiều, mà nhà mình thì thanh bạch. Nếu cô nhận lời vì chị, thì chị không bao giờ quên ơn cô. Tình chị em càng thêm thân mật. Trước sau chị vẫn quí cô, và mong cho cô được nhàn hạ. Cô ở trên ấy, chị yên tâm ở nhà với đẻ, đi lễ bái cho qua ngày giờ. Vì chẳng giấu gì cô, chị không mong sinh đẻ gì nữa...

Bà Mậu không hề đả động đến hai tiếng "lấy lẽ". Tuy nói đến cảnh quẫn bách, bà cũng không để Quỳ ngờ việc hôn nhân của Quỳ là một việc bán buôn.

Quỳ vẫn nghĩ đến Huy. Huy đẹp trai, lại đương học trường thuốc. Những người như thế, làm gì mà không lấy vợ đẹp, giầu. Quỳ thở dài một tiếng rất ảo não, rồi, như trong một giấc mơ, cô nghe thấy tiếng mình trả lời người chị:

– Thì chị cứ bảo bà cụ trên ấy xuống.

VI

Bà Mậu chằn chọc thâu đêm. Bà nghĩ ngay cách hành động rất gấp, áy náy lo Quỳ đổi ý. Sáng hôm sau, bà nói chuyện với mẹ rồi đi sớm. Mấy hôm sau nữa thì mẹ ông Mậu và hai vợ chồng cùng đến. Họ nói chuyện trong buồng, nét mặt người nào cũng có vẻ quan trọng. Quỳ không dự vào những câu chuyện chung thân của mình. Quỳ ngồi bàn nhà ngoài, trước một cuốn tiểu thuyết để mở, như một con bò đứng góc chợ, trước nắm cỏ, khi bọn lái họp nhau một nơi đánh giá. Thỉnh thoảng ông Mậu đi qua liếc nhìn Quỳ. Quỳ thấy Mậu ngu ngốc lạ, cô dửng dưng không chút cảm động.

Quỳ đã coi cuộc hôn nhân của mình là một việc hy sinh. Quỳ đã rõ cảnh nhà, mẹ và chị đang mong cô gánh vác dùm. Tuy vậy, Quỳ cũng thấy tiếc rằng đã nhận lời, đã đem buộc chặt đời mình bằng một câu thốt ra trong lúc tâm thần hỗn loạn. Người chung quanh đã vin lấy câu ấy. Cô không muốn, và cũng không thể ăn lời được nữa. Rồi mọi việc xẩy ra mau chóng quá. Quỳ nhìn nó gấp rút bên cô, như một đứa trẻ ngồi nhìn chiếc đèn kéo quân tháng tám.

Quỳ còn mong việc không thành, một hy vọng cỏn con, nhưng cô cũng bấu víu vào. Quỳ mong người anh, Chất, đang dạy học ở xa, sẽ về phá cuộc hôn nhân không xứng đáng ấy. Nghĩ đến anh, cô lại chán nản, thấy hy vọng mảnh hơn sợi tơ. Chất không bao giờ trái lời mẹ, tử tế với mọi người chung quanh đến nỗi không mếch lòng ai, từ những việc cỏn con. Chất chỉ biết đi làm lấy tiền gửi về. Việc nhà, Chất đã hoàn toàn tùy mẹ trông nom. Có lúc Quỳ đã bỡn anh: "Nếu em là đàn ông, thì em chẳng như anh. Đàn ông gì mà nhu nhược quá thế?" Chất chỉ cười. Trông nom vào người anh như vậy, Quỳ thấy là một ảo tưởng.

Trong thư gửi cho Chất. Bà Mậu cho là việc đã xếp đặt xong xuôi. Xong xuôi là phải: cô đã bằng lòng, cả nhà bằng lòng, người anh còn dám nói gì? Mấy hôm sau có thư trả lời của Chất. Chàng bận không về được hôm cưới, gửi lời mừng em.

Tự đặt mình vào địa vị hy sinh, Quỳ thành buồn bã, thẫn thờ. Quỳ không muốn bàn tính một chuyện gì, cô không nhìn ai, cả đến các chị em bạn thân. Suốt ngày cô ở trong buồng, không đi đâu,

không tiếp ai, không trả lời những bức thư xinh xắn viết trên giấy màu của các cô bạn cho con ở mang lại. Cô tự thấy đã làm một việc to tát, tự buộc mình để vui lòng mẹ, lòng chị, một việc rất có vẻ tiểu thuyết. Quỳ bực mình thấy mọi người như không hiểu ý nghĩa hy sinh đó. Họ coi như cô lấy Mậu chỉ vì cô muốn lấy chồng. Cô tự an ủi rằng những việc cao xa, to tát mình làm, không cần để người nào hiểu, cốt là mình biết lấy mình, Quỳ tự cao thêm.

Bà mẹ thấy Quỳ thờ thẫn, buồn rầu, cũng đâm áy náy. Hoặc giả cuộc hôn nhân không vừa ý Quỳ, bà đã vô tình ép con gái chăng? Bà không có ý ép uổng, nhưng biết đâu, chẳng vì một câu nói của bà mà Quỳ nhận lời. Bà cụ nghĩ kỹ lại thấy lứa đôi ấy cũng có chút chênh lệch. Thấy mặt Quỳ rười rượi, bà cụ cũng ngượng đôi chút. Việc đã không lấy lại được. Bà không dám nghĩ rằng đã vô tình làm hại con, bà bíu lấy cái ý gây dựng cho con được nơi sung sướng. Còn Quỳ thờ thẫn là vì thẹn. Lúc sắp lấy chồng, cô con gái nào chẳng thế. Hồi bà còn con gái, lúc có người đến hỏi bà còn xé rào chạy trốn sang hàng xóm, rồi suốt mấy hôm sau, không dám nhìn ai. Bà cụ chắc Quỳ bây giờ cũng như bà.

Bà cụ hỏi Quỳ:

– Người ta xin lo đấy. Ý con thế nào, muốn những gì thì bảo.

Quỳ trả lời rất gọn:

– Tùy ý đẻ. Con chẳng muốn gì cả.

– Con muốn gì thì cứ nói với đẻ, hay nói với chị con cũng được.

– Không, con không muốn gì cả.

Quỳ không ngỏ một sở thích gì, cho sự hy sinh hoàn toàn thêm. Thế mà hôm người chị đưa cô lên Hà Nội may quần áo cưới, Quỳ cũng thấy vui vui. Hai chị em đi mỏi chân ở các phố Hàng Ngang, Hàng Đào quanh hồ Hoàn Kiếm, vào các hiệu Bom - bay, hiệu Tây đen chọn hàng. Quỳ tíu tít phân vân không biết lấy mầu cốm đậm hay hoàng yến. Trước kia Quỳ vẫn mong có tiền may áo mới, đã chọn sẵn trong trí. Bây giờ là lúc may, thì cô không biết chọn thế nào. Thức nào cũng đẹp, cũng dễ ưa, có thể làm chị em thèm muốn. Quỳ hỏi ý chị, bà Mậu trả lời:

– Tùy ý cô. Cô muốn may thức gì cũng được.

Bà nhìn em âu yếm:

– Hay cô may cả mấy chiếc ấy, cho đỡ phải chọn. Rồi khi thích thứ nào thì mặc thứ ấy. Mau mau ta còn ra hàng vàng kẻo tối.

Ở một cửa hàng ra, hai chị em lại vào hàng khác. Chưa mua được gì. Giầy sát đã bỏng chân, bà Mậu đi tập tễnh. Bà không phàn nàn, hết lòng chiều em, lòng sốt sắng đó thật đáng khen. Sau Quỳ cũng mỏi, mua mấy thức cho xong, không còn thấy hứng thú như trước.

Đến hàng vàng, khi đeo ướm chiếc vòng vào cổ, Quỳ tự ngắm trong gương, nhìn thẳng, nhìn nghiêng, rất vừa ý. Bà Mậu mỉm cười, nụ cười rất sâu sắc. Bà đã tính rằng những thức sắm cho Quỳ, nhất là đồ vàng là vật không suy suyển, sẽ là cái dây da người ta buộc vào cổ con chó để mắc cái xích vào đấy mà kéo đi. Con vật càng quí thì cái dây càng đắt. Lúc ấy Quỳ vui lắm, giá trị của cô tăng theo các vật quý giá cô mang trong người.

Sự sung sướng không được bao lâu. Về đến nhà Quỳ lại thấy chán. Quỳ cẩn thận xếp những thức mới sắm vào hòm. Trước kia Quỳ muốn có quần áo sang để hãnh diện với chị em, để tôn vẻ đẹp cho bọn con trai để ý. Bây giờ còn diện với ai? Quỳ không dám mang khoe chúng bạn, cô xấu hổ như dùng phải của bất chính. Thỉnh thoảng, lúc vắng người, Quỳ mở hòm lấy những thức đó ra nhìn, rồi thở dài đậy lại nắp hòm.

Thân cô, đã thuộc về Mậu, Quỳ không thấy một chút tình cảm gì với người sắp làm chồng cô. Có lúc Quỳ lại thấy ghét và ghét lây cả mẹ và chị. Ngẫu nhiên, Quỳ nghĩ đến Huy, đến đêm trăng ở vườn hoa. Quỳ so sánh hai người, Huy và Mậu, thấy chênh lệch nhiều quá, Quỳ càng thấy buồn, thấy chán, công việc cưới cô càng sắp đặt mau hơn.

Ngày cưới đến.

Những thiếp báo hỷ không có tên chú rể kèm theo bánh trái của người quen. Chỉ có mấy người thân thích đến ăn uống, rồi ngủ ngay đấy để tiện tiếp nhà trai hôm sau đến sớm, và đi đưa dâu. Bà Mậu đã về nhà từ mấy hôm trước để sửa soạn đón em. Mấy người hàng xóm, một hạng đàn bà hay để ý đến việc nhà người, sang chơi nhà Quỳ mong biết thêm về việc cưới xin ấy. Bà mẹ cô trả lời viển vông: "Vâng... tôi cho cháu đi ở riêng... người ta cũng tử tế, tôi chẳng lấy gì... vân vân". Chưa ai rõ "người tử tế" ấy là ai.

Bà cụ hỏi ý muốn Quỳ, trong phút long trọng nhất đời cô. Quỳ

lưỡng lự giây lát rồi cho mời mấy cô bạn đến phù dâu. Quỳ loay hoay mãi trước tờ giấy viết cho các bạn, không biết hạ bút sao. Cô như muốn kể hết tâm sự mình. Mãi Quỳ mới viết được mấy câu, ý nghĩa rất bối rối, làm mấy cô bạn ngạc nhiên. Họ đến, thấy Quỳ buồn rũ rượi; nước mắt chạy quanh và tránh những câu hỏi tò mò của họ. Các cô không thấy không khí vui vẻ của các đám cưới khác, các cô phù dâu vui cười, chòng ghẹo cô dâu. Ở đây luộm thuộm, lật đật như một bữa giỗ dúi, một đám cưới chạy tang. Trong nhà đầy tử khí. Hình như có người chết nằm đâu đây, và người ta đang nghĩ đến sự đem chôn. Tuy vậy, các cô cũng vui lòng ở lại với Quỳ, tự hứa hôm sau sẽ vui cười với bọn phù rể. Mới mờ mờ sáng, hai chiếc xe hơi họ nhà trai đã đến trước cửa. Bà Mậu xuống xe vào trước, rồi đến ông Mậu, trịnh trọng trong chiếc áo gấm, tiếp đến mấy người đứng tuổi. Tiếng pháo rời rạc, như ngượng nghịu vì nổ không đúng chỗ, không phải lúc. Có cái pháo lại nghẹn không muốn nổ. Các cô phù dâu tưng hửng nhìn nhau. Họ đã vào hết, các cô còn ngó qua mành, mong có ai đến thêm nữa. Các cô ngạc nhiên và thất vọng, lạnh lùng nhìn cử hành hôn lễ, chẳng buồn để ý đến. Quỳ đã bắt đầu khóc. Lúc dâu đi các cô thoái thác ở lại. Cũng không ai gặng mời, vì xe chật, và bạn của các cô, cô Quỳ, thì như đã mất hồn. Trừ một cô bạn rất thân, cơ chừng đã hiểu được chút gì, đi theo cô Quỳ. Quỳ nước mắt lã chã, hai hàm răng cắn môi dưới đến chẩy máu, bước ra xe.

Hàng phố đã biết rõ cái đám cưới ấy. Những lời bình phẩm, bàn tán lan ra rất mau. Có những miệng lưỡi độc ác dựng đứng ra nhiều chuyện lạ. Chuyện được người ta tin nhất là: cô Quỳ, những lúc lên chơi với anh chị, đã phải lòng ông Phán Mậu. Họ nhớ lại việc cô Nga ngày xưa, cho rằng hai chị em cũng lẳng lơ như nhau, cũng chung một duộc. Họ bảo rằng Quỳ đã có mang với người anh rể. Bụng cô đã lớn, nên ít lâu nay cô không dám ra ngoài, bà mẹ vội vàng thu xếp, gán ngay vào cho êm chuyện. Một người láng giềng cả quyết rằng một đêm có nghe thấy bà mẹ mắng con gái: “Đã rê riếu chưa, hử, đồ voi giầy! Thế mà có người hỏi còn làm cao mãi, bây giờ vác cái bụng ấy ra đường, cho người ta bôi gio trát trấu vào mặt tao! Đã sung sướng chưa con với cái!”.

Có người phàn nàn cho bà Mậu đã quá tin em. Có người chê bà nhu nhược, để em cướp mất chồng. Rồi đây còn lắm chuyện lôi thôi trong cái gia đình ấy. Một vài người già bảo rằng: nguyên nhân việc cưới xin đó là tiền tài.

Những tiếng đó dần dần đến tai bà Mậu. Bà đã về ở với mẹ, mỗi lần ra phố, thường bị người ta chỉ chỏ, thì thào. Ban đầu, bà Mậu không để ý. Bà không cần dư luận, bà đang sung sướng vì đã thành công. Nhưng sau, người ta nói mãi bà cũng thấy chướng tai, khó chịu, rồi tức tối.

Bà lẩm bẩm: "Con Quỳ rồi phải về mà nghe những tiếng này!".

PHẦN THỨ HAI

VII

Mậu cất xe đạp, đi vội lên nhà. Quỳ đang ngồi khâu ở phòng khách, ngửng lên:

– Anh đã về.

Mậu lại gần, đặt lòng bàn tay vào dưới cằm Quỳ, nâng mặt nàng lên:

– Em làm gì đấy?

– Em rút mấy cái mùi xoa.

– Ngoan nhỉ! Được mấy chiếc rồi?

Họ như một đôi đào kép đóng vụng một sen kịch, chỉ thuộc lời nói chứ không có điệu bộ của tài tử lành nghề. Không phải chỉ nói những câu âu yếm, là đủ có một cảnh âu yếm. Cử chỉ của họ có một vẻ giả dối, mà có lẽ chính họ thấy trước tiên. Mậu buông tay ra, lại chỗ bục thấp cởi giầy. Quỳ lại cúi xuống kim, liếc nhìn chồng. Mậu cũng không xấu. Thân thể đẫy đà, mặt tròn và hiền lành, lún phún ít ria mép chưa cạo, những lúc ăn mặc tử tế thì Mậu cũng ra vẻ. Từ khi lấy Quỳ, Mậu rất để ý đến y phục. Ngày ngày tuy chỉ có việc ra sở ngồi đợi đến giờ về, anh chàng cũng ăn mặc đỏm dáng như đi xem chợ phiên, hay đi dự tiệc. Quỳ nhớ lại đêm hôm hợp cẩn: sao chồng có vẻ thô lỗ, tức cười đến thế! Lúng túng trong bộ đồ ngủ mầu lòe loẹt mới may, dáng điệu ngượng nghịu. Mậu như một tên lực điền học làm sang. Buổi sáng, bộ quần áo mới đã nát, Mậu há miệng ngủ, một tia nước dãi chảy từ cạnh môi xuống gối. Quỳ nhìn mà thấy tủi thân, Mậu lúc này khác hẳn. Nhưng vài phút sau Mậu mặc quần áo cánh, thì Quỳ lại thấy người đàn ông đêm ấy.

– Đã có cơm chưa? Em bảo dọn cơm đi.

Quỳ đứng lên vơ các thức vào thúng khâu, đi xuống bếp. Mới mấy tháng mà người con gái đã thay đổi nhiều, từ giáng điệu đến nét mặt. Vóc nàng đã hơi thô, không còn những đường gọn gàng thanh tú. Dáng đi nặng nề và nét mặt thiếu vẻ tươi cười hồi con gái.

Những bữa ăn là lúc Quỳ được nghe Mậu đại ngôn, nói những chuyện nàng không ưa nghe, nhưng cũng để mặc chồng nói, vì nàng cũng chẳng có chuyện gì. Mậu giải tờ báo xuống bàn, cạnh mâm, rồi giữa hai miếng và cơm, Mậu liếc nhìn sang, gặp tin hay hoặc lạ, Mậu kể cho Quỳ nghe. Tin tức chiến tranh, tình hình quốc tế, bất cứ về một món gì, Mậu cũng có ít lời bình phẩm. Quỳ ngồi ăn, nghĩ chuyện khác, không bao giờ phản đối. Mậu cho là cô vợ trẻ phục mình.

– Thứ bẩy này em muốn đi Hà Nội nữa không?

Quỳ nhìn sang:

– Ở Hà Nội có gì hay không?

– Hình như có diễn kịch ở Nhà hát lớn. Nếu không có gì hay, thì lại ăn cao lâu, đi chơi quanh và xem chớp bóng.

– Ừ, đi thì đi.

Về chơi Hà Nội chiều thứ bẩy đã là một thói quen của Mậu và Quỳ. Trái với vợ chồng mới cưới, muốn tránh mọi người ngoài, ở riêng một chỗ hẻo lánh, kín đáo để an hưởng tình ái buổi đầu, Mậu và Quỳ cần phải ra ngoài, tìm cách giải trí khác. Ở nhà, Quỳ thường rầu rầu nét mặt. Mậu thấy rằng lấy được nàng là một điều quá lòng mong ước: Mậu tự cho rằng cái tuổi ngoài ba mươi, cho đến địa vị của chàng không xứng với người con gái trẻ măng. Mậu tự cho là may mắn, và càng chiều cô vợ trẻ.

Từ lúc lấy nhau, và sau khi bà Mậu về với mẹ, chiều thứ bẩy nào hai vợ chồng cũng dắt nhau về Hà Nội. Muốn cho Quỳ khỏi so sánh mình với bọn trai trẻ diện sang, đầu bóng, Mậu cũng hết sức sửa sang y phục, may sắm những thức đắt tiền. Mậu như trẻ lại. Một cái ca vát, một cái mũ nào Quỳ đã khen, thì Mậu mua cho bằng được, dù giá đắt, và có khi chàng cũng chẳng thích gì. Tháng trước Mậu đã mua một cái máy hát, chỉ vì chiều ý Quỳ. Cái máy hát thay được nhiều câu chuyện, lấp được những chỗ trống rỗng lúc hai người ngồi đối diện mà không ai biết nói gì.

Còn Quỳ, như một phần đông thiếu nữ, coi lấy chồng là một cách

thoát gia đình, dựa vào người đàn ông để được thực hành ý muốn vẫn tiềm tàng trong ý nghĩ, được tự do đổ trách nhiệm hành vi của mình lên đầu chồng, Quỳ được coi sự chiều chuộng là lẽ dĩ nhiên, nàng rất có quyền hưởng. Nàng đã bằng lòng lấy lẽ một người anh rể cao tuổi, sự hy sinh đã đủ gồm hết bổn phận của nàng, cơ hồ là đã quá đáng.

Họ về Hà Nội, đi lượn phố, sắm vặt, xem hát hay chớp bóng. Những đêm khuya ở rạp chiếu bóng, rạp hát ra không còn tầu, xe về, hai vợ chồng đi thuê buồng ngủ. Quỳ thấy thích hơn là ngủ ở nhà. Trên chiếc giường công cộng khách sạn, lúc trao thân cho chồng, nàng tránh được một hình ảnh khác ám ảnh. Cái ám ảnh nó bắt đầu từ đêm hôm cưới.

Người chị đã hứa với nàng là sẽ về với mẹ đẻ. Nhưng hôm cưới bà Mậu cũng theo nàng về nhà chồng. Bà đã không bỏ mất cái địa vị đã cưới vợ lẽ cho chồng, đã đi đón em về, và nếu bà không xử như vậy, người ta sẽ nói ra sao? Bà không để mất một quyền lợi mà sau này sẽ có lúc phải dùng đến, sẽ là một lợi khí cho bà.

Người chị đã sắp chỗ nằm của mình bên ngoài, dành căn buồng cho chồng và em. Tự tay bà trần thiết gian buồng, cố xếp đặt, trang hoàng cho ra vẻ chốn tân hôn. Lúc khách khứa về, ba người cùng nhìn nhau. Có lẽ chỉ ông Mậu là vui. Quỳ tự thấy đã đi một bước rất quan trọng. Đến lúc này, những nỗi băn khoăn, dùng dằng không còn có thể được nữa. Cuộc đời đã ra một chiều khác hẳn nàng dự tính; hy vọng về hôn nhân, tình ái đã thu lại một chiếc giường trong buồng kia và người đàn ông đang thay quần áo. Nàng phải nhận trường hợp ấy.

Người chị nhìn chồng quanh quẩn bên em, coi như không có mình, thấy phật lòng. Lúc ba tâm hồn đụng nhau trong cuộc gặp gỡ âm thầm, yên lặng này, lòng tự ái của người chị bị thương tổn. Bà như muốn nhắc cho hai người kia biết rằng bà chủ trương hết sức các việc này, và mọi sự xẩy ra đều do theo tay bà.

Phút thiêng liêng nhất trong đời Quỳ, lúc nàng từ một thiếu nữ thành một thiếu phụ, có mấy tiếng ho từ giường chị ở ngoài, Quỳ như thấy có thùng nước lạnh dội lên người. Cái giường không còn phải của hai người, một người thứ ba đã len vào. Nàng thành một cây gỗ trong tay Mậu.

Vài hôm sau, người chị về nhà mẹ đẻ. Thực lòng bà cũng chẳng muốn đi nào, nhưng đã chót hứa với mẹ, với em, và bà cũng không

muốn có chuyện ngay trong lúc này. Bà cũng cần nghỉ ngơi, công việc vừa rồi, bà đã tốn mất nhiều sức khỏe và tâm cơ. Bà cảm thấy công việc của bà chưa hết, và cuộc chiến đấu sau này có lẽ gay go hơn. Bà cần tĩnh dưỡng ít lâu. Trước khi đi, người chị còn thu xếp mọi việc trong nhà cất đặt đâu ra đấy, như một người chủ đi xa, không tin kẻ ăn người ở. Quỳ nhận thấy thái độ ấy, nhưng đương lúc cần yên tĩnh, muốn rảnh thân, nàng bỏ qua.

Vắng người vợ cả, họ được dễ chịu hơn. Họ không phải tránh những tiếng động, tựa hồ như thầm lén, vụng trộm. Nhưng Quỳ không thể quên được mấy tiếng ho đêm hôm hợp cẩn. Người chị vẫn quanh quất trong nhà. Những đồ vật đều giữ một ít dấu vết. Chiếc áo của bà còn treo trên mắc ở góc buồng, là người đứng rình, chứng kiến những phút thân mật của Mậu và Quỳ.

Những lúc trò chuyện, Mậu chỉ vô tình nhắc đến tiếng "chị" là Quỳ thấy ngay câu chuyện vô vị. Nàng không thấy chồng hoàn toàn của mình, trong những phút thân mật nhất, vẫn có một người thứ ba lẻn vào. Một ý nghĩ độc ác nảy trong óc Quỳ "Giá chị..." Nàng không dám thiết tha mong như vậy, nhưng nếu người chị chết đi Mậu sẽ là riêng của nàng. Đàn ông có thể yêu được nhiều đàn bà mà không ai mất phần, tình yêu uyển chuyển, rộng rãi ứng dụng tùy theo tâm tình, trường hợp. Đàn bà thường chỉ biết một người đàn ông, nhất là một hạng đàn bà đã đặt vào trường hợp có danh nghĩa hẳn hoi, thì họ không thấy đường nào khác. Họ muốn chiếm độc quyền người đàn ông cũng không có gì là lạ.

Những đêm ở khách sạn, Quỳ không bị ám ảnh, nên thấy chồng là của mình. Thấy nói đi Hà Nội, Quỳ bằng lòng ngay, tuy không lộ vẻ thích lắm.

– Lần này thì phải nhớ mua mấy chiếc đĩa nữa.

Mậu đang cắm cổ vào tờ báo và cơ hồ như đã nhai vữa những miếng cơm trong miệng, ngừng nhìn nàng:

– Hôm đầu tháng vừa mua mấy chiếc xong. Em không thích nghe nữa à?

– Nhưng nghe đi nghe lại chán lắm. Ngày nào cũng chỉ có đĩa ấy, nhàm cả tai chịu sao được. Đĩa hát cần phải có mới luôn, mà em đã bảo anh đừng mua những đĩa ấy, anh không nghe. Có hay ho gì đâu.

– Những đĩa ấy hay đấy chứ.

– Hay nhưng mà cổ lắm rồi. Bây giờ còn ai ưa nữa. Có khách đến mà anh vặn những *Xử án Bàng Quý phi* với *Tam tinh xuất thế* thì họ cười chết. Anh xem còn nhà ai chơi những đĩa ấy nữa không? Họ mua những đĩa mới, như *Il pleut sur la route, Poéma* chẳng hạn...

Ông Mậu ăn xong đặt bát xuống:

– Đấy là những đĩa khiêu vũ, mình có nhẩy đâu mà đi mua những đĩa khiêu vũ?

– Thế anh không biết nhẩy à?

Nàng ngước nhìn Mậu, rồi nhìn ngay xuống bàn ăn, khóe mắt rất nhanh, nhưng có một ý nghĩa mạnh hơn câu hỏi, và hơi có vẻ ngạc nhiên.

Mậu có vẻ ngượng:

– Không, anh không biết nhẩy. Kể cũng chẳng khó gì, tập qua thì biết ngay, nhưng anh không thích. Lối chơi ấy để cho bọn trai trẻ không suy nghĩ.

Lại một dịp cho Mậu nói xấu, kết án một bọn "trẻ ranh" không đứng đắn, không tư tưởng, chỉ ưa chơi bời phung phá. Mậu cho khiêu vũ là trò chơi hạ đẳng, không xứng với một người đứng đắn. Quỳ cầm ngang đôi đũa, nhìn vào bát cơm, im lặng. Mậu biện thuyết càng hăng, Mậu tự nhận là một người già dặn lịch duyệt, không như bọn trẻ hăng hái, sôi nổi mà óc rỗng không, chỉ ưa phù phiếm. Người như Mậu mới đủ điều kiện gây dựng gia đình, đủ cho vợ con trông cậy. Mậu đại khái kết luận rằng con gái, nếu biết nghĩ, phải lấy chồng như Mậu mới có được hạnh phúc vững vàng.

Mậu đã xong bài diễn thuyết, Quỳ vẫn lặng thinh. Nàng không để ý đến lời chồng, nàng chỉ nghĩ rằng chồng không biết khiêu vũ. Ở thời đại này, một thanh niên không biết khiêu vũ thì dù viện ra những lẽ gì, cũng vẫn là một điều hèn kém. Nàng muốn chồng biết các lối ăn chơi, biết khiêu vũ, không phải là để đi với gái nhẩy là những kẻ thù của các bà có chồng, nhưng để cho hợp thời. Lắm lúc nàng cũng tò mò muốn vào những nơi ấy xem họ làm ăn ra sao. Lẽ tất nhiên phải đi với một người đàn ông. Trong trường hợp nàng, chỉ có thể đi được với chồng. Mậu không biết nhẩy, một ý muốn của nàng bị mất.

Thấy Quỳ ngồi lâu không nói, mặt đầy vẻ xa xăm, Mậu mới nhận rằng không phải vì lời lẽ của mình mà Quỳ tư lự. Bát cơm đã hết,

Quỳ vẫn còn cầm trên tay, tay kia chống đôi đũa xuống cạnh mâm.

Mậu nhắc:

– Em ăn nữa đi chứ?

– Thôi, em ăn xong rồi.

Nàng đặt đũa bát xuống, thờ thẫn đứng dậy gọi con sen lên xếp dọn. Mậu tưởng nàng không vui vì câu chuyện đĩa hát. Mậu vội chiều ý nàng, như đã quen chiều nàng từ lúc bắt đầu. Mậu muốn nàng vui vẻ để khỏi hư giấc ngủ trưa.

– Nếu em muốn mua đĩa hát thì chiều thứ bảy này về sớm một tý để có đủ thì giờ đi chọn. Lần này tùy ý em muốn mua thứ nào thì mua.

*

* *

Mậu loay hoay với một bức thư viết cho vợ cả. Đến lúc ấy Mậu mới nhận thấy rằng đã mấy tháng nay, từ khi vợ cả về với mẹ đẻ, Mậu không có thư từ gì về và cũng không nhận được tin tức gì của vợ. Mải vui với Quỳ, Mậu đã quên hẳn người vợ cả.

Vì câu chuyện đĩa hát, nên Mậu lại nhớ đến vợ cả. Và câu chuyện muốn viết lại rất khó nói, làm Mậu băn khoăn không biết hạ bút ra sao. Mậu lại tiếc rằng trong mấy tháng sao thỉnh thoảng không viết thư thăm vợ, đã ngẫu nhiên "có mới nới cũ" để làm phật lòng người đàn bà. Mậu chắc người vợ cả cũng giận mình lắm, nên mới không có tin tức gì cho mình.

Câu chuyện Mậu muốn viết cho vợ đây, là một chuyện tiền nong. Mậu không ngờ rằng trong tình vợ chồng, lại còn có chỗ khó thổ lộ với nhau như vậy. Sự kiêng nể tăng lên vì Mậu biết rằng mình không phải.

Từ xưa công việc trong gia đình Mậu vẫn do tay vợ. Vợ cũng khéo thu xếp. Lương chồng đưa về tuy không có bao nhiêu, nhưng người vợ hàn gắn, tằn tiện, chơi họ, cho vay, nên cũng sắm sửa được ít đồ đạc trong nhà và có được cái vốn nho nhỏ. Hai vợ chồng kín tiếng, ít giao thiệp, nên người ngoài vẫn tưởng Mậu giầu. Điều đó có lợi cho Mậu: vợ dễ xoay xở tiền nong, và việc Quỳ vừa rồi mà thành, cũng một phần nhờ ở đó. Thực ra, gia tài của ông cũng chỉ gồm có ít ruộng xấu; hoa lợi không là bao và một ít đồ đạc hỗn tạp vì phần nhiều là của mua lại,

nhưng cũng được một vài thứ có giá. Còn tiền mặt không có gì. Lương tháng của Mậu, trừ góp họ, chỉ còn đủ cho sự ăn tiêu dè sẻn.

Vì lo việc Quỳ, người vợ cả đã lấy bát họ một nghìn đồng. Xong công việc còn thừa được mấy trăm, bà đưa lại cho Mậu, dặn chồng đóng họ và liệu việc tiêu pha.

Mấy trăm bạc đã đi như gió. Tiêu pha, chơi bời, làm tiền tan mau hơn miếng sáp trên ngọn lửa. Mậu đương lúc sung sướng ăn tiêu như nhà triệu phú. Nhưng buổi sáng thứ hai, Mậu nhẩm tính thấy tiền hao hụt, ông cũng có sốt ruột, muốn dè sẻn lại. Bên Quỳ, ý đó lại tan mất.

Lúc này Quỳ đòi mua đĩa hát, là lúc Mậu sắp phải tiêu đến đồng bạc cuối cùng, mà còn hơn mười ngày nữa mới hết tháng. Mậu không dám trái ý muốn người vợ trẻ. Cuộc hôn nhân đã ngầm theo một điều kiện: Quỳ chịu lấy lẽ Mậu là để được hưởng rất nhiều sung sướng vật chất. Mậu cũng đã ngầm nhận lời. Quỳ tưởng Mậu giầu, Mậu cũng đã sẵn lòng để Quỳ tưởng thế. Bây giờ mới được mấy tháng, đã trưng cái khó ra, Mậu thấy khó chịu, tự coi như một con bạc chơi gian. Đợi sau này dần dần Quỳ hiểu rõ tình cảnh Mậu hơn, sẽ thay đổi cách sống. Nhưng đó là chuyện về sau, khi hai người ràng buộc nhau hơn nữa. Lúc này, Mậu phải chiều Quỳ, từ cái sở thích nhỏ, để Quỳ khỏi hỏi han hoặc tiếc rằng đã trót lấy mình.

– Nhưng làm sao ra tiền để đi Hà Nội thứ bảy này, để mua đĩa hát?

Mậu liếc nhìn các anh em đồng sự ngồi cùng buồng giấy. Một vài người có tiền, nhưng Mậu không dám hỏi vay. Mậu biết trước rằng chẳng những không ăn thua gì mà họ còn mỉa mai, cho là câu chuyện đùa, vì xưa nay Mậu vẫn lên mặt có tiền.

Mậu chợt nhớ rằng vợ cả có một món tiền riêng. Vợ vẫn chơi họ giấu chồng. Số lương chồng hằng tháng đưa về, vợ tiêu pha, tính toán rất thành khoản, còn bát họ đó là riêng của vợ. Mậu ngơ như không biết, nghĩ trong tình vợ chồng, đến lúc phải dùng tiền thì số đó cũng sẽ là của chung. Bây giờ đến lúc cần, Mậu thấy không dùng được món tiền ấy. Mậu cảm thấy làm một việc trái ngược, người vợ cả chắc không bằng lòng. Làm thế nào giải nghĩa được sự ăn tiêu tốn kém, mới vài ba tháng trời đã hết mấy trăm đồng? Nhà không có việc gì to tát phải tiêu nhiều, Mậu không ốm đau. Nếu nói thực, thì là trêu gan vợ cả, không khi nào họ chịu bỏ tiền ra vì những lẽ ấy. Đành rằng nói dối. Nói dối bằng cách nào? Khó nghĩ quá!

Mậu cắn đã nát cái đầu quản bút gỗ. Tờ giấy trước mặt mới được một giòng ngày tháng, và hai chữ "Mợ cả". Trong những phút tư lự, thỉnh thoảng lại thoáng qua bóng Quỳ và những lúc êm đẹp. Mậu thấy ấm áp, lại càng cố nghĩ bức thư. Sau cùng, Mậu tìm được một kế cho là thượng sách. Mậu bịa ra một người bạn trong sở cần tiền. Cho vay những chỗ đó chắc chắn cuối tháng có thể trừ ngay vào lương họ. Mậu nói là đã nhận lời cho vay, và giục vợ gửi tiền lên.

VIII

Chiếc xe tay xịch đỗ, bà Mậu lớn tiếng gọi con sen. Con sen thò cổ nhìn rồi chạy vội ra.

– Thưa mợ đã lên.

Bà Mậu chỉ cho nó một lũ thúng, giỏ mây, gói, chồng chất dưới xe:

– Ừ, mày mang những thức này vào trong nhà.

Con sen khom lưng ôm từng cái một đặt ra vỉa hè. Bà Mậu hỏi:

– Cậu có nhà không?

– Thưa mợ, cậu con đi Hà Nội từ chiều hôm qua.

– Thế mợ hai đâu?

– Mợ hai cũng đi với cậu con.

Bà Mậu đang xuống xe đứng dừng lại, một chân vướng giữa cái thúng và bó chổi mới. Con sen chưa kịp bê xuống, nó liếc nhìn bà Mậu, hình như nó nói cái gì hớ hênh. Con sen đưa bà Mậu cái thìa khóa:

– Mợ cầm thìa mở cửa để con mang những cái này vào.

Bà Mậu cầm thìa khóa, trả tiền người phu xe, thong thả đi vào. Bà mở cửa nhà trên, quay lại bảo con sen:

– Nồi cá bống và những thức ăn thì để dưới bếp, còn những gói bọc nhật trình thì mang lên trên này.

Bà đẩy cửa vào nhà, mở thêm mấy cái cửa sổ cho sáng. Trong nhà có một vẻ lạ, như lúc người ta đi vắng lâu mới về, nhất là đồ đạc lại có xếp đặt lại. Ghế phòng khách có phủ đệm mới, lọ hoa vải đã thành lọ hoa thật, mấy bông hồng héo để rơi cánh xuống bàn. Trên ghế đẩu có chiếc máy hát, ngổn ngang mấy cái đĩa. Bà Mậu cầm xem từng chiếc, lật đi lật lại, rồi lại đặt xuống.

Trong phòng ngủ, trên giường chăn chiếu xô xếch, bừa bãi như một buổi sáng chưa ai dọn. Mấy chiếc áo của Mậu và của Quỳ tả tơi trên mắc. Bà quay ra ngoài:

– Sen!

– Dạ.

Con sen chạy lên, khép nép đứng ở góc nhà.

Bà Mậu hỏi:

– Mấy giờ rồi? Mày đã làm cơm nước gì chưa?

Con sen nhìn đồng hồ:

– Thưa mợ, mười một giờ. Nhưng con chưa làm cơm. Cậu con thứ bảy nào cũng đi Hà Nội, cũng không ăn cơm nhà hôm chủ nhật. Nếu có về sớm thì mới làm cơm, nhưng thường thì chiều cậu con mới về.

– Thứ bảy nào cậu cũng đi chơi à?

Con sen lưỡng lự, nó biết câu hỏi đó rất quan hệ. Giá đừng nói thì hơn, nhưng nó đã trót nói câu vừa rồi. Nó ưa Quỳ hơn bà Mậu. Quỳ hiền lành, dễ dãi, không xoi mói, khắc nghiệt. Nó chưa từng bị Quỳ mắng về công việc bếp nước, một việc thường xẩy ra luôn với bà Mậu. Bà chòng chọc nhìn con sen. Nó nói:

– Thưa mợ không, thỉnh thoảng cậu con mới đi.

– Lần nào cậu đi, mợ hai cũng đi chứ?

– Vâng.

Con sen như buột mồm trả lời tiếng ấy, rồi nó lại tiếc. Nhưng nó biết nói thế nào?

– Thôi, mày xuống thổi cơm cho tao ăn. Không phải đi chợ nữa, những thức ăn tao mang lên đấy dọn ra cũng được.

Bà Mậu thay áo, vào trong buồng. Bà đẩy cái áo gối cho ngay ngắn, ngả lưng xuống giường, nằm ngửa nhìn lên trần.

Bà lan man nghĩ đến chồng và em gái; bà thấy đã bắt đầu xẩy ra những điều sai với bà dự tính. Bà tưởng chồng đối với Quỳ cũng như đối với bà ngày trước, một tình ái đều đều. Nay xem ra Mậu say mê Quỳ, quên hẳn bà, hàng tháng không được một lá thư thăm hỏi. Họ đưa nhau đi chơi, sắm sửa. Bà đã bị bỏ quên trong xó, như một vật người ta không còn dùng đến. Bà nghĩ đến em, trẻ đẹp hơn bà, nghĩ đến ngoài ba chục tuổi của mình, bất giác thở dài. Bà lại tự an ủi: "...

lúc mới ai chẳng thế..." Nhưng ngày xưa ông Mậu có say mê bà thế đâu, hồi ấy bà cũng trẻ và đẹp.

Câu trả lời đến ngay. Trước kia ông Mậu không có tiền. Vợ chồng còn phải hàn gắn, làm ăn, không được dư dật để chơi bời, xa xỉ. Bây giờ người ta có tiền, thì người ta phung phí, người ta quên hẳn bà. Bà chắc rằng ông Mậu đã tiêu hết số tiền bà đưa trước khi đi, và bức thư vừa rồi là một cớ dối trá để lấy tiền của bà.

Con sen dọn cơm, tiếng bát lạch cạch bên ngoài. Bà Mậu cũng không buồn trở dậy. Gian buồng ngủ đóng kín cửa: ánh sáng lờ mờ đưa người ta vào sự suy nghĩ. Các đồ đạc thêm vẻ thân mật và nhắc rõ những việc đã qua. Mọi vật đều có giữ một chút kỷ niệm của bà và Mậu, bây giờ đem nhắc lại. Bà nhìn như muốn hỏi xem trong mấy tháng nay chúng thấy những chuyện gì. Nếu Mậu đã mê Quỳ, ruồng bỏ hẳn bà? Câu họ bình phẩm văng vẳng bên tai: "Người như thế mà để em cướp mất chồng". Câu chuyện tự bà gây ra nhưng rồi có thể đến cái kết quả ấy. Điều dự định của bà đã thành công một quãng đầu, bây giờ bà phải làm sao cho cô em không cướp được chồng, hiểu địa vị mình chỉ là người vợ lẽ, bao giờ cũng dưới quyền bà, bà muốn cho thế nào thì nên thế.

Đến lúc bà Mậu ăn cơm chiều, Mậu và Quỳ mới dẫn xác về. Họ đều có dáng mỏi mệt. Mậu cắp một gói lớn, Quỳ lê giầy đi đằng sau. Thấy bà Mậu, họ đều có vẻ ngạc nhiên và khó chịu; bà Mậu đến đột ngột giữa lúc họ không ngờ.

Mậu vội vàng gò một nét mặt tươi cười hỏi vợ:

– Mợ đã lên đấy à?

Quỳ chào theo:

– Chị đã lên.

– Vâng, tôi lên sáng hôm nay. Cậu có gói gì thế?

– À, mấy thứ vặt, với vài cái đĩa hát. Thế nào, ở nhà có chuyện gì lạ không? Mẹ vẫn bình yên chứ?

– Mẹ vẫn được như thường, ở nhà cũng chẳng có chuyện gì cả. Cậu và em đã ăn chưa? Hay đi ăn cơm nhân thể?

Bà Mậu nhìn Quỳ: nàng cúi mặt đi thẳng vào buồng. Nàng thấy rằng một hòn đá bỗng nhiên ném vào mặt nước phẳng lặng, một con chim đưa bao điềm không lành mới hiện ra.

Mậu niềm nở:

– Ừ, chúng tôi cũng chưa ăn. Bảo nó đi mua thêm cái gì ăn luôn thể.

Quỳ ở trong buồng đang cởi áo liền ngừng tay lại, Mậu và nàng đã ăn ở Hà Nội, định không ăn cơm nhà. Đã ăn rồi việc gì phải nói dối? Nàng bực mình về chồng có dáng sợ hãi, lấy lòng vợ cả. Mậu muốn ăn, tùy ý. Nàng không ăn.

Quỳ lại mặc áo vào, cầm một gói nhựt trình nhỏ đi ra. Bà Mậu nói:

– Đi ăn cơm nhân thể, em.

Nàng trả lời:

– Mời chị xơi, em còn no không muốn ăn. Bà Hai bên cạnh có nhờ em mua mấy thước lụa, để mang sang trả bà ấy.

Mậu ngồi đến hết bữa, nói với vợ những chuyện lăng nhăng, cốt dọn đường cho một câu chuyện khác cần hơn. Trước kia, chắc Mậu đã nói trắng ngay, không đắn đo, quanh quẩn như lúc này. Tình thân mật hoàn toàn của đôi vợ chồng đã để xen vào một chút ngượng nghịu, e dè.

Con sen đã dọn xong mâm, Mậu vẫn ngập ngừng chưa nói hết câu chuyện chính, thường nhìn ra phía cửa, sợ Quỳ về; một lát sau Mậu nói rất thản nhiên:

– Mợ có nhận được thư tôi không?

Bà Mậu với cái gói của chồng mang về để vào lòng, bắt đầu cởi nút giây gai:

– Có, tôi nhận được thư cậu hôm kia.

Mậu thấy một tia hy vọng. Vợ nhận được thư và thân hành lên, Mậu chắc có mang tiền theo. Chỉ khéo léo một chút, vợ không nghi ngờ gì, là có tiền tiêu. Mậu lại sẽ tìm cách cho vợ đi khỏi, để được sống những ngày vui vẻ với Quỳ. Trong lúc này, phải cẩn thận lắm.

– Mợ nghĩ thế nào? Cho vay như thế tôi tưởng lời hơn chơi họ, lãi nhiều hơn và đỡ bấp bênh. Họ góp dần, cuối tháng tôi ở sở, lấy ngay lúc lãnh lương, thì không sợ mất hay trây lười gì nữa.

Bà Mậu đã cởi xong cái nút thứ nhất, bắt đầu đến cái thứ hai:

– Gói gì mà buộc kỹ thế này?

– Mấy thức vặt và cái đĩa hát. Người ta cần lắm, muốn có tiền ngay không thì hỏi vay chỗ khác. Tôi thấy chỗ chắc chắn và chắc mợ có tiền nên tôi đã nhận lời người ta rồi.

Bà Mậu vẫn loay hoay với nút giây gai, không ngửng lên:

– Người ta hỏi vay bao nhiêu?

Mậu nghĩ thầm: "Có tiền rồi" và nói to:

– Họ muốn vay hai trăm, góp thành hai trăm rưởi mười tháng, hoặc muốn thế nào khác tùy ý mợ. Họ sẽ làm giấy với tôi ở sở.

Mậu nghĩ thêm: "Mình sẽ bịa ra một cái văn tự và đến lúc phải góp sẽ hay".

Một tiếng động ở cửa: Mậu ngoắt nhìn ra. Mậu rất sợ Quỳ về giữa lúc này. Mậu ngong ngóng chờ một câu của vợ như xưa kia anh chàng đợi về việc dạm cô Quỳ. Con sen mang đồ nước đặt lên bàn, rồi lại xuống nhà dưới.

Bà Mậu đã cởi xong mấy cái nút, mở tờ giấy nói:

– Như thế kể thì cũng lợi thật đấy, nhưng tiếc rằng lúc này tôi lại không có tiền.

Bao nhiêu hy vọng của Mậu xụp đổ. Mậu thốt ra một câu:

– Mợ không có tiền à?

– Một lúc đột ngột hỏi hai trăm bạc thì làm gì có. Tôi có chơi mấy bát họ, nhưng bây giờ không phải là lúc lấy, và toàn là những bát họ nhỏ cả. Lấy đâu ra mấy trăm?

Bà Mậu cầm từng thức trong gói đặt lên bàn. Một lọ nước hoa, và miếng xà phòng, ba cái đĩa hát, bà ngắm nghía từng cái, và nhìn chồng. Đến lọ nước hoa, bà đưa lên mũi, tuy lọ còn mới nguyên, chưa mở nút.

– Lọ nước hoa này cậu mua bao nhiêu?

Mậu đứng lên, đi lại trong gian buồng hẹp:

– Hay mợ hãy xoay tạm lấy số tiền đó, rồi tháng sau lấy họ đền vào.

– Cậu hỏi tôi xoay đâu? Vừa rồi đã phải lấy họ và chạy thêm mấy chỗ mới đủ nghìn bạc lo công việc cho cậu. Những chỗ lấy được tiền đã mắc cả rồi, bây giờ không còn đâu nữa.

Bước chân Mậu thành nhanh và mạnh. Mậu tiện tay bật đèn: ánh sáng làm bên ngoài tối hơn, và rõ người vợ đang nhìn chàng. Câu chuyện đã xen từng hơi im lặng, khó chịu.

– Nếu không có được cả hai trăm thì cũng phải cố xoay lấy một nửa. Tôi liệu nói với người ta. Chứ chỗ người lớn đã trót hứa rồi, biết làm thế nào.

– Làm thế nào thì tùy cậu. Ai bảo chửa chi cậu đã đi hứa với người ta?

– Tôi chắc mợ có tiền thì mới hứa chứ?

– Cậu biết đâu là tôi có tiền. Sao cậu không hỏi tôi trước?

Các câu đối đáp lớn dần, mau, và gay go thêm. Mậu đã thấy cáu, tiếc công dàn xếp câu chuyện từ chiều mà không ăn thua gì. Nỗi bực tức dần lộ ra. Người vợ vẫn điềm tĩnh, chắc mình có lẽ phải.

– Nếu người ta cần mà cậu đã trót hẹn, thì lấy tiền của cậu ra mà cho vay vậy.

– Tiền nào?

– Món tiền tôi đưa cậu mấy tháng trước ấy.

Mậu đương đi, đứng lại, nhìn vợ rồi nhìn xuống gạch. Thế là đã đến chuyện chàng muốn giấu. Đã không lấy được tiền của vợ cả, chàng cũng không còn mong bưng bít nữa. Trước sau cũng một lần nói ra. Mậu trả lời rất gọn:

– Hết rồi.

Người vợ có lẽ đã đoán trước được câu ấy, nhưng cũng ra bộ ngạc nhiên:

– Hết rồi kia à? Làm gì mà đã chóng hết thế?

– Tiêu chứ làm gì.

Một lúc im lặng.

– Mới mấy tháng trời, mà đã hết ba bốn trăm bạc. Ấy là chưa kể tiền lương của cậu. Cậu tiêu pha gì mà gớm thế?

– Mua bán, sắm sửa đồ trong nhà, chứ đi đâu mà kêu. Vài bốn trăm bạc, mợ tưởng đã là to lắm đấy hẳn?

– Phải, không to. Nhưng trước kia thử không dành dụm từng hào, từng xu, thì đâu có món tiền ấy để bây giờ cho cậu phá. Sắm sửa vào nhà ư! Thử xem cậu sắm được những gì? Một cái máy hát thổ tả, còn thì giầy, mũ, sắm ăn, sắm mặc bộ cánh cho sang để ngày nghỉ dắt nhau về Hà Nội, để ăn chơi cho sung sướng!

Người vợ dằn từng tiếng, giọng lý sự của hạng đàn bà vào tay ăn nói. Người chồng càng tức thêm. Mậu lại ngồi xuống ghế, trước mặt vợ:

– Ừ thì tôi ăn mặc, tôi chơi với em mợ đấy. Thế thì đã làm sao?

Người vợ cũng không kém:

– Làm sao à? Làm sao thì biết đấy, rồi đến lúc một đồng, một chữ không còn, sợ chẳng như thế được mãi.

– Mợ phải biết, tôi đi chơi để vui lòng em mợ, tôi ăn mặc sang cũng là để cho đẹp mặt mợ.

Người vợ bĩu môi:

– Chà! Đẹp mặt cho tôi! Xưa nay cậu chả nghĩ thế cho. Con Quỳ nó là em tôi, nhưng bây giờ nó là vợ cậu, cậu muốn vui thú với nó thì cứ việc vui thú, can gì lại đổ vì tôi!

– Chính là vì mợ, vì mợ muốn tôi làm bạn với chị em trong nhà mợ, nên tôi mới phải hy sinh mà lấy em gái mợ. Không thì thiếu gì người, mợ hiểu chưa?

Bà Mậu không ngờ chồng giở đến giọng ấy. Máu đưa lên cổ, mặt bà đỏ lên, rồi tái đi. Bà im một lúc vì quá ngạc nhiên, rồi, không còn nén nỗi sự tức giận, bà trả lời chồng:

– Cậu nói thế mà nghe được à? Hừ, cậu nói thế mà nghe được à?

– Chứ không phải thế à? Nghĩ xem?

– Hừ, vì tôi mà cậu phải lấy con Quỳ! Cậu nghĩ lại xem, nhớ lại xem cậu đã nói với tôi những gì. Tôi còn nhớ lắm. Sao mà chóng giở giọng thế? Cậu có quên để tôi nhắc lại cho, nhưng tôi chắc cậu chưa quên đâu.

Mậu quay mặt đi, không dám nhìn vợ. Cơn nóng của anh chàng như chỉ được có đến đấy. Trái lại, sự giận dữ của chị vợ tăng mãi lên.

– Vì tôi muộn màng nên muốn lấy vợ lẽ cho cậu. Ai cậu cũng chê nào là quê mùa, ngờ nghệch bẩn thỉu, không đáng ăn, đáng nằm với cậu. Phải, cậu cao quí lắm, sạch sẽ lắm mà! Đến lúc con Quỳ lên chơi, cậu vồ ngay lấy nó.

Cơn nóng của Mậu đã đi hẳn. Chàng đâm lúng túng, chỉ mong vợ thôi nói. Người vợ đã tiếp:

– Cậu xoay trăm phương nghìn kế, dỗ dành tôi đủ điều. Tôi về nhà, mỗi ngày cậu gửi một bức thư, nào là "Hiền thê", "Hiền thê nhã giám!" Thôi thì đủ những câu nịnh nọt. Lại còn những bức thư viết cho đẻ nữa. "Vị cây giây quấn", "Bồ hòn có rễ". Cậu quên rồi à? Thư tôi còn giữ cả. Tôi tưởng cậu tử tế, ai ngờ?

Bà nhô đầu sang phía Mậu, xỉa xói:

– Này, tôi bảo để cậu biết: cậu không nịnh nọt cầu khẩn tôi, thì cậu làm ngay đến ông... tôi cũng không đem em tôi vào. Cậu biết chưa?

Mậu ngồi ngay mặt. Chàng biết mình đuối lý và nói gì nữa thì lại càng gây thêm giận dữ cho vợ. Sắc mặt bà Mậu lúc ấy có thể đưa đến sự giằng xé. Mậu đành ngậm tăm chờ cho qua cơn giông tố.

Nói được ngần ấy câu, người vợ như cũng đã hả được cơn giận. Bà im một lát, rồi nói thong thả hơn trước:

– Đã tưởng giầu có, sang trọng lắm đấy người ta phải vồ lấy kẻo phí của! Chưa chi đã giở giọng phụ bạc. Còn đấy.

Quỳ về, thấy hai người đối nhau, không ai nhìn ai, nàng biết ngay là có chuyện không hay. Mặt người chị đầy nộ khí, Mậu lúng túng như người học trò có lỗi. Nàng muốn nghe mấy chiếc đĩa hát mới mua, nhưng trong nhà có vẻ nặng nề, âm thầm quá. Quỳ thèm thuồng nhìn mấy chiếc đĩa hát để trước mặt bà Mậu, Mậu cầm tờ báo giơ lên che lấy mặt, liếc nhìn Quỳ.

Ba người đều yên lặng diễn một tấn tuồng câm, bao nhiêu ý nghĩa ở cả sắc mặt và những cặp mắt, liếc trộm lẫn nhau. Quỳ ngồi trong tối dáng hiền lành hơn hai người kia. Nàng muốn đi nằm ngay. Cái thân thể khỏe mạnh, đang sức ăn sức ngủ ấy, sau hai ngày mệt mỏi, cần được nghỉ ngơi. Nàng băn khoăn không biết lại nằm trong buồng như mọi tối, hay phải trả chỗ đó cho chị. Chỗ người vợ cả là cạnh người chồng. Quỳ thấy ý nghĩa sự cả lẽ trong chuyện ăn nằm, và thấy địa vị mình hèn kém.

Mậu vẫn ngồi im xem báo, người vợ cả vẫn ngồi im trước mặt chồng. Quỳ cũng ngồi im.

Bà Mậu đứng lên, lại dọn cái ghế ngựa bên ngoài, chỗ bà nằm hôm cưới Quỳ và mấy đêm sau, trước khi bà về với mẹ. Quỳ nhìn chị kéo ngay ngắn cái chiếu, rồi mắc màn.

Bà bảo Quỳ:

– Thôi khuya rồi, em đi ngủ đi.

– Vâng, chị cứ đi ngủ trước.

Quỳ đợi cho người chị nằm yên, rồi vào buồng.

Mậu ngồi xem báo rất khuya. Nếu đọc cả tờ báo từ niên hiệu cho đến hết các quảng cáo, thì cũng không mất đến ngần ấy thì giờ. Anh chàng đang ở một lúc khó nghĩ hơn Quỳ khi nãy. Mậu cũng muốn đi nằm, nhưng không biết nằm giường nào.

Hai cái giường, trong buồng và nhà ngoài, mỗi giường lại có một người đàn bà, đều thuộc quyền sở hữu của chàng. Chàng có quyền nằm bất cứ giường nào, với người đàn bà nào. Nhưng nằm với ai, chàng cũng thấy không tiện. Nằm với vợ cả để nói chuyện nhà sau mấy tháng xa vắng thì phải hơn, nhưng sau cơn xô xát vừa rồi, việc ấy không nghĩa lý gì nữa. Mậu chắc vợ chưa chịu làm lành. Hãy còn sớm quá. Chàng có chịu nhún, chẳng qua chỉ tổ thêm vẻ đớn hèn, người vợ sẽ day dứt chàng thêm. Và lại còn Quỳ, Quỳ sẽ nghĩ sao? Nhiều lần, chàng đã hứa hết sức bênh, chiều chuộng người vợ lẽ, để nàng quên phận lẽ mọn, thế mà người vợ vừa đến, chàng đã vội đổi chỗ nằm, Quỳ sẽ cho chàng vẫn quý vợ cả hơn. Mậu không muốn mất lòng vợ trẻ.

Chàng yêu vợ lẽ hơn là lẽ dĩ nhiên, nhưng không nên lộ cho vợ cả biết, nhất là trong lúc này. Vừa rồi chàng mới thấy một thái độ của vợ mà chàng không ngờ đến. Trong mấy năm chung đụng nó không có dịp biểu lộ ra. Mậu vẫn tưởng vợ hiền lành. Bây giờ chàng mới thấy con người ấy cũng già tay ràng buộc, trêu vào không hay ho gì. Nhớ lại sắc mặt, đôi mắt vợ, nghĩ lại những lời nói, chàng còn thấy sợ, sợ hơn là khi ở buồng giấy, chàng đứng trước ông chủ giận dữ lôi đình.

Mậu gập tờ báo. Trong gian nhà yên tĩnh, tiếng giấy sột soạt muốn cho mọi người biết rằng chàng còn thức. Mậu rót nước uống rồi đi quanh trong buồng. Chiếc ghế ngựa phủ màn trắng quá. Mậu không thấy rõ bên trong. Chàng liếc qua cửa buồng vào giường vợ lẽ. Cái màn phơn phớt xanh, vì cái chao xanh của ngọn đèn ngủ, có một vẻ thân mật ấm cúng.

Trong lúc băn khoăn ấy, Mậu thoáng thấy rằng hai người đàn bà đương làm bận lòng chàng là hai chị em ruột. Theo lời vợ cả trước, và như đã nghĩ, thì họ sẽ thương yêu nhau. Lúc này Mậu cảm thấy tình chị em đó không ăn thua gì, không giúp chàng tí gì. Mậu cần thu xếp địa vị mình cho ổn thỏa giữa hai người đàn bà. Cách khu xử của Mậu với họ sẽ cần cho cách khu xử của họ với nhau.

Mậu đã buồn ngủ và mệt lắm. Hôm sau lại phải đi làm sớm. Nếu có cái giường thứ ba trong nhà thì chắc Mậu đã vui lòng lăn ra đấy. Thực ra thì lúc này, dù ngủ với ai chàng cũng không thấy thú gì. Mậu đang ở một lúc không thấy sự thôi thúc của xác thịt, nó xui ra sự cần phải vuốt ve, gần gũi một người đàn bà. Mậu chỉ cần ngủ, ngủ như một con vật.

Một tiếng rờn rợn sẽ đưa ra từ giường vợ cả.

Mậu lắng tai nghe, tiếng đó thôi ngay. Mậu cho là một tiếng ngáy. Anh chàng tự nhiên thấy khoan khoái, và im lặng lắng tai nghe một lúc nữa. Vẫn không một tiếng gì, chắc chắn là vợ đã ngủ say, chàng sẽ tắt đèn, đi rất nhẹ vào buồng, như một tên ăn trộm.

Quỳ quay mặt vào phía trong, nằm dán vào tường: thân thể nàng bé nhỏ và ngắn như một đứa trẻ, không chiếm hết mấy chỗ. Phía ngoài giường rộng thênh thang, giá ba người nằm cũng vẫn còn chỗ. Mậu sẽ lay Quỳ; nàng không nhúc nhích, mặt vẫn áp vào tường. Mậu nằm lui ra ngoài, duỗi thẳng chân tay, và nhắm mắt.

Đêm hôm ấy, trong ba người, người ngủ được ngon lành nhất là Mậu. Quỳ tưởng mình ngủ ngay được, nhưng lúc đi nằm, nàng thấy mỗi lúc một tỉnh ra. Nàng vẫn nghe thấy Mậu xem báo, đi bách bộ. Khi chồng tắt đèn vào buồng, Quỳ tự nhiên cười thầm, và khi Mậu đụng vào nàng, tuy có biết nhưng vẫn nằm im.

Người vợ cả về, là bao nhiêu nỗi băn khoăn trở lại với Quỳ. Lúc người thiếu phụ đang dễ chịu, có một cảm tưởng rằng hoàn toàn có riêng một người chồng, hy vọng được sống mãi mãi trong trường hợp ấy, thì người vợ cả lù lù dẫn xác đến, nhắc cho nàng biết thân phận thấp kém. Bao nhiêu điều xây đắp, mong ước của nàng trong lúc thân mật với chồng lại thành xóa bỏ, đó không phải là việc nàng, đã có người khác, có quyền hơn, lo liệu, Quỳ thấy một sự tưng tức ngăn nàng, như là màn che sát mặt nàng lúc ấy. Bên kia lá màn lại là bức tường dầy và chắc hơn. Qua được lá màn và bức tường thì chắc dễ thở hơn. Bà Mậu cũng không ngủ được, không phải là tức chồng đã vào với Quỳ. Cái ghen của đàn bà không thiển cận, ở chỗ xa chồng một tối hay hai tối. Bà đã vắng nhà hàng tháng. Bà đang nghĩ đến việc to tát hơn.

Bà Mậu thấy công việc đã xoay một chiều khác ý định. Quỳ không phải là người lấy về chỉ để đẻ con. Nàng không dễ sai khiến, tùy theo ý bà, và chồng cũng không còn như trước. Tâm tính chồng thay đổi cũng do ảnh hưởng người vợ lẽ. Bà thấy chồng dần dần xa bà, đang quay tới người em. Bà hối hận rằng đã để cho họ tự do nhiều quá. Phải xoay lại trường hợp ấy, nếu không sẽ đúng như lời người ta nói "để em cướp mất chồng".

Bà nghĩ: "Con ấy thế mà tai quái lắm. Phải liệu xem thế nào, chứ nó cũng không vừa, nó trẻ hơn mình, đẹp hơn mình, đàn ông bao giờ

họ chẳng thích hơn. Mình lại đến nhức đầu mất. Thôi, đến đâu hay đó, rồi sẽ liệu sau. Tuy vậy nó cũng chưa khỏi tay mình".

Bà cố ngủ, nhưng không sao ngủ được.

IX

Quỳ lùi lại mấy bước, ngắm bức ảnh nàng mới treo trên tường, trong phòng khách. Ánh sáng lấp lánh trên miếng kính bóng loáng, chung quanh viền một đường giấy nâu.

Bà Mậu vào, lại gần chiếc ảnh nhìn một lúc lâu. Đó là hình bán thân của Quỳ và Mậu. Mậu tóc chải dán xuống đầu, trông trẻ và vui vẻ. Nửa người Quỳ che lấp phía bên trái Mậu, cái đầu thấp hơn, miệng gần sát mặt chồng.

Quỳ nhìn chị, đợi một lời bình phẩm. Bà Mậu không lộ một vẻ gì, hỏi Quỳ:

– Ảnh dì chụp bao giờ thế?

– Em mới chụp với anh hôm chủ nhật trước. Chị xem thế nào, có khá không?

– Đẹp đấy, nhưng không được giống lắm. Anh trẻ quá. Anh ấy ở ngoài trông già hơn nhiều.

Quỳ cãi:

– Em tưởng giống đấy chứ? Vào ảnh bao giờ nó cũng trẻ đi một tí.

Trong bức ảnh, Quỳ cũng trẻ và đẹp hơn, không có vẻ mệt mỏi chán nản nhiều lúc hiện trên vẻ mặt nàng. Hai mắt to, cái miệng hơi cười, còn giữ được vẻ trẻ trung thời con gái. Đứng chung với Mậu kể cũng tốt đôi.

– Dễ thường người thợ ảnh sửa đi nhiều, nên trông thấy trẻ thế. Tôi thấy nhiều hiệu chụp giống mà vẫn đẹp.

– Ảnh này chụp ở một hiệu có tiếng nhất ở Hà Nội đấy. Họ tính giá gấp đôi các hiệu khác.

Bà Mậu nhìn bức ảnh một lúc nữa, rồi như nói một mình:

– Tôi với anh Mậu lấy nhau đã bao nhiêu lâu nay, mà chưa chụp chung một cái ảnh nào.

Quỳ không nhận thấy người chị mỉa mai nàng chụp ảnh chung với Mậu. Nàng thẳng thắn nói:

– Thế sao chị không chụp? Hay để hôm nào về Hà Nội, chị, em, với anh Mậu cùng chụp một chiếc.

Bà Mậu cười nhạt:

– Chụp ảnh thì phải sang trọng, đẹp đẽ kia, chứ già với xấu như tôi thì giơ mặt ra làm cái gì!

Lần này Quỳ nhận thấy vẻ mỉa mai của chị. Mặt nàng sa xuống, nàng nói trệch đi cho câu chuyện có ý nghĩa khác:

– Cứ gì phải đẹp mới chụp được ảnh! Nếu chỉ đẹp mới chụp được ảnh thì ra những người xấu không bao giờ có ảnh à? Muốn chụp thì chụp, chứ em thì đẹp đẽ gì? Em tưởng cùng chụp chung một chiếc, gửi về biếu đẻ cũng hay.

Quỳ nói thế, chứ trong thâm tâm nàng không muốn chụp ảnh chung với chị và chồng, nàng chỉ muốn có mình nàng với Mậu trong cái kỷ niệm sẽ lưu lại mãi về sau này.

Bà Mậu trả lời:

– Thì cứ gửi ảnh của dì với anh ấy cũng đủ, cần gì phải có tôi vào. Có tôi vào đây chẳng qua chỉ làm xấu cả ảnh đi!

Quỳ thêm khó chịu, người chị như nhất định gây sự với nàng, nói lại không tiện, mà im đi thì tức. Ấy mới có việc cỏn con, như chụp ảnh chung, mà đã sinh chuyện, thì sau này còn biết bao nhiêu chuyện khác, mong gì thân mật gần gũi chóng thêm. Quỳ chán nản ngồi xuống ghế, nhìn bà Mậu vẫn đứng trầm ngâm trước bức ảnh.

– Cái ảnh này chụp mất bao nhiêu?

– Em không biết.

Trong lúc bực mình, câu nói thốt ra cộc lốc, giọng nói hơi chút sống sượng, Quỳ vội thêm:

– Em không biết anh ấy trả bao nhiêu.

– Thế dì không hỏi à?

– Không, em không hỏi. Lúc anh ấy trả tiền em không có đấy.

– Thế sao dì lại biết được là ở hiệu ấy họ tính đắt gấp đôi chỗ khác. Tôi tưởng dì cùng đi với anh ấy, thì tiêu pha những gì, dì cũng biết chứ?

Quỳ đã nói dối; người chị lục vấn càng làm khó chịu. Nàng muốn dứt câu chuyện:

– Em biết họ tính đắt là vì em thấy người ta nói thế. Còn thường anh ấy tiêu pha, thì em không biết gì cả.

– Hèn nào mà mấy tháng nay, chẳng biết tiêu những gì mà dữ thế. Trước khi tôi xuôi, anh ấy còn mấy trăm bạc mà đã hết rồi.

– Em cũng chẳng biết anh ấy tiêu những gì. Chắc là sắm sửa vặt vãnh.

– Sắm sửa thì được cái gì? Toàn những thức vô dụng. Sắm quần, sắm áo, mà quần áo cũng còn nhiều chán, đến nỗi thiếu thốn gì mà phải may.

Mậu mới may cho Quỳ mấy chiếc áo. Thấy chị nói đến ăn mặc, nàng có ý chạnh lòng. Nhưng nàng vẫn muốn cho êm câu chuyện:

– Mấy trăm bạc thì chị tính là bao. Mỗi thứ một tí thì nó hết đi ngay.

Muốn lấp việc nàng may áo, nàng tiếp:

– Mấy lại những chuyện mua bán là tự ý anh ấy cả.

Bà Mậu bực mình thấy việc gì Quỳ cũng đổ cho Mậu. Bà gợi chuyện ra là cốt để nói em, mà Quỳ dửng dưng không nhận tí gì.

– Đã đành rằng tự ý anh ấy, nhưng khi anh ấy quá tay thì dì cũng phải can ngăn chứ! Mua sắm những thứ vô ích mà tốn bao nhiêu tiền. Mấy trăm bạc không là bao, nhưng không phải là tiền mồ hôi nước mắt, dành dụm chắt chiu thì ở đâu ra. Khi tôi mới về với anh ấy, giang sơn chỉ có cái giường nát, mấy cái chiếu mốc, mấy cái ghế gãy chân. Ở cái nhà tồi tàn, trời mưa nước dột vào trong nhà thành vũng, phải lấy chậu thau mà hứng.. Cái áo cưới tôi phải tha ba, bốn năm mới may được áo mới. Thế mà vẫn chịu đựng, dần dần mới thấy mát mặt. Bây giờ sinh phá tán như thế, thì rồi đến núi cũng phải hết. Chẳng lo rồi giẻ cũng không có mà đeo!

Quỳ thấy khổ lắm. Rõ ràng người chị nói nặng, Quỳ đã cố nhịn, nhưng đến lúc này, nàng không chịu được nữa.

– Chuyện của chị với anh ấy ngày xưa là việc riêng của anh chị, em biết đâu. Còn như chị thấy anh ấy hoang phí thì chị bảo anh ấy chứ chị trách gì em. Em biết đâu, em cấm làm sao được?

– Sao lại cấm không được? Thế dì về đây làm gì? Dì cũng phải lo

toan công việc; lúc tôi không có đây thì trông nom nhà cửa, lo ăn lo làm, hay chỉ biết sóng đôi nhau mà chơi cho sướng, rồi sống chết mặc bay, đã có người lo liệu. Dì là vợ anh ấy, mà bảo không ngăn cấm được, thì còn ai ngăn cấm được? Khốn nhưng...

Mặt Quỳ đỏ dần, mặt người chị tái dần. Quỳ ngẩng lên như bị roi quật vào người:

– Chị bảo khốn nhưng làm sao?

Bà Mậu nhếch môi, dằn từng tiếng:

– Khốn nhưng cả cậu lẫn mợ cùng muốn sang trọng, cùng muốn sắm sửa, cùng muốn đẹp mắt cả. Còn ai bảo được ai!

– Chị đừng nói thế! Chị đừng nên thấy tôi may vài cái áo mà đã vội đổ những tiếng ấy cho tôi. Chị hỏi anh ấy xem, có phải tôi muốn may, đòi may đâu! Không phải vì bây giờ lấy chồng tôi mới may được mấy cái áo. Xưa kia ở nhà thì dễ tôi cởi trần. Chưa chi chị đã nói bóng nói gió, nào những chị phải mặc áo cũ hàng năm. Tôi có ngu đâu mà chị phải nói thế? Chị nên biết rằng tôi lấy anh Mậu không phải vì tôi tham mặc áo mới, hay ham giầu sang, đỉnh chung gì.

– Phải, cô thì ham gì sang giầu, đỉnh chung, có thèm gì mấy cái áo mới!

– Chị không phải mỉa! Tôi tham giầu sang, thèm áo mới hay không thì chị đã biết. Tại sao tôi lấy anh Mậu thì chị cũng thừa biết rồi đấy.

Bà Mậu nói đủng đỉnh:

– Việc gì tôi mỉa. Mà tôi biết đâu được việc riêng của cô.

– Tôi lấy anh Mậu không phải chỉ là việc riêng của tôi.

– Thế thì dễ thường là việc của tôi?

– Không phải thế hay sao mà chị còn hỏi?

– Thế nghĩa là vì tôi mà cô phải lấy anh ấy, phải hy sinh đời cô, chứ thực tình thì cô không bằng lòng; anh ấy không xứng đáng với cô, có phải không?

Quỳ không nói năng gì.

– Sao cô không nói đi? Hôm nọ anh ấy cũng đã nói với tôi như thế. Anh ấy cũng vì tôi mà lấy cô. Sao mà khéo bảo nhau thế! Thì ra cả hai người cũng chỉ vì hy sinh mà lấy nhau, mà lại cũng chỉ vì tôi!

Rồi đến cùng sung sướng với nhau, cùng đi chơi với nhau, chụp ảnh, cũng vì tôi cả!

Quỳ uất lên, không còn giữ nổi nước mắt. Nàng vùng đứng dậy vào buồng. Nàng vội quá, xô vào bàn, cái lọ hoa đổ xuống, nước chẩy lênh láng thấm ướt cái khăn giải sặc sỡ. Quỳ cũng không ngoảnh lại. Bà Mậu nhắc cái lọ lên, nhìn theo Quỳ.

Quỳ nằm vật xuống giường, úp mặt vào gối, khóc không lên tiếng, nàng muốn đập phá một vật gì, đánh xé một người nào. Không hiểu sao nàng lại không to tiếng, đấu khẩu với chị, hoặc túm lấy chị mà xoay một mẻ, rồi muốn ra sao thì ra. Đến nước ấy, tưởng chẳng còn tình nghĩa, kiêng nể gì. Nàng không xử như vậy, có lẽ vì tâm tính nàng đã thay đổi, chín chắn thêm. Cái nóng nẩy của con trẻ đã pha thêm ít điềm đạm của con người đúng mực. Nàng vẫn muốn cho êm chuyện.

Nỗi bực tức vợi theo với nước mắt. Nàng bình tĩnh hơn, và lại càng thấy tủi. Bên ngoài, bà Mậu như nói một mình, nhưng giọng đủ cao để lọt cửa buồng.

"Hy sinh với chả hy sinh. Mình không bằng lòng thì dễ người ta trói chân, trói tay mang vứt lên giường nhà người ta được. Ai ép? Đú đởn, sung sướng với nhau cho chán, rồi cả anh lẫn chị còn nói làm bộ. Hy sinh như thế thì hy sinh được suốt đời, sợ không ôm lấy nhau được mãi".

Câu này lại càng thấm thía, Quỳ thấy tê tái. Chị nàng lại giở đến giọng ấy thì thật hết đường cãi; Quỳ không ngờ chị giở mặt đến thế, cho rằng nàng lấy Mậu chỉ vì muốn lấy chồng. Chị nàng quá ghen đã ăn mất lời xưa.

Lại còn Mậu. Nếu thật Mậu nói rằng vì hy sinh mà lấy nàng thì cuộc nhân duyên ấy thật không có nghĩa lý gì. Không ai hiểu ai, tin ai. Mấy người như đã lừa nhau, mà nàng bị đau hơn hết. Nàng thường nghe người ta nói: hôn nhân nhiều khi chỉ là chuyện lường gạt, nhưng nàng không tưởng được sự giả dối đến bực ấy, mà chưa hề thấy cảnh nào giống cảnh nàng.

Nàng sẽ hỏi cho ra. Không lẽ những lời ái ân của Mậu, những phút thân mật, âu yếm trong mấy tháng vừa qua chỉ là giả dối, Mậu không có tình gì, không yêu nàng. Quỳ đã thấy lầm bước ngay từ lúc đầu. Nàng còn bám lấy ý nghĩa hy sinh vì chỉ để tự an ủi, và dựa vào

tình ái của chồng để phấn khởi. Đột nhiên, hai điều đó cùng tan vỡ trong một lúc.

Quỳ vẫn chắc là Mậu yêu nàng, cho là một chuyện dĩ nhiên phải thế. Hay là vì một lẽ gì khác, mà không thật lòng, Mậu đã nói ra câu ấy. Lẽ gì? Chiều vợ cả, lấy lòng, hay chỉ vì trong một lúc tức giận? Nếu vì muốn được lòng vợ cả mà ra thế, thì lại càng hèn đớn quá lắm. Quỳ đã có dịp nhận thấy người chồng không có khí phách; như hôm đi chơi về, anh chàng phải giả dối ngồi ăn với vợ cả, không dám nói đã ăn rồi. Một người đàn ông như vậy, thì dù họ có thực yêu mình cũng chẳng hòng trông cậy nỗi gì...

– Nằm trong nhà ấy.

– Làm sao mà nằm?

– Biết đâu đấy.

Mậu đã về, Quỳ lắng nghe, tiếng giầy Mậu đến cửa buồng.

– Vào mau, vào mau mà vấn an.

Tiếng giầy dừng lại, im, rồi quay đi. Một câu nói của người vợ cả đủ làm anh chàng không dám vào buồng. Thái độ ấy càng làm rõ rệt sự hèn đớn.

Quỳ thấy tủi thân và lại càng chán nản. Người ta khen cảnh êm ấm của gia đình Mậu, tuy hai vợ mà không hề có chuyện ghen tuông. Có người tò mò chỉ quen biết Mậu qua loa, chưa từng đến nhà Mậu bao giờ, cũng tìm cớ đến chơi xem mặt cô vợ lẽ. Họ, mang theo về những cảm tưởng rất đẹp đẽ. Mấy bạn đồng sự thầm khen Mậu tốt số, có cô vợ bé trẻ măng; một vài ngạc nhiên rằng trái với điều họ tưởng, sự cả lẽ lại không sinh chuyện gì.

Có người thóc mách, dò chuyện bà Tâm là người hay lui tới nhà Mậu, về cách sống trong gia đình ấy. Bà Tâm không tiếc lời khen một cảnh hòa hợp bà chưa từng thấy: vợ cả, vợ lẽ thương yêu, kính mến nhau, không có một điều xích mích. Người ta lại càng tin lắm. Bà Tâm đã sẵn cảm tình với bà Mậu. Thật ra, bà Tâm cũng không biết tí gì.

Họ khéo giấu lắm. Sau cuộc xô xát về bức ảnh, nó chỉ là một dịp để tính ghen tức sẵn ngấm ngầm trong người vợ cả phát lộ ra, thì cả hai chị em cùng đổi thái độ.

Họp quanh mâm cơm chiều hôm ấy, bà Mậu thấy nét mặt em hốc

hác, mặt đầy ngấn lệ, bà cũng động lòng trắc ẩn. Suốt bữa ăn Quỳ không ngửng lên. Nét mặt càng là sự thất vọng, dáng điệu càng là cái chán nản nó tràn lây cả đến người chung quanh. Bữa cơm không điểm lấy một câu chuyện. Anh chồng nhìn vợ cả, nhìn vợ lẽ, nói vài câu khôi hài nhạt nhẽo không ai hưởng ứng, nó lại làm tăng thêm vẻ khó chịu của mấy người. Anh chồng lại cắm đầu xuống bát cơm ăn cho mau xong.

Cơn giận đã qua, bà Mậu đã nói được những điều muốn nói, máu ghen đã được thỏa, bây giờ còn lại lòng thương của người chị đối với em gái. Lúc Quỳ nằm trong buồng, bà cũng đã suy nghĩ nhiều lắm. Bà đã bớt nóng, bình tĩnh hơn, cũng tự thấy không nên tàn nhẫn với em gái quá. Bà sợ em lộng quyền, ghét em đú đởn với chồng, thì một trận lúc trưa cũng đã đủ cho người vợ lẽ hiểu địa vị mình. Bà chắc em không còn dám ra ngoài phạm vi ấy. Sự kết quả đã quá lòng bà muốn, Quỳ đã nhụt ngay, như vậy kể đã đủ trong lúc này. Bị dày xéo quá, Quỳ có thể phản kháng đâm khùng cãi lại, hoặc làm những việc quá khích. Bấy giờ biết xử ra sao? Chưa có gì buộc chặt Quỳ. Lúc liều, người em có thể rứt hết các liên lạc. Còn phải đợi Quỳ có con. Quỳ có con, bà sẽ được thỏa nguyện, và Quỳ, bị ràng buộc thêm, không còn mong thoát đi đâu.

Bà Mậu thấy còn cần phải nới rộng cho em và chồng, cho được tự do trong phạm vi bà định theo lòng tự ái và oai quyền một người vợ cả. Thỉnh thoảng Quỳ có quá bước ra ngoài giới hạn, thì bà lại sẽ nhắc cho biết rằng những cuộc nói chuyện đại khái như hôm nay. Xem dáng điệu Quỳ lúc ngồi ăn cơm, bà Mậu thấy không cần phải quá lo về điều sau này. Bài học hôm nay đã đủ lắm. Lòng tự ái, oai quyền bà đã được yên, tự nhiên bà thấy thương em, và muốn tỏ cho người em biết.

Từ hôm ấy, bà Mậu sắp hẳn chỗ nằm bên ngoài, nhường gian buồng cho chồng và Quỳ. Bà lại ngọt ngào, chiều chuộng em như hồi nào, Quỳ chỉ là người em gái đến chơi với anh chị. Những lúc có khách, bà lại càng tử tế hơn. Nói với Quỳ, một điều em, hai điều em. "Em đưa dùm chị bao chè...", "Em ra uống nước với bà Phán..." Những người khách, đến cả bà Tâm, ranh mãnh và xoi mói, đều phải lừa về thái độ ấy. Họ khen Mậu tốt phúc, được hai người vợ hiền.

Nhưng Quỳ không bị lừa.

Nàng đã hiểu rõ chị. Không cần phải suy nghĩ nhiều, chỉ do trực

giác và linh tính người đàn bà, Quỳ cũng biết rõ bụng dạ người chị. Người chị bây giờ chỉ là người vợ cả, khi tranh nhau một người đàn ông, thì đủ các tính ghen tức của mọi người vợ cả khác, không kể gì tình nghĩa chị em. Lúc nóng giận là lúc tâm tính con người biểu lộ một cách thực thà nhất, Quỳ thấy rõ người chị lắm.

Trong cuộc xung đột ấy, nếu Quỳ đem hết sức mình ra tranh người đàn ông, thì chắc nàng được phần hơn. Nàng có nhiều lợi khí hơn chị: nàng trẻ hơn, xinh hơn. Trong lúc đầu Mậu đang say mê, chắc quay về với vợ mới. Nhưng đó không phải ý nàng.

Quỳ, như phần đông cô thiếu nữ, đã đặt hy vọng quá cao từ tuổi dậy thì, nàng đã sống với những giấc mộng yêu đương, phỏng theo các tiểu thuyết diễm tình; mộng và thực khác nhau xa; thực cảnh chua chát quá, gây một mối thất vọng mênh mông, làm chìm đắm cả bản năng người con gái. Nàng như không còn sức làm một việc gì, nhất là cãi nhau với chị gây nên những cuộc xô xát ngày ngày, để rồi lúc nào cũng nhìn vẻ mặt thù ghét nhau. Quỳ thấy nhỏ nhen, ti tiện quá.

Trong lúc này, giá được tình ái người đàn ông nâng đỡ, thì Quỳ cũng không đến nỗi thất vọng. Tình ái ấy cũng không có. Từ lúc nghe chị nói Mậu vì bất đắc dĩ lấy nàng, Quỳ để tâm dò xét chồng. Nàng dò xét bằng cặp mắt thường nhìn xuông, bằng tai nghe như lơ đãng mà không bỏ sót một lời nói, một cử chỉ. Mỗi lời nói của Mậu đều bị biên chép, mỗi cử chỉ đều bị xét đoán. Rồi cả đến hành vi, những lời nói đã qua nàng không để ý, ngày nay chúng trở lại trong người con gái.

Quỳ có thể cho hành vi của chàng là một chút nhân nhượng cho êm nhà. Đại khái như hôm đi chơi về, nói dối chưa ăn cơm; định vào buồng hôm xô xát mà quay ra ngay vì câu nói mát và nhiều điều lặt vặt khác. Quỳ cho đó là biểu hiện một tâm hồn hèn nhát, một người đàn ông mà không dám đàng hoàng theo ý muốn mình, lúc nào cũng cầu cho êm chuyện, lúc nào cũng nhân nhượng, cũng có dáng sợ sệt. Đàn ông gì mà nhu nhược đến thế! Việc gì mà lúc nào cũng phải muốn vừa lòng vợ cả? Sao không bắt vợ phải cư xử cho vừa lòng mình, khi mình là người chồng có quyền đó?

Quỳ ngắm kỹ chồng. Trán ngắn và thấp, con mắt thiếu vẻ thông minh của người trí thức, không có những tia sáng của người có đảm lực. Hai môi dầy, lúc cười có vẻ ngu độn, vô vị. Cử chỉ thiếu vẻ khoáng đạt, chân tay làm gì cũng như có vẻ lúng túng, vụng về.

Những lúc gần nhau, Mậu có tỏ vẻ âu yếm Quỳ thì mắt trước mắt sau, phải nhìn xem vợ cả ở đâu. Quỳ lại càng khinh Mậu, khinh một cách ngấm ngầm và lặng lẽ, không lộ ra cử chỉ.

Thấy chị lại tử tế, ngọt nhạt, Quỳ cười thầm, và càng thấy sự giả dối. Nàng thờ ơ đáp lại bằng bộ điệu bình thản, không vồn vã, không vui thích. Nàng cũng không nói câu gì có ý nghĩa mỉa mai, châm chọc, để người chị ngờ nàng vẫn bất bình. Người vợ cả càng chắc nàng đã thủ phận.

Quỳ ít ra ngoài. Mỗi khi có việc đi đâu, nàng chỉ ăn mặc sơ sài, không mó đến mấy cái áo mới may treo lì trên mắc, đã phảng phất mùi ẩm mốc. Khi ta có điều phiền muộn, đã chán nản thì không thiết gì đến trang điểm, ăn mặc. Bà Mậu cho rằng vì bà mà Quỳ không dám mặc áo mới. Muốn tránh tiếng nhỏ nhen ganh ghét vì cái áo và chính thâm ý bà cũng không phải ở chỗ ấy, bà Mậu muốn Quỳ ăn mặc như xưa. Có lúc như vô tình bà tự lấy chiếc áo lịch sự trên mắc đưa cho em; Quỳ tắc lưỡi một cái, đón lấy. Mặc chiếc ấy hay chiếc khác, đối với nàng không quan hệ gì. Nàng không muốn cho chị biết ý phản kháng. Bà Mậu cho là em biết nhún nhường, lại càng bằng lòng.

Bộ ba ấy sống với nhau như vậy, ở cùng nhà, ăn cùng mâm, nhưng không cùng ý nghĩ. Mỗi người như ở một phương nào, một thế giới xa xôi nào ngẫu nhiên tụ họp, nhưng vẫn mang cái vỏ kín bưng. Họ không hiểu nhau, không tin nhau, và không ai muốn tìm cách gây một nền thân ái thành thực. Không bao giờ họ nói với nhau được những câu chuyện thật thà đầm ấm cần cho hạnh phúc gia đình.

Mậu vẫn chung đụng với Quỳ. Anh chàng chỉ biết có thân thể người vợ, ngày một xấu dần. Trong những lúc cần có sự hòa hợp của cả xác thịt và tâm hồn, có lẽ là lúc Quỳ xa chồng nhất. Khi ông Mậu ôm ấp nàng, thì ý nghĩ người con gái đi rất xa, tới những chốn người chồng không ngờ đến. Có khi nó lộn lại dĩ vãng; Quỳ nhớ tới Huy và đêm sáng trăng ở vườn hoa. Chỉ vì bực với Huy mà nàng đã nhận lời lấy Mậu. Nàng cũng không oán trách gì Huy, chàng chẳng có tội lỗi gì; Huy chỉ nói mấy câu không vừa ý mà nàng đã vội nóng giận. Bây giờ... Bây giờ, nàng chịu ép một bề sống bên một người đàn ông nàng không có cảm tình gì. Người ấy đã là chủ nàng chỉ vì danh nghĩa vợ chồng!

Tưởng tượng sẽ phải sống mãi như vậy để đi đến không biết một chỗ nào, chôn hết tuổi xanh và hy vọng, Quỳ thấy uất ức, muốn phản kháng, nhưng chỉ là điều trong ý nghĩ. Khối óc người con gái xưa nay ít trực tiếp với thực tế, không tìm được cách gì, hoặc không mấy khi nghĩ chu đáo tới ý định thoát ly. Nàng chỉ lờ mờ cảm rằng không thể sống mãi cuộc đời ấy, đeo gánh nặng không biết đến ngày nào. Nàng như một chiến sĩ bị thương ngay khi vừa vào trận, rồi nằm nhìn máu chẩy dần dần mang hết khí lực trong người. Nhiều lúc muốn vin vào một lý gì để đỡ chán nản, Quỳ cho là tại "duyên số". Còn nhiều tâm hồn yếu ớt thì thuyết "số mệnh" còn được nhiều người tin tưởng. Trong lúc này nó rất có ích cho Quỳ.

X

Mấy cánh cửa nhà Mậu mở rộng. Chiều hôm qua, bà mẹ ở vùng xuôi lên thăm rể và hai con. Ánh sáng vào thêm trong nhà, đồ đạc hết bụi bậm, mùi ẩm mốc bay đi, và mấy người thêm bận rộn, bớt thì giờ nghĩ đến nhau.

Mậu chào mẹ vợ, dắt xe đạp đi làm. Một lúc sau, vợ cả đi chợ, con ở cắp rổ theo sau. Trong phòng khách còn Quỳ và bà mẹ.

Bữa nước sáng đã tan. Bà mẹ nhìn Quỳ xếp dọn ấm chén. Từ khi lấy chồng, người con gái út quý hóa của bà không có bức thư về nhà làm bà cụ sốt ruột phải mò lên. Cũng vì bà cụ quá thương con, muốn rõ cận trạng ra sao, chứ ở tuổi bà cụ, mỗi lúc đi xa phải dùng đến tàu, xe, là một dịp cho bao nhiêu lo ngại.

Bà cụ hỏi Quỳ:

– Dạo này con có khỏe không?

Quỳ như chột dạ, ngừng tay lau chén nhìn mẹ:

– Con vẫn được như thường.

Mỗi buổi sáng, lúc rửa mặt, chải đầu, tự nhìn mình trong gương, Quỳ cũng tự thấy mình sút kém. Kết quả của những điều phiền muộn nó làm mất ăn, biếng ngủ.

Sự thay đổi đó chậm chạp, và sáng nào cũng tự nhìn mình, nàng không nhận thấy rõ ràng bằng mẹ. Lúc rời mẹ, mắt Quỳ trong và sáng, má tròn trặn, hồng hào. Bây giờ da nàng hơi xanh, mặt có vẻ

ngơ ngác, má hóp vào làm gò má thêm cao. Bà cụ ngờ con đau yếu. Nàng nói vẫn được khỏe, nhưng bà cụ không tin:

– Đẻ trông con hình như mệt mỏi. Nếu được khỏe mạnh thì thôi, mà có khó chịu trong người thì bảo anh ấy lấy thuốc men ngay cho mà uống. Trông con cũng yếu lắm. Cần nhất là sức khỏe, sau này còn sinh đẻ, người yếu thì rồi nó ra lắm chứng, lắm bệnh lắm.

Tất cả quan niệm của bà cụ về cuộc đời gồm trong câu: khỏe mạnh, no ấm, sinh đẻ. Ngoài ra, những chuyện tâm tình, hoài bão, bà cụ không nghĩ đến. Có lẽ trong cuộc đời lo lắng cho chồng, gây dựng cho con, người đàn bà cổ ấy đã quá vất vả về nạn cơm áo. Nó dần dần thắt lòng người ta lại, ăn sâu vào tâm khảm. Bây giờ, bà cụ không biết rằng người ta có thể nghĩ ra ngoài mục đích ấy.

Bà cụ tiếp:

– Nhiều người lúc trẻ khỏe mạnh, mà chỉ sinh nở vài lần là yếu hẳn đi. Con phải cẩn thận lắm. Hễ thấy hơi mệt thì nên uống thuốc ngay.

Quỳ vội quay đi, dấu một cái nhếch môi chua chát. Đừng nói rằng hơi mệt, dù ngay có ốm đến chết, nàng cũng không cần chồng và chị thuốc thang. Nàng sẽ chịu, can đảm và lặng lẽ không phiền đến họ săn sóc nàng.

Nhưng làm thế nào để mẹ hiểu được nông nỗi đã gây ra tình cảnh ấy?

Chiều hôm qua, lúc bà cụ xuống xe, Quỳ hấp tấp chạy ra đón mẹ, vui mừng đến rớt nước mắt. Nàng tưởng có thể nói hết tình cảnh nàng, sẽ có một người hiểu được nàng. Còn ai hiểu con bằng mẹ, nhất là người con, chưa từng rời khỏi nhà cho đến lúc lấy chồng.

Suốt buổi chiều, Quỳ mong một lúc nhà vắng; suốt buổi chiều, bà Mậu không rời khỏi nách bà cụ. Bà Mậu nói chuyện huyên thuyên. Quỳ càng thấy chị đáng ghét, giả dối đối với mẹ cũng như đối với nàng. Mậu ở sở về. Quỳ không còn dịp nói chuyện riêng với mẹ.

Buổi tối, bốn người họp nhau dưới ngọn đèn. Bà cụ đầy vẻ hân hoan; ý muốn được sum họp yên vui của bà đã thành sự thực, bà cụ không còn lẽ gì phải buồn phiền. Cùng một lúc, được thấy hai con và rể trong cảnh ấm no, bà cụ đã rũ được các mối lo sợ cho con cái khi xưa. Bà cụ hiểu đâu nỗi bí ẩn của mấy người ấy, của hai con bà; bà tạo ra xác thịt, chứ không biết được tâm hồn.

Quỳ thấy không còn can đảm nói với mẹ những điều nàng nghĩ, giãi bày tình cảnh nàng. Bà mẹ đã tin rằng các con sung sướng, tại sao lại để bà cụ thấy những nỗi đau khổ? Bà mẹ cũng như nàng đã tưởng rằng cuộc hôn nhân êm đẹp. Nay nó xoay ra một đường khác, đó không phải là lỗi tại mẹ. Nàng và mẹ, cả hai mẹ con đã vụng suy, nàng không oán trách gì, chung quy cũng tại nàng đã bằng lòng. Nếu biết sự thực, bà cụ có thể ân hận vì đã làm khổ con gái, dù chỉ vì vô tình. Tình cảnh ấy không hay gì cho một bà già đã cao tuổi, gần đất xa trời. Cụ còn sống ngày nào nên cho cụ thấy những cái vui, cái đẹp, nên để cụ tin cảnh giả dối ấy.

Bây giờ, chồng đi làm, chị đi chợ, ngồi một mình với mẹ, Quỳ không thấy muốn nói gì nữa. Thấy mẹ nói đến sức khỏe mình, nàng liệu nhời chống chế cho xuôi:

– Vài hôm nay con cũng thấy hơi mệt, không muốn ăn cơm, chắc tại trái tiết trời.

– Ừ, giời này nhiều người ốm lắm. Gần cuối năm rồi mà còn gió nồm, để cũng thấy khó chịu. Con có đi đâu thì phải ăn mặc cho cẩn thận.

Bà cụ vẫn coi nàng như còn bé, phải dặn dò cả đến ăn mặc.

Quỳ bưng khay chén lại mặt tủ. Bỗng nàng đứng dừng lại. Nàng vừa thấy hoa mắt như bị choáng gió, trái tim đưa lên cổ vì một cái khó chịu nó làm rạo rực muốn nôn. Nàng vội đặt khay xuống, vịn lấy thành tủ, mắt đã khỏi hoa, nhưng nàng vẫn thấy lợm giọng, và hồi hộp. Nàng đứng một lúc, chờ cho cảm giác đó qua. Bà cụ nhìn nàng:

– Con làm sao thế?

Nàng gượng trả lời:

– Thưa mẹ không, con có làm sao đâu.

– Sao tự nhiên con tái đi thế.

Quỳ cúi mặt xuống, không dám nhìn mẹ:

– Con vừa thấy hơi chóng mặt, nhưng bây giờ đã khỏi rồi.

Vừa nói xong thì lại thấy muốn nôn, Quỳ vội đưa tay lên cổ, mặt nàng tái thêm, làm bà cụ lộ vẻ sợ hãi, vội khép kín cửa.

– Con khó chịu vào ngay trong buồng mà nằm. Lấy dầu mà xoa. Thôi cứ vào nằm đi, để đẻ lấy dầu cho.

– Mẹ để con lấy.

Bà cụ vào buồng, lục hộp trầu lấy một lọ quất thần mới, đi đâu bà cũng mang theo làm của tùy thân. Quỳ theo vào, đón lấy lọ dầu, và ngồi xuống mép giường. Sự khó chịu làm nàng quên cả ý muốn giữ gìn dấu mẹ, nàng nằm ngả lên đống chăn, nhìn mấy cái mạng nhện quay quanh nàng, cùng với góc tường và các đồ vật. Nàng nhắm mắt, đưa lọ dầu lên mũi hít mấy hơi mạnh.

Bà cụ hỏi:

– Con đã dễ chịu chưa?

– Con đã khá, mấy hôm nay thỉnh thoảng con lại chóng mặt như thế, nhưng chỉ một lúc thôi.

– Thế à? Con thấy thế tự bao giờ?

Quỳ mệt nhọc trả lời:

– Đã vài ba hôm nay.

– Thảo nào thỉnh thoảng đẻ lại thấy con tái đi.

Bà cụ cúi cầm lấy tay Quỳ, và nhìn kỹ nét mặt nàng. Quỳ, mắt vẫn nhắm, không biết rằng bà mẹ đương chăm chú như muốn tìm trên nét mặt nàng một vẻ gì. Quỳ mở mắt thì bà cụ đã quay đi. Bà không còn vẻ sợ hãi khi nãy.

– Thôi con nằm mà nghỉ, đừng ra ngoài nữa gió máy.

Bà cụ đi ra, sẽ khép cửa buồng. Quỳ nằm im một lúc, ngủ thiếp đi.

Quỳ thức giấc, nghe thấy tiếng mâm bát bên ngoài và ai đã đắp lên nàng một chiếc chăn mỏng. Nàng đã ngủ một giấc dài, và hãy còn thèm ngủ. Hai mắt nàng muốn nhắm lại, tưởng nếu được ngủ luôn đến chiều, thì chắc dễ chịu lắm. Chóng mặt đã hết, người cũng không mệt mỏi lắm, nhưng nàng thấy uể oải, cần một chỗ lặng lẽ để được nằm im.

Nhưng nàng cũng gượng dậy. Nàng ít khi ngủ ngày, và nhất là hôm nay có bà mẹ, Quỳ lại càng không muốn nằm. Nàng mở cửa ngang, ra sân rửa mặt cho tỉnh ngủ, rồi vào phòng ăn.

Mấy người đã cầm đũa. Bà Mậu thấy nàng vội nói:

– Em đã dậy đấy à? Có ăn cơm không, hay để chốc nữa? Thấy em ngủ, không muốn đánh thức, chị đã bảo để phần rồi.

Mậu thêm:

– Em đã khỏi chóng mặt chưa?

Quỳ chắc mẹ đã nói với chồng và chị chuyện nàng khó ở. Nàng trả lời:

– Em có sao đâu. Thôi để em ăn nhân thể cho tiện.

Nàng kéo ghế, ngồi vào bàn, cạnh mẹ. Bà cụ xê lại ghế cho vừa chỗ. Nàng bảo con sen mang lại những thức ăn để phần. Bà Mậu ngồi đầu bàn, cầm cái bát úp trước mặt nàng xới cơm. Bữa ăn vừa bắt đầu; mấy đĩa xào, và bát canh còn nguyên và đương bốc khói.

– Em xin chị.

Quỳ vừa đón lấy bát cơm, chưa đưa lên miệng thì khói cơm nóng bốc qua mặt nàng lại làm nàng khó chịu, và hoa mắt. Rồi Quỳ thấy cả mùi mấy đĩa xào; một mùi gây gây, nặng nặng và tanh, như khi vào trong bếp một hiệu cao lâu khách, người ta thấy cả các mùi xào, nấu, hành tỏi, khói, bồ hóng, và mùi gạch ướt át. Nàng thêm lợm giọng và cái mùi đó xông lên mãi. Bên cạnh nàng, mẹ, chồng và chị ăn rất ngon lành. Bà mẹ vừa ăn vừa nhìn. Không muốn đứng lên, Quỳ cố và một miếng. Nàng chưa kịp nhai, thì ọe một tiếng. Các thức ăn trong người đưa lên, muốn nôn ra ngoài. Nàng vội đặt bát đũa; mấy người ngạc nhiên buông bát, bà Mậu chạy lại đỡ lấy nàng:

– Em làm sao? Đã bảo không muốn ăn thì thôi, còn ăn cố làm gì. Em vào buồng mà nằm.

Bà đỡ Quỳ đứng dậy. Bà cụ cũng đứng lên theo.

– Đẻ và cậu cứ ăn đi. Để tôi đưa em vào nằm.

– Chị để mặc em.

Quỳ đi vội vào buồng. Mấy người nhìn theo. Bà Mậu bảo chồng:

– Chiều cậu nhớ mua lấy mấy chai nước suối.

Mậu chợt nhớ ra. Hồi người vợ có mang, cũng có những điềm ấy; chóng mặt, sợ cơm, lợm giọng, thèm ngủ, và phải uống nước suối mới đỡ. Đã bao lần chàng đèo mấy chai nước vào xe đạp, đem về cho vợ. Chàng nhớ lại những lúc ép vợ uống, với những cử chỉ âu yếm, chiều chuộng, chan chứa những hy vọng sau này bị mấy lần tiểu sản phá tan.

Quỳ bây giờ cũng nghén. Hèn gì mà vợ cả chàng và bà mẹ, không tỏ vẻ quan tâm đến nỗi khó chịu của nàng. Duy có chồng áy náy, nhưng không dám săn sóc người vợ lẽ. Thì ra họ đã biết những triệu chứng ấy, triệu chứng không nguy hiểm gì, mà đàn bà có chồng

đều mong có. Bà cụ và vợ, tinh hơn chàng, nhìn qua dáng điệu Quỳ đã hiểu được ngay.

Một nỗi sung sướng tràn vào người Mậu. Anh chàng khấp khởi, muốn đến ngay cạnh Quỳ xem cái điềm đó đã đích xác chưa. Chàng còn biết thêm vài triệu chứng về đàn bà bắt đầu có mang: lông mày dựng đứng, đầu vú thâm, và ít điều lặt vặt khác. Anh chàng bồn chồn, lúc ấy như không có sự gì ngăn được chàng. Chàng buông đũa trước, vào buồng.

Quỳ đã ngủ, môi hé mở. Mậu ngồi xuống cạnh nàng, nắm lấy hai cánh tay Quỳ nhìn vào tận mặt. Quỳ mở mắt uể oải:

– Để cho em nằm.

Mấy cái lông mày ở đầu con mắt như dựng đứng lên, trái với những cái khác xoải theo chiều con mắt. Nhưng trước kia, hình như nó cũng thế; Mậu không lấy gì làm chắc.

– Em làm sao thế?

– Em chóng mặt lắm.

Nàng dở mình, nằm nghiêng. Mậu quàng một tay qua ngực nàng, Quỳ sẽ đẩy tay chồng ra.

Tay Mậu vẫn không buông:

– Em chỉ chóng mặt thôi à? Có làm sao nữa không?

Quỳ nhắm mắt:

– Không. Em không làm sao cả.

Mậu đứng dậy, kéo chăn đắp cho nàng.

Mậu vẫn không biết gì hơn khi nãy, không chắc rằng lông mày Quỳ dựng, đầu vú thâm hơn trước. Nhưng chàng tin ở lời vợ cả bảo mua nước suối. Về những chuyện này, đàn bà họ vẫn tinh hơn đàn ông; rất có lý là Quỳ ốm nghén.

Mậu ra đến cửa buồng, vừa gặp vợ cả đi vào. Người vợ nhìn chàng và mỉm cười một cách rất khó hiểu. Mậu thấy khó chịu về nụ cười đó. Chàng xuống sân lấy xe đạp; người vợ cả theo ra:

– Cậu đi đâu?

– Tôi ra phố mua nước suối.

Nụ cười vừa rồi lại hiện trên môi người vợ cả:

– Thì chiều mua không được à? Sao cậu chăm thế?

Mậu không nói gì, vẫn quay xe.

– Hay biên giấy bảo con sen nó ra lấy cho, đỡ phải đi.

– Con sen nó biết gì.

Giọng nói gắt gỏng như khiêu khích, chàng lại trừng mắt nhìn vợ. Người đàn bà chưa hết ngạc nhiên, thì Mậu đã nhẩy lên xe đạp ra khỏi cổng.

Một sự gì mới thay đổi trong người đàn ông.

Có con! Hai tiếng ấy đủ làm cho bao nhiêu tính tình trong lòng chàng đột khởi, chàng chỉ mong có thế. Hy vọng trong lòng chàng xưa nay là: đi làm, lấy vợ, đẻ con. Cái mục đích cuối cùng sắp sửa đạt được, chàng chắc rằng không khi nào Quỳ lại gặp bước không may như chị. Khỏe mạnh như Quỳ, chàng chắc có một đứa con đẹp đẽ nó làm cho đời chàng đầy đủ, và làm chắc thêm tình ái của chàng với Quỳ.

Lúc này, Mậu thấy tình yêu Quỳ tràn ngập lòng chàng. Chàng nhớ lại những lời ân ái nói với nàng, mà ít lâu nay chàng không có dịp nào nhắc lại. Hình như tại Quỳ không muốn nghe, nhưng anh chàng cũng tự trách mình điều sơ suất đó. Có lẽ tại hôm xô xát... Không, bây giờ thì chàng không sợ ai, bất chấp cả những điều gì ngăn trở tình ái của chàng với Quỳ, chàng nóng lòng muốn tỏ thái độ ấy với hết thẩy mọi người, nhất là vợ cả.

Anh chàng không hiểu rằng khi tình ái của đôi vợ chồng đã mất, thì đứa con khó lòng gây lại được. Và tính bồng bột của chàng chỉ như một ngọn lửa rơm, dễ bùng lên mà cũng dễ tắt. Nó không ích gì cho Quỳ, cho sự sống của ba người, có khi lại gây thêm tai họa.

PHẦN THỨ BA

XI

Gian buồng lờ mờ, tranh tối, tranh sáng, Quỳ mới mở đôi mắt mệt mỏi, không rõ là mới sáng sớm hay đã chiều hôm. Đã lâu nằm liên miên trên giường, Quỳ có những lúc thiếp đi nó làm quên cả thời gian. Mỗi lần tỉnh dậy, Quỳ lại ngơ ngác nhìn quanh mình, cố nhớ lại chuyện đã qua. Đồ vật trong buồng dần dần lại thân mật, vẻ bỡ ngỡ của Quỳ mất dần.

Quỳ ốm đã sáu bảy tháng, từ ngày sinh thằng Tính. Nàng đã tưởng chết ngay hôm ấy. Nàng nhớ lại từ lúc bắt đầu trở dạ; chồng và chị đưa nàng đến hộ sinh viện. Rồi những cơn đau cấp bách, mỗi lúc một dồn dập, làm nàng quên cả giữ gìn. Thân thể gần như bộc lộ trên bàn đẻ, bồ hôi vã đầy người tuy trời lạnh, nàng nghiến răng, bám chặt lấy thành bàn để chống lại cơn đau. Cho đến lúc thân thể như bị xé tan, trời đất tối sầm lại, và tiếng một con mãn con văng vẳng bên tai, nàng còn cố hỏi: “Trai hay gái?” rồi thiếp đi.

Bây giờ, những chuyện ấy đã qua. Đã qua cả những cơn sốt sau đó mấy ngày, bị ốm về sữa, nàng đã tưởng không mong qua khỏi. Bây giờ, tuy thỉnh thoảng nàng còn bị sốt triền miên, nhưng theo lời thầy thuốc, không đến nỗi lo ngại. Người ta bảo rằng vì nàng bé nhỏ, đứa con lại lớn quá, lúc mới lọt lòng đã gần được bốn cân, nên sự sinh đẻ khó khăn. May mà không phải mổ. Nghĩ lại còn sợ. Những nỗi sợ hãi của người đàn bà lúc sinh nở, không mong một ai hiểu nổi. “Trai vượt bể có chúng có bạn, gái vượt cạn chỉ có một mình”, Quỳ nghĩ.

Thời gian đã phủ lên những việc đã qua. Quỳ không còn thấy những nỗi sợ hãi, đau đớn, cũng như nàng đã quên cả những chuyện ghen tuông, ganh ghét, trong thời kỳ Quỳ có mang, bà Mậu đã rất tử tế với nàng. Cuộc đời tuy không vui vẻ gì nhưng cũng được dễ chịu.

Bây giờ Quỳ đã có con.

Quỳ thấy một cảm giác êm êm, như lúc một người ốm qua cơn sốt, thấy được nằm trong chăn đệm ấm áp. Quỳ cố đoán xem lúc ấy vào khoảng mấy giờ, và cất tiếng gọi sẽ:

– Vú em!

Quỳ gọi sẽ một tiếng nữa. Sự yên lặng tràn ngập cả gian buồng. Quỳ tự nhiên thấy lạnh lẽo, như bị bỏ quên ở một nơi hẻo lánh nào. Chung quanh tịch mịch quá, yên lặng quá; Quỳ đâm sợ, gọi to gần như hét:

– Vú em!

Lần này có tiếng người thưa, Quỳ được yên lòng. Vú em đẩy cửa vào, hai tay ướt đầy bọt xà phòng.

– Vú làm gì mà để tôi gọi mãi thế?

Người vú giơ bàn tay:

– Thưa mợ con đương dở giặt cho chú mấy cái lót.

– Chú đâu? Không có ai ở nhà à?

– Chú ngủ ở nhà ngoài, mợ cả sang chơi bên bà Tâm.

– Đã mấy giờ rồi?

– Thưa mợ, bốn giờ.

Bốn giờ, giờ Mậu đi làm. Người vợ cả đi chơi, con sen bận cơm nước, không trách nhà vắng.

– Vú bế chú vào đây cho tôi. Rồi xuống giặt nốt đi.

Người vú ngần ngại:

– Thưa chú đang ngủ.

Quỳ gắt:

– Chú ngủ thì ngủ, vú không bế được vào à? Quái lạ, sao lần nào tôi bảo bế chú vào, vú cũng lần chần, không muốn nghe là cớ làm sao?

Người vú muốn nói một câu gì, nhưng thấy vẻ Quỳ tức giận lại thôi.

–Vâng. Để con rửa tay rồi bế chú vào.

Quỳ dịu giọng:

– Cứ để chú ngủ, bế khéo kẻo chú thức dậy.

Người vú lau tay, ra cái nôi đặt cạnh giường bà Mậu, ôm Tính gọn trong mớ lót, mang vào buồng. Quỳ nằm xích lại. Người vú đặt đứa bé xuống cạnh Quỳ, đứng nhìn. Đứa bé ọ ẹ mấy tiếng mỉm miệng cười, rồi lại ngủ.

– Mụ đang dạy chú...

– Thôi, xuống giặt nốt đi, rồi trông cơm với con sen. Cậu cũng sắp về rồi.

Quỳ trở mình nằm nghiêng, ngắm đứa con. Đứa bé mũm mĩm, cổ tay, dưới cằm, chỗ nào cũng đầy ngấn. Hai má phinh phính làm cái mồm chúm nhỏ lại. Trên đầu phơ phớt ít sợi tóc chưa đen hẳn. Quỳ thấy hay hay, như một con búp bê bán ở mấy hiệu thuốc tây, lại lớn hơn, đẹp hơn. Người đàn bà ít tuổi ấy còn bỡ ngỡ với tình làm mẹ. Tình mẫu tử có tự nhiên trong người đàn bà, nhưng từ con búp bê sau cùng nó chỉ là món đồ chơi, đến đứa bé đầu lòng mang theo những bí mật của sự chửa, đẻ, người đàn bà cần có đủ thì giờ quen với cảm giác trường hợp mới.

Quỳ nhìn đứa bé như ngạc nhiên thấy nó là con nàng. Nàng đã mang nó trong người, và lúc sinh ra, nó đã làm nàng vô cùng đau

đớn. Nàng thấy một cảm giác vui thích thấm thía, khác hẳn cái vui thích khi bế một đứa con hàng xóm. Đứa bé này hoàn toàn của nàng. Nàng không một ý nghĩ cho người đàn ông đã cùng nàng tạo ra đứa bé. Quỳ chỉ biết nó là con mình. Về tình vợ chồng, lòng Quỳ đã khô khan. Sự chung đụng đã dĩ nhiên, thì sinh con cũng là chuyện dĩ nhiên.

Bên ngoài có tiếng gắt gỏng. Hình như chị nàng đang mắng người ở. Thỉnh thoảng lại thấy tên thằng bé. Quỳ cố nghe: giọng người chị lấn át cả tiếng con vú. Con vú vào buồng, mắt đỏ hoe.

– Mợ cho con bế chú ra.

Quỳ chưa kịp trả lời, nó đã ôm thốc lấy thằng bé. Tính đang ngủ, giật mình, giơ hai cánh tay quờ mấy cái. Quỳ còn thấy những ngón tay ngắn ngủn xòe ra lúc con vú ẵm đứa bé đi ra. Nàng hết sức ngạc nhiên. Tại sao nó lại bế Tính ra?

Quỳ gượng dậy ra nhà ngoài. Trong chiếc nôi mây, Tính đã thức, hai mắt tròn xoe chỉ thấy lòng đen đang tập nhìn, hai chân đạp tung cả lót. Thằng bé rất lành, suốt ngày không một tiếng khóc. Quỳ nhìn con, lắng nghe người chị vẫn gắt.

– Tôi đã bảo vú bao nhiêu lần, mà vú không chịu nghe là làm sao? Hễ tôi ra khỏi nhà, vắng mặt tôi là vú không coi lời tôi vào đâu nữa.

– Thưa mợ, nhưng mợ hai bảo con bế vào.

Tiếng người vú trả lời.

– Cứ mợ ấy bảo bế vào là phải bế à? Ai làm chủ cái nhà này, tôi hay mợ hai? Tôi nuôi vú, trả công vú hay mợ hai nuôi vú?

Đứa bé khoa tay, chân, reo lên mấy tiếng nhỏ. Quỳ cúi xuống cạnh nôi, xòe một bàn tay đặt lên mình con cho nó nằm yên. Nàng vẫn lắng nghe bên ngoài. Thì ra người chị đã cấm không cho bế thằng bé vào với nàng. Hèn gì con vú ngần ngại lúc nàng đòi mang thằng Tính vào buồng, đã vùng vằng bế Tính ra. Tại sao người chị lại không muốn cho Tính vào buồng? Tiếng con vú:

– Con vẫn biết mợ nuôi, nhưng mợ hai sai con, con cũng không dám trái. Không phải là lỗi tại con. Nếu mợ không bằng lòng thì mợ tìm người khác nuôi chú, con xin mợ con ra.

– Được rồi, vú muốn ra thì tôi tìm người khác, rồi cho ra, tôi không giữ: có cơm có gạo, không thiếu gì người. Cái lối các người vẫn

thế, ở đâu cũng không đậu chân, no cơm lành áo, thấy hợp trẻ là làm mình làm mẩy. Đây tôi không phải chiều vú em như chiều mẹ già.

Nhời nói cứng, nhưng giọng nói đã bớt găng. Qua hai ba người, đã mất nhiều tiền quà cho bọn đưa người ở mới nuôi được con vú này. Nó tốt sữa, sạch sẽ, chăm công việc. Ngoài việc chăm nuôi Tính, nó còn hầu hạ Quỳ trong lúc ốm, giặt dịa, sắc thuốc men, Quỳ thương hại nó vì nàng mà phải mắng. Nàng không hiểu sao người chị lại bất bình, chỉ vì nàng đã bảo bế Tính vào buồng với nàng trong chốc lát.

"Làm gì mà ầm lên thế?" Mậu về, và đã nghe thấy câu cuối cùng của vợ cả. Con vú vội nói: "Thưa cậu, buổi chiều mợ hai bảo con bế chú vào buồng. Con bế vào. Mợ cả đi chơi về mắng con, chứ con có làm gì đâu!" Tiếng Mậu: "Thôi, im đi, có thế mà cũng ầm lên".

Quỳ rón rén trở vào buồng. Nàng để hé cửa để nghe chuyện bên ngoài, rồi lên giường nằm.

Mậu vào nhà, vợ cả theo vào.

– Mắng mỏ làm gì, bây giờ nuôi được người vú khó lắm. Mợ không thấy tốn bao nhiêu công phu mới nuôi được con vú này à?

Người vợ cả chưa hết giận:

– Nhưng nó phải nghe lời tôi chứ? Cơm ăn tiền lấy, mà nó không coi lời tôi vào đâu là cớ làm sao?

– Cái gì mà nó không nghe?

– Tôi đã bảo nó bao nhiêu lần rằng đừng bế thằng bé vào buồng, mà hễ rời tôi ra nó lại bế vào.

– Bế vào thì làm sao?

– Làm sao à? Làm sao rồi biết. Thằng bé trứng nước, hơi sức là bao mà cho ấp lấy hơi người ốm. Không sợ rồi...

– Chà. Khéo lo xa thế. Dễ mỗi lúc mà đã lây ngay sang được. Nó nằm trong buồng vò võ một mình, thỉnh thoảng cũng cho nó chơi với con nó chứ. Có phải lỗi tại con vú đâu!

Mậu vẫn dịu giọng, muốn cho vợ im tiếng.

Người vợ vẫn còn tức giận, gây với chồng.

– Không phải lỗi nó thì lỗi ai, mà cậu còn bênh nó chầm chập? Dễ thường tôi không nói được ai ở cái nhà này nữa.

Đến lượt Mậu nổi nóng:

– Ai bênh nó? Nói thế mà nghe được à? Nó đi ở, chủ sai thì nó phải làm.

– Tôi là chủ nó. Tôi bảo nó nghe lời tôi.

– Tùy từng cái nghe. Việc gì lại cấm bế thằng Tính vào buồng? Con mợ đấy mà mợ giữ? Muốn giữ đẻ ra mà giữ.

Sau cái câu buông xõng ấy, Mậu bỏ mặc vợ cả, vào buồng Quỳ. Mậu đến cạnh giường:

– Em đã đỡ mệt chưa?

Quỳ làm bộ mệt nhọc:

– Em đã đỡ, chuyện gì ở ngoài ấy thế?

Nàng đã nghe rõ, không sót một tiếng, nhưng cũng vờ như không biết tí gì.

– Không, có gì đâu. Có ra ăn cơm được không, hay để nó mang vào?

– Thôi, để em ra ăn.

Mậu ra ngoài. Ít lâu nay, Mậu hay săn sóc đến nàng. Những lúc đi làm về, thường vào ngồi cạnh giường nói một vài câu chuyện. Mậu chăm nom Quỳ ra mặt không còn kiêng nể gì vợ cả. Trong lúc Quỳ mệt, có lúc chính tự tay chàng mang cơm nước vào buồng, ngồi nhìn người vợ lẽ ăn. Quỳ nhận thấy dáng điệu ấy, nhưng cũng chẳng vui thích gì. Trước kia, đã được chiều chuộng như vậy, thì Quỳ có lẽ đã yêu chồng. Nhưng Quỳ đã phải sống lâu ngày trong sự thất vọng, buồn bã. Mấy giọt nước tưới chậm, không đủ hồi sinh cái mầm đã khô héo. Quỳ đã xét đoán chồng, sự xét đoán rất là nghiêm khắc làm anh chàng mất cãi. Bây giờ, Quỳ thờ ơ với cử chỉ âu yếm của chồng.

Mậu đã giữ lời tự hứa với chàng. Từ lúc Quỳ có mang, Mậu luôn luôn săn sóc nàng, như săn sóc một người ốm. Mậu đã ít ra ngoài, bây giờ lại không còn đi đâu. Trừ hai buổi ở sở, lúc nào chàng cũng ở bên Quỳ. Trong nhà hình như không có người vợ cả.

Và, lạ thay! Người vợ cả không một chút phiền lòng. Lúc chồng tỏ vẻ âu yếm trước mặt chị, Quỳ ngơm ngớp sợ một chuyện ghen tuông. Nhưng không. Người vợ cả lánh đi nơi khác, và như lấy thế làm vui. Quỳ vốn yếu, mấy tháng sau khi có mang, thường có những váng vất, khó chịu. Người chị giục nàng tiêm thuốc. Lúc nàng ở cữ, người chị hết lòng, hết sức săn sóc đứa bé, tìm vú bõ, chạy ngược chạy xuôi mà không có một lời phàn nàn. Đang lúc yếu đau, Quỳ thấy

thế cũng vui lòng, và đâm phân vân, ngờ rằng bấy lâu nay đã nhận lầm chị. Không lẽ những cử chỉ ấy lại giấu một tâm hồn bạc ác.

Bây giờ Quỳ chợt hiểu. Người chị tử tế với nàng chỉ vì thằng Tính, chỉ vì đứa con nàng. Lúc nàng có mang, thì người chị chỉ biết đứa con. Chẳng thế, sao mấy tháng giời, nàng ốm nằm một chỗ, người chị không hề nhìn đến. Thuốc chồng lấy, người ở sắc mang vào buồng. Người chị như không biết đến. Thấy chị thường phải vất vả về đứa trẻ: đêm hôm nhiều khi phải dậy quát tháo người ở pha sữa, thay lót, Quỳ cũng thấy đỡ oán chị, và mừng thầm con nàng được người trông nom chu đáo. Chu đáo đến nỗi không cần tới nàng! Ôm vào buồng một lúc, mà người chị cũng không bằng lòng, rầy la con vú. Quỳ chắc không phải vì sợ nàng ốm mà chị nàng không muốn cho Tính đến. Những lúc nàng đỡ mệt, ra nhà ngoài, đến gần hoặc bế Tính chốc lát, thì người chị cũng tỏ vẻ khó chịu, tìm cách đòi lại đứa bé, hoặc giao cho vú. Nàng cho là người chị thương nàng mệt. Nay Quỳ thấy không phải vì thế. Quỳ lờ mờ thấy người chị muốn chiếm hẳn lấy đứa bé, không cần gì đến nàng.

Quỳ nhớ lại chuyện cũ, nghĩ đến địa vị nàng, dần dần hiểu cái trường hợp từ khi nàng có mang. Nàng vào cái gia đình này, chỉ vì người ta muốn có một đứa con. Mẹ nàng, vợ chồng Mậu đã nói rõ mục đích ấy, khi cưới nàng về. Rồi những chuyện tình ái, ghen tuông làm Quỳ quên hẳn cái công việc người ta trông đợi ở nàng. Nàng quên, nhưng người ta không quên. Khi Quỳ có thai, bao nhiêu những nỗi bất bình, những chuyện ganh ghét, ghen tuông dẹp yên cả lại. Nàng được vỗ về chăm chút, không phải vì nàng, mà vì đứa con trong bụng nó là sự mong đợi của hai vợ chồng Mậu, là kết quả bao nhiêu hy vọng, mong mỏi bấy lâu nay. Bây giờ, đứa con đã được vuông tròn, nàng bị gạt ra ngoài. Người ta chăm nom đứa bé, chăm nom cho con vú để tốt sữa nuôi Tính.

Quỳ còn ngờ, không dám tin những ý nàng nghĩ. Hoặc giả chị và chồng vẫn tốt, chỉ vì nàng đã ghét sẵn họ mà tưởng tượng ra thế? Nàng sẽ dò xét cho ra lẽ. Nếu họ thực có ý nghĩ ấy, thì địa vị nàng không hơn gì con vú. Một người công đẻ, một người công nuôi, cả hai cùng bị chủ nhà khinh rẻ. Nàng không chịu được cái nhục ấy. Chẳng thà như ngày trước, hiềm khích, cãi cọ nhau, người ta còn để ý đến nàng, địa vị nàng.

Quỳ lại tự trách mình không trông nom đứa bé. Nàng đã coi công

việc đó là một gánh nặng, vui lòng thấy người cáng đáng dùm. Vừa phần nàng bị đau yếu, vừa phần nàng chưa thiết tha đến Tính. Bây giờ tình mẫu tử đột khởi trong lòng Quỳ. Nàng sẽ giữ diệt lấy nó, xem họ cư xử ra sao?

Quỳ mở cửa buồng ra ngoài. Người chị đang cúi cạnh cái nôi thay áo cho Tính. Thằng bé dẫy đạp lia lịa. Bà Mậu vừa xỏ tay áo cho Tính, vừa chắc lưỡi hỏi chuyện, nét mặt đầy vẻ hân hoan của người mẹ hiền nhìn đứa con yêu. Tự nhiên Quỳ thấy ghen tức, nàng lại gần:

– Chị để em thay áo cho cháu.

Bà Mậu quay lại, mất hết dáng vui vẻ. Bà nhạt nhẽo trả lời:

– Để mặc tôi, dì cứ vào trong buồng mà nằm. Cũng gần xong rồi.

Quỳ sán lại gần nôi, nhìn chị mặc nốt áo cho Tính. Nàng thấy ngượng vì thấy một người khác làm việc đáng lẽ của nàng, và tủi vì chính con nàng mà người ta không khiến nàng săn sóc. Nàng muốn kiếm chuyện với chị ngay lúc ấy, nàng muốn nói to, bảo chị: "Chị cứ để mặc nó cho tôi. Con tôi đẻ ra, tôi trông nom không khiến ai nhìn đến nó. Việc gì đến chị, mà chị lại cấm cả mang nó vào buồng với tôi?" Gây chuyện như vậy thì vô lý quá. Quỳ đành đứng nhìn, đợi một cơ hội khác. Mậu ở đâu cũng lại gần nôi, nhìn con và hai vợ. Một bức tranh gia đình êm đẹp: chồng, hai vợ họp quanh đứa con. Nếu biết rõ tư tưởng từng người, thì ý nghĩa bức tranh lại khác.

Tính đã mặc xong áo, ngơ ngác nhìn mấy người bằng cặp mắt chưa được vững. Quỳ cúi ôm lấy con, bồng lên, nói nựng:

– Mợ bế con tí nhé!

Người chị nhìn theo Quỳ đi lại chỗ bàn ăn. Bà gọi to:

– Vú em đâu? Lên cho Tính bú nhé.

Và quay vào bảo Quỳ:

– Dì đưa cho nó cho bú. Từ trưa, Tính chưa được ăn.

– Chị để em bế Tính một lúc đã.

Quỳ ngồi xuống ghế, hai tay nâng ngang nách đứa bé, đỡ nó đứng lên đùi nàng. Thằng bé không chịu đứng yên, dún dẩy làm xô cả lót, thỉnh thoảng lại ngả khuỵ xuống mẹ. Tính mới bẩy tháng, mà cứng cát bằng đứa trẻ đã đầy năm. Quỳ ngắm con không chán mắt. Người vú em đã đứng bên.

– Thôi, dì đưa nó cho bú. Vú đỡ lấy chú.

Quỳ không muốn đưa. Người chị tiếp:

– Bây giờ đã đến giờ Tính ăn rồi, chậm thì lại khóc thét lên. Nuôi trẻ cần nhất là phải có giờ giấc. Tập được cho trẻ tính ăn, ngủ có giờ khó lắm, mỗi chốc không nên bỏ mất đi. Chú Tính bây giờ đã quen lắm rồi, chậm ăn một tí là khóc.

Quỳ chẳng thấy Tính khóc bao giờ, chẳng qua chị nàng bịa đặt ra. Tính lành như cục bột. Còn như cách thức nuôi con, thì chắc cũng học lỏm ở đâu, nghe ai nói, chứ chị nàng không khác gì nàng, chưa có kinh nghiệm về nuôi con mọn. Quỳ khó chịu về cái giọng kẻ cả, dậy người ấy. Con vú đã bế lấy Tính, tựa hồ như dằng ra khỏi lòng nàng:

– Mợ đưa chú cho con.

Người chị lại lên giọng sành sỏi:

– Những người mệt yếu không nên bế trẻ. Trẻ con phần nhiều cựa cậy luôn. Biết đâu, lỡ ra hoa mắt, sẩy tay là vứt trẻ xuống. Lấy lại cũng không kịp.

Mậu chen vào:

– Chú Tính đến giờ ăn, thì mình cũng đến giờ ăn rồi. Đi ăn cơm.

Người chồng vui vẻ nhìn hai vợ cùng ngồi một mâm, thấy Quỳ đã có dáng lành mạnh. Quỳ thấy những điều nàng nghĩ không nhầm, nhưng chưa chắc lắm, nàng còn cần biết rõ hơn.

XII

Quỳ giục con vú:

– Xuống xem nước được chưa.

Người vú chạy xuống bếp. Quỳ xếp mấy chiếc áo sạch, bế Tính đặt nằm ngửa lên ghế ngựa.

– Mợ tắm cho con nhé!

Nàng cởi áo, bỏ lót cho Tính. Thằng bé tròn trĩnh phơi cái bụng trắng hồng, hai chân đạp lia lịa, chỉ chực lật sấp xuống. Quỳ giữ lấy mình đứa bé, không cho lẫy, cúi hỏi chuyện con. Thằng bé toét miệng cười, chân càng đạp khỏe. Quỳ thấy hay, lấy tay chọc cái bụng đứa bé cho nó cười thêm. Con vú dưới bếp lên, trông thấy kêu:

– Ấy chết, sao mợ lột trần chú ra thế?

– Nước đâu?

– Nước chưa được nóng lắm, mợ hãy mặc áo cho chú kẻo chú lạnh.

– Được, để chú nằm chơi một tí, trời này lạnh gì.

Quỳ sẽ cù Tính, đứa bé cười lên tiếng. Con vú thấy hay hay cũng *đến cạnh giường. Quỳ hỏi:*

– Chú béo đấy nhỉ, vú nhỉ?

– Sao mợ lại quở quang chú thế, mợ không kiêng cho chú à?

– Vẽ! Việc gì mà kiêng? Chú béo thì nói béo, dễ nói thế mà gầy đi được à?

– Đã đành rằng thế, nhưng người ta bảo có kiêng có lành. Con mà nói thế thì phải mắng chết.

– Ai mắng?

– Mợ cả mắng con. Thỉnh thoảng con có lỡ mồm câu gì, khen chú khỏe mạnh hay xinh đẹp thì mợ cả mắng như tát nước vào mặt. Mấy hôm sau còn sợ, chỉ sợ, nói dại, chú có vang mình sốt mẩy làm sao, mợ cả bảo tại con quở quang chú thì thật chết.

Quỳ bĩu môi:

– Rõ khéo vẽ! Thời buổi văn minh này còn ai tin những cái nhảm nhí ấy.

– Vâng, con thấy bên bà Tâm chẳng kiêng khem gì mà đứa con nào cũng như hòn bột. Mợ cả con thì kỹ kiêng quá.

– Hủ chết đi ấy, nói làm quái gì.

Đứa bé đùa một lúc đã mệt, nằm yên, hai mắt lừ đừ. Quỳ cù nó cũng không cười. Mỗi lần ngón tay nàng đụng đến nách thằng bé, nó lại co chân lên, dúm người lại, miệng méo như muốn khóc. Quỳ bảo con vú:

– Thôi xuống lấy mau nước lên, đứng mà nói nhảm mãi.

Con vú mang thau nước nóng lên, và đỡ Quỳ tắm cho Tính. Nàng đặt Tính vào thau, đỡ đầu nó lên khỏi mặt nước, trong khi người vú kỳ cho đứa bé Quỳ nhớ lại lúc còn bé tắm cho con búp bê bằng nhựa. Bây giờ là một con búp bê lớn, biết cử động. Nàng nắm hai cái đùi mập mạp, và giữ chặt hai bàn tay đứa bé để cho nó hết sức cựa gỡ ra.

Con vú nói:

– Thôi lau cho chú. Tắm lâu rồi sợ lạnh. Mợ cả con cũng sắp về.

– Mợ cả về thì về chứ sao. Việc gì mà vú phải sợ.

– Mợ cả không bằng lòng để ai tắm cho chú. Lần nào cũng chính tay mợ cả tắm.

Quỳ gắt với con vú:

– Không ai tắm được cho chú nhưng tôi tắm được. Không việc gì vú phải sợ. Cứ bảo là tôi tắm cho chú đấy, thì ai làm gì?

Quỳ cũng đã thấy mệt. Nàng mới ốm dậy, đùa với con từ nãy, lại phải giữ nó trong thau nước. Nàng nhấc Tính ra đặt lên giường cho vú xoa phấn và mặc lại áo lót.

– Vú cho bú đi. Tôi đi nằm một lát.

– Thưa, chưa đến giờ bú. Mợ cả bảo...

Quỳ gắt:

– Mợ cả, mợ cả, lúc nào cũng mợ cả là nghĩa làm sao? Tôi sai vú không được à? Tôi bảo gì thì vú cứ việc nghe, tội vạ đâu tôi chịu, không việc gì đến vú.

Con vú vội nghe theo. Nó ngạc nhiên nhìn cô chủ, mới vừa rồi còn vui tính, mà bây giờ đã gắt gỏng. Nó ngơm ngớp sợ bà Mậu về ngay lúc ấy. Chẳng biết gì, nó hãy bị mắng trước.

Vì gượng suốt buổi sáng, nên chiều hôm ấy Quỳ lại mệt, nằm lì trong buồng. Mậu đã về, sắp đến bữa ăn mà nàng cũng không muốn ra. Bên ngoài, bà Mậu mặt lầm lầm. Con vú đã hết sức giấu việc tắm cho Tính, nhưng khi bà Mậu thấy Tính đã thay áo, đầu còn ướt, và vết nước bắn còn trên gạch nhà, bà biết ngay. Tuy biết đầu tiên tại Quỳ bà cũng dọa con vú: "Nói đổ xuống sông xuống biển, chú mà làm sao thì tôi bảo cho vú".

Đến giờ bữa ăn chiều, người vú bế Tính cho bú. Trái với mọi lần, mỗi khi đầu vú kề đến miệng, Tính đớp ngay lấy nún rất ngon lành, và giương mắt thao láo nhìn lên mặt người vú, lần này thằng bé nún vài cái, rồi nhả đầu vú, mắt lờ đờ, lim dim như buồn ngủ. Người vú cố nhét đầu vú vào miệng Tính. Thằng bé uể oải nún vài cái, rồi lại nhả ra. Người vú nựng:

– Bú đi chứ, chú. Sao biếng ăn thế?

Người vú đã cố mấy lần, Tính vẫn không chịu bú.

– Ô hay, sao hôm nay em tôi biếng ăn thế này? Bà Mậu lại nhìn vú em, nhìn Tính. Bà đặt bàn tay lên trán đứa nhỏ. Bà thất sắc:

– Thôi chết rồi! Rõ khổ, thực là nó giết thằng bé!

Mậu vội chạy lại:

– Cái gì thế?

– Cái gì à? Cậu thử sờ đầu Tính xem. Thật rời tôi ra là hỏng. Giời gió máy như thế, nó lôi thằng bé ra tắm. Bây giờ thằng bé sốt rồi!

Mậu đặt một tay lên trán Tính, nghe một lát:

– Ừ, hình như sốt thật.

– Đầu nó nóng như thế lại còn "hình như" gì nữa? Đưa ngay nó đây.

Con vú, mặt đã tái mét, vội đưa Tính cho bà Mậu. Bà ủ Tính vào lòng đăm đăm nhìn thằng bé. Tính nhắm mắt thiu thiu ngủ, Mậu luống cuống:

– Hay đi mời ngay thầy thuốc cho nó?

Người vợ cả không để ý đến lời chồng:

– Tôi đã nói bao nhiêu lần, có đứa nào chịu nghe tôi đâu, không kiêng khem gì cho thằng bé.

Bà nhìn vú:

– Rồi tao bảo cho mày.

Con vú vội cãi:

– Thưa mợ, tại mợ hai chứ có tại con đâu? Con đã bảo không nên tắm cho chú, mợ hai không bằng lòng, nhất định đòi tắm. Con biết sao được.

Quỳ thấy ồn ào bên ngoài, mở cửa ra vừa nghe thấy câu người vú. Nàng ngơ ngác nhìn mấy người, nét mặt hầm hầm của chị, vẻ sợ hãi của con vú, dáng điệu luống cuống của Mậu.

Nàng sẽ hỏi:

– Cái gì thế?

Người vú vội đổ trách nhiệm cho nàng:

– Thưa mợ, hình như chú ấm đầu, mợ cả bảo tại con đem tắm cho chú sáng ngày. Con cũng nói là không phải tại con.

Nó nhìn Quỳ, như muốn tiếp: "Tại mợ đấy nhé. Con đã bảo mợ, mợ chẳng nghe, bây giờ làm con phải mắng oan".

Người chị không để ý đến Quỳ, vẫn lải nhải:

– Thật là nó coi giời bằng vung, lo lại không có lúc trắng mắt ra.

à. Đã biết gì, biết gì mà tắm với rửa, chăm với nom. Được yên thân, không bận đến thần xác, nó lại còn không nghe, còn làm khổ người ta!

Quỳ thấy tiếng "nó" chỉ vào nàng. Nếu nàng muốn gây chuyện, thì không còn dịp nào tốt hơn. Nhưng nàng đã quên cả ý muốn cãi nhau với chị.

Nhìn Tính thiu thiu trong lòng chị, thấy Tính ốm, Quỳ tự nhiên thấy trái tim dội lên. Nỗi sợ hãi chung quanh lây sang người mẹ. Tự nhiên, Quỳ hồi hộp, bồn chồn. Hay thực vì nàng mà Tính ốm? Nàng nhớ lại: sáng ngày, lúc tắm, nàng có khen con béo tốt, quở quang thằng bé. Biết đâu những lời đó không linh nghiệm? Người ta kiêng không phải là vô cớ.

Quỳ chưa thoát khỏi những tin tưởng ấy. Những lời nàng nói với con vú, chẳng qua chỉ vì bướng bỉnh, tỏ ra nàng không sợ chị. Nàng muốn lên mặt với người vú. Bây giờ, Quỳ thấy tự ngờ mình, và như có ý hối tiếc. Quỳ lại nhớ đã lột trần thằng bé và ngâm nước rất lâu. Không biết lúc ấy cửa đóng hay mở. Một cơn gió có thể thổi qua; người ta thường bị cảm về một cơn gió nhẹ. Nếu Tính làm sao...

Những ý tưởng hắc ám dồn dập, Quỳ không biết nói gì, làm gì, Quỳ, Mậu, người vú cùng nhìn người vợ cả với thằng bé con, đợi một ý định. Người vợ cả áp tay lên trán Tính, nghe ngóng như một y sĩ.

Quỳ dơ tay:

– Chị đưa cháu cho em.

Người chị ngước nhìn Quỳ, vẻ mặt không chút hiền hậu:

– Thôi, cô để mặc tôi.

Bà quay sang chồng, gắt:

– Cậu không đi mời ngay ông lang, còn đứng làm gì như bụt mọc ở đây?

Mậu vội đi thay áo:

– Tôi đi mời đốc tờ nhá?

Vợ cả lại gắt:

– Mời đốc tờ làm gì. Cứ mời cụ lang đằng đầu phố là đủ. Cụ ấy là danh sư, có tiếng là mát tay chữa trẻ, cậu đi mau lên.

Quỳ muốn mời đốc tờ. Nàng nghĩ rằng chỉ đốc tờ mới là người chữa được bệnh. Ở thời này, mỗi khi ốm, người ta mời đốc tờ nhiều khi không phải vì nghĩ rằng họ đã nhiều công nghiên cứu, nhiều kinh

nghiệm về y học, có tài chắc chắn để tin cậy, mà chỉ vì mời đốc tờ là một cái "mốt". Mời đốc tờ nghe sang và hợp thời. Quỳ muốn theo cái "mốt" ấy. Quỳ cho là chị sợ tốn tiền nên mới mời ông lang ta. Nhưng Quỳ không dám nói; lời người chị chắc chắn, quả quyết như một thượng lệnh. Mậu đã ra khỏi nhà.

Cụ lang theo chân Mậu đến. Cụ nhìn thần sắc thằng bé, xem kỹ mấy đốt ngón tay, nghe mạch. Cả nhà ngơm ngớm chờ đợi một lời cụ lang như có thể tác phúc tác họa cho họ.

– Không sao. Cháu bị cảm, chắc là tại ra gió.

Bà Mậu liếc nhìn Quỳ rất nhanh, hỏi lại:

– Thưa cụ, cháu bị cảm xoàng thôi chứ?

– Xoàng thôi, đừng lo, không việc gì cả. Cho người nào lại lấy mấy viên thuốc về mài cho cháu uống. Cháu ngủ một đêm, sáng mai thì khỏi.

– Thưa cụ, thế không phải uống thuốc chén?

– Không, không nên. Con trẻ cho uống thuốc chén làm gì. Chỉ thuốc viên cũng đủ khỏi.

Mọi người còn có vẻ lo ngại, cụ lang tiếp:

– Cứ yên tâm, không sao đâu mà. Trẻ con nó vang mình sốt mẩy là thường. Có thế mới dễ nuôi.

Cụ lang còn theo cái thuyết cổ là trẻ con cần phải có những lúc đau yếu, sài đẹn, đứa nào dễ nuôi, khỏe mạnh quá cũng không tốt.

Cụ lang về, họ yên lòng một đôi chút. Bà Mậu như thấy đầu Tính bớt nóng. Uống thuốc xong, thằng bé nằm ngủ, thở khò khè. Bà Mậu sẽ đặt Tính vào nôi, bảo người vú:

– Thôi, chú mới uống thuốc, để yên cho chú ngủ. Đêm chú có đòi ăn hãy cho bú.

Quỳ bảo chị:

– Đêm nay chị để cháu nằm trong buồng với em.

Bà Mậu ngạc nhiên ngửng nhìn Quỳ.

Nàng tiếp:

– Để cháu ngủ với em, đêm hôm em trông nom cho nó.

Bà Mậu bĩu môi:

– Trông với nom gì! Cô làm khổ nó thế không chán ư?

Nỗi lo sợ về Tính đã bớt, Quỳ không sợ người chị như khi nãy. Nàng bắt đầu thấy tức, chau mày:

– Chị bảo thế nào là làm khổ nó. Làm khổ nó, làm khổ nó cái gì?

Bà Mậu vẫn đủng đỉnh:

– Cô xem đấy. Cô lôi nó ra tắm, để thằng bé phải cảm, thế không phải là làm khổ à?

Quỳ vin lấy lời cụ lang khi nãy.

– Nó phải cảm thì nó phải cảm, đứa trẻ nào chẳng có lúc ươn mình, cứ gì phải vì tắm cho nó. Không tắm mà không phải cảm được à?

Mậu thấy sắp có chuyện, vội chen vào:

– Thôi, đằng nào việc cũng xẩy ra rồi, nói đi nói lại mãi vô ích. Từ rầy nên cẩn thận một tí.

Quỳ như thấy chồng có ý bênh vợ cả, càng tức:

– Chị nói những câu đến hay. Chị làm như tôi không biết trông nom con nhỏ là cái gì.

– Cô trông nom cho cô chả xong, còn nói trông nom cho ai.

Mậu lại chen vào:

– Đã bảo thôi mà. Lại sắp ầm nhà lên bây giờ. Có để yên cho nó ngủ không?

Quỳ hạ thấp giọng, mát mẻ:

– Phải, tôi thì trông nom được ai. Nếu tôi trông nom được cho ngay lấy tôi thì đã chẳng đến nỗi.

Câu nói gợi ra hết tình cảnh của mấy người, những nỗi bất hòa từ xưa, đã vỡ ra, hoặc vẫn ngấm ngầm trong lòng họ. Không còn gì ngăn nổi sự xô xát.

Mậu vẫn cau có:

– Đã bảo thôi mà lại. Sao lại đến lắm nhời! Thằng bé dậy bây giờ, thì...

Lời dọa của Mậu không đủ dập tắt hai cái núi lửa sắp phá ra. Người vú vội lẻn ra ngoài. Bà Mậu, khôn ngoan, không để cho Quỳ ra khỏi câu chuyện trông nom thằng Tính:

– Thì đấy, cô xem. Tự nhiên, cô lôi thằng bé ra dầm nước cho nó sốt. Từ lúc sinh nó ra, cô đã săn sóc cho nó được những gì? Nó ăn cô không biết, ngủ cô không hay. Việc gì cũng mặc con vú già này. Như

thế cô còn chưa vừa lòng hay sao mà còn muốn làm hại nó? Để cho cô trông nom thằng bé, thì nó xanh cỏ đã lâu rồi.

Hình ảnh cái chết, đột ngột ném vào giữa chỗ có đứa trẻ đang ốm, làm cả ba người lạnh gáy. Bà Mậu, vốn tính kỹ kiêng, phải tức giận lắm mới nói đến câu ấy. Cơn giận của Quỳ như dẹp bớt, tuy chưa tắt hẳn. Nàng càng tiếc rằng xưa nay không nhìn đến con. Nàng nói nhỏ hơn:

– Tôi ốm thì trông coi sao được nó?

– Phải, cô ốm. Ốm như cô thì ai ốm cũng được.

Thì ra người chị không cho là nàng ốm thực, nhưng vẫn vờ tin, để được toàn quyền với đứa con. Tính tình người mẹ trỗi dậy trong lòng Quỳ:

– Tôi ốm hay không thì chị biết, không phải là tôi vờ vẫn để lấy cớ mà nằm. Ai muốn ốm đau làm gì? Nhưng bây giờ tôi đã đỡ, thì tôi trông nom cho con tôi, không phải phiền đến chị, để chị lại kể công phải săn sóc nó.

– Ai thèm kể? Ai săn sóc nó thì đã rành ra đấy.

– Không kể mà lại thế. Nhưng cũng xin cám ơn chị.

Câu nói mát mẻ ấy càng làm người chị tức giận. Bà giằn từng tiếng:

– Đấy, ai mà tranh mất? Dễ người ta hứng lấy cái tội làm vú già!

Quỳ cũng giằn từng tiếng, như nói một mình:

– Tranh làm sao được. Có phúc mới được làm vú già như thế!

Mặt người chị tái đi, hai mắt lồng lên. Cơn giận đã lên đến cực độ. Bà bước lại gần Quỳ, như túm lấy nàng:

– Này, cô đừng có láo! Cô bảo tôi vô phúc, hử? Tôi vô phúc thì tôi cũng còn làm chủ cái nhà này. Tôi còn dầm được đầu cô xuống. Cô không được hỗn. Cô đừng cậy có được đứa con mà hỗn láo với tôi. Tôi có quyền tống cô ra khỏi cái nhà này, không cho cô nhìn đến thằng Tính, cô hiểu chưa!

Không còn thế gì giữ được ôn hòa, Quỳ không nhịn nhục như xưa, nàng không chịu kém cạnh nữa. Lúc này, đã đến cơ sự này, phải cho ra lẽ. Nàng lại lờ mờ thấy rằng có Mậu ở đấy, dù sao người chị cũng không dám xúc phạm được đến người nàng. Cuộc xô xát kịch liệt vì nhiều lẽ: vì ghen tuông, vì đứa con, vì những điều phẫn uất ngấm ngầm trong lòng mỗi người.

Quỳ chõ vào mặt chị:

– Không phải tự nhiên tôi về đây. Chẳng ai đuổi được tôi ra khỏi cái nhà này cả. Con tôi, tôi có quyền giữ nó, cấm không cho ai động đến!

– À con này láo hở?

Bà Mậu sấn lại, tay trái nắm áo Quỳ, tay phải giơ cao. Cánh tay chưa kịp hạ xuống, thì Mậu đã chen vào giữa, gỡ Quỳ ra:

– Khổ lắm! Khổ lắm! Đã bảo thôi đi mà lại. Thế này còn ra thể thống gì?

Quỳ nấp đằng sau lưng chồng:

– Con này với con kia gì. Tiền mua gạo đổi, nói rã bọt mép ra người ta mới về đây. Dễ thường mỗi chốc mà "tống cổ" được đấy à?

Người chị giằng co với Mậu, định xông vào Quỳ:

– Để tôi cho nó một trận, nó lại láo à? Nó địa vị gì ở cái nhà này.

Mậu cố ngăn vợ cả:

– Thôi, tôi xin, tôi xin cả hai. Đừng có ầm lên nữa. Rõ khổ!

Anh chồng chỉ biết kêu khổ. Người vợ cả vẫn không im:

– Tao lại không tống cổ được mày à? Tao tưởng mày tử tế, lấy mày về, ai ngờ... Hừ, thật là rước voi về dày mồ! Được đằng chân, lân đằng đầu. Nằm thườn thượt ra cả ngày, cơm bưng tận miệng, nước rót tận mồm, mày còn chưa mãn nguyện. Mày tưởng đẻ được đứa con đã là to lắm à? Tao còn làm chủ cái nhà này. Mày đẻ ra nó, nhưng tao còn là mẹ già nó. Lấy mày về đây để có con thì nó là của nhà này, mày không có quyền làm hại nó.

Dáng điệu Mậu rất luống cuống. Anh chàng không dám nói vợ lẽ, không dám nói vợ cả, chỉ loanh quanh che đậy. Họ vẫn không chịu im. Cho hả cơn tức, Mậu vớ lấy cái cốc, đập mạnh xuống nhà:

– Không còn ai nghe tôi, hử? Thế này còn ra thể thống gì!

Cái cốc tan ra từng mảnh vụn, người vợ cả nói:

– Đập. Cứ đập nữa đi. Đập rồi lại sắm. Còn chán tiền.

Những người nhu nhược, mỗi lúc khùng lên, thường hay đập phá, mà đã bắt đầu đập một vật gì, thì khó ngừng lại được. Mậu cho thêm cái tích nước xuống sàn:

– Đã thế thì cho tan tành hết! Tan tành hết!

Tiếng tích vỡ to quá. Thằng Tính nằm trong nôi khóc thét lên.

Quỳ giữ lấy tay Mậu. Ba người tự nhiên im lặng, nhìn về phía tiếng khóc. Con vú đã vội chạy lên bế Tính. Nhân lúc ấy Mậu đẩy Quỳ vào buồng:

– Thôi, đừng nói gì nữa. Đi vào, em đi vào.

Quỳ vào buồng:

– Nhịn cũng phải có chừng. Quá lắm, không ai nhịn được.

– Thôi, tôi xin. Đừng nói gì nữa. Thì hãy nghe tôi một tí nào!

XIII

Thế là nàng đã biết rõ. "Mày đẻ ra nó, nhưng tao còn là mẹ già nó. Lấy mày về đây để có con, thì nó là của cái nhà này, mày không có quyền..." Người ta đã nói ra miệng. Thật là rành rọt, không còn úp mở gì. Tất cả cuộc xô xát vừa qua, Quỳ chỉ nhớ rõ mấy câu ấy, là câu nàng cần biết nhất. Nó định đoạt hẳn cái địa vị nàng, giải nghĩa các câu chuyện từ lúc nàng có chửa. Đúng lời nàng đoán: người chị muốn chiếm hẳn đứa con.

Người chị kể cũng có lý. Trong những gia đình cũ, người mẹ già bao giờ cũng có quyền đến các con vợ lẽ, có quyền hơn cả chính người mẹ đẻ. Trong nhiều nhà, con người vợ lẽ phải gọi vợ cả là "mẹ" và gọi mẹ mình là "đẻ" hay "chị". Đẻ đây chỉ có nghĩa là đẻ ra.

Chế độ ấy không hợp với chủ nghĩa cá nhân, nhưng đã nhận chuyện cả lẽ, thì tất phải nhận lấy nó. Quỳ đã lấy lẽ Mậu, thì con nàng phải thuộc quyền vợ cả. Đi đến đâu người chị cũng vẫn có lý. Quỳ thấy thêm một điều nữa tỏ địa vị hèn kém của nàng.

Quỳ thấy cồn cào trong lòng. Tức, tủi thân, và đói. Bữa cơm chiều chưa kịp ăn uống gì thì đã sinh chuyện. Con ở chắc đã dọn mâm. Trong nhà yên lặng. Bên cạnh Quỳ, Mậu nằm vắt tay lên trán, thỉnh thoảng thở dài.

Người chồng đang tìm cách hòa giải cái tình thế lộn xộn này. Không còn đâu cái sướng lấy vợ lẽ. Những phút ái ân với Quỳ đã mất hẳn theo thời gian, chuyện lôi thôi thì vừa xẩy tới. Cái kỷ niệm lờ mờ lấn át sao nổi những cảm giác đang bừng bừng. Phương chi Quỳ đối với chàng đã lạnh lẽo, không còn đủ đền bù cho chàng những lúc khó chịu này. Bây giờ chỉ là bực tức, chán nản. Mậu cũng không nghĩ

gì đến đứa con. "Thế là mai lại phải mua chiếc bình tích khác, cả cái cốc nữa. Biết thế thà đừng lấy vợ lẽ. Chẳng con thì đừng con. Thiên hạ thiếu gì người ăn cháo lá đa. Hương với khói! Tội chết chưa thấy đâu đã thấy ngay tội sống!"

Anh chàng đâm hối. Nhưng cơ sự đã rồi, biết làm thế nào? Cả hai người vợ cùng gớm khiếp cả, không có chàng hôm nay thì có lẽ họ đánh xé nhau. Quỳ sức yếu chịu sao nổi. Không ai coi chàng vào đâu, chàng chẳng bảo được ai. Rồi năm ngày ba ngày, lại xẩy ra một trận như thế, thì cái nhà này đến thành địa ngục. Làm sao hòa giải được? Mậu cảm thấy khó khăn vô cùng. Có họa mỗi người một nơi, khuất mặt nhau. Mậu lại thở dài.

Bên ngoài có tiếng Tính khóc, Quỳ nằm phía trong giường, leo qua người chồng, định ra ngoài.

Mậu nắm lấy tay nàng.

– Đi đâu.

– Tôi ra xem thằng bé.

– Thôi, nằm đây, ra rồi lại ầm ỹ lên bây giờ.

– Việc gì mà ầm. Thế không cho tôi xem nó làm sao à?

– Đã có người ở ngoài ấy. Nghe tôi, nằm yên đây.

– Lạ thật! Con tôi mà không ai muốn cho tôi mó đến...

– Thì còn đấy. Muốn trông nom thì rồi được trông nom, đã ai nuốt đi mất. Tôi bảo chỉ nghe tôi, mỗi người nhịn đi một tí mà không xong.

Mậu chép miệng, chán nản. Quỳ nằm lại chỗ cũ:

– Tôi cũng đã chịu nhiều lắm rồi. Việc gì cũng phải có chừng thôi. Quá lắm không ai chịu được.

Mậu nói khẽ sợ bên ngoài nghe tiếng:

– Em dở lắm, nhịn đi một tí thì đã sao. Một câu nhịn chín câu lành. Chị em trong nhà sao cho êm ấm là hơn. Người ngoài người ta biết, người ta cười cho.

– Cho người ta cười. Người ta cười chán ra rồi. Anh nhịn được chứ tôi không nhịn được...

Mậu ngắt lời:

– Nói khẽ chứ.

– Anh muốn yên lành, nhịn mãi nên chị ấy mới đè lấn, mới không coi anh, coi tôi vào đâu.

Quỳ được dịp nói đến tính nhu nhược của chồng, và có ý trách móc. Vì Mậu chỉ muốn được êm thấm, không dám nói gì vợ cả, nên nàng cũng bị lấn át lây. Mậu thấy Quỳ có lẽ. Có lẽ vì chàng đã quá nhu nhược, nhưng tính ấy ăn sâu lắm. Mậu nằm im. Quỳ tiếp:

– Việc gì con tôi đẻ rứt ruột ra, mà không cho tôi mó đến nó? có rõ là ăn hiếp không? thế mà anh cũng bắt tôi phải nhịn à? Tôi què, tôi hủi hay sao mà không bế được con tôi. Lại còn dọa tống cổ tôi ra khỏi nhà này. Nói mới dễ nghe chứ! Chị ấy là liền chị, có quyền thật, nhưng cũng một vừa hai phải thôi. Quá lắm thì tôi phải cãi.

Những điều đáng lẽ nói với vợ cả mà không nói được, thì bây giờ Quỳ đem đổ lên đầu chồng. Mậu thành cái bia chịu đạn, chàng cố sức ôn tồn:

– Ừ thì chị dở thế, nên mới phải nhịn đi. Chị đã muốn săn sóc thằng Tính, thì cứ để mặc, mình càng được rảnh tay. Con mình bao giờ chẳng là con mình, như thế chẳng hơn à?

Người chồng không nghĩ đến uẩn khúc trong lòng hai người đàn bà tranh nhau đứa bé. Chàng chỉ thiển cận nghĩ đến sự trông nom. Nếu chỉ có thế, thì việc hòa giải thật dễ dàng.

Nằm im một lát, Quỳ nói với chồng:

– Này anh, hay là tôi xuống với đẻ ít lâu nhé?

Đúng ý Mậu vừa nghĩ. Muốn cho êm thấm, có họa mỗi người một nơi, đừng thấy mặt nhau. Đó không phải là kế trường cửu, không thể ở xa nhau mãi mãi, còn lúc gặp nhau. Còn gặp nhau là còn có chuyện. Nhưng anh chồng cũng không tìm được cách gì hơn.

Quỳ đã tiếp:

– Tôi về dưới ấy, tránh chị ấy ít lâu, ở đây dăm ba ngày lại xẩy ra chuyện như thế, thì chịu sao được? Tôi còn yếu lắm, về uống thuốc nhân thể.

– Ừ, em nghĩ cũng phải. Em về với đẻ một ít lâu, uống thuốc. Anh thu xếp trên này cho ổn, rồi lại xuống đón em lên.

"Bộ anh thì thu với xếp gì? Thu xếp được đã chẳng đến nỗi này. Tôi chỉ cần cho rảnh thân tôi, chứ anh như thế thì còn trông mong gì? Người ta đã muốn chiếm con tôi, thì tôi mang hẳn nó đi, xem đã

làm gì nào?" Quỳ nghĩ thầm. Nằm chung một giường, nói chuyện rủ rỉ, mà đôi vợ chồng nghĩ khác hẳn nhau. Anh chồng thực thà, vì thiển cận, chị vợ lẽ đã mang ý tưởng chia ly.

Mậu tiếp:

– Chị ấy nóng tính, nhưng không phải là người độc ác. Chỉ khéo chiều ý là êm chuyện. Để anh liệu khuyên bảo chị ấy. Thế nào rồi cũng ổn thỏa. Em chỉ có lánh đi ít ngày, rồi anh lại đón lên.

Quỳ cười thầm về ý nghĩ thiển cận của chồng. "Phải khéo chiều là êm chuyện; anh cứ chiều đi, còn tôi đây, tôi không chiều thế được. Tôi cũng không cần về cái nhà này".

Nàng bảo chồng:

– Tôi đi thì tôi mang cả thằng Tính đi.

Mậu ngần ngừ. Quỳ đi là việc dễ dàng, nhưng mang Tính đi thì khí khó. Chính chàng cũng không muốn đứa con rời khỏi cái nhà này.

– Mang nó đi làm gì? Em còn cần tĩnh dưỡng, lấy ai trông nom nó, thêm bận ra. Để nó ở đây hơn. Chỉ ít lâu rồi em lại lên mà.

Tất cả thâm ý của Quỳ ở điều ấy. Không mang theo được Tính, thì nàng đi thành chẳng nghĩa lý gì. Nàng sát lại gần chồng:

– Bận gì? Cho cả con vú xuống. Thì chỉ ít lâu em lại mang nó lên, không có nó thì em buồn chết.

Mậu vẫn lưỡng lự:

– Em mà đem nó đi thì lại sinh chuyện. Lôi thôi lắm.

Quỳ quàng một tay qua ngực Mậu.

– Anh sợ chị ấy thế kia à? Không lôi thôi đâu.

– Sợ thì không sợ, nhưng muốn cho êm nhà. Chị ấy chắc không muốn cho Tính đi.

Trong bóng tối, Quỳ bĩu môi. Nàng thỏ thẻ:

– Anh sợ thế thì lừa lúc nào chị ấy đi vắng em bế Tính đi, cho cả con vú đi theo. Chị ấy biết thì đã muộn. Em đi rồi.

Nàng nghĩ thêm: "Rồi mặc xác anh, cho mà cãi nhau". Cánh tay nàng ôm Mậu mạnh hơn.

Mậu cười se sẽ, ấp một tay lên vai Quỳ:

– Thế ngộ chị ấy đuổi theo, xuống dưới ấy bắt nó lên thì sao?

Quỳ quả quyết:

– Lúc ấy hãy hay. Không sợ, đã có đẻ.

Nàng chắc hẳn ra khỏi nhà này, về với mẹ, thì người chị không dám động tới nàng.

– Nhé, anh nhé?

Mậu đã mềm:

– Ừ, em tính cũng thông đấy. Để nghĩ kỹ xem đã.

Quỳ nũng nịu:

– Còn phải nghĩ gì nữa? Chắc được lắm rồi, anh ạ. Anh nghe em!

Mậu không có sức phản kháng.

*

* *

Bà Mậu đi chợ về, tự nhiên thấy một cảm giác lạ. Trong nhà khác mọi ngày, như thiếu một cái gì. Bà Mậu chưa biết rõ là gì, nhưng thấy lạnh lẽo, trống trải.

Nhà vắng tanh như một gian chùa không gặp ngày tuần tiết. Mậu ngồi cúi mặt xuống bàn, hai bàn tay ôm lấy đầu, không nhúc nhích, như một đồ vật bỏ quên đấy từ bao giờ. Người vợ chưa từng thấy chồng có dáng điệu ấy. Bà Mậu bỡ ngỡ nhìn quanh gian nhà, nhìn đến cái nôi, bà bỗng giật mình, suốt người rung chuyển như qua một luồng điện.

Cái nôi để trơ cả lần mây đáy, không có một cái tã, lót. Cái màn bên trên cũng biến đi đâu. Bà Mậu đi vội vào buồng: Quỳ và Tính không có đấy. Bà lật đật ra sân, xuống bếp, con sen đương làm cơm.

– Chú Tính đi đâu?

– Thưa mợ... thưa...

Nó không nói hết. Bà Mậu gắt:

– Thưa, thưa cái gì? Chú Tính, cô hai, con vú đi đâu?

Con sen lại càng luống cuống. Nó ấp úng loanh quanh như muốn che đậy giấu diếm một sự gì.

– Thưa mợ...

Bà Mậu quay ngoắt lên nhà. Mậu vẫn ngồi như khi nãy. Người vợ vội tiến đến cạnh:

– Chúng nó đâu?

Mậu im lìm, hai tay vẫn giữ đầu. Người vợ giằng tay chồng:

– Chúng nó đi đâu?

Mậu dáng điệu cũ, đủng đỉnh:

– Chúng nó đi rồi.

Người vợ không hiểu:

– Ô hay. Đi đâu, chúng nó đi đâu?

– Mẹ con nó đưa nhau xuôi rồi.

Người vợ quá ngạc nhiên, chăm chăm nhìn Mậu. Mậu đứng dậy vào buồng. Vợ theo vào:

– Thế là nghĩa lý gì? Sao nó lại xuôi, ai cho nó đi.

– Tôi cho nó đi.

Thật là quá sức tưởng tượng. Người vợ ngơ ngác cố hiểu cái trường hợp đột ngột ấy:

– Cậu cho chúng nó đi! Sao cậu lại cho chúng nó đi? Thật là lạ quá! Sao đương yên lành cậu lại cho nó bế thằng Tính đi mới được chứ? Hử? Thế là nghĩa làm sao? Việc gì ở nhà mà nó phải về? Thế là ra làm sao?

Người vợ nói huyên thuyên, chẳng còn mạch lạc gì. Những câu nói dồn dập xô ra như nước tràn vào khúc đê vỡ. Bà theo sau Mậu, hỏi dồn cho ra: “Tại sao chúng nó đi?” Vào trong buồng, Mậu bỗng quay lại: hai vợ chồng đứng sững trước mặt nhau. Mậu nhìn thẳng vào mặt vợ:

– Chúng nó đi, tôi cho chúng nó đi, chứ sao? Ở với nhau không được, thì nó phải bế con nó, nó xéo. Ở đây để mà cãi nhau, ba ngày hai trận không ai chịu được. Không chịu được nhau thì mỗi người một phương, cả thằng này rồi cũng đến đi nốt. Có thế mới yên được. Nó ở đây để mà làm khổ nó à?

Mậu có vẻ hằn học với vợ, càng nói càng tức thêm. Nét mặt người vợ tái dần, bây giờ thì bà hiểu rõ rằng Mậu đã cho Quỳ bế Tính đi, vì chuyện xô xát mấy hôm trước. Chồng và vợ lẽ đã trù tính công việc giấu bà.

– Cậu nói hay chửa! Tôi làm khổ gì nó?

– Không làm khổ mà thế à? Việc gì mà con nó lại không cho nó săn sóc, nó muốn nằm với con nó cũng không được. Coi nó như con ăn, con ở, nói nó không còn tiếc lời. Cũng một vừa hai phải thôi, quá lắm nó không chịu được. Tôi nói ra thì lại cho là tôi bênh nó, lại ầm cửa ầm nhà. Chẳng thà cho nó bồng bế nhau đi như thế cho xong!

– Tôi nào khinh nó? Nó không biết trông con thì tôi bảo nó không biết trông con. Như thế mà cậu cho là khinh, là hành hạ nó à? Ừ, nó muốn đi thì nó đi, ai giữ, nhưng sao không để thằng Tính ở đây. Cậu không thấy đấy à? Nó trông nom sao được trẻ? Thằng Tính.

– Đã có vú, đã có đẻ, nó không trông được, thì có người khác. Không phải chỉ ở cái nhà này mới có người trông nom thằng Tính. Con nó, nó muốn tha đi đâu nó tha, không ai cấm được. Thời buổi này không còn như ngày xưa, mà bảo giở quyền mẹ già với mẹ trẻ. Ai đẻ ra là con người ấy. Muốn giữ, đẻ ra mà giữ, không ai cấm, không ai tranh.

Mậu vùng vằng ra ngoài, để mặc vợ. Nói được ngần ấy câu, người vợ không nói lại, anh chàng tưởng mình hùng biện lắm.

Mậu đang nghĩ đến Quỳ, đến Tính, đang tức bực. Vợ mà cãi như mọi ngày, không chịu kém cạnh, thì có thể Mậu sẽ thành một đứa vũ phu. Cái tính cục cằn có thể sinh đấm đá. Vợ nhịn, anh chàng cũng được đôi chút hả lòng.

Thực ra, người vợ nhịn, không phải vì sợ chồng. Bà không sợ gì Mậu, bà có thể đương đầu với những cuộc cãi cọ kịch liệt hơn. Lúc nóng lên, người đàn bà thường hung ác hơn đàn ông. Lúc ấy bà Mậu không nóng. Bà Mậu biết cãi vã với chồng là vô ích. Tuy chồng ra mặt bênh vợ lẽ, nói nhiều câu quá đáng, người vợ thấy chuyện ấy nhỏ nhen, không quan hệ gì. Quỳ bế Tính đi đó mới là việc lớn lao, nó làm người đàn bà, mười lăm phút sau, còn đứng trơ trơ như mất hồn.

*

* *

Cái nhà đã tịch mịch lại càng tịch mịch. Trên lối đi rải sỏi, cỏ chồi lên, cao và mau, không kém gì mấy khoảng đất hoang bên cạnh,

không còn một đóa hoa héo bên lối đi. Mấy cánh cửa phía đường ít khi mở. Khách qua đường thường tưởng nhà ấy bỏ hoang.

Bà Mậu hốc hác như mới qua một trọng bệnh. Má hóp lại, gò má cao lên, đầu tóc không lúc nào được chỉnh tề, áo quần xốc xếch làm bà già thêm đến dăm sáu tuổi. Dưới làn lụa mỏng, đã thấy trồi lên các đầu xương khuỷu, xương vai. Suốt ngày bà Mậu ngồi trong nhà tranh tối tranh sáng vì cửa đóng. Tối đến có đèn, nhà có sáng hơn, mà vẻ tịch liêu không giảm.

Trong một thời gian rất ngắn, tâm hồn và thân thể người đàn bà đã thay đổi không ngờ. Thân thể sút kém một cách đáng lo ngại. Bà Mậu cứ ở lì trong nhà, sự sút kém cứ tiến theo nhịp ấy, thì chẳng bao lâu người ta sẽ thấy bước ra một bà và phải nhìn kỹ mới thấy nét quen.

Suốt ngày, bà Mậu ngồi nhìn cái nôi bỏ vắng, đã thu gọn vào góc nhà. Trước kia, mỗi khi đi đâu về, cũng nhìn ngay vào cái nôi con kê ngay ở cạnh giường. Tính thường nằm đấy, Tính không nằm đấy, thì cũng có những đệm, lót xinh xắn làm vui con mắt, ấm áp trong lòng. Bất cứ bận việc gì, bà hãy tìm cho được Tính, hôn hít như muốn nuốt trửng ngay cái bàn chân bàn tay hồng hào, đầy ngấn. Bà không dám hôn vào má, sợ chảy má đứa bé. Tính thường nhoẻn miệng, giơ cái lợi chưa có răng ra cười. Lòng người đàn bà cởi mở, bà Mậu cảm thấy một nỗi vui sướng chưa từng thấy.

Suốt đời bà Mậu chưa yêu ai, quí ai bằng Tính. Từ lúc Quỳ có mang, lòng người chị đã thấy thay đổi. Việc gì không phải là Quỳ, không phải cái bụng to của nàng, thì người chị không để ý. Bà Mậu trông nom Quỳ như mẹ trông nom con, mong đợi từng ngày, hơn là Quỳ mong ngày lâm sản, người chị rất thực lòng.

Tính ra đời, thế giới của bà Mậu thu gọn vào đứa bé, ngoại vật không gì đáng kể. Mậu cứ việc yêu, cứ việc quấn quít vợ lẽ, ngay trước mặt bà, bà không nhìn thấy. Tha hồ Quỳ nằm xõng xượt suốt ngày, không mó đến công việc gì. Mặc, qui hồ có Tính. Có Tính là có hết cả các của báu trên đời này. Chính con tự mình đẻ ra, chắc cũng khong người mẹ nào yêu thương hơn là bà Mậu thương yêu Tính, con người vợ lẽ. Thức khuya, dậy sớm, mất ăn, mất ngủ về đứa bé, vất vả quá vú già, bà Mậu không một lời phàn nàn. Cái thiên tính làm mẹ trong lòng người đàn bà, bị kiềm chế lâu ngày, bồng bột phát triển. Càng tốn công, tốn sức, càng vất vả, bà Mậu lại càng thấy khỏe, thấy

vui. Những nỗi lo nghĩ nhỏ nhặt, những buồn bã vẩn vơ không còn có dịp chiếm cứ tâm hồn người đàn bà bận rộn với công việc thích làm. Một nụ cười của đứa bé đủ làm nở nang lòng bà Mậu, làm tiêu tán nỗi mệt nhọc có khi cả đêm thức để pha sữa, thay lót, nhắc cho người vú nhớ công việc.

Quỳ ốm ngay sau khi đẻ, không còn ai chen vào tình bà Mậu yêu Tính. Bà càng tin Tính là của bà, ý ấy dần dần ăn sâu, đến nỗi người đàn bà đâm thù, ghét những cái gì có thể làm hại Tính, xen vào giữa tình của bà với đứa con nhỏ. Cả đến Quỳ đẻ ra Tính, cũng như không còn quyền gì nữa. Bà xô xát với Quỳ không phải vì ghen chồng. Điều đó đã xa lắm, đã mất đi rồi. Bà to tiếng với Quỳ, chỉ vì Quỳ đã làm Tính sốt. Để Tính cho bà, thì chồng đấy, cả nhà cửa, tiền nong đấy, Quỳ muốn làm gì, tùy ý.

Quỳ mang con đi, đã đánh trúng vào nhược điểm của người chị. Tính đi, thế là hết! Bao nhiêu nỗi vui vẻ, bao nhiêu hạnh phúc của bà Mậu đã theo đứa bé. Trời đất âm thầm lại, nhà cửa thành vắng vẻ lạnh lẽo, như một bãi tha ma. Trong lòng bà cũng thành một bãi tha ma, gió thổi vật vờ cỏ dại mọc trên những nấm mồ. Mấy ngày đầu, bà không cho rời cái nôi không đi chỗ khác. Bà trân trân nhìn cái nôi, tìm một vật gì. Bà không thấy đau xót, trong lòng như tê liệt, thiếu hẳn điều kiện nó làm cho người ta thấy ý nghĩa cuộc đời, hiểu công việc mình.

Bà Mậu đi chơi mấy nhà quen có trẻ. Bế đứa nào, ấp đầu vào ngực đứa bé nào, bà cũng thấy như hai cánh tay Tính ôm lấy đầu bà, quờ cho rối tóc. Không, đứa bé ấy không phải là Tính. Nhìn kỹ, nó không có những nét thân yêu của thằng bé bà đã nâng niu ngay từ lúc chưa ráo máu đầu. Bà về nhà, buồn bã, thờ thẫn hơn trước khi đi. Có đêm, người đàn bà mơ màng thấy tiếng trẻ khóc, đòi ăn, hoặc đã đái dầm ra lót. Bà choàng dậy ngơ ngác nhìn cái nôi lờ mờ trong ánh đèn hoa kỳ vẫn vặn thấp từ khi vắng Tính. Lại nằm xuống giường, không tài nào nhắm được mắt, người đàn bà ấy khóc.

Bà Mậu khóc. Bà khóc trong đêm hôm khuya khoắt, không một ai biết đến, khóc không lên tiếng, nhưng nước mắt trào ra thường ướt cả chiếc gối bông. Ban ngày, phải giấu nỗi buồn trước chồng và người ở, bà càng thấy khổ. Cái nôi đã dẹp vào một xó, bà cũng chẳng đi đâu, suốt ngày thẫn thờ ngồi trong gian nhà cửa đóng. Tưởng tượng cánh cửa sẽ mở, Quỳ bế Tính vào. Bà ngồi đợi.

Nếu nó bế Tính về lúc này! Bà sẽ nhẩy sổ ngay ra mà ôm lấy thằng bé, mà hôn, mà cắn, mà nhai nuốt ngay cho hả lòng! Tha hồ Quỳ muốn làm gì, bảo gì, bà cũng xin theo. "Có phúc mới được làm vú già". Nó nói phải. Bà chỉ cầu làm vú già, để thức khuya, dậy sớm, để đương đêm choàng dậy thay tã, lót, rửa ráy cho Tính. Quỳ sẽ là bà chủ cái nhà này, truyền bảo gì bà cũng xin nghe. Bà chỉ mong được trông nom, giữ gìn đứa con.

"Muốn giữ, đẻ ra mà giữ", trước kia, câu ấy đã làm máu trào lên cổ. Bây giờ nghĩ lại, người đàn bà chỉ còn thấy một nỗi buồn thấm thía. Đẻ ra mà giữ! Nói thì dễ thay! Cũng muốn đẻ lắm, nhưng đẻ làm sao?

Bà đã cam phận nằm riêng trên bộ ghế ngựa này. Từ ngày có Quỳ, bà không còn biết đến gian buồng xinh đẹp và ấm cúng. Bà với Mậu chỉ còn là đôi bạn già, sống với những kỷ niệm ân ái đã qua. Mỗi ngày địa vị ấy một rõ thêm. Bà hồ như quên rằng Mậu là chồng bà, và bà vẫn còn trẻ.

Đêm ngày trông nom Tính, coi như con mình, đứa bé ấy đã ủ ấp được lòng bà Mậu, thay được người chồng. Tình ái vợ chồng đã chuyển sang tình thương yêu một đứa con. Trong tâm những người đàn bà ít ham nhục dục, nhất là lúc luống tuổi, thường có những sự thay đổi ấy. Bà Mậu đã yên vui với đứa con, đã nhường hẳn chồng cho Quỳ, không đợi em phải tranh giành. Quỳ ngờ bà ghen về Mậu là nhầm. Bà ghen vì Tính.

Như vậy mà nào đã xong cho! Người ta đã cho bà biết là đứa con không phải của bà, bà không có quyền gì đến nó. Cái địa vị cao cả trong gia đình không thắng được dây huyết mạch. Phải là đứa con mà chính bà đã mang trong lòng, đã đẻ ra. Thì bà vẫn mong như vậy, mong từ ngày bà lấy Mậu. Bây giờ, sự đau đớn làm cảm giác người đàn bà như tê dại, bà lại càng tha thiết mong có đứa con.

Lời thầy thuốc không còn ý nghĩa khủng khiếp như trong khi ốm. Nó chỉ còn là lời đe dọa, thời gian đã làm nhạt dần như hết thẩy các nỗi khủng khiếp, nguy hiểm, đau đớn trên đời này. Trừ nỗi đau đớn của bà, nó sẽ dằng dặc cho tới khi bà đã có được đứa con. Khối người sẩy hàng năm bảy bận, mà rồi cũng mẹ tròn con vuông, con đàn con đống. Biết đâu, số bà vất vả lúc đầu, nhưng rồi lại chẳng có con?

Dù sao nhận cái nguy hiểm ấy, còn hơn ở trong trường hợp này. Người ta sống chết có số. Bà Mậu lại muốn gần chồng, liều một

chuyến nữa. Nhưng gần chồng cũng là một chuyện khó nghĩ. Bà đã quen nằm ngoài, thành việc vào trong buồng bây giờ có một ý nghĩa làm lành sau những cơn xô xát. Bà sẵn lòng làm lành, nếu người chồng ngỏ ý ấy. Mậu cứ bước một bước đến bà, bà sẽ vui lòng bước lại Mậu.

Nhưng bắt bà phải làm lành trước, chịu kém cạnh đủ thứ trong lúc này, thì tủi nhục quá lắm. Bà rình ý tứ Mậu.

Trong khi người vợ cả nhớ đứa con, thì anh chồng nhớ chị vợ lẽ. Tâm tính Mậu cũng thay đổi, chàng thành yên lặng, ít nói, lắm lúc lại ra vẻ suy nghĩ. Vợ cả biết là chồng nghĩ đến Quỳ, Mậu cũng không giấu. Trong bữa ăn, Mậu không vui vẻ, lắm lời, nói huyên thuyên để khoe cái tài giỏi của chàng nữa. Chàng im lìm ăn rất nhanh, có khi lại để ngay bức ảnh Quỳ bên cạnh mâm, nhìn không chán mắt. Thành thử những lúc sum họp ấy, đáng lẽ mang khuây khỏa cho vợ cả, thì lại nhắc đến Tính, làm buồn thêm, cả những buổi tối, Mậu ngồi viết thư. Tối nào cũng vậy: viết, xé, viết, xé. Mắt dán vào ảnh Quỳ, dáng mặt buồn như một đám tang. Người vợ cả biết chàng viết cho Quỳ.

Đã lâu nay, hai vợ chồng chỉ nói với nhau những câu cần thiết. Họ không gần nhau, không có những cử chỉ thân mật, chuyện trò âu yếm. Người vợ có gợi chuyện, muốn bước quá vào việc làm lành, thì được một vài câu, trủng trẳng không ra sao:

– Cậu viết thư cho ai mà viết nhiều thế? Viết rồi lại xé đi thì viết làm gì cho tốn giấy?

– Mợ lại cấm cả tôi viết nữa à?

– Nói mà nghe thế thôi. Ai cấm cậu. Cậu muốn viết thì viết.

– Thế thì mặc thây tôi, mợ hỏi làm gì?

– Lâu nay Quỳ nó có viết thư cho cậu không? Không biết thằng Tính độ này có ăn chơi, có ngoan không?

– Nó vẫn ăn chơi, vẫn ngoan.

– Sao nó ở dưới ấy mãi thế? Cậu không viết thư bảo nó lên.

– Bảo nó lên à? Bảo nó lên làm gì? Để rồi lại cãi nhau, ba ngày hai trận. Nó đi như thế là rảnh thân nó, mợ chắc vừa lòng lắm, chẳng còn ai làm gai mắt nữa nhé!

Toàn là giọng khiêu khích, như chỉ muốn cãi nhau. Người vợ đã hết cả ý muốn to tiếng. Đến những lúc ấy, bà Mậu hậm hực lảng đi,

không muốn phân trần, không muốn cãi. Phân giải phải trái làm gì, cãi làm gì với chồng? Quỳ đã bế Tính đi. Điều cần nhất, là làm cho chúng bồng bế nhau về. Mậu bảo họ thì chắc được. Sao Mậu lại không bảo?

Bà Mậu thấy chồng hằn học với bà, ·quy cho bà tất cả trách nhiệm của việc Quỳ đã bế con xuôi. Anh chàng mang cái mặt tử vì đạo, thầm trách bà đã chia rẽ họ. Đâu có thế. Họ yêu nhau, bà có cần gì, miễn là có đứa con, nhưng làm thế nào cho chồng hiểu?

Mậu đi làm về, dáng ủ dột như mọi tối. Chàng uể oải bước vào nhà, đã tối om. Chàng không vặn đèn, để nguyên quần áo, vào gieo mình lên chiếc giường trong buồng. Con ở lên bật đèn, dọn cơm. Nó theo thói quen hằng ngày: chủ về thì dọn cơm, nửa giờ sau xếp dọn, im lặng như chủ. Bà Mậu bảo:

– Vào mời cậu ra xơi cơm.

Con ở chửa kịp vào, thì Mậu đã ra, tay cầm một bức ảnh Quỳ lồng vào kính, vẫn treo ở đầu giường. Mậu ngồi vào bàn, để chiếc ảnh bên cạnh. Ngày xưa, đến bữa ăn cũng chỉ có hai vợ chồng như thế này. Nhưng không khí khác hẳn; vợ chồng còn chuyện trò, bàn định về gia đình, tương lai. Ngoài việc mong một đứa con, vợ chồng vẫn hòa thuận, vui vẻ. Bà Mậu tưởng đem Quỳ về, có con thì sẽ vui vẻ hơn lên, ai ngờ kết quả đã khác hẳn ý định. Chồng bây giờ thành một người dưng, đứa con không phải của bà. Quỳ như tạt qua vào gia đình ấy, rồi lại đi, đã không mang lại chút hạnh phúc nào, còn phá tan cảnh êm đềm khi trước.

Mậu ăn được một bát, bỏ đũa đứng dậy, mang bức ảnh Quỳ vào buồng. Người vợ nhìn theo chồng. Cứ thế mãi, thì không sao chịu nổi. Bà đã đứt từng khúc ruột, chồng lại còn dày vò thêm. Bà Mậu cũng đứng lên:

– Sao độ này cậu ăn yếu thế? Bữa nào cũng thều thợt một vài lưng. Ăn thế thì hơi sức đâu mà đi làm? Nhỡ ốm thì làm thế nào?

Mậu trong buồng nói vọng ra:

– Ốm thì đã có nhà thương. Việc gì mợ phải săn sóc đến tôi. Xưa nay có ai săn sóc đến tôi đâu!

– Cậu ăn nói lạ quá! Thế nào là không săn sóc? Độ này hễ tôi động nói là cậu dằn vặt. Tôi làm gì cậu, mà cậu coi tôi như quân thù, quân hằn? Vợ chồng mà không khác người hàng xứ! Tôi biết rồi.

– Mợ biết gì? Mợ biết gì thì biết. Nếu có ai săn sóc đến tôi thì gia đình đã chẳng như thế này.

– Tôi biết lắm. Bây giờ chỉ có con Quỳ về đây là mọi sự êm thấm hết! Cậu gọi nó về. Tôi lại xuống dưới ấy là ổn thỏa cả.

– Đấy nhé. Hễ nói là nói đến *chuyện chia rẽ, không muốn cho* mẹ con nó ở đây.

– Tôi ở đây, nó không chịu được, cậu không chịu được, thì tôi phải lánh đi, chứ sao? Tôi đã nhịn như nhịn cơm sống, cậu còn chưa vừa lòng. Việc gì không hay, cậu cũng đổ tại tôi cả. Nó đi tôi giữ sao được nó, giữ được? sao cậu không giữ?

Bà Mậu không có vẻ gắt gỏng. Giọng nói của bà là giọng phân trần, hơi chút than phiền. Mậu im, người vợ vào buồng:

– Hay là để tôi xuống đón chúng nó về? Như thế họa chăng mới vừa lòng cậu, mới khỏi mặt nặng mặt nhẹ, cậu mới khỏi coi tôi như quân thù.

Mậu nằm ngửa ngang giường, chân bỏ thõng xuống đất, hai tay khoanh trước ngực, ấp lấy bức ảnh Quỳ. Thấy vợ vào, Mậu vội ngồi dậy, đủng đỉnh:

– Ai coi mợ là quân thù? Còn như việc xuống đón chúng nó thì... tùy.

– Không coi như quân thù, sao lại thế? Thôi để tôi xuống đón nó, cho hả lòng cậu, cho nó hết tình...

Người vợ chỉ cố được đến đấy. Một mùi hăng đưa lên mũi. Bà Mậu vội vàng quay ra nhà ngoài. Phải đứng gần chồng, nói một câu gì nữa thì bà đã không giữ nổi nước mắt. Mậu ngạc nhiên vì thái độ vợ. Chàng tưởng như mỗi lần nói đến chuyện ấy thì đã sẵn một cuộc cãi lộn. Chàng đã sẵn lòng oán hờn. Càng tưởng nhớ đến Quỳ. Chàng càng gay gắt với người vợ cả. Chàng chỉ biết nỗi đau đớn của mình, không để ý gì tới vợ. Chàng không biết rằng vợ cũng đau đớn về việc Quỳ đi, đau đớn hơn chàng. Thấy vợ ngỏ ý đi đón Quỳ, chàng cho là thái độ hờn mát của chàng đã có kết quả. Mậu không biết rằng vợ chịu nhượng bộ, chỉ vì đứa bé con.

Mậu theo vợ ra. Người vợ, hai tay che lấy mặt ngồi khóc thút thít bên chiếc bàn ăn đã dọn sạch. Mậu không oán vợ như trước, thấy động lòng trắc ẩn. Chàng thấy vợ cũng không ác nghiệt quá như

chàng tưởng. Bây giờ người chồng mới nhận thấy nét hao mòn trên mặt vợ. Chàng hỏi, ôn tồn:

– Ai làm gì mà phải khóc?

Tiếng khóc càng cao, rõ từng tiếng nức nở. Lời Mậu càng làm người vợ mủi lòng. Người vợ để mặc nỗi đau đớn tuôn ra theo nước mắt. Mậu lại gần:

– Ai chẳng muốn cửa nhà êm ấm, gì bằng sum họp được với nhau. Nó bế con đi cũng là việc bất đắc dĩ. Ai muốn thế?

Bà Mậu lau cặp mắt đỏ hoe:

– Sao cậu không viết thư bảo nó về?

– Tôi bảo nó nhiều lần rồi, nó sợ mợ, nó không về.

Ngay mấy hôm sau Quỳ đi, Mậu đã thấy thiếu thốn, thấy nhớ, đã viết thư giục Quỳ đem Tính lên. Chàng tưởng Quỳ chỉ lánh đi ít ngày, được tin chàng tất lại về ngay. Không ngờ đã ra khỏi nhà, Quỳ không muốn lộn lại. Mậu gửi hai ba cái thư mới được một cái trả lời: Quỳ nói là sợ vợ cả, không tin ở lời Mậu. Làm thế nào cho Quỳ tin lời chàng? Thời kỳ vắng Quỳ càng kéo dài, Mậu càng nóng lòng, dằn vặt vợ cả, càng buồn bã ngắm bức ảnh Quỳ để lại.

– Tôi ác hành ác nghiệp gì, mà nó bảo sợ tôi? Đã bao nhiêu lâu, tôi có dám nói động gì đến nó. Chỉ vì nó làm thằng Tính cảm, nên tôi mới bảo nó, nó không nghe thì thôi. Con nó đấy, nó muốn làm gì nó làm. Sao cậu lại gieo tiếng ác cho tôi?

– Tôi nào gieo tiếng ác cho mợ, mợ không ác cảm gì với nó, muốn nó về, thì xuống mà bảo nó. Tôi bảo nó không tin, nhưng mợ nói thì chắc nó nghe. Lâu nay mợ không về nhà, xuống thăm đẻ nhân thể.

Câu chuyện đã đến chỗ hòa hợp. Người vợ đã bằng lòng đi đón Quỳ và Tính. Mậu hết nỗi hờn giận, người vợ tự thấy đã lùi một bước rất lớn, nhưng trong lòng bớt xao xuyến. Lòng tự ái tuy bị thương tổn, nhưng đã được đền bù bằng cái vui sắp thấy Tính. Vả lại đã lâu nay, nỗi đau đớn, đã làm mất tính cương cường của người vợ cả.

Đã lâu, hai vợ chồng Mậu mới lại có một cuộc nói chuyện êm ấm, mỗi lời nói không là một cái gai người nọ định xé thịt người kia. Tuy không có hòa khí hoàn toàn thuở trước, nhưng nó cũng là một làn gió dịu thoảng qua hai bộ não cân bị nung nấu.

Đêm ấy, người vợ cả ngủ trong buồng.

XV

Quỳ đứng lên:

– Thôi tối rồi, tôi đi về.

Một cô bạn gái gọi dật lại:

– Về làm gì? Đang vui câu chuyện, ngồi đây một tí nữa đã.

Cô khác chêm vào:

– Thôi cho nó về, kẻo con nó khóc. Bây giờ người ta có chồng, có con rồi. Đâu được tự do như chị em mình!

– Dễ một mình nó có con à? Chị Hồng đây cũng có con, sao chị ấy ngồi chơi lâu được. Dễ thường cứ có con là mất hết tự do, không ngồi đâu, đứng đâu được hay sao? Con đã có người trông.

Hồng là một bạn Quỳ, đã lấy chồng sớm, có 2 con. Chồng phải đổi đi xa, chỗ nước độc, Hồng không dám theo, mang con về ở với mẹ đẻ. Ở tỉnh nhỏ, ít chỗ đi chơi, mấy cô lại họp nhau ở nhà một vài cô bạn chưa chồng chuyện gẫu và nghe máy hát. Hồng xấp xỉ tuổi Quỳ, nhưng lấy chồng đã lâu hơn, nhiều con hơn, và được người chồng đứng mực, khéo dạy dỗ, nên Hồng có vẻ đứng đắn hơn Quỳ. Tuy ngồi đấy, Hồng có một vẻ làm mẹ, làm vợ nó phân hẳn Hồng với mấy cô bạn nhí nhảnh, chưa chồng.

Hồng lên tiếng bênh Quỳ:

– Chứ không à? Có con thì phải bận, phải có bổn phận làm mẹ, không như các chị, muốn làm gì thì làm. Tôi khác, chị Quỳ khác. Ngồi chơi lâu rồi, chị ấy muốn về thì phải để chị ấy về. Sao các chị lại giữ, và nói đến việc chồng con người ta? Không nên thế. Tôi cũng đi về đây.

Quỳ nhìn Hồng, tỏ vẻ cám ơn, Hồng đứng lên.

– Gớm, chị Hồng sao mà nóng thế. Đùa chị Quỳ chứ, ai dám nói đến việc chồng con. Chị giận chúng tôi đấy à?

– Ai giận các chị làm gì.

– Thế sao chị lại về?

– Tối rồi, ngồi chơi đã lâu, tôi phải về cho các cháu đi ngủ. Các chị cũng không nên đùa như thế. Tùy từng cái đùa, đến lượt các chị,

các chị sẽ biết. Tôi mong cho các chị được vui vẻ, trẻ trung như thế mãi. Những cái bận, cái lụy về chồng con là cái hạnh phúc to tát nhất cho người đàn bà đấy, các chị ạ.

– Thì thôi vậy, chúng tôi không dám nói gì nữa. Mai lại đến chơi nhé. Cả chị Quỳ nữa, tôi sẽ mua rất nhiều hoa.

– Ừ, mai tôi đến. Bây giờ thì cho chúng tôi về. Xin chào các chị.

Hồng kéo Quỳ đi. Ra ngoài đường, Hồng bảo Quỳ:

– Chúng nó láo lắm. Phải như thế mới trị được. Thôi chị đi về. Cháu Tính độ này ngoan chứ?

Quỳ ngượng nghịu trả lời:

– Cám ơn chị cháu ngoan.

– Thôi, chị đi về với cháu. Mai có rỗi lại gặp nhau.

Quỳ lững thững về nhà. Hồng sao mà dễ thương thế! Lúc nào Hồng cũng có vẻ nhớ chồng, yêu con. Đến chơi nhà bạn, có khi Hồng mang theo cả đứa con trai đầu lòng, rất kháu khỉnh, giống Hồng như đúc. Đấy mới thật là con của tình ái. Giữa câu chuyện có lúc Hồng vẩn vơ, ôm sát con vào lòng, Quỳ đoán là Hồng đang nghĩ đến chồng ở phương xa. Các bạn bè đều quí Hồng như người chị cả, không bao giờ dám buông lời chòng ghẹo. Họ kính nể Hồng, họ không kính nể Quỳ, Hồng ăn nói đúng mực, cử chỉ ôn hòa, rõ ra vẻ một người mẹ hiền, vợ hiền.

Rất dễ hiểu. Hồng lấy được người chồng xứng đáng. Họ đã lấy nhau vì yêu nhau, và đến bây giờ, tình ái xem chừng cũng chưa giảm. Họ còn như yêu nhau hơn. Nói đến chồng, mắt Hồng thường sáng lên, lời nói dịu dàng, ấm áp. Hồng như một người thiếu nữ nhớ tình lang lúc ở xa. Vả lại có một người chồng như thế, không yêu sao được. Chồng Hồng đã ngoài ba mươi, nhưng đẹp trai, vạm vỡ, chức phận có, danh vọng có. Còn khối cô chưa chồng ước ao một người như vậy. Họ lại chồng một, vợ một, không sợ ai tranh giành, chia sẻ mối tình. Không trách Hồng coi cái lụy chồng con là hạnh phúc của đời nàng.

Còn đối với Quỳ, cái lụy chỉ là cái lụy, đè nặng trĩu hai vai. "Ra đường trông thấy tơ người, về nhà trông thấy chỉ tôi, tôi buồn". Nghĩ đến Mậu, đến Tính, nàng chỉ thấy chán, muốn quên ngay cho đỡ phiền. Sao nàng không lấy được người như chồng Hồng: Đời nàng sẽ xoay khác hẳn. Đã không được như Hồng, Quỳ muốn quay lại với chị em hồi xưa, mong tìm khuây khỏa. Quỳ thấy họ bây giờ cũng khác,

không còn tình bè bạn vui vẻ, thẳng thắn của bạn gái nữa. Họ coi nàng là một người không phải trong bọn họ, thỉnh thoảng lại đả động đến chồng con nàng. Quỳ lại phải nhớ lại những cái muốn quên.

Đời nàng đã hỏng, hỏng quá lắm, không còn được chút hạnh phúc nào. Nhìn về tương lai, không thấy một tia sáng. Ngày dài đằng đẵng như năm, một mầu xám ngắt. Nàng đứng trên bãi cát lổng, dần dần tụt xuống, cho đến khi cát ngập qua đầu, chôn cả một đời!

Quỳ thấy cửa còn hé mở. Mọi khi cửa đóng kín từ sớm, nàng vẫn phải gọi. Quỳ nhìn vào, rồi lách mình qua khe cửa. Mẹ nàng đương nói chuyện với một người nào. Một người đàn ông mặc tây, đứng quay lưng ra ngoài tay mân mê vành chiếc mũ dạ. Lấp ánh đèn, thành cái lưng trông rất đồ sộ.

Mẹ nàng nói:

– Mọi khi thì cứ tối thứ bảy em nó về, ở nhà cả ngày chủ nhật. Sao hôm nay lại chưa thấy. Hoặc mai em nó mới về, mai mời bác lại chơi.

Quỳ nhớ ra. Chất, anh nàng, dạy học ở một trường quê gần tỉnh, thứ bảy nào cũng về thăm nhà. Hôm nay chắc chưa về.

– Vâng, thưa cụ thế để mai con lại.

Quỳ thấy tiếng quen quen, không nhớ ra là đã nghe thấy ở đâu. Người đàn ông chào mẹ nàng, quay ra, vừa đối diện với nàng. Cả hai như cùng ngạc nhiên, người đàn ông đã cười, để lộ hàm răng trắng bóng:

– Cô Quỳ! Xin chào cô.

Quỳ không nói được câu gì, gật đầu, đi vội vào nhà trong. Huy! Tiếng khép cửa, và tiếng giầy bước đi, lẫn với tiếng trái tim dội trong ngực nàng.

Tiếng bà mẹ:

– Đi đâu mà khỏe đi thế? Hôm nào cũng đến tối mới về để con nó khóc hết nước mắt.

– Thì con vú đâu, mẹ không bảo nó dỗ?

– Nhưng mà cũng phải liệu về sớm chứ, ai lại đi thế! A, có cái thư của nó đấy. Để ở trong cơi trầu ấy.

"Nó", tức là Mậu. Chẳng ngày nào không nhận được thư của Mậu. Quỳ nhấc ngăn cơi trầu, nhìn bức thư, rồi đậy lại. Nàng cũng chẳng buồn xem, đi cởi áo.

– Thư nó nói gì thế? Đến là lắm thư, chỉ tổ làm giầu cho nhà dây thép.

– Thưa mẹ để con xem đã.

"Lại giục về chứ gì nữa!" Quỳ lấy thư uể oải xé phong bì. Đúng lời nàng đoán, Mậu giục nàng cho Tính lên. Công việc đã ổn thỏa, người chị cũng muốn cho Quỳ về, bảo chồng viết thư ấy. Mậu cam đoan với Quỳ là sẽ không xẩy ra chuyện gì. Quỳ cứ bình tâm cho con lên. Cuối thư người chồng lại thêm ít lời ân ái, nói nhớ Quỳ, nhớ Tính, nhắc lại tình âu yếm ngày trước. Bây giờ nhà cửa đã yên, chàng mong chóng gặp Quỳ, để nối lại cuộc đời êm đẹp. Lời lẽ rất ngon ngọt âu yếm. Mậu đã nói trong thư những điều chàng không dám nói thẳng với Quỳ. Nhiều khi, trước trang giấy, người ta có nhiều can đảm để trấn tĩnh hơn trước mặt một người.

Quỳ bĩu môi. Cùng những lời ấy, giá một người khác nói, thì nàng đã tin ngay. Quỳ đã hết tin Mậu, lòng đã lạnh ngay từ trước lúc đọc thư. Quỳ chỉ thấy những lời dối trá, thấy Mậu như muốn đánh lừa nàng dại gì mà lại về cái nhà ấy? Mậu thế nào, nàng đã biết. Những lời bóng bẩy, âu yếm, không che đậy được sự thật. Ngay từ hôm bế Tính đi. Quỳ đã có ý nghĩ là sẽ chia ly. Nàng nhìn lớp nhà không một chút mến tiếc, Mậu đứng cạnh xe đã như một người rưng.

Tiếng bà cụ lại nhắc:

– Thế nào, nó nói những gì?

– Không nói gì, thư hỏi thăm đấy thôi ạ.

– Thư với từ, làm sốt cả ruột.

Quỳ gấp bức thư, vứt trả vào trong đáy cơi trầu. Nàng mở màn nhìn đứa con đã ngủ. Tính vẫn nằm trong buồng với mẹ. Quỳ nhìn con một lúc lâu. Khi người chị muốn chiếm đứa con, nàng tức tối, như thương yêu Tính vô cùng, và muốn mang ngay đi, để Tính được hoàn toàn là của nàng. Bây giờ Quỳ không thấy tha thiết như thế. Có lúc Quỳ lại coi con là một cái bận, hay quấy, khóc, không cho nàng đi chơi lâu.

Quỳ khép lại cửa màn, ra ngồi ở chiếc bàn con. Ngày mai, Huy sẽ lại chơi với Chất. Trong bóng tối nàng không nhìn rõ mặt, nhưng hình như Huy vẫn như ngày trước, như hôm nàng gặp ở vườn hoa. Vẫn cái khổ người rắn rỏi, vẫn hàm răng trắng. Không biết anh chàng có còn giữ tính dấm dẳn, khó chịu hồi xưa. Còn nàng thì đã

thay đổi nhiều lắm. Đứa con nằm kia là một tang chứng. Nàng tự thấy sút kém đi nhiều. Quỳ nghĩ: "Ngày mai mình sẽ đi chơi sớm".

*

Mãi chín giờ, Quỳ mới giật mình tỉnh giấc. Đêm qua, nàng nằm trằn trọc gần đến sáng. Nàng đã nghĩ lẩn mẩn, chẳng ra chuyện gì: bức thư của Mậu, Hồng, Huy, thằng Tính. Ý nghĩ nàng phảng phất tự người nọ đến người kia. Một điều rõ rệt, mai Huy đến chơi, và nàng đã sút kém nhiều.

Nhà ngoài: Chất đã về từ sáng sớm, ngồi nói chuyện với bà mẹ, và chơi với thằng Tính. Quỳ ra sân rửa mặt, rồi vào buồng đánh phấn. Nàng chọn cái áo đẹp nhất, mặc ra ngoài.

Bà mẹ hỏi:

– Mới sáng ra, định đi đâu ma trang điểm sớm thế?

Quỳ hơi ngượng:

– Không, con có đi đâu đâu.

Nàng ngồi xuống ghế, đón Tính trong tay Chất. Chất giữ đứa bé lại:

– Cô để nó ngồi với tôi. Sang cô, nó lại làm hỏng cả quần áo.

Chất hiền lành và yêu trẻ. Chàng có thể chơi với Tính suốt ngày không chán. Bà mẹ nhìn con trai:

– Anh mến trẻ thế, sao không lấy vợ đi. Bảo món nào cũng chối đây đẩy. Không lấy vợ thì bao giờ có con?

Chất cười:

– Không lo đẻ ạ. Đợi con được tăng lên vài trật nữa, tiền lương khá lên, sẽ lấy cũng chưa muộn, mà con muốn lấy vợ nhà quê. Ở chỗ con dạy học, có mấy cô khá. Con sẽ bảo đẻ đi hỏi.

Quỳ cười, chế anh:

– Anh lấy vợ nhà quê à? Ừ, "cụ lý" như anh, lấy vợ nhà quê cũng phải. Hôm nào em theo xuống trường xem mặt bà lý nhé!

Bà cụ chen vào:

– Cô tưởng nhà quê là hủ à? Bây giờ họ cũng tinh ranh chẳng kém gì ở tỉnh. Lấy ai thì lấy, anh bằng lòng thì đẻ cũng bằng lòng.

Muốn ngắt chuyện vợ con nó thường làm anh chàng ngượng nghịu. Chất nói:

– Quái anh Huy bây giờ chưa thấy đến nhỉ?

– Anh hôm qua ấy à? Tao cũng dặn thế, biết nó có đến hay không?

– Thế nào cũng đến. Lần nào anh ấy về, cũng tới thăm con. Nội bạn học cũ, chỉ còn anh ấy là tử tế. Bây giờ đã đốc tờ rồi, chóng thật! Cùng học với nhau, một người rẽ ngang đi làm, một người cứ học, chả mấy lúc họ đã ở trên đầu trên cổ mình.

Chất không có ý so sánh, phàn nàn, chỉ nói một điều nhận thấy. Chàng đã chịu nhận địa vị một ông giáo vùng quê, tự cho là yên thân, vui với chức vụ. Bà mẹ chép miệng:

– Người ta có tiền ăn học thì thế. Trông anh ấy còn trẻ thế, mà đã đốc tờ rồi kia à? Mới lúc nào còn bé con, thường qua nhà này rủ anh đi học. Đốc tờ rồi làm gì?

– Vào làm việc nhà nước, hay ra mở nhà thương riêng. Phần nhiều họ mở phòng khám bệnh, kiếm được nhiều tiền và được tự do hơn.

– Nhưng anh ta thì làm gì có tiền mà mở nhà thương?

– Đẻ tính, khó gì. Con chắc rồi họ lấy vợ giầu, lấy vốn của vợ. Bây giờ như thế cả. Họ thành tài, đỗ đạt ra thì tìm ngay con gái nhà giầu. Họ gọi là đi đào mỏ.

Chất cười rất thẳng thắn. Quỳ muốn đứng dậy đi chơi. Nhưng lại có một sức mạnh gì giữ nàng lại. Quỳ đã trót nói với mẹ là không đi đâu, và hình như nàng cũng mong cho Huy đến.

Chất nói:

– Con phải lại nhà ông kiểm học một tí, về việc trường. Anh ấy có đến, đẻ bảo đợi con. Con về ngay.

Bà mẹ vội giục:

– Ừ, có phải việc trường thì đi mau đi. Chắc đâu người ta đến mà đợi. Có đến, đẻ bảo cho.

Chất đi được năm phút, Huy tới. Thấy bóng chàng. Quỳ vội bế con vào nhà trong. Nàng trao con cho vú, vừa nghe thấy tiếng bà mẹ:

– Em nó đợi bác từ sáng, vừa chạy đi. Mời bác ngồi chơi, em nó về ngay. Vú em đâu?

Quỳ chạy ra:

– Thưa mẹ gọi gì ạ?

Quỳ cúi đầu chào Huy, Huy đang ngồi nhỏm dậy đáp lễ.

Bà cụ bảo Quỳ:

– Con bảo nó rót nước .

Quỳ rót một chén nước đến để trước mặt Huy:

– Mời ông xơi nước.

Quỳ cố ra vẻ thản nhiên, dằn rõ tiếng "ông" muốn Huy biết là nàng không nhớ gì chuyện cũ. Đối với nàng, Huy chỉ là một người dưng, Huy xếch hẳn đôi lông mày, nhìn nàng:

– Xin "bà" để mặc tôi.

Người ta đã thường gọi Quỳ là "bà", nhưng chưa bao giờ nàng thấy tiếng ấy có vẻ khôi hài như bây giờ. Anh chàng như dùng tiếng "bà" để chế riễu nàng, để trả lời tiếng "ông", làm một trò đùa, chứ không có ý kính nể một người đàn bà có chồng. Anh chàng lại nhìn nàng một cách hóm hỉnh. Quỳ nhớ lại cuộc gặp gỡ ở vườn hoa, đã lâu lắm. Huy tuy có vẻ đứng đắn hơn, nhưng tâm tính anh chàng vẫn không thay đổi. Huy chăm chăm nhìn Quỳ, nàng thấy ngượng.

– Thấy anh Chất tôi nói ông mới ở trường thuốc ra, và sắp mở nhà thương tư.

– Thưa bà, tôi mới ở trường ra, còn làm gì thì vẫn chưa định. Không biết tại sao anh Chất lại nói thế. Tôi có định mở nhà thương đâu?

– Thế ông muốn vào làm việc nhà nước.

– Không. Tôi cũng không muốn đi làm.

Ở trường thuốc ra, thì chỉ mở nhà thương, hoặc đi làm nhà nước. Anh chàng không muốn cả hai đằng, thì làm gì? Chẳng lẽ học ra rồi ngồi chơi, ăn không. Hay là Huy muốn giấu, không cho ai biết ý chăng?

– Tôi tưởng ở trường thuốc ra, thì chỉ có hai cách ấy...

Huy cười, ngắt lời Quỳ:

– Còn một cách thứ ba nữa, là ngồi không. Nhàn hơn cả. Làm việc nhà nước hay nhà thương tư cũng vất vả.

Cả mấy người đều cười. Bà cụ cho là cậu nói đùa. Không lẽ một người tốn phí bao nhiêu năm học tập, thành tài rồi lại ngồi không.

Hai tiếng "quan đốc" gồm bao nhiêu danh vọng. Quỳ có vẻ cười gượng. Nàng thấy Huy vẫn còn nói chuyện dấm dẳn, và nhất là có mẹ nàng ngồi đấy thì những chuyện ấy lại càng không hợp.

Trong nhà có tiếng Tính khóc, Quỳ không muốn vào, thầm rủa thằng bé con. Bà cụ đã đứng lên:

– Con quái, đã làm gì thằng bé. Mời bác cứ ngồi chơi, em Chất về bây giờ.

Bà cụ vào nhà trong. Quỳ lấy chén của Huy, rót thêm nước và ngồi xuống chiếc ghế bà mẹ vừa bỏ trống. Tự nhiên, nàng thấy ngượng. Bà cụ đi rồi, còn trơ hai người, Quỳ không biết nói câu gì. Huy càng chăm chăm nhìn nàng, những phút yên lặng dài vô cùng. Quỳ lại sợ Chất về, hoặc mẹ ra. Huy nói nhỏ, đủ cho Quỳ nghe:

– Cô Quỳ bây giờ thấy thay đổi nhiều quá, khác hẳn với hồi nào!

Đang bà xuống ngay cô, anh chàng đổi giọng thật chóng. Tuy Quỳ thấy tiếng "cô" dễ nghe hơn tiếng "bà" khi nãy, nhưng nàng thấy hình như phải làm mặt bất bình, tỏ cho Huy biết là nàng đã có chồng, có con, Huy phải kính nể nàng không được dùng giọng ấy. Quỳ chưa tìm được câu gì, Huy đã tiếp:

– Cũng chưa lâu là bao, mới độ mấy năm nay. Tôi còn nhớ lần cuối cùng gặp cô, một đêm ở vườn hoa. Cô còn nhớ không? Chắc cô quên rồi...

Quỳ quên làm sao được cái đêm đã xoay hẳn cuộc đời nàng? Suốt mấy năm nay, không mấy lúc nàng không nghĩ đến. Có khi đang ở trong tay Mậu, và nhất là ở trong tay Mậu, Quỳ lại càng phảng phất nhớ lời Huy, nghĩ đến đêm ở vườn hoa; có lúc nàng đã thầm oán chàng.

Quỳ ngẩng lên, nét mặt Huy không có vẻ riễu cợt, tinh quái: hai mắt dịu xuống hẳn, nhìn nàng một cách rất êm đềm. Quỳ vẫn mong cho Huy có dáng mặt này. Cả đến giọng nói cũng ấm áp, bao phủ lấy người, thấm vào các thớ thịt. Quỳ hết cả ý muốn làm mặt giận.

– Cô quên là sự dĩ nhiên. Khi người ta bước vào một con đường mới, thì hay quên, hoặc phải quên những chuyện cũ. Chỉ có những người rỗi rãi như tôi mới nhớ lâu. Tôi nhớ cả câu cuối cùng nói với cô tối hôm ấy, lúc cô vùng vằng đi về.

Quỳ nhớ là có vùng vằng về. Vì vụng vằng bực tức, mới nên nông nỗi! Còn câu cuối cùng của Huy, nàng nghĩ mãi không ra. Huy nói câu

gì mà bây giờ nhớ lại, giọng chàng lại có vẻ rầu rầu? Nếu còn nhớ, Quỳ không e lệ gì mà cho Huy biết là nàng, nàng cũng không quên.

– Thấy cô giận, tôi có nói rằng đợi một vài năm, tôi mong sẽ lại được tiếp chuyện cô, và mong cô hiểu tôi hơn. Bây giờ đã một vài năm rồi, tôi lại được gặp cô đây, nhưng không có chuyện gì nữa.

Quỳ muốn đứng dậy đi chỗ khác, nhưng không nhấc nổi chân. Giọng Huy lại bình thản, vui vẻ:

– Một lần nữa, tôi nhận thấy việc đời này ít khi theo ý mình định, không nên tin ở mình quá. Đừng chắc trước một điều gì. Biết đâu mình chẳng phải nhận những cái trái với ý muốn của mình nhất? Có số cả. Bây giờ tôi cũng đâm ra tin có số mệnh!

Huy se sẽ cười. Quỳ giật mình, tưởng Huy biết rõ cảnh ngộ nàng. Không, Huy không có vẻ gì khác. Tiếng cười lẫn có vẻ buồn. Quỳ cho là Huy thương hại mình. Nàng thu hết can đảm, đứng dậy, lảng ra phía cửa, Huy cũng đứng lên thọc tay vào túi quần, lơ đãng nhìn mấy bức ảnh trên tường. Vài phút sau, Quỳ có cảm giác là Huy đã ở phía sau nàng. Nàng không dám quay lại, cứng con mắt dõi về đầu phố. Bóng Chất đã thất thểu hiện ra. Quỳ nghe thấy tiếng Huy nói nhỏ, và mau:

– Độ này chắc cô cũng rỗi. Trăng đêm nay chắc đẹp lắm, nhất là vào khoảng mười giờ. Nếu cô không bận, thì cô ra vườn hoa chơi, chỗ ngày xưa. Chẳng gì cũng còn hơn là nằm nhà. À, anh Chất đã về! Nhà giáo đi đâu mà lật đật thế kịa?

Mấy tiếng sau, Huy nói to, tiếp đến tiếng cười lanh lảnh, tiếng cười Quỳ vẫn ghét. Một tiếng cười nữa nối theo:

– Ấy, em nó tính hay vội vàng thế.

Bà mẹ trong nhà nói ra.

XVI

Quỳ thấy rõ ràng Huy hẹn nàng tối hôm ấy.

Nếu bà mẹ không ra, Chất không về thì nàng đã trả lời Huy về chuyện khiếm nhã ấy. Nàng trả lời thế nào thì lại là chuyện khác, nhưng Quỳ cứ tin là vì Chất và bà mẹ mà nàng phải im. Nàng lại đâm tức, như xưa kia, trong những cuộc đấu khẩu với Huy, thấy Huy trái mà nàng không nói được câu cuối cùng.

Chuyện vô lý thực! Ai lại rủ một người đàn bà đã có chồng, có con, ra vườn hoa với mình, một trai chưa vợ, giữa lúc khuya khoắt. Lại chắc là trăng sẽ đẹp, rõ ràng là một hẹn hò trai gái. Huy như không đếm xỉa đến địa vị nàng. Anh chàng này bao giờ cũng có cái tính lếu láo. Con người ngỗ ngược ấy còn biết gì là vô lý với có lý, còn kiêng nể gì ai.

Quỳ lại thấy ghét Huy. Cái mối ghét thâm niên, hầu như đã quên đi, nay lại trỗi dậy. Trong lúc Huy nói chuyện với Chất. Quỳ ghét cả từ tiếng cười, câu nói, bất cứ trái phải. Lúc nào, nàng như cũng sẵn sàng bĩu môi. Vẻ đứng đắn của Huy lại thêm một ý nghĩa thâm độc.

Quỳ tức mãi đến bữa cơm trưa. Nhưng khi người ta nghĩ mãi đến một câu chuyện vô lý thì dần dần nó cũng thành có lý. Cái tức của Quỳ mạnh quá nên khó bền lâu. Về chiều nó đã giảm bớt. Cái tức đi, cái buồn dần dần đến. Nàng nghĩ ra lối khác: "Việc gì mà tức với tối. Còn những việc tầy trời, can thiệp đến hạnh phúc cả đời mình, mà chẳng làm gì nổi, chẳng thèm để ý đến huống hồ cái việc cỏn con này. Có ai nghĩ đến mình đâu, mà mong người ta kính nể? Vả lại, đàn ông bây giờ họ thế cả. Họ rủ mình đi, mình không đi thì thôi. Là hết chuyện, cần gì mà phải gây oán?" Cơn giận thế là đi hết. "Mà có lẽ Huy muốn mình ra đấy chỉ để nói chuyện phiếm. Trăng đẹp mà ra chơi vườn hoa thì cũng hơn là ở nhà chẳng có việc gì. Chắc Huy cũng không nghĩ gì khác. Trước kia mình chưa có chồng, Huy còn chẳng có ý tứ gì, huống chi bây giờ mình đã già đi, xấu đi, chồng con ngay cạnh nách. Chắc mình ngờ oan cho chàng". Hết buộc tội, Quỳ đã làm thầy cãi cho Huy. Nghĩ đến chồng con, Quỳ càng thấy buồn thêm. Nàng lan man nghĩ rằng sao mấy năm trước, Huy không bao giờ hẹn nàng như vậy.

Dù sao, tối nay nàng nhất định không đi. Anh chàng có lẽ sẽ đến đấy, sẽ chờ nàng và sẽ phải chưng hửng ra về. Sẽ thất vọng nữa, chưa biết chừng.

Năm giờ chiều, Quỳ đã quên hẳn Huy, yên tĩnh ngồi cho con ăn bột. Con vú đứng bên cầm sẵn chiếc khăn tay ướt lau vết bột rớt ra cằm, ra môi đứa bé. Công việc này thường của con vú. Quỳ không quen và vụng, nên bột rớt rất nhiều. Nhưng chiều nay, Quỳ nhất định tự tay cho con ăn.

Thìa bột sau cùng đã hết. Đứa bé, có vẻ no nê, dơ tay theo vú. Nó đã quen theo vú, ít theo Quỳ, mà Quỳ cũng không mấy khi ẵm con. Quỳ bảo người vú:

– Vú cho chú uống nước, rồi cho chú ra cửa chơi. Độ tám giờ hẵng cho chú đi ngủ. Nếu tôi có về khuya thì vú thức nghe cửa, kẻo cụ biết thì vú chết.

– Mợ đi đâu mà về khuya?

– Đi đâu thì vú hỏi làm gì? Mà nói thế chớ tôi cũng chẳng đi đâu khuya, lại chơi đằng kia một tí thôi. Ấy là dặn phòng xa thế.

Bà cụ thường ngủ ngay từ chập tối. Đêm chủ nhật Chất ở nhà cũng ngủ từ tám giờ để hôm sau dậy sớm xuống trường, trừ có tối thứ bẩy mới thức khuya một chút, nói chuyện nhà, chuyện cửa trong tuần lễ vừa qua, và sáng hôm sau được ngủ trưa một chút. Quỳ có mải vui với chị em ngồi khuya ở đâu, thường phải dặn con vú thức nghe. Nàng sẽ gọi, nó sẽ mở cửa. Và hôm sau bất kỳ là lúc nào, bà cụ hỏi thì cũng là "lúc nhà vừa mới đi ngủ được một tí". Tuổi già, kém ngủ, có khi bà cụ thấy lúc ấy là "nửa đêm", nhưng cũng mặc. "Nó đã có chồng, có con; nay mai thì nó về với chồng nó. Thế là rảnh".

Quỳ rửa mặt, vào buồng đánh phấn. Nàng ngồi nửa giờ trước gương, cố uốn một làn tóc, tô một đường môi. Con vú thập thò ở cửa buồng, tủm tỉm cười, như nó hiểu một cái gì. Quỳ thấy khó chịu, gắt:

– Vú cười cái gì thế?

– Không, thưa mợ, con có cười gì đâu.

Nó chối, ráo hoảnh. Thật ra, nó cũng chẳng biết nó cười gì. Nó cười, như phần nhiều mọi người cười, một cách rất vô lý. Nó cười vì thấy mợ nó đẹp.

Tự nhìn trong gương, Quỳ cũng thấy vừa lòng. Nàng không còn vẻ một người đàn bà nuôi con mọn. Nàng có vẻ "gái một con". Chỉ định đến chơi nhà chị em chốc lát, mà ngẫu nhiên, Quỳ trang điểm, rồi lại chọn chiếc áo đẹp nhất, để sẵn một bên. Bẩy giờ tối, mẹ và Chất ở cả nhà trong, Quỳ vội mặc áo, ra đường.

Nàng đến chỗ hội họp hôm trước, một gian gác nhỏ của một cô bạn. Mấy cô đã có đấy đang buồn mà không biết bàn tán chuyện gì. Quỳ đến, họ châu ngay lại:

– Người ta đợi mãi. Sao bây giờ mới đến?

Một cô khác:

– Bận con mọn chứ gì?

Họ cười, xúm vào chỗ Quỳ. Nàng đưa mắt tìm Hồng:

– Không đến sớm thì không đến sớm, việc gì phải hỏi tại sao. Việc gì mà chờ với đợi. Chị Hồng đâu?

– Không đến. Con hắn ấm đầu. Ái chà, hôm nay sao cậu đẹp thế?

Thế là họ lại xúm vào chế riễu, nói những chuyện bâng quơ, bóng bẩy. Có cả những câu nhảm nhí đáng lẽ một người con gái không khi nào nói đến. Quỳ không đương đầu nổi với bọn nặc nô. Nàng muốn bỏ về. Cẩn thận trang điểm, để đến đây một lúc rồi về. Vô lý quá, phí cả công. Một cô bạn biết Quỳ giận, sợ nàng về thì mất vui, vội gạt bạn và quay sang chuyện khác. Họ vặn máy hát. Đúng vào một bài có ở nhà Mậu, nó nhắc lại cả cuộc sống lục đục, Quỳ tựa vào thành cửa sổ, nhìn ra đường.

Mấy hiệu khách trước cửa bắt đầu đóng cửa hàng. Những cánh cửa lùa đập vào nhau, tiếng vang đến Quỳ, dần ngăn những mảnh ánh sáng chiếu ra ngoài phố. Quỳ không quay lại, hỏi to:

– Mấy giờ rồi, mà bên hiệu họ đã đóng cửa nhỉ?

– Lại còn không biết à? Chín giờ chứ mấy. Lại sợ con khóc, muốn về với con, phải không?

Quỳ giật mình, đã chín giờ! Sao mà chóng quá, nàng tưởng mới độ chập tối. Tự nhiên nàng thấy trong lòng hồi hộp, xao xuyến, không nghe thấy họ chế riễu đằng sau. Quỳ nhìn lên trời: mặt trăng quá rằm vừa lên khỏi nóc nhà dãy phía trước mặt, về bên tay trái, chênh chếch nhìn nàng. Ánh đèn càng bớt, ánh trăng càng tỏ thêm. Ánh trăng lờ mờ đậu trên tay người con gái, làm cái áo nàng thẫm hẳn màu.

"Không biết anh chàng định nói chuyện gì? Có lẽ Huy muốn nói điều gì thì phải. Việc gì mà phải đợi mấy năm, rồi lại không nói? Cái vẻ bí mật ấy, khó chịu lắm. Việc gì, sao Huy không nói ngay. Mà giời thế này, giá đi chơi một lúc cũng thích". Ý nghĩ ấy đột nhiên tới Quỳ. Nàng không biết rằng nó vẫn đợi sẵn, im lặng và mạnh mẽ, và đến nay thì trỗi dậy, bất chấp Quỳ dùng cách gì để dẹp xuống, quên đi. Nó sai khiến Quỳ từ câu nói của Huy.

Thời giờ đi càng mau. Chín giờ mười lăm, chín rưỡi. Ai đã đặt vào máy hát một bản nhạc êm êm. Mặt trăng càng sáng hơn, bóng trăng tỏ hơn, phố xá vắng. Quỳ băn khoăn về ý nghĩ ra vườn hoa, hoặc không ra. Nàng đã nhất định không đi từ sáng, câu chuyện đã xong rồi. Bây giờ tính lại, Quỳ lại nhất định không đi. "Không đi là phải. Dù có chuyện gì nữa cũng mặc. Có chồng có con như mình mà ra đấy, nhỡ có ai trông thấy thì lại khó chịu bằng mấy ngày xưa."

Bản nhạc êm êm dứt, một cô nói:

– Mười giờ kém mười lăm rồi. Tôi đi về đây.

Quỳ quay lại:

– Tôi cũng về.

Quỳ đi vội. Đã kém mười lăm! Đến ngõ ngang rẽ về nhà, Quỳ rẽ. Nhưng hai chân như máy đưa nàng qua trước cửa nhà. Quỳ đi thẳng.

Bây giờ hết băn khoăn. Trái với những điều dự tính, Quỳ đi ra vườn hoa. Nàng lại đi con đường đã qua đêm hôm nhận lời lấy Mậu. Vẫn ánh trăng ấy chiếu cảnh vật đã khác xưa: nhà cửa, cây cối cả đến những viên đá lổn nhổn dưới gót giầy đã thấy đổi, nhất là Quỳ.

Gần đến nơi, Quỳ có cảm giác như sắp đến một chuyện khác thường. Tâm linh như báo trước một cuộc thay đổi lớn lao trong đời nàng. Nàng lờ mờ cảm thấy, tuy không biết là gì, không muốn hiểu rõ. Suy nghĩ không hợp trong lúc này. Hai chân vẫn bước, đưa một con tim rối loạn đến chỗ mịt mờ.

Vườn hoa không một bóng người. Nàng đinh ninh là Huy đã đợi sẵn, sẽ chạy ra đón. Không thấy Huy. Thế là nghĩa lý gì? Hay là còn sớm quá? Nàng không nhìn đồng hồ. Chỉ tin ở lời người bạn, có lẽ còn sớm thật. Nàng ngồi xuống ghế nhìn mặt trăng đã lên cao.

Nàng đợi một lúc, cho là lâu lắm. Lòng người con gái lại sinh phân vân. Hay là Huy không đến, câu ban sáng chỉ là một câu nói thường, nàng tưởng nhầm có ý hẹn hò? Quỳ nhớ lại từng nhời nói. Nàng không nhầm. Câu nói ấy, thêm giọng nói nhỏ, vội vàng lúc thấy Chất về, lại lấp ngay câu sau, cái vẻ "gian" ấy không thể nào lại vô tình. Đúng là Huy có ý hẹn nàng. Nhưng sao bây giờ không đến? Hẹn người ta, rồi lại bỏ đấy, thế thì vô lý quá, Huy thì làm gì mà chẳng vô lý. Có lẽ bây giờ anh chàng đang vui thú chỗ nào, hay ngủ khoèo ở nhà. Nàng càng thấy ghét Huy. Nàng định tâm, nếu Huy đến, sẽ nói cho bõ ghét. Chàng mồm mép đến đâu, cũng không chống chế nỗi cái tội tầy đình ấy.

Có tiếng người đi phía sau, Quỳ quay lại, Huy chỉ còn cách nàng vài chục bước. Quỳ không biết chàng từ đường nào đến.

– Cô đấy à? Tôi bận chút việc, quên bẵng đi. Vả lại tưởng cô không ra, nhưng cũng thử tạt qua đây xem. Cô đợi đã lâu chưa?

Hẹn người ta, rồi lúc đến lại nói những câu như thế thực là quá quắt. Quỳ ngồi im, Huy ngồi xuống bên nàng, Quỳ nhìn hai cái bóng dưới chân, nhớ lại ngày nào.

– Cô lại giận tôi đấy à? Chắc là vì đã để cô đợi lâu.

– Ai thèm giận anh? Tôi cũng vừa ra, định ngồi chơi một tí. Tôi cũng sắp sửa đi về.

Huy cười:

– Tôi cũng chắc như thế. Bây giờ, chắc cô không còn tính nóng nẩy, hay hờn dỗi như ngày nào. Mấy năm trời tuy ngắn ngủi, nhưng nhiều khi đổi tâm tính con người, nhất là đem đặt vào một hoàn cảnh mới. Phải không, cô?

Quỳ không biết trả lời thế nào. Cả hai cùng im lặng một lúc, Huy tiếp:

– Mới nhìn cô, tôi đã thấy sự thay đổi ấy. Cô đứng đắn, chín chắn hơn trước nhiều. Có chồng, có con, cũng có khác.

Quỳ cúi đầu, không biết Huy đăm đăm nhìn nàng.

– Hôm qua tôi lại đằng nhà, cô đi vắng, tôi có đùa một lúc với thằng Tính. Thằng bé kháu quá, lại giống cô, người đàn bà tất phải mong có chồng, và có những đứa con như thế. Cuộc đời như thế mới đầy đủ. Bây giờ cô sung sướng lắm, không còn phải mong ước gì.

Đầu Quỳ càng cúi thấp hơn, Huy càng chăm chú nhìn; chàng chậm rãi nói một mình:

– Còn tôi, có lẽ cũng phải lấy vợ, lập một gia đình cho xong, cho đứng đắn con người. Những người chung quanh, cả họ hàng, không chịu được cách sống của tôi hiện thời, thấy chướng mắt. Họ muốn gây dựng, thu xếp theo ý họ. Lắm lúc muốn chiều họ cho rồi. Mà biết đâu hạnh phúc chẳng ở đấy? Nhưng phần rủi ro nhiều quá. Biết người lấy mình thế nào? Thực là như đánh bạc, hoặc ăn nấm: biết rằng nấm độc thì đã ăn phải rồi!

Huy thở dài một cách chán nản. Quỳ thấy chàng không hiểu gì về cảnh ngộ nàng. Nàng mà sung sướng, không phải mong ước gì?

Huy gợi ra một cảnh trái ngược hẳn, và mỗi lời nói của anh chàng lại làm nàng tấm tức, muốn kêu to lên rằng không phải thế. Huy mà cũng nhầm đến thế ư? Nàng tưởng ít ra Huy cũng khác mọi người, biết là nàng không sướng gì. Nàng cố giữ bình tĩnh nhưng đã thấy nghẹn ngào. Hai mắt đã ướt, dưới con mắt đọng một giọt lệ nhỏ. Quỳ không nói câu gì, biết rằng không giữ được giọng tự nhiên. Lời nói nho nhỏ của Huy thấm dần vào não cân Quỳ, giọt nước mắt lớn thêm. Tiếng thở dài của Huy là giọt nước, nó làm vỡ cái thùng, Quỳ vội đưa tay lên mắt thấm giọt nước đã gần rớt xuống.

Huy nhận thấy. Chàng mỉm cười, vẻ mặt thoáng một tia vui của người thấy đúng cái kết quả của mình dự đoán. Cái vui ấy qua rất mau. Vẻ mặt chàng lại bình thản, hơi buồn. Ra vẻ ngạc nhiên, chàng hỏi Quỳ:

– Ô hay, cô làm sao thế? Hay tôi đã vô tình nói câu gì làm phiền cô. Tôi tưởng những lời tôi nói đó là thực và đúng cả. Bây giờ cô sung sướng lắm còn việc gì mà phải buồn phiền? Chồng con đàng hoàng, êm đẹp. Những điều mong ước đã thành sự thực, cuộc đời tưởng đầy đủ lắm rồi!

Quỳ càng mủi lòng hơn. Cái khăn tay ở luôn trên mắt, tuy nàng biết khóc lúc ấy thực vô lý, và sẽ trôi hết phấn sáp. Huy ngồi im, không nhìn Quỳ mà cúi nhìn xuống chân, vẻ mặt cũng rầu rầu. Bài tính chàng thử đã thấy đúng. Xem việc Quỳ lấy lẽ Mậu, về ở với mẹ, hay đi chơi nhà chị em, cách trông nom con, chàng đã đoán là Quỳ đã không được lấy chồng vừa ý, đã không được thỏa mãn trong chuyện tình duyên. Nói thẳng ngay đến chuyện ấy, chắc Quỳ, người con gái giầu lòng tự ái, hơi chút ương ngạnh, không khi nào chịu thật lòng. Chàng đã dùng cách gián tiếp không hỏi Quỳ, nhưng gợi ra những chuyện chồng con, tình ái, đánh vào tình cảm người con gái. Quả nhiên Quỳ sa vào bẫy, mấy giọt nước mắt trả lời cho chàng.

Bài tính thử đã thấy đúng, trong khoảnh khắc Huy hiểu hết tiểu tiết của cuộc đời Quỳ. Chàng cúi đầu nghĩ lan man một lúc lâu, mặc cho Quỳ vợi nỗi buồn. Chàng hỏi nhỏ:

– Tôi vẫn ngờ cô không được sung sướng và không hiểu tại sao cô lại bằng lòng một cuộc hôn nhân như vậy.

Đã khóc trước mặt người ta thì không còn lý gì giữ sĩ diện mà dấu, những điều ấy không vờ vĩnh, giả dối được nữa. Nàng đã mất hết lợi khí. Vả lại Huy không còn vẻ người tinh quái, ranh mãnh, cần

đấu khẩu để tranh hơn thua, giọng nói của chàng dịu dàng, ấm áp, như tin cẩn được. Từ xưa, nàng như vẫn muốn tìm một giọng nói ấy, một người ấy.

– Tôi đi vắng về, được tin cô lấy chồng, và nghe chuyện đám cưới, ngạc nhiên quá. Thực là quá sức tưởng tượng. Trong phố họ bàn tán cũng nhiều. Tôi không tin ai, cố nghĩ mà không hiểu tại sao, tại sao cô lại lấy Mậu.

– Tại anh đấy!

Huy sửng sốt, ngửng nhìn Quỳ. Nàng vẫn cúi mặt, tì khuỷu tay vào đầu gối, hai tay vò nhàu chiếc khăn mặt. Huy đợi nàng nói tiếp. Quỳ như buột miệng ra câu vừa rồi, bây giờ lại im lìm. Đến lượt Huy băn khoăn. Chàng gặng hỏi hai, ba lần, Quỳ không đáp. Chàng thấy có lẽ không phải Quỳ nói nhầm, chàng cũng có một phần trách nhiệm vào chuyện ấy. Nhưng phần gì? Làm sao mà lại có trách nhiệm? Biết rõ ngay thì dù sao cũng còn dễ chịu hơn là ngờ vực, không đoán được gì. Bây giờ là lúc Quỳ thực lòng, nếu để lỡ cơ hội, thì không bao giờ chàng biết được nữa. Phải làm sao cho Quỳ tin chàng. Đó cũng là một điều khó, vì xưa nay Huy cũng tự biết là không được lòng tin của người con gái.

– Sao cô bảo là tại tôi? Tôi nghĩ đến nát óc, cũng không hiểu tại sao lại có phần trách nhiệm gì vào việc ấy. Có lẽ tôi là người ngạc nhiên nhất lúc nghe thấy cô đã lấy Mậu. Nói là ngạc nhiên thôi, còn những cảm giác khác, nói ra chắc cô cũng không tin, và vô ích nữa. Như vậy, mà bảo tại tôi, thì thực là quá. Hay là... hoặc giả có những uẩn khúc gì có liên can đến tôi, mà tôi không biết. Người ta, ai mà biết được. Cô nói đi, cô không nói, tôi không thể nào yên tâm được. Cô còn e ngại gì mà không nói? Có lẽ tôi cũng có một vài câu muốn nói với cô. Mai kia, cô về trên nhà, tôi lên Hà Nội, không còn dịp gặp nhau, thì câu chuyện đêm nay sẽ quên đi.

Quỳ khẽ thở dài, nói nhỏ:

– Cũng chẳng phải tại anh, mọi sự là tại tôi cả, tôi bực mình mà nói thế.

Tại anh, chẳng phải tại anh. Thực khó hiểu Quỳ định nói gì.

Quỳ chép miệng tiếp:

– Bây giờ anh thấy tôi người lớn lắm. Anh còn nhớ, có lần anh đã coi tôi là trẻ con không? Không xa đây bao lâu. Tối hôm ấy, tôi

cũng ra ngồi ở đây, vì có một chuyện khó nghĩ. Ngẫu nhiên gặp anh. Sáng ngày, anh tưởng tôi quên. Anh quên, chứ tôi quên sao được tối hôm ấy! Anh không biết rằng khi ấy tôi đương băn khoăn về chuyện can hệ đến cuộc đời tôi, anh ngờ vực những điều nhảm nhí, nói những câu chẳng ra sao, lại cho tôi là con nít, không đáng nói chuyện với anh. Tôi nhận lời lấy Mậu hôm ấy.

Huy giật mình, cái tin xẩy ra đã mấy năm, chàng như vừa mới biết.

Quỳ cười nhạt:

– Anh bảo đợi mấy năm tôi lớn hơn, khôn lớn mong lại được gặp tôi. Thì bây giờ gặp đây. Anh muốn nói chuyện gì?

Bây giờ không còn là lúc nói.

Từ ngày đi học với Chất, Huy đã để ý đến em gái bạn. Huy có quan niệm là muốn có một người vợ hiền, phải chọn trong những gia đình cổ, ở tỉnh nhỏ học qua loa, nhưng khéo làm ăn, buôn bán. Chàng không chịu được các cô gái mới. Quỳ đúng ý của chàng, nhưng lúc ấy còn nhỏ quá. Chất thôi học, Huy đi học xa. Người thiếu niên càng biết nghĩ thêm, rắn rỏi thêm, càng vững thêm cái ý định trước. Những ngày nghỉ, Huy về, thường đến thăm Chất. Họ bảo chàng lui tới vì Quỳ, không phải là không có lý, nhưng Huy rất kín đáo, không hề lộ một ý gì, những lời đó, không có chỗ bấu víu, chỉ là lời đoán phỏng, ngay đến Quỳ cũng không biết Huy để ý đến nàng.

Huy săn sóc Quỳ, một cách kín đáo và yên lặng. Huy mong sao cho Quỳ sau này thành vợ hiền biết thương yêu chồng và an hưởng hạnh phúc gia đình, nên mỗi lần nói chuyện đến nàng, Quỳ có dùng ngôn ngữ của bạn gái mới viển vông và văn vẻ, chàng thường trả lời một lối rất đột ngột, sống sượng. Quỳ thường bực mình, trách chàng không lịch sự với nàng, như với những bạn gái khác, Quỳ hiểu đâu thâm ý của Huy. Những bạn gái khác, chàng có kể gì. Đã không có ý gì, thì lịch sự, nhã nhặn cho xong. Về những món ấy Huy cũng không đến nỗi kém hèn.

Huy vẫn đinh ninh rằng sau này sẽ lập được một gia đình êm đẹp với Quỳ. Chàng không cần vội, đợi cho Quỳ hơn vài tuổi nữa, chín chắn hơn chút nữa, chàng chắc không ai tranh mất cái phần đã tự dành cho mình, chàng đã đặt vào đấy bao nhiêu hy vọng. Đột nhiên tan vỡ hết.

Huy cố tìm, mà không hiểu nguyên nhân cuộc cưới xin ấy, chàng

ngờ là một sự bức bách, nhưng Quỳ, theo chàng biết, không phải là người dễ để bức bách. Thì bây giờ chàng biết rõ, chàng cũng có một phần trách nhiệm trong công cuộc ấy. Người con gái, trong một lúc chán nản đã đâm liều làm một việc rất dại dột, không tài nào lấy lại, mà chán nản vì chàng!

Huy không ngờ những câu của chàng lại có kết quả tai hại đến thế. Giọng đêm hôm ấy, nói với một người con gái đang bị vấn đề tình duyên xâu xé, thật là tàn ác. Nếu chàng biết, không khi nào lại thế. Mà sao Quỳ không bảo ngay chàng là đang nghĩ chuyện ấy? Hơn nữa, hỏi ý kiến chàng? Đâu có thế. Chàng tự tin mình quá, thường coi Quỳ như con trẻ, chàng cũng biết là Quỳ không tin, chàng không lấy làm phiền, cho rằng muốn được lòng tin của Quỳ dễ như lấy chiếc khăn trong túi. Chàng không vội, lúc nào cần đến lòng tin đó sẽ hay, chuyện của Quỳ, chàng quen coi như chuyện trẻ con. Biết đâu rằng trẻ con cũng có khi nói chuyện người nhớn!

Giá chàng không quá tự tin, không coi Quỳ là con trẻ, tỏ vẻ yêu mến nàng, bỏ vẻ khủng khỉnh thì đã đỡ được bao nhiêu chuyện, chàng đã phá tan hy vọng của chàng, vô tình làm hại đời Quỳ. Bây giờ Quỳ đứng đắn, chín chắn lắm, đúng như ý chàng mong, nhưng, bây giờ, nói gì?

Huy ngồi lâu không nói, Quỳ tiếp:

– Có lẽ tại số tôi nó xui ra thế. Tôi có hay bực mình bao giờ, mà bực mình gì lại bực mình thế?

Quỳ cười gượng, não lòng hơn tiếng khóc. Huy cũng cười:

– Có lẽ có số thật. Tôi không hay tin tướng số nhưng nhiều việc xảy ra bắt phải tin.

– Việc gì mà lại bắt được anh tin số?

Huy tránh trả lời:

– Nhưng sau rồi sao? Mậu được người vợ trẻ đẹp như Quỳ, chắc chiều chuộng, yêu quí lắm. Dù sao thì cái sống ở bên ấy cũng dễ chịu.

Quỳ thở dài, chán nản:

– Nhắc đến làm gì. Có phải chỉ no cơm lành áo là sung sướng đâu. Anh trông tôi có vẻ mặt một người sung sướng không. Mậu kể cũng hiền lành, tử tế, nhưng...

Dần dần, bằng những mẩu lặt vặt, Quỳ kể cả cảnh mình. Thỉnh

thoảng, nàng ngừng lại, ngạc nhiên thấy sao lại đem chuyện nhà kể cho Huy, một người, mới sáng hôm nay, nàng còn rất ghét. Huy chăm chú nghe, không sót một câu.

Quỳ thường mong có người bạn tâm phúc, để thổ lộ được những điều tự thâm tâm. Những lúc chán nản, đau đớn, có một người để vợi bớt nỗi sầu thì cũng bớt bị đè nén. Xưa nay Quỳ chưa gặp ai, chưa tin ai. Chồng, chị, mẹ là những người nàng đã cho là kẻ thù. Người con gái ấy chỉ sống một mình, ngấm ngầm ôm mối hận. Bây giờ, bỗng nhiên nàng gặp người ấy. Mà lại là Huy! Tự nhiên, Quỳ thấy tin được anh chàng. Nàng cảm thấy rằng từ xưa, nàng vẫn không hiểu Huy, *và lúc này Huy mới mang bộ mặt thật. Nếu Huy như thế từ trước!*

Những câu chuyện ấy để làm cho quên cả thời giờ. Mấy đám mây hiện ra từ bao giờ, che lấp mặt trăng đã chếch sang mé vườn hoa lờ mờ sáng. Đã khuya lắm. Không ai nói đến chuyện về. Nói xong, Quỳ như vui được chút ít. Huy thì đáng buồn thêm. Chàng uể oải châm một điếu thuốc lá:

– Tin được số mệnh, có khi cũng là một cái hay, nhiều khi người ta bớt ân hận.

Quỳ chưa hiểu ra sao, Huy tiếp:

– Chẳng hạn, nếu cô không tin duyên số, cho là vì tôi mà cô lấy chồng. Tôi cũng tin như vậy, thì bao giờ hết ân hận? Nếu tôi có quyền thế gì định đoạt nổi, thì chuyện không bao giờ như thế, nó sẽ ra một đường khác hẳn.

Đường khác, là đường nào? Quỳ muốn biết nhưng Huy đã thôi nói. Chàng đứng dậy, đi lại vài bước trước mặt Quỳ. Bước đi êm, nhẹ không động đến một viên sỏi. Bỗng chàng đứng sững trước mặt, để một tay lên vai Quỳ. Quỳ thấy như Huy muốn nói một câu gì, nhưng còn do dự. Nàng ngong ngóng đợi. Trên vai, chỗ Huy để tay, nóng dần. Huy buông tay, ngồi sát xuống cạnh Quỳ:

– Lần này là lần cuối cùng gặp cô ở đây. Đã nói những chuyện ấy, thì nói thêm một vài câu nữa. Ngày mai sẽ quên cả đi.

Huy vứt mẩu thuốc dở, lấy điếu khác, sẽ dỗ xuống mặt bao diêm, cười tiếp:

– Nếu không phải tại số mệnh, thì không khi nào cô lấy Mậu. Cô Quỳ, cô có thể tưởng tượng rằng, có một thời kỳ, có một thời kỳ tôi yêu cô không?

Vẻ bỡn cợt không dấu nổi cảm động. Huy như đã thu hết can đảm nói nổi câu ấy. Quỳ, đã đoán trước là có chuyện khác thường, nhưng không ngờ khác thường đến thế. Nàng ngây người đợi nghe.

– Chắc cô không để ý. Chẳng những không biết cô lại còn cho tôi là đáng ghét nữa, tôi biết lắm. Đối với cô, tôi thường sống sượng, thô lỗ, không lịch sự, nhã nhặn như với mấy cô bạn gái khác. Vì tôi muốn cho cô đừng giống họ. Cô còn ít tuổi quá, hay đua đòi, bắt chước, nên tôi thường nhạo báng, nói những câu trái ngược với ý tưởng cô. Cô không bằng lòng, ghét tôi lắm. Tôi chưa muốn để cô hiểu cái tình của tôi vội, chưa phải lúc. Mong sau này, lúc cô chín chắn hơn, sẽ hiểu nhau – Huy khẽ thở dài – như bây giờ, có lẽ cô đã đến cái trình độ ấy, sau bao nhiêu nỗi đau đớn. Và những điều dự tính của tôi bị xóa bỏ, vì số mệnh.

Thì ra Huy đã yêu nàng! Huy yêu nàng! Huy yêu nàng đã lâu, từ ngày ấy. Quỳ chỉ rõ có thế. Ngay đêm nàng bực với Huy, nhận lời Mậu, Huy đã mang trong lòng cái tình kín đáo. Nàng ngu quá, không biết tí gì. Nhưng sao chàng lại giấu diếm không nói ngay ra. Nói ra, có phải là... Nghĩ thế lại càng ngu nữa! Đứng đắn, kín đáo như Huy, đâu chàng có vội nói ngay những chuyện ấy?

Huy còn coi nàng là con trẻ. Kể cũng đáng lắm. Nào đã biết gì, chỉ hờn, dỗi, hơi bị trái ý là nặng mặt sa mày. Không hiểu được Huy, không biết câu cuối cùng của chàng là một câu chí tình. Không tình ý gì, Huy không nói đến thế.

Quỳ đê mê nghe. Tiếng nói, giọng nói, đúng như nàng thường mong được nghe từ đã lâu lắm. Một điệu nhạc làm thần xác tê liệt, mang tâm hồn đi rất xa. Để khi trở lại, thấy cảm giác của người xưa nay vẫn tha thiết mong một vật gì, bây giờ thấy rằng vật đó đã có lần sát lại gần. Vì không biết mà giữ, nên nó đã bay đi mất. Làm sao lấy được lại?

Chung qui, chỉ tại đã không hiểu nhau. Huy không biết là Quỳ cũng đã yêu chàng. Mối tình đó chưa rõ rệt, có lẽ chính người con gái cũng chưa tự biết. Nó mới biểu lộ bằng những trạng thái lờ mờ. Quỳ đã để ý đến Huy, đến cử chỉ, ngôn ngữ của chàng hơn là đến các thanh niên khác. Rồi nàng buồn, vui, giận, tức vì Huy. Sao Quỳ lại bị kích thích về những chuyện không liên can đến nàng? Nếu một trong hai người ngỏ ý, thì hai tâm hồn ấy đã gần nhau. Không ai chịu nói, Quỳ im lặng đã đành, Huy thì quá tự tin, chắc thế nào công việc cũng

xong theo ý chàng. Chàng không vội, và không ngờ. Không ngờ duyên số định theo lối khác.

Lúc hiểu nhau, thì đã muộn. Quỳ vẫn cúi mặt, thở dài.

– Bây giờ chắc cô hiểu tôi hơn. Cô không giận tôi nữa chứ?

Quỳ ngẩng nhìn Huy, sẽ lắc đầu. Nàng không có sức nói một câu gì, Huy thấy trong cặp mắt còn ướt đầy cảm tình, một vẻ buồn mênh mang, và như cả tâm hồn khắc khoải của người con gái. Hai con mắt như thú với chàng khối tình u ẩn, bây giờ mới tự biết rõ hơn, và lộ ra ngoài. Huy nhìn cặp mắt, nhích sát lại Quỳ, nhắc lại câu khi nãy, giọng nhỏ như tiếng nói thầm.

– Cô không giận tôi nữa chứ?

Quỳ lại cúi xuống, trả lời khẽ:

– Không. Có bao giờ tôi giận anh đâu?

Nàng lại ngước nhìn Huy. Lần này, thì không còn ngờ vực gì, không một lời tình ái, một câu thú nhận nào rõ rệt hơn giọng nói, dáng mặt Quỳ lúc ấy.

– Thế ra... thế ra...

Huy không nói hết, vùng đứng dậy, hai tay nắm chặt trong túi quần... Chàng cố nén cảm động, đi mấy bước ra xa chỗ Quỳ, chân dận mạnh xuống cát. Đã rõ rệt lắm, chàng không cần hỏi gì thêm. Quỳ, từ xưa đã yêu chàng. Bây giờ thì Huy hiểu rõ, cả từ cái dáng điệu dấm dẳn, cáu kỉnh của Quỳ khi trước. Chỉ vì chàng đã vô tình, thờ ơ với nàng. Nào có phải chàng vô tình? Nếu biết sớm, cuộc đời đã tốt đẹp biết bao! Quỳ không phải chịu bao nỗi đau khổ, và những điều dự tính của chàng đã thành sự thực. Huy tự trách mình.

Huy cầm lấy hai bàn tay Quỳ, nàng tin cẩn để tay trong lòng tay Huy. Hai người yên lặng nhìn nhau, lời nói lúc ấy là thừa. Họ như đã hiểu được nhau, và ái tình chân thành phần nhiều lặng lẽ. Một lúc lâu Huy hỏi khẽ:

– Chậm quá rồi. Biết làm thế nào?

Quỳ không nghĩ đến điều gì khác. Huy phải nhắc, nàng mới nhớ là đã có chồng, có con, và ngồi đây lúc này với Huy là đủ cho xã hội buộc tội. Quỳ chỉ nghĩ thoáng qua, nàng không cần. Nhưng Quỳ cũng chỉ liều đến thế, nàng không nghĩ được cách thoát ly cũng như trước đây, những lúc chán nản thất vọng, nàng đành cam chịu, tuy đầy ý muốn phản kháng.

– Làm thế nào, Quỳ đành chịu mãi thế à?

Huy nắm chặt bàn tay Quỳ. Nàng nhìn Huy, muốn nói: "Biết làm thế nào? Anh nghĩ hộ xem". Đã biết rõ, Huy thấy không thể nào để Quỳ ở trong cảnh ấy. Tâm trí rối loạn, chàng cũng chưa thấy cách gì ổn thỏa, hợp cho chàng, cho Quỳ, cho tình ái của hai người.

– Ngày mai anh sẽ lại thăm anh Chất, vào buổi chiều. Em liệu ở nhà đừng đi đâu.

Con vú đợi lâu quá, đã chợp ngủ mấy lần, và vẫn thấp thỏm sợ không nghe tiếng gọi cửa. Lần thứ nhất nó phải đợi khuya đến thế, mọi lần Quỳ không bao giờ đi quá nửa đêm. Đồng hồ hàng xóm đánh hai tiếng. Con vú phân vân. Mỗi lần Tính nằm cạnh động đậy, nó lại sợ thằng bé khóc, bà cụ dậy hỏi đến Quỳ thì không biết nói sao.

Cửa mới động khẽ, nó đã rón rén ra, sẽ mở. Quỳ yên lặng lẻn vào. Nàng đi thẳng vào buồng. Nàng thay xong quần áo, lên giường nằm, thì bên ngoài, trời bắt đầu hửng sáng.

XVII

Bà Mậu vào nhà, hỏi Qùy:

– Cô không đi đâu chơi à? Đẻ đâu?

– Đẻ ở nhà trong. Con vú chưa về à?

– Nó đi sau. Cô đưa cháu tôi ẵm cho.

– Chị hãy đi thay quần áo đi đã, kẻo nó lại làm bẩn ra.

– Được, việc quái gì. Cô cứ đưa cháu cho tôi.

Bà Mậu đón lấy Tính. Con vú cũng vừa về, cầm cái nắp tráp trầu. Bà Mậu bảo con vú:

– Mày sang ngay bên cụ Tú bảo mợ con mời cụ sang chơi xơi nước.

Con vú cất nắp tráp vội đi ra. Bà mẹ trong nhà ra, hỏi bà Mậu:

– Đã về đấy à? Mợ có xin thẻ hay sao mà mời cụ Tú?

– Vâng, con có xin một quẻ thẻ, nhờ cụ sang đoán hộ xem sao.

Bà Mậu về đã mấy hôm. Ngày nào bà cũng đi lễ đủ các đền chùa trong thành phố. Bà đi lễ với cả tấm lòng thành kính, tắm nước lá thơm, quần áo rất thanh khiết, tự tay sửa soạn, sắp đặt lễ vật. Bà thiết tha cầu ủng hộ ở thần phật, lúc nào cũng nhắc đến. Trong

những lúc nói chuyện, tỏ ý mong ước một điều, bà Mậu thường chêm vào những câu: "Nhờ Trời thương, Thánh độ...".

Quỳ biết rằng chị về, không phải chỉ để đi lễ.

Bức thư cuối cùng, Mậu nói đã thu xếp xong xuôi. Mậu cam đoan sẽ không còn xảy ra chuyện gì, và, muốn chứng thực lời chàng, người chị sẽ tự xuống đón nàng với Tính. Vậy mà từ hôm đến, người chị không đả động gì đến chuyện ấy. Thỉnh thoảng, chị và mẹ lại vào buồng thì thầm. Hình như người chị có chuyện muốn giấu nàng. Bà mẹ như cũng về hùa với chị. Những lúc ấy Quỳ lảng đi nơi khác, tỏ vẻ không cần biết và đã nghĩ sẵn những câu trả lời lúc nào người chị nói đến việc nàng về. Nàng sẽ mát mẻ, trêu tức người chị cho bõ những lúc xô xát, nàng phải chịu kém. Bây giờ tình thế đã đổi lại. Bà Mậu phải xuống đón nàng, tức là phải chịu yếu thế. Vả lại, còn mẹ đấy. Dù sao, Quỳ chắc cũng bênh nàng. Phen này, chắc người chị phải chịu nhụt.

Nhưng lạ thay, bà Mậu không để ý gì đến nàng, không tỏ vẻ gì bực tức. Bà như đã quên hẳn những chuyện cũ. Không phải như hồi nàng có mang, người chị quên ác cảm để săn sóc đến Quỳ. Lần này, bà chị coi Quỳ là một người dưng. Bà không ra vẻ ghét, nhưng cũng không có chút cảm tình. Quỳ ăn, ngủ, đi chơi tùy ý. Có nói với nhau thì đại khái cũng là những câu tầm thường không ý gì u ẩn, tỏ ra họ đã chung nhau một người chồng. Cả đến giọng nói cũng bình thản. Bây giờ, bà Mậu chỉ là người chị và Quỳ là cô em gái chưa chồng, như hồi nào.

Bà Mậu vẫn yêu Tính, nhưng không tỏ vẻ tha thiết như xưa. Thỉnh thoảng bà bế Tính trong chốc lát, rồi tỏ vẻ mệt nhọc, giao trả vú. Giấc ngủ, bữa ăn của đứa bé không còn được bà săn sóc. Nhiều lúc bế Tính, nét mặt bà lại vơ vẩn nghĩ chuyện đâu đâu.

Tuy người chị không để ý đến nàng, Quỳ cũng không thấy được tự do như trước. Nàng không dám đi chơi đâu khuya. Lúc này nàng lại cần phải đi lắm. Quỳ đã phải bỏ những cuộc hội họp với chị em để đến chỗ hẹn với Huy. Lúc nào cũng vội vàng, thường đang dở câu chuyện với Huy thì đã hấp tấp phải về. Mà chuyện nàng với Huy thì không biết bao giờ cho hết.

Bà Mậu ở chơi đã lâu, Quỳ đã cho rằng không phải vì nàng mà người chị xuống, và Mậu chỉ định lừa nàng một lần nữa, thì câu chuyện ấy xảy đến.

Đã xong bữa cơm chiều. Con vú dọn dẹp trong bếp với người ở. Ba mẹ con ngồi quanh chiếc bàn nhà ngoài. Tính đang nhẩy trên đùi bà Mậu, Quỳ đang nghĩ cách gì để lát nữa đến với Huy, nàng thường nhìn trộm chiếc đồng hồ treo, đếm từng tiếng quả lắc. Đột nhiên bà Mậu hỏi nàng:

– Thế bao giờ cô cho Tính lên?

– Em định mấy hôm nữa.

Quỳ quên cả những điều dự tính. Người chị hỏi nàng đột ngột quá, và cũng tại câu hỏi. Giá bà Mậu nói: "Thế cô nhất định không cho Tính lên à?" Thêm một chút khiêu khích trong giọng nói, thì Quỳ đã nghĩ ngay đến những chuyện lôi thôi. Người chị đã cho là một chuyện dĩ nhiên, không kể gì đến điều khác, giọng nói rất bình thản. Rồi trong lúc bất ngờ, ngẫu nhiên Quỳ trả lời như một chuyện dĩ nhiên, nàng vừa nói thêm:

– Để em còn xem đã.

Bà cụ bảo nàng:

– Còn xem mới xét gì nữa. Cho con lên với bố nó. Chắc nó nhớ thằng bé.

Quay sang bà Mậu, bà cụ thêm:

– Đã bảo nó mãi mà nó không chịu lên. Con nhà đến cứng đầu, cứng cổ.

Bà mẹ đã nêu lên câu chuyện Quỳ muốn nói. Bây giờ, nếu người chị muốn biết vì lẽ gì nàng không chịu lên, thì nàng sẵn lòng trả lời. Người chị im một lát, rồi vẫn thản nhiên:

– Hoặc cô ấy còn muốn ở chơi dưới này. Thỉnh thoảng anh ấy nhắc đến cô, không hiểu sao cô chưa cho Tính về.

Chỉ nhắc đến thôi? Quỳ tưởng là Mậu mong nhớ nàng đến mất ăn, mất ngủ. Bức thư nào chàng cũng nói vậy. Có lẽ Mậu nói dối như chàng đã quen dối trá xưa nay. Hay có mong nhớ thật mà không dám lộ cho vợ cả biết? Cả hai thái độ cũng hèn như nhau. Nếu Mậu đau đớn vì xa nàng, đau đớn đến không thiết tới cuộc đời, như lời chàng viết, thì dù muốn dấu người vợ cả tất cũng phải nhận thấy và không thể bình thản như vậy. Chung qui Mậu vẫn khỏe mạnh, ngày hai bữa ăn, hai buổi đi làm. Muốn nàng về để thêm vui cho mình, và bắt nàng vào cảnh khó chịu.

– Nếu cô muốn ở chơi với đẻ ít ngày nữa, hoặc bận công việc gì, thì thong thả rồi cho con lên cũng được.

Bà Mậu nhìn Quỳ. Tự nhiên Quỳ chột dạ, thấy trong vẻ nhìn và lời nói của chị một ý nghĩa gì khác. Nàng bận công việc gì? Người chị thừa biết là nàng chẳng có công việc gì. Sao người chị lại hỏi câu ấy? Hay là... hay là chị nàng đã biết chuyện?

Quỳ càng nghĩ, càng thấy xôn xao. Có thể như vậy lắm. Những lúc đến với Huy, nàng đã hết sức cẩn thận, nhưng biết đâu chẳng có điều sơ sót để người ngoài biết. Một lần, quên mình trong tay Huy, nàng đã về khuya quá. Người chị còn thức, tuy không nói gì, nhưng hình như để ý. Càng nghĩ, Quỳ càng thấy chắc lắm. Chị nàng yên lặng, là vì muốn kín đáo dò nàng. Con người ấy vẫn nham hiểm.

Nếu đèn sáng hơn, thì hai người ngồi đối diện đã thấy nét mặt Quỳ tái dần. Người chị mà rõ chuyện, thì nàng đã biết làm sao? Nàng hơi yên tâm khi bà Mậu nói với mẹ:

– Đẻ nên bảo cậu giáo về ở nhà. Mua lấy một cái xe nhà, nuôi thằng xe. Ngày ngày nó kéo xuống trường sáng đi, tối về, mươi cây số xa là mấy. Buổi trưa ăn cơm ở dưới ấy, tối ăn ở nhà. Chứ đẻ ở nhà vò võ một mình, không tiện.

Bà cụ trả lời, giọng rầu rầu:

– Nó yếu lắm, đi thế không tiện. Nắng ráo đã vậy, lại còn những ngày mưa gió, rét mướt, nhỡ nó ốm một cái thì lại khổ. Tôi già rồi, thế nào cũng chịu được. Nhà tuy vắng, nhưng được yên tĩnh thì cũng không thấy khó chịu.

Bà cụ thở dài sc*ó vẻ nhẫn nại của người* đàn bà thương con cái quên đến cả thân mình. Hay là người chị không ngờ việc gì, chị muốn nàng ở đây cho mẹ đỡ buồn, mà vì nàng đã nghĩ nên nàng tưởng là việc nàng đã lộ.

– Dạ?

Quỳ không biết mẹ vừa nói cái gì. Bà cụ tiếp:

– Cho nó lên với cậu nó, ở nhà chẳng có công việc gì, mà bố con nó nhớ nhau. Thỉnh thoảng có về chơi, thì ở một vài ngày thôi, chứ ai lại ở biệt như thế?

Về với Mậu, đó lại là chuyện khác. Ít lâu nay, Quỳ khó lòng mà không giải quyết nổi việc ấy. Những lúc gần Huy, nàng tưởng bỏ

ngay được Mậu. Về đến nhà, trông thấy đứa con, nàng lại thấy việc rất khó, Quỳ không còn yêu gì Mậu, và thật lòng yêu Huy, đó là lẽ dĩ nhiên. Nhưng nàng vẫn phân vân, có một lẽ gì ngăn nàng làm cái việc quyết liệt là bỏ Mậu. Quỳ hứa với Huy, rồi lại lần chần ngày nọ sang ngày kia. Sau đêm gặp nhau ở vườn hoa, Quỳ gặp Huy ở chỗ chàng ở, một gian nhà ấm cúng xinh xắn. Khi đã không từ chối chàng một điều gì. Quỳ quả quyết hứa với Huy rằng sẽ bỏ Mậu để sống với chàng một cuộc đời mới. Nàng thấy cuộc đời ấy đẹp đẽ vô cùng, đúng với ý nàng vẫn ao ước. Về đến nhà, Quỳ lại thấy do dự mãi, rồi việc tưởng dễ dàng thành khó khăn, đến không thế nào làm nổi. Đã có lần Huy bảo Quỳ:

– Không thể nào lẩn lút thế này. Phải cho ngã ngũ hẳn. Chỉ lẩn lút yêu nhau, không khác gì một chuyện dâm đãng. Không nên cho tình ái chúng mình ý nghĩa ấy. Một ngày kia, thế nào người ta cũng biết, không thể giấu được mãi, mà mình không cần phải giấu giếm ai. Em sẽ bỏ hẳn ngay Mậu, không phải mang tiếng lừa dối hắn.

Quỳ không hiểu biết ý Huy. Biết Huy yêu nàng, người con gái cho là đủ lắm, tưởng chung sống như thế được mãi. Nhưng lúc cùng Huy bàn chuyện về sau, Quỳ cũng thấy lời Huy là đúng, nàng cần phải bỏ Mậu. Người chồng, đối với Quỳ bây giờ cũng không là một sự cản trở, nên nàng vẫn sẵn lòng quên, Huy nhắc mới nhớ tới. Nhưng Quỳ cũng chưa dám làm cái chuyện quyết liệt là bỏ hẳn Mậu. Huy không muốn ở trong cảnh lẩn lút ấy mãi, giục Quỳ, thì người con gái lại càng thấy phân vân. Như Nhung, người đàn bà góa, thật lòng yêu Nghĩa, [1] mà vẫn sợ dư luận, lại mong tới một bước đường cùng, như chuyện vỡ lở, hoặc có mang với Nghĩa để bắt buộc phải liều. Quỳ cũng lờ mờ mong như vậy. Có thế họa chăng mới hết do dự. Quỳ hỏi lại Huy:

– Đã đành là bỏ Mậu. Nhưng còn thằng Tính anh bảo làm sao?

Đến lượt Huy phân vân:

– Cái đó tùy em. Để Tính cho Mậu nuôi, hoặc em giữ lấy Tính. Anh tưởng để nó cho Mậu hơn.

– Nhưng...

Quỳ không nỡ lòng, không đủ can đảm rời đứa con. Nó cũng là khí huyết của nàng. Mang nó theo vào cuộc sống của Huy, một cuộc

1. Xem tiểu thuyết *Lạnh lùng* của Nhất Linh.

đời nàng muốn hoàn toàn mới. Quỳ thấy không tiện. Một tang chứng, những cái muốn quên sẽ luôn luôn trước mắt, giữa nàng và Huy. Mà Huy như cũng không bằng lòng như vậy. Quỳ thấy đứa con làm phiền nàng lúc này. Đừng có Tính, nàng đã được thảnh thơi dễ khu xử biết bao.

Chuyện cứ quanh quẩn như vậy. Một ngày lại một ngày, Quỳ vẫn do dự, và Huy giục nàng giải quyết cho xong.

Bà mẹ tiếp:

– Hôm nào chị ngược, thì cho mẹ con nó lên nhân thể. Đến ít nữa nghỉ hè, cậu giáo về ở nhà, thì tôi cũng lên chơi trên ấy ít ngày.

Bà Mậu nói:

– Thỉnh thoảng mời đẻ lên chơi, cũng gần đến ngày nghỉ rồi. Hay cô Quỳ chưa muốn lên ngay thì đợi rồi mai kia đi với đẻ. Còn con thì nay mai con phải về.

Quỳ thấy chị không có vẻ tha thiết cần nàng lên lắm. Lại muốn về ngay với chồng. Chắc họ đã lại ăn ý với nhau. Nếu thế thì mong nàng ở xa là phải. Quỳ như lại thấy tức với Mậu.

Bà mẹ nói với người chị một câu Quỳ không rõ nghĩa:

– Ừ, chị cũng liệu về trên ấy, mà cũng đừng nên đi đi về về. Xem có ông lang nào hay, thì mời đến nhờ cắt thuốc cho. Phải giữ gìn cho cẩn thận.

Chung quanh như giấu Quỳ những việc gì, mà nàng không có quyền biết. Thái độ mỗi người như có chuyện bí ẩn, những lời nàng đoán đều sai. Người chị cúi mặt, như tư lự một việc gì. Quỳ tự nhủ: “Muốn giấu thì cứ giấu. Mình cũng không cần biết. Chỗ mình đâu phải ở đấy? Cuộc đời là mình phải ở với Huy...” Nàng muốn đi tìm ngay Huy. Lúc này là lúc cần phải giải quyết chuyện của hai người. Quỳ không muốn dùng dằng thêm ngày nào. Gần Huy, nàng sẽ có đủ can đảm định liệu.

Trời đã tối được một lúc, chắc Huy đang đợi nàng. Nàng không cần giữ gìn, đứng dậy mặc áo. Bà mẹ hỏi:

– Cô đi đâu đấy?

– Con lại đằng này một lát.

– Liệu mà về cho sớm.

Bà Mậu yên lặng nhìn Quỳ đi ra ngoài.

XVIII

Huy đón Quỳ vào, đóng cửa lại, rồi lại đến ngồi trước bàn viết:

– Quỳ đợi anh một tí, anh đương viết dở cái này.

– Được, anh cứ viết đi.

Quỳ đảo vào gian buồng trong. Gian buồng vẫn y nguyên như lần trước nàng đến, không một dấu vết gì khác. Gia đình Huy ở nhà quê. Nhà này, chàng thuê từ hồi còn đi học ở ngay trường tỉnh ở nhà quen, và giá không là bao nhiêu, nên tuy sau này đi học xa, Huy vẫn giữ chỗ đó, thỉnh thoảng về nghỉ ngơi dăm ba ngày, tránh cảnh ồn ào ở Hà Nội.

Quỳ quay ra, đứng sau ghế Huy. Nàng đang nghĩ đến câu chuyện sắp phải nói với Huy. Lần này, thì cần phải giải quyết cho xong, không còn thể dùng dằng được. Nàng sẽ bỏ Mậu để sống với Huy. Huy sẽ đưa nàng đi một nơi xa xôi nào để quên hết cả việc cũ, tránh điều tiếng, Quỳ thấy việc đó rất tự nhiên như đã bàn định xong xuôi cả. Còn đứa con... kể cũng khó nghĩ. Hoặc là nàng sẽ để nó cho Mậu. Đã muốn dứt với cuộc đời cũ thì nên dứt hết. Sau này, nàng sẽ có con với Huy, những đứa con của tình ái, đẹp đẽ, kháu khỉnh, mà nàng sẽ hết sức yêu quí. Để con lại cho Mậu, Quỳ cũng thấy nao nao, nhưng nàng cũng lơ mơ cảm thấy rằng mang Tính đi thì lại càng không ổn. Mậu, chị nàng, bà đẻ ra Mậu. Những người ấy chắc không khi nào chịu. Về việc này, nàng sẽ bàn kỹ với Huy, nàng tin rằng Huy sẽ có tài giải quyết. Không tự mình định được, Quỳ thấy theo ý Huy là hơn cả.

Huy vẫn ngồi viết, đầu cúi xuống bàn, ngòi bút thoăn thoắt trên một tờ giấy rộng đã đầy những chữ. Ngoài phố không có tiếng gì dội vào, trong nhà cũng yên lặng. Chỉ có một chiếc đèn dầu; lại có chao hắt ánh sáng xuống bàn, nên Quỳ đứng trong bóng tối. Nàng nhìn cái gáy Huy lờ mờ trắng, nàng tò mò nhìn mấy cái chân tóc mới cắt dựng đứng.

Huy vẫn viết, như quên có Quỳ đứng sau. Quỳ như đã thấy lâu, khó chịu. Nàng cố cho có dáng vui vẻ, hỏi:

– Anh viết gì mà viết nhiều thế? Lại viết thư cho cô nào hẳn?

Huy cười:

– Đúng rồi. Đã ghen rồi kia à? Tôi viết cho cô Quỳ đấy.

Quỳ cũng cười:

– Ai thèm ghen. Xem nào?

Huy ngả người ra lưng ghế. Quỳ cúi xuống tờ giấy, thấy toàn là những dòng chữ Pháp. Có một vài chữ quen quen, đã học đến, nhưng nàng cũng chẳng hiểu là gì. Huy châm một điếu thuốc lá, nắm cánh tay Quỳ nâng dậy.

– Quỳ để cho anh làm việc nốt một tí nữa. Chỉ một tí nữa thôi.

Huy lại cắm đầu viết. Quỳ đi lại mấy bước quanh đằng sau ghế:

– Hay anh bận thì em đi về nhá?

Quỳ đã bực lắm. Huy buông bút, quay lại nhìn Quỳ, cái vẻ nhìn làm cho nàng luýnh quýnh, Quỳ vội thêm:

– Để anh làm việc, tối mai em lại.

Một chút vui vẻ nhẩy nhót trước mặt Huy. Chàng đứng dậy cầm lấy hai tay Quỳ:

– Sao lại về? Anh đã bảo là gần xong rồi. Đợi anh một chút nữa thôi. Sao chưa chi đã dỗi thế?

– Em có dỗi đâu?

– Thế thì đợi anh một tí. Mấy tờ báo mới anh vừa nhận được đây, em xem đi. Vài phút nữa, rồi anh nói chuyện cho mà nghe.

Huy đưa Quỳ vào buồng, đặt ngồi xuống cái giường thấp, vứt vào lòng nàng mấy tờ tạp chí rồi lại quay ra. Nàng ngồi xích lại chiếc đèn ở đầu giường, đặt mấy tờ tạp chí lên đầu gối, lơ đãng giở từng trang.

Khi đã yêu ai, người đàn bà không nghĩ đến gì ngoài tình yêu. Một tình yêu, đủ làm đầy đủ cuộc đời họ. Tình đó là then chốt cho cả cuộc đời một người đàn bà. Ngoài ra, những tính tình khác chỉ là phụ họa. Đàn ông không thế. Dù rất yêu, và rất thực lòng, họ vẫn có thì giờ nghĩ đến những chuyện khác. Ái tình không phải là lẽ sống duy nhất của họ. Còn danh vọng, tiền tài, chức phận... Ngoài việc giao thiệp với đàn bà, đời người đàn ông còn nhiều phức tạp hơn.

Người đàn bà không chịu nhận điều ấy. Thường thường, họ bắt người họ yêu phải nghĩ như họ, xử sự như họ. Người đàn ông cũng phải nhắc lại luôn những lời âu yếm, những anh anh em em. Không thế, họ đâm ngờ vực, cho là đã phai lạt. Nhiều người con trai, chỉ vì

muốn chiều tình nhân đã đóng những vai kịch ấy. Để họ im lặng, chắc họ còn thành thực hơn. Rồi có khi vì thế mà đâm chán. Giây đàn lên căng quá thì đứt. Những cái đáng lẽ phải ủ ấp trong thâm tâm, mà cứ lôi ra nhắc đi nhắc lại cũng mất cả nghĩa lý.

Quỳ tưởng như nàng đến thì Huy sẽ vồn vã chào đón như mấy lần trước. Không. Chàng ngồi làm việc. Nàng đợi đã có đến nửa giờ, mà Huy vẫn chưa thôi viết. Thì ra chàng còn thích viết hơn là gặp nàng. Phải, người tình nhân họ nghĩ đến một chuyện khác hơn là nghĩ đến mình, Quỳ thấy động lòng tự ái. Nàng nhìn mấy cái tranh trên tờ báo, thấy mất dần ý muốn bàn chuyện với Huy. Một phút đợi thêm là một phút do dự. Lúc Huy vào buồng. Quỳ không còn muốn nói.

Huy ngồi xuống mép giường, bên Quỳ:

– Thế nào? Có chuyện gì không?

– Không có chuyện gì cả.

– Thế chị Nga vẫn không nói gì đến Quỳ à?

– À có. Chị Nga hôm nay có nói đến chuyện ấy.

Quỳ liếc nhìn Huy, như để dò ý tứ chàng, tiếp:

– Chị ấy bảo em cho Tính về Bắc.

Huy nhìn tàn thuốc lá ở tay đã dài. Chàng gõ điếu thuốc vào thành giường cho cái tàn rơi xuống đất, thản nhiên:

– Thế em trả lời thế nào? Đã định gì chưa?

Huy nhìn đi nơi khác, một lối nhìn nghiêng nó vẫn giữ được người con gái trong nhỡn giới.

– Em ấy à? Em cũng định mai cho Tính ngược.

Huy vứt mẩu thuốc, lấy chân dí nát. Chàng đứng dậy đi mấy bước trước mặt Quỳ, hai bàn tay nắm làm phồng túi áo. Một lúc lâu, chàng trả lời Quỳ, giọng rất bình thản:

– Em nghĩ thế rất phải đấy. Nên cho Tính ngược và cả em cũng nên về với Mậu.

Quỳ tin ngay câu ấy, nàng hết sức ngạc nhiên. Nàng chưa có ý định đến đây bàn với Huy. Nàng nói thế để thử lòng Huy, ai ngờ anh chàng nhận ngay, không một chút phản kháng. Chàng tán thành việc nàng về với Mậu! Chàng tán thành ngay từ lời nói đầu tiên, không một ý muốn giữ nàng lại. Hoặc giả Huy đã chán nàng, muốn

nàng về với Mậu để kết liễu một cuộc tình duyên chàng đã ngấy. Đàn ông họ vẫn vậy. Lúc đầu, họ vẫn như hết sức chung tình, nhưng rồi chẳng được bao lâu. Huy cũng như các người khác. Quỳ phân vân, đâm ngờ, rồi ngờ cả cái tình của Huy từ trước đến giờ.

Huy đã nằm ngang lên giường, chân buông xuống đất, một tay vắt lên trán.

Chàng hỏi:

– Thế em định bao giờ ngược?

– Độ nay mai, hôm nào chị Nga về thì em theo lên. Anh muốn cho em đi lắm à?

Nàng cố giấu vẻ tấm tức trong câu hỏi sau cùng. Huy cười:

– Ai lại muốn thế. Nhưng em đã muốn đi, thì anh giữ làm sao được?

Quỳ nghĩ thầm: Tại anh không muốn giữ đấy thôi! Anh cứ thử giữ đi nào, xem em có ở lại với anh không? Nhưng em biết rồi. Nàng nói to:

– Em phân vân lắm. Ở cũng dở, đi cũng dở...

– Em còn phân vân kia à? Xưa nay, em phân vân đã bao nhiêu lần rồi, bây giờ đến lúc chị Nga xuống đón em về, em đã bằng lòng, mà lại vẫn còn phân vân? Có lẽ suốt đời em, không bao giờ em quyết định được việc gì.

Đó là cái giọng của Huy từ hồi Quỳ chưa biết chàng. Đang nói chuyện những tâm sự mà giở giọng ấy ra, anh chàng thật rất đáng ghét. Huy đã thong thả tiếp:

– Em là hạng người không có chủ tâm, bất cứ làm việc gì cũng phải có người định liệu hộ. Hay do dự, lại bướng bỉnh. Lúc nóng lên, làm bừa không nghĩ gì. Sau tha hồ mà hối.

– Ai làm bừa? Mà hối cái gì? Đã làm thì ai còn thèm hối!

Huy cười, rất vui:

– Thực không? Thế việc lấy Mậu, không phải làm liều rồi lại hối à? Quỳ bực mình với tôi mà lấy Mậu rồi có lẽ bực mình với Mậu mà yêu tôi. Phải thế không?

Không khi nào Quỳ chịu nhận là phải. Nàng cũng không bằng lòng cho Huy ngờ vực tình yêu của nàng. Nàng quên hẳn rằng chính nàng vừa ngờ Huy. Nàng được ngờ Huy, nhưng không cho Huy quyền được ngờ nàng. Huy đã tiếp:

– Còn chuyện em định về Bắc nữa, cũng chưa chắc.

– Sao lại không chắc? Em đã nhất định rồi kia mà.

– Mặc, nhất định thì nhất định. Anh chắc em không đi. Chẳng tin thì đánh cuộc xem.

Quỳ phì cười:

– Ừ, đánh cuộc thì đánh cuộc. Thế nào em cũng đi.

– Đã chắc, thì nhận đánh cuộc đi. Xem ai được.

– Được rồi. Đánh cuộc thế nào?

– Tôi bảo rằng Quỳ sẽ cứ ở đây với Tính. Chị Nga sẽ về Bắc một mình. Chắc chắn như thế.

Quỳ đã hơi mất vẻ quả quyết, hỏi Huy:

– Tại sao anh lại chắc như thế?

– Đó là điều bí mật riêng của tôi. Để xem rồi có đúng không.

– Ừ, nếu em không đi, thì anh bảo sao?

– Đợi đến lúc ấy đã. Anh sẽ có chuyện nói với Quỳ. Nhưng phải đợi đến lúc được cuộc. Bây giờ Quỳ đã nhất định đi thì còn biết nói gì!

Quỳ ngồi ngay người:

– Thế nào em cũng đi. Thế nào anh cũng thua cuộc.

Huy mỉm cười:

– Thì đành vậy. Nhưng chưa chắc lắm!

– Anh đáng ghét lắm. Lúc nào cũng ra bộ bí mật, khó hiểu...

– Hãy còn ghét kia à? Khi xưa Quỳ ghét anh dâm lấy Mậu. Bây giờ lại ghét thì liệu có thể bỏ được Mậu không! À quên, mình chưa nói đánh cuộc bằng cái gì?

– Đánh cuộc bằng cả người.

Hòa khí đã trở lại. Đúng như lời Huy, Quỳ như trẻ con, tâm tính không có chủ đích. Mừng đấy, giận đấy. Nàng đương bực với Huy, mà một câu chuyện đã đủ làm vui vẻ. Muốn cho Quỳ để tâm, nghĩ luôn luôn đến việc gì, phải có một nguyên nhân kích thích luôn luôn bên cạnh. Như khi ở với Mậu phải có người vợ cả sờ sờ trước mắt, và những chuyện ghen tuông ganh tị hằng ngày.

XIX

Bà Mậu đã về một mình, Quỳ đã tìm cách ở lại. Hôm đi, người chị dặn dò Quỳ trông nom Tính, hôn thằng bé hai ba lần rồi mới chịu bước ra xe. Bà cụ dặn với:

– Phải nhớ giữ gìn cho cẩn thận. Hễ thấy khác thì tiêm thuốc ngay đi.

– Vâng. Đẻ cứ yên tâm, con nhớ rồi.

Mấy hôm nay, bà mẹ luôn luôn nói với người chị những câu như thế. Hình như có việc gì nguy hiểm, lúc nào cũng phải đề phòng. Không phải việc nàng, và mẹ với chị cũng không muốn cho nàng biết, Quỳ không để ý đến. Người chị đi khỏi, Quỳ thấy được tự do, thả lỏng hơn. Thực ra, bà Mậu cũng chẳng cấm đoán gì nàng, nhưng ở đây thì dù sao cũng là một trở ngại. Quỳ không được tự do đi tối, về khuya.

Quỳ lại năng tới Huy. Huy đã được cuộc, được một cách rất dễ dàng. Anh chàng đã biết chắc là Quỳ không đi. Chàng hứa sẽ có chuyện nói với Quỳ, giải quyết cảnh ngộ chung cho cả hai, nhưng lúc ấy, Huy lại không nói gì. Quỳ cũng không muốn hỏi. Sự cần kíp đã qua, nàng không muốn gợi ra câu chuyện nàng vẫn muốn tránh. Cứ gặp Huy như thế này, người con gái đã cho là đủ lắm. Nàng không muốn gì thêm, không nghĩ xa. Tình yêu cũng không còn nồng nàn như trước, nàng gặp Huy bây giờ cũng chỉ do một thói quen, thói quen của những cặp nhân tình tuy không đằm thắm yêu nhau, nhưng gặp nhau thì cũng thấy hay hay.

Huy có lúc nhắc đến, thì Quỳ bịt ngay lấy miệng:

– Đến đâu hay đó. Nói đến, em rối ruột lắm.

Rồi Quỳ nhẩm tính. Nếu việc đó xảy ra, nàng thấy khác trong người, thì nàng chỉ về ở với Mậu ít ngày là xong xuôi cả. Quỳ đã có chỗ thoát thân, mà không dám cho Huy biết. Chắc Huy không chịu lối thu xếp ấy, thì chàng sẽ định thế nào? Quỳ tặc lưỡi.

Ngày tháng theo nhau, và cuộc đời của họ cũng trôi theo. Họ kín đáo, khéo giấu, nên không bị tai tiếng. Hàng phố tin rằng Quỳ về ở nhà chỉ vì không chịu được cảnh cả lẽ. Có người thương nàng còn trẻ tuổi mà đã ra phận vị vong.

Quỳ tưởng chừng sống được mãi như vậy, nhưng một chuyện xảy ra.

*

Người đưa thư gõ mấy tiếng, sẽ đẩy cánh cửa:

– Ở đây có ai là Quỳ, ra nhận một cái dây thép.

Quỳ chạy ra.

– Có, dây thép hở ông? Ở đâu?

– Cô xem thì biết. Cô ký vào đây cho.

Quỳ ký vào mảnh giấy nhỏ. Người phát thư trao cho nàng tờ giấy xanh còn niêm kín, lạnh lùng quay ra. Bà mẹ đã bắt đầu bồn chồn từ lúc thấy có dây thép. Những người già, đã an với một cuộc sống phẳng lặng, không ưa gì những mảnh giấy xanh nó thường báo chuyện bất tường.

Bà cụ hỏi Quỳ:

– Dây thép gì thế con?

Quỳ mở vội, xé rách cả tờ giấy, nhìn ngay xuống chữ ký:

– Thưa đẻ, dây thép của anh Mậu.

– Thế à? Nó nói gì?

Quỳ đọc:

– "Việc cần lắm. Đẻ và Quỳ lên ngay".

– Rõ thật khổ!

Theo ngay một tiếng thở dài, nhiều ý nghĩa nhẫn nại hơn là đau đớn. Quỳ cũng thấy hồi hộp, nhìn mẹ. Bà cụ lặng im nhìn xuống đất như không bị kích thích gì về câu gọi cần kíp của Mậu. Giờ lâu, bà cụ hỏi:

– Mấy giờ rồi con?

– Thưa đẻ mười giờ.

– Thế thì liệu sắp sửa mà ra chuyến ô tô mười một giờ, may ra thì còn lên kịp hôm nay.

– Thưa kịp làm sao được. Đến Hà Nội thì đã tối rồi. Đẻ định đi à?

– Thì phải lên, chứ biết làm sao? Ở Hà Nội hình như có chuyến tàu tối. Đi ô tô mười một giờ thì may ra kịp. Con sắp sửa ngay đi.

– Chẳng biết việc gì mà cần thế!

Bà mẹ không nói, lại thở dài. Quỳ thấy hình như bà mẹ biết nhiều hơn nàng. Nhưng sao mẹ lại không nói, và mỗi lúc nét mặt lại rầu thêm:

– Con liệu cho cả thằng Tính đi, cả con vú nữa. Chưa biết là ở lâu hay chóng, để nó ở nhà, chưa biết lấy ai trông nom nó.

Quỳ muốn ở lại với con. *Nhưng nàng không thể để mẹ ngược một* mình, và ý bà cụ thì xem ra đã quả quyết lắm. Nàng đành theo ý mẹ. Gần đến lúc đi, mới thấy bà cụ ra vẻ bồn chồn sốt ruột. Nhưng bà cụ vẫn nhắc cho Quỳ công việc xếp đặt, những thức mang theo nếu nhỡ phải ở lâu. Quỳ lẩm nhẩm luôn câu hỏi "Việc gì, việc gì mà cần đến thế?" Nàng không thấy câu trả lời, nhưng chắc là không phải để gọi nàng về. Tất phải có chuyện gì lạ lắm, nên mới cần cả mẹ lên. Quỳ tíu tít, quên hẳn rằng nàng vẫn không muốn về với Mậu, quên cả nghĩ đến Huy. Lúc đó, ngồi trên xe tay ra bến ô tô, bên cạnh mẹ, theo sau là xe con vú với đứa con, Quỳ nhớ ra thì đã muộn. Mỗi vòng bánh xe làm nàng lại gần cái chỗ nàng vẫn ghét.

Quỳ hỏi mẹ:

– Không biết việc gì mà đánh dây thép cần kíp thế?

Bà cụ nói nhỏ, tự nói với mình hơn là trả lời Quỳ:

– Không khéo nó lại bị xẩy.

Trong giây lát, Quỳ hiểu hết, rất rõ ràng. Nàng nhớ lại thời kỳ người chị về, những lúc đi lễ bái, những câu chuyện thầm kín và lời dặn dò của mẹ. Thì ra chị nàng đương đợi một đứa con. Cũng như hồi nào, mong đợi đứa con của nàng, tâm tính người chị đã đổi khác ngày thường. Nàng không biết gì, vì không để ý. Nàng tự thấy mình lơ đãng. Nàng còn bận nghĩ đến Huy, đến những chuyện khác hơn là đến người chị mà nàng không ngờ là lại có thể có mang. Bây giờ Quỳ thấy việc ấy rất thường, rất có thể, mà lại có can hệ mật thiết đến đời nàng.

Hồi về nhà, chắc người chị có thai cũng đã được lâu. Nàng về với mẹ đã lâu lắm. Mậu đã quay lại với vợ cả. Cứ như lời Mậu, Quỳ tưởng chàng không còn bao giờ làm lành với chị nàng. Nàng đi, lại càng tăng mối ác cảm đó, Quỳ vẫn tin như thế những lúc nhận thư Mậu, đọc những lời tha thiết gọi nàng về. Nào ngờ chỉ toàn là lời giả dối. Trong lúc gọi nàng, Mậu đã làm lành với người vợ cả. Họ đã hú hí với nhau. Quỳ càng ghét Mậu giả dối.

Người chị có mang, Quỳ thấy có ảnh hưởng mật thiết với nàng, chưa kịp nghĩ xem nó ra sao, thì đã tin này đến. Quỳ cũng tin như mẹ, có lẽ người chị bị tiểu sản. Thật là một hình phạt xứng đáng cho chồng và chị. Để xem họ xử trí ra sao.

Tiếc rằng không được gặp Huy, để nói câu chuyện ấy. Lâu nay hai người cũng không có chuyện nói với nhau, chứ mấy câu tình ái nhắc đi nhắc lại đã đến gần mất nghĩa, Quỳ cũng không nghĩ đến Huy lâu. Ý nghĩ hỗn độn về tiếng máy ô tô, nàng lơ đãng nhìn phong cảnh vùn vụt chạy hai bên đường. Bên cạnh nàng, bà mẹ im lìm, nheo hai con mắt sau lần kính đen che gió.

XX

Có những lớp nhà, cũng như những kiếp người, đã định sẵn và phải chịu cảnh tối tăm. Ánh sáng mang tới hoặc những cuộc thay đổi xẩy ra, phần nhiều chỉ mang tới những chuyện không hay, những tai vạ. Ngồi trên xe, từ xa trông thấy ánh sáng ở các cửa lớp nhà Mậu, bà cụ và Quỳ lại càng thêm bồi hồi, lòng nghĩ đến tờ dây thép. Việc gì? Bà mẹ đã đoán một việc – vợ cả Mậu bị tiểu sản – ngay lúc nhận được tờ giấy xanh nó đến đột ngột, rất nhanh, vì là việc có lý nhất, bà cụ đã nghĩ đến luôn luôn từ lúc vợ cả Mậu về chơi, bà cụ biết là đã có mang. Bà cụ mong đừng xảy ra chuyện gì, ngày tháng cứ đều qua cho tới lúc bà Mậu ở cữ, nghĩa là còn hai tháng nữa. Ngoài hạn ấy, là cả hai mẹ con, nhất là vợ Mậu sẽ hết lo. Điện tín đột nhiên đến, vào giữa cái thời kỳ hay xảy ra tai họa, theo như mấy lần trước, làm bà cụ không chắc ngay là chính chuyện ấy. Bây giờ thì bà cụ không chắc lắm. Thiếu gì chuyện có thể làm Mậu đánh dây thép, biết đâu là chẳng đoán nhầm? Bà muốn không tin, thì lại càng thấy lo ngại. Thế thì là việc gì? Tránh một điều dự đoán không hay, thì lại gặp những chuyện mờ mịt bất thường khác. Lo sợ càng tăng thêm.

Xe đỗ trước cửa nhà Mậu. Quỳ đợi cho chiếc xe sau, kéo con vú và Tính đỗ, trả tiền rồi bế Tính cho người vú mang va ly cùng thúng mủng vào nhà. Qua cửa sổ, thấy lố nhố nhiều hình người, những lớp nhà vẫn có vẻ im lặng, những bóng người như đi đi, lại lại mà không thấy tiếng huyên náo gì.

Quỳ lên tiếng, một con ở vội chạy ra đỡ các đồ vật, và mấy người

trong nhà xô ra phía cửa. Họ như đang mong Quỳ và bà cụ. Quỳ thấy nhiều mặt lạ, chưa đến nhà này, có người lại ăn mặc ra vẻ quê mùa. Bà mẹ đẻ Mậu cũng có đấy, tay cầm một chiếc đũa bông vót dở. Bà cụ chào mẹ Quỳ:

– Cụ với mợ đã lên.

Nghe tiếng nói nhỏ và ướt, nhìn cặp mắt đỏ hoe và chiếc đũa bông, Quỳ thấy lạnh người. Mẹ Quỳ ngồi phịch xuống một chiếc ghế:

– Vâng, nhận được dây thép tôi vội đi ngay, may kịp chuyến tầu tối. Cụ cũng đã ra?

Và quay lại Mậu, bà cụ hỏi:

– Thế nào?

– Thưa đẻ, nhà con...

Mậu ấp úng được mấy tiếng thì miệng méo xệch, vội đưa khăn tay lên mắt. Dáng điệu ấy đủ trả lời thay cho lời nói. Trong một lúc khác, chắc Quỳ đã thấy vẻ tức cười của Mậu. Còn gì xấu cho bằng một người đàn ông khóc lướt mướt, thêm áo quần tả tơi, nhầu nát, đầu tóc bù xù? Quỳ không ngờ rằng Mậu lại có lúc như thế, Mậu khác hẳn với người đàn ông trước kia vẫn đi Hà Nội, ăn cao lâu, xem chiếu bóng với nàng, đàng điếm và vui vẻ, nhưng trường hợp này quan trọng, bi thiết quá, không cho Quỳ nghĩ lâu đến Mậu. Mẹ nàng cũng đã xụt xịt. Chung quanh toàn những người mắt đỏ hoe, nét mặt rười rượi. Cửa vào buồng đã che chiếc màn đen, thỉnh thoảng để thoát ra một mùi hương thắp trong buồng.

Bà mẹ Mậu bắt đầu vót lại chiếc đũa bông:

– Nó lại bị như mấy lần trước, nhưng lần này yếu quá, và băng huyết quá nhiều. Thôi chẳng qua cũng là cái số nó thế!

Chiếc đũa rung rung trong bàn tay bà hơi run. Bà cụ thở dài với cái vẻ nhẫn nại của người già đã qua nhiều nghịch cảnh:

– Tôi lên đến nơi thì nó đã mê man. Đốc tờ cũng đã chê, cũng đã hết lòng hết sức, nhưng số thế thì không làm sao được. Được một lúc thì nó đi. Lúc ấy vào khoảng bốn giờ.

Bốn giờ là lúc Quỳ và mẹ đang ngồi ô tô, lúc bà cụ thấy bồn chồn nhiều nhất. Có lẽ là lúc bà Mậu hấp hối, mong người mẹ. Nhưng đã mê man, thì đâu còn biết mong? Bà cụ đứng dậy, muốn vào buồng nhìn mặt con gái lần cuối. Bà mẹ Mậu ngăn lại:

– Cụ mới đi đường xa, hãy còn mệt, hãy ngồi uống chén nước đã.

Bà cụ muốn biết rõ ràng. Mậu như không có sức kể lại rành rọt. Sau những người đã chứng kiến tấn thảm kịch, mỗi người một câu chắp nhặt lại, thành ra Quỳ và bà mẹ biết rõ đầu đuôi câu chuyện.

Sáng hôm ấy, lúc Mậu đi làm, người vợ còn nằm trong màn. Bà Mậu kêu mỏi, thỉnh thoảng lại lâm râm đau bụng. Mậu vô tình, và gian buồng tối, nên không trông rõ vẻ lo ngại trên mặt vợ, cho là mệt mỏi xoàng. Chàng đã quên những lần tiểu sản trước, cách đây không bao nhiêu năm. Chàng không ngờ là vợ lại có những triệu chứng ấy.

Tám giờ hơn, con ở đến sở gọi chàng: "Mợ làm sao ấy, bảo mời cậu về ngay".

Chàng lật đật thu xếp giấy má, xin phép chủ đi về. Người vợ nằm trên giường, mặt đã thất sắc, mỗi một cơn đau lại làm tái thêm, con mắt dại thêm, người vợ hổn hển bảo chàng:

– Cậu đi mời ngay đốc tờ cho tôi, mời đốc tờ Tây ấy. Có lẽ... có lẽ...

Người vợ không nói hết câu, một cơn đau làm miệng rúm lại, mặt nhợt nhạt đẫm mồ hôi. Mậu đã hiểu, chàng vội nhảy lên xe đạp, ra nhà thương. Lại gặp giờ quan đốc đang khám bệnh, chàng phải đợi một lúc lâu. Lúc thầy thuốc tới thì bà Mậu đã mất sắc và yếu hơn trước, nhìn thầy thuốc thăm bệnh cho vợ, Mậu hơi được yên lòng, chàng mong một câu gì để phá tan những nỗi lo sợ.

– Mới đây, có bị ngã, hoặc trượt chân không?

– Bẩm không, không bị ngã hay trượt chân bao giờ.

Thầy thuốc nghe ngóng một lát nữa:

– Trước kia có bị tiểu sản lần nào không?

Mậu ấp úng:

– Bẩm... có.

Thầy thuốc làu nhàu mấy tiếng, rồi quay bảo Mậu:

– Phải đưa ngay vào nhà thương. Đây là triệu chứng tiểu sản. Có thể sinh ra nguy hiểm. Để ở nhà, nếu sinh biến chứng thì không đủ đồ dùng, đủ thuốc để cứu chữa.

Mậu sực nhớ lại lời một y sĩ khác đã lâu lắm. "Dạ con của bà yếu quá, không giữ nổi cái thai. Nếu người yếu thì nguy hiểm lắm. Bà nên cẩn thận". Chàng đâm sợ mướt mồ hôi.

Mậu đưa vợ vào nhà thương, và cũng theo vào. Trong lúc này, chàng muốn luôn luôn ở cạnh vợ, nhưng khi người vợ đã được vực vào trong buồng đẻ, thì cửa buồng đóng lại, người ta không cho Mậu vào. Chàng không ích gì ở chỗ ấy, họa chăng có ích cho vợ chàng thêm chút can đảm chịu đau, chàng bồn chồn càng thêm lo, không hiểu trong buồng làm những trò gì. Chàng không thấy một tiếng kêu rên của vợ. Thỉnh thoảng một vài người nữ khán hộ qua lại, mang một thức gì vào buồng. Chàng níu lại hỏi thăm.

– Ông cứ yên tâm. Đã vào đến đây thì quan đốc sẽ hết sức. Lo sợ cũng đến thế thôi. Vả lại cũng không việc gì phải lo sợ.

– Có phải là tiểu sản không, bà?

– Để quan đốc còn xem. Bà nhà có mang được bảy tháng, phải không?

– Vâng, hình như bảy tháng, nhưng lần trước cũng bị sẩy ở tháng bảy, nhưng...

– Thế à? Đã có bị sẩy rồi à? Sao lần này ông không cẩn thận?

Người nữ khán hộ nói rất thản nhiên, như câu chuyện không can thiệp gì đến họ, mà thực ra thì có can thiệp gì? Họ làm nghề ấy đã quen với những cảnh ốm đau, những chuyện đẻ khó, đẻ dễ. Họ đã thường trông thấy người chết, tai thường nghe thấy kêu, than. Trái tim họ không có hưởng ứng với cảm giác của người hàng xứ. Vợ chàng, chẳng qua cũng chỉ là một “ca” như những “ca” khác.

Lúc này, Mậu thấy cần có những người thân thích ở bên. Chàng chạy đi đánh dây thép cho Quỳ và mẹ vợ, sai người ở về quê gần đây tìm người mẹ đẻ. Lúc Mậu lộn lại nhà thương người khán hộ bảo chàng:

– Quan đốc đã đánh thuốc mê để lấy cái thai ra. Một đứa con giai, nhưng yếu quá. Giời không cho làm người...

– Thế còn nhà tôi?

Bà ấy còn đang mê man. Ra nhiều máu quá. Ông cứ vững tâm, may ra cũng không can gì.

Tại sao lại “may ra”? Những lần trước, cũng tiểu sản, đâu có những chuyện phiền phức ấy. Việc gì mà đến nỗi phải đánh thuốc mê để lấy cái thai? Chàng chắc có những điều lạ, mà chàng không thể biết rõ. Muốn biết rõ họa chăng phải là y sĩ. Điều chàng rõ nhất là

vợ chàng đang trong lúc nguy hiểm, quả như chàng tưởng tượng một câu nói văng vẳng: "Nếu người yếu thì nguy hiểm lắm".

Mậu nhớ lại: thời gần đây, vợ chàng cũng không lấy gì làm yếu lắm. Họa chăng lúc Quỳ mới đi, vợ chàng cũng có phần kém sút. Đó là lỗi tại chàng. Bây giờ thì Mậu xin nhận cái lỗi ấy. Nếu Giời cho qua lúc này, Mậu tự hứa sẽ không bao giờ làm phiền lòng vợ, để cho vợ phải buồn phiền, mà từ khi làm lành, người vợ đã vào nằm trong buồng rồi, thì cuộc đời cũng đã lại như cũ. Vợ chàng không còn vẻ ốm yếu. Mậu không biết rằng lòng người đàn bà vẫn chứa chất đầy lo nghĩ. Cái đau đớn âm thầm, lặng lẽ trong tâm can cũng có sức rất mạnh tàn phá cơ thể.

Người đàn bà cứ yếu dần đi mãi. Một điều nữa làm tăng nỗi lo sợ người chồng, là bà Mậu bị băng huyết. Đó là nỗi đáng lo ngại nhất. Lúc cho hay tin ấy, người khán hộ cũng không còn vẻ bình thản của người đã quen nhìn cái chết. Có lẽ bị lây, hoặc ái ngại cho nỗi lo sợ, dáng điệu luống cuống bất lực của Mậu.

Bà mẹ đẻ Mậu tới. Bà giục Mậu đánh thêm dây thép cho mẹ vợ và Quỳ, và xin cho vợ về nhà, để có thế nào, thì "cũng được chết ở nhà". Bà cụ đã từng trải về những chuyện ấy, hiểu rõ hơn Mậu. Câu nói tuy sống sượng, nhưng không làm Mậu sợ thêm. Chàng vẫn mang máng nghĩ tới, và lại thấy đỡ lo chút ít, vì có người thân bên cạnh lo liệu giùm chàng, nếu có xảy chuyện không hay.

Về nhà, bà Mậu cũng không khá hơn chút nào. Chứng băng huyết vẫn không cầm, lại có phần nguy thêm, mặt mỗi lúc một mất sắc, hai con mắt dại như mắt đứa bé mới tập nhìn. Những tiếng rên nho nhỏ cũng dần im, cặp môi thỉnh thoảng mấp máy, không thành tiếng gì.

Bà mẹ chồng luôn luôn trong buồng, Mậu cũng quanh quẩn ở đấy, không rời cái giường người ốm, không buồn tiếp những người đến hỏi thăm, không rõ vì sao họ biết, họ đã lác đác đến, mấy bà hàng xóm, mấy người quen. Họ vào buồng nhìn bà Mậu, hỏi thăm một vài câu, nói một vài câu chuyện, vì cảm tình ít hơn là vì tính tò mò muốn biết một sự lạ. Rồi họ bỏ về lúc nào, cũng không ai biết.

Bà mẹ chồng có ý mong dâu gia, luôn luôn hỏi giờ. Bà Mậu mấp máy môi, bà cụ vội ghé lại gần nhưng chỉ thấy một hơi thở yếu và mau như một hơi thở hắt ra.

– Bây giờ làm sao? Đã đánh dây thép về dưới nhà, cụ cũng sắp lên đấy.

Người ốm vẫn ngơ ngác, *không nghe thấy gì*, *không hiểu gì*. Con mắt đã dại lại càng dại thêm.

Hơn một giờ chẳng ở. Bà Mậu đã không đợi được mẹ và em, khí lực trong người ra theo với huyết băng, người đàn bà thiếp dần dần, dễ dàng như đứa con nít khi đi ngủ, cho đến lúc cái gương kề gần mũi không còn bị lờ mờ vì hơi thở. Người đàn bà không dối dăng điều gì, không lúc nào tỉnh lại để biết rằng mình sắp chết.

Trong đời bà Mậu, bao nhiêu mưu thuật, bao nhiêu lo nghĩ, chỉ cốt lấy đứa con, có khi đã làm điều tự biết là trái. Bà đã không ngại đem em gán cho chồng, không sợ nguy đến tính mệnh. Chung quy vẫn không lại với số mệnh. Cái chết đã đánh dấu hết cho các nỗi mong mỏi đau đớn và thất vọng.

Đứng trước giường chị, Quỳ rất bỡ ngỡ, hình như không tin cái tai biến xảy ra, nó lạ lùng đột ngột quá. Nàng không thể tưởng tượng được một người, có thể chết chóng vánh như vậy. Mới hôm nào, chị nàng còn khỏe mạnh. Quỳ nhớ lại cả lần nói chuyện cuối cùng, trước khi người chị ngược. Bây giờ đã là cái xác cứng phủ lần chăn, cái mặt bé quắt lại, chỉ còn lớn hơn một bàn tay, trên che tờ giấy bản. Ánh sáng lờ mờ mấy chiếc đèn, mùi hương thắp ở đầu giường làm thêm vẻ lạnh lùng, ghê rợn.

Quỳ thấy muốn khóc vì lây nước mắt của người chung quanh. Trong lúc đầu, nàng chưa thấy lòng thương chị. Dần dần, nàng nhớ lại. Nàng nhớ lại những lúc chung đụng, những cơn xô xát. Lùi lại nữa, nàng nhớ đến một thời kì xa hơn. Quỳ như xem lại một phim ảnh từ lúc chị nàng về mưu nàng lấy Mậu, bây giờ những chuyện ấy như không có nghĩa lý gì, cái chết đã xóa nhòa hết cả. Cả những lúc ghen tuông xô xát. Nàng giật mình nhớ rằng đã có lần tức bực quá, nàng đã rủa thầm, mong cho người chị chết.

Quỳ vội ra gian ngoài. Hai bà dâu gia đang ngồi bàn tính công việc, nhắc lại cuộc đời người chết, thỉnh thoảng lại đưa khăn lên mắt. Bây giờ tự nhiên Quỳ thấy địa vị nàng cao lên, nhất nhất việc gì, người chung quanh cũng hỏi đến nàng, Quỳ không biết làm sao đùn cho Mậu, Mậu tất tưởi, chạy ngược chạy xuôi, trông rất tội nghiệp. Quỳ tự nhiên thấy thương hại và bớt ghét chồng.

*

* *

Mấy tháng sau.

Tính tha thẩn chơi trong vườn nhà Mậu, một con vú đứng cạnh trông, Quỳ ngồi trong cửa sổ nhìn ra. Nàng bảo người vú:

– Vú xuống trông cơm với con sen, để tôi trông chú cho. Cậu cũng sắp về rồi.

Người vú xuống bếp. Quỳ ra vườn với đứa bé. Nàng chơi với con, thỉnh thoảng lại nhìn ra phía đường đi, có ý mong đợi Mậu đi làm về.

Quỳ đã về ở nơi Mậu. Công việc ma chay cho người chị xong, nàng có lộn lại nhà mẹ một lần thu xếp mấy việc vặt. Quỳ có tìm Huy, nhưng hồi ấy Huy đi vắng. Người chung quanh giục nàng lên với Mậu, để trông nom cho chồng, thay cái chỗ người chị bỏ trống. Nàng không còn cớ gì trì hoãn. Nàng nghĩ: "Thì cứ lên xem sao, rồi mình muốn định việc gì cũng được kia mà?", rồi bế con đi.

Bây giờ, những chuyện ấy như đã xa lắm. Nàng đã quên Huy. Tuy chưa quên hẳn, nhưng thỉnh thoảng có nghĩ đến, Quỳ không còn thấy hồi hộp, bồng bột. Thực ra, mối tình chỉ mạnh mẽ, đằm thắm được lúc đầu. Nó đã nhạt ngay trong mấy tháng về sau. Bị kích thích về cảnh ngộ, Quỳ tưởng như yêu Huy được lâu dài, tha thiết được sống với nhau. Vả lại còn những quan niệm lãng mạn về tình ái xúi giục, trí tưởng tượng thêu dệt ra những cảnh êm đẹp. Đến gần, những cái đẹp ấy tan mất. Quỳ không thấy tha thiết. Người vợ cả chết, Quỳ về với chồng là nhát dao cuối cùng cắt đứt sợi dây đã lỏng lẻo.

Về với chồng, nàng cũng thấy không khó chịu gì lắm. Không còn những tiếng nặng nhẹ; những chuyện tranh giành. Người chồng lại chiều chuộng nàng. Quỳ muốn làm gì, tùy ý, không còn ai cấm, ai ngăn, không còn nơm nớp sợ như bên mình có con mắt rình mò để xét đoán. Thật ra, nàng cũng chẳng yêu gì Mậu hơn, nhưng Mậu yêu nàng, chiều nàng, dần dần nàng cũng thấy dễ chịu và quên cảnh sống cạnh chồng.

Có nghĩ đến Huy, Quỳ thấy là một việc bất chính, cần phải quên. Nàng nghĩ ngay ra chuyện khác. Lúc gần chồng, mà có nghĩ đến nhân tình cũ, Quỳ lại thêm vẻ âu yếm Mậu. Người chồng tin là Quỳ

trước sau vẫn yêu chàng. Mậu lấy thế làm đủ lắm. Không bao giờ chàng có ý muốn biết thời kỳ xa chàng Quỳ làm gì, nghĩ những gì.

Mậu đi làm về, nhìn thấy vợ con, cười ngay từ ngoài cổng. Ghi tích của người đã qua, họa chăng còn lại cái băng đen trên mũ Mậu, và ở cánh tay áo. Mậu có thương xót buồn bã mấy ngày đầu rồi thời gian làm nguôi lòng nhớ tiếc. Ngồi với Quỳ, hai người còn nhắc lại thì cũng như nói một chuyện nhà hàng xóm, họa chăng nét mặt họ có rầu rầu. Nhưng rồi họ vui ngay. Ngồi với nhau họ không thể buồn được lâu. Vả lại còn đứa con, thằng Tính, rất kháu, thường chen vào câu chuyện, mang sự vui vẻ đến cho họ. Ôm ấp đứa bé, Mậu không nhớ đến người vợ trước, người đàn bà đã tổn bao nhiêu tâm lực để cho có nó, chịu vất vả, đau đớn mà lúc nhắm mắt vẫn còn mang hận.

Quỳ bế con theo chồng vào nhà. Nàng đỡ tờ báo ở tay Mậu:

– Báo mới đấy à? Có gì lạ không?

– Tôi cũng chưa xem.

Bây giờ lại là lúc mỗi bữa ăn, Mậu có tờ báo bên cạnh, nói chuyện huyên thuyên khoe cái hay, cái giỏi với vợ. Quỳ chăm chăm nhìn một mục:

– Hà Nội lại có diễn kịch đấy mà. Thứ bảy này. Về xem đi anh, đã lâu lắm mình chưa về Hà Nội.

Mậu trả lời:

– Ừ, về thì về.

Rồi chàng chợt nhớ ra:

– Thế còn Tính? Phải cho cả Tính đi à?

– Có phải vạ. Mang đi cho thêm bận, ai mà trông được nó.

– Nhưng để nó ở nhà thì ai trông nó?

– Con vú trông chứ ai! Đói thì đã có nó cho ăn, tối nó cho đi ngủ. Đi vắng mới có một tối thì đã làm sao?

Mậu không muốn giao con cho vú. Chàng thấy không yên tâm, nhưng lại sợ mất lòng Quỳ. Lưỡng lự giây lát, chàng nói:

– Ừ, hay là thế cũng được.

Hà Nội, tháng 5 năm 1941
Quảng Châu Văn, tháng 6 năm 1942.

THANH TỊNH
(1911 - 1989)

Các bút danh khác: Thinh Không, Pathé (trước Cách mạng Tháng Tám), Thanh Thanh, Trịnh Nhuần (sau Cách mạng). Tên thật: Trần Văn Ninh. Năm lên sáu tuổi đổi là Trần Thanh Tịnh.

Ông sinh ngày 12-12-1911 tại Huế. Nguyên quán: xóm Gia Lạc, thành phố Huế. Thanh Tịnh học chữ Nho đến năm mười một tuổi, rồi tiếp tục học trong các trường Lại Thế, Đông Ba, Pellerin và Institut de la Providence. Năm 1933, ông bắt đầu đi làm ở các sở tư Đô thành hiếu cổ, dẫn khách du lịch, Đạc điền, rồi dạy học ở các trường Hồ Đắc Hàm, Phú Xuân, Việt Anh. Thời gian này ông bắt đầu viết văn, làm thơ và cộng tác với các báo *Phong hóa, Ngày nay, Hà nội báo, Tiểu thuyết thứ năm, Thanh nghị*... Sáng tác đầu tay của ông: *Cha làm trâu, con làm ngựa* (truyện ngắn, *Thần kinh tạp chí,* 1934).

Do đặc điểm của nghề nghiệp, ông đi khá nhiều nơi, được thưởng thức nhiều cảnh thơ mộng của quê hương, được tiếp xúc hằng ngày với lớp người lao động bình thường, nên được nghe nhiều mẩu chuyện dân gian cảm động, được thấy nhiều cảnh đời ngang trái. Các truyện ngắn của ông ghi lại những hiện thực đó một cách chân thật, sâu sắc. Vốn là nhà thơ, nên văn Thanh Tịnh gợi cảm, trong sáng và đằm thắm.

Một phần tác phẩm của ông được tập hợp lại trong các tập *Hận chiến trường* (thơ, 1937), *Quê mẹ* (tập truyện ngắn, 1941), *Chị và em* (tập truyện ngắn, 1942), *Ngậm ngải tìm trầm* (tập truyện ngắn, 1943), *Xuân và Sinh* (truyện dài, 1944).

Sau Cách mạng Tháng Tám, ông làm Tổng thư ký Hội văn hóa Trung Bộ. Ông gia nhập bộ đội năm 1948, tham gia phụ trách Đoàn kịch Chiến thắng của Bộ Tổng tư lệnh và được kết nạp vào Đảng Lao Động Việt Nam năm 1956. Hòa bình lập lại trên miền Bắc (1954), ông công tác tại tạp chí *Văn nghệ quân đội,* lần lượt làm thư ký tòa soạn, phó chủ nhiệm rồi chủ nhiệm. Ông viết nhiều thơ trữ tình, thơ đả kích, độc tấu, nhận xét nhỏ, hồi ký... đăng trên các báo *Nhân dân, Quân đội nhân dân, Văn nghệ quân đội, Văn nghệ, Thiếu niên tiền phong, Phụ nữ, Độc lập, Tổ quốc, Tiền phong...*

Tác phẩm chính sau Cách mạng: *Sức mồ hôi* (thơ, 1954), *Những giọt nước biển* (tập truyện ngắn, 1956).

Những tác phẩm tuyển dưới đây đã được nhà văn xem lại và sửa chữa đôi chút (chủ yếu về văn).

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN CỦA THANH TỊNH

TRƯỚC CÁCH MẠNG:

– *Hận chiến trường,* thơ, Huế, 1937

– *Quê mẹ,* tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1941.

– *Chị và em,* tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1942.

– *Ngậm ngải tìm trầm,* tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Xuân Thu, Hà Nội, 1943.

– *Xuân và Sinh,* truyện dài, Nhà xuất bản Nam Mỹ, Hà Nội, 1954.

SAU CÁCH MẠNG:

– *Sức mồ hôi,* thơ, Nhà xuất bản Văn nghệ, Hà Nội, 1954.

– *Những giọt nước biển,* tập truyện ngắn, Nhà xuất bản Văn nghệ, Hà Nội, 1956.

– *Đi từ giữa một mùa thu,* truyện thơ, Nhà xuất bản Kim Đồng, Hà Nội, 1973.

– *Thơ ca,* tập thơ, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980.

QUÊ MẸ

(Truyện ngắn)

Chiều chiều ra đứng cửa sau,
Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều
(Ca dao)

Cô Thảo lấy chồng đã ba năm. Anh Vận, chồng cô hiện làm hương thơ ở làng Mỹ Lý. Anh Vận trước kia có theo học chữ Quốc ngữ, nhưng đã hai năm thi yếu lược không đậu, nên anh ta lại thôi. Qua năm sau, dân trong xóm bầu anh ta lên làm hương thơ trong làng. Ngày nào, anh cũng đi nhà này qua nhà khác phát thư rồi chiều đến lại phải ra tận đình để lấy hòm thư đem lên huyện.

Công việc của anh tuy vất vả, nhưng lương tháng – hay nói cho đúng, lương năm – của anh trông ít quá. Làng chỉ trích cho anh ta hai mẫu ruộng công và năm đồng bạc để làm tiền lộ phí. Nhưng năm đồng ấy thì không bao giờ anh nhận được. Vì các viên chức việc đã khéo léo trừ với món tiền phải đóng sưu này thuế khác gần hết.

Nhưng ở vùng quê, được một chức nghiệp như thế, anh Vận cũng cho là danh giá lắm. Và bà Lại, mẹ anh Vận, lúc nói chuyện với những người quen, cũng không quên tự hào được một người con ra đảm đương việc làng việc nước.

Cô Thảo ra lấy chồng, vốn liếng không có, nên không đi buôn bán gì hết. Cả nhà chỉ trông vào một mẫu ruộng canh và hai mẫu ruộng làng để sống năm này tháng khác.

Chiều hôm ấy, lúc thoáng thấy chồng đi về đến cổng, cô Thảo liền vội vàng ẵm con ra để đón. Thấy anh Vận ra dáng mệt nhọc, nên cô ta chưa dám hỏi gì hết. Vào tới sân, anh Vận liền đến ngồi trên cái chõng. Cô Thảo để con ngồi một bên chồng, rồi đột ngột chỉ cây thanh trà bên bờ hè nói khẽ:

– Cây thanh trà mới đấy mà đã có trái rồi cậu ạ.

Anh Vận để con ngồi trên chân, rồi cúi đầu xuống nhìn mặt con dịu lời đáp:

– Thế à. Cây thanh trà ấy trông dáng khô khan, không ngờ lại giống tốt.

Cô Thảo ghé ngồi một bên chồng nói tiếp:

– Cây thanh trà ấy tôi đem từ bên nhà qua đây. Mới hai năm đã có trái ăn được, kể cũng nhanh thật.

Anh Vận như sực nhớ một việc gì, nhìn vợ hỏi vội:

– Tôi nhớ ra rồi. Hôm ấy là ngày giỗ ông bên mợ. Mợ về làng ăn giỗ rồi đem cây thanh trà ấy qua cho tôi. Tôi cũng quên lúc ấy mợ đã có thằng Lụn chưa?

– Rồi, nhưng nó mới được ba tháng.

– Mà tôi quên giỗ ông nhằm ngày mấy?

Cô Thảo nhìn chồng mỉm cười:

– Được vài ông rể quý như cậu thì ngày giỗ của nhà tôi cũng không khỏi hương tàn bàn lạnh. Giỗ ông nhằm một ngày dễ nhớ nhất mà cậu cũng quên.

Anh Vận như nhớ lại được, gật đầu lia lịa:

– Thôi tôi nhớ được rồi. Giỗ ông vào tiết Trung thu phải không mợ?

– Không phải, ngày rằm tháng Tám.

Anh Vận lớn tiếng cười vang làm cho thằng Lụn cũng phải ngẩng mặt lên nhìn ngơ ngác.

– Rõ ngớ ngẩn như đàn bà. Tiết Trung thu hay rằm tháng Tám có khác gì nhau. Có khác là người hay chữ họ thường gọi tiết Trung thu, còn người... ít hay chữ thì gọi rằm tháng Tám.

Cô Thảo nhìn chồng cười mỉm:

– Người hay chữ với lại người ít hay chữ! Thì cậu cứ nói người thông với người dốt có được không.

Thật ra thì anh Vận cũng có ý nói người hay chữ với người dốt, nhưng lại sợ làm mếch lòng vợ.

Anh vận nhìn ra trước cổng yên lặng. Thằng Lụn cũng muốn tụt xuống đất để đùa với con mèo con đang đi qua gần đấy. Cô Thảo vào nhà thắp đèn rồi lại trở ra ngồi chỗ cũ. Mảnh trăng trong lúc ấy đã bắt đầu chiếu ánh sáng dịu dàng qua hàng tre trước cổng.

Trông thấy ánh trăng, anh Vận quay sang hỏi vợ:

– Hôm nay là mấy rồi mà trăng sáng quá?

– Ngày mười ba.

Anh Vận thả hai chân xuống chõng nhìn vợ ngơ ngác:

– Thế ngày mốt là ngày giỗ ông rồi à? Và ngày mai là ngày mợ phải về làng.

Cô Thảo nhìn xuống đất đáp khẽ:

– Phải.

Anh Vận đưa tay lên gãi đầu:

– Thật tôi vô tình quá. Ngày kỵ đã gần đến mà cũng quên.

Cô Thảo ngồi yên lặng không đáp. Thật ra, tối hôm ấy cô muốn xin chồng về làng giỗ ông, nhưng cô không muốn nói thẳng. Cô tự nghĩ nhắc chồng ngày giỗ ở nhà mình là một việc chướng lắm. Thật tự nhiên để cho chồng nhớ lại thì hơn. Nhưng mãi đến chiều cũng không nghe chồng nói gì, nên cô phải mượn đến chuyện cây thanh trà để nhắc xa xôi cho chồng nhớ.

Tối hôm ấy, cơm nước xong xuôi, anh Vận liền đến xin mẹ cho vợ về làng ăn giỗ.

Bà Lại nhìn cô Thảo ẵm con đứng tựa bên cột bảo khẽ:

– Ừ, về thì về. Nhưng bên nhà ngày mai giỗ ai mà tôi cũng quên phắt đi rồi.

– Thưa mẹ, giỗ ông con.

– Thế à.

Nghĩ một lát bà ta nói tiếp:

– Mai mợ chắc phải về làng sớm. Lúc ấy có lẽ tôi cũng chưa dậy. Vậy tối nay mợ ra ngoài vườn cắt một buồng chuối mật – buồng chuối gần bên cái giếng ấy – để về giỗ ông. Năm nay tôi bận việc nhà quá, chắc qua không được. Thôi nhờ trời, năm khác.

Nói xong, bà lại lách bàn tay vào túi yếm lấy ra một hào xu rồi đưa cho cô Thảo:

– Thôi cho mợ một hào để đi đò. Và nhớ chớ để em ngồi nhìn xuống mặt nước.

Cô Thảo vội vàng đỡ con xuống, đưa hai tay nhận tiền, tỏ ra vẻ sung sướng.

Trước khi đi ngủ, anh Vận cũng chạy quanh xóm mượn chỗ này chỗ khác cho cô Thảo thêm bốn hào nữa.

Tối hôm ấy, cô Thảo không đi ngủ sớm. Cô đặt con ngủ yên bên chồng xong lại lật đật xách dao ra sau vườn chuối. Loay hoay một lúc lâu, cô mới đem được buồng chuối mật vào nhà. Cô đem để vào một góc thật kín vì cô sợ nửa đêm chuột đến khới. Xong rồi cô mới qua bên nhà cô Thị mượn đôi hoa tai vàng và cái nón lá mới. Sắp đặt đâu đó xong xuôi, cô mới lên giường nằm ngủ.

Trời tờ mờ sáng, cô Thảo đã trở dậy sắm sửa đi về làng. Làng cô ở cách xa làng Mỹ Lý hơn mười lăm cây số. Vì vậy nên mỗi năm cô chỉ được về làng chừng hai ba lượt là nhiều. Xưa kia, cô từng qua lại làng Mỹ Lý ngày một để bán gạo, nhưng sau lúc cô đi lấy chồng thì quê nhà đối với cô đã là nơi xa lạ.

Qua những con đường mòn chạy nấp theo bờ ruộng, cô lại nhớ đến quãng đời bán gạo của cô ngày trước. Trong trí cô hiện ra lần lần hình ảnh của cô Thu, cô Nguyệt, cô Hương, những cô bạn mà trước kia cô cho là thân nhất.

Nhưng đời các cô ấy cũng như cô, nghĩa là cũng có chồng, có con, và quãng đời làm dâu cũng vất vả, cũng phẳng lặng như nhau hết.

Đi chưa được bốn cây số, cô Thảo đã thấy mỏi. Cô tự nhận thấy sức cô yếu hơn trước nhiều lắm. Cô muốn đi đò cho đỡ chân, nhưng sực nhớ đến những món quà cần phải cho em, cô lại gắng gượng đi nhanh hơn trước.

Qua khỏi làng Duyên Hải thì cô Thảo gặp cô Đài, người bạn cùng làng thường chơi với cô ngày trước. Cô Thảo nhờ cô bạn gánh hộ buồng chuối mật và mấy gói bánh mua bên chợ Kỳ Lâm. Cô Đài vui vẻ nhận lời ngay. Vào quán nước ở gần đấy nghỉ một chốc, hai cô lại cùng nhau lên đường, chuyện trò không ngớt.

Về đến làng, cô Thảo gặp ai cũng đón chào niềm nở. Lòng cô lúc ấy nhẹ nhàng và vui sướng lắm. Còn họ gặp cô đi đằng xa đã kêu réo lên om sòm như gặp được người sống lại. Họ hỏi thăm cô chuyện này chuyện khác, mục đích là để xem cô ăn mặc độ này có khá hơn trước không. Cô Thảo thấy người làng chào hỏi mình vồn vã nên đáp lại rất vui vẻ. Cô ta không quên lấy cái nón xuống, giả vờ quạt vào mình để mấy người đứng chung quanh được thấy đôi hoa tai vàng của cô.

Đến trưa hôm ấy thì cô về đến nhà. Mấy cậu em đua nhau ra níu áo chị. Cô Thảo xoa đầu đứa này, đỡ cằm đứa khác, nụ cười trên môi cô không khi nào tắt. Trông thấy mẹ trong nhà đi ra, cô mừng quá.

Cô chạy lại đứng bên mẹ, cảm động quá đến rưng rưng nước mắt. Một lúc sau, cô đưa thằng Lụn cho mẹ ẵm rồi đi thẳng vào nhà để chào những người quen biết.

Bà Vạn cứ quấn quít bên cháu, bên con quên cả ngày giờ. Bà giới thiệu cô Thảo với người này người khác, bà nhắc đến chuyện cô Thảo lúc cô còn năm sáu tuổi. Kể đến đoạn nào bà cũng có ý khoe cô Thảo đức hạnh và khôn ngoan đủ thứ. Bà nói mãi mà không biết chung quanh bà không ai nghe hết.

Sung sướng nhất là cô gái có chồng về nhà mẹ. Cô Thảo tuy về giỗ ông, nhưng không làm gì hết. Cô vào phòng mẹ nằm ngủ cả buổi chiều, mãi đến lúc gần cúng, cô mới chịu đi ra ngoài.

Lúc cô đứng lễ thì ông Vạn, thân sinh cô, vuốt râu cười nói:

– Con phải lễ thế phần chồng con nữa. Nó làm gì bên ấy mà không qua.

Cô Thảo sau khi đi thụt lùi ra khỏi chiếu mới khẽ đáp:

– Dạ, nhà con mắc việc quan.

Cô Khuê, chị em chú bác với cô Thảo, đứng gần đấy trề môi nói tiếp:

– Thứ đồ làm hương thơ, mỗi năm được làm hai mẫu ruộng công mà cũng gọi là việc quan.

Ai nấy đều nghe thấy, nhưng không ai cãi lại. Ông Vạn đứng cúi đầu xuống hơi ngượng. Còn cô Thảo gương mặt đỏ bừng, quay đầu nhìn xuống bếp. Nhưng ngay lúc ấy, cô lại gặp cặp mắt của mẹ đang nhìn cô chòng chọc. Cô đau lòng quá đến nỗi để hai dòng lệ chảy dài trên má.

Sáng hôm sau, cúng cơm sáng xong xuôi, cô Thảo lại sắm sửa đi qua làng Mỹ Lý. Cô gọi mấy em đến gần rồi cho mỗi đứa năm xu. Trong nhà ai cũng khen cô rộng rãi và biết thương em, nên cô vui sướng lắm. Đang lúc cao hứng, cô còn hứa sẽ gửi cho mẹ một cặp quần mới để mặc Tết nữa. Nhưng chính cô cũng không biết sẽ lấy đâu ra cặp quần ấy. Chỉ trong nháy mắt, cô Thảo đã phân phát tất cả số tiền cô đã dành dụm trong một năm.

Lúc sắp sửa lên đường, bà Vạn đưa cho cô nửa con gà và một gói xôi để đem về biếu nhà chồng. Lúc ra đi, cô cảm động quá, đứng bên mẹ và mấy em khóc nức nở.

TÌNH THƯ

(Truyện ngắn)

Đêm ấy, trăng sáng lắm. Mẹ tôi bảo chúng tôi đem ghế bàn ra sân để học cho mát. Một cơn gió thoáng qua, ngọn đèn lại được dịp phun vài lớp khói lên không và hắt ra những hơi nồng khó thở. Mẹ tôi yên lặng ngồi khâu áo bên em tôi. Thỉnh thoảng mẹ tôi lại đưa tay nâng cặp kính để ngay ngắn trên sống mũi. Em tôi ngồi nghê nga học, mình chồm tới ngả lui, làm rung chuyển cả cái ghế đang ngồi. Tôi thì đang hý hoáy vẽ lại cái bình mực đã mấy hôm bỏ dở.

Ánh trăng êm dịu xuyên qua mấy tàu lá chuối, rồi nhẹ tỏa trên chiếc bàn chúng tôi mấy bóng đen lớn luôn luôn xao động. Mùi hương bên giàn hoa lý bay ra thơm ngào ngạt.

– Rắn là một loài bò... i... a... Rắn là một loài... rắn là một loài bò...

Nghe câu học của em tôi hơi lạ tai, mẹ tôi từ từ lấy cặp kính xuống rồi mỉm cười nhìn em chòng chọc. Dưới nhà bếp lại đưa lên một nhịp cười khúc khích của vú Bảo và chị Lê.

– Ai dạy con rắn là một loại bò?

Tiếng học của em tôi át cả lời mẹ tôi, nên nó vẫn điềm nhiên ngồi học:

– Rắn là một loại bò... ê... a... Rắn là một loại bò... sát không chân...ê sát không chân.

Cả nhà phá lên cười. Ngay lúc ấy ở ngoài cổng cũng hưởng lên một nhịp cười của ai nghe rất trong trẻo. Hai con chó xồ ra sủa. Mẹ tôi cất tiếng hỏi:

– Chị Sương đấy phải không?

– Vâng!

– Đi đâu mà khuya thế?

– Bác chưa ngủ à? Em Thanh có ở nhà không?

– Chị bảo nó đi đâu mà không ở nhà...

Rồi mẹ tôi bảo chị Lê ra mở cổng.

Sương vào.

Hai con chó nhận được người quen nên không sủa nữa.

*

* *

Chị Sương là con gái bác cả Hoàng, năm ấy mới mười bảy tuổi, người tính nết dịu dàng và ăn nói có duyên. Chị ấy ở cách nhà tôi một xóm nên thường đến chơi luôn. Lần nào qua nhà, chị cũng nhớ đem quà đến cho chúng tôi. Vì vậy mà thành thói quen. Mỗi lần chị quên là thằng Thuyên, em tôi, giữ chị lại không để cho chị về.

Năm ấy tôi học lớp ba trường Mỹ Lý, còn em tôi thì học lớp năm. Mỗi ngày, tan buổi học chiều, chúng tôi thường rủ nhau lên tận ga Hòa An để xem xe lửa chạy. Ga này nằm ở giữa đồng bát ngát, xa xa mới thấy một ngôi nhà nên trông buồn tẻ lắm. Sở dĩ "Nhà nước" dựng lên cái ga ấy vì làng tôi có con đường cái đi xuyên qua huyện Sơn Hải cách ga gần tám cây số. Lần nào đi học về, chúng tôi cũng gặp chị Sương gánh gạo lên đó bán.

Chị Sương tối hôm ấy ăn mặc như các cô gái quê làm dáng ở miền Trung: áo vải trắng dài, quần lĩnh đen, đi chân không; nhưng trông người chị xinh xắn và nhanh nhẹn.

Chị Sương đến tựa bên bàn chúng tôi rồi nhìn em Thuyên tôi cười bảo:

– Rắn cũng là loài bò nữa ư em Thuyên? Thế mà chị cứ tưởng nó là loài trâu.

Nói xong, chị Sương lại cười. Một nhịp cười thẳng thắn hồn nhiên của cô gái quê lúc được nghe một câu chuyện gì hơi ngộ nghĩnh.

Em Thuyên tôi ngước mắt nhìn chị Sương cười, rồi bỗng nhiên cũng ôm bụng cười theo. Một lúc sau em tôi tươi tỉnh hỏi:

– Chị Sương đem quà gì cho em đấy?

Chị Sương lại nói đùa thêm một câu và lại lấy thân áo trước bịt miệng cười khúc khích. Một mớ tóc đen mướt tỏa xuống lòa xòa che khuất nửa trán của chị. Mẹ tôi tươi cười bảo:

– Chị Sương chắc hôm nay có ai đi hỏi nên mới vui vẻ thế.

Thằng Thuyên xin chị mía đi, chẳng sau chị ấy đi lấy chồng thì khó xin lắm đấy!

Thôi cười, chị Sương nhẹ cúi đầu xuống đáp:

– Bác thương thì dạy thế, chứ ai thèm gì những con gái quê!

– Những gái quê như làng mình thì hiếm lắm chị Sương ạ. Thì từ ngày Nhà nước bắt con đường sắt đi qua làng mình, con trai trong làng ế vợ là thường, chứ con gái thì toàn đi lấy chồng thầy thông, thầy ký ở các tỉnh lớn.

– Thật vậy không bác?

– Sao không thật! Năm ngoái chị Hồ chẳng lấy ông Đốc trường Mỹ Lý đó ư. Còn chị Viêm con bác Lai thì đã có thầy dạy thằng Thuyên sắp đến hỏi.

– Làm sao bác biết được?

– Làm mối rong cho người ta mà không biết thì chị bảo còn ai biết hơn nữa.

Câu chuyện sắp kéo dài ra nữa thì bỗng mẹ tôi sực nhớ chị Sương nãy giờ vẫn đứng nên vội nói lớn:

– Ấy chết, vô tình lại để khách đến chơi đứng mỏi chân. Thuyên con, vào nhà rinh chiếc ghế ra mau.

– Được bác để mặc cháu.

Em Thuyên tôi vào nhà một lúc lâu mới hì hục rinh ra một chiếc ghế đẩu. Chị Sương thấy vậy đến đón ngay lấy ghế rồi nhanh nhẹn đến đặt ngồi gần một bên tôi. Đoạn chị cất tiếng hỏi:

– Em Thanh không đi nghe hát giã gạo bên xóm Bàu à?

– Đi qua miếu Thánh em sợ lắm, vả lại chắc tối hôm nay thế nào thầy dạy học em cũng có đi xem...

Ngẫm nghĩ một lát, tôi lại cười nói tiếp:

– À, chị Sương này, bắt đầu từ hôm nay, chị hãy gọi em bằng cậu cho oai, vì sang năm em đã đi thi bằng Yếu lược rồi đấy!

Chị Sương tuy không biết đi thi bằng Yếu lược là gì, nhưng cũng muốn làm vui lòng tôi:

– Ừ thì cậu Thanh. Chị muốn nhờ em một việc này.

– Lại còn em!

– À quên, nhờ cậu một việc này.

Chị Sương đưa mắt nhìn mẹ tôi, lưỡng lự. Sau thấy mẹ tôi vẫn ngồi yên khâu vá, chị mới kề miệng sát tai tôi bảo khẽ:

– Cậu có biết thầy sếp ga không?

Tôi vô tình nói lớn:

– Lạ lùng gì thầy Xuân mà tôi không biết, chị cũng quen với thầy Xuân à?

Lần này Sương đỏ bừng mặt lên rồi ấp úng nói như người hoảng sợ:

– Rõ cậu Thanh khéo nghiễn chuyện quá!

Mẹ tôi cúi đầu, nhìn chị Sương qua đôi vòng kính, đoạn mỉm cười:

– Ừ thì thằng Thanh nghiễn chuyện làm gì, để cho chị Sương thẹn!

Nói xong, mẹ tôi bảo em Thuyên đi ngủ, và cũng đứng dậy lững thững đi theo sau nó vào nhà. Chị Sương ngượng nghịu:

– Bác cũng đi vào ngủ à... Sao bác không cho em Thanh đi ngủ luôn thể...

Mẹ tôi quay lại cười:

– Tôi vào uống nước, còn thằng Thanh thì để nó học thuộc xong bài trường đã!

Nói vậy chứ mẹ tôi nín thẳng luôn trong nhà không chịu ra. Chị Sương ngồi im lặng một hồi lâu mới dịu lời bảo tôi:

– Em Thanh ạ, lúc chiều thầy Xuân có nhờ anh lon ton đưa cho chị một phong thư, chị không biết Quốc ngữ nên mới qua nhờ em đọc hộ.

Chị Sương kéo trong túi áo ra một cái phong bì màu vàng, đoạn lách hai ngón tay ghép trong bì lấy một mảnh giấy gấp tư đưa ra cho tôi. Tôi cẩn thận mở tờ giấy trải lên bàn rồi chăm chú đọc:

Em Sương,

Trông em, tôi yêu lắm, không đêm nào tôi không mộng thấy em. Nếu em cũng đồng bệnh tương tư như tôi, thì em nói thật, để tôi mượn người đến tận nhà thầy mẹ hỏi xin em.

Người yêu em: Nguyễn Xuân

Chị Sương chống cằm ngồi yên lặng, hai mắt đăm đăm nhìn lên đọt cau gió khuya đưa qua lại. Ngoài đường lúc ấy vắng lặng, chỉ thoảng xa xa đưa lại vài tiếng chó sủa lên trời hay những nhịp đều đều của mấy chiếc chày vồ giã gạo.

Chị Sương bỗng giật mình nhìn tôi:

– Em Thanh đọc xong rồi à? Còn nữa hay hết?

– Hết rồi.

– Hai trang giấy mà chỉ có thế thôi à? Thôi em chịu khó đọc lại cho chị nghe một lần nữa.

Lần này nghe tôi đọc, chị Sương mặt mày nở ra dần rồi lấy phong bì đang cầm trên tay che miệng cười chúm chím. Tôi đọc xong, chị Sương lấy lại phong thư lật qua lật lại trên tay một hồi lâu mới nghiêng đầu về bên tôi nói sẽ:

– Em Thanh ạ, em viết hộ cho chị một phong thư trả lời, sáng mai chị sẽ cho em năm xu.

Tôi thấy kiếm được tiền một cách dễ dàng quá nên tự nhiên cảm thấy lòng tưng bừng sung sướng. Nhưng tôi còn giả vờ nài thêm:

– Thế thì thích quá, em có tiền em sẽ mua con sáo của thằng Bê, nhưng năm xu thì không đủ, chị cho em một hào, em sẽ gắng viết thư cho chị bằng chữ thật tốt. Nào, chị đọc cho em viết đi...

Tôi xé trong một quyển vở học một tờ giấy rồi yên lặng cầm bút chờ chị Sương đọc. Nhưng chị Sương thì mãi đăm đăm nhìn tờ giấy như muốn tự hỏi phải giãi bày những câu gì, ý gì trên mặt giấy mới mong thầy Xuân thấu rõ nỗi lòng.

Tôi tưởng chị không nghe thấy, nên nhắc lại một lần nữa:

– Kìa, chị đọc cho em viết!

Chị dịu giọng bảo tôi:

– Nói se sẽ chứ lị... Bắt đầu em hãy viết: Thưa thầy Xuân... à hay em viết là... thưa anh Xuân, cho thân mật hơn...

Tôi cặm cụi nắn nót viết ba chữ ấy cho thật tốt, đoạn ngước mắt lên nhìn chị Sương hỏi nữa:

– Gì nữa chị?

Chị Sương đưa lưỡi liếm môi trên một lát, đoạn băn khoăn trả lời:

– Thế em đặt hộ cho chị có được không?

– Được lắm, nhưng chị muốn nói gì với thầy Xuân?

Nói xong, tôi ngồi thẳng người lên, chống hai khuỷu tay lên bàn nhìn chị Sương ra dáng một người thạo nghề lắm. Còn chị Sương thì

như sợ cặp mắt tôi nhìn chị, đoán biết ý muốn của chị, nên e lệ cúi đầu xuống đáp:

– Em sẽ nói chị gửi lời lên thăm thầy mạnh giỏi, chị mừng. Nếu thầy không kể gì chị quê mùa thì chị hứa sẽ trọn đời theo thầy hầu hạ.

– Chị muốn tự xưng chị bằng tôi hay bằng em?

– Bằng gì cũng được.

– Bằng em thì nghe nhẹ nhàng hơn. Phải không chị Sương?

– Ừ thế cũng được.

Chị Sương lẳng lặng ngồi xem ngòi viết tôi vạch qua lại từng nét một trên mặt giấy. Trông người chị hồi ấy ngây thơ như một đứa trẻ, chị chòng chọc nhìn tôi viết ra vẻ kính cẩn lắm. Có lẽ chị đã cho mấy dòng chữ nguệch ngoạc của tôi là những lời nói thầm kín của tâm hồn chị, của bao nhiêu điều ước muốn mơ màng của chị.

Mọi vật ở trong cảnh yên lặng. Bỗng xa xa đưa lại tiếng còi thét dài của chuyến xe lửa đêm ra Bắc. Chị Sương nghe tiếng ấy ra chiều sung sướng trầm ngâm như người được nghe khúc đàn hay. Chị cầm tay tôi bảo ngừng viết rồi ngọt ngào:

– Này em Thanh ạ, giá nói thêm câu này như ý nghĩ chị thì hay nhỉ... Nhưng nói như thế có được không? Chị muốn nói rằng, mỗi khi nghe tiếng còi tàu đàng xa..., nhất là trong những đêm vắng vẻ, thì thế nào chị cũng nhớ đến thầy Xuân... Em liệu viết hộ chị thế.

*

* *

Thế là bắt đầu từ đó, tôi trở nên một viên thư ký bé con của chị Sương. Một viên thư ký đọc thư tình và thay chị trả lời lại.

Theo trí non nớt nhưng sớm khôn của tôi hồi ấy, thì cuộc tình duyên bằng thư của thầy ký ga với cô gái quê càng ngày càng đằm thắm, mặn mà. Những lời tha thiết chân thật của thầy Xuân bao giờ cũng khiến cho chị Sương cảm động và nói ra những câu mộc mạc nhưng không thiếu gì những tình tứ đẹp đẽ của một tấm lòng sung sướng vì yêu đương.

Chị Sương một đôi lần tiếp được lời năn nỉ của người tình và cũng một đôi lần hẹn hò cùng thầy Xuân gặp mặt. Nhưng cuộc gặp gỡ

vẫn không ra ngoài "khuôn phép", vì thầy Xuân là người đứng đắn cũng như chị Sương là người chín chắn, hai bên rắp định chờ đợi hạnh phúc chăn gối cho đến ngày cưới xin hẳn hoi.

Cứ vậy trong gần hai tháng trời, những câu nhớ thương, những lời tình tứ, với bao nhiêu nỗi vơ vẩn đối với người khác, nhưng rất ý vị đối với chị Sương, tôi đều đọc qua, và tôi là người chép lại. Tôi vô tình đã làm cái việc của ông tơ chắp nối cho hai người yêu nhau.

Nhưng chỉ có một điều làm tôi vui thích hồi bấy giờ là mỗi lần chị Sương nhờ viết thư là một lần chị để vào tay tôi năm xu:

– Cho em tiền để mua sáo.

Tôi mua một con sáo mà tôi thích và nói với bác xã Lân ở cùng xóm bán chịu cho tôi cái lồng sơn rất đẹp, tôi sẽ góp trả dần.

Bác xã thuận cho mua, tôi tính trước chừng một tháng nữa, nếu chị Sương nhờ viết thư luôn, tôi sẽ đủ tiền góp hết.

Vì thế mà trông chừng chị Sương lâu không đến là tôi lại nóng lòng mong. Rồi đến mấy tuần cuối tháng sau, thấy trong thư thầy Xuân nói đến việc song thân ở Bắc gọi về để cưới con gái một cụ Tuần, chị Sương dáng mặt âu sầu, bảo tôi viết thư cho thầy những câu nghe rất đau thương và ảo não.

Chị Sương không hớn hở như trước nữa. Mỗi lần chị cầm thư đến, lại băn khoăn lo ngại như đứng trước một tai nạn sắp xảy đến cho mình.

Tôi tuy ái ngại giùm, nhưng khi tôi viết thư trả lời xong, chị cho tiền là tôi vui vẻ ngay.

Con sáo ngàn của tôi cũng như có ý mong chị đến, và mỗi lần thấy bóng chị là kêu mừng và nhảy nhót rối rít trong lồng. Con vật cũng biết rằng sau mỗi lần chị Sương qua nhà tôi là nó lại được tôi mua cho nhiều thức ăn và chăm chút nó hơn những ngày khác.

Nhưng qua tháng sau, đã hai tuần, chị Sương không đến nhà tôi nữa. Bác xã Lân thấy tôi không đóng tiền đã hai kỳ nên nhất định đưa tiền lại và đem cái lồng chim về. Từ đấy con sáo ngàn của tôi phải chịu ngủ ngoài trời sương lạnh. Đêm nào trời mưa nó lại rít lên kêu như than oán, căm hờn.

Con chim sáo của tôi ngày một rạc đi mà tôi không biết làm sao được.

Rồi một đêm trăng, chị Sương lại qua nhà tôi giữa lúc chúng tôi đang ngồi học ngoài sân như mấy tháng trước.

Lần này, tôi trông người chị Sương bơ phờ lạnh lẽo lắm. Chị lần đến bên tôi, rời rạc nói từng tiếng một:

– Thầy Xuân đi ra Hà Nội rồi, em Thanh ạ.

Tôi nghe câu ấy như thấm đầy nước mắt, trong lòng thương cảm một cách thiết tha.

Ngay lúc ấy, tiếng còi chuyến xe lửa đêm ra Bắc lại rúc lên lanh lảnh ngoài quãng đồng xa mơ hồ vắng lặng. Chị Sương động lòng bưng mặt khóc. Thấy vậy, tôi cũng mủi lòng nức nở khóc theo.

Chị Sương chặm nước mắt nhìn tôi thương hại:

– Em cũng buồn cho duyên số chị à?

– Con sáo ngàn của em chết rồi, chị Sương ạ.

Nói xong, tôi lại khóc lớn hơn nữa.

Quê mẹ, tập truyện ngắn,
Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1941.

CON ÔNG HOÀNG
(Truyện ngắn)

Ở chính giữa làng Mỹ Lý và đối diện với đình làng Mây bên kia sông, là cái phủ nguy nga của ông Hoàng Thiên Ý... Ông Hoàng này oai quyền hống hách một thời xưa. Ông Hoàng qua đời đã lâu, con cháu ông ta không có mấy, nên cảnh phủ càng ngày càng tiêu điều.

Lúc còn nhỏ, tôi biết được ông Hậu là con ông Hoàng, và anh Vân là con ông Hậu. Anh Vân học với tôi một lớp, người xanh xao và yểu điệu như con gái. Anh ta thường dẫn tôi về phủ chơi luôn. Ông Hậu năm ấy đã ngoài năm mươi tuổi, người lùn, trán hói và đầu tóc bạc phơ. Ông ta tử tế lắm. Mỗi lần thấy tôi đến chơi, ông niềm nở hỏi han như con cháu trong nhà. Trước sân phủ có mấy cây ổi lớn, nên tôi nhớ lại thăm anh Vân luôn.

Phủ tuy cao rộng thênh thang, nhưng lúc nào cũng tối tăm và ẩm đạm. Những cánh cửa trước tiền đường không mấy khi thấy mở. Bầu không khí ở trong vì vậy trở nên nặng nề, khó thở.

Trước kia, tôi thấy trong phủ có lắm vật cổ quý giá và đẹp mắt. Nhất là những chiếc lư hương bằng ngọc hay là những cành hoa bằng bạc chạm. Nhưng bao nhiêu vật báu ấy dần dần biến đi đâu mất. Tôi hỏi anh Vân thì anh lúng túng đỏ cả mặt. Tôi hiểu ý nên không hỏi nữa. Tuy vậy, trước sân nhà ông Hậu lúc nào cũng thấy đầy hoa tươi, cỏ đẹp. Ông ta làm ra dáng phong lưu. Có lúc tôi gặp ông ngồi uống rượu dưới giàn hoa lý hay chép vần thơ trên một ngọn lá đào.

Cả ngày ông ta không làm gì hết. Ông ta chỉ đi tỉa hoa hay vác cần ra ngồi câu bên bờ sông Hà Nại. Tôi nghe ông ta có ăn lương tháng nhưng không biết bao nhiêu.

Thỉnh thoảng tôi có gặp ông ta đi chơi trong các lối xóm. Ông đi đứng ra chiều nhàn hạ. Đi ra ngoài thì ông ta thường mặc áo gấm, bịt khăn điều và cầm gậy tre bịt bạc. Nhưng ở nhà thì ông ta mặc giản dị hơn. Một hôm tôi đã thấy trên áo ông ta có chữ thêu. Tôi tưởng là áo gấm, nhưng nhìn kỹ tôi mới biết đó là bức trướng thêu thường treo giữa nhà.

Anh Vân thì lúc nào cũng thấy mặc cái áo đen dài bạc màu. Một hôm tôi đến gọi anh đi học thì thấy anh ta đang ngồi vá áo. Ông Hậu thấy tôi vào thì giả vờ mắng anh Vân:

– Thật tính thằng con lạ quá, áo quần để đầy rương mà không đem ra mặc, cứ bo bo giữ lấy cái áo đen đã cũ nát.

Anh Vân đứng dậy giũ áo không vá nữa. Anh nhìn tôi mỉm cười, nhưng tôi thấy hai má anh đỏ gắt.

Lúc sắp đi học, ông Hậu liền gọi anh Vân đến gần nói lớn:

– Chiều đi học về con nhớ ghé lại nhà ông Huyện Phong mời ông ta đến đánh cờ với cha nhé.

Anh Vân cúi đầu dạ rồi cùng tôi đi đến trường.

Nhưng lúc bãi học, tôi cũng không thấy anh Vân ghé lại nhà ông Huyện. Và lúc tôi với anh về phủ, tôi cũng không nghe ông Hậu hỏi gì hết.

Cảnh phủ càng ngày càng tiêu điều, còn phía trong thì càng thấy rộng thêm mãi. Bát lư hương sành đến thay thế bát lư hương ngọc, và cách vài tháng sau tôi chỉ thấy còn bát lư hương bằng gỗ. Bao nhiêu cột trong phủ đã thấy trống trơn và cũ nát, vì chung quanh thân cột không có vật gì bám vào để làm bận mắt nữa.

Qua năm sau lên lớp nhất, Vân thường vắng mặt lắm giờ sử ký. Thầy trách anh Vân biếng học, nhưng tôi thì hiểu anh ta lắm. Anh ta không có tiền mua quyển sách sử ký.

Một buổi trưa chủ nhật đến nhà anh Vân chơi, tôi thấy ông Hậu đang sai anh ta đi bắt gà. Tôi cũng cởi áo chạy theo anh Vân chặn bắt mấy con gà ấy. Sau hai giờ chạy quanh vườn, chui qua bụi, chúng tôi mới nhốt được ba con gà trống tía vào trong lồng. Hôm ấy tôi ở lại chơi với anh Vân gần tối mới về.

Tôi ngạc nhiên hết sức lúc thấy ba con gà trống tía của ông Hậu lại ở trong chuồng gà nhà tôi. Tôi hỏi thì mẹ tôi bảo gà của ông Hậu đem lại biếu. Tôi đang phân vân chưa hiểu thì mẹ tôi mỉm cười nói tiếp:

– Rồi nhà mình biếu lại ông ta một thúng gạo.

Tôi thấy cảnh nhà anh Vân túng thiếu nên thương hại. Nhưng ông Hậu lúc nào cũng thấy nhàn hạ say sưa trọn ngày. Ông thường cười nói

vang nhà hay hát những câu "Tẩu mã" đã quên lửng đi nhiều đoạn.

Dầu ông Hậu đã hết lòng giấu giếm, nhưng sự túng bấn ở nhà ông đã dần dần lộ ra ngoài. Người ta biết ông Hậu sở dĩ muốn tươi tỉnh là để giữ thể diện.

Có lúc ông Hậu đã vờ hào hiệp đến quên cả mình.

Người lính hầu cận của ông Hoàng ngày xưa một hôm đến thăm ông Hậu và đem đến biếu một cân mứt và hai lượng trà. Ông Hậu nhất định từ chối, không chịu lấy, người lính không nản chí kêu nài mãi:

– Nhờ ơn đức ông xưa, con mới lên làm được phó quản, ơn ấy con xem như trời như biển. Nếu ngài không nhận chút lễ mọn này thì con không bao giờ dám đến thăm ngài nữa.

Để người ta nài ép quá nghe cũng chướng, ông Hậu dịu lời đáp:

– Hay tính thế này thì hơn. Anh đã có lòng cho, tôi xin nhận và xin hết lòng cảm ơn anh. Nhưng anh phải nhận lại vật này để cho mấy cháu nhà anh mới được.

Nói xong ông Hậu móc túi lấy ra hai đồng đưa cho người lính. Biết từ chối cũng không được, viên phó quản đành cúi đầu đưa hai tay nhận lấy.

Bắt đầu từ hôm ấy, mỗi lần đến phủ chơi, tôi đều thấy ông Hậu ngồi nhấm mứt với nước trà. Theo anh Vân thì đó là buổi cơm hàng ngày của nhà anh, vì số tiền cuối cùng ông Hậu đã đưa cho viên phó quản hết.

Nhưng ông Hậu vẫn không thôi cho người ngoài biết nhà ông vẫn còn sung túc.

Lệ hằng năm cứ đến gần tết là ông Hậu lại bỏ nhà đi đâu hơn vài tuần.

Chính anh Vân cũng không biết ông ta đi đâu. Có người nói ông ta đi thăm rể và con gái ở Quy Nhơn. Người khác lại nói ông ta lên tỉnh để sắm đồ Tết.

Mấy ngày trước Tết năm ấy, tôi được đi với mẹ tôi lên tỉnh. Tỉnh thành xa làng Mỹ Lý hơn ba mươi cây số và phải qua năm sáu chuyến đò. Ba bốn năm tôi mới được đi một lần.

Ngày ấy, cảnh tỉnh thành đối với tôi tươi sáng quá. Tôi đi xem ngót nửa ngày mà không thấy mỏi chân.

Trước thềm một căn phố bán giấy hoa, tôi bỗng chú ý đến một cụ già đang ngồi viết chữ thuê. Một bọn trẻ đứng chung quanh nhìn ông ta viết một cách lơ đãng. Chữ ông ta viết đẹp lắm, tuy lúc viết bàn tay hơi run. Viết xong ông ta lại ngồi nhìn mấy câu liễn hay lấy ít viên sạn chặn lên trên.

Tôi bỗng giật mình lúc thấy ông ta đứng dậy uốn lưng cho đỡ mỏi. Tôi vội vàng đi thật nhanh vì sợ ông ta nhận thấy được tôi, vì ông ấy là ông Hậu... con ông Hoàng.

Quê mẹ, tập truyện ngắn,
Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1941.

TÌNH QUÊ HƯƠNG
(Truyện ngắn)

Thuyên, Đồng là hai người bạn thân cùng ở một làng: làng Mỹ Lý. Sau ba tháng vào tìm việc ở Nam Kỳ, hai người mới tìm được hai việc làm tạm ở gà Gò Đen. Ga này ở giữa con đường Sài Gòn – Mỹ Tho, một nơi được tiếng giàu nhất về ruộng lúa. Khách qua lại toàn là những dân quê ở hai vùng Thanh Trưu và Bạ Chẩn. Công việc của Thuyên, Đồng cũng không đến nỗi vất vả lắm. Lúc còn là tên thất nghiệp lang thang đi tìm việc khắp Sài Gòn thì hai người ít khi nhớ đến quê hương. Nhưng lúc tìm ra việc thì tình quê hương lại dạt dào luôn trong tâm trí.

Những buổi nghỉ việc, hai người lại lững thững nắm tay nhau, đi trên con đường về làng Vân Thọ. Vì con đường này giống với con đường chính làng Mỹ Lý quá. Cũng hai hàng cây sầu đông chạy thẳng giữa quãng đồng lúa chín, cũng cái miếu thánh xa xa và mấy đống rơm cao chót vót sau bụi tre già cuối xóm.

Đi trên quãng đường này, Thuyên, Đồng có cái cảm giác là sắp về nhà mình. Nhưng mỗi lúc qua khỏi cái cầu dài, hai người lại đứng nhìn nhau ngơ ngẩn. Vì trước mặt hai người, quang cảnh chung quanh đã đổi hẳn. Những cây dừa vươn mình trên dòng nước đục hay vài cô gái miền Nam bơi thuyền giữa đám lau già, không cho hai người tưởng tượng đến làng Mỹ Lý nữa.

Thuyên vòng tay nhìn ra xa, rồi lẩm bẩm:

– Ừ uổng thật, giá đến đây không gặp con sông này thì chúng mình đã tưởng về xóm Thạch Lũy rồi.

Đồng đưa tay chỉ một nếp nhà ngói bên vệ đường rồi nói tiếp:

– Còn cái nhà xinh xắn kia là biệt thự của cô Ái Thu làng mình.

Thuyên nhìn Đồng mỉm cười:

– Nhớ rõ ràng nhỉ, nhưng đất Nam Kỳ bốn mùa nắng gắt, có mùa thu đâu mà bảo có cô Ái Thu.

Trên phiến đá trắng bên vệ đường, hai người lại lẳng lặng quàng

vai nhau ngồi xuống. Trời càng về chiều, gió càng lạnh. Hai người dần dần ngồi khít lại để truyền hơi ấm cho nhau.

Bóng tối từ từ lan rộng ra trên quãng đồng lúa chín; ở về phía ga, vài ngọn đèn dầu đã bắt đầu lấp lánh sau mấy hàng cây đen sẫm.

Như muốn tự dối, Thuyên vui vẻ bảo Đồng:

– Đồng ơi. Chúng ta hãy đi về ga Mỹ Lý nhanh đi chẳng tối rồi.

Không hề lộ vẻ ngạc nhiên, Đồng cất tiếng đáp:

– Ừ, chúng ta về ga Mỹ Lý.

Rồi như mọi chiều, Thuyên, Đồng lại vừa đi vừa hát huyên thuyên, đầu bài hát này nối đuôi bài hát khác.

*

* *

Một hôm, Thuyên, Đồng rủ nhau đi chơi thật xa, nhưng đến giữa trưa thì lạc mất đường về. Hai người phải ghé vào cái quán gần đấy để hỏi đường, luôn tiện để ăn cho đỡ đói. Cùng ăn trong quán ấy, có ba người nhà quê trẻ tuổi đùa bỡn với nhau luôn miệng. Nụ cười từ môi này lan qua môi khác, bầu không khí trong quán không bao lâu trở nên vui vẻ lạ thường. Lúc sắp trả tiền, Thuyên mới nhớ mình để quên ví ở nhà, Thuyên bấm nhẹ Đồng hỏi sẽ:

– Đồng có đem tiền theo đấy không?

– Không. Thế Thuyên cũng không có à?

Thuyên lắc đầu ra vẻ lo ngại:

– Thuyên bỏ nhầm quyển sổ con vào túi, còn cái ví thì để quên ở trong ngăn bàn.

Hai người đang nhìn xuống mặt bàn để tìm kế "tháo thân" thì bên kia bàn, người nhà quê trẻ nhất đứng dậy nói với chủ quán:

– Hai thầy ngồi ở bên kia bàn là hai bạn thân của chúng tôi, vậy ông cứ tính chung để tôi trả tiền luôn thể.

Thuyên nghe nói cảm động quá, đứng dậy nhìn người trẻ tuổi một lát rồi ấp úng nói:

– Thật chúng tôi không biết nói gì đây để cám ơn mấy ngài...

Không để cho Thuyên nói dứt lời, người trẻ tuổi nói tiếp:

– Đáng lẽ tôi phải cám ơn hai thầy trước mới phải. Vì hai thầy đã cho tôi nghe giọng nói của mẹ tôi xưa...

Rồi hạ giọng, người ấy thì thầm như hơi thở:

– ... Vì mẹ tôi là người Trung Kỳ, và đã qua đời hơn tám năm rồi.

Nói đến đây, người trẻ tuổi lẳng lặng nhìn xuống bàn, hai môi mím chặt ra vẻ đau thương lắm. Còn Thuyên, Đồng thì bùi ngùi nhớ đến quê hương, yên lặng nhìn nhau với hai cặp mắt rớm lệ.

*

* *

Ngày ba mươi Tết năm ấy, Thuyên, Đồng nhất định không đi ăn cơm quán như mọi ngày. Hai người định mời bà Hai, người ở gần đấy, đến nấu cơm trong ga, để cúng luôn thể. Hai người cũng không biết cúng ai, nhưng thấy người ta đua nhau cúng, cũng muốn cúng cho vui.

Bàn bạc xong xuôi, Đồng đáp tàu lên Chợ Lớn mua các thức ăn trong tiệm khách. Còn Thuyên ở nhà sắp đặt lại ghế bàn để khuya cúng lễ giao thừa.

Lúc Đồng về thì trời đã gần tối. Thuyên tự thân hành qua bên nhà bà Hai để mời bà ấy qua, nhưng rủi bà ấy đã về ăn Tết ở Biên Hòa từ sáng sớm. Thuyên lủi thủi đi về kể lại cho Đồng nghe. Hai người chỉ nhìn nhau cười, nhưng trông có vẻ băn khoăn lắm. Ngay lúc ấy, bên kia căn ga có mấy người hành khách đang ngồi nói chuyện với nhau rất vui vẻ.

Thuyên mở cửa sổ bán vé tàu, chui đầu sang bên kia rồi nói lớn:

– Hôm nay không có chuyến tàu bảy giờ. Đến hai giờ sáng mới có chuyến tàu bất thường ra Bắc.

Vài ba người nghe nói thất vọng quẩy gánh ra về. Thấy trong bóng tối lờ mờ còn vài người ngồi, Thuyên dịu lời nói tiếp:

– Các ngài không ở nhà ăn Tết à? Đi đâu mà sớm thế?

Một tràng tiếng trong trẻo đáp lại:

– Chúng tôi về ăn Tết.

Nhận được tiếng nói Trung Kỳ, hai người mừng rỡ lắm. Đồng đứng sau Thuyên lên tiếng hỏi với:

– Về ăn Tết sao mà chậm thế?

Sau một dịp cười thẳng thắn, tiếng nói ấy lại ngọt ngào reo lên như trước:

– Chậm còn hơn không, hai thầy ạ.

Thuyên thụt đầu vào nhìn Đồng mỉm cười.

Đồng kề miệng bên tai Thuyên nói khẽ:

– Chắc cô này biết chúng mình.

Thuyên láy Đồng xách cây đèn treo rồi hai người cùng qua bên kia căn ga.

Trên chiếc ghế dài kê khít tường, một thiếu nữ mặc theo kiểu Huế, đang ngồi giữa một giỏ cam và hai chai rượu.

Thấy Thuyên, Đồng đi qua, thiếu nữ nhoẻn miệng cười, hỏi sẽ:

– Thế hai thầy định ăn Tết ở đây à?

Thuyên xoa tay đáp:

– Có lẽ ở đâu chúng tôi cũng không ăn Tết được.

Thiếu nữ trố mắt nhìn Thuyên ra ý hỏi.

Thuyên mỉm cười nói tiếp:

– Vì một lẽ rất giản dị là đồ ăn mua về không có ai nấu.

Thiếu nữ đưa tay che miệng cười ngặt nghẽo.

Mấy chai rượu để trên ghế được dịp chạm với nhau nghe rất vui tai.

Cười xong, thiếu nữ vuốt lại mấy sợi tóc bay lòa xòa trước trán, hỏi tiếp:

– Thế người nấu ăn của hai thầy đi đâu?

Đồng bấm Thuyên đi lui rồi chen tới trước đáp:

– Người ấy không đi đâu hết. Nhưng chúng tôi cũng không ăn Tết được.

Không để cho thiếu nữ ngạc nhiên, Đồng nói tiếp:

– Vì sự thật chúng tôi không có người ấy.

Nghĩ một lát, Đồng ngập ngừng nói sẽ:

– Vì vậy, nếu không làm phiền cô, vì chúng tôi biết làm thế này là phiền cô lắm, nhưng...

Thuyên ngắt lời nói thật nhanh:

– Chúng tôi muốn nhờ cô...

Nhưng nói đến đây, Thuyên đã ú ớ tìm không ra chữ. Thiếu nữ Huế tươi cười nói tiếp:

– Nhờ em nấu hộ hai thầy phải không? Nhưng tiếc, em chỉ biết nấu thức ăn theo cách ở Trung Kỳ thôi.

Thuyên mừng rỡ:

– Có thức ăn Trung Kỳ để ăn... Tết, thật chúng tôi không muốn gì hơn nữa.

*

* *

Nói là cúng chơi, nhưng lúc khói trầm tỏa lên khắp nhà, và mấy ngọn đèn nến chập chờn trong bóng tối; Thuyên, Đồng cũng cảm thấy sự đầm ấm thiêng liêng của những ngày cúng kỵ. Thuyên kính cẩn rót thêm một tuần rượu vào ly rồi nói:

– Không biết lễ vật này mình cúng cho ai nhỉ?

Thiếu nữ Huế vòng tay nhìn Thuyên đáp:

– Cho thần linh hồn tha hương chứ gì.

Thuyên cười nói:

– Ô hay, nếu thế chúng mình lại tự cúng cho chúng mình rồi à?

Thiếu nữ ra vẻ sợ sệt nói sẽ:

– Chỉ nói dại.

Sực nhớ đến những nén hương không có trên bàn thờ, Thuyên hỏi Đồng:

– Đồng có mua hương nến không?

Đồng nhìn lên bàn thờ nói:

– Ừ nhỉ! Đồng vô tình quên mua mà không nhớ.

Thiếu nữ vội vàng đến mở va li, lấy thẻ hương ra rồi nói:

– Đã vô tình quên thì nhớ thế nào được. Nhưng em có sẵn đây, hai thầy lấy mà thắp.

Thuyên đem cái máy đóng vé tàu để giữa bàn thờ bỏ hương vào trong một cái lạch con rồi tươi cười nói:

– Cái lư hương trông thế mà đẹp.

Ba người nhìn nhau cố che miệng để khỏi bật tiếng cười.

Một lát sau, Thuyên quay lại nhìn thiếu nữ rồi dịu lời hỏi:

– Chút nữa tôi quên không hỏi tên cô.

Thiếu nữ vuốt mái tóc rồi nói:

– Tên em?

Đồng gật đầu:

– Vâng tên cô, vì đã hơn hai năm, lần này chúng tôi mới được gặp một cô gái Trung Kỳ bước chân đến ga này.

Thiếu nữ vẫn giữ nụ cười trên môi, nói tiếp:

– Tên em là Bá Xuân.

Thuyên quên mình đang đứng trước một cô gái lạ, vỗ tay reo lên:

– Vậy qua năm mới, anh em chúng tôi đã rước được một trăm mùa Xuân vào nhà... ga.

Như hưởng ứng với lời Thuyên, một tràng pháo nổ vang lên gần đấy.

Thiếu nữ ngây thơ nói tiếp:

– Hai anh chớ tưởng một trăm mùa Xuân mà thôi đâu. Nhiều lắm cơ, không đếm được! Vì em là Lê... "les" Bá Xuân.

Thuyên thấy thiếu nữ nói chuyện ngây thơ, lại xưng hô thân mật thì sung sướng vô cùng.

– Nếu vậy thì hôm nay nhà chúng ta đầy nức cả mùa Xuân.

Ngay lúc ấy, bên quãng đồng xa, làng Tân Hiệp, một tiếng còi tàu thét lên vang trong đêm tối. Rồi tiếp đến tiếng máy đều đều của con tàu ra Bắc.

Thuyên buồn rầu cúi mặt nhìn xuống đất, rồi với một giọng đầy nước mắt, nói sẽ:

– Nhanh thật, đón được mùa Xuân chưa đầy hai chục phút thì đã phải tiễn mùa Xuân đi rồi.

Cô Xuân đến ngồi trên chiếc ghế dài, hai tay ôm đầu ra dáng cảm động lắm. Một lát sau, cô ngẩng mặt lên nhìn Thuyên, Đồng, rồi với giọng run run, nói thật sẽ:

– Xuân đi chỉ một, còn Xuân ở bên hai anh thì nhiều, hai anh ạ.

Rồi gượng cười, nhưng hai mắt đã nhòa cả lệ, Xuân nói tiếp:

– Vì em có những Lê... "les" Bá Xuân.

Quê mẹ, tập truyện ngắn,
Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1941.

TÌNH TRONG CÂU HÁT

(Truyện ngắn)

Một buổi chiều vàng rộng mênh mông. Trên dòng sông hẹp, hai chiếc thuyền như cố theo nhau ráo riết. Chiếc trước nhỏ, dáng mảnh khảnh mình thon, chỉ được một cánh buồm nâu hình tam giác. Chiếc sau trông mạnh mẽ, gỗ láng và mui cao. Phía trước lại có hai cánh buồm uốn phồng thật cong như nuốt gió. Hai chiếc thuyền cứ thong thả lướt nhẹ trên dòng sông, cách nhau chừng vài trăm thước.

Nhưng trước kia hai chiếc ấy đã cùng đi từ một bến.

Chiều hôm ấy, nghe nắng đã bớt màu vàng gay gắt, và gió Đông Nam bắt đầu nổi sau đồi cát chùa Quang, anh Đạt từ từ cho lui thuyền ra khỏi bến. Anh đã lĩnh được một chuyến khoai khô chở về huyện Quảng. Giữa cảnh hỗn độn của bến Bao Vinh, thuyền sắp ngổn ngang và lái xây đủ hướng, anh Đạt chịu khó lắm mới lần được thuyền mình ra giữa dòng sông. Ngay lúc ấy anh nhận thấy ở phía xa, gần bến Đá, một chiếc thuyền buồm nâu cũng từ từ quay lái. Đạt mừng thầm, vì được một chiếc thuyền đi cùng sông, không khác gì gặp một người bạn đi cùng đường. Giữa cảnh đêm hôm, họ sẽ đem câu hát ra hỏi chuyện nhau cho sông đỡ dài, đêm đỡ vắng. Đó gần như một cái lệ chung của khách thuyền bè sống trên mặt nước.

Câu hát của họ thường do sự biện bạch thật nhanh và thật sáng, tả được chuyện nhà rõ ràng và mạch lạc không kém gì chuyện bông lông. Nhưng đẹp và hay nhất là câu chuyện tình. Vì về mặt này, họ rất thạo. Họ tả một cách hồn nhiên nỗi cô đơn của lòng họ. Lắm lúc họ còn mượn cảnh nước mây để câu chuyện tình thêm thanh thú. Từng ấy chuyện, họ thu gọn trong câu hò mái đẩy, văng vẳng kéo dài như tiếng chuông ngân quyến gió hay rỉ rền như tiếng nức nở của vọng phu.

Câu hát trên dòng sông đã là lối giới thiệu thầm của hai tâm hồn xa lạ, hay mẩu chuyện đời góp nhặt trao đổi cho nhau nghe. Lệ thường, hễ nhiều con thuyền trôi trên sông vắng hay giữa phá dài, là câu hò trao qua đáp lại vọng vang ra theo chiều gió. Cũng có khi một chiếc thuyền cô độc lướt nhẹ theo bờ sông, khách thuyền chỉ biết vu

vơ thả câu hò ra giữa bầu trời cao rộng. Rồi trên bờ vắng hay sông sương, vài tiếng hò như bắt được tiếng lòng xa xôi vội vàng đáp lại, người ta cứ thả tiếng hò ra như để làm quen với tiếng hò khác. Và thỉnh thoảng trong bóng tối của đêm mưa, người ta lại được nghe năm trước. Tiếng hát từ đó lại đổ dồn để kể cho nhau nghe sự đổi thay của mấy năm xa cách. Và lắm lần, người ta đã khóc thầm vì hy vọng của xa xưa đã tắt hẳn, hay câu hẹn hò năm trước đã bị quên lãng ở giữa cảnh chồng con. Gặp nhau trên dòng sông có khi vài ba canh tiếp, nhưng bỗng đột ngột người ta rẽ bến xa nhau. Nhưng họ cũng hy vọng chờ và mong gặp nhau trên một phương sông vô định. Vì dầu không biết mặt nhau, nhưng giọng hò và điệu tứ họ đã quen nhau rất chặt. Rồi đời này qua kiếp khác, khách của mặt nước cũng chỉ biết tìm tình đời trong câu hát giữa dòng sông.

*

* *

Đạt góa vợ đã lâu, ngày tháng chỉ biết đưa thuyền để nuôi con dại. Vợ Đạt ngày xưa là một cô lái thuyền ở làng Vĩnh Trị. Hôm ấy, trời gió lớn và sắp nổi cơn dông, thuyền Đạt và thuyền Liên – tên vợ Đạt – phải ghé vào bờ để núp sóng. Đã quen nhau từ trong câu hát vẳng trên sông, nên lúc gặp nhau Đạt, Liên không biết ngượng ngùng gì nữa. Câu chuyện tình liền bắt đầu thủ thỉ, trên hai con thuyền tình cờ sóng đã thúc lại gần nhau.

Đạt mê man đưa tay qua thuyền bắt tay Liên và chực vuốt mái tóc tơ đang vờn trong gió lạnh. Liên say sưa cúi đầu nhìn mặt nước, đành câm lặng vì không nói được nên lời. Cách hai tháng sau, Đạt lấy Liên và lễ cưới đã cử hành trên một nhóm thuyền kết lại. Vì thuyền đã là gia đình của họ, dòng sông là nơi họ qua về, và muôn bến chỉ là nơi ở tạm. Lễ cưới của Đạt, Liên cũng như tất cả người người sống trên thuyền không ngờ đã đượm một tình thơ tươi sáng.

Liên với một nhóm thuyền của bạn bè và thân thích đến đậu trước ở bến nứa làng Vân. Vì chính nơi ấy, xưa kia hai người gặp gỡ. Ba giờ sau, một toán thuyền trên mười lăm chiếc chở họ hàng Đạt về đến vây đậu chung quanh. Toàn thuyền buôn bán hay làm ăn cả, nhưng hôm ấy họ cũng gắng trang hoàng và lau chùi sạch sẽ. Giữa đêm, họ đem đèn ra thắp chung quanh boong và treo một ngọn đèn khá lớn lên cột buồm, xa trông như một cụm chiến thuyền của thời

xưa cũ. Họ bày ra ăn uống rất vui vẻ và có lệ hay hay là đổi thuyền nhau để ngồi. Thường họ thắp đèn thật nhiều, chứ không đốt pháo. Vì họ cho là tốn tiền và cũng không thêm gì được cuộc vui. Nói chuyện đến nửa đêm thì họ nhổ sào giải tán, chỉ để lại hai chiếc thuyền của Đạt và Liên.

Trong lúc thấy đám thuyền đèn từ từ xa bến, Đạt tự nhiên vui vẻ cất tiếng hát vọng lên như tiễn biệt. Liên đứng nép bên cạnh chồng nhìn đám thuyền trôi, buồn rầu tiếp theo mấy tiếng "hò" dài nghe não nuột [1]. Bên đám thuyền kia, người của hai họ cùng cất tiếng hát vang lên một lần như đáp lại. Tiếng hát của hai bên cứ nhỏ dần, sau cùng để nghe mơ màng như tiếng thoảng. Đám đèn xa rồi mờ mãi để lẩn dần trong cụm sao đỏ phía chân sóng. Không biết nghĩ gì, Liên tựa đầu trên vai chồng nhìn dòng nước mênh mang thổn thức.

Từ đó, trên dải phá Tam Giang, hai chiếc thuyền của Đạt, Liên cứ kèm nhau theo mãi. Ở với nhau gần ba năm, Liên sinh được một đứa con gái. Nhưng trong kỳ thai sản ấy, Liên bỏ mạng ở nhà thương. Đạt chôn cất vợ xong liền bồng con về sống lại cuộc đời cô quạnh. Giọng hát của Đạt từ đó lẻ bầy, nghe não nùng như oán khóc. Rồi trong khoảng mấy tháng đầu, hễ có dịp chèo thuyền đi xa, Đạt lại nối dây kéo thuyền của Liên đi theo. Trong thuyền ấy chỉ để độc một bát hương khói tỏa ra nghi ngút. Thuyền của Đạt đi đến đâu, người ta liền đổ dồn ra bờ đứng xem. Đạt vẫn thản nhiên cất giọng hò lanh lảnh, gương mặt quá đau khổ đến lạnh lùng như người chở đám ma. Nhưng sau nghe mẹ phân phải trái, Đạt liền bán chiếc thuyền của Liên đi và giao con gái cho mẹ nuôi.

Đạt đã bớt sầu muộn, và nghề làm ăn xuôi ngược đã bắt Đạt quên dần Liên. Nhưng chiều hôm ấy, lúc cho thuyền rời khỏi bến, Đạt tình cờ sống lại một cảnh của thời xưa. Trước mặt Đạt, một chiếc thuyền của ai đang rẽ nước giống hệt với thuyền Liên. Lòng Đạt bồi hồi một cách lạ. Đạt kéo thêm một buồm nữa để đuổi theo và chính Đạt cũng không biết để làm gì. Nhưng thuyền Đạt, mũi lún và đầy khoai, nên không thể nào lướt nhanh hơn được. Trái lại, chiếc thuyền trước chạy như bay, thấp thoáng trong chiều sương trông như bóng nhạn.

---

1. Lệ trong câu hò mái đẩy thì một người hát, còn mấy người khác chỉ đưa tiếng "hò" dài như cắt nhịp

Đạt liệu bề không theo kịp, liền cất tiếng hát hỏi thăm:

Thuyền ai trôi trước,
Cho tôi lướt đến cùng.
Chiều đã về trời đất mung lung,
Phải duyên thì xích lại cho đỡ não nùng tiếng sương.

Giọng hát cất lên thật cao rồi hạ xuống từ từ như than vãn, như kể lể. Trên lái thuyền đi trước, bỗng nổi bật bóng một thiếu nữ mặc áo nối dài quay đầu nhìn phía sau một lát rồi đáp:

Trời một vùng đêm dài không hạn,
Mượn gió chiều hỏi bạn ngàn sông.
Thân em là gái chưa chồng,
Tơ duyên có chắc như dòng nước không?

Đạt giật mình tưởng như tiếng hò của Liên ngày trước. Vì cũng một giọng hò trong trẻo và hơi dài, câu dứt gọn và đưa xinh như sương tỏa. Đạt nghĩ ngay đến mấy cô lái thuyền làng Vĩnh Trị, người cùng làng với Liên. Vì tuy khác tiếng khác câu, nhưng mỗi làng có một cách hò riêng, không sao lẫn lầm được. Và cũng riêng giọng hò ở mặt phá là rộng và lan dài, chứ lối hát ở dòng sông là câu điệu nghe mùi chứ không thanh thoát. Đạt đã sống nhiều năm ở mặt phá, nên phân biệt giọng hò thạo lắm. Đạt còn biết làng nào ở khúc phá hẹp là giọng hò làng ấy ngắn và trong. Còn những khoảng phá rộng lại hun đúc được giọng hò nghe trầm và mạnh.

Chiều nay, Đạt thao thức trước giọng hò Vĩnh Trị, vì lòng Đạt bàng hoàng nhớ đến Liên. Đồng áng chung quanh tuy đổi màu hay thay nét, nhưng cũng vẫn cảnh cũ đã làm chứng cho cuộc tình xưa. Chiều đã phai bớt màu hồng và dần dần tối sẫm. Nhưng giữa mặt sông, trời còn sáng hơn làng mạc. Vài ba ngọn đèn dầu thấp thoáng rung rinh trong hàng cây đen. Thấy bóng thuyền lướt trên sông, một con chó đứng trên bờ nhìn theo sủa vu vơ.

Hai giờ sau, hai con thuyền đã ra đến phá. Trăng đã lên cao sau đồi cát trắng. Hơi nước tỏa ra mằn mặn bốc trong gió mát thổi vi vu. Mặt phá rộng mênh mông lấp loáng ánh trăng vàng, trông rất đẹp.

Hai con thuyền vẫn đuổi nhau như cũ, xa trông như cặp nhạn lướt trên hồ, Đạt có vẻ thất vọng, nên giọng hát thoang thoảng đưa ra như tiếng thở. Tiếng đáp của cô lái thuyền phía trước có vẻ

quyến luyến và ý vị hơn. Đạt kéo dây lèo cho buồm thật căng để lướt nhanh hơn trước.

Qua làng Thế Chí, gà xa xa đã eo óc gáy canh tư. Giữa vùng trời bảng lảng, lòng Đạt và cô gái không quen đã bắt đầu gặp gỡ. Câu hát đã đổi ra tình tứ, điệu trầm và nghe cảm như tiếng suối vẳng rừng khuya.

Dòng phá đến làng Kế Môn dần dần thu hẹp lại, để sau cùng chia hẳn khúc ba sông. Đạt đang hồi hộp lo sợ thì chiếc thuyền trước đã quay mũi về phía Kim Long. Đạt buồn rầu nhìn cánh buồm nâu nghiêng mình theo chiều sông như cánh én. Đạt lưỡng lự một chút, nhưng bỗng đưa tay đẩy mạnh đòn bánh lái cho thuyền xuôi về Đại Lược. Từ thuyền trước, một câu hò chia biệt vẳng lên không:

Tình về Đại Lược,
Duyên ngược Kim Long
Đến đây là chỗ rẽ của lòng,
Gặp nhau còn biết trên sông bến nào?

Đạt muốn hò đáp lại, nhưng tự nhiên thấy nghẹn ngào trước cảnh biệt ly. Nhớ đến Liên, đến người bạn mới trong đêm, Đạt gục đầu ôm mặt khóc rưng rức.

Trong đám sương mờ óng ả ánh trăng, hai chiếc thuyền lẳng lặng xa dần như rẻ quạt.

Quê mẹ, tập truyện ngắn,
Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1941.

TÔI ĐI HỌC

(Truyện ngắn)

Hằng năm, cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều, và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trường.

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

Những ý tưởng ấy, tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại tưng bừng rộn rã.

Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và đầy gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này, tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

Tôi không lội qua sông thả diều như thằng Quý và không đi ra đồng nô đùa như thằng Sơn nữa.

Trong chiếc áo vải dù đen dài, tôi cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn.

Dọc đường thấy mấy cậu nhỏ trạc bằng tôi, áo quần tươm tất, nhí nhảnh gọi tên nhau hay trao sách vở cho nhau xem mà tôi thèm. Hai quyển vở mới đang ở trên tay tôi đã bắt đầu thấy nặng. Tôi bặm tay ghì thật chặt, nhưng một quyển vở cũng xệch ra và chênh đầu chúi xuống đất. Tôi xóc lên và nắm lại cẩn thận. Mấy cậu đi trước ôm sách vở nhiều, lại kèm cả bút thước nữa. Nhưng mấy cậu không để lộ vẻ khó khăn gì hết.

Tôi muốn thử sức mình nên nhìn mẹ tôi:

– Mẹ đưa bút thước cho con cầm.

Mẹ tôi cúi đầu nhìn tôi với cặp mắt thật âu yếm:

– Thôi để mẹ cầm cũng được.

Tôi có ngay cái ý nghĩ vừa non nớt vừa ngây thơ này: chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước.

Ý nghĩ ấy thoáng qua trong trí tôi nhẹ nhàng như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi.

Trước sân trường làng Mỹ Lý dày đặc cả người. Người nào áo quần cũng sạch sẽ, gương mặt vui tươi và sáng sủa.

Trước đó mấy hôm, lúc đi qua làng Hòa An bẫy chim quyên với thằng Minh, tôi có ghé lại trường một lần.

Lần ấy trường đối với tôi là một nơi xa lạ. Tôi đi chung quanh các lớp để nhìn qua cửa kính mấy bản đồ treo trên tường. Tôi không có cảm tưởng nào khác là nhà trường cao ráo và sạch sẽ hơn các nhà trong làng.

Nhưng lần này lại khác. Trước mặt tôi, trường Mỹ Lý trông vừa xinh xắn vừa oai nghiêm như cái đình làng Hòa Ấp. Sân nó rộng, mình nó cao hơn trong những buổi trưa hè đầy vắng lặng. Lòng tôi đâm ra lo sợ vẩn vơ.

Cũng như tôi, mấy học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng trên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thèm vụng và ước ao thầm được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.

Sau một hồi trống thúc vang dội cả lòng tôi, mấy người học trò cũ đến sắp hàng dưới hiên rồi đi vào lớp. Cảm thấy mình trơ vơ là lúc này. Vì chung quanh là những cậu bé vụng về lúng túng như tôi cả. Các cậu không đi. Các cậu chỉ theo sức mạnh kéo dìu các cậu tới trước. Nói các cậu không đứng lại càng đúng hơn nữa. Vì hai chân các cậu cứ dềnh dàng mãi. Hễ co lên một chân, các cậu lại duỗi mạnh như đá một quả banh tưởng tượng. Chính lúc này toàn thân các cậu cũng đang run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp.

Ông Đốc trường Mỹ Lý cho gọi mấy học trò mới đến đứng trước lớp ba. Trường làng nhỏ, nên không có phòng riêng của ông Đốc. Trong lúc ông ta đọc đến tên từng người, tôi cảm thấy như quả tim tôi ngừng đập. Tôi quên cả mẹ tôi đứng sau tôi. Nghe gọi đến tên, tôi tự nhiên giật mình và lúng túng. Sau khi đọc xong mấy mươi tên đã viết sẵn trên mảnh giấy lớn, ông Đốc nhìn chúng tôi nói sẽ:

– Thế là các em được vào lớp năm. Các em phải gắng học để

thầy mẹ được vui lòng, và để thầy dạy các em được sung sướng. Các em đã nghe chưa.

(Các em đều nghe, nhưng không em nào dám trả lời. Cũng may đã có một tiếng dạ ran của phụ huynh đáp lại).

Ông Đốc nhìn chúng tôi với cặp mắt hiền từ và cảm động. Mấy cậu học trò trong lớp ba cũng đua nhau quay đầu nhìn ra. Và ngoài đường cũng có mấy người đứng dừng lại để nhìn vào. Trong những phút này, chúng tôi được người ta ngắm nhìn nhiều hơn hết. Vì vậy, đã lúng túng, chúng tôi càng lúng túng hơn.

Ông Đốc lấy cặp kính trắng xuống rồi nói:

– Thôi, các em lên đây sắp hàng để vào lớp học.

Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước. Nhưng người tôi lúc ấy tự nhiên thấy nặng nề một cách lạ. Không giữ được chéo áo hay cánh tay của người thân, vài ba cậu đã từ từ bước lên đứng dưới hiên lớp. Các cậu lưng lẻo nhìn ra sân, nơi mà những người thân đang nhìn các cậu với cặp mắt lưu luyến. Một cậu đứng đầu ôm mặt khóc. Tôi bất giác quay lưng lại rồi dúi đầu vào lòng mẹ tôi nức nở khóc theo. Tôi nghe sau lưng tôi, trong đám học trò mới, vài tiếng thút thít đang ngập ngừng trong cổ. Một bàn tay quen nhẹ vuốt mái tóc tôi.

Ông Đốc tươi cười nhẫn nại chờ chúng tôi.

– Các em đừng khóc. Trưa nay các em được về nhà cơ mà. Và ngày mai lại được nghỉ cả ngày nữa.

Sau khi thấy hai mươi tám cậu học trò sắp hàng đều đặn dưới hiên trường, ông Đốc liền ra dấu cho chúng tôi đi vào lớp năm. Một thầy trẻ tuổi, gương mặt tươi cười đang đón chúng tôi trước cửa lớp. Trong thời thơ ấu, tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này. Tôi cũng lấy làm lạ.

Vì có những hôm đi chơi suốt cả ngày với chúng bạn ở đồng làng Lệ Xá, lòng tôi vẫn không cảm thấy xa nhà hay xa mẹ tôi chút nào hết.

Một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Trông hình gì treo trên tường, tôi cũng thấy lạ và hay hay. Tôi nhìn bàn ghế chỗ tôi ngồi rất cẩn thận, rồi tự nhiên lạm nhận là vật riêng của mình. Tôi nhìn người bạn tý hon ngồi bên tôi, một người bạn tôi chưa hề quen biết, nhưng lòng tôi vẫn không cảm thấy sự xa lạ chút nào. Sự quyến luyến ấy tự nhiên và bất ngờ quá, đến nỗi tôi cũng không dám tin có thật.

Một con chim liệng đến đứng trên bờ cửa sổ, hót mấy tiếng rụt rè rồi vỗ cánh bay cao.

Tôi đưa mắt thèm thuồng nhìn theo cánh chim. Một kỷ niệm cũ đi bẫy chim giữa cánh đồng lúa hay trên bờ sông Viêm sống lại đầy dẫy trong trí tôi.

Nhưng tiếng phấn của thầy tôi gạch mạnh trên bảng đen đã đưa tôi về cảnh thật.

Tôi vòng tay lên bàn chăm chỉ nhìn thầy viết và lẩm bẩm đánh vần đọc:

– Bài viết tập: TÔI ĐI HỌC

Quê mẹ, truyện ngắn,
Nhàxuất bản Đời nay, Hà Nội, 1941.

AM CU LY XE

(Truyện ngắn)

Mới nghe qua tên am, tôi đã tưởng họ bông đùa. Nhưng không, người kể cho tôi nghe nói với giọng nghiêm chỉnh lắm.

Cái am nhỏ ấy bằng vôi dựng trên bờ sông Bồ thuộc về làng Thanh Trúc. Trong am chỉ đặt một bát lư hương và cặp đôn con bằng gỗ tiện. Trước cửa am có treo một bức sáo xanh kẻ chữ thọ màu hồng. Cách am năm bước, có cái mồ đất đắp lên khá cao. Ngôi mả của người cu ly xe.

Chuyện am này ở hai vùng Thanh Lương và Hương Cần, ai cũng biết. Họ thường kể cho người lạ nghe với một giọng chắc chắn đáng tin. Được dịp kể nhiều nhất là bà bán quán gần am ấy. Và khách qua lại muốn được nghe chuyện, chỉ việc uống một bát nước chè hay ăn vài đĩa xôi đậu. Bà quán kể lâu quá thành có duyên và lắm đoạn nghe xuôi như đọc thuộc lòng.

Từ ga Văn Xá đến bến đò làng Thanh kể được trên hai cây số. Bên kia sông là huyện Quảng Điền. Bến đò ấy ở vào một chỗ hoang vắng, vì kế tiếp con sông là cái cồn mồ. Ở đó, qua huyện Quảng Điền gần hơn quay trở về làng Thanh. Dẫn khách đến ga là nhờ con đường chạy dài trong lối xóm, qua vài cái cầu ngắn bằng gạch và ba bốn khoảng phơi mình giữa đồng cỏ cháy. Con đường ấy được nhiều người đi nhất.

Ga Văn Xá làm lễ lạc thành xong thì sau đó hai tuần, một người mù đem chiếc xe tay đến đón khách. Đó là một cái xe thảm khổ nhất. Ruột hai bánh độn rơm khô và trần xe đã thủng nhiều chỗ.

Khổ hơn nữa là người kéo xe đã mù lại già, đầu tóc bạc phơ, người hơi gầy và trán hói. Theo đúng đường và biết tránh người đi là nhờ đứa cháu nội lên mười chạy dìu phía trước.

Rồi ngày bốn buổi, hai ông cháu lên ga Văn Xá đón khách về huyện Quảng Điền. Đời tuy vất vả, nhưng có kẻ thương tình nên cũng đủ sống.

Lệ thường, cứ mỗi vòng được năm xu. Hai ông cháu ngày nào cũng kiếm được một vài hào đủ tiêu dùng, cơm cháo.

Từ ngày có xe lửa, dân mấy làng vùng quê, ai cũng thèm đi. Họ cốt đi để mua vui thôi. Vì họ thấy thứ xe lạ và chạy quá nhanh nên họ thích lắm. Thích nhất là đứng trên tàu gọi tên mấy người quen đang đi trên đường cái quan. Lắm khi họ đi từ ga này để đến một ga nào gần đó. Rồi từ ga ấy họ lại mua vé trở về ga làng. Ngày ấy, họ chưa kể đến sự tiện lợi đi xe. Họ chỉ biết đến cái thú thôi. Ga Văn Xá nhờ thế ngày nào cũng tấp nập người ra kẻ vào. Và hai ông cháu người kéo xe kiếm được miếng ăn rất dễ. Người đi xe lửa ra khỏi ga, họ muốn lên xe tay ngay. Họ đã quen với sức nhanh chóng. Đi bộ đối với họ lúc ấy là một chuyện phiền. Nhưng được người kéo xe mạnh khỏe thì chẳng nói gì. Đằng này lại khác. Bước chân lên xe người già mù, thì người khổ chưa hẳn là người phải kéo, mà thật ra là người được ngồi. Huống chi ở đây lại phải chịu cái tội trông một đứa trẻ chạy không kịp thở, ngả tới vờn lui, theo bước chân của một ông già yếu đuối. Nên nhiều người thương hại không muốn đi xe.

Nhưng lòng nhân đạo càng lan truyền ra, người kéo xe mù lại càng túng thiếu.

Rồi sau, chỉ những người ốm hay già yếu lắm – thỉnh thoảng có vài người say rượu – mới bước lên xe của hai ông cháu.

Lắm người không đi chỉ gửi vài bao hành lý, họ cũng trả tiền hẳn hoi. Nhưng hạng người này hiếm lắm. Đợi năm sáu chuyến tàu mới gặp được một người.

Tối đến, hai ông cháu thường về ngủ trong một cái mui thuyền đặt khum khum trên bờ sông. Sáng mai ba giờ đã phải dậy. Vì phải đợi khách bên huyện Quảng qua sông đi chuyến tàu bốn giờ.

Tiền bạc làm ra được đều do người cháu giữ. Và người ông cũng không mấy khi hỏi đến. Trừ ra lúc muốn mua một vài cút rượu trắng. Hay khi làm ăn được, nhớ lại những ngày kỵ giỗ của gia hương.

Ngoài ra, người cháu tuy trẻ tuổi, nhưng sớm khôn, đã lo liệu cho cả. Và cái quán ở cách đó nửa cây số đã chu cấp cho hai ông cháu đủ các thứ cần, lẽ tự nhiên, là phải bỏ tiền ra mua.

Mùa đông năm Ngọ lạnh và mưa luôn ngày luôn đêm. Đường từ ga về bến đò đã nhiều nơi bị hê hũng. Lắm cái cống đất nhỏ bị nước lụt trôi đi. Hai ông cháu phải bỏ công chữa lại. Có thế xe mới đi qua được. Và con đường tuy của chung, nhưng chỉ riêng hai ông cháu để ý và lo ngại hơn cả. Xe cộ khi ấy ế vô cùng. Vả gặp cái xe

trần thủng, nước táp vào như giội, khách cũng thấy chán không buồn đi. Và đêm nào, lên ga đợi chuyến tàu suốt chín giờ, hai ông cháu cũng dẫn xe về không.

Chất chồng vào cái hại kể trên, chuyến đò làng Thanh không qua lại nữa. Vì hai làng Thanh Lương và Thanh Trúc đang kiện nhau để được độc quyền về nghề chở khách. Dân quanh vùng phải đi ngược lên khá xa mới qua bến đò làng Triệu. Phía ấy, cũng có đường đi lên ga, nhưng hẹp lắm. Hai ông cháu đành đưa người đi lại quanh vùng Thanh Trúc và chờ Nhà nước xử xong, để chở thêm khách bên huyện Quảng Điền.

Một đêm trung tuần tháng chạp, chuyến xe suốt lại trễ ngót ba giờ. Lúc ấy vào giữa đêm. Nghe tàu đến, hai ông cháu đã mừng thầm trong bụng. Một lát sau, con tàu đã bắt đầu sục sịch chạy, người kéo xe vẫn chưa nhận thấy có tiếng bước chân nào ra khỏi ga. Ông ta hỏi cháu, nhưng thằng bé đã lẩn đi ngả nào. Ông chắc nó đang đứng đón khách ở sân ga nên định bụng chờ. Mấy phút sau, đứa bé trở về, ông già mù cảm thấy hình như có một người bước lên xe. Đứa bé nói với giọng run run.

– Ôn [1] ơi, có người lên đó. Ôn chạy đi.

Thế rồi hai ông cháu dìu nhau chạy về phía sông Bồ qua những quãng đường lầy lội và dưới dòng mưa đêm lạnh ngắt. Trong những cánh đồng ngập nước, tiếng ễnh ương đua nhau kêu não nùng như một bản nhạc mùa đông, nghe buồn thấm tủy. Hai ông cháu dưới mấy cái mo cau và tàu lá chuối kết lại thay tơi cắm đầu chạy trên quãng đường ướt át.

Trời tối đen như mực, nhưng may đứa cháu quen đường và nhờ ánh bùn chiếu lên, nên bánh xe cũng khỏi vấp ngã.

Đến bến đò làng Thanh vào khoảng một giờ khuya. Gió ngoài sông thổi vào lạnh như cắt thịt. Đứa cháu sắp dắt ông vào mui thuyền thì, như nghi ngại điều gì, người kéo xe mù đã cất tiếng hỏi:

– Tiền xe mô, đưa cho ông.

Đó là một câu hỏi bất ngờ, vì những lần trước có bao giờ ông hỏi đến đâu. Hay cũng hỏi cho biết số, chứ chưa lúc nào ông định giữ lấy. Đứa cháu run lẩy bẩy, lúng túng, ngập ngừng rồi bỗng ôm mặt khóc.

---

1. Ông

Chỉ nghĩ thoáng qua, người kéo xe mù đã hiểu ra lẽ thật. Có gì đâu, không thấy khách và muốn ông nó vui lòng, thằng bé đã bê một tảng đá nặng đặt lên nệm xe và dìu ông nó chạy. Trí non nớt của nó có ngờ đâu mấy năm lao khổ trong nghề, ông nó phân biệt rất tinh tường người ngồi và vật đặt khác xa nhau nhiều lắm. Nhưng ông nó vẫn chạy, vì mù quáng, vì đói rách, nên lòng vẫn hy vọng những chuyện không bao giờ có được. Và biết ra thì thêm khổ. Thấy cháu khóc, ông ta cũng nức nở khóc theo.

Rồi giữa đêm lạnh, phần già yếu, phần buồn đau, phần đói rét, ông gục xuống dần rồi lăn ra nằm chết ngất.

Đứa bé sợ thất sắc la thét lên nghe đứt ruột. Nhưng gió của trời thét mạnh hơn, và tiếng của nó đành chịu rã rời bay lạc giữa đêm mưa tầm tã.

Bên kia sông, huyện Quảng Điền xa quá! Chỉ còn vài ngọn đèn dầu chập chờn trong xóm quê đen tối. Con đò đã cắt đường qua lại từ lâu, không đem được lòng từ thiện của bến kia qua bao trùm nỗi thảm thương của bờ nọ.

Sáng mai đi chợ Thanh Lương, khách qua đường thấy trên bờ sông vắng, một đứa trẻ đang ngồi khóc thảm thiết bên cạnh một người già nua đã chết cứng đờ.

Dân quanh xóm thương tình, người ít kẻ nhiều dồn nhau lại mua cái hòm mới và chôn cất người kéo xe già tử tế.

Về sau, đêm nào cũng như đêm nào, vào khoảng mười một giờ khuya, sau chuyến tàu suốt ra Bắc một giờ, những người ở quanh vùng đó đều thấy một cái bóng xe tay loang loáng chạy về phía làng Thanh Trúc. Người làm giữa ruộng dưới đêm trăng, các em mục đồng và sư cụ chùa Linh Hải đều nhận thấy nhiều lần như thế. Và giữa một đêm mưa lạnh cóng từ làng Thanh Trúc, còn nghe thấy cả tiếng nhạc xe trước cổng đình nữa...

Người ta bàn tán và nói rất nhiều. Lúc ấy, làng Thanh Trúc được kiện, nên cho thuyền đưa khách qua lại như cũ. Gặp lúc vui, dân làng liền quyên tiền để xây cái am cho người kéo xe "linh hiển".

Dân huyện Quảng cũng sốt sắng góp tiền rất nhiều. Con thuyền xưa đã nối lại hai bờ. Lòng từ thiện đã qua sông.

Ngậm ngải tìm trầm, tập truyện ngắn,
Nhà xuất bản Xuân Thu, Hà Nội 1943.

CON SO VỀ NHÀ MẸ

(Truyện ngắn)

Kính tặng hương hồn anh THẠCH LAM

Trời đã về chiều. Gió thổi trên đồng lúa chín dạt dào, nhẹ và khô. Bên kia đồng, tiếng hò đạp nước còn văng vẳng ran lên trong bóng chiều tàn sắp tắt. Tiếng hò rời rạc và buồn buồn nghe như đàn ve xám thả giọng ngân rền cuối hạ.

Cô Hoa đội một bó lúa nặng trên đầu đang từ từ tiến về làng Mỹ Lý. Cô đi mót lúa về. Cô đều đều đếm từng bước một. Thỉnh thoảng cô phải đứng lại đặt bó lúa xuống đất để thở. Rồi cô hấp tấp lên đường, bước mau hơn lên. Đường về nhà cô còn xa lắm, mà cô có mang đã gần ngày sinh, đi nhanh quá không được.

Vất vả như thế, mỗi ngày chỉ đủ ăn. Trước cô còn quanh quẩn đi mấy khoảng đồng ở làng. Ở làng họ gặt hái xong, cô lại phải đi xa hơn.

Cô quê ở làng Hiền Lương, nhà nghèo và chị em đông. Chồng cô cũng nghèo, nên cô an phận làm ăn không dám than trách gì. Ngày thường, cô gánh rau ra chợ Mỹ Lý bán, đến chiều tối mới về.

Chồng cô trước có làm xâu, nên người ta thường gọi cô là chị Xâu. Cô nghe thấy cũng hài lòng. Vì người cùng quê vốn sợ và muốn tránh cái tên dân suông.

Qua tháng tư sau, cô Hoa có mang vừa đúng bảy tháng. Cô ta không dám lội xuống ao hồ cắt rau nữa. Nhưng ở nhà, cô ta lại thấy vô vị. Vì cơm ăn bữa thiếu bữa no, cô nhịn thì được chứ thấy đàn con nhịn, lòng cô không nỡ.

Vì thế, tuy mệt nhọc, cô ta cũng chịu khó qua mấy làng lân cận mót lúa cho đỡ cảnh nghèo ngặt.

Ở vùng quê đã có mùa gặt, thì cùng lúc ấy có mùa mót. Vựa con nhà giàu đầy lúa, thì nồi con nhà nghèo nhờ đó cũng được đầy cơm.

Ai mạnh chân khỏe tay thì đi làm giúp. Ai yếu ớt thì đi mót lúa. Phần sau này thường dành riêng cho đàn bà con trẻ hay ông già bà lão nghèo đói.

Lúc đang gặt, thì người đi mót phải đứng chờ trên đường giường. Họ gặt xong và bó lại xong xuôi mới cho con kẻ nghèo xuống mót.

Kể ra bọn nông phu cũng biết thương con kẻ khó. Và cách gặt của họ cũng biết điều chứ không phải vơ vét hết sạch đâu. Họ còn phải để lại ít nhiều cho người nghèo nữa.

Rồi đồng ruộng nào có người mót đông, người ta cho điền chủ ấy là nhân từ. Và đến mùa sau sẽ gặp nhiều điều may mắn.

Họ còn tin nơi con nhà nghèo đến mót đông là nơi ấy vua Thần Nông sẽ dắt trâu thần ngự đến. Và mùa sau chắc chắn ở đó được mùa.

Cũng nhờ đức tin ấy mà các điền chủ đua nhau mở lòng, mở ruộng đón người nghèo khó khắp nơi.

Một câu ca dao ở miền Trung đã tả được tấm lòng của người đi mót:

Tôi đứng trên đường giường
Tôi trương mắt ếch.
Tôi đây sợ sệt,
Sợ họ gặt hết lúa đồng đi!
Tôi đến đây mót lượng từ bi!
Mót điều nhân đức, chứ mót chi lúa ngài.

Cô Hoa vì thai nghén – "Nhất có râu, nhì bầu bụng" – nên được người trong bọn có ý nhường nể.

Nhờ thế mà bó lúa của cô lần nào cũng to và đầy. Vả trên ruộng lạ, người ta ít giành giật với cô. Người trong làng đãi cô như khách. Họ tưởng không nên để người làng khác trách người làng họ chật hẹp hay rắn lòng. Tuy là bọn khố rách áo ôm, họ vẫn để điều nhân nghĩa lên trên tất cả.

Cô Hoa rẽ qua xóm Lá thì gặp ngay chị Bính đi bán rau ở chợ về. Cô đon đả chào:

– Chị Bính buôn bán ra sao? Tết nhất có phát tài không?

Chị Bính mỉm cười:

– Phát tài thật! Từ tết đến nay lỗ ngót hai đồng rồi đấy. Đó là chưa kể vừa rồi thằng Kết đi lính ở Lào gửi về cho ba đồng tiêu tết. Cũng bỏ vào chuyến buôn bán rồi tiêu tan đi đâu mất.

Cô Hoa nhìn cái áo vải dù mới của chị Bính rồi đùa:

– Đi đâu? Đi vào trong cái áo mới của chị chứ đi đâu?

Chị Bính che miệng cười sung sướng rồi nói lảng qua chuyệnkhác:

– À này, tháng nào nằm nơi rồi đó?

– Tháng năm.

– Thế là một trai hai gái rồi phải không?

Cô Hoa buồn rầu đáp:

– Có một trai thứ nhì nhưng mất đi.

Thấy cô bạn có dáng buồn, chị Bính an ủi:

– Thôi chuyến này nhờ trời cho thêm một trai bù vào, chuyện gì mà buồn! Đã là chuyện sinh đẻ tránh thế nào được chuyện "lót ổ". Người ta "lót ổ" đôi ba đứa mới nuôi được con thì sao!

Chị Bính nói thế để dỗ cô bạn, chứ không biết người ta là ai, và "lót ổ" ba bốn đứa như thế có nhiều không? Vì chị ta chỉ đẻ một đứa con rồi thôi, không sinh đẻ nữa.

Đi gần đến am thần Đá, lúc sắp rẽ vào xóm nhà, cô Bính tự nhiên nói lớn:

– À thím Xâu, tôi còn nợ của thím hai hào phải không?

– Hai hào rưỡi chứ.

– Vâng, tính tiền còn chịu năm bó rau nữa là vừa đúng hai hào rưỡi. Nhưng cho tôi hẹn cuối tháng nhé.

Cô Hoa đứng dừng lại:

– Làm việc làm công gì mà hẹn cuối tháng, đầu tháng. Có sẵn thì chị cho tôi để đong gạo cho mấy cháu. Tôi mấy lúc này không buôn bán được, nên túng lắm.

Chị Bính biết gặp cô Hoa thế nào cô cũng nhắc đến món nợ, nên tưởng nói trước thì hơn. Nhưng thấy cô Hoa đòi nhẹ giọng nên định tìm cách khất:

– Hay tính thế này cho xong chuyện. Tôi trả cho thím một hào, còn hào rưỡi thím cho đến lúc mùa sen sẽ trả.

Cô Hoa biết cậy cũng không ra, nên bằng lòng, đưa tay ra nhận tiền.

– Vâng cũng được. Nhưng chị nhớ khi nào có tiền sớm thì cho trước nhé. À! Chị có cau tươi đó cho xin một miếng.

Chị Bính vừa mở múi khăn lấy gói cau vừa nói:

– Cau độ này đắt như vàng. Một trái hơn hai xu.

Cô Hoa không nói gì, nhận cau xong thì lững thững đi về phía đình làng rồi tạt qua cầu tre.

Trời lúc này đã nhá nhem tối. Hai bên xóm, người ta đã lên đèn từ lâu.

Cô Hoa vừa đi vừa tính chuyện giấu hào bạc không cho chồng biết. Cô định dành dụm ít nhiều để lúc sinh đẻ thì đem ra tiêu dần.

Vừa đi vừa nghĩ loay hoay, đến trước cổng nhà lúc nào khôngbiết.

*

* *

Đêm hôm ấy, trăng sáng vằng vặc. Ngoài đường xóm những hôm tối trời, những đêm mưa gió và lúc tiếng mõ điểm canh hai, thì không thấy một bóng người qua lại. Thế mà, những đêm trăng sáng, người ta lại tấp nập đua nhau đi chơi và nói chuyện vang cả đường. Mấy con chó trong xóm cứ đưa mõm ra đường sủa không ngớt.

Thấy ngủ trong nhà nhiều muỗi và nóng, hai vợ chồng cô Hoa liền hì hục rinh chiếc giường ra đặt giữa sân.

Phía trước cổng cách hàng rào tre thưa lá là cánh đồng mông mênh chạy dài đến chân trời xa thẳm. Phía ấy trăng tuôn xuống thảnh thơi và tràn ngập cả con sông đào đang uốn mình vươn qua đồng lúa rộng.

Anh Lẫm – chồng cô Hoa – thấy người qua lại ngoài đường còn đông, nên chỉ ngồi ghé bên giường chứ chưa chịu nằm. Anh sợ người ngoài đường trông thấy được thì ngượng. Một lát sau, anh nghiêng mình về phía cô Hoa nói sẽ:

– Tôi ra sông tắm một chút đã, mình nghe.

Cô Hoa lồm cồm ngồi dậy một cách mệt nhọc. Cô cũng chưa ngủ được. Tối nay cô định nói với chồng về nơi "nằm bếp", nhưng thấy chồng có vẻ nhọc nên cô do dự. Nhân thấy chồng muốn mở chuyện, nên cô thừa dịp bàn đến chuyện nhà. Sau khi đã ngồi yên, cô ta liền nói:

– Ra tắm sông làm gì cho đỉa cắn. Bên trái sẵn còn lu nước đấy, mình ra đó tắm cũng được.

Anh Lẫm tưởng đi một lát cho ngoài đường vắng người sẽ ngủ, chứ không cần thiết đến việc tắm cho lắm.

Đêm càng khuya, trăng càng sáng, từ phía sau vườn đưa ra mùi hoa bưởi thơm ngào ngạt.

Không biết nghĩ gì, anh Lẫm quay lại hỏi vợ:

– Thằng Hà đẻ tháng mấy nhỉ?

– Mười hai tháng năm. Nhưng mình hỏi làm gì?

Anh Lẫm sau khi rình đánh được con muỗi cắn trên chân, chậm rãi nói:

– Ban trưa gặp ông hộ bảo phải khai sinh cho nó gấp, chẳng không nhà nước phạt nặng lắm.

– Chuyện ấy đã đành.

Rồi đột ngột, cô ta bắt qua chuyện khác:

– À mình, năm nay tôi nằm bếp ở đâu mình nhỉ?

Anh Lẫm quay lại nhìn bụng vợ rồi với giọng lo lắng:

– Còn mấy tháng nữa?

– Chừng non hai tháng.

Ngẫm nghĩ một lát, anh ta nói:

– Mình cố gắng được đến tháng sáu không?

Cô Hoa phì cười:

– Đúng ngày đúng tháng thì con ra. Gắng thế nào được. Và gắng để làm gì?

– Nếu mình đẻ tháng sáu thì tôi sẽ có tiền. Và mình sẽ được ấm no hơn.

– Ấm thì chuyện đã đành phận rồi. Vì tháng năm trời nắng như thiêu như đốt, làm gì mà không ấm. Nhưng hỏi mình có chạy đủ tiền nuôi đàn con thay tôi không? Và cuối tháng sáu tiền đâu mà mình có được?

Anh Lẫm rung đùi ra vẻ đắc ý:

– Phải cuối tháng sáu tây kia. Vì hôm trước ông lý có bảo góp – cứ năm người một đồng – để đánh số Đông Pháp. Và cuối tháng sáu họ xổ số. Biết đâu tôi lại không chia được một phần gia tài trời cho. Và năm nay đi coi năm thầy bảy bà, họ đều bảo tôi sẽ phát tài lớn.

Cô Hoa mỉm cười hoài nghi, nhưng lòng cô cũng muốn nhóm ít nhiều hy vọng. Và thấy chồng nói chuyện may rủi với giọng say sưa, cô cũng không muốn đến gieo sự buồn nản.

Anh Lẫm thấy vợ có vẻ tư lường nên nói tiếp:

– Nếu mình đẻ sớm thì mình qua nhờ mẹ một phen nữa. Tôi trúng số được sẽ mua thuyền qua tận làng đưa mẹ con mình về.

Cô Hoa thở dài yên lặng. Cô biết mẹ cô nghèo, làm lụng luôn tay

mà không đủ nuôi đàn em dại. Và theo tục lệ thì chỉ đẻ con so là về nhà mẹ thôi. Chứ cô sinh đẻ đã mấy lần, cô cũng qua nhờ mẹ cả. Nói nhờ là nhờ công thôi, chứ tiền bạc và cơm nước cô phải tự liệu lấy.

Cô đang ở giữa một cảnh rất thương tình nhưng khó xử. Trước mặt chồng, cô không dám tỏ thật nỗi cơ hàn của mẹ cô. Cô sợ nhà bên chồng khinh, và trước mẹ, cô lại càng tránh nói đến cảnh túng bấn của chồng cô. Cô sợ mẹ cô buồn. Người ta đàng hoàng nói đến cảnh nghèo cho nhau nghe chỉ lúc một trong hai bên được giàu sang, sung túc. Chứ hai đằng đều nghèo, thì kể cái nghèo ra không tiện và thêm tủi.

Và lúc nào qua nhà mẹ để sinh đẻ, cô cũng vin lấy cớ chồng cô khờ khạo, nên phải qua nhờ mẹ trông nom. Và trước chồng, cô lại tỏ mẹ cô hiền đức lắm, lúc nào cũng muốn con gái qua đẻ ở quê nhà để mẹ được sung sướng trông nom con cháu.

Kỳ thật, mẹ cô cũng như chồng cô đều biết cái nghèo của nhau, nhưng cô Hoa vẫn muốn giấu và tưởng như đã giấu kín: vì một lần qua bên quê mẹ đẻ, chẳng may cô đã xây mồ luôn cho con ở bên ấy, thế mà chồng cô cũng không biết. Và biết thế nào được. Đường xa cách sông trở đò, và người buôn bán qua lại thì hiếm. Lúc về nhà báo tin cho chồng biết, anh Lẫm chỉ thở dài buồn một chút, rồi hai vợ chồng lại cắm cúi làm ăn như cũ.

Nghe có tiếng nói giữa sân nhà, cô Lài con gái út ông trùm Lân, đứng dừng lại ngoài đường hỏi lớn:

– Hai vợ chồng anh Xâu to nhỏ nói chuyện gì đấy?

Cô Hoa ngước mắt cười nói với:

– Nói chuyện trai gái, cô Lài ạ.

Cô Lài thẹn đỏ mặt, cúi đầu đi thẳng.

*

*   *

Trời mới sáng tinh sương, cô Hoa đã gói ghém ít nhiều quần áo rách đem về quê mẹ. Anh Lẫm ra vườn cắt hai trái bí ngô, và đào mấy vồng khoai, sắn, sắp đầy trong hai cái rổ lớn. Đoạn hai vợ chồng vội vã đi về phía bến đò làng Thuận.

Con Thìn dậy sớm đòi đi theo mẹ đến bến đò, nhưng anh Lẫm không cho, bảo ở lại ngó nhà và đợi hai em dậy. Nó mếu máo đứng nhìn cô Hoa như để nhờ mẹ xin giúp. Cô Hoa đến thoa đầu nó, rồi dúi vào tay nó một xu, nên nó hí hửng không đòi đi nữa.

Cô Hoa chỉ xách một trách cá mắm và một gói áo quần thong thả đi trước. Còn anh Lẫm gánh khoai sắn và bí ngô đi sau.

Đến bến đò, trời vừa sáng hẳn. Mặt trời lên đã khá cao. Trên mặt sông Viêm đã in từng vầng nắng nhẹ lấp loáng đều theo nhịp gió đưa.

Chị em buôn bán ở làng Hiền Lương thấy vợ chồng cô Hoa đi đến, thì vội vã người chuyên cái này, kẻ chuyên thức khác xuống thuyền. Rồi họ tíu tít vây cô Hoa để nói chuyện không ngớt. Riêng anh Lẫm không ai hỏi cả. Anh thừa dịp dọn lại khoai sắn cho gọn trong mui thuyền.

Đoạn anh đến trước mũi thuyền ra sức đẩy. Lệ thường thì người đi đò phải thân hành ra đẩy lấy. Nhưng lần này, anh muốn giúp một tay nên không gọi ai cả.

Xong rồi, anh lên đứng trên đường cao nhìn xuống thuyền đang từ từ quay mũi. Lúc chiếc thuyền đã theo được dòng sông, họ liền đưa thẳng mái chèo đẩy mạnh.

Cô Hoa nhìn lên chồng có vẻ quyến luyến, nhưng không nói gì.

Anh Lẫm đi theo thuyền độ vài chục bước rồi đứng dừng lại. Anh thờ thẫn nhìn con thuyền trôi xuôi dòng nước.

Như sực nhớ việc gì, lúc thuyền đi qua bên bến Chùa, anh liền hấp tấp chạy theo nói lớn:

– Mình ơi!

Cô Hoa đưa đầu ra khỏi mui nhìn chồng ra ý hỏi. Anh Lẫm vừa thở vừa nói:

– Lúc cúng khẩm tháng cho con, mình nhớ tôi là họ Đỗ, chứ không phải họ Ngô như mình lầm độ nọ đâu nhé.

Cô Hoa gật đầu mỉm cười.

Đến đây, con thuyền từ từ rẽ về dòng sông con làng Thuận Xá. Bóng anh Lẫm đã bị bụi tre lá ngà bên cầu che khuất.

Cô Hoa phần nhớ chồng, phần thương con, liền đưa vạt áo ta lên chấm nước mắt.

Giai phẩm xuân 1943,
Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1943.

MẠNH PHÚ TƯ
(1913 - 1959)

Tên thật là Phạm Văn Thứ, sinh ngày 9 tháng 11 năm 1913. Quê ở Kim Can, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Ông mồ côi cha từ khi còn trong bụng mẹ. Lên sáu tuổi, mẹ tái giá, ông phải sống nhờ họ hàng hai bên nội ngoại. Lớn lên, ông được gửi trọ học ở Hải Phòng, sau lên Hà Nội học trường trung học Thăng Long. Được ít lâu, ông bỏ học, vừa đi dạy tư trong các gia đình, vừa viết văn. Tiểu thuyết *Làm lẽ* (1940), tác phẩm đầu tay của ông, được giải thưởng của Tự lực văn đoàn. Tác phẩm có giá trị hơn cả của Mạnh Phú Tư trong giai đoạn này là *Sống nhờ* (1942), tiểu thuyết có tính chất tự truyện, kể lại một cách trung thực tuổi thơ cay đắng của nhà văn.

Ông tham gia Cách mạng từ tháng 8 năm 1945, làm Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hà, những năm 1945 - 1946, ông viết cho các báo *Tiền phong, Độc lập,* Bút ký *Rãnh cày nổi dậy* (tạp chí *Tiền phong,* 1946) ghi lại không khí sôi nổi của một vùng nông thôn Việt Nam trong những ngày Cách mạng Tháng Tám lịch sử. Kháng chiến chống Pháp, ông làm thư ký tòa soạn báo *Chống giặc ở* Thanh Hóa. Năm 1949, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Ông mất ngày 24 tháng 2 năm 1959 khi đang công tác tại tuần báo *Văn học*.

Mạnh Phú Tư thuộc lớp nhà văn hiện thực phê phán những năm 1940 - 1945. Chế độ kiểm duyệt nghiệt ngã của Pháp và Nhật buộc các nhà văn phải lẩn tránh những đề tài có tính thời sự, chính trị nóng hổi. Như nhiều cây bút hiện thực phê phán đương thời, Mạnh Phú Tư đi vào những quan hệ hẹp trong gia đình, những xung đột có tính bi kịch giữa vợ cả vợ lẽ, cuộc sống của những trẻ mồ côi... Tác phẩm của ông trước cách mạng chứa đựng một nội dung chân thực và thể hiện sự cảm thông sâu sắc của tác giả với những con người bất hạnh, nhất là người phụ nữ, đồng thời lên án gay gắt chế độ đa thê đã thủ tiêu quyền sống và hạnh phúc của họ.

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN CỦA MẠNH PHÚ TƯ:

– *Làm lẽ,* tiểu thuyết. Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1940.

– *Gây dựng,* tiểu thuyết. Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1941.

– *Nhạt tình,* tiểu thuyết. Nhà xuất bản Cộng lực, Hà Nội, 1942

– *Sống nhờ,* tiểu thuyết. Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1942.

– *Một thiếu niên,* tiểu thuyết. Nhà xuất bản Mới, Hà Nội, 1942.

– *Người vợ già,* tập truyện ngắn. Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1942.

LÀM LẼ

(Tiểu thuyết – trích)

Bà Thân, một bà cụ nông dân nghèo, có cô con gái độc nhất tên là Trác. Bà Thân đã thuyết phục con làm lẽ một ông Phán già đã có một vợ tám con, nghĩ rằng "tìm vào chỗ sang trọng đôi chút để được mát mặt, chứ có phải mình ế ẩm gì". Trác là một cô gái mười tám tuổi, thông minh, lanh lợi, được cảm tình của bà con họ mạc xóm làng. Nhưng Trác suy nghĩ cũng đơn giản, tin rằng mẹ đã suy nghĩ giùm mình chán rồi, và mẹ bao giờ cũng muốn cho mình được sung sướng. "Biết bao nhiêu người đi làm lẽ, thì ta làm lẽ cũng chẳng sao".

Nhưng sự đời đã diễn ra hoàn toàn khác. Chồng vì quá sợ vợ cả nên đối với Trác cũng chẳng dám mặn nồng. Thân phận Trác chẳng khác gì một người đầy tớ. Cô bị mợ Phán và các con đánh đập, nhiếc móc, bắt làm việc suốt ngày, hầu hạ khắp mọi người trong nhà và chỉ được ăn cơm thừa canh cặn. Thậm chí đến cả "thằng nhỏ" cũng về hùa với mợ Phán để lăng nhục cô. Đứa con đầu lòng của Trác đau. Bệnh không lấy gì làm nặng. Nhưng vì mợ Phán không chịu cho mời "đốc tờ" nên nó bị chết. Ngay cả với đứa con trai còn lại. Trác cũng không được phép đùa giỡn ôm ấp nó.

Nhưng bỗng cậu Phán ốm nặng hơn một tháng rồi chết. Trác ghê sợ, biết rằng mình và đứa con mồ côi kia chẳng còn hòng nhờ vào ai được nữa. Vợ cả thì tàn ác. Mẹ nàng đã chết. Anh chị thì quá nghèo, nuôi thân không nổi. Rồi đây hai mẹ con sẽ phải bồng bế dắt díu nhau ra đi. Nhưng đi đâu?

Dưới đây, trích một số đoạn:

– Nói về những ngày hạnh phúc của Trác khi còn ở nhà với mẹ.

– Miêu tả thân phận tủi nhục của Trác khi đi làm lẽ.

... Từ hôm bà Tuân thấy mẹ Trác đã gần ưng thuận, bà vẫn sung sướng nghĩ thầm: "Chẳng trước thì sau, rồi cá cũng cắn câu". Bà tự khen bà có tài ăn nói nên mới "cảm hóa được người" một cách nhanh chóng như thế. Bà không phải là tay mối lái để kiếm tiền. Nhà bà có tới ngoài năm chục mẫu ruộng, cần gì bà phải làm cái nghề đó. Người mà bà vẫn hãnh diện gọi bằng mấy tiếng rất thân mật "cậu Phán nhà tôi" chính là con rể bà. Người ấy lấy con bà đã ngoài mười lăm năm, và nay cả trai gái được gần bảy tám đứa. Bà không muốn con gái phải nhọc mệt vì những công việc trong nhà nên bà bàn với con gái lấy vợ hai cho chồng.

– Kiếm lấy một người – bà nói – để về cho nó đỡ đần cơm nước sáng tối và việc vặt trong nhà. Đứa ăn đứa ở tin cậy thế nào được, chỉ thêm nhọc vào thân.

Mợ Phán, một người rất bủn xỉn, chi li, e tốn kém quá, chân thật trả lời:

– Biết về sau này thế nào? Vả lo liệu cho xong, bây giờ cũng mất ngoài trăm đồng.

Bà Tuân ra vẻ đã tính toán kỹ càng:

– Chỉ bốn chục là cùng. Họ làm một bữa xoàng độ một chục, cũng còn được lãi ba chục. Cứ lo đi. Có thiếu đâu, tao cố bù đậy vào cho.

Thấy mẹ ráo riết khuyên răn, mợ Phán cũng ưng thuận. Từ đó, những lúc rỗi rãi, bà Tuân chỉ dò la xem món nào hiền lành, có thể tạm dùng được bà bắn hỏi ngay. Bà chọn lọc người vợ hai cho chàng rể chẳng khác gì bà kén chồng cho bà. Vì bà còn nghĩ về sau. Nếu phải một người đanh đá, một tay sừng sỏ, khôn ngoan, khi về làm lẽ, nó ninh hót lấy được lòng chồng, dần dần át hết quyền thế vợ cả. Lúc đó con bà sẽ khổ sở, không còn đáng kể vào đâu nữa. Bà chỉ cần một người thật hiền lành, gần như nhu nhược, bảo sao nghe vậy không biết cãi lại. Bà nghĩ thầm: "Vớ phải cái hạng voi giày rồi về nhà nó lại xỏ chân lỗ mũi con mình ấy à".

Bà căn dặn hỏi mãi, thấy ai cũng khen Trác là người ngoan ngoãn, bà liền tìm cách đi lại chơi bời với bà Thân. Trước kia có lẽ cả năm bà cũng không tới nhà Trác tới một lần. Sẵn của, không cần nhờ vả ai, nên bà cũng chẳng muốn chơi bời với các bà cùng tuổi trong làng. Bà vẫn tự bảo. "Quen với họ, rồi lại vay mượn chẳng bõ".

Vậy mà có tháng bà đến chơi với bà Thân tới năm, sáu lần. Mục đích của bà chỉ để được xem cách ăn nói, làm lụng, đi đứng của Trác. Và cũng để được xem mặt nàng cho cẩn thận. Mấy lần đầu, bà ít nói, chỉ để mắt nhìn theo Trác từng bước. Mãi tới hơn một tháng sau, Bà Tuân mới ngỏ lời nói "xin" Trác cho "cậu Phán". Lần nào nói đến câu chuyện ấy, bà cũng chỉ có những lời nói ấy, những lý lẽ ấy. Nhưng mỗi lần, bà có một giọng nói, một dáng bộ khác, khiến bà Thân tưởng như mình được nghe một câu chuyện khác hẳn. Vì thấy bà Thân không được giàu, nên bà vẫn không quên chiềng bày những cái lợi về tiền tài. Bà Tuân lại khôn ngoan hơn nữa. Bà nghĩ cần phải làm thân với mẹ Trác, và tin rằng khi đã thân mật rồi thì dù mẹ con bà Thân không ưng thuận chăng nữa cũng phải nể mà nghe theo.

Mẹ Trác thấy bà Tuân nói mấy lần về chuyện đó không nỡ từ chối hẳn, cũng cứ khất lần, bà vẫn bảo đã nói chuyện lại với Trác, nhưng nàng chưa quyết định ra sao. Sự thực, bà chưa hề nói gì với con gái. Chính bà đã phân vân không biết "ngả chiều nào", vì bác Tạc bên hàng xóm cũng ngỏ lời hỏi Trác. Bao giờ bà đã nhất định gả con cho bên nào, bà sẽ khuyên con nên lấy người ấy. Lời bà khuyên con tức là một sự bắt buộc. Bà Thân cũng như nhiều bà mẹ khác ở nhà quê, lúc gả chồng cho con chỉ tìm nơi nào có đủ "bát ăn", không cờ bạc dông dài. Còn xấu, đẹp, ít khi để ý tới. Chẳng bao giờ người con gái có quyền bàn đến việc đó. "Phận làm con, cha mẹ đặt đâu con phải ngồi đấy". Câu đó đã ăn sâu vào trí óc hết tất cả những bà mẹ, nên bà Thân cho việc hỏi ý con là không cần cho lắm. Bà tin rằng, bà tự xếp đặt lấy cho được chu tất là đủ. Tuy bề ngoài có vẻ thờ ơ, nhưng sự thực bao giờ bà cũng để tâm suy xét đến việc đó. Không phải là bà cân nhắc, so sánh ông Phán với bác Xã Tạc. Một ông Phán thì cố nhiên là vẫn hơn, ai chẳng biết, bà chỉ phân vân có một chỗ: vẫn hay là ông Phán giàu có, nhưng rồi người ta có tử tế với mình không, hay lại "cậy phú khinh bần". Lắm lúc bà nghĩ luẩn quẩn cả ngày, chẳng biết quyết định ra sao, bà thốt ra lời: "Giá còn ông ấy thì chẳng phiền đến mình, để ông ấy gây dựng cho chúng nó là xong... Lại còn thằng Khải nữa chứ!". Rồi bà buồn rầu rơm rớm nước mắt, nghĩ đến người chồng đã qua đời. Sau đó, bà nhất quyết để cho Trác đi lấy lẽ; bà như bị những lời bà Tuân huyễn hoặc. Và bà vẫn không quên được cái lợi mà bà này đã giảng giải cho bà rõ. Nào giúp đỡ tiền nong, nào con gái mình lại lấy được một người cao quý. Trong óc bà lại lởn vởn hai câu ví: "Một đêm quân tử nằm kề. Còn hơn

thằng ngốc vỗ về quanh năm". Thường thường, bà nghĩ rằng cái lợi riêng cho mình thì bà không cần lắm, vì bà cũng chẳng còn sống được bao lâu nữa để hưởng cái lợi đó. Hình như bà đã tự quên mình và chỉ nghĩ đến con. Và lòng thương con đã nhiều lần làm bà gây trong óc những cảnh sống êm đềm không nhọc nhằn vất vả của con gái vì được một người chồng giàu có. Bà vui sướng nghĩ thầm: "Rồi cả thằng Khải nữa, cũng nhờ vào đó mà được mát thân chứ".

Chiều hôm ấy, trời đã nhá nhem tối, Khải đi bàn việc họ; còn lại ở nhà hai mẹ con. Trác ngồi sàng gạo nếp dưới nhà ngang. Nàng chít chiếc khăn mỏ quạ và mặc chiếc áo cộc vải trắng mới may. Trông nàng có vẻ xinh xắn dễ coi. Một tay tỳ trên đầu gối, một tay tì gần sát mặt nong, nàng thia lia đưa chiếc sàng; hai cánh tay rất dẻo. Bà Thân ngồi ngay bên nàng nhặt đỗ để ngày mai thổi xôi cúng tuần. Bà rón rén bới tìm những hạt đậu dọn và mọt bỏ vào chiếc bát con. Mỗi lần bà xoa tay trên mẹt đỗ, tiếng rào rào pha với tiếng sàng gạo tựa như tiếng pháo từ đằng xa, lẻ tẻ đưa lại. Bà vừa nhặt những hạt đậu xấu, vừa lẩm bẩm: "Có mấy hạt đỗ mà cứ nhịn để cho mọt đục". Trác nhe hai hàm răng hạt na cười bảo mẹ:

– Hay ngày mai nấu thêm chè nữa cho hết chỗ đỗ ấy đi.

Bà Thân mắng yêu con:

– Tôi không có tiền mua đường, chị ạ.

Tự nhiên bà thấy vui sướng trong lòng, nhìn con tươi xinh trong lòng khuôn khăn thâm, bà như hơi tự kiêu có một cô con gái đã làm bà Tuân mấy lần phải ra vào để nói năng. Bà sực nhớ ra câu chuyện bà muốn nói với Trác. Bà đặt mẹt đỗ sang một bên, thơ thẩn nhìn ra sân như để nhớ lại những lời bà Tuân, rồi gọi con:

– Này, Trác này!

Trác thấy mẹ gọi, ngừng tay nhìn mẹ.

Bà Thân từ từ nói:

– Mẹ định bảo con mấy lần rồi mà cứ quên mãi. Bà Tuân lại chơi có nói xin con về làm lẽ ông Phán bên làng.

Nghe đến đây, bỗng Trác hơi đỏ mặt, ngoảnh đi.

Mẹ nàng vẫn đủng đỉnh:

– Con cũng nên nghe mẹ nhận đi là xong. Làm lẽ cũng có ba bảy đường làm lẽ. Vào những chỗ ấy, mình cũng được nhàn thân. Nhà

người ta không cày cấy, chẳng còn phải thức khuya dậy sớm, dầm sương dãi nắng. Những lúc mẹ có túng bấn dăm bảy đồng, vay giật cũng dễ.

Trác như quên cả việc làm, vẻ suy nghĩ, thỉnh thoảng lại đưa mắt nhìn trộm mẹ. Bà Thân vừa nói, vừa như cố dò xét ý con:

– Ngày sau mình có con, người ta cho ăn học, đi làm việc tây, lúc già nhờ con, như thế lại không sung sướng sao.

Im lặng một lúc lâu, bà lại nói tiếp:

– Muốn tìm vào chỗ sang trọng đôi chút để được mát mặt, chứ có phải mình ế ẩm gì mà làm lẽ. Bác xã Tạc cũng nhờ người mối lái mấy năm bận đấy, nhưng mẹ xem lấy cái món ấy thì cũng suốt đời phải làm vã mồ hôi.

Từ trước đến nay, Trác chưa hề nghĩ đến chồng con. Tuy đã mười chín tuổi, nhưng vì bận lo ăn lo làm, nên chưa bao giờ nàng biết những chuyện trai lơ. Bởi thế nên ít khi nàng ngắm vuốt trang điểm. Những khi đi gánh nước hay đi chơ gặp các bạn khen đẹp và chế giễu sớm đắt chồng, nàng chỉ cười cho vui chuyện. Một đôi khi nàng gặp vài anh trai trẻ trong làng đem lời chòng ghẹo, nàng xấu hổ, không nói gì, cứ thẳng đường đi. Trong lòng lúc đó, nàng cũng thấy xôn xao, rạo rực, nàng cũng nghĩ ngợi, ước mong vẩn vơ, nhưng chỉ trong chốc lát, rồi vì bận công việc hằng ngày, lòng nàng lại trở nên bình tĩnh như không có gì.

Thấy mẹ nói muốn gả chồng, nàng mang máng hiểu rằng đến ngày sắp phải xa mẹ, xa anh. Nhưng nàng cũng không lấy thế làm buồn. Chẳng phải nàng không thương yêu mẹ và anh. Song vì nàng cho đó là một việc tự nhiên, tự nhiên như ngày nào nàng cũng phải thổi cơm, gánh nước, tưới rau, xay lúa... và bao nhiêu con gái trong làng cũng lấy chồng, cũng có con cả. Nghĩ thế nên nàng lại đi làm lẽ, nên nàng cũng không cho việc đi lấy chồng là can hệ lắm. Nhưng vì nàng chưa biết cái cảnh làm lẽ ra sao. Trong làng cũng có nhiều người làm lẽ, nhưng trí óc non nớt của nàng chưa khiến nàng xem xét để hiểu biết cảnh sống của họ ra sao.

Song Trác không suy nghĩ lâu, không hề cố tìm cách để phân biệt cho rõ rệt hai cảnh lấy chồng: làm lẽ và cảnh chồng một vợ một. Thấy đã có nhiều người đi làm lẽ, nàng cũng cho lấy lẽ là một việc rất thường. Trí óc nàng chất phác đến nỗi nàng cho việc gì đã có

người làm thì mình cũng có thể làm theo được, không cần phải do dự, suy nghĩ gì nữa. Nàng nghĩ thầm:

– "Biết bao nhiêu người đi làm lẽ, thì ta làm lẽ cũng chẳng sao".

Cũng như phần đông gái quê, Trác rất liều lĩnh, không chịu suy xét tỉ mỉ sâu sắc đến một điều gì bao giờ. Và mỗi lần xảy ra một việc làm nàng phải nghĩ ngợi, nàng thấy bực tức khổ sở lắm. Bởi thế nên mọi việc nàng chỉ dựa vào những sự đã xảy ra chung quanh để làm khuôn mẫu.

Trác ngỏ ý ưng lời mẹ, bằng lòng lấy lẽ, song nàng vẫn thẹn thùng không dám nói dứt khoát, minh bạch, nàng rụt rè trả lời mẹ:

– Việc ấy tùy mẹ xếp đặt, bên nào hơn thì mẹ nhận.

Bà Thân thấy con không tìm cách chối cãi, hay than phiền điều này điều khác, vui vẻ nhìn con, đầy yêu thương.

Trời đã tối hẳn. Trác đem nong gạo ra sân đón ánh trăng cho dễ sàng, và khỏi phải thắp đèn, đỡ tốn dầu. Bà Thân một tay khum miệng lọ tựa chiếc phễu con, rồi từ từ đổ đỗ vào lọ. Bà lấy chiếc nút cuộn bằng lá chuối khô bọc một lần rơm, đút thật kín miệng lọ rồi thì thào: "Chặt đến thế rồi cũng có mọt được thì chẳng hiểu làm sao". Bà đứng dậy xách lọ đỗ cất đi. Bỗng bà thẫn thờ, vẻ lo ngại hỏi con gái:

– Anh mày mãi không thấy về nhỉ?

– Thì mẹ lo gì, khuya đã có trăng.

Lúc đó bà Thân mới nhớ ra hôm ấy là mười tư và mới hết lo ngại về nỗi Khải sẽ phải lần mò trong tối đêm mới về được đến nhà. Vì thương con – thứ nhất Khải lại là trai – nên mỗi lần thấy Khải đi làm chậm về hay đi chơi lâu lâu, bà vẫn lo lắng, tưởng như đã có chuyện gì không hay xảy ra. Trong lúc chờ đợi, mà thấy con về, bao giờ bà cũng chỉ có một câu nói như để mắng yêu con:

– Gớm, mày làm tao mong sốt cả ruột.

*

* *

... Ngay từ hôm Trác mới về nhà chồng, mợ Phán đã dành riêng cho nàng một gian buồng con ở đầu nhà. Đồ đạc chỉ trơ trọi một

chiếc giường cũ đã lợt màu sơn, và đã nhiều chỗ mọt nát, trải chiếc chiếu hoa rách cạp. Ngắm gian phòng ấy, nàng không lấy gì làm khó chịu, vì dù sao, vẫn còn hơn ở nhà nàng nhiều.

Sáng sớm hôm sau, cũng quen như ở nhà với mẹ, gà vừa gáy nàng đã dậy xếp nồi thổi cơm, nhưng nàng ngạc nhiên thấy thằng nhỏ bảo: "Ở đây không ăn cơm vào buổi sáng. Theo lối tỉnh thiềng, cơm sáng ăn vào buổi trưa, và cơm trưa ăn vào buổi tối".

Nàng thẹn thùng cất nồi đi, rồi không biết làm gì, vào ngồi trong một xó buồng.

Vì lạ nhà, chẳng biết công việc thế nào, nàng cứ thập thò, hết ra lại vào mà chẳng biết làm một việc gì. Nàng lủi thủi dựa lưng vào tường. Bỗng dưng nàng sinh ra nhớ nhà. Những việc quen làm hằng ngày, nay không có nữa. Cái thay đổi ấy làm nàng bỡ ngỡ, rụt rè, coi nhà chồng là một nơi xa lạ vô chừng.

Nàng đang thẫn thờ buồn bực, mợ Phán bước vào. Mợ vừa vấn tóc vừa dụi mắt cho đỡ ngái ngủ, rồi bảo nàng:

– Bây giờ về đây thì phải tập ăn tập nói. Công việc nhà này không như công việc bên ấy. Sáng dậy chỉ có đun siêu nước pha chè, lau bàn ghế, tủ chè, mấy cái sập gụ, rồi quét nhà, rồi quét sân. Trừ những việc ấy, chỉ còn hai bữa cơm, giặt giũ quần áo cho các trẻ. Công việc thực là nhẹ nhõm, chẳng có gì.

Nói đến đấy, mợ Phán gọi thằng nhỏ sai lấy chén nước súc miệng, rồi ngồi hẳn xuống giường, bảo tiếp:

– Mà có bận rộn đã có thằng nhỏ giúp thêm. Lúc nó làm việc nọ, mình làm việc kia. Quyền là quyền ở mình, phải đứng đắn nó mới sợ.

Thằng nhỏ mang chén nước vào, bà sùng sục súc miệng xong, nhổ toẹt trên thềm nhà, uống hết chỗ nước còn lại rồi lại nói:

– Mà phải cần có lễ phép, ăn nói cho nhu mì chín chắn, kẻo có ai vào người ta cười dại mặt. Chẳng ra gì, bây giờ cũng là mợ Phán! Khách khứa toàn là những khách khứa sang trọng cả. Chẳng phải là những người quê mùa cục kịch, khố rách, áo ôm, cần phải cân nhắc lời ăn tiếng nói cho thành thạo dễ nghe.

Mợ Phán cứ trống không như thế dặn dò Trác, chẳng hề gọi nàng rõ ràng bằng tiếng "cô", "em" hay "mày". Song Trác cũng không hề để ý đến điều đó. Nàng chăm chú nghe lời mợ Phán cũng như nàng thường nghe theo lời mẹ ở nhà.

Nàng còn đang lo nghĩ, chẳng biết rồi sẽ phải gọi mợ Phán, cậu Phán bằng tiếng gì, thì mợ Phán đã cao giọng tiếp lời:

– Phải gọi ông ấy bằng "thầy", còn tôi thì gọi bằng "cô". Phải có thứ bậc như thế, trên ra trên, dưới ra dưới mới được. Chịu thương chịu khó làm ăn rồi ông ấy cũng vui lòng thương đến, còn tôi, tôi không phải nham hiểm độc địa gì, cũng như chị em một nhà.

Mợ Phán nói những câu sau đây bằng một giọng nhẹ nhàng, thân mật; và trong tiếng "tôi" mợ dùng để tự xưng mình với Trác như ngụ đầy ý muốn tỏ tình yêu dấu, nên nàng cũng vui trong lòng, mừng thầm được gặp một người vợ cả hiền từ, phúc hậu. Nàng bỗng nhớ lại lời mẹ khuyên bảo hôm nàng sắp sửa về nhà chồng: "Con nên kính nể người ta". Phận mình làm lẽ, chẳng nên tranh quyền "người ta" làm gì. Tý tý ganh tị với "người ta" là mình thiệt. Mình đi lấy chồng cốt có chỗ để nhờ vả về sau, chứ có phải đi "tranh quyền, cướp nước" đâu mà suy bì. Cứ cơm ăn, việc làm cho đến nơi, đến chốn, thế là yên chuyện. Đừng có nay điều này, mai điều khác, "to tiếng" với người ta, rồi người ngoài người ta cười. Mình cũng con nhà tử tế. Điều hơn lẽ thiệt "người ta" bảo thì con cũng nên lắng tai mà nghe".

Những câu đó, nàng nghe mẹ nhắc đi nhắc lại đến mấy mươi lần, và nay như đã thuộc lòng, không quên một lời. Nàng còn nhớ cả bộ dạng, giọng nói yêu thương của mẹ nữa...

Khi đã dặn dò Trác đủ điều, mợ Phán đi ra nhà ngoài. Trong buồng còn lại một mình Trác. Nàng như cố trấn tĩnh để ôn lại thực kỹ càng những lời mợ Phán vừa bảo nàng. Chưa bao giờ nàng thấy hồi hộp lo lắng bằng lúc đó... Nhưng một lúc sau, nàng cũng bớt sợ sệt, rồi đứng dậy dọn dẹp trong nhà. Mỗi khi làm việc gì, nàng lại cố nhớ lại những lời mợ Phán đã dặn.

Ấm nước thằng nhỏ pha rồi; nàng tìm chổi quét hết nhà trên xuống nhà dưới, rồi quét đến sân. Thấy thằng nhỏ đang lau bàn nàng lấy giẻ lau chiếc sập gụ.

Được vài ngày, Trác làm quen với cảnh nhà chồng và quen với mọi việc trong nhà. Việc gì biết thì làm, việc gì chưa biết nàng lại hỏi thầm thằng nhỏ. Vì thế nên nhiều lúc như muốn khoe ta thạo việc, nó bô bô bảo Trác từng tý một. Mợ Phán thấy thế hơi sượng sùng cho Trác, phải mắng nó:

– Người ta làm được đến đâu hay đến đấy, còn đâu mày phải làm, không được dạy khôn thế!

Trác được "cô" bênh vực cũng vui sướng trong lòng. Và bỗng cảnh nhà chồng đã thành như rất mật thiết với nàng. Nàng không còn cảm tưởng đã vào nơi xa lạ. Nàng tưởng như mợ Phán đã thân thiết với nàng từ bao giờ!

Nhiều hôm rỗi rãi quá, chẳng biết làm gì thằng nhỏ đang quét sân, nàng cũng phải mang chiếc chổi quét đầu sân kia, gọi là có việc. Nàng ngượng ngùng mỗi lần rỗi rãi, không có việc gì, cứ phải đứng im một chỗ.

Mỗi ngày hai bữa cơm cho "thầy", "cô", và những đứa trẻ ăn xong, nàng mới được ăn và ăn dưới bếp với thằng nhỏ. Mới đầu, nàng cũng thấy khó chịu, vì nàng chưa hề biết đến cái cảnh phân biệt như thế. Ở nhà nàng, dù có người làm thuê hay đầy tớ chăng nữa, đến bữa bao giờ cũng cùng ăn chung. Giữa chủ nhà và đầy tớ không hề có chia rẽ. Khó chịu nhất cho nàng là mang tiếng là vợ ông chủ mà phải ăn cơm dưới bếp với người ở. Nhưng nàng lại nghĩ:

– Việc, mình còn phải làm chung nữa là...

Rồi nàng quen dần, và đến bữa, nàng cũng ngồi ăn uống rất tự nhiên. Nàng không cho cách sống ấy là khổ, vì ở nhà, nàng còn phải làm lụng vất vả hơn nữa, mà bữa cơm ăn làm gì có đậu kho hay nước riêu cá, tuy những món đó chỉ là của thừa trong bữa cơm nhà trên bưng xuống.

Nàng so sánh cảnh đời ở nhà với cảnh đời làm lẽ. Dù sao, nàng vẫn thấy cảnh làm lẽ như có vẻ dễ chịu hơn. Mỗi lần tự so sánh mình với người vợ cả, nàng cũng hiểu là mình chịu kém cỏi nhiều cái. Nhưng nàng lại nhớ lại lời mẹ, và lại tự an ủi:

– Thì mình là lẽ cơ mà!

Chẳng bao lâu, cái ý nghĩ làm lẽ tức là thua thiệt mọi phần đã khiến nàng không hề nghĩ đến so sánh nữa. Một đôi khi nghĩ đến mẹ, phải bận rộn với bao nhiêu công việc trong nhà vì vắng nàng, Trác động lòng thương, chỉ muốn về. Song nàng biết rằng trước sau thế nào cũng phải có một lần xa mẹ, xa anh, nàng dần dần bắt được thói quen với hết mọi vật, mọi người trong nhà chồng, và chẳng biết từ bao giờ, nàng quên hẳn ngay được nhà nàng, tưởng như nơi mình mới đến ở chính là nhà mình.

Thấy Trác không còn bỡ ngỡ như trước nữa, mợ Phán giao cả cho việc chợ búa. Ngày hai buổi, nàng mang rổ đi với hơn một hào bạc.

Trước mợ Phán còn dặn dò những món phải mua. Dần dần về sau, mợ cứ giao tiền rồi dặn: "Liệu đấy mà mua. Phải tùy cơ ứng biến". Trác cũng chẳng đến nỗi đần độn nên chưa bao giờ tự ý mua thức ăn mà bị cô chê bai. Vả cũng chẳng có gì khó: ngày nọ sang ngày kia, chỉ loanh quanh trong mấy món mà nàng đã thuộc lòng: thịt bò xào, đậu rán, đậu kho, rau luộc, riêu cá, canh cần, trứng rán, thịt quay, giò hoặc chả kho..., mà ở nơi ngoại ô phỏng còn gì hơn nữa! Chỉ có ngần ấy món, cứ liệu thay đổi là vừa lòng cô rồi. Còn các con cô thì thấy mẹ ăn gì, cũng ăn thế, không hạch lạc lôi thôi.

Trác thấy mọi việc đều như dễ dàng, và mọi người đều không đến nỗi ghét bỏ nàng, nên trong lòng nàng không biết bao nhiêu hy vọng. Bỗng nhiên nàng nghĩ đến lúc già, đầu tóc đốm bạc, "chân yếu tay mềm" cũng như mẹ nàng bây giờ. Và nàng tin ngay rằng tới cái tuổi đó, hẳn nàng không phải vất vả như mẹ nàng ngày nay. Lòng thương mẹ rạo rực trong tâm trí nàng, nhưng cũng không cản nổi sự sung sướng nàng đương cảm thấy trước một tương lai êm đềm nhàn hạ.

*

*   *

Trác ngồi xổm, dựa mình vào chiếc sập gụ, tay trái đặt trên mặt sập, tay phải cầm chiếc giẻ lau. Nàng cứ mài đi mài lại một chỗ ấy, chẳng muốn nhích người đi.

Đã ngoài sáu tháng nay, Trác sinh chán nản. Mọi việc trong nhà chồng đối với nàng đều nhỏ nhen vô vị. Nàng không hề muốn trốn tránh sự làm lụng khó nhọc, nhưng phải là những việc nàng xếp đặt ra, mà không có ai câu thúc, bắt bẻ như hồi còn ở nhà. Ở nhà chồng, công việc thực là ít ỏi và nhẹ nhàng; song nàng cảm thấy rằng trong mọi việc làm mình chỉ là người vâng theo, dưới quyền kẻ khác.

Vì thế nên nàng không thấy vui vẻ trong sự làm việc hằng ngày; và cũng vì thế nên mọi việc, dù là việc nặng hay nhẹ, đối với nàng cũng là khó nhọc cả. Một đôi khi nàng lại tưởng như mọi việc trong nhà đều tăng thêm hơn trước. Đó chỉ bởi lẽ nàng không chăm chú cố công làm cho xong xuôi và thường thường vì chán nản, nàng đã để các việc tích trữ lại.

Khi còn ở với mẹ, nàng chưa hề bị xúc động, nên nàng rất lười

suy nghĩ và vì thế mà trí óc nàng không phải bận rộn bao giờ. Mấy tháng nay, nàng đã phải trải bao nhiêu cái đau khổ? Chính những nỗi đau khổ ấy đã khiến nàng luôn luôn nghĩ ngợi, tìm tòi như để hiểu rõ ràng cái khổ của mình hơn, và để tự mình thương lấy mình, giữa những người gần như xa lạ ở nhà chồng.

Điều làm nàng khổ hơn hết là nàng thấy rằng ít lâu nay sự ghen ghét đã nảy nở trong lòng người vợ cả. Bao nhiêu hy vọng nàng có trong óc khi mới bước chân đi làm lẽ nay đã tiêu tan hết. Không bao giờ như buổi sáng nay, nàng cảm thấy rõ rằng nàng chỉ là một đứa ở, một đứa ở không công nữa! Còn tình thương của chồng, thực nàng chưa biết đến, họa chăng một đôi khi nàng cũng được thỏa mãn dục tình, nhưng chỉ thế thôi. Đứa con nàng đương có trong bụng chỉ là cái kết quả của sự ham muốn về xác thịt. Không phải cậu Phán ghét bỏ nàng, nhưng cậu vẫn e dè sợ sệt vợ cả, nên cũng chỉ coi nàng như người đẻ phụ khi nào người vợ cả đã thỏa mãn, không còn thèm muốn. Nhiều lần nàng nghĩ thầm rằng cậu Phán chỉ là người mê hám tìm cái thú mới lạ về xác thịt bên một cô gái trẻ, có sắc đẹp như nàng. Cả cái giá trị của nàng chỉ ở chỗ đó. Và người ta đặt giá cho nàng như người ta đặt giá cho một món ăn có đôi mùi vị, dễ nuốt, khác hẳn những món ăn người ta thường dùng hằng ngày.

Nghĩ đến cách đối đãi của mợ Phán, lòng nàng se lại. Có ngờ đâu một người đã ngọt ngào với nàng như ngày nàng mới về, ngày nay bỗng trở nên tàn ác, tàn ác trong lời ăn tiếng nói cũng như trong mọi việc.

Nhớ lại cái ngày thứ nhất nàng mới về nhà chồng và được mợ Phán dặn dò dạy bảo, nàng lại càng rùng mình về sự thay đổi trong tính nết của mợ. "Tôi không phải là người nham hiểm độc địa. Cũng như chị em một nhà". Những câu đó nàng còn nhớ rõ ràng như khắc trong trí óc. Và nay, sự từng trải đã giúp nàng hiểu rằng đó chỉ là lời nói màu mè, không chân thật. Nàng đã quá nhẹ dạ mà vội tin...

Trước kia mợ còn gọi nàng là "cô bé", rồi dần dần chỉ còn tiếng "bé" suông. Đến nay, mỗi khi cần đến nàng, mợ lại lanh lảnh gọi bằng hai tiếng "con bé". Các con mợ cũng theo mẹ mà sinh độc ác với nàng. Ngày nàng mới về, đứa nào cũng lễ phép một điều thưa chị bé, hai điều thưa chị bé, bây giờ cũng cứ sai bảo nàng bằng hai tiếng "con bé", tựa hồ nàng cũng đi làm lẽ với chúng. Mơ màng nghĩ đến những cách tàn bạo ấy, Trác như đau thắt lòng và chỉ muốn khóc, để được trút hết nỗi khổ.

Nàng vẫn cọ một chỗ đó, bẩn hay sạch, nàng có cần gì, miễn là không mang tiếng "ăn dưng ngồi rồi". Bỗng có tiếng mợ Phán gọi trên nhà, Trác vội vàng "dạ", vứt chiếc khăn lau xuống đất chạy lên:

– Thưa cô bảo gì!

Mợ Phán ở trên giường bước xuống, vừa vấn tóc vừa hậm hực:

– Bảo gì à? Tao đâm vào mặt mày ấy chứ bảo cái gì!

Nàng chưa hiểu gì, mợ Phán đã gí một ngón tay vào hẳn mặt nàng:

– Sáng nay mày ton hót gì với chồng bà?

– Thưa cô...

Trác chưa kịp nói hết câu để phân trần, mợ Phán đã cướp lời:

– Thưa với gửi gì! Bà thì xé xác mày ra.

Nàng thấy mợ Phán cứ mỗi lúc một to tiếng và đầy vẻ hung tợn, nàng chẳng dám nói nửa lời, đứng nép vào một góc để giấu mình. Mợ Phán cứ như thuộc lòng tuôn ra:

– Nhà bà là nhà làm nhà ăn. Không phải là nhà thổ chứa đĩ lậu! Đừng có về nhà bà mà giở cái thói trăng hoa rồi tìm cách quyến rũ chồng bà. Rõ đồ đĩ tàn đĩ tán.

Mợ vỗ hai tay vào mặt Trác:

– Úi chà! Thế mà lúc hỏi còn kiêu kỳ, còn suy nọ, nghĩ kia! Chưa về nhà bà được mấy tháng, cái bụng đã bằng ngay cái mả tổ! Hạng này mà không vớ được chồng bà thì cũng chửa hoang rồi theo trai sớm.

Trác nghe những câu đó, đau lòng, đến như bị cắt. Nàng uất ức quá, không chịu nhịn được, cãi lại:

– Cô nói còn có trời!

– Phải có trời cả đấy! Trời nào chứng cho những quân ton hót rồi cướp chồng bà.

Trác rưng rưng khóc; nàng tức tối như có người bóp cổ làm nàng phải nghẹn ngào. Nàng vội tìm lối ra. Nhưng mợ Phán vội vàng hăm hở túm tóc lôi lại:

– Mày trốn đâu với bà. Bé, sáng nay mày ton hót gì với chồng tao?

Trác rất khó chịu về những tiếng "chồng bà", "chồng tao", những tiếng làm nàng hiểu rõ rằng nàng chỉ là một đứa ở hơn một người vợ. Và đứa con nàng mang trong bụng chỉ là vì ông chủ dâm dục ức hiếp nàng mà có. Cũng vì thế, nên hết mọi cái trong nhà chẳng bao giờ

nàng dám tự kiêu coi như của nàng. Một lần nàng vô ý đánh vỡ chiếc cốc, bị mợ Phán mắng ngay:

– Nay vỡ một chiếc, mai vỡ một chiếc, thì còn gì của nhà bà!

Một câu nói không có vẻ độc ác, cay nghiệt cho lắm, nhưng khiến nàng hiểu rõ nàng chỉ là người xa lạ, không có liên lạc với gia đình nhà chồng. Những ý nghĩ đó dồn dập trong trí nàng. Trác uất ức nấc lên mấy cái liền, không nói ra lời.

Mợ Phán giơ bàn tay mũm mĩm bảo Trác:

– Mày mà không nói, bà tát một cái thì hộc máu mồm.

Nàng sụt sịt giọng một, cố giữ lễ phép:

– Tối hôm qua, "thầy" đưa tôi chiếc áo bảo khâu khuy. Tôi vắt ở mắc áo trong buồng, rồi quên không khâu. Sáng sớm nay, lúc "thầy" vào, tôi bảo "thầy" lấy áo khác mặc, chứ tôi nói gì, ton hót gì!

Mợ Phán nghe Trác nói, lúc thì bĩu môi, lúc thì lườm nguýt, tỏ vẻ không tin. Trác đã nói hết sự thực, nhưng mợ Phán cho là câu chuyện bịa đặt... Giữa lúc Trác nói với cậu Phán, mợ chẳng nghe rõ câu gì, vì lúc đó mợ còn nằm trùm chăn, mãi về sau mợ mới thoáng nghe thấy vài lời... Tuy không phải là những câu tình tự can hệ, nhưng mợ cũng ngờ ngay là có điều gì "với nhau", nên mợ cố bắt nọn:

– Đồ điêu ngoa, mày đừng có lừa dối bà. Bà đã nghe rõ hết cả.

Rồi máu ghen đưa lên, mợ hăng hái nhảy xổ lại tát Trác túi bụi vào mặt mũi. Nàng cố tìm cách chống đỡ, rồi chạy thoát được ra sân. Hình như đã có đường lối rộng rãi để giữ mình, nàng nói to và như nói một mình:

– Nói thế mà không sợ mù mồm.

Không bao giờ nàng nói những câu vô lễ như thế, nhưng bây giờ thì nàng không còn thiết gì, nàng cũng cứ liều, chẳng cần giữ lễ độ nữa. Mợ Phán biết rằng đuổi theo Trác mà đánh thì không tài nào đánh được cho thật đau, đành chịu ngồi trong nhà lên giọng:

– Bà không thèm chấp những quân chỉ nói vụng rồi co cẳng chạy. Liệu hồn, kẻo lại nhừ tử bây giờ.

Những con mợ Phán đã thức dậy. Chúng thấy mẹ chửi mắng Trác, cũng về hùa với mẹ, xúm nhau lại chửi mắng nàng. Đứa nào cũng ra vẻ người lớn: "Cái con bé ấy!..." Đứa thì nguyền rủa bằng những câu thô bỉ, đứa thì bảo nàng ăn nọ ăn kia.

Thường thường nàng không để ý đến những lời chửi bới của những đứa trẻ; nàng biết rằng chúng chỉ bắt chước người mẹ. Những câu chửi như “tiên sư cái con bé”, “mả bố nhà con bé” hoặc những câu khác cũng tương tự như thế. chúng đều học lại của mợ Phán để mắng nàng những lúc chúng không bằng lòng điều gì với nàng. Từ đứa con trai lớn 15, 16 tuổi cho tới đứa bé mới lên ba lên bốn mới bập bẹ biết nói đều học được những câu đó cả. Mợ Phán chỉ cần bảo qua chúng là được ngay, nhưng mợ mặc cho chúng tự do chửi bới. Nàng đã cố làm ngơ không thèm chấp, nhưng nhiều lúc nàng cũng thấy bực tức tủi thân. Đó là không kể người con gái lớn nhất của mợ Phán hiện nay đã lấy chồng. Khi còn cô ta ở nhà, thì mỗi lần có điều gì bất hòa giữa mợ Phán và Trác, mợ kiêu hãnh mắng Trác:

– Tao không thèm đánh mày cho bẩn tay! Tao sai con tao nó phanh thây mày!

Nếu cơn ghét đã lên bội phần, mợ vênh vang hoa tay ra lệnh:

– Cái lớn, mày xé xác nó ra cho tao.

Thế là con gái lớn nhất của mợ nhảy chồm lên mình Trác với một cái gậy lớn. Nàng đành chịu đòn của con mợ Phán cũng như nàng chịu đòn của chính mợ. Nàng không dám tìm cách cự lại, vì chỉ hơi động tay, động chân để tự giữ mình, mợ Phán đã lấy cớ “đánh chết con bà” rồi ra gom sức. Lúc đó thì nàng chỉ còn là một chiếc bia chịu đạn, trốn tránh phía nào cũng bằng thừa.

Từ ngày con gái lớn mợ Phán đi lấy chồng, Trác cũng đỡ được mối lo sợ. Nhưng nàng rùng mình khủng khiếp nghĩ rằng đứa con trai lớn của bà cũng gần đủ sức giúp bà trong công việc hành hạ nàng bằng roi vọt, và rồi dần dần những đứa khác lớn lên mãi, cứ kế tiếp nhau mà giúp mẹ như thế để đánh đập nàng như đứa con gái lớn. Rồi trong óc nàng nảy ra một sự so sánh, so sánh cái sức khỏe của người vợ cả ngày một hao mòn vì già thêm và cái sức cường tráng của lũ con ngày một to lớn. Nếu nàng sẽ có thể lấn át được sức yếu thì nàng sẽ lại bị sức cường tráng đè nén.

Trác lủi thủi vào ngồi trong xó bếp, khóc một mình. Nhưng nàng lại biết ngay rằng có than khóc cũng chẳng ai thương, và nếu cứ ngồi đó lại mang tiếng là thi gan, nàng đành kéo vạt áo lau khô nước mắt, rồi lại lên buồng khách cầm giẻ lau nốt chiếc sập gụ.

Nàng uể oải xoa xoa trên mặt gỗ và nàng buồn rầu nghĩ đến cảnh đời nàng. Nàng cho rằng cũng buồn tẻ, vô vị như cái việc nàng đang làm.

*

*   *

Vừa tới gần cổng, Trác đã thấy trong lòng nao nao vì lo sợ và buồn; cái vui hồn nhiên nàng cảm thấy ở nhà như bị nỗi lo sợ đánh tan, không còn dấu vết. Ghê sợ nhất cho nàng là khi đặt chân trở về nhà chồng, nàng có cảm tưởng như trở lại một nơi tù hãm. Cái cảm giác đó cũng không khác nỗi chán nản mênh mang của một kẻ vì phạm tội đang từ bỏ chốn rộng rãi bên ngoài để tự dẫn mình vào nơi đề lao. Nàng cố hết sức trấn tĩnh để bước qua ngưỡng cổng vào trong sân. Nàng vội vàng lên nhà trên chào mợ Phán:

– Lạy cô ạ!

Nàng cúi gầm mặt không dám nhìn trước sau. Mợ Phán vẻ mặt hậm hực, nói mát:

– Tôi không dám, bà lớn đã về. Mới có ba ngày! Sao bà không du thủy du sơn vài ngày nữa!

Trác mỉm cười một mình, không lấy thế làm khó chịu; vì nàng đã biết trước rằng thế nào cô cũng nói lôi thôi. Nàng mang gói bánh chưng phân phát cho các trẻ. Đứa nào lúc đó cùng ra chiều yêu thương Trác lắm. Một điều: chị bé, hai điều: chị bé.

– Chị bé mua bánh ở đâu!

– Bánh này ngon lắm phải không, chị bé.

Sao hôm nay chị bé mới về?

Chẳng đứa nào có vẻ thù ghét nàng. Giá ngày nào cũng được như thế, hẳn nàng cũng bớt thấy khổ.

Trác thay quần áo rồi dọn dẹp. Vừa bước vào trong bếp, thằng nhỏ như đã muốn trêu tức:

– Gớm, bà bé bảnh chọe mãi rồi không buồn về nữa.

Nàng cố làm ngơ như không nghe tiếng. Nhà và sân đã quét rồi; bàn ghế và sập thằng nhỏ đã lau; còn một chậu quần áo để ở đầu bể nước mưa. Nàng vội đi giặt. Ngồi trên chiếc ghế gỗ con, nàng rải chiếc áo cộc trên bàn giặt, xát xà phòng. Nàng làm những việc đó rất

lơ đễnh, không hề chăm chú. Nàng hiểu rằng từ lúc này, lại bắt đầu những ngày dài dằng dặc, rồi lại những việc nhạt nhẽo: quét nhà, lau bàn, lau sập. Từ trong đáy lòng nảy ra một nỗi buồn sâu sắc khó nói. Cái vui nàng được hưởng ở nhà mẹ chẳng khác một vị thuốc chỉ làm nàng thấy rõ hơn cái khổ ở nhà chồng tựa như sau chén chè đường, ta phải uống cốc nước lã...

Trên bàn giặt, một cái bọt xà phòng phồng to, chiếu bóng nàng. Nàng để ý ngắm nghía thấy hình nàng nhuộm đủ màu, đủ sắc. Nàng tủm tỉm cười với bóng; nhưng chưa nhìn rõ bóng có cười lại không, thì cái bọt đã tan. Cái vui của nàng, nàng có cảm tưởng như không khác gì chiếc bọt đó, chỉ trong phút chốc, rồi lại bao nhiêu cái đau khổ đè nén.

Trác đã hiểu rằng mợ Phán vẫn bực tức về tội nàng về thăm nhà lâu quá, nên định tâm sẽ cố hết sức dọn dẹp cẩn thận hơn hẳn mọi ngày trong vài bữa để mợ Phán đủ thì giờ quên đi.

Nhưng nào có xong. Nàng xát được mấy chiếc quần áo thì hết xà phòng, bèn vào xin mợ Phán. Mợ đưa cho bánh xà phòng, còn càu nhàu dặn thêm một câu:

– Mài vừa vừa chứ!

Trác cầm bánh xà phòng ra sân, ngắm đi ngắm lại rồi nói một mình:

– Hình như xà phòng An Nam!

Mợ Phán trong nhà nhân dịp đó quát tháo cho hả giận:

– Con bé, mày nói cái gì? Mày chửi thầm tao đấy phải không? Tao đưa bánh xà phòng cho mày, tao dặn mày rằng xát vừa vừa chứ mà mày cũng kiếm chuyện với tao à? Con này bây giờ lên nước với bà.

Trác cố ngọt ngào phân giải, nhưng mợ Phán cũng chẳng nghe:

– Mày đi hàng năm, bảy ngày, chơi cho chê cho chán, rồi bây giờ vác mặt về đây, mày còn sinh chuyện với bà?

Trác chẳng nói gì, cúi mặt vò quần áo. Mợ Phán ra tận nơi, cầm đầu, bẻ vặn lên rồi chõ mồm hẳn vào mặt nàng:

– Từ bận sau, mẹ mày ốm, chứ mẹ mày chết, mày cũng phải ở nhà hầu hạ bà, rửa trôn rửa đít cho con bà.

Nàng lấy tay gạt mợ Phán ra, nước mắt giàn giụa. Mợ Phán lại sang sảng vu oan:

– À, con này đánh lại bà phải không?

Rồi mợ dẩy Trác ngã chạm đầu vào bể nước. Sẵn có cái ghế gỗ, mợ cầm lấy đánh mấy cái vào lưng nàng, vừa đánh vừa kêu:

– Dạy mày cho mày mở mắt ra! Dạy mày cho mày mở mắt ra!

Như đã hả cơn giận, mợ vứt cái ghế xuống sân đi vào, còn lải nhải câu:

– Cái quân không có người cầm đầu cứ hỗn xược quen.

Trác mình mẩy đau nhức, chỉ biết khóc, không dám kêu ca. Nàng cũng chẳng nghĩ đến cãi lại và thứ nhất là kháng cự. Đã nhiều lần uất ức quá, nàng cũng đánh bạo tìm cách chống đỡ, và hơn nữa, đánh lại. Nhưng bây giờ, sự từng trải đã cho nàng biết rằng làm như thế chỉ gây cái thù trong lòng mợ Phán. Âu là cố nhịn nhục, họa may có mua được chút lòng thương của mợ. Nàng đứng dậy nhặt chiếc ghế rồi lại giặt, như không có chuyện gì xảy ra. Nàng chỉ áy náy về nỗi mợ Phán đã đả động đến mẹ nàng, một người mẹ hiền từ chưa bao giờ làm điều gì để ai phải oán trách.

Nhưng chưa hết chuyện ấy lại xảy ra chuyện khác: ngay chiều hôm đó dọn cơm, Trác gắp đĩa cá để trên mâm, rồi đi gắp rau. Nàng đã dặn thằng nhỏ lấy bát đậy đĩa cá. Nhưng nó "vâng" rồi không làm. Chẳng may con mèo vào ăn gần hết. Thằng nhỏ muốn che tội, cứ kêu tướng lên:

– Cô bé để mèo ăn hết cá rồi.

Nó lại lên mặt dạy nàng:

– Ai lại cá để không đậy điệm gì cả! Chó treo, mèo đậy chứ!

Trác mắng nó:

– Tao đã dặn mày, mày "vâng" rồi bỏ đó, mày còn kêu gì! Đừng có đổ vạ, chỉ láo quen!

Thằng nhỏ không chịu nhường lời:

– Cô bảo ai láo, cô làm không nên tôi bảo, cô lại còn bảo láo.

Rồi như muốn nịnh hót mợ Phán:

– Tôi nói thật cô biết, tôi ở với mợ không phải ở với cô. Cô có tiền nghìn cũng chẳng mượn tôi được.

Mợ Phán ở trên nhà đi xuống, mắng luôn ngay Trác:

– Cái con đĩ non làm ăn không nên lại còn mắng gì nó. Mày để cá vào mâm thì mày phải đậy ngay lại chứ! Còn kênh kiệu sai ai?

Thằng nhỏ được mợ Phán bênh vực, lại càng nói to, vừa nói vừa xỉa vào mặt nàng:

– Cô ác vừa vừa chứ, cô làm không nên cô còn đổ cho tôi.

Trác cáu kỉnh quá, cầm que củi con đánh thằng nhỏ một cái. Nó chẳng nể nang, cũng cầm thanh củi đánh lại. Mợ Phán không những không mắng gì thằng nhỏ, lại còn như xui nó:

– Cứ đánh chết nó cho tao. Tội vạ tao chịu.

Thế là những đứa trẻ con cũng bắt chước thằng nhỏ, mỗi đứa một thanh củi xúm lại chỉ định đánh Trác.

Mợ Phán cứ để mặc, không hề mắng chúng.

Trác đành chịu bó tay đứng đó mà sụt sịt, không khác gì một đứa bé đi chơi xa nhà bị những đứa khác bắt nạt.

Nàng tủi thân, thấy thằng nhỏ cũng tìm cách lấn át mình mà cô không hề bênh vực. Đã nhiều lần như thế, ít khi thằng nhỏ bị mắng. Càng ngày nàng càng hiểu rõ rằng nàng cũng chỉ là một con ở. Cái cảnh chia việc với thằng nhỏ và ngày hai bữa cơm ăn với nó trong bếp đã làm nó biết rằng nàng không hề có quyền thế gì trong nhà. Thành ra cả nhà cô, các con cô, và thằng nhỏ như vào với nhau một bè, còn trơ trọi mình nàng một bè. Họa chăng có chồng nàng. Nhưng chồng nàng lại nhút nhát quá, chẳng bao giờ dám bênh vực nàng một cách quả quyết trước mặt mọi người. Đã nhiều lần, nàng bị cô mắng oan, chính thầy cũng biết, nhưng thầy chỉ mẩn ngơ như không hiểu gì, hay cũng mắng nàng vài câu để lấy lòng vợ cả.

Còn nỗi khổ của nàng thì có lẽ không bao giờ thầy biết đến. Vì chính những lúc thầy đi vắng, nàng mới bị cô hành hạ. Mà chẳng bao giờ nàng được nói chuyện với thầy để tỏ hết những cái khổ nàng phải chịu. Kể từ ngày về nhà chồng, nàng chưa bao giờ được nói với chồng cho kỳ hết một chuyện gì; chỉ sau một câu, hay nhiều lắm ba, bốn câu, rồi lại đành bỏ dở. Vì bao giờ chuyện trò với chồng cũng phải vụng trộm ở một góc nhà kín, góc vườn hay trong xó bếp.

Một lần chồng đi tiểu tiện qua bếp, bắt gặp nàng đang thái rau dưa, bèn đứng lại để nói chuyện. Chồng nàng bá vai nàng, béo má nàng. Nàng thấy trong người đê mê vì những cảm giác trên da thịt. Nhân dịp đó, nàng cũng muốn nũng nịu cùng chồng, tỏ lòng yêu dấu chồng, rồi nói với chồng một đôi lời. Nhưng nàng chưa kịp hé môi, thì trên nhà có tiếng guốc mợ Phán, thế là chồng nàng vội vàng đứng

dậy đi thẳng. Lại một lần, trời tối, sáng trăng, nàng gặp chồng ở góc vườn. Nàng hỏi xin một đồng bạc để lấy tiền tiêu vặt. Nàng định nhân lúc đó nói cho chồng biết là cô không hề cho một xu nào bao giờ, và phàn nàn để chồng rõ rằng mình cũng có nhiều cái lặt vặt phải dùng đến tiền mà túng bấn quá, không có sẵn. Nhưng bỗng một tràng tiếng ho trong nhà, và đi theo một tiếng "è" thực dài. Thế là chồng nàng chột dạ, vội vàng mở ví lấy đưa cho nàng được hai hào chỉ:

– Tao cũng chỉ còn có thế này trong người.

Rồi lại phải hấp tấp bước ra khỏi vườn như để trốn thoát một của độc.

Lần nào cũng thế cả. Không những không làm cho nàng vui lòng, nhưng lại còn khiến cho mợ Phán có dịp để giày vò nàng.

Từ ngày về nhà chồng, chẳng bao giờ nàng được chồng tự do âu yếm mình đôi chút. Ngay những đêm cậu Phán vào ngủ với nàng, cậu cũng phải vụng trộm, tựa như nàng không phải là một người vợ. Mà những đêm đó thường thường chính là những đêm mợ Phán khó ở, sổ mũi, nhức đầu! Cũng có khi là thời kỳ mợ Phán sắp sửa đến ngày ở cữ...

Lần nào cũng thế, cứ vào quãng một, hai giờ sáng, nghĩa là giữa lúc mợ Phán đã ngủ gần như chết, cậu Phán mới dám rón rén bước một sờ mò đến buồng riêng của Trác... Nàng đang nằm ngủ yên, bỗng thấy cánh tay sờ lên ngực, lên mặt nàng. Nàng thức dậy, nghe có tiếng run run thỏ thẻ bên tai: "Tao". Nàng biết ngay là chồng và cứ để mặc. Vồ vập lấy nàng một lúc lâu cho đến khi đã chán chê về xác thịt, đã mệt lả, chồng nàng nằm lại bên nàng một lúc để lấy sức, rồi khi đã đỡ mệt, lại rón rén đi đất ra ngoài buồng mợ Phán. Lần nào cũng y như vậy! Tựa hồ như nàng là con sen, con đòi được ông chủ thương đến rồi tìm cách len lỏi hãm hiếp để được biết những thú mới về xác thịt. Nàng chỉ được thỏa mãn tình dục trong chốc lát. Không bao giờ nàng được chồng vuốt ve, âu yếm và tỏ tình thương mến bằng những câu nói tình tứ, những điệu bộ dịu dàng đáng yêu!... Cũng vì thế mà thường thường nàng mơ ước được như con chó xồm của cậu Phán. Vì bữa cơm nào nó cũng được cậu săn sóc trộn cơm với trứng hoặc thịt bò xào cho nó ăn, và nó lại còn được cậu tự nhiên vuốt ve yêu dấu, ngay trước mặt mợ Phán.

Những khi thấy chồng và người vợ cả chuyện trò bàn bạc và đường hoàng vui cười với nhau trên chiếc sập gụ, lòng nàng se lại vì quá muốn chút tình yêu. Nàng nghĩ ngay đến vợ chồng Khải, vì nàng

biết rằng vợ chồng anh không giàu, nhưng cũng có thể chuyện trò vui vẻ tự nhiên như cậu Phán và mợ Phán được. Chồng một vợ một thì còn ai cấm đoán ai? Bỗng dưng nàng nghĩ đến Tạc. Và nàng tin rằng nếu chẳng đem thân đi làm lẽ mà lấy Tạc, nàng cũng đã được biết cái sung sướng giữa cảnh vợ chồng yêu thương. Nàng nghẹn ngào thở dài, một hơi thở đầy mơ ước, căm hờn, chán nản.

*

* *

... Tấm áo quan đã hạ xuống huyệt. Mấy người phu xúm nhau lại đổ đất. Mợ Phán khóc lóc thảm thiết. Mợ lăn mình trên miệng lỗ và chỉ muốn nhảy theo tấm áo quan. Bà Tuân, hai tay ôm ngang người cố giữ mợ lại; nhiều khi yếu sức quá, bà cũng như muốn ngã.

Trác ngồi gần đấy cũng lên tiếng khóc. Nàng khóc không có vẻ gì buồn chán, đau thương. Nàng cũng lấy làm lạ rằng trước cái chết của người chồng mà nàng vẫn thấy lòng lãnh đạm, thờ ơ. Ngoài sáu năm làm lẽ, chồng đối với nàng tựa như một người khách xa lạ, không có chút liên lạc cảm tình gì hết. Nàng cũng thừa hiểu rằng lỗi không phải ở chồng nàng, chỉ do hoàn cảnh xui nên và một phần lớn là tại mợ Phán. Nhưng đó không phải là một lý để khiến nàng đem lòng thương nhớ người chồng đã qua đời.

Đưa chồng từ nhà ra huyệt, nàng vẫn sụt sùi khóc, nhưng nàng khóc cũng chỉ để tránh lời chê bai hơn là vì thương nhớ. Có ai thương nhớ một người không có cảm tình với mình! Mà ngoài sáu nặm, chẳng bao giờ nàng được âu yếm cùng chồng.

Bây giờ Trác đã kém vẻ đẹp. Chẳng phải là nàng buồn bực bởi nỗi người chồng không còn nữa. Hơn một tháng, chồng ốm, đêm nào nàng cũng phải thức đến hai, ba giờ sáng để dọn dẹp và sắc thuốc. Ngay khi chồng nàng nằm trên giường bệnh, mợ Phán cũng cố tìm hết cách để nàng không được gần gũi. Bao giờ bưng bát thuốc, nàng cũng chỉ được đi tới cửa buồng. Những lúc nàng muốn hỏi thăm chồng để xem bệnh trạng, mợ Phán cũng ngăn cấm. Nàng đành phải hỏi dò mợ. Lần nào mợ cũng trả lời cộc lốc “đỡ” hay là “lại nặng thêm”, cho đến ngày chồng nàng nhắm mắt. Lúc đó mợ Phán ngồi trong nhà, nhìn thấy Trác đang cặm cụi ngoài sân, khóc nấc lên và kêu bằng một giọng thảm thiết như van lơn:

– Bé ơi, thầy chết rồi!

Trác, nước mắt giàn giụa, òa lên khóc. Nàng không phải vì nhớ tiếc chồng, nhưng vì cảm động. Lần thứ nhất nàng có cảm tưởng là mình cũng là kẻ có quyền chia sẻ nỗi buồn trong nhà với mợ Phán. Và hẳn mợ Phán cũng nghĩ thế nên mợ mới thốt ra lúc nhìn thấy nàng.

– Bé ơi, thầy chết rồi!

Một câu nói tận đáy lòng mợ Phán thốt ra. Hình như trước cái chết của người chồng, mợ đã vụt hiểu, mọi cái độc ác của mợ đều là nhỏ nhen. Và người đáng thương, đáng trọng có lẽ là Trác đã chịu nổi được những cái độc ác của mợ.

– Bé ơi, thầy chết rồi!

Một câu, có lẽ mợ Phán kêu lên để ăn năn, chuộc tội mợ đã phạm với Trác. Vụt một chốc, nàng quên hết cả những nỗi khổ nàng đã phải cam chịu bên người vợ cả. Nhưng vài giọt nước mắt chưa rơi hết, thì nỗi xúc động trong lòng nàng đã không còn nữa...

Trác dắt đứa con mặc áo sổ gấu, đội khăn chuối đi bên mình. Nhìn quanh cánh đồng rộng mênh mông, tự nhiên nàng nhận thấy mình trơ trọi quá. Nàng ghê sợ khi nghĩ rằng nàng mới hăm nhăm tuổi và hãy còn trẻ. Nàng rùng mình nghĩ đến cảnh đời nàng sẽ phải sống từ nay cho đến già, đến lúc chết như chồng nàng ngày hôm nay. Nàng nắm chặt lấy tay đứa con như để mượn của nó chút sinh khí để chống lại với cái ghê sợ nàng cảm thấy.

Rồi nàng coi đứa con đang lẹt đẹt bên mình như cái trụ để nàng tựa. Nhưng khi nghĩ rằng nó còn cần phải có nàng nâng đỡ hơn nhiều thì nàng thất vọng, không khác một người ốm đi tìm thầy, gặp thầy nhưng thầy không có thuốc. Bỗng nhiên nàng vơ vẩn nghĩ đến Tạc. Rồi nàng tưởng như mình vừa đoạn tuyệt với người tình nhân bội bạc đã ngon ngọt dỗ dành mình, để trở lại với người chồng chính thức. Lòng thương Tạc lại làm nàng rộn rực băn khoăn. Nhưng phút chốc nàng lại như tự kết án vì đã nghĩ đến Tạc, trong khi chồng mới chôn xong. Nàng cố xua đuổi để đầu óc khỏi bận vì những ý nghĩ mà nàng cho là bất chính. Nàng đủng đỉnh dắt con về gần tới nhà lúc nào không biết. Nàng tưởng như bây giờ không cò dan díu gì đến cái nhà ấy nữa. Và nàng chắc rằng còn ở lại đó, đời nàng hẳn cũng chẳng sướng gì hơn xưa, mà lại có phần đau khổ hơn xưa.

Nhiều người lấy vợ lẽ cho chồng là vì không có con trai để nối

dõi. Nhưng người vợ lẽ ở cảnh đó mà may mắn có chút con trai còn được chồng chiều chuộng đôi chút, và vợ cả cũng không khinh rẻ lắm. Nhưng Trác đi làm lẽ chỉ để thay chân một con sen, một đứa ở làm các việc vặt trong nhà. Bởi thế nên thằng Quý đối với mợ Phán cũng không có nghĩa gì, vì mợ đã thừa trai thừa gái. Trác hiểu rằng đứa con trai của nàng không thể là một cái dây ràng buộc được nàng với mọi người trong gia đình nhà chồng. Vì thằng Quý không phải là đứa trẻ mà mợ Phán cần đến. Có nó hay không, mợ Phán chẳng hề quan tâm.

Trác nghĩ đến cái cảnh ăn gửi nằm nhờ trong những năm, những ngày còn lại, nàng rùng mình. Bỗng nàng có ý định xong công việc ma chay, sẽ dắt con đi.

– Nhưng đi đâu?

Nàng ghê sợ, biết rằng nàng và đứa con không bố kia chẳng còn hòng nhờ vào ai được nữa. Mẹ nàng thì đã chết, còn anh nàng cũng nghèo túng, có ra công làm lụng cũng chỉ tạm đủ ăn. Trác cảm động, hai mắt đầy lệ, ôm chặt con vào lòng và khẽ nói:

– Rõ khổ cho con tôi!

Chẳng hiểu đó là câu nàng thành thực nói ra để tỏ lòng thương con, hay chỉ là câu nói mượn, nàng thốt ra để mô tả chính cái cảnh đau thương của nàng.

Làm lẽ, tiểu thuyết,
Nhà xuất bản Đời nay, Hà Nội, 1940.

SỐNG NHỜ

(Tiểu thuyết – trích)

Đúng như tên truyện, tác phẩm miêu tả kiếp "sống nhờ" đau thương của một em bé tên là Dần. Khi Dần được sinh ra thì bố đã chết. Lên sáu tuổi, mẹ đi lấy chồng khác. Suốt cả quãng đời niên thiếu, tuy có được sự đùm bọc che chở của bà nội và người cô, nhưng Dần luôn thiếu thốn tình cảm. Dần ở với bà nội và các chú thím. Bà nội có chia cho Dần vài mẫu ruộng gửi các chú làm hộ, thu hoa lợi cho Dần, nhưng các chú thím vẫn xem Dần là một kẻ sống nhờ và bắt làm lụng vất vả. Đôi khi Dần còn bị xỉ mắng, đánh đập.

Dần bỏ nhà bà nội sang ở với bà ngoại và các cậu, dì. Nhưng ở đây, Dần cũng không được đối xử tốt gì hơn. Khi đã lớn, Dần được đi học. Cả bà nội và bà ngoại đã tằn tiện nuôi Dần đi học, mong sau này Dần đỗ làm thầy ký, thầy phán, có chút ngôi thứ trong làng cho gia đình đỡ bị lép vế. Mới đầu Dần học ít chơi nhiều, đua đòi lêu lổng. Nhưng khi hiểu được tấm lòng của các bà, kỳ vọng của các bà ở mình, Dần bắt đầu tu tỉnh, quyết tâm học hành mong thi đỗ kiếm được một nghề nuôi thân và nuôi hai bà.

Nhưng Dần mới học xong năm thứ nhất bậc thành chung thì cả hai gia đình đều sa sút, không đủ tiền nuôi Dần ăn học nữa. Bà nội Dần đã phải ra bán nước ở gốc đa đầu làng. Dần cảm thấy cuộc đời mình bơ vơ từ đây.

Đoạn dưới đây trích những chương miêu tả nỗi khổ của Dần trong những ngày sống nhờ đau thương.

... Bà tôi là con gái một gia đình cũng tạm đủ ăn. Lấy chồng từ năm gần hai mươi, bà tôi đã ra công làm lụng, tằn tiện để xây dựng cho gia đình nhà chồng. Ông nội tôi cũng không phải là nhà giàu có. Hai ông bà tôi lấy nhau chỉ sống về hoa lợi già một mẫu ruộng và hơn một sào cau. Hai vợ chồng cần cù làm lụng, sau mấy năm đã tậu thêm được chừng non một mẫu nữa. Bà tôi mua được cho ông tôi chức Lý tại.

Đối với dân làng, vậy là ông tôi cũng đã là hạng đàn anh. Nhưng ông tôi vẫn chăm chỉ cày cuốc, làm đủ mọi việc. Cứ mỗi lần thấy ông tôi ở đồng về, quần áo lấm, mặt mũi đầy đất bùn, bà tôi lại tỏ ý ái ngại:

– Lý với Khán như ông thật rõ chán. Lý người ta thì chân giày, chân dép, Lý nhà ông thì đầu tắt mặt tối cả ngày!

Ông tôi chỉ cười:

– Chà... o... o... o ồi! Ông gì bà gì thì cũng phải làm mới có ăn. Hết thóc hết gạo thì Lý cũng chẳng bằng cái thằng bạch đinh mà gạo đầy nồi, mắm đầy chum.

Ông tôi ít khi đi đây đi đó, hoặc chơi bời nhà nọ nhà kia, chỉ quanh quẩn ở nhà suốt năm. Bà tôi kể lại rằng may được một chiếc quần chúc bâu mới, một chiếc áo the và sắm được đôi giày da láng, ông tôi cũng tằn tiện không chịu dùng, chỉ gấp để dành ở một góc hòm. Mỗi lần đi đâu lại quần cuộn tròn cắp nách, giày cắp nách, áo the vắt vai. Vào nhà ai thì tới cổng người ta mới xỏ giày, mặc áo, mặc quần trắng ra ngoài quần nâu. Lúc ở nhà người ta ra là vội vàng tụt quần ngoài gấp lại cắp nách, giày cầm tay, áo the lại cởi khoác vai. Suốt cả một đời cho tới năm ngót sáu mươi tuổi, ông tôi chết đi, bà tôi tính ra ông tôi chỉ phải may có ba hay bốn chiếc quần chúc bâu, chưa mặc rách chiếc áo the và chưa đi hỏng một đôi giày.

Nhờ có sự tằn tiện đó mà khi chết đi, ông tôi đã có một ít vườn ruộng để lại.

Bà tôi sinh được bốn trai, ba gái. Thầy tôi và bác tôi là hai con sinh đôi. Trong hai người, cha tôi đẻ ra sau là em. Điều này đã gây ra nhiều chuyện không hay giữa người anh con bác tôi với tôi, bởi sự phân chia trên dưới. Chúng tôi ai cũng muốn làm anh. Chúng tôi lại xấp xỉ tuổi nhau. Người con ông bác chỉ hơn tôi có mấy tháng. Những lúc gọi nhau, chúng tôi chỉ xưng tao, mày. Tôi còn nhớ trong một cuộc nô nghịch, nhảy thi nhau qua một cái rãnh con, hai đứa chúng tôi cứ tranh nhau nhảy trước...

– Thằng nào là anh thì nhảy trước...

– Tao là anh!

– Tao là anh!

Cứ cãi vã nhau như vậy, rồi chúng tôi định đánh đấm nhau. Tôi vội vàng tìm một hòn gạch, anh tôi vác một tảng đất. Trong khi tôi còn đang loay hoay với hòn gạch quá nặng, anh tôi đã rình nhảy qua cái rãnh. Tôi tức uất, vội chạy theo và đẩy mạnh người anh. Anh tôi ngã xuống rãnh. Giữa lúc anh tôi lục đục giữa lòng rãnh đầy bùn, tôi chạy trốn. Đó là một việc tôi còn nhớ rõ hơn cả. Trừ việc này, còn xảy ra nhiều chuyện rắc rối khác. Cãi chửi nhau là một việc hằng ngày của hai chúng tôi. Bà tôi luôn luôn buồn phiền về điều này. Cứ mỗi khi hai chúng tôi xô xát nhau, bà tôi chỉ sụt sịt khóc:

– Cháu với chắt, rõ khổ. Sao cái thằng Dần ranh con nó không chết đi với bố nó hay nó theo mẹ nó có rảnh mắt không.

Cái bướng bỉnh của tôi vẫn làm bà tôi cáu kỉnh luôn. Cứ mỗi khi bà tôi mắng tôi, bao giờ bà tôi cũng đệm câu:

– Rõ cái quân không bố, cái đồ mẹ bỏ đi lấy chồng có khác. Cái đồ bướng như tướng giặc.

Dưới bác tôi và thầy tôi, tôi còn hai người chú và ba người cô.

Tôi không còn nhớ người bác tôi thế nào. Bác tôi chết năm tôi lên ba tuổi, để lại một người con trai. Tôi không có một chút kỷ niệm vui hay buồn về người bác đó. Lúc bác tôi đã qua đời, người vợ xin ăn riêng. Bà tôi nhận lời. Hai cô tôi đi lấy chồng rất sớm. Cô thứ hai, bà tôi gả cho một người tận cuối làng. Bà tôi cho thế là xa lắm rồi. Người cô thứ nhất, bà tôi đổi cho một gia đình khác gần ngay bên nhà để lấy mẹ tôi về.

Cái lối đổi con lấy dâu như thế thường có ở mấy làng vùng tôi. Khi hai bên có con gái đã lớn và lại đều là hai gia đình cùng ngang hàng thì đôi bên đổi con gái cho nhau. Điều thứ nhất để tránh sự phí tổn về tiền nộp cưới. Điều thứ hai cốt để gây sự liên lạc chặt chẽ của đôi bên dâu gia và cũng để tránh cảnh nàng dâu mẹ chồng. Nếu người này hành hạ nàng dâu, người kia cũng dễ có điều kiện trả thù lại.

Nhưng khi hai gia đình đã gắn bó với nhau và cái tin này đã lan ra khắp làng, mọi người đều bàn tán rằng sẽ có một gia đình chịu nhiều sự không hay và một gia đình sẽ được đoàn tụ. Bà tôi thành hối hận. Đi đâu bà tôi cũng than vãn về điều đó. Bà tôi lo lắng đến nỗi tuy chưa cưới nàng dâu về mà đã luôn luôn đi lễ bái khắp mọi đền chùa ở những nơi lân cận. Cứ thấy ai nói chỗ nào có thờ cúng linh thiêng, bà tôi lại tắm táp sạch sẽ, rồi mua vàng hương đi đến tận nơi cầu nguyện. Mãi đến lúc xem một ông thầy bói trong làng bảo thầy mẹ tôi lấy nhau sẽ có nhiều cái may mắn, bà tôi mới yên lòng.

Còn người cô thứ ba tôi thì chết vào năm mười sáu, mười bảy tuổi.

Khi cha tôi đã qua đời, mẹ tôi để tôi ở lại với bà, đi lấy chồng lần thứ hai nữa. Gia đình bà tôi gồm có gia đình hai chú tôi, bà tôi, người cô thứ ba và tôi ăn chung ở đụng với nhau.

Hai chú tôi đều muốn ra ở riêng cả; nhưng bà tôi không ưng thế, cho rằng có sum họp làm ăn mới chóng "khấm khớ".

Cứ mỗi khi có ai ngỏ ý ra ở riêng, bà tôi lại mắng át ngay:

– Sao mà cái quân nó ngu thế! Chưa vỡ bụng cứt đã đòi bay bổng. Đến ngay gom công gom của mà làm ăn với nhau còn chả thấy đâu nữa là chia rẽ nhau ra. Chồng một vợ một cứ dài lưng ra mà ăn, bà cho rồi lại có ngày không có cả đến cái bát mẻ mà gặm ấy sao!

– Sà ôi! Bà thì chỉ khéo lo toan không đâu. Rồi có sống được mãi mà lo với liệu không. Trời sinh voi, sinh cỏ. Ở đời này kiến giả nhất phận, đã biết thế nào mà cứ ngăn ngừa mãi.

– Thôi, thôi! Đừng mẽ tự! Nói thì ai cũng thánh thần cả. Những cứ bước ra khỏi cái nhà này, bà cho cứ liệu là đi cướp cháo lá đa cả lũ.

Những chuyện cãi lộn như thế giữa bà tôi và hai người con hình như ngày nào cũng xảy ra. Các chú tôi bao giờ cũng có những lý lẽ tương tự như trên đây, và bà tôi đối với con nào cũng chỉ có những câu trả lời đó đã thuộc lòng. Không bao giờ thay đổi. Hai chú tôi vẫn đành phải đoàn tụ với nhau. Có lẽ họ gượng sống. Và trong cảnh ấy, bà tôi và tôi là những người gần như thừa. Bà tôi thì đã già, tôi còn bé bỏng quá, không giúp ích được cho ai việc gì. Bà tôi vẫn nghĩ rằng cái số hiếm hoi – vẻn vẹn hai mụn con trai – (chính lời bà tôi) thì phải sống chung như thế mới có thể lâu bền được. Chẳng hiểu tại sao bà tôi lại cứ nơm nớp sợ rằng nếu xa nhau thì có thể bác tôi sẽ bắt dần đi hết. Ý nghĩ ấy đã khiến bà tôi cứ nhất quyết bắt gia đình hai chú tôi cứ phải chung sống với nhau. Cái cảnh sum họp đó thực không hay gì. Ai cũng muốn cầu lợi riêng về mình cả nên có sự cãi lộn nhau luôn. Hai chị em dâu chửi bới nhau. Hai anh em can thiệp. Người nào bênh vợ người ấy. Ăn chung, làm chung, nhưng họ vẫn là thù địch của nhau. Thứ nhất hai thím tôi, ganh tỵ nhau từng tí, chẳng bao giờ có sự nhường nhịn lẫn nhau.

Người thím trên là con một ông tiên chỉ trong làng. Ông Tiên này một hôm có đám khao trong làng mời, chờ mãi con về xé cau không được, ông ta bèn tự trèo lấy. Trèo ngay một cây cau cao quá. Tới nửa chừng, ông bị mệt ngã xuống gốc cây chết ngay.

Người thím hai là con một ông Xã. Hai người không bao giờ quên xoi mói gốc tích của nhau.

– Cha tiên nhân nhà nó chứ, con bố nhiêu bố xã lại cứ vênh váo lên mặt. Bố nó ra đình còn phải hầu hạ bố bà chồn chân mỏi gối.

– Chửi ai, người ta thì đâm vào mặt! Con ông gì bà gì thì ấm vào

thân, chứ ai người ta đã thèm nhờ! Úi chào ôi! Sao mà rõ khéo! Lúc *nào cũng ra phết ta đây lắm! Ai người ta sợ cái thứ ấy. Cái hạng nằm chết gốc cây còn hay ho nỗi gì mà cứ khoe khoang!*

– Thôi đừng há họng ra nữa! Người ta không thèm nói với cái hạng người ấy đâu. Đừng có nỏ mồm. Người ta cứ trát tro đầy mặt.

Thấy cái cảnh bất hòa của đôi con dâu như vậy, bà tôi chỉ thở dài.

– Rõ khổ, người ta có mười thì tốt mà mình có một thì xấu.

Rồi bà tôi như nói kháy hai con trai:

– Đấy, tôi nuôi các ông, các bà đã khôn lớn cả rồi đấy. Gái gả chồng, trai lấy vợ. Bây giờ thì các ông phải dạy lấy các "bà chúa" của các ông chứ! Tôi già tôi chết, sống được bao lâu nữa mà ngày nào các bà ấy cũng om sòm rác tai.

Hai chú tôi lại to tiếng hơn:

– Thì ai bảo bà kén những cái hạng dâu ấy, rồi bây giờ bà lại đay nghiến. Vợ với con, tôi có thiết đâu!

– Vợ gì! Những cái nợ đời cả đấy!

Hai thím tôi lại im tiếng. Cũng có lúc người thím hai đay nghiến chồng một hai câu. Nhưng thím lớn không hề hé răng. Chỉ hay chửi lúc chồng vắng nhà. Tức bực điều gì, cũng chờ cho chồng đi khỏi nhà rồi mới chửi rủa. Cứ được vài lời, lại châm vào cái câu dưới đây: "Về đây rồi nhục nhã với tôi chứ đừng... đừng..."

Chứ đừng làm sao, không bao giờ tôi thấy thím tôi nói dứt. Nhưng khi chú tôi trở về nhà, thím tôi im thin thít không nói nửa lời. Bà tôi rất ghét cái tính ấy vẫn mắng luôn:

– Chỉ được cái nỏ mồm lúc người ta vắng nhà!

Nhưng hai thím tôi im lời thì lại hai chú tôi lớn tiếng. Người chú cả:

– Cứ chia cửa chia nhà ra, rồi ai làm người ấy ăn. Chẳng việc gì mà cứ phải chung đụng mãi.

Bà tôi cố lấy sức quát:

– Vợ dại thì phải dạy chứ. Bảo chúng mày, chúng mày lại đòi chia cửa chia nhà. Rõ những quân vô phúc.

Thế rồi bà tôi lại ngồi tựa lưng ngưỡng cửa sụt sịt khóc. Cả ngày tôi chỉ lững thững theo sau bà tôi, theo từng bước, từ nhà trên xuống

nhà dưới, từ sân ra vườn. Những lúc bà tôi phải buồn bực như thế, tôi chỉ biết ôm bà tôi hay ngồi sát bên người, không dám hỏi han nói năng điều gì.

Mà lần nào cũng vậy. Hễ buồn rầu mà đến phát khóc, bà tôi lại tỉ tê:

– Khổ cái thân mẹ, con ơi là con ơi. Trời không bắt tội con chết đi thì mẹ cũng chẳng đến đận này.

Một người chú tôi mắng lại ngay, át cả tiếng khóc của bà tôi:

– Bà khóc con bà thì ra mồ ra mả mà khóc. Con với cháu! Còn chúng tôi đây là chó khô mèo lạc cả đấy.

Nghe những lời đó của người chú, tôi thấy thương bà tôi hơn là tức tối trong lòng, nhưng tôi cũng chỉ biết ngồi đờ người, chẳng dám nói lên một tiếng gì. Bà tôi lại ôm chặt lấy tôi và ghé sát vào tai tôi như nói riêng với tôi:

– Bố mày nó có thế đâu. Bảo sao nghe vậy, chứ lại cứ như cái hạng chú mày thì bà đã chết tự bao giờ rồi, sống làm sao được đến bây giờ.

Bà tôi thở dài, giọng đượm nước mắt:

– Thực là hòn vàng thì mất, hòn đất thì còn. Cái đứa khấm khớ một tí trời chẳng cho sống. Chỉ còn rặt những cái hạng hùm tinh đỏ mỏ, ngày nào cũng xô xát nhau về ăn chung với ở riêng.

Lại tiếng một người chú:

– Phải, hùm tinh đỏ mỏ cả đấy.

Chú tôi xua tay bảo hai bà cháu:

– Thôi đưa nhau đi đâu thì đi.

– Anh không cần phải đuổi.

Rồi bà tôi đứng hẳn dậy, hét lên:

– Tao có ăn ở đây tao cũng phải khó nhọc, làm vã mồ hôi, chứ tưởng tao ăn không đấy hẳn.

Bà tôi đưa tay dắt tôi cùng đứng dậy.

– Còn cái thằng cháu côi đây. Chẳng qua cái số kiếp nó thế. Chứ có dễ nó mong cho bố nó chết đi để ăn nhờ vào những cái hạng ấy à!

Bà tôi ôm sát tôi vào bên cạnh sườn, cài lại cho tôi chiếc cúc áo rồi từ tốn nói với tôi:

– Còn bà đây, chứ bà mà chết đi, người ta đến đuổi cháu ra đứng đường mất cháu ạ. Nghĩ mà khổ cho cháu tôi.

Bà tôi vừa nói dứt câu, tôi òa lên khóc. Tôi ôm lấy ngang thắt lưng bà tôi và mếu máo:

– Bà ơi, bà...

Hình như tôi còn muốn nói điều gì nữa, nhưng tôi chỉ thốt ra được bấy nhiêu tiếng. Rồi cả hai bà cháu cứ ôm lấy nhau mà khóc. Tới khi tôi đã nín hẳn, bà tôi vẫn chưa ngừng khóc. Cái vạt áo nâu dài của bà tôi ướt đẫm nước mắt.

*

* *

Mẹ tôi nuôi tôi tới năm lên sáu, bỏ tôi lại rồi đi lấy chồng. Năm đó mẹ tôi mới chừng hai mươi ba tuổi. Cha tôi và mẹ tôi khi mới lấy nhau hãy còn như hai đứa trẻ: chồng mười bảy, vợ mười lăm. Những cặp vợ chồng trẻ như thế hiện nay ở vùng tôi cũng hãy còn có rất nhiều. Thường thường gia đình nào cũng vậy, chỉ mong cưới được nàng dâu về để cho trong nhà được thêm đông đúc và có người giúp đỡ các công việc. Bà tôi cũng có cái ý nghĩ đó, nên đều lấy vợ sớm cho các con. Vả lại, nuôi con mà chưa gây dựng cho trai có vợ, gái có chồng thì vẫn chưa là đủ, bởi thế, khi thấy người đã bắt đầu già yếu, bà tôi chỉ nghĩ tới sự kiếm đủ vợ cho các con.

Người mẹ tôi sa vào cảnh góa bụa là ngày bà tôi bắt đầu hắt hủi mẹ tôi. Hình như bà tôi hiểu rằng một người đàn bà góa chồng vào cái tuổi mười bảy, mười tám thì khó lòng ở vậy được. Lòng hắt hủi đã khiến bà tôi coi mẹ tôi như một người ngoài và còn chỉ nghĩ tới tôi, giọt máu đầu tiên và cũng là giọt máu cuối cùng của người con trai mà bà tôi thường khen là khấm khớ. Cả đến các chú, các thím tôi cũng tỏ vẻ ghét bỏ mẹ tôi. Khi mẹ tôi về ở với bố tôi, bà ngoại và các cậu tôi đã chung nhau mừng cho mẹ tôi con dao vỏ bạc, quả đào đựng vôi và bộ dây xà tích cũng bằng bạc. Từ ngày bố tôi chết đi, trên đầu mang chiếc khăn trắng tang chồng, mẹ tôi cũng cất các đồ nữ trang đó đi, không dám đeo nữa. Bà nội tôi sợ mẹ tôi đi lấy chồng rồi mang theo cả cái "mớ bạc" đó đi, nên đã nhiều lần nhắc nhủ mẹ tôi:

– Gái góa thì đeo vàng, đeo bạc trong người làm gì! Mang mà

đánh cho con chiếc vòng đeo cổ. Còn thừa thì đánh thêm cho nó cái khánh, mấy chiếc nhạc con nữa... Trẻ con đeo cái thứ ấy, nó kỵ nắng kỵ gió... Để hôm nào tao mang đi tao đánh cho, công xá hết bao nhiêu tao sẽ liệu...

Mẹ tôi cứ một niềm từ chối, sợ rằng bà tôi lấy bán đi rồi dấm dúi đưa tiền cho hai chú tôi.

Bà tôi tức giận lại mắng mẹ tôi:

– Giữ lấy để mà trang điểm vào thân vào xác có phải không? Để mà làm mồi nhử trai phải không? Rõ cái nòi giống đĩ tàn đĩ tán là người ta thấy ngay.

Hai chú tôi cũng vào hùa với bà tôi:

– Giữ của để đến lúc bỏ con đi lấy chồng còn kiếm vốn lo liệu giang san nhà chồng chứ! Cái nhà này thì chỉ là ăn gửi nằm nhờ, còn ai thiết gì đến.

– Nhờ vả cái hạng ấy rồi người ta lại nhiếc cho đổ máu mắt ra! Ai chứ cái thứ tôi thì bạc chứ vàng nén cũng gí ngay vào.

Các thím tôi thì lại nói mát:

– Cứ nghèo hèn như mình lại xong. Lắm bạc giắt trong người chỉ tổ mua lấy nhục vào thân.

– Thế nào gọi là giàu có thì lấy của che thân! Che sao cho khéo chứ mà lại hở cái chỗ hở ra thì lại tổ làng người ta tha hồ ăn khoán.

Tất cả nhà, không còn một ai là tiếc những lời đay nghiến để xói móc mẹ tôi. Tôi nhìn mẹ tôi vừa ôm mặt sụt sịt khóc vừa nói một mình:

– Nông nỗi này thì cũng chẳng sống mãi ở đây được. Chỉ còn thiếu một nước là người ta cầm tay dắt ra ngõ!

Cái cảnh mẹ tôi bị bạc đãi như trên, bà ngoại tôi đã biết cả. Nhưng mỗi lần mẹ tôi ngỏ ý trở về thì bà ngoại tôi lại gạt đi. Mặc cho mẹ cho tôi than phiền khóc lóc, bà tôi vẫn cứ dịu giọng:

– Hãy cứ cố chịu khổ tí vậy. Để tao còn xem cơ mầu ra sao đã. Chẳng trước thì sau rồi cũng phải phới thôi... Nhưng đừng có hấp ta hấp tấp... Con người ta mới nằm xuống chưa lâu la gì!

Mẹ tôi cứ đành ngậm bồ hòn làm mật để sống trong cái cảnh hắt hủi đau đớn đó.

Bà tôi dành riêng cho hai mẹ con tôi một gian buồng bên cạnh buồng bà tôi. Mẹ tôi vẫn phải ăn chung và làm chung với các chú tôi.

Trong khi mẹ tôi phải cuốc hoặc đi cấy ngoài đồng, ở nhà một mình tôi tha thẩn góc sân, xó vườn để nghịch đất, đào giun.

Chiều chiều, cứ khi nào gà đã lên chuồng, các công việc đã thu dọn xong cả, mẹ tôi lại dẫn ra cầu ao rửa mặt và chân tay cho tôi. Mẹ tôi rủ rỉ hỏi tôi:

– Ở nhà, con có ăn no không?

– Con ăn ba bát, chan với canh.

Mẹ tôi bế tôi từ cầu ao về nhà để khỏi lấm chân. Mẹ tôi lại mắng yêu tôi:

– Sao u dặn con ở nhà không được nghịch đất mà hôm nào chân tay cũng bẩn thỉu thế?

Chẳng bao giờ tôi trả lời câu hỏi đó. Tôi chỉ đưa tay ôm chặt lấy cổ mẹ tôi.

Đêm tới, mẹ tôi đưa tôi đi ngủ. Bao giờ mẹ tôi cũng duỗi thẳng một tay, đặt đầu tôi lên và một tay nhè nhẹ vỗ trên mông đít tôi. Tôi nằm nghiêng về một bên, đặt một tay lên ngực mẹ tôi. Có hôm tôi ngủ được ngay. Có hôm tôi trằn trọc mãi không ngủ được. Những hôm đó, tôi thấy bà tôi cứ dịu dàng gióng một, nói với sang giường mẹ tôi:

– Gái goá cũng vạn người, người ta ở vậy nuôi con đấy. Có gan một tí là được. Cái hạng người mà chưa chôn xong chồng đã tấp tểnh đi lấy chồng, chẳng trời nào chứng cho đâu.

Tiếng nói của bà tôi cứ nho nhỏ dần rồi bà tôi đều đều ngáy. Rồi chợt, bà tôi lại tỉnh giấc, chẳng hiểu là mẹ tôi còn thức không nhưng cứ tiếp lời:

– Những lúc đi đây đi đó, phải có ý tứ mà giữ gìn. Ăn uống cái gì của ai cho phải cẩn thận. Nhỡ mà nó bỏ thuốc thì rồi lại mẹ một nơi con một nẻo sớm ...

Không biết mẹ tôi có nghe theo những lời đó chăng, nhưng hôm nào bà tôi nói những câu tương tự, tôi lại thấy mẹ tôi luôn luôn thở dài. Cái hơi thở làm nóng cả cổ và mặt tôi. Tôi không hiểu gì, tôi chỉ thấy trong người hơi sờ sợ. Những lúc đó, tôi nằm im thin thít, không dám cử động và nín cả thở. Cứ sau một hơi thở dài của mẹ tôi một lúc, tôi lại ôm ghì lấy mẹ tôi.

Có một buổi tối về mùa đông, hai mẹ con nằm trên chiếc giường

rải rơm mà đắp trên người hai chiếc chiếu cói. Tôi vẫn nằm kề đầu lên tay mẹ tôi. Trời lạnh quá thành khó ngủ. Mẹ tôi thỉnh thoảng cù đùa tôi trên cạnh sườn. Tôi bật cười, giãy giụa. Hai chiếc chiếu cọ nhau sột soạt. Bà tôi cất tiếng hỏi:

– Cái gì thế?

Tôi sợ quá nín hẳn cười. Yên lặng. Bà tôi lại gắt:

– Cái gì mà rả rích thế?

Mẹ tôi vừa giở mình vừa đáp lại:

– Có gì đâu.

Có tiếng ai cười đùa mà lại bảo có gì đâu.

Nghe bà tôi nói vậy, tôi quay đầu nhìn ra. Một cái bóng đen lờ mờ từ bên kia thong thả tiến lại gần giường mẹ tôi. Thỉnh thoảng cái bóng đó lại khuất hẳn sau một cây cột rồi lại hiện ra. Tôi không hiểu là cái gì, và nhớ tới những chuyện ma quỷ, tôi sợ đến run cả chân tay. Mẹ tôi tưởng tôi rét quá lại kéo chiếc chiếu phủ kín cho tôi. Cái bóng ấy lại gần hẳn cạnh giường hai mẹ con tôi. Tôi kêu rú lên. Mẹ tôi hỏi:

– Sao thế con?

Lúc đó bà tôi mới lên tiếng:

– Có ai thế?

Mẹ tôi hơi xẵng tiếng:

– Thằng Dần đấy chứ ai!

Bà tôi sờ soạng khắp cả giường.

– Ai đây?

– Con đấy mà.

Bà tôi sờ tới tôi, tôi sợ quá không dám cựa mình.

– Ai đây?

Mẹ tôi vội đáp hộ tôi:

– Cháu đấy mà.

Bà tôi lại quờ quạng khắp giường một lần nữa rồi quay đi. Tôi lại nhìn thấy cái bóng ghê sợ lúc trước ẩn hiện ngay giữa nhà và cứ xa xa dần mãi. Tôi không dám nhìn theo nữa. Khi tôi đã nghe thấy tiếng những nan ở giường bên kia sột soạt kêu, bà tôi lên tiếng nói:

– Ấy, có thân thì giữ.

Ở giường bên này, lúc đó tôi mới dám bắt đầu thở đều. Mẹ tôi sụt sịt khóc, nước mắt ướt đầm cả hai cánh tay tôi gối. Tôi không hiểu tại sao. Thấy mẹ khóc, tôi cũng đem lòng thương. Tôi ôm chặt lấy cổ mẹ tôi và từ cái buổi tối ấy, tôi thấy sờ sợ bà tôi. Nhất là khi bà tôi đi đâu về hãy còn ở đằng xa mà thân hình chưa rõ, chỉ mới như một cái bóng cử động.

Mẹ tôi đi lấy chồng giữa năm tôi lên sáu. Ngay từ khi mẹ tôi còn ở với bà nội tôi, cũng đã có người mối manh nói với bà ngoại tôi xin lấy mẹ tôi. Bà ngoại tôi phân vân mãi, rồi sau hết lại nói riêng với mẹ tôi, cố tìm cách giấu hết mọi người bên họ nội. Sau đó người ta cứ hỏi tin tức mãi và cách ít lâu người mối lại ngỏ lời xin ăn hỏi. Bà ngoại tôi nhận lời. Nhưng trước khi nhận lễ, bà ngoại tôi cũng có nói lại công việc gả chồng cho mẹ tôi để bà nội tôi được biết.

Cái hy vọng giữ được một nàng dâu ở vậy nuôi đứa cháu trai bị tiêu tan. Không bao giờ bằng lúc này, bà nội tôi đem lòng thù ghét bà ngoại tôi.

– Tôi không thấy ai lại như bà. Con gái đâu lại gả chồng hai lần. Giá có lấy mười con gái mà gả chồng như vậy thì chả mấy lúc mà có nhà ngói cây mít, vườn cau ao cá. Phải dạy nó thờ chồng nuôi con chứ! Ai lại đi nối giáo cho giặc.

– Nào đâu có phải là chuyện nối giáo cho giặc! Ai gả chồng cho con thì cũng muốn vợ chồng nó ăn đời ở kiếp với nhau chứ. Ai lại mong rể chết mà gả chồng cho con! Chẳng qua cái số tôi, cái số con gái tôi nó cũng vất vả mọi đường!

Bà nội tôi hầm hầm nét mặt:

– Bà chỉ nói vất vả cái lỗ miệng. Con gái gả chồng có con rồi, bây giờ lại tính cái nước gả chồng lần nữa để kiếm tiền trăm, bạc chục, còn kêu vất vả. Vất vả cái nỗi gì nữa?

Bà ngoại tôi cũng không nén nổi giận:

– Trời bắt tội nó góa bụa sớm... Nó còn mười chín đôi mươi thì tôi cũng phải lo liệu cho nó chứ, nhỡ ra nó không giữ được thân được mình thì rồi tôi đeo mặt mo với làng với nước hay sao? Có phải con bà đẻ ra đâu mà bà sợ xấu mặt...

Nói vừa hết câu, bà tôi đứng dậy ra về. Bà nội tôi xẵng tiếng như nói một mình:

– Rõ cái phường đưa người cửa trước rước người cửa sau!

Đàn chó ùa ra, sủa quanh bà tôi. Bà nội tôi ngoảnh mặt làm thinh. Tôi vác một cây sào đánh chó cho bà ngoại tôi về, và cái buổi chiều hôm đó, tôi không thấy mẹ tôi nữa. Tôi nhịn đói đi ngủ một mình. Thỉnh thoảng tôi lại giật mình đánh thót, bừng thức dậy. Tôi mê man quờ tay hết phải sang trái. Tôi vẫn chỉ thấy có một mình tôi. Tôi hốt hoảng vừa khóc vừa kêu lên:

– U ơi! U ơi! U ơi là u ơi!

Bà tôi tỉnh giấc:

– Thằng ranh! Ngủ đi! U với con gì! Cái con mẹ mày đi theo trai rồi! Dậy mà vác sào đánh chó cho cái con bà mày rước trai về cho mẹ mày.

Tủi thân quá, tôi lại khóc to. Bà tôi quát:

– Câm họng đi cho người ta ngủ. Ngày mai dậy sớm rồi đi theo mẹ mày. Bà không thiết gì cái giống bất nhân ấy đâu. Chà... à... à! Quý báu lắm đấy. Nuôi cò rồi cò lại mổ mắt, chứ làm cái gì!

Tôi đưa tay kéo chiếc màn lau nước mắt rồi cố nín hẳn. Tôi thấy nghẹn và tức ở ngực. Những cơn khóc bị kìm giữ làm tôi phải nấc luôn mà nuốt nước mắt không kịp. Tôi quên cả đói, chỉ mơ màng nghĩ đến mẹ. Cái đêm thứ nhất tôi nằm trên giường, thiếu hơi ấp ủ của mẹ tôi. Chỉ thiếu cái cánh tay để gối đầu, thiếu cái ngực để tôi nằm nghiêng rồi đặt một cánh tay lên đó, mà tôi thấy thiếu nhiều quá! Tôi giở mình bên phải, giở mình bên trái. Nhưng mẹ tôi không còn có đó nữa để giữ tôi lại, ngáng cho tôi khỏi ngã.

Mãi về sau này, tôi mới được biết rằng ngay ngày hôm ấy, khi đã nói chuyện với bà dâu gia, bà ngoại tôi đã ra đồng đón mẹ tôi và bảo mẹ tôi hết buổi làm đó thì trốn ngay về với bà ngoại tôi để thu xếp việc ăn hỏi.

Không ngờ bắt đầu từ cái đêm ấy, tôi mất mẹ. Và từ đó, tuy không mà tôi cũng phải chịu mồ côi một lần nữa.

Sáng hôm sau, tôi dậy sớm lắm; ngay từ khi gà mới gáy: trong bếp các thím tôi còn đang lập lòe nhóm lửa thổi bữa cơm sáng. Vừa mới đặt chân xuống đất, tôi đã khóc và cất tiếng gọi mẹ:

– U ơi! U!

Chẳng một tiếng nói nào đáp lại. Còn đâu những buổi sáng khi

tôi thấy mẹ tôi rút cánh tay từ dưới đầu tôi ra mà tôi lên tiếng gọi, mẹ tôi lại ngọt ngào bảo tôi:

– Ngủ đi, con ạ. U dậy thổi cơm với các thím đây mà.

Những buổi sáng ấy, nếu tôi không muốn ngủ thêm, tôi lại cùng dậy với mẹ tôi. Mẹ tôi dắt tôi xuống bếp, tôi ngồi sát bên mẹ tôi xem ngọn lửa bốc. Có khi tôi đun bếp hộ mẹ tôi. Dù luộc rau, nấu canh hay nấu riêu, phải nếm xem đã chín chưa, mặn nhạt ra sao, mẹ tôi cũng cho tôi nếm. Khi nào đưa thìa canh lên miệng mà thấy tôi trố mắt nhìn theo ra vẻ thèm thuồng, mẹ tôi lại múc hẳn cho tôi một bát con ra ngồi ăn ở góc bếp. Các thím tôi ra chiều ghen tức, lẩm bẩm một mình:

– Nuông con lắm vào rồi sau lớn chỉ tổ mất dạy.

– Bằng ngay cái hạt tiêu ấy mà sáng nào cũng ăn trước cả nhà.

Mẹ tôi nghe tiếng, nhưng vẫn yên lặng; còn tôi, tôi cứ điềm tĩnh ăn; húp hết bát canh, hãy còn thòm thèm, tôi dài lưỡi liếm lại chiếc bát, đưa mấy ngón tay gạy cả chiếc lá rau còn bám chặt trên cạnh bát.

Nhưng cái buổi sáng ấy, tôi đã hoài hơi gọi, chẳng một tiếng nói nào đáp lại. Tôi ra ngồi ở đầu hè, dựa lưng vào một gốc cột, tỉ tê khóc. Mãi tới khi gần sáng hẳn, bà tôi mới ngủ dậy. Bà tôi mắng:

– Cái con nhà này ra đáo để thật! Khóc! Khóc ai! Khóc mẹ mày ấy à? Sao mà cái quân nó vô phúc thế! Mẹ mày đi lấy chồng, đi theo trai chứ đã chết đâu mà phải thút thít thế.

Bữa cơm sáng hôm đó, tôi đói quá. Chiếc chiếu thủng giữa trải trên nền nhà; mâm cơm vừa bưng ra, tôi không chờ ai nói năng gì, ton ton chạy ra ngồi bên mâm.

Một người thím trừng trừng nhìn tôi:

– Mẹ mày đi rồi, ai thổi cơm cho mày mà cũng lê vào đây.

Rồi tiếp luôn lời một người thím khác:

– Cho nó bát cơm hớt ấy.

Bà tôi lườm dài cả hai người:

– Rõ khéo các bà lắm! Thấy người khác mắng, các bà cũng ra tuồng ta đây mắng với chửi. Người nhà các bà đấy hẳn. Mẹ nó có đi đánh đĩ, các bà cũng không được nói gì đến nó kia mà. Cháu tôi, tôi muốn mắng mỏ ra sao thì tôi mắng. Các bà không có phép.

Một người chú bênh vợ:

– Bây giờ mẹ nó bỏ nó đấy, không bảo ban nó, bà bảo để mà thờ à?

Rồi người chú đó đập mạnh bàn tay trên một chỗ ngồi bảo tôi:

– Thưa bố, bố ngồi ra đây mà hốc cho nó xong đi.

Người chú thứ hai:

– Xem có nuôi được thì nuôi, mà không thì để cho nó theo mẹ nó hay cho nó về với bà ngoại nó.

Bà tôi quát:

– Không việc gì đến những cái hạng ấy. Không ai nuôi thì cái con khọm già này nuôi. Con tao chết đi, còn lại một mụn cháu đấy!

Tôi lấm lét ngồi vào chỗ chú đã đập cho, nhìn hết mọi người và sợ hết cả mọi người. Bát cơm thím tôi xới, lèn thật đầy và thật chặt tựa một bát cơm cúng. Tôi bưng lên cố lấy đũa và mà không sao được. Bát cơm ú xụ che lấp cả mũi, cả mặt, không còn biết kề môi vào cạnh nào. Bà tôi cầm lấy bát cơm của tôi san ra một cái bát khác rồi chan canh gắp tôm bỏ vào bát cho tôi. Vừa làm việc đó, bà tôi vừa lẩm bẩm:

– Xới cơm cho thằng bé mà xới đến có ngọn lên thế này thì nó ăn làm sao được. Sao mà những cái giống ngu thế. Tốt kén được dâu hiền... Mình vụng chân, vụng tay, chỉ nhặt toàn những phải cái của nợ, nghĩ mà thêm bực mình.

Bà tôi thở dài:

– Chao ôi! Dâu với con!

Bà tôi dầm kỹ bát cơm rồi đưa cho tôi:

– Đây ăn đi. Ăn cho chóng lớn rồi mà làm trả nợ người ta, không người ta móc họng bà cháu mình ra đấy. Chẳng ngon lành gì đâu, cháu ạ.

Tôi chăm chú nhìn bà tôi và nghe bà tôi nói, tôi quên hẳn ngay được những lời bà tôi đã nhiếc móc mẹ tôi và tôi trong ban đêm. Linh tính đã cho tôi biết, dù sao, bà tôi vẫn còn có thể là một người để tôi nương tựa.

Mấy giọt nước mắt từ từ chảy trên má tôi, rồi tôi òa lên khóc. Chẳng ai nói năng gì. Các chú, các thím tôi chỉ trừng mắt lườm tôi.

Tôi đưa một cánh tay áo quệt nước mắt, quệt nước mũi rồi hấp

tấp ăn. Vừa ăn hết bát cơm, tôi vứt bát, vứt đũa đứng dậy đi thẳng ra khỏi nhà. Bà tôi gọi:

– Dần ơi!

Tôi vẫn lẳng lặng đi; bà tôi thét lên:

– Dần! Đi đâu? Mày không vào mà ăn cho no đi hẩu?

Rồi bà tôi đuổi theo tôi. Tôi cắm đầu chạy. Bà tôi càng chạy cố. Khi nắm được lưng áo tôi, tôi khóc thét lên:

– Cháu lạy bà, lạy bà ạ.

– Mày đi đâu?

Tôi vẫn khóc.

– Sao tao hỏi mày đi đâu mày lại cứ khóc.

Tôi đưa hai cánh tay lau nước mắt và nói không ra tiếng:

– Cháu đi với u cháu.

Bà tôi hầm hầm nét mặt:

– À ra cái quân này gớm thật! Nuôi nó đến bây giờ, rồi nó cậy có chân muốn đi đâu thì đi, theo ai thì theo...

Bà tôi bẻ một cành rào, trở về phía nhà:

– Muốn sống thì về ngay.

Tôi vừa thút thít khóc vừa đi trở lại. Bà tôi dẫn tôi vào gian buồng của mẹ tôi:

– Khôn hồn thì cứ ở trong cái buồng này nhé.

Bà tôi gí tay vào trán tôi:

– Đi đâu cũng chết với bà. Mẹ mày đi theo trai rồi, có biết không?

Bà tôi đi ra, đóng chiếc cửa đánh sầm. Tôi ngồi trong buồng nghe thấy một tiếng tách và bà tôi nói:

– Bà thì dốt mày cho đến mãn đời.

Tôi vội chạy xổ ra, giật tấm cánh cửa. Cánh cửa hé ra để lọt một ít ánh sáng in thành vệt trên nền nhà, nhưng không thể bật ra được. Tôi lắc thật mạnh. Tiếng khóa sắt cọ với đinh khuy xành xạch. Tôi đập mạnh hai chân và hét lên:

– Bà ơi! Bà ơi!

Không có tiếng gì bên ngoài, tôi ngồi xệp xuống đất khóc. Khóc

chán, tôi lại lay mạnh cái tấm cánh cửa. Vẫn không hiệu quả gì; tôi cất tiếng chửi chẳng là để chửi ai.

Sau mấy câu chửi, tôi lại khóc. Khóc một lúc mệt quá tôi nghỉ, rồi bỗng dưng tôi lại nức nở khóc tiếp. Cứ như thế một lúc lâu rồi tôi thờ thẫn ngồi, buồn tay, cầm môi dưới kéo ra kéo vào bắt chước tiếng cóc nghiến răng, hai mắt nhìn con thạch sùng bò từng đoạn một trên tấm cánh cửa. Con thạch sùng cũng nhìn tôi. Được một lúc, tôi mỏi mắt quá dờ dẫm trèo lên giường. Mấy chiếc áo cộc và chiếc yếm của mẹ tôi còn vứt trên giường. Tôi guộn tròn những vật đó lại nằm co người và nghiêng về một bên như tôi thường nằm với mẹ tôi rồi ôm cái bọc áo yếm trong lòng.

Tôi ngủ quên lúc nào không biết.

Mẹ tôi lấy một người cai lệ tại huyện, cách xa làng tôi bốn cây số. Bà ngoại tôi đã muốn cầu một chút lợi riêng, ngoài sự muốn cho con gái khỏi hư thân. Gia đình bà ngoại tôi đã từ lâu là một gia đình có chức tước trong làng. Ông ngoại tôi khi xưa làm Phó Lý rồi thăng chức Lý trưởng. Được như thế là nhờ bà tôi lo liệu cả cho. Bây giờ bà tôi cũng muốn cho cả cậu tôi làm nên. Gả mẹ tôi cho người cai lệ, bà tôi có hy vọng rằng khi nào các cậu tôi muốn ra làm công việc trong làng, ắt sẽ dễ thu xếp. Người bố dượng tôi sẽ là người gần gụi quan trên để giúp đỡ bà tôi.

Ăn hỏi được chừng năm sáu ngày, họ nhà trai xin cưới ngay. Trước khi từ giã làng để về nhà chồng, mẹ tôi còn được gặp tôi một lần nữa, kể từ cái đêm thứ nhất tôi phải ngủ một mình.

Hôm ấy, phiên chợ trong làng. Bà tôi vắng nhà. Các thím tôi đi bán rau, bán thóc. Hai chú tôi cuốc vườn sau nhà. Tôi đang lúi húi làm một cái diều bằng chiếc lá mít: bỗng mấy con chó nằm ở sân chồm dậy, kêu đánh hực. Con nào cũng vẫy đuôi. Tôi quay lại thấy mẹ tôi rón rén bước một lần theo các vỉa hè trên thềm nhà. Tôi vứt băng chiếc lá mít, vừa định kêu lên, mẹ tôi ra hiệu xua xua tay rồi bịt mồm. Tôi nín ngay, đon đả chạy lại gần mẹ tôi... Mẹ tôi bế tôi vào lòng. Tôi ghì chặt cổ mẹ tôi và nói:

– U, u, u, u đi đâu về đấy?

Mẹ tôi ghé vào tai tôi:

– Khẽ chứ... có ai ở nhà không?

– Chỉ có chú lớn và chú hai.

Mẹ tôi lấy ở trong ruột tượng ra mấy quả vải chín đưa cho tôi, rồi bế tôi về gian buồng cũ. Mẹ tôi đặt tôi xuống đất, vội vàng vơ lấy những chiếc áo dài, áo cộc, thắt lưng... guộn tròn ôm dưới nách. Tôi cứ trố mắt nhìn mẹ tôi, bỏ rơi những quả vải trên đất không buồn nghĩ đến nhặt. Mẹ tôi ôm tôi vào lòng hổn hển nói:

– Con ở nhà với bà nhé!

– Thế u đi đâu?

– U đi... đi... chơi vài hôm rồi u về ngay.

Nghe giọng nói lưỡng lự của mẹ tôi, tôi thấy rõ lời nói không chân thật. Mẹ tôi cũng hiểu ý, đưa tay xoa đầu tôi và giọng ngọt hơn, nói thêm:

– Chóng ngoan rồi bao giờ về u mua quà cho.

Tôi nũng nịu:

– Không con không ăn quà, u cứ ở nhà với con... Con trả vải đấy, con không ăn đâu.

– U chỉ đi vài hôm thôi mà.

– Thế u đi đâu?

Mẹ tôi gắt:

– Đã bảo đi chơi mà lại!

Tôi phùng má, hai tay mân mê chiếc ruột tượng của mẹ tôi:

– Thế sao bà lại bảo u đi theo trai?

Mẹ tôi tát yêu tôi, hai má đỏ ửng:

– Cha bố mày! Đừng nghe bà. Bà nói dối đấy.

Mẹ tôi ôm bọc quần áo một bên, bế tôi bên cạnh sườn, lại rón rén đi ra tới cổng. Mẹ tôi đặt tôi xuống đất:

– Thôi thế con ở nhà, u đi nhé. Chóng ngoan rồi u may áo đẹp cho.

– Không, con không may áo đẹp, u cứ ở nhà với con.

Tôi níu chặt vạt áo; mẹ tôi lại cúi xuống bên tôi xoa xoa đầu, khẽ vạch từng đám tóc, vừa bắt chấy cho tôi vừa dỗ dành tôi:

– Con ở nhà, u chỉ đi một ngày thôi vậy.

Tôi ngúng nguẩy:

– Không, con đi với cơ...

– Mày đi làm sao được. Rồi bà lại bỏ đi tìm, mà tìm thấy thì bà

giết ngoẻo cả mẹ lẫn con. Tao lại không muốn cho mày đi hay sao...

Dứt câu nói, tôi thấy mắt mẹ tôi ươn ướt, như muốn khóc. Mẹ tôi ngồi yên lặng một lúc lâu, thở dài một cái rồi đứng dậy gạt hẳn tay tôi, hấp tấp đi. Tôi chạy theo. Tôi định kêu lên, mẹ tôi bảo:

– Câm mồm, hai chú mà biết thì hai chú giết sống.

Tôi đành yên lặng, đờ đẫn nhìn theo mẹ tôi đi xa dần. Mẹ tôi đi được một quãng đường, cơn khóc bật lên từ trong cuống họng tôi. Tôi định gọi to mẹ tôi, nhưng tôi lại lo lo sợ sợ. Khi mẹ tôi đã đi khuất hẳn, tôi vẫn còn sụt sùi khóc. Tôi quay trở lại. Và lúc đó tôi bỗng khóc to và kêu lên:

– U ơi là u ơi!

Cứ như thế trong một lúc lâu. Hai chú tôi ở vườn về mắng tôi:

– Rõ khéo khỉ chửa! Tự nhiên không đâu lại ngồi khóc mẹ.

Chú tôi quát:

– Nín!

Tôi giật mình đánh thót, cố ngậm miệng, nuốt nước mắt.

Ngày cưới mẹ tôi, tôi cũng không được gần mẹ tôi. Không một người nào ở bên ngoại tìm đón tôi về. Ai cũng tin rằng con trai phải theo họ nội. Và mẹ tôi bước chân đi lấy chồng, chẳng còn dám coi tôi là chính con mình; chỉ là kẻ đẻ hộ cho người khác có thêm đông người.

Ngày hôm ấy, tôi đang đánh đáo sành với mấy đứa trẻ hàng xóm, một bà trông thấy tôi bảo:

– Kìa cái thằng cu Dần còn đánh đáo kia. Mẹ đi lấy chồng mà lại không về kiếm cỗ ăn! Sao mà dại thế.

Tôi ngừng tay đáo, đứng đờ người nhìn bà ta.

– Có về đằng bà ngoại mày ăn cỗ, tao đưa đi.

Tôi không nói gì, hấp tấp chạy lại gần bà ta rồi túm lấy vạt áo. Mấy đứa trẻ đang chơi với tôi cũng bỏ dở cuộc. Một đứa thua thấy thế giục:

– Chúng mày ra chơi đi chứ.

Một đứa bảo tôi:

– Dần ơi, mày cho tao đi ăn cỗ với nhé.

Tôi ra dáng khủng khỉnh, kiêu hãnh:

– U tao đi lấy chồng tao mới được ăn cỗ chứ...

Tôi lánh xa thằng bé, xoăn xoe bám chặt người đàn bà tôi không biết là ai. Bà ta dắt tôi đi. Nhưng vừa đi được một quãng đường lại gặp một bà cụ:

– Bà dắt cái thằng cu ấy đi đâu thế?

– Dắt nó về bà ngoại nó cho nó kiếm cỗ ăn. Hôm nay người ta cưới mẹ nó.

– Bà này rõ khéo lẩn thẩn. Cháu người ta, người ta giữ cho nó xa bên ngoại, lại đi dắt về với bà ngoại. Rõ lẩn thẩn. Rồi người ta nói cho mà dại mặt.

Người đàn bà buông tay tôi ra. Tôi lại trở về chỗ đánh đáo và lại cùng với mấy đứa trẻ bày lại cuộc. Nhưng chưa được vài ván, mấy người bảo nhau:

– Chính đám cưới mẹ thằng Dần đấy.

– Đám cưới sao lại đi lối này!

– Người ta ra đây để xuống bến đò, đi thuyền mà lại.

Tôi lắng tai nghe những câu nói đó, cũng chạy lại đứng bên mấy người lớn. Một người bảo tôi:

– Mẹ mày kia kìa, đã nhòm thấy chưa?

Tôi thấy rõ mẹ tôi mặc quần áo mới, khác hẳn ngày thường, đầu đội một chiếc nón rộng vành. Tôi định chạy theo, nhưng thấy nhiều người lạ cùng đi với mẹ tôi, tôi lại sờ sợ.

– Thế là mất mẹ. Người ta cướp mẹ mà cứ đứng giương mắt ra mà nhìn.

Tôi cãi lại:

– U tôi bảo u tôi đi chơi đấy chứ. Ngày mai lại về.

Mọi người bật cười. Tôi xấu hổ, cúi mặt không dám nói thêm gì.

Tôi tin ở lời mẹ tôi và tôi cố chờ cho tới lúc mẹ tôi đi chơi về. Một ngày, hai ngày, chẳng thấy mẹ tôi về. Lúc đó tôi mới bắt đầu ngờ rằng mẹ tôi đã dối tôi thực.

Thế rồi một hôm tôi trốn nhà, đi theo con đường đất mà đám cưới mẹ tôi đã đi qua: tôi có ý định đi tìm mẹ. Cứ mỗi lúc quay đầu lại thấy nhà đã xa xa, tôi lại rùng rợn thành ra lo nghĩ. Ra tới khỏi làng, những người lạ mặt tôi gặp trên đường lại càng làm tôi phân

vân không dám thẳng đường. Tôi cứ liều đi. Khi nhà đã khuất hẳn, tôi tới một cái bến đò. Lần thứ nhất trông thấy nước cuồn cuộn chảy. Tôi sợ quá ngồi phệt xuống đó khóc.

– U ơi là u ơi!

Những người lái đò nhìn tôi nói:

– Cái thằng bé này đến lạ! Tự nhiên ở đâu chạy đến đây rồi ngồi khóc u.

– Hay là u nó đi lấy Hà Bá?

Họ cười rộ với nhau. Tôi thẹn quá, nín khóc. Người ta hỏi tôi:

– Mày ở làng nào?

Tôi không nói gì. Mà sự thực tôi cũng không biết tên làng tôi. Họ hỏi chán rồi họ bỏ mặc tôi ngồi đó. Tôi lại sụt sịt khóc và lại gọi mẹ. Một lúc sau, một người đi đâu về qua đó thấy tôi khóc, bèn lại dỗ tôi và dắt tôi về. Tôi sợ hãi không dám đi theo. Người ấy khẽ bảo tôi:

– Tao có biết bà mày và các chú mày, tao đưa về nhà. Đi đâu mà lại lạc tới đây?

Tôi không trả lời, lững thững theo người ấy về nhà. Người ta gọi chú hai tôi ra cổng:

– Cái thằng cháu nó lang thang đi đâu mà lạc lên mãi tới bến đò ngồi khóc.

Chú tôi cau mặt cầm tay tôi giật mạnh:

– Ngộ lăn xuống sông thì có mất xác không? Về đây rồi tao bảo!

Chú lôi tôi sềnh sệch từ cổng về nhà. Buổi trưa hôm ấy tôi phải nhịn cơm và bị một trận đòn đến đau nhức hết cả mình mẩy.

*

*   *

Người cô thứ ba của tôi đã chết. Lại thêm cho tôi một nỗi khổ. Từ khi tôi mới lớn lên cho tới khi mẹ tôi đã đi lấy chồng, trừ mẹ tôi và bà tôi, có lẽ trong nhà chỉ còn người cô thứ ba ấy là thương yêu tôi, tất cả sự trìu mến, tất cả hương vị của tình quyến luyến và lòng tha thiết với gia đình, chính người cô này đã gây cho tôi một phần lớn.

Mẹ tôi yêu tôi, đó là một điều dĩ nhiên, nhưng cô tôi mà lại luôn luôn vuốt ve nghĩ tới sự che chở săn sóc tôi, thực là một điều có lẽ suốt đời tôi không thể nào quên được.

Trong hồi thơ ấu ấy, bao nhiêu cái không may xảy ra cho tôi. Từ khi mẹ tôi không còn ở lại để ấp ủ đứa con côi nữa, tôi chỉ biết vơ bám lấy người cô đó. Cái khổ vì không có mẹ tôi đã tưởng có thể nguôi bớt đi được bằng cách nấp náu bên người cô. Nào ngờ cô tôi lại sớm qua đời.

Trong ba người cô, người thứ ba này gần gụi tôi hơn cả, khi qua đời, cô tôi mới mười chín tuổi. Cô tôi được bà tôi yêu lắm, vì là con út. Trái hẳn với mọi người khác trong nhà, cô tôi rất dịu dàng, không hề gắt gỏng bao giờ. Lại được cái tính dễ bảo nên rất ít khi bị bà tôi chửi mắng. Tôi thấy bà tôi nói bố tôi giống hệt cô tôi, tôi lại càng quấn quít cô tôi hơn. Những lúc cô tôi ôm tôi bên người, tôi chỉ đăm đăm nhìn mặt cô tôi để cố tưởng tượng cha tôi hình dáng ra sao. Có khi tôi hình dung cha tôi cũng nhỏ bé, hiền hiền và cũng mặc quần áo như cô tôi. Nhưng chẳng hiểu vì lẽ gì, một đôi khi trái hẳn, tôi lại tin rằng cha tôi cũng giống chú lớn hoặc chú hai tôi và cũng hung ác, giá có còn sống cũng chỉ đến đánh, chửi tôi suốt ngày như hai chú tôi. Nhắc lại hai người chú, tôi còn nhớ tiếc cô tôi. Những lúc hai chú tôi hành hạ tôi, cô tôi vẫn tìm cách che chở tôi. Tôi nhớ mãi cái buổi chiều đông tôi bỏ nhà đi chơi quanh làng. Lúc trở về trời đã tối trông không rõ mặt người. Tôi sợ quá phải chờ cho tới cái lúc đó mới dám về nhà. Tôi lấm lét lẩn vào gian nhà trên, rồi sờ mó trèo lên chiếc giường tre, nằm co người ở một góc. Tiếng nan giường kêu lên răng rắc, có ngay tiếng người hỏi:

– Ai thế?

Rõ ràng là tiếng chú hai tôi, nhưng tôi không biết chú tôi ở đâu. Tôi giật mình ngồi hẳn dậy không nói gì, trừng trừng nhìn về phía có tiếng nói. Lúc đó tôi mới nhận thấy cái bóng người ngồi bó gối trên chiếc ghế con ngay gần cửa ra vào không hề cựa cậy. Tôi sợ quá, cái cảm giác lúc ấy thực giống như lúc tôi thấy cái bóng bà tôi từ từ tiến đến gần giường mẹ tôi khi trước.

Chú tôi lại hỏi:

– Ai thế?

Tôi không dám nói gì, lại khe khẽ lẻn ra: mắt tôi không bao giờ

rời khỏi cái bóng ngồi thu hình, tôi vấp phải một cây cột. Đầu tôi choáng váng. Hai mắt hoa lên, không còn nhìn rõ cái bóng nữa. Bỗng "xòe" một cái, ngọn lửa bùng lên. Cùng một lúc với tiếng xòe, tôi giật mình đánh thót. Chú tôi chồm dậy, nhảy xổ lại gần tôi. Ngọn lửa đã tắt, nhưng cái tàn diêm còn lập lòe đỏ trong tay chú tôi. Tôi vừa sợ chú tôi lại vừa sợ cái tàn diêm, đứng ôm lấy cái cột. Chú tôi đã nắm được tôi, phát tôi mấy cái liền, cầm đầu tôi giập vào thân cây cột. Tôi khóc thét lên rồi ù té chạy ra. Nhưng vừa tới mép hè, tôi đã ngã quỵ xuống. Chú tôi vẫn ra sức đánh tôi. Cô tôi ở nhà dưới vội vàng chạy lên bế xốc tôi dậy. Chú tôi ngừng tay, túm lấy vai áo cô tôi rồi hăm hở tát:

– Mày lại bênh nó à! Cái con ranh con này.

Cô tôi đau quá cũng khóc. Tôi cứ ôm chặt lấy cô tôi. Chú tôi vẫn đấm, vẫn tát. Cô tôi kêu lên:

– Ối hàng xóm ơi! Người ta đánh chết cô cháu tôi rồi!

Lúc ấy hình như bà tôi đang niệm phật trong gian nhà thờ, vội chạy ra mắng to:

– Cái gì mà ầm nhà lên thế?

Nghe tiếng hai cô cháu khóc, bà tôi sụt sùi:

– Thôi, trời thí cho được mấy người đấy, cứ giết chết hết cả đi rồi mà ăn cả cho nó sướng cái lỗ mồm.

Chú tôi buông hai cô cháu tôi ra, vừa vào nhà trong vừa cãi lại:

– Chẳng giết cũng chẳng để làm gì những cái của nợ ấy.

Cô tôi đã nín khóc. Tôi cũng nín khóc. Cô tôi đưa tôi ra cầu ao rửa chân. Cô tôi hỏi tôi:

– Sao cô đã dặn cháu ở nhà, cháu lại cứ đi lêu têu thế.

Tôi không trả lời, cô tôi lại nói tiếp:

– Cứ mỗi ngày một trận đòn thế này thì sống làm sao được hẩu cháu? Rõ khổ... bồ côi bồ cút mà còn không biết thân.

Cô tôi vừa nói dứt lời, tôi lại òa lên khóc.

– Thôi nín đi. Bà biết rồi lại mắng chết.

Tôi nghe lời cô tôi ngay. Rửa chân cho tôi xong, cô tôi đưa tôi về giường cô tôi, mặc cho tôi chiếc áo cộc bông của cô tôi, phủ kín gần đến hết đầu gối tôi và dài khỏi bàn tay tôi tới một gang tay. Cô tôi

sờ hai bên má tôi thấy tôi lạnh quá, liền cởi chiếc thắt lưng vải trùm qua đầu, xuống hai mang tai tôi, quấn tròn quanh cổ tôi. Cô tôi bảo tôi nằm xuống, đắp lên mình tôi hai chiếc chiếu cói. Cô tôi dặn tôi:

– Nằm yên đấy mà ngủ. Cô còn đi xay thóc; rồi chốc nữa cô vào ngủ với.

Trước khi ra khỏi gian nhà, cô tôi còn nói thêm:

– Nằm hẳn vào giữa giường ấy, kẻo rồi ngủ say, giở mình lại ngã.

Từ ngày mẹ tôi đi lấy chồng, tôi vẫn thường ngủ với cô tôi. Mùa nực, cô tôi quạt cho tôi suốt đêm. Khi giá rét cô tôi lại ấp ủ cho tôi. Được cô tôi yêu mến, tôi không thấy sự vắng mẹ là khổ tâm. Những lúc tôi đi chơi quá bữa, cô tôi không bao giờ quên nén cho tôi một bát cơm với mấy con tôm hay miếng cá kho cất trong một góc chạn bát. Hễ thấy tôi thập thò về, cô tôi lại sẽ vẫy vẫy tôi lại gần rồi bảo thầm tôi:

– Cơm cô để phần ở góc chạn ấy. Ăn rồi ở nhà. Cứ đi suốt ngày rồi lại phải đòn khổ thân.

Từ đấy thành một thói quen, hễ tôi đi đâu về quá bữa cơm, tôi lại vội tìm trong góc chạn. Một bát cơm nén với thức ăn đã sẵn sàng ở đó.

Giữa lúc tôi đang cần có cô tôi để khỏi khổ vì xa mẹ thì cô tôi chết. Cô tôi chết về một chứng bệnh gì không ai biết rõ. Tôi chỉ nhớ rằng cô tôi đã ốm ròng rã ba tháng. Tới tháng thứ ba không còn thể đi lại được, đành phải nằm liệt trên chiếc giường nan trải hai chiếc tranh cói. Khi cô tôi mới ốm, tôi vẫn luôn luôn quanh quẩn bên giường bệnh. Lấy cho cô tôi chiếc khăn tay, rót chén nước hoặc ngồi quạt cho cô tôi. Thỉnh thoảng cô tôi lại cho tôi ăn những thứ mà bà tôi đã dành mua cho cô tôi ăn kiêng. Hôm nào không thấy tôi quanh quẩn bên mình, cô tôi lại bảo bà tôi bắt tôi vào. Cô tôi sờ chân tay tôi:

– Đi đâu về mà lấm láp thế này?

– Cháu ở ngoài kia.

– Kia là đâu? Bao giờ hỏi cháu, cháu cũng ở ngoài kia mà cứ mất hút cả ngày... Đưa bát thuốc đây cho cô.

Tôi đưa bát thuốc cho cô tôi bằng cả hai tay. Uống hết bát thuốc, cô tôi súc miệng rồi ngọt giọng hỏi tôi:

– Cô ốm thì ở nhà với cô. Đừng có lang thang đi đâu. Bồ côi bồ cút rồi đứa nào nó bắt nạt thì ai bênh. Có cô, cô đã ốm nằm ở đây rồi.

Rồi từ cái lần ấy, tôi ít khi xa cô tôi. Nhưng tới khi cô tôi bị ốm nặng, cả ngày nói mê, thỉnh thoảng lại trợn ngược mắt, đưa hai tay quờ quạng hết bên phải sang bên trái, tôi không còn dám bén mảng tới giường cô tôi nữa. Tôi chỉ thập thò ngoài cửa nhìn trộm vào. Hễ thấy cô tôi trông ra, tôi lại chạy trốn. Cũng có khi cô tôi tỉnh hẳn. Vào những lúc ấy mà thấy tôi nhô ra nhô vào ngoài cửa cô tôi lại cố lấy sức gọi:

– Dần ơi, vào đây với cô.

Nghe cái giọng nói tuy có êm êm nhưng yếu ớt, tôi sờ sợ nép mình vào cánh cửa. Cô tôi vẫn nói:

– Cháu với chắt gì cái đồ ấy. Lúc khoẻ thì trông nom nó cả ngày mà bây giờ ốm nằm đây thì nó chẳng thèm nhìn tới mình. Yêu với thương làm gì cái đồ ấy. Cứ để cho nó đi với mẹ nó lại xong.

Cô tôi nói những câu đó lúc to, lúc nhỏ, rồi dần dần im hẳn nằm ngủ. Lúc ấy tôi mới rón rén tìm đường lảng xa.

Trong khi cô tôi ốm, chỉ có một mình bà tôi ra công săn sóc. Các chú và các thím tôi chỉ thỉnh thoảng giúp một vài việc con con hoặc qua vào hỏi thăm.

Hai tháng đầu, bà tôi mời hết tất cả các ông lang trong làng. Không ông nào chữa nổi. Mỗi ông bảo mắc một thứ bệnh, nhưng không ông nào có đủ tài để trị bệnh. Bà tôi lập đàn cúng, chạy mả ông cụ tôi rồi lại xin đội bát nhang ở đền Mươu, một cái đền ở làng bên, cách làng tôi một cánh đồng con. Nhưng chứng bệnh vẫn tăng mãi lên. Bà tôi cả ngày chỉ thở dài:

– Cũng đành nhờ trời cả xem sao.

Bà tôi đã thất vọng không còn tưởng gì đến sự cứu chữa nữa. Giữa lúc đó một ông lang ở xa xin chữa. Ông xin ở ngay tại nhà để dễ dò bệnh. Ông giao hẹn một ngày hai bữa cơm, có rượu và một bữa thuốc phiện. Tiền thuốc hết bao nhiêu nhà chủ phải chịu. Và khi chữa xong chỉ xin mười đồng ăn đường về nhà thăm vợ con. Bà tôi nhận lời ngay, không hề mặc cả lại một điều gì. Ông lang xem mạch rồi bảo cô tôi mắc bệnh đậu lào. Ông ta kê đơn, lấy thuốc. Ông không bắt cô tôi uống thuốc đó. Sắc lên rồi pha ra một chiếc chậu đồng. Mỗi ngày hai buổi cơm no, rồi ông lấy khăn mặt dúng vào thuốc bao trên

mình cô tôi. Ông ta cọ đi cọ lại chiếc khăn sáp làm đỏ cả da, đến nỗi nhiều khi cô tôi phải kêu lên. Cứ cọ được vài cái ông ta lại nhặt ra một chiếc lông tơ trên mặt da. Ông giơ những chiếc lông tơ ấy ra nói với bà tôi:

– Những chiếc lông tơ này độc lắm. Nó đi qua lỗ chân lông rồi vào tới trong gan, trong phổi, thế là mắc bệnh. Bao giờ xát trên người mà không còn nhặt được một chiếc lông nữa thì bệnh khỏi hẳn.

Bà tôi ra vẻ tin thầy lang lắm. Ông ta càng ra bộ kiêu hãnh:

– Ấy, chữa bệnh đậu lào chỉ khó ở chỗ ấy thôi.

Dù vậy, cô tôi cũng cứ mỗi ngày một ốm nặng. Dần dần nước cháo cũng không thể ăn được, cố đổ vào lại nhả ra. Bà tôi phàn nàn với ông lang, ông ta bảo là bệnh đã xoay chiều; ông xin về nhà để mang một môn thuốc khác đến chữa. Bà tôi cũng ưng lời, cấp cho ông ta mấy đồng ăn đường. Bà tôi cứ ra cổng ngóng đợi mãi. Tới bốn năm ngày vẫn không thấy ông lang trở lại. Rồi cô tôi chết. Khi sờ mình cô tôi thấy lạnh toát và biết rằng cái chết đã đến, bà tôi vừa khóc vừa kêu:

– Ới con ơi là con! Ới ông lang ơi là ông lang! Ông giết con tôi! Ới con ơi là con ơi!

Những câu đó khi đã mai táng cô tôi rồi, ngày nào cũng vậy, cứ buổi chiều tới, chuông chùa trong làng bắt đầu nổi lên, ngân nga qua xóm này sang xóm khác, bà tôi lại ngồi trên ngưỡng cửa hoặc ở một góc sân nức nở khóc mà thốt ra.

Tôi nghe thấy buồn rười rượi trong lòng. Tôi nhớ lại người cô tôi và cũng cùng ngay lúc đó tôi nghĩ tới mẹ tôi ở xa và tôi tưởng như cũng đã chết như cô tôi. Trông thấy bà tôi buồn rầu ủ rũ khóc, tôi chẳng biết làm thế nào, chỉ yên lặng lởn vởn xa xa bà tôi.

– Ới con ơi là con ơi! Ới cháu ơi là cháu ơi! Cháu khóc cô đi cháu ơi!

Bà tôi cứ láy đi láy lại mãi cái câu đó, thế rồi tôi cũng òa lên khóc theo bà tôi:

– Cô ơi là cô ơi.

Cái cảnh buồn thảm này cứ dằng dai cho tới mười chín, hai mươi ngày. Bà tôi ăn rồi lại nằm thở dài. Tôi không dám nghĩ tới sự nô đùa, cả ngày chỉ lủi thủi một mình ở đầu hè hay ngồi dựa lưng vào một góc cột nhà. Tôi nghĩ vơ vẩn, nhớ lời cô tôi, rồi nhớ tới cả mẹ

tôi. Nỗi nhớ nhung ấy thường hay đến trí tôi vào lúc buổi chiều, mặt trời đã gần tắt hẳn.

Tôi nhớ lúc cưới mẹ tôi, mọi người đều đi về phía Tây, trên con đường thẳng xuống bến đò. Chiều nào nhớ mẹ tôi quá, tôi lại ra cánh đồng nhìn về phía đó. Bao giờ cũng vậy, cứ đưa tầm con mắt về hướng ấy, tôi nhìn ngay thấy trước nhất cái gác chuông nhà thờ của một làng xa, màu trắng xóa, đứng sừng sững, vượt hẳn lên trên ngọn một hàng cau đen đen. Nhiều khi phía Tây còn ánh nắng cái gác chuông đó rõ ràng từng nét như khắc trên nền trời. Chẳng bao lâu cái gác chuông ấy đã là cái đích của những cuộc trông ngóng của tôi. Và hễ bước chân ra khỏi nhà là tôi nhìn ngay cái gác chuông đó. Chẳng bao lâu, tôi thấy hình như ở tại cái nơi đó có một hương vị gì thân mật, lưu luyến với tôi. Và tôi tin rằng cái gác chuông ấy thuộc về nơi ngày ngày mẹ tôi sống với người chồng thứ hai. Vì vậy mà cứ buổi chiều nào u ám, cái gác chuông ấy bị xóa mờ, tôi lại quay về ngay và tôi thấy buồn buồn, chẳng khác đứa trẻ đứng cổng chờ mẹ đi chợ về mà mãi không thấy bóng mẹ.

Cái chết của cô tôi có ảnh hưởng lớn tới gia đình bà tôi. Trong lúc bà tôi buồn bực về cô tôi chết, các chú, các thím tôi vẫn cãi cọ nhau và vẫn nói đến việc ra ở riêng. Bà tôi đành chiều ý để được yên nhà. Ba cái nhà tranh – một cái nhà thờ và hai cái nhà ngang – bà tôi phân chia như sau đây: Nhà thờ để cho hai mẹ con bác tôi. Mỗi chú tôi chiếm một cái nhà ngang. Cũng vào dịp ấy, bà tôi chia luôn cả cái gia tài của ông tôi để lại.

Người anh con ông bác tôi là trưởng, được một mẫu rưỡi. Mỗi chú tôi một mẫu. Về phần tôi, vì không được nhà và chỗ ở, bà tôi chia cho một mẫu và thêm hai sào vườn để làm nhà. Các cô tôi mỗi người sáu sào. Ruộng của cô thứ ba tôi, bà tôi giữ lại để mua hậu cho cô tôi.

Bắt đầu từ đó, cái gia đình mà bà tôi ra công giữ gìn để được đoàn tụ bị chia rẽ. Bà tôi và tôi ở chung với người chú lớn. Chú tôi được cấy thuê ruộng của tôi, cô tôi và sáu sào dưỡng lão của bà tôi.

Năm ấy tôi đã lên tám. Tuy trong làng có mấy thầy đồ dạy chữ Nho và một trường dạy các trẻ học Quốc ngữ, nhưng cũng không một ai nghĩ tới sự cho tôi đi học. Bắt đầu từ ngày cùng bà tôi ra ở riêng với chú lớn tôi, tôi phải đi chăn trâu cho chú tôi ngay.

Cái buổi đầu phải dắt trâu ra đồng, chú tôi đội cho tôi một chiếc nón rách chóp sờn cạp; chú tôi đặt chiếc thừng trâu vào tay tôi và dặn:

– Bao giờ mỏi tay thì trao dây thừng sang tay kia. Đừng có đi sát vào ngà trâu, lúc nó lắc đầu xua muỗi ngà nó húc vào người. Mà cũng không được kéo căng dây thừng quá, sứt mũi trâu rồi bán cả nghiệp cũng không tậu được con khác.

Chú tôi dặn tôi đến mấy lần và lần nào nói xong cũng nhắc lại câu:

– Đã nhớ kỹ chưa?

Tôi lững thững dắt trâu ra đồng. Lúc mới đầu con vật như khinh tôi quá bé bỏng, tôi lôi kéo thế nào cũng không chịu đi. Chú tôi phải phát mạnh nó một cái trên mông nó mới chịu theo tôi. Bà tôi trông theo tôi bảo khẽ:

– Chịu khó tập lam tập làm đi để ngày sau lớn kiếm bát cơm mà ăn, con ạ.

Tôi cầm chiếc thừng rất vụng về, không còn biết liệu chừng thế nào cho khỏi thòng quá hoặc căng quá. Tôi không cho sự phải đi chăn trâu như thế là khổ. Trái lại, cái buổi đó tôi thấy rất sung sướng. Từ trước tới nay, nào đã bao giờ tôi được tự do ra hẳn ngoài cánh đồng rộng để nô đùa, chạy nhảy. Những lúc ngó qua hàng rào sau nhà thấy những đứa trẻ chăn trâu trở về ngất ngưởng trên mình trâu hát, tôi không ao ước gì hơn là được như chúng.

Con trâu ngoan ngoãn theo tôi, gặm cỏ hai bên bờ đường.

Hết một cái bờ con, hết một đoạn đường cái thì ra tới đồng. Lũ trẻ chăn trâu ngơ ngác nhìn tôi và hỏi nhau:

– Đứa nào ấy nhỉ?

– Ừ trông là lạ. Nó chưa đi chăn trâu bao giờ thì phải.

– Trâu nhà ai thế chúng mày?

Một đứa nhớn trong bọn nói:

– À, tao biết rồi. Trâu của nhà ông xã G.

Thế rồi nó liền thoáng kể lại:

– Cái thằng ấy là cháu gọi ông xã G bằng chú. Mẹ nó đi lấy chồng xa, năm ngoái năm kia thì phải.

Đứa thứ hai ngồi trên mình trâu nói:

– Sao nó dại thế nhỉ, đi theo mẹ nó có hơn không. Việc gì phải ở với chú để phải đi chăn trâu. Chăn trâu thì sung sướng chó gì!

Cái câu nói cuối cùng của nó đã làm tôi phải ngạc nhiên; nhưng tôi cũng không nói năng gì, cứ lẳng lặng nhìn con trâu gặm cỏ.

– Thả trâu đấy rồi lại đây chơi với chúng tao, mày ạ.

Tôi lắc đầu. Một đứa dọa tôi:

– Dắt trâu ra đồng mà không thả nó ra, ông cho rồi nó lại không húc cho lòi ruột ra ấy à.

Tôi thành lo. Nhưng tôi không dám trái lời chú tôi, cứ bước một dắt con trâu trên đám cỏ. Chiều hôm ấy, khi tôi giong trâu về tới nhà, chú tôi ra vẻ bằng lòng lắm. Bà tôi nhìn bụng con trâu và khen tôi:

– Cháu tôi khéo đấy. Con trâu no căng bụng ra thế kia cơ mà.

Tôi sung sướng quá và chỉ mong cho chóng đến ngày mai để lại được đội chiếc nón chóp rách, dắt trâu ra đồng.

Ba gia đình tuy ở riêng, nhưng luôn luôn gần gũi nhau: chung sân, chung bếp, chung cổng đi và thường cũng có chuyện bất hòa. Bác dâu tôi và người con từ ngày dọn về ở mấy gian nhà thờ, trong nhà lại thêm có sự xô xát. Xô xát nhau về những công việc hằng ngày, xô xát nhau vì các đồ ăn thức dùng. Bát đũa nhà này sang nhà khác rồi nghi ngờ lấy lẫn của nhau. Cãi nhau về một chén mắm, một đĩa rau. Có khi nào mà ở gần nhau đến như vậy lại từ chối nhau một bát gạo những lúc xảy ra có nhà chưa xay được thóc.

Nhưng cũng có nhiều khi mọi người lại ra vẻ thân yêu nhau lắm. Những lúc đó thì thi nhau mà tử tế. Nhà này mang cho nhà kia bát riêu; nhà kia lại cho lại đĩa cá kho rồi khẩn khoản mời mọc nhau:

– Bát canh ngọt như chè đường, thím ăn với tôi một bát.

– Vâng. Xin bác. Cá kho này tôi kho có mật, có rau răm thơm lắm, bác ăn với tôi một khúc, chỗ chị em với nhau ấy mà.

Nhưng cái cảnh luyến ái ấy chỉ được một hai ngày. Rồi lại đâu hoàn đấy. Lại cãi nhau, chửi bới nhau. Và lúc đó người ta càng có dịp kể những điều hay người ta vẫn làm lẫn cho nhau. Ai cũng tưởng mình hiền lành tử tế hơn người khác.

Người này bảo mình cho nhiều hơn. Người khác chê các món ăn thiu thối rồi mới gọi cho nhau ăn.

Gay go nhất vẫn là sự xô xát giữa chú lớn và chú hai tôi. Ông em ra vẻ ganh tỵ với anh. Nhưng ông chỉ tìm chuyện lôi thôi với bà tôi:

– Mẹ gì mẹ thế! Cũng là con cả mà lại con ghét con yêu.

Bà tôi mắng:

– Con nào ghét, con nào yêu? Tao ở với nó cho nó cấy thuê mấy mẫu ruộng của cái đứa bồ côi, chứ tao chia sẻ gì cho nó. Rõ cái đồ chỉ khéo tham của bỏ người.

Chú tôi không nể lời:

– Tôi không nói với bà. Tôi nói với thiên hạ tham lam ấy.

Người chú lớn can thiệp ngay:

– Ái chà! Ăn với nói, thế mà cũng mở mồm ra! Thiên hạ! Ai là thiên hạ. Tao có cấy của bà lão mấy sào, của thằng bé mẫu ruộng, tao cũng phải trả thóc thuế chứ có dễ ăn không được đấy!

– Đây người ta cũng không thèm nói với cái hạng ấy.

– Hạng ấy là hạng nào? Chẳng ra gì tao cũng là anh mày, ăn nói thế mà mày nghe được à?

– Úi chà! Anh với chẳng anh!

Trước những cảnh bất hòa, bà tôi chẳng biết can ngăn ra sao chỉ thỉnh thoảng lại chêm vào một câu:

– Thôi, tôi xin các anh.

Hai người chú vẫn không ngừng xoi mói nhau, không thèm đếm xỉa gì đến lời nói của bà tôi. Bà tôi lại sụt sịt ngồi khóc:

– Các con ơi! Khổ lắm các con ơi! Các con chết đi bỏ lại một mình mẹ để người ta giày vò đến đận này. Các con dưới suối vàng có thấu cho mẹ không. Ngày nào người ta cũng đóng đám chửi bới nhau.

Người chú lớn quát:

– Thôi đừng dở trò điếc tai hàng xóm. Từ vụ sau, tôi trả ruộng bà, ruộng cháu bà, bà để cho ai cấy thì cấy, rồi bà đưa cháu bà đi ở đâu thì ở, cho cái thân tôi được thoát nợ.

Bà tôi nín hẳn khóc, sừng sộ thét lên:

– Mày không phải đuổi rồi bà cháu tao cũng đi. Rõ đồ bất nhân. Chao ôi! Con nào cũng ruộng ruộng trâu trâu chia cho đấy mà không đứa nào nó nuôi được lấy một bữa. Thực là mẹ nuôi con bằng trời bằng bể, con nuôi mẹ con kể từng ngày.

– Phải tôi chỉ có thế đấy thôi, ruộng với trâu của bà đấy, bà mang đi mà bán, tôi ăn mày nuôi thân.

Bà tôi dịu giọng, ra ý mỉa mai:

– Thôi tôi biết rồi! Anh thì nhà nào anh chẳng thông tỏ ngõ tường! Ở làng này, ai giàu ai nghèo, anh đã thừa biết rồi thì làm gì đi ăn xin chẳng đủ nuôi thân.

Đó là bà tôi muốn ám chỉ đến cái tính tò mò của chú lớn tôi. Ông ta có cái tài khéo dò la biết được trong làng ai có tiền, có bao nhiêu và vì đâu mà có... Đến nỗi trong làng mỗi khi ai túng bấn muốn biết trong làng ai có tiền để vay giật đều tới hỏi chú tôi.

Thấy bà tôi muốn nói bóng gió tới cái tính tò mò ấy của mình, chú tôi hung hăng cãi lại:

– Tôi thế nào kệ mẹ tôi! Không việc gì đến nhà bà.

Nghe câu nói hỗn xược, bà tôi tủi thân, nức nở khóc:

– Hờ ông ơi là ông ơi, ông không sống mà dạy lấy con ông. Ông đi vui thú những đâu đâu, ông để lại mình tôi khổ nhục đến đận này.

Những tiếng khóc của bà tôi càng lớn lên, tôi nghe càng thấy buồn thêm. Bà tôi mỗi ngày một già, cái tiếng khóc ấy cũng thay đổi đi. Cái giọng khàn khàn nho nhỏ nghe rờn rợn thương thương như tiếng kèn ngân hạ thấp trong đám ma. Tôi thấy tất cả người tôi rung động một nỗi buồn như lúc đánh mất thứ đồ chơi quý. Khi tôi nghe tiếng khóc đó và lại nhìn thấy bộ mặt nhăn nhó đau khổ đã thành vô hình vì bà tôi méo xệch hẳn mồm đi mà khóc. Những lúc chú tôi đánh mắng tôi, tôi cũng không thấy đau khổ buồn bực bằng khi bà tôi ngồi thu hình một nơi mà khóc. Tôi tin rằng chỉ có trẻ con, bé nhỏ như tôi mới khóc chứ một người già như bà tôi sao lại có thể khóc được.

Những lúc các chú tôi làm bà tôi phải đến khóc là lúc tôi ghét các chú tôi hơn cả. Muốn trả thù lại cho bà tôi, ra đồng tôi buộc trâu vào rễ cây đa rồi ra công đánh hai bên mông con trâu. Còn đối với người chú hai tôi, tôi dùng cái lối trả thù khác: dập tắt bếp lửa ủ trấu, đuổi con gà mái xuống ao. Cũng có khi tôi xúc trộm thật nhiều gạo, bọc kín dưới bụng. Lúc giong trâu ra đồng, gặp ai cho người ấy, cũng có khi tôi đổ lẫn với tro trong bếp.

Làm những việc ấy, tôi lấy làm đắc ý lắm. Muốn cho bà tôi biết là tôi thương bà tôi và thù ghét các chú tôi, tôi mang những chuyện ấy kể cho bà tôi nghe. Tôi thất vọng khi thấy bà tôi không những không khen ngợi tôi mà lại còn mắng tôi:

– Cha bố cái đồ ngu! Ai dạy mày cái ấy. Lần sau thì nhừ xương sớm thôi.

Ở với chú lớn được ít lâu, tôi thành chán, tuy tôi cũng không phải làm lụng vất vả gì, chỉ quanh quẩn với con trâu. Nhà và sân bao giờ chú tôi cũng tự quét lấy. Năng lau đồ đạc và năng quét nhà hình như là một tật của chú tôi. Hễ rỗi rãi, tôi chỉ thấy chú tôi buộc chổi, buộc rễ rồi quét. Quét hết mọi chỗ. Từ trong nhà ra tới sân, tới vườn. Khắp mọi nơi, không bao giờ có lấy một bụm cỏ mọc um tùm. Vào nhà ai, chú tôi cũng để ý tới vườn và sân trước nhất. Khen chê ai, chú tôi cũng chỉ nói nhà người ta nhiều bụi rác hay nhiều cỏ hoặc sạch sẽ nhẵn nhụi.

Tuy có được nhàn hạ thực, nhưng tôi cũng không thấy sự ở với chú lớn là dễ chịu. Cái cảnh đi chăn trâu đối với tôi không còn là sướng nữa. Tôi đã thành chán con vật và tôi cũng không nghe lời dặn của chú tôi nữa. Cứ ra tới đồng tôi thả trâu giữa đồng rồi đánh chắt, đánh thăng quan với mấy đứa trẻ khác. Đã một lần tôi mê man với những trò chơi đó đến nỗi trâu ăn lúa non của người khác rồi lạc đường đi sang hẳn làng bên cạnh mà tôi không biết. Buổi chiều hôm ấy, tôi lững thững về nhà... Một mình không có trâu! Tôi cứ thập thò ngoài cổng mãi không dám về. Chú tôi bổ đi tìm. Vừa bước ra khỏi cổng bắt gặp ngay tôi:

– Trâu đâu mà bây giờ mới về?

Tôi cúi gầm mặt không nói nửa lời. Chú tôi gắt:

– Trâu đâu? Đi chăn trâu về mà lại không có trâu?

Sau câu nói ấy là một cái tát đến lệch mồm, hoa mắt. Tôi vừa ệu mồm khóc vừa trả lời gióng một:

– Trâu... trâu lạc đâu... mất rồi...

Chú tôi hấp tấp chạy về nhà bảo mọi người biết, rồi mỗi người đi một ngả tìm trâu. Bà tôi ở nhà cứ nhắc đi nhắc lại:

– Chết mất cháu ạ. Mất trâu của nó thì bà cháu mình đến phải bán xới! Rõ khổ!

Nghe bà tôi nói, tôi cũng thấy sợ, nhưng tôi vẫn hơi mong cho chú tôi mất con trâu ấy để khỏi phải đi chăn.

Nhưng con trâu ấy không mất. Chú tôi tìm thấy một cách rất dễ vì cũng may, hôm ấy trước khi thả trâu tôi đã nghịch buộc chiếc nón

chóp rách của tôi vào đuôi nó. Nhờ có cái nón ấy, chú tôi đã nhận ngay được con trâu đang lội dưới cánh đồng bãi.

Rồi từ cái ngày ấy, chú tôi khắc nghiệt với tôi hơn. Cứ buổi chiều tới, khi dắt trâu ở đồng về, chú tôi lại giữ lại, không cho tôi dắt nó vào chuồng vội. Chú tôi đưa tay vỗ vỗ trên bụng con trâu. Có khi chú tôi búng búng như người thử quả mít chín. Hôm nào bụng con trâu kêu "cưng cưng" nghĩa là nó đã no thì tôi không bị mắng chửi. Nhưng bữa nào trâu đói vỗ bụng "bộp bộp", chú tôi phát tôi ít nhất là năm bảy cái trên lưng. Tôi lại lủi thủi đứng khóc ở đầu nhà. Bà tôi bênh tôi:

– Nó đã nhớn nhao gì! Nó bằng ngần nầy, làm được sao hay vậy.

– Chăn con trâu còn chẳng được, còn làm cái gì. Chỉ nuôi cho tốn cơm. Nó đi ngay đâu cho rảnh mắt.

Bà tôi lớn tiếng:

– Anh đừng có giở cái giọng nói kháy ấy ra! Chẳng sớm thì muộn rồi bà cháu tôi cũng đưa nhau đi.

Hễ bao giờ chú tôi lớn tiếng quá, bà tôi lại đành nhường lời và quay ra mắng tôi:

– Thế mày mới biết thân con ạ. Cái con mẹ mày mà không đi lấy chồng thì việc gì đến nỗi. Thằng S. nó chẳng sung sướng chán ra đấy à. Nó còn có mẹ nó.

S. là tên người anh con bác tôi. Từ ngày anh tôi về ở với bà tôi, chúng tôi cũng không ra chiều thân yêu nhau. Bác tôi không ghét bỏ gì tôi, nhưng cũng không ra vẻ thương tôi lắm. Thỉnh thoảng bác tôi cho quà, cho ăn cơm. Cũng có khi vá hộ tôi chiếc áo rách. Thấy mẹ tôi đi lấy chồng và bác tôi cũng chưa lấy gì làm già, bà tôi thành lo lắng cho anh tôi rồi cũng sa vào cái cảnh xa mẹ như tôi, bà tôi bèn xúi bác tôi quy chùa theo hẳn đạo Phật; ngày rằm, mồng một ra chùa lễ. Bà tôi tin rằng đã thành một "bà vãi" như thế thì chẳng còn dám nghĩ tới sự tái giá nữa. Bà tôi dỗ dành bác tôi:

– Quy chùa thì nào mất vốn mất lãi gì! Tháng tháng đóng góp chỉ độ bát gạo nếp, vài bao nến, vài thẻ hương mà ngày rằm, mồng một lễ Phật xong rồi lại ăn chứ đi đâu mà thiệt.

Bác tôi tỏ ý không ưng:

– Tôi tưởng chẳng làm gì mà lôi thôi thế. Người ta có già mới

quy chùa, chứ mình hãy còn trẻ, quy sớm rồi làng nước người ta lại cười.

– Rõ khéo! Ai cười! Đi quy chùa chứ đánh đĩ theo trai gì mà người ta cười... Mình chẳng già cũng lấy làm già. Trời bắt tội góa bụa nhưng cũng đã bù lại cho được mụn con rồi.

Bác tôi chép miệng:

– Tu đâu cũng chẳng bằng tu nhà.

Bà tôi vẫn kiên tâm dỗ khéo:

– Vẫn hay là thế! Nào tôi có chê trách chị điều gì. Được như thế này chị cũng đã là hơn người rồi, nhưng quy chùa để còn lễ bái cầu nguyện cho linh hồn bố cái thằng trưởng, nó phù hộ độ trì cho mà dễ làm ăn. Được như thế mới là nhà có phúc, chị ạ.

Mấy lần bà tôi dỗ ngọt ngào như thế, rồi bác tôi ưng thuận quy chùa. Kể từ ngày đi quy, nghe giảng giải kinh kệ, bác tôi cũng có tỏ lòng thương yêu tôi hơn trước đôi chút. Nhưng mặc dầu, hai anh em tôi vẫn không hề thuận hòa. Những lúc không có điều gì xô xát giữa hai chúng tôi, anh tôi và tôi chỉ rủ nhau đi chơi quanh. Khi thì chúng tôi đào khoai trộm ở vườn hàng xóm, khi thì chúng tôi đưa nhau đi tắm sông. Hai chúng tôi đã nhiều lần gây nên những chuyện rắc rối khiến nhiều người trong xóm phải tới tận nhà mách bà tôi hoặc chú tôi. Trong những lúc đó, bao giờ tôi cũng là đứa có tội, hay bày trò. Thường thường bà tôi chỉ mắng qua cả hai đứa, nhưng chú tôi thì không tha một trận đòn nào bao giờ. Những lúc anh tôi phải đòn đau hơn, anh tôi lại tìm cách đánh thêm tôi. Tôi cũng tìm cách đánh lại, nhưng anh tôi khỏe hơn, bao giờ tôi cũng phải chịu thua. Thấy tôi khóc lóc, bác tôi chỉ lẩm bẩm:

– Những cái của quỷ này chỉ trêu ghẹo nhau suốt ngày.

Rồi bác tôi khẽ mắng anh tôi:

– Mày cứ liệu! Đánh nó rồi bao giờ mẹ nó về nó mách mẹ nó thì lại giờ hồn sớm!

Nhưng bà tôi lại khác; cứ mỗi khi tôi phải đánh nhiều, bà tôi lại nói mát:

– Một ngày hai bữa cơm rau mà tý tý lôi thằng bé ra đánh, nó còn lớn sao được.

Chú tôi cãi lại ngay:

– Rõ khéo! Chúng nó chòng nhau thì chúng nó khóc chứ ai đánh đấm gì nó! Thôi, bà dắt nó đi đâu thì dắt!

Thấy chú tôi to tiếng quá, bà tôi lại mắng anh tôi:

– Cái thằng ranh con kia, mày cậy có mẹ, mày chỉ bắt nạt nó suốt ngày. Cái con mẹ mày không biết bảo mày hay sao!

Thế là bác tôi lại đối đáp ngay:

– Chúng nó bé, chúng nó chòng giỡn nhau chứ ai xui. Không trách được!

– Không trách được làm sao! Có dễ bây giờ mày cũng vào hùa với những cái quân ấy mà chửi bới bà cháu tao đấy hẳn.

Cuộc cãi lộn tay ba bắt đầu. Chú tôi không nể lời, bác tôi cũng gớm, bà tôi không chịu.

Cái cảnh sống gần nhau mà bao giờ cũng hắt hủi nhau, coi nhau như kẻ thù ấy khiến mọi người đều như xa lạ cả. Cũng vì thế mà anh tôi và tôi tuy xuýt xoát tuổi nhau, có thể thành một đôi bạn được mà hễ gần nhau là chỉ tìm miếng để đánh đấm nhau.

Vào hồi đó, chú hai tôi không muốn sống gần người chị dâu và anh nữa, bán lại miếng đất ở cho chú lớn tôi rồi dỡ nhà mang đi làm ở một khu vườn cách nhà chú tôi một cái ao.

Lúc mới đầu bà tôi còn không bằng lòng, nhưng chú tôi quả quyết quá, bà tôi đành chịu. Khi chú tôi đã đi rồi, vườn, sân trông cứ rộng thênh thang. Bà tôi thấy trống trải quá lại chửi thầm chú hai tôi là vô ơn, bỏ mẹ mà đi ở chỗ khác.

Nghĩ đến cái cảnh hai người con trai xa hẳn nhau, bà tôi lại lo cho hai gia đình của hai chú tôi rồi đến ngày đổ nát. Chú lớn tôi cứ hành hạ tôi, giày vò bà tôi; bà tôi lại đem lòng thương người con thứ hai, chẳng biết xa bà tôi thì làm ăn ra sao. Bà tôi vẫn tưởng như không có bà tôi can thiệp tới mọi việc nhà, ắt gia đình chú hai tôi không thể vững vàng được. Bà tôi bèn thu dọn bỏ chú lớn tôi rồi về ở với chú hai tôi. Từ đó, những ruộng của bà tôi và tôi lại về phần chú hai tôi cấy thuê.

Cái buổi hai bà cháu tôi đưa nhau về nhà chú hai tôi hãy còn ghi khắc rõ ràng trong trí nhớ tôi: bà tôi đi trước, một tay bưng một

chiếc thúng đựng ít quần áo rách của hai bà cháu. Tôi lẹt đẹt theo sau, đầu trọc hếu, xách cho bà tôi đôi dép da trâu ba quai và một chiếc lọ thủy tinh đựng ít cau khô.

Muốn tránh gặp nhiều người hỏi chuyện lôi thôi, bà tôi đã ra đi vào lúc tối khuya, trốn lẩn đủ hết mọi người trong nhà. Bà tôi rờ rẫm trong đêm tối. Tôi run run lo sợ nhìn những hình cây đen ngòm lù lù trước mặt. Từ cái buổi đó, hai bà cháu tôi đổi chữ...

Sống nhờ, tiểu thuyết,
Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội, 1942.

NGUYỄN HUY TƯỞNG
(1912 - 1960)

Ông sinh ngày 6 tháng 5 năm 1912, là con một gia đình Nho khá giả nhưng có tinh thần yêu nước, ở xã Dục Tú, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Thời học sinh, Nguyễn Huy Tưởng tham gia phong trào yêu nước của thanh niên học sinh Hải Phòng, rồi gia nhập Việt nam Quốc dân đảng (1929). Khởi nghĩa Yên Bái thất bại, ông hoang mang dao động, chuyển sang cuộc đời công chức. Năm 1942, Nguyễn Huy Tưởng giác ngộ cách mạng tham gia phong trào Việt minh. Năm 1943 ông gia nhập Hội Văn hóa cứu quốc. Tuy say mê văn học và tập viết văn từ sớm, nhưng đến giai đoạn này, ông mới có những thành công thực sự. Các tác phẩm *Đêm hội Long Trì* (tiểu thuyết, 1942), *Vũ Như Tô* (kịch 1943), *An Tư* (tiểu thuyết viết dở, 1944), *Cột đồng Mã Viện* (kịch, 1944)... tuy còn nhiều nhược điểm, nhưng đã đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước anh hùng của nhân dân ta, và thể hiện một quan điểm lịch sử tiến bộ.

Năm 1945, Nguyễn Huy Tưởng được cử vào đoàn đại biểu của Hội Văn hóa cứu quốc đi dự Đại hội quốc dân Tân Trào. Cách mạng Tháng Tám thành công, ông được bầu vào Quốc hội khóa I. Nguyễn Huy Tưởng tích cực hoạt động xây dựng phong trào văn nghệ cách mạng. Thời kháng chiến chống Pháp, trong nhiều năm, ông là Ủy viên Thường vụ Hội Văn nghệ Việt Nam và là Thư ký Tòa soạn tạp chí Văn nghệ. Hòa bình lập lại trên miền Bắc, ông tham gia Ban Chấp hành Hội Nhà văn, và làm Giám đốc Nhà xuất bản Kim Đồng.

Nguyễn Huy Tưởng mất ngày 25-7-1960.

Những tác phẩm chính sau cách mạng: *Bắc sơn* (kịch, 1946), *Những người ở lại* (kịch, 1948), *Anh Sơ đầu quân* (tập kịch, 1949), *Ký sự Cao Lạng* (1951, Giải thưởng văn nghệ 1951-1952), *Truyện anh Lục* (tiểu thuyết, 1955), *Bốn năm sau* (tiểu thuyết, 1958), *Lũy hoa* (truyện phim, 1960), *Sống mãi với Thủ đô* (tiểu thuyết, 1960).

Dù viết về đề tài lịch sử hay thời sự, tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng đều thấm đượm chủ nghĩa yêu nước, lý tưởng anh hùng và chất lãng mạn cách mạng. Văn Nguyễn Huy Tưởng bao giờ cũng trong sáng, đôn hậu. Ông cũng là tác giả của nhiều tác phẩm hay viết cho thiếu nhi *(Lá cờ thêu sáu chữ vàng, Tìm mẹ, An Dương Vương xây thành ốc)*.

Kịch của Nguyễn Huy Tưởng được giới thiệu ở tập 25 của bộ Tổng tập này. Ở đây chỉ giới thiệu tiểu thuyết của ông.

Những tác phẩm tuyển dưới đây, trước khi đưa in, chúng tôi đã sửa chữa đôi chút (chủ yếu về văn) căn cứ vào di cảo của nhà văn.

TÁC PHẨM ĐÃ XUẤT BẢN CỦA NGUYỄN HUY TƯỞNG:

Trước cách mạng:

– *Đêm hội Long Trì,* tiểu thuyết, đăng báo *Tri tân* từ số 73 (24-11-1942), đến số 107 (12-8-1943).

– *Vũ Như Tô*, kịch, đăng báo *Tri tân* từ số 18-11-1943 đến số 20-4-1944.

– *An Tư,* tiểu thuyết, đăng báo *Tri tân* từ số 146 (15-6-1944) đến số 195 (12-7-1945), (chưa hết).

– *Cột đồng Mã Viện*, viết năm 1945, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1963.

Sau cách mạng:

– *Bắc sơn*, kịch diễn lần đầu tại Hà Nội ngày 6-4-1946.

– *Những người ở lại,* kịch, Nhà xuất bản Văn nghệ 1948.

– *Anh Sơ đầu quân*, kịch, Nhà xuất bản Văn nghệ, 1949.

– *Ký sự Cao Lạng*, Giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1951-1952. Nhà xuất bản Văn nghệ, 1951.

– *Gốc đa*, truyện, Nhà xuất bản Văn nghệ, 1954.

– *Gặp Bác*, ký, Nhà xuất bản Văn nghệ, Hà Nội, 1955.

– *Truyện Anh Lục*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Văn nghệ, Hà Nội, 1955.

– *Bốn năm sau,* tiểu thuyết, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1959.

– *Lũy hoa,* kịch bản phim, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1960.

– *Sống mãi với Thủ đô*, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1961.

– *Tập truyện ký sự*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1963.

– *Kịch Nguyễn Huy Tưởng*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1963.

– *Truyện viết cho thiếu nhi*, tập truyện, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1966.

– *Nguyễn Huy Tưởng tuyển tập*, Nhà xuất bản Tác phẩm mới, Hà Nội, 1978.

Tác phẩm viết cho thiếu nhi:

Trước cách mạng:

– *Cô bé gan dạ.*

– *Truyện Tấm Cám.*

– *Truyện bánh chưng.*

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

(Tiểu thuyết – Trích)

Tiểu thuyết lịch sử *Đêm hội Long Trì* là tác phẩm đầu tay của Nguyễn Huy Tưởng, được đăng trên tuần báo *Tri tân* từ 24-11-1942 đến 12-8-1943 và xuất bản thành sách năm 1944.

Dựa vào *Hoàng Lê nhất thống chí, Tang thương ngẫu lục, Vũ trung tùy bút...*, Nguyễn Huy Tưởng thuật lại những âm mưu xảo quyệt của Tuyên phi Đặng Thị Huệ và những tội ác đẫm máu của "cậu Trời" Đặng Lân – em trai Tuyên phi – tiêu biểu cho những thế lực cường bạo dâm ác của bọn phong kiến.

Quận chúa Quỳnh Hoa, con gái của Tĩnh Đô vương, một thiếu nữ có tài có sắc, nhân đêm hội Long Trì mở một cuộc thi thơ. Nhiều văn nhân đã nô nức hưởng ứng, trong đó có Bảo Kim, một danh sĩ tuổi trẻ tài cao, vốn thầm yêu trộm nhớ Quỳnh Hoa và cũng được Quận chúa yêu quý. Đặng Lân tới phá đám cuộc vui, nhưng bị Nguyễn Mại, một võ tướng, bạn của Bảo Kim trừng trị.

Say mê nhan sắc của Quỳnh Hoa. Lân nài xin chị buộc Tĩnh Đô vương phải gả con gái cho mình. Trịnh Sâm rất bối rối, phần thì nể Tuyên phi, phần thì lại thương con gái, lẽ nào lại gả con cho một tên vô lại. Cuối cùng, không thể làm phật ý người ái phi, Chúa đành quyết định gả Quỳnh Hoa cho Lân, nhưng bắt hắn phải chờ hai năm, khi Quận chúa tròn mười tám tuổi mới được động phòng hoa chúc.

Trong bữa tiệc đêm tân hôn, sau khi nổi cơn khát máu ra tay giết chóc điên cuồng. Lân nhất định đột nhập lầu Quận chúa. Lương Ngự sử và Khê Trung hầu, hai vị lão thần ngăn cản, đã bị Lân và bọn tay sai đánh chết.

Hành động hung bạo ngang ngược của Đặng Lân đã khiến Nguyễn Mại căm phẫn. Bất chấp mọi tai họa có thể xảy ra, với tư cách là quan Hộ thành, Nguyễn Mại đã "thể lòng mong muốn của muôn dân" dũng cảm trừ diệt Lân trong khi hắn đang vây màn hãm hiếp cô Ngọc, con gái một viên Tri huyện.

Để trả thù cho em, Tuyên phi tìm đủ cách ép Trịnh Sâm trị tội Nguyễn Mại. Tuy mê mệt Đặng Thị Huệ đến mức mù quáng, nhưng Tĩnh Đô vương vốn là người "cương minh, anh đoán, trí tuệ hơn người", nên đã kịp thời tỉnh táo, nghe theo lời can ngăn của mẹ và ý kiến ủng hộ Nguyễn Mại của nhân dân, quyết định tha bổng viên tướng trẻ tuổi, cương trực ấy.

Ba đoạn trích dưới đây kể lại:

– Cảnh đêm hội Long Trì.

– Việc Nguyễn Mại cứu Bảo Kim và trừ diệt Đặng Lân.

– Nỗi khổ tâm của Trịnh Sâm trước sức ép của hai phía – Tuyên phi và mẹ.

... Khi bọn Bảo Kim tới Bắc cung thì hội mới bắt đầu khai mạc. Với chúa Tĩnh Đô, hội Trung thu lại càng náo nhiệt, và năm nay hội tưng bừng hơn cả mọi năm.

Được vào đây, chỉ có những người trong hoàng gia, những người ngoài phủ chúa, những quan to, những mệnh phụ, những tiểu thư. Và cả những thư sinh cũng được vào. Muốn thưởng những chiến sĩ đã chiến thắng quân Nguyễn ở Phú Xuân, chúa đặc biệt cho cả những quan võ nhỏ được dự vào cuộc vui rất trọng thể này.

Hội Long Trì đã thành một nơi Bồng Lai mộng ảo, cách biệt với phàm trần. Hồ rộng hơn nửa dặm, thả rất nhiều sen ấu. Bên hồ, có đắp những ngọn giả sơn rất to hoặc bằng đá. Trong hang, trong hốc, hoặc trên đỉnh, hoặc dưới chân hoặc trước, hoặc sau, ẩn ẩn, hiện hiện, có những chàng Tương Như, hay những gã Tiêu Lang ngồi hòa nhạc, ăn mặc ra vẻ tiên phong đạo cốt. Núi vọng ra những tiếng bổng, tiếng chìm, tiếng ti, tiếng trúc, nghe lả lướt du dương. Bờ hồ, trên cành hàng mấy trăm gốc phù dung dương liễu, có treo muôn thứ đèn lồng bằng gấm vóc. Những đèn ấy đều do chúa Tĩnh Đô sai cung nữ chế ra, tinh khéo tuyệt vời, mỗi chiếc đáng giá mấy lạng bạc. Xa trông như muôn vàn sao lốm đốm sáng.

Và bàng bạc khắp nơi, tô điểm thêm lên là ánh trăng rằm. Trăng không trong, hơi đục, nên cảnh sắc càng thêm mông lung phiêu diêu. Đường đi, bóng cây in xuống, khi xóa, khi hằn, theo với gió thu. Trời chưa mát, nhưng cũng không nực lắm. Hai bên đường, hoặc dựa vào chân núi, hoặc nối liền hai ngọn núi, hoặc dựng trên sườn, hoặc dựng biệt lập một nơi, có những cửa hàng bán khắp đồ tạp hóa phương Nam, phương Bắc, cho chí thịt, quả, rượu, nem không gì là không có. Những quan nội thị đều chít khăn vuông, ăn mặc như đàn bà. Họ giữ việc bán hàng.

Nhưng họ có bán đâu! Bọn cung nữ đi đi lại lại trong chợ, những tiếng hàng rau, hàng cá mà nói chua nói chát lẫn nhau, tha hồ mà cướp mà mua, không hỏi giá cả gì. Họ tranh nhau lấy. Những mệnh phụ, những tiểu thư cũng bỏ thói đài các, ăn mặc trá hình, người quen không nhận ra nhau được, đi lẫn lộn với bọn trên, hoặc mua hoặc bán, lời ăn tiếng nói cũng rất là phóng túng.

Theo ý Chúa, trong đêm duy nhất này, người ta sẽ sống thực tự do, nô đùa cực suồng sã, không biết tôn ti trật tự là gì nữa. Và sau

cuộc vui hỗn hợp này, ai lại trở về bổn phận nấy, có chăng nữa chỉ còn giữ chút hương vị cuộc vui như một giấc mộng vàng.

Chúa Tĩnh Đô chưa ngự tới, nhưng người mỗi lúc một đông. Sáu người bạn của Bảo Kim cảm thấy cái thú cuồng dại đi bên muôn thức bông hoa, phần nhiều đội lốt những đàn bà con gái nhà quê, nhưng vẫn không sao giấu được vẻ phong lưu quý phái.

Duy có Bảo Kim là thờ ơ hết cả. Năm ngoái, chàng có cái cảm giác mê ly như chúng bạn chàng, nhưng năm nay chàng khác hẳn. Mắt chàng chỉ tìm kiếm một người mà đã sáu tháng nay chàng trộm nhớ thầm yêu, chàng chắc rằng trong đêm hội này, thế nào nàng cũng ra dự. Nhưng đi đã lâu mà chưa gặp. Chàng dừng lại bên một cây dương liễu, mơ mộng nhìn ra Long Trì xem ánh trăng đậu trên những lá ấu sen.

Các bạn vốn yêu Bảo Kim, nên cũng đứng lại theo chàng.

Lưu Sĩ Trực mải tặng một thiếu nữ đi qua một cụm hoa sen, thấy các bạn xúm quanh Bảo Kim, bèn quay lại hỏi:

– Đang vui, đứng lại làm cái gì? Đêm nay một khắc là một nén vàng, bỏ qua thì thiệt lắm. Trông kìa, đi mau đến...

Vừa nói vừa lấy tay chỉ phía bên kia hồ. Chỗ ấy sáng bật hơn mọi khu, vì đèn lồng và đèn xếp rất nhiều.

Một chiếc túi thêu ném trúng ngực Bảo Kim giữa những tiếng cười của một bọn thiếu nữ ăn bận lối con gái làng Lim. Người thanh niên cúi xuống nhặt lên xem, thì là một túi đựng hai miếng trầu mùi thơm thoang thoảng. Đáng nhẽ như mọi năm, thì chàng đã sấn lại trêu bọn thiếu nữ, mở túi ra lấy trầu mời mọc và bắt đầu một câu chuyện tình lứt ra không hết. Nhưng năm nay chàng bỏ qua.

Chàng cũng chẳng để ý xem ai đã vứt túi. Lãnh đạm và tàn ác, chàng tới gốc một cây dương liễu, buộc túi gấm vào một đầu cành, rồi buông ra cho cành là xuống mặt nước.

Trần Thành, người bộc trực nhất trong bọn, hỏi:

– Anh làm gì mà giận dữ người ta thế?

Bảo Kim cười đáp lại:

– Coi thường tất cả.

Bọn con gái lấy làm phật ý vì thái độ ghẻ lạnh của chàng. Một người vốn mộ văn chương của Bảo Kim, đã sắm một chiếc quạt lụa

nan ngà, định xin chàng một bài tứ tuyệt, thấy cử chỉ chàng như thế, đành phải giấu chiếc quạt vào trong bọc.

Các bạn giục giã. Đỗ Tuấn Giao, xinh đẹp như cô con gái, gắt gỏng hỏi Bảo Kim.

– Thế nào? Bắt người ta chết đứng cả đây à? Si tình nên tính quẩn. Có đi thì mới tìm thấy trăm năm, ai người ta làm cỗ sẵn cho mình?

Bảo Kim tự biết phiền các bạn. Chàng nói:

– Các anh tha lỗi cho, tôi lãng quên mất. Vậy ta đi nào.

Họ lại rẽ sóng giai nhân, thẳng chỗ sáng nhất mà đi. Một cái vỏ chuối ném vào giữa mặt Bảo Kim, tiếp theo một tràng tiếng chua ngoa:

– Danh sĩ Bảo Kim sang năm đi thi thì trượt nhé.

Bảo Kim lấy khăn tay lau mặt, thản nhiên không nói gì.

Nhưng khi bỏ chiếc khăn tay vào túi, nhìn phía trước mặt, chàng bỗng rú lên một tiếng vui mừng. Dựa vào chân một cái giả sơn, rất cao, là một ngôi hàng rất xinh và sáng sủa, bán rượu, hoa quả và bánh trái. Trên tường treo la liệt những câu đố, những bức tứ bình; mấy cây dương liễu trước nhà, rủ xuống những dải lụa trắng bay phất phới theo chiều gió.

Chủ hàng là một thiếu nữ kiều my: Quỳnh Hoa Quận chúa, ái nữ Tĩnh vương, người mà Bảo Kim mơ ước. Trước cửa hàng, khách đã ngồi đầy, phần nhiều là những thi nhân mặc khách. Một bọn thị nữ đang tấp nập bán hàng.

Quận chúa trạc 16, 17 tuổi, nàng hơi xanh dưới ánh trăng thu, người hơi gầy, nhưng vẻ thanh tú. Nàng bận chiếc áo Đồng Lầm, chít khăn vuông mỏ quạ. Mắt nàng chợt gặp mắt Bảo Kim. Chàng ngoảnh đi và nàng cúi gầm mặt xuống.

– Đích thị rồi, Quỳnh Hoa Quận chúa.

Hoàng Đinh Nghiễm, người nhiều tuổi nhất trong bọn hỏi:

– Vào chứ, anh Kim?

Rồi Trần Thành, Lưu Sĩ Trực và hai người nữa là Vũ Hoành, Lê Bá Hồ cùng phá lên cười, khiến cho các cống sĩ ngồi trong hàng đều phải ngoảnh ra.

Bảo Kim còn đang lúng túng thì hai người thị nữ cũng ăn mặc quê mùa cầm đèn lồng bước lại, kính cẩn thưa:

– Xin mời liệt vị vào hàng xơi nước. Nhân gặp tiết thu, cô chúng tôi có mở một ngôi hàng nhỏ để tiếp các văn nhân và tập đòi thi lễ. Nay trường bút chiến mới bắt đầu, mời liệt vị cùng vào dự cuộc cho thêm phần long trọng.

Cả bọn đồng thanh nói:

– Xin đa tạ và lĩnh ý.

Anh em Bảo Kim theo hai người thị nữ bước qua thể môn, trên treo một cái đèn tuyệt mỹ, có đề ba chữ "Quần anh hội".

Bọn văn nhân ngồi trước cửa hàng có đến hai ba chục người. Trước mặt người nào cũng có văn phòng tứ bảo. Thấy có khách lạ, họ đứng dậy thi lễ. Nhưng khi nhận kỹ ra là bọn Bảo Kim, người nào người ấy đều có ý gờm gờm. Một người còn lẩm bẩm:

– Chúng nó vào thì mình còn mong giật giải giật lèo làm sao được?

Trong chốn kinh thành, bọn Bảo Kim đã lừng danh hay chữ, Bảo Kim lại trội hơn cả anh em. Người Kẻ Chợ đã tặng cho chàng tiếng danh sĩ. Tuy còn ít tuổi, nhưng chàng đã bác lãm quần thư, nghị luận giỏi và văn chương tao nhã.

Bảy anh em đến ngồi quanh một cái kỷ. Thị nữ bưng một cái đĩa sứ lớn đầy hoa quả, và một khay bạc đầy bánh trái. Một người lễ phép thưa:

– Xin liệt vị chiếu cố.

Bảo Kim nói:

– Trước khi nhận quà ban tặng, xin cho dự trường bút chiến đã. Chúng tôi có hai bàn tay trắng đến đây chỉ có chút "quà" văn tự tặng chủ nhân. Xin cho dự cuộc.

Quỳnh Hoa đã tới trước mặt. Nàng tươi cười nói:

– Đây là chút lễ tiên kiến. Đối với cao sĩ, vật mọn này chỉ khiến kẻ yêu văn thêm thẹn. Liệt vị hãy chiếu cố cho. Vả liệt vị đến chậm, nên đợi cuộc thi sau. Trong trường văn phải lấy chữ công bình làm cốt.

Lời nói nhẹ như tơ, tự nó đã có một nhạc điệu tuyệt vời. Bảo Kim đứng ngây nhìn người mà chàng vốn hâm mộ tài sắc. Trước kia chàng mới có cái hân hạnh nhìn trộm nàng ở xa, không ngờ nay lại có cái diễm phúc được gần người ngọc. Mắt chàng ngốn cái sắc thanh kỳ kia, lòng chàng hồi hộp, chàng muốn nói mà không sao nói được.

Từ chỗ giả sơn cạnh đấy, một bài lưu thủy do một chàng Tiêu nào đưa lại như lôi hồn chàng theo dòng suối Thiên Thai.

Hoàng Đình Nghiễm thay mặt anh em, vòng tay thưa:

– Tiểu sinh chúng tôi đến chậm, đã là một tội. Lại để lỡ một dịp ca tụng trăng thu, và sắc đẹp của nữ chủ nhân, chẳng hóa ra lại thêm một tội nữa. Xin nữ chủ nhân cho thi ngay.

Đỗ Tuấn Giao nói:

– Xin nữ chủ nhân cứ cho phép, dù làm dở bài, mang tiếng dốt, chúng tôi cũng xin chịu.

Quỳnh Hoa nghiêng mình đáp:

– Đó là quyền của liệt vị, tôi đâu dám ngăn cản.

Đầu đề là "Trung thu Long Trì dạ hội phú" (thể lưu thủy). Văn phòng tứ bảo đã đem bày trên kỷ. Các bạn Bảo Kim bắt đầu cấu tứ. Chung quanh, chỉ thấy những nét mặt trầm ngâm. Vài người đã hí hoáy viết trên giấy hoa tiên.

Bài ra dễ, nhưng văn cũng dễ sinh sáo. Quỳnh Hoa đã lui đi đâu mất. Chàng còn say đắm sắc đẹp và hương thơm của giai nhân. Lòng chàng tràn ngập một mối tình bồng bột. Chàng lẳng lặng đứng dậy, bước ra khỏi hàng. Mọi người đều lấy làm ngạc nhiên. Duy các bạn chàng biết tính.

Chàng trèo lên một ngọn giả sơn cao, bao quát cả Long Trì, xa xa là Bắc cung lẩn trong bóng tối. Cả cái vẻ lộng lẫy của đêm hội Trung thu, trăng lồng bóng nước, đèn ẩn cành dương, giọng nói, câu cười, tiếng ca, tiếng quản, toàn cảnh mơ hồ như một giấc chiêm bao. Cả một cuộc tao phùng với khách giai nhân và một mối tình chân thành không bờ, không bến... Chàng chợt thấy thời khắc mong manh, lưu luyến đêm vui, và hồn thơ đột nhiên dào dạt.

Quỳnh Hoa lấy làm lạ. Nàng lo ngại cho Bảo Kim. Nàng lại tự trách có điều chi sơ suất khiến cho chàng phật ý. Nàng mới gặp chàng mấy lần, nhưng đã nghe tiếng chàng nhiều lắm. Đối với chàng công tử phong lưu ấy, nàng có rất nhiều thiện cảm, hơn nữa, một mối tình u uẩn. Trong ngày hội này, nàng mong gặp chàng và mong nhất được chính mình thưởng thức tài văn chương lỗi lạc của chàng. Nàng lo sợ không có cái may ấy. Nhìn một loạt những người đang múa bút làm văn, nàng chỉ thấy toàn một hạng tầm thường, khí cục ti tiểu, kém Bảo Kim xa.

Nhưng Bảo Kim đã trở vào, chàng như hiện thân của cảm hứng. Mọi người ngẩng đầu nhìn chàng, lo sợ một sự dị kỳ. Chàng về chỗ, chậm rãi mài mực, dầm ngọn bút lông, rồi say sưa như một người đánh bạc, chàng cắm đầu thảo, chỉ một loáng ba tờ hoa tiên đã đặc và bài phú đã thành. Khi chàng đề lạc khoản xong thì đã có nhiều người đem quyển nộp. Chàng nén lòng chờ các bạn cùng đem lên một thể.

Quỳnh Hoa chuyển giao hơn 30 quyển vào trong vườn sau, một nơi tịch mịch và u nhã, ở đó có hơn mười vị đại khoa đang ngồi uống trà bên khói trầm nghi ngút. Nàng vốn là một tay giỏi về thi phú, nhưng tự biết mình còn trẻ, ý tứ còn nông nổi, không thể thưởng thức hết được những áng văn của các danh sĩ đất Thần kinh, vì thế nàng mới xin Tĩnh vương tuyển giúp nàng những tay lão thành hay chữ để chấm văn thi. Các cụ là chân đại khoa, nên xem văn rất chóng. Chấm đã được hơn mười bài, mặt Quỳnh Hoa chợt sáng lên. Nàng thấy quan Thị lang Ngô Thời Sĩ cầm lấy quyển mà nàng biết ngay là của Bảo Kim; có lẽ chỉ duy có chàng viết thảo.

Ngô Thị lang cau mặt nói:

– Có được phép viết thảo không?

– Không được, một cụ đáp.

– Nhưng nét bút tươi và tung hoành, và xem mấy câu đầu thì thực là tài lỗi lạc.

Cụ bỗng cầm bút son khuyên lia khuyên lịa. Quỳnh Hoa sung sướng. Ngô Thị lang là chân Bắc đẩu trong cõi văn chương thời bấy giờ, cụ đã khuyên, chắc văn phải cứng lắm. Cụ bỗng quăng bút nói to:

– Thiên cổ kỳ tài. Bọn mình không sánh kịp. Hay lắm, hay lắm, hay đến nỗi không muốn chấm những bài kia nữa. Khí hùng kính như phú A Phòng, đài các như tự Đằng Vương các, nhẹ nhàng phiêu dật như phú Xích Bích, thực là lời gấm, lời vóc, suối ngọc, kho vàng. Tuyệt phẩm văn chương, nói không hết được.

Rồi cụ lanh lảnh ngâm bài phú của Bảo Kim cho các bạn nghe. Quỳnh Hoa bỗng cảm thấy cái thú tuyệt kỳ nghe bài văn tao nhã, sáng dịu như vầng trăng, nhẹ như gió thu, dâng muôn tiếng nhạc, khêu vạn lời tình.

Ngô Thị lang nhấp chén trà nói:

– Cả một đoạn sau cùng, sau khi tả hết cuộc vui, buông lời nhớ

tiếc, tưởng bóng giai nhân, bùi ngùi cho nhân thế, cảm khái nồng nàn, *chí tình chí thiết, thực mà không thô, tình tứ mà không dâm,* lời đẹp mà không sáo.

Quay hỏi Quỳnh Hoa:

– Chỉ tiếc bài phú này viết thảo. Chẳng hay quận chúa nghĩ sao?

Quỳnh Hoa nói:

– Văn chương là phần chính, tôi không bắt buộc viết chân phương. Xin Thị lang và các quan cứ xem văn mà đánh giá.

Thị lang nói:

– Quận chúa dạy thế là phải.

Một lúc sau, chấm xong, các quan theo Quỳnh Hoa ra ngoài hàng. Bọn văn nhân đang ngồi hỏi nhau về chữ, vặn nhau về điển, hoặc ăn bánh, hoặc uống chè, thấy các quan và Quận chúa đi ra đều một loạt đứng dậy.

Ngô Thị lang nói:

– Xin liệt vị an tọa. Nhân đời thịnh trị, ta mới có cuộc vui tao nhã này. Chúng tôi được chấm văn anh em đây thực là một điều đặc hạnh. Chúng tôi đã lấy bài phú của Bảo Kim làm nhất. Đáng lẽ thì bài ấy không trúng cách, vì viết thảo. Nhưng thể theo lời nữ chủ nhân đây, chúng tôi cứ xem văn mà đánh giá. Chúng tôi sợ là có tuổi, ý kiến hồ đồ, vậy xin liệt vị chọn lấy một người có giọng tốt, ta cùng bình bài phú ấy và cùng thưởng thức một áng văn hay trong đêm thanh gió mát này. Các vị nghĩ sao?

Mọi người thấy Ngô Thị lang thì chắc chắn là sự chấm văn không có gì nhầm lẫn. Huống chi họ vẫn phục tiếng Bảo Kim, nên thấy giải nhất về chàng, không ai lấy làm lạ.

Một người nói:

– Triều đình còn lấy những lời của cụ lớn làm khuôn vàng thước ngọc, huống chi là bọn ngu muội như anh em chúng tôi. Chúng tôi biết Đỗ Tuấn Giao là người tốt giọng, xin cử anh ấy vào việc bình văn.

Mọi người nói:

– Phải lắm. Phải lắm. Xin cử Đỗ Tuấn Giao.

Bảo Kim như cuồng dại. Chàng có cần chi giải nhất. Nhưng được để ý trước người đẹp mà chàng mơ ước, chàng say sưa sung sướng hơn

ông tiến sĩ vinh quy. Huống chi lại được biết chính Quỳnh Hoa bênh vực mình, chàng thấy chạy trong thớ thịt một nguồn vui tươi sáng.

Đỗ Tuấn Giao đã tiếp lấy bài phú, và cất tiếng sang sảng bình văn. Cử tọa trước còn xôn xao, nhưng sau bị lôi cuốn bởi câu văn hay, ý tưởng cao siêu, cảnh tình như vẽ, và nhất là bởi cái nhạc điệu tuyệt luân nó khiến cho bài phú thành hẳn một bản đàn réo rắt. Quỳnh Hoa chỉ lo bài phú hết, và Bảo Kim trầm ngâm nghe bạn đọc, thỉnh thoảng lấy làm ngạc nhiên, vì nhiều câu xuất ư ý ngoại, chàng tưởng như mình không sao đặt được.

Tuấn Giao đọc xong, trong bọn cống sĩ có người thở dài nói:

– Thực là thần bút, Tô Đông Pha sống lại cũng không thể làm hay hơn được. Giải nhất thực là xứng đáng, chúng tôi còn lâu mới có cái bút lực siêu phàm như thế...

Nói chưa dứt lời, chợt có tiếng kêu thất thanh, và cảnh Long Trì bỗng ồn ào như chợ. Tiếng ca quản im đi. Bọn phụ nữ chạy tán loạn. Lắng tai có tiếng kêu “Cậu Trời, Cậu Trời đấy. Chị em trốn đi”.

Quỳnh Hoa bỗng tái nhợt đi, nàng rú lên:

– Cậu Trời! Khổ quá.

Bọn cống sĩ nhiều người thất sắc. Vài người đứng dậy, Bảo Kim vội vàng đứng lên:

– Anh em định chạy đấy ư? Không thể được. Anh em hãy ngồi đi, ta đội ân chủ nhân, không lẽ lại bỏ đi. Người quân tử có bao giờ xử sự thế? Cậu Trời là cái quái gì mà anh em sợ?

Tưởng như có một trận cuồng phong thổi trong đám hội, người chạy như ong. Tiếng kêu, tiếng hét, tiếng gọi nhau liên tiếp. Cả bọn còn đang ngơ ngẩn, thì một thiếu phụ đầu tóc rũ rượi chạy vào hổn hển:

– Ai cứu tôi với. Cậu Trời...

Một người chạy theo vào. Ấy là một gã trai trẻ, người tầm thước, mắt diều hâu, lông mày rậm, râu ria nhiều, nhưng cạo nhẵn, ăn mặc rất sang. Đi sau là một lũ gia nhân, thảy đều cầm dao, cầm gậy. Chỉ một bước, người trai trẻ đã nhảy tới, giậm chân lên mông người thiếu phụ, cười nói:

– Trói cổ nó đem về phủ cho ta.

Hơi rượu nồng nàn xông ra theo với lời nói.

Các quan chấm văn đã lui cả vào trong vườn, duy có Ngô Thị lang đứng đấy thấy thế quát:

– Quốc cữu không được vô lễ.

Người trai trẻ cười ngặt nghẽo:

– A! Thị lang họ Ngô, lão hủ nho. Mày không biết quan Tham tụng tao đánh giữa đường còn câm miệng như hến, thứ mày đã đáng kể gì.

Khí uất của Bảo Kim dâng lên tới cổ. Chàng bước lại, các bạn chàng theo sau, Bảo Kim quát:

– Loài súc sinh, quân vô liêm sỉ. Mau bước ra khỏi chốn này.

Người trai trẻ lại cười ha ha:

– A thằng nhãi con, muốn vuốt râu hùm. Quân bay đâu, đánh chết chúng nó đi cho tao, tội vạ đâu tao chịu.

Những tiếng dạ ran, bọn gia nhân xông vào đập bọn Bảo Kim túi bụi.

Quỳnh Hoa vội chạy ra. Người trai trẻ bỗng lùi lại, bị thôi miên bởi vẻ đẹp thanh kỳ. Một tên theo hầu nói:

– Thưa cậu, đấy là Quận chúa Quỳnh Hoa.

Người trai trẻ ngạc nhiên nói:

Quỳnh Hoa quận chúa. Ta không ngờ lại đẹp nhường ấy. Thực là một vưu vật.

Nhưng Quỳnh Hoa đã chạy ra, cất tiếng oanh phán:

– Cậu không biết đây là chốn nào sao? Ra ngay, kẻo phụ vương đến bây giờ.

– Quận chúa đừng dọa ta, Chúa thượng đến cũng thế mà thôi.

Quỳnh Hoa giận sôi lên. Người trai trẻ vẫn nhìn nàng chòng chọc, mắt rất say sưa. Nàng bỗng rú lên, một tên côn đồ bổ giữa đầu Đỗ Tuấn Giao một tay thước, khiến cho chàng ngã lăn xuống.

Quỳnh Hoa lúng túng không biết xử trí ra sao. Cuộc hỗn chiến một lúc một dữ dội.

Bọn gia nhân giẫm cả lên người thiếu phụ một cách tàn nhẫn. Xem chừng thì bọn ấy thắng thế, và một nửa văn nhân đã ôm đầu chạy trốn.

Vừa lúc ấy, một thanh niên đi vào, ăn bận lối võ quan, mép để ria, mình đeo gươm, trông có vẻ ngang tàng hào mại. Người ấy nói lớn:

– Xin Quận chúa yên tâm. Tiểu tướng xin giúp một tay.

Nói xong, thản nhiên xông lại chỗ đánh nhau... Chỉ nháy mắt, chàng đã vít cổ Đặng Lân giúi xuống, và quát to bảo bọn gia nhân:

– Lũ kia, muốn sống thì buông tay ra, không thì tao giết chết chủ chúng bay.

Đặng Lân kêu:

– Trời ơi! Đau quá. Thôi đừng đánh nhau nữa, chúng bay.

Bọn gia nhân lùi cả lại. Võ quan bảo bọn Bảo Kim:

– Các ông hãy nghỉ tay, để tôi khu xử cho.

Bảo Kim bỗng kêu:

– Anh Nguyễn Mại.

Nguyễn Mại, vì chính là người võ sĩ, nói:

– Kìa, Bảo Kim. Nhưng hãy xếp cho xong câu chuyện này đã.

Chàng kéo Đặng Lân đứng dậy:

– Mi dẫn bọn côn đồ bước ngay khỏi hội, nghe chưa? Còn lẩn quẩn ở chốn này thì đừng trách ta là ác nghiệt.

Đặng Lân cực chẳng đã, lủi thủi dẫn bọn gia nhân đi, thỉnh thoảng còn quay lại nhìn Nguyễn Mại một cách dữ dội và nham hiểm.

Một người tự xưng là Dương Tuấn Nghiệp, chân ấm sinh, đến xin đem vợ về. Người thiếu phụ là một trang nhan sắc, nhưng mình mẩy bị thương rất nặng, chân tay không cử động được. Nàng ứa nước mắt nhìn chồng, phều phào nói:

– Em tưởng không được trông thấy mặt anh nữa. Suýt chút nữa thì em thành người thất tiết. Nhưng em xem trong mình cũng không sống được nữa đâu. Anh lấy cáng cho em về mau trông thấy mặt hai con, em thực mang tội với chồng với con nhiều lắm.

Nàng ôm bụng nhăn mặt hoa, thổ ra huyết, rồi mê man bất tỉnh nhân sự.

Người chồng cũng khóc, vực vợ lên chiếc cáng của Quỳnh Hoa cho mượn, rồi từ biệt mọi người. Quỳnh Hoa thở dài:

– Chỉ tại...

Nàng muốn nói: "Chỉ tại phụ vương sủng ái Đặng Tuyên phi". Nhưng trước mặt mọi người, nàng không dám nói rõ nỗi lòng. Xúc cảm và người vốn yếu, nàng rầu rầu vào trong hàng nằm nghỉ.

Buổi dạ hội cũng vì câu chuyện "Cậu Trời" mà mất vui. Người về đã vợi đi, trăng cũng nhạt, và cảnh hồ buồn tênh.

Bọn anh em Bảo Kim cũng ra về. Đỗ Tuấn Giao mặt sứt trán bươu, còn pha trò:

– Chỉ vì Kim mà tôi bị đánh chẳng phải đầu cũng phải tai.

Bảo Kim như kẻ mất hồn. Lúc ở hội Quần anh ra chàng còn ngập ngừng chưa muốn bước. Cảm tình chan chứa, chàng thảo trên một dải lụa ba bài tứ tuyệt đem buộc vào cành liễu rồi mới rảo bước theo anh em.

Nguyễn Mại nói:

– Bảo Kim thực là nòi tình. Bốn năm chinh chiến, tôi thấy lòng dục nguội như băng. Hiện chỉ có một hoài bão là phụng thờ Tổ quốc, đem lại nền thống nhất cho nhà Nam.

Bảo Kim đáp:

– Anh mới là chân nam tử. Bỏ văn theo võ, không ngờ anh đã trở nên một tướng tài. Trận đánh ở Phú Xuân, mưu mẹo đã cao, uy dũng lại thừa, chấn động cả miền Nam, làm rực rỡ cả Bắc hà. Hoàng quận công cực lực tán dương anh và Chúa thượng gọi anh là hổ tướng.

Nguyễn Mại gạt đi:

– Bỏ chuyện ấy đấy, chưa phải lúc nói. Các chú cho tôi biết cái thằng lúc nãy là ai? Tôi điên tiết lắm, và thấy các chú lúng ta lúng túng mà buồn. Bọn văn nhân thực là lũ vô ích, ngâm vịnh để làm gì? Qua cái bệnh ngâm vịnh, cái bả từ chương, nay tôi thấy khinh thường những thứ vô dụng ấy ... Thằng ấy là ai mà nó hoành hành thế? Mà sao xem ý dân sợ nó như cọp, cả Ngô thị lang, cả Quỳnh Hoa quận chúa?

Trần Thanh nói:

– Nó là Đặng Lân, em Đặng Tuyên phi. Từ ngày đức Tĩnh vương sủng ái Tuyên phi, việc triều chính mỗi ngày một nát.

Tuyên phi quả là một trang khuynh thành khuynh quốc. Tĩnh vương chỉ vì say đắm Tuyên phi mà làm toàn những điều thất chính, bao nhiêu lời can gián đều vô hiệu cả. Việc gì cũng nghe Tuyên phi; Chúa là người hiếu hạnh thế, mà bênh Tuyên phi đến cưỡng cả lời khuyên của Thái phi.

Thậm chí Chúa biết Đặng Lân là tên vô lại mà cũng sắc phong là Quốc cữu, cho lập phủ đệ như một vị Thế tử. Tên Lân ăn tiêu xa xỉ hơn một ông hoàng. Nó muốn gì cũng được, ngang ngược thế nào, ai cũng phải chịu. Ngày ngày chỉ cùng với bọn côn đồ đi hãm hiếp con gái, đàn bà, cướp nhà lấy của như một lũ giặc. Người con gái hay đàn bà nào mà nó vừa ý thì nó đuổi cho kỳ được, phạm cả người nhà các quan đại thần. Quan Tham tụng Võ Tá Quyền mắng nó giữa đường, nó đánh chết ngay, Chúa thét đem chém, nhưng Tuyên phi khóc lóc xin cho, Chúa tha bổng. Từ đấy nó càng ngỗ nghịch, tự xưng là "Cậu Trời", không còn biết kiêng nể là gì nữa.

Nguyễn Mại lắc đầu nói:

– Nếu thế thì gọi là loạn, còn gì.

Bảo Kim nói:

–Những người bị nó làm nhục như bà Ấm sinh lúc nãy không biết bao nhiêu mà kể, nhiều người thất tiết tự tử cho tròn giá sạch, còn thì chỉ biết ôm giận cho qua đời, chứ biết kêu đâu? Vì thế mỗi khi nó đi đâu người ta chạy tán loạn, sợ hơn sợ thiên tai, nhà nào nhà ấy đóng cửa im ỉm. Vô phúc bị nó phá thì đành giương mắt ra mà nhìn. Có ông phủ Dương Chính Doãn luận tội nó, nó đem bọn côn đồ đến giết cả nhà.

Nguyễn Mại giậm chân:

– Thế thì còn ra thể thống gì nữa. Biết trước thì lúc nãy tôi đem giết nó đi cho dân thoát nạn. Nhưng sao nó lại nhũn với tôi thế?

Lưu Sĩ Trực đáp:

– Nó nham hiểm và hèn lắm. Thấy ai vào tay sừng sỏ thì nó lùi đi như con rắn để cắn trộm lúc nào có dịp: những khi ấy thì nó lại càng nguy hiểm.

Nguyễn Mại cười và nói:

– Các chú cứ nhút nhát thế thì còn làm gì được. Tôi quyết trừ hại cho nhân dân.

Cả bọn đồng thanh:

– Anh không nên vọng động. Tuyên phi là một người thâm độc, có người chỉ đánh Đặng Lân một roi mà bị giết cả ba họ.

Nguyễn Mại:

– Dẫu sao cũng không thể tha được thằng giặc hung dữ ấy. Nó với tôi một sống, một chết...

Nói đến đây bỗng có tiếng ca hát gõ nhịp ở giữa hồ đưa lại.

Bảo Kim nói:

– Chúa ngự ra chơi.

Cả bọn cùng nhìn ra hồ. Dưới ánh trăng, một đoàn thuyền rồng đang rẽ sóng bơi đi.

Tiếng tơ gảy, tiếng trúc thổi, tiếng người hát họa. Trong động, tiếng sáo, tiếng đàn văng vẳng đưa lên, cảnh vui vẻ mà mơ hồ bị "Cậu Trời" phá tan nay trở lại. Nhưng khi đấng chúa tể non sông ra, mọi người đều yên tâm, vì không còn sợ kẻ này đến phá bậy đêm hội nữa.

Thuyền từ từ đi về phía hàng Quỳnh Hoa, mái chèo đỏ để rơi tua tủa muôn hàng ngọc sáng. Bọn Bảo Kim và mọi người đổ xô lại xem mặt Chúa và Tuyên phi. Vì cả năm, mấy ai đã được biết mặt vị Phó vương thay quyền Thiên tử ban hành phép nước?

Trước bến, Quỳnh Hoa đứng chực. Thuyền cập bến, Chúa đứng đằng mũi hỏi to:

– Con cha có chấm được bài văn nào xuất sắc không?

Quỳnh Hoa đáp:

– Con còn đợi trình phụ vương xem.

Người ta lấy dây gấm buộc thuyền vào gốc dương liễu. Tĩnh vương bước lên, theo sau là một trang tuyệt thế giai nhân, trạc 25, 26 tuổi. Nguyễn Mại đoán ngay là Đặng Tuyên phi. Bên cạnh Phi thì bao nhiêu cung nữ, kể cả Quỳnh Hoa, bị lu mờ, vì Phi trông rực rỡ, toàn thắm, toàn tươi. Đẹp mà không nhạt nhẽo, hơi đẫy mà không thô, nồng nàn mà không lơi lả. Phi là một người đàn bà có một sắc quyến rũ yêu quái. Người Phi là tiếng gọi của dục tình.

Chúa và Đặng phi bước lên, Quỳnh Hoa đón vào hàng Quần anh. Chúa nhìn bốn phía một lát, thấy hội kém bề náo nhiệt phán rằng:

– Ủa, sao hội Trung thu năm nay tẻ thế?

Quỳnh Hoa định tâu, nhưng bắt gặp cặp mắt sắc của Đặng phi, nàng lại cúi đầu, tự biết uy quyền cha mình không sao chống được với cái uy quyền chúa tể kia.

Nguyễn Mại nói nhỏ với các bạn:

– Người đẹp thế kia làm gì mà chẳng gây vạ. Làm gì mà thằng Đặng Lân chẳng hoành hành.

Chúa Tĩnh Đô sau khi vào thăm hàng con gái, cùng Đặng phi xem suốt đám hội, mua hoa quả, bánh trái, ăn uống như một người thường. Chúa lấy làm khoan khoái và lân la cho mãi đến gà gáy mới trở về thuyền. Chèo quế lại khơi sóng Long Trì, trong khi nhã nhạc tấu vang lừng, xen lẫn tiếng gà kết liễu hội Trung thu.

*

* *

Khi Nguyễn Mại đến nhận chức Hộ thành binh mã sứ, chàng lấy làm lạ rằng công việc không có một chút gì là tổ chức cả. Binh lính thì uể oải, ngựa thì gầy yếu, việc tuần phòng thì sơ sài, công văn thì bề bộn. Hỏi các thư lại thì họ đối đáp mơ hồ, ẩn húy, không rõ rệt một điều gì.

Hôm trước, chàng đem gia quyến lai kinh – mẹ chàng không theo đi, vì muốn tránh nơi phồn hoa đô hội – thì hôm sau chàng ra công đường làm việc. Tuổi quá trẻ trung của quan Hộ thành đối với một chức vụ rất hệ trọng làm cho bọn ti thuộc kinh ngạc. Nguyễn Mại thức suốt đêm, xem hết những công văn, đơn từ giấy má, trong số đó có hàng ba mươi lá đơn khiếu nại Đặng Lân vì tội hãm hiếp và giết người lấy của. Chàng thảo một tập sớ rất dày, đề nghị một chương trình cải cách tuần phòng rất chu đáo và xin nghiêm trị tất cả mọi người trái phép, bất luận hoàng thân quốc thích. Chương trình cải cách được Chúa duyệt y, nhưng những đơn kiện Đặng Lân không thấy trả về.

Chàng biết đó chỉ là sự tất nhiên, nên không lấy gì làm phật ý. Chàng đem hết cả tài lực, nhiệt thành, khôn khéo ra tổ chức lại công việc tuần sát trong kinh thành, chỉ có mấy hôm, kết quả đã rực rỡ. Kinh thành đã thấy thực hiện một nền trật tự mới mà dân thường khao khát, tên Nguyễn Mại đã được mọi người nói đến một cách kính phục.

Những nỗi canh cánh trong lòng Nguyễn Mại là việc Đặng Lân. Ngay khi tới kinh thành, tin Quỳnh Hoa bị chúa ép gả cho Cậu Trời đã khiến chàng tức giận. Tức giận nhất là vì cuộc nhân duyên ấy sẽ

làm khó công việc tiễu trừ Đặng Lân mà chàng dự định. Một phần khó nữa là bọn ti thuộc cứ nghe thấy nói Cậu Trời là sợ khiếm đảm đi. Nguyễn Mại một mặt nêu cao tinh thần vị nghĩa, một mặt dạy cho thuộc hạ những môn võ rất hóc hiểm. Lòng hào hiệp, trí quang minh, sự săn sóc, nhất là tài điều khiển, đã đem lại cho quan Hộ thành trẻ tuổi những tay sai đắc lực, tận tâm. Một hôm, chàng triệu tập mọi người lại, hiểu dụ:

– Các người cứ thẳng tay làm việc. Kẻ nào trái pháp bất luận sang hèn cứ giải nộp. Tội vạ đâu đã có bản chức chịu. Trong khi thừa hành chức vụ, các người không bao giờ được do dự, hèn nhát. Nên nhớ rằng lúc nào các ngươi cũng được bản chức bênh vực cho đến cùng. Bản chức thà chịu chết còn hơn để các ngươi mang vạ. Bản chức chỉ yêu cầu các ngươi có thế. Sau nữa, bản chức khuyên các anh em không nên lộng hành, không được vô lễ, lúc nào cũng phải tươi cười nhã nhặn đối với mọi người. Bản chức mong rằng các ngươi sẽ hết sức giúp bản chức, và cố làm sao cho Nha Hộ thành nêu được tấm gương đại nghĩa trong nhân gian.

Sau khi đã chỉnh đốn công việc được ít nhiều, chàng mới đến chơi Nguyễn Thị lang phu nhân và để thăm Bảo Kim. Thấy bạn không có nhà và phu nhân rầu rầu, chàng hỏi thì phu nhân đáp:

– Kim xin phép đi chơi ba ngày, nay đã mười hôm chưa về. Mấy hôm nay bác nóng ruột quá, cháu đã biết đó: em đi đâu, thường đúng hẹn thì về, không bao giờ lại quá lâu như thế. Bác chỉ sợ có sự gì xảy ra thì bác đắc tội với bác trai nhiều lắm.

Nói xong phu nhân sụt sùi khóc. Mại khuyên giải phu nhân, lại hỏi:

– Thưa bác, chú Kim đi từ hôm nào?

– Chiều hôm mồng mười tháng chín.

– Chính hôm cưới quận chúa phải không, bác?

Phu nhân nghĩ ngợi một lúc rồi đáp:

– Có nhẽ phải, à phải đấy. Hay là...

– Thưa bác, có nhẽ nhân hôm tốt trời thì đi chơi ngoạn cảnh, mải vui quên về đấy thôi; chắc không có điều chi quản ngại. Thưa bác, bọn Trần Thành có nhà không? Bác hỏi chưa?

– Chúng đi cả, chưa người nào về.

Nguyễn Mại giữ vẻ thản nhiên:

– Thưa bác, bác không lấy vợ cho chú nó, hai nhăm hai sáu tuổi rồi. Cũng vì thế mà chơi vui quên cả đường về. Hôm nào chú ấy về thì bác đánh cho một trận, rồi liệu tìm đám nào mà cưới vợ cho chú nó. Bác đã già rồi, cũng phải có người giúp đỡ việc nhà chứ.

– Bác có phải không nghĩ đến việc ấy đâu! Chỉ vì nó ương gàn, tiếng rằng ngần ấy tuổi đầu, mà dại dột, có đâu được như cháu. Bác đã tìm cho bao nhiêu đám mà nó không ưng đám nào. Nó thì nó muốn cả trời, cháu ạ.

– Thưa bác, cháu lạ gì chú Kim. Chú ấy không khó tính đâu, bác ạ. Chắc vì chưa đứng số đấy thôi.

– Cứ như ý cháu, cháu đoán nó đi đâu?

– Bác không lo, cả bọn đi chưa có ai về thì tức là họ còn mải mê ở đâu đấy thôi, cháu xin đi tìm chú nó về cho bác.

– Nay cháu đã có địa vị. Chúa thượng lại nể, còn em thì lêu lổng chơi bời, bác thấy thẹn cho em!

– Thưa bác, cháu chỉ là một đứa vũ phu. Chú Kim học rộng tài cao, thế nào cũng làm rạng vẻ tổ tông. Chẳng mấy lúc đã Thị lang, Tham tụng.

Nguyễn Mại nói chuyện qua loa với phu nhân, liệu lời an ủi, rồi đứng dậy cáo lui. Chàng lên ngựa ra roi về nhà, ruột nóng như lửa đốt. Chàng lấy làm lo cho các bạn, vì mười phần chàng đã đoán ra bảy, tám câu chuyện. Chàng đã biết mối tình tha thiết của Bảo Kim đối với Quận chúa: chắc sau một phút điên rồ, Bảo Kim đã định làm một thủ đoạn gì để cướp lại người yêu. Và một khi Bảo Kim đã định thì các bạn chàng tất không từ nguy hiểm lăn vào giúp sức. Nguyễn Mại đã rõ cái tình bằng hữu nồng nàn của bọn "Long thành thất kiệt", mối tình khăng khít như keo và cao trọng như núi. Chàng tự trách:

– Tội ta không nhỏ, lai kinh bốn năm hôm mới đến thăm bạn. Bảo Kim làm sao thì ta mang hận suốt đời!

Chàng lại có ý trách Bảo Kim hấp tấp, không đợi chàng, đã vội đem cái sức văn nhược ra để mưu một công việc khó khăn, mua lấy sự thất bại!

Thấy chàng về, có vẻ tư lự, vợ chàng hỏi:

– Thầy nó có việc chi mà lo nghĩ thế?

Chàng đáp:

– Tôi có việc này vội, phải đi ngay. Chú Kim có lẽ nguy.

– Chú Kim làm sao?

– Mình không cần biết. Tôi phải đi ngay may ra mới kịp cứu chú ấy.

Chàng suy tính một lúc, rồi gọi hai tên lính tâm phúc nhất là Phạm Kính, Đặng Phan vào bảo:

– Hai anh vốn có tài võ nghệ, lại có đảm lược, ta muốn nhờ một việc...

Phạm Kính thưa:

– Bẩm quan lớn truyền gì?

– Tối nay ta muốn vào phủ Đặng Lân thám xét tình hình trong phủ ấy, hai anh tính sao?

– Bẩm quan lớn, chúng con không sợ gì, nhưng thiết tưởng đấy là nơi nghiêm cấm, từ trước đến nay chưa ai dám vào...

– Vậy thì chúng ta vào. Hai anh nên giắt cả đồ ám khí, tối hôm nay ta khởi hành. Nên nhớ: thành Phú Xuân ta còn coi rẻ, huống chi là cái phủ con của thằng Đặng Lân.

– Chúng con xin theo quan lớn.

Tối hôm ấy, trời mưa tầm tã, ba cái bóng đen từ Nha Hộ thành lặng lẽ tiến vào phủ Đặng Lân. Sau khi vượt hào, họ cùng trèo tường nhảy vào trong vườn: tường tuy cao và có cắm đầy những mảnh thủy tinh, nhưng Nguyễn Mại có thuật riêng nên họ trèo một cách dễ dàng. Vốn có đôi mắt tinh suốt, và đã quen bóng tối, chàng đi trước dẫn đường cho hai tên lính. Chợt họ cùng núp cả sau một gốc cây. Có người đuổi nhau và tiếng con trai con gái. Tiếng con gái:

– Em xin bác, em lạy bác, tha cho em.

Tiếng con trai:

– Chẳng bác với cháu, chẳng lạy với van gì! Bằng lòng hay không bằng lòng thì nói...

Người con trai như đã đuổi kịp, vì có tiếng nói:

– Im ngay không tao đâm chết. Vào đây!

Nguyễn Mại đồ ngay đấy là một cuộc trên bộc trong dâu luôn diễn ra trong phủ ô uế. Chàng theo riết họ, chúng tiến vào một ngôi nhà nhỏ. Lửa vừa bật, người con trai kêu rú lên một tiếng kinh hãi:

ba người tráng sĩ bước vào. Một lưỡi kiếm sắc như nước kề ngay vào cổ y. Mại lạnh lùng hỏi:

– Mi là ai?

– Bẩm quan lớn, con là Đào Văn Kiên. Tên kia đáp một cách sợ hãi và ngập ngừng.

– Còn ả kia?

Người con gái thưa:

– Bẩm quan lớn, chúng con là con nhà lương thiện, bị bác này và mấy người nữa bắt vào trong phủ, xin quan lớn tha cho con được về.

Mại hỏi Kiên:

– Sao mi lại vô cớ bắt người lương thiện vào đây làm gì?

– Bẩm quan lớn, chúng con theo lệnh Quốc cữu, bắt những mỹ nữ để Quốc cữu dùng.

– Mi đã bắt cho Quốc cữu, thì đem người ta đến đây làm gì?

– Mại nhìn người con gái, quả là một người mặt hoa da phấn, trông có vẻ e lệ hơn là vẻ lẳng lơ. Đào Văn Kiên thấy tráng sĩ hỏi vặn, ấp úng không sao đáp nên lời. Y định chạy trốn, nhưng Mại đã giữ lại, bàn tay sắt của chàng bóp chặt bàn tay y. Kiên nhăn mặt kêu đau, lạy lấy lạy để, Mại cười nhạt nói:

– Mi cậy thế cậu mi, ỷ quyền ức hiếp người ta. Ta nghe đồn mi là một trong ba tay sai đắc lực nhất của Đặng Lân có phải không?

Đào Văn Kiên thất sắc, không hiểu làm sao tráng sĩ lại biết tỏ tường như thế.

Mại tiếp:

– Đêm hội Long Trì, mi có theo cậu mi đánh nhau với bọn học trò Quốc tử giám. Ta còn nhớ rõ mặt mi. Tội ác của mi nhiều lắm, nhưng ta cũng tha cho, tha cho cả tội này.

Mại chỉ người con gái rồi lại tiếp:

– Cậu mi mà biết mi tự tiện thông gian với người kia chắc mi cũng không thoát chết. Nhưng ta làm ngơ cho. Ta chỉ cần mi giúp ta một việc: mau chỉ cho ta nhà giam công tử Bảo Kim. Ta là quan Hộ thành binh mã sứ đây.

Đào Văn Kiên trố mắt kinh ngạc nhìn Nguyễn Mại, người mà chúng vừa sợ vừa thù ghét. Biết là có việc với một tay lão luyện. Kiên nói:

– Bẩm lạy quan lớn, xin quan lớn tha phúc cho con. Bảo Kim công tử, con quan cố Nguyễn Thị lang phải không?

– Phải.

– Chính hôm nay là phiên con đánh các cậu ấy.

– Bảy người phải không?

– Bẩm quan lớn, tám.

– Đó là các bạn ta. Mi dẫn ta đến, không những ta tha tội chết cho mi, mà ta còn thưởng công cho là đằng khác. Đi mau!

Sợ tiết lộ, chàng sai Đặng Phan trói người thiếu nữ lại, rồi ba thầy trò theo Đào Văn Kiên đi. Qua những nhà ngang dãy dọc, họ đến một căn nhà kiên cố, ẩn trong cây cối um tùm. Kiên lấy chiếc chìa khóa mở chiếc cổng kín. Một mùi hôi hám xông ra. Nhà chia ra hai phần ngăn nhau bởi một hàng chấn song bằng sắt lớn. Gian ngoài là nơi canh, mỗi bên kê một hàng ghế ngựa dài, có chừng năm tên gia nhân nằm há hốc mồm ngủ lăn ngủ lóc. Mại tiến đến trước chấn song; nhờ ánh đèn ở gian ngoài, chàng thấy lờ mờ các bạn chàng, người nào chân tay cũng đeo xiềng xích nặng nề, mặt mũi thì hốc hác, mắt hõm sâu vào, râu tóc mọc rậm. Người nào cũng chỉ đeo một manh khố. Họ nằm trên rơm rạ trông mập mờ có vấy máu. Đứng trước cảnh thảm não ấy, Mại tuy là một trang võ tướng cũng thấy bùi ngùi. Chàng định gọi Bảo Kim thì chợt nghe tiếng Đỗ Tuấn Giao lanh lảnh ngâm:

Chiết kích trầm sa thiết vị tiêu...

Và cả bọn đồng thanh ngâm theo. Nơi giam cầm bỗng chốc thành một hội tao đàn. Mại cười và lẩm bẩm:

– Họ sung sướng thực!

Chàng quay lại bảo Đào Văn Kiên bấy giờ bị Phạm Kính và Đặng Phan tuốt kiếm đứng kèm hai bên:

– Mở chấn song ra.

Kiên nói:

– Bẩm quan lớn, chúng con đã dẫn quan lớn tới đây, chả nhẽ còn giấu giếm: cứ mỗi buổi đánh các công tử xong, chúng con lại phải giao chìa khóa cho Phò mã...

– Đánh từ hôm nào?

– Được bảy hôm nay, mỗi hôm hai lần đánh và chỉ cho họ ăn cháo cầm hơi.

– Chủ mi thực đáng chết.

Chợt có tiếng ở trong bàn tán:

– Có phải anh Mại không?

– Không có lẽ.

– Chính anh ấy.

– Nhưng sao anh ấy lại vào đây?

– Làm gì có chuyện lạ ấy!

– Có họa quáng lòa!

– Nếu là anh Mại thì anh ấy phải phá chấn song vào cứu chúng ta chứ.

– Rõ khờ cả, chờ anh ấy ra thì đâu có sự này.

–Chính anh Mại, không sai đâu.

Nguyễn Mại nhảy tới trước chấn song và gọi to:

– Kim đâu? Thành đâu? Nghiễm đâu? Hoành đâu? Hồ đâu? Giao đâu? Trực đâu? Nguyễn Mại đây. Nguyễn mại thân đến cứu anh em đây.

Xích khóa gãy vỡ dưới sức vặn bẻ của người tráng sĩ. Chàng chạy lại chỗ chúng bạn bị xiềng xích, họ cố sức nhổm dậy mà không sao được, một vài người ứa lệ vì vui mừng. Bảo Kim phều phào hỏi:

– Anh vào đây cách nào? Sao lại vào đây được?

– Chỉ để cứu các chú. Nhưng đã mệt, đừng nói chuyện nữa. Về nhà hãy nói chuyện.

Chàng lần lượt tháo hết cho anh em. Khi tháo xong thì gà đã gáy bên tai, nhưng cơn mưa vẫn còn tầm tã. Nguyễn Mại phải đi tìm cho mỗi người một cái gậy tre. Thấy Nguyễn Mại, cả bọn thêm bội phần hăng hái, họ cố đem sức thừa ra khỏi nhà giam. Mại cầm kiếm, nắm tay tên Kiên bắt đi dẫn đường.

Bảo Kim khẩn khoản xin Nguyễn Mại nhân thể cứu Quận chúa Quỳnh Hoa. Mại đáp:

– Chưa phải việc cần, và cũng không có lý gì tôi cứu Quận chúa cả.

Bảo Kim cãi:

– Sao lại không có lý? Ta không nên để Quận chúa thành một người bạc mệnh.

– Không nên làm một việc gì hấp tấp cả. Bây giờ tôi chỉ biết có các chú. Mọi người hãy về nhà đã, cho các cụ yên tâm. Rồi muốn gì thì gì.

Ra khỏi phủ Đặng Lân, Nguyễn Mại quay lại bảo Đào Văn Kiên:

– Đáng lẽ thì ta giết mi, nhưng mi đã lấy công chuộc tội, khiến ta cứu được bạn ta, vậy ta tha phúc cho mi. Lúc nãy ta đã hứa xong việc sẽ thưởng công cho mi, quân tử không nói đùa, đây mi cầm lấy.

Chàng trao một thoi bạc cho tên vô lại và nói tiếp:

– Ở đây thì mi cũng chết, ta khuyên mi nên đi đâu kiếm việc làm ăn lương thiện thì hơn.

Đào Văn Kiên dạ dạ. Nguyễn Mại dẫn mọi người đi. Lúc ấy vừa gặp bọn lính tuần mà chàng đã dặn đến chờ gần đấy. Chàng sai chúng cõng bọn Bảo Kim đi. Khi Nguyễn Mại về đến nhà thì trời vừa sáng bạch.

Tin bọn anh em Bảo Kim trốn thoát làm náo động cả phủ Đặng Lân. Mọi người hớt hơ hớt hoảng. Khi Bùi Đãng lên báo cho Cậu Trời biết, Lân gầm lên như một con thú dữ, thét lấy kiếm, rồi chạy xuống nhà giam. Hỏi đến Đào Văn Kiên thì tên này đã trốn mất, hỏi đến lũ gia nhân nằm canh, chúng nói hồ đồ không ra manh mối gì. Đặng Lân rít lên:

– Thế thì chúng bay giết tao, chúng bay giết tao, lũ toi cơm, đồ chó chết.

Lân đâm chết mấy tên, còn những tên khác đứa thì què, đứa thì sứt đầu cụt tay, giãy giụa trong nhà giam, kêu khóc thảm thiết. Khi đã mệt nhoài, Lân trở về phòng riêng. Một người đàn bà đến trình về bệnh Quận chúa, Lân quát rầm rĩ:

– Cho nó chết, của nợ ấy thì để làm gì. Tao cấm không cho nó uống thuốc nữa. Cho nó chết. Vì nó mà tao không giết ngay bọn thằng Bảo Kim, nó đã không thiết gì đến tao, thì cho nó chết.

Khi người đàn bà giảng giải, khuyên nên giữ mồm giữ miệng, thì Lân điên tiết, đánh đập người ấy tàn nhẫn, và thốt lên những lời bất kính với cả chúa Tĩnh Đô. Nỗi giận không vì những sự phát biểu dã man ấy mà nguội đi, trái lại cứ âm ỉ đốt cháy lòng Cậu Trời.

Từ xưa đến nay, phủ Lân vẫn là một nơi bí mật, cách biệt với người ngoài. Lân vẫn yên trí rằng đây là nơi bất khả xâm phạm. Càng nghĩ càng tức. Thấy Bùi Đãng lên hầu, Lân hất hàm hỏi:

– Có bắt được thằng Kiên không?

– Thưa cậu không.

– Sao lại không? – Lân gầm lên khiến Bùi Đãng phải lùi lại vì kinh sợ.

– Thưa cậu, nó trốn mất rồi. Con đã sai người đi tầm nã. Con vẫn đồ rằng thằng Kiên không bao giờ phản cậu, nay con có đủ chứng cớ để minh oan cho nó.

– Dù nó oan mà bắt được nó, tao cũng giết. Chứng cớ đâu.

Cậu còn nhớ con An, thằng Kiên mới bắt về tháng trước hầu cậu?

– À phải, cái con lúc chúng bay dẫn đến trình tao ở đồng Hoàng Mai, hãy còn súng sính mặc áo cô dâu có phải không? Sao không đem nó lên hầu?

– Bẩm cậu. Hiện con An bị trói ở nhà chơi ngoài vườn, con đã dẫn lên hầu cậu.

Hai tên gia nhân dẫn Thị An vào. Đặng Lân hỏi:

– Ai trói mày, con kia?

Thị An kể hết đầu đuôi câu chuyện rồi tiếp:

– Thưa cậu, ba người thì một người đeo kiếm, hai người giắt dao, đều mặc quần áo đen chẽn. Người đeo kiếm tự xưng là quan Hộ thành binh mã sứ...

Đặng Lân rú lên:

– Nguyễn Mại?

– Vâng, Nguyễn Mại – Bùi Đãng nói. Chính Nguyễn Mại đấy, Cậu ạ. Chỉ có nó mới dám hoành hành thế, chỉ có nó mới có cái gan vào phủ ta, chỉ có nó mới có tài leo tường, bẻ xích. Con biết, nó đủ môn võ. Quân Nguyễn khiếp danh, không phải tay vừa. Bọn Bảo Kim là bạn nó, nên nó đến cứu. Chính thằng Mại đấy, cậu ạ.

– Thằng ấy, không thể yên được.

– Việc này nên từ từ. Hiện nó giữ chức Hộ thành binh mã sứ, coi cả việc trị an trong kinh thành. Chúa thượng rất yêu. Nó mới về có năm sáu hôm, những tay anh chị ở thành đã phải xa chạy cao bay.

Nó lại khám phá ra một cuộc âm mưu làm loạn, Chúa thượng hiện đang xét, con tưởng cũng khó mà trêu được nó.

– Đến như quan Tham tụng tao giết, Chúa còn không nói gì, huống chi nó là một chức Hộ thành. Trước ta chỉ là Quốc cữu, Chúa nể ta một, nay ta lại là Phò mã, Chúa nể ta mười, ta xin gì mà Chúa chẳng nghe. Nó phải biết tay ta. Nó phải chết.

Lân suy nghĩ một lúc, rồi truyền dõng dạc:

– Ra sắp kiệu để ta vào cung yết kiến Tuyên phi.

Lân nghĩ:

"Nguyễn Mại, mày đến ngày tận số hay sao mà dám cả gan vào phủ tao náo động. Thù này phải báo. Tao làm cho mày phân thây trăm mảnh mới nghe. Tao đã quên đi, mày lại giở trò".

Tiệc rượu đã bày lên, thơm tho và sang trọng. Cậu Trời đắc ý rót chén rượu mừng mình và nói với mọi người:

– Trời muốn giết thằng Nguyễn Mại đó! Phen này thì ta báo được cả cái thù ở Long Trì, cả cái thù đêm qua. Và cùng với Nguyễn Mại, cả bọn Bảo Kim ta cũng giết hết.

Trưa hôm ấy, Lân ở phủ Chúa về, ngất nga ngất ngưởng, miệng thổi sáo, tay múa may, vui vẻ khôn xiết. Bùi Đăng chạy lại, cởi áo, cất đai, treo mũ, lau giày, săn đón hỏi Lân về ý Chúa, Lân nhảy lên sập, tựa vào gối xếp, duỗi chân cho bọn gia nhân nắn rồi tươi cười bảo Bùi Đăng:

– Thế là xong, thằng Mại phen này thì chết mất đầu. Tuyên phi tức nó lắm, và thề sẽ làm hại nó kỳ được để rửa thù cho ta. Ngài dặn ta phải đề phòng kẻo nó lại vào phủ và khuyên ta hãy nhẫn nhục, đừng lôi thôi với nó. Lại vừa may, giữa lúc ta hầu chuyện thì Chúa thượng vào. Ta chưa kịp nói thì Tuyên phi đã kể tội Nguyễn Mại. Ta chưa thấy ai nhanh trí như Tuyên phi, Ngài vu cho Mại làm nhục ta ở giữa đường và nói rằng: "Mại khinh rẻ cả Chúa thượng, khinh rẻ cả tiện thiếp, bảo Chúa hoang dâm vô đạo, công kích cả họ hàng Chúa, lại xui mọi người chỉ nên tôn sùng nhà Lê và truất ngôi nhà Trịnh v.v... Chúa tái mặt đi, xem ý Chúa tức giận lắm. Tuyên phi khuyên Chúa không nên quá tin dùng Nguyễn Mại, sợ nuôi một cái họa lớn. Chúa nói: "Ta cũng có ý gờm tên ấy". Và Ngài hứa sẽ trừng trị nó. Còn ta, thì Ngài hết sức bênh vực. Ngài sẽ xuống chỉ cấm mọi người

bất kỳ quan dân phạm đến ta, ai trái lệnh đem chém. Chúng bay bảo như thế nên mừng không?

– Nên lắm, nên lắm! – Cả bọn gia nhân nhao nhao nói. – Có thế thì chúng con mới được yên tâm hầu hạ cậu, chứ từ ngày thằng Mại về giữ chức Hộ thành, chúng con lo ngơm ngớp.

– Mày sợ thằng Mại à? Sợ nó thì còn làm trò gì nữa? Mày sợ nó, chứ tao sợ nó ư? Nó cứ trêu vào tao đây; không nói nó, cả họ nó cũng bị tru di. Một vị Quốc cữu, một ông Phò mã, lại sợ một thằng Hộ thành thì còn ra nghĩa lý gì?

– Thưa cậu, Nguyễn Mại bướng lắm. Nhỡ ra...

– Bướng với ai, chứ nó dám bướng với Chúa thượng sao? Tao chỉ thét một tiếng thì nó thất đảm. Nghĩa là nó chưa gặp tao đấy thôi.

Thấy Bùi Đãng còn đứng tần ngần, Lân quát:

– Thằng chó chết, mày sợ đến thế kia à?

– Thưa cậu, con thấy lo lo, nên không muốn để cậu đi.

Lân cười ngặt nghẽo và nói:

– Không ngờ chúng bay nhát đến thế! Đã có tao mà chúng bay còn sợ nó thì lạ thực. Thu xếp ngay, không tao đánh chết cả lũ bây giờ. Mau dàn bày nghi trượng, tán quạt, màn giường, chăn đệm, tao phải phá một bữa cho thực thỏa chí, bắt con Ngọc bẻ nhị hoa mới thôi. Còn chúng bay, tao cũng cho mặc ý, muốn làm gì thì làm.

Cả bọn, trừ Bùi Đãng, hoa chân hoa tay sung sướng. Lân say sưa vỗ vai Bùi Đãng và nói:

– Mày là đứa thân tín nhất của tao, mày định làm cho cuộc chơi mất vui hay sao, thằng kia?

– Đi cũng được, nhưng cậu phải đề phòng lắm. Nên đem nhiều người đi, người nào cũng phải đủ khí giới mới được.

– Mày cẩn thận cũng phải. Xuống tuyển tất cả hai trăm đứa, bắt đứa nào cũng phải đeo gươm. Nhớ đem cả cỗ bàn, rượu chè, hoa quả, bánh trái thực nhiều, để ta thết đãi cô Ngọc. Màn giường chăn đệm phải xức cho thật nhiều nước hoa. Phường bát âm cũng phải đem đi, không có đàn sáo nhã nhạc thì mất vui. Ta phải đi cho thật sang trọng, cho xứng đáng cùng người ngọc.

Lân cho là đã nói được một câu ý vị, phá lên cười và nắm lấy Bùi Đãng tát lấy tát để. Bùi Đãng sung sướng, vừa van lạy, vừa cố gỡ ra.

Khi được chủ buông, y vào buồng lấy mũ hoa, bào đỏ, đai ngọc, hia da cho Đặng Lân.

Cờ rong, trống mở, đồ bát bửu dàn bày, đàn sáo nhã nhạc tấu lên. Bùi Đãng và năm mươi tên gia nhân bận võ trang, đeo kiếm dài, rước Đặng Lân lên mình con ngựa bạch, yên vàng, bành gấm. Tàn tán, cờ quạt xúm xít che kín, trông sặc sỡ những màu đỏ, màu xanh, và lóng lánh những mặt kính, những hột vàng, những tua kim tuyến. Sau Đặng Lân lại có một toán năm mươi võ sĩ xếp hàng hai theo hộ vệ và đi đoạn hậu là một bọn gia nhân mặc áo nẹp, khiêng một chiếc giường thất bảo màn bát tiên, ở trong người ta nhận thấy đôi gối thêu uyên ương, đệm gấm, chăn gấm, hương thơm bay ngào ngạt.

Khi cổng phủ Đặng Lân mở rộng, và cờ quạt ở trong rước ra, mấy người hàng phố kêu thất thanh:

– Cậu Trời đấy!

Tức thì người ta chạy tán loạn, nhất là những đàn bà con gái. Tiếng kêu trời, kêu đất, xen lẫn với tiếng đóng cửa ầm ầm.

Đặng Lân lên ngựa truyền dõng dạc:

– Lên chùa Trấn Quốc.

Đám rước từ từ đi, và Đặng Lân nghênh ngang trên mình ngựa, đưa mắt diều hâu nhìn ngang nhìn ngửa, thỉnh thoảng lại nói chuyện với Bùi Đãng...

Cô Hoàng Thị Ngọc, đúng với tên cô, là một trang kiều diễm, nổi tiếng không những ở kinh thành, mà còn ở các tỉnh nữa. Quan huyện Hoàng Công Thành hiếm hoi, chỉ sinh được một mình cô, nên ngài yêu dấu và chiều chuộng hết đỗi. Vì phải bổ vào trong Nam giúp Việp quận công về việc từ hàn, nên quan huyện để phu nhân và con gái ở nhà, nhân thể để hầu hạ bà lão mẫu bấy giờ đã ngoài tám mươi. Ba người đàn bà ở một ngôi nhà cổ ở Thụy Khê. Tuy là con quan, nhưng cô Ngọc không quen thói xa hoa, nàng vẫn theo mẹ chăn tằm ươm tơ, thức khuya dậy sớm. Một người bạn quan huyện đã hỏi nàng cho con trai, một tay hay chữ có tiếng ở Kinh Bắc. Hai nhà đã thuận, nhưng vì nhà trai có bụi, nên việc cưới vẫn còn hoãn.

Ba bà cháu, mẹ con ở đây, sống một cuộc đời yên lặng. Một hôm Cậu Trời đi qua, cả làng khiếp sợ. Chính cô Ngọc hôm ấy đi lễ, bị Đặng Lân bắt gặp, cũng may mà nàng nhanh chân trốn được. Mấy người đã bàn nhau sắp bỏ nhà đi nơi khác, thì lại được giấy của quan

huyện nói sắp sửa thăng chức và bổ về làm việc ở một phủ gần kinh thành. Vả, sau đấy, được tin Cậu Trời đã lấy Quận chúa, và ngót hai tháng không thấy hoành hành đâu nữa, nên đều yên trí rằng Lân đã cải tâm cải tính. Vì thế gia đình cô Ngọc ở lại Thụy Khuê, không tính đến việc dọn đi nơi khác nữa.

Hôm ấy, cô Ngọc đang ngồi bên cạnh bà và mẹ, vừa quay tơ vừa nói chuyện, ai nấy mơ màng đến quan huyện ở xa, một mình nơi quân thứ, và đều mong quan chóng trở về để gia đình sum họp. Chợt một bà láng giềng hớt hơ hớt hải chạy qua nói:

– Bà lớn và cô có chạy đi không, Cậu Trời đến đấy. Tôi phải chạy về ngay bảo con em đi trốn.

Bà Huyện nghe rụng rời, muốn hỏi nữa thì người kia đã chạy mất. Thấy con gái sợ và ngơ ngác, bà Huyện nói:

– Bà và mẹ thì không cần, còn con thì phải trốn đi mới được. Con theo mẹ ra sau vườn, mẹ con theo cánh đồng chạy lên Bưởi, rồi vào ẩn nấp ở đâu, chứ ở đây không được, nó đã biết con rồi!

Bà Huyện vừa gọi người bõ già ở nhà trông nom cụ cố và sắp dắt con gái chạy, thì đã thấy một lũ côn đồ, kẻ gươm, người giáo, phạt giậu đi vào. Bà Huyện thất kinh, cô Ngọc rú lên một tiếng. Lũ côn đồ đã tiến lên thềm. Nhà không có cửa thông ra sau, mà chúng thì đông đặc phía ngoài. Biết là nguy tới nơi, bà Huyện bảo con nấp vào xó cửa rồi chạy ra hỏi:

– Các bác hỏi gì, mà vào sừng sộ thế? Đi ăn cướp à?

– Còn sừng sộ bằng mười nữa. Đây là người nhà Quốc cữu, bà định bướng phải không? Đây không đi cướp của, nhưng đi cướp người. Cô Ngọc có nhà không? Cậu đang đợi bên Hồ Tây.

– Cháu nó đi vắng.

– Đi vắng à? Đi vắng thì nọc xác mụ ra.

Hồ Trọng Vũ nói xong, quay bảo lũ đi theo:

– Vào bắt cô Ngọc, cậu đã cho người thám thính, biết chắc là cô ở nhà.

Bà Huyện run lên:

– Quả thực cháu không có nhà. Chúng tôi còn có mẹ già, nhiều người vào kinh động cụ. Xin các ông xét cho.

Cả bọn cười ầm chế nhạo, Vũ thét:

– Vào tìm mau! Chậm trễ thì có đứa chết.

Chúng xông vào, chỉ nháy mắt đã bắt được cô Ngọc lôi ra. Bà Huyện chạy ra, thấy con khóc lóc cũng òa lên khóc. Bà sụp xuống lạy Hồ Trọng Vũ:

– Xin ông tha cho cháu. Tôi chỉ có một mình nó.

Cô Ngọc cũng kêu:

– Lạy ông, ông tha tôi, đừng bắt tôi. Thà giết tôi còn hơn.

Trọng Vũ nói:

– Chỉ một lúc thôi, xong cậu lại cho về.

Rồi hắn truyền:

– Điệu ra mau!

Bà Huyện chạy lại giữ con, thì bị một chiếc tay thước đánh vào giữa lưng, bà ngã lăn ra, đau quá không kêu được nữa. Cô Ngọc thương mẹ cố hết sức chống cự để thoát ra, nhưng sức đào tơ liễu yếu, nàng bị chúng kéo đi, xa xa còn văng vẳng tiếng khóc nghe rất não ruột.

Đặng Lân đợi cô Ngọc ở bờ Hồ Tây. Giường đã kê, màn chăn đệm gối tinh tươm, trên thảm cỏ, trong một khu nhiều cây cối. Cạnh đấy, lại có một chiếc bàn, bày cỗ sang trọng, cờ quạt cắm la liệt và những đường lối thông vào khu Lân đóng đều có dựng biển cấm người ngoài đi lại. Lân đã bỏ mũ hoa, áo bào đỏ, chỉ mặc chiếc áo xanh hoa đỏ, và quần nhiễu điều, lững thững đi đi lại lại, ra ý đợi chờ. Tuy đã sang đông, nhưng trời còn mát. Lân tưởng tượng đến cái lạc thú đê mê: chung chăn gối với giai nhân bên sóng hồ xanh biếc, giữa một buổi chiều sơ đông tươi đẹp.

Mắt Cậu Trời bỗng sáng lên vì vui mừng. Xa xa thấy bọn gia nhân xúm xít khiêng một chiếc cáng đi về. Có tiếng khóc tỉ tê, rõ ra tiếng con gái. Lân nhảy nhót sung sướng:

– Đích rồi! Chúng nó bắt được con Ngọc rồi! Phen này thì mày trốn lên mây.

Tuy còn cách xa, Lân đã hỏi Hồ Trọng Vũ:

– Ngọc, phải không? Nói mau cho cậu mừng.

Trọng Vũ thưa:

– Con đã cam đoan với cậu, nếu không được, xin nộp đầu kia mà.

Bọn gia nhân đã đặt cáng xuống, họ lôi cô Ngọc ra, lúng túng trong một túi gấm thắt đầu. Nàng vùng đứng dậy, tóc mây xòa trên vai, má đỏ ửng mắt long lanh, vẻ mộc mạc và hơi xốc xếch của nàng càng thêm kiều diễm. Nàng định tìm đường trốn, nhưng chung quanh gia nhân Cậu Trời đứng đông, không có lối thoát thân. Nàng tức giận quát:

– Thế là nghĩa lý gì?

Cậu Trời đã sấn đến. Hắn toe toét nói:

– Mỹ nhân lại đây cùng ta uống rượu.

Lân giữ chặt hai tay cô Ngọc và say sưa nhìn hết vòng ngọc bích đeo bên tay trái, làm bật nỗi nước da óng muốt như tơ, lại ngắm đôi mắt đẹp tuyệt trần, đen lanh lánh và hai má không giồi phấn mà trắng như bông. Tuy mím lại vì giận dữ, đôi môi vẫn không giấu nổi vẻ thắm tươi. Cô Ngọc rút tay không được. Nàng nói, lời trong trẻo và dịu dàng:

– Em xin cậu, cậu tha cho em.

– Tha là thế nào? Mình hãy vào cùng ta uống chén rượu "hợp cẩn".

– Cậu đừng nói thế, không ai nghe được. Bỏ tôi ra không có thì chẳng ra gì.

– Ủa, chẳng ra gì? Mình hãy lại đây uống rượu rồi sẽ hay.

Lân kéo nàng lại bàn, đặt ngồi xuống ghế. Người thiếu nữ nhất định không ngồi mà không được. Nàng ôm mặt khóc rưng rức. Lân vịn vai nàng, nàng ẩy mạnh ra. Lân nói:

– Đừng thấy ta yêu mà làm nũng. Chết bây giờ.

Nàng nói:

– Chết thì chết, tao không sợ mày.

– A! Con này giỏi!

Lân ghì chặt đầu nàng, đè ngửa mặt lên, đổ một chén rượu vào mồm. Nàng sặc sụa, Đặng Lân lại đổ luôn hai chén. Người nàng choáng váng, mặt nàng đỏ bừng bừng trông rất có duyên. Lân ngắm nàng không chớp. Cô Ngọc định chạy, nàng loạng choạng không sao bước vững.

Lân truyền triệt soạn. Tuy say, nhưng cô Ngọc cũng biết là tình thế nguy ngập; nàng quyết không chịu nhục, nhưng vì không tự chủ được chân tay, nàng bị kéo từ từ đến bên giường thất bảo. Nhưng khi

bị đặt mình trên nệm gấm, nàng bỗng chồm lên. Trong một phút mãnh liệt, nàng cắn mạnh vào vai Đặng Lân đến nỗi Lân không chịu được, kêu rít lên. Khi gỡ được ra, Lân tức giận, hai tay đè xuống ngực nàng, mắt lộ đầy tà dục và tàn ác. Nhưng cô Ngọc cũng vùng dậy. Cố bảo toàn trinh tiết, nàng thấy như ai truyền cho thêm sức mạnh. Một cuộc vật lộn dữ dội trên giường thất bảo; Lân trước còn gượng nhẹ, sau thấy nàng nhất quyết chống cự, hắn nổi giận, nghiến răng nói:

– Mày đã muốn chết thì cho mày chết.

Hai tay phũ phàng thoi mạnh vào mạng mỡ người thiếu nữ. Đau quá không chịu được nàng ngã xuống đệm, mắt nàng hoa lên, nàng cảm thấy bất lực, như một người bị bóng đè.

Giữa lúc Cậu Trời đang say sưa vì cuộc đắc thắng, sự thỏa mãn lòng dục chỉ còn trong gang tấc, thì thấy đổ dồn tiếng trống cáo cấp. Lân giật mình. Bọn gia nhân hớt hơ hớt hải chạy vào báo:

– Thưa cậu! Thằng Nguyễn Mại.

Nghe tiếng Nguyễn Mại, Cậu Trời chột dạ. Lân liền truyền:

– Bắt lấy nó cho cậu. Chỗ này là chỗ nghiêm cấm, có lệnh của Chúa thượng, đứa nào vào là mang tội chết chém. Nó đến ngày tận số...

Lệnh truyền chưa xong, thì đã thấy Nguyễn Mại tới gần, bọn gia nhân xúm lại ngăn cản mà không nổi...

Nguyên buổi trưa hôm ấy, Mại ngồi trong tư thất ăn cơm với vợ. Mặt Mại hơi buồn, chàng phiền vì sự bất công của chúa Tĩnh Đô, cả sự bất minh nữa. Mấy hôm trước, chàng đã bị Chúa gọi vào quở mắng; còn đe sẽ trị tội nặng. Chàng biết Tuyên phi đã ton hót. Mại không chán nản, nhưng làm việc cũng kém vui. Tuy vậy chàng vẫn không để biếng nhác việc canh phòng. Chàng tự nhủ:

– Chúa cấm, nhưng lương tâm ta không cấm. Ta còn giữ chức Hộ thành thì ta quyết không tha một kẻ nào làm điều trái phép, dù kẻ ấy là gì cũng mặc.

Vậy, buổi trưa ấy, chàng đang ăn cơm thì một bọn lính vào báo việc Cậu Trời xuất phủ. Chàng đặt đũa xuống, nét mặt hớn hở:

– Đã lâu, ta chỉ mong nó giở thủ đoạn hiếp gái giữa đường để ta kết tội nó. Nay nó chứng nào lại tật ấy, thực là một cơ hội tốt để trừ hại cho nhân dân.

Chàng với thanh kiếm treo trên tường. Vợ chàng hỏi:

– Thầy nó định làm gì?

– Cố giết cho bằng được Đặng Lân.

– Thế nhỡ Chúa thượng... nhỡ Tuyên phi...

– Ấy cũng vì có Chúa thượng và Tuyên phi, nên ta phải giết nó.

– Nhưng còn...

Nàng ngập ngừng không nói hết. Mại hiểu ý, vẻ lưỡng lự lộ trên nét mặt:

– Tôi phải giết nó, mình ạ. Phải trừ tiệt nọc. Bắt nó, Chúa lại tha, nó lại càng hoành hành, nhân dân lại càng khổ sở. Giết nó đi là xong, tôi sẽ mang tội với Chúa...

Chàng cố giữ vẻ thản nhiên, nhưng một vẻ buồn, thoáng qua mặt vợ, chàng cầm tay nàng và nói:

– Có lẽ tôi phải vĩnh biệt cùng mình, ít lâu nay tôi vẫn nuôi cái ý giết Đặng Lân mà chưa có dịp. Giết nó thì vạ đến thân, nhưng không làm thế thì chẳng bao giờ xong cả.

Nàng nhìn chồng âu yếm:

– Công việc thầy nó làm, em đâu dám cản. Nhưng chỉ nghĩ...

– Mình vốn là người tần tảo, nuôi mẹ nuôi con hộ tôi.

– Đó là phận sự của em.

– Mình nên sắp sửa cho con về quê, mẹ biết tin sẽ thương tôi, nhưng người vốn có khí tiết, chắc cũng không đau lòng lắm. Tôi đã có mụn con nối dõi tông đường, mình nên tùy xem khiếu nó mà cho nó theo văn hay theo võ.

– Mẹ là mẹ chung, còn nuôi dạy con là phận sự em. Thầy nó cứ yên tâm. Thầy nó đã biết em thế nào rồi. Chỉ nghĩ...

Nàng không nói được nữa, tới bàn rót chén rượu, đưa cho chồng run run nói:

– Xin thầy nó uống cạn chén rượu này.

Lòng Nguyễn Mại tan ra như nước loãng. Chàng cầm chén rượu nhìn vợ, thấy nàng buồn rười rượi, mắt rớm rớm lệ. Chàng muốn nói rõ lòng thương yêu của chàng đối với người bạn tao khang. Nàng đã phải bao nhiêu nỗi thiệt thòi vất vả, nhưng không hề thốt ra một lời

than vãn, nay nàng mới được một chút vinh hoa, mới đầy một tháng!...

Mại không nói, uống cạn chén rượu.

Dũng, con chàng, một cậu bé lên năm, trông cứng cáp và nhanh nhẹn, ở trong nhà chạy ra, tay trái kéo một con chó lớn, tay phải cầm một thanh kiếm gỗ. Mại tươi cười hỏi:

– Con làm gì đấy, Dũng.

– Con cưỡi ngựa.

Hai vợ chồng cùng cười. Chàng bế bổng con lên, hôn hít con. Vợ chàng tưởng chồng quên đi, nàng mong phút vui đầm ấm này kéo dài mãi để chồng nàng nhỡ việc. Nhưng Mại đã đặt con xuống và nói:

– Con ở nhà ngoan nhé!

Chàng tới cầm tay vợ:

– Tôi phải đi, không dùng dằng được nữa.

Và lạnh lùng, chàng bước ra, khép cánh cửa lại, trong khi vợ chàng ôm lấy đứa con ngơ ngác, thổn thức bên mâm cơm.

Thấy quan Hộ thành ngỏ ý muốn giết Cậu Trời, các lính tráng đều kinh sợ, có mấy người già cả can chàng.

Mại nói:

– Việc phải làm, ta cứ làm. Đánh ngựa mau cho ta. Ta không để một người nào theo ta cho liên lụy. Ý đã quyết thì không có sức gì ngăn cản được ta.

Phạm Kính, Đặng Phan tiến lên:

– Bẩm quan lớn, anh em chúng con, xin theo quan lớn, chết cũng xin đành.

Cả bọn lính đồng thanh:

– Chúng con can ngăn quan lớn có phải vì sợ đâu, nhưng vì mến quan lớn. Quan lớn có mệnh hệ nào, thì chức Hộ thành không ai cáng nổi.

– Ta chết, triều đình lại có người khác, thiếu gì!

Người ta đã dắt ngựa tới. Mại nhảy lên yên, định ra roi, thì bọn lính đã nói:

– Quan lớn đi, chúng con xin theo quan lớn, cho trọn nghĩa thầy trò.

– Ta biết các ngươi nghĩa khí, nhưng ta không muốn để ai liên lụy.

– Chúng con dẫu chết cũng không oán hận, xin quan lớn cho đi.

Không muốn phụ lòng sốt sắng của bọn thủ hạ, Mại truyền:

– Phạm Kính, Đặng Phan và tám người nữa sắp ngựa theo ta.

Mười một kỵ mã phóng ngựa như bay trên con đường lên chùa Trấn Quốc, Nguyễn Mại đi đầu. Gần tới chùa, xuống ngựa để một người giữ, rồi ngang nhiên đi bộ vào trại Cậu Trời, mặc dầu họ trông rõ tấm biển lớn có dấu của Trịnh phủ cấm người đi lại. Mại nói một mình:

– Xin Chúa thượng hiểu cho. Hạ thần lấy cái chết để đền ơn nước.

Bọn gia nhân của Đặng Lân xông ra như một đàn hổ đói. Mại vung kiếm quát:

– Tao là quan Hộ thành, vào bắt cậu chúng bay. Đứa nào trêu vào tay tao, tao chém rụng đầu.

Nghe tiếng Nguyễn Mại, bọn gia nhân đã thất đảm, nhưng cậy thế chủ, chúng đáp lại một cách hỗn xược:

– Mày muốn chết à? Tưởng chức Hộ thành đã to lắm thế kia. Đến Tể tướng còn sợ cậu đây. Bước ngay lập tức.

Mại điên tiết ẩy họ ngã lổng chổng. Mặt chàng dữ dội, uy nghiêm. Bọn gia nhân chỉ hống hách già, nhưng vốn sợ chàng, nên nhiều đứa lủi. Chỉ trong chốc lát, Mại và bọn tùy tùng đã tới gần giường của cậu Trời. Bọn thân binh của Đặng Lân xô cả lại chống cự. Mại múa kiếm, xung đột tả hữu. Bọn tùy tùng của chàng cũng tung hoành trong đám bụi mù, cờ quạt đổ lổng chổng. Mại quát:

– Tao không muốn giết chúng bay. Tao đến hỏi tội đứa nào dâm ác. Đứa nào muốn sống thì chạy đi không tao chém chết.

Cậu Trời ở trong giường thấy bọn người nhà đã yếu thế, mà mỗi lúc bọn Nguyễn Mại một tới gần, hắn sợ bắn người lên, luôn mồm kêu khổ, chân tay co dúm, mấy lần định chạy mà không chạy được. Lân nghĩ bụng:

– Có biết thế thì nghe thằng Bùi Đãng.

Nhưng lại an ủi:

– Cùng lắm, thì nó lại làm sớ tâu lên Chúa. Chúa lại tha ta, sợ gì? Ta còn tâu Chúa thượng khép nó vào tội không tuân vương chỉ, phen này thì nó mất đầu.

Bọn thân binh của cậu Trời đã chạy tán loạn. Nguyễn Mại quay bảo Phạm Kính:

– Dẫn Đặng Lân ra đây ta hỏi:

Lân túng thế, vén màn quát:

– Mày vào đây làm gì? Không biết đây là nơi nghiêm cấm hay sao?

Mại nói:

– Tao biết, nhưng đến đây hỏi tội mày. Mày làm gì ở đây?

– Tao làm gì mặc tao.

– Không mặc được. Tội mày đã nhiều, nay là ngày mày trả nợ đời. Mày cậy thế làm càn, giết người lấy của, hãm hiếp đàn bà con gái, luật pháp không dung, thần dân đều giận. Ta thể lòng mong mỏi của muôn dân đến đây trừ một mối họa lớn. Quân bay, giữ lấy nó cho ta.

Bọn tùy tùng dạ ran, đến vây giường thất bảo. Cô Ngọc đã tỉnh, nửa mừng nửa thẹn, ở trên giường bước xuống, định chạy thì một người lính đã bắt lấy, dẫn đến trước Nguyễn Mại. Nàng sụp xuống lạy, khóc lóc:

– Ơn quan lớn, con không biết lấy gì báo đáp. Quan lớn đến chậm một chút thì con đã bị điếm nhục rồi! Quan lớn cho con được về, kẻo mẹ già mong đợi.

Mại gạt đi:

– Cô phải ở đây. Sự thể thế nào phải khai ra cho bản chức biết.

Cô Ngọc ngập ngừng một lúc, rồi cứ thực khai ra. Mại quay bảo cậu Trời:

– Mày đã biết tội chưa?

Chỉ một bước, Mại đã đến bên giường. Lân nhảy xuống giường cố lê mấy bước. Mại đuổi theo, nắm tóc lôi lại. Lân kêu:

– Mày dám giết tao sao? Tao thách đấy.

– Bản chức đến đây chỉ có việc ấy, tội vạ đâu, bản chức chịu. Kiếm sáng vung lên. Lân hoa cả mắt, kêu:

– Bùi Đăng, chúng bay đâu.

Kiếm đã tới gần. Lân rú lên.

– Ta là Cậu Trời!

Mại quát:

– Cậu Trời cũng chém!

Chỉ một nhát kiếm, đầu Đặng Lân đã rụng, máu bắn ra phùn phụt. Cô Ngọc quay mặt không dám nhìn, và bọn lính tráng thở dài, lo sợ cho quan Hộ thành.

Mại ung dung trao kiếm cho Đặng Phan, truyền:

– Rửa máu tanh hôi đi.

Chàng đến bên bàn, lấy bút mực thảo một lá sớ kể rõ tình đầu, trao cho Phạm Kính đem về trước dâng ngự lãm. Chàng sai lính canh phòng cẩn mật chỗ xảy ra án mạng, dặn cô Ngọc theo mình đi, rồi cởi mũ, cởi áo, tháo hia, chàng lấy ra một cuộn thừng, bảo Đặng Phan:

– Trói ta lại, dẫn ta ra mắt Chúa thượng.

*

* *

Trong vương phủ, đèn đuốc sáng trưng, vì trời hôm nay tối sớm. Chúa Tĩnh Đô ngồi trên sập sơn thiếp vàng, nét mặt trầm ngâm và Đặng Tuyên phi quỳ ôm lấy chân Chúa, khóc lóc nức nở. Chúa nâng nàng dậy, ngắm nhìn nàng: đẹp hơn bông hoa tuyệt diễm mà gió nhẹ làm rung. Đôi mắt đa tình như đôi sao sáng đẫm sương. Phi khóc đã lâu, như than như oán. Chúa yên ủi nàng:

– Ái phi đứng dậy, và đừng khóc nữa, cho ta thêm phiền.

Tuyên phi gạt nước mắt, cất tiếng nói, giọng trong như ngọc và lời thánh thót não nùng:

– Tâu Chúa thượng, tiện thiếp chỉ có một em trai để nối dõi tông đường. Thấy Chúa thượng che chở, nên triều đình, vương phủ từ quan chí dân, ai ai cũng ghen ghét đặt điều thị phi để định hãm hại. May được Chúa thượng thánh minh, chứ không em tiện thiếp, đâu được đến ngày nay. Hai chị em tiện thiếp, trong chốn kinh thành, trừ Chúa thượng là rủ lòng thương, còn không một ai ưa cả. Vậy không hiểu tiện thiếp có làm gì nên tội mà người ta ghét thế. Nay người ta lại dám đem em tiện thiếp giết đi, ngay trước mặt Chúa thượng, khiến cho tiện thiếp mất em, Quận chúa mất chồng. Chúa thượng mất rể, nhà tiện thiếp từ nay tuyệt tự, tiện thiếp tưởng không còn tội ác nào to hơn nữa. Chỉ thương hại cho tiện thiếp, mẹ mất sớm, cha

thì già, lấy ai trông cậy? Than ôi, nhà Nho thanh bạch, có làm gì hại âm đức mà em tiện thiếp phải chết như một kẻ sát nhân. Thằng Nguyễn Mại nó phạm đến cả uy quyền Chúa thượng, nó dám giết cả rể Chúa thượng mà Chúa thượng ngơ đi sao? Nó coi thường cả vương chỉ, dùng nó để làm loạn phép nước hay sao? Tiện thiếp không hiểu làm sao Chúa thượng cứ bênh vực nó, gán chức trọng cho nó.

Nàng khóc rồi lại tiếp:

– Chỉ thương cho tiện thiếp, tưởng được Chúa thượng che chở, em trai cũng được nhờ đôi chút, ai hay nó vẫn không thoát chết, chết thảm chết hại, thực là tiện thiếp xấu hổ, em tiện thiếp vô duyên, cha tiện thiếp bạc đức. Tiện thiếp còn sống làm chi, trời hỡi là trời!

Tuyên phi nói xong, lại khóc rất thảm thiết, rồi ngất đi vì quá đau đớn. Chúa ôm lấy phi, gọi mãi nàng mới tỉnh. Chúa vỗ về:

– Ái phi cứ yên tâm, đừng khóc nữa. Ta sẽ đem chém đứa giết Quốc cữu.

Đặng phi lạy tạ. Nàng hỏi:

– Chúa thượng có hứa trị tội tên giặc, báo thù cho em tiện thiếp không? Hay Chúa thượng lại nể nó mà ngơ đi? Than ôi! Em tiện thiếp bị cái thảm họa này, oan hồn uất ức, cúi xin Chúa thượng vì nó mà rửa hờn, cho nó được mát mẻ dưới suối vàng. Chúa thượng đã quyết chưa?

– Ái phi cứ yên tâm. Ý ta đã quyết.

Tuyên phi lại sụp xuống lạy, lui ra.

Chúa Tĩnh Đô hút một hơi thuốc, vẻ mặt băn khoăn... Nghe Tuyên phi hay tha Nguyễn Mại? Chúa chưa biết chọn đường nào. Sau cùng, Chúa lẩm bẩm:

– Đã hứa với nàng, thì phải trọng lời hứa.

Vừa lúc ấy thì có nội giám vào thỉnh Chúa ra nhà nghị sự và tâu rằng Nguyễn Mại đã tự trói mình đến xin chịu tội. Chúa sắp bước ra, thì có tiếng ai gọi lại, Chúa giật mình. Thái phi vén rèm đi vào, một đội thể nữ theo hầu, nét mặt Thái phi nghiêm nghị và buồn lặng lẽ. Chúa rảo bước tới trước mặt Thái phi, sụp xuống lạy:

– Mẫu thân ra bao giờ, con không được biết, thực mang tội bất hiếu.

Thái phi nâng Chúa dậy, rồi ngồi xuống một cái cẩm đôn. Chúa cung kính chắp tay đứng hầu. Thái phi truyền cho thể nữ lui ra, rồi chậm rãi nói:

– Nhà chúa ngồi xuống.

– Mẫu thân cho phép con đứng hầu.

– Nhà chúa có biết chuyện gì không?

– Thưa mẫu thân dạy điều gì?

– Mẹ ở Thanh mới ra, chưa kịp về phủ. Nghe chuyện con Quỳnh Hoa, mẹ đến ngay phủ Đặng Lân đón nó về.

Thái phi lấy khăn lau mắt, rồi hỏi tiếp:

– Sao nhà Chúa lại dại thế, mẹ không hiểu nhà chúa nghĩ ra sao. Nhà chúa nghĩ ra chưa. Con Quỳnh Hoa ốm thập tử nhất sinh, người chỉ còn có da bọc xương, nó có tội gì mà nhà chúa đày đọa nó thế? Mẹ ra chậm một chút thì có lẽ không kịp nhìn mặt cháu nữa.

Thái phi khóc. Chúa lặng yên. Một hồi lâu, Thái phi lại hỏi:

– Nhà chúa nghĩ thế nào mà lại gả con cho một đứa vô lại? Mẹ tưởng nhà chúa nên giết con Quỳnh Hoa đi còn hơn. Đạo làm cha có ai lại thế?

Thái phi đã mấy lần định nói Tuyên phi, nhưng lại sợ gợi cái hình ảnh lộng lẫy kia trong óc chúa Tĩnh Đô. Chính bà cũng sợ cái ma lực của người con gái làng Chè. Chúa Tĩnh Đô vẫn chắp tay đứng, mặt cúi gằm, không dám nhìn mẹ. Thái phi đăm đăm nhìn Chúa, bà tự hỏi: "Không biết chúa tỉnh ngộ hay hối hận?". Bà đứng dậy, nói dỗi:

– Sao mẹ hỏi, nhà chúa không nói. Nếu nhà chúa không bằng lòng, thì mẹ lại đem con Quỳnh Hoa giao trả Đặng Lân.

Thái phi phất áo định lui vào. Chúa quỳ xuống thưa:

– Lạy mẫu thân, xin mẫu thân ở lại, để con theo mẫu thân vào thăm cháu. Mẫu thân đừng giận con, máu mủ sinh ra, lẽ nào con chẳng xót. Những lời mẫu thân dạy toàn là những lời hay nhẽ phải, con đâu dám bỏ qua.

Thái phi nói:

– Nhà chúa theo mẹ sang đây. Mẹ đã cho đòi ngự y đến bốc thuốc. Khốn nạn, Khê Trung hầu không có đó, mẹ vất vả, như thiếu mất một cánh tay. Mà con Quỳnh Hoa trong lúc mê sảng, thường cứ gọi Khê Trung hầu, chỉ vì...

Bà muốn trách, nhưng không nói hết. Chúa buồn thấm thía, nhớ người thái giám trung thành mà chính Chúa đã đưa vào chỗ chết.

Chúa thương người lão bộc trải thờ mấy đời trong phủ và cảm thấy tất cả cái vô ý nghĩa của mình khi sai hầu đi hộ vệ Quỳnh Hoa. Thiếu bóng hầu, vương phủ như thêm vắng vẻ...

Thái phi đi vào, Chúa bước theo sau. Giữa lúc ấy, có tiếng ầm ầm ngoài phủ, khiến Thái phi và Chúa cùng quay lại. Một tên nội giám bước lên thềm. Chúa hỏi:

– Cái gì ngoài ấy?

– Tâu Chúa thượng, dân chúng kinh thành...

Thái phi gắt:

– Họ làm gì?

– Tâu Thái phi và Chúa thượng, họ đứng chật ngoài phủ đợi xem Chúa thượng xử Nguyễn Mại.

– Xử Nguyễn Mại? Nguyễn Mại nào? Có phải tướng tâm phúc của Việp quận công? Hắn có tội gì?

Chúa Tĩnh Đô kể lại câu chuyện và rút trong tay áo lá sớ của Nguyễn Mại trao cho Thái phi. Xem xong, vừa kinh ngạc vừa vui mừng. Thái phi hỏi:

– Ý nhà chúa nghĩ sao?

– Nguyễn Mại đã trái lệnh con.

– Mẹ thì cho Nguyễn Mại là một chân nam tử.

– Không trị tội Nguyễn Mại thì phép nước không nghiêm.

– Nhà chúa nói lạ chưa? Nguyễn Mại, mẹ đã biết. Người ấy đã liều thân vì nước ở sa trường, người ấy chỉ biết lấy quốc gia làm trọng. Hắn nhà nghèo, mẹ già, vợ thơ, con dại, như người ta, thì hắn cứ giữ chức Hộ thành, chúa bảo thế nào nghe thế, yên hưởng phú quý, chả hơn ư? Hắn đã hy sinh tất cả để trừ một đứa rông càn, mẹ tưởng không còn cái gương trung nghĩa nào hơn nữa.

– Con cũng biết, mà cũng vì thế nên trọng dụng Nguyễn Mại và đã tha thứ cho nhiều.

– Nhà chúa lại nên tha thứ cho hắn để nêu gương trung nghĩa.

– Nhưng hắn là kẻ lộng hành. Hắn đã giết con rể...

– Con rể!... Nhà chúa nhận rể, nhưng mẹ không nhận cháu rể. Huống chi rể chúa mà loạn phép nước cũng không dung. Nguyễn Mại làm thế là phải lắm.

Thấy Chúa ngần ngừ, Thái phi rầu nét mặt, nói thêm:

– Nhà chúa nên nghĩ đến cơ nghiệp tiên vương, xa kẻ dở, gần người hay. Tổ tông ngày xưa sở dĩ làm nổi đại sự, gây nổi cơ đồ, chỉ vì biết trọng trung thần nghĩa sĩ. Nhà chúa nên theo chí tiên vương. Muốn cho vương nghiệp vững bền, tất phải trọng phép nước. Kẻ có tội dù là thân thích cũng không dung thứ. Nay Nguyễn Mại vì ta trọng phép nước, lẽ nào ta lại vì tình riêng mà giết cho đành? Nhà chúa đã biết Nguyễn Mại là người trung nghĩa, thế mà lại định đem làm tội, có khác chi tự nhổ vây cánh không? Nhà chúa nên để cho thiên hạ biết cái lẽ "Đại nghĩa diệt thân" thì quốc gia may lắm, cơ đồ nhà Trịnh may lắm.

Chúa Tĩnh Đô vốn là người anh minh và là người có một tinh thần gia tộc rất mạnh, hằng ngày chỉ lo khuếch trương cơ nghiệp họ Trịnh, nên nghe Thái phi nói, Chúa tỉnh ngộ ngay, Chúa không còn là một gã si tình nữa, Chúa là một vị Quốc trưởng biết lo đến vương nghiệp và đặt Quốc gia trên mọi sự.

Chúa sụp lạy Thái phi:

– Con ngu muội, nay được mẫu thân khai phá cho óc u mê. Con xin theo lời mẫu thân dạy.

Thái phi và Chúa đã sang tới phòng Quận chúa. Trên giường, nàng nằm như có ý chờ đợi, mặt võ vàng, không còn khí sắc nữa. Thấy Chúa, nàng vui vẻ, mặt nàng bừng sáng. Nàng se sẽ nói:

– Con chờ mãi phụ vương!

Nàng trừng trừng nhìn Chúa. Chúa chạy lại, vén màn, cúi xuống cầm lấy tay con. Chúa lạnh toát người, vì tay nàng chỉ còn là cái gióng tre khô đét. Chúa hỏi:

– Con làm sao? Con...

Quỳnh Hoa vẫn giương mắt dại nhìn Chúa. Một lúc nàng ứa lệ, phều phào nói:

– Tâu phụ vương, con không qua khỏi được nữa. Con chết đến nơi rồi. Con chỉ chờ phụ vương là đi thôi. Con chết đi, phụ vương cũng đừng tiếc gì và phụ vương tha cho con tội bất hiếu...

Tĩnh vương nhìn con, quả nhiên đã thấy phảng phất hình chết. Chúa giữ chặt lấy tay con, như để bảo hộ nàng. Ngài nói:

– Con không được nói nhảm. Con uống thuốc, rồi lại khỏi...

Nàng lắc đầu:

– Tâu phụ vương, con tự biết lắm. Mệnh con chỉ còn tính từng giờ. Con sắp phải vĩnh biệt cùng quốc mẫu cùng phụ vương. Trước khi nhắm mắt, con xin phụ vương một điều.

– Con xin gì, cha cũng chiều ý.

– Xin phụ vương trọng dụng chàng Bảo Kim. Con đã phụ tình chàng, phụ vương hãy vì con mà trả nợ cho con.

Chúa cảm động nghẹn ngào. Mắt Quỳnh Hoa đã dại hẳn, miệng còn lẩm bẩm:

– Bảo Kim! Bảo Kim!

Nàng nhìn Thái phi, lại nhìn Chúa một lần cuối cùng, nói líu ríu:

– Lạy quốc mẫu, lạy phụ vương, con xin vĩnh biệt.

Chúa ôm lấy nàng Quỳnh Hoa đã lịm đi. Trong giây lát, nàng trào lệ thở hơi cuối cùng trong tay Chúa. Tĩnh vương như điên như dại, mãi không chịu bỏ con ra, nhìn con qua nước mắt, chốc chốc lại thở dài. Đến đây, có tiếng dân gian reo hò ngoài phủ. Thái phi gạt nước mắt bảo Chúa:

– Nó xấu số, tiếc cũng vô ích. Nhà chúa để nó đấy cho mẹ, và nên ra ngay, kẻo công chúng mong chờ.

Chúa nói:

– Quỳnh Hoa vì con mà chết. Oan hồn nó bao giờ tiêu tan được. Con không thiết làm gì nữa.

Nói xong, Chúa lại trào lệ. Thái phi phải lấy nghĩa lớn dẫn dụ, Chúa mới chịu buông Quỳnh Hoa, đặt nằm ngay ngắn và vuốt mắt cho nàng. Chúa nhìn con tần ngần không chịu đi. Mặt nàng yên tĩnh miệng còn điểm nụ cười hiền hậu.

Lòng thương Quỳnh Hoa chiếm cả tâm hồn chúa Tĩnh Đô, và đồng thời tất cả lòng chán ghét Đặng Lân cũng nổi dậy. Chúa căm giận Lân đến nỗi, lúc ấy nếu em Tuyên phi còn sống, Chúa cũng chính tay giết. Chúa thất thểu ra nhà nghị sự, lên ngồi trên sập. Đèn nến sáng trưng. Mặt Chúa uy nghiêm, nhưng vẻ buồn nặng trĩu. Các quan võ đứng hầu hai bên. Đao phủ dẫn Nguyễn Mại vào. Chàng mặc áo tội nhân, cổ đeo một thanh kiếm. Trông chàng vẫn một vẻ ngang tàng. Chúa thầm cảm phục. Mại quỳ xuống, hô muôn tuổi và tâu:

– Tâu Chúa thượng, hạ thần có tội, xin Chúa thượng cho đem ra chính pháp.

– Sao ngươi dám giết Quốc cữu?

– Tâu Chúa thượng, Mại ung dung đáp, Quốc cữu đi chơi mang theo cả giường chiếu, bắt con gái hiếp dâm giữa đường. Thấy việc dâm ác, loạn kỷ cương, khinh phép nước, hạ thần vì chức vụ đã lập tức chém bêu đầu. Nhưng vì trót phạm đến một vị quốc thích, tự biết là có tội, vậy xin Chúa thượng cho giết ngay hạ thần để khỏi hại đến tình riêng trong cung quyến.

Chúa đăm đăm nhìn Nguyễn Mại, vẻ khảng khái, tinh thần vì nghĩa của người thanh niên càng làm tăng mối thiện cảm có sẵn của Chúa đối với chàng. Chúa trầm ngâm một lúc rồi phán:

– Biết trọng phép nước, nhà ngươi thật đáng khen. Chẳng những không bắt tội, ta còn trọng thưởng cho. Còn về tình riêng, để mặc ta xử trí.

Lại quay bảo các quan:

– Nguyễn Mại là một nghĩa sĩ chân chính. Ai cũng có tấm lòng hào hiệp như Nguyễn Mại thì làm chi nước không yên, dân không mạnh. Các ngươi nên nhớ lấy: ta vì việc công mà tha tội cho Mại, để tỏ cho thiên hạ cái lẽ vì nghĩa lớn bỏ tình riêng.

Chúa đứng dậy, truyền lệnh cởi trói cho Nguyễn Mại. Chàng lễ tạ. Tĩnh vương phất áo vào trong cung, lòng nhẹ như vừa trút được một gánh nặng. Chúa vừa vén rèm thì một người đã quỳ xuống trước mặt, tay ngọc cầm lấy tay Chúa, khóc nức nở. Chúa nhận ra Tuyên phi, chưa kịp nói gì, thì nghe ngoài phủ tiếng reo ầm ầm: "Quan Hộ được tha, Vương gia muôn tuổi! Quan Hộ được tha, Vương gia muôn tuổi!...". Tiếng reo vang lừng, mênh mang như sóng. Tĩnh Đô cố kéo Tuyên phi dậy, nàng đã ngất trong tay ngài...

Tạp chí *Tri tân,* từ số 73 (24-11-1942)
đến số 107 (12-8-1943).

AN TƯ

(Tiểu thuyết – trích)

An Tư là một cuốn tiểu thuyết lịch sử đăng trên tạp chí *Tri tân* từ 15-6-1944 đến 12-7-1945.

An Tư công chúa là em gái Thượng hoàng Trần Thánh Tông, cô ruột của vua Thiệu Bảo Trần Thái Tông. Nàng công dung ngôn hạnh gồm đủ, nổi tiếng là "người con gái đẹp nhất trời Nam". An Tư đã đính ước với Chiêu Thành Vương Trần Thông, con cả Thái úy Trần Nhật Hiệu, chú vua Thiệu Bảo. Tuy còn trẻ, Trần Thông đã là một viên tướng giỏi, giàu lòng yêu nước. Chàng tập hợp gia binh, huấn luyện đội ngũ và tự nguyện đứng dưới cờ Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo, đánh giặc giữ nước.

Dưới sự chỉ huy của Thoát Hoan, hơn nửa triệu quân Nguyên hùng hổ kéo sang xâm lược nước ta. Quân dân Đại Việt anh dũng chống lại, nhưng thế giặc mạnh, ta cứ phải lui dần. Thoát Hoan cho quân tha hồ cướp, phá, đốt, giết. Hắn còn bắt hơn mười vạn dân lành, buộc vua Trần phải cống nạp An Tư công chúa, nếu không sẽ giết sạch những người bị bắt đó.

Căm thù giặc nước, đau lòng vì tình duyên lỡ dở, nhưng nghĩ đến sinh mệnh của nhân dân, An Tư vâng lệnh Thượng hoàng và vua Trần Thái Tông, tình nguyện hiến thân cho Thoát Hoan. Trần Thông phẫn uất, định tự tử, nhưng Trần Quốc Toản kịp thời ngăn cản. Nhờ Trần Hưng Đạo giảng giải, chàng tỉnh ngộ và cảm thấy hổ thẹn vì đã "quan niệm hẹp hòi về tình ái, không xứng đáng với giai nhân".

An Tư công chúa làm cho Thoát Hoan say sưa mê mệt, biếng nhác việc quân. Nội bộ quân xâm lược rã rời, kỷ luật lỏng lẻo, ý chí chiến đấu giảm sút. Hàng vạn tên giặc chết vì dịch bệnh. Mùa hè đến, sau khi củng cố lực lượng, quân đội nhà Trần phản công mãnh liệt. Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải kéo quân vào giải phóng Thăng Long. Trần Thông và Trần Quốc Toản xin nhận nhiệm vụ tiên phong. Không may, cuối trận đánh, lúc gần đại thắng thì Trần Thông hy sinh. Nghe tin dữ, An Tư công chúa xúc động mãnh liệt, ngã xuống thành bất tỉnh.

Tiểu thuyết mới đăng dang dở ở đây. Dưới đây, chúng tôi trích phần đầu của tác phẩm.

I

An Tư dừng mũi kim thêu, tay búp măng vuốt mái tóc đen mới xô xuống má. Công chúa không đeo một mảy trang sức, son phấn cũng không dùng. Không phải như bà phu nhân nước Hoắc, nàng sợ điểm tô làm giảm giá khuynh thành. Đương độ đào tơ, nàng không khinh trang điểm. Nhưng vì quốc gia gặp nạn, rợ Mông uy hiếp; các chiến sĩ gian lao cơ khổ ngoài biên, tang tóc gieo hằng ngày trên các gia đình Đại Việt. Nàng tự xét không có quyền nhởn nhơ trong cảnh ấm no, ích kỷ, không những nàng bỏ được thói xa hoa lười biếng cố hữu của người trong cung cấm, nàng còn theo gương quốc mẫu và hoàng hậu bán hết những tư trang quý báu, lấy tiền mua vải, thân hành may áo cho những khách sa trường.

Nhưng không phải vì thế mà sắc nàng kém tươi. Trái lại, dung nhan nàng có phần xinh đẹp hơn như vành trăng không bị vẩn mây mờ. Đôi mắt phượng đen to, là một trời huyền ảo, và làn môi khao khát là một bến đợi chờ. Cổ nàng tròn trắng, thân nàng yểu điệu, lẳn mà không thô. Toàn thể là một sắc đẹp say sưa quyến rũ, âm ỉ, nguồn nhựa sống dồi dào và mãnh liệt của những vua tướng anh hùng, đầy bão phu và dục vọng, đã dựng lên cơ nghiệp họ Đông A.

Nàng đứng lên, sẽ xốc lại chiếc áo vóc mềm cũ; vẻ đẹp không kiểu sức mà đầy duyên thầm kín, hiện ra trong từng cử chỉ. Nàng đặt chiếc kim và bức thêu xuống kỷ ngáp dài, nước mắt cũng theo ra, mắt nàng càng thêm xa xăm huyền bí.

Canh chưa thâu, nhưng bốn bề tĩnh mịch, tưởng như đã khuya lắm rồi. Và ngọn sáp hồng đã sắp hết trên cây nến đồng sáng loáng.

Rét đến cả thâm cung. Nàng rùng mình nghĩ đến những chiến sĩ trên Nam quan, biết đâu giữa lúc yên ấm này, họ không đương giao phong cùng giặc dữ. Núi xương biển máu, bày nên một cảnh âm ty. Đồng thời gió thổi ào ào, như muôn vạn người xõa tóc reo hò, lắng nghe như có tiếng hô "Sát Thát" quen quen, khi ồn ào, khi rầm rộ, ngân nga cao thấp, tạo nên một khúc nhạc lâm ly hùng tráng.

Nàng liếc nhìn đường thêu trên vuông lụa trắng: đã hiện rõ hình một chàng chiến sĩ uy phong, tay cầm lá cờ đề hai chữ "Sát Thát". Hai chữ này nàng đã xin của anh nàng, vua Thánh Tông: nét bút gầy nhưng mạnh. Nàng tự hào đã lột được hết tinh thần.

Mấy tháng nay, từ độ quân Nguyên sang, An Tư thường hay thức khuya, không đánh bài như trước. Hôm qua, nàng đã dệt xong, tính ra từ khi bắt đầu, hơn một trăm thước vải, không kể nàng còn khâu được bao nhiêu quần áo cho quan quân... Cung tần phi chúa đều biến thành chức nữ tạm thời. Vua Thánh Tông ban lệnh ấy để khuyến khích tướng sĩ. Vốn người nhanh nhẹn, An Tư trong nghề dệt cũng như trên đường kim mũi chỉ, đều xuất sắc hơn chị em. Nhưng nhìn đầu ngón tay, nàng không khỏi ngậm ngùi. Bàn tay nàng mà dân gian thường ca ngợi, mềm mại, đài các, nay đã giảm sắc hồng và ngón tay đã thành chai xấu xí. Sự biến đổi thiệt thòi ấy duy có nàng nhìn thấy; người khác ai có hay, vì người ta vẫn thường khen vẻ đẹp cao kỳ của bàn tay An Tư, nhất là khi nàng đưa thoi hay khiến mũi kim khâu.

Bận rộn bấy lâu, nay nàng mới được rỗi mà nghĩ đến một công việc mà nàng vẫn thường ủ ấp, là thêu một tráng sĩ để tặng tình lang. Kể đã muộn, nhưng cũng may, chàng chưa ra mặt trận. Nàng lại ngáp vì đói ngủ đã lâu, rồi đến chiếc kỷ với lấy mảnh lụa định thêu nữa. Đêm đông rét quá, nàng rùng mình. Chợt có ai gõ cửa. Tiếng nàng hỏi ra:

– Ai?

Tiếng gọi dồn dập:

– Chị Liễu, chị Liễu.

Quả tim nàng đập mạnh. Nàng nghẹn ngào sung sướng, vì đã nhận rõ tiếng người yêu. Cánh cửa son vừa mở, gió lùa vào cùng với một tráng sĩ, mắt lửa, mày rậm, nước da ngăm ngăm, mình cao, vai rộng, nhưng hơi gầy, trạc hai mươi hai, hai mươi ba tuổi. Nàng chỉ kịp gài then, tráng sĩ đã ôm lấy nàng; người nàng run vì say sưa thỏa mãn. Trong phút đê mê, nàng chợt nắm được đốc kiếm của thanh niên; lòng yêu tràn qua bờ kính phục. Chàng luôn luôn nói:

– Chị Liễu, chị Liễu.

Liễu là tên húy nàng. Miệng hoa thốt hỏi, sẽ sàng và êm dịu:

– Vương lai kinh từ bao giờ, tôi không biết.

Lâu lâu, An Tư gỡ ra khỏi cánh tay sắt, mắt sâu đen ủ ấp mặt thanh niên muôn phần âu yếm. Lửa tình nhuộm gò má nàng một màu đào sáng. Chàng cầm tay, kéo lại gần kỷ. Chàng cởi kiếm đặt lên kỷ, rồi ngồi đối diện nàng, mỉm cười tình tứ, mắt nhìn An Tư

không chớp. Nàng cúi gằm mặt xuống, thỉnh thoảng ngước lên thì lại gặp mắt chàng. Nàng lại hỏi:

– Vương lai kinh từ bao giờ?

– Tôi mới đến ban chiều. Sáng mai ra trận, nên vào đây vĩnh biệt cùng công chúa.

Nàng sửng sốt hỏi?

– Sao lại vĩnh biệt?

– Tôi không ngờ công chúa còn thức. Tôi đi phen này báo ơn vua, đền nợ nước, rửa hận cho giang sơn, tráng sĩ một đi không trở về. Không biết rồi ra có bao giờ còn có dịp hội ngộ cùng công chúa như đêm nay nữa không. Vậy nên nói vĩnh biệt.

Nàng nhìn lên, lòng choán một nỗi buồn vô biên, nhưng thấy chàng hùng kiện và vui vẻ lại yên tâm. Bất giác nàng thở dài:

– Không biết bao giờ cho hết loạn. Tôi chúc Vương ngựa đến công thành. Có lẽ nào lại vĩnh biệt. Vì lòng trung quân ái quốc nên thốt những nhời quyết liệt, nhưng tôi chắc duyên ta còn dài, xin Vương cứ vững tâm đi dẹp giặc.

– Thế giặc còn mạnh lắm, tràn qua Nam quan, phá vỡ Chi Lăng, quân ta nay đương khốn đốn. Muốn đánh đuổi chúng chỉ có cách muôn người như một chống cự đến cùng, coi chết thoảng như về, tận lực thần tử. Vẫn hay không phải ai ra trận cũng là chết cả, nhưng tôi cũng phải nói trước, nhỡ không còn dịp tái hội nữa thì đây là buổi cuối cùng.

Tuy nói thế, nhưng lòng kiên quyết của chàng cũng đã hơi rung chuyển. Càng nhìn nàng càng thấy đẹp, chàng càng lưu luyến; vừa không nỡ dứt tình, vừa oán thời thế trêu ngươi. Tay chàng vẫn còn ghi ấn tượng hơi nóng êm dịu của da thịt tình nương, mịn như lá non, mềm chắc như múi đào ửng chín.

Vương lại tiếp như một lời an ủi:

– Dẫu sao, tôi được gặp công chúa đêm nay, thế là mãn nguyện. Nay mai xông pha tên đạn, chém tướng đoạt cờ, dầu phải da ngựa bọc thây tôi cũng cam lòng.

Nàng nói và cố giấu tiếng thở dài:

– Chỉ có bọn con gái chúng tôi là vô dụng!

– Chuyện! Trai thời loạn, gái thời bình. Đây là phận sự của bọn

mày râu, sao công chúa lại so sánh đàn bà vóc yếu với chúng tôi được? Chúng tôi vai to, cánh khỏe thì phải gánh vác những việc khó khăn, đó là lẽ thường. Huống chi người đàn bà ở nhà, hầu hạ hai thân, trông nom trẻ mỏ, chúng tôi được yên lòng ngoài mặt trận, công ấy nhỏ đâu! Ngay như công chúa đây, công chúa dệt may quần áo gửi cho chiến sĩ, làm khích lệ ba quân, sao công chúa lại nhún mình mà tự cho là vô dụng?

– Tôi chỉ tiếc không được như nàng Mộc Lan khi xưa. Lúc quốc gia gặp nạn có kể gì đàn bà, đàn ông, phận sự chung cả.

– Đã đành là thế, nhưng mỗi người một việc. Công chúa thực là người ưu thời mẫn thế, tôi tưởng khó có người đàn ông nào bằng. Thực là hồng phúc cho triều đình, hoàng tộc.

– Vương lúc nãy nói, tôi mới nhớ ra. Mẫu thân ở nhà có được mạnh khỏe không?

Nghe nàng gọi mẹ mình là mẫu thân, Vương có cảm giác vô cùng êm ái. Tiếng nàng nghe như ru. Chàng liên tưởng đến lời nói nhỏ nhẹ, rụt rè của cô dâu mới cưới. Nàng nhận thấy trong mắt chàng một vẻ buồn, và nàng hiểu ý. Chàng sắp sửa vâng lệnh mẹ già làm lễ thành hôn cùng An Tư thì chiến tranh bùng nổ, việc kia đành tạm gác. Rồi đợi đến bao giờ? Đương buổi phong trần, nam nhi không dám tính đường thất gia, vùi đầu trong chăn gối, mà phải mặc áo giáp, cầm đồ binh ra trận. Thanh danh của ông cha, lòng tự ái của mình, khiến Vương tự ý xin hoãn việc hôn nhân. Thời thế éo le, biết đâu sự gàn quải này không báo hiệu một tan vỡ?

Mà không được làm chủ bông hoa kiều diễm kia, An Tư, đẹp nhất trời Nam!... Óc chàng lộn xộn, chàng nghĩ đến ngày cưới tưng bừng. Nàng đẹp như một tiên nga giáng thế trên kiệu hoa bước xuống, trông như một vầng hào quang đỏ rực, giữa những tiếng ti trúc dập dìu... Chợt chàng lại thẹn với mình, đã đến nước này phải để nàng cho người khác, với toàn thân trong trắng. Chiến sĩ đã gánh nặng hai chữ "quân ân", rong ruổi với thanh gươm yên ngựa, há lại đi làm lỡ một đời người, nhất là một người yêu quý? Chàng xấu hổ vì thái độ sàm sỡ ban đầu, và chàng đứng dậy, tra kiếm bên mình, có ý ra đi.

Nàng cũng đứng dậy, sát gần chàng, có chiều trách móc. Vương nhớ ra, hối hận vì chưa đáp lời nàng nói. Hương thơm của hơi thở An Tư lại hoàn toàn chinh phục chàng thanh niên. Vương nói:

– Đa tạ công chúa. Mẫu thân tôi vẫn được mạnh khỏe, và vẫn thường nhắc tới công chúa luôn.

Chàng rầu rầu và nàng rưng rưng muốn khóc. Trống thành vừa điểm canh ba. Nàng nói:

– Vương hãy ngồi chơi. Đã đi đâu vội.

Lời nói thân tình, Vương phục tòng ngồi xuống, liếc trông thấy nàng hơi tái và Vương ái ngại.

Nàng giương đôi mắt phượng đen như huyền, sáng như gương, nhìn chàng run run và nói:

– Nay Vương đi, mẫu thân thì già, các em còn trẻ, hay Vương cho phép tôi về hầu hạ mẫu thân.

Cảm động quá, nàng không nói hết, mỉm miệng hoa để cầm giọt lệ. Như cái máy, chàng cầm lấy bàn tay óng muốt, trắng tinh dưới ánh nến và nói:

– Đa tạ công chúa. Đa tạ công chúa. Mẫu thân chắc không nhận đâu, vả ai lại thế.

Nàng để yên cho chàng cầm tay, nghĩ rằng thái độ quy thuận của mình có thể đền bù trong muôn một nỗi thiệt thòi của đời chiến sĩ. Vương sợ nàng phật ý, nói lảng:

– Mẫu thân gan như sắt đá. Khi ra đi, tôi có ý ngần ngại sợ trong buổi loạn ly này không biết có được yên tuyền không thì mẫu thân nói: "Con cứ đi, mẹ đã có cách khu xử". Người không sợ gì, thế giặc cực mạnh mà người bảo không đáng sợ, rút cục thế nào ta cũng đuổi được chúng ra khỏi bờ cõi.

Nàng cười đầy tin tưởng:

– Sao mẫu thân biết?

– Người nói, có ba điều khiến ta vững tâm. Thứ nhất, nước ta ngày nay muôn người như một, từ vua đến dân, ai ai cũng một lòng đánh đuổi kẻ thù, cho rằng sống nhục không bằng chết vinh. Hội nghị Diên Hồng càng củng cố thêm tinh thần trung quân ái quốc. Một câu "Xin đánh" của các bô lão cũng đủ thắng năm mươi vạn hùng binh của Thoát Hoan.

Điều thứ hai là quân đội ta rất mạnh, kỷ luật rất nghiêm, tướng tá kết thành một khối, răm rắp theo lệnh Quốc công, như đàn con theo cha, thân mật hơn trong gia đình, thiếu đâu có đấy, một tiếng

mõ rao muôn người ra trận, không khác chi con đê lở vít được ngay, còn làn sóng to nào tràn qua được nữa?

Điều thứ ba, ấy là Quốc công Tiết chế. Quốc công cầm quân biết tùy lúc tiến lui, trông rõ đại cục, gan bền như sắt đá, lượng rộng như biển trời, được lòng cả ba quân lẫn dân chúng, thực là người cứu dân độ thế, chế phục được tất cả những khó khăn. Khi xưa, Quốc công còn trẻ, mới ngoài hai mươi, đương lúc giặc Ngột Lương Hợp Thai sang xâm lược, vâng lệnh vua Thái Tông lên giữ mạn Hưng Hóa. Khi ra đi, không vội vã, điềm nhiên như khi ta đi chơi, phụ thân đã khen là "dũng", tất làm nổi đại sự.

– Tôi thấy quân ta thất lợi, vẫn thường lo ngại. Nay Vương thuật lại lời mẫu thân cho, như vén đám mây mờ; mẫu thân thực là người cao kiến.

– Huống chi, ngoài Quốc công ra, còn bao nhiêu người tài trí giúp rập: mưu lược như Chiêu Minh vương, Chiêu Văn vương, vũ dũng như Bảo Nghĩa vương, Hưng Đức hầu, Hoài Văn hầu, Nhân Đức hầu, Tướng quân Lê Phụ Trần, đấy là những bậc của tôn thất triều đình, ngoài ra còn những anh hùng như Nguyễn Khoái, Nguyễn Thức, Phạm Ngũ Lão cùng mấy nghìn môn khách của Quốc công, đủ cả văn nhân, mưu thần, dũng sĩ, người nào cũng dốc lòng vì nước, kể ra thì nhân tài như rừng, nói không hết được. Quân ấy, tướng ấy, có lẽ nào lại chịu khuất phục quân thù?

– Còn Vương nữa chứ?

– Công chúa nói, tôi thêm thẹn. Giặc sang từ tháng một, nay đã gần hết năm mà tôi còn ở đây, thực là đắc tội với triều đình, thẹn cùng chúng bạn. Sau ngày Quốc công duyệt quân ở bến Đông Bộ Đầu, tôi trở về mộ thêm binh, luyện bộ tốt, ai hay giữa lúc giặc sang thì tôi thụ bệnh.

– Đó có phải đâu là mình muốn thế?

– Dẫu sao cũng là cái nhục cho tôi. Nằm trên giường bệnh ròng rã ngót một tháng trời, tôi tưởng lâu hàng ngàn năm. Nghe kể những chiến công oanh liệt ngoài biên, những chuyện tử tiết, tử chiến, tôi chỉ biết thở dài, sau lại rõ việc quan quân thất lợi ở Khả Ly, Lộc Châu, tôi có lúc thét lên như mình mang tội ấy. Lại sốt ruột vì tiếng mõ rao gọi người ra lính, dân gian kéo ra tòng quân rầm rập ngoài đường. Những thủ đoạn hiển hách của Hoài Văn hầu khiến tôi càng

ghen tức. Kể vai vế, tôi là chú Hầu, kể niên kỷ, tôi còn hơn Hầu năm tuổi, vậy mà uy danh Hầu đã chấn động bốn phương, lá cờ sáu chữ "Phá cường địch, báo hoàng ân" đã vẫy bay trên bao nhiêu trận, giống nòi vẻ vang, quân thù thất đảm, cứ nghe nói đến Hầu là tôi lồng lộn, không sao trấn tĩnh được. Có đêm khó chịu và sốt ruột quá, tôi vùng dậy, cố gượng với lấy chiếc bảo kiếm gia truyền treo trên tường, nhưng tôi ngã lăn xuống đất, kiếm đè lên mình, tưởng là chết. Mẫu thân cầm nến vào vực tôi lên giường, nghiêm sắc mặt, nhưng ôn tồn bảo tôi không nên nóng nảy, yên lòng thuốc thang thì mới chóng khỏi. Tôi vâng lời, và sau mấy hôm kịch liệt, li bì, dần dần bình phục. Một hôm, tôi lại với thanh kiếm, thấy nhẹ, tôi sung sướng, tuy còn lảo đảo, nhưng cũng vác kiếm ra khỏi buồng, trông thấy cỏ cây, ánh sáng thực là muôn phần vui vẻ.

Quân bản bộ thấy tôi ra reo hò mừng rỡ. Tôi nhảy lên ngựa, diễu mấy vòng quanh vườn, vung kiếm múa, nhưng tôi hoa cả mắt, ngã ngựa, may Trần Quỹ đỡ được, chứ không thì khốn. Mười hôm sau, tôi bình phục hẳn. Thì ra, trong lúc tôi nằm bệnh, mẫu thân đã lo liệu hết cả quân nhu khí giới thảy đều sung túc, lại tuyển thêm quân, lòng mẹ lo cho con thật là chu đáo...

– Mẫu thân thực là hiếm có. Hiện nay Vương có bao nhiêu quân bản bộ?

– Hai nghìn. Tôi sốt sắng là thế mà khi mẫu thân đặt tiệc tiễn hành, tôi không sao cầm được giọt lệ. Mẹ thì già, em trẻ dại.

Tôi lạy mẫu thân rồi, thấy các em đến chào lạy, tôi quyến luyến không nỡ rời tay. Có người gia nhân trung nghĩa là Trần Quỹ, trước đã từng theo hầu phụ vương đi trận mạc, nay mẫu thân cũng cho đi theo tôi, tôi từ chối thế nào cũng không được. Mẫu thân trao thanh bảo kiếm của phụ vương cho tôi và nói: "Con ở cửa tướng, nên nghĩ sao cho không hổ tiếng cha con". Tôi tiếp nhận chưa kịp nói thì mẫu thân tiếp ngay: "Mẹ thanh bạch chẳng có gì cho con, chỉ có một vật mọn này, con cầm lấy". Người ban cho tôi chiếc túi này.

Chàng lấy trong bọc ra một túi gấm, mở túi rút ra một vuông lụa bạch, trên chỉ có thêu độc một chữ "Thắng" bằng chỉ vàng. An Tư lóa mắt vì ngạc nhiên. Nàng đồ là một bức thêu đẹp, vì mẹ Vương có tiếng là giỏi về nghề này. Nàng không ngờ bà lại có ý tưởng làm một bức thêu xuất ư ý ngoại ấy, kết tinh chí quyết thắng và lòng hy vọng mênh mang. Nàng nói:

– Tôi không ngờ! Mẫu thân là một bậc đại trí, đại hiền.

– Khi trao cho tôi chiếc túi, người dạy: "Con đi nhé, mau diệt tan quân cường khấu, tấu khúc khải hoàn. Cố sao lập nên sự nghiệp, mẹ được thơm lây, ấy là báo hiếu. Con đi đi!".

Tôi dùng dằng mãi mới lên đường. Nhờ được mẫu thân dạy dỗ, nên lúc nào tôi cũng tin là chiến thắng. Đoàn quân Tinh Cương của tôi cũng thế, và suốt vùng ai ai cũng cùng chung một ý nghĩ. Vì suốt từ ngày quân giặc sang xâm lược, thấy ai chán nản là mẫu thân khích lệ, ai nghi ngờ Quốc công thì người giải hết nỗi nghi ngờ. Đi đâu người cũng nêu một tấm gương nhiệt thành, sáng suốt, hy sinh và tin tưởng.

– Vương thực có phúc được mẹ hiền. Tôi mồ côi mẹ thực thiệt thòi nhiều.

– Tôi lúc nào cũng phảng phất hình dung mẫu thân và đinh ninh lời dặn, lúc nào cũng nghĩ đến việc tận tâm báo quốc, khinh tính mệnh như lông hồng, mong không hổ tiếng mẹ, không giảm thanh danh cha. Huống chi, tôi mang cờ "Tinh Cương", đeo chiếc bảo kiếm này đã giúp phụ vương phá quân Mông Cổ ở bến Đông Bộ Đầu khi xưa.

Chàng tuốt kiếm ra, lưỡi thép loáng như gương, lạnh buốt như băng giá. An Tư và chàng tưởng tượng như trong bóng hào quang rầm rộ chảy đạo quân chiến thắng của vua Thái Tông thần vũ. Một phút yên lặng, họ cùng say sưa với dĩ vãng oai hùng. Chàng tra kiếm vào vỏ.

Gió ngoài ào ào thổi như có thiên binh vạn mã. Chàng chợt nhìn công chúa và nói:

– Có lẽ tôi phải đi. Gần sáng rồi. Công chúa thức khuya có hại cho ngọc thể.

– Không ngại gì. Xin Vương hãy ở lại, mới vừa điểm trống canh ba. Tôi muốn tặng Vương một vật mọn.

Nàng định lại lấy bức thêu chàng chiến sĩ, thì có tiếng giày dép bên ngoài, và thấy tiếng gọi nàng léo xéo. Nàng tái mặt nhìn Vương rồi dắt Vương sang buồng bên và nói:

– Vương hãy tạm ở đây. Các chị em đến chơi...

Vương chưa kịp nói gì, thì nàng đã ra mở cửa. Những phi tần,

công chúa, già có, trẻ có, vào buồng nàng hỏi thăm tin tức về tình hình quân sự. Trong suốt tam cung lục viện, nàng là người biết nhiều tin tức quan trọng nhất, lại là người thông minh, hiểu rõ thời cuộc nhất. Vả lại, nàng là người nhiệt thành, không lúc nào ngã chí, nên thường thường phái trong cấm hay hỏi ý kiến nàng. Nhất là để tìm chút an ủi. Có khi khuya nữa, thấy cửa buồng An Tư còn có ánh đèn là họ kéo vào hỏi chuyện.

An Tư hơi khó chịu, vì họ đến rút ngắn thì giờ đã ngắn mà nàng được hưởng bên cạnh vị hôn phu. Giây phút quá thiêng liêng mà họ phạm một cách phũ phàng. Tuy vậy, nàng cũng phải giữ một thái độ bình tĩnh, đối đáp mọi người và truyền cho mọi người một niềm tin tưởng mãnh liệt về tương lai. Trống canh tư đã điểm, nàng sốt ruột và oán giận chị em, khi họ trở ra về thì đâu đây đã có tiếng gà gáy sáng.

Khi tiễn họ về, trở vào buồng trong, không thấy chàng, nàng lấy làm lạ. Chợt nghe tiếng ngáy trong giường, nàng rón rén lại vén màn. Trong ánh đèn mập mờ, chàng đang ngủ say, chăn gấm kéo lên đến cổ. Giấc ngủ càng làm bật nổi khuôn mặt dũng kiện của người thanh niên. Nàng đứng nhìn không chớp mắt. Lâu lâu, nàng rón rén bước sang buồng bên, quạt lò đun nước để chốc nữa pha trà thết chàng.

Thấy cái đãy của chàng dưới chân kỷ, nàng tò mò mở ra xem; trong đãy xếp hỗn độn những đồ lặt vặt: Quần áo, khăn tay, gương lược, nghiên bút, một quyển sổ, một chiếc ấm độc ẩm, hai chén da lươn, mấy con dao, một cuốn *Binh thư yếu lược* của Quốc công. Nàng ngắm nghía từng chiếc một, mỗi vật đều có một linh hồn và đối với nàng đều có chút tình quyến luyến. Nàng nghĩ:

– Rồi những đồ vật này theo Vương ra trận. Duy ta không.

Nàng thầm ước ao được đi theo chàng để lo việc cơm nước và cùng chàng chung những nỗi gian lao tận khổ. Dần dần, nàng giở ra cả một bộ đồ ăn: Một đôi đũa ngà, một bát và hai đĩa gỗ, áng chừng mẹ chàng mới sắm cho, vì còn mới và đều có khắc mấy chữ "Đăng binh cường khấu". Chắc phu nhân sợ con quên làm bổn phận, nên khắc chữ vào những đồ nhật dụng này để nhắc nhở con, vì ngày nào chàng chẳng phải ăn hai bữa?

An Tư lẩm bẩm: "Mẫu thân hơn mẹ Nhạc Phi nhiều". Nàng lấy hộp khâu của nàng có sẵn kim chỉ và mụn vá, để chung vào đãy, hòng khi chàng muốn vá hay muốn đính khuy. Nàng chắc trên sa

trường tung hoành xung đột, áo quần của chàng sẽ rất dễ hư hỏng. Nàng lại cẩn thận để vào đãy một thanh quế tốt và mươi liều thuốc cảm, phòng khi chàng trái gió trở trời...

Chợt nàng lẩm bẩm:

– Chết chưa, ta quên rồi. Không biết có kịp không.

Nàng nhớ đến bức thêu còn dở, nàng vùng đứng dậy, tóc xõa trôi theo lưng nàng xuống đất như làn sóng đen biếc...

Nàng giật mình quay lại thì trong khung cửa thông hai buồng với nhau, chàng một tay nắm đốc kiếm, một tay vịn cửa, chân bắt chéo đứng nhìn nàng bằng đôi mắt lửa âm thầm không chớp. Nàng nhoẻn miệng hoa, má trái lúm đồng tiền xinh dáng, má đỏ ửng vì thẹn thò.

Chàng bước lại, ở trong buồng thêu thân mật nhất của An Tư, càng cảm thấy một hương vị mê ly, sảng khoái trong góc thế giới vô cùng huyền ảo ấy. Đây là nơi mà nàng đã để hết tinh thần bày biện, vừa ấm cúng, vừa trang nhã, vừa mơ màng, toàn thể đượm một thi vị kín đáo xinh xinh. Dần dần chàng bước lại gần nơi thiêng liêng nhất, im lìm và chào đón như một xóm đào nguyên; chiếc giường phảng phất một mùi hương nhè nhẹ mê người, với đệm hoa, chăn gấm, gối thêu. Trong đêm giá lạnh này, chiếc giường như hữu ý, chăn đệm còn ghi dấu thân hình ngà ngọc, và đâu đây như thoảng hơi nóng của giai nhân. Rồi không để ý đến câu chuyện bên ngoài, chàng nằm xuống giường. Vì mấy hôm đường trường vất vả, chàng ngủ đi lúc nào không biết. Khi choàng dậy, bước ra phòng thấy nàng đang ngồi xếp dọn lại đồ đạc cho mình, ân cần hơn người vợ chính thức, chàng ngây người đứng ngắm...

Chàng bước lại tươi cười nói:

– Đa tạ công chúa. Lòng ân cần này, xin hẹn đến kiếp sau báo đáp.

Sợ nàng vấn lại tóc, chàng tiếp:

– Thế gian đồn tóc công chúa đẹp, dài và đài các, không có thứ mây khói nào sánh kịp. Hôm nay vĩnh biệt, tôi không ngờ lại được ngắm làn tóc tiên, công chúa ăn mặc sơ sài, không son phấn, trang sức, lại càng đẹp lắm.

Nàng quấn vội tóc và nói:

– Tôi thấy Vương xếp luộm thuộm nên xếp lại cho đấy. Lúc nãy tôi muốn nói tặng Vương một món vật mọn này...

– Công chúa có lòng cho, thực là quý hóa, biết lấy gì báo đáp?

Nàng lấy ra bức thêu, chàng cầm xem, thán phục:

– Đường thêu của công chúa nồng đậm, có phép, tiếng đồn không ngoa, tôi thực có diễm phúc mà được bức thêu này, hơn anh em chúng bạn nhiều lắm.

– Hiềm vì thêu còn dở!

– Càng đẹp. Hai chữ "Sát Thát" này, tôi xin ghi dạ. Tôi đi phen này, trong mình mang ba vật báu: bảo kiếm của phụ vương, bức thêu của mẫu thân, bức thêu của công chúa, mà không làm nên công trạng gì thì nhục bao nhiêu. Xin đa tạ công chúa. Chỉ nghĩ ân tình thâm trọng, không biết báo đáp cách nào. Nguyện xin vì non sông xuất lực, muôn lao nghìn chết cũng không từ.

– Xin Vương để cho tôi thêu nốt đã.

– Công chúa cho thế này là đủ rồi. Thì giờ đã ít, biệt nhau trong gang tấc, xin để thì giờ nói chuyện.

Nàng tan ra trong nước mắt, cố trấn tĩnh không cầm được. Vương khuyên giải hồi lâu. Nàng nghẹn ngào nói:

– Nay Vương ra trận, tôi thân liễu bồ, không được theo gót ngựa sớm trưa hầu hạ, thực là hèn.

– Công chúa đừng nên nghĩ thế.

– Vậy trước khi Vương đi xông pha chiến trận, xin có lời này: phận gái chữ tòng, một lời đã ước, xin thủy chung đợi Vương cho đến ngày tái hợp. Mà dù nghề gươm đao bất trắc, Vương có vì non sông mệnh hệ nào, tôi xin thề thủ tiết cho đến già để đáp tình nghĩa.

Nàng sụp xuống chân Vương. Chàng nâng nàng dậy và nói:

– Sao công chúa lại thế? Tình công chúa mênh mang như trời biển, tôi là kẻ võ biền, thực không tả hết được chút tâm thành, nếu nay mai tấu khúc khải hoàn, tôi được vô sự, nguyện xin đem thân khuyển mã đáp ân. Nhưng nếu rủi ro ngoài trận...

– Tôi đã hiểu ý Vương, xin Vương đừng nói nữa. Tôi đã quyết một bề.

Ngoài vườn đã có tiếng chim hót sớm, và qua khe cửa son đã lọt lờ mờ ánh sáng bên ngoài. Chàng nói:

– Sáng rồi. Đêm vui chóng quá. Tôi phải đi thôi, xin cùng công chúa vĩnh biệt.

Chàng gấp bức thêu của An Tư tra vào túi gấm, bên bức thêu của mẫu thân chàng, rồi cho vào bọc. Nàng thổn thức:

– Vậy đã sáng rồi. Vương đi nhé, tôi một lòng chờ đợi, chúc Vương chóng nên danh anh hùng. Vương hãy uống chén chè cho tỉnh. Tôi mới pha.

Chàng tiếp lấy, uống ngon và khoan khoái.

– Đa tạ công chúa. Từ lúc nãy quên khuyấy đi. Tôi vào đây chào công chúa, thủy chung muốn lưu tặng vật mọn này. Xuýt nữa thì không nhớ ra, vì lòng hoang mang quá.

Chàng lấy ở bọc ra một chiếc hộp ngà, chạm trổ rất khéo mở ra, trong đựng một đôi vòng ngọc thạch, trân trọng trao cho nàng.

An Tư tiếp lấy, cảm xúc quá không sao nói được. Lâu lâu sẽ nói:

– Đa tạ Vương...

– Tôi xin phép công chúa cho tôi đi. Suốt đêm thức, công chúa ngày hôm nay nên ngủ nhiều cho lại sức, kẻo có hại ngọc thể.

Nàng giúp chàng cho đãy lên vai. Chàng cầm tay nàng và nói:

– Công chúa ở lại nhé!

– Vương đi.

Cánh cửa son mở. Trời đã sáng lờ mờ. Trận gió đêm qua thổi mạnh làm rơi hầu hết cánh hoa đào nở trước xuân, phủ đặc vườn như tuyết hồng. Chàng bước ra, như ngã xuống một vực sâu lạnh giá và nàng tiễn chàng đi như xẻ một nửa người. Chàng cao nên phải khom khom đi, đỡ những cành cây cảnh thấp, chàng không nhìn lại, luồn qua một cành đại rồi biến vào sau một bụi tre ngà. Nàng vẫn đứng vịn tay vào cửa, đầu ngả vào tay theo dõi bước tình lang. Vườn đang dâng nhựa mới, nàng trông cây cối mung lung như trong cơn mưa. Trên cành cây đại, một đôi vành khuyên nhởn nhơ bay ríu rít. Đôi chim dần dần biến đi, trong mắt nàng thành một lứa tình nhân quấn quít vui cùng tuổi trẻ, ý xuân, bên cành đào gốc lý. Dần dần hình ảnh ấy cũng phiêu diêu, cũng xa xăm xóa hết vì lệ mờ, và nàng đứng im lìm không động, đẹp như pho tượng giai nhân, má nhung lóng lánh như cánh hoa đào trước mặt...

II

Chiêu Thành vương Trần Thông là con cả Thái úy Khâm Thiên đại vương Trần Nhật Hiệu. Khâm Thiên khi mất mới bốn mươi tư tuổi, sinh hạ được bốn con, cả là Thông, thứ là Nhiếp, sau hai người con gái.

Sinh trưởng ở một gia đình quý tộc, sung túc, Trần Thông tuy mồ côi cha từ bé, nhưng được dạy dỗ chu đáo. Bà mẹ là người cương quyết, thông minh, nên ảnh hưởng về đường giáo dục của chàng rất lớn. Vương cũng có học văn, nhưng thiên về võ hơn và có một tinh thần thượng võ rất cao. Nguyên do cũng vì chung quanh Vương, kể từ các vương hầu cho đến dân gian, ai ai cũng ham luyện tập côn quyền. Vương tinh thông cả mười tám ban võ nghệ, nghe đâu có thầy giỏi là đi tìm hay đón về nhà. Thường mời những dũng sĩ các nơi đến tỉ thí, ai có môn võ nào hay là học cho bằng được mới thôi. Vương lại rất ham đánh vật, môn thể thao thịnh hành nhất đời Trần, mỗi khi cởi trần đóng khố ra sân vật, ai cũng phải trầm trồ khen ngợi thân hình lực sĩ của chàng. Bắp thịt nở nang lẳn từng múi, da chàng ngăm ngăm, nên trông vững chãi như một pho tượng đồng. Tính chàng lại hiếu thắng, không chịu thua ai, trong các cuộc tranh đấu bao giờ cũng dai và liều, đối phương nhiều khi bị thua vì thế. Không những chăm luyện tập thân thể, chàng còn sành bơi lội, ham săn bắn, thường đi thám hiểm những hang sâu động lớn, vượt biển đè sóng hoặc lên núi vào rừng, bắt được hổ báo đem về luôn luôn.

Là một vị vương tước, chỗ chí thân của nhà vua, Trần Thông được quyền mộ các trai tráng quanh vùng làm quân bản bộ. Trước còn vài trăm; sau năm trăm, một nghìn, chàng lấy hiệu quân "Tinh Cương" của Khâm Thiên khi trước. Nền nếp cũ, khiếu riêng, sự chỉ bảo của các vị vương hầu thạo hơn và sự đọc sách nói về nghề binh đã giúp chàng luyện được một đoàn binh có kỷ luật, có sức tranh đấu rất mạnh, hoàn toàn phục tùng chàng. Tuy còn trẻ, Thông đã tỏ ra một viên tướng giỏi.

Giáo dục, tinh thần và địa vị đã đào tạo chàng nên một người dũng kiện, quả cảm, khinh nguy hiểm, khéo chỉ huy, lúc nào cũng có thể gánh vác được những nhiệm vụ khó khăn.

Tuy còn trẻ, nhưng so vai vế thì Vương ngang hàng với Thánh

Tông Thượng hoàng, với Tĩnh quốc Chiêu Văn vương, với Quốc công Hưng Đạo, và đứng vào chú vua Thiệu Bảo. Thánh Tông thương chú mất sớm nên không bỏ lỡ dịp nào ban ân lộc cho em. Mỗi khi chàng về tới kinh, Thượng hoàng giữ chàng mãi mới cho về, khoản đãi rất hậu. Anh chị em trong tôn thất đối với chàng cũng rất là luyến ái.

Cuộc tình duyên giữa chàng và An Tư mới bắt đầu được ngót một năm nay, và mỗi ngày một thêm đằm thắm. Họ đã yêu nhau với tất cả bồng bột của thanh niên, với tất cả sức mạnh của dục vọng được hoàn toàn buông lỏng. Sự thân mật giữa anh em chị em trong họ, sự dễ dãi của một phong tục tự do thoát hẳn ra ngoài luân lý đạo Khổng, không khí êm đềm, nhàn hạ phong lưu trong cung, tất cả những điều kiện ấy đã giúp cho cuộc tình duyên nảy nở. Hoặc cùng nhau hội yến, dang tay nhảy múa hay ngồi đánh bài trong cung nghe hát, hoặc cùng vương hầu công chúa phóng ngựa dạo chơi hoàng thành, hay đua thuyền hóng mát trên Hồ Tây, đôi mắt lửa chỉ tìm đôi mắt nhung, bóng ngang tàng chỉ hòa theo bóng liễu.

Vương thỉnh thoảng mới đến kinh về những dịp kỵ lạp, hay những ngày lễ vạn thọ, một năm chỉ độ ba bốn lần, sự xa cách càng thêm nung nấu tình yêu đôi lứa, kích thích bởi nhớ mong. Mỗi khi đến Thăng Long, chàng không bỏ lỡ một dịp nào lẻn vào cung riêng tình tự với người chị con nhà bác ruột.

Ở cung An Tư ra, Chiêu Thành vương ngây ngất như một người say rượu, hồn chàng phiêu diêu bay bổng trên mấy tầng mây. Mắt chàng mơ màng, những màu hồng vui như nhảy đón trước mắt chàng. Cánh tay chàng còn đượm sức nóng của thân thể nõn nà, tai lại còn nghe tiếng sáo của lời nàng, mũi chàng còn phảng phất hương vị ngây ngất của xác thịt, toàn thể người chàng bao bọc một làn phấn ái tình êm dịu. Chàng không nhìn thấy gì ngoài hình ảnh vinh quang hiện trong khung cảnh rực rỡ của xóm đào, chàng không nghe thấy gì ngoài khúc nhạc tưng bừng của tình ái. An Tư hiện trước mặt chàng, trong trắng kiều lệ, chàng tự hào hơn chúng bạn vì được một giai nhân tuyệt thế để lọt mắt xanh. Dù phải phơi thân ngoài nơi chiến địa, chàng có tiếc gì.

Trong phút say sưa, chàng tưởng như nàng ở trước mặt, giơ tay để vuốt ve làn tóc đen dài. Một tiếng gọi kéo chàng từ chín từng mây xuống thực tế. Chàng giật mình e thẹn vì đã qua cửa Dương Minh, và một người lính trong đội củng thần hỏi:

– Hoàng thúc làm gì đấy?

Cờ quạt dàn bày, kiếm kích ngời sáng. Gã tình nhân ngây thơ đã biến mất và Trần Thông hiện nguyên hình chiến sĩ giữa một quang cảnh sặc mùi chinh chiến. Chàng còn đang hoang mang thì thấy trong cửa Dương Minh đi ra một người vào trạc hăm bảy, hăm tám tuổi, chít khăn vàng, mặc áo bào vàng chẽn, đeo kiếm dài, mặt trái xoan, điểm những đường vân tía trông hao hao nét mặt Khổng phu tử, thần khí quang thái, dáng trông uy nghiêm tôn kính, nhưng đạo mạo rất nhân từ, ấy là Thiệu Bảo.

Thấy Chiêu Thành vương, vua tươi cười. Chàng bước lại, phủ phục xuống bên đường, hô vạn tuế. Vua tiến lại, nâng dậy, cất lời rất sảng phán:

– Xin Hoàng thúc bình thân.

Vua ép chàng cùng đi song hàng và nói tiếp:

– Trẫm muốn nhờ Hoàng thúc một việc, không ngờ lại gặp Hoàng thúc ở đây, may lắm. Hoàng thúc không cần lên Bắc vội.

– Hạ thần xin chờ lệnh thánh.

– Hoàng thúc chắc chưa biết rõ. Quân ta thua to quá. Chi Lăng đã mất. Thoát Hoan trường khu đánh xuống thế như chẻ tre, quân sĩ lại hung ác giết hại nhân dân rất nhiều. Quốc công kéo đại binh về Vạn Kiếp, quân tướng tan vỡ. Trẫm lấy làm lo lắm. Nay trẫm muốn đến Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công, nhưng không muốn bày vẽ nghi trượng, trẫm tính đi một chiếc thuyền con nhanh và tiện hơn, muốm mong Hoàng thúc cùng đi...

– Hạ thần xin tuân thánh chỉ.

Vương lúc ấy rất thẹn với mình. Chàng cảm thấy như mình mang tội lớn với nhà vua, với xã tắc, với cả gia đình. Trong các vương hầu, chàng là người ra trận sau hơn cả, trùng trình mãi đến khi cất quân đi còn ham bề son phấn. Vương coi như chính mình đã mang một trách nhiệm lớn trong sự thất lợi lớn của quan quân. Vì thế, Vương ngượng nghịu, tuy vua Thiệu Bảo rất ôn tồn không nói gì và cũng không biết gì về chuyện đêm qua. Vua vui vẻ và thân mật bảo chàng:

– Vậy hai chú cháu ta cùng đi ngay.

– Tâu quan gia, hạ thần xin tuân lệnh, chỉ xin quan gia cho thần báo tin trước cho quân bản bộ kẻo họ nóng ruột, vì họ đang sốt sắng ra trận.

– Hoàng thúc thực là chu đáo. Vậy Hoàng thúc về ngay đây nhé, trẫm cũng còn phải bẩm mệnh Thượng hoàng.

Vương mượn một con ngựa phóng ra ngoài thành Long Phượng. Xa xa, cánh đồng đã hiện rõ lá cờ "Tinh Cương". Chàng tế lại, Trần Quỹ và đoàn gia tướng ra đón, hai nghìn tráng sĩ thấy chủ về, ai nấy đều hớn hở bảo nhau sửa soạn lên đường. Họ bị "giam cầm" nay mới được ra trận, người nào cũng mong chóng được lên Bắc, giao chiến cùng rợ Mông để tỏ chí bình sinh, và báo ơn chủ tướng.

Trần Quỹ trạc năm mươi tuổi, tóc bạc râu thưa, trông tráng kiện, và có vẻ hiền lành, cẩn thận. Vương cùng Trần Quỹ và các gia tướng đi thăm đội ngũ, thấy ngăn nắp tề chỉnh, quay lại khen Trần Quỹ rồi bảo mọi người:

– Ta phải đi một việc rất khẩn cấp không tiện nói ra đây. Các người nóng muốn lên đường, ta biết, nhưng đành vậy, hãy nấn ná chờ ta vài bữa. Ta đi, công việc lớn nhỏ ở nhà giao cả cho Quỹ, các ngươi nên nghe lời Quỹ cũng như nghe lời ta. Đừng có sao nhãng nghề binh, chểnh mảng đội ngũ. Các ngươi chưa ra trận cũng như ra trận rồi, ở nhà mà luyện tập thân thể cho thêm cứng rắn, võ nghệ cho thêm tinh thông, ấy cũng là đánh giặc đấy.

Chàng chào mọi người rồi bước ra. Họ có ý thất vọng và dường như ghen cùng chủ. Nhưng dần dần bàn bạc, họ không oán chàng nữa, cho rằng việc chàng phải đi đây chắc còn quan trọng gấp mười việc ra trận. Họ cũng đã thừa hiểu chính Vương cũng sốt ruột lắm, không khi nào chàng lại có ý hoãn việc tiến binh.

Khi Chiêu Thành vương đến cửa Dương Minh, thì vua Thiệu Bảo đang đi đi lại lại chờ đợi. Thấy Vương, vua nói:

– Nào ta đi cho được việc.

Vương theo vua ra bến sông Cái. Dân gian biết là vua đi, kéo nhau lũ lượt theo sau, khắp các phố phường người ta đổ ra, tiếng hô vạn tuế vang lừng, vui vầy và đầm ấm. Nếu là ông vua khác, thì dân chúng đã phạm vào tội bất kính, nhưng vua Thiệu Bảo lại thấy thế làm thích. Vua vốn người nhân từ, công chính, hằng ngày thường cúi xuống bách tính, xem xét dân tình, có khi vi hành để thân dân. Vua không bỏ lỡ một dịp nào để giúp họ: đói kém thì phát gạo, rách rưới thì ban quần áo. Vua không nề hà, giáng lâm vào cả túp lều tranh ẩm thấp, trò chuyện cùng ông già bà cả, có khi ôm ẵm trẻ con giữa những tiếng cười hồn nhiên của đám người bình dân.

Thượng hoàng nhiều khi quở, các quan nhiều lần can, vua vẫn không sao bỏ được thói quen khả ái ấy, phát sinh từ lòng hồn nhiên bác ái, bao trùm đẳng cấp. Vì vua hay gần gụi với dân gian, nên mỗi khi đi đâu, bách tính kéo ra theo như nước. Những lúc ấy, vua không bao giờ cần hộ vệ, để được hoàn toàn chung sống với những người chất phác, thành tâm quyến luyến. Họ đã coi vua như là một Thế Tôn, một Bồ Tát đầy lòng từ bi hỉ xả; họ chỉ đợi dịp báo ơn ông vua nhân hậu.

Được gần vua, họ biết tính tình vua, cả những thói quen của vua. Từ mấy năm nay, lòng dân yêu vua lại càng tăng nữa.

Họ biết nhà Nguyên sách nhiễu, sứ Mông vô lễ, khinh triều đình, họ còn nhớ rõ thái độ ngỗ ngược của viên Thượng thư Sài Thung khinh người như cỏ rác. Vậy mà vua Thiệu Bảo vẫn cứ chịu nhục, đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, không phải vua sợ chúng. Dân gian đã biết vua là một người quả cảm, cương nghị, nhưng sở dĩ vua phải chịu nước lép chỉ vì – họ đã biết rõ vua không muốn chiến tranh. Vua muốn dàn xếp khôn khéo, đem tài ngoại giao mưu lấy cuộc hòa bình, tránh cho bách tính cái thảm họa binh cách. Ngày thường vẫn còn chưa lo đủ cho dân no ấm, huống chi còn chuốc lấy một việc hung. Vốn là nhà chính trị khôn ngoan và sáng suốt, vua Thiệu Bảo biết chiến tranh là tai hại, khốc liệt, không lợi gì cho kẻ dự chiến, bên thắng cũng như bên bại, và ông vua giỏi không phải là một người cùng binh độc vũ, tìm những thủ đoạn oanh liệt trên chiến địa, mà là người biết mưu hạnh phúc cho dân gian trong không khí yên vui.

Vì thế, vua tuy không phải là thiếu dũng, cứ trù trừ mãi, mặc dù yêu sách của Hốt Tất Liệt trở nên gay gắt vô lý. Việc quân Nguyên đòi mượn đường sang Nam đánh Chiêm Thành là một việc không thể nào chiều được. Dân đều biết đức vua lo nghĩ. Họ sốt ruột và sôi nổi vô cùng. Họ không chịu được những nước lép vế. Họ giận thâm gan tím ruột quân Mông Cổ và sứ thần hống hách của chúng. Họ lấy làm nhục để vua phải nhường chịu địch nhân, và muôn người như một, họ nung nấu lòng phẫn khích, chỉ mong đạt đạo lên vua. Thà chết cả chứ không chịu nhục, dù yếu nhưng không chịu thua mạnh, đó là tâm lý chung của dân chúng kinh thành. Lòng muôn người đều nghĩ đến việc tập trung báo quốc, để cho vua đỡ lo, vai đỡ nặng, mắt đỡ buồn. Họ chỉ đợi một chiếu hưng sư là sẽ bổ ra trước cờ, xin đi đánh giặc.

Vua Thiệu Bảo đã qua bao nhiêu đêm tâm chiến, cái thế đã giục

triều đình tuốt gươm đáp lại những uy hiếp của nhà Nguyên. Vua đã quyết định. Dân chúng mong manh tin đều thở dài sung sướng. Họ muốn quây ngay lấy vua, xin ngài đừng lo ngại. Họ đã sẵn lòng vì vua ủng hộ ngôi báu và giang sơn, và quân Nguyên sẽ không qua được nước Nam một khi hơi thở của người cuối cùng chưa tắt... Giữa lúc ấy thì một tờ chiếu ban ra: trước khi quyết định, triều đình cho triệu bô lão trong thiên hạ để trưng cầu ý kiến.

Dân gian có ngờ đâu có sự phi thường ấy. Họ còn nhớ rõ như hôm qua, cái ngày trọng đại, trong khi bóng hung tợn của quân Mông Cổ đã hiện rõ ngoài biên, kinh đô đã được trang hoàng như một ngày hội lớn, cờ quạt tàn tán la liệt trong các cung điện, cửa ô và mặt hoàng thành. Thăng Long đã có đại biểu của họ: mười vị lão thành chủ chiến. Bốn cửa thành mở rộng để đón đại biểu, các nơi binh lính tấp nập dẹp đường để giữ trật tự.

Các cụ dần dần tới cả, người thì tóc bạc phơ, người thì hoa râm lốm đốm, ai nấy đều mặc những quần áo mới, hoặc sắm lấy hoặc dân làng sắm cho. Họ từ những hang cùng ngõ hẻm, từ những xóm tre, núi đỏ ở khắp các đường các ngả đi lại, gần thì đi bộ, già quá thì chống gậy trúc, xa thì đi thuyền, đi ngựa hay đi cáng, người nào cũng có dân đinh hay con cháu cắp tráp, mang điếu theo hầu. Mặt người nào cũng nghiêm trang, vì tuổi cao cũng có, nhưng vì sứ mệnh lớn lao mà họ mang trên vai già yếu thì nhiều.

Tất cả ba trăm cụ hơi ngơ ngác vì cảnh xa lệ của thủ đô và vẻ lịch sự của khách kinh kỳ. Nhưng họ đã được những người này chào đón bằng nét mặt đầy cảm tình, bằng những cử chỉ thân ái, bằng những câu cười, tiếng nói niềm nở, bằng khóe mắt thân mật, người ta kiễng chân giơ tay. Trong những tiếng ồn ào thường tuôn ra một điệp khúc rất quen.

– Các cụ xin đánh cả nhé. Xin đánh!

Các cụ gật đầu, miệng nở một nụ cười đồng điệu, họ không ngờ tính tình của những người xa cách hàng bao nhiêu quan san lại có chỗ giống nhau đến thế.

Các cụ đã tiến vào điện Diên Hồng, một ngôi nhà uy nghiêm rộng rãi mà nhà vua dùng làm sở tiếp các đại biểu tôn kính của dân gian. Thềm rồng cột tía lần đầu tiên chào đón kẻ quê mùa, chốn xán lạn huy hoàng phản ánh những nét mặt sạm phong trần bày nên một cảnh tượng kỳ thú. Một bữa tiệc đế vương dọn thết các vị chí tôn

cùng tất cả các danh công cự khanh thân ngồi bồi tiếp thiên tử, đại gia và bình dân ôn tồn trò chuyện, thân hơn một bữa ăn trong gia đình. Vua hỏi tuổi, hỏi gia thế, con cháu mọi người, cả việc làm ăn ruộng nương chợ búa, cười nói tự nhiên. Lần đầu tiên Người được thỏa cái tinh thần thân dân của mình.

Đối với các bô lão, thì đây là một vinh dự hãn hữu mà phần lớn quan liêu mà cũng không bao giờ được hưởng. Họ đăm đăm chờ đợi câu hỏi chính của nhà vua. Mãi đến khi tiệc lớn đã tàn, mọi người đang uống nước ăn trầu, vua mới đứng lên, nói rõ về sự uy hiếp của quân Mông, sức mạnh và tài chinh chiến của họ, sau cùng tả những nỗi nhục mà triều đình phải chịu đựng, phác qua tình cảnh non sông cùng cái thế khiến cho mình do dự và tiếp:

– Nay quốc gia nguy ngập, trẫm và triều đình không quyết nổi, vì quốc gia là của chung, nên trẫm phải triệu liệt vị vào đây để hỏi ý. Thế của ta nay chỉ có hai cách: cho nó mượn đường hay đánh lại, xin liệt vị chỉ giáo cho.

Tiếng đáp đã sẵn sàng ngay từ lúc bước chân lên đường, các cụ đồng thanh muôn người một miệng:

– Xin đánh!

Lời đáp vắn tắt, đanh thép, đánh tan mối do dự của quân vương, khích lệ tướng sĩ, thôi thúc dân gian vẫn còn văng vẳng bên tai mọi người và còn quyện trong núi rừng ngoài biên ải như một lời cảnh cáo quân thù... Từ khi các bô lão về, người tòng ngũ mỗi ngày một đông, các chiến sĩ ra công luyện tập, và các mõ gọi trai tráng ra đình ngày đêm không ngớt tiếng rao...

Dân chúng Thăng Long vẫn còn nhớ như in cảnh tượng ngày lịch sử ấy. Các bô lão đã thay họ đạt đạo lên cửa trùng ý kiến kiên quyết của bàn dân thiên hạ. Họ ngày nay chỉ nghĩ làm sao giúp vua đánh kẻ thù, vì họ đều cảm thấy mang một trách nhiệm lớn trong cuộc chiến tranh.

"Sát Thát" đã thành khẩu hiệu chung của tất cả đẳng cấp dưới trời Nam.

Sau hội nghị Diên Hồng, vua Thiệu Bảo bác thư Trấn Nam vương mượn đường, xuống chiếu kể tội quân Nguyên, khuyên mọi người trong nước, đồng tâm phá giặc. Và đáp lại thái độ tự vệ ấy của người Nam, một lệnh truyền của Hốt Tất Liệt, Thoát Hoan kéo năm mươi

vạn quân hùng hổ tiến sang chiếm Nam quan, xâm lược Lũng Giang, trường khu cướp ải Chi Lăng, tràn xuống Bắc Giang, uy hiếp Vạn Kiếp, thế mạnh như vũ bão. Nhưng tất cả chiến thắng cùng những độc ác của quân thù không làm gãy nổi cái chí của dân gian, trái lại, họ càng quây quần chung quanh vua trong một mối đồng tâm sắt đá. Bắt đầu từ ngày khởi chiến, lấy tư cách là đại biểu của toàn quốc mang trách nhiệm lớn lao hơn cả mọi người, vua Thiệu Bảo sống một cuộc đời khắc khổ hơn một vị tu hành: ăn không dùng miếng ngon, mặc không dám đòi thứ ấm, bỏ hết những xa hoa phú quý, đêm đêm nằm nghỉ trên một chiếc giường thô kệch.

Họ còn đứng mãi trên cầu cho đến khi thuyền khuất hẳn, và vua cũng đứng trên thuyền nhìn mãi về phía kinh thành cho đến khi bóng người lẫn lộn với không gian. Thuyền đi vun vút như tên. Vua bảo Chiêu Thành vương:

– Trẫm bạc đức, nghĩ thật không xứng đáng!

Vương tâu:

– Quan gia dạy quá khiêm. Hạ thần cảm kích lắm, đó không phải là triệu mất nước. Được lòng dân thì còn mà mất lòng dân thì hỏng; lòng dân như thế, có đáng lo gì quân giặc?

Vua cùng Chiêu Thành vương trò chuyện, trong khi thuyền lướt đi trên sóng đục. Ban ngày dần dần đã qua, chiều đông u ám càng tăng vẻ thê lương của tàn niên. Hai bên bờ sông, cánh đồng chỉ còn trơ gốc rạ, thỉnh thoảng nhấp nhô một chợ chiều vắng ngắt hay một quán bỏ không. Đường quanh co vào thôn xóm không một bóng người. Cỏ đã héo vàng và cây đã trơ lá. Sương cũng xuống với khí chiều, bốc quanh làng mạc và đâu đây một trận gió thổi lạnh lùng như sổng từ một kho lạnh lẽo. Cảnh tiêu điều càng tăng lòng buồn của người lữ thứ, nhất là một người mang nặng những ưu tư. Vua Thiệu Bảo mơ màng nhìn các lũy tre, chưa bao giờ vua thấy vắng tanh và đượm vẻ lạnh lùng nhuộm màu tang như thế. Lòng vua thấm thía, vua quay bảo Chiêu Thành vương:

– Hai mươi tư Tết rồi. Tết năm nay buồn quá.

Trước mắt vua, hiện rõ một bức tranh tiêu điều. Mọi năm, đến bây giờ gia đình quây quần ríu rít, nay người ta đương thổn thức hay lo âu. Chỉ còn trơ những mái tóc điểm sương tựa cửa, những khăn yếm chạy quanh, những miệng thơ gọi bố. Người ta thiếu một kẻ

thân yêu gân guốc, cột trụ của gia đình. Lại còn nhiều nhà mang khăn trở, vì tin dữ đã đưa về. Biết bao quỷ không đầu đang bơ vơ bên phần mộ tiên tổ! Những người còn sống ngẩn ngơ trước bàn thờ lạnh giá, nhớ đến kẻ thân yêu không bao giờ về nữa! Mà đã biết đâu, rồi ra nếu quan quân thất lợi mãi, giặc dữ tràn vào, còn bao nhiêu cảnh điêu tàn. Những thảm họa thực không sao tả hết được.

Vua bỗng xúc động trong lòng, và cảm thấy một niềm thương vô biên, bao trùm cả chúng sinh cây cỏ. Càng nghĩ càng lo, lòng vua càng hoang mang rối như canh hẹ. Bất giác không trấn nổi được tiếng thở dài.

Chiêu Thành vương nói:

– Quan gia hãy vững tâm, đợi gặp Quốc công xem sao. Đã có điều chi lo ngại đâu?

Khí chiều càng lạnh. Dần dần vua thấy đói. Vì lo việc nước, từ sáng hôm nay, vua chưa dùng một miếng cơm. Liếc nhìn Chiêu Thành vương, vua ái ngại: chắc cũng như vua, suốt ngày Vương nhịn đói. Mình chịu đựng được, nhưng Vương thì tính sao? Vua hối mình quá hoang mang, nên quên khuấy cả một việc tối cần. Vương vẫn cung kính ngồi bên, không tỏ một chút gì nóng nảy khó chịu.

Chợt tên tiểu tốt Trần Lai nhìn vua, có ý khác. Vương không để một việc gì lọt mắt, vì Vương là người tinh tế, lại mang một trách nhiệm thiêng liêng, Vương đã nắm đốc gươm giữ thế. Lai đã buông mái chèo, xê lại gần vua. Vương định nắm đầu tên tiểu tốt, nhưng xem ra thì không có điều gì quan ngại; tuy vậy thanh kiếm đã tuốt khỏi vỏ. Lai ngập ngừng muốn nói rồi lại thôi. Y còn trẻ, bộ áo lính nghiêm nghị và hơi lùng thùng không làm giảm được vẻ ngây thơ măng sữa...

Vua hỏi:

– Con muốn gì trẫm, Lai?

Tiếng run run không rõ.

– Tâu Quan gia, tiểu nhân không dám tâu, tiểu nhân có việc này...

– Được, cho nói.

Lai bỗng ôm lấy đầu gối vua, òa lên khóc nức nở. Vua nói giọng hiền như cha:

– Có việc gì con khóc đó, Lai?

– Tâu Quan gia – Lai vừa nói vừa nức nở – Tiểu nhân thấy Quan gia từ sáng ngày chưa ăn... Đến như tiểu nhân là kẻ hèn mọn mà còn được no bụng. Mẹ tiểu nhân sợ tiểu nhân đi xa, lại nắm thêm cho tiểu nhân một nắm cơm đỏ để ăn đường cho đỡ đói. Tiểu nhân tay tuy chèo nhưng lòng nghĩ đến Quan gia. Quan gia dẫu lo việc nước, cũng không nên biếng ăn quên ngủ, ngọc thể có làm sao thì non sông trông cậy vào ai? Tiểu nhân trăm sợ có nắm cơm đỏ đã mấy lần muốn dâng, hiềm vì nỗi thân hèn, vật mọn nên không dám, nhưng sợ Quan gia quá đói, từ sớm chưa ăn, nên tiểu nhân đánh bạo tâu lên, tiểu nhân thực là đáng chết...

Rồi lại phủ phục dưới chân vua, thiếp đi vì sợ, hai tay dâng lên một nắm cơm đỏ lớn bọc lá chuối xanh.

Vua Thiệu Bảo xoa đầu Trần Lai, mắt vua rơm rớm lệ. Vua nhìn Chiêu Thành vương khi ấy đã tra gươm vào vỏ. Ân cần vua tiếp lấy nắm cơm, rồi lay tên tiểu tốt:

– Lai, con ngẩng đầu nghe trẫm bảo.

Trần Lai ngẩng đầu lên, mắt giàn giụa, run bắn người lên.

Vua phán:

– Trẫm cám ơn con. Con đừng sợ. Có lẽ nào trẫm lại quở người có lòng thảo như con. Con chưa hiểu trẫm, trẫm có khó tính đâu. Cơm gạo là của quý, xấu nữa trẫm cũng ăn, trẫm thấy con trung thành có nghĩa, trẫm vui lòng lắm. Chỉ có việc này trẫm cũng đủ no rồi. Cơm của mẹ con nắm cho là quý, con nên giữ lấy mà ăn thì phải hơn. Nhưng trẫm không muốn phụ lòng con, sợ con tủi, nên trẫm nghĩ thế này: trẫm nhận nắm cơm dâng, nhưng trên thuyền ta có năm người, trẫm, vương gia, con và hai người kia, không cứ trẫm, mà năm người cùng đói cả. Trẫm tính chia nắm cơm đỏ này làm năm phần, mỗi người một ít thế mới công bình.

Nói xong, vua bóc lá chuối vứt xuống sông, tuốt chiếc bảo kiếm đeo bên mình, chia nắm cơm làm năm phần, trao cho mọi người. Giữa khúc sông im lặng, trong bóng tối lạnh lùng, vua ăn đầu tiên một bữa cơm đạm bạc ngon lành hơn tất cả cao lương mỹ vị đã nếm qua...

Nửa đêm vua tới Hải Đông. Các quan hay tin vua giáng lâm, tấp nập ra đón ngài vào hành cung. Vì lao tâm lao lực luôn mấy ngày ròng, vua gây gấy sốt, Vua muốn đi thẳng vào Vạn Kiếp,

nhưng các quan khuyên can, nên đành tạm nghỉ ở Hải Đông rồi truyền cho vời Quốc công về hỏi chuyện. Ở Hải Đông, biết thêm nhiều tin tức mới, vua càng lo ngại. Đến đây vua mới càng nhận thấy sức mạnh tuyệt đối của quân Nguyên, đánh đâu được đấy, thực có cái thế trúc chẻ ngói tan. Còn quân nhà thì từ ngày thất thế trên mặt Bắc, thua ở Chi Lăng, phần thì chết chóc, phần thì bị bắt, phần thì trốn tránh tan nát, mười phần không còn được một. Những người trung nghĩa theo Quốc công về Vạn Kiếp thì ốm yếu, tàn tật, tình hình rất nguy khốn.

Quân Nguyên có khí giới tinh xảo, binh lính quen chiến đấu, lại thêm đại bác trợ lực, phá thành cướp trại dễ như trở bàn tay. Đã thế, giặc lại tàn ác, Thoát Hoan giận vì triều đình nước Nam ngang ngạnh, được dịp trả thù, dung túng cho quân sĩ càn rỡ. Thành thử từ đó, quân Mông Cổ hoành hành, tàn hại lương dân phá từng làng, từng tổng, đi đến đâu là lửa cháy rực trời, khói bốc ngùn ngụt, làm tội đến cả tiểu nhi, hãm hiếp đàn bà con gái, những thảm họa ở vùng Bắc chỉ có những cảnh âm ty địa ngục sánh kịp.

Vua thở dài, thương cảm, lui vào hành cung, nhưng trằn trọc suốt đêm. Hễ chợp mắt lại mê thấy cảnh nhân dân chạy loạn, quân Mông Cổ hung ác đuổi theo, ngọn giáo dài xâu những xốc đầu lâu mới chém, những tướng hình dung dữ tợn: Ô Mã Nhi, A Bát Xích, Áo Lỗ Xích, những tên cổ quái như quỷ sứ nhà trời...

Trong một lúc vô cùng đau đớn, vua rên rỉ một mình:

– Trời ơi! Dân có tội gì?

Và thốt lời nguyền:

– Dẹp giặc mạnh xong, nguyện xin thế phát xuất gia, phổ độ chúng sinh, cầu cúng cho oan hồn tử sĩ.

Sáng hôm sau, vua trở dậy, người đau đớn như dần. Vua cùng Chiêu Thành vương ra bến sông chờ đợi, nóng nảy và sốt ruột, vua đi đi lại lại, đăm đăm nhìn về phía Vạn Kiếp. Hơi một tiếng động nhỏ cũng giật mình như Hưng Đạo Vương tới. Đợi đã lâu. Vua là người có tiếng thuần hòa, vậy mà lúc ấy cũng sinh gắt gỏng. Gần trưa, các quan dâng cơm, vua nể lời mời, nhưng chỉ dùng một lưng. Giữa lúc lòng vua khó chịu đến cùng độ, thì Trần Lai se sẽ tâu:

– Tâu Quan gia, hình như thuyền Quốc công.

Vua rảo bước xuống tận bờ sông. Xa xa, hai chấm đen dần dần

hiện rõ hai chiếc thuyền vun vút đi lại, một chiếc tới gần. Hưng Đạo đeo kiếm đứng trước mũi thuyền, gió đánh bạt chòm râu đen dài tuyệt đẹp. Dã Tượng, Yết Kiêu đứng hầu. Thuyền vừa cập bến, Quốc công nhảy xuống, tiến lại phía vua, định sụp lạy.

Vua Thiệu Bảo đỡ Đại vương và nói:

– Quốc công không phải giữ lễ.

Lòng vua đã trở lại bình tĩnh như thường. Quốc công như có một uy quyền kỳ dị. Giữa lúc mọi người hoang mang, hoài nghi và chán nản, Đại vương đem lại một nguồn nghị lực dồi dào. Lòng tin đã bị lung lay trong thâm tâm vua nay đã gần như chôn vững. Chiêu Thành vương liếc mắt nhìn Quốc công: Đại vương như tất cả đàn ông họ Trần, người cao lớn, nhưng đặc biệt nhất là vai rất nở, mắt rất tinh, tuổi già càng thêm quắc thước. Vương đã nhiều lần gặp Quốc công, nhưng không bao giờ thấy uy dũng và khôi vĩ như thế. Có lẽ trường tranh chiến ác liệt làm rắn tâm can, và mài giũa thêm hùng tài sẵn có của Đại vương.

Quốc công tâu:

– Để cho Quan gia phải nhọc thân, lão phu thực mang tội chết.

Vua nói:

– Quốc công trăm nghìn việc, không mỗi lúc rời quân sĩ được. Đáng lẽ thì trẫm phải đến Vạn Kiếp mới phải...

– Quan gia không luận tội là may. Lão phu thân làm đại tướng mà đến nỗi hao binh tổn tướng, bỏ thành mất đất, thực là hổ thẹn vô cùng. Chẳng hay Quan gia vời lão phu đến có việc gì?

– Trẫm thấy nói thế giặc mạnh, lo lắm. Không phải quân ta không cố sức, tướng sĩ không tận tâm, nhưng chỉ vì quân giặc quá nhiều, lại thạo nghề tranh chiến, mấy bữa nay lòng trẫm lại càng thương cảm. Trẫm nghe: "Tranh đất, cướp quyền, giết người đầy nơi đồng nội". Dân ta có tội tình gì, nghĩ đến kẻ cha mẹ không người nương tựa, trẻ thơ toàn một lũ mồ côi, trẫm ái ngại lắm. Huống chi họ ta lên làm vua, ân huệ chưa thi đủ cho thiện hạ, mà bắt bách tính lầm than cơ cực như thế này, trẫm càng không nỡ..."

Ngập ngừng một lát, vua nói tiếp:

– Hay là trẫm hãy tạm hàng đi đã rồi sẽ liệu sau...

Vị Đại vương mà tất cả biến cố trong đời đều không làm rung

chuyển được lòng, nghe vua nói đến đây cũng hơi biến sắc mặt. Quốc công nhìn vua, lâu lâu chậm rãi nói:

– Quan gia nói thế thực là lời nhân đức, nhưng còn tông miếu xã tắc thì sao?

Lời nói thấm thía vô cùng! Rồi chuyển giọng, Quốc công trụt khăn, quỳ xuống, cất lời khẳng khái tâu rằng:

– Quan gia muốn hàng, xin trước hết hãy chém đầu lão phu đi đã.

Giọng Quốc công đã hay, lời Quốc công lại mạnh, câu nói đanh thép đầy tự tin, như giội một luồng sinh khí vào ông vua héo hon vì do dự. Bao nhiêu lòng hoài nghi tan hết, vua như choàng tỉnh một cơn mê. Vua nâng Đại vương dậy, thẹn thò vì lời nói hèn nhát và bất lịch sự của mình. Tất cả những người đứng chung quanh ngây người vì câu đáp rắn rỏi, nhìn cả vào Quốc công, lòng dâng hương kính ái và mạch máu cuồn cuộn say sưa phấn đấu. Tiếng đáp còn quyện trong gió mây. Chiêu Thành vương cũng ngạc nhiên vì câu nói bất ngờ của vua Thiệu Bảo, chàng lại nhận thấy nỗi thẹn của nhà vua. Chàng có cảm tưởng rằng khi ấy Quốc công là bó đuốc dẫn đường. Ngay trong lòng chàng những tro tàn chán nản cũng biến thành những than hồng tin tưởng.

Vua nói:

– Trẫm hối đã làm phiền Quốc công chỉ vì trẫm quá lo và thương dân, nên mới có ý quy hàng, xin Quốc công lượng cho.

Tạp chí *Tri tân*, từ số 146 (15-6-1944)
đến số 158 (14-9-1945).

PHI VÂN

(1917 - ...)

Phi Vân tên thật là Lâm Thế Nhơn, sinh năm 1917 trong một gia đình trung lưu ở Cà Mau. Ông là một nhà văn kiêm nhà báo, chuyên viết truyện ngắn, truyện vừa, phóng sự, từng cộng tác với nhiều nhật báo, tuần báo, tạp chí ở Nam Bộ.

Tác phẩm của Phi Vân đã xuất bản: *Đồng quê, Dân quê, Tình quê, Cô gái quê*. Có giá trị hơn hết là tập phóng sự *Đồng quê* (Giải nhất cuộc thi văn chương của Hội Khuyến học Cần Thơ năm 1943). Gọi là phóng sự, thực ra, tác phẩm rất gần với thể tài truyện ngắn, truyện vừa.

Có người nói Phi Vân là Hồ Biểu Chánh của những năm 40, tuy ông viết rất ít so với tác giả *Ngọn cỏ gió đùa, Cha con nghĩa nặng, Con nhà nghèo v.v...* Vì họ đều là những nhà văn của đồng quê Nam Bộ, đều phản ánh mâu thuẫn giai cấp gay gắt giữa nông dân và địa chủ, đều có khả năng làm hiển hiện trước mắt người đọc hình ảnh của người dân quê miền Nam Tổ quốc với những nét riêng biệt đáng yêu, bằng thứ ngôn ngữ mộc mạc, chất phác nhưng tươi tắn và đầy sức gợi tả.

Cố nhiên, Phi Vân đã vượt qua lối viết văn, dựng truyện của Hồ Biểu Chánh đã trở thành cũ kỹ từ sau 1930.

Dưới đây, trích 3 phóng sự ngắn và 7 chương của tiểu thuyết phóng sự *Dưới đồng sâu* cùng in trong tập *Đồng quê*.

MUỐN ĂN TRỨNG NHẠN

(Phóng sự)

Không biết mỗi bữa trưa hè oi ả, trời nắng nung người, có ai nghe người đàn bà Bạc Liêu đưa võng kẽo cà kẽo kẹt ru con:

Tháng ba cơm gói ra Hòn
Muốn ăn trứng nhạn phải lòn Hang Mai...

mà ngao ngán nỗi gì không?

Riêng tôi, có một dạo, đang thất thểu trên đường từ Vĩnh Châu ra biển, nghe được câu hát này, tôi thấy thích thích, đoán chừng rằng Hang Mai có lẽ là ở miền nào xa lắm. Tôi định có ngày đến viếng cho thỏa lòng.

Bây giờ tôi đứng trước Hang Mai!

Cho hay nếu mình chịu bước chân đi thì còn lạ gì với những cái tên mà mình cứ tưởng tượng nó ở đầu trời cuối biển nào!

Hang Mai là gì?

Các bạn giàu tưởng tượng đừng cho rằng Hang Mai là một chỗ mà vào mùa đông lạnh, hoa mai vươn cánh khoe vàng!

Không, "Mai" đây chỉ có nghĩa quê mùa cổ lỗ ở chốn đồng quê: là... là... Khỉ!

Vậy, Hang Mai, tức là hang của loài khỉ.

Kinh Hang Mai ở làng Khánh Lâm (Cà Mau), bắt đầu từ kinh Biện Nhị, phía dưới công sở trổ ra Tiểu Dừa.

Kêu là "kinh" cho nó oai một chút, chớ nó quanh co như "cửu khúc trường xà". Nó có không biết bao nhiêu ngách và không biết bao nhiêu trấp cản đường.

Ở hai bên bờ, người ta có thể gặp những con trúc, rái, kỳ đà, chồn, ong mật và vô số cá.

Tôi được một lần đi suốt con kinh Hang Mai và đi một cách "đàng hoàng" vinh diệu.

Ông Xã trong làng gả con cái.

Ông Xã mà gả con gái thì phải biết, cái đám ấy nó long trọng đến bực nào?

Muốn có "cái gì" thêm long trọng hơn nữa, lúc đưa con về nhà chồng, ông lại tìm ngay chúng tôi:

– Thằng Sáu mầy có tài ăn nói, thằng Năm mầy có ngón đàn hay, vậy bây vui lòng theo qua bên "đàng trai" cho "rôm" để bên ấy biết rằng làng mình cũng có lắm "nhân tài"!

Tôi ngồi vò ngọn tóc:

– Từ đây qua rạch "Bà già Sốc" xa quá cậu à! Vả lại tôi có tật ngủ sớm, hễ thức khuya một chút là muốn nằm liệt ra rồi!

– Không sao, xuống ghe tha hồ mà ngủ, hại gì mậy!

– Ủy, thần rừng quỉ bụi đất Khánh Lâm nầy ơi, nhè ở đây mà cậu bảo ngủ dưới ghe cho muỗi mòng nó tha đi!

– Cái thằng! Không mấy thuở cậu mượn mà lại làm bộ làm tịch!...

Thằng Năm xen vào:

– Đi mầy, ra miệt biển chơi, xuống ghe tao đàn cho mầy nghe, buồn ngủ thế nào được!

Rồi nó láy tôi ra ngoài:

– Mày ngu lắm, tội tình gì mà để "chúng nó" đi riêng một mình!

– Chúng nào?

– Con Tư ông Chủ, con gái Bộ Liếm, con Tám, chớ còn chúng nào nữa! Tụi nó sẽ đi chung với mình một ghe, gục chung với mình một lượt, chẳng là "sung sướng" lắm à?

*

* *

Đường về rạch Bà già Sốc dài trên ba chục cây số, phải đi suốt con kinh Hang Mai dọc ra mé biển.

Đàng trai lại rước dâu vào lúc mười giờ tối. Lễ xong, chúng tôi cùng nhau xuống ghe lườn. Đàng trai đi hai ghe, đàng gái theo hai

ghe, một ghe ông già bà cả, một ghe thanh niên. Ai trông thấy cũng thì thào khen ngợi, không hổ danh ông Xã chút nào.

Tôi mắc lo theo đuổi lũ gái, quên coi thằng Năm nó vác cây đàn kìm thế nào mà lâu lâu cái thùng đàn khua leng keng in như tiếng chuông của thằng Chệc bán bông cỏ.

Vào một đêm không trăng. Sao đầy trời. Bóng đêm bao phủ như bức màn mờ.

Gặp mùa gió bấc, ngồi trong mui chẹt nghe hơi sương xuống cũng đủ lạnh lùng.

Thỉnh thoảng ngọn gió đồng hiu hắt lùa vào khoang gần tắt phụp ngọn đèn dầu.

Bên ngoài, các anh chèo vừa nhịp mái ăn rập vừa "hò khoan" vang dậy.

Bên trong, ngồi đối diện với mấy cô áo màu xanh đỏ, thằng Năm cảm hứng lên dây Tố Lan đờn một bản Vọng cổ rặt "mùi".

Tôi bị con ma buồn ngủ kéo hai mi mắt gần sụp, nhưng sợ gục lên gục xuống, "con Tám" nó cười, nên rán kềm vững cái cần cổ. Tuy vậy chút chút cái đầu cũng gặc qua được một cái như để nhịp "song lang" giùm cho thằng Năm.

Các cô ngồi thủ thỉ, lâu lâu chăm chú dòm thằng Năm đang "hỉnh mũi" cho mấy ngón tay nhấn vuốt hai sợi dây đàn.

Hố hò khoan
Con gái ông Bang
Che dù che lọng,
Con gái bà bóng
Thổi lửa tắt đèn...
Cá rùm tùm beng.

Hố hò khoan
Con đỉa đeo bà,
Con gà cục tác,
Mỏ nhát cầm chèo,
Con mèo cầm lái,
Con rái chạy buồm,
Con tôm tát nước...
Là cái hố hò khoan...

– Ghe ai ngừng lại!

Bên ngoài bỗng có tiếng hét vang lên.

Tiếng hò khoan đứt ngang.

Thằng Năm nhè nhẹ để cây đàn xuống.

Các cô xanh mặt dòm giáo giác.

Tôi đang gục lia cũng hoảng hồn nhảy ra ngoài.

Ba ghe trước đều buông chèo. Đàng xa hơn, mấy ngọn đuốc sáng lóa từ trên xuồng nhỏ nhô ra.

Dưới ánh sáng, mấy anh chàng lực lưỡng, mình trần trùi trụi đang phò anh chúa đoàn, bơi ào lại.

– Ăn cướp mầy Năm ơi!

Thằng Năm "mẹ thỏ" vừa nghe tôi kêu cướp đã tuôn ra ngoài phóng đùng xuống kinh lội vô bờ lủi mất.

Các cô run lên cầm cập sa sầm áp níu lấy tôi. Bụng tôi đã thấy điếng mà bị "con Tâm" ôm ngang cần cổ lại càng điếng hơn nữa.

– Mấy ghe kia lập tức ngừng lại, thằng Sáng [1] ở đây!

Giọng hét sang cảnh như Trương Phi hét Tào Tháo ở cầu Tràng Bản.

Mấy anh chèo ghe tôi khiếp đảm cũng nhảy đùng đùng xuống nước.

Tôi thổi tắt đèn, xô mấy cô nằm rạp xuống khoang ghe, rồi ngóc đầu lên dòm.

Bọn cướp lục ghe dâu rầm rầm.

Nghe tiếng khóc xen lẫn tiếng hăm dọa, tôi rợn người, toan trỗi dậy nhảy đi, nhưng mấy cánh tay các cô bấu chặt như sam, không tài nào gỡ nổi.

Thôi thì, họa mang, mang lấy cho cùng, tôi chết sững đợi đến số phận mình.

Nhưng... bọn cướp đã hô "buồm" và mấy chiếc xuồng rẽ nước bắn đi...

Hú vía! Thì ra họ đã "no hàng" ở ghe đàng trai; không cần đến chúng tôi nữa!

---

1. Một tướng cướp lừng danh ở miệt đó.

Tôi lồm cồm ngồi dậy, đỡ mấy cô áo màu lên. Áo màu không còn là màu nữa. Bùn nước trong khoang ghe đã nhuộm thành rằn rĩ mất rồi, mà mấy cô chỉ là những tàu lá đang run.

Không kịp lên tiếng hú coi thằng Năm núp ở đâu, và đến coi ghe đàng trước lành dữ thế nào, tôi ngẫm nghĩ bật cười nhớ đến câu hát trên đường Vĩnh Châu:

Tháng ba cơm gói ra Hòn,
Muốn ăn trứng nhạn phải lòn Hang Mai...

Trong tập *Đồng quê*. Giải nhất cuộc thi văn chương của Hội Khuyến học Cần Thơ, năm 1943.

TRAO THÂN CON KHỈ MỐC

(Phóng sự)

Hương Ba càu nhàu: "Cái làng gì mà kỳ khôi quá! Các ông nghĩ: Làm cha mẹ, ai cũng muốn cho con nó được nên vợ nên chồng, đàng này học mảng bo bo mấy cái hủ tục bắt bẻ từ chút, đòi hỏi từ cái lễ mọn, đã thèm rồi mới chịu gả con gái...

– "Chịu gả" mà có xong cho đâu! Đây để tới lúc mình tới rước dâu rồi chú coi, chém chết ông Bái hay ông Tộc trưởng bên ấy cũng "vặn anh Cai Sót đủ điều..."

Ông Chánh Khá nói thêm một cách chán nản:

– Mà cái xứ gì xa xa tí mù!

Rồi chán nản nhìn hàng cây mắm ở ven rừng, "giẫm chân" bên bờ sông Ông Đốc.

Chiếc ghe máy có cái mui ngạo nghễ, khoe những dây cờ lon con giăng từ cột buồm ra sau lái.

Tiếng máy chạy sình sịch.

Trời về chiều.

Tàu chạy hôm nay nữa là hai hôm rồi: sông Ông Đốc, kinh xáng Bà Kẹo, đầm Cùn, kinh xáng Thọ Mai, nhưng xóm Kiến Vàng vẫn còn xa lơ xa lắc.

Họ đàng trai đã mệt nhọc ngồi trong chiếc tàu chật hẹp. Người ta ăn hết ba lượt bánh mì với thịt quay mua ở Cà Mau. Chú rể ngày đầu còn khăn đóng áo dài, hôm sau đã cởi dẹp lại một bên, mặc chiếc áo thun giả ngồi ở trước mũi tàu ngong ngóng, thỉnh thoảng vươn vai hít không khí rồi củ rũ nhìn lũ trẻ trong xóm chạy theo tàu trên bờ sông vỗ tay reo:

– Ê! Đám cưới!

"Đi họ" còn có cả ba cô gái: áo tím, áo xanh, "bọt đê" dài thườn thượt.

Họ tỉ mỉ từng chút, luôn luôn sẽ nhặt sống áo và lai quần hàng thẳng bóng để đôi giày cườm khỏi vướng mà làm lấm hư đi...

Hôm xuống tàu, ba cô chọn một chỗ sạch, ngồi nói chuyện với nhau khe khẽ, ai mời ăn gì cũng từ chối, thỉnh thoảng đưa cái bốp đầm lên soi kiếng, sửa lại cái vành môi.

Nhưng hôm nay, ông Chánh Khá đã vắt cái áo đen trên vai và gói cái khăn đóng lại: Ông chủ hôn Cai Sót đã nằm ngáp trên chiếc sập con, thì các cô cũng đành chia nhau ăn mấy khúc bánh mì còn sót lại.

Son trên môi đã hoen ố, phấn trên má cũng phai đi từng khoảng. Chiếc khăn mù soa đã được nằm trong túi, không còn đeo đẳng với tay nữa. Vì hai bên bờ, rừng tràm và dừa nước, muỗi nó kêu vang lên như khát máu, đập bằng tay có hiệu nghiệm hơn, chớ cầm cái khăn mà chặm chặm thì nó không thấm tháp vào đâu cả.

Hương Ba càu nhàu mãi, và ngán ngẩm đến lúc ông phải đem khay trầu rượu đi trình đàng sui gái.

Năm nay đã gần tứ tuần, nhưng ông còn có vẻ... thanh xuân! Lần này là lần thứ mười tám ông đi làm rể phụ. Hễ bọn thanh niên trong làng có cưới hỏi, là người ta nhớ đến ông, vì ông đã từng trải lắm rồi, lại biết đủ tục lệ.

Ông thường bảo với bọn trẻ:

– Các cậu đừng tưởng làm rể phụ là dễ đâu. Để các cậu lãnh vai ấy thì có mà hỏng bét...

*

* *

Anh tài công cho hay:

– Khỏi vàm Mang Giỗ rồi, còn hai cái doi nữa là tới Kiến Vàng.

Trời tối đen. Bầy muỗi tha hồ bu cắn mấy ông đi họ đang sật sừ.

Nhưng người ta đã giục nhau:

– Sửa soạn mau lên!

Ông Cai Sót hớt hải:

– Mấy giờ rồi, mấy giờ rồi?

– Mới có mười giờ. Qua giờ Tý mới đúng.

– Thây kệ, giờ nào, tới thì phải lên, đã gần chết rục rồi đây!

Người ta hấp tấp sửa soạn. Hương Ba gò gẫm khăn đóng cho ông Cai Sót; chàng rể gài khuy cho ông Chánh Khá.

Bà sui trai và hai người đàn bà đi họ, mấy ngày giam hãm trong chiếc buồng con đàng sau lái tàu để xới trầu và xỉa thuốc, bấy giờ cũng thấy hăng hái xếp đặt cái hộp trầu.

Ba cô thiếu nữ nheo mắt lo đánh vội một lớp phấn và rán vẽ được hình trái tim trên đôi môi đỏ óng.

Người ta phủi lại nếp áo, người ta chùi sơ lớp bụi đóng trên mũi giày.

Cây đèn treo lủng lẳng giữa tàu giọi trên vách mấy cái bóng người đi đi lại lại.

Ông Hương Ba đã hờm sẵn khay trầu rượu, xây qua dặn chàng rể:

– Thanh, mầy bưng cái khay hộp theo tao nhé! Lúc làm lễ, hễ tao đặt khay trầu rượu ở bàn nào thì vợ chồng mầy sẽ lạy ở bàn đó... mà nhớ luôn luôn đứng bên tay trái nghe, "nam tả nữ hữu", rán học cho nằm lòng! Rồi tiếp:

– Còn tụi thằng Trí, bưng mâm khéo lọt mấy trái cam đa, không được giỡn hớt như ở nhà, ở đây người ta khó lắm, coi chừng!

Còn thằng nào đó, coi qua doi chót thì nhớ đốt pháo lên!

Tiếng pháo bắt đầu nổ vang cả xóm thì xa xa có tiếng pháo trả lời.

Trên bờ sông mấy con chó hè nhau đứng sủa...

Tàu ghé bên cái cầu có nhà mát. Cả đoàn lần lượt lên bờ và sắp hàng có thứ tự đi vô sân, đứng đợi.

Trong nhà khách, ba bốn ông lão đang nói chuyện vang quanh chiếc bàn tròn trái khảm đỏ!

Mấy cây đèn sáp rọi sáng cả gian nhà.

Một bọn trai tráng mặc áo dài đen chạy lăng xăng, pha trà, bưng chén.

Họ đàng trai vẫn đứng ngoài chờ.

Hương Ba nóng ruột:

– Mẽ! Tại sao không có người ra mời?

Một câu nói trịnh trọng từ trong nhà khách đưa ra dường như để trả lời:

– Bây ra ngoài mời họ đàng trai đứng chờ đấy. Chưa tới giờ đâu!

Chưa tới giờ! Mấy tên bưng mâm chán nản. Thằng Trí lầm bầm!

– Đợi tới giờ thì gãy mẹ cái tay đi còn gì! Mỏi thấy tổ rồi đấy!

Ông rể phụ bực mình ghé tai ông Chánh Khá:

– Dượng là trưởng tộc, rán đối đáp! Bây giờ mình cứ việc!... Tôi
 đem dán đôi liễn, rồi thì mình xin cưới liền đặng về cho kịp con
ước một giờ!

Thế là Hương Ba bước liều vô nhà và đến đặt khay trầu rượu
ên bàn giữa.

Mấy ông lão trợn tròng.

Ông Bái run run, khẽ kéo cái gọng kiếng sụp xuống chót mũi,
ầu nghiêng phía trước, cái búi tóc lọt ra ngoài lớp khăn đóng, dựng
ứng lên như tức giận, ngó thẳng vào mặt Hương Ba, dữ tợn.

Nhưng Hương Ba đã chắp tay:

– Dạ... xin... cho phép tôi... dán đôi liễn.

– À! Dán liễn! Mà đã tới giờ đâu? Không phải các ông muốn tới
ắt con gái người ta lúc nào cũng được!...

– Dạ, tôi chỉ xin dán liễn!

Một ông họ gái già sọm có cái mép lởm chởm mấy cọng râu ngắn
ài không đều, che mái lưa thưa trên hai làn môi mỏng, đang "hăm"
i tuốt vô miệng để cái cằm lấn nước nhô ra như một lái tàu sà lúp...
n da mặt nhăn nhíu khô đét như vỏ cây khô cháy nắng; tất cả sự
ống đều dồn về cặp mắt loang loáng chỉ nhìn vòng qua cái gọng
ếng bằng thau; cái khăn đóng quấn suông hai vòng, cao, dày, để lòi
 từng thượng một búi tóc bạc phơ.

Cả gương mặt có một vẻ gì vừa lạnh lẽo, vừa gay gắt mà một đứa
ẻ con thấy được là phải khóc ngay!

Ông họ ấy đang chăm bẳm nhìn mọi người với những nét nhăn
hông cảm giác, sực lên tiếng khi nghe Hương Ba nói tới liễn.

– Dán liễn à? Được?

Người ta thoáng thấy một cái nhích mép nó đưa nhẹ chòm râu
èo một bên: Cười hay gây? Nào ai biết!

Hương Ba ngờ ngợ nhìn và lanh lợi:

– Ông Tộc trưởng cho phép chúng tôi dán đôi liễn giao hiếu.

– Được. Coi nào!

Không đợi nhắc, Hương Ba lẹ làng phết hồ lên cột.

Ông Tộc trưởng chậm chạp đứng dậy cầm đèn sáp nhỏ đi theo xem.

Lớp tuổi già đè nặng trên lưng, nhưng ông cũng cố gượng ngước lên, tay giơ cây đèn cao khỏi đỉnh đầu, tay gõ bằng mấy cái móng dài thườn thượt trên lớp liễn đỏ, dò từng nét, từng chữ một và chậm chạp đọc:

Thừa... long... lạc... ỷ... tam... chi... thọ...

Ông gật gù, nặng nề bước qua cột bên kia. Ánh đèn làm nổi bật mấy nét nhăn và chói sáng cả cái "tầng thượng" trên chiếc khăn đóng: mỗi cái gật làm búi tóc lắc lư như con "lật đật" của trẻ con!

Giá... phụng... hoan... thành... bách... lượng... xa!...

Rồi bằng một giọng ngâm trầm bổng, ông lặp lại và phê bình:

Thừa long lạc ỷ tam chi thọ... Hay!

Giá phụng hoan thành bách lượng xa... Cũng hay!

Nhưng mà, ông chủ hôn ơi! Ông cắt nghĩa giùm thử coi câu liễn nó thế nào mà tôi "dốt tối dốt tăm" không hiểu được.

Ông lại chép miệng lầm thầm như tự hỏi:

– *Tam chi thọ*? Ba nhánh hay ba họ?...

Ông Chánh Khá nãy giờ đứng rón rén cạnh Hương Ba, nghe kêu, vội vàng đưa tay lên sửa vành khăn đóng, mạnh dạn bước tới biết rằng "chiến cuộc" đã "khai hấn" và sứ mạng của ông là phải giữ danh dự cho phe nhà:

– Dám thưa ông Tộc trưởng, chúng tôi không phải là kẻ thâm nho, tài hèn chỉ đáng làm môn đệ của ông, nhưng ông đã dạy, tôi xin mạn phép vâng lời, nhờ ông không chấp cho chuyện trước cửa Lỗ Ban múa búa. Tôi có thể thích nghĩa hai câu ấy ra như thế này:

Chú rể cỡi rồng nương cây ba nhánh,
Cô dâu hỉ hả tìm đặng mối trăm xe...

Còn dịch nôm thì tôi nghe ông Đồ Ướt nhà tôi diễn thử trong câu này:

Rể lành đủ dựa tài lương đống,
Dâu thảo vui nên bậc thế quyền...

tưởng cũng tạm gọi được là hay vậy. Chẳng hay ông Tộc trưởng nghĩ thế nào?

– Hay! Tạm gọi là hay! Già này thấp thỏi, không biết nôm na cao kiến như mấy ông, già chỉ biết rằng trong rừng nho hiền thánh, không thiếu chi tiếng dùng, sao lại đem nào là "thừa long... giá phụng" tiếng của các bậc đế vương vua chúa vô làm chi cho tủi nhục thêm cho con nhà "dân dã" chúng tôi.

Chánh Khá xanh mặt:

– Thưa ông...

– Thôi, thưa gởi làm chi nữa, theo phép mấy ông trầu rượu tới đây cưới con gái nhà tôi, mấy ông không có quyền khinh khi quá lẽ... Bây giờ tôi muốn coi đồ nữ trang trước rồi đợi tới giờ sẽ hay.

Hương Ba vội vàng mở khay hộp. Ông Tộc trưởng nâng từ chiếc vòng, sợi dây chuyền lên nhìn, bỗng nhiên mắt ông sáng hoắc lạ thường, chép miệng hỏi:

– Ủa, sao lại có đôi bông nở mà không có bông búp?

Chánh Khá rối loạn chực nói, nhưng đã bỡ ngỡ nhìn mọi người.

Hương Ba lẹ miệng đỡ lời:

– Thưa bông búp là hồi "ăn trầu uống rượu" kia. Lời tục người ta nói: "Bông búp về nàng, bông nở về anh", vì đường xa xôi quá, chúng tôi đã yêu cầu trầu rượu cưới hỏi một lần thì chúng tôi tưởng "bông nở" không, cũng đủ lễ rồi vậy...

Ông Bái ngồi chăm chỉ nghe đến đó, bỗng nhiên khóc lên rưng rức:

– Nhà tôi vô phước. Trời ơi, con làm nhục cha nhục mẹ chi vậy hỡi con!... Sanh con tưởng gả được chỗ môn đăng hộ đối, ai dè họ khi mình đến đỗi này...

Ông Chánh Khá bị "tấn công" gắt quá, đành đưa mắt cầu cứu với Hương Ba lần nữa mà mồ hôi trên trán đã nhỏ giọt.

Hương Ba chẳng nói chẳng rằng, ngoắt chàng rể bước vào, còn ông thì đến cạnh ông Chánh Khá, láy mắt ngụ ý nói: "để tôi" rồi nói lên để thay đổi cuộc diện:

– Đã trình đồ nữ trang, thì bây giờ xin lên đèn làm lễ cưới.

Ông Tộc trưởng trợn ngược cặp mắt, đôi lông chân mày dựng lên làm tăng vẻ giận dữ, oai nghi:

– Ai cho phép chú cưới? Tôi bảo đợi tới giờ nghe chưa?

Ông Chánh Khá lập tức trả lời khéo léo:

– Xin ông Tộc trưởng thương giùm. Con rể nó ở đời với nhau được, có phải tại cái giờ đó đâu. Nếu chờ đến giờ Tý, con nước chảy ròng cho đến trưa mai, thì chúng tôi chịu ngược cả mấy con nước nữa, chắc chết đói ở dọc đường. Nhất là cô dâu không quen đi đường trường bó rọ dưới tàu năm sáu bữa, chẳng là tội nghiệp lắm sao?

Ông Tộc trưởng nín lặng.

Chánh Khá láy Hương Ba. Hương Ba hội ý, xì ống quẹt nổi đèn khay trầu rượu rồi đưa tay ngoắt một cái. Đám bưng mâm lục tục kéo vào.

*

* *

Trong lúc lộn xộn, Hương Ba lừa dịp kề tai Chánh Khá bảo một câu:

– Lạy họ xong, dượng xin kiếu liền, đừng để trễ một phút nào cả. Mình không cần ăn mà cũng không cần họ tử tế nữa. Chẳng lẽ họ níu con dâu lại đâu mà sợ.

Chánh Khá làm như lời.

Họ đàng trai đã thông đồng ăn rập nhau đứng lên một lượt.

Thấy con mình bị "bắt" đi một cách "cấp tốc" bà Bái trong nhà khóc rống lên như đám ma, còn ông Tộc trưởng vỗ bàn ầm ĩ.

Nhưng, đám bưng mâm đã vây quanh hộ tống cô dâu, chàng rể xuống tàu một cách hùng dũng, dầu phe ông Bái có muốn "phá vòng vây", cũng không tài nào vô nổi.

Mọi người đều xuống tàu, trừ Hương Ba đang hí hửng như vừa "thắng trận" đứng cạnh Chánh Khá nói nói cười cười:

– Vậy cũng xong! Đó, dượng thấy chưa, mình phải... mình phải cương quyết, phải... tài ba như vậy mới được chớ!

Bỗng ông Tộc trưởng trên nhà chống gậy xồng xộc chạy xuống níu tay ông Chánh Khá, thở hào hển, vểnh râu, sừng sộ:

– Còn lễ... "trao thân gởi mình", sao không làm hử?

Nhưng Hương Ba bước vội xuống tàu, mặt đang nở như hoa tự nhiên xanh xám lại, kéo đại ông Chánh Khá theo, cộc lốc trả lời:

– Trao thân... con khỉ mốc!

Anh tài công tàu giựt chuông mở máy...

Trong tập *Đồng quê*. Giải nhất cuộc thi văn chương của Hội Khuyến học Cần thơ, năm 1943.

ĐỔNG TRÁC BIẾT SẬP GIÀN

(Phóng sự)

Ghe hát bộ bầu Tèo hôm ấy đã thấy chèo đến đậu ngay trước đình làng. Con nít chạy bu theo trên bờ kinh vỗ tay la rầm rĩ:

– Bầu Tèo ở cù lao Heo tụi bây ơi!

Đình đang buổi kỳ yên. Người ta dọn sẵn sàng tất cả, chỉ chờ ghe hát đến là lên giàn.

Bạn hát được dân làng phụ giúp, chỉ non nửa ngày là cất rạp xong đâu đấy.

Chiều đến, họ có thể gióng trống xây chầu. Làng đã nhứt định hát ba "thứ", mỗi thứ ba chục, tùy ông bầu chọn tuồng, miễn cho xứng đáng thì thôi. Và nếu được vừa lòng, làng sẽ tùy tiện thưởng thêm là khác nữa.

Làng lại cho ông sáu Lý phụ đóng thêm một vai trong tuồng nào cũng được.

Ông sáu Lý là tướng hát rành nghề. Trong giới hát bộ, đã đành rằng không đào kép nào là chẳng biết danh ông, mà thậm chí đến dân làng hễ nghe đến tên ông, là hăm hở phục tài.

Năm nay ông đã già. Ông có bộ râu hơi dài và người hơi ốm. Nhưng không vì thế mà tài ông giảm đi.

Chẳng những ông hát hay mà ông lại có tánh vui vẻ bặt thiệp, ở cảnh ngộ nào ông cũng làm cho người ta vừa bụng, nhất là đám trẻ con trong làng. Hễ chúng gặp ông đâu là nài nỉ ông "đi" cho một bộ Trương Phi hay Triệu Tử.

Ông vò đầu chúng rồi sẵn lòng bẻ một cành cây làm roi ngựa, giả đá giáp, hất râu, múa lăn chiêng y như trên sân khấu.

Ngoài ông sáu Lý, làng lại cử ông Chánh bái cầm chầu.

Ông này lại có cái đặc biệt khác.

Gánh hát nào đến cũng phải cậy nhờ ông.

Được một người cầm chầu giỏi, đúng phép, không tư vị, biết giục lòng, con hát mới phấn khởi, mới hả hê.

Một tiếng "thùng" cũng đã làm cho họ sung sướng mà hai ba "chầu" liên tiếp lại còn làm cho họ nở lòng.

Ông Chánh bái trong làng thường bảo:

– Mình cầm chầu không đứng đắn, bọn hát nó khi, nhiều khi nó dể ngươi lờn mặt. Ôm chầu như tôi, tôi đố đào kép nào dám ra hát "ẩu" đặng lãnh tiền. Không một tiếng trống của tôi, cũng đủ cho họ bị bầu gánh cúp tiền cữ đêm đó...

Mà thật ông Chánh bái rành điệu cầm chầu tự hồi ông còn ở chức Hương thân kia lận.

Tiếng đồn ông sáu Lý hát và ông Chánh bái cầm chầu được truyền đi liền khắp xóm.

Người ta thấp thỏm chờ đến buổi chiều. Trẻ con rộn rực đòi áo quần, xin xu ăn bánh; các anh trai tráng nôn nao bỏ giấc nghỉ trưa ở luôn ngoài ruộng đợi chiều về sớm một chút; các cô gái, mặt trời chưa chênh bóng là đã lo làm cá nấu cơm.

Khi tiếng trống "thùng thùng" nổi lên trên xóm đình, thì dọc theo bờ ruộng đã thấy lũ lượt kẻ năm người ba kéo nhau đi xem hát.

Sân đình trước là một đám cỏ cú cao nghều nghệu, chỉ sơ sơ trong nửa buổi là bị dấu chơn người giẫm lên sát rạt.

Trước rạp, người ta dọn dẹp sạch sẽ, sắp một hàng ghế dài để dành riêng cho các bậc kỳ lão và hương chức; kế đó là ghế của tư nhân. Họ khuân từ nhà đem lại, chen nhau giành chỗ.

Giàn hát cất không được cao; bên trái là buồng kèn nhạc, bên phải là buồng của đào kép sắm tuồng. Chính bên phải là chỗ để trống chầu cho ông Chánh bái ngồi.

Hai ngọn đèn "măng sông" được treo tòn ten trên cao, trước rạp.

Ba hồi trống cơm "tùm tum, tùm tum" báo rằng đào kép sắp "ra tuồng", mà tội quá, đám con nít cứ chen lấn nhau kêu la ầm ĩ. Chúng trèo níu, đánh đeo ở hai bên giàn coi đàn kèn và coi các ông tướng vẽ mặt.

Hai anh Cai tuần lãnh coi trật tự đuổi thế nào chúng cũng không đi. Tức quá, họ bẻ roi quất bổ trên đầu, trên lưng làm chúng kinh hoảng lấn nhau té đùn cục.

Nhưng một lát, chờ khi anh Cai tuần rỏn đi chỗ khác, là chúng lại leo lên bu xung quanh như kiến. Ông Chánh bái là người hiền từ

thuở giờ, bị chúng chen lấn quá, ngồi chầu không được, ông phát giận dữ phải giơ dùi trống lên "khệng" cho mấy đứa đến u đầu.

Đêm ấy hát tuồng Phụng Nghi Đình. Chính ông sáu Lý ốm tong, bây giờ độn cái bụng to, mặc áo rộng xùng xình đóng vai Đổng Trác.

Mỗi lần ông đi kệ nệ, vuốt râu, đưa quạt lên trời hất hất, là mỗi lần người ta la ó dậy.

Lữ Bố là một anh chàng trai trẻ, mặt đẹp như con gái, giắt hai lá cờ soái hai bên lưng, thắt cái bông tròn trước ngực, đầu đội mão kim khôi, tay cầm phương thiên họa kích, oai vệ vô cùng.

Điêu Thuyền là cô đào chánh của gánh hát mặt hoa da phấn, yểu điệu thướt tha, màu mè cặp bồ với Lữ Bố thật xứng lứa vừa đôi.

Anh chàng Lữ Bố có cái bộ ghen tuyệt diệu. Mỗi lần anh hằn học với Điêu Thuyền là mỗi lần mấy cô ngồi chen nhau ở "hạng ba" véo nhau gần nhẩy nhổm, và hít hà chắt lưỡi như đám thằn lằn kêu đói ở trong đình.

Một điều đáng để ý là sau lưng các cô, đố một chị đàn bà nào, một ông già bà cả nào, hoặc một đứa con nít nào bén mảng tới được. Toàn là bọn thanh niên đầu chải bóng láng, chen chúc nhau đứng cặp kè, rọ rạy nói chuyện vang trời. Đứa thuộc Tam Quốc nói thôi vô số kể, đứa phê bình kép hát, có đứa lại nói tiếng Tây!

Đã vậy mỗi lần ông sáu Lý vỗ cái bụng phệ làm cho người ta cười ngả nghiêng, ngả ngửa, thì phía bên ngoài thêm một vài cậu lừa thế thò đầu vô, hai tay vẹt đàn bà con nít, mắt liếc coi phía nào có mấy cô là chen tới.

Đằng kia, ông Chánh bái đã bổ dùi xuống làm u đầu năm bảy đứa con nít rồi, nhưng chúng tức tối lập thế trả thù.

Chờ đến hồi "cụp lạc", lúc Lữ Bố ghen nhảy sấn lại cấn, véo, đánh yêu Điêu Thuyền, ông Chánh bái sửa gọng kiếng lại ngay ngắn, ngồi nhìn chết sững, chúng bèn hốt nào cát, nào bụi, nào xác mía lén lén để đầy trên mặt trống.

Ông Chánh bái gặp lúc say mê, vô ý không dòm trước dòm sau, giơ dùi thẳng cánh "chầu" liên tiếp. Tiếng trống vừa kêu "thùng" là cát, bụi, xác mía bay tưới lên lấp đầu, lấp mặt ông. Ông đỏ mặt tía tai, quơ dùi "lia" xung quanh, con nít té lăn đùn cục, kêu khóc om sòm.

Nhưng, thiên hạ ai cũng để hết tinh thần vào lớp "cụp" ấy, ông Chánh bái có làm gì, con nít có là bao nhiêu, cũng không ai màng tới.

Có vài chị đàn bà bồng con, tay vạch áo đưa vú cho con bú mà mắt chăm ngay lên sân khấu, hồn gởi trọn cho Điêu Thuyền. Đứa con ngậm vú không được vùng khóc ré lên. Chị ta không kể đến, cứ đứng sững giơ tay đánh chan chát vào đít đứa con. Đứa bé khóc ngất.

Đang hát "cụp" quá mà trời lại vần vũ kéo mây và trong giây lát mưa nhiễu hột lâm râm.

Đám người vẫn không thấy nhúc nhích.

Kịp khi một ngọn gió lạnh thổi qua, mưa tuôn ào xuống, họ mới vẹt nhau chen lấn lại gần giàn, có mái che cho hương chức.

Lại càng là một dịp cho các cậu trai giành nhau xô mấy cô gần ngã sấp.

Tội nghiệp, cô mất guốc, cô mất giày, vừa lom khom xuống lượm liền bị chúng ủi té nhủi.

Nhưng mặc, các cô vừa chửi rủa rùm trời, vừa mò mò quyết tìm cho được giày guốc mới nghe.

Mưa lớn quá, lũ con nít bu lại hai bên giàn, đeo như ong.

Ông Chánh bái không cầm chầu được nữa, ông đã lạc đâu trong đám người hỗn độn.

Trên rạp, Đổng Trác (ông sáu Lý) đang giựt cây phương thiên họa kích đuổi theo phóng Lữ Bố, bỗng nhiên đứng dừng lại kêu to:

– Con nít xuống bớt! Coi chừng sập giàn!

Nhưng ông kêu mặc ông, con nít vẫn ùa nhau chen lấn và chỉ trong chốc lát tiếng cây gãy răng rắc, dây buộc nghiến cò ke, giàn hát đang rung rinh, bỗng nhiên "vươn mình" như một kẻ liệt gân rồi "sụn" xuống...

Trong tập *Đồng quê*. Giải nhất cuộc thi văn chương của Hội Khuyến học Cần Thơ, năm 1943.

DƯỚI ĐỒNG SÂU

(Tiểu thuyết phóng sự – trích)

Tập sách gồm hai phần:

– Phần đầu: *Đồng quê,* gồm mười hai phóng sự ngắn.

– Phần thứ hai: *Dưới đồng sâu,* một tiểu thuyết phóng sự.

Toàn bộ tập sách viết về vùng "đồng quê" hẻo lánh nhất miền cực Nam Tổ quốc. Nhân vật là những người nông dân thật thà, chất phác, yêu đời, giàu tình nghĩa, cần cù lao động, nhưng không mấy khi thoát khỏi cảnh đói nghèo và số phận bi thảm do sự áp bức, bóc lột nặng nề của bọn chủ điền tàn ác, xảo quyệt, dâm ô.

*

* *

Tiểu thuyết phóng sự *Dưới đồng sâu* gồm mười hai chương. Nhân vật chính là Sáu "đờn kìm", một chàng trai nông dân khỏe mạnh, tốt bụng và tài hoa. Một đêm đi câu trộm, Sáu bị Tám Én – một cô gái con nhà võ – bắt được. Tám Én dọa bắt Sáu về chủ ruộng. Sáu đành phải nói khó với Tám Én. Thực ra, cô gái này đâu có định bắt Sáu, chẳng qua vì cảm giọng ca cải lương rất "mùi" của anh mà đùa chơi chút thôi.

Nhưng Sáu đờn kìm lại xem đó là một cái nhục cần phải rửa. Anh quyết một ngày nào đó, có dịp Tám Én phải lụy lại mình. Sáu làm quen được với thầy pháp Mạnh, dốc lòng theo thầy học đạo, luyện bùa chú, để có thể làm mờ mắt người khác rồi điều khiển họ theo ý mình.

Một hôm, lão chủ điền ghé qua nhà mẹ con Sáu. Thấy mẹ Sáu có nhan sắc, lão liền nảy dụng ý xấu. Mùa gặt đến. Một đêm Sáu đi canh ruộng bị Tư Bồ vu cho ăn trộm lúa, đánh Sáu và giải về trình chủ ruộng. Lão chủ bèn thực hiện âm mưu xảo quyệt của mình, sốt sắng bênh vực Sáu, bắt Tư Bồ phải xin lỗi Sáu. Hắn còn đưa tiền cho mẹ Sáu để thuốc thang cho Sáu. Sáu ngây thơ, tưởng bùa chú của mình thiêng đã điều khiển được chủ ruộng.

Sáu đờn kìm và Tư Bồ thù nhau từ đó. Một đêm, hai người thách nhau thi võ rửa thù. Một đằng tin chắc ở những ngón võ lợi hại (Tư Bồ là học trò giỏi của Hai Hóa, bố Tám Én); một đằng thì tin chắc ở những bùa chú linh thiêng. Tám Én vốn bị bố ép lấy Tư Bồ, nhưng cô lại thầm yêu Sáu. Cô bèn đánh Tư Bồ để cứu người yêu. Nhưng cùng lúc ấy, một tay chân của Tư Bồ cũng đánh Sáu chết giấc, Tám Én khiêng Sáu xuống xuồng chở đi trốn.

Tỉnh dậy, Sáu được Tám Én kể cho biết sự tình đầu đuôi. Anh hiểu ra, rất xúc động trước tình yêu chân thành của Tám Én. Tuy vậy, Sáu vẫn chưa hết tin ở phép bùa chú của mình sẽ điều khiển được chủ ruộng giúp đỡ mình dàn xếp mọi viêc. Sáu trở về nhà. Một cảnh tượng hãi hùng: cửa nhà tan hoang, mẹ bị trói vào cột và bị đánh gần chết. Trước lúc tắt thở, bà cho Sáu biết: thấy bà ở một mình, chủ ruộng đã giở trò ức hiếp bà, vợ lão theo rình, sai con ở trói đánh bà nên nỗi này. Sáu đờn kìm thâm gan tím ruột, quyết báo thù cho mẹ.

Mười lăm năm sau, mãn hạn tù, Sáu về làng cũ. Cảnh và người không còn như xưa. Tám Én đã là vợ Tư Bồ. Sáu cất một căn nhà trên bờ biển, ngày đêm nghe gió thét, sóng gầm như nói giùm niềm căm uất không nguôi trong lòng Sáu.

*

*   *

Dưới đây, trích 7 chương: I, II, VII, VIII, X, XI, XII.

I. CÂU CÁ

Hai tháng rồi, ruộng cấy xong, lúa đang đứng cái và gần có đòng đòng. Nhà nông rảnh việc. Mùa câu kéo bắt đầu, sau những đám mưa dầm.

Nghề câu của dân quê không giống như sự tiêu khiển nhàn nhã của dân thị thành mà thỉnh thoảng người ta cũng thấy ngồi buông câu ở bờ sông để... chờ bữa cơm tối, hay để "giết" một buổi sáng chúa nhật! Ở đồng quê, nó là cả một nghệ thuật và cả một công việc đổ mồ hôi.

Phải chịu thức gần phờ râu mới biết giống cá đồng chỉ thèm đớp tới mồi câu vào khoảng đầu hôm đến canh một và từ canh ba đến sáng!

Phải năm cơm bảy cháo mới rõ cá lóc có tật ăn "mồi chạy" bằng nhái sống, cá trê ăn bãm bằng mồi cắt [1] và hơi ngầm. Có những đêm trời lạnh tái môi mà phải cởi trần truồng nhảy xuống ruộng, tay đập muỗi, tay vét rong, gặp môn, nghể không từ, đụng rắn, đỉa chẳng

1. Cá sặt cắt ra từng miếng

sợ... để dọn "luồng", nghĩa là dẹp một khoảng trống trước khi cắm câu!

Đó là nói chuyện ở ruộng nhà, chớ gặp lúc ruộng mình khan cá, mò qua bên đất người ta thì còn phải chịu biết bao nhiêu là khổ sở hơn nữa.

Tôi chưa từng làm thằng ăn trộm, nhưng tôi chắc đi câu lén không sướng hơn thằng ăn trộm chút nào.

Ừ thì chim trời, cá nước, ai bắt được thì ăn, tại sao người ta hay cự nự?

Có hai lẽ. Lẽ thứ nhứt là ai có của cũng muốn để hưởng một mình, dầu chưa có biết hưởng được hay không.

Lẽ thứ hai là kẻ câu lén hay làm chết lúa.

Thằng ăn trộm đi ngả sau vườn không khi nào biết tiếc mấy ngọn rau, ngọn cải, không khi nào có ý bước tránh cho khỏi giẫm chân lên đám đậu, dãy cà.

Thì thằng đi câu lén có khác gì? Cứ chỗ nào lúa cao là đoán rằng nước sâu, gặp chỗ nào kín đáo hơn thì dọn luồng, dầu phải nhổ phăng đi cả chục bụi lúa cho trống trải, nó cũng không từ!

Nhưng đó là... ai kia, chớ tôi, tôi là một kẻ từng lượm mót từ hạt ngọc trời, từng cấm từ cọng lúa, có bao giờ tôi đang tay bứt cả cội nguồn.

Chẳng dám vỗ ngực xưng mình "tốt" gì hơn ai, bởi vì tôi cũng đã từng đi câu lén ruộng người ít lắm là vài chục lần, nhưng đến đâu tôi cũng giữ gìn phải phép lắm!

Năm ấy, nước giựt sớm, mà ruộng tôi hơi gò, nên cá rất ít.

Nghề làm ăn, đã sắm lỡ câu kéo, xuồng bộng, không lẽ đem treo lên giàn bếp... nên tôi đành làm... con vạc ăn đêm!

Một đêm nọ, lấy theo mười đường câu, tôi đẩy xuồng, bỏ sạp dài tử tế đem nào nóp, nào bếp un, một cây giầm, một cái vợt và cây sào nạng.

Tôi tính qua "nhờ" bên điền ông Chủ Nghĩa.

Ông này xưa nay đã có tiếng "oai như cọp, dữ như thần"!

Dọc theo điền ông, ban ngày thấy giăng giăng những bảng cây: "Cấm câu cá! Cấm câu cá!"

– Ạy, ông oai, ông dữ mặc ông, ông cấm thì cứ... cấm, tôi câu lén cứ việc... câu! Có rượt, chống xuồng tọt về bên mình. Qua khỏi ranh thì "bà hú"... ai còn sợ gì ai?

Ỷ y như thế, tôi cứ "đường hoàng" chống xuồng qua ruộng ổng.

Thả câu xong, tôi nằm trên sạp, chờ tới giác đi thăm cá.

Đêm hôm ấy không trăng, muôn ngàn con mắt long lanh in trên nền trời đen thẫm. Cánh đồng lặng ngủ trong ánh sáng mù mờ. Gió thoảng từng hồi, từng hồi, ngọn lúa cựa mình xào xạc. Tiếng giạt sành vang lên trong im lặng xa xa. Tôi cảm thấy bồi hồi tưởng nhớ đâu đâu, rồi nhẹ nhàng, rồi khoan thai, tôi rung đùi ca.

Chưa kịp nói với các bạn rằng tôi là một tay đờn kìm và ca mùi có điệu, nhờ ở nơi sản xuất ra bản vọng cổ đời nay.

Ai đã nghe tôi nỉ non những bài ruột như "Ác ngậm non Đoài" hay "Mỗi độ thu về" thì mới biết tại sao cả làng, các cô gái đều ngã lăn ra mà mê mệt!

Đêm nay, tiếng gió gợi hứng, nằm một mình thanh vắng giữa cánh đồng, lỡ mang cái bịnh tài tử, tôi trút hết nỗi "tơ tằm":

– ... Mỗi độ thu về...

Tiếng ca ban đầu nho nhỏ, lần lần đượm vẻ mê say, đến ngang tàng, quên phức cái "oai như cọp", cái "dữ như thần" của ông Chủ Nghĩa.

– "... Ôi! Vì thương mà phải bỏ ngai vàng, vì thương mà thành chim hóa đá, thương thì phải khổ, nhưng càng khổ lại càng thương... ơ!..."

– Ai đó! Câu lén phải không?

Bị nạt thình lình, chớp một cái, tôi ngồi dậy gọn gàng. Quơ gàu nước đổ xèo vào bếp un, rút sào nạng, tôi ra sức chống vo vo.

– Ai đó, ngừng lại! Không, tôi la lên, mấy người rình chung quanh áp lại ví đập chết bây giờ!

La mặc la, dọa mặc dọa, người ta đang chạy chết đây mà!

Xuồng tôi chống đi thoăn thoắt, xuồng nọ đuổi bon bon.

Thình lình nghe một cái ồ... Thôi chết rồi, xuồng đã dấn lên mô cỏ. Tôi rán sức chống. Xuồng chỉ qua được phân nửa, và lúc rút cây sào tôi nhấn mạnh, lái bị khẳm, nước ào vô rồi chìm lỉm.

Tôi điếng hồn, loi ngoi tính lắc nước, lượm sào chống nữa... nhưng xuồng nọ đã tới kề!

Dưới ánh đèn lồng, hai cây giầm giơ lên cao toan nện xuống.

– Tội nghiệp! Tội nghiệp tôi, ông ơi! Tôi mới lỡ...

Một tiếng cười khì bên xuồng kia:

– Ông ở đâu đây mà ông?

Nghe nói trớ trêu, tôi nhìn lên: Ý trời đất quỷ thần ơi, rõ ràng là một cô gái với một thằng nhãi con!

Có nhục nhã cho tôi chưa, có chết được cho tôi chưa, trời nè! Phải dè... mà thôi, đã đến nông nỗi này còn mong gì vẫy vùng, tôi nhỏ nhẻ:

– Tội nghiệp tôi mà cô Hai! Tôi mới nhỡ một lần!...

– Ai biết chú mày nhỡ một lần hay mười lần? Thôi, mau mau lên chống xuồng theo tôi về nhà ông Chủ.

– Trời ơi! Nếu cô bắt tôi về đó, ông Chủ xiết câu tôi, tịch thâu xuồng tôi, đóng trăng tôi, tội nghiệp tôi lắm, cô Hai à!

– Biết vậy, sao chú mày còn qua đây câu?

– Dạ, túng, kiếm chút đỉnh ăn vậy, chớ đâu có nhiều nhõi gì, cô.

– Nhiều ít không biết. Ông Chủ dặn hễ gặp ai câu lén, cứ bắt quách về cho ông.

– Như vậy chết tôi còn gì, cô Hai. Cô làm nhơn làm phước tha cho tôi một phen, tôi lạy cô mà!

Cô gái im lặng một chút, rồi cười giòn:

– Ừ, lạy đi rồi tôi tha!

Thằng nhãi con, độc, lại khúc khích:

– Á ngộ, đi câu lén mà còn ca mùi cho bị bắt, bị lạy...

– Cha chả, tụi này chơi "bứt gân" quá! Lạy nó thì nhục, bằng không nó dẫn về ông Chủ. Rồi làng xóm hay... rồi má mình hay! Ôi, má mình hay được chắc sầu thảm lắm.

Thôi, một liều, ba bảy cũng liều, tôi bặm môi tự an ủi: Trời tối, ai thấy mà sợ! Mình giả dại qua ải mà!

Tôi chắp tay, sửa soạn mọp xuống... nước, thì...

– Ý chết, thôi thôi! Nè, tôi hỏi thiệt, anh có phải là sanh "Sáu đờn kìm" bên điền cậu Bộ không?

Tôi giật mình:

– Dạ... phải!

– Tội nghiệp dữ hôn, lên xuồng tát nước, hơ lửa cho ấm đi anh Sáu, rồi tôi nói cho mà nghe.

Tôi ríu ríu vâng lời, bụng bảo dạ: "Mẹ thử, nó muốn làm gì đây nữa?"

Tuy vậy, tôi hơi vững lòng vì giọng con nhỏ đã dịu, coi mòi dễ thương.

– Nè anh Sáu, em thấy anh một lần hồi theo ba em qua điền cậu Bộ mua gà. Chèn ơi, anh ca mùi quá! Hồi nãy nghe thanh giọng, em cũng đoán là anh, mà tại anh chạy...

– Không tôi có chạy đâu, tôi chống chớ!

– Quỷ vật anh, đã bị bắt còn giễu.

Tôi thấy có mòi "sóng êm, biển lặng", hỏi gặng:

– Bây giờ cô tính chở tôi đi đâu?

– Không chở đi đâu hết!

– Cám ơn, vậy là cô tha cho tôi rồi?

Cô gái bí mật:

– Là tha ở đâu!

Tôi lại hơi lo:

– Coi kìa, bắt không bắt... mà tha cũng không tha, là làm sao?

– Thủng thẳng đã. Nè anh Sáu, bây giờ tôi nói tắt với anh một điều, là tôi tha cho anh... mà lại còn cho anh câu nữa, nhưng...

– Nhưng anh phải "mùi" cho chị em tôi nghe một bài!

– Ý chết! Người ta nghe, áp lại đòn ngách thì phen này chắc tôi bị lọi ống quyển!

– Anh nhát hít, lúc nãy em dọa chơi, chớ ba em không có nhà, mà cũng không có ai canh vùng này hết, chỉ có hai chị em tôi thôi!

Thằng nhỏ nãy giờ im lặng cũng "xía" vô:

– Ừ, ca đi anh Sáu! Mùi một bản nghe chơi rồi câu kéo gì thì câu!...

II. CÁ MẮC CÂU

Tôi cóm róm bước chưa đầy nửa thước sân, ba con chó vện ở đâu ùa ra, sủa ồn ào, nhăn răng, xửng gáy, dường như hăm he:

– Ếp! Đứng lại! Bước một bước nữa thì cặp giò mầy nát ngấu như tương.

Nào, tôi có định lại đây với một ác ý: cướp của người như những thằng trộm mắc toi hôm trước nhè rinh đi của ông Chủ hết mấy chục giạ lúa đâu? Tôi đến đây với một ý định hiền lành: mướn đất và "nạp mình" làm tôi cho ông Chủ kia mà!

Một tiếng rầy vang từ trong nhà:

– Đứa nào ra coi làm gì chó sủa rùm ngoài trước vậy? Đi chết đâu mất hết, đố khỏi ăn trộm xúc lúa ban ngày cho mà coi!

Một chị đàn bà cầm chổi chà chạy ra quơ... Mấy con chó kinh hãi, nhảy lùi, và như còn ấm ức, sủa vớt mấy tiếng "quấu, quấu".

– Anh kia muốn gì?

– Dạ, tôi đến xin mướn đất.

Chị ta trề môi, rút chổi lặng lẽ đi vô, oai vệ như một... bà chủ! Lại có tiếng nói rang rảng ở nhà sau:

– Kêu nó đợi một chút, ông mầy thức dậy đã!

Tôi biết thân, ngồi bó gối dưới bóng mát hàng rào bông phướn trước sân, chờ.

Ba con chó bộ luyến tiếc hay thèm cặp đùi của tôi sao mà trở ra ngừ ngừ, đi chung quanh tôi, hủi hủi liếm áo, liếm tay, liếm mặt. Tôi sợ bay hồn mà không dám la, la nó táp bất tử! Tôi cứ rút chân né, tránh nhè nhẹ. Nhưng cũng may chúng biết điều, thấy chị ở nói chuyện với tôi, có lẽ đoán "thằng này cũng là một bọn nhà" nên chúng lởn vởn chơi một chập rồi chạy nằm "táp ruồi" bên cạnh bồ lúa.

Tôi chờ một chặp, rồi một chặp nữa. Quái cái ông này! Không biết có phải ông ngủ ban ngày, để thay vào lúc ban đêm đặng làm ông thần giữ bồ lúa hay sao, mà trưa đến xế dài ổng cũng chưa chịu thức dậy.

Hay là ổng ể mình?

Không, không có gì ráo. Khi tôi đã mỏi mệt, ngồi gục đầu lên

gối, thì bỗng nghe một hơi "rò sò sò sò" như bộng nước sôi, tôi ngóc đầu dòm, quả là ông Chủ!

Ông ngậm một hớp nước, súc trệu trạo ba cái, ngước mặt lên trời sôi "rò sò sò sò" rồi cúi xuống "phẹt" một giọt dài vô gốc cột.

Sau những hồi liên tiếp như thế, ông ôm ngực ho sù sụ, rồi khạc, rồi lại ho.

Cuối cùng, ông mới tằng hắng, đưa mắt ngó lom lom ra đường:

– Trẻ ra coi đứa nào, biểu nó vô đây coi!

Tôi mừng như lượm được vàng.

Tôi theo chị ở vòng ra ngõ sau vô nhà thì ông Chủ cũng vừa ngồi lên bộ ván.

Ông co lên một chân, kéo ống quần, lật lai trong lau mặt, chùi râu, rồi bỏ xuống, đưa tay nhè nhẹ kéo cái khay trầu. Ông tỉ mỉ lựa hai hột cau khô ngâm trong cái chén gần lên meo, bỏ vô miệng nhai chanh chách, rồi têm trầu nhét vô, rồi nhai chanh chách!

– Mầy muốn mướn đất hả?

– Bẩm Chủ, phải.

– Ở đâu lại đây?

– Dạ, bên điền cậu Bộ.

Ông Chủ hất hàm nói một giọng khinh khỉnh chê bai:

– Chắc đã giựt đâu ở bển hết mấy trăm giạ gì rồi!...

Tôi tức gần bể mặt, nhưng nhường nhịn:

– Dạ đâu có? Tôi giao trả đàng hoàng chớ! Không tôi làm sao dám qua đây!

– Thôi thôi, tôi sợ mấy ông lắm! Ông Tư Lộ của tôi đó, cũng giao trả đàng hoàng! Đàng hoàng gần hết tám chục giạ của tôi. Đây rồi đến điền khác, thế nào nó cũng nói nó giao trả đàng hoàng! Tôi nói thiệt, bây giờ tôi sợ tá điền hơn sợ cọp. Không có lúa ăn? Tôi giùm. Không quần áo bận. Tôi cho vay. Thất mùa? Tôi cho nợ... Rồi đến khi lúa chín, lớp chèn nhét bán xài, lớp giấu đút cờ bạc. Ruộng trúng mà lúa không có. Đến lúc nào liệu thế không xong, họ mới cuốn quần cuốn áo, nửa đêm dẫn vợ, dẫn con trốn đi mà! Bởi vậy, bây giờ tôi thấy ai lại mướn đất, tôi cũng giật mình đồm độp...

– Bẩm Chủ, tá điền cũng có nhiều hạng. Có kẻ trốn, thì cũng có kẻ trung thành làm lợi cho chủ vậy chứ!

– Nói thì tốt lắm! Thằng Tư Lộ, hồi lại mướn đất, cũng nói trung thành như mầy, nhưng đến chừng nó trốn, chắc nó cũng xách cái trung thành đó đem theo xài ở điền khác! Mà thôi, mầy mướn sở đất nào?

– Dạ, sở của chú Tư Lộ.

– Ạ, té ra mầy hay tin thằng Tư Lộ trốn, mầy mới lại đây?

– Bẩm phải, sở đất đó gần biển, vừa sức tôi lắm. Thế nào tôi cũng có lúa.

– Đó! Vậy mà thằng Tư Lộ cứ nói là đất xấu! Mùa nào tao cũng thấy nó chất đầy cà lang, mà khi đập ra, lúa hột biến đâu mất hết! Quân gian xảo! Sau này tao mới hay nó giấu đem bán cho ba thằng Chệc ghe cà vom ngoài đầu kinh để lấy tiền cờ bạc! Thôi, mà mầy muốn mướn cũng được, nhưng năm nay tao tăng lúa ruộng.

– Bẩm, xin Chủ cho bằng như năm rồi.

– Được đâu! Từ rày tao phải tăng như vậy cho mấy người mới. Rủi thằng nào trốn còn có mà bù trừ.

– Bẩm Chủ...

– Không thưa bẩm gì hết. Chịu, thì làm giấy. Không thì tao để cho người khác. Đất tao chẳng "ế ẩm" gì!

Tôi đứng ngây người ra. Bình thường lúa ruộng của ổng cũng nặng hơn của người ta lắm rồi. Nay ổng còn tăng thêm nữa thì cũng bằng làm thí công cho ổng ăn. Tôi suy nghĩ gần điên đầu. Phải dè... Nhưng chẳng lẽ tôi lại trở về điền cũ. Còn mặt mũi nào nhìn người quen. Ăn làm sao, nói làm sao với cậu Bộ mà mình đã quả quyết giã từ?...

Tôi bặm môi nói thầm: thây kệ, làm thử một mùa!

– Dạ, thưa tôi cũng rán lắm, chớ làm chắc không thể nào có dư.

– Chịu phải không? Chịu thì làm giấy – đặng coi làm luôn mùa nầy của thằng Tư Lộ trốn bỏ. Mầy coi gặt, đập rồi giao hết lúa cho tao. Rồi mùa tới, tao sẽ tính.

Ông Chủ cho kêu một cậu học trò bên cạnh. Có lẽ đã quen thuộc nhiều lần, cậu vô tới là đã lơn tơn đi tìm cái hộp thiếc trên nóc tủ gần đó, lựa ra một bổn kiểu mẫu đọc cho tôi nghe:

"TỜ LÃNH LÀM RUỘNG GIAO

Nay tôi có lãnh làm 50 công ruộng cho ông Chủ Trần Háo Nghĩa, tiền công tôi lấy trước phân nửa là 20 đồng. Còn 20 đồng chờ đến cấy xong, giao ruộng, tôi lãnh cả"

– Bẩm Chủ, tôi xin mướn ruộng, chớ không lãnh ruộng giao.

– Ậy, việc mướn chác thì mình biết với nhau, còn giấy tờ thì mình phải làm như vậy cho đúng phép. Phỏng như làm tờ mướn rồi nửa chừng mầy trốn có phải lòng dòng cho tao thêm không? Làm như vầy mầy lãnh làm công, rồi có muốn trốn, ruộng của tao, bất quá tao gặt lúa trừ. Tao ngừa như vậy, tá điền tao đứa nào cũng làm kiểu đó, mà có đứa nào kêu ca gì đâu! Bây giựt của tao thì có, chớ tao, điền ruộng minh mông, chẳng đời nào tao thèm giựt của bây!

– Bẩm Chủ, còn tiền lấy thêm? Hai chục đồng, tôi đâu có hỏi gì đâu?

– Mày quê lắm. Tiền đó là tao buộc phải vay, tới mùa, tao đong lúa trừ. Tao tính mỗi giạ năm cắc. Phải vay mới có mà ăn đặng làm chớ, không lẽ mầy cạp đất mà cày ruộng sao?

– Nhưng... giá lúa bây giờ đến hai đồng một giạ!

– Thì hai đồng bây giờ. Đây ra giêng còn tới bốn năm tháng nữa. Chừng đó giá lúa lên cao tao nhờ, sụt tao chịu. Tao dám "cho" như vậy, mà mầy còn chê mắc, chê rẻ... Thôi không bằng lòng để ruộng đó lại cho tao!

Tôi bủn rủn cả người, mồ hôi trên trán đổ hột. Nếu biết như vậy, thà ở với chủ cũ còn hơn.

Bỗng dưng hình ảnh trời, sao, hình ảnh miếng ruộng, hình ảnh bầy cá táp mồi, và phản ảnh của cảnh tôi bị chìm xuống, phải năn nỉ ỷ ôi với con Tám Én, thảy thảy đều hiện ra chập chờn từ đầu đến cuối... Tôi ngước đầu dậy nhìn ra sân, nhìn ông Chủ thản nhiên chanh chách nhai trầu, rồi tôi cúi xuống nuốt một cái ực, vỗ mạnh cậu học trò?

– Ừ được. Thôi viết đi em!

VII. OAN...!

Mùa gặt tới rồi. Khắp đồng như một mâm xôi lớn. Gió thoảng qua, lúa cựa mình như than thở, lào xào. Người ta tưng bừng đầy ruộng. Ai cũng lo làm hối; không, lúa ngã sẽ hư hao nhiều.

Tôi chưa kịp đi mướn người gặt tiếp thì ông Chủ tới nhà.

– Coi, sao thằng Sáu không lo gặt để lúa rục rã hết còn gì?

Ông quay lại mẹ tôi như để méc:

– Thím coi, đêm ngày nó cứ lo đờn địch ca xang. Thím la rầy nó chớ! Tôi nghe đâu nó lại nhà thầy pháp Mạnh thường lắm. Đố khỏi nó bị người ta dụ dỗ, sa đà rồi quên hết việc ruộng nương.

– Cám ơn Chủ có lòng lo lắng cho mẹ con tôi. Tôi nhắc nó hôm qua, song nó còn phải vần công với chú Hai Hóa rồi mới gặt được đất nhà.

– Ừ, thì lo sớm sớm đi, chớ cũng đã muộn rồi!...

Ông có mòi lo cho tôi lắm. Ông đã lậm bùa của tôi rồi. Hôm ấy ông cứ nhắc nhở tôi về việc làm ăn, lại còn ở ăn cơm tại nhà tôi nữa. Báo hại, tôi chạy hết hơi mới kiếm được cá và đồ nhậu. Chai rượu thứ nhì tôi kiếm được, chưa kịp đem cho thầy tôi, bị ổng ực vơi đi hết hai phần. Ổng ăn, ổng uống, ổng nói chuyện huyên thuyên!

– Sao nó lớn rồi mà thím không lo vợ cho nó? "Có vợ có chồng tát biển đông cũng cạn". Để nó có một mình kham khổ quá, mà thím cũng không ai coi sóc miếng uống, miếng ăn. Nè để tôi chỉ cho. Con gái thằng Hai Hóa đó, con gì mầy Sáu!

– Dạ, con Tám Én!

– Ừ, con Tám Én, tám ơi gì đó. Con nhỏ coi phải thế, dễ thương lắm. Con nhà làm ăn đa. Cày giỏi, cấy giỏi, gặt cũng giỏi nữa. Cha chả, phải chi thím đi hỏi cho thằng Sáu thì nhờ được biết bao nhiêu!

– Nó chưa chịu cưới vợ, Chủ à. Nó nói còn nhỏ.

– Trời ơi, nhỏ quá! Nhỏ mà đã gần thành yêu. Thím để nó lại nhà ông thầy pháp Mạnh hoài, thầy sẽ bắt hồn cho con gái thầy cho mà coi!

Tôi giãy nảy:

– Bẩm Chủ, đâu có kỳ vậy được! Con đó còn nhỏ xíu.

Ổng cười khè khè nặc hơi rượu:

– Mười lăm, mười sáu tuổi mà mầy nói còn nhỏ! Tại nó đẹt, nó ốm yếu như vậy, chớ phải là con dòng "làm ăn" coi! Mầy thử so sánh nó với con Tám Én thì biết. Cũng một tuổi chứ gì. Đàng nầy coi nó phải đúng câu "Con gái mười bảy bẻ gẫy sừng trâu" không. Ý là nó chưa mười bảy đa. Vậy mà nó làm ăn "dáng trời đổ lửa" đi mầy ơi!

Một mình nó mà ban đêm chống xuồng đi tuần ruộng thì đố cha thằng ăn trộm nào dám lại gần, đố họ thằng câu nào dám lén vô! Nó cho "quy thủ chủ" hết thảy.

Tôi tức tối, nhưng không biết cãi làm sao, đành trề môi lén một cái rồi bỏ đi ra sau.

Mẹ tôi đỡ lời:

– Tôi cũng tính để rồi coi đâu đó phải chỗ hỏi đại cho nó. Chỉ sợ là nhà không đủ ăn. Chủ coi, một đồng một chữ không có, lấy gì làm sở phí.

– Thì hỏi để đó, rán làm ít mùa ruộng là xong!

Ổng ăn, ổng uống, ổng say, ổng nói, rồi ổng nằm liệt tại nhà tôi mà ngủ cho đến chiều.

Mẹ tôi coi bộ khó chịu, kêu tôi nói nhỏ:

– Ổng làm như vậy, tao sợ người ta nói...

– Ối, hơi đâu mà lo. Bất quá mình làm "thân" với ổng cho qua mùa lúa này rồi sau sẽ hay.

Ngày sau, tôi khởi đầu gặt vần công với con Tám Én.

Thấy nó, tôi bợ ngợ và tức tối vô cùng. Nhưng cũng phải nhìn nhận như lời ông Chủ nói:

– Con nhỏ làm ăn "dáng trời đổ lửa".

Nó cầm vòng hái gọn gàng, gặt lia lịa, bó giỏi, "cò" hay. Tôi theo gần đuối mà cũng không làm sao rồi công khi nó xách vòng hái đi về.

Con nhỏ lại độc, cứ bắt công gần tôi để chuyện trò.

Lúc đó tôi mới nhận được ở con nhỏ một tài đặc biệt nữa: tài hò.

Ở nhà quê, khi tụ tập đông, người ta thường đối đáp chơi. Con trai ghẹo, con gái trả lời. Ít thua con trai, nhứt là con Tám Én, mà có khi lại còn làm cho tụi kia "cứng họng" nữa là khác.

Trong bọn gặt con trai, có thằng Tư Bồ hò lấn hơn hết và nghe đâu nó phải lòng con Tám Én từ lâu rồi.

Có lần con Tám Én bực mình, tính hạ nó một mẻ:

Tiếng anh ăn học lảu thông.
Hỏi anh có biết khăn lông mấy đường?

Ái chà chà, cái con nhỏ chơi quá quắt... Nhưng thằng Tư Bồ đâu có lẽ chịu lép vế. Nó cũng lẻo mép ghê:

Em về đếm lấy cỏ vườn
Lại đây anh nói mấy đường khăn lông.

Không biết có phải con Tám Én bị "nghẹn" ở đó rồi sanh ra ghét thằng Tư Bồ, hay là tại nó thấy mấy bài vọng cổ của tôi hơn điệu hò mấy bậc, mà nó theo chuyện trò với tôi. Tôi thì vẫn cứ rủa thầm nó. Vậy mà thằng Tư đâu có hay. Nó thấy con Tám Én cứ men men lại tôi là nó nghi, rồi nó ghen. Bởi vậy, nó nhè tôi mà oán "ra mặt".

Nhiều lúc nó nói xéo tôi trước đông người. Tôi vẫn mỉm cười, không coi vào đâu:

– Tao mà vẽ bùa, thì mười thằng như mày cũng tán mạng!

Tôi hăm thầm như vậy chớ chẳng nỡ xuống tay, mà thằng Tư Bồ u mê không biết thân, lại ham làm già cho sanh chuyện.

Có một bữa nó ứng khẩu hò:

Thấy cô nho nhỏ, tôi muốn bỏ cái nghề đờn
Theo cô làm tùng giả, đánh quờn cho cô coi.

Có chán chường chưa? Có rõ rệt chưa? Nghề đờn là nghề của tôi, còn biết xem quờn là con Tám Én. Ông già Hai Hóa có truyền lại cho con gái một mớ nghề.

Khi nó hò xong câu đó, con Tám Én gặt bê lại gần tôi, nói nhỏ:

– Cái thằng có giọng hò đáng ghét quá, anh há?

– Ừ, bữa nào "qua" sửa lưng nó một cấp cho nó tởn.

– Ý không nên! Thằng đó là học trò ruột của ba em. Nghề võ nó giỏi lắm.

– Giỏi mặc chớ. Nó mà làm gì được "qua".

– Vậy anh cũng biết nghề nữa à?

– "Qua" không biết gì hết. Nhưng sức của nó, "qua" sè bàn tay là nó nằm một đống!

Con Tám Én dòm tôi với một vẻ kinh dị:

– Anh có tài như vậy mà hồi giờ em không dè chớ!

– Dè sao được mà dè! Còn nhiều cái "lạ lùng" mà em không dè nữa! Việc đó sau rồi sẽ thấy.

Nói rồi tôi nghinh nghinh nó như trâu đang hăng. Con Tám Én cười.

– Anh nói chơi...

– Thuở giờ “qua” có nói chơi với em lần nào đâu? “Qua” mà, em!

Nói chuyện vẻn vẹn với con Tám Én có bấy nhiêu đó mà hôm sau thiên hạ đồn rầm lên rằng: “Con Tám Én “tò tí” với thằng “Sáu đờn kìm” ngoài ruộng!”.

Phật mà có nhào lộn ngược xuống bàn cho chưa! Cái thù chưa trả, cái hận còn đây, “tò tí” là “tò tí” làm sao?

Nhưng tôi rán dằn lắm, dằn lắm mới chỉ ấm ức lầm thầm: “Rồi một ngày kia mấy người coi “tò tí” hay “tí tò” gì cho biết!”.

Trả công qua lại gần nửa tháng mới rồi, nhưng lúa vẫn còn “cò” phơi ngoài ruộng.

Tôi phải đi tuần nghiêm ngặt vì bọn trộm lộng lắm. Hở một chút mất cả lúa xuồng.

Vào một đêm không trăng, trời chuyển mịt mù tối đen rồi mưa rỉ rả.

Mẹ tôi lo lắng không cùng, kêu tôi than vãn:

– Trời mưa trái mùa như vầy hư lúa hết, thêm một nỗi trộm đạo thừa dịp ăn cắp không chừng, con chịu khó đi canh một vòng rồi về ngủ.

Trời lạnh thấu xương, nhưng không nỡ để cho mẹ lo buồn, tôi xách áo tơi, bưng lồng đèn ra đi.

Tôi chống xuồng giáp một vòng ruộng, đến gần ranh của con Tám Én, bỗng nghe có tiếng rù rì. Tôi lập tức ngừng xuồng lại lóng tai nghe: Ai kìa? Những hột mưa rơi lắc rắc trên vành nón lá làm lấp tiếng mất tiếng còn.

Tôi đứng tần ngần suy nghĩ coi kẻ trộm hay người nhà. Cái đèn lồng tắt mất hồi tôi mới ra ruộng. Tiếng rù rì ngưng đi rồi lại nổi lên từng chập.

– Giờ không lẽ đứng ngoài đây chịu? Tôi nghĩ vậy bèn gò xuồng tằng hắng. Tiếng người mất hẳn. Thôi, phải rồi ăn trộm.

Tiện đường không nỡ để con Tám Én mất lúa oan uổng, tôi chống lẹ xuồng qua nạt lớn:

– Ai đó? Ăn trộm lúa phải không?

Có tiếng giầm rớt bên be xuồng, rồi tiếng chạy ào ào. Thình lình một cây đèn ló chĩa vào mặt tôi...

– Hà, đi đâu đấy, mày mới quả thật là thằng ăn trộm!

– Tôi vừa kịp nhận ra là thằng Tư Bồ thì một cây sào dài từ đâu vụt tới.

Tôi hoảng hồn biết không xong, bấm tay đọc bùa hộ mạng... Ôm mà xơ..., nhưng trễ quá rồi, cây sào đưa tới một cái "rốp", ống quyển tôi như muốn gãy lìa. Tôi té nhủi xuống nước, bị hai người áp lại đè thúc đầu gối vào lưng tôi.

Thằng Tư Bồ đắc thắng:

– Mầy cả gan dám qua đây ăn trộm lúa hả?

– Đồ khốn nạn, đừng lầm, tao đi tuần...

– Hứ, đi tuần! Sao nhè lại... đi tuần trong ruộng tao?

– Nói bậy, ruộng của cậu Hai mà!

– Ruộng của cậu Hai thật, nhưng tao lãnh canh giùm. Còn mày... đồ ăn trộm!

– Khốn nạn, tiểu nhân, vu cáo!

– Có vu cáo không rồi sẽ biết. Xuồng đây, lúa đây, tao bắt được mầy tại chỗ này là cứ đem về cho cậu Hai định đoạt!

Tôi tức quá, phần bị nó nhận cứng dưới khoang xuồng, phần bị nghẹn thở, chẳng ra hơi, tôi không thèm cãi vã làm chi nữa, cầu cho nó đem về nhà phứt đi là hơn.

Thằng Tư Bồ cùng với bạn nó lấy chăn tằm trói ké tôi lại, mở lòi tói xuồng xiềng chân tôi, giòng chiếc xuồng tôi sau lái, hối hả chống về...

VIII. ... NGHIỆT!

Tiếc thay tôi có một đạo bùa linh nghiệm mà tôi không kịp dùng để ra đến nông nỗi này. Nhưng ai có dè? Ai có dè được cái trở mặt hèn hạ tiểu mọn của thằng Tư Bồ?

Nếu tôi biết thế, tôi chỉ họa bùa sớm một chút, đọc thần chú sớm một chút, nó sẽ biết tay tôi trừng trị nó cách nào kia!

Nghe bắt được trộm, cả xóm rần rần lại coi. Con Tám Én ở đâu ngoài ruộng cũng chống xuồng xồng xộc về.

Dưới ánh đuốc cháy sáng, con Tám Én trước nhứt chạy hầm hầm lại coi mặt thằng "ăn trộm" thế nào.

Thấy bóng nó, tôi nóng ran ở màng tang, máu trong mình như sục sục sôi lên:

– À há!...

Giá lúc đó tay tôi không bị thúc ké thì... ấn thiêng kia tô. phẩy một cái, tiếp theo một tràng Ôm mà xơ rốp... cả một lũ cáo chúng nó sẽ ngã ra như rạ.

Con Tám Én đứng khựng trước mặt tôi:

– Trời... anh Sáu!

Nó run lên, nó lảo đảo, nó làm ra bộ mếu máo:

– Anh Sáu, anh... ăn... trộm sao?

Trong lúc đó, thằng Tư Bồ đứng cười khúc khích.

Đây là lần thứ hai, tôi mang thêm cái nhục tày đình.

Từ lúc để cho thằng Tư Bồ trói ké chở về, tôi như điên cuồng loạn óc tức tối đã lên tới cực điểm. Khi cái giận dữ nó đã lên tới cực điểm rồi, thì nó lại trở .ên rất nguội lạnh, hiền lành! Tôi đã ở trong tình cảnh ấy. Cho nên đáng lẽ phải la, ó, chửi mắng, giãy giụa, đằng này tôi lại lạnh lùng, lạnh lùng khinh thường.

Thấy mặt tôi "lì lì", con Tám Én còn xăng văng xéo véo hơn nữa, mếu máo hơn nữa:

– Anh Sáu! Anh Sáu!

Bỗng, một tiếng nạt dữ dội, tiếp theo cái chát đánh vã vào mặt con Tám Én ngã ra, té bò càng.

– Đồ khốn nạn! Con gái hư! Mầy muốn binh nó hả?

Tôi giật mình ngước lên. Thằng cha Hai Hóa ở trần trụi trụi, ngoài ruộng vừa về, hắn vẹt người ta, hầm hầm bước vào điểm mặt tôi:

– Mầy...

Hắn khựng lại khi nhìn ra tôi, nhíu trán hỏi cụt ngủn:

– Mầy... ăn trộm lúa?

Hắn đưa tay lau mồ hôi trên chơn mày rồi lấy cái khăn tắm bịt trên đầu xuống. Vẻ hung ác trên mặt hắn lần lần giảm đi. Hắn hỏi lại, thong thả hơn:

– À, té ra thằng Sáu mầy ăn trộm lúa của tao?

– Khoan, cậu Hai, cậu hãy hỏi kỹ lại rồi sẽ buộc tội.

Thằng Tư Bồ nói hớt:

– Nó chống xuồng vô ruộng đang lom khom vác lúa, bị thằng Năm Ô nện cho một cây!

– Đồ khốn kiếp, cũng còn vu oan!

– Chớ mầy không ăn trộm, mầy chống xuồng qua ruộng làm gì?

– Đã nói, tao nghe tụi bây rù rì, tao tưởng ăn trộm, qua hỏi giùm.

– Láo!

Tôi trề môi một cách khinh bỉ, không thèm cãi với nó nữa, day qua nói với Hai Hóa:

– Làm ơn mắc oán, thói đời thường gặp! Cậu Hai, tôi lạnh lắm, cậu cho tôi vô nhà. Rồi cậu cho mời ông Chủ lại đây giùm tôi!

Thấy tôi nói cứng, Hai Hóa hơi sợ sệt, hỏi gạn lại thằng Tư Bồ:

– Mầy nói nó qua ăn trộm lúa thiệt chơi?

– Thiệt chớ cậu! Cậu hỏi thằng Năm Ô thì biết.

Tôi "xì" một hơi dài.

Hai Hóa cúi đầu suy nghĩ. Lâu lắm lão mới nói:

– Thôi, vô nhà rồi sẽ hay!

Con Tám Én núp sau lưng vòng người quanh tôi lấm lét dòm. Thỉnh thoảng nó rút khăn vằn khịt mũi. Tôi chỉ thản nhiên nhổ bọt nước miếng trên đất rồi dõng dạc:

– Ê! Khiêng tôi vô nhà với chớ!

Trong lúc ấy, ở ngoài một người vẹt thiên hạ chạy vào ôm chầm lấy tôi, khóc nức nở:

– Con ơi, sao vậy con?

Tôi bỗng thấy ruột gan tôi thắt lại, nhưng gượng làm tĩnh:

– Má đừng lo, người ta vu oan cho con. Để ông Chủ lại, con sẽ nói rõ. Đâu cũng có luật vua phép nước, ngay gian rồi sẽ tỏ như ban ngày, má yên lòng đi má.

Tôi càng nói ngang tàng bình tĩnh bao nhiêu, Hai Hóa càng bối rối thêm bấy nhiêu. Hắn dòm mẹ tôi như muốn giải hòa:

– Thím coi, tôi không biết gì hết. Việc đâu ngoài ruộng, thằng Tư Bồ bắt được thằng Sáu chở về, nói nó ăn trộm lúa của tôi. Thiệt bậy bạ quá chừng!

Nói xong, hắn lại gần tôi, toan mở trói, nhưng tôi hầm hừ:

– Không, không, cứ để vậy cho tôi mà!

*

* *

Ông Chủ tay xách cây ba ton gù, tay cầm đèn ló bước vào.

– Bẩm Chủ... bẩm Chủ... bẩm Chủ...

Thiên hạ rền lên rồi nín thở để chờ một trừng trị gớm ghiếc. Vì theo mọi lần, hễ bắt được ăn trộm, không cần hỏi đầu đuôi, ông Chủ thấy mặt là giơ ba ton lên "khệng" lấy "khệng" để. Đó là chưa kể đến ông "sửa lưng" theo lối "điểm huyệt" hay sửa "giò gà"!

Thằng bợm nào gặp ông thì chỉ còn có nước tu bỉ xách rổ quảu ra ngồi ở ngã ba đường!...

Ông Chủ đang hầm hầm, bỗng đứng dừng lại trợn mắt:

– Ủa thằng Sáu mà!

Hai Hóa chắp tay:

– Bẩm Chủ, thằng Sáu đờn kìm!

Tôi chưa kịp lên tiếng, mẹ tôi đã đứng dậy:

– Bẩm Chủ, người ta phao gian cho con tôi.

Ông Chủ day lại:

– Ủa, có thím Ba đây nữa sao? Kỳ chớ, thằng Sáu mà đi ăn trộm nỗi gì!

Tất cả vòng vây đều thở dài, không biết thất vọng hay mừng giùm cho tôi.

Tôi vẫn ngồi yên, gục đầu cho ông thấy rõ hai tay tôi bị trói ké.

Mẹ tôi kể lể:

– Chủ nghĩ, tôi sai nó đi canh ruộng, chớ thuở giờ nó có làm điều gì xấu xa đâu! Vậy mà người ta đánh đập nó, trói ké nó, bêu xấu nó...

Chủ nói một câu đáng ngàn vàng:

– Thím yên lòng, để tôi xét lại. Nếu quả thằng Sáu bị oan, lũ này nó sẽ biết tay tôi.

Thằng Tư Bồ nãy giờ còn hí hởn, nghe câu nói đó nó cũng điếng hồn. Hai Hóa ngồi xôi xị coi bộ đã sợ hãi chẳng cùng.

– Đem cho tao cái ghế! Mở trói cho thằng Sáu ra, bây sợ nó độn thổ, tàng hình hay sao mà trói riết nó dữ vậy?

Mặt ông Chủ bây giờ nghiêm nghị lạ thường, không hầm hầm như khi mới lại, mà cũng không hiền từ như lúc nói với mẹ tôi. Ông ngồi phịch xuống ghế trong lúc thằng Tư Bồ ké né lại mở trói cho tôi. Thấy tay nó run run, tôi thương hại quá, gần như trở lại tội nghiệp giùm cho nó nữa.

Đứa nào bắt thằng Sáu đờn kìm? Ra đây! À, mầy, thằng Tư Bồ há! Đầu đuôi ra sao, nói đúng lại cho tao nghe. Gian dối tao tra được, tao đập nát đầu!

Thằng Tư Bồ cóm róm, kể lấp vấp lưởng vưởng. Tôi không thèm đối nại, cứ lâm râm đọc thần chú và vẽ bùa.

Khi nó chấm dứt, tôi mới đem đầu đuôi thuật lại và kết thúc bằng một câu:

– Nếu tôi là kẻ khốn nạn có lòng gian tham của kẻ cùng điền, tôi bằng lòng chịu hết tội vạ dưới đất và tội vạ của Trời.

Lòng tin tưởng ở đạo bùa khiến tôi nói mạnh mẽ quá, hùng hồn quá, chắc chắn quá!

Cả thảy đều lặng thinh nghe, ông Chủ lắng tai nghe.

Thằng Tư Bồ không một lời chống chế. Hai Hóa đứng trân trân, im lìm như ngậm thẻ.

Cả thảy đều chờ sự quyết định của ông Chủ. Ông nầy lấy tay xe xe mấy cọng râu trên, gặc đầu, rồi mím môi, nhăn mày...

Bỗng, trong cái im lặng, ngột thở ấy, ông vùng xô ghế đứng dậy, nạt một tiếng vang nhà cửa:

– Rồi bây giờ, bây không chịu cúi xuống lạy nó đặng xin lỗi hả?

X. TỬ THÙ

Còn Tám Én với tôi nay đã là kẻ tử thù. Cô Yến chết, phải *chăng một phần vì nó, phải chăng vì những chuyện lùm xùm dây dưa* đến tôi phải chịu muộn màng không được cùng cô Yến khuyên lơn hay nghe một vài lời vĩnh biệt?

Tôi căm gan nhớ lại cái đêm nào! Ừ, cái đêm nào ấy, nó đi đâu? Nếu không phải là cặp bồ với thằng Tư Bồ ngoài ruộng và xúi thằng nầy bắt sống lấy tôi?

– Ái chà! Chúng bay lại xách theo thằng Năm Ô để gác đường... Kỹ lắm, chúng bay kỹ lắm nên khi tao lên tiếng là con Tám Én chuồn đi, để hai thằng khốn nạn ở lại giở trò... khốn nạn!

Hừ! Tư tình lén lút giữa đồng mà lại còn xách cây đèn ló theo! Con Tám Én ơi, tao với mầy không còn tình nghĩa gì nữa rồi! Trước kia tao còn vị lòng tử tế của mầy nên gác chuyện cũ, nay mầy lợi dụng lòng tử tế của tao mà trở lại hại tao. Mầy giả dối hiền lành với tao, giả dối vui cười với tao, giả dối nói xấu thằng Tư Bồ với tao... giả dối, giả dối... giả dối... để rồi chúng bây toan hạ cuộc đời tao xuống... Nhưng trời cao có mắt, rồi chúng bây hãy sửa soạn mà xem trả thù...

Tôi càng nghĩ càng tức, giận mình không có mắt tinh đời, giận mình sao không "thư" đại nó một bùa hôm gặt lúa.

Giờ, chuyện đến thế này, mong gì được tự do gặp nó lần nữa?

Đêm ấy, theo lịnh ông Chủ truyền, thằng Tư Bồ ríu ríu cùng thằng Năm Ô quỳ xuống lạy tôi, Hai Hóa lại năn nỉ tôi thì con Tám Én ở sau thò đầu ra hầm hầm giận dữ. Có lẽ nếu ăn gan tôi được, nó đã nhảy xổ lại moi bụng tôi ra rồi.

Tôi thấy tôi với nó từ đó là hai địch thủ ghê gớm. Phe nó có võ, tôi có bùa. Hai bên "găng" nhau, chỉ chực hở một chút là vồ nhau như hai con thú dữ.

– Ừ, thì chấp cả lũ chúng bây đó, chấp cả cha lẫn con, chấp cả thầy lẫn trò. Tao luyện bùa tao hại, rồi có ngày bây sẽ kéo nhau ra đền tội mà!

Trong lúc đó, ông Chủ đã "mám" bùa tôi nhiều thêm, cứ lân la đến nhà tôi chơi mãi. Đêm ổng xử bọn Hai Hóa lạy tôi xong, ổng kêu con Tám Én phải dầm mưa đi kiếm "cỏ hôi" về bó cẳng cho tôi, lấy rượu thuốc ra cho tôi uống ấm bụng. Ông bảo "cha làm con chịu", rồi ổng kêu tôi xuống xuồng ổng chở về nhà giùm cho.

Thấy tình ổng đối với tôi, tôi cảm động quá.

Mẹ tôi kiếm hết cách từ chối, nhưng ổng làm mặt giận:

– Hay là tôi xử như vậy thím chưa vừa bụng? Thím coi, tôi thấy nó bị đánh oan, tôi lo lắng cho nó, để đền bù tội lỗi của tá điền cũ của tôi. Dầu sao, đám nầy cũng lầm lỡ rồi, không lẽ bắt chúng nó chở thằng Sáu về rồi ở nuôi nó được. Chúng nó cũng nghèo, cũng đang lo làm mùa ruộng cho xong, tôi mới nhơn tay, chớ hành hạ chúng nó cũng tội nghiệp, không ích gì.

Thì đây sẵn xuồng, bầy trẻ đưa tôi cùng về một đường, thím từ chối là từ chối làm sao?

– Bẩm Chủ, mẹ con tôi ngàn năm cũng không dám quên ơn Chủ, lẽ nào lại không vâng lời, nhưng làm nhọc lòng Chủ quá, mẹ con tôi không yên!

– Gì mà nhọc lòng? Không có nó, tôi lại không về hay sao? Thím cứ kể là tôi thay mặt cho đám nầy đền bù chút tội lỗi...

Ông Chủ nói câu ấy làm cả xóm đều ngùi, nhứt là phe Hai Hóa đứng lặng trang nhìn ông bằng cặp mắt biết ơn không thể tả.

Xuống xuồng, mẹ con tôi ngồi im thin thít. Đi khỏi nhà Hai Hóa một đỗi, ông Chủ bỗng cười xòa lên:

– Thím thấy không, tôi thương thằng Sáu quá nên mới xử "chìm xuồng" như vậy. Đáng lẽ bình thường, oan ưng chưa biết, bắt được ăn trộm là tôi đóng trăng tại đó, đánh cho nhừ tử rồi sáng đem ra làng, ra sao thì ra!...

Mẹ tôi chỉ biết trả lời:

– Ngàn lần cảm ơn Chủ, muôn lần cảm ơn Chủ!

Đến nhà, ông Chủ sai tên bơi xuồng đỡ tôi dậy và dìu lên. Chính mình ông rọi đèn cho mẹ tôi và níu giữ cho mẹ tôi bước đường trơn khỏi té.

Ông ngồi cà kê dê ngỗng một chặp rồi mới chịu ra về.

Nhưng khi ra khỏi cửa, ông bỗng trực nhớ lại một chuyện gì, bèn trở lại ngoắc mẹ tôi ra ngoài.

Tôi nằm trong nhà nghe mẹ tôi nói lấp vấp:

– Cám ơn Chủ, tôi không dám!

Và tiếng ông Chủ đáp:

– Ậy, không hề gì mà...

Ổng đi rồi, mẹ tôi buồn bã trở vô nhà. Tôi hỏi mới biết ông đưa cho mẹ tôi năm đồng bạc bảo kiếm thuốc bó cẳng cho tôi. Mẹ tôi không dám thọ ơn thêm, toan chối từ thì ông ấn đại tiền vào tay mẹ tôi rồi mới chịu về.

Mẹ tôi để năm đồng bạc trên bàn, muốn nói với tôi một chuyện gì lắm, nhưng thôi, lại nằm phịch trên ván.

Trong đêm trường vắng lặng, tôi càng suy nghĩ càng thêm khoan

khoái lạ kỳ? Ôi câu thần chú linh thiêng! Hãy giúp tôi thêm bao đường vinh quang khác nữa.

Cô Yến chết không mấy ngày là tôi phải cầm đầu làm lúa.

Thế thường gặt xong, lúa bó phơi khô, tá điền phải chở về chất ngố trong sân ruộng của ông Chủ. Sân ấy ở giữa điền rộng rãi vô cùng. Riêng phần ai nấy giữ, phần ai nấy lo đập hoặc cho trâu đạp ra lúa hột.

Đập xong, còn phải ghê lúa hột cho sạch rồi mới bắt đầu đong cho chủ điền.

Đong xong, còn dư bao nhiêu mới được phép chở đem về nhà.

Làm thế không ai giấu đứt đi đâu được.

Nhưng ở các điền khác, tôi thường thấy lúa đập ở sân đong vừa triến cho chủ điền, có khi còn thiếu là khác. Thế mà tá điền vẫn chở lúa đi bán như thường.

Những cái bí mật đó, chỉ có giới tá điền của tôi mới hiểu nổi.

Nhưng nói cho chí công chí minh, nghèo chịu, chớ tôi chưa lần nào giở thủ đoạn ấy, bởi tôi biết những người đã đem thủ đoạn đó ra không ai giàu, không ai dư xu lớn xu nhỏ nào. Họ cũng thiếu thốn và nhiều khi cũng bỏ điền trốn đi như chú Tư Lộ.

Năm nay, ở sân ông Chủ nhộn nhịp lắm. Tá điền đập lúa ngày lẫn đêm. Ban đêm, nhứt là những đêm trăng tỏ, không thiếu mặt người nào ở sân lúa. Làm việc dưới ánh trăng đã ít nhọc lại không tốn đèn đuốc.

Thường thường ở những lúc tụ hội đông đảo ấy, người ta tranh nhau làm không biết mệt. Đàn ông đánh cuộc nhau, đàn bà, con nít chực sẵn từ bó lúa đập xong liệng ra, giành giũ cho sạch hột đặng có ôm rơm chạy đua ra chất đống ngoài bìa sân.

Về lúa đạp trâu thì ít nhọc hơn. Chờ khi bã lúa đã đạp "chín", họ dùng những mỏ xảy xới rơm rất gọn gàng.

Trong những lúc ấy, họ nói chuyện tiếu lâm, chuyện ma, chuyện quỷ, chuyện đời.

Lúc nghỉ, họ lại tổ chức nhiều cuộc vui thú vị như là nhảy chan chán, trốn kiếm, u, cút bắt, nhảy dây, thi võ...

Những trò ấy không phải chỉ dành riêng cho trẻ nhỏ, mà cả đàn ông, đàn bà cũng nhào vô chơi.

Đêm ấy trời trăng sáng như ban ngày. Lúa không còn bao nhiêu nữa là hết, nhưng gặp lúc nằm gác tay gợi lại nỗi buồn, tôi nằm trườn trên ván sạp, lâu lâu buông tiếng thở dài. Mẹ tôi thúc mãi, tôi buộc lòng thờ thẫn ra sân.

Ở đó đủ mặt dân điền... có cả Tám Én và thằng Tư Bồ...

Người ta đã biết cả sự hiềm khích giữa chúng tôi, nên khi đặt chân vô sân là muôn mắt đều đưa lên nhìn.

Thằng Tư Bồ đang cong lưng đạp lúa cho con Tám Én, trực thấy tôi, bèn ho lên một tiếng rồi khạc nước miếng nhổ xuống đất. Con Tám Én đang lom khom giũ rơm, cũng ngưng lại nhìn tôi rồi cúi đầu.

Ôi chà! Thật là xứng đào xứng kép! Thấy cảnh ấy, bỗng nhiên lửa giận nổi phừng. Tôi bặm môi nói thầm: À! Cho mặc bây trêu ngươi, rồi bây sẽ biết tay tao như thế nào!

Tôi cố nén lòng lại ngó lúa mình gần đó lấy cặp đập.

Trong lúc người ta đang đủ đôi đủ cặp, tôi thấy lòng mình càng trống trải. Hình ảnh cô Yến hữu duyên thoáng qua trong óc, rồi cô Yến héo tàn...

Bó lúa trên tay tôi nặng trĩu. Mình tôi đau nhức từ lóng xương, tâm thần uể oải.

Thằng Tư Bồ cứ tằng hắng, cứ ho hen, kêu thằng Năm Ô gợi chuyện:

– Ê Năm, đời người ta lắm lúc chịu nhiều cái oan "con chó"! Những thằng mà mình chỉ níu đầu cho một "loi" vô bản họng là nằm ngay cán cuốc, thế mà mình phải quỳ trước mặt nó, lạy lục nó, năn nỉ nó, có ức cho không?

– Thôi, mầy nhắc đến lũ "cào cào châu chấu" đó, tao ghét lắm. Nó có thế thần; nó có "cò máy" với nhau! Nó dựa hơi, nó ỷ thế, chớ đồ "xỏ lá ấy", "bung" được, tao "bung mẹ" nó một cái là rồi đời...

Đang quạu, đang buồn, tôi tức giận tràn hông không còn nhịn được nữa, liệng cặp xốc lại:

– Ê hai thằng kia, bây nói ai "xỏ lá", ai "cào cào châu chấu" hả?

– Nói ai mặc tao, can sự chi đến mầy?

– Bây chỉ là một lũ tiểu nhơn, được tài nói hành nói lén người ta...

Bị chửi ngay mặt, thằng Tư Bồ nổi giận:

– Ê, tao có nói lén ai mậy, tao nói trước mặt mầy kia chớ! Mầy giỏi làm gì thử chơi? Đánh tay đôi, sức một?

– Chấp cả hai thằng! Đứa nào giỏi, đập lúa xong ra thử tài, không cần phải gây sự một cách hèn hạ như vậy!

– Thiệt chơi?... "Mần"! Ai lại chạy ai à?

Người ta thấy gây lộn ồn ào, bu lại coi.

Con Tám Én đứng sững người ra. Từ khi khởi đầu câu chuyện, nó len lét đưa mắt nhìn tôi như khẩn cầu.

A, con nầy cũng biết ghê mình, muốn "xin" giùm cho tụi nó! Được đâu!... Rồi sẽ đến phần mầy nữa kia mà!

Nghĩ như vậy, tôi không thèm dan ca, cãi cọ làm gì nữa, rán đập cho rồi đống lúa.

Bó lúa ban đầu nặng trĩu bao nhiêu, bây giờ nhẹ nhõm bấy nhiêu.

Sân lúa chỉ còn vang lên những tiếng đập, tiếng lào xào của rơm, tiếng nẹt trâu, và tiếng rầm rĩ của đàn bà, con nít...

*

* *

Đêm đã khuya lắm mà không một người nào chịu về. Cả sân đều biết cuộc đấu võ chánh thức của tôi. Và có lẽ họ lấy làm ngạc nhiên cho một thằng đờn ca yếu ớt như tôi mà ra đánh võ. Họ xầm xì chờ đợi.

Đập xong đống lúa, tôi đi dài ra ngoài mé sân thẫn thờ dạo mát chờ. Tôi đọc sơ lại câu thần chú, dượt sơ lại ấn thần tình. Phe thằng Tư Bồ cũng hối hả, không mấy chút đã đập xong phần lúa, rồi kéo nhau đi chọn góc sân bằng phẳng làm võ trường.

Tôi quay đầu thong thả đi vào, bỗng con Tám Én ở đâu lù lù đi lại đón đầu tôi kêu nho nhỏ:

– Anh Sáu, anh Sáu!

Tôi lạnh lùng khinh bỉ:

– Cô muốn gì?

– Tội nghiệp, anh Sáu à, đánh làm gì, rủi...

– À há! Cô sợ tôi đánh chết tụi nó? Không, không cô đừng lo, tôi không hèn mọn mà hạ thẳng tay đâu.

– Anh Sáu à, em chỉ sợ cho anh...

– Sợ cho tôi? Thôi đi cô, cho tôi xin, cô đừng mỉa mai tôi chi cho lắm.

Tôi bứt ngang bỏ cho Tám Én bẽn lẽn đó, rảo bước đến bức tường người.

Thằng Tư Bồ đã chực sẵn ở võ trường.

Tôi chẳng nói chẳng rằng, vẹt người ta chen vô chính giữa.

Thiên hạ lại xầm xì lên:

– Thằng “Sáu đờn kìm” giỏi lắm chỉ chịu nổi một thoi của thằng Tư Bồ là cùng!... Trời ơi, ai chẳng biết thằng Tư Bồ có bộ “Phụng Hoàng” tuyệt diệu.

Thiên hạ càng khen, thằng Tư Bồ càng kiêu hãnh. Nó hất ngược mặt lên trời:

– Ê cho mầy sửa soạn năm phút! Cho mầy tấn trước! Cho mầy muốn đánh cách nào, đánh đâu cũng được!...

Rồi nó “đi” một đường thảo vòng tròn theo lớp người, miệng nói oang oang:

– Xin lỗi bà con đứng rộng ra một chút, tôi có tật đánh mạnh tay, rủi trong lúc giao đấu lỡ đụng bà con thì kỳ lắm!...

Xong, nó quay vù vù một bộ nữa rồi chớp một cái, nó đứng “sụn” hai cẳng xuống, cung tay thủ thế coi vững chắc như trồng:

– Nào! Nhào vô kiếm ăn?

Tôi vẫn một mực làm thinh, tay bắt ấn, miệng đọc thần chú lầm thầm, lưỡi vẽ bùa, thổi nhẹ ngay mặt cho nó mờ mắt... rồi định bụng lại “xán” cho nó một bốp tai thôi, một bốp tai, cho nó mang xấu lần nữa tới già.

Thổi bùa xong, tôi từ từ đi lại, đưa tay lên sè lần ra...

Bỗng đâu một tiếng “khoan” vang dậy từ phía ngoài, con Tám Én vẹt người nhảy xổ vào.

Tôi thụt tay lại ngơ ngác, thằng Tư Bồ chợp né cũng ngơ ngác... thì con Tám Én đã tới nơi.

Tôi bụng bảo dạ: À con này nhào lại “đỡ đạn” cho thằng Tư Bồ đây!

Tôi sắp niệm thêm một câu thần chú nữa để hạ nguyên cặp, thì bất thình lình con Tám Én chộp ngực thằng Tư Bồ lúc lắc:

– Mày ỷ sức định hại người ta hả?

Rồi bất thình lình, nó co giò, tống ngay vô bụng thằng nọ một đạp lộn nhào không kịp đỡ.

Cái thằng coi vậy mà yếu đòn, nằm ngay đừ dưới đất giãy tê tê.

Tôi còn kinh ngạc, bỗng dưng người ta bên ngoài la ó lên:

– Đỡ thằng Tư Bồ dậy! Giựt giùm dây lưng cho thằng Tư Bồ!... Giựt lẹ ra, nó mất thở rồi!...

Mà thiệt, thằng Tư Bồ đã nín thở.

Bỗng lại có tiếng la vang lên nữa:

– Tránh, tránh mau mày. Sáu đờn kìm!

Tôi chưa kịp quay đầu lại, thì thấy thoáng bóng một cái gì chớp nhoáng, xẹt xuống đầu tôi một cái "bốp" như trời đánh. Tôi xỉu xỉu ngã quay ra không còn biết gì nữa...

XI. TRĂNG THANH

Nghe tiếng khóc thút thít bên tai, tôi giựt mình tỉnh dậy. Đầu tôi nhức nhối như bị chẻ làm hai. Nghe hơi lạnh buốt cả thân mình, tôi lần lần mở mắt.

Ủa lạ! Làm gì tôi đang nằm sõng sượt trên xuồng và trong bụi mắm?

Trăng vẫn tỏ như thường để chen vào cành cây những tia sáng mong manh.

Bóng cây đã ngả chỉ rằng trăng đã quá đầu. Xa xa có tiếng chó sủa dồn. Sương khuya nhểu từng giọt, từng giọt, từ trên lá mắm xuống xuồng, xuống mình tôi.

Tiếng khóc vẫn thút thít trong vô cùng yên lặng. Tôi đưa tay rờ lên đầu. Đầu đã được bịt một cái khăn ươn ướt.

Tôi rán chống tay ngồi dậy để nhìn kỹ người đang khóc phía mũi xuồng, nhưng vô ích, tay chân tôi còn rũ liệt.

Xuồng động, tiếng khóc thút thít vội ngưng mất. Rồi xuồng lại động. Tôi có cảm giác người khóc ấy đang bò lại gần tôi.

Quả thật như vậy, "người ấy" bò lại, "người ấy" đỡ tôi dậy, để tôi nằm trên tay, rồi "người ấy" kêu nho nhỏ:

– Anh Sáu!

Ý trời! Con Tám Én!

Tôi rụng rời không nói được gì hết. Sự ngạc nhiên làm liệt bại cả nói năng và cử động của tôi.

Con Tám Én nhẹ nhàng ôm tôi trên tay, kéo vào lòng. Hơi ấm của người nó lần lần thấm vào da tôi, vào thịt tôi. Hơi ấm ấy với tôi là một nguồn sanh lực, một phương thuốc thần làm cho tôi định tỉnh, nó đá thằng Tư Bồ nhào một đống... mình bị ai "khệnh" một cây... Rồi bây giờ sao lại nằm đây, nằm trên xuồng, trong bụi mắm? Nó làm gì tưng tiu ôm mình?... Nó làm chi mà.. khóc? Mà làm gì nữa lại ở trong bụi mắm này chớ? Lạ lùng, lạ lùng, thật lạ lùng! Phải hỏi cho ra lẽ...

Tôi dợm mình ngồi dậy, nhưng bàn tay mềm mềm của nó đưa lên, chỉ đè nhẹ một cái là tôi nằm yên xuống không cục cựa.

– Anh nằm cho khỏe một chút đi!

Rồi nó lại nối tiếp cái "bản khóc" bi ai thê thảm.

Lần nữa tôi lại lạ lùng: hồi nãy mình nằm "ngay cán cuốc", nó khóc, bây giờ mình sống nhăn lại đây, nó cũng khóc. Quái lạ cho con nầy!

Vừa lúc đó, tôi sực nhớ mối thù. Vùng một cái, tôi ngồi xổng lên điểm mặt nó:

– Thôi đi, đừng màu mè trêu gan tao nữa!

Tức thì con Tám Én đưa tay bụm miệng tôi lại.

– Đừng la lớn, anh Sáu!

Tôi vẫn trợn mắt nói oang oang trong lòng bàn tay nó:

– Cái gì... cái gì mà bụm miệng người ta?... Ôm mà xơ rốp...

– Anh Sáu à, nằm yên xuống đây, em sẽ nói hết cho anh nghe.

Giọng nó tấm tức, tấm tưởi nghẹn ngào làm tôi cũng động lòng. Tôi gỡ tay nó ra dịu bớt.

– Làm gì tôi ở đây, mà làm gì... cô ở đây?

– Anh Sáu ơi, em đang trốn, người ta đang kiếm em rầm rầm ngoài kia kìa!

– Kiếm cô? Sao cô không về, lại bắt tôi phải trốn theo trong bụi mắm này là nghĩa lý gì vậy?

Tôi dứt câu, nó lại khóc thêm, khóc mướt?

Ai có lòng dạ sắt đá, chai lì đến thế nào đi nữa cũng phải động mối thương tình, huống gì tôi, "thằng Sáu đờn kìm", đã có lần xưng "anh" ngọt với nó.

Tự nhiên, tôi vuốt tóc nó, ngọt ngào:

– Em Tám, sao em khóc, anh làm gì em mà em khóc?

– Anh Sáu ơi, khổ cho em lắm. Chết em rồi, anh Sáu à!

Mình tôi không thấy ấm nữa, mà trở lại nóng hầm:

– Trời, gì đó em Tám, sao vậy em Tám?

– Anh ơi, để em thuật hết đầu đuôi cho anh nghe. Thằng Tư Bồ, như anh đã biết, là học trò ruột của ba em, nghề nó giỏi lắm. Vậy mà anh dám rủ nó thi võ. Chẳng lẽ anh với nó gây lộn, em người ngoài cuộc, em lại xen vô được lời gì. Thấy anh hứa đánh với nó, em đón đầu cản anh, anh không nghe. Đến khi nó thủ cái bộ "lão hổ" là cái thế độc hiểm vô cùng, mà anh không biết. Anh đã đứng xụi lơ rồi lại còn dám xáp lại gần nó nữa. Em đứng ngoài hết vía, biết rằng nếu nó trở bộ một cái là đá vô bụng anh chết liền. Lúc đó quýnh quá, em không kịp suy nghĩ, chạy nhào vô để cứu anh. Đã vậy mà nó lại còn nghinh em, sẵn đang tức giận, em cho nó một đạp nhào đầu. Rủi em đạp mạnh quá nhằm dạ dưới, làm nó tức đến mất thở. Em đã điếng hồn, kế dòm lại thì anh đã bị thằng Năm Ô vác cặp đập lúa đánh anh chết giấc...

– Trời, thằng Năm Ô đánh anh? Đồ sỏ lá, quân khốn nạn!

Con Tám Én lật đật bụm miệng tôi:

– Nho nhỏ chớ!... Lúc đó, máu trên đầu anh ra nhiều quá mà thiên hạ chỉ lo cứu thằng Tư Bồ, chẳng ai ngó ngàng gì đến anh, em đau lòng rút khăn rằn bịt đầu cho anh, rồi mượn chị Bảy Món khiêng anh xuống xuồng.

Đến đó con Tám Én lại nghẹn ngào:

– Ba em mà bắt được em trốn đem anh đi như vậy thì em chết mất không còn.

Tôi cảm động quá, bao nhiêu nước mắt trào ra, tôi xiết chặt lấy tay nó:

– Em thương anh lắm sao em?

Con Tám Én cúi đầu không đáp câu hỏi của tôi, tiếp:

– Em định chở anh về nhà cho bác băng bó, nhưng vừa đi được một đỗi, có đèn đuốc rượt theo rần rần, em phải lủi xuồng vô đám mấm này ẩn trốn. May quá, xuồng vừa đậu yên thì họ theo tới. Họ chia ra từ tốp, kẻ trên bờ, người dưới xuồng, cãi nhau om sòm:

– Nó chở thằng "Sáu đờn kìm" đi ngả này, ngả này... Không xa đâu... sức nó mà bơi bao nhiêu!

Thấy họ kiếm em ráo riết quá, em nhè nhẹ vẹt lá mấm dòm ra ngoài thử coi.

Ba em ngồi trên một chiếc xuồng có hai người bơi. Dưới ánh trăng, em không thấy rõ vẻ mặt của ổng như thế nào, nhưng theo câu nói của ổng thì khổ cho em vô cùng.

– Cậu Hai nói gì?

– Ba em hậm hực như tức tối: "Bắt nó được, tôi giết chết! Tôi giết không nghĩ đến cốt nhục gì nữa...".

Con Tám Én nói tới đó khóc òa.

Tôi càng thương hại thêm, càng đau lòng thêm, càng yêu mến thêm. Tôi chụp nó ôm sát vào lòng:

– Em Tám ơi, anh lầm em rồi, anh đâu có dè em có một tấm lòng đáng yêu như vậy! Vậy mà anh cứ coi em như một kẻ thù khốn nạn!

– Trời, anh thù em?

– Vậy mới có chuyện tác tệ đến dường này! Em có biết đâu từ ngày anh phục lụy em giữa đồng vì ba con cá, anh cho đó là cái nhục không sông nào rửa sạch. Anh mới lập tâm làm thế nào trả cho được cái nhục ấy, nghĩa là làm thế nào cho em quỳ lạy anh lại, năn nỉ anh lại, mới vừa lòng. Anh bỏ điền cậu Bộ qua điền ông Chủ cũng vì lý do ấy, mặc cho ông Chủ ổng đè nén, bóp chẹt đủ điều... Ôi! Anh đâu có dè vì một mối thù nhỏ mọn đó mà đưa anh với em đến tình cảnh này...

Con Tám Én gạt nước mắt mếu máo:

– Anh ạ, em bây giờ chỉ biết có chết mà thôi, chớ không còn mặt mũi nào dám thấy ba má em nữa. Ba má em có ý muốn gả em cho thằng Tư Bồ, muốn bắt nó làm rể ở, nay em đạp nó chết giấc, ba má em đâu có thể dung tình cho em được!

Tôi an ủi:

– Em vì anh mà ra nông nỗi này, lẽ nào anh không biết tìm cách gì để cứu em hay sao? Em yên lòng đi, chúng ta đang ở trong một hoàn cảnh gay go, thì thủng thẳng ta sẽ liệu tính.

– Còn liệu tính gì nữa, ba em chỉ trông gặp em là giết chết. Em làm ba má em nhọc lòng, chỉ có một nước là em về nạp mình cho trọn hiếu. Rồi ông xử cách nào em cũng cam. Điều cần nhứt bây giờ là làm sao anh về nhà băng bó cái đầu lại, để lâu không tốt.

– Anh hết biết đau đớn gì nữa rồi. Dầu nó có nứt hai ra, anh cũng không ngại. Hãy lo cho phần em cái đã!...

Lo phần cho con Tám Én? Tôi điên đầu nhức óc. Lo cách nào rồi cũng phải đưa nó về nhà. Mà đưa nó về? Ôi khi nghĩ đến cảnh nó bị hành hạ, là tôi không chịu nổi. Hai Hóa nào phải là tay vừa? Nó mà chịu những thoi, những đá, thì còn chi là thân thể... liễu bồ?

Tôi nảy ra được một ý nghĩ: hay là dẫn nó theo trốn? Nhưng ý nghĩ đó bị chống trả lập tức: Trốn đi đâu? Mẹ còn đó không ai nuôi, lúa còn đó không ai làm, tiền không một xu dính túi, gạo không một hạt đỡ lòng...

Sau cùng, tôi nghĩ được một kế kỳ diệu:

– Em à, chúng ta không thể chần chờ đây nữa được, sợ sáng ra thì bị bắt cả chùm. Ở đây có ngả tắt về nhà ông Chủ. Ông Chủ là người thân của anh. Anh em mình rán chống xuồng lẹ về đó cầu cứu với ổng. Anh sẽ thổi bùa cho ổng mê, anh gởi em cho ổng, mượn ổng đến xin tội cho em. Bề gì ổng cũng là điền chủ của cậu Hai, anh chắc cậu Hai không nỡ hành hạ em đâu.

– Anh thổi bùa gì cho ổng mê được?

– Bùa gì mặc anh, bây giờ em hãy nghe anh đi.

– Em sợ đi dọc đường...

– Đừng lo, gặp ai anh cũng không sợ, anh làm cho họ mờ mắt hết... đừng lo!

Con Tám Én vùng vằng một chặp, suy nghĩ đáo để rồi đáp:

– Không được anh à. Ai mà đi với anh lại nhà ông Chủ cho được, cho thiên hạ họ cười thêm... Thôi, em có cách này: Nếu anh "thân" với ông Chủ thì em đưa anh ra bờ. Anh đi một mình lại cầu cứu với ông ấy, nói với ổng sáng lại nhà em xin tội giùm em.

– Còn em?

– Em nằm trong bụi này chờ sáng cho ba em nguôi giận, em sẽ về nạp mình. Anh có thương em thì lo bấy nhiêu là đủ.

Con Tám Én nói rồi lấy giầm chống xuồng ra khỏi bụi mắm.

Tôi cám ơn nó bằng một cái hun "dữ tợn" rồi nhảy vọt lên bờ.

XII. HẬN NGHÌN ĐỜI

Tôi xả giò chạy về nhà cho mẹ tôi vững lòng một chút rồi sẽ hay. Đầu tôi phơi ngoài sương lạnh trở lại nhức nhối vô cùng.

Tới nhà, tôi đã mệt đuối. Cửa mở bét. Cây đèn cháy lụn, còn "níu" chút lửa lập lòe, chỉ chờ một hơi gió động là tắt.

Tôi vừa khêu đèn lên vừa cằn nhằn: Không biết mẹ tôi đi đâu mà bỏ nhà hoang lạnh như vậy, rủi ăn trộm lỏn vô lấy hết đồ thì còn gì xoay trở?

Nhưng tôi giựt mình: Hai cái ghế nhỏ ngã nằm sóng sượt, khay trầu chén đĩa đều lăn đùng ra, cái trên bàn, cái dưới đất.

Mẹ tôi đâu kìa?... Mẹ tôi đâu?

– Má ơi!

Tôi phập phồng lo sợ dường như có một điều gì không hay xảy đến.

Tôi dòm dớn dác khắp nhà.

– Trời...

Tôi chạy nhào lại gốc cột bên vách.

– Trời ơi... Ai nhẫn tâm trói mẹ tôi, đánh mẹ tôi thân thể như vầy?

Tôi khóc rống lên, quỳ phục xuống, ôm mẹ mà ruột gan chẳng còn.

Mẹ tôi bị trói ké vào gốc cột, áo bị xé nát, tóc phủ lùm tùm xuống mặt, gục đầu ngất đi tự hồi nào.

– Má ơi! Má ơi!

Không nghe mẹ tôi trả lời, tôi điếng cả đầu óc, rối loạn cả tâm can, vừa khóc vừa mở dây bồng mẹ tôi để nằm trên ván.

Mẹ tôi nằm thở hoi hóp như sắp lìa trần.

Lúc này tôi mới nhận được mặt mày của mẹ tôi đầy những cục u nần xanh xám, mình mẩy đầy vết tím bầm.

Hỡi cả thiên hạ trên thế gian này!

Người nào thấy mẹ như thế lại chẳng muốn bứt cả chùm ruột, cả tim gan, rồi kêu lên một tiếng cho thấu đến trời, hét lên một tiếng cho ba đào sóng dậy?

Tôi nằm phủ phục bên mẹ, khóc la, rên siết:

– Đây hẳn là quân độc ác, lũ tàn bạo, thằng Tư Bồ, thằng Hai Hóa trả thù mình bằng cách tàn nhẫn vầy đây!...

Tôi tức tối đến đỗi hai bàn tay nắm chặt lại đập xuống ván ầm ầm cho sưng cả lên mà không biết đau đớn.

– Tao sẽ ăn gan bay, uống huyết bay, để trả thù cho mẹ tao!... Má ơi...! Má! Tỉnh dậy với con má à! Con đây nè má...

Tôi kêu, tôi khóc, tôi la... Trong đêm tàn chỉ có tiếng dế âm u bên ngoài đáp lại.

Cầu cứu với ai bây giờ? Xóm tôi nhà này cách nhà kia đến hàng chục công đất ruộng.

Kêu mẹ tôi không tỉnh, tôi chạy đi lấy khăn nhúng nước vỗ trán, vỗ mặt, vỗ đầu.

Tôi cầu trời khấn phật, kêu réo hết cả thần thánh mười phương... vái van khẩn thiết.

Mẹ tôi cựa mình là tôi hồi hộp, mẹ tôi bật ra được một tiếng rên là tôi thấy mẹ như bị đè dưới Ngũ Hành Sơn vừa thoát dậy.

– Má ơi, con đây, má!

Mẹ tôi từ từ mở mắt nhìn thấy tôi, nước mắt chan hòa.

– Con... con... phải... không?

– Con đây má, con đây! Làm sao thân thể má như vậy? Ai trói má, ai đánh má, má nói cho con nghe, con đi trả thù cho má ngay bây giờ!

Mẹ tôi se sẽ lắc đầu đau đớn:

– Con ơi, con làm gì mà mặt đầy máu me như thế?

Tôi giật mình đưa tay lên vuốt mặt mới hay cái khăn con Tám Én bịt văng mất đi hồi nào mà máu trên đầu lại bật ra nhiều quá, chảy dài xuống ướt cả hai gò má.

Tôi nghiến răng:

– Không sao, con té lỗ đầu chút đỉnh. Má! Có phải bọn Hai Hóa và thằng Tư Bồ đánh má không? Má nói liền cho con nghe, con nóng lắm!

Mẹ tôi lắc đầu thêm một lượt nữa:

– Không, không con à! Hai Hóa hồi nãy có lại đây kêu cửa hỏi thăm con gái của nó rồi đi mất... làm gì nó dám đánh má!

– Nó chỉ hỏi thăm con Tám Én rồi thôi à?

Thì nó hỏi rồi đi chớ còn ở đây làm gì, và lại khuya khoắt rồi, mà nó đi hối hả lắm!

– Té ra má không hay gì hết... Mà rồi ai đánh má đây chớ?

Rán trả lời với tôi đến đây, mẹ tôi mệt lắm, nằm yên, nhắm mắt lại, không đáp.

Một chặp sau, mẹ tôi mở mắt ra nhìn tôi, nước mắt lại tràn theo:

– Con cho má chút nước đi con!

Vụt một cái, tôi bưng chén nước lại.

– Má ơi, xót ruột con không biết ngần nào, nước đây má uống đi, rồi má nói cho con biết kẻ nào đánh má, con xách dao đi lấy đầu nó ngay bây giờ... con mới hả dạ.

– Thôi con ơi, không nên! Như vầy cũng đủ nhục nhã thân má lắm rồi. Con đừng làm thiên hạ hay thêm, để má yên mà chết, về với ba con.

– Trời, má nói gì vậy má?

– Con đừng trả thù, mà trả thù không được đâu, con ạ. Sợ rồi làm lụy thêm cho thân con. Người ta bắt má, đánh đập má ở giữa đồng. Mẹ con mình ở đây bơ vơ... mà người ta là người thế lực...

– Thế lực bằng ông Trời, con cũng không sợ. Má cứ nói đi, con xách đầu nó về đây liền cho má thấy cái gan của con.

– Con dằn xuống. Má biết con đang tức tối lắm. Nhưng má còn tức tối hơn con nhiều... Má cũng phải ôm lòng chờ chết... Con hãy để một mình má chịu nhục thôi con!...

Nói xong mẹ tôi khóc ngất gần bứt hơi.

Tôi hốt hoảng, lấy quạt, quạt cho mẹ tôi, vuốt ngực cho mẹ tôi, đầy những lo sợ, uất ức, nóng lòng...

– Má ơi, má nghỉ một chút cho khỏe đi mà, rồi má nói cho con nghe, thế nào má cũng nói cho con nghe, không con chết theo má...

Trong lúc mẹ tôi nằm thở dốc, tôi bóp đầu nặn óc cố suy nghĩ. Vết thương trên đầu lại động, máu lại trào ra.

Mệt nhọc, nóng nảy, tức tối, đau đớn bao nhiêu gom lại đè nặng trên mình, tôi gục đầu bên mẹ tôi, nằm thiêm thiếp.

*

*   *

Đêm tàn. Ánh trăng mờ lại trong màn sương đục đục ở ngoài trời. Và tiếng chó sủa rời rạc ở xóm ngoài. Mấy con dơi bay đớp muỗi, đập cánh sột soạt bên vách lá.

Tôi đang chập chờn trong ác mộng, bỗng nghe tiếng mẹ tôi thở hổn hển kêu:

– Con ơi, con!

Tôi giật mình trỗi dậy kinh hoàng đỡ mẹ tôi nằm trên tay.

– Con ơi... Má bị đánh nặng lắm, bầm hết cả mình mẩy... bể hết cả gan phổi... Má sắp chết... Con kề tai xuống đây... má nói vì sao... và kẻ nào đánh má... Con... con, người giết một đời má là... ông... ông Chủ!

Tôi nhảy nhổm người:

– Sao? Ông Chủ giết má! Ông Chủ giết mẹ tôi, trời nè...!

Tôi tức giận run lên, lảo đảo toan nhảy xuống đất.

Nhưng mẹ tôi gượng níu tôi giựt lại:

– Không... con, má nói người giết cuộc đời má là ông Chủ... mà người đánh má là...

– Là ai?

– Người đánh má là... bà Chủ! Thảm thiết chưa con, nhục nhã chưa con!... Thằng Hai Hóa lúc nãy đi rồi, ông Chủ lại đây, ổng ngồi

lân la chuyện vãn, ổng mở lời chọc ghẹo má... ổng ôm đại má.. thì bà Chủ ở đâu nhảy xổ vào... Bả níu đầu má, bả chửi, bả rủa... cùng với con ở trói má vô gốc cột, đánh má, đập má tơi bời... Mà con ơi... má đâu có tội tình gì con... con...!

Mẹ tôi nấc lên một hơi dài, rồi từ từ nhắm mắt lại, vào giấc ngủ vô cùng.

Tôi đập đầu xuống sạp, hét lên một tiếng lớn, rồi ngất lịm đi bên người mẹ xấu số!

Trích trong tập *Đồng quê*. Giải nhất cuộc thi văn chương của Hội Khuyến học Cần Thơ, năm 1943.

PHẦN THỨ HAI

(Tiếp theo)

TRÁI MÍT MUỘN

(Truyện ngắn)

PHÚ SƠN

Năm ấy tôi còn nhỏ. Ba tháng nghỉ hè đã gần hết. Cùng với ba tháng nắng lân, mít cũng dần dần hết cả. Trong vườn mít, trên cây chỉ còn vài "eo" mít thối và khô cứng mà thôi. Tất nhiên là ngoài chợ không thấy mít chín bán nữa, ruồi cũng bớt vo ve dần.

Nhưng, mùa hè ấy, trong vườn tôi còn một trái mít. Trái mít muộn ấy rất to, mọc gần gốc cây và đã hơi nở gai. Ngày này đến ngày khác, cứ sáng và chiều tôi ra nắn mít hoài. Nó vẫn còn rắn, gai còn nhọn đâm rát bàn tay nhỏ bé của tôi. Nhưng tôi cứ thích nắn trái mít cho biết nó ra sao.

Một hôm, bạn tôi lại tôi chơi. Tôi khoe với bạn trái mít muộn. Dy hớn hở nắn trái mít và vui vẻ bảo: "Ồ! Anh Tịnh có trái mít muộn to, ngon quá, khi nào nó chín, nhớ cho Dy ăn với!". Tôi gật đầu, mỉm cười. Bạn tôi cũng ưa mít lắm. Mỗi lần mít chín, tôi kéo bạn tôi tới rồi hả hê cắt mít ăn với nhau. Nên khi nghe bạn nói, tôi nghĩ thầm: "Để ta làm cho Dy ngạc nhiên một bữa!".

Từ đấy chuyện trái mít cứ vơ vẩn mãi trong trí tôi. Sáng tôi vỗ, chiều tôi cũng vỗ. Trái mít đen dần. Tôi mừng. Hay đâu vì tôi vỗ nắn nó luôn mà nó bầm đi. Những ý tưởng hay hay đua nhau nảy ra trong trí tôi như những tia sáng thi nhau vụt lên khi người ta đốt pháo hoa cải. Tôi sung sướng, trái mít muộn của tôi mà chín thì tôi sẽ kéo bạn tôi lại, bổ trái mít ra rồi hai đứa ngồi ăn, chuyện trò cười cợt, bôi nhựa vào mặt nhau, ném vỏ mít vào mình nhau, rồi cười như nắc nẻ.

Buổi sáng nọ, tôi ra nắn đi nắn lại trái mít. Nó vẫn còn rắn. Tức mình, vào lấy con dao díp ra, tôi khoét một lỗ nhỏ, nhựa mít chảy ra như nước cơm đặc. Mít cũng chưa chịu chín, mà tay tôi vấy cả nhựa. Tôi chùi tay vào áo rồi lấy một miếng gạch nhỏ nhét vào lỗ mà tôi mới cắt cho mẹ tôi thấy khỏi la. Chiều, tôi cũng lại ra vỗ mít nữa.

Vẫn còn rắn! Chợt tôi có cảm giác như thấy người rình trộm trái mít của tôi. Tôi lấy một nhánh gai thật to đem đậy lên trái mít. Trời ơi! Ai làm sao mà gỡ nhánh gai to ấy ra để ăn trộm trái mít của tôi được! Tôi xoa tay, khoan khoái.

Tối lại, tôi nằm nơi phản nhà ngang, mở cửa sổ ra. Cửa sổ ấy ngó ngay ra trái mít muộn. Tôi không thể ngủ được. Chợp mắt một lúc thì lại nghe thấy tiếng động như tiếng chân người. Tôi thấy trái mít của tôi mất rồi. Tôi buồn, tức, nhưng một lúc tôi ngủ quên bao giờ không biết. Sáng hôm sau như lệ thường vừa thức dậy, tôi chạy ra thăm trái mít. Tôi săn sóc đến nó hơn người mẹ săn sóc đứa con so! Đến gốc cây thì ôi thôi! Trái mít của tôi bay mất đâu rồi, chỉ còn trơ lại cuống khô nhựa. Tôi tức lắm vào kêu cả nhà ra mà mách. Tôi nguyền rủa người ăn trộm đến khi mẹ tôi la mới thôi.

Mít của tôi mất rồi thì lấy gì tôi đãi bạn Dy tôi, lấy gì chúng tôi ăn, rồi đùa, rồi nghịch với nhau cho thú chứ? Cả ngày ấy tôi cứ phỏng đoán mãi người ăn trộm. Ông Cu chăng? Có lẽ rồi: tôi thấy ông lụm cụm cầm một con dao, leo qua tường chặt nhè nhẹ trái mít rồi, làm sao? Trái mít to, ông ta già yếu! – Không được. Chị Niên thôi! Chị ấy mập, to, mà lại ở sít bên nhà tôi nữa. Tôi cứ nghĩ vẩn trong trí như thế mãi cho đến trưa mới quên hẳn đi được.

Trưa, cơm nước xong xuôi, thầy mẹ tôi đều ngủ cả. Tôi thẩn thơ ngoài vườn. Nhòm qua hàng rào, tôi thấy hai mẹ con chị Niên đang nhai ngấu nghiến những múi mít còn sống trắng. Đích rồi! Chị Niên ăn trộm trái mít của tôi rồi. Tôi hăng hái chạy qua nhà chị. Mặt tôi đỏ bừng. Thấy tôi thằng Đực, con chị tái mặt, chị cũng hơi luống cuống như muốn dẹp bữa ăn đi. Thôi phải rồi, sao thằng Đực thấy tôi lại không vui kêu lên như mấy lúc? Mẹ nó đã ăn trộm mà nó là tòng phạm, họ sợ tôi rồi!

Chị Niên thấy tôi, miễn cưỡng nhếch miệng cười. Tôi ngó lại mâm ăn: Có gì đâu! Một nồi mít luộc, một chén nước mắm đã nặng mùi. Thằng Đực lanh tay chụp lấy một múi mít, chấm vào nước mắm rồi nhai ngấu nghiến.

– Chị không ăn cơm à?

Thấy tôi dịu giọng, chị Niên ngậm ngùi đáp: "Cơm đâu mà ăn cậu! Tôi làm mướn lấy gạo không mà cũng không có, tưởng mẹ con nhịn đói bữa hôm nay. May ngoài cây còn lại trái mít muộn, phải hái vào luộc mà ăn đỡ đói đấy, cậu ạ!".

Rồi chị cúi xuống để dấu nỗi cảm động.

– "Có lẽ nào tôi lầm!" Tôi tự nghĩ thấy trái mít còn một nửa trong xó góc, tôi lần lại. Ồ! Lạ chưa, tôi đoán có sai đâu: Trái mít này cũng có một lỗ khoét và mảnh gạch nhét vào. Tôi nghiêng qua nghiêng lại trái mít, khen to mà thật ra là để nhìn nhận. Hai mẹ con chị nhìn tôi, bốn con mắt sợ hãi và van lơn bọc lấy tôi. Tôi nhìn lại, ngượng nghịu. Chị vớ lấy múi mít chấm vào mắm rồi cầm giơ lên ngang cằm không buồn ăn. Chị ngó tôi, van lơn. Cảm động quá, tôi không nói nên lời. Lòng tôi thấy nao nao. Trái mít chỉ cho bạn tôi và tôi một chút vui khi chín. Trái mít, dầu còn sống, cũng đã nuôi sống hai mẹ con chị Niên. Tôi ích kỷ gì mà không cho chị ta? Tôi nói một câu yên ủi chị rồi đâm đầu hớn hở chạy về. Về tới nhà, tôi lại sợ chị ta tưởng tôi về mách với cha mẹ tôi. Tôi bèn lấy cái chén rót một chén "mắm cái" ngon, đến bên rào kêu thằng Đực mà cho nó. Nó mừng lắm. Tôi nói thầm vào tai nó: "Về nói với mẹ em rằng anh không mách ông bà đâu". Nó bưng chén mắm đi vào nhà, từng bước một, ung dung như đi dạo mát. Lòng tôi thấy vui lạ thường.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 339,
ngày 14-9-1940.

THÁNG BA SẤM ĐỘNG

(Truyện ngắn)

THÂM TÂM

Cỏ tươi mươn mướt đến chiều hôm đó bỗng xám lại vì nhiều bóng mây. Tự trời xuống, khi mù mịt xóa những khói bên sông. Mùa xuân vừa hết. Người ta nghe thấy rền lên vài tiếng sấm đã từ lâu im vắng. Sấm mới báo sang thời tiết mới, chiều hôm đó, khiến những mụ nhà quê quen tin mờ mịt về các hiện tượng thiên nhiên, kháo với nhau là "sấm đói". Đói, vì lúc sấm mới động thì phần nhiều bếp lửa chưa nhóm, người ta chưa dùng bữa cơm chiều.

Tiếng đàn bà bỗng nổi lên than phiền về mùa gặt sắp tới, lẫn với tiếng dao thớt, tiếng giục giã nhau, tiếng gắt gỏng nhau, bởi cỗ bàn; ngần ấy thứ tiếng từ dưới bếp đưa dồn dập lên gian nhà thờ mà ông trưởng Đông thừa tự.

Ông trưởng đang ngồi chờ rót tuần rượu cúng, đôi chân xếp bằng và rung nảy. Vài tiếng sấm khan vừa dậy lúc còn đói bụng khiến ông thốt ra một hơi dài, tơi bời mối nghĩ về những cái giỗ khác sau này. Làm thế nào cho đủ phong vị lễ vật một cái giỗ lớn hằng năm, nếu nhà họ Nguyễn cũng bị lây bệnh đói kém của thiên hạ? Đó là điều ông lo lắng nhất. Rồi thì chén trà sẽ nhạt đi, rượu chua ra, và trầm chỉ là những miếng củi hôi mốc. Ông lắc đầu.

Nam, người em trai, đang đứng nhìn những cơn mây nặng làm mờ mịt chân trời, qua một khung cửa đầy bóng chiều đè ép. Những lời than phiền sau lúc sấm động cũng có ảnh hưởng đến đầu óc người thanh niên, nhưng y chắc những điều ông anh cả đang rung đùi suy tính kia sẽ rất xa cách với điều y muốn giảng giải. Đã nhiều lần, sự sống bắt buộc hai anh em phải bàn cãi lẫn, mà lần nào ông trưởng Đông cũng chê Nam có lắm ý tưởng ngang phè, và ông lấp lời em bằng cách ư ử ngâm mấy câu thơ đầy giọng khinh bạc, cái mặt vênh lên với sắc lạnh của một thứ đồ bằng đá.

Hôm ấy là ngày giỗ bố. Nam im lặng để vọng niệm bóng dáng một người cha còn để lại bao nhiêu vẻ vang của những công nghiệp

sinh thời. Ánh đèn nến sáng choang thêm rạng những đường lối trước. Ông trưởng Đông khăn áo chỉnh tề, chờ dọn cỗ bàn lên đầy đủ, mới dâng trà cúng.

Bỗng ngoài cổng vang lên tiếng chào của đầy tớ cũ. Nam nhận ra là Hắc, một kẻ có tính trộm vặt ngày trước, từ khi nhà họ Nguyễn suy bại thì y bỏ đi, nay không biết làm gì mà đã trở thành giàu có với bộ cánh thật sang và một món lễ vật đem về ăn giỗ cố chủ rất hậu. Ông trưởng Đông cho thế là có lòng thành, lấy mắt biệt đãi vào hàng nghĩa bộc. Nhưng Nam hơi ngờ cử chỉ trước kia không từng có của Hắc. Nam thấy Hắc lại đeo một đôi kính trắng long lanh sau làn khói một thứ thuốc lá nhập cảng. Khói thơm ấy đủ huyễn hoặc ông trưởng Đông. Còn Nam thì vẫn nhận rõ đôi mắt kính lộn sòng sự giảo hoạt ra thông minh kia. Nam chờ nghe những câu chuyện sắp tới để có thể định đoạt rõ rệt về hành vi của Hắc.

Cô Nho vừa bưng mâm cỗ bát sau cùng lên. Nam thấy Hắc chào với một cái nhìn tinh quái rất nhanh. Nhưng mà em gái Nam vẫn điềm đạm, không có gì biến đổi. Nho ra khỏi rồi, thì Hắc cất giọng vui vẻ nói ông trưởng:

– Bữa nọ, tôi gặp cô Nho trên tỉnh, suýt nữa thì không nhận được, vì bây giờ cô lớn lên, trông khác nhiều quá. Bẩm, thế ra cô vẫn chưa ra ở riêng?

Ông trưởng đáp bằng một giọng thất thế:

– Bây giờ nhà không được như xưa, nên cái việc ấy cũng khó nghĩ lắm.

Ý ông muốn nói không tiện gả cho người nghèo, mà người giàu thì chửa ai hỏi đến.

Đêm ấy, Hắc nằm tiêm thuốc phiện cho ông trưởng hút sau khi đã cơm rượu say sưa. Nam không có mặt trên tấm giường hoa phù dung nở. Sáng sớm hôm sau, Hắc ra đi. Thì ngay buổi trưa, nhân lúc vắng vẻ, ông trưởng ngồi nhấm nháp chén trà cùng Nam, khơi lên một câu chuyện và Nam đoán từ trước là sẽ có.

Thoạt đầu, ông trưởng bảo:

– Cái thằng Hắc ấy thế mà tài giỏi, bây giờ giàu sang ra phết. thì ra nó tìm được quý nhân. Cổ xưa, cái kẻ làm thịt trâu vẫn cứ phải làm thịt trâu, cái kẻ xách giỏ cá vẫn cứ phải xách giỏ cá, là cũng chỉ tại chưa gặp quý nhân mà thôi vậy.

Nam cười nhạt hỏi:

– Thế ra bác trọng cái thời vận thằng Hắc thật à? Bác có xét biết vì sao nó giàu bốc lên chóng như thế không?

– Hà tất phải xét biết.

– Buổi gió bụi này là thời vận của những quân tiểu nhân không biết cái gì là bẩn. Nhưng có thời vận của chúng, cũng có thời vận của ta. Lưỡi ta vẫn còn, hai bàn tay chưa cụt.

– Vẫn biết thế, song mà ta nghèo. Tôi chả làm gì còn được khí khái như chú. Tôi thấy nó bàn được điều lợi, thì tôi cho nó là hay. Chú không thấy ư! Sấm đói! Sấm đói! Tôi sợ rằng đến cái giỗ sau nữa, nhà ta không mua nổi một con gà toi. Thế là một điều bất hiếu.

– Hừ! Thế cái việc bác bùi tai nghe nó hót ấy liệu có không bất hiếu chăng?

– Dựng vợ gả chồng, ấy chính là điều đại hiếu. Thánh dạy như vậy. Chú đừng có láo.

– Có nhiều thứ dựng vợ gả chồng. Thánh ngày xưa chưa biết đến những việc khuất tất của ngày nay. Nếu tôi đoán không sai, chắc bác đã vì một món tiền nào đó mà gán ép con Nho đi phải chăng?

– Tôi gả chồng cho nó. Con gái lớn thì phải gả chồng. Quyền huynh thế phụ, tôi bàn qua với chú, rồi tôi cứ tự quyết định, chú trách nhiệm gì vào đó mà phải lôi thôi.

– Tôi là kẻ phải giữ thanh danh cho nhà ta. Nếu tôi đoán vẫn không sai thì...

– Chú đoán cả đời ngang như bứa. Để im tôi nói cho mà rõ, thằng Hắc hiện nay là thủ túc của một tay giàu sụ. Nếu ta chịu gả con Nho cho quý nhân đó, thì Hắc sẽ đứng làm mối manh, thách bao nhiêu họ cũng sẽ dẫn đủ.

– Tôi đã thấy khối những việc mua bán gối đệm như thế ở thời này, không thể gọi là gả chồng được. Cái kẻ nào đã dùng đến thằng đầy tớ nhà ta làm thủ túc kia, tất là kẻ không đáng làm rể trong họ ta được. Vả chăng, chắc gì hắn đã chịu nhận tiếng làm rể! Hắn mua người, chứ có cưới người đâu. Nhục lắm! Nhục lắm! Một đời bác đã làm sụp đổ cơ nghiệp đến nỗi tàn hại như ngày nay, sao đến lượt tôi toan gây dựng lại, thì bác lại toan làm cho đồi bại thêm nữa?

Ông trưởng Đông thấy Nam hăng hái làm cho to câu chuyện quá

vội phải đấu dịu bớt đi. Ông thôi không bàn thêm điều gì mới nữa. Nhưng rồi ông nằm vắt tay mà nghĩ âm thầm ở bên khay đèn có những ngao thuốc gặp thời cao giá.

*

* *

Nho mát mẻ như làn cỏ tháng ba. Từ khi sấm dậy, để cho xuân trời bay hết, sau cơn mưa lớn, thì muôn hồng lẫn vào với nắng nhuốm chín tuổi đương tơ.

Quả đã kết trên cành, một ngày kia tất có tay người hái. Duy hái sớm hay là hái muộn, hái gượng nhẹ hay là hái phũ phàng, người con gái thực chưa lường biết. Bước chân ra bên ngoài ngưỡng cửa, bốn phương mờ mịt, nơi nào có lương nhân?

Mặc dầu, ông trưởng Đông cũng cứ trỏ cho em gái một hướng mà ông bảo là gió lành mát mẻ. Nho nhìn lối đi mình sẽ bước lên, thấy cỏ thực không xanh rờn như một sắc mát mẻ nữa. Cô chau đôi mày. Con chim cú kia, nó kêu làm gì; ngôi sao hôm kia, nó sáng làm gì; cầm gương gương tối, cầm vàng vàng phai.

Ông trưởng cũng thừa biết ý em mình rầu rĩ. Nào ông có ép uổng đâu, ông chỉ xin em gái nghĩ cho rằng mùa gặt sắp tới, trong nhà sẽ không xe về nổi một xe thóc nhỏ, nếu cô Nho chả lấy chồng. Rồi ông lại vạch vòi ra biết bao nhiêu tích xưa chuyện cũ để làm chứng cớ về những cái cơ nghiệp chỉ có thể vững lại bởi một người con gái đã chịu ra đi. *Chiêu Quân xưa cũng cống Hồ, bởi người Diên Thọ họa đồ cho nên.*

Lời ông tỉ tót nỉ non, ngọt như kẹo mạ. Người em gái chỉ còn phân vân về nỗi không được gặp ông anh hai. Sau ngày giỗ, Nam lại vắng mặt rồi. Người anh vốn vẫn tính toán cuộc đời khác với người anh cả. Vậy thì mùa gặt sắp tới, nếu trong nhà có thiếu thức ăn, có lẽ người anh hai không cần mượn đến điển Chiêu Quân để cầu cứu một cô em gái.

Ông trưởng Đông biết thừa cơ sự ấy nên cần gấp gấp cho Nho ra đi trước khi Nam kịp trở về. Muốn ván đã đóng thuyền, phải gọi thợ lại. Hắc rất sẵn lòng nện xuống những nhát búa đanh. Thế rồi là hạ thủy. Dòng nước đục càng khiến cho con thuyền trôi mạnh. Nhưng

trôi rồi, Nho mới biết là mình bị lạc dòng. Cô đã không được có nỗi sung sướng về nhà chồng giống như những bạn gái nơi quê hương. Cô là một cái cây bị trả phăng bằng một giá nhất định rồi để cho chủ vườn xa lạ kia đánh về một miếng đất khác màu khác mạch, khác cả từ cái tiếng hót sớm chiều của loài chim mà Nho ngờ rất không lành. Là con thuyền, là gốc cây bật rễ, sau cùng người con gái lại là một vũng ao tù. Cái ao đó không còn được ăn thông với một mạch nước nào mà hòng trong ra được nữa, nó yên vị để thỉnh thoảng dự vào cái việc làm mát da mát thịt một người sở hữu, nguyên một cái việc đó, lòng ao cũng chất chứa nhiều ghét bẩn lắm rồi.

*

* *

Giữa bức tường vôi màu cẩm thạch, treo chơ vơ một tấm ảnh lồng kính khổ lớn. Hình bán thân một thiếu nữ trong buồng vắng, im ả, càng u trầm hơn với hai con mắt dài mà ánh sáng điện của nhà nhiếp ảnh phớt qua mấy tia mờ ảo.

Qua cửa sổ hé mở, gió thường phơ phất, khiến cho khung ảnh treo lửng lơ nhè nhẹ rung động; khi ấy thì mắt ai sáng đẹp kia, tuy đã thành tĩnh vật, cũng như chớp một cái mau.

Chủ nhân nhà đó còn trẻ tuổi. Y tên là Lãng. Y ngồi một mình, cái đầu gục xuống, mái tóc tơi ra. Hít dăm ba cái khói thuốc lá tàn để xóa quên thời khắc, y lại ngẩng lên nhìn tấm ảnh người đẹp một lần. Bấy giờ thì rõ rệt mặt y hốc hác, đấy cái si tình thiên cổ của một vai trò thương khéo tả trên sân khấu. Nhưng đây là thật lòng.

Buổi chiều vắng lặng trôi qua như con thuyền buồm lợi gió, chẳng động tiếng chèo. Nhưng thuyền còn có khách, chiều cũng có người đập cửa. Lãng uể oải đứng lên, đón bạn vào chơi. Bước đi phá vỡ hơi đơn bóng lạnh của gian buồng. Người bạn là Nam, đưa mắt liếc qua đã kịp thấy rõ tấm ảnh.

Lãng có chiều lúng túng, mời Nam ngồi xuống tấm ghế quay mặt ra. Nam ngồi và hỏi:

– Kia là Nho? Thế ra anh yêu Nho?

Cần đủ can đảm để giãi mối tình mình, Lãng nắm chặt hai bàn tay vào thành ghế, chau mày mà nói:

– Phải. Trong lòng tôi, hiện đang có cả một vườn nho tan nát, những chùm quả bị người ta ngắt hái, chưa yên, những cành nhánh bị người ta chặt bẻ, cũng chưa yên, những gốc rễ bị người ta đào xới... Hỏi còn gì nữa, hử anh?

– Vậy bây giờ, anh làm thế nào?

– Cái vườn nho xương thịt tuy mất, song tôi chắc linh hồn vườn nho chỉ vương vấn lấy một cố chủ mà thôi. Những tuần trăng, những đêm sao đều chứng cho rằng, tôi chính là cố chủ. Tôi đã được và được mãi mãi cái phần thơm tho tinh khiết nhất. Anh ơi, giá nàng chết đi... Tôi vẫn thấy hình này lay động đôi phen như muốn bước xuống khỏi bức tường kia, đến gục vào vai tôi mà khóc.

– Thế thì anh lầm rồi. Một tiếng sét đã đánh bên tai anh, sao anh chưa tỉnh. Nhưng từ đây, mùa này, sẽ còn nhiều cơn sấm nữa, để cho tâm não tăm tối của anh sáng ra sau những trận mưa rào.

Lãng ngơ ngác nhìn Nam, đôi mắt chìm đắm, bóng chiều tím lại. Bấy giờ, trong buồng đã tối, ngoài song chỉ còn vương chút vàng hờ. Mắt Lãng bỗng trừng trừng như thốt gặp một người vừa xa vừa xưa trong giấc mộng; Nam rất giống Nho.

Không thấy Nam lên tiếng nữa.

Chỉ nghe giọng Lãng thều thào:

– Nàng tự tử. Tôi tin rằng nàng hủy cái xác thịt nhơ bẩn đi, để thu vén linh hồn về tìm người yêu cũ. Một đêm kia, nàng sẽ bước từ trong ảnh xuống, đến đầu giường tôi.

Nam vẫn không lên tiếng nữa, y bước vào phía sân trong, để mặc Lãng lảm nhảm một mình.

Lâu không thấy Nam ra. Lại nghe soàn soạt có thứ tiếng gì sắc cạnh liếc mãi lên miệng sành mặt đá. Kẻ si tình ớn lạnh càng rùng rợn thêm. Y cất tiếng sợ hãi hỏi to:

– Anh Nam đâu?

Không có tiếng đáp. Trời tối rồi, đèn chưa thắp. Lãng bật lên như cái thế một con mèo bắt chuột, nhảy xổ vào phía cửa trong.

Dưới ánh trăng mờ vừa giãi nơi góc sân, Nam đang lúi húi mài một lưỡi dao lá dứa. Cứ trông hai con mắt sáng quắc, cái khí dữ dội của kẻ mài dao bấy giờ mà Lãng khiếp. Mặt Nam vẫn lầm lì, không cần thay đổi vì vừa động chân người.

Lãng chưa kịp hỏi đã thấy Nam đứng vùng lên, vẫn lầm lì mặt, vẫn lăm lăm dao, tiến lại gần Lãng, cất thứ giọng nghiêm nghị:

– Anh có thật yêu Nho lắm không?

Lãng bỗng chột dạ, không dám trả lời rõ rệt:

– Anh hỏi thế để làm gì?

– Để tôi biếu anh một lưỡi dao.

– Ơ hay!

– Can gì phải tái mặt đi thế. Thì ra anh hèn thật. Sợ người ta giết mình thì chẳng bao giờ có gan làm việc chống lại. Tôi thử anh đấy mà thôi. Tuy nhiên lưỡi dao này vẫn để phần anh dùng tới nó.

Nam nắm chặt lấy cánh tay Lãng mà tiếp:

– Nho không bao giờ tự tử như anh tưởng. Nó cũng không có một chút linh hồn nào ở trong buồng anh. Anh đã mất hẳn nó. Nhưng cái tình bằng bóng, bằng hương, tả ở trong những bài thơ mơ hồ mà anh gọi là cao siêu kia, đã đánh lừa anh nhiều lắm. Nếu người ta dùng vàng bạc để cướp mất của anh một lẽ sống, ừ thì hãy tạm theo anh mà gọi Nho là lẽ sống, sao anh không giật lại bằng gang thép, vì chỉ có sức mạnh ấy là đáng kể, chứ cái chung tình nước mắt và tâm hồn thanh tao của một kẻ si có nghĩa gì đâu!

– Anh nói những điều gớm khiếp quá.

– Chính là những điều rất tầm thường.

– Thế anh có hiểu tường tận về cận trạng Nho không?

Nó vẫn sống. Nó vì bản năng yếu đuối trong những thói phép cổ truyền, nên đã chịu cúi đầu làm một thứ đồ hy sinh vô nghĩa. Cái thằng mua nó về làm trò vui gối đệm, cái thằng ấy bất quá nó coi Nho như một của phù vân, cần lúc này, buông lúc khác. Vậy thì đời Nho rồi không biết còn chịu đê nhục đến thế nào.

– Bấy giờ chính tôi sẽ mở rộng tay để an ủi Nho, vì tôi vẫn yêu Nho cả những khi vườn thu tan tác.

– Thế là một thằng ngốc, một thứ quân tử đồi bại nhất ở thời này. Anh nghĩ xem, một trái cây của mình để sểnh vào tay kẻ khác, đành chịu giương mắt chẫu mà nhìn, thế rồi cái kẻ ấy nhàn chán mới vứt ra như vứt một miếng thịt thừa cho con chó. Phải biết rằng nhặt là nhục chứ.

– Vậy thì giờ đây nên làm như thế nào, để cho Nho không tủi mà tôi không nhục?

– Lưỡi dao tôi đã mài sắc, nghĩa là ngầm chỉ cho anh một cách xử sự tốt nhất. Nhiều lúc ta không thể thương tiếc những cái gì đã mục nát rồi.

Nam bỗng thở phù một hơi, khiến Lãng có cảm giác chứng kiến một cơn mưa rào tan sạch sau một hồi sấm chuyển. Đoạn y tiếp:

– Tôi nói cho anh rõ hết. Chính tôi còn đau xót hơn anh nhiều lắm. Tôi đã mất một người em gái, chỉ vì đã có một ông anh hèn đớn đến suy bại, và đã vướng phải một tên gia nhân chó má, họ đồng lòng để làm tàn hại nhơ nhuốc cửa nhà tôi. Cái thời của những người ấy, gây nên những tội lỗi, đã kết thúc bằng cả một đời con gái bị khuôn ép. Vậy thì đến chúng ta đây, tất không có quyền được chịu đau đớn hơn nhiều nữa. Anh phải lìa bỏ tấm hình ám ảnh đầy bi thảm kia, mà đứng dậy.

Nhưng Lãng lại lùi vào ở trước tấm ảnh, ngồi phịch xuống ghế, bưng lấy đầu, khẽ nói:

– Tôi không thể nào bỏ được hình kia. Tôi là kẻ chỉ yêu có một lần. Tôi đau lắm rồi, không còn sức đâu mà làm theo những ý anh định.

Nam cắn môi, nhìn lên ánh trăng mờ. Y tiếc rằng buổi tối ấy không thể gây nổi một cơn sấm sét nào để làm tan hẳn cơn mưa trong tâm não một thanh niên mù mịt tà khí của buổi chiều cuối mùa hoa hương.

Nam lại nhìn lên ánh trăng mờ. Phía cuối trời, dăm ba điểm sao mong manh như bất lực, chìm dần, chìm dần, mặc mảnh nguyệt chưa đầy vầng sáng cứ đi đường dài của nó giữa những đám mây vạn trạng thiên hình...

Tiểu thuyết thứ bảy, nguyệt san,

số 1, tháng 6 năm 1944.

THẾ GIỚI BÊN KIA

(Truyện ngắn)

TỪ THẠCH

Ai đi phố ấy để ý nhìn vào một khu vườn cây cối rườm rà um tùm không tỉa xén gì cả, thoạt trông tưởng như khu vườn hoang, nhưng nhận xét thì biết là không phải. Vì ở giữa vườn, nấp dưới một thân cây, có một cái miếu nhỏ trong đặt tượng bà thánh Marie bồng đấng Christ, quanh năm thường vào sáng sớm hay chiều hôm, ta thấy những thiếu nữ hay thiếu phụ toàn là con chiên bổn đạo đi học hay đi làm qua đấy, thế nào cũng rẽ vào vườn đó. Họ đẩy một cánh cửa gỗ con sơn trắng, theo một con đường sỏi xinh xinh rồi thẳng tới trước miếu, quỳ gối làm dấu, lắp bắp cầu nguyện. Một đôi khi thấy bóng một bà xơ đi qua. Áo đen, khăn trắng. Bà dừng trước miếu hoặc thấy có người đấy thì rón rén đi sang bên và thơ thẩn như có ý đợi. Bà tỉa chơi mấy cái lá sâu hay ngắt một ngọn hồng đã úa, vứt vào một góc.

Đó là một nơi cầu nguyện trong trường bà xơ ở tỉnh ly. Yến, như mọi chiều tan giờ học thể nào cũng tạt vào đấy mươi phút mới yên tâm về nhà được. Hầu như một thói quen, bỏ đi thì bứt rứt. Chiều nay làm xong việc đó, Yến hớn hở, thủng thỉnh về nhà.

Yến là con nhà nghèo mồ côi cha từ nhỏ. Mẹ buôn bán tạp hóa lần hồi cũng còn thiếu ăn. Cả nhà có hai mẹ con đều là đạo gốc. Ngoài những khách mua bán hàng, thì hai mẹ con chẳng có ai là bạn. Năm Yến lên bảy tuổi thì một bà xơ bảo mẹ Yến cho con đi học. Mẹ Yến nói:

– Bề trên có thương thì nuôi. Chứ cháu làm gì có tiền cho cháu đi học. Tiền giấy bút chưa chắc đã có, nói gì đến tiền học?

Bà xơ vui mừng đáp:

– Bà đưa em đến trường đi. Nếu bà không nuôi nổi thì cho chúng tôi.

Mẹ Yến chảy ngay nước mắt:

– Xin bề trên, chẳng thể cho cháu xa tôi được, cả nhà còn có hai mẹ con gần gụi an ủi nhau, tôi có nó làm lẽ sống, giờ bảo cho hẳn cháu vào trường, tôi ăn ở một mình sao được?

Bà xơ cười khuyên dỗ:

– Không, tôi có bắt bà cho em vào hẳn nhà dòng đâu, tôi sợ bà không nuôi nổi em thì phụ ơn Chúa, còn nếu bà nuôi được thì hay lắm, nhưng bà nên cho em đi học, đừng để nó ngu dốt. Bà không lo tiền học và sách vở giấy bút gì cả. Nhà trường cho hết.

Thế là Yến đi học từ năm lên bảy. Giờ Yến đã mười sáu tuổi, chín năm học trường bà xơ. Yến chỉ khác bà xơ là nàng ở nhà với mẹ và bận quần áo người thế gian, nghĩa là áo trắng quần đen như những cô con gái nhà nghèo khác, để phân biệt với quần áo những người đã vào ở nhà Chúa tức là nhà dòng. Nhưng tâm hồn Yến thì thấm nhuần lẽ đạo không khác một bà xơ. Hồn đạo ở trong huyết nàng. Đã một lần nàng ngỏ ý với mẹ xin vào tu kín. Bà cụ hoảng vía, sợ quá. Bà hiểu rằng theo đạo dạy thì kẻ nào có phước mới được Chúa chọn vào nhà Chúa, làm tôi tớ Chúa. Nhưng bà hiểu mà không theo nổi đến bậc ấy. Chia lìa Yến, hai mẹ con mỗi người một nơi, cứ như Yến đi lấy chồng, phải theo chồng, dù có đi xa nhưng bà còn có thể gặp mặt luôn được, chưa nói đến bà có thể theo hẳn con cùng ở với rể cho tới lúc bà nhắm mắt. Đằng này chia lìa mãi mãi ngay khi còn ở thế gian, không, cái đó đau đớn quá, nhẫn tâm quá, dù tội lỗi với Chúa, bà không thể chiều theo ý Yến được. Đi tu kín! Hai mẹ con như thế thực là gần gụi trong gang tấc mà hóa cách trở quan san! Cùng ở một nơi, còn sống cả, thương yêu nhau mà không được trông nhau, thế chẳng là đau đớn đến nhẫn tâm sao?

Không, bà không bằng lòng Yến vào tu kín.

Nhưng Yến nghĩ khác. Vào nhà dòng tức là cứu rỗi được linh hồn mình và cả linh hồn mẹ Yến nữa. Ở đó, nàng hằng ngày cầu nguyện cho sự thoát ly của mọi người. Vả Yến thấy sống ở ngoài như hiện giờ nàng đang ở với mẹ, phỏng cuộc đời có gì là thú, là lạ? Ngày ngày thấy mẹ bán hàng vất vả quá, kiếm từng hào để độ thân và nuôi Yến, ăn có khi không được đầy đủ. Chẳng phải miếng ăn là miếng trọng, con người ta phải để ý đến làm gì, nhưng nó gây trong lòng Yến một sự tủi nhục và thất vọng. Đời đang độ còn xuân, tưởng phải tươi đẹp, hớn hở thế nào chứ? Rồi một vài trường hợp nữa tuy không quan trọng nhưng ảnh hưởng rất lớn đến tâm Yến. Một hôm, bà cụ cả ốm. Yến lo sợ quá. Cả nhà có hai mẹ con, mà mẹ ốm. Yến xưa nay lại bỡ ngỡ việc nội trợ thì làm thế nào?

Nàng ngơ ngẩn chạy ra chạy vào, rối cẳng, tựu trung vô ích. Đang ngồi với mẹ, thì ở ngoài cửa hàng người ta gọi mua:

– Cụ bán cho tôi xu chỉ tơ.

Yến lật đật chạy ra, ngơ ngác tìm khoanh này khoanh khác mà cũng không thấy mẹ để chỉ ở đâu. Phải hỏi to cho bà cụ nghe tiếng:

– Đẻ để chỉ ở đâu hở đẻ?

Bà cụ ốm yếu lại lổm ngổm dậy, lụ khụ đi ra. Trông ngoài sáng, da mặt bủng như nghệ, đến nỗi người thiếu phụ mua hàng quen, quanh quẩn ở cùng phố phải khiếp sợ hỏi:

– Sao trông cụ yếu thế?

Bà cụ cười, một cái nhếch môi hở tí răng, chứ không phải có ý nghĩa cái cười nữa, trả lời bà hàng xóm:

– Vâng, mấy hôm nay tôi mệt.

Yến nghĩ cực nhục quá. Mẹ ốm, mà mình cũng không đỡ đần được ít nào. Bà cụ lửng khửng đi vào nằm bẹp xuống tấm phản, thở hổn hển. Yến vừa thương vừa sợ. Lại còn việc bếp nước nấu nướng bữa ăn. Yến chẳng biết đâu vào đâu cả. Đi chợ thì đi đường nào? Mua gì? Giá cả thế nào? Yến nhận thấy ra mình thực là một người con gái vô ích, nếu bỏ cái tấm lòng thờ Chúa đi. Từ bé đến lớn, Yến chỉ biết có việc thờ Chúa, cầu nguyện Chúa, tư tưởng đến Chúa, yêu thương Chúa. Yến quên các điều thực tế. Giờ thì nàng mập mờ thấy mình không đủ điều kiện để sống giữa xã hội nữa, nếu một mai mẹ nàng chết đi.

Bà cụ nằm không yên được lâu. Chỉ nhắm mắt nghỉ một lúc rồi lại cố tỉnh táo nhìn con:

– Yến cầu nguyện đi, rồi đi mời bà xơ lại thăm đẻ.

Yến làm theo ý mẹ. Một chốc, bà xơ đến. Cái khăn trắng hồ cứng nhắc chụp trên đầu như một cái thuyền, áo đen lòa xòa, bên cạnh sườn lủng lẳng một chuỗi hạt có mắc trên một cái thập tự giá và một cái hình tròn bằng đồng xu có ảnh Đức Mẹ. Vị tu hành hỏi thăm bệnh, xem xét qua loa và cho mấy viên thuốc. Đoạn cầu nguyện.

Người ốm, bà xơ, cô Yến, ba người cùng kêu gọi Chúa trong những lời nho nhỏ, kín đáo, thầm lặng. Bà xơ lúc sắp ra về, nói:

– Vậy bà cứ bình tĩnh nhé. Cầu nguyện luôn luôn. Tôi cũng cầu nguyện luôn luôn cho bà chóng khỏi. Mai tôi lại thăm.

Hôm sau bà lại đến, mang quà cho người ốm. Bà cụ và Yến cảm động lắm. Nhưng bệnh không giảm, cứ liên miên, có phần tăng lên. Yến đã phải đóng cửa hàng cả ngày ngồi bên mẹ. Được hơn nửa tháng, bà cụ bảo Yến đi mời thầy thuốc, lại một lần ra phố bỡ ngỡ, như chim vào rừng. Sau Yến đến hỏi bà xơ thì bà tra ở trong quyển địa chỉ của thầy thuốc. Một y sĩ đến. Ông nghe bệnh, bảo bà cụ ngồi dậy ho thử, ông gõ lưng, gõ bả vai, nắn bụng, xem lưỡi, v.v... rồi ông nói một cách nghi ngờ:

– Có lẽ bà cụ thương hàn. Phải thử phân, thử máu.

Nói xong, ông đứng yên.

– Bẩm quan, thử phân thử máu thì phải làm thế nào?

Y sĩ tỏ vẻ hơi cáu kỉnh:

– Thử phân thử máu thì lấy phân, lấy máu đem về buồng thí nghiệm thử, chứ còn làm thế nào nữa.

Yến vội vàng nói:

– Vâng thưa quan, để xin quan lấy máu lấy phân đem đi thử.

Y sĩ trầm ngâm một lúc, không trả lời. Yến lo sợ, không hiểu thái độ ông ra sao, thì ông nói:

– Thử máu thử phân phải mất tiền, còn thuốc tiêm thuốc uống kể ra phí tổn nhiều, đổ đồng bảy chục.

Như để bênh vực mình, ông tiếp thêm:

– Đó là tôi tính rẻ một nửa tiền thôi đó.

Yến run sợ:

– Bẩm quan, nhà con nghèo, xin quan chữa giúp cho. Mẹ con có đồng nào xin đưa quan.

Y sĩ lắc đầu, cầm va ly đi ra.

Yến khóc, nhìn ông đốc tờ đi ra khỏi cửa.

Cuối cùng lại là bà xơ đến. Con người mới khéo léo sao! Đến đúng dịp quá. Lúc mà mẹ con Yến thất vọng và giận người thế gian ăn ở chẳng ra gì, thì tay sai của Chúa ở trên cao lại đến ân cần như một người chị. Bà nói nhẹ nhàng se sẽ như chim:

– Đỡ chưa, đỡ chưa?

Thế rồi cả ba người đàn bà cùng khóc. Họ thương nhau! Kẻ thì thương phận mình, người thì nghĩ thương con chiên của Chúa.

Bà xơ thấy đã chiều hôm, phải về chốn tu viện, hẹn mai lại đến. Yến ngồi bên mẹ, nghĩ đến phận mình:

– Một mai, nếu mẹ mình về với Chúa, mình ở với ai? Yến thấy rõ ràng cảnh cô lập. Đời người con gái như nàng cũng tiền của không có, nghề nghiệp cũng không, họ hàng mù mịt không biết ai, vậy nương tựa vào đâu, nếu người mẹ kia thở hơi cuối cùng. Chao ôi! Người chồng! Yến nghĩ đến lần đầu tiên trong đời nàng. Đột nhiên ý đó đến. Người chồng, như đời của bao nhiêu thiếu nữ khác, để mà nương tựa, để họ che chở an ủi những ngày mai. Yến thấy sợ, không dám nghĩ đến nữa.

Nhưng Chúa thương, bà cụ chẳng bao lâu uống thuốc rồi khỏi. Hôm bà cụ bắt đầu ra ngồi hàng, Yến mới hoàn hồn. Nhưng một dấu vết ghi lại trong tâm hồn nàng. Yến nhất quyết xin mẹ vào tu kín. Để cho đời đỡ buồn, đỡ khổ. Một thiếu nữ non mười bảy tuổi mà nghĩ thế tưởng cũng sớm già quá. Bà cụ phản đối. Nhưng Yến vững như sắt.

Thế là hai mẹ con chia lìa nhau ở giữa thế gian. Yến vào nhà dòng rất hăm hở. Bà cụ nhìn con – không phải nhìn thấy rõ, nhưng nhìn con qua những bờ tường cao ngất thẳng tắp của nhà dòng lạnh lùng và bí mật. Yến làm gì ở trong ấy? Bà cụ thấy rằng thực Yến chết ở trong sự sống hiện tại. Nó tìm một sự sống mai sau.

Nhưng Yến ở trong nhà thờ, không tưởng gì đến mẹ nữa, không tưởng gì đến chính thân mình nữa. Nàng sung sướng một cách lạnh lùng tuyệt đối, tưởng đến mối tình của Chúa bền dỗ mãi, xa xôi mãi, hiện bây giờ và về mai sau nữa ở cái thế giới vĩnh viễn bên kia đầy hương và đầy nhạc.

Trung bắc chủ nhật, số 192,
ngày 27-2-1944.

NƯỚC CHẢY CHO ĐÁ TRÔI NGHIÊNG

(Truyện ngắn)

NGUYỄN TẤT THỨ

Năm ấy khoảng chừng Nhâm Thìn hay Quý Tị gì đó – tới nay đã ngót 50 năm – được mùa lúa, được mùa bông, dân quê Nam Đàn, Hưng Nguyên đều hởi dạ. Cho nên mùa bông sợi đến, dân quê càng nhiều lạc quan. Từ làng trên xã dưới, đâu đâu cũng nhóm họp nhiều phường vải, ví hát tưng bừng. Những trang tài sắc trong quê lại được một phen đem tài ví hát ra thi thố. Phường vải nào cũng được các o sáng tác nhiều câu ví mới mẻ, nhiều tư tưởng đẹp, nhiều lời đố khó khăn. Nhưng chỉ có phường vải o Diên ở Hoàng Trù là nổi tiếng nhất. Thời ấy o Diên là một trang tài sắc của phường vải, của dân quê vùng huyện Nam Đàn. Và nếu đưa ra đánh giá trị thiên hạ thì vị tất đã đâu hơn. Những tay văn nho lỗi lạc quanh miền đều nô nức tìm tới để ví hát với o Diên.

Cụ Phan Bội Châu lúc ấy cũng chừng xấp xỉ ba mươi. Chỉ mới đậu Đầu xứ, nhưng cụ sẵn có mặt chân tài và thực học, siêu quần, khắp vùng Nghệ-Tĩnh đều khét tiếng. Thuở ấy cụ còn tên là San, sau này cụ mới đổi là Châu.

Đầu xứ San tính thích ngao du, nhiều bạn hữu.

Bữa ấy, một đêm trăng sáng vào khoảng cuối thu, Đầu xứ San cùng vài người bạn tới ví phường vải o Diên. Tiếng là đi ví phường vải chứ kỳ thực Đầu xứ San chỉ nói ra cho người khác ví mà thôi. San không lên giọng ví bao giờ. Thường người ta đi ví một vài buổi đầu, còn lạ, hay lấy áo che mặt để ví cho dễ. Nếu có bị thua cuộc bỏ ra về, phường vải cũng không nhận biết được là ai, mà nhạo báng. Đầu xứ San thì không thế. San ngang nhiên bước thẳng vào sân, đi tản bộ đầu này lại đầu kia, như ở sân nhà mình vậy. Hôm ấy, San vừa bước vào sân, phường vải đã lên giọng ví săn đón:

Dừng xa khoan kẹo ở phường!
Dáng chừng có khách văn chương tới nhà.

Rồi phường vải niềm nở hỏi San:

Mấy khi khách đến chơi nhà,
Biết tên để nữa dần dà làm quen.

Phường vải đã biết anh chàng Đầu xứ kia tên là gì rồi, nhưng cũng thử hỏi xem San trả lời ra sao. Thì đây, San xuất khẩu ngay:

Ầm ầm nổi tiếng ong san, [1]
Rủ nhau cất cánh vào ngàn tìm hoa.

Chỉ một câu ấy mà San đã lột ra cái khí phách của một kẻ trượng phu và đã nói rõ được tên mình. Hơn nữa là, có ý nói, tiếng tăm San thuở nay đã lừng lẫy nhiều rồi, giờ đây cùng vài người bạn ghé vào xóm này tìm hoa.

Thế rồi phường vải lại hỏi chỗ ở của San:

Mấy khi khách đến chơi nhà,
Chẳng hay quê quán khách đà nơi đâu?

Quê quán San thì vốn ở Đan Nhiệm (Nam Đàn), nhưng hồi ấy San lại làm nhà tại Chợ Đồn (cách Đan Nhiệm hai cây số). Phía trước nhà San có Lam Giang, phía sau có Hùng Sơn (Đụn Sơn). Thường khi ở nhà, San hay đọc sách và họa đàn với vài người bạn đồng chí. Cho nên San đã trả lời:

Trước Lam Thủy, sau Hùng Sơn,
Nhà nào đọc sách, gảy đờn – nhà anh.

Người ta còn nhớ một đêm trăng đẹp như đêm này, Đầu xứ San cùng ba người bạn đồng liêu: Nguyễn Bá Đôn, Trần Duy Lương, Vương Thúc Quý, ba ông này cũng đã đậu Đầu xứ và đều thông minh lỗi lạc như San và cũng quê quán tại Nam Đàn tới ví phường vải Ngọc Đình. Bốn chàng vừa bước vào sân, phường vải đã nhận biết là bốn tay danh sĩ của Nam Đàn rồi, nên phường vải liền hỏi vắn tắt một câu để xem bốn chàng trả lời có tài tình không:

Bốn chàng quê quán nơi đâu,
Xin tường danh tính để sau khuyên mời?

Thời ấy, bốn tay Đầu xứ này đều nức tiếng khắp vùng (sau này đều đậu đạt cao), cho nên người ta thường gọi bốn chàng là "Nam

---

1. Ong san tức là ong san tổ.

Đàn tứ hổ". Cứ câu ví của phường vải thì khó trả lời cho trôi. Vì phải trả lời một câu làm sao cho đủ quê quán cùng tên cả bốn người. Nhưng Đầu xứ San không cần suy nghĩ, San ứng khẩu tức thời:

Nam Đàn tứ hổ là đây,
San, Đôn, Lương, Quý một bầy bốn anh.

Chỉ một câu mà vừa hách hãn, vừa vui đùa, đầy đủ cả bốn tên cùng quê quán! Cái tài đối đáp của San đã làm cho nhiều phường vải phải khét tiếng. Cho nên phường vải mỗi khi thấy San tới chơi thì hay ví những lời đố, lời hỏi khó khăn để thử thách cái tài ứng đối của San:

Độc đạo Nam thành chí Bắc thành,
Thiên trung bán nguyệt điểm tam tinh.
Tam nhân đồng tọa ngưu vô giác,
Nhất điểm tam hoành dữ khẩu thanh.
Chàng mà giảng được thiếp xin theo hầu.

Ấy là phường vải đố San nếu giải được bốn chữ gì ở bốn câu thơ kia thì phường vải sẽ xin theo hầu San. Với người khác thì phải suy nghĩ nhiều, chứ với San thì dễ như ăn một chiếc bánh. Phường vải vừa ví dứt lời, San đã giải ngầm trong bụng như thế này:

Độc đạo Nam thành chí Bắc thành nếu không là chữ *nhất* thì còn là chữ gì nữa.

Thiên trung bán nguyệt điểm tam tinh thì rõ ràng là chữ *tâm.*

Tam nhân đồng tọa ngưu vô giác, không cần dàn xếp lôi thôi cũng biết là chữ *phụng.*

Nhất điểm tam hoành dữ khẩu thanh thì rõ ràng như viết trên trang giấy một chữ *thỉnh.*

San đã giải ra bốn chữ: *Nhất tâm phụng thỉnh* nghĩa là một lòng kính mời. Thế là phường vải tỏ lời thích mời San. San đã vui vẻ tiếp khẩu ngay:

"Nhất tâm phụng thỉnh" ơn nàng,
Một lời ghi tạc đá vàng thủy chung.

Phường vải đều cất tiếng khen rang rảng:

Văn hay thật thậm là giòn,
Son tàu bút thủy khuyên tròn mười khuyên.

Rồi phường vải lại cất tiếng hỏi San:

Đồn chàng là bậc văn nhân,
Ba năm sinh một tháng nhuần là sao?

Học lực mà không tinh thông thì khó trả lời cho nổi câu này. Vả chăng, dầu có thông hiểu về thiên văn, thời tiết đi nữa thì cũng phải làm sao cho gọn ý vào một câu lục bát. Mọi người có mặt hôm ấy đều phải lắc đầu. Riêng Đầu xứ San là tỏ ý khinh thường câu hỏi. San rít một hơi thuốc lào rồi mỉm cười trả lời:

Thiên thời độ số cũng vừa,
Vì chưng đó thiếu đây thừa nảy ra.

Thật là tài tình mà cũng thật là hợm hĩnh! Mọi người vừa cảm phục tài San, lại nghĩ tới cái nghĩa hợm hĩnh của câu ví *Vì chưng đó thiếu đây thừa nảy ra* mà phải bóp bụng cười bò làm các o phường vải càng thêm e thẹn.

Theo phép ví phường vải, đã dùng được một câu văn tài tình bay bướm thì phải để lời khen. Thế là phường vải lại cất tiếng khen rang rảng:

Ý hay từ lại dịu dàng,
Tài này đáng giá ngàn vàng chẳng sai.

Phường vải nào được San ứng họa lời với, thực là một cái duyên hãn hữu. Vì San thường chỉ thích đi để nghe ngóng lời ví hát của mọi người như kiểu Chu Công bên Tàu đi khắp thiên hạ để nghe ngóng, lượm lặt những lời ca hát của dân quê. Chỉ khi nào cao hứng vì thấy có phường vải nào có những câu ví xuất sắc thì San mới chịu họa lời. Có một bận, San ghé chơi phường vải Ước Lệ. San thấy các cô phường vải này có phần nhan sắc và lả lơi mà lời ví lại chẳng có gì là hay ho, ý tứ, nên San cáo từ ra về. Phường vải thấy mình nhan sắc, nhiều kẻ tới lui, sao anh chàng Đầu xứ này lại chán nản ra về, liền ví kháy San:

Tần cung mỹ nữ tam thiên,
Bái Công năng bất thùy diên dã hồ.

Chẳng là lúc bại được nhà Tần, Bái Công đi vào Tần cung, thấy trong đó ba ngàn mỹ nữ nhởn nhơ. Bái Công bèn ở lại Tần cung quên chuyện về đất Hán. Phường vải đã mượn cái tích đó mà làm câu ví, ý nói: *Nơi cung điện vua Tần có những ba ngàn gái đẹp, chắc là Bái Công cũng nhỏ nước miếng ra nhiều lắm, chứ chi?.* Thế là phường vải

muốn ngụ ý rằng: Đầu xứ San thấy các cô phường vải đẹp thế kia, chắc cũng thèm lắm, còn giả bộ ngủng nghỉnh ra về làm gì?

Buộc tình, San không hiếu sắc như ai.

Tần cung phàm thử lệ xa,
Sở dĩ vong dã công hà dũng yên.

Chẳng là Bái Công mê nữ sắc nơi Tần cung, quên đường về đất Hán. Sau có Phàn Khoái và Trương Lương sang tận Tần cung bàn mãi, rồi cuối cùng Trương Lương phải nói đến lời này: Tất cả những thứ xa hoa tráng lệ cùng sắc dục ở đây đã làm cho nhà Tần phải mất nước, Bái Công lại còn vui lòng dùng những thứ đó nữa hay sao? *Phàm thử xa lệ chỉ vật giai Tần chi sở dĩ vong dạ, Bái Công hà dũng yên* (Hán Cao Tổ).

Cho nên San đã mượn lời đó làm câu ví để ngụ ý với phường vải: Những thứ xa hoa tráng lệ ấy chỉ làm người ta bại vong đi thôi ông màng vào!

Các cô phường vải đã biết San là người như thế nào rồi, nhưng cũng cố chòng nghẹo để làm xiêu lòng San:

Muốn cho trước giếng sau chùa,
Chẳng yêu ta cũng bỏ bùa cho yêu.

Đã không hợp ý tâm đầu thì làm sao có thể xiêu lòng San cho được. San đã thẳng thắn trả lời:

Khi nào rau diếp làm đình,
Gỗ lim làm ghém thì mình lấy ta.

Tưởng rằng các cô phường vải kia nghe lọt câu ấy thì không còn lòng dạ nào mà nói với San nữa. Thế mà các cô vẫn không ngã lòng:

Trách người quân tử cơ cầu,
Gặp nhau chi để mối sầu tơ vương.

Mối sầu giả tỉ có tơ vương đến các cô thì cũng tự trời, Đầu xứ San có bận tâm đến điều ấy đâu! San đã trả lời câu cuối cùng:

Khi nào đông hải có cầu,
Anh qua anh gỡ mối sầu cho em.

Nhưng ta chớ vội bảo Đầu San là sắt đá, không có tình cảm, không ưa đùa nghịch. Sở dĩ San ít ví hát và chưa yêu cô phường vải nào là vì chưa cô nào có một tài hoa xuất chúng đó thôi. Phải có cái đinh toàn thép mới đóng thấu cây gỗ cứng! Phải có một mồi lửa cho

già mới làm nao được lòng quánh, thì cũng phải có một cô phường vải tài sắc như o Diên mới làm xiêu lòng, bận trí được anh chàng Đầu xứ họ Phan.

Thế rồi bữa này, bữa khác, Đầu xứ San đi ví phường vải o Diên. Cho tới một buổi tối sang đông, trời lạnh lẽo, San đã chịu khó lặn lội trên con đường nhỏ bùn lầy từ Chợ Đồn đến Hoàng Trù – chỗ có phường vải o Diên – vừa vặn mười lăm cây số. Tối hôm ấy, người tới ví cũng đông, nhưng ngoài Đầu xứ San ra còn có một ông Tú Mền (đậu ba khoa tú tài) ở Thịnh Lạc là đáng kể. Ông Mền này, cũng chết mệt vì Diên. Cho nên phường vải o Diên ví đùa ông Mền:

Ba lần chăn ấm gối êm,
Làm chi sương cưỡi khuya đêm lạnh lùng!

Ông Mền hiểu ý phường vải nói mình đã đậu ba khoa tú tài rồi, đêm hôm khuya khoắt còn lần mò đi ví phường vải làm gì cho thêm sương cưỡi! Nhưng chữ tình trót đã vướng rồi, dầu cho ta cách chín lần núi, mười khúc sông, mưa to gió lớn cũng chẳng làm sao! Thôi thì cái thân danh sĩ cũng đành coi nhẹ với tình. Ông Mền bèn trả lời:

Vì chưng đã lỡ ra rồi,
Đem thân danh sĩ mà nhồi tuyết sương.

Lời ví thực cảm động. Lòng Diên chắc cũng xao xuyến ít nhiều. *Nhưng khốn nỗi,* còn có một bậc danh sĩ khác – Đầu xứ San – cũng đương đem thân nhồi với tuyết sương vì Diên! Diên biết ăn nói làm sao? Thế rồi Diên lên giọng ví hỏi San:

Nghe chàng là bậc tài danh,
Sao mà mắc lấy chữ tình chi đây?

Phường vải ơi! Đó chẳng qua là một việc thường của thế gian.Người nào giàu về trí, tất nhiên cũng sung về tình. San bèn trả lời Diên:

Xưa nay những kẻ ngang tàng,
Tài bao nhiêu ấy tình càng bấy nhiêu.

Nhưng ái tình dầu có mạnh thế nào đi nữa vẫn không thể thiên bát được chí lớn của người dũng sĩ.

Cuối mùa đông năm ấy, chàng dũng sĩ họ Phan tháo gánh gia đình để lại một bên, dẹp lửa ái tình vào một chỗ, mạnh bạo bước lên đường, thả tầm mắt ra xa ngoài ngàn trùng sông cuốn, mây trôi...

Nước chảy cho đá trôi nghiêng...

Từ đấy dưới gian nhà lá Hoàng Trù, cô phường vải tài hoa sống những ngày thầm lặng với vườn dâu, ruộng lúa, ao bèo.

*

* *

Khi chép xong đoạn truyện trên đây, tôi liền mang bản thảo tìm về tận chỗ bà nhân ngãi của cụ Phan ngày xưa – o Diên – để đọc lại cho bà ấy nghe một đoạn đời xuân mộng của bà đã khuất mờ trong dĩ vãng. Làm như thế là tôi đã sẵn có một ý định tìm kiếm thêm một chút tâm cảm của nhân vật chính trong truyện. Tôi tìm về thăm bà lão ấy nhằm một buổi chiều hè nhạt nắng, rặng tre đưa kẽo kẹt như muốn ru những tâm hồn vào một giấc mộng bàng hoàng thanh thoát. Mái tóc bà lão ấy đã bạc óng lên như dải mây trắng mơn man trên vòm trời xa. Hẳn rằng mái tóc này xưa kia đã xanh nuột như tơ nhung và xỏa xuê lên trên chiếc gáy nõn nà như một nụ hôn thấm đượm. Nhất là cái dáng điệu lặng lẽ yên nhiên của bà lão càng khiến tôi thấy được nhiều đức nhu mì, trung chính của bà đương thời mười tám đôi mươi. Tôi ước tưởng thêm lên rằng: giữa thời xuân mộng, cái miệng ấy không cần cười cũng tươi như búp hoa hiên, đôi mắt ấy không lẳng lơ nhưng mà thùy lệ vô cùng. Nhan sắc đã thế, lại thêm vào một cái đức, cái tài thì làm gì cụ Phan mà chẳng phải mê phải mệt!

Nghe tôi đọc xong câu chuyện, bà lão ấy ngồi lặng người đi như nín thở – có lẽ bà đương đi sâu vào dĩ vãng. Một hồi lâu, tôi chợt thấy hai bên khóe mắt bà lão có ngấn lệ, rồi những ngấn lệ ấy kết thành một chuỗi từ từ lăn trên gò má nhăn nheo. Bà lão liền cúi xuống đưa chầu áo lên mặt và nói bằng một giọng run run:

– Mù lòa già cả rồi, nước mắt nước sống thường khi vẫn chảy luôn...

Hôm ấy, bà không nói gì với tôi. Nhưng ít hôm sau, tôi lại đến thăm bà và được bà ngồi dựa mình trên cửa sổ chấn song, trước một bát nước chè xanh quyện khói, chiếc quạt mo phe phẩy, kể cho tôi nghe những mẩu ân tình của bà cùng cụ Phan thuở trước mà bà gọi là ngày sơ.

– Ngày sơ, cụ Phan là một nhà Nho xinh trai, tài bộ, chữ tốt, văn hay, đàn địch giỏi. Gia dĩ tâm tình lại hoạt bát vui vẻ vô cùng. Bao

nhiêu con gái quanh miền đều phải ngây ngất say sưa. Đó là họ còn chưa thể đoán trước được cụ sẽ là một bậc chí sĩ của nước nhà...

Nói tới đấy, bà lão ngừng lời như còn chờ tôi có hỏi thêm thì bà mới kể tiếp. Tôi phỏng đoán như vậy, nên tôi thêm lời:

– Thưa bà, cụ Phan tài bộ, cái đó đã dĩ nhiên đi rồi. Nhưng còn như xinh trai thì tôi thiết tưởng cái trán mà hói lên quả xoáy tóc thì cũng khó xinh một chút.

Bà lão không trả lời tôi vội, cười lạt. Cái cười của bà như hàm một ý nghĩa khinh thường cái nông nổi của tôi. Bỗng dưng tôi thấy thẹn. Bà lão thong thả nói chiết từng tiếng một như để giảng cho tôi nghe:

– Thuở trước khác với bây giờ! Những người tai to, miệng lớn, trán cao đều được kể là xinh trai. Chứ không phải cái gì cũng nhỏ cũng xinh mà được kể là xinh trai như bây giờ đâu!

Thế rồi tôi trở hướng câu chuyện để được đi sâu vào dĩ vãng của bà cùng cụ Phan. Và được bà kể cho tôi nghe tất cả những đêm trăng thanh gió mát có tiếng tre đưa kẽo kẹt, có giọng hát ví văng vẳng quanh làng, cùng những đêm đông lạnh mưa dầm mà những kẻ đèo bòng phường vải đã phải "lặn lội oi nước", đã phải "đem thân danh sĩ mà nhồi sương".

– "Những câu ví giữa tôi và cụ Phan thuở trước thì nhiều lắm, tới nay còn làm sao mà nhớ cho hết được. Họa chăng người ta còn truyền tụng thì cũng những câu như ông đã chép vừa rồi. Đây tôi kể thêm ít câu mà tôi và cụ Phan đã ví với nhau giữa những đêm chia tay.

Ra về có nhớ em không,
Hay là vui thú vườn hồng quên đi?

Sở dĩ nói đến "vườn hồng" là tôi còn muốn ngụ ý đến một phường vải bên chợ Hồng. Chẳng hồi ấy cụ Phan thường cũng có ghé ví hát tại một phường vải bên chợ Hồng nên tôi muốn rằng cụ đừng mảng vui với thú phường vải chợ Hồng mà lãng quên phường vải Hoàng Trù. Thế rồi, muốn vừa lòng tôi, cụ Phan đã ví trả lời:

Ra về nhớ lắm em ơi,
Nhớ duyên em nói, nhớ lời em thưa.

Thế rồi, tôi lại ví tiếp với cụ Phan:

Ra về dặn bớt tương tư
Bớt thương, bớt nhớ kẻo hư thân mình.

Và cụ Phan đã trả lời:

Ra về dặn ngọc thề vàng,
Duyên càng thắm mãi, dạ càng nhớ lâu.

Nhất là cái đêm chia tay cuối cùng. Cái đêm mà ông Tú Mền đã phải ví đến câu:

Vì chưng đã lỡ ra rồi,
Đem thân danh sĩ mà nhồi tuyết sương.

Cái đêm ấy, giữa lúc đương cùng nhau ví hát vui vẻ, cụ Phan bỗng cáo từ ra về... và không ngờ từ đó cụ đi luôn mãi mãi. Tôi không thể phỏng đoán trước như thế. Tôi chỉ thấy rằng hiện lúc đó đương cùng nhau ví hát vui vẻ mà cụ Phan bỏ ra về thì tôi liền ví:

Tiệc đương vui vẻ lạ lùng,
Cầm đàn há lẽ để chùng dây tơ!

Và cụ Phan đã trả lời:

Vì chưng dặm liễu xa xôi,
Cung đàn, tiệc rượu ngừng thôi hẹn ngày.

Tôi lại lưu luyến bằng một lời khác:

Lời vàng đá, dạ sắt son,
Mời chàng nỉ nước, nỉ nọn khoan về.

Cụ Phan lại trả lời:

Đá vàng đã quyết trong đời,
Dầu về cách trở mà lời vẫn chung.

Đêm ấy gió tây thổi lạnh ghê người, cụ Phan bỏ ra về, đường xa sương gió, tự nhiên tôi thấy mủi lòng thương, nên tôi liền ví:

Ra về phứt phứt gió tây,
Ngại tình giao viễn dạ đầy nhớ thương.

Cụ Phan liền trả lời:

Ra về lòng nhớ dạ thương,
Cho mình quên cả tuyết sương lạnh lùng.

Rồi cứ lời này tiếp lời kia, tôi và cụ Phan đối đáp nhau mãi cho tới khi cụ Phan về tận ngoài xa còn nghe rõ giọng ví của nhau mới thôi.

– Ra về thiếp núm lấy tay,
Kẻo mà gió thổi, sương bay, tuyết lầm.
– Ra về khôn nỡ rời tay,
Nửa giờ ly biệt xem tầy ba thu.
– Ra về rót chén đầy vơi,
Tỉnh thời thương nhớ, say thời chiêm bao.
– Ra về dặn nước thề non,
Dầu mà sông cạn đá mòn chớ phai.
– Ra về lòng nhớ dạ thương,
Cho mình quên cả gió sương lạnh lùng.

Từ đó, đêm này qua đêm khác cho tới khi phường vải giãn mùa, tôi ngóng trông đã mòn con mắt mà vẫn không thấy cụ Phan trở lại... Ông ạ, lòng người ai mà chẳng nhớ, chẳng thương...".

Thế là bà lão đã thổ lộ chân tâm cùng tôi. Mà bà lão không thổ lộ chân tâm cùng tôi thì tôi cũng luận biết được tài tử mà gặp giai nhân thì lẽ nào lại không thương nhớ tới nhau. Vả chăng, không nhớ thương nhau thì sao o Diên lại phải ví đến câu:

Ra về lòng nhớ dạ thương,
Cho mình quên cả tuyết sương lạnh lùng.

Mà đã nhớ thương nhau như vậy thì sao lại còn có chuyện xa nhau. Ấy cũng chỉ vì *Nước chảy cho đá trôi nghiêng...!*

Hòn đá kia ở giữa dòng suối, nếu nước không chảy mạnh thì hòn đá vẫn ở bên chỗ cũ, không hề trầy mòn sứt mẻ. Cũng như chàng danh sĩ họ Phan đương ở trong lũy tre xanh, đương vui thú với phường vải, nếu không có một tâm trạng khác người xô đẩy thì việc gì mà phải bỏ đi xa xôi cách trở, cho nhớ cho thương! Nhưng mà vì dòng nước kia chảy mạnh nên hòn đá nọ mới phải trôi nghiêng. Đó cũng là do sự đời giết chết lòng người, hai là do lòng trời giết chết lòng người, ba là do lòng người giết chết lòng người. Nhưng, người chết mà chí người còn, lòng người chết mà tình người còn.

Nước chảy cho đá trôi nghiêng,
Chàng vui chung thiên hạ, thiếp sầu riêng một mình.

Đó là lời than thở của o phường vải Hoàng Trù trong những ngày ngóng trông chàng danh sĩ đi mãi không về vậy.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 461,
ngày 15-5-1943.

NGÀY GIỖ CHA

(Truyện ngắn)

NGUYỄN VĂN XUÂN

Ông Cửu lại mở tủ. Ông cầm hai đồng bạc cuối cùng dành để lo sắm đồ vặt loàng xoàng vào ngày giỗ cha ông lên một lần nữa. Ông vê vê nó trong hai ngón tay, nhìn nó một cách khó hiểu như muốn biết nó có còn mang sự bí mật nào trong lòng nữa không. Một lát ông lại ném nó vào chỗ cũ, đẩy mạnh cánh cửa tủ và bước lại cạnh bộ phản đặt ở căn giữa, ngả lưng xuống: "Mặc kệ, nghỉ một năm cũng được".

Ông thở dài. Bà Cửu ngồi vá áo ở trên giường gần đấy khẽ ngẩng lên nhìn ông một lát, giọng thong thả nói như nhắc lời chồng: "Phải, nghỉ một năm cũng được, ông ạ".

Ông Cửu đang nằm bỗng ngồi nhỏm lên, hỏi lại vợ:

– Bà nói sao?

– Tôi nói như ông. Mình cứ nghỉ một năm đi.

– Nghỉ một năm. Bà nói hay quá. Này, bao nhiêu là cái bất tiện, nghe.

Ông dừng lại, và tuy không giải nghĩa, cả hai cùng nghĩ ngay đến cái giá trị của nhà họ bỗng dưng bị lộ ra, bị người ngoài bàn tán, chỉ trích. Một cái bộ mặt quằm quặm mà hai đường râu thành dấu ngoặc đóng hai bên mép một cái mồm sặc mùi thuốc lá – cái mặt lão Hường Quang tức thì hiện ra ngay trước mắt. Ông thấy cả ngón tay lão trỏ bảo người quanh làng: "Này xem. Nó xuống lắm rồi đó".

Bà thì nom rõ ngay đôi mắt mở tròn một cách xoi mói và đôi hàm răng đen khấp kha khấp khểnh của mụ Cửu Tung nhô ra ngoài gió để nói cạnh bà: "Hừ, lên mặt cho lắm!". Thực là sung sướng khi người ta giàu mà có kẻ địch; và không có gì khổ hơn khi có kẻ địch lúc đổ xuống nghèo. Bà nghĩ ra điều ấy, thở dài. Ông thương hại, lại nằm phịch xuống:

– Thôi mặc. Tới đâu hay tới đó. Nghỉ một năm cũng được.

Bây giờ lại tới lúc bà hỏi ông:

– Ừ. Nhưng nếu lũ cháu nó mang rượu bánh về?

– Thì cúng xong lại cho chúng. Mình dùng một cái kế nhỏ: đứa mang thức này, mình đổi thức kia. Vậy vậy... bà hiểu chưa?

– Ừ, cũng được. Chứ còn làng xã. Ngày mai họ mang lễ tới?...

Cái lễ đó chỉ là lễ riêng của chức việc trong làng. Vì trọng ông Cửu, nên năm nào họ cũng chung, kẻ ít người nhiều, mua trầu rượu và ít thức lặt vặt mang đến đi đám trước ngày giỗ một hôm. Nó đã thành cái lệ ngay từ năm ông Cửu mới lên làm lý trưởng. Và ngày giỗ cha ở nhà quê, ngoài cái ý quan trọng cho người ta biết lòng hiếu thảo, sự giàu có bền vững của mình, còn bao nhiêu ý phụ khác quan trọng không kém: trả lại những bữa cỗ khác, giữ lòng kính trọng của người dưới, đền công cho những người giúp việc mình quanh năm. *Một ngày giỗ cha, ba ngày húp nước.* Huống chi ngày giỗ của nhà ông Cửu bao giờ cũng linh đình, nên cả làng ai cũng biết rõ ngày giỗ ấy như chính ngày giỗ cha mình. Nhưng tất cả vinh dự đó mà *ông tự phụ chỉ mình với ông Tiên chỉ trong làng có mà thôi – bây giờ trở nên cạm bẫy. Ông thấy nó phiền phức lạ lùng. Chẳng lẽ người ta* mang lễ đến vì lòng kính trọng, mình lại lạt lẽo đến không mời người ta được một tiếng ư? Nhưng nếu mời? Ông buồn rầu nghĩ đến những món nợ chưa vỡ lở, sự sa sút ngấm ngầm và dữ dội trong gia đình mình từ đầu năm nay. Trước kia, ông cố giấu giếm và ông vẫn tự cho mình cao cờ, đã làm cả một vùng phải lầm lạc; bây giờ ông thấy mình đã ngu muội đem giấu giếm sự sa sút đó đi. Nếu ông cứ để cho người ta biết, đã chẳng chuyện gì mà lại khỏi có điều lo lắng bực dọc hôm nay.

Càng suy nghĩ, lý luận, ông càng như bị vây vào trong một tấm lưới rắc rối, chật hẹp mà cái lý lẽ duy nhất là tiền thì vẫn không làm sao giải ra được. Ông thấy mình làm một chuyện quá vô lý, ông bèn thở ra thật mạnh, cái thở của người đã trút được gánh nặng:

– Thôi mặc kệ. Không đãi đằng gì cả, bà ạ.

Bà Cửu lo lắng hỏi:

– Rồi làng tới, tính sao?

– Còn sao nữa! Nếu họ mang rượu đến, mình sẽ mời họ uống rượu, ăn trầu. Lơ đi một năm, ai biết đấy là đâu?

*

* *

Chiều hai mươi lăm tháng năm. Những năm trước, ngày ấy vui vẻ tưng bừng bao nhiêu vì là ngày tiên thường. Nhưng năm nay, ông Cửu chỉ treo cái quần bàn, một tấm nghi môn ở giữa nhà, không chưng dọn bàn ghế, hoa lá, liễn đối gì cả. Trẻ con chờ lấy bong bóng heo để làm banh đá chơi lấy làm lạ là đã bốn giờ chiều mà Thập Sáu, người làm heo vào những ngày giỗ tết quanh năm, vẫn chưa thấy mang củi ra.

Ông Cửu ngủ trong buồng chái trên. Ông ngủ một cách mệt mỏi sau mấy giờ thao thức, suy nghĩ rất có hại cho sức khỏe vốn không được tốt của ông. Bỗng thằng Du chạy vào, lay chân ông, rối rít gọi:

– Thầy ơi! Làng tới.

Ông định bảo nó ra nói dối là ông bị cảm. Nhưng sợ rồi có người lại vào sờ nắn tay chân, ông đành đứng lên, lấy cái áo đen khoác vào mình, đặt chiếc khăn đóng lên đầu rồi đi ra. Hương Xu vừa thấy đã cười nịnh:

– Cha! Thầy Cửu lo việc trông mệt nhọc lắm. Thầy không nghỉ cho khỏe.

– Thầy Cửu!

– Chào thầy Cửu!

Tiếng nói, giọng cười của những kẻ đang dọn bụng để đợi bữa ăn ngon lành đầy thịt heo ở ngày mai có vẻ gì xảo trá, nịnh nọt nghe thực dễ ghét. Ông Cửu gượng cười, chào mọi người, mời ngồi uống nước nói chuyện.

Ông Cửu Sử, người lớn tuổi nhất trong bọn hương chức uống một chén nước, nói vài câu chuyện, ho khan vài cái và trịnh trọng đứng lên. Ông nhìn ông Cửu, nhìn mâm trầu cau đặt kèm đôi chai rượu để giữa bàn rồi nhìn ông Cửu. Đưa một tay lên gãi tai như quan, ông nói mấy tiếng không kém cử chỉ:

– Thưa thầy Cửu, ngày mai đây là ngày giỗ cụ, anh em gọi là có chút lễ mọn, lòng thành.

Ông lí nhí thêm mấy tiếng sau không ai nghe rõ và cũng không ai cần nghe rõ, vì ai cũng hiểu ông định nói gì rồi, thì ông Cửu đã vội

vàng cám ơn lia lịa và lấy bình pha thêm trà vào chén ông Cửu Sử. Ông Cửu uống rất chậm rãi, cố nghĩ một câu thực khéo léo để khỏi phải mời bọn họ. Có lúc ông muốn đứng lên, thực hành cái ý định của mình, nghĩa là cứ lấy rượu của làng rót mời làng. Nhưng ông thấy cái cử chỉ đó chướng quá. Ông thong thả chờ các ông kia uống nước xong, đứng lên định cáo từ (thường lệ ông cũng mời vào hồi ấy), ông mới lại gãi tai, và cất cái giọng cứng và quả quyết hơi run run:

– Thưa với làng, mai đây là ngày kỵ thầy tôi...

Vừa nói đến đây, ông thấy tất cả những con mắt đói mềm rất chắc chắn được no bụng ngày mai ấy đang hí hửng bỗng biến màu, mở rộng ra để ngạc nhiên mà những cái miệng mới nói những lời đẹp đẽ kia sẽ phun toàn lời nghi hoặc, bàn tán rất có hại cho giá trị nhà ông. Ông không đủ sức nữa:

– Vậy xin rước làng ngày mai đến uống rượu với tôi cho vui.

Ông nói xong, ngạc nhiên là mình đã nói xong câu ấy. Và lúc đưa làng ra cổng rồi, trở vào thì đã thấy bà đứng nhìn mình với đôi mắt khác hẳn, xa lạ, và hỏi ông với một giọng thực kỳ quặc:

– Kìa, ông nói sao?

Ông lắc đầu:

– Thôi, còn làm sao được nữa, bà. Không phải là tôi lỡ lời đâu.

Ông yên lặng, mang bộ mặt buồn nản của mình vào buồng chứa đồ đạc. Bà Cửu đi theo. Ông mang ra một cái chảo đồng, hai cái nồi mười, một bộ ngũ sự bằng đồng đỏ. Bà lặng lẽ đỡ lấy, đặt nó lên bộ phản để cạnh đấy, lấy mấy tấm áo rách lau những chỗ bẩn. Ông để bà làm việc, đi xuống nhà dưới gọi người con trưởng lên, nói thầm với con như sợ ai nghe tiếng:

– Con đem mấy món đồ này xuống phố, lại bà Thông Mười cầm lấy cho cha hai chục.

Người con nhìn cha, dạ chậm rãi. Vốn quen vâng lời cha, anh không cần hỏi lại nữa, chạy ra gọi một chiếc xe kéo.

Bà Cửu đi tìm mấy sợi lạt buộc cẩn thận những cái quai nồi vào xe trong lúc ông dặn dò con những món đồ cần phải mua. Người con đi rồi, ông cho gọi Đoàn Kiêm và anh Dư đến để sai đi mời những người quen thuộc. Ông dặn đi dặn lại mãi câu này như sợ họ quên mất:

– Thôi thì năm nay nó cũng khó mua, khó sắm, các anh cũng biết, các anh chỉ nên bắt cho tôi những con cá lớn, thiệt lớn thôi. Còn cá vừa, cá nhỏ mình để sang năm khác.

Nhưng hai người được sai đi mời chỉ dạ cho có chừng. Ừ thì bắt cá lớn. Thế còn những bạn bè, cha chú, vây cánh của họ, những người mà họ chịu ơn, mà họ biết không có cách gì trả khác hơn là những người giàu có trong làng trả hộ bằng những dịp như dịp này mới tính sao? Trong làng vốn đến ngày giỗ tết, ai cũng là bà con cả. Họ dại gì không lợi dụng?

*

*   *

Sáng hôm sau, đám giỗ đã xong xuôi từ năm giờ sáng. Những bà con thân thuộc đến làm giúp cỗ bàn đều được đãi đằng, ăn uống trước để họ lo làm giúp cho nhanh. Gần nửa buổi sáng, Đoàn Kiêm và anh Dư cũng đã trở về mang theo với họ một con số năm mươi người ăn cỗ. Đó là các anh đã có lựa chọn. Mọi năm thì đến gấp hai hay hơn nữa.

Ông Cửu, vẫn dáng điệu dễ dãi, trầm mặc gật đầu nói:

– Ừ, cũng được. Và đi luôn ra sau tìm bà. Bà Cửu nhăn mày:

– Tôi chỉ trù có dưới ba mươi người thôi. Làm thế nào?

Ông đi vào, bỏ mặc bà đứng thừ ra đấy. Bà biết bấy giờ đã lỡ chân rồi, khó mà bấu víu vào đâu. Ở nhà quê, không gì khó chịu bằng cho người ta ăn một cách lôi thôi, không có thịt. Thôi thì họ nói xa, nói gần chỉ nhắc toàn những bữa ăn mà các nhà giàu đã đãi họ.

– Chẳng thà không. Đã làm thì cho ra làm.

Người đàn bà đáng thương đi vào. Bà móc túi đếm còn đúng năm đồng, số tiền cầm đồ còn lại để chi dụng những ngày sắp tới, đưa cả cho người con trưởng, nói rất nhỏ:

– Con thuê cái xe đạp xuống phố mua thêm năm cân thịt và ít rau đậu. Mau đi.

*

*   *

Mãi đến hai giờ chiều, khách khứa mới về hết. Bà Cửu lo thu vén những món ăn thừa thãi lại; bánh trái còn thì bà chia cho các cháu. Mỗi người bà con ra về đều mang theo một gói nhỏ kèm lủng lẳng bên cạnh miếng thịt heo.

Đoàn Kiêm, anh Dư và mấy người khác lo quét dọn nhà cửa, trả bàn ghế. Bọn đàn bà rửa chén, đĩa ở sau giếng. Tiếng cười nói lẫn với tiếng những con chó tranh nhau đồ thừa rộn cả góc vườn. Bỗng có ai nói cạnh đấy bên kia bức tường:

– Cỗ bàn năm nay mà dọn thế này thì thực trên ông Hường Quang cũng không bì nổi.

Bà Cửu nhận ra tiếng thằng Tương. Liền đó, tiếng Đoàn Kiêm đáp lại:

– Trên ông Hường ấy à? Có mà độn rau cho nhiều!

Bà Cửu đột nhiên thấy nhẹ đi nỗi buồn đè nén trong lòng bà. Lời khen không đâu của người vô giá trị đó thắp lên một chấm ánh sáng mỏng manh giữa những nỗi lo phiền u tối. Bà vừa nghĩ rằng, cùng với bữa tiệc hôm nay, tiếng khen sẽ bay đi khắp làng, và sự giàu có, sự bền vững của gia đình bà vẫn chưa thể nào bị một cái miệng người ngoài xâm phạm được.

Tiểu thuyết thứ bảy, số 467,
ngày 26-6-1943.

NGÀY CUỐI NĂM TRÊN ĐẢO

(Truyện ngắn)

NGUYỄN VĂN XUÂN

... Lao Châm nay đã gần miền,
Hòn Khô, hòn Lá đã liền hòn Tai.
Năm hòn đứng đó không sai,
Hòn Lụi, hòn Dài lố xố nên vui.
Ngó vô cửa Đại, thương ôi,
Hòn Nồm nằm dưới mồ côi một mình...
(Bài hát về những hòn đảo của
người đi ghe từ Huế vào Nam Kỳ)

– Đi ra mừng xâm, dì hè!

– Chị đi trước đi. Tôi còn coi nồi bánh một chút rồi ra ngay đó.

– Ờ mà răng cũng ra sớm sớm nghe. Bữa ni ghe về sớm lắm. Coi thử có con cá chi ngon đem về mà làm cho kịp rước ông bà.

Bà Hương vừa nói vừa đi ra cửa. Chị Nguyện nhìn theo, nói đùa:

– Chớ muốn ăn tai răng mà không đi.

Chị thong thả đẩy củi vào bếp và xoa hai tay trên lửa cho ấm. Trời mưa luôn mấy ngày, hôm nay mới hửng nắng. Màu nắng mới vàng nhạt trải nhẹ trên lá cây, chỉ nhìn thấy cũng đã đủ vui lòng. Những thân cây trắng mốc dưới màn lá xanh như mới sơn còn ẩm ướt, sáng loáng lên như giát bạc. Gió hiu hiu rất khẽ chỉ đủ làm rung rinh mấy chiếc lá non và đổi hướng mấy con bướm đang bay phơi nắng.

Đột nhiên chị thấy rộn trong lòng: có những tiếng rít lên từ trong rừng, sau nhà, đưa tới. Chị nhận ra ngay tiếng kêu của loài khỉ bị mưa giam trên núi mấy hôm nay, thấy nắng hửng lên, nên kéo nhau xuống vườn, ruộng, kiếm hoa quả ăn. Tuy thế chị cũng đứng lên, đóng cánh cửa sau lại rồi rút một cây hương châm lên cắm cạnh bếp lửa thế cho cây cũ sắp tàn để đo chừng sức chín của bánh tắc, bánh tổ trong cái nồi mười.

Cảm giác rờn rợn ấy giữ lại lâu lâu trong lòng chị và làm chị băn khoăn nghĩ ngợi. Sống ở đây một năm trời, chị vẫn chưa quen thân hẳn với cảnh vật và không khí bọc quanh mình. Chị có cảm tưởng như kẻ sống lẩn lút hay sống nhờ để chờ đợi một ngày mai tốt đẹp không bao giờ tới được.

Bởi thế, những đêm không trăng không sao, nhìn ra biển khơi mịt mùng, nghe tiếng sóng gào từ xa xa, tận chân trời nhìn thấy từng hàng lửa chài ném ánh sáng thẳng tắp trên mặt nước như thành phố nào dựng trên bờ biển, hay nghe bên nhà tiếng khóc thê thảm của người vợ mất chồng, một lũ con mong ngày mong đêm không thấy cha về, chị lại cảm giác như mình mới lạc loài vào một nơi xa lạ. Cùng một lúc, những điều kì dị vẫn hằng ngày đến trong cuộc sống chung quanh đã làm chị ghê rợn, giờ lại sống lại trong lòng. Cuộc sống chung quanh nó to lớn quá nhưng cũng mong manh quá chừng, cuộc sống của những người dân chài sống hôm nay và không biết số mệnh ngày mai sẽ dắt tới đâu.

Ở nơi hẻo lánh này, cái chết thường đi nên không còn làm ai khủng khiếp nữa, cho dù là cái chết thế nào. Và vì vậy, trong những nhà giàu cũng như nghèo, người ta luôn luôn mua trữ sẵn hòm săng hay những tấm cót tre để mỗi lúc có người nhà chết thì đem ra. Đảo chơi vơi giữa trời giữa nước, hằng năm bao nhiêu xác chết vô chủ trôi giạt vào bến làng. Người trong làng xem như một sự may mắn dành cho mình, tức thì đem bọc vào trong những tấm cót như tất cả kẻ nghèo khác trong làng, kẹp chung quanh bảy cái nẹp tre (nếu là đàn ông, đàn bà thì chín nẹp) rồi đem ra chôn ở nghĩa địa trong làng.

Sống không được một tý bảo đảm nào. Một cơn giận hờn của trời đủ để vợ góa chồng, con mồ côi cha, nên họ trở nên nhút nhát trước những điều gì có ẩn một tý lạ lùng, huyền bí. Trong làng vì thế suốt năm toàn chuyện cúng tế quỷ thần và đâu đâu cũng có miếu thờ những *Ngài* mà lũ người ở bên kia bờ biển không ai rõ lắm. Họ không hay tìm tòi, bàn tán và rất rụt rè trước khi phát ra một dư luận bất thường. Tâm hồn thô sơ, thêm ít hay ăn nói, họ gần như những pho tượng biết cử động hay lũ người ở một thế giới xa lạ nào mà Nguyện ít khi gặp gỡ.

Bởi chính thâm tâm Nguyện khi chịu nghe lời mẹ lấy chồng ngoài này, chị có cảm tưởng của kẻ bước chân đi lấy chồng ngoại

quốc, cũng như trước kia chị đã lấy một người Tàu, và đất nước này chị đã tới với tất cả lo sợ nơm nớp trong lòng.

Chị sẽ không bao giờ quên được cái ngày mà chị bước chân lên chiếc thuyền của ông Hương vào cưới chị làm hầu, lúc con thuyền đè sóng lướt đi, nỗi hồi hộp lo ngại của tâm hồn xưa nay chỉ quen với đồng ruộng và phố phường, bỗng thấy hải đảo kia đi lại phía mình từ từ, to lớn, hùng vĩ, đầy màu hoang sơ. Tuy người ta đã bảo cho biết trước, Nguyện còn ngạc nhiên lúc thấy bọn người ra đón mình không có vẻ kỳ quái như đã tưởng tượng: họ cũng ăn mặc như bọn người chị vừa từ giã mấy giờ, chỉ có giọng nói hơi lơ lớ và da mặt phần nhiều đều sạm đen, song vẫn không che hết màu vàng tái của bệnh rét rừng. Họ đưa chị đi qua một bãi cát vào một ngõ xóm đầy nhà tranh lụp xụp hai bên đường, rồi đi vào cổng một căn nhà ngói kiểu xưa, rất thấp. Người vợ lớn đi sau cùng với Nguyện liền dẫn chị tách ra cổng sau. Bà bẻ một nhánh lá bên đường ném vào giữa cổng và bảo:

– Dì bước qua nhành lá ni thì không sợ chi hết. Ở đây có thấy cái chi lạ cũng đừng hỏi. Về ngoài nớ, hãy hỏi.

Chị nghe lời và đi theo vợ lớn ra sân trước. Ở đó, có một cái bàn thờ bày nhiều lễ vật. Chị được vào lạy trước hết, gọi là để ra mắt các *Ngài*, rồi cả những người bà con đi theo đưa dâu cũng lần lượt ra lạy cả.

Xong lễ ngoài sân – chị nghe đâu như lễ tam sanh – thì vào lễ bàn thờ trong nhà. Bữa tiệc hôm ấy rất linh đình. Những người đưa dâu ăn uống no say rồi cãi nhau chí chóe. Cuối cùng, lại đem cả những điều mắt thấy tai nghe quanh mình ra bàn luận đàm tiếu khiến mọi người chung quanh rất ngạc nhiên sợ hãi và can thiệp ngay. Nhưng can sao được một bọn say. Cái kết quả sau cùng rất thảm khốc: trở về quê hương có mấy tháng mà bốn người trong bọn theo nhau chết tiệt. Chỉ còn lại một người dượng và một bà cô của Nguyện sống sót, và lâu lâu nhắc lại cuộc hành trình kia vẫn còn nơm nớp lo âu.

Tuy có người bảo là lạ nước, vì về mùa ấy, nước khe ra độc lắm, song những người quanh vùng và chính Nguyện, Nguyện hiểu một cách khác, và do thế nàng càng thấy cảnh vật quanh mình nhuộm một màu sắc huyền bí hơn lên.

... Nguyện bỏ thêm củi vào bếp, gạt tro ra một bên rồi đi vội ra

ngoài vì nàng đoán lúc ấy thuyền đã sắp về rồi. Nàng đi nhanh theo những con đường mòn đầy đá long lở, rồi ra bến.

Mặt trời đã sắp vượt khỏi mây mờ đầy hơi nước. Bây giờ vạn vật đang nổi lên và thay đổi muôn màu: Màu xanh rực rỡ của núi gần, màu tím than của núi xa, màu tím đục của vòm trời, màu tím xanh của ngoài khơi giáp với chân trời và màu lục đậm lục nhạt, thiên thanh của biển dưới nắng vàng nhạt làm bãi cát màu vàng non càng nổi hẳn lên.

Một chiếc ghe đuổi cá do một người đàn ông đứng bơi đè sóng lướt nhanh. Tiếng đập lạch cạch rất đều của người thiếu nữ ngồi sau lái, là cái gì rất cần cho cái cảnh muôn màu rực rỡ chỉ rải rác đó đây tiếng rền rĩ của mấy con sóng bạc đầu. Chiếc ghe bị chao mạnh vì sóng to, có lúc tưởng như nó sắp đâm đầu xuống biển vì lái dội ngược lên, tiếng đập lạch cạch của người lái cũng không vì đó mà kém đều đều.

Những cánh buồm ngoài khơi bị chói nắng lên như thiếc, trên bờ biển đã hội họp người mua bán. Họ cho những chiếc ghe chở cá đang đè sóng lướt vào mạnh mẽ làm gợi nhớ cảnh chiếc tàu chiến ngày xưa. Mỗi lúc có ghe nào treo lên cột buồm một chiếc cờ đỏ, những ghe rỗi chờ sẵn vội chạy ra để kèm mua cá cho nhanh.

Từng đoàn đàn bà đứng đợi trên bờ. Vì ở đây có tục lệ nếu người chồng vào bến không thấy vợ đón thì hắn phải chạy về tìm vợ đánh cho mấy tát, vì hôm nay là ngày cuối năm, nên bọn họ đến đông đủ cả. Mỗi lúc ghe cặp bến, từng bọn lại vội vàng dẫn xuống giúp chồng.

Con thuyền của ông Hương thoăn thoắt tiến vào, rồi mũi hơi xoay qua một bên làm sức chạy chậm lại. Nguyện cùng những người nhà và vợ bạn ghe liền xắn quần lội ra. Trong ghe, những đồ nghề đã dọn dẹp cẩn thận rồi. Hôm nay chỉ đi lưới lớn để lấy cá cúng nên toàn là cá lớn cả. Những con cá vùng biển xanh tươi và nhảy tê tê, đầy sự sống trong người. Bọn đàn bà liền xúm nhau lại mang cá về trước, đàn ông ở lại để đưa ghe lên bờ. Những hôm khác thì chỉ cần ném cái neo xuống biển là xong. Nhưng khuya nay còn lễ ra *mắt những dàn xăm*. Họ làm việc nhanh chóng lạ: Bốn người, mỗi người kề vai vác bốn góc ghe, và thoắt các ghe đã nằm sóng soài trên bãi cát rồi.

*

* *

Lễ rước ông bà xong thì đã chiều. Buổi chiều trên hải đảo buồn như trong sa mạc. Vào giờ ấy, hàng vạn con bọ chất đùn lên từ dưới đất, chờ bóng tối về là bu đặc cả chân, hành hạ người như hành hạ con chó ghẻ. Lại cả muỗi nữa. Muỗi lao xao ở trong góc phòng, trong vườn sau, trong những mái tranh, mái rạ, cùng một lúc chúng vang đổ xuống lá mang ngay những bản nhạc mọi rợ của mình đi dạo khắp làng. Người ta bèn lặng lẽ đóng cửa nhà lại, ra bãi chơi cả. Rồi chừng chập tối lại trở về, lặng lẽ mở cửa ra cho muỗi khỏi đánh thấy hơi người sẽ sục sạo chỗ khác mà tìm, rồi cứ thế lên giường đi ngủ. Đó là cách trị muỗi chung của ba làng trên hải đảo này.

Những người trong nhà đã ra bãi rồi. Nguyện ngồi nán lại một lúc lâu, nhưng tiếng muỗi cứ reo vang bên tai làm cảnh tịch mịch như lắng xuống để chờn vờn dâng lên trong rừng sau nhà những sự sống mà chị tưởng tượng ra đầy ghê rợn. Chị bèn đứng lên đi ra ngoài, mắt chị nhìn thẳng trước mặt nơi hòn Khô đang bị sương tím bắt đầu dâng ngập chung quanh. Bao giờ cũng vậy, nhìn thấy hòn núi giàu có, ấp trong lòng bao nhiêu lồng chim yến năm năm đem hàng vạn lợi tức đến cho tỉnh này, nàng cũng có ý tò mò muốn hiểu biết, với tấm lòng đầy kính trọng. Song, nó cũng như tất cả ao ước xa xôi khác trong đời nàng, đời một người yếu đuối không bao giờ có can đảm vượt qua sóng gió, nàng đành bằng lòng đứng nhìn nó và xây dựng những tưởng tượng đẹp đẽ trong lòng để chờ mỗi mùa xuân khi lấy yến nhất, mùa hè khi lấy yến nhì, vào tháng năm, tháng sáu lấy yến ba, yến tư, nàng lại sửa soạn để chồng đi theo những người làng khác và bọn khách thầu yến sang làm việc bên hòn đảo ấy. Vì hòn cù lao Yến thuộc vào làng nàng, nên bọn khách không muốn làm mất lòng người trong xứ có yến mà không được ăn lộc yến nên mới sang gọi, chứ nếu không thì họ đã dẫn dân ở trong phố ra rồi.

... Bãi cát càng về chiều càng trắng lên. Những người tránh nạn muỗi đang tụm nhau nói chuyện bên những chiếc thuyền nằm sóng sượt trên bờ. Trên chiếc thuyền của ông Hương, chỉ có bà Hương và người con gái ngồi nói chuyện. Vừa thấy Nguyện, bà hỏi ngay:

– À, kìa dì con Nhàn. Chớ bữa mô dì định về trong nớ.

Nguyện thấy se lòng lại khi nghe nhắc tới gia đình mình. Trong nớ giờ này ra sao? Các em chị có còn sum vầy không? Mẹ chị có qua khỏi cái chứng phong ngặt nghèo mà đã hai lần bán chị đi như bán một món đồ cần dùng? Ngày Tết, mà có còn không khí Tết năm nào.

Nguyện khẽ thở dài, đưa mắt về nơi nàng đoán có nhà nàng. Nhưng lúc ấy mặt trời đã lặn hẳn. Sương đông lạnh lẽo bao khuất dải đất liền trước mặt nàng. Những bóng mây tím đã tan vào hư vô. Không một tia nắng sót trong mây. Chỉ có xa xa, trong cùng, một làn ánh sáng nhô lên như cảnh trăng sắp mọc: Đó là thành phố Hội An.

– Ở chừng mùng mười tốt ngày rồi hãy về, dì nợ.

– Dạ, em cũng tính chừng nớ thì về ít bữa.

Nguyện đến ngồi trên mui ghe một lát, rồi lúc bọn người trên bãi bắt đầu trở lại nhà, nàng cũng theo bà Hương đi về. Ông Hương đã đi lễ tất cả miếu trong làng xong cũng vừa về để làm heo. Nguyện hông một ang nếp ngang để cúng ngày mai. Chị thức sâu vào khuya. Ngồi bên ngọn lửa, chị thấy ấm áp và nhớ hẳn lại những mùa tháng năm tháng tám trong làng có lệ nhuộm lưới một lần. Về mùa này, các thuyền đều nghỉ cả. Những trai tráng lên rừng đốn củi và đào gốc sim về. Mỗi gia đình có dàn xăm đều mang hai cái bung lớn ra nhóm bếp ngay trên bãi cát để nấu rễ sim. Người ta cho những người đàn bà có chửa được cái hân hạnh vào chụm lửa để lấy than dùng vào việc sinh nở sau này. Những ngọn lửa vàng chói, rạng rỡ như hội hoa đăng sáng rực cả một góc trời.

Lửa được chụm suốt ngày đêm. Về khuya, người ta cứ bỏ bung thế ngoài bãi cũng như lưới đăng họ bỏ trên thuyền, vì người trong làng không dám tham, cả người ở ngoài cũng rất kính nể chốn này. Người ta kể lại chuyện một bọn ăn trộm ở trong gành gần Hội An, một lần ghé thuyền lên bến khiêng bung. Đến khi mang đặt lên ghe thì bỗng nhiên có một sức vô hình nào giữ lại không thể nào đi đâu được. Những tên trộm ấy phải vội vàng khấn vái các thần linh hai đảo, xin cho "trả lại đất nước ông bà kẻo sau này khó mần ăn". Những chuyện na ná như thế được kể với một *cánh vùng biển*, nghĩa là rất thản nhiên, chắc chắn sự thể chính mắt người kể được dự vào sự đã xảy ra. Và vì vậy người trên đảo này cứ sống tự nhiên, mang cả tấm lòng tin mà loài người sẵn có dâng cho tất cả các vị thần họ thờ cúng để các ngài bảo vệ cho luôn.

Lửa vẫn rực rỡ lách tách trong bếp. Nguyện đứng lên để thay lớp bánh vừa cúng xong, mang xuống. Lúc bấy giờ đêm đã khuya hẳn, như đặc lại. Trên nhà chưa ai đi ngủ. Nguyện lại đến ngồi bên nồi bánh, lắng nghe tiếng mùa theo gió lộng thổi những hương vị mới mẻ trên cây lá sau vườn vào cả lòng người.

*

* *

Vào quá khuya, gió vẫn còn lạnh lẽo thổi trên bãi rộng. Nhưng trong những nhà thuyền chài, người ta dậy cả rồi. Những bạn ghe đều hội họp lại nhà chủ ghe.

Lễ đầu năm trong nhà xong, cả bọn đều dẫn nhau ra sân bãi cúng ra mắt ghe. Lễ cúng chỉ có mâm xôi, mươi con gà luộc, chuối và rất nhiều đồ mã. Cỗ bày trong khoang giữa. Ông Hương khấn vái rất lâu các vị thần linh của trời của đất, Hà Bá, Thủy quan, chúa Tiên Huyền nữ, các vị ngũ hành, bà mộc, bà hỏa... với tất cả tâm thành rồi đốt pháo. Tiếng pháo kêu gọi dậy những hình bóng vật vờ trên mặt biển đầy sóng dập dờn. Ở những thuyền khác và từ trong các xóm, tiếng pháo đáp lại giòn tan. Tất cả hải đảo như vùng sống dậy một giờ khắc lạ lùng khác hẳn sự trầm tịch suốt năm.

Cúng ghe xong, cỗ mang vào nhà cho các trai bạn ăn. Họ ăn vội vã. Chủ nhà chia phần còn lại cho những người vợ đến đưa chồng đi đem về cho con cái. Cả bọn lại mang đuốc đi theo con đường nhỏ ra bãi.

Gió càng thổi lộng. Đêm trường càng tối thăm thẳm. Nhưng sao đêm vẫn sáng xanh êm dịu như không bao giờ bận để tâm tới thời khắc ở trần gian. Những con sóng bạc đầu không tin một cái mốc chia thời gian nào, vẫn chưa ngừng rì rào than thở. Bọn thuyền chài sửa soạn trên ghe xong đều lui xuống, ghé vai vào thân ghe. Bọn đàn bà đến đẩy giúp. Chỉ thoáng cái thuyền đã trôi mạnh ra ngoài biển và lập tức chao mạnh theo sóng. Họ mang nước, củi và những thức cần khác lên ghe và sửa soạn lại các dây lèo. Con thuyền chòng chành có lúc tưởng như sắp úp. Nhưng tất cả công việc tiến hành nhanh chóng, rồi chỉ mấy phút sau, thuyền lướt sóng ra đi. Ông Hương ngồi xuống sau lái và nói lên như để sai bảo, nhưng thật ra cũng để chào và dặn dò bọn người đứng lại trên bờ:

– Thôi đi mau mà về cho kịp trưa.

Thuyền đi ngõ *bãi bấc*. Giây lát sau, nó đã lẫn vào ánh đèn những thuyền đi làm đầu năm khác đang chập chờn trôi trên biển sóng đục ngầu.

Bọn đàn bà đứng nhìn theo một giây lâu. Không biết họ đã nghĩ những gì trong giờ mới mẻ của năm về. Tâm hồn họ có vượt qua

những cái thô sơ, điềm đạm, tầm thường đã dệt nên đời họ như một tấm vải bố rẻ tiền? Hay họ cùng hướng cả vào một ngày mai tối tăm và gió rít lên ngoài khơi sẽ chôn vùi chồng con họ trong nấm mồ không nắp, không đậy như đã chôn vùi bao nhiêu người chọn cái nghề này mà làm kế nuôi thân?

Riêng Nguyện, nàng đã nghĩ ngợi nhiều và lòng đầy lo lắng trong giờ phút thiêng liêng, quan trọng này. Nàng rờn rợn nơi gáy khi nghĩ xa hơn đến những ngày đã trải qua; đột nhiên, nàng nhớ lại rằng suốt một năm trường, hạnh phúc của nàng chỉ tụ lại trong những ngày được sai về thành phố Hội An để sắm sửa một món đồ gì hay bán củi, lá tơi, thổ sản trong rừng. Mỗi giây phút ở đó đều khiến nàng thân mật nhớ tới những kỷ niệm êm đềm thuở bé và nhất là người chồng ngoại quốc, mà nàng không yêu mến gì, đã bỏ nàng để về Tàu như bỏ một con vật tới thời không dùng được nữa.

Bao nhiêu tự do, bao nhiêu ánh sáng trong thành phố đã quen thân nàng như người bạn lâu ngày. Nhưng Nguyện biết nó chỉ là một mộng tưởng xa xôi và to lớn như hòn lao Yến, hay hòn Dài (nơi sinh sản bao nhiêu bò và dê hoang mà người trong đảo bảo rằng, mỗi mùa cúng tế, chỉ cần khấn vái đất trời là tự dưng chúng nó đứng lại cho mình bắt) đang hùng vĩ nằm trơ trước mắt nàng. Không! Nguyện thấy mình bé nhỏ và hèn yếu quá và nếu nàng có phạm tội lừa dối, phản phúc chồng nàng, nàng sẽ không sợ gì những hình phạt của chồng, nhưng chính là lưới bủa của chư vị thần linh trên bãi đảo bí mật đáng ghê sợ này.

Lòng buồn rười rượi lúc đi theo bọn người kia trở vào làng, nàng nghĩ đến đứa con đang lớn lên trong bụng sẽ nối chắp mãi mãi linh hồn nàng với núi non này.

Về đến cổng, Nguyện không quên quay lại lần nữa để nhìn ánh sáng nhàn nhạt của đèn điện trong thành phố thân yêu đang bốc trắng dưới vòm trời sao sáng. Nàng lẩm bẩm như để tự an ủi lấy mình: “Mùng mười ni, làm chi mình cũng phải về quê ít bữa mới được”.

Tiểu thuyết thứ bảy,
số 8, tháng 1-1945.

MỤC LỤC

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM
TẬP 33

Trang

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI *(Tiếp theo)*

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập

Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 33

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN ĐỨC DIỆU

Biên tập :

BAN BIÊN TẬP

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Biên tập kỹ thuật :

NGUYỄN CỪ - ĐÀO TRỌNG CƯỜNG

Sửa bản in :

PHẠM THU HÀ - VI QUANG THỌ

Trình bày bìa :

ĐỖ DUY NGỌC

In 300 cuốn khổ 16x24 cm tại Công ty in Trần Phú – TP. Hồ Chí Minh
Số đăng ký kế hoạch xuất bản : 143 – 02/CXB do Cục xuất bản ký ngày 4 tháng 1 năm 2000. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2000.

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

